PHỤ LỤC III
BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Dự thảo các tuyến đường bổ sung Ban hành kèm theo Nghị quyết số ……./2026/NQ-HĐND)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1	1	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh	Đường Nguyễn Tri Phương	Phường Biên Hòa	26.100	18.300	15.700
2	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	11.800	8.300	7.100
3	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	5.800	4.100	3.500
4	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	4.100	2.900	2.500
5	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	10.600	7.400	6.400
6	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	5.200	3.600	3.100
7	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Biên Hòa	3.700	2.600	2.200
8	8	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Đường Nguyễn Tri Phương	Công an phường Bửu Hòa (cũ)	Phường Biên Hòa	30.800	21.600	18.500
9	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Công an phường Bửu Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	13.000	9.100	7.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Công an phường Bửu Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	8.500	6.000	5.100
11	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Công an phường Bửu Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	4.600	3.200	2.800
12	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Công an phường Bửu Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	11.700	8.200	7.000
13	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Công an phường Bửu Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	7.700	5.400	4.600
14	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Công an phường Bửu Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Biên Hòa	4.100	2.900	2.500
15	15	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Công an phường Bửu Hòa (cũ)	Đường Nguyễn Thị Tồn	Phường Biên Hòa	27.200	19.000	16.300
16	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Công an phường Bửu Hòa (cũ) đến Đường Nguyễn Thị Tồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	11.800	8.300	7.100
17	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Công an phường Bửu Hòa (cũ) đến Đường Nguyễn Thị Tồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	5.800	4.100	3.500
18	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Công an phường Bửu Hòa (cũ) đến Đường Nguyễn Thị Tồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	4.300	3.000	2.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Công an phường Bửu Hòa (cũ) đến Đường Nguyễn Thị Tồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	10.600	7.400	6.400
20	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Công an phường Bửu Hòa (cũ) đến Đường Nguyễn Thị Tồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	5.200	3.600	3.100
21	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Công an phường Bửu Hòa (cũ) đến Đường Nguyễn Thị Tồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	3.900	2.700	2.300
22	22	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Đường Nguyễn Thị Tồn	Đường Huỳnh Mẫn Đạt	Phường Biên Hòa	21.300	14.900	12.800
23	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Thị Tồn đến Đường Huỳnh Mẫn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	11.800	8.300	7.100
24	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Thị Tồn đến Đường Huỳnh Mẫn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	5.400	3.800	3.200
25	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Thị Tồn đến Đường Huỳnh Mẫn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	3.900	2.700	2.300
26	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Thị Tồn đến Đường Huỳnh Mẫn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	10.600	7.400	6.400
27	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Thị Tồn đến Đường Huỳnh Mẫn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	4.900	3.400	2.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Thị Tồn đến Đường Huỳnh Mẫn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	3.500	2.500	2.100
29	29	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Đường Huỳnh Mẫn Đạt	Cầu Rạch Sỏi	Phường Biên Hòa	19.000	13.300	11.400
30	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Huỳnh Mẫn Đạt đến Cầu Rạch Sỏi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	9.500	6.700	5.700
31	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Huỳnh Mẫn Đạt đến Cầu Rạch Sỏi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	5.000	3.500	3.000
32	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Huỳnh Mẫn Đạt đến Cầu Rạch Sỏi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	3.600	2.500	2.200
33	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Huỳnh Mẫn Đạt đến Cầu Rạch Sỏi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	8.600	6.000	5.200
34	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Huỳnh Mẫn Đạt đến Cầu Rạch Sỏi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	4.500	3.200	2.700
35	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Huỳnh Mẫn Đạt đến Cầu Rạch Sỏi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	3.200	2.200	1.900
36	36	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Cầu Rạch Sỏi	Cầu Ông Tiếp	Phường Biên Hòa	15.400	10.800	9.200
37	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Cầu Rạch Sỏi đến Cầu Ông Tiếp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	8.300	5.800	5.000
38	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Cầu Rạch Sỏi đến Cầu Ông Tiếp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	4.300	3.000	2.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
39	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Cầu Rạch Sỏi đến Cầu Ông Tiếp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	3.200	2.200	1.900
40	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Cầu Rạch Sỏi đến Cầu Ông Tiếp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	7.500	5.300	4.500
41	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Cầu Rạch Sỏi đến Cầu Ông Tiếp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	3.900	2.700	2.300
42	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Cầu Rạch Sỏi đến Cầu Ông Tiếp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	2.900	2.000	1.700
43	43	Đường Nguyễn Tri Phương	Cầu Ghềnh	Đường Nguyễn Ái Quốc	Phường Biên Hòa	26.600	18.600	16.000
44	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Ghềnh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	12.700	8.900	7.600
45	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Ghềnh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	6.200	4.300	3.700
46	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Ghềnh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	4.400	3.100	2.600
47	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Ghềnh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	11.400	8.000	6.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
48	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Ghềnh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	5.600	3.900	3.400
49	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Ghềnh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	4.000	2.800	2.400
50	50	Đường Nguyễn Văn Lung	Đường Nguyễn Ái Quốc	Mỏ đá Hóa An	Phường Biên Hòa	20.100	14.100	12.100
51	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Lung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Mỏ đá Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	9.500	6.700	5.700
52	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Lung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Mỏ đá Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	5.200	3.600	3.100
53	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Lung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Mỏ đá Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	3.100	2.200	1.900
54	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Lung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Mỏ đá Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	8.600	6.000	5.200
55	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Lung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Mỏ đá Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	4.700	3.300	2.800
56	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Lung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Mỏ đá Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	2.800	2.000	1.700
57	57	Đường Trần Văn Ơn	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 124	Phường Biên Hòa	15.400	10.800	9.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
58	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	7.800	5.500	4.700
59	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	4.900	3.400	2.900
60	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	3.700	2.600	2.200
61	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	7.000	4.900	4.200
62	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	4.400	3.100	2.600
63	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	3.300	2.300	2.000
64	64	Đường Nguyễn Ái Quốc	Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh	Cầu Hóa An	Phường Biên Hòa	22.300	15.600	13.400
65	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	11.200	7.800	6.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
66	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	5.500	3.900	3.300
67	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	3.900	2.700	2.300
68	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	10.100	7.100	6.100
69	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	5.000	3.500	3.000
70	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	3.500	2.500	2.100
71	71	Đường Hoàng Minh Chánh	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Phường Biên Hòa	20.300	14.200	12.200
72	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	11.200	7.800	6.700
73	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	5.500	3.900	3.300
74	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	3.700	2.600	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
75	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	10.100	7.100	6.100
76	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	5.000	3.500	3.000
77	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	3.300	2.300	2.000
78	78	Đường Hoàng Minh Chánh	Đường Nguyễn Ái Quốc	Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài)	Phường Biên Hòa	17.300	12.100	10.400
79	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	9.000	6.300	5.400
80	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	4.900	3.400	2.900
81	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	2.900	2.000	1.700
82	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	8.100	5.700	4.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
83	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	4.400	3.100	2.600
84	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	2.600	1.800	1.600
85	85	Đường Huỳnh Mẫn Đạt	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ	Phường Biên Hòa	16.500	11.600	9.900
86	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	8.900	6.200	5.300
87	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	4.900	3.400	2.900
88	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	3.300	2.300	2.000
89	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	8.000	5.600	4.800
90	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	4.400	3.100	2.600
91	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	3.000	2.100	1.800
92	92	Đường Phạm Văn Diêu	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Biên Hòa	15.200	10.600	9.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
93	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Diêu đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	7.600	5.300	4.600
94	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Diêu đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	4.900	3.400	2.900
95	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Diêu đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	3.300	2.300	2.000
96	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Diêu đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	6.800	4.800	4.100
97	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Diêu đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	4.400	3.100	2.600
98	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Diêu đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	3.000	2.100	1.800
99	99	Đường Nguyễn Thị Tồn	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Phường Biên Hòa	23.100	16.200	13.900
100	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Tồn đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	11.200	7.800	6.700
101	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Tồn đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	5.500	3.900	3.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
102	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Tồn đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	3.900	2.700	2.300
103	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Tồn đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	10.100	7.100	6.100
104	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Tồn đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	5.000	3.500	3.000
105	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Tồn đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	3.500	2.500	2.100
106	106	Các tuyến đường tại Cù Lao Tân Vạn (đường D1, D4, D9, N2, N4)			Phường Biên Hòa	26.100	18.300	15.700
107	107	Các tuyến đường tại Cù Lao Tân Vạn (các đường còn lại)			Phường Biên Hòa	21.300	14.900	12.800
108	1	Đường Nguyễn Tri Phương	Cầu Rạch Cát	Cầu Ghềnh	Phường Trấn Biên	20.300	14.200	12.200
109	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	8.900	6.200	5.300
110	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.900	3.400	2.900
111	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.800	2.700	2.300
112	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	8.000	5.600	4.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
113	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.400	3.100	2.600
114	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.400	2.400	2.000
115	8	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Phường Trấn Biên	36.800	25.800	22.100
116	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.500	11.600	9.900
117	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	8.200	5.700	4.900
118	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.700	4.000	3.400
119	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.900	10.400	8.900
120	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	7.400	5.200	4.400
121	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.100	3.600	3.100
122	15	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Ngô Thì Nhậm	Phường Trấn Biên	27.900	19.500	16.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
123	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.000	9.800	8.400
124	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.600	4.600	4.000
125	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.400	3.100	2.600
126	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	12.600	8.800	7.600
127	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	5.900	4.100	3.500
128	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.000	2.800	2.400
129	22	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Võ Trường Toản	Phường Trấn Biên	21.600	15.100	13.000
130	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	10.200	7.100	6.100
131	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.900	3.400	2.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
132	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.800	2.700	2.300
133	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	9.200	6.400	5.500
134	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.400	3.100	2.600
135	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.400	2.400	2.000
136	29	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Võ Trường Toản	Ngã ba Gạc Nai	Phường Trấn Biên	15.200	10.600	9.100
137	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	7.600	5.300	4.600
138	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.200	2.900	2.500
139	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	2.900	2.000	1.700
140	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	6.800	4.800	4.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
141	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	3.800	2.700	2.300
142	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	2.600	1.800	1.600
143	36	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Ngã ba Gạc Nai	Giáp ranh phường Tân Triều	Phường Trấn Biên	11.400	8.000	6.800
144	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	5.700	4.000	3.400
145	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	3.700	2.600	2.200
146	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	2.700	1.900	1.600
147	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	5.100	3.600	3.100
148	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	3.300	2.300	2.000
149	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	2.400	1.700	1.400
150	43	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Võ Trường Toản	Phường Trấn Biên	18.700	13.100	11.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
151	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	9.000	6.300	5.400
152	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.700	3.300	2.800
153	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.500	2.500	2.100
154	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	8.100	5.700	4.900
155	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.200	2.900	2.500
156	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.200	2.200	1.900
157	50	Đường Võ Trường Toản	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Giáp ranh phường Tân Triều	Phường Trấn Biên	16.600	11.600	10.000
158	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	9.500	6.700	5.700
159	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.600	3.200	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
160	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.200	2.200	1.900
161	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	8.600	6.000	5.200
162	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.100	2.900	2.500
163	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	2.900	2.000	1.700
164	57	Đường Chu Văn An	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Hết Văn Miếu Trấn Biên	Phường Trấn Biên	15.400	10.800	9.200
165	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	9.000	6.300	5.400
166	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.700	3.300	2.800
167	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.400	2.400	2.000
168	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	8.100	5.700	4.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
169	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.200	2.900	2.500
170	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.100	2.200	1.900
171	64	Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ)	Đường Chu Văn An	Đường Nguyễn Ái Quốc	Phường Trấn Biên	23.300	16.300	14.000
172	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.600	10.200	8.800
173	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.700	4.700	4.000
174	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.000	2.800	2.400
175	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	13.100	9.200	7.900
176	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.000	4.200	3.600
177	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.600	2.500	2.200
178	71	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Bến đò trạm 1	Phường Trấn Biên	14.300	10.000	8.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
179	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	7.800	5.500	4.700
180	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.400	3.100	2.600
181	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.400	2.400	2.000
182	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	7.000	4.900	4.200
183	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.000	2.800	2.400
184	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.100	2.200	1.900
185	78	Đường Cách Mạng Tháng 8	Ngã ba mũi tàu	Đường Nguyễn Văn Trị	Phường Trấn Biên	29.200	20.400	17.500
186	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.000	9.800	8.400
187	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.200	7.100	6.100
188	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.200	5.700	4.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
189	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	12.600	8.800	7.600
190	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	9.200	6.400	5.500
191	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	7.400	5.200	4.400
192	85	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Phan Chu Trinh	Phường Trấn Biên	44.400	31.100	26.600
193	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	17.800	12.500	10.700
194	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	11.800	8.300	7.100
195	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	10.100	7.100	6.100
196	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.000	11.200	9.600
197	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.600	7.400	6.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
198	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	9.100	6.400	5.500
199	92	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Ái Quốc	Phường Trấn Biên	34.900	24.400	20.900
200	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.000	9.800	8.400
201	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.800	7.600	6.500
202	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.200	5.700	4.900
203	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	12.600	8.800	7.600
204	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	9.700	6.800	5.800
205	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	7.400	5.200	4.400
206	99	Đường Hồ Văn Đại	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Cách Mạng Tháng 8	Phường Trấn Biên	36.800	25.800	22.100
207	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.000	9.800	8.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
208	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	8.200	5.700	4.900
209	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.600	3.900	3.400
210	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	12.600	8.800	7.600
211	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	7.400	5.200	4.400
212	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.000	3.500	3.000
213	106	Đường Huỳnh Văn Lũy	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Nguyễn Ái Quốc	Phường Trấn Biên	29.400	20.600	17.600
214	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	12.300	8.600	7.400
215	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	9.000	6.300	5.400
216	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.600	3.900	3.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
217	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	11.100	7.800	6.700
218	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	8.100	5.700	4.900
219	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.000	3.500	3.000
220	113	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Du	Đường Nguyễn Ái Quốc	Phường Trấn Biên	26.600	18.600	16.000
221	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.500	11.600	9.900
222	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	7.500	5.300	4.500
223	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.600	3.200	2.800
224	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.900	10.400	8.900
225	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.800	4.800	4.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
226	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.100	2.900	2.500
227	120	Đường Nguyễn Ái Quốc	Cầu Hóa An	Hết ranh giới phường Trấn Biên	Phường Trấn Biên	33.800	23.700	20.300
228	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	17.600	12.300	10.600
229	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.800	7.600	6.500
230	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	6.800	4.800	4.100
231	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	15.800	11.100	9.500
232	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	9.700	6.800	5.800
233	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	6.100	4.300	3.700
234	127	Đường 30 tháng 4	Đường Cách Mạng Tháng 8	Ngã năm Biên Hùng	Phường Trấn Biên	47.400	33.200	28.400
235	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	19.000	13.300	11.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
236	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	15.400	10.800	9.200
237	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	10.700	7.500	6.400
238	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	17.100	12.000	10.300
239	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	13.900	9.700	8.300
240	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	9.600	6.700	5.800
241	134	Đường 30 tháng 4	Ngã năm Biên Hùng	Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông	Phường Trấn Biên	41.500	29.100	24.900
242	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.600	11.600	10.000
243	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	11.800	8.300	7.100
244	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.900	6.200	5.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
245	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.900	10.400	8.900
246	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.600	7.400	6.400
247	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.000	5.600	4.800
248	141	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Cách Mạng Tháng 8	Hết Sở Giáo dục và Đào tạo	Phường Trấn Biên	38.100	26.700	22.900
249	142	Đường Nguyễn Văn Trị	Hết Sở Giáo dục và Đào tạo	Đường Phan Chu Trinh	Phường Trấn Biên	38.100	26.700	22.900
250	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	19.000	13.300	11.400
251	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	12.100	8.500	7.300
252	145	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.200	5.700	4.900
253	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	17.100	12.000	10.300
254	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.900	7.600	6.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
255	148	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	7.400	5.200	4.400
256	149	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Ái Quốc	Phường Trấn Biên	35.500	24.900	21.300
257	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.500	11.600	9.900
258	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	8.400	5.900	5.000
259	152	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	6.300	4.400	3.800
260	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.900	10.400	8.900
261	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	7.600	5.300	4.600
262	155	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.700	4.000	3.400
263	156	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Cách Mạng Tháng 8	Phường Trấn Biên	36.800	25.800	22.100
264	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	19.000	13.300	11.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
265	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	11.400	8.000	6.800
266	159	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.200	5.700	4.900
267	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	17.100	12.000	10.300
268	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.300	7.200	6.200
269	162	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	7.400	5.200	4.400
270	163	Đường Hưng Đạo Vương	Đường Phan Đình Phùng	Ngã năm Biên Hùng	Phường Trấn Biên	37.900	26.500	22.700
271	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	19.000	13.300	11.400
272	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.700	7.500	6.400
273	166	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	7.700	5.400	4.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
274	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	17.100	12.000	10.300
275	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	9.600	6.700	5.800
276	169	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	6.900	4.800	4.100
277	170	Đường Hưng Đạo Vương	Ngã năm Biên Hùng	Ga Biên Hòa	Phường Trấn Biên	34.300	24.000	20.600
278	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	15.400	10.800	9.200
279	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.700	7.500	6.400
280	173	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	7.700	5.400	4.600
281	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	13.900	9.700	8.300
282	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	9.600	6.700	5.800
283	176	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	6.900	4.800	4.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
284	177	Đường Hoàng Minh Châu	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Cách Mạng Tháng 8	Phường Trấn Biên	29.200	20.400	17.500
285	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.500	11.600	9.900
286	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.200	7.100	6.100
287	180	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	6.300	4.400	3.800
288	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.900	10.400	8.900
289	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	9.200	6.400	5.500
290	183	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.700	4.000	3.400
291	184	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Cách Mạng Tháng 8	Phường Trấn Biên	39.300	27.500	23.600
292	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	19.000	13.300	11.400
293	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	12.700	8.900	7.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
294	187	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.900	6.200	5.300
295	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	17.100	12.000	10.300
296	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	11.400	8.000	6.800
297	190	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.000	5.600	4.800
298	191	Đường Phan Chu Trinh	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Phan Đình Phùng	Phường Trấn Biên	34.300	24.000	20.600
299	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	17.800	12.500	10.700
300	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	12.100	8.500	7.300
301	194	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.200	5.700	4.900
302	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.000	11.200	9.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
303	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.900	7.600	6.500
304	197	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	7.400	5.200	4.400
305	198	Đường Nguyễn Trãi	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Nguyễn Thị Hiền	Phường Trấn Biên	44.400	31.100	26.600
306	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	20.300	14.200	12.200
307	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	12.700	8.900	7.600
308	201	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.900	6.200	5.300
309	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	18.300	12.800	11.000
310	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	11.400	8.000	6.800
311	204	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.000	5.600	4.800
312	205	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Thị Hiền	Đường Nguyễn Văn Trị	Phường Trấn Biên	38.100	26.700	22.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
313	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	19.000	13.300	11.400
314	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	12.100	8.500	7.300
315	208	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.200	5.700	4.900
316	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	17.100	12.000	10.300
317	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.900	7.600	6.500
318	211	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	7.400	5.200	4.400
319	212	Đường Nguyễn Thị Hiền	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Nguyễn Trãi	Phường Trấn Biên	40.600	28.400	24.400
320	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	20.300	14.200	12.200
321	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	12.700	8.900	7.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
322	215	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.900	6.200	5.300
323	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	18.300	12.800	11.000
324	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	11.400	8.000	6.800
325	218	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.000	5.600	4.800
326	219	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Trãi	Phường Trấn Biên	38.100	26.700	22.900
327	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	19.000	13.300	11.400
328	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	12.100	8.500	7.300
329	222	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.200	5.700	4.900
330	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	17.100	12.000	10.300
331	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.900	7.600	6.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
332	225	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	7.400	5.200	4.400
333	226	Đường Võ Tánh	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Nguyễn Thị Hiền	Phường Trấn Biên	38.100	26.700	22.900
334	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	20.300	14.200	12.200
335	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	12.100	8.500	7.300
336	229	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.200	5.700	4.900
337	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	18.300	12.800	11.000
338	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.900	7.600	6.500
339	232	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	7.400	5.200	4.400
340	233	Đường Quang Trung	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Phan Chu Trinh	Phường Trấn Biên	34.300	24.000	20.600
341	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	17.800	12.500	10.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
342	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	11.400	8.000	6.800
343	236	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	7.600	5.300	4.600
344	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.000	11.200	9.600
345	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.300	7.200	6.200
346	239	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	6.800	4.800	4.100
347	240	Đường Quang Trung	Đường Phan Chu Trinh	Đường Lê Thánh Tôn	Phường Trấn Biên	38.100	26.700	22.900
348	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	19.000	13.300	11.400
349	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	12.100	8.500	7.300
350	243	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.000	5.600	4.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
351	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	17.100	12.000	10.300
352	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.900	7.600	6.500
353	246	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	7.200	5.000	4.300
354	247	Đường Lê Thánh Tôn	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Nguyễn Thị Hiền	Phường Trấn Biên	39.300	27.500	23.600
355	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	20.300	14.200	12.200
356	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	12.100	8.500	7.300
357	250	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.200	5.700	4.900
358	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	18.300	12.800	11.000
359	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.900	7.600	6.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
360	253	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	7.400	5.200	4.400
361	254	Đường Nguyễn Văn Nghĩa	Đường Phan Chu Trinh	Đường Phan Đình Phùng	Phường Trấn Biên	29.200	20.400	17.500
362	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.500	11.600	9.900
363	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	7.500	5.300	4.500
364	257	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.300	3.700	3.200
365	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.900	10.400	8.900
366	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.800	4.800	4.100
367	260	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.800	3.400	2.900
368	261	Đường Nguyễn Văn Ký	Đường Phan Chu Trinh	Đường Phan Đình Phùng	Phường Trấn Biên	29.200	20.400	17.500
369	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.500	11.600	9.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
370	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	7.500	5.300	4.500
371	264	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.300	3.700	3.200
372	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.900	10.400	8.900
373	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.800	4.800	4.100
374	267	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.800	3.400	2.900
375	268	Đường Hà Huy Giáp	Cầu Rạch Cát	Đường Võ Thị Sáu	Phường Trấn Biên	35.700	25.000	21.400
376	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.100	11.300	9.700
377	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	9.800	6.900	5.900
378	271	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	6.900	4.800	4.100
379	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.500	10.200	8.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
380	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	8.800	6.200	5.300
381	274	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	6.200	4.300	3.700
382	275	Đường Hà Huy Giáp	Đường Võ Thị Sáu	Ngã năm Biên Hùng	Phường Trấn Biên	41.800	29.300	25.100
383	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	17.900	12.500	10.700
384	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	11.200	7.800	6.700
385	278	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	7.800	5.500	4.700
386	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.100	11.300	9.700
387	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.100	7.100	6.100
388	281	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	7.000	4.900	4.200
389	282	Đường Nguyễn Thành Đồng	Đường Hà Huy Giáp	Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái	Phường Trấn Biên	29.200	20.400	17.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
390	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.500	11.600	9.900
391	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.200	7.100	6.100
392	285	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.700	4.000	3.400
393	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.900	10.400	8.900
394	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	9.200	6.400	5.500
395	288	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.100	3.600	3.100
396	289	Đường Nguyễn Thành Phương	Đường Hà Huy Giáp	Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái	Phường Trấn Biên	29.200	20.400	17.500
397	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.500	11.600	9.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
398	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.200	7.100	6.100
399	292	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.700	4.000	3.400
400	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.900	10.400	8.900
401	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	9.200	6.400	5.500
402	295	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.100	3.600	3.100
403	296	Đường Võ Thị Sáu	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Hà Huy Giáp	Phường Trấn Biên	46.500	32.600	27.900
404	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	21.000	14.700	12.600
405	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	13.500	9.500	8.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
406	299	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.200	5.700	4.900
407	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	18.900	13.200	11.300
408	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	12.200	8.500	7.300
409	302	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	7.500	5.300	4.500
410	303	Đường Võ Thị Sáu	Đường Hà Huy Giáp	Đường Phạm Văn Thuận	Phường Trấn Biên	49.500	34.700	29.700
411	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	21.000	14.700	12.600
412	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	13.500	9.500	8.100
413	306	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	9.000	6.300	5.400
414	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	18.900	13.200	11.300
415	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	12.200	8.500	7.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
416	309	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.100	5.700	4.900
417	310	Đường Trịnh Hoài Đức	Đường Phan Đình Phùng	Đường 30 tháng 4	Phường Trấn Biên	39.300	27.500	23.600
418	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.500	11.600	9.900
419	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	11.400	8.000	6.800
420	313	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.900	6.200	5.300
421	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.900	10.400	8.900
422	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.300	7.200	6.200
423	316	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.000	5.600	4.800
424	317	Đường Lữ Mành	Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình)	Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa)	Phường Trấn Biên	33.000	23.100	19.800
425	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.500	11.600	9.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
426	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	12.100	8.500	7.300
427	320	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.200	5.700	4.900
428	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.900	10.400	8.900
429	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.900	7.600	6.500
430	323	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	7.400	5.200	4.400
431	324	Đường Lữ Mành	Đường Trần Minh Trí	Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành	Phường Trấn Biên	29.200	20.400	17.500
432	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.500	11.600	9.900
433	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	12.100	8.500	7.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
434	327	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	8.200	5.700	4.900
435	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.900	10.400	8.900
436	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.900	7.600	6.500
437	330	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	7.400	5.200	4.400
438	331	Đường Trần Minh Trí	Đường Phan Đình Phùng	Đường 30 tháng 4	Phường Trấn Biên	35.500	24.900	21.300
439	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	17.800	12.500	10.700
440	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	11.400	8.000	6.800
441	334	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	7.600	5.300	4.600
442	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.000	11.200	9.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
443	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.300	7.200	6.200
444	337	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	6.800	4.800	4.100
445	345	Đường Đặng Đại Độ	Đường Nguyễn Tri Phương	Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông)	Phường Trấn Biên	14.300	10.000	8.600
446	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	5.600	3.900	3.400
447	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.000	2.800	2.400
448	348	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	2.900	2.000	1.700
449	349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	5.000	3.500	3.000
450	350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	3.600	2.500	2.200
451	351	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	2.600	1.800	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
452	352	Đường Đặng Đại Độ	Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông)	Đường Đặng Văn Trơn	Phường Trấn Biên	9.900	6.900	5.900
453	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	4.500	3.200	2.700
454	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	3.700	2.600	2.200
455	355	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	2.600	1.800	1.600
456	356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	4.100	2.900	2.500
457	357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	3.300	2.300	2.000
458	358	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	2.300	1.600	1.400
459	359	Đường Nguyễn Văn Hoa	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Võ Thị Sáu	Phường Trấn Biên	26.600	18.600	16.000
460	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.000	9.800	8.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
461	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	8.200	5.700	4.900
462	362	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.700	4.000	3.400
463	363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	12.600	8.800	7.600
464	364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	7.400	5.200	4.400
465	365	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.100	3.600	3.100
466	366	Đường Huỳnh Văn Hớn	Đường Võ Thị Sáu	Ranh phường Trấn Biên	Phường Trấn Biên	25.400	17.800	15.200
467	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.000	9.800	8.400
468	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.200	7.100	6.100
469	369	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.700	4.000	3.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
470	370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	12.600	8.800	7.600
471	371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	9.200	6.400	5.500
472	372	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.100	3.600	3.100
473	373	Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa	Đường Đặng Văn Trơn	Cầu Bửu Hòa	Phường Trấn Biên	20.100	14.100	12.100
474	374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	9.500	6.700	5.700
475	375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.100	2.900	2.500
476	376	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.100	2.200	1.900
477	377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	8.600	6.000	5.200
478	378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	3.700	2.600	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
479	379	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	2.800	2.000	1.700
480	380	Đường Đỗ Văn Thi	Đường Đặng Đại Độ	Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn	Phường Trấn Biên	23.700	16.600	14.200
481	381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	10.700	7.500	6.400
482	382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	5.600	3.900	3.400
483	383	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.900	2.700	2.300
484	384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	9.600	6.700	5.800
485	385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	5.000	3.500	3.000
486	386	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.500	2.500	2.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
487	387	Đường Đỗ Văn Thi	Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn	Sông Cái	Phường Trấn Biên	19.000	13.300	11.400
488	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	8.300	5.800	5.000
489	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.600	3.200	2.800
490	390	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.200	2.200	1.900
491	391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	7.500	5.300	4.500
492	392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.100	2.900	2.500
493	393	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	2.900	2.000	1.700
494	394	Đường Đặng Văn Trơn	Đường Đỗ Văn Thi	Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa	Phường Trấn Biên	24.900	17.400	14.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
495	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	11.800	8.300	7.100
496	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	5.400	3.800	3.200
497	397	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.900	2.700	2.300
498	398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	10.600	7.400	6.400
499	399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.900	3.400	2.900
500	400	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.500	2.500	2.100
501	401	Đường Đặng Văn Trơn	Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa	Sông Cái	Phường Trấn Biên	21.300	14.900	12.800
502	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	9.500	6.700	5.700
503	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.600	3.200	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
504	404	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.600	2.500	2.200
505	405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	8.600	6.000	5.200
506	406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.100	2.900	2.500
507	407	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.200	2.200	1.900
508	408	Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO)	Đường Trần Quốc Toản	Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO	Phường Trấn Biên	12.700	8.900	7.600
509	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	7.600	5.300	4.600
510	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.900	3.400	2.900
511	411	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.800	2.700	2.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
512	412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	6.800	4.800	4.100
513	413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.400	3.100	2.600
514	414	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.400	2.400	2.000
515	415	Đường D10 (khu dân cư D2D	Đường Võ Thị Sáu	Đường N1 khu dân cư D2D	Phường Trấn Biên	34.300	24.000	20.600
516	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.600	11.600	10.000
517	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.100	7.100	6.100
518	418	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.300	3.700	3.200
519	419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.900	10.400	8.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
520	420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	9.100	6.400	5.500
521	421	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.800	3.400	2.900
522	422	Đường D9 (khu dân cư D2D)	Đường Võ Thị Sáu	Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái	Phường Trấn Biên	34.300	24.000	20.600
523	423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.600	11.600	10.000
524	424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.100	7.100	6.100
525	425	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.300	3.700	3.200
526	426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.900	10.400	8.900
527	427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	9.100	6.400	5.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
528	428	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.800	3.400	2.900
529	429	Đường N1 (khu dân cư D2D)	Đầu thửa số 1160 tờ bản đồ số 200	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205	Phường Trấn Biên	34.300	24.000	20.600
530	430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1160 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.600	11.600	10.000
531	431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1160 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	10.100	7.100	6.100
532	432	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1160 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.300	3.700	3.200
533	433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1160 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.900	10.400	8.900
534	434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1160 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	9.100	6.400	5.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
535	435	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1160 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.800	3.400	2.900
536	436	Đường Trần Công An	Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa)	Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm)	Phường Trấn Biên	27.900	19.500	16.700
537	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	16.500	11.600	9.900
538	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	7.500	5.300	4.500
539	439	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.900	3.400	2.900
540	440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.900	10.400	8.900
541	441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.800	4.800	4.100
542	442	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.400	3.100	2.600
543	443	Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1)	Cầu An Hảo	Xa lộ Hà Nội	Phường Trấn Biên	20.300	14.200	12.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
544	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	10.200	7.100	6.100
545	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.600	4.600	4.000
546	446	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.600	3.200	2.800
547	447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	9.200	6.400	5.500
548	448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	5.900	4.100	3.500
549	449	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.100	2.900	2.500
550	450	Đường Trần Quốc Toản	Ranh giới phường Tam Hiệp	Cầu Ông Gia	Phường Trấn Biên	25.400	17.800	15.200
551	451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ranh giới phường Tam Hiệp đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	12.700	8.900	7.600
552	452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ranh giới phường Tam Hiệp đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	7.700	5.400	4.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
553	453	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ranh giới phường Tam Hiệp đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.900	3.400	2.900
554	454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ranh giới phường Tam Hiệp đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	11.400	8.000	6.800
555	455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ranh giới phường Tam Hiệp đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.900	4.800	4.100
556	456	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ranh giới phường Tam Hiệp đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.400	3.100	2.600
557	457	Đường Trần Quốc Toản	Cầu Ông Gia	Đường Lê Văn Duyệt	Phường Trấn Biên	16.500	11.600	9.900
558	458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	8.900	6.200	5.300
559	459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	5.800	4.100	3.500
560	460	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.900	2.700	2.300
561	461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	8.000	5.600	4.800
562	462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	5.200	3.600	3.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
563	463	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.500	2.500	2.100
564	464	Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai)	Đường Lê Văn Duyệt	Xa lộ Hà Nội	Phường Trấn Biên	17.800	12.500	10.700
565	465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	10.200	7.100	6.100
566	466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.600	4.600	4.000
567	467	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.300	3.000	2.600
568	468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	9.200	6.400	5.500
569	469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	5.900	4.100	3.500
570	470	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.900	2.700	2.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
571	471	Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình)	Đường Trần Quốc Toản	Đường N9 (Khu dân cư An Bình)	Phường Trấn Biên	20.300	14.200	12.200
572	472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	10.200	7.100	6.100
573	473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.600	4.600	4.000
574	474	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.800	3.400	2.900
575	475	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	9.200	6.400	5.500
576	476	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	5.900	4.100	3.500
577	477	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.300	3.000	2.600
578	478	Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1)	Đường Trần Quốc Toản	Xa lộ Hà Nội	Phường Trấn Biên	15.200	10.600	9.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
579	479	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	8.900	6.200	5.300
580	480	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	5.300	3.700	3.200
581	481	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.900	2.700	2.300
582	482	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	8.000	5.600	4.800
583	483	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.800	3.400	2.900
584	484	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.500	2.500	2.100
585	485	Đường Nguyễn Thông	Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1)	Đường Vũ Hồng Phô	Phường Trấn Biên, Phường Long Hưng	20.300	14.200	12.200
586	486	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên, Phường Long Hưng	11.400	8.000	6.800
587	487	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên, Phường Long Hưng	5.800	4.100	3.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
588	488	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên, Phường Long Hưng	4.300	3.000	2.600
589	489	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên, Phường Long Hưng	10.300	7.200	6.200
590	490	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên, Phường Long Hưng	5.200	3.600	3.100
591	491	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên, Phường Long Hưng	3.900	2.700	2.300
592	492	Xa lộ Hà Nội	ranh thửa đất 19 tờ bản đồ số 304	Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai	Phường Trấn Biên	28.600	20.000	17.200
593	493	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ ranh thửa đất 19 tờ bản đồ số 304 đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	11.200	7.800	6.700
594	494	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ ranh thửa đất 19 tờ bản đồ số 304 đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.700	4.700	4.000
595	495	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ ranh thửa đất 19 tờ bản đồ số 304 đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.000	3.500	3.000
596	496	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ ranh thửa đất 19 tờ bản đồ số 304 đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	10.100	7.100	6.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
597	497	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ ranh thửa đất 19 tờ bản đồ số 304 đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.000	4.200	3.600
598	498	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ ranh thửa đất 19 tờ bản đồ số 304 đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trấn Biên	4.500	3.200	2.700
599	506	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long)	Phường Trấn Biên	23.100	16.200	13.900
600	507	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.600	10.200	8.800
601	508	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.700	4.700	4.000
602	509	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.000	2.800	2.400
603	510	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	13.100	9.200	7.900
604	511	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.000	4.200	3.600
605	512	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.600	2.500	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
606	513	Đường N4	Đường Nguyễn Du	Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên	Phường Trấn Biên	23.100	16.200	13.900
607	514	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.600	10.200	8.800
608	515	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.700	4.700	4.000
609	516	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.000	2.800	2.400
610	517	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	13.100	9.200	7.900
611	518	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.000	4.200	3.600
612	519	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.600	2.500	2.200
613	520	Đường 10	Đường Nguyễn Du	Đường D5 (khu dân cư Bửu Long)	Phường Trấn Biên	23.100	16.200	13.900
614	521	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	14.600	10.200	8.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
615	522	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.700	4.700	4.000
616	523	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.000	2.800	2.400
617	524	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	13.100	9.200	7.900
618	525	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.000	4.200	3.600
619	526	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.600	2.500	2.200
620	527	Đường Võ Thị Tám	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66	Phường Trấn Biên	15.400	10.800	9.200
621	528	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	9.000	6.300	5.400
622	529	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.400	3.100	2.600
623	530	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.400	2.400	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
624	531	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	8.100	5.700	4.900
625	532	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.000	2.800	2.400
626	533	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.100	2.200	1.900
627	534	Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Huỳnh Văn Lũy	Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8	Phường Trấn Biên	25.400	17.800	15.200
628	535	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	12.700	8.900	7.600
629	536	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	7.900	5.500	4.700
630	537	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.600	3.900	3.400
631	538	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	11.400	8.000	6.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
632	539	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	7.100	5.000	4.300
633	540	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	5.000	3.500	3.000
634	541	Đường Vũ Hồng Phô	Xa lộ Hà Nội	Đường Nguyễn Thông	Phường Trấn Biên	26.600	18.600	16.000
635	542	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Nguyễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	12.700	8.900	7.600
636	543	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Nguyễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	7.600	5.300	4.600
637	544	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Nguyễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.600	3.200	2.800
638	545	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Nguyễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	11.400	8.000	6.800
639	546	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Nguyễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.800	4.800	4.100
640	547	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Nguyễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.100	2.900	2.500
641	548	Đường Trần Thị Hoa	Đường Nguyễn Thông	Đường Nguyễn Quốc Toản	Phường Trấn Biên	19.000	13.300	11.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
642	549	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	10.700	7.500	6.400
643	550	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	6.200	4.300	3.700
644	551	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.500	3.200	2.700
645	552	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	9.600	6.700	5.800
646	553	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	5.600	3.900	3.400
647	554	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	4.100	2.900	2.500
648	555	Đường ven sông Đồng Nai	Cầu Hóa An	Giáp ranh phường Tân Triều	Phường Trấn Biên	15.200	10.600	9.100
649	556	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	7.600	5.300	4.600
650	557	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.200	2.900	2.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
651	558	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	2.900	2.000	1.700
652	559	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	6.800	4.800	4.100
653	560	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	3.800	2.700	2.300
654	561	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	2.600	1.800	1.600
655	562	Đường trục trung tâm	Đường Võ Thị Sáu	Đường Đặng Văn Trơn	Phường Trấn Biên	21.300	14.900	12.800
656	563	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	9.500	6.700	5.700
657	564	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.600	3.200	2.800
658	565	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.600	2.500	2.200
659	566	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	8.600	6.000	5.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
660	567	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.100	2.900	2.500
661	568	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.200	2.200	1.900
662	569	Đường ven sông Cái	Đường Hà Huy Giáp	Hết ranh phường Trấn Biên	Phường Trấn Biên	15.200	10.600	9.100
663	570	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	7.600	5.300	4.600
664	571	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.200	2.900	2.500
665	572	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	2.900	2.000	1.700
666	573	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	6.800	4.800	4.100
667	574	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	3.800	2.700	2.300
668	575	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	2.600	1.800	1.600
669		Đường ven sông Cái	Suối Bà Bột	Đường Trần Quốc Toản	Phường Trấn Biên	15.200	10.600	9.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
670		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Suối Bà Bột đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	7.600	5.300	4.600
671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Suối Bà Bột đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.200	2.900	2.500
672		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Suối Bà Bột đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	2.900	2.000	1.700
673		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Suối Bà Bột đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	6.800	4.800	4.100
674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Suối Bà Bột đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	3.800	2.700	2.300
675		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Suối Bà Bột đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	2.600	1.800	1.600
676	576	Đường D9	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Hoa	Phường Trấn Biên	40.600	28.400	24.400
677	577	Đường Nguyễn Thị Giang	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Nguyễn Thị Hiền	Phường Trấn Biên	40.600	28.400	24.400
678	578	Đường Nguyễn Hiền Vương	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Nguyễn Thị Hiền	Phường Trấn Biên	36.800	25.800	22.100
679	579	Đường trục trung tâm (nhánh)	Đường trục trung tâm	Đường Đặng Văn Trơn	Phường Trấn Biên	21.300	14.900	12.800
680	580	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm (nhánh) đoạn từ Đường trục trung tâm đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	9.500	6.700	5.700
681	581	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm (nhánh) đoạn từ Đường trục trung tâm đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.600	3.200	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
682	582	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm (nhánh) đoạn từ Đường trục trung tâm đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.600	2.500	2.200
683	583	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục trung tâm (nhánh) đoạn từ Đường trục trung tâm đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	8.600	6.000	5.200
684	584	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục trung tâm (nhánh) đoạn từ Đường trục trung tâm đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	4.100	2.900	2.500
685	585	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục trung tâm (nhánh) đoạn từ Đường trục trung tâm đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	3.200	2.200	1.900
686	1	Đường Lê A	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Phạm Văn Thuận	Phường Tam Hiệp	24.900	17.400	14.900
687	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	15.400	10.800	9.200
688	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	10.100	7.100	6.100
689	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	6.500	4.600	3.900
690	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	13.900	9.700	8.300
691	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	9.100	6.400	5.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
692	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	5.900	4.100	3.500
693	8	Đường Dương Tử Giang	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Phan Trung	Phường Tam Hiệp	27.200	19.000	16.300
694	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	13.000	9.100	7.800
695	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.700	5.400	4.600
696	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.600	3.200	2.800
697	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.700	8.200	7.000
698	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.900	4.800	4.100
699	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.100	2.900	2.500
700	15	Đường Lê Thoa	Đường Nguyễn Ái Quốc	Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75	Phường Tam Hiệp	23.700	16.600	14.200
701	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thoa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	10.700	7.500	6.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
702	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thoa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.100	5.000	4.300
703	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thoa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.600	3.200	2.800
704	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thoa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	9.600	6.700	5.800
705	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thoa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.400	4.500	3.800
706	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thoa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.100	2.900	2.500
707	22	Đường Phan Trung	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Đồng Khởi	Phường Tam Hiệp	32.000	22.400	19.200
708	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Trung đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	14.200	9.900	8.500
709	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Trung đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	10.100	7.100	6.100
710	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Trung đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	5.300	3.700	3.200
711	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Trung đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	12.800	9.000	7.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
712	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Trung đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	9.100	6.400	5.500
713	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Trung đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.800	3.400	2.900
714	29	Đường Trương Định (đường 4)	Đường Phan Trung	Đường Đồng Khởi	Phường Tam Hiệp	29.600	20.700	17.800
715	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định (đường 4) đoạn từ Đường Phan Trung đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	13.000	9.100	7.800
716	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định (đường 4) đoạn từ Đường Phan Trung đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	10.100	7.100	6.100
717	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định (đường 4) đoạn từ Đường Phan Trung đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	5.300	3.700	3.200
718	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định (đường 4) đoạn từ Đường Phan Trung đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.700	8.200	7.000
719	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định (đường 4) đoạn từ Đường Phan Trung đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	9.100	6.400	5.500
720	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định (đường 4) đoạn từ Đường Phan Trung đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.800	3.400	2.900
721	36	Đường Trương Quyền (đường 3)	Đường Trương Định	Đường Trương Định (ngã ba trường Nguyễn An Ninh)	Phường Tam Hiệp	21.300	14.900	12.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
722	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Quyền (đường 3) đoạn từ Đường Trương Định đến Đường Trương Định (ngã ba trường Nguyễn An Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.800	8.300	7.100
723	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Quyền (đường 3) đoạn từ Đường Trương Định đến Đường Trương Định (ngã ba trường Nguyễn An Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.700	5.400	4.600
724	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Quyền (đường 3) đoạn từ Đường Trương Định đến Đường Trương Định (ngã ba trường Nguyễn An Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.600	3.200	2.800
725	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Quyền (đường 3) đoạn từ Đường Trương Định đến Đường Trương Định (ngã ba trường Nguyễn An Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	10.600	7.400	6.400
726	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Quyền (đường 3) đoạn từ Đường Trương Định đến Đường Trương Định (ngã ba trường Nguyễn An Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.900	4.800	4.100
727	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Quyền (đường 3) đoạn từ Đường Trương Định đến Đường Trương Định (ngã ba trường Nguyễn An Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.100	2.900	2.500
728	43	Đường Võ Cương	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Trương Quyền (đường 3)	Phường Tam Hiệp	27.200	19.000	16.300
729	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Cương đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Quyền (đường 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	14.200	9.900	8.500
730	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Cương đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Quyền (đường 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	9.500	6.700	5.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
731	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Cương đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Quyền (đường 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	5.300	3.700	3.200
732	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Cương đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Quyền (đường 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	12.800	9.000	7.700
733	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Cương đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Quyền (đường 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	8.600	6.000	5.200
734	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Cương đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Quyền (đường 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.800	3.400	2.900
735	50	Đường Nguyễn Bá Học	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Trương Định	Phường Tam Hiệp	23.700	16.600	14.200
736	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bá Học đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	13.000	9.100	7.800
737	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bá Học đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	9.500	6.700	5.700
738	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bá Học đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	5.300	3.700	3.200
739	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bá Học đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.700	8.200	7.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
740	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bá Học đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	8.600	6.000	5.200
741	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bá Học đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.800	3.400	2.900
742	57	Đường Dương Bạch Mai	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Đồng Khởi	Phường Tam Hiệp	23.700	16.600	14.200
743	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	14.200	9.900	8.500
744	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	9.500	6.700	5.700
745	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	5.300	3.700	3.200
746	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	12.800	9.000	7.700
747	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	8.600	6.000	5.200
748	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.800	3.400	2.900
749	64	Đường Phạm Văn Khoai	Đường Đồng Khởi	Đường vành đai sân vận động	Phường Tam Hiệp	27.900	19.500	16.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
750	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Khoai đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	14.000	9.800	8.400
751	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Khoai đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.500	5.300	4.500
752	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Khoai đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.900	3.400	2.900
753	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Khoai đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	12.600	8.800	7.600
754	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Khoai đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.800	4.800	4.100
755	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Khoai đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.400	3.100	2.600
756	71	Đường Nguyễn Văn A	Đường Đồng Khởi	Hết ranh thửa đất số 418, tờ BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái	Phường Tam Hiệp	26.600	18.600	16.000
757	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn A đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh thửa đất số 418, tờ BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	14.000	9.800	8.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
758	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn A đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh thửa đất số 418, tờ BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.500	5.300	4.500
759	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn A đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh thửa đất số 418, tờ BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.900	3.400	2.900
760	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn A đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh thửa đất số 418, tờ BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	12.600	8.800	7.600
761	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn A đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh thửa đất số 418, tờ BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.800	4.800	4.100
762	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn A đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh thửa đất số 418, tờ BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.400	3.100	2.600
763	78	Đường Bùi Văn Bình	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường ray tàu hỏa	Phường Tam Hiệp	19.800	13.900	11.900
764	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường ray tàu hỏa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.200	7.800	6.700
765	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường ray tàu hỏa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	5.200	3.600	3.100
766	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường ray tàu hỏa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	3.900	2.700	2.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
767	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường ray tàu hỏa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	10.100	7.100	6.100
768	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường ray tàu hỏa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	4.700	3.300	2.800
769	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường ray tàu hỏa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	3.500	2.500	2.100
770	85	Đường liên khu phố 6, 7, 8	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Lý Văn Sâm	Phường Tam Hiệp	22.000	15.400	13.200
771	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 6, 7, 8 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	12.300	8.600	7.400
772	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 6, 7, 8 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.300	5.100	4.400
773	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 6, 7, 8 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.700	3.300	2.800
774	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 6, 7, 8 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.100	7.800	6.700
775	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 6, 7, 8 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.600	4.600	4.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
776	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 6, 7, 8 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.200	2.900	2.500
777	92	Đường Lưu Văn Viết	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Nguyễn Ái Quốc	Phường Tam Hiệp	29.600	20.700	17.800
778	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lưu Văn Viết đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	15.400	10.800	9.200
779	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lưu Văn Viết đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	10.100	7.100	6.100
780	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lưu Văn Viết đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	6.500	4.600	3.900
781	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lưu Văn Viết đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	13.900	9.700	8.300
782	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lưu Văn Viết đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	9.100	6.400	5.500
783	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lưu Văn Viết đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	5.900	4.100	3.500
784	99	Đường liên khu phố 4 và khu phố 6	Đường Phạm Văn Thuận	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60	Phường Tam Hiệp	21.300	14.900	12.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
785	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 và khu phố 6 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	12.300	8.600	7.400
786	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 và khu phố 6 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.300	5.100	4.400
787	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 và khu phố 6 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	5.000	3.500	3.000
788	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 và khu phố 6 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.100	7.800	6.700
789	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 và khu phố 6 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.600	4.600	4.000
790	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 và khu phố 6 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.500	3.200	2.700
791	106	Đường Tân Lập	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Lý Văn Sâm	Phường Tam Hiệp	23.700	16.600	14.200
792	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Lập đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	13.000	9.100	7.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
793	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Lập đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.700	5.400	4.600
794	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Lập đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	5.000	3.500	3.000
795	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Lập đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.700	8.200	7.000
796	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Lập đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.900	4.800	4.100
797	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Lập đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.500	3.200	2.700
798	113	Đường Đa Minh	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Nguyễn Bảo Đức	Phường Tam Hiệp	23.700	16.600	14.200
799	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đa Minh đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	13.000	9.100	7.800
800	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đa Minh đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.700	5.400	4.600
801	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đa Minh đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	5.000	3.500	3.000
802	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đa Minh đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.700	8.200	7.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
803	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đa Minh đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.900	4.800	4.100
804	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đa Minh đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.500	3.200	2.700
805	120	Hẻm số 279 đường Đồng Khởi	Đường Đồng Khởi	Đường liên khu phố 6, 7, 8	Phường Tam Hiệp	20.100	14.100	12.100
806	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm số 279 đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường liên khu phố 6, 7, 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	13.000	9.100	7.800
807	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm số 279 đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường liên khu phố 6, 7, 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.100	5.000	4.300
808	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm số 279 đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường liên khu phố 6, 7, 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.600	3.200	2.800
809	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm số 279 đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường liên khu phố 6, 7, 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.700	8.200	7.000
810	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm số 279 đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường liên khu phố 6, 7, 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.400	4.500	3.800
811	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm số 279 đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường liên khu phố 6, 7, 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.100	2.900	2.500
812	127	Đường Lý Văn Sâm	Đường Đồng Khởi	Đường Nguyễn Bảo Đức	Phường Tam Hiệp	24.200	16.900	14.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
813	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	12.300	8.600	7.400
814	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.700	4.700	4.000
815	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.400	3.100	2.600
816	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.100	7.800	6.700
817	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.000	4.200	3.600
818	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.000	2.800	2.400
819	134	Đường Nguyễn Bảo Đức	Đường Đồng Khởi	Đường Đoàn Văn Cự	Phường Tam Hiệp	24.200	16.900	14.500
820	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	12.300	8.600	7.400
821	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.700	4.700	4.000
822	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.400	3.100	2.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
823	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.100	7.800	6.700
824	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.000	4.200	3.600
825	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.000	2.800	2.400
826	141	Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp)	Đường Lý Văn Sâm	Đến hết thửa đất số 92 tờ bản đồ số 5	Phường Tam Hiệp	19.000	13.300	11.400
827	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) đoạn từ Đường Lý Văn Sâm đến Đến hết thửa đất số 92 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	13.000	9.100	7.800
828	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) đoạn từ Đường Lý Văn Sâm đến Đến hết thửa đất số 92 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.100	5.000	4.300
829	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) đoạn từ Đường Lý Văn Sâm đến Đến hết thửa đất số 92 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.600	3.200	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
830	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) đoạn từ Đường Lý Văn Sâm đến Đến hết thửa đất số 92 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.700	8.200	7.000
831	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) đoạn từ Đường Lý Văn Sâm đến Đến hết thửa đất số 92 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.400	4.500	3.800
832	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) đoạn từ Đường Lý Văn Sâm đến Đến hết thửa đất số 92 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.100	2.900	2.500
833	148	Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật)	Đường Đặng Đức Thuật	Nhà thờ Xuân Hòa	Phường Tam Hiệp	19.000	13.300	11.400
834	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật) đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Nhà thờ Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	13.000	9.100	7.800
835	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật) đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Nhà thờ Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.100	5.000	4.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
836	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật) đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Nhà thờ Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.600	3.200	2.800
837	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật) đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Nhà thờ Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.700	8.200	7.000
838	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật) đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Nhà thờ Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.400	4.500	3.800
839	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật) đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Nhà thờ Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.100	2.900	2.500
840	155	Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm	Đường Đặng Đức Thuật	Đường Lý Văn Sâm	Phường Tam Hiệp	19.000	13.300	11.400
841	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	13.000	9.100	7.800
842	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.100	5.000	4.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
843	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.600	3.200	2.800
844	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.700	8.200	7.000
845	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.400	4.500	3.800
846	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.100	2.900	2.500
847	162	Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức	Đường Đặng Đức Thuật	Đường Nguyễn Bảo Đức	Phường Tam Hiệp	19.000	13.300	11.400
848	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	13.000	9.100	7.800
849	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.100	5.000	4.300
850	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.600	3.200	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
851	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.700	8.200	7.000
852	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.400	4.500	3.800
853	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.100	2.900	2.500
854	169	Đường Đặng Đức Thuật	Đường Đồng Khởi	Đường Đoàn Văn Cự	Phường Tam Hiệp	21.300	14.900	12.800
855	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đức Thuật đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	12.300	8.600	7.400
856	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đức Thuật đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.700	4.700	4.000
857	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đức Thuật đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.400	3.100	2.600
858	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đức Thuật đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.100	7.800	6.700
859	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đức Thuật đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.000	4.200	3.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
860	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đức Thuật đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.000	2.800	2.400
861	176	Đường Đoàn Văn Cự	Đường Phạm Văn Thuận	Hết Công ty VMEP	Phường Tam Hiệp	24.900	17.400	14.900
862	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết Công ty VMEP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	13.000	9.100	7.800
863	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết Công ty VMEP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.700	5.400	4.600
864	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết Công ty VMEP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	5.300	3.700	3.200
865	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết Công ty VMEP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.700	8.200	7.000
866	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết Công ty VMEP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.900	4.800	4.100
867	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết Công ty VMEP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.800	3.400	2.900
868	183	Đường Đoàn Văn Cự	Hết Công ty VMEP	Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	23.700	16.600	14.200
869	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Hết Công ty VMEP đến Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.800	8.300	7.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
870	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Hết Công ty VMEP đến Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.700	5.400	4.600
871	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Hết Công ty VMEP đến Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.600	3.200	2.800
872	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Hết Công ty VMEP đến Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	10.600	7.400	6.400
873	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Hết Công ty VMEP đến Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.900	4.800	4.100
874	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Hết Công ty VMEP đến Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.100	2.900	2.500
875	190	Đường Dã Tượng	Xa lộ Hà Nội	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162	Phường Tam Hiệp	20.300	14.200	12.200
876	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dã Tượng đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.200	7.800	6.700
877	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dã Tượng đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.300	5.100	4.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
878	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dã Tượng đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.400	3.100	2.600
879	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dã Tượng đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	10.100	7.100	6.100
880	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dã Tượng đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.600	4.600	4.000
881	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dã Tượng đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.000	2.800	2.400
882	197	Đường Hồ Văn Leo	Xa lộ Hà Nội	Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái	Phường Tam Hiệp	23.100	16.200	13.900
883	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Leo đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.200	7.800	6.700
884	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Leo đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.300	5.100	4.400
885	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Leo đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.400	3.100	2.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
886	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Leo đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	10.100	7.100	6.100
887	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Leo đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.600	4.600	4.000
888	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Leo đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.000	2.800	2.400
889	204	Đường Hồ Văn Thể	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Hồ Văn Leo	Phường Tam Hiệp	30.800	21.600	18.500
890	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Thể đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Hồ Văn Leo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	14.200	9.900	8.500
891	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Thể đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Hồ Văn Leo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.700	5.400	4.600
892	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Thể đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Hồ Văn Leo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.600	3.200	2.800
893	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Thể đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Hồ Văn Leo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	12.800	9.000	7.700
894	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Thể đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Hồ Văn Leo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.900	4.800	4.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
895	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Thể đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Hồ Văn Leo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.100	2.900	2.500
896	211	Đường Phạm Văn Thuận	Xa lộ Hà Nội	Đường 30 tháng 4	Phường Tam Hiệp	44.400	31.100	26.600
897	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	17.800	12.500	10.700
898	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	10.800	7.600	6.500
899	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	7.600	5.300	4.600
900	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	16.000	11.200	9.600
901	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	9.700	6.800	5.800
902	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	6.800	4.800	4.100
903	218	Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai	Xa lộ Hà Nội	Hết trường Đinh Tiên Hoàng	Phường Tam Hiệp	25.400	17.800	15.200
904	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết trường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	12.700	8.900	7.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
905	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết trường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	8.200	5.700	4.900
906	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết trường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.900	3.400	2.900
907	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết trường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.400	8.000	6.800
908	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết trường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.400	5.200	4.400
909	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết trường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.400	3.100	2.600
910	225	Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai	Hết trường Đinh Tiên Hoàng	Sân vận động Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	29.200	20.400	17.500
911	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Hết trường Đinh Tiên Hoàng đến Sân vận động Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	12.700	8.900	7.600
912	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Hết trường Đinh Tiên Hoàng đến Sân vận động Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	8.200	5.700	4.900
913	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Hết trường Đinh Tiên Hoàng đến Sân vận động Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.900	3.400	2.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
914	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Hết trường Đinh Tiên Hoàng đến Sân vận động Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.400	8.000	6.800
915	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Hết trường Đinh Tiên Hoàng đến Sân vận động Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.400	5.200	4.400
916	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Hết trường Đinh Tiên Hoàng đến Sân vận động Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.400	3.100	2.600
917	232	Đường Phạm Thị Nghĩa	Xa lộ Hà Nội	Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái	Phường Tam Hiệp	25.400	17.800	15.200
918	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thị Nghĩa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	12.700	8.900	7.600
919	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thị Nghĩa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	8.200	5.700	4.900
920	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thị Nghĩa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.900	3.400	2.900
921	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thị Nghĩa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.400	8.000	6.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
922	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thị Nghĩa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.400	5.200	4.400
923	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thị Nghĩa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.400	3.100	2.600
924	239	Đường Vũ Hồng Phô	Xa lộ Hà Nội	Đường Trần Quốc Toản	Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	26.600	18.600	16.000
925	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	12.700	8.900	7.600
926	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	7.600	5.300	4.600
927	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	4.600	3.200	2.800
928	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	11.400	8.000	6.800
929	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	6.800	4.800	4.100
930	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	4.100	2.900	2.500
931	246	Đường Trần Quốc Toản	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Vũ Hồng Phô	Phường Tam Hiệp	33.000	23.100	19.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
932	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	15.200	10.600	9.100
933	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	9.300	6.500	5.600
934	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	5.700	4.000	3.400
935	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	13.700	9.600	8.200
936	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	8.400	5.900	5.000
937	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	5.100	3.600	3.100
938	253	Đường Trần Quốc Toản	Đường Vũ Hồng Phô	Giáp ranh phường Trấn Biên	Phường Tam Hiệp	25.400	17.800	15.200
939	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	12.700	8.900	7.600
940	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.700	5.400	4.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
941	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.900	3.400	2.900
942	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.400	8.000	6.800
943	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.900	4.800	4.100
944	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.400	3.100	2.600
945	260	Xa lộ Hà Nội	Cầu Sập	Vòng xoay Tam Hiệp	Phường Tam Hiệp, Phường Long Bình	34.000	23.800	20.400
946	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp, Phường Long Bình	14.600	10.200	8.800
947	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Long Bình	7.300	5.100	4.400
948	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Long Bình	5.600	3.900	3.400
949	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp, Phường Long Bình	13.100	9.200	7.900
950	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Long Bình	6.600	4.600	4.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
951	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Long Bình	5.000	3.500	3.000
952	267	Xa lộ Hà Nội	Vòng xoay Tam Hiệp	điểm cuối đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 140	Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	28.600	20.000	17.200
953	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến điểm cuối đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 140 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	11.200	7.800	6.700
954	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến điểm cuối đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 140 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	6.700	4.700	4.000
955	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến điểm cuối đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 140 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	5.000	3.500	3.000
956	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến điểm cuối đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 140 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	10.100	7.100	6.100
957	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến điểm cuối đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 140 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	6.000	4.200	3.600
958	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến điểm cuối đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 140 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	4.500	3.200	2.700
959	274	Đường Huỳnh Văn Hớn	Đường Phạm Văn Thuận	Giáp ranh phường Trấn Biên	Phường Tam Hiệp	25.400	17.800	15.200
960	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	14.000	9.800	8.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
961	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	10.200	7.100	6.100
962	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	5.700	4.000	3.400
963	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	12.600	8.800	7.600
964	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	9.200	6.400	5.500
965	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	5.100	3.600	3.100
966	281	Đường Trần Thị Hoa	Đường Vũ Hồng Phô	Giáp ranh phường Trấn Biên	Phường Tam Hiệp	19.000	13.300	11.400
967	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	10.700	7.500	6.400
968	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.200	4.300	3.700
969	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.500	3.200	2.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
970	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	9.600	6.700	5.800
971	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	5.600	3.900	3.400
972	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.100	2.900	2.500
973	288	Đường Trạm thuế khu vực 2	Đường Phạm Văn Thuận	Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam Hiệp	Phường Tam Hiệp	23.700	16.600	14.200
974	289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trạm thuế khu vực 2 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	13.000	9.100	7.800
975	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trạm thuế khu vực 2 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.700	5.400	4.600
976	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trạm thuế khu vực 2 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	5.000	3.500	3.000
977	292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trạm thuế khu vực 2 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	11.700	8.200	7.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
978	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trạm thuế khu vực 2 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.900	4.800	4.100
979	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trạm thuế khu vực 2 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.500	3.200	2.700
980	295	Đường Nguyễn Ái Quốc	Giáp ranh phường Trấn Biên	Ngã tư Tân Phong	Phường Tam Hiệp	40.600	28.400	24.400
981	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã tư Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	17.600	12.300	10.600
982	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã tư Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	11.500	8.100	6.900
983	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã tư Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	7.400	5.200	4.400
984	299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã tư Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	15.800	11.100	9.500
985	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã tư Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	10.400	7.300	6.200
986	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã tư Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	6.700	4.700	4.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
987	302	Đường Nguyễn Ái Quốc	Ngã tư Tân Phong	Giáp ranh phường Long Bình	Phường Tam Hiệp	36.500	25.600	21.900
988	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Giáp ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	17.600	12.300	10.600
989	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Giáp ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	10.800	7.600	6.500
990	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Giáp ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	8.100	5.700	4.900
991	306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Giáp ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	15.800	11.100	9.500
992	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Giáp ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	9.700	6.800	5.800
993	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Giáp ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	7.300	5.100	4.400
994	316	Đường Đồng Khởi	Xa lộ Hà Nội	Đường Phạm Văn Khoai	Phường Tam Hiệp	44.400	31.100	26.600
995	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Phạm Văn Khoai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	20.300	14.200	12.200
996	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Phạm Văn Khoai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	11.400	8.000	6.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
997	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Phạm Văn Khoai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	7.600	5.300	4.600
998	320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Phạm Văn Khoai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	18.300	12.800	11.000
999	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Phạm Văn Khoai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	10.300	7.200	6.200
1000	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Phạm Văn Khoai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	6.800	4.800	4.100
1001	323	Đường Đồng Khởi	Đường Phạm Văn Khoai	Đường Nguyễn Ái Quốc	Phường Tam Hiệp	39.300	27.500	23.600
1002	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Phạm Văn Khoai đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	16.500	11.600	9.900
1003	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Phạm Văn Khoai đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	11.400	8.000	6.800
1004	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Phạm Văn Khoai đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	7.000	4.900	4.200
1005	327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Phạm Văn Khoai đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	14.900	10.400	8.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1006	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Phạm Văn Khoai đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	10.300	7.200	6.200
1007	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Phạm Văn Khoai đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	6.300	4.400	3.800
1008	330	Đường Lê Quý Đôn	Đường Đồng Khởi	Đường vành đai sân vận động	Phường Tam Hiệp	27.900	19.500	16.700
1009	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	14.000	9.800	8.400
1010	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	7.500	5.300	4.500
1011	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.900	3.400	2.900
1012	334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	12.600	8.800	7.600
1013	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	6.800	4.800	4.100
1014	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	4.400	3.100	2.600
1015	1	Đường Nguyễn Trường Tộ	Quốc lộ 1	Đường Hoàng Văn Bổn	Phường Long Bình, Phường Hố Nai	17.300	12.100	10.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1016	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	9.000	6.300	5.400
1017	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	4.700	3.300	2.800
1018	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	2.900	2.000	1.700
1019	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	8.100	5.700	4.900
1020	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	4.200	2.900	2.500
1021	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	2.600	1.800	1.600
1022	8	Đường Hoàng Bá Bích	Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài)	Đến đường Hoàng Tam Kỳ	Phường Long Bình	33.000	23.100	19.800
1023	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Bá Bích đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	14.000	9.800	8.400
1024	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Bá Bích đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	8.200	5.700	4.900
1025	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Bá Bích đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	4.900	3.400	2.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1026	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Bá Bích đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	12.600	8.800	7.600
1027	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Bá Bích đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	7.400	5.200	4.400
1028	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Bá Bích đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	4.400	3.100	2.600
1029	15	Đường Thân Nhân Trung	Đường Nguyễn Ái Quốc	Suối Săn Máu	Phường Long Bình	19.000	13.300	11.400
1030	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	8.300	5.800	5.000
1031	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	5.000	3.500	3.000
1032	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	3.900	2.700	2.300
1033	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	7.500	5.300	4.500
1034	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	4.500	3.200	2.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1035	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	3.500	2.500	2.100
1036	22	Đường Nguyễn Ái Quốc	Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4)	Ranh phường Long Bình	Phường Long Bình	36.500	25.600	21.900
1037	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4) đến Ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	17.600	12.300	10.600
1038	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4) đến Ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	10.800	7.600	6.500
1039	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4) đến Ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	8.100	5.700	4.900
1040	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4) đến Ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	15.800	11.100	9.500
1041	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4) đến Ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	9.700	6.800	5.800
1042	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4) đến Ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	7.300	5.100	4.400
1043	29	Đường Hoàng Văn Bổn	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Trường Tộ	Phường Long Bình	17.600	12.300	10.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1044	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	8.800	6.200	5.300
1045	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	4.600	3.200	2.800
1046	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	2.900	2.000	1.700
1047	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	8.000	5.600	4.800
1048	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	4.200	2.900	2.500
1049	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	2.600	1.800	1.600
1050	36	Đường Hoàng Văn Bổn	Đường Nguyễn Trường Tộ	Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân	Phường Long Bình, Phường Hố Nai	13.200	9.200	7.900
1051	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	6.600	4.600	4.000
1052	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	3.600	2.500	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1053	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	2.500	1.800	1.500
1054	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	6.000	4.200	3.600
1055	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	3.300	2.300	2.000
1056	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	2.300	1.600	1.400
1057	43	Đường Hoàng Văn Bổn	Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân	Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài	Phường Long Bình, Phường Hố Nai	9.600	6.700	5.800
1058	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	6.000	4.200	3.600
1059	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	3.500	2.500	2.100
1060	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	2.400	1.700	1.400
1061	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	5.400	3.800	3.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1062	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	3.200	2.200	1.900
1063	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	2.200	1.500	1.300
1064	50	Quốc lộ 1	Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái)	Ranh giới phường Hố Nai	Phường Long Bình	39.100	27.400	23.500
1065	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Ranh giới phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	16.600	11.600	10.000
1066	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Ranh giới phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	7.700	5.400	4.600
1067	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Ranh giới phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	5.900	4.100	3.500
1068	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Ranh giới phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	14.900	10.400	8.900
1069	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Ranh giới phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	6.900	4.800	4.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1070	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Ranh giới phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	5.300	3.700	3.200
1071	57	Đường Võ Văn Mén	Xa lộ Hà Nội	Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai	Phường Long Bình	18.300	12.800	11.000
1072	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Mén đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	10.100	7.100	6.100
1073	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Mén đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	6.700	4.700	4.000
1074	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Mén đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	4.000	2.800	2.400
1075	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Mén đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	9.100	6.400	5.500
1076	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Mén đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	6.000	4.200	3.600
1077	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Mén đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	3.600	2.500	2.200
1078	64	Đường Ngô Sĩ Liên	Quốc lộ 1	Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267	Phường Long Bình, Phường Hố Nai	18.700	13.100	11.200
1079	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	9.000	6.300	5.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1080	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	5.200	3.600	3.100
1081	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	3.700	2.600	2.200
1082	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	8.100	5.700	4.900
1083	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	4.700	3.300	2.800
1084	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	3.300	2.300	2.000
1085	71	Đường xóm 8	Xa lộ Hà Nội	Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai	Phường Long Bình	20.300	14.200	12.200
1086	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm 8 đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	10.100	7.100	6.100
1087	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm 8 đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	6.700	4.700	4.000
1088	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm 8 đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	3.700	2.600	2.200
1089	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm 8 đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	9.100	6.400	5.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1090	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm 8 đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	6.000	4.200	3.600
1091	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm 8 đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	3.300	2.300	2.000
1092	78	Đường Lê Đại Hành	Đường Nguyễn Ái Quốc	Xa lộ Hà Nội	Phường Long Bình	24.100	16.900	14.500
1093	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	12.700	8.900	7.600
1094	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	10.800	7.600	6.500
1095	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	6.300	4.400	3.800
1096	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	11.400	8.000	6.800
1097	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	9.700	6.800	5.800
1098	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	5.700	4.000	3.400
1099	92	Xa lộ Hà Nội	Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái)	Cầu Sập	Phường Long Bình	36.300	25.400	21.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1100	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	15.700	11.000	9.400
1101	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	9.500	6.700	5.700
1102	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	5.600	3.900	3.400
1103	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	14.100	9.900	8.500
1104	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	8.600	6.000	5.200
1105	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	5.000	3.500	3.000
1106	106	Đường Yết Kiêu	Xa lộ Hà Nội	Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình	Phường Long Bình	22.000	15.400	13.200
1107	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	13.400	9.400	8.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1108	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	7.300	5.100	4.400
1109	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	4.400	3.100	2.600
1110	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	12.100	8.500	7.300
1111	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	6.600	4.600	4.000
1112	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	4.000	2.800	2.400
1113	113	Đường Đặng Nguyên	Xa lộ Hà Nội	Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình)	Phường Long Bình	23.700	16.600	14.200
1114	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Nguyên đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	11.800	8.300	7.100
1115	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Nguyên đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	7.700	5.400	4.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1116	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Nguyên đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	4.600	3.200	2.800
1117	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Nguyên đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	10.600	7.400	6.400
1118	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Nguyên đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	6.900	4.800	4.100
1119	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Nguyên đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	4.100	2.900	2.500
1120	120	Đường Lê Nguyên Đạt	Xa lộ Hà Nội	Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình)	Phường Long Bình	23.700	16.600	14.200
1121	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Nguyên Đạt đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	11.800	8.300	7.100
1122	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Nguyên Đạt đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	7.700	5.400	4.600
1123	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Nguyên Đạt đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	4.600	3.200	2.800
1124	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Nguyên Đạt đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	10.600	7.400	6.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1125	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Nguyên Đạt đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	6.900	4.800	4.100
1126	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Nguyên Đạt đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	4.100	2.900	2.500
1127	127	Đường liên khu 3, 4, 5	Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình)	Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải	Phường Long Bình	21.300	14.900	12.800
1128	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu 3, 4, 5 đoạn từ Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình) đến Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	10.700	7.500	6.400
1129	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu 3, 4, 5 đoạn từ Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình) đến Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	7.700	5.400	4.600
1130	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu 3, 4, 5 đoạn từ Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình) đến Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	4.600	3.200	2.800
1131	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu 3, 4, 5 đoạn từ Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình) đến Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	9.600	6.700	5.800
1132	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu 3, 4, 5 đoạn từ Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình) đến Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	6.900	4.800	4.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1133	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu 3, 4, 5 đoạn từ Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình) đến Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	4.100	2.900	2.500
1134	134	Đường Hoàng Tam Kỳ	Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài)	Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình)	Phường Long Bình	23.700	16.600	14.200
1135	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	11.800	8.300	7.100
1136	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	7.100	5.000	4.300
1137	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	4.600	3.200	2.800
1138	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	10.600	7.400	6.400
1139	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	6.400	4.500	3.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1140	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	4.100	2.900	2.500
1141	141	Đường Huỳnh Dân Sanh	Đường Hoàng Bá Bích	Đường Hoàng Bá Bích	Phường Long Bình	26.600	18.600	16.000
1142	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Dân Sanh đoạn từ Đường Hoàng Bá Bích đến Đường Hoàng Bá Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	12.700	8.900	7.600
1143	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Dân Sanh đoạn từ Đường Hoàng Bá Bích đến Đường Hoàng Bá Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	8.200	5.700	4.900
1144	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Dân Sanh đoạn từ Đường Hoàng Bá Bích đến Đường Hoàng Bá Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	4.900	3.400	2.900
1145	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Dân Sanh đoạn từ Đường Hoàng Bá Bích đến Đường Hoàng Bá Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	11.400	8.000	6.800
1146	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Dân Sanh đoạn từ Đường Hoàng Bá Bích đến Đường Hoàng Bá Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	7.400	5.200	4.400
1147	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Dân Sanh đoạn từ Đường Hoàng Bá Bích đến Đường Hoàng Bá Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	4.400	3.100	2.600
1148	148	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài)	Đến ranh nghĩa trang TP Biên Hòa	Phường Long Bình, Phường Phước Tân	16.600	11.600	10.000
1149	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến ranh nghĩa trang TP Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Phước Tân	9.500	6.700	5.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1150	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến ranh nghĩa trang TP Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Phước Tân	6.200	4.300	3.700
1151	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến ranh nghĩa trang TP Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Phước Tân	4.600	3.200	2.800
1152	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến ranh nghĩa trang TP Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Phước Tân	8.600	6.000	5.200
1153	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến ranh nghĩa trang TP Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Phước Tân	5.600	3.900	3.400
1154	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến ranh nghĩa trang TP Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Phước Tân	4.100	2.900	2.500
1155	155	Đường Bùi Văn Hòa	Xa lộ Hà Nội	Quốc lộ 51	Phường Long Bình, Phường Trấn Biên, Phường Tam Hiệp	27.000	18.900	16.200
1156	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Trấn Biên, Phường Tam Hiệp	13.400	9.400	8.000
1157	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Trấn Biên, Phường Tam Hiệp	7.300	5.100	4.400
1158	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Trấn Biên, Phường Tam Hiệp	5.000	3.500	3.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1159	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Trấn Biên, Phường Tam Hiệp	12.100	8.500	7.300
1160	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Trấn Biên, Phường Tam Hiệp	6.600	4.600	4.000
1161	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Bình, Phường Trấn Biên, Phường Tam Hiệp	4.500	3.200	2.700
1162	162	Đường vào khu tái định cư Tân Biên	Đường Hoàng Văn Bổn	Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái	Phường Long Bình	14.200	9.900	8.500
1163	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Tân Biên đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	7.100	5.000	4.300
1164	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Tân Biên đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	3.900	2.700	2.300
1165	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Tân Biên đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	2.700	1.900	1.600
1166	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Tân Biên đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	6.400	4.500	3.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1167	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Tân Biên đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	3.500	2.500	2.100
1168	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Tân Biên đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	2.400	1.700	1.400
1169	169	Đường vào nhà máy nước Thiện Tân	Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên)	Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái	Phường Long Bình	14.200	9.900	8.500
1170	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy nước Thiện Tân đoạn từ Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	7.100	5.000	4.300
1171	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy nước Thiện Tân đoạn từ Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	3.900	2.700	2.300
1172	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy nước Thiện Tân đoạn từ Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	2.700	1.900	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1173	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy nước Thiện Tân đoạn từ Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	6.400	4.500	3.800
1174	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy nước Thiện Tân đoạn từ Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	3.500	2.500	2.100
1175	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy nước Thiện Tân đoạn từ Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	2.400	1.700	1.400
1176	1	Đường Nguyễn Ái Quốc	Ngã tư Tân Phong	Hết ranh phường Trảng Dài	Phường Trảng Dài	36.500	25.600	21.900
1177	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Hết ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	17.600	12.300	10.600
1178	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Hết ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	10.800	7.600	6.500
1179	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Hết ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	8.100	5.700	4.900
1180	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Hết ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	15.800	11.100	9.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1181	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Hết ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	9.700	6.800	5.800
1182	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Hết ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	7.300	5.100	4.400
1183	8	Đường Đồng Khởi	Đường Nguyễn Ái Quốc	Cầu Đồng Khởi	Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	39.300	27.500	23.600
1184	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	16.500	11.600	9.900
1185	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	11.400	8.000	6.800
1186	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	7.000	4.900	4.200
1187	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	14.900	10.400	8.900
1188	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	10.300	7.200	6.200
1189	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	6.300	4.400	3.800
1190	15	Đường Đồng Khởi	Cầu Đồng Khởi	Đường Nguyễn Văn Tiên	Phường Trảng Dài	29.300	20.500	17.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1191	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	11.300	7.900	6.800
1192	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	6.700	4.700	4.000
1193	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	4.400	3.100	2.600
1194	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	10.200	7.100	6.100
1195	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	6.000	4.200	3.600
1196	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	4.000	2.800	2.400
1197	22	Đường Đồng Khởi	Đường Nguyễn Văn Tiên	Đường vào công ty Trấn Biên	Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	23.700	16.600	14.200
1198	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	11.300	7.900	6.800
1199	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	5.900	4.100	3.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1200	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	3.700	2.600	2.200
1201	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	10.200	7.100	6.100
1202	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	5.300	3.700	3.200
1203	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	3.300	2.300	2.000
1204	29	Đường Đồng Khởi	Đường vào công ty Trấn Biên	Đường tỉnh 768	Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	19.200	13.400	11.500
1205	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	9.000	6.300	5.400
1206	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	5.200	3.600	3.100
1207	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	2.900	2.000	1.700
1208	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	8.100	5.700	4.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1209	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	4.700	3.300	2.800
1210	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	2.600	1.800	1.600
1211	36	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Thân Nhân Trung	Phường Trảng Dài	15.000	10.500	9.000
1212	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	7.800	5.500	4.700
1213	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.700	3.300	2.800
1214	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.400	2.400	2.000
1215	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	7.000	4.900	4.200
1216	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.200	2.900	2.500
1217	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.100	2.200	1.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1218	43	Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa)	Ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài	Đường Thân Nhân Trung	Phường Trảng Dài	16.900	11.800	10.100
1219	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) đoạn từ Ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	9.000	6.300	5.400
1220	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) đoạn từ Ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.700	3.300	2.800
1221	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) đoạn từ Ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.400	2.400	2.000
1222	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) đoạn từ Ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	8.100	5.700	4.900
1223	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) đoạn từ Ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.200	2.900	2.500
1224	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) đoạn từ Ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.100	2.200	1.900
1225	50	Đường tỉnh 768B	Đường Đồng Khởi	Đường Nguyễn Khuyến	Phường Trảng Dài	19.200	13.400	11.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1226	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	9.000	6.300	5.400
1227	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	5.200	3.600	3.100
1228	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	2.900	2.000	1.700
1229	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	8.100	5.700	4.900
1230	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.700	3.300	2.800
1231	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	2.600	1.800	1.600
1232	57	Đường tỉnh 768B	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Thân Nhân Trung	Phường Trảng Dài	13.500	9.500	8.100
1233	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	6.800	4.800	4.100
1234	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.500	3.200	2.700
1235	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	2.800	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1236	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	6.100	4.300	3.700
1237	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.100	2.900	2.500
1238	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	2.500	1.800	1.500
1239	64	Đường tỉnh 768B	Đường Thân Nhân Trung	Đường Hoàng Văn Bổn	Phường Trảng Dài	10.200	7.100	6.100
1240	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Thân Nhân Trung đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	5.100	3.600	3.100
1241	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Thân Nhân Trung đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	3.400	2.400	2.000
1242	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Thân Nhân Trung đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	1.700	1.200	1.000
1243	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Thân Nhân Trung đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	4.600	3.200	2.800
1244	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Thân Nhân Trung đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	3.100	2.200	1.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1245	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Thân Nhân Trung đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	1.500	1.100	900
1246	71	Đường Bùi Trọng Nghĩa	Đường Đồng Khởi	Ngã ba cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài	Phường Trảng Dài	21.100	14.800	12.700
1247	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Ngã ba cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	11.200	7.800	6.700
1248	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Ngã ba cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	5.800	4.100	3.500
1249	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Ngã ba cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.900	2.700	2.300
1250	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Ngã ba cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	10.100	7.100	6.100
1251	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Ngã ba cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	5.200	3.600	3.100
1252	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Ngã ba cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.500	2.500	2.100
1253	78	Đường Bùi Trọng Nghĩa	Ngã ba cây xăng khu phố 3	Đường Nguyễn Khuyến	Phường Trảng Dài	17.000	11.900	10.200
1254	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Ngã ba cây xăng khu phố 3 đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	9.000	6.300	5.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1255	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Ngã ba cây xăng khu phố 3 đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	5.200	3.600	3.100
1256	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Ngã ba cây xăng khu phố 3 đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.400	2.400	2.000
1257	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Ngã ba cây xăng khu phố 3 đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	8.100	5.700	4.900
1258	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Ngã ba cây xăng khu phố 3 đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.700	3.300	2.800
1259	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Ngã ba cây xăng khu phố 3 đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.100	2.200	1.900
1260	85	Đường Trần Văn Xã	Đường Bùi Trọng Nghĩa	Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2	Phường Trảng Dài	19.000	13.300	11.400
1261	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Xã đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	10.100	7.100	6.100
1262	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Xã đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	5.200	3.600	3.100
1263	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Xã đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.700	2.600	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1264	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Xã đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	9.100	6.400	5.500
1265	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Xã đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.700	3.300	2.800
1266	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Xã đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.300	2.300	2.000
1267	92	Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học	Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2)	Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài	Phường Trảng Dài	18.000	12.600	10.800
1268	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	9.000	6.300	5.400
1269	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.700	3.300	2.800
1270	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.400	2.400	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1271	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	8.100	5.700	4.900
1272	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.200	2.900	2.500
1273	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.100	2.200	1.900
1274	99	Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học	Bên trái: Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài	Đường Nguyễn Thái Học	Phường Trảng Dài	16.900	11.800	10.100
1275	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Bên trái: Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	9.000	6.300	5.400
1276	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Bên trái: Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.700	3.300	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1277	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Bên trái: Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Trảng Dài	3.400	2.400	2.000
1278	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Bên trái: Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Trảng Dài	8.100	5.700	4.900
1279	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Bên trái: Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Trảng Dài	4.200	2.900	2.500
1280	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Bên trái: Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Trảng Dài	3.100	2.200	1.900
1281	106	Đường Thân Nhân Trung	Đường tỉnh 768B	Suối Săn Máu	Phường Trảng Dài	15.800	11.100	9.500
1282	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường tỉnh 768B đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	7.800	5.500	4.700
1283	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường tỉnh 768B đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.700	3.300	2.800
1284	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường tỉnh 768B đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.400	2.400	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1285	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường tỉnh 768B đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	7.000	4.900	4.200
1286	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường tỉnh 768B đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.200	2.900	2.500
1287	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường tỉnh 768B đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.100	2.200	1.900
1288	113	Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã)	Trong phạm vi bán kính 200 mét khu vực ngã tư Phú Thọ và chợ nhỏ Trảng Dài (giáp đường Trần Văn Xã)		Phường Trảng Dài	17.000	11.900	10.200
1289	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Trong phạm vi bán kính 200 mét khu vực ngã tư Phú Thọ và chợ nhỏ Trảng Dài (giáp đường Trần Văn Xã) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	9.000	6.300	5.400
1290	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Trong phạm vi bán kính 200 mét khu vực ngã tư Phú Thọ và chợ nhỏ Trảng Dài (giáp đường Trần Văn Xã) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	5.200	3.600	3.100
1291	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Trong phạm vi bán kính 200 mét khu vực ngã tư Phú Thọ và chợ nhỏ Trảng Dài (giáp đường Trần Văn Xã) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.700	2.600	2.200
1292	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Trong phạm vi bán kính 200 mét khu vực ngã tư Phú Thọ và chợ nhỏ Trảng Dài (giáp đường Trần Văn Xã) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	8.100	5.700	4.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1293	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Trong phạm vi bán kính 200 mét khu vực ngã tư Phú Thọ và chợ nhỏ Trảng Dài (giáp đường Trần Văn Xã) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.700	3.300	2.800
1294	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Trong phạm vi bán kính 200 mét khu vực ngã tư Phú Thọ và chợ nhỏ Trảng Dài (giáp đường Trần Văn Xã) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.300	2.300	2.000
1295	120	Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã)	Đoạn còn lại		Phường Trảng Dài	16.000	11.200	9.600
1296	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	7.800	5.500	4.700
1297	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.700	3.300	2.800
1298	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.700	2.600	2.200
1299	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	7.000	4.900	4.200
1300	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.200	2.900	2.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1301	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.300	2.300	2.000
1302	127	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Nguyễn Phúc Chu	Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến)	Phường Trảng Dài	19.000	13.300	11.400
1303	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Phúc Chu đến Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	9.000	6.300	5.400
1304	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Phúc Chu đến Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	5.200	3.600	3.100
1305	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Phúc Chu đến Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.700	2.600	2.200
1306	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Phúc Chu đến Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	8.100	5.700	4.900
1307	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Phúc Chu đến Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.700	3.300	2.800
1308	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Phúc Chu đến Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.300	2.300	2.000
1309	134	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến)	Đường Bùi Trọng Nghĩa	Phường Trảng Dài	17.900	12.500	10.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1310	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến Đường Bùi Trọng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	9.000	6.300	5.400
1311	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến Đường Bùi Trọng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	5.200	3.600	3.100
1312	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến Đường Bùi Trọng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.700	2.600	2.200
1313	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến Đường Bùi Trọng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	8.100	5.700	4.900
1314	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến Đường Bùi Trọng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.700	3.300	2.800
1315	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến Đường Bùi Trọng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	3.300	2.300	2.000
1316	141	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Bùi Trọng Nghĩa	Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ)	Phường Trảng Dài	12.600	8.800	7.600
1317	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	6.700	4.700	4.000
1318	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.500	3.200	2.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1319	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	2.800	2.000	1.700
1320	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	6.000	4.200	3.600
1321	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	4.100	2.900	2.500
1322	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	2.500	1.800	1.500
1323	148	Đường Hoàng Văn Bổn	Giáp phường Long Bình	Đường Đoàn Văn Cự	Phường Trảng Dài	7.200	5.000	4.300
1324	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp phường Long Bình đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	3.400	2.400	2.000
1325	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp phường Long Bình đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	2.800	2.000	1.700
1326	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp phường Long Bình đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	1.800	1.300	1.100
1327	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp phường Long Bình đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	3.100	2.200	1.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1328	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp phường Long Bình đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	2.500	1.800	1.500
1329	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp phường Long Bình đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	1.600	1.100	960
1330	155	Đường Đoàn Văn Cự	Đường Hoàng Văn Bổn	Đường tỉnh 768	Phường Trảng Dài	5.100	3.600	3.100
1331	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	2.200	1.500	1.300
1332	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	1.700	1.200	1.000
1333	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	1.200	840	720
1334	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	2.000	1.400	1.200
1335	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	1.500	1.100	900
1336	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	1.100	770	660
1337	162	Đường Kỳ Lân	Đường Đoàn Văn Cự	Đường Sở Quýt	Phường Trảng Dài	2.700	1.900	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1338	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kỳ Lân đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Đường Sở Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	1.400	980	840
1339	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kỳ Lân đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Đường Sở Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	1.100	770	660
1340	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kỳ Lân đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Đường Sở Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	950	670	570
1341	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kỳ Lân đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Đường Sở Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	1.300	910	780
1342	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kỳ Lân đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Đường Sở Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	990	690	590
1343	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kỳ Lân đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Đường Sở Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	860	600	520
1344	169	Đường Sở Quýt	Đường tỉnh 768	Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào	Phường Trảng Dài	3.500	2.500	2.100
1345	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	1.700	1.200	1.000
1346	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1347	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	1.100	770	660
1348	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	1.500	1.100	900
1349	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	1.300	910	780
1350	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	990	690	590
1351	176	Đường Sở Quýt	Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào	Đường Kỳ Lân	Phường Trảng Dài	3.200	2.200	1.900
1352	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào đến Đường Kỳ Lân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	1.500	1.100	900
1353	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào đến Đường Kỳ Lân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	1.300	910	780
1354	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào đến Đường Kỳ Lân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	1.100	770	660
1355	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào đến Đường Kỳ Lân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1356	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào đến Đường Kỳ Lân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	1.200	840	720
1357	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào đến Đường Kỳ Lân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	990	690	590
1358	183	Đường Sở Quýt	Đường Kỳ Lân	Giáp ranh Phường Hố Nai	Phường Trảng Dài	2.800	2.000	1.700
1359	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường Kỳ Lân đến Giáp ranh Phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	1.400	980	840
1360	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường Kỳ Lân đến Giáp ranh Phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	1.100	770	660
1361	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường Kỳ Lân đến Giáp ranh Phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	700	490	420
1362	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường Kỳ Lân đến Giáp ranh Phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	1.300	910	780
1363	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường Kỳ Lân đến Giáp ranh Phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	990	690	590
1364	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường Kỳ Lân đến Giáp ranh Phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	630	440	380
1365		Đường Tỉnh 768	Đường Đồng Khởi	Hết ranh giới phường Tân Triều	Phường Trảng Dài	10.200	7.100	6.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tỉnh 768 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh giới phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	5.100	3.600	3.100
1367		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tỉnh 768 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh giới phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	3.300	2.300	2.000
1368		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tỉnh 768 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh giới phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	1.900	1.300	1.100
1369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tỉnh 768 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh giới phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	4.600	3.200	2.800
1370		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tỉnh 768 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh giới phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	3.000	2.100	1.800
1371		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tỉnh 768 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh giới phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	1.700	1.200	1.000
1372	190	Đường tỉnh 768	Giáp ranh phường Tân Triều	Cầu Ông Hường	Phường Trảng Dài	7.400	5.200	4.400
1373	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Triều đến Cầu Ông Hường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	3.700	2.600	2.200
1374	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Triều đến Cầu Ông Hường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	2.700	1.900	1.600
1375	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Triều đến Cầu Ông Hường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1376	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Triều đến Cầu Ông Hường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	3.300	2.300	2.000
1377	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Triều đến Cầu Ông Hường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	2.400	1.700	1.400
1378	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Triều đến Cầu Ông Hường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Dài	1.600	1.100	960
1379	197	Đường tỉnh 768	Cầu Ông Hường	hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 82 về bên phải	Phường Trảng Dài	6.100	4.300	3.700
1380	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Ông Hường đến hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 82 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	2.700	1.900	1.600
1381	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Ông Hường đến hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 82 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	2.000	1.400	1.200
1382	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Ông Hường đến hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 82 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	1.400	980	840
1383	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Ông Hường đến hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 82 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	2.400	1.700	1.400
1384	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Ông Hường đến hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 82 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1385	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Ông Hường đến hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 82 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	1.300	910	780
1386	204	Đường tỉnh 768	Đường Đoàn Văn Cự	Giáp ranh xã Tân An	Phường Trảng Dài	5.600	3.900	3.400
1387	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Giáp ranh xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	2.100	1.500	1.300
1388	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Giáp ranh xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	1.300	910	780
1389	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Giáp ranh xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	1.100	770	660
1390	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Giáp ranh xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	1.900	1.300	1.100
1391	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Giáp ranh xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	1.200	840	720
1392	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Giáp ranh xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	990	690	590
1393	211	Đường Bưng Mua	Đường tỉnh 768	Suối Bà Ba	Phường Trảng Dài	4.700	3.300	2.800
1394	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Mua đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Suối Bà Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	2.300	1.600	1.400
1395	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Mua đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Suối Bà Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1396	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Mua đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Suối Bà Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	1.100	770	660
1397	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Mua đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Suối Bà Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	2.100	1.500	1.300
1398	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Mua đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Suối Bà Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	1.400	980	840
1399	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Mua đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Suối Bà Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	990	690	590
1400	218	Đường Bưng Mua	Suối Bà Ba	Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 100; Bên trái: hết ranh thửa đất số 679, tờ BĐĐC số 100	Phường Trảng Dài	6.100	4.300	3.700
1401	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Mua đoạn từ Suối Bà Ba đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 100; Bên trái: hết ranh thửa đất số 679, tờ BĐĐC số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	2.400	1.700	1.400
1402	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Mua đoạn từ Suối Bà Ba đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 100; Bên trái: hết ranh thửa đất số 679, tờ BĐĐC số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	1.500	1.100	900
1403	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Mua đoạn từ Suối Bà Ba đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 100; Bên trái: hết ranh thửa đất số 679, tờ BĐĐC số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	1.100	770	660
1404	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Mua đoạn từ Suối Bà Ba đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 100; Bên trái: hết ranh thửa đất số 679, tờ BĐĐC số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	2.200	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1405	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Mua đoạn từ Suối Bà Ba đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 100; Bên trái: hết ranh thửa đất số 679, tờ BĐĐC số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	1.400	980	840
1406	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Mua đoạn từ Suối Bà Ba đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 100; Bên trái: hết ranh thửa đất số 679, tờ BĐĐC số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	990	690	590
1407	225	Đường Tân Hiền	Đường tỉnh 768	Giáp ranh phường Tân Triều	Phường Trảng Dài	4.100	2.900	2.500
1408	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	2.000	1.400	1.200
1409	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	1.600	1.100	960
1410	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	1.100	770	660
1411	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	1.800	1.300	1.100
1412	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	1.400	980	840
1413	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	990	690	590
1414	232	Đường Bùng Binh	Đường tỉnh 768	Đường Đoàn Văn Cự	Phường Trảng Dài	2.700	1.900	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1415	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùng Binh đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	1.400	980	840
1416	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùng Binh đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	1.100	770	660
1417	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùng Binh đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	950	670	570
1418	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùng Binh đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	1.300	910	780
1419	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùng Binh đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	990	690	590
1420	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùng Binh đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	860	600	520
1421	239	Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ)	Đường tỉnh 768	Đường Đoàn Văn Cự	Phường Trảng Dài	2.700	1.900	1.600
1422	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	1.400	980	840
1423	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	1.100	770	660
1424	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	680	480	410

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1425	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	1.300	910	780
1426	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	990	690	590
1427	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	610	430	370
1428	246	Đường Ông Thanh	Đường Bùng Binh	Đường Xóm Gò	Phường Trảng Dài	2.500	1.800	1.500
1429	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ông Thanh đoạn từ Đường Bùng Binh đến Đường Xóm Gò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	1.300	910	780
1430	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ông Thanh đoạn từ Đường Bùng Binh đến Đường Xóm Gò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	1.000	700	600
1431	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ông Thanh đoạn từ Đường Bùng Binh đến Đường Xóm Gò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	630	440	380
1432	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ông Thanh đoạn từ Đường Bùng Binh đến Đường Xóm Gò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	1.200	840	720
1433	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ông Thanh đoạn từ Đường Bùng Binh đến Đường Xóm Gò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	900	630	540
1434	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ông Thanh đoạn từ Đường Bùng Binh đến Đường Xóm Gò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	570	400	340

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1435	253	Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài	Đường tỉnh 768	Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19 (BĐĐC phường Tân Triều)	Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	5.400	3.800	3.200
1436	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19 (BĐĐC phường Tân Triều) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	2.000	1.400	1.200
1437	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19 (BĐĐC phường Tân Triều) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	1.400	980	840
1438	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19 (BĐĐC phường Tân Triều) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	1.200	840	720
1439	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19 (BĐĐC phường Tân Triều) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	1.800	1.300	1.100
1440	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19 (BĐĐC phường Tân Triều) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	1.300	910	780
1441	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19 (BĐĐC phường Tân Triều) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	1.100	770	660
1442	260	Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài	Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19 (BĐĐC phường Tân Triều)	Hết ranh thửa đất 518 tờ BĐĐC số 18	Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	4.700	3.300	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1443	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19 (BĐĐC phường Tân Triều) đến Hết ranh thửa đất 518 tờ BĐĐC số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	2.000	1.400	1.200
1444	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19 (BĐĐC phường Tân Triều) đến Hết ranh thửa đất 518 tờ BĐĐC số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	1.400	980	840
1445	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19 (BĐĐC phường Tân Triều) đến Hết ranh thửa đất 518 tờ BĐĐC số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	1.200	840	720
1446	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19 (BĐĐC phường Tân Triều) đến Hết ranh thửa đất 518 tờ BĐĐC số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	1.800	1.300	1.100
1447	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19 (BĐĐC phường Tân Triều) đến Hết ranh thửa đất 518 tờ BĐĐC số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	1.300	910	780
1448	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19 (BĐĐC phường Tân Triều) đến Hết ranh thửa đất 518 tờ BĐĐC số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	1.100	770	660
1449	1	Đường Điều Xiển	Ranh phường Hố Nai	Đường Bắc Sơn - Long Thành	Phường Hố Nai, Phường Long Bình	22.300	15.600	13.400
1450	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điều Xiển đoạn từ Ranh phường Hố Nai đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai, Phường Long Bình	10.100	7.100	6.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1451	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điều Xiển đoạn từ Ranh phường Hố Nai đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai, Phường Long Bình	6.700	4.700	4.000
1452	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điều Xiển đoạn từ Ranh phường Hố Nai đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai, Phường Long Bình	4.400	3.100	2.600
1453	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điều Xiển đoạn từ Ranh phường Hố Nai đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai, Phường Long Bình	9.100	6.400	5.500
1454	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điều Xiển đoạn từ Ranh phường Hố Nai đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai, Phường Long Bình	6.000	4.200	3.600
1455	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điều Xiển đoạn từ Ranh phường Hố Nai đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai, Phường Long Bình	4.000	2.800	2.400
1456	36	Quốc lộ 1	Nguyễn Trường Tộ	Đường Phùng Khắc Khoan	Phường Hố Nai	39.100	27.400	23.500
1457	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nguyễn Trường Tộ đến Đường Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	16.600	11.600	10.000
1458	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nguyễn Trường Tộ đến Đường Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	7.700	5.400	4.600
1459	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nguyễn Trường Tộ đến Đường Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	5.900	4.100	3.500
1460	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nguyễn Trường Tộ đến Đường Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	14.900	10.400	8.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1461	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nguyễn Trường Tộ đến Đường Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	6.900	4.800	4.100
1462	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nguyễn Trường Tộ đến Đường Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	5.300	3.700	3.200
1463	43	Quốc lộ 1	Đường Phùng Khắc Khoan	Hết chợ Thái Bình	Phường Hố Nai	29.600	20.700	17.800
1464	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Hết chợ Thái Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	14.200	9.900	8.500
1465	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Hết chợ Thái Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	9.500	6.700	5.700
1466	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Hết chợ Thái Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	5.900	4.100	3.500
1467	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Hết chợ Thái Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	12.800	9.000	7.700
1468	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Hết chợ Thái Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	8.600	6.000	5.200
1469	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Hết chợ Thái Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	5.300	3.700	3.200
1470	50	Quốc lộ 1	Hết chợ Thái Bình	Đường Ngô Xá	Phường Hố Nai	24.900	17.400	14.900
1471	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chợ Thái Bình đến Đường Ngô Xá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	10.700	7.500	6.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1472	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chợ Thái Bình đến Đường Ngô Xá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	6.200	4.300	3.700
1473	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chợ Thái Bình đến Đường Ngô Xá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.600	3.200	2.800
1474	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chợ Thái Bình đến Đường Ngô Xá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	9.600	6.700	5.800
1475	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chợ Thái Bình đến Đường Ngô Xá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	5.600	3.900	3.400
1476	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chợ Thái Bình đến Đường Ngô Xá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.100	2.900	2.500
1477	57	Quốc lộ 1	Đường Ngô Xá	Giáp ranh xã Bình Minh	Phường Hố Nai	20.400	14.300	12.200
1478	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Xá đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	9.600	6.700	5.800
1479	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Xá đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	6.000	4.200	3.600
1480	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Xá đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.800	3.400	2.900
1481	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Xá đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	8.600	6.000	5.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1482	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Xá đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	5.400	3.800	3.200
1483	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Xá đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.300	3.000	2.600
1484	57	Đường Phùng Khắc Khoan	Quốc lộ 1	Đường Điểu Xiển	Phường Hố Nai	30.500	21.400	18.300
1485	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Điểu Xiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	11.200	7.800	6.700
1486	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Điểu Xiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	8.100	5.700	4.900
1487	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Điểu Xiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	5.600	3.900	3.400
1488	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Điểu Xiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	10.100	7.100	6.100
1489	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Điểu Xiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	7.300	5.100	4.400
1490	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Điểu Xiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1491	64	Đường Lê Ngô Cát	Quốc lộ 1	Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Phường Hố Nai	20.100	14.100	12.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1492	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	9.500	6.700	5.700
1493	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	5.400	3.800	3.200
1494	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	3.900	2.700	2.300
1495	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	8.600	6.000	5.200
1496	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	4.900	3.400	2.900
1497	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	3.500	2.500	2.100
1498	71	Đường Lê Ngô Cát	Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm	Phường Hố Nai	14.200	9.900	8.500
1499	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ đến Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	7.100	5.000	4.300
1500	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ đến Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.900	2.700	2.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1501	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ đến Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.700	1.900	1.600
1502	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ đến Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	6.400	4.500	3.800
1503	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ đến Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.500	2.500	2.100
1504	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ đến Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.400	1.700	1.400
1505	78	Đường Lê Ngô Cát	Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm	Đường Đông Hải - Lộ Đức	Phường Hố Nai	9.500	6.700	5.700
1506	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm đến Đường Đông Hải - Lộ Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	4.700	3.300	2.800
1507	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm đến Đường Đông Hải - Lộ Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.200	2.200	1.900
1508	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm đến Đường Đông Hải - Lộ Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	1.900	1.300	1.100
1509	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm đến Đường Đông Hải - Lộ Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	4.200	2.900	2.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1510	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm đến Đường Đông Hải - Lộ Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	2.900	2.000	1.700
1511	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm đến Đường Đông Hải - Lộ Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	1.700	1.200	1.000
1512	85	Đường Ngô Xá	Quốc lộ 1	Đường sắt	Phường Hố Nai	8.700	6.100	5.200
1513	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Xá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	4.400	3.100	2.600
1514	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Xá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.300	2.300	2.000
1515	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Xá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.200	1.500	1.300
1516	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Xá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	4.000	2.800	2.400
1517	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Xá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.000	2.100	1.800
1518	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Xá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.000	1.400	1.200
1519	92	Đường bên hông giáo xứ Sài Quất	Quốc lộ 1	Đến thửa đất số 677, tờ BĐĐC số 108	Phường Hố Nai	8.600	6.000	5.200
1520	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông giáo xứ Sài Quất đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 677, tờ BĐĐC số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	4.300	3.000	2.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1521	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông giáo xứ Sài Quất đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 677, tờ BĐĐC số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.300	2.300	2.000
1522	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông giáo xứ Sài Quất đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 677, tờ BĐĐC số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.200	1.500	1.300
1523	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông giáo xứ Sài Quất đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 677, tờ BĐĐC số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	3.900	2.700	2.300
1524	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông giáo xứ Sài Quất đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 677, tờ BĐĐC số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.000	2.100	1.800
1525	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông giáo xứ Sài Quất đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 677, tờ BĐĐC số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.000	1.400	1.200
1526	99	Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình)	Quốc lộ 1	Đường sắt	Phường Hố Nai	8.600	6.000	5.200
1527	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	4.300	3.000	2.600
1528	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.300	2.300	2.000
1529	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.200	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1530	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	3.900	2.700	2.300
1531	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.000	2.100	1.800
1532	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.000	1.400	1.200
1533	106	Đường Thái Hòa 4	Quốc lộ 1	Đường sắt	Phường Hố Nai	9.300	6.500	5.600
1534	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.600	3.900	3.400
1535	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1536	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1537	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1538	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1539	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.100	2.900	2.500
1540	113	Đường Đông Hải - Lộ Đức	Đường Lê Ngô Cát	Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh	Phường Hố Nai	7.500	5.300	4.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1541	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường Lê Ngô Cát đến Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	3.700	2.600	2.200
1542	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường Lê Ngô Cát đến Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	2.300	1.600	1.400
1543	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường Lê Ngô Cát đến Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	1.600	1.100	960
1544	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường Lê Ngô Cát đến Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	3.300	2.300	2.000
1545	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường Lê Ngô Cát đến Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	2.100	1.500	1.300
1546	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường Lê Ngô Cát đến Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	1.400	980	840
1547	120	Đường Đông Hải - Lộ Đức	Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh	Nhà thờ Lai Ổn	Phường Hố Nai	6.500	4.600	3.900
1548	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Nhà thờ Lai Ổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	2.900	2.000	1.700
1549	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Nhà thờ Lai Ổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1550	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Nhà thờ Lai Ổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	1.300	910	780
1551	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Nhà thờ Lai Ổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	2.600	1.800	1.600
1552	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Nhà thờ Lai Ổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	1.800	1.300	1.100
1553	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Nhà thờ Lai Ổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	1.200	840	720
1554	127	Đường Đông Hải - Lộ Đức	Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh	Hết thửa đất 105 tờ BĐĐCsố 89	Phường Hố Nai	6.000	4.200	3.600
1555	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Hết thửa đất 105 tờ BĐĐCsố 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	2.900	2.000	1.700
1556	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Hết thửa đất 105 tờ BĐĐCsố 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	2.000	1.400	1.200
1557	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Hết thửa đất 105 tờ BĐĐCsố 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	1.300	910	780
1558	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Hết thửa đất 105 tờ BĐĐCsố 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	2.600	1.800	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1559	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Hết thửa đất 105 tờ BĐĐCsố 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	1.800	1.300	1.100
1560	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Hết thửa đất 105 tờ BĐĐCsố 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	1.200	840	720
1561	134	Ngũ Phúc 1	Quốc lộ 1	Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103	Phường Hố Nai	9.300	6.500	5.600
1562	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngũ Phúc 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.600	3.900	3.400
1563	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngũ Phúc 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1564	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngũ Phúc 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1565	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngũ Phúc 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1566	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngũ Phúc 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1567	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngũ Phúc 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.100	2.900	2.500
1568	141	Ngũ Phúc 2	Quốc lộ 1	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103	Phường Hố Nai	9.300	6.500	5.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1569	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngũ Phúc 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.600	3.900	3.400
1570	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngũ Phúc 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1571	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngũ Phúc 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1572	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngũ Phúc 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1573	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngũ Phúc 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1574	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngũ Phúc 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.100	2.900	2.500
1575	148	Đường vào đập Thanh Niên	Quốc lộ 1	Hết mét thứ 200	Phường Hố Nai	8.600	6.000	5.200
1576	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	4.300	3.000	2.600
1577	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.300	2.300	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1578	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.200	1.500	1.300
1579	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	3.900	2.700	2.300
1580	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.000	2.100	1.800
1581	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.000	1.400	1.200
1582	155	Đường vào đập Thanh Niên	Hết mét thứ 200	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101	Phường Hố Nai	5.800	4.100	3.500
1583	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	2.900	2.000	1.700
1584	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	2.400	1.700	1.400
1585	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1586	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	2.600	1.800	1.600
1587	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	2.200	1.500	1.300
1588	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	1.400	980	840
1589	162	Đường Trung Đông	Đường Đông Hải - Lộ Đức	Giáp ranh phường Trảng Dài	Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1590	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Đông đoạn từ Đường Đông Hải - Lộ Đức đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	2.400	1.700	1.400
1591	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Đông đoạn từ Đường Đông Hải - Lộ Đức đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	1.700	1.200	1.000
1592	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Đông đoạn từ Đường Đông Hải - Lộ Đức đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	1.200	840	720
1593	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Đông đoạn từ Đường Đông Hải - Lộ Đức đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	2.200	1.500	1.300
1594	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Đông đoạn từ Đường Đông Hải - Lộ Đức đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1595	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Đông đoạn từ Đường Đông Hải - Lộ Đức đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	1.100	770	660
1596	169	Đường Xóm Chùa	Quốc lộ 1	Đến thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 110	Phường Hố Nai	9.300	6.500	5.600
1597	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.600	3.900	3.400
1598	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1599	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1600	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1601	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1602	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.100	2.900	2.500
1603	176	Đường Xóm Chùa	Từ thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 110	Đến thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69	Phường Hố Nai	9.100	6.400	5.500
1604	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Từ thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 110 đến Đến thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.600	3.900	3.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1605	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Từ thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 110 đến Đến thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1606	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Từ thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 110 đến Đến thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1607	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Từ thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 110 đến Đến thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1608	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Từ thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 110 đến Đến thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1609	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Từ thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 110 đến Đến thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.100	2.900	2.500
1610	183	Đường Trung Tâm	Quốc lộ 1	Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98	Phường Hố Nai	9.300	6.500	5.600
1611	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Tâm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.600	3.900	3.400
1612	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Tâm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1613	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Tâm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1614	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Tâm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1615	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Tâm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1616	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Tâm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.100	2.900	2.500
1617	190	Đường Trung tâm	Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98	Đường Trung Đông	Phường Hố Nai	8.500	6.000	5.100
1618	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm đoạn từ Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 đến Đường Trung Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	3.400	2.400	2.000
1619	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm đoạn từ Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 đến Đường Trung Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	2.550	1.800	1.500
1620	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm đoạn từ Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 đến Đường Trung Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	1.700	1.200	1.000
1621	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm đoạn từ Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 đến Đường Trung Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	3.100	2.200	1.900
1622	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm đoạn từ Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 đến Đường Trung Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	2.300	1.600	1.400
1623	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm đoạn từ Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 đến Đường Trung Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	1.500	1.100	900
1624	197	Đường Thái Hòa 6	Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 70)	Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70)	Phường Hố Nai	9.300	6.500	5.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1625	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 70) đến Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.600	3.900	3.400
1626	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 70) đến Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1627	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 70) đến Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1628	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 70) đến Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1629	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 70) đến Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1630	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 70) đến Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.100	2.900	2.500
1631	204	Đường Thái Hòa 6	Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70)	Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105)	Phường Hố Nai	9.100	6.400	5.500
1632	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) đến Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.600	3.900	3.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1633	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) đến Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1634	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) đến Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1635	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) đến Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1636	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) đến Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1637	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) đến Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.100	2.900	2.500
1638	211	Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng	Quốc lộ 1	Bên phải, hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 71	Phường Hố Nai	10.900	7.600	6.500
1639	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	4.800	3.400	2.900
1640	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.300	2.300	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1641	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.200	1.500	1.300
1642	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	4.300	3.000	2.600
1643	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.000	2.100	1.800
1644	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.000	1.400	1.200
1645	218	Đường Thái Hòa 1	Quốc lộ 1	Hết mét thứ 200	Phường Hố Nai	9.300	6.500	5.600
1646	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.600	3.900	3.400
1647	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1648	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1649	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1650	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1651	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.100	2.900	2.500
1652	225	Đường Thái Hòa 1	Hết mét thứ 200	Đường Bắc Sơn - Long Thành	Phường Hố Nai	9.100	6.400	5.500
1653	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.600	3.900	3.400
1654	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1655	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1656	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1657	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1658	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.100	2.900	2.500
1659	232	Đường Thanh Hóa	Quốc lộ 1	Hết mét thứ 200	Phường Hố Nai	9.300	6.500	5.600
1660	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.600	3.900	3.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1661	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1662	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1663	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1664	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1665	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.100	2.900	2.500
1666	239	Đường Thanh Hóa	Hết mét thứ 200	Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71	Phường Hố Nai	9.100	6.400	5.500
1667	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.600	3.900	3.400
1668	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1669	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1670	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1671	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1672	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.100	2.900	2.500
1673	246	Đường Thanh Hóa 1	Quốc lộ 1	Hết mét thứ 270	Phường Hố Nai	9.300	6.500	5.600
1674	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 270 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.600	3.900	3.400
1675	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 270 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1676	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 270 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1677	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 270 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1678	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 270 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1679	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 270 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.100	2.900	2.500
1680	253	Đường Thanh Hóa 1	Hết mét thứ 270	Đường liên xã Bắc Sơn - HN3	Phường Hố Nai	9.100	6.400	5.500
1681	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Hết mét thứ 270 đến Đường liên xã Bắc Sơn - HN3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.600	3.900	3.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1682	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Hết mét thứ 270 đến Đường liên xã Bắc Sơn - HN3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1683	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Hết mét thứ 270 đến Đường liên xã Bắc Sơn - HN3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1684	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Hết mét thứ 270 đến Đường liên xã Bắc Sơn - HN3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.000	3.500	3.000
1685	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Hết mét thứ 270 đến Đường liên xã Bắc Sơn - HN3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	4.500	3.200	2.700
1686	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Hết mét thứ 270 đến Đường liên xã Bắc Sơn - HN3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	4.100	2.900	2.500
1687	260	Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3	Quốc lộ 1	Hết mét thứ 300	Phường Hố Nai	10.600	7.400	6.400
1688	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.100	3.600	3.100
1689	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.600	2.500	2.200
1690	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.200	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1691	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	4.600	3.200	2.800
1692	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.200	2.200	1.900
1693	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.000	1.400	1.200
1694	267	Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3	Hết mét thứ 300	Đường sắt	Phường Hố Nai	9.300	6.500	5.600
1695	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	4.600	3.200	2.800
1696	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.600	2.500	2.200
1697	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.200	1.500	1.300
1698	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	4.100	2.900	2.500
1699	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.200	2.200	1.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1700	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.000	1.400	1.200
1701	274	Đường vào khu công nghiệp Hố Nai	Quốc lộ 1	Đường sắt	Phường Hố Nai	11.600	8.100	7.000
1702	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Hố Nai đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	5.100	3.600	3.100
1703	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Hố Nai đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.600	2.500	2.200
1704	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Hố Nai đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.200	1.500	1.300
1705	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Hố Nai đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	4.600	3.200	2.800
1706	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Hố Nai đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.200	2.200	1.900
1707	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Hố Nai đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.000	1.400	1.200
1708	281	Đường Bắc Sơn - Long Thành	Quốc lộ 1	Đường sắt	Phường Hố Nai	9.800	6.900	5.900
1709	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	4.700	3.300	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1710	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.300	2.300	2.000
1711	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.200	1.500	1.300
1712	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	4.200	2.900	2.500
1713	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.000	2.100	1.800
1714	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.000	1.400	1.200
1715		Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3	Đường Thanh Hóa 1	Đường An Chu 7	Phường Hố Nai	9.400	6.600	5.600
1716		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường Thanh Hóa 1 đến Đường An Chu 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	4.700	3.300	2.800
1717		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường Thanh Hóa 1 đến Đường An Chu 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.760	2.600	2.300
1718		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường Thanh Hóa 1 đến Đường An Chu 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.820	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1719		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường Thanh Hóa 1 đến Đường An Chu 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	4.200	2.900	2.500
1720		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường Thanh Hóa 1 đến Đường An Chu 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.400	2.400	2.000
1721		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường Thanh Hóa 1 đến Đường An Chu 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.500	1.800	1.500
1722		Đường An Chu 7	Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3	Đường số 2 trong KCN	Phường Hố Nai	9.400	6.600	5.600
1723		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	4.700	3.300	2.800
1724		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.760	2.600	2.300
1725		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.820	2.000	1.700
1726		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	4.200	2.900	2.500
1727		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	3.400	2.400	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1728		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	2.500	1.800	1.500
1729	1	Xa lộ Hà Nội	Vòng Xoay Tam Hiệp	Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai	Phường Long Hưng	28.600	20.000	17.200
1730	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng Xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	11.200	7.800	6.700
1731	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng Xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	6.700	4.700	4.000
1732	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng Xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	5.000	3.500	3.000
1733	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng Xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	10.100	7.100	6.100
1734	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng Xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	6.000	4.200	3.600
1735	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng Xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Hưng	4.500	3.200	2.700
1736	8	Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1)	Quốc lộ 51	Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35	Phường Long Hưng	27.900	19.500	16.700
1737	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	12.700	8.900	7.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1738	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	7.100	5.000	4.300
1739	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	4.900	3.400	2.900
1740	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	11.400	8.000	6.800
1741	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	6.400	4.500	3.800
1742	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Hưng	4.400	3.100	2.600
1743	15	Quốc lộ 51	Ngã ba Vũng Tàu	Đường Nguyễn Thiện Thuật	Phường Long Hưng	34.300	24.000	20.600
1744	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba Vũng Tàu đến Đường Nguyễn Thiện Thuật có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	14.200	9.900	8.500
1745	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba Vũng Tàu đến Đường Nguyễn Thiện Thuật có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	8.500	6.000	5.100
1746	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba Vũng Tàu đến Đường Nguyễn Thiện Thuật có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	5.300	3.700	3.200
1747	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba Vũng Tàu đến Đường Nguyễn Thiện Thuật có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	12.800	9.000	7.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1748	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba Vũng Tàu đến Đường Nguyễn Thiện Thuật có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	7.700	5.400	4.600
1749	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba Vũng Tàu đến Đường Nguyễn Thiện Thuật có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Hưng	4.800	3.400	2.900
1750	22	Quốc lộ 51	Nguyễn Thiện Thuật	Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Phường Long Hưng	27.200	19.000	16.300
1751	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Nguyễn Thiện Thuật đến Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	11.800	8.300	7.100
1752	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Nguyễn Thiện Thuật đến Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	6.200	4.300	3.700
1753	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Nguyễn Thiện Thuật đến Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	4.600	3.200	2.800
1754	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Nguyễn Thiện Thuật đến Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	10.600	7.400	6.400
1755	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Nguyễn Thiện Thuật đến Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	5.600	3.900	3.400
1756	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Nguyễn Thiện Thuật đến Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Hưng	4.100	2.900	2.500
1757	29	Quốc lộ 51	Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Trung Trực	Phường Long Hưng	23.700	16.600	14.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1758	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	10.700	7.500	6.400
1759	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	5.400	3.800	3.200
1760	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	4.100	2.900	2.500
1761	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	9.600	6.700	5.800
1762	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	4.900	3.400	2.900
1763	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Hưng	3.700	2.600	2.200
1764	36	Quốc lộ 51	Đường Nguyễn Trung Trực	Giáp ranh phường Phước Tân	Phường Long Hưng	16.600	11.600	10.000
1765	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	8.300	5.800	5.000
1766	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	4.600	3.200	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1767	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	3.900	2.700	2.300
1768	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	7.500	5.300	4.500
1769	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	4.100	2.900	2.500
1770	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Hưng	3.500	2.500	2.100
1771	43	Đường Trương Văn Hải	Quốc lộ 51	Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái	Phường Long Hưng	22.800	16.000	13.700
1772	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Hải đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	11.400	8.000	6.800
1773	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Hải đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	8.900	6.200	5.300
1774	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Hải đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	6.300	4.400	3.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1775	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Hải đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	10.300	7.200	6.200
1776	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Hải đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	8.000	5.600	4.800
1777	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Hải đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Hưng	5.700	4.000	3.400
1778	50	Đường Châu Văn Lồng	Quốc lộ 51	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53	Phường Long Hưng	16.600	11.600	10.000
1779	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Lồng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	10.700	7.500	6.400
1780	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Lồng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	5.000	3.500	3.000
1781	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Lồng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	3.900	2.700	2.300
1782	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Lồng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	9.600	6.700	5.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1783	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Lồng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	4.500	3.200	2.700
1784	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Lồng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Hưng	3.500	2.500	2.100
1785	57	Đường Nguyễn Văn Tỏ	Quốc lộ 51	Suối Bà Lúa	Phường Long Hưng	22.800	16.000	13.700
1786	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Suối Bà Lúa có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	8.900	6.200	5.300
1787	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Suối Bà Lúa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	5.300	3.700	3.200
1788	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Suối Bà Lúa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	4.200	2.900	2.500
1789	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Suối Bà Lúa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	8.000	5.600	4.800
1790	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Suối Bà Lúa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	4.800	3.400	2.900
1791	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Suối Bà Lúa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Hưng	3.800	2.700	2.300
1792	64	Đường Nguyễn Văn Tỏ	Suối Bà Lúa	Đường Ngô Quyền (Hết ranh thửa đất số 289 tờ bản đồ số 117)	Phường Long Hưng	16.500	11.600	9.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1793	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Suối Bà Lúa đến Đường Ngô Quyền (Hết ranh thửa đất số 289 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	8.900	6.200	5.300
1794	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Suối Bà Lúa đến Đường Ngô Quyền (Hết ranh thửa đất số 289 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	4.400	3.100	2.600
1795	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Suối Bà Lúa đến Đường Ngô Quyền (Hết ranh thửa đất số 289 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	3.300	2.300	2.000
1796	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Suối Bà Lúa đến Đường Ngô Quyền (Hết ranh thửa đất số 289 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	8.000	5.600	4.800
1797	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Suối Bà Lúa đến Đường Ngô Quyền (Hết ranh thửa đất số 289 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	4.000	2.800	2.400
1798	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Suối Bà Lúa đến Đường Ngô Quyền (Hết ranh thửa đất số 289 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Hưng	3.000	2.100	1.800
1799	71	Đường B5	Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài)	Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và 3)	Phường Long Hưng	24.900	17.400	14.900
1800	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B5 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và 3) có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	11.800	8.300	7.100
1801	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B5 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	7.100	5.000	4.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1802	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B5 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	4.600	3.200	2.800
1803	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B5 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	10.600	7.400	6.400
1804	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B5 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	6.400	4.500	3.800
1805	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B5 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Hưng	4.100	2.900	2.500
1806	78	Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài)	Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên	Quốc lộ 51	Phường Long Hưng	29.700	20.800	17.800
1807	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	13.400	9.400	8.000
1808	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	7.300	5.100	4.400
1809	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	5.000	3.500	3.000
1810	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	12.100	8.500	7.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1811	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	6.600	4.600	4.000
1812	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	4.500	3.200	2.700
1813	85	Đường Nguyễn Trung Trực	Quốc lộ 51	Nhà văn hóa ấp 4	Phường Long Hưng	12.700	8.900	7.600
1814	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Quốc lộ 51 đến Nhà văn hóa ấp 4 có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	6.300	4.400	3.800
1815	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Quốc lộ 51 đến Nhà văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	4.600	3.200	2.800
1816	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Quốc lộ 51 đến Nhà văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	2.900	2.000	1.700
1817	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Quốc lộ 51 đến Nhà văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	5.700	4.000	3.400
1818	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Quốc lộ 51 đến Nhà văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	4.100	2.900	2.500
1819	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Quốc lộ 51 đến Nhà văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Hưng	2.600	1.800	1.600
1820	92	Đường Nguyễn Trung Trực	Nhà văn hóa ấp 4	Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150	Phường Long Hưng	8.900	6.200	5.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1821	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Nhà văn hóa ấp 4 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150 có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	5.100	3.600	3.100
1822	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Nhà văn hóa ấp 4 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	3.300	2.300	2.000
1823	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Nhà văn hóa ấp 4 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	2.300	1.600	1.400
1824	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Nhà văn hóa ấp 4 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	4.600	3.200	2.800
1825	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Nhà văn hóa ấp 4 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	3.000	2.100	1.800
1826	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Nhà văn hóa ấp 4 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Hưng	2.100	1.500	1.300
1827	99	Đường Ngô Quyền	Quốc lộ 51	Cầu An Hòa	Phường Long Hưng	25.400	17.800	15.200
1828	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu An Hòa có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	11.400	8.000	6.800
1829	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu An Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	5.300	3.700	3.200
1830	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu An Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	4.200	2.900	2.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1831	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu An Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	10.300	7.200	6.200
1832	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu An Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	4.800	3.400	2.900
1833	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu An Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Hưng	3.800	2.700	2.300
1834	106	Đường Nguyễn Thiện Thuật	Quốc lộ 51	Đường Ngô Quyền	Phường Long Hưng	14.000	9.800	8.400
1835	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiện Thuật đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	6.300	4.400	3.800
1836	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiện Thuật đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	3.900	2.700	2.300
1837	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiện Thuật đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	2.700	1.900	1.600
1838	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiện Thuật đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	5.700	4.000	3.400
1839	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiện Thuật đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	3.500	2.500	2.100
1840	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiện Thuật đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Hưng	2.400	1.700	1.400
1841	113	Đường Võ Nguyên Giáp	Quốc lộ 51	Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài)	Phường Long Hưng	23.300	16.300	14.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1842	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	13.400	9.400	8.000
1843	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	7.300	5.100	4.400
1844	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	4.400	3.100	2.600
1845	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	12.100	8.500	7.300
1846	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	6.600	4.600	4.000
1847	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Hưng	4.000	2.800	2.400
1848	120	Hương lộ 2	Đường Ngô Quyền	Cầu cây Ngã	Phường Long Hưng	12.200	8.500	7.300
1849	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Hưng	8.100	5.700	4.900
1850	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	4.100	2.900	2.500
1851	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1852	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Hưng	7.300	5.100	4.400
1853	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	3.700	2.600	2.200
1854	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Hưng	1.800	1.300	1.100
1855	127	Hương lộ 2	Cầu cây Ngã	Cầu Vấp	Phường Long Hưng	9.500	6.700	5.700
1856	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu cây Ngã đến Cầu Vấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Hưng	5.400	3.800	3.200
1857	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu cây Ngã đến Cầu Vấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	2.700	1.900	1.600
1858	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu cây Ngã đến Cầu Vấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	2.000	1.400	1.200
1859	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu cây Ngã đến Cầu Vấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Hưng	4.900	3.400	2.900
1860	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu cây Ngã đến Cầu Vấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	2.400	1.700	1.400
1861	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu cây Ngã đến Cầu Vấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Hưng	1.800	1.300	1.100
1862	134	Hương lộ 2	Cầu Vấp	Hết ranh phường Long Hưng	Phường Long Hưng	6.800	4.800	4.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1863	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu Vấp đến Hết ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Hưng	4.100	2.900	2.500
1864	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu Vấp đến Hết ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	2.400	1.700	1.400
1865	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu Vấp đến Hết ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	2.000	1.400	1.200
1866	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu Vấp đến Hết ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Hưng	3.700	2.600	2.200
1867	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu Vấp đến Hết ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	2.200	1.500	1.300
1868	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu Vấp đến Hết ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Hưng	1.800	1.300	1.100
1869	141	Đường Phước Tân - Long Hưng	Hương Lộ 2	Ranh phường Long Hưng	Phường Long Hưng	6.800	4.800	4.100
1870	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Hương Lộ 2 đến Ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Hưng	4.100	2.900	2.500
1871	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Hương Lộ 2 đến Ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	2.300	1.600	1.400
1872	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Hương Lộ 2 đến Ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1873	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Hương Lộ 2 đến Ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Hưng	3.700	2.600	2.200
1874	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Hương Lộ 2 đến Ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	2.100	1.500	1.300
1875	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Hương Lộ 2 đến Ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Hưng	1.800	1.300	1.100
1876	1	Đường Nguyễn Ái Quốc	Giáp ranh phường Trấn Biên	Đường Đồng Khởi	Phường Tân Triều	40.600	28.400	24.400
1877	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	17.600	12.300	10.600
1878	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	11.500	8.100	6.900
1879	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	7.400	5.200	4.400
1880	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	15.800	11.100	9.500
1881	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	10.400	7.300	6.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1882	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	6.700	4.700	4.000
1883	15	Đường Đồng Khởi	Cầu Đồng Khởi	Đường Nguyễn Văn Tiên	Phường Tân Triều	29.300	20.500	17.600
1884	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	11.300	7.900	6.800
1885	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	6.700	4.700	4.000
1886	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	4.400	3.100	2.600
1887	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	10.200	7.100	6.100
1888	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	6.000	4.200	3.600
1889	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	4.000	2.800	2.400
1890	36	Đường Nguyễn Văn Tiên	Đường Đồng Khởi	Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức	Phường Tân Triều	17.800	12.500	10.700
1891	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	8.900	6.200	5.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1892	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	5.300	3.700	3.200
1893	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	3.800	2.700	2.300
1894	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	8.000	5.600	4.800
1895	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	4.800	3.400	2.900
1896	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	3.400	2.400	2.000
1897	43	Đường Nguyễn Văn Tiên	Khu dân cư Hốc Bà Thức	Đường ranh tường rào sân bay	Phường Tân Triều	12.700	8.900	7.600
1898	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Khu dân cư Hốc Bà Thức đến Đường ranh tường rào sân bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	6.300	4.400	3.800
1899	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Khu dân cư Hốc Bà Thức đến Đường ranh tường rào sân bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	4.900	3.400	2.900
1900	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Khu dân cư Hốc Bà Thức đến Đường ranh tường rào sân bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	3.300	2.300	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1901	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Khu dân cư Hốc Bà Thức đến Đường ranh tường rào sân bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	5.700	4.000	3.400
1902	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Khu dân cư Hốc Bà Thức đến Đường ranh tường rào sân bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	4.400	3.100	2.600
1903	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Khu dân cư Hốc Bà Thức đến Đường ranh tường rào sân bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	3.000	2.100	1.800
1904	50	Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều			Phường Tân Triều	27.900	19.500	16.700
1905	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	16.500	11.600	9.900
1906	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	7.500	5.300	4.500
1907	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	4.900	3.400	2.900
1908	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	14.900	10.400	8.900
1909	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	6.800	4.800	4.100
1910	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	4.400	3.100	2.600
1911	57	Đường Lương Văn Nho	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường vào cư xá Tỉnh đội	Phường Tân Triều	24.100	16.900	14.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1912	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường vào cư xá Tỉnh đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	11.400	8.000	6.800
1913	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường vào cư xá Tỉnh đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	7.500	5.300	4.500
1914	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường vào cư xá Tỉnh đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	4.900	3.400	2.900
1915	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường vào cư xá Tỉnh đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	10.300	7.200	6.200
1916	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường vào cư xá Tỉnh đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	6.800	4.800	4.100
1917	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường vào cư xá Tỉnh đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	4.400	3.100	2.600
1918	64	Đường Lương Văn Nho	Đường vào cư xá Tỉnh đội	Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa	Phường Tân Triều	21.600	15.100	13.000
1919	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường vào cư xá Tỉnh đội đến Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	10.200	7.100	6.100
1920	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường vào cư xá Tỉnh đội đến Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	6.600	4.600	4.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1921	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường vào cư xá Tỉnh đội đến Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	4.400	3.100	2.600
1922	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường vào cư xá Tỉnh đội đến Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	9.200	6.400	5.500
1923	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường vào cư xá Tỉnh đội đến Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	5.900	4.100	3.500
1924	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường vào cư xá Tỉnh đội đến Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	4.000	2.800	2.400
1925	71	Đường Hồ Hòa	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Lương Văn Nho	Phường Tân Triều	24.100	16.900	14.500
1926	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hòa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Văn Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	11.400	8.000	6.800
1927	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hòa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Văn Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	7.500	5.300	4.500
1928	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hòa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Văn Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	4.900	3.400	2.900
1929	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hòa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Văn Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	10.300	7.200	6.200
1930	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hòa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Văn Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	6.800	4.800	4.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1931	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hòa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Văn Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	4.400	3.100	2.600
1932	78	Đường Nguyễn Văn Hoài	Đường Nguyễn Ái Quốc	Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều	Phường Tân Triều	22.800	16.000	13.700
1933	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoài đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	11.400	8.000	6.800
1934	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoài đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	6.600	4.600	4.000
1935	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoài đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	4.900	3.400	2.900
1936	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoài đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	10.300	7.200	6.200
1937	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoài đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	5.900	4.100	3.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1938	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoài đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	4.400	3.100	2.600
1939	85	Đường tỉnh 768	Giáp ranh phường Trấn Biên	Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ	Phường Tân Triều	9.400	6.600	5.600
1940	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	4.800	3.400	2.900
1941	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	2.900	2.000	1.700
1942	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.900	1.300	1.100
1943	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	4.300	3.000	2.600
1944	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	2.600	1.800	1.600
1945	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.700	1.200	1.000
1946	92	Đường tỉnh 768	Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ	Giáp ranh phường Trảng Dài	Phường Tân Triều	10.200	7.100	6.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1947	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	5.100	3.600	3.100
1948	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	3.300	2.300	2.000
1949	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.900	1.300	1.100
1950	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	4.600	3.200	2.800
1951	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	3.000	2.100	1.800
1952	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.700	1.200	1.000
1953	99	Đường vào Phi Trường	Đường tỉnh 768	Ranh Sân bay Biên Hòa	Phường Tân Triều	4.400	3.100	2.600
1954	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Phi Trường đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh Sân bay Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.200	1.500	1.300
1955	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Phi Trường đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh Sân bay Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.700	1.200	1.000
1956	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Phi Trường đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh Sân bay Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1957	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Phi Trường đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh Sân bay Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.000	1.400	1.200
1958	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Phi Trường đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh Sân bay Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.500	1.100	900
1959	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Phi Trường đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh Sân bay Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
1960	106	Đường Cây Quéo ấp 4	Đường tỉnh 768	Bên trái: hết ranh thửa đất số 1426, tờ BĐĐC số 92; Bên phải: hết ranh thửa đất số 1422, tờ BĐĐC số 92	Phường Tân Triều	7.300	5.100	4.400
1961	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Quéo ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 1426, tờ BĐĐC số 92; Bên phải: hết ranh thửa đất số 1422, tờ BĐĐC số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	3.200	2.200	1.900
1962	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Quéo ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 1426, tờ BĐĐC số 92; Bên phải: hết ranh thửa đất số 1422, tờ BĐĐC số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	2.200	1.500	1.300
1963	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Quéo ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 1426, tờ BĐĐC số 92; Bên phải: hết ranh thửa đất số 1422, tờ BĐĐC số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.500	1.100	900
1964	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Quéo ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 1426, tờ BĐĐC số 92; Bên phải: hết ranh thửa đất số 1422, tờ BĐĐC số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.900	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1965	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Quéo ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 1426, tờ BĐĐC số 92; Bên phải: hết ranh thửa đất số 1422, tờ BĐĐC số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	2.000	1.400	1.200
1966	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Quéo ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 1426, tờ BĐĐC số 92; Bên phải: hết ranh thửa đất số 1422, tờ BĐĐC số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
1967	113	Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải	Đường tỉnh 768	Hết khu dân cư Tín Khải	Phường Tân Triều	8.700	6.100	5.200
1968	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết khu dân cư Tín Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	5.500	3.900	3.300
1969	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết khu dân cư Tín Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	3.600	2.500	2.200
1970	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết khu dân cư Tín Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	2.300	1.600	1.400
1971	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết khu dân cư Tín Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	5.000	3.500	3.000
1972	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết khu dân cư Tín Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	3.200	2.200	1.900
1973	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết khu dân cư Tín Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	2.100	1.500	1.300
1974	120	Đường 16	Đường tỉnh 768	Hết đường	Phường Tân Triều	8.200	5.700	4.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1975	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 16 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.500	1.800	1.500
1976	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 16 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.800	1.300	1.100
1977	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 16 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.300	910	780
1978	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 16 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.300	1.600	1.400
1979	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 16 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.600	1.100	960
1980	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 16 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.200	840	720
1981	134	Đường 5 - 7	Đường tỉnh 768	Giáp ranh thửa đất số 95, tờ bản đồ số 24, phường Tân Triều	Phường Tân Triều	6.100	4.300	3.700
1982	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 - 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 95, tờ bản đồ số 24, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.700	1.900	1.600
1983	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 - 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 95, tờ bản đồ số 24, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.500	1.100	900
1984	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 - 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 95, tờ bản đồ số 24, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1985	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 - 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 95, tờ bản đồ số 24, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.400	1.700	1.400
1986	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 - 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 95, tờ bản đồ số 24, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
1987	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 - 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 95, tờ bản đồ số 24, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.100	770	660
1988	141	Hương lộ 15	Đường tỉnh 768	Ngã ba Hương lộ 6	Phường Tân Triều	8.200	5.700	4.900
1989	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	3.700	2.600	2.200
1990	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.800	1.300	1.100
1991	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.500	1.100	900
1992	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	3.300	2.300	2.000
1993	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.600	1.100	960
1994	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
1995	148	Hương lộ 15	Ngã ba Hương lộ 6	Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2	Phường Tân Triều	6.000	4.200	3.600
1996	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Ngã ba Hương lộ 6 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	3.000	2.100	1.800
1997	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Ngã ba Hương lộ 6 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.800	1.300	1.100
1998	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Ngã ba Hương lộ 6 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.500	1.100	900
1999	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Ngã ba Hương lộ 6 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.700	1.900	1.600
2000	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Ngã ba Hương lộ 6 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.600	1.100	960
2001	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Ngã ba Hương lộ 6 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2002	169	Hương lộ 15	Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2	Bến đò Bình Ninh	Phường Tân Triều	4.500	3.200	2.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2003	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 đến Bến đò Bình Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.200	1.500	1.300
2004	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 đến Bến đò Bình Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.500	1.100	900
2005	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 đến Bến đò Bình Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.200	840	720
2006	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 đến Bến đò Bình Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.000	1.400	1.200
2007	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 đến Bến đò Bình Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2008	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 đến Bến đò Bình Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.100	770	660
2009	197	Đường Bình Hòa - Cây Dương	Từ trụ sở công an phường (khu vực Bình Hòa cũ	Đường tỉnh 768	Phường Tân Triều	6.300	4.400	3.800
2010	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở công an phường (khu vực Bình Hòa cũ đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.500	1.800	1.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2011	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở công an phường (khu vực Bình Hòa cũ đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.500	1.100	900
2012	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở công an phường (khu vực Bình Hòa cũ đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.300	910	780
2013	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở công an phường (khu vực Bình Hòa cũ đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.300	1.600	1.400
2014	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở công an phường (khu vực Bình Hòa cũ đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2015	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở công an phường (khu vực Bình Hòa cũ đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.200	840	720
2016	204	Đường Mỹ	Đường tỉnh 768	Đường Bình Hòa - Cây Dương	Phường Tân Triều	4.700	3.300	2.800
2017	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mỹ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Hòa - Cây Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.700	1.900	1.600
2018	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mỹ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Hòa - Cây Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.800	1.300	1.100
2019	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mỹ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Hòa - Cây Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2020	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mỹ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Hòa - Cây Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.400	1.700	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2021	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mỹ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Hòa - Cây Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.600	1.100	960
2022	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mỹ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Hòa - Cây Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.300	910	780
2023	211	Hương lộ 9	Đường tỉnh 768	Đến hết Km+200	Phường Tân Triều	6.300	4.400	3.800
2024	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đến hết Km+200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	3.200	2.200	1.900
2025	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đến hết Km+200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.900	1.300	1.100
2026	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đến hết Km+200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.500	1.100	900
2027	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đến hết Km+200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.900	2.000	1.700
2028	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đến hết Km+200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.700	1.200	1.000
2029	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đến hết Km+200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2030	232	Đường Thành Đức - Tân Triều	Đường Hương lộ 9	Miếu ngói Vĩnh Hiệp	Phường Tân Triều	6.500	4.600	3.900
2031	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Đức - Tân Triều đoạn từ Đường Hương lộ 9 đến Miếu ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.900	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2032	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Đức - Tân Triều đoạn từ Đường Hương lộ 9 đến Miếu ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.700	1.200	1.000
2033	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Đức - Tân Triều đoạn từ Đường Hương lộ 9 đến Miếu ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.500	1.100	900
2034	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Đức - Tân Triều đoạn từ Đường Hương lộ 9 đến Miếu ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.600	1.800	1.600
2035	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Đức - Tân Triều đoạn từ Đường Hương lộ 9 đến Miếu ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.500	1.100	900
2036	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Đức - Tân Triều đoạn từ Đường Hương lộ 9 đến Miếu ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2037	239	Hương lộ 7	Đường tỉnh 768	Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo)	Phường Tân Triều	7.500	5.300	4.500
2038	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	3.700	2.600	2.200
2039	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.900	1.300	1.100
2040	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2041	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	3.300	2.300	2.000
2042	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.700	1.200	1.000
2043	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2044	246	Hương lộ 7	Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo)	Hương lộ 15	Phường Tân Triều	6.000	4.200	3.600
2045	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	3.000	2.100	1.800
2046	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.800	1.300	1.100
2047	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.500	1.100	900
2048	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.700	1.900	1.600
2049	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2050	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2051	260	Đường Bình Lục - Long Phú	Ngã ba Hương lộ 7	Hương lộ 7	Phường Tân Triều	3.800	2.700	2.300
2052	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lục - Long Phú đoạn từ Ngã ba Hương lộ 7 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.900	1.300	1.100
2053	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lục - Long Phú đoạn từ Ngã ba Hương lộ 7 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.300	910	780
2054	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lục - Long Phú đoạn từ Ngã ba Hương lộ 7 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.000	700	600
2055	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lục - Long Phú đoạn từ Ngã ba Hương lộ 7 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.700	1.200	1.000
2056	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lục - Long Phú đoạn từ Ngã ba Hương lộ 7 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.200	840	720
2057	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lục - Long Phú đoạn từ Ngã ba Hương lộ 7 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	900	630	540
2058	267	Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ	Đường tỉnh 768	Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi cũ	Phường Tân Triều	4.800	3.400	2.900
2059	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2060	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2061	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.200	840	720
2062	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.600	1.100	960
2063	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.300	910	780
2064	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.100	770	660
2065	288	Đường Bến Đôi 2-4	Giáp Hương lộ 15	Bờ sông Đồng Nai	Phường Tân Triều	2.700	1.900	1.600
2066	289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Đôi 2-4 đoạn từ Giáp Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2067	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Đôi 2-4 đoạn từ Giáp Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.100	770	660
2068	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Đôi 2-4 đoạn từ Giáp Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	680	480	410
2069	292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Đôi 2-4 đoạn từ Giáp Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2070	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Đôi 2-4 đoạn từ Giáp Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	990	690	590
2071	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Đôi 2-4 đoạn từ Giáp Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	610	430	370
2072	295	Đường Cầu Ốc	Hương lộ 7	Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều; Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều	Phường Tân Triều	2.500	1.800	1.500
2073	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ốc đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều; Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.300	910	780
2074	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ốc đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều; Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.000	700	600
2075	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ốc đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều; Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	630	440	380
2076	299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ốc đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều; Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.200	840	720
2077	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ốc đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều; Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	900	630	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2078	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ốc đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều; Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	570	400	340
2079	302	Đường Đất Cát	Hương lộ 15	Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều	Phường Tân Triều	2.700	1.900	1.600
2080	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đất Cát đoạn từ Hương lộ 15 đến Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2081	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đất Cát đoạn từ Hương lộ 15 đến Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.100	770	660
2082	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đất Cát đoạn từ Hương lộ 15 đến Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	680	480	410
2083	306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đất Cát đoạn từ Hương lộ 15 đến Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.300	910	780
2084	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đất Cát đoạn từ Hương lộ 15 đến Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	990	690	590
2085	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đất Cát đoạn từ Hương lộ 15 đến Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	610	430	370
2086	309	Đường liên ấp 3 - 4	Hương lộ 15	Hương lộ 7	Phường Tân Triều	2.400	1.700	1.400
2087	310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 3 - 4 đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2088	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 3 - 4 đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.100	770	660
2089	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 3 - 4 đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	950	670	570
2090	313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 3 - 4 đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.100	770	660
2091	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 3 - 4 đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	990	690	590
2092	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 3 - 4 đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	860	600	520
2093	316	Đường Long Chiến	Hương lộ 15	Bờ sông Đồng Nai	Phường Tân Triều	2.700	1.900	1.600
2094	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Chiến đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2095	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Chiến đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.100	770	660
2096	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Chiến đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	680	480	410
2097	320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Chiến đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2098	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Chiến đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	990	690	590
2099	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Chiến đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	610	430	370
2100	323	Đường Xóm Rạch	Hương lộ 15	Bờ sông Đồng Nai	Phường Tân Triều	2.700	1.900	1.600
2101	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2102	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.100	770	660
2103	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	680	480	410
2104	327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.300	910	780
2105	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	990	690	590
2106	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	610	430	370
2107	330	Đường Đa Lộc	Hương lộ 15	Bờ sông Đồng Nai	Phường Tân Triều	2.700	1.900	1.600
2108	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đa Lộc đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2109	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đa Lộc đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.100	770	660
2110	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đa Lộc đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	680	480	410
2111	334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đa Lộc đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.300	910	780
2112	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đa Lộc đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	990	690	590
2113	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đa Lộc đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	610	430	370
2114	337	Đường Bàu Tre	Hương lộ 15	Hương lộ 6	Phường Tân Triều	3.400	2.400	2.000
2115	338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Tre đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.600	1.100	960
2116	339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Tre đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2117	340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Tre đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.100	770	660
2118	341	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Tre đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2119	342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Tre đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2120	343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Tre đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	990	690	590
2121	344	Hương lộ 6	Hương lộ 15	Bờ sông Đồng Nai	Phường Tân Triều	6.500	4.600	3.900
2122	345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 6 đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.900	2.000	1.700
2123	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 6 đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.700	1.200	1.000
2124	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 6 đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.300	910	780
2125	348	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 6 đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.600	1.800	1.600
2126	349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 6 đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.500	1.100	900
2127	350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 6 đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.200	840	720
2128	351	Đường Tân Hiền	Đường tỉnh 768	Giáp ranh phường Trảng Dài	Phường Tân Triều	4.100	2.900	2.500
2129	352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.000	1.400	1.200
2130	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2131	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.100	770	660
2132	355	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.800	1.300	1.100
2133	356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2134	357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	990	690	590
2135	358	Đường Lò Thổi	Đường tỉnh 768	Đường Hương lộ 15	Phường Tân Triều	5.800	4.100	3.500
2136	359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Thổi đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.900	2.000	1.700
2137	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Thổi đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	2.200	1.500	1.300
2138	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Thổi đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.500	1.100	900
2139	362	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Thổi đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.600	1.800	1.600
2140	363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Thổi đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2141	364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Thổi đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2142	365	Đường Chùa Cao Đài	Đường tỉnh 768	Hương lộ 15	Phường Tân Triều	8.100	5.700	4.900
2143	366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chùa Cao Đài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.700	1.900	1.600
2144	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chùa Cao Đài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.600	1.100	960
2145	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chùa Cao Đài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2146	369	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chùa Cao Đài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.400	1.700	1.400
2147	370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chùa Cao Đài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2148	371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chùa Cao Đài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.300	910	780
2149	386	Đường Đất Cát (nhánh 2)	Đường Đất Cát	Giáp ranh thửa đất số 1023, tờ BĐĐC số 57	Phường Tân Triều	2.700	1.900	1.600
2150	387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đất Cát (nhánh 2) đoạn từ Đường Đất Cát đến Giáp ranh thửa đất số 1023, tờ BĐĐC số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2151	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đất Cát (nhánh 2) đoạn từ Đường Đất Cát đến Giáp ranh thửa đất số 1023, tờ BĐĐC số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.100	770	660
2152	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đất Cát (nhánh 2) đoạn từ Đường Đất Cát đến Giáp ranh thửa đất số 1023, tờ BĐĐC số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	680	480	410
2153	390	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đất Cát (nhánh 2) đoạn từ Đường Đất Cát đến Giáp ranh thửa đất số 1023, tờ BĐĐC số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.300	910	780
2154	391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đất Cát (nhánh 2) đoạn từ Đường Đất Cát đến Giáp ranh thửa đất số 1023, tờ BĐĐC số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	990	690	590
2155	392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đất Cát (nhánh 2) đoạn từ Đường Đất Cát đến Giáp ranh thửa đất số 1023, tờ BĐĐC số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	610	430	370
2156	393	Đường Xóm Rạch 2	Hương lộ 15	Đường Đa Lộc	Phường Tân Triều	2.700	1.900	1.600
2157	394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch 2 đoạn từ Hương lộ 15 đến Đường Đa Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2158	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch 2 đoạn từ Hương lộ 15 đến Đường Đa Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.100	770	660
2159	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch 2 đoạn từ Hương lộ 15 đến Đường Đa Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	680	480	410
2160	397	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch 2 đoạn từ Hương lộ 15 đến Đường Đa Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2161	398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch 2 đoạn từ Hương lộ 15 đến Đường Đa Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	990	690	590
2162	399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch 2 đoạn từ Hương lộ 15 đến Đường Đa Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	610	430	370
2163	400	Đường Xóm Rạch 3	Đường Xóm Rạch	Giáp ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 48 phường Tân Triều	Phường Tân Triều	2.000	1.400	1.200
2164	401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch 3 đoạn từ Đường Xóm Rạch đến Giáp ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 48 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.040	720	630
2165	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch 3 đoạn từ Đường Xóm Rạch đến Giáp ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 48 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	815	570	495
2166	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch 3 đoạn từ Đường Xóm Rạch đến Giáp ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 48 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	505	355	310
2167	404	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch 3 đoạn từ Đường Xóm Rạch đến Giáp ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 48 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	965	670	585
2168	405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch 3 đoạn từ Đường Xóm Rạch đến Giáp ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 48 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	735	510	445
2169	406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch 3 đoạn từ Đường Xóm Rạch đến Giáp ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 48 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	450	320	280
2170	407	Đường Miễu Ông	Đường tỉnh 768	Hết đường	Phường Tân Triều	5.800	4.100	3.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2171	408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu Ông đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.900	2.000	1.700
2172	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu Ông đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	2.200	1.500	1.300
2173	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu Ông đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.500	1.100	900
2174	411	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu Ông đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.600	1.800	1.600
2175	412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu Ông đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	2.000	1.400	1.200
2176	413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu Ông đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2177	414	Đường hẻm 1 - Bình Phước	Đường Hương lộ 7	Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ	Phường Tân Triều	4.000	2.800	2.400
2178	415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 1 - Bình Phước đoạn từ Đường Hương lộ 7 đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.950	1.350	1.150
2179	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 1 - Bình Phước đoạn từ Đường Hương lộ 7 đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.560	1.060	920
2180	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 1 - Bình Phước đoạn từ Đường Hương lộ 7 đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.075	745	635

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2181	418	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 1 - Bình Phước đoạn từ Đường Hương lộ 7 đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.760	1.255	1.055
2182	419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 1 - Bình Phước đoạn từ Đường Hương lộ 7 đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.370	950	810
2183	420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 1 - Bình Phước đoạn từ Đường Hương lộ 7 đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	970	670	570
2184	421	Đường Bàu Đàn	Hương lộ 7	Bên trái : hết ranh thửa đất số 1369, tờ BĐĐC số 76; Bên phải : hết ranh thửa đất số 1398, tờ BĐĐC số 76	Phường Tân Triều	4.000	2.800	2.400
2185	422	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Đàn đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên trái : hết ranh thửa đất số 1369, tờ BĐĐC số 76; Bên phải : hết ranh thửa đất số 1398, tờ BĐĐC số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.950	1.350	1.150
2186	423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Đàn đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên trái : hết ranh thửa đất số 1369, tờ BĐĐC số 76; Bên phải : hết ranh thửa đất số 1398, tờ BĐĐC số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.560	1.060	920
2187	424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Đàn đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên trái : hết ranh thửa đất số 1369, tờ BĐĐC số 76; Bên phải : hết ranh thửa đất số 1398, tờ BĐĐC số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.075	745	635
2188	425	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Đàn đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên trái : hết ranh thửa đất số 1369, tờ BĐĐC số 76; Bên phải : hết ranh thửa đất số 1398, tờ BĐĐC số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.760	1.255	1.055

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2189	426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Đàn đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên trái : hết ranh thửa đất số 1369, tờ BĐĐC số 76; Bên phải : hết ranh thửa đất số 1398, tờ BĐĐC số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.370	950	810
2190	427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Đàn đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên trái : hết ranh thửa đất số 1369, tờ BĐĐC số 76; Bên phải : hết ranh thửa đất số 1398, tờ BĐĐC số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	970	670	570
2191	428	Đường vào nhà bia Bình Phước - Tân Triều	Đường Thành Đức - Tân Triều	Giáp ranh thửa đất số 328, tờ BĐĐC số 75 phường Tân Triều	Phường Tân Triều	3.900	2.730	2.340
2192	429	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà bia Bình Phước - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Giáp ranh thửa đất số 328, tờ BĐĐC số 75 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.950	1.315	1.120
2193	430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà bia Bình Phước - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Giáp ranh thửa đất số 328, tờ BĐĐC số 75 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	2.670	1.910	1.660
2194	431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà bia Bình Phước - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Giáp ranh thửa đất số 328, tờ BĐĐC số 75 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	3.000	2.100	1.800
2195	432	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà bia Bình Phước - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Giáp ranh thửa đất số 328, tờ BĐĐC số 75 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	6.630	4.680	3.900
2196	433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà bia Bình Phước - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Giáp ranh thửa đất số 328, tờ BĐĐC số 75 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	2.755	1.910	1.685

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2197	434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà bia Bình Phước - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Giáp ranh thửa đất số 328, tờ BĐĐC số 75 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	2.925	2.050	1.755
2198	435	Đường hẻm 5 - Bình Ý	Đường tỉnh 768	Giáp ranh thửa đất số 91, tờ BĐĐC số 88 phường Tân Triều	Phường Tân Triều	5.800	4.100	3.500
2199	436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 5 - Bình Ý đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 91, tờ BĐĐC số 88 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.900	2.000	1.700
2200	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 5 - Bình Ý đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 91, tờ BĐĐC số 88 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	2.200	1.500	1.300
2201	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 5 - Bình Ý đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 91, tờ BĐĐC số 88 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.500	1.100	900
2202	439	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 5 - Bình Ý đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 91, tờ BĐĐC số 88 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.600	1.800	1.600
2203	440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 5 - Bình Ý đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 91, tờ BĐĐC số 88 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	2.000	1.400	1.200
2204	441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 5 - Bình Ý đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 91, tờ BĐĐC số 88 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2205	442	Đường và cầu nối ấp Bình Lục - Tân Triều	Đường Thành Đức - Tân Triều	Đường Bình Lục - Long Phú	Phường Tân Triều	3.800	2.700	2.300
2206	443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường và cầu nối ấp Bình Lục - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Đường Bình Lục - Long Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2207	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường và cầu nối ấp Bình Lục - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Đường Bình Lục - Long Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.300	910	780
2208	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường và cầu nối ấp Bình Lục - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Đường Bình Lục - Long Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.000	700	600
2209	446	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường và cầu nối ấp Bình Lục - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Đường Bình Lục - Long Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	1.700	1.200	1.000
2210	447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường và cầu nối ấp Bình Lục - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Đường Bình Lục - Long Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.200	840	720
2211	448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường và cầu nối ấp Bình Lục - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Đường Bình Lục - Long Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	900	630	540
2212	449	Đường liên tổ 7 - 11 ấp 1 xã Thạnh Phú (cũ) nối dài qua trường tiểu học Tân Phú (cơ sở chính)	Đường tỉnh 768	Đường 16	Phường Tân Triều	6.100	4.300	3.700
2213	450	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7 - 11 ấp 1 xã Thạnh Phú (cũ) nối dài qua trường tiểu học Tân Phú (cơ sở chính) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.700	1.900	1.600
2214	451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7 - 11 ấp 1 xã Thạnh Phú (cũ) nối dài qua trường tiểu học Tân Phú (cơ sở chính) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2215	452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7 - 11 ấp 1 xã Thạnh Phú (cũ) nối dài qua trường tiểu học Tân Phú (cơ sở chính) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.200	840	720
2216	453	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7 - 11 ấp 1 xã Thạnh Phú (cũ) nối dài qua trường tiểu học Tân Phú (cơ sở chính) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.400	1.700	1.400
2217	454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7 - 11 ấp 1 xã Thạnh Phú (cũ) nối dài qua trường tiểu học Tân Phú (cơ sở chính) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2218	455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7 - 11 ấp 1 xã Thạnh Phú (cũ) nối dài qua trường tiểu học Tân Phú (cơ sở chính) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.100	770	660
2219	456	Đường giao thông số 7 - 11	Đường 16	Bên trái: hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 33; Bên phải: hết ranh thửa đất số 676, tờ BĐĐC số 34	Phường Tân Triều	6.100	4.300	3.700
2220	457	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông số 7 - 11 đoạn từ Đường 16 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 33; Bên phải: hết ranh thửa đất số 676, tờ BĐĐC số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.700	1.900	1.600
2221	458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông số 7 - 11 đoạn từ Đường 16 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 33; Bên phải: hết ranh thửa đất số 676, tờ BĐĐC số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.500	1.100	900
2222	459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông số 7 - 11 đoạn từ Đường 16 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 33; Bên phải: hết ranh thửa đất số 676, tờ BĐĐC số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2223	460	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông số 7 - 11 đoạn từ Đường 16 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 33; Bên phải: hết ranh thửa đất số 676, tờ BĐĐC số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.400	1.700	1.400
2224	461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông số 7 - 11 đoạn từ Đường 16 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 33; Bên phải: hết ranh thửa đất số 676, tờ BĐĐC số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2225	462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông số 7 - 11 đoạn từ Đường 16 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 33; Bên phải: hết ranh thửa đất số 676, tờ BĐĐC số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.100	770	660
2226	463	Đường liên ấp 6 - 7 xã Thạnh Phú (cũ)	Hương lộ 6	Hương lộ 15	Phường Tân Triều	6.000	4.200	3.600
2227	464	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 6 - 7 xã Thạnh Phú (cũ) đoạn từ Hương lộ 6 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	3.000	2.100	1.800
2228	465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 6 - 7 xã Thạnh Phú (cũ) đoạn từ Hương lộ 6 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.800	1.300	1.100
2229	466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 6 - 7 xã Thạnh Phú (cũ) đoạn từ Hương lộ 6 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.500	1.100	900
2230	467	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 6 - 7 xã Thạnh Phú (cũ) đoạn từ Hương lộ 6 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	2.700	1.900	1.600
2231	468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 6 - 7 xã Thạnh Phú (cũ) đoạn từ Hương lộ 6 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2232	469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 6 - 7 xã Thạnh Phú (cũ) đoạn từ Hương lộ 6 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	1.400	980	840
2233	1	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Long Hưng	Đầu cầu số 3	Phường Phước Tân	23.300	16.300	14.000
2234	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Giáp ranh phường Long Hưng đến Đầu cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	13.400	9.400	8.000
2235	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Giáp ranh phường Long Hưng đến Đầu cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	7.300	5.100	4.400
2236	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Giáp ranh phường Long Hưng đến Đầu cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	4.400	3.100	2.600
2237	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Giáp ranh phường Long Hưng đến Đầu cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	12.100	8.500	7.300
2238	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Giáp ranh phường Long Hưng đến Đầu cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	6.600	4.600	4.000
2239	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Giáp ranh phường Long Hưng đến Đầu cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	4.000	2.800	2.400
2240	8	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu số 3	Đường Chu Mạnh Trinh	Phường Phước Tân	17.300	12.100	10.400
2241	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đầu cầu số 3 đến Đường Chu Mạnh Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	9.000	6.300	5.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2242	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đầu cầu số 3 đến Đường Chu Mạnh Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	5.200	3.600	3.100
2243	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đầu cầu số 3 đến Đường Chu Mạnh Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.900	2.000	1.700
2244	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đầu cầu số 3 đến Đường Chu Mạnh Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	8.100	5.700	4.900
2245	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đầu cầu số 3 đến Đường Chu Mạnh Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	4.700	3.300	2.800
2246	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đầu cầu số 3 đến Đường Chu Mạnh Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.600	1.800	1.600
2247	15	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Chu Mạnh Trinh	Hết ranh giới phường Phước Tân	Phường Phước Tân	12.200	8.500	7.300
2248	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	5.600	3.900	3.400
2249	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	4.000	2.800	2.400
2250	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2251	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	5.000	3.500	3.000
2252	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	3.600	2.500	2.200
2253	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	1.800	1.300	1.100
2254	22	Đường Đinh Quang Ân	Quốc lộ 51	Hết Chùa Viên Thông	Phường Phước Tân	14.200	9.900	8.500
2255	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết Chùa Viên Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	7.800	5.500	4.700
2256	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết Chùa Viên Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	4.400	3.100	2.600
2257	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết Chùa Viên Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	3.700	2.600	2.200
2258	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết Chùa Viên Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	7.000	4.900	4.200
2259	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết Chùa Viên Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	4.000	2.800	2.400
2260	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết Chùa Viên Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	3.300	2.300	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2261	29	Đường Đinh Quang Ân	Chùa Viên Thông	Đường Võ Nguyên Giáp	Phường Phước Tân	11.200	7.800	6.700
2262	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Chùa Viên Thông đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	5.600	3.900	3.400
2263	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Chùa Viên Thông đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	4.000	2.800	2.400
2264	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Chùa Viên Thông đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.900	2.000	1.700
2265	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Chùa Viên Thông đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	5.000	3.500	3.000
2266	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Chùa Viên Thông đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	3.600	2.500	2.200
2267	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Chùa Viên Thông đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.600	1.800	1.600
2268	36	Quốc lộ 51	Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài)	Đường Nguyễn Trung Trực	Phường Phước Tân	23.700	16.600	14.200
2269	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	10.700	7.500	6.400
2270	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	5.400	3.800	3.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2271	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	4.100	2.900	2.500
2272	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	9.600	6.700	5.800
2273	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	4.900	3.400	2.900
2274	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	3.700	2.600	2.200
2275	43	Quốc lộ 51	Đường Nguyễn Trung Trực	Cầu Sông Buông	Phường Phước Tân	16.600	11.600	10.000
2276	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	8.300	5.800	5.000
2277	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	4.600	3.200	2.800
2278	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	3.900	2.700	2.300
2279	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	7.500	5.300	4.500
2280	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	4.100	2.900	2.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2281	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	3.500	2.500	2.100
2282	50	Quốc lộ 51	Cầu Sông Buông	Giáp ranh phường Tam Phước	Phường Phước Tân	14.200	9.900	8.500
2283	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Sông Buông đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	5.900	4.100	3.500
2284	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Sông Buông đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	4.600	3.200	2.800
2285	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Sông Buông đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	3.100	2.200	1.900
2286	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Sông Buông đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	5.300	3.700	3.200
2287	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Sông Buông đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	4.100	2.900	2.500
2288	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Sông Buông đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.800	2.000	1.700
2289	57	Đường Phước Tân - Long Hưng	Quốc lộ 51	Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng	Phường Phước Tân	10.200	7.100	6.100
2290	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	5.100	3.600	3.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2291	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	3.700	2.600	2.200
2292	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.300	1.600	1.400
2293	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	4.600	3.200	2.800
2294	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	3.300	2.300	2.000
2295	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.100	1.500	1.300
2296	64	Đường Nam Cao	Quốc lộ 51	Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân	Phường Phước Tân	10.200	7.100	6.100
2297	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Cao đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	5.100	3.600	3.100
2298	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Cao đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	3.700	2.600	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2299	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Cao đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.300	1.600	1.400
2300	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Cao đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	4.600	3.200	2.800
2301	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Cao đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	3.300	2.300	2.000
2302	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Cao đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.100	1.500	1.300
2303	71	Đường Hoàng Đình Cận	Quốc lộ 51	Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân	Phường Phước Tân	10.200	7.100	6.100
2304	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Đình Cận đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	5.100	3.600	3.100
2305	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Đình Cận đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	3.700	2.600	2.200
2306	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Đình Cận đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2307	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Đình Cận đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	4.600	3.200	2.800
2308	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Đình Cận đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	3.300	2.300	2.000
2309	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Đình Cận đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.100	1.500	1.300
2310	78	Đường Hồ Văn Huê	Quốc lộ 51	Hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân	Phường Phước Tân	10.200	7.100	6.100
2311	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	5.100	3.600	3.100
2312	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	3.700	2.600	2.200
2313	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.300	1.600	1.400
2314	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	4.600	3.200	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2315	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	3.300	2.300	2.000
2316	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.100	1.500	1.300
2317	85	Đường Trương Hán Siêu	Quốc lộ 51	Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân	Phường Phước Tân	11.400	8.000	6.800
2318	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Hán Siêu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	5.100	3.600	3.100
2319	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Hán Siêu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	3.700	2.600	2.200
2320	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Hán Siêu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.300	1.600	1.400
2321	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Hán Siêu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	4.600	3.200	2.800
2322	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Hán Siêu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	3.300	2.300	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2323	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Hán Siêu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.100	1.500	1.300
2324	92	Đường Thành Thái	Cầu bắc qua Sông Buông	Hết ranh giới phường Phước Tân	Phường Phước Tân	8.900	6.200	5.300
2325	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Cầu bắc qua Sông Buông đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	3.800	2.700	2.300
2326	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Cầu bắc qua Sông Buông đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	3.300	2.300	2.000
2327	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Cầu bắc qua Sông Buông đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.300	1.600	1.400
2328	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Cầu bắc qua Sông Buông đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	3.400	2.400	2.000
2329	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Cầu bắc qua Sông Buông đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	3.000	2.100	1.800
2330	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Cầu bắc qua Sông Buông đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.100	1.500	1.300
2331	99	Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng	Quốc lộ 51	Hết ranh giới phường Phước Tân	Phường Phước Tân	9.500	6.700	5.700
2332	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	4.700	3.300	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2333	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	3.400	2.400	2.000
2334	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.100	1.500	1.300
2335	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	4.200	2.900	2.500
2336	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	3.100	2.200	1.900
2337	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	1.900	1.300	1.100
2338	106	Đường Phước Tân - Giang Điền	Đường Thành Thái	Hết ranh giới phường Phước Tân	Phường Phước Tân	7.600	5.300	4.600
2339	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Thành Thái đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	3.800	2.700	2.300
2340	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Thành Thái đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	2.700	1.900	1.600
2341	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Thành Thái đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.200	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2342	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Thành Thái đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	3.400	2.400	2.000
2343	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Thành Thái đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	2.400	1.700	1.400
2344	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Thành Thái đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.000	1.400	1.200
2345	113	Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước	Phường Phước Tân	13.500	9.500	8.100
2346	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	6.800	4.800	4.100
2347	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	4.900	3.400	2.900
2348	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.400	1.700	1.400
2349	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	6.100	4.300	3.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2350	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	4.400	3.100	2.600
2351	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.200	1.500	1.300
2352	120	Đường Chu Mạnh Trinh	Đường Đinh Quang Ân	Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân	Phường Phước Tân	10.200	7.100	6.100
2353	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đinh Quang Ân đến Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	5.100	3.600	3.100
2354	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đinh Quang Ân đến Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	3.400	2.400	2.000
2355	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đinh Quang Ân đến Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.300	1.600	1.400
2356	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đinh Quang Ân đến Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	4.600	3.200	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2357	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đinh Quang Ân đến Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	3.100	2.200	1.900
2358	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đinh Quang Ân đến Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	2.100	1.500	1.300
2359	127	Đường Bùi Văn Hòa	Quốc lộ 51	Hết ranh giới phường Phước Tân	Phường Phước Tân	27.000	18.900	16.200
2360	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	13.400	9.400	8.000
2361	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	7.300	5.100	4.400
2362	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	5.000	3.500	3.000
2363	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	12.100	8.500	7.300
2364	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	6.600	4.600	4.000
2365	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	4.500	3.200	2.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2366		Hẻm 1423 Bùi Văn Hòa	Đường Bùi Văn Hoà	Phía bên trái hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 5; bên phải hết ranh thửa đất số 94 tờ bản đồ số 51.	Phường Phước Tân	13.500	9.500	8.100
2367		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm 1423 Bùi Văn Hòa đoạn từ Đường Bùi Văn Hoà đến Phía bên trái hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 5; bên phải hết ranh thửa đất số 94 tờ bản đồ số 51. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Tân	6.800	4.800	4.100
2368		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm 1423 Bùi Văn Hòa đoạn từ Đường Bùi Văn Hoà đến Phía bên trái hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 5; bên phải hết ranh thửa đất số 94 tờ bản đồ số 51. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Tân	4.900	3.400	2.900
2369		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm 1423 Bùi Văn Hòa đoạn từ Đường Bùi Văn Hoà đến Phía bên trái hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 5; bên phải hết ranh thửa đất số 94 tờ bản đồ số 51. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Tân	2.400	1.700	1.400
2370		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm 1423 Bùi Văn Hòa đoạn từ Đường Bùi Văn Hoà đến Phía bên trái hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 5; bên phải hết ranh thửa đất số 94 tờ bản đồ số 51. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Tân	6.100	4.300	3.700
2371		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm 1423 Bùi Văn Hòa đoạn từ Đường Bùi Văn Hoà đến Phía bên trái hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 5; bên phải hết ranh thửa đất số 94 tờ bản đồ số 51. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Tân	4.400	3.100	2.600
2372		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm 1423 Bùi Văn Hòa đoạn từ Đường Bùi Văn Hoà đến Phía bên trái hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 5; bên phải hết ranh thửa đất số 94 tờ bản đồ số 51. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Tân	2.200	1.500	1.300
2373	1	Đường Dương Diên Nghệ	Quốc lộ 51	Hết ranh Phường Tam Phước	Phường Tam Phước	8.800	6.200	5.300
2374	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Diên Nghệ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh Phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	5.000	3.500	3.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2375	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Diên Nghệ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh Phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	3.700	2.600	2.200
2376	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Diên Nghệ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh Phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.300	1.600	1.400
2377	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Diên Nghệ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh Phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	4.500	3.200	2.700
2378	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Diên Nghệ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh Phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	3.300	2.300	2.000
2379	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Diên Nghệ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh Phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.100	1.500	1.300
2380	8	Hương lộ 2	Ranh giới phường Tam Phước	Hết thửa đất số 88 tờ bản đồ số 103	Phường Tam Phước	5.500	3.900	3.300
2381	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Ranh giới phường Tam Phước đến Hết thửa đất số 88 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	3.300	2.300	2.000
2382	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Ranh giới phường Tam Phước đến Hết thửa đất số 88 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	2.000	1.400	1.200
2383	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Ranh giới phường Tam Phước đến Hết thửa đất số 88 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2384	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Ranh giới phường Tam Phước đến Hết thửa đất số 88 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	3.000	2.100	1.800
2385	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Ranh giới phường Tam Phước đến Hết thửa đất số 88 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	1.800	1.300	1.100
2386	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Ranh giới phường Tam Phước đến Hết thửa đất số 88 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	1.500	1.100	900
2387	15	Đường Hà Nam	Quốc lộ 51	Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước)	Phường Tam Phước	5.500	3.900	3.300
2388	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Nam đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	3.300	2.300	2.000
2389	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Nam đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	2.500	1.800	1.500
2390	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Nam đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.000	1.400	1.200
2391	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Nam đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	3.000	2.100	1.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2392	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Nam đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	2.300	1.600	1.400
2393	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Nam đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	1.800	1.300	1.100
2394	22	Đường Lý Nhân Tông	Quốc lộ 51	Đường Dương Diên Nghệ	Phường Tam Phước	5.500	3.900	3.300
2395	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nhân Tông đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Dương Diên Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	2.800	2.000	1.700
2396	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nhân Tông đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Dương Diên Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	2.200	1.500	1.300
2397	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nhân Tông đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Dương Diên Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	1.400	980	840
2398	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nhân Tông đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Dương Diên Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	2.500	1.800	1.500
2399	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nhân Tông đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Dương Diên Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	2.000	1.400	1.200
2400	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nhân Tông đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Dương Diên Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	1.300	910	780
2401	29	Quốc lộ 51	Ranh giới phường Phước Tân	Đường Hàm Nghi	Phường Tam Phước	11.000	7.700	6.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2402	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ranh giới phường Phước Tân đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	6.100	4.300	3.700
2403	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ranh giới phường Phước Tân đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	4.400	3.100	2.600
2404	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ranh giới phường Phước Tân đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.800	2.000	1.700
2405	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ranh giới phường Phước Tân đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	5.500	3.900	3.300
2406	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ranh giới phường Phước Tân đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	4.000	2.800	2.400
2407	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ranh giới phường Phước Tân đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.500	1.800	1.500
2408	36	Quốc lộ 51	Đường Hàm Nghi	Đường Phùng Hưng	Phường Tam Phước	14.600	10.200	8.800
2409	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	6.100	4.300	3.700
2410	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	4.400	3.100	2.600
2411	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.800	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2412	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	5.500	3.900	3.300
2413	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	4.000	2.800	2.400
2414	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.500	1.800	1.500
2415	43	Quốc lộ 51	Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển	Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước	Phường Tam Phước	11.000	7.700	6.600
2416	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	4.900	3.400	2.900
2417	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	4.000	2.800	2.400
2418	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.600	1.800	1.600
2419	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	4.400	3.100	2.600
2420	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	3.600	2.500	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2421	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Tam Phước	2.300	1.600	1.400
2422	50	Đường Hàm Nghi	Quốc lộ 51	Bên trái giáp ranh thửa đất số 196, tờ BĐĐC số 30; bên phải giáp ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 46	Phường Tam Phước	7.600	5.300	4.600
2423	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên trái giáp ranh thửa đất số 196, tờ BĐĐC số 30; bên phải giáp ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	3.800	2.700	2.300
2424	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên trái giáp ranh thửa đất số 196, tờ BĐĐC số 30; bên phải giáp ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	2.900	2.000	1.700
2425	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên trái giáp ranh thửa đất số 196, tờ BĐĐC số 30; bên phải giáp ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.300	1.600	1.400
2426	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên trái giáp ranh thửa đất số 196, tờ BĐĐC số 30; bên phải giáp ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	3.400	2.400	2.000
2427	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên trái giáp ranh thửa đất số 196, tờ BĐĐC số 30; bên phải giáp ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	2.600	1.800	1.600
2428	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên trái giáp ranh thửa đất số 196, tờ BĐĐC số 30; bên phải giáp ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.100	1.500	1.300
2429	57	Đường Nguyễn Khắc Hiếu	Đường Phùng Hưng	Ngã ba (Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 38)	Phường Tam Phước	8.800	6.200	5.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2430	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Ngã ba (Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	3.800	2.700	2.300
2431	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Ngã ba (Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	3.300	2.300	2.000
2432	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Ngã ba (Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.500	1.800	1.500
2433	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Ngã ba (Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	3.400	2.400	2.000
2434	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Ngã ba (Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	3.000	2.100	1.800
2435	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Ngã ba (Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.300	1.600	1.400
2436	64	Đường Nguyễn Khắc Hiếu	Ngã ba (Đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 24	Thửa đất số 57, tờ bản đồ địa chính số 5	Phường Tam Phước	7.600	5.300	4.600
2437	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Ngã ba (Đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 24 đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ địa chính số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	5.000	3.500	3.000
2438	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Ngã ba (Đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 24 đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ địa chính số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	3.300	2.300	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2439	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Ngã ba (Đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 24 đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ địa chính số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.300	1.600	1.400
2440	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Ngã ba (Đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 24 đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ địa chính số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	4.500	3.200	2.700
2441	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Ngã ba (Đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 24 đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ địa chính số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	3.000	2.100	1.800
2442	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Ngã ba (Đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 24 đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ địa chính số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.100	1.500	1.300
2443	71	Đường Nguyễn Hoàng	Đường Phùng Hưng	Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ)	Phường Tam Phước	8.800	6.200	5.300
2444	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	5.000	3.500	3.000
2445	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	4.200	2.900	2.500
2446	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.500	1.800	1.500
2447	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	4.500	3.200	2.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2448	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	3.800	2.700	2.300
2449	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.300	1.600	1.400
2450	78	Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền	Giáp ranh phường Phước Tân	Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền	Phường Tam Phước	13.500	9.500	8.100
2451	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Giáp ranh phường Phước Tân đến Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	6.800	4.800	4.100
2452	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Giáp ranh phường Phước Tân đến Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	4.900	3.400	2.900
2453	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Giáp ranh phường Phước Tân đến Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.400	1.700	1.400
2454	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Giáp ranh phường Phước Tân đến Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	6.100	4.300	3.700
2455	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Giáp ranh phường Phước Tân đến Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	4.400	3.100	2.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2456	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Giáp ranh phường Phước Tân đến Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.200	1.500	1.300
2457	85	Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền	Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền	Giáp ranh phường Trảng Bom	Phường Tam Phước	9.500	6.700	5.700
2458	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền đến Giáp ranh phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	4.700	3.300	2.800
2459	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền đến Giáp ranh phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	3.500	2.500	2.100
2460	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền đến Giáp ranh phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.400	1.700	1.400
2461	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền đến Giáp ranh phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	4.200	2.900	2.500
2462	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền đến Giáp ranh phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	3.200	2.200	1.900
2463	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền đến Giáp ranh phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.200	1.500	1.300
2464	92	Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng	Đường vào trường Trung cấp Phật Học	Giáp ranh phường Phước Tân	Phường Tam Phước	7.100	5.000	4.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2465	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Đường vào trường Trung cấp Phật Học đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	3.800	2.700	2.300
2466	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Đường vào trường Trung cấp Phật Học đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	2.900	2.000	1.700
2467	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Đường vào trường Trung cấp Phật Học đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.300	1.600	1.400
2468	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Đường vào trường Trung cấp Phật Học đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	3.400	2.400	2.000
2469	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Đường vào trường Trung cấp Phật Học đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	2.600	1.800	1.600
2470	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Đường vào trường Trung cấp Phật Học đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.100	1.500	1.300
2471	99	Đường Phùng Hưng	Quốc lộ 51	Hết ranh phường Tam Phước	Phường Tam Phước	10.800	7.600	6.500
2472	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	4.500	3.200	2.700
2473	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	3.700	2.600	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2474	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.200	1.500	1.300
2475	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	4.100	2.900	2.500
2476	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	3.300	2.300	2.000
2477	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.000	1.400	1.200
2478	106	Đường Mai Chí Thọ	Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền	Hết ranh phường Tam Phước.	Phường Tam Phước	7.600	5.300	4.600
2479	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đến Hết ranh phường Tam Phước. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	5.000	3.500	3.000
2480	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đến Hết ranh phường Tam Phước. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	3.300	2.300	2.000
2481	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đến Hết ranh phường Tam Phước. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.300	1.600	1.400
2482	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đến Hết ranh phường Tam Phước. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	4.500	3.200	2.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2483	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đến Hết ranh phường Tam Phước. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	3.000	2.100	1.800
2484	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đến Hết ranh phường Tam Phước. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	2.100	1.500	1.300
2485	1	Đường Lê Duẩn	Ranh giới phường Long Thành	Đường Trần Phú	Phường Long Thành	23.100	16.200	13.900
2486	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ranh giới xã Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	9.100	6.400	5.500
2487	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ranh giới xã Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	6.900	4.800	4.100
2488	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ranh giới xã Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	4.700	3.300	2.800
2489	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ranh giới xã Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	8.200	5.700	4.900
2490	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ranh giới xã Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	6.200	4.300	3.700
2491	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ranh giới xã Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	4.200	2.900	2.500
2492	8	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Phú	Đường Lý Tự Trọng	Phường Long Thành	28.600	20.000	17.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2493	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	10.100	7.100	6.100
2494	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	8.100	5.700	4.900
2495	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	4.700	3.300	2.800
2496	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	9.100	6.400	5.500
2497	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	7.300	5.100	4.400
2498	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	4.200	2.900	2.500
2499	15	Đường Lê Duẩn	Đường Lý Tự Trọng	Cầu Quán Thủ	Phường Long Thành	19.800	13.900	11.900
2500	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Cầu Quán Thủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	8.700	6.100	5.200
2501	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Cầu Quán Thủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	6.900	4.800	4.100
2502	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Cầu Quán Thủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	4.700	3.300	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2503	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Cầu Quán Thủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	7.800	5.500	4.700
2504	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Cầu Quán Thủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	6.200	4.300	3.700
2505	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Cầu Quán Thủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	4.200	2.900	2.500
2506	22	Đường Lê Duẩn	Cầu Quán Thủ	Mũi tàu	Phường Long Thành	24.200	16.900	14.500
2507	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Cầu Quán Thủ đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	9.100	6.400	5.500
2508	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Cầu Quán Thủ đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	6.900	4.800	4.100
2509	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Cầu Quán Thủ đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	4.700	3.300	2.800
2510	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Cầu Quán Thủ đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	8.200	5.700	4.900
2511	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Cầu Quán Thủ đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	6.200	4.300	3.700
2512	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Cầu Quán Thủ đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	4.200	2.900	2.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2513	29	Quốc lộ 51	Mũi tàu	Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây	Phường Long Thành	10.500	7.400	6.300
2514	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu đến Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	5.000	3.500	3.000
2515	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu đến Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.900	2.000	1.700
2516	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu đến Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.300	1.600	1.400
2517	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu đến Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	4.500	3.200	2.700
2518	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu đến Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.600	1.800	1.600
2519	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu đến Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	2.100	1.500	1.300
2520	36	Quốc lộ 51	Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây	Giáp ranh xã Long Phước	Phường Long Thành	9.100	6.400	5.500
2521	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	4.400	3.100	2.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2522	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.900	2.000	1.700
2523	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.300	1.600	1.400
2524	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	4.000	2.800	2.400
2525	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.600	1.800	1.600
2526	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	2.100	1.500	1.300
2527	43	Đường Cầu Mên (đoạn 1)	Đường tỉnh 769	Hầm chui cao tốc	Phường Long Thành	4.600	3.200	2.800
2528	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hầm chui cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	2.300	1.600	1.400
2529	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hầm chui cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	1.800	1.300	1.100
2530	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hầm chui cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2531	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hầm chui cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	2.100	1.500	1.300
2532	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hầm chui cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	1.600	1.100	960
2533	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hầm chui cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.400	980	840
2534	50	Đường Cầu Mên	Hầm chui cao tốc	Hết ranh giới Phường Long Thành	Phường Long Thành	4.400	3.100	2.600
2535	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Hầm chui cao tốc đến Hết ranh giới Phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	2.200	1.500	1.300
2536	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Hầm chui cao tốc đến Hết ranh giới Phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	1.700	1.200	1.000
2537	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Hầm chui cao tốc đến Hết ranh giới Phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	1.500	1.100	900
2538	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Hầm chui cao tốc đến Hết ranh giới Phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	2.000	1.400	1.200
2539	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Hầm chui cao tốc đến Hết ranh giới Phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2540	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Hầm chui cao tốc đến Hết ranh giới Phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	1.400	980	840
2541	57	Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ)	Đường tỉnh 769	Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành	Phường Long Thành	5.900	4.100	3.500
2542	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	2.900	2.000	1.700
2543	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.100	1.500	1.300
2544	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	1.500	1.100	900
2545	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	2.600	1.800	1.600
2546	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	1.900	1.300	1.100
2547	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.400	980	840
2548	64	Đường Cây Khế - Bưng Môn	Đường Bưng Môn	Đường tỉnh 769	Phường Long Thành	5.200	3.600	3.100
2549	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Khế - Bưng Môn đoạn từ Đường Bưng Môn đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	3.600	2.500	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2550	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Khế - Bưng Môn đoạn từ Đường Bưng Môn đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.800	2.000	1.700
2551	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Khế - Bưng Môn đoạn từ Đường Bưng Môn đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.200	1.500	1.300
2552	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Khế - Bưng Môn đoạn từ Đường Bưng Môn đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	3.200	2.200	1.900
2553	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Khế - Bưng Môn đoạn từ Đường Bưng Môn đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.500	1.800	1.500
2554	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Khế - Bưng Môn đoạn từ Đường Bưng Môn đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	2.000	1.400	1.200
2555	71	Đường tỉnh 769	Quốc lộ 51	Đường Bưng Môn	Phường Long Thành	9.900	6.900	5.900
2556	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bưng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	4.000	2.800	2.400
2557	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bưng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.500	1.800	1.500
2558	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bưng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	1.800	1.300	1.100
2559	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bưng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	3.600	2.500	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2560	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bưng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.300	1.600	1.400
2561	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bưng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.600	1.100	960
2562	78	Đường tỉnh 769	Đường Bưng Môn	Giáp ranh giới xã Bình An	Phường Long Thành	8.300	5.800	5.000
2563	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Bưng Môn đến Giáp ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	3.300	2.300	2.000
2564	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Bưng Môn đến Giáp ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.500	1.800	1.500
2565	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Bưng Môn đến Giáp ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	1.800	1.300	1.100
2566	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Bưng Môn đến Giáp ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	3.000	2.100	1.800
2567	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Bưng Môn đến Giáp ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.300	1.600	1.400
2568	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Bưng Môn đến Giáp ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.600	1.100	960
2569	85	Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ)	Đường tỉnh 769	Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 146, xã Long Thành)	Phường Long Thành	8.600	6.000	5.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2570	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 146, xã Long Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	3.400	2.400	2.000
2571	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 146, xã Long Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.600	1.800	1.600
2572	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 146, xã Long Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	1.800	1.300	1.100
2573	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 146, xã Long Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	3.100	2.200	1.900
2574	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 146, xã Long Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.300	1.600	1.400
2575	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 146, xã Long Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.600	1.100	960
2576	92	Đường Xóm Trầu	Quốc lộ 51	Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu	Phường Long Thành	5.600	3.900	3.400
2577	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Trầu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	3.600	2.500	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2578	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Trầu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.800	2.000	1.700
2579	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Trầu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.200	1.500	1.300
2580	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Trầu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	3.200	2.200	1.900
2581	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Trầu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.500	1.800	1.500
2582	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Trầu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	2.000	1.400	1.200
2583	99	Đường 25B	Quốc lộ 51	Giáp ranh Phường Nhơn Trạch	Phường Long Thành	10.000	7.000	6.000
2584	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 25B đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh Phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	5.300	3.700	3.200
2585	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 25B đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh Phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.000	2.800	2.400
2586	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 25B đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh Phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.700	1.900	1.600
2587	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 25B đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh Phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	4.800	3.400	2.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2588	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 25B đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh Phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	3.600	2.500	2.200
2589	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 25B đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh Phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	2.400	1.700	1.400
2590	106	Đường vào khu khai thác đá xã Long An (cũ)	Quốc lộ 51	Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành	Phường Long Thành	7.600	5.300	4.600
2591	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu khai thác đá xã Long An (cũ) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	2.900	2.000	1.700
2592	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu khai thác đá xã Long An (cũ) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.700	1.900	1.600
2593	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu khai thác đá xã Long An (cũ) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.300	1.600	1.400
2594	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu khai thác đá xã Long An (cũ) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	2.600	1.800	1.600
2595	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu khai thác đá xã Long An (cũ) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.400	1.700	1.400
2596	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu khai thác đá xã Long An (cũ) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	2.100	1.500	1.300
2597	113	Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ	Quốc lộ 51	Đường tỉnh 769	Phường Long Thành	7.200	5.000	4.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2598	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	3.700	2.600	2.200
2599	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.700	1.900	1.600
2600	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.000	1.400	1.200
2601	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	3.300	2.300	2.000
2602	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.400	1.700	1.400
2603	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.800	1.300	1.100
2604	120	Đường Liên xã Bình An - Long Thành	Đường tỉnh 769	Thửa 130 tờ 92	Phường Long , xã Bình An	5.800	4.100	3.500
2605	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Thửa 130 tờ 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long , xã Bình An	2.800	2.000	1.700
2606	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Thửa 130 tờ 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long , xã Bình An	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2607	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Thửa 130 tờ 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long , xã Bình An	1.600	1.100	960
2608	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Thửa 130 tờ 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long , xã Bình An	2.500	1.800	1.500
2609	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Thửa 130 tờ 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long , xã Bình An	2.100	1.500	1.300
2610	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Thửa 130 tờ 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long , xã Bình An	1.400	980	840
2611	127	Đường Ngô Hà Thành	Đường Trường Chinh	Giáp ranh xã Long An cũ	Phường Long Thành	7.600	5.300	4.600
2612	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Hà Thành đoạn từ Đường Trường Chinh đến Giáp ranh xã Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2613	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Hà Thành đoạn từ Đường Trường Chinh đến Giáp ranh xã Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.800	2.000	1.700
2614	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Hà Thành đoạn từ Đường Trường Chinh đến Giáp ranh xã Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.100	1.500	1.300
2615	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Hà Thành đoạn từ Đường Trường Chinh đến Giáp ranh xã Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.400	2.400	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2616	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Hà Thành đoạn từ Đường Trường Chinh đến Giáp ranh xã Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.500	1.800	1.500
2617	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Hà Thành đoạn từ Đường Trường Chinh đến Giáp ranh xã Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.900	1.300	1.100
2618	134	Đường Trần Nhân Tông	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Ngô Hà Thành	Phường Long Thành	7.600	5.300	4.600
2619	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2620	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.800	2.000	1.700
2621	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.100	1.500	1.300
2622	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.400	2.400	2.000
2623	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.500	1.800	1.500
2624	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.900	1.300	1.100
2625	141	Đường Võ Thị Sáu	Lê Duẩn	Giáp ranh xã Bình An	Phường Long Thành	12.600	8.800	7.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2626	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	5.900	4.100	3.500
2627	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.000	3.500	3.000
2628	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	3.600	2.500	2.200
2629	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	5.300	3.700	3.200
2630	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.500	3.200	2.700
2631	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.200	2.200	1.900
2632	148	Đường Lê Quang Định	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trường Chinh	Phường Long Thành	13.500	9.500	8.100
2633	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	7.400	5.200	4.400
2634	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.200	3.600	3.100
2635	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	3.700	2.600	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2636	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	6.700	4.700	4.000
2637	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.700	3.300	2.800
2638	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.300	2.300	2.000
2639	155	Đường Lê Quang Định	Đường Trường Chinh	Ranh giới thị trấn Long Thành cũ	Phường Long Thành	8.800	6.200	5.300
2640	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trường Chinh đến Ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	4.300	3.000	2.600
2641	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trường Chinh đến Ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	3.200	2.200	1.900
2642	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trường Chinh đến Ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.200	1.500	1.300
2643	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trường Chinh đến Ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.900	2.700	2.300
2644	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trường Chinh đến Ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.900	2.000	1.700
2645	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trường Chinh đến Ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2646	162	Đường Trường Chinh	Đường Võ Thị Sáu	Mũi tàu	Phường Long Thành	14.300	10.000	8.600
2647	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	6.900	4.800	4.100
2648	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.500	3.900	3.300
2649	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	3.900	2.700	2.300
2650	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	6.200	4.300	3.700
2651	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.000	3.500	3.000
2652	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.500	2.500	2.100
2653	169	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Nhơn Trạch	Phường Long Thành	14.400	10.100	8.600
2654	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	6.100	4.300	3.700
2655	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.700	3.300	2.800
2656	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	3.600	2.500	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2657	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	5.500	3.900	3.300
2658	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.200	2.900	2.500
2659	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.200	2.200	1.900
2660	176	Đường Hai Bà Trưng	Đường Lê Duẩn	Đường Trường Chinh	Phường Long Thành	19.000	13.300	11.400
2661	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	7.900	5.500	4.700
2662	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.800	4.100	3.500
2663	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2664	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	7.100	5.000	4.300
2665	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.200	3.600	3.100
2666	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.400	2.400	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2667	183	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Lê Duẩn	Đường Trường Chinh	Phường Long Thành	19.500	13.700	11.700
2668	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	8.700	6.100	5.200
2669	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	6.400	4.500	3.800
2670	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	4.200	2.900	2.500
2671	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	7.800	5.500	4.700
2672	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.800	4.100	3.500
2673	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2674	190	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Hai Bà Trưng	Hông Siêu thị Vincom	Phường Long Thành	16.800	11.800	10.100
2675	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hông Siêu thị Vincom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	8.700	6.100	5.200
2676	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hông Siêu thị Vincom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	6.400	4.500	3.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2677	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hông Siêu thị Vincom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	4.200	2.900	2.500
2678	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hông Siêu thị Vincom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	7.800	5.500	4.700
2679	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hông Siêu thị Vincom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.800	4.100	3.500
2680	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hông Siêu thị Vincom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2681	197	Đường vào nhà thờ Văn Hải	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Trị	Phường Long Thành	14.200	9.900	8.500
2682	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà thờ Văn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	7.700	5.400	4.600
2683	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà thờ Văn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.200	3.600	3.100
2684	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà thờ Văn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	3.400	2.400	2.000
2685	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà thờ Văn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	6.900	4.800	4.100
2686	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà thờ Văn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.700	3.300	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2687	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà thờ Văn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.100	2.200	1.900
2688	204	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Duẩn	Đường Chu Văn An	Phường Long Thành	14.200	9.900	8.500
2689	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	5.900	4.100	3.500
2690	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.000	2.800	2.400
2691	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	3.400	2.400	2.000
2692	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	5.300	3.700	3.200
2693	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	3.600	2.500	2.200
2694	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.100	2.200	1.900
2695	211	Đường Chu Văn An	Giáp ranh xã An Phước	Đường Lê Lai	Phường Long Thành	17.800	12.500	10.700
2696	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã An Phước đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	7.600	5.300	4.600
2697	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã An Phước đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.600	3.200	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2698	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã An Phước đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2699	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã An Phước đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	6.800	4.800	4.100
2700	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã An Phước đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.100	2.900	2.500
2701	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã An Phước đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.400	2.400	2.000
2702	218	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Lê Duẩn	Đường Trường Chinh	Phường Long Thành	15.400	10.800	9.200
2703	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	8.400	5.900	5.000
2704	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	6.400	4.500	3.800
2705	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	4.200	2.900	2.500
2706	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	7.600	5.300	4.600
2707	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.800	4.100	3.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2708	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2709	225	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Trường Chinh	Đường tỉnh 769	Phường Long Thành	8.900	6.200	5.300
2710	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	4.400	3.100	2.600
2711	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	3.700	2.600	2.200
2712	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.200	1.500	1.300
2713	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	4.000	2.800	2.400
2714	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	3.300	2.300	2.000
2715	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	2.000	1.400	1.200
2716	232	Đường Tạ Uyên	Đường Lê Duẩn	Đường Chu Văn An	Phường Long Thành	12.600	8.800	7.600
2717	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	4.600	3.200	2.800
2718	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	3.400	2.400	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2719	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.900	2.000	1.700
2720	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	4.100	2.900	2.500
2721	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	3.100	2.200	1.900
2722	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	2.600	1.800	1.600
2723	239	Đường Lý Tự Trọng	Đường Lê Duẩn	Đường Hai Bà Trưng	Phường Long Thành	12.600	8.800	7.600
2724	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	5.300	3.700	3.200
2725	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.600	3.200	2.800
2726	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2727	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	4.800	3.400	2.900
2728	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.100	2.900	2.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2729	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.400	2.400	2.000
2730	246	Đường Lý Tự Trọng	Đường Hai Bà Trưng	Đường Trường Chinh	Phường Long Thành	11.000	7.700	6.600
2731	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	5.300	3.700	3.200
2732	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.500	3.200	2.700
2733	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.700	1.900	1.600
2734	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	4.800	3.400	2.900
2735	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.100	2.900	2.500
2736	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	2.400	1.700	1.400
2737	253	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trường Chinh	Đường Lê Quang Định	Phường Long Thành	8.900	6.200	5.300
2738	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	4.400	3.100	2.600
2739	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	3.700	2.600	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2740	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.200	1.500	1.300
2741	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	4.000	2.800	2.400
2742	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	3.300	2.300	2.000
2743	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	2.000	1.400	1.200
2744	260	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ)	Phường Long Thành	15.400	10.800	9.200
2745	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	8.400	5.900	5.000
2746	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.000	3.500	3.000
2747	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	4.200	2.900	2.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2748	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	7.600	5.300	4.600
2749	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.500	3.200	2.700
2750	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2751	267	Đường Hà Huy Giáp	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Quang Khải (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ)	Phường Long Thành	15.400	10.800	9.200
2752	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	8.400	5.900	5.000
2753	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.000	3.500	3.000
2754	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	4.200	2.900	2.500
2755	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	7.600	5.300	4.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2756	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.500	3.200	2.700
2757	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2758	274	Đường Trần Thượng Xuyên	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Long Thành	16.800	11.800	10.100
2759	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	8.700	6.100	5.200
2760	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	6.400	4.500	3.800
2761	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	4.200	2.900	2.500
2762	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	7.800	5.500	4.700
2763	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.800	4.100	3.500
2764	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2765	281	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Võ Thị Sáu	Phường Long Thành	16.800	11.800	10.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2766	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	8.700	6.100	5.200
2767	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	6.400	4.500	3.800
2768	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	4.200	2.900	2.500
2769	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	7.800	5.500	4.700
2770	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.800	4.100	3.500
2771	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2772	295	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Hai Bà Trưng	Đường Võ Thị Sáu	Phường Long Thành	16.800	11.800	10.100
2773	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	8.700	6.100	5.200
2774	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	6.400	4.500	3.800
2775	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	4.200	2.900	2.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2776	299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	7.800	5.500	4.700
2777	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.800	4.100	3.500
2778	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2779	302	Đường Hoàng Minh Châu	Đầu đường Trần Quang Khải	Đường Hoàng Tam Kỳ	Phường Long Thành	7.600	5.300	4.600
2780	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đầu đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2781	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đầu đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.800	2.000	1.700
2782	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đầu đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.100	1.500	1.300
2783	306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đầu đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.400	2.400	2.000
2784	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đầu đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.500	1.800	1.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2785	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đầu đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.900	1.300	1.100
2786	309	Đường Hoàng Tam Kỳ	Đường Hoàng Minh Châu	Giáp ranh xã An Phước	Phường Long Thành	5.600	3.900	3.400
2787	310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Hoàng Minh Châu đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	2.700	1.900	1.600
2788	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Hoàng Minh Châu đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.500	1.800	1.500
2789	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Hoàng Minh Châu đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	1.700	1.200	1.000
2790	313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Hoàng Minh Châu đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	2.400	1.700	1.400
2791	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Hoàng Minh Châu đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.300	1.600	1.400
2792	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Hoàng Minh Châu đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.500	1.100	900
2793	316	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Văn Cừ	Bên phải đến hết ranh thửa đất số 349, tờ BĐĐC số 14; bên trái hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 14	Phường Long Thành	8.800	6.200	5.300
2794	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	4.300	3.000	2.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2795	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	3.600	2.500	2.200
2796	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.500	1.800	1.500
2797	320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.900	2.700	2.300
2798	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	3.200	2.200	1.900
2799	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	2.300	1.600	1.400
2800	323	Đường Nguyễn Văn Ký	Đường Chu Văn An	Đường Lê Lợi	Phường Long Thành	7.400	5.200	4.400
2801	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.700	2.600	2.200
2802	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.800	2.000	1.700
2803	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.100	1.500	1.300
2804	327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.300	2.300	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2805	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.500	1.800	1.500
2806	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.900	1.300	1.100
2807	330	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Huỳnh Văn Lũy	Đường Trần Quang Khải	Phường Long Thành	7.600	5.300	4.600
2808	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2809	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.800	2.000	1.700
2810	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.100	1.500	1.300
2811	334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.400	2.400	2.000
2812	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.500	1.800	1.500
2813	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.900	1.300	1.100
2814	337	Đường Lê Đại Hành	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đến thửa đất số 104, tờ BĐĐC số 32	Phường Long Thành	7.600	5.300	4.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2815	338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Bến Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2816	339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Bến Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.800	2.000	1.700
2817	340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Bến Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.100	1.500	1.300
2818	341	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Bến Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.400	2.400	2.000
2819	342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Bến Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.500	1.800	1.500
2820	343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Bến Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.900	1.300	1.100
2821	344	Đường Huỳnh Văn Lũy	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Trần Quang Khải	Phường Long Thành	7.400	5.200	4.400
2822	345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.700	2.600	2.200
2823	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.800	2.000	1.700
2824	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2825	348	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.300	2.300	2.000
2826	349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.500	1.800	1.500
2827	350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.900	1.300	1.100
2828	351	Đường Trịnh Văn Dục	Đường Nguyễn Văn Cừ	Hết ranh thửa đất số 104, tờ BĐĐC số 32	Phường Long Thành	7.600	5.300	4.600
2829	352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Văn Dục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2830	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Văn Dục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.800	2.000	1.700
2831	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Văn Dục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.100	1.500	1.300
2832	355	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Văn Dục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.400	2.400	2.000
2833	356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Văn Dục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.500	1.800	1.500
2834	357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Văn Dục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2835	358	Đường Trần Văn Trà	Đường Lê Duẩn	Chu Văn An	Phường Long Thành	11.800	8.300	7.100
2836	359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	6.400	4.500	3.800
2837	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.200	3.600	3.100
2838	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.200	1.500	1.300
2839	362	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	5.800	4.100	3.500
2840	363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.700	3.300	2.800
2841	364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	2.000	1.400	1.200
2842	365	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Hà Huy Giáp	Hết tuyến	Phường Long Thành	12.200	8.500	7.300
2843	366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	6.600	4.600	4.000
2844	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.600	3.200	2.800
2845	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.700	1.900	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2846	369	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	5.900	4.100	3.500
2847	370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.100	2.900	2.500
2848	371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	2.400	1.700	1.400
2849	372	Đường Phan Chu Trinh	Đường Hà Huy Giáp	Đường Huỳnh Văn Lũy	Phường Long Thành	8.800	6.200	5.300
2850	373	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Huỳnh Văn Lũy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	4.300	3.000	2.600
2851	374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Huỳnh Văn Lũy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	3.200	2.200	1.900
2852	375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Huỳnh Văn Lũy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.200	1.500	1.300
2853	376	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Huỳnh Văn Lũy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.900	2.700	2.300
2854	377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Huỳnh Văn Lũy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.900	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2855	378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Huỳnh Văn Lũy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	2.000	1.400	1.200
2856	379	Đường Phan Bội Châu	Đường Lê Duẩn	Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông)	Phường Long Thành	11.000	7.700	6.600
2857	380	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	5.300	3.700	3.200
2858	381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.300	3.000	2.600
2859	382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.900	2.000	1.700
2860	383	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	4.800	3.400	2.900
2861	384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	3.900	2.700	2.300
2862	385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	2.600	1.800	1.600
2863	386	Đường Lý Nam Đế	Đường Lê Duẩn	Đầu hẻm 56	Phường Long Thành	7.400	5.200	4.400
2864	387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đầu hẻm 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.700	2.600	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2865	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đầu hẻm 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.800	2.000	1.700
2866	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đầu hẻm 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.100	1.500	1.300
2867	390	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đầu hẻm 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.300	2.300	2.000
2868	391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đầu hẻm 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.500	1.800	1.500
2869	392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đầu hẻm 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.900	1.300	1.100
2870	393	Đường Trần Quang Diệu	Quốc lộ 51	Đường Phạm Văn Đồng	Phường Long Thành	5.600	3.900	3.400
2871	394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.400	2.400	2.000
2872	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.600	1.800	1.600
2873	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	1.900	1.300	1.100
2874	397	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.100	2.200	1.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2875	398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.300	1.600	1.400
2876	399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.700	1.200	1.000
2877	400	Đường Trần Phú	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Long Thành	16.800	11.800	10.100
2878	401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	8.700	6.100	5.200
2879	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	6.400	4.500	3.800
2880	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	4.200	2.900	2.500
2881	404	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	7.800	5.500	4.700
2882	405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.800	4.100	3.500
2883	406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2884	407	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Long Thành	16.800	11.800	10.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2885	408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	8.700	6.100	5.200
2886	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	6.400	4.500	3.800
2887	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	4.200	2.900	2.500
2888	411	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	7.800	5.500	4.700
2889	412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.800	4.100	3.500
2890	413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2891	414	Đường Lê Hồng Phong	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Long Thành	16.800	11.800	10.100
2892	415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	8.700	6.100	5.200
2893	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	6.400	4.500	3.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2894	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	4.200	2.900	2.500
2895	418	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	7.800	5.500	4.700
2896	419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.800	4.100	3.500
2897	420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2898	421	Đường Trần Quốc Toản	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Long Thành	11.600	8.100	7.000
2899	422	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	5.600	3.900	3.400
2900	423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.700	3.300	2.800
2901	424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.900	2.000	1.700
2902	425	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	5.000	3.500	3.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2903	426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.200	2.900	2.500
2904	427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	2.600	1.800	1.600
2905	428	Đường Lê Thánh Tôn	Đường Lê Quang Định	Hết tuyến	Phường Long Thành	7.600	5.300	4.600
2906	429	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Lê Quang Định đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2907	430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Lê Quang Định đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.800	2.000	1.700
2908	431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Lê Quang Định đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.100	1.500	1.300
2909	432	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Lê Quang Định đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.400	2.400	2.000
2910	433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Lê Quang Định đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.500	1.800	1.500
2911	434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Lê Quang Định đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.900	1.300	1.100
2912	435	Đường Lê Lai	Đường Tạ Uyên	Đường Chu Văn An	Phường Long Thành	7.600	5.300	4.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2913	436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Tạ Uyên đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.800	2.700	2.300
2914	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Tạ Uyên đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.800	2.000	1.700
2915	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Tạ Uyên đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.100	1.500	1.300
2916	439	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Tạ Uyên đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.400	2.400	2.000
2917	440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Tạ Uyên đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.500	1.800	1.500
2918	441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Tạ Uyên đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.900	1.300	1.100
2919	442	Đường Lý Thái Tổ	Đường Lê Duẩn	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Long Thành	14.700	10.300	8.800
2920	443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	7.600	5.300	4.600
2921	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.600	3.900	3.400
2922	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	3.700	2.600	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2923	446	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	6.800	4.800	4.100
2924	447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.000	3.500	3.000
2925	448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.300	2.300	2.000
2926	449	Đường Võ Văn Tần	Đường Lê Duẩn	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Long Thành	14.700	10.300	8.800
2927	450	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	7.600	5.300	4.600
2928	451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.600	3.900	3.400
2929	452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	3.700	2.600	2.200
2930	453	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	6.800	4.800	4.100
2931	454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	5.000	3.500	3.000
2932	455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	3.300	2.300	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2933	456	Đường liên xã An Phước - Long Thành	Đường Trần Quang Khải	Đường Hoàng Tam Kỳ	Phường Long Thành	7.300	5.100	4.400
2934	457	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã An Phước - Long Thành đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.900	2.700	2.300
2935	458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã An Phước - Long Thành đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.900	2.000	1.700
2936	459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã An Phước - Long Thành đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.000	1.400	1.200
2937	460	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã An Phước - Long Thành đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.500	2.500	2.100
2938	461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã An Phước - Long Thành đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.600	1.800	1.600
2939	462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã An Phước - Long Thành đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.800	1.300	1.100
2940	463	Đường Nguyễn Hải	Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15	Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17	Phường Long Thành	6.800	4.800	4.100
2941	464	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15 đến Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.400	2.400	2.000
2942	465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15 đến Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.500	1.800	1.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2943	466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15 đến Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	1.900	1.300	1.100
2944	467	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15 đến Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.100	2.200	1.900
2945	468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15 đến Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.300	1.600	1.400
2946	469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15 đến Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Thành	1.700	1.200	1.000
2947	470	Đường Lê Lợi	Đường Hà Huy Giáp	Hết ranh thửa 189 tờ 13	Phường Long Thành	8.800	6.200	5.300
2948	471	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa 189 tờ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	4.300	3.000	2.600
2949	472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa 189 tờ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	3.200	2.200	1.900
2950	473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa 189 tờ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.200	1.500	1.300
2951	474	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa 189 tờ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	3.900	2.700	2.300
2952	475	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa 189 tờ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.900	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2953	476	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa 189 tờ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.000	1.400	1.200
2954	477	Đường D1	Toàn tuyến		Phường Long Thành	10.200	7.140	6.120
2955	478	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	5.600	3.920	3.360
2956	479	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.480	3.136	2.688
2957	480	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	3.584	2.509	2.150
2958	481	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	5.040	3.528	3.024
2959	482	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	4.032	2.822	2.419
2960	483	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	3.226	2.258	1.935
2961	484	Đường D3	Toàn tuyến		Phường Long Thành	6.700	4.690	4.020
2962	485	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	3.500	2.450	2.100
2963	486	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.800	1.960	1.680
2964	487	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.240	1.568	1.344

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2965	488	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	3.150	2.205	1.890
2966	489	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	2.520	1.764	1.512
2967	490	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	2.016	1.411	1.210
2968	15	Trường Chinh (Quốc lộ 51B cũ)	Đường liên xã Bình An - Long Thành	Đường Võ Thị Sáu	Xã Bình An	10.500	7.400	6.300
2969	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trường Chinh (Quốc lộ 51B cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	5.000	3.500	3.000
2970	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trường Chinh (Quốc lộ 51B cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	3.400	2.400	2.000
2971	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trường Chinh (Quốc lộ 51B cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	2.300	1.600	1.400
2972	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trường Chinh (Quốc lộ 51B cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	4.500	3.200	2.700
2973	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trường Chinh (Quốc lộ 51B cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	3.100	2.200	1.900
2974	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trường Chinh (Quốc lộ 51B cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2975	22	Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An	Đầu sân bóng khu 15	Giáp ranh xã An Viễn	Xã Bình An	4.600	3.200	2.800
2976	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An đoạn từ Đầu sân bóng khu 15 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.400	1.700	1.400
2977	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An đoạn từ Đầu sân bóng khu 15 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.000	1.400	1.200
2978	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An đoạn từ Đầu sân bóng khu 15 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.400	980	840
2979	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An đoạn từ Đầu sân bóng khu 15 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.200	1.500	1.300
2980	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An đoạn từ Đầu sân bóng khu 15 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	1.800	1.300	1.100
2981	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An đoạn từ Đầu sân bóng khu 15 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.300	910	780
2982	29	Đường Vũ Hồng Phô	Đường Lê Duẩn	Đường Trường Chinh	Xã Bình An	9.200	6.400	5.500
2983	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	4.600	3.200	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2984	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	3.400	2.400	2.000
2985	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	2.700	1.900	1.600
2986	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	4.100	2.900	2.500
2987	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	3.100	2.200	1.900
2988	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	2.400	1.700	1.400
2989	36	Đường Trần Văn Ơn	Đường Lê Duẩn	Đường Tôn Đức Thắng	Xã Bình An	9.300	6.500	5.600
2990	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	4.500	3.200	2.700
2991	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	3.100	2.200	1.900
2992	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	2.400	1.700	1.400
2993	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	4.100	2.900	2.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
2994	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.800	2.000	1.700
2995	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	2.200	1.500	1.300
2996	43	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lê Duẩn	Đường Liên xã Bình An - Long Thành	Xã Bình An	10.400	7.300	6.200
2997	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	4.200	2.900	2.500
2998	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.700	1.900	1.600
2999	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	2.100	1.500	1.300
3000	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	3.800	2.700	2.300
3001	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.400	1.700	1.400
3002	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.900	1.300	1.100
3003	50	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Vũ Hồng Phô	Đường Võ Thị Sáu	Xã Bình An	11.500	8.100	6.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3004	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	3.500	2.500	2.100
3005	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.700	1.900	1.600
3006	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	2.100	1.500	1.300
3007	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	3.200	2.200	1.900
3008	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.400	1.700	1.400
3009	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.900	1.300	1.100
3010	57	Đường liên xã Bình An - Long Thành	Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành	Đường Lê Quang Định	Xã Bình An	7.000	4.900	4.200
3011	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	3.300	2.300	2.000
3012	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	3.000	2.100	1.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3013	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	2.600	1.800	1.600
3014	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	3.000	2.100	1.800
3015	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.700	1.900	1.600
3016	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	2.300	1.600	1.400
3017	64	Đường liên xã Bình An - Long Thành	Nhà máy mủ cao su Long Thành	Giáp ranh phường Long Thành	Xã Bình An	6.700	4.700	4.000
3018	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	3.200	2.200	1.900
3019	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.600	1.800	1.600
3020	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.900	1.300	1.100
3021	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.900	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3022	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.300	1.600	1.400
3023	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.700	1.200	1.000
3024	71	Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên)	Đường tỉnh 769	Giáp Cầu Mên	Xã Bình An	4.400	3.100	2.600
3025	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.200	1.500	1.300
3026	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	1.700	1.200	1.000
3027	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.500	1.100	900
3028	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.000	1.400	1.200
3029	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3030	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.400	980	840
3031		Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên)	Thửa 401 tờ 48	Giáp Cầu Mên	Xã Bình An, Phường Long Thành	5.800	4.100	3.500
3032		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An, Phường Long Thành	2.900	2.000	1.700
3033		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An, Phường Long Thành	2.000	1.400	1.200
3034		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An, Phường Long Thành	1.400	980	840
3035		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An, Phường Long Thành	2.600	1.800	1.600
3036		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An, Phường Long Thành	1.800	1.300	1.100
3037		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An, Phường Long Thành	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3038	78	Đường tỉnh 769	Ranh phường Long Thành - Bình An	Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ	Xã Bình An	5.800	4.100	3.500
3039	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh phường Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.900	2.000	1.700
3040	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh phường Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.600	1.800	1.600
3041	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh phường Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.400	980	840
3042	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh phường Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.600	1.800	1.600
3043	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh phường Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	1.800	1.300	1.100
3044	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh phường Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.300	910	780
3045	85	Đường tỉnh 769	Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ	Cầu An Viễn	Xã Bình An	6.300	4.400	3.800
3046	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đến Cầu An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	3.200	2.200	1.900
3047	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đến Cầu An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3048	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đến Cầu An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.400	980	840
3049	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đến Cầu An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.900	2.000	1.700
3050	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đến Cầu An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	1.800	1.300	1.100
3051	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đến Cầu An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.300	910	780
3052	92	Đường tỉnh 769	Cầu An Viễn	Giáp nông trường cao su An Viễng	Xã Bình An	5.100	3.600	3.100
3053	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Cầu An Viễn đến Giáp nông trường cao su An Viễng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.400	1.700	1.400
3054	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Cầu An Viễn đến Giáp nông trường cao su An Viễng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.000	1.400	1.200
3055	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Cầu An Viễn đến Giáp nông trường cao su An Viễng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.400	980	840
3056	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Cầu An Viễn đến Giáp nông trường cao su An Viễng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.200	1.500	1.300
3057	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Cầu An Viễn đến Giáp nông trường cao su An Viễng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3058	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Cầu An Viễn đến Giáp nông trường cao su An Viễng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.300	910	780
3059	99	Đường tỉnh 769	Nông trường cao su An Viễng	Cầu Cái Hảo	Xã Bình An	5.800	4.100	3.500
3060	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Nông trường cao su An Viễng đến Cầu Cái Hảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.900	2.000	1.700
3061	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Nông trường cao su An Viễng đến Cầu Cái Hảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.000	1.400	1.200
3062	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Nông trường cao su An Viễng đến Cầu Cái Hảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.400	980	840
3063	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Nông trường cao su An Viễng đến Cầu Cái Hảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.600	1.800	1.600
3064	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Nông trường cao su An Viễng đến Cầu Cái Hảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	1.800	1.300	1.100
3065	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Nông trường cao su An Viễng đến Cầu Cái Hảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.300	910	780
3066	106	Đường Hương lộ 10 (xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An)	Cầu Suối Sâu	Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế	Xã Bình An	6.000	4.200	3.600
3067	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 (xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An) đoạn từ Cầu Suối Sâu đến Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.900	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3068	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 (xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An) đoạn từ Cầu Suối Sâu đến Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.100	1.500	1.300
3069	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 (xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An) đoạn từ Cầu Suối Sâu đến Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.500	1.100	900
3070	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 (xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An) đoạn từ Cầu Suối Sâu đến Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.600	1.800	1.600
3071	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 (xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An) đoạn từ Cầu Suối Sâu đến Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	1.900	1.300	1.100
3072	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 (xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An) đoạn từ Cầu Suối Sâu đến Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.400	980	840
3073	113	Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ	Đường tỉnh 769	Hương lộ 10 xây dựng mới	Xã Bình An	4.400	3.100	2.600
3074	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hương lộ 10 xây dựng mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.200	1.500	1.300
3075	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hương lộ 10 xây dựng mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3076	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hương lộ 10 xây dựng mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.500	1.100	900
3077	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hương lộ 10 xây dựng mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.000	1.400	1.200
3078	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hương lộ 10 xây dựng mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	1.500	1.100	900
3079	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hương lộ 10 xây dựng mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.400	980	840
3080	120	Đường Lê Quang Định	Cầu Suối Phèn	Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu	Xã Bình An	8.800	6.200	5.300
3081	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Cầu Suối Phèn đến Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	4.300	3.000	2.600
3082	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Cầu Suối Phèn đến Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	3.200	2.200	1.900
3083	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Cầu Suối Phèn đến Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	2.200	1.500	1.300
3084	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Cầu Suối Phèn đến Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	3.900	2.700	2.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3085	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Cầu Suối Phèn đến Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.900	2.000	1.700
3086	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Cầu Suối Phèn đến Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	2.000	1.400	1.200
3087	127	Đường khu 14	Nhà máy mủ cao su Long Thành	Giáp ranh xã An Phước	Xã Bình An	5.800	4.100	3.500
3088	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 14 đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.900	2.000	1.700
3089	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 14 đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.000	1.400	1.200
3090	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 14 đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.400	980	840
3091	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 14 đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.600	1.800	1.600
3092	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 14 đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	1.800	1.300	1.100
3093	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 14 đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.300	910	780
3094	134	Đường Nguyễn Thị Giờ	Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu	Đường Liên xã Bình An - Long Thành	Xã Bình An	5.800	4.100	3.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3095	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.900	2.000	1.700
3096	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.000	1.400	1.200
3097	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.400	980	840
3098	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.600	1.800	1.600
3099	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	1.800	1.300	1.100
3100	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.300	910	780
3101	141	Đường Nguyễn Thị Giờ	Đường Liên xã Bình An - Long Thành	Giáp ranh xã An Phước	Xã Bình An	5.100	3.600	3.100
3102	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.400	1.700	1.400
3103	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3104	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.400	980	840
3105	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.200	1.500	1.300
3106	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	1.800	1.300	1.100
3107	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.300	910	780
3108	148	Đường Nguyễn Thị Xót	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lê Quang Định	Xã Bình An	5.100	3.600	3.100
3109	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Xót đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.400	1.700	1.400
3110	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Xót đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.000	1.400	1.200
3111	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Xót đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.400	980	840
3112	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Xót đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.200	1.500	1.300
3113	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Xót đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3114	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Xót đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.300	910	780
3115	155	Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An	Đường liên xã Long Thành – Bình An	Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2	Xã Bình An	4.600	3.200	2.800
3116	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An đoạn từ Đường liên xã Long Thành – Bình An đến Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.400	1.700	1.400
3117	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An đoạn từ Đường liên xã Long Thành – Bình An đến Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.000	1.400	1.200
3118	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An đoạn từ Đường liên xã Long Thành – Bình An đến Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.400	980	840
3119	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An đoạn từ Đường liên xã Long Thành – Bình An đến Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.200	1.500	1.300
3120	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An đoạn từ Đường liên xã Long Thành – Bình An đến Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	1.800	1.300	1.100
3121	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An đoạn từ Đường liên xã Long Thành – Bình An đến Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.300	910	780
3122	162	Đường ấp An Viễng cũ	Tỉnh lộ 769	Đến hết rảnh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 38	Xã Bình An	4.600	3.200	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3123	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp An Viễng cũ đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Đến hết rảnh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.400	1.700	1.400
3124	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp An Viễng cũ đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Đến hết rảnh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	2.000	1.400	1.200
3125	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp An Viễng cũ đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Đến hết rảnh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.400	980	840
3126	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp An Viễng cũ đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Đến hết rảnh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.200	1.500	1.300
3127	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp An Viễng cũ đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Đến hết rảnh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	1.800	1.300	1.100
3128	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp An Viễng cũ đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Đến hết rảnh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.300	910	780
3129	169	Đường Bàu Lùng	Tỉnh lộ 769	Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53	Xã Bình An	4.400	3.100	2.600
3130	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Lùng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.200	1.500	1.300
3131	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Lùng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3132	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Lùng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.500	1.100	900
3133	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Lùng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	2.000	1.400	1.200
3134	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Lùng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	1.500	1.100	900
3135	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Lùng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	1.400	980	840
3136	176	Đường D1 trong khu dân cư Gam Sky World	Từ Đường liên xã Bình An - Long Thành	Giáp ranh xã An Phước	Xã Bình An	7.000	4.900	4.200
3137	177	Các đường còn lại trong khu dân cư Gam Sky World			Xã Bình An	5.800	4.100	3.500
3138	1	Hương lộ 2	Hương lộ 21	Hết ranh giới xã An Phước	Xã An Phước	4.600	3.200	2.800
3139	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Hương lộ 21 đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	2.300	1.600	1.400
3140	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Hương lộ 21 đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	1.900	1.300	1.100
3141	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Hương lộ 21 đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	1.400	980	840
3142	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Hương lộ 21 đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3143	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Hương lộ 21 đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	1.700	1.200	1.000
3144	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Hương lộ 21 đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	1.300	910	780
3145	8	Hương lộ 21	Quốc lộ 51	Đường liên xã An Phước - Tam An cũ	Xã An Phước	5.200	3.600	3.100
3146	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 21 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường liên xã An Phước - Tam An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	2.500	1.800	1.500
3147	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 21 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường liên xã An Phước - Tam An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	2.200	1.500	1.300
3148	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 21 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường liên xã An Phước - Tam An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	1.700	1.200	1.000
3149	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 21 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường liên xã An Phước - Tam An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	2.300	1.600	1.400
3150	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 21 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường liên xã An Phước - Tam An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	2.000	1.400	1.200
3151	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 21 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường liên xã An Phước - Tam An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	1.600	1.100	960
3152	15	Hương lộ 21	Đường liên xã An Phước - Tam An cũ	Hết ranh giới xã An Phước	Xã An Phước	4.600	3.200	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3153	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 21 đoạn từ Đường liên xã An Phước - Tam An cũ đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	2.300	1.600	1.400
3154	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 21 đoạn từ Đường liên xã An Phước - Tam An cũ đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	2.000	1.400	1.200
3155	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 21 đoạn từ Đường liên xã An Phước - Tam An cũ đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	1.700	1.200	1.000
3156	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 21 đoạn từ Đường liên xã An Phước - Tam An cũ đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	2.100	1.500	1.300
3157	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 21 đoạn từ Đường liên xã An Phước - Tam An cũ đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	1.800	1.300	1.100
3158	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 21 đoạn từ Đường liên xã An Phước - Tam An cũ đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	1.600	1.100	960
3159	22	Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ)	Đường Nguyễn Hải	Hương lộ 21	Xã An Phước	7.400	5.200	4.400
3160	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hải đến Hương lộ 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	3.600	2.500	2.200
3161	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hải đến Hương lộ 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	3.000	2.100	1.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3162	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hải đến Hương lộ 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	2.600	1.800	1.600
3163	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hải đến Hương lộ 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	3.200	2.200	1.900
3164	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hải đến Hương lộ 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	2.700	1.900	1.600
3165	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hải đến Hương lộ 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	2.300	1.600	1.400
3166	29	Đường Nguyễn Hải	Ngã ba Phước Nguyên	Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65	Xã An Phước	6.200	4.300	3.700
3167	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Ngã ba Phước Nguyên đến Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	3.000	2.100	1.800
3168	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Ngã ba Phước Nguyên đến Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	2.600	1.800	1.600
3169	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Ngã ba Phước Nguyên đến Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	2.200	1.500	1.300
3170	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Ngã ba Phước Nguyên đến Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	2.700	1.900	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3171	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Ngã ba Phước Nguyên đến Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	2.300	1.600	1.400
3172	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Ngã ba Phước Nguyên đến Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	2.000	1.400	1.200
3173	36	Đường Nguyễn Hải	Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65	Hết ranh thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64	Xã An Phước	6.800	4.800	4.100
3174	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 đến Hết ranh thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	2.500	1.800	1.500
3175	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 đến Hết ranh thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	2.300	1.600	1.400
3176	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 đến Hết ranh thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	2.000	1.400	1.200
3177	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 đến Hết ranh thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	2.300	1.600	1.400
3178	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 đến Hết ranh thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	2.100	1.500	1.300
3179	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 đến Hết ranh thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	1.800	1.300	1.100
3180	43	Đường Chu Văn An	Giáp ranh xã Long Thành	Hết ranh Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước	Xã An Phước	12.800	9.000	7.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3181	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Hết ranh Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	5.500	3.900	3.300
3182	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Hết ranh Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	3.300	2.300	2.000
3183	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Hết ranh Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	2.700	1.900	1.600
3184	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Hết ranh Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	5.000	3.500	3.000
3185	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Hết ranh Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	3.000	2.100	1.800
3186	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Hết ranh Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	2.400	1.700	1.400
3187	50	Quốc lộ 51	Ngã ba đường Phùng Hưng	Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam	Xã An Phước	13.400	9.400	8.000
3188	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba đường Phùng Hưng đến Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	4.800	3.400	2.900
3189	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba đường Phùng Hưng đến Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	3.300	2.300	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3190	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba đường Phùng Hưng đến Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	2.600	1.800	1.600
3191	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba đường Phùng Hưng đến Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	4.300	3.000	2.600
3192	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba đường Phùng Hưng đến Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	3.000	2.100	1.800
3193	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba đường Phùng Hưng đến Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	2.300	1.600	1.400
3194	57	Quốc lộ 51	Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam	Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54)	Xã An Phước	11.000	7.700	6.600
3195	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam đến Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	4.400	3.100	2.600
3196	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam đến Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	3.300	2.300	2.000
3197	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam đến Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	2.600	1.800	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3198	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam đến Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	4.000	2.800	2.400
3199	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam đến Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	3.000	2.100	1.800
3200	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam đến Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	2.300	1.600	1.400
3201	64	Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ)	Từ Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54)	Giáp ranh phường Long Thành	Xã An Phước, xã Bình An	13.600	9.500	8.200
3202	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Từ Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54) đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước, xã Bình An	4.400	3.100	2.600
3203	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Từ Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54) đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước, xã Bình An	3.100	2.200	1.900
3204	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Từ Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54) đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước, xã Bình An	2.000	1.400	1.200
3205	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Từ Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54) đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước, xã Bình An	4.000	2.800	2.400
3206	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Từ Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54) đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước, xã Bình An	2.800	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3207	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Từ Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54) đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước, xã Bình An	1.800	1.300	1.100
3208	71	Đường liên ấp 7 - ấp 8	Quốc lộ 51	Đường Phùng Hưng - xã An Phước	Xã An Phước	4.700	3.300	2.800
3209	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 7 - ấp 8 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phùng Hưng - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	2.300	1.600	1.400
3210	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 7 - ấp 8 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phùng Hưng - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	2.100	1.500	1.300
3211	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 7 - ấp 8 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phùng Hưng - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	1.700	1.200	1.000
3212	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 7 - ấp 8 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phùng Hưng - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	2.100	1.500	1.300
3213	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 7 - ấp 8 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phùng Hưng - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	1.900	1.300	1.100
3214	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 7 - ấp 8 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phùng Hưng - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	1.500	1.100	900
3215	78	Đường Phùng Hưng	Quốc lộ 51	Giáp ranh xã An Viễn	Xã An Phước	10.400	7.300	6.200
3216	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	4.000	2.800	2.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3217	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	2.600	1.800	1.600
3218	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	1.800	1.300	1.100
3219	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	3.600	2.500	2.200
3220	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	2.300	1.600	1.400
3221	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	1.600	1.100	960
3222	85	Đường khu công nghiệp Long Đức	Quốc lộ 51	Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước	Xã An Phước	7.800	5.500	4.700
3223	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu công nghiệp Long Đức đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	3.900	2.700	2.300
3224	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu công nghiệp Long Đức đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	2.700	1.900	1.600
3225	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu công nghiệp Long Đức đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3226	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu công nghiệp Long Đức đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	3.500	2.500	2.100
3227	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu công nghiệp Long Đức đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	2.400	1.700	1.400
3228	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu công nghiệp Long Đức đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	1.900	1.300	1.100
3229	92	Đường Bùi Thị Xuân đoạn đã đầu tư hạ tầng	Giáp ranh phường Long Thành	Đến ranh thu hồi đất dự án khu công nghệ cao	Xã An Phước	7.800	5.500	4.700
3230	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn đã đầu tư hạ tầng đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đến ranh thu hồi đất dự án khu công nghệ cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	3.900	2.700	2.300
3231	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn đã đầu tư hạ tầng đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đến ranh thu hồi đất dự án khu công nghệ cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	2.700	1.900	1.600
3232	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn đã đầu tư hạ tầng đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đến ranh thu hồi đất dự án khu công nghệ cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	2.100	1.500	1.300
3233	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn đã đầu tư hạ tầng đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đến ranh thu hồi đất dự án khu công nghệ cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	3.500	2.500	2.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3234	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn đã đầu tư hạ tầng đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đến ranh thu hồi đất dự án khu công nghệ cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	2.400	1.700	1.400
3235	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn đã đầu tư hạ tầng đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đến ranh thu hồi đất dự án khu công nghệ cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	1.900	1.300	1.100
3236	1	Quốc lộ 51	Giáp ranh phường Long Thành	Cầu Suối Cả	Xã Long Phước	9.100	6.400	5.500
3237	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Cầu Suối Cả có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	4.400	3.100	2.600
3238	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Cầu Suối Cả có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	2.900	2.000	1.700
3239	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Cầu Suối Cả có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	2.300	1.600	1.400
3240	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Cầu Suối Cả có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	4.000	2.800	2.400
3241	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Cầu Suối Cả có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	2.600	1.800	1.600
3242	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Cầu Suối Cả có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	2.100	1.500	1.300
3243	8	Quốc lộ 51	Cầu Suối Cả	Hết UBND xã Long Phước	Xã Long Phước	6.900	4.800	4.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3244	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Suối Cả đến Hết UBND xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	3.400	2.400	2.000
3245	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Suối Cả đến Hết UBND xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	2.900	2.000	1.700
3246	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Suối Cả đến Hết UBND xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	2.400	1.700	1.400
3247	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Suối Cả đến Hết UBND xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	3.100	2.200	1.900
3248	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Suối Cả đến Hết UBND xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	2.600	1.800	1.600
3249	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Suối Cả đến Hết UBND xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	2.200	1.500	1.300
3250	15	Quốc lộ 51	Hết UBND xã Long Phước	Hết chùa Pháp Hưng	Xã Long Phước	9.800	6.900	5.900
3251	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết UBND xã Long Phước đến Hết chùa Pháp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	4.500	3.200	2.700
3252	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết UBND xã Long Phước đến Hết chùa Pháp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	3.100	2.200	1.900
3253	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết UBND xã Long Phước đến Hết chùa Pháp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	2.400	1.700	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3254	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết UBND xã Long Phước đến Hết chùa Pháp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	4.100	2.900	2.500
3255	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết UBND xã Long Phước đến Hết chùa Pháp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	2.800	2.000	1.700
3256	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết UBND xã Long Phước đến Hết chùa Pháp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	2.200	1.500	1.300
3257	22	Quốc lộ 51	Hết chùa Pháp Hưng	Ranh giới xã Phước Thái	Xã Long Phước	7.200	5.000	4.300
3258	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết chùa Pháp Hưng đến Ranh giới xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	3.500	2.500	2.100
3259	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết chùa Pháp Hưng đến Ranh giới xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	2.900	2.000	1.700
3260	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết chùa Pháp Hưng đến Ranh giới xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	2.400	1.700	1.400
3261	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết chùa Pháp Hưng đến Ranh giới xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	3.200	2.200	1.900
3262	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết chùa Pháp Hưng đến Ranh giới xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	2.600	1.800	1.600
3263	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết chùa Pháp Hưng đến Ranh giới xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	2.200	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3264	29	Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình	Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ	Hết ranh xã Long Phước	Xã Long Phước	4.400	3.100	2.600
3265	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Hết ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	3.000	2.100	1.800
3266	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Hết ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	2.300	1.600	1.400
3267	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Hết ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	2.000	1.400	1.200
3268	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Hết ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	2.700	1.900	1.600
3269	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Hết ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	2.100	1.500	1.300
3270	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Hết ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	1.800	1.300	1.100
3271	36	Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ	Quốc lộ 51	Giáp chùa Long Phước Thọ	Xã Long Phước	7.600	5.300	4.600
3272	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp chùa Long Phước Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	3.800	2.700	2.300
3273	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp chùa Long Phước Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	2.600	1.800	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3274	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp chùa Long Phước Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	2.000	1.400	1.200
3275	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp chùa Long Phước Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	3.400	2.400	2.000
3276	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp chùa Long Phước Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	2.300	1.600	1.400
3277	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp chùa Long Phước Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	1.800	1.300	1.100
3278	43	Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ	Giáp chùa Long Phước Thọ	Giáp chùa Long Quang	Xã Long Phước	5.200	3.600	3.100
3279	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Phước Thọ đến Giáp chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	2.600	1.800	1.600
3280	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Phước Thọ đến Giáp chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	2.000	1.400	1.200
3281	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Phước Thọ đến Giáp chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	1.800	1.300	1.100
3282	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Phước Thọ đến Giáp chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3283	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Phước Thọ đến Giáp chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	1.800	1.300	1.100
3284	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Phước Thọ đến Giáp chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	1.600	1.100	960
3285	50	Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ	Giáp chùa Long Quang	Cầu Bản Cù	Xã Long Phước	7.700	5.400	4.600
3286	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Quang đến Cầu Bản Cù có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	3.900	2.700	2.300
3287	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Quang đến Cầu Bản Cù có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	2.800	2.000	1.700
3288	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Quang đến Cầu Bản Cù có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	2.200	1.500	1.300
3289	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Quang đến Cầu Bản Cù có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	3.500	2.500	2.100
3290	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Quang đến Cầu Bản Cù có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	2.500	1.800	1.500
3291	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Quang đến Cầu Bản Cù có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	2.000	1.400	1.200
3292	57	Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ	Cầu Bản Cù	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	Xã Long Phước	4.200	2.900	2.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3293	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Cầu Bản Cù đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	2.100	1.500	1.300
3294	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Cầu Bản Cù đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	1.900	1.300	1.100
3295	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Cầu Bản Cù đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	1.500	1.100	900
3296	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Cầu Bản Cù đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	1.900	1.300	1.100
3297	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Cầu Bản Cù đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	1.700	1.200	1.000
3298	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Cầu Bản Cù đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	1.400	980	840
3299	64	Đường Suối Le	Ngã ba Cây Cầy	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	Xã Long Phước	3.900	2.700	2.300
3300	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	1.900	1.300	1.100
3301	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3302	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	1.500	1.100	900
3303	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	1.700	1.200	1.000
3304	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	1.500	1.100	900
3305	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	1.400	980	840
3306	71	Hương lộ 12 (đường Bà Ký)	Quốc lộ 51	Giáp ranh xã Phước An	Xã Long Phước	7.400	5.200	4.400
3307	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 12 (đường Bà Ký) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	3.600	2.500	2.200
3308	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 12 (đường Bà Ký) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	2.600	1.800	1.600
3309	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 12 (đường Bà Ký) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	1.900	1.300	1.100
3310	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 12 (đường Bà Ký) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	3.200	2.200	1.900
3311	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 12 (đường Bà Ký) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3312	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 12 (đường Bà Ký) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	1.700	1.200	1.000
3313	78	Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường	Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ	Giáp ranh xã Xuân Đường	Xã Long Phước	4.900	3.400	2.900
3314	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	2.400	1.700	1.400
3315	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	1.800	1.300	1.100
3316	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	1.600	1.100	960
3317	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	2.200	1.500	1.300
3318	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	1.600	1.100	960
3319	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	1.400	980	840
3320	85	Đường ấp 2 Suối Trầu	Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 90)	Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 457, tờ BĐĐC số 93)	Xã Long Phước	3.300	2.300	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3321	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	2.600	1.800	1.600
3322	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	2.200	1.500	1.300
3323	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	1.900	1.300	1.100
3324	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	2.300	1.600	1.400
3325	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	2.000	1.400	1.200
3326	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	1.700	1.200	1.000
3327	1	Quốc lộ 51	Giáp ranh xã Long Phước	Cầu Thái Thiện	Xã Phước Thái	9.800	6.900	5.900
3328	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	4.500	3.200	2.700
3329	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	3.100	2.200	1.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3330	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	2.400	1.700	1.400
3331	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	4.100	2.900	2.500
3332	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	2.800	2.000	1.700
3333	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	2.200	1.500	1.300
3334	8	Quốc lộ 51	Cầu Thái Thiện	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	Xã Phước Thái	11.300	7.900	6.800
3335	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	4.900	3.400	2.900
3336	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	3.100	2.200	1.900
3337	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	2.400	1.700	1.400
3338	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	4.400	3.100	2.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3339	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	2.800	2.000	1.700
3340	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	2.200	1.500	1.300
3341	15	Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ	Quốc lộ 51	Cầu Suối 1	Xã Phước Thái	8.000	5.600	4.800
3342	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	4.000	2.800	2.400
3343	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	2.800	2.000	1.700
3344	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	2.100	1.500	1.300
3345	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	3.600	2.500	2.200
3346	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	2.500	1.800	1.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3347	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	1.900	1.300	1.100
3348	22	Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ	Cầu Suối 1	Hết ranh giới xã Tân Hiệp cũ	Xã Phước Thái	6.100	4.300	3.700
3349	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	2.900	2.000	1.700
3350	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	2.300	1.600	1.400
3351	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	1.700	1.200	1.000
3352	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	2.600	1.800	1.600
3353	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	2.100	1.500	1.300
3354	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	1.500	1.100	900
3355	29	Đường vào UBND xã Phước Bình cũ	Quốc lộ 51	Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái)	Xã Phước Thái	7.100	5.000	4.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3356	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	3.600	2.500	2.200
3357	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	2.700	1.900	1.600
3358	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	2.100	1.500	1.300
3359	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	3.200	2.200	1.900
3360	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	2.400	1.700	1.400
3361	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	1.900	1.300	1.100
3362	36	Đường vào UBND xã Phước Bình cũ	Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái)	Ranh xã Phước Thái	Xã Phước Thái	5.000	3.500	3.000
3363	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	2.500	1.800	1.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3364	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	1.900	1.300	1.100
3365	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	1.400	980	840
3366	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	2.300	1.600	1.400
3367	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	1.700	1.200	1.000
3368	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	1.300	910	780
3369	43	Đường liên ấp 1-3	Đường vào UBND xã Phước Bình cũ	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	Xã Phước Thái	4.900	3.400	2.900
3370	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	3.100	2.200	1.900
3371	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	2.200	1.500	1.300
3372	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3373	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	2.800	2.000	1.700
3374	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	2.000	1.400	1.200
3375	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	1.400	980	840
3376	50	Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình	Đường vào UBND xã Phước Bình cũ	Giáp ranh xã Long Phước	Xã Phước Thái	4.400	3.100	2.600
3377	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	3.000	2.100	1.800
3378	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	2.300	1.600	1.400
3379	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	2.000	1.400	1.200
3380	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	2.700	1.900	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3381	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	2.100	1.500	1.300
3382	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	1.800	1.300	1.100
3383	57	Đường nhựa xã Phước Bình cũ	Quốc lộ 51	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	Xã Phước Thái	5.700	4.000	3.400
3384	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	2.700	1.900	1.600
3385	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	2.100	1.500	1.300
3386	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	1.500	1.100	900
3387	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	2.400	1.700	1.400
3388	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3389	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	1.400	980	840
3390	1	Đường Lê Hồng Phong	Bên trái từ thửa 9 tờ 172 bên phải thửa 19 tờ 172	Bên trái hết thửa 28 tờ 173; bên phải hết thửa 30 tờ 173	Phường Nhơn Trạch	6.800	4.800	4.100
3391	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Bên trái từ thửa 9 tờ 172 bên phải thửa 19 tờ 172 đến Bên trái hết thửa 28 tờ 173; bên phải hết thửa 30 tờ 173 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.900	2.000	1.700
3392	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Bên trái từ thửa 9 tờ 172 bên phải thửa 19 tờ 172 đến Bên trái hết thửa 28 tờ 173; bên phải hết thửa 30 tờ 173 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.200	1.500	1.300
3393	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Bên trái từ thửa 9 tờ 172 bên phải thửa 19 tờ 172 đến Bên trái hết thửa 28 tờ 173; bên phải hết thửa 30 tờ 173 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.600	1.100	960
3394	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Bên trái từ thửa 9 tờ 172 bên phải thửa 19 tờ 172 đến Bên trái hết thửa 28 tờ 173; bên phải hết thửa 30 tờ 173 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3395	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Bên trái từ thửa 9 tờ 172 bên phải thửa 19 tờ 172 đến Bên trái hết thửa 28 tờ 173; bên phải hết thửa 30 tờ 173 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.000	1.400	1.200
3396	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Bên trái từ thửa 9 tờ 172 bên phải thửa 19 tờ 172 đến Bên trái hết thửa 28 tờ 173; bên phải hết thửa 30 tờ 173 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3397	8	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đến hết thửa 51 tờ 277	Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	8.100	5.700	4.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3398	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đến hết thửa 51 tờ 277 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	2.900	2.000	1.700
3399	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đến hết thửa 51 tờ 277 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	2.300	1.600	1.400
3400	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đến hết thửa 51 tờ 277 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	1.600	1.100	960
3401	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đến hết thửa 51 tờ 277 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	2.600	1.800	1.600
3402	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đến hết thửa 51 tờ 277 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	2.100	1.500	1.300
3403	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đến hết thửa 51 tờ 277 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	1.400	980	840
3404	15	Đường Quách Thị Trang	Đường Lý Thái Tổ	Đường Trần Văn Trà	Phường Nhơn Trạch	7.300	5.100	4.400
3405	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.500	2.500	2.100
3406	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3407	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.000	1.400	1.200
3408	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.200	2.200	1.900
3409	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3410	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.800	1.300	1.100
3411	22	Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ	Trạm xăng dầu Bảo Uyên	Đường Vành đai 3	Phường Nhơn Trạch	7.000	4.900	4.200
3412	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.100	2.200	1.900
3413	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3414	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.700	1.200	1.000
3415	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.800	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3416	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.200	1.500	1.300
3417	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3418	29	Đường Lý Thái Tổ	Giáp ranh xã Long Thành	Cầu Phước Thiền	Phường Nhơn Trạch	9.400	6.600	5.600
3419	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	3.900	2.700	2.300
3420	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	3.000	2.100	1.800
3421	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3422	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	3.500	2.500	2.100
3423	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600
3424	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3425	36	Đường Lý Thái Tổ	Cầu Phước Thiền	Đường vào khu tái định cư Phước Thiền	Phường Nhơn Trạch	13.200	9.200	7.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3426	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	3.900	2.700	2.300
3427	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	3.000	2.100	1.800
3428	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.200	1.500	1.300
3429	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	3.500	2.500	2.100
3430	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600
3431	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.000	1.400	1.200
3432	43	Đường Lý Thái Tổ	Đường vào khu tái định cư Phước Thiền	Đường vào đình Phú Mỹ 2	Phường Nhơn Trạch	8.600	6.000	5.200
3433	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.900	2.700	2.300
3434	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	3.000	2.100	1.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3435	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.200	1.500	1.300
3436	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.500	2.500	2.100
3437	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600
3438	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.000	1.400	1.200
3439	50	Đường Lý Thái Tổ	Đường vào đình Phú Mỹ 2	Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội	Phường Nhơn Trạch	7.900	5.500	4.700
3440	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.600	2.500	2.200
3441	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.900	2.000	1.700
3442	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.200	1.500	1.300
3443	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.300	2.300	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3444	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3445	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.000	1.400	1.200
3446	57	Đường Lý Thái Tổ	Trường Tiểu học Phú Hội	Cầu Long Tân	Phường Nhơn Trạch	7.200	5.000	4.300
3447	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.500	2.500	2.100
3448	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.900	2.000	1.700
3449	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.200	1.500	1.300
3450	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.200	2.200	1.900
3451	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3452	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.000	1.400	1.200
3453	64	Đường Lý Thái Tổ	Cầu Long Tân	Đường Quách Thị Trang	Phường Nhơn Trạch	8.600	6.000	5.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3454	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.600	2.500	2.200
3455	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.900	2.000	1.700
3456	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.200	1.500	1.300
3457	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.300	2.300	2.000
3458	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3459	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.000	1.400	1.200
3460	71	Đường Lý Thái Tổ	Quách Thị Trang	Hết ranh phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	6.500	4.600	3.900
3461	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.900	2.000	1.700
3462	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3463	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3464	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3465	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3466	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.600	1.100	960
3467	78	Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền)	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái	Phường Nhơn Trạch	6.100	4.300	3.700
3468	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600
3469	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3470	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3471	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3472	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3473	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3474	85	Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ)	Đường Lý Thái Tổ	Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn	Phường Nhơn Trạch	6.500	4.600	3.900
3475	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600
3476	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3477	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3478	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3479	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3480	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3481	92	Đường Bến Chùa	Đường Lý Thái Tổ	Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	5.500	3.900	3.300
3482	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600
3483	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3484	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3485	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3486	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3487	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3488	99	Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải	Phường Nhơn Trạch	5.500	3.900	3.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3489	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600
3490	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3491	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3492	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3493	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3494	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3495	106	Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải	Phường Nhơn Trạch	5.500	3.900	3.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3496	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600
3497	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3498	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3499	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3500	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3501	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3502	113	Đường Trần Phú	Từ vòng xoay bên cam (Lý Thái Tổ)	Cầu Đồng Môn	Phường Nhơn Trạch	13.300	9.300	8.000
3503	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Từ vòng xoay bên cam (Lý Thái Tổ) đến Cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.900	2.700	2.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3504	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Từ vòng xoay bên cam (Lý Thái Tổ) đến Cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	3.000	2.100	1.800
3505	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Từ vòng xoay bên cam (Lý Thái Tổ) đến Cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.200	1.500	1.300
3506	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Từ vòng xoay bên cam (Lý Thái Tổ) đến Cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.500	2.500	2.100
3507	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Từ vòng xoay bên cam (Lý Thái Tổ) đến Cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600
3508	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Từ vòng xoay bên cam (Lý Thái Tổ) đến Cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.000	1.400	1.200
3509	120	Đường Trần Phú	Cầu Đồng Môn	Trạm thu phí BOT 319	Phường Nhơn Trạch	10.600	7.400	6.400
3510	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.100	2.200	1.900
3511	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3512	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.800	1.300	1.100
3513	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.800	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3514	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.200	1.500	1.300
3515	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.600	1.100	960
3516	127	Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc phường Nhơn Trạch)	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	5.200	3.600	3.100
3517	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc phường Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3518	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc phường Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3519	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc phường Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3520	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc phường Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3521	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc phường Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3522	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc phường Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3523	134	Đường vào Cù Lao Ông Cồn	Đường Lý Tự Trọng	Sông Cái (xã Long Tân Cũ)	Phường Nhơn Trạch	5.400	3.800	3.200
3524	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3525	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3526	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3527	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3528	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.200	1.500	1.300
3529	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3530	141	Đường Trần Văn Ơn	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Kim Quy	Phường Nhơn Trạch	7.000	4.900	4.200
3531	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.100	2.200	1.900
3532	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3533	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.700	1.200	1.000
3534	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.800	2.000	1.700
3535	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.200	1.500	1.300
3536	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3537	148	Đường Trần Văn Ơn	Đường Nguyễn Kim Quy	Đường Lý Thái Tổ	Phường Nhơn Trạch	6.100	4.300	3.700
3538	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600
3539	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3540	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3541	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3542	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3543	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3544	155	Đường vào giáo xứ Tân Tường	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	6.000	4.200	3.600
3545	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600
3546	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3547	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3548	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3549	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3550	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3551	162	Đường vào trường mầm non Phú Thạnh	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	6.300	4.400	3.800
3552	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600
3553	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3554	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3555	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3556	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3557	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3558	169	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	7.000	4.900	4.200
3559	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.100	2.200	1.900
3560	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.500	1.800	1.500
3561	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3562	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.800	2.000	1.700
3563	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3564	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3565	176	Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân)	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Trần Văn Ơn	Phường Nhơn Trạch	6.300	4.400	3.800
3566	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600
3567	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3568	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3569	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3570	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3571	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3572	183	Đường Miễu	Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải phường Nhơn Trạch	Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	5.800	4.100	3.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3573	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.900	2.000	1.700
3574	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.500	1.800	1.500
3575	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3576	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3577	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3578	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.700	1.200	1.000
3579	190	Đường Miễu	Đường Lý Thái Tổ	Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	5.800	4.100	3.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3580	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.900	2.000	1.700
3581	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.500	1.800	1.500
3582	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3583	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3584	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3585	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.700	1.200	1.000
3586	197	Đường Cây Dầu	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Lý Thái Tổ	Phường Nhơn Trạch	5.400	3.800	3.200
3587	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3588	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3589	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3590	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3591	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3592	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3593	204	Đường Đào Thị Phấn	Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải phường Nhơn Trạch	Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	5.400	3.800	3.200
3594	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3595	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3596	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3597	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3598	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3599	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3600	211	Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội)	Đường Lý Thái Tổ	Đường Đào Thị Phấn	Phường Nhơn Trạch	6.500	4.600	3.900
3601	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600
3602	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3603	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3604	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3605	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3606	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3607	218	Đường Bờ	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải	Phường Nhơn Trạch	6.100	4.300	3.700
3608	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600
3609	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3610	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3611	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3612	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3613	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3614	225	Đường vào Đình Phú Mỹ 2	Đường Lý Thái Tổ	Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, phường Nhơn Trạch)	Phường Nhơn Trạch	6.100	4.300	3.700
3615	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600
3616	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3617	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3618	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3619	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3620	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3621	232	Đường vào khu tái định cư Phước Thiền	Đường Lý Thái Tổ	Hết khu TĐC Phước Thiền	Phường Nhơn Trạch	7.000	4.900	4.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3622	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.800	2.000	1.700
3623	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3624	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3625	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.500	1.800	1.500
3626	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3627	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3628	239	Đường Trần Phú	Ngã tư Bến Cam	Công ty Kim Phong	Phường Nhơn Trạch	13.300	9.300	8.000
3629	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.900	2.700	2.300
3630	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	3.000	2.100	1.800
3631	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.200	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3632	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.500	2.500	2.100
3633	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600
3634	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.000	1.400	1.200
3635	246	Đường Trần Phú	Công ty Kim Phong	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Nhơn Trạch	10.000	7.000	6.000
3636	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.900	2.700	2.300
3637	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600
3638	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3639	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.500	2.500	2.100
3640	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3641	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3642	253	Đường Trần Phú	Đường Tôn Đức Thắng	Hết ranh phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	10.900	7.600	6.500
3643	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	3.200	2.200	1.900
3644	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.500	1.800	1.500
3645	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.800	1.300	1.100
3646	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	2.900	2.000	1.700
3647	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3648	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.600	1.100	960
3649	260	Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ)	Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải phường Nhơn Trạch	Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	5.800	4.100	3.500
3650	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3651	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3652	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3653	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3654	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3655	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3656	267	Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	Đường Lý Thái Tổ	Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	Phường Nhơn Trạch	6.100	4.300	3.700
3657	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3658	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3659	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3660	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3661	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3662	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3663	274	Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ)	Giáp ranh phường Long Thành	Đường Trần Phú	Phường Nhơn Trạch	14.600	10.200	8.800
3664	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	4.600	3.200	2.800
3665	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	3.600	2.500	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3666	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3667	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	4.100	2.900	2.500
3668	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	3.200	2.200	1.900
3669	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3670	281	Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ)	Đường Trần Phú	Đường Quách Thị Trang	Phường Nhơn Trạch	9.600	6.700	5.800
3671	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.800	2.700	2.300
3672	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.900	2.000	1.700
3673	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3674	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	3.400	2.400	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3675	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3676	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3677	288	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch)	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 phường Nhơn Trạch)	Phường Nhơn Trạch	4.900	3.400	2.900
3678	289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.500	1.800	1.500
3679	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.000	1.400	1.200
3680	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.600	1.100	960
3681	292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3682	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.800	1.300	1.100
3683	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3684	295	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Ngô Gia Tự	Đường Phan Đăng Lưu	Phường Nhơn Trạch	5.400	3.800	3.200
3685	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3686	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3687	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3688	299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3689	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3690	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3691	302	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Phan Đăng Lưu	Phường Nhơn Trạch	5.400	3.800	3.200
3692	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3693	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3694	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3695	306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3696	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3697	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3698	309	Đường Nguyễn Kim Quy	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Trần Văn Ơn	Phường Nhơn Trạch	5.400	3.800	3.200
3699	310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3700	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3701	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3702	313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3703	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3704	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3705	316	Đường Ngô Gia Tự	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Trần Đại Nghĩa	Phường Nhơn Trạch	5.400	3.800	3.200
3706	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3707	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3708	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3709	320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3710	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3711	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3712	323	Đường 28 tháng 4	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Thích Quảng Đức	Phường Nhơn Trạch	5.400	3.800	3.200
3713	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3714	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3715	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3716	327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3717	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3718	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3719	330	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Thích Quảng Đức	Phường Nhơn Trạch	5.400	3.800	3.200
3720	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3721	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3722	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3723	334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3724	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3725	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3726	337	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phường Nhơn Trạch	5.400	3.800	3.200
3727	338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3728	339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3729	340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3730	341	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3731	342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3732	343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3733	344	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Trần Đại Nghĩa	Phường Nhơn Trạch	5.400	3.800	3.200
3734	345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3735	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3736	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3737	348	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3738	349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3739	350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3740	351	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Nhơn Trạch	5.400	3.800	3.200
3741	352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3742	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3743	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3744	355	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3745	356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3746	357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3747	358	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Ngô Gia Tự	Phường Nhơn Trạch	5.400	3.800	3.200
3748	359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3749	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3750	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3751	362	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3752	363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3753	364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3754	365	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Nguyễn Kim Quy	Đường Ngô Gia Tự	Phường Nhơn Trạch	5.400	3.800	3.200
3755	366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3756	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3757	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3758	369	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3759	370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3760	371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3761	372	Đường Lê Đức Thọ	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Ngô Gia Tự	Phường Nhơn Trạch	5.400	3.800	3.200
3762	373	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3763	374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3764	375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3765	376	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3766	377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3767	378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3768	379	Đường Thích Quảng Đức	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phường Nhơn Trạch	5.400	3.800	3.200
3769	380	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3770	381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3771	382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3772	383	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3773	384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3774	385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3775	386	Đường Hoàng Minh Châu	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Ngô Gia Tự	Phường Nhơn Trạch	5.400	3.800	3.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3776	387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3777	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3778	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3779	390	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3780	391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3781	392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3782	393	Đường Vũ Hồng Phô	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Ngô Gia Tự	Phường Nhơn Trạch	5.400	3.800	3.200
3783	394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3784	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3785	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3786	397	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3787	398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3788	399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3789	400	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Nguyễn Kim Quy	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phường Nhơn Trạch	5.400	3.800	3.200
3790	401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.600	1.800	1.600
3791	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3792	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3793	404	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3794	405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3795	406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3796	407	Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ	Đường Lý Thái Tổ	Ngã ba (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, phường Nhơn Trạch)	Phường Nhơn Trạch	6.300	4.400	3.800
3797	408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600
3798	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3799	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900
3800	411	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3801	412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3802	413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3803	414	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Ngã ba Phước Thiền	Cầu Mạch Bà	Phường Nhơn Trạch	14.700	10.300	8.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3804	415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Ngã 3 Phước Thiền đến Cầu Mạch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	4.900	3.400	2.900
3805	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Ngã 3 Phước Thiền đến Cầu Mạch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	3.100	2.200	1.900
3806	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Ngã 3 Phước Thiền đến Cầu Mạch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3807	418	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Ngã 3 Phước Thiền đến Cầu Mạch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	4.400	3.100	2.600
3808	419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Ngã 3 Phước Thiền đến Cầu Mạch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.800	2.000	1.700
3809	420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Ngã 3 Phước Thiền đến Cầu Mạch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.200	1.500	1.300
3810	421	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Cầu Mạch Bà	Giáp ranh xã Phước An	Phường Nhơn Trạch	16.200	11.300	9.700
3811	422	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	4.900	3.400	2.900
3812	423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	3.100	2.200	1.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3813	424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3814	425	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	4.400	3.100	2.600
3815	426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.800	2.000	1.700
3816	427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	2.200	1.500	1.300
3817	428	Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ	Hùng Vương	Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222	Phường Nhơn Trạch	9.100	6.400	5.500
3818	429	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	3.100	2.200	1.900
3819	430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.500	1.800	1.500
3820	431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3821	432	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	2.800	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3822	433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3823	434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.700	1.200	1.000
3824	435	Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ	Hùng Vương	Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230	Phường Nhơn Trạch	9.100	6.400	5.500
3825	436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	3.100	2.200	1.900
3826	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.500	1.800	1.500
3827	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3828	439	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	2.800	2.000	1.700
3829	440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3830	441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3831	442	Đường Cây Me	Hùng Vương	Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái	Phường Nhơn Trạch	9.600	6.700	5.800
3832	443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	3.100	2.200	1.900
3833	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.500	1.800	1.500
3834	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3835	446	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	2.800	2.000	1.700
3836	447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3837	448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.700	1.200	1.000
3838	449	Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng	Đường Hùng Vương	Đến thửa đất 239, tờ BĐĐC số 241	Phường Nhơn Trạch	9.100	6.400	5.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3839	450	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	3.100	2.200	1.900
3840	451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.500	1.800	1.500
3841	452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3842	453	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	2.800	2.000	1.700
3843	454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3844	455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đến thửa đất 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.700	1.200	1.000
3845	456	Đường vào cổng khu phố Phước Lai	Đường Hùng Vương	Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải	Phường Nhơn Trạch	9.100	6.400	5.500
3846	457	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	3.100	2.200	1.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3847	458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.500	1.800	1.500
3848	459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3849	460	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	2.800	2.000	1.700
3850	461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3851	462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.700	1.200	1.000
3852	463	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Tôn Đức Thắng	Hết thửa đất số 49 tờ bản đồ số 236	Phường Nhơn Trạch	9.100	6.400	5.500
3853	464	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	3.100	2.200	1.900
3854	465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.500	1.800	1.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3855	466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3856	467	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	2.800	2.000	1.700
3857	468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3858	469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.700	1.200	1.000
3859	470	Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ	Đường Lý Thái Tổ (Tỉnh lộ 769 cũ)	Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86	Phường Nhơn Trạch	9.600	6.700	5.800
3860	471	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (TL769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	3.100	2.200	1.900
3861	472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (TL769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.500	1.800	1.500
3862	473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (TL769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3863	474	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (TL769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Nhơn Trạch	2.800	2.000	1.700
3864	475	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (TL769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.300	1.600	1.400
3865	476	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (TL769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.700	1.200	1.000
3866	477	Nhánh của Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ	Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ	Hết ranh thửa đất số 641, tờ BĐĐC số 86 về bên phải và hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 222 về bên trái	Phường Nhơn Trạch	6.100	4.300	3.700
3867	478	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhánh của Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đến Hết ranh thửa đất số 641, tờ BĐĐC số 86 về bên phải và hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 222 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.700	1.900	1.600
3868	479	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhánh của Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đến Hết ranh thửa đất số 641, tờ BĐĐC số 86 về bên phải và hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 222 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	2.100	1.500	1.300
3869	480	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhánh của Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đến Hết ranh thửa đất số 641, tờ BĐĐC số 86 về bên phải và hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 222 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3870	481	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhánh của Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đến Hết ranh thửa đất số 641, tờ BĐĐC số 86 về bên phải và hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 222 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	2.400	1.700	1.400
3871	482	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhánh của Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đến Hết ranh thửa đất số 641, tờ BĐĐC số 86 về bên phải và hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 222 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	1.900	1.300	1.100
3872	483	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhánh của Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đến Hết ranh thửa đất số 641, tờ BĐĐC số 86 về bên phải và hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 222 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Nhơn Trạch	1.400	980	840
3873	1	Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ)	Giáp ranh phường Nhơn Trạch	Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ	Xã Đại Phước	7.500	5.300	4.500
3874	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	3.300	2.300	2.000
3875	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.600	1.800	1.600
3876	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.800	1.300	1.100
3877	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	3.000	2.100	1.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3878	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.300	1.600	1.400
3879	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.600	1.100	960
3880	8	Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ)	Đường Trần Văn Trà	Phà Cát Lái	Xã Đại Phước	14.200	9.900	8.500
3881	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	4.100	2.900	2.500
3882	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	3.100	2.200	1.900
3883	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	2.500	1.800	1.500
3884	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	3.700	2.600	2.200
3885	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.800	2.000	1.700
3886	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3887	15	Đường Trần Văn Trà	Đường Trần Nam Trung	Ngã ba Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà	Xã Đại Phước	10.800	7.600	6.500
3888	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã 3 Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	3.900	2.700	2.300
3889	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã 3 Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	3.100	2.200	1.900
3890	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã 3 Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	2.400	1.700	1.400
3891	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã 3 Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	3.500	2.500	2.100
3892	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã 3 Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.800	2.000	1.700
3893	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã 3 Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	2.200	1.500	1.300
3894	22	Quách Thị Trang	Ranh phường Nhơn Trạch và xã Phước An	Đường Trần Văn Trà	Xã Đại Phước	7.300	5.100	4.400
3895	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh phường Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	3.500	2.500	2.100
3896	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh phường Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.700	1.900	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3897	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh phường Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	2.000	1.400	1.200
3898	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh phường Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	3.200	2.200	1.900
3899	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh phường Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.400	1.700	1.400
3900	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh phường Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Đại Phước	1.800	1.300	1.100
3901	29	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Đường Lý Thái Tổ	Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ	Xã Đại Phước	11.600	8.100	7.000
3902	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	3.100	2.200	1.900
3903	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.400	1.700	1.400
3904	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.900	1.300	1.100
3905	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.800	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3906	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.200	1.500	1.300
3907	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.700	1.200	1.000
3908	36	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ	Giáp ranh giới xã Phước An	Xã Đại Phước	8.900	6.200	5.300
3909	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.900	2.000	1.700
3910	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.200	1.500	1.300
3911	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.600	1.100	960
3912	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.600	1.800	1.600
3913	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3914	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.400	980	840
3915	43	Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ	Đường Trần Văn Trà	Đường Hùng Vương	Xã Đại Phước	5.600	3.900	3.400
3916	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.600	1.800	1.600
3917	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.000	1.400	1.200
3918	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.500	1.100	900
3919	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.300	1.600	1.400
3920	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	1.800	1.300	1.100
3921	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.400	980	840
3922	50	Đường Võ Thị Sáu	Đường Hùng Vương	Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt)	Xã Đại Phước	5.800	4.100	3.500
3923	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.600	1.800	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3924	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.100	1.500	1.300
3925	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.600	1.100	960
3926	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.300	1.600	1.400
3927	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	1.900	1.300	1.100
3928	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.400	980	840
3929	57	Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ)	Đường Hùng Vương	Đường Trần Văn Trà	Xã Đại Phước	6.800	4.800	4.100
3930	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	3.000	2.100	1.800
3931	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.400	1.700	1.400
3932	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3933	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.700	1.900	1.600
3934	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.200	1.500	1.300
3935	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.600	1.100	960
3936	64	Đường Huỳnh Văn Lũy	Đường Trần Văn Trà	Đường Hùng Vương	Xã Đại Phước	7.400	5.200	4.400
3937	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	3.300	2.300	2.000
3938	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.600	1.800	1.600
3939	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.800	1.300	1.100
3940	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	3.000	2.100	1.800
3941	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.300	1.600	1.400
3942	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3943	71	Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng)	Đường Hùng Vương	Đường Quách Thị Trang	Xã Đại Phước	6.100	4.300	3.700
3944	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.700	1.900	1.600
3945	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.100	1.500	1.300
3946	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.500	1.100	900
3947	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.400	1.700	1.400
3948	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	1.900	1.300	1.100
3949	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.400	980	840
3950	78	Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn	Đường Hùng Vương	Sông Ông Kèo	Xã Đại Phước	5.800	4.100	3.500
3951	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.600	1.800	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3952	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.000	1.400	1.200
3953	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.500	1.100	900
3954	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.300	1.600	1.400
3955	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	1.800	1.300	1.100
3956	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.400	980	840
3957	85	Đường vào khu Tái định cư Phú Đông	Đường Võ Thị Sáu	Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông	Xã Đại Phước	5.800	4.100	3.500
3958	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.600	1.800	1.600
3959	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.100	1.500	1.300
3960	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3961	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.300	1.600	1.400
3962	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	1.900	1.300	1.100
3963	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.400	980	840
3964	92	Đường đoạn từ đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Văn Trị (Đường Cổng Đỏ Cũ)	Đường Hùng Vương	Xã Đại Phước	6.100	4.300	3.700
3965	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.700	1.900	1.600
3966	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.100	1.500	1.300
3967	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.500	1.100	900
3968	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.400	1.700	1.400
3969	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	1.900	1.300	1.100
3970	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3971	99	Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1	Đường Lý Thái Tổ	Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước)	Xã Đại Phước	6.100	4.300	3.700
3972	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.700	1.900	1.600
3973	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.100	1.500	1.300
3974	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.500	1.100	900
3975	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.400	1.700	1.400
3976	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	1.900	1.300	1.100
3977	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.400	980	840
3978	106	Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2	Đường Lý Thái Tổ	Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1	Xã Đại Phước	6.100	4.300	3.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3979	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.700	1.900	1.600
3980	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.100	1.500	1.300
3981	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.500	1.100	900
3982	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.400	1.700	1.400
3983	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	1.900	1.300	1.100
3984	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.400	980	840
3985	113	Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cổng Đỏ cũ)	Đường Lý Thái Tổ	Đường Phan Văn Đáng	Xã Đại Phước	7.100	5.000	4.300
3986	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cổng Đỏ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	3.700	2.600	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3987	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cổng Đỏ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.900	2.000	1.700
3988	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cổng Đỏ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	2.200	1.500	1.300
3989	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cổng Đỏ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	3.300	2.300	2.000
3990	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cổng Đỏ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.600	1.800	1.600
3991	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cổng Đỏ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	2.000	1.400	1.200
3992	120	Đường Chòm Dầu	Đường Lý Thái Tổ	Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước	Xã Đại Phước	6.100	4.300	3.700
3993	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.700	1.900	1.600
3994	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.100	1.500	1.300
3995	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
3996	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.400	1.700	1.400
3997	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	1.900	1.300	1.100
3998	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.400	980	840
3999	127	Đường Phan Văn Đáng	Đường Lý Thái Tổ	Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước	Xã Đại Phước	6.600	4.600	4.000
4000	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.900	2.000	1.700
4001	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.300	1.600	1.400
4002	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.700	1.200	1.000
4003	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.600	1.800	1.600
4004	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4005	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.500	1.100	900
4006	134	Đường Dương Văn Thì	Đường Lý Thái Tổ	Đường Nguyễn Văn Trị	Xã Đại Phước	7.400	5.200	4.400
4007	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Văn Thì đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	3.300	2.300	2.000
4008	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Văn Thì đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.600	1.800	1.600
4009	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Văn Thì đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.800	1.300	1.100
4010	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Văn Thì đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	3.000	2.100	1.800
4011	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Văn Thì đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.300	1.600	1.400
4012	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Văn Thì đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.600	1.100	960
4013	141	Đường Vàm Ô	Đường Lý Thái Tổ	Giáp sông Cái xã Đại Phước	Xã Đại Phước	6.100	4.300	3.700
4014	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.700	1.900	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4015	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.100	1.500	1.300
4016	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.500	1.100	900
4017	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.400	1.700	1.400
4018	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	1.900	1.300	1.100
4019	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.400	980	840
4020	148	Đường đê Ông Kèo	Đường Lý Thái Tổ	Ngã ba Thánh thất Phú Hữu	Xã Đại Phước	6.500	4.600	3.900
4021	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.600	1.800	1.600
4022	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.100	1.500	1.300
4023	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.600	1.100	960
4024	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4025	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	1.900	1.300	1.100
4026	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.400	980	840
4027	155	Đường đê Ông Kèo	Ngã ba Thánh Thất Phú Hữu	Hết ranh xã Đại Phước	Xã Đại Phước	5.300	3.700	3.200
4028	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.500	1.800	1.500
4029	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.000	1.400	1.200
4030	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.400	980	840
4031	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.300	1.600	1.400
4032	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	1.800	1.300	1.100
4033	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.300	910	780
4034	162	Đường ấp Phước Lương	Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu	Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ	Xã Đại Phước	6.600	4.600	4.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4035	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.700	1.900	1.600
4036	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.200	1.500	1.300
4037	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.700	1.200	1.000
4038	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.400	1.700	1.400
4039	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.000	1.400	1.200
4040	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.500	1.100	900
4041	169	Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ)	Đường Hùng Vương	Giáp đường đê Ông Kèo	Xã Đại Phước, Xã Phước An	8.100	5.700	4.900
4042	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước, Xã Phước An	3.200	2.200	1.900
4043	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước, Xã Phước An	2.600	1.800	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4044	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước, Xã Phước An	2.000	1.400	1.200
4045	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước, Xã Phước An	2.900	2.000	1.700
4046	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước, Xã Phước An	2.300	1.600	1.400
4047	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước, Xã Phước An	1.800	1.300	1.100
4048	176	Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ)	Ngã tư đường đê Ông Kèo	Sông Vàm Mương	Xã Đại Phước	8.500	6.000	5.100
4049	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.900	2.000	1.700
4050	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.400	1.700	1.400
4051	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4052	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.600	1.800	1.600
4053	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.200	1.500	1.300
4054	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.600	1.100	960
4055	183	Đường vào Trường THCS Phước Khánh	Đường Phạm Thái Bường	Hết Trường Tiểu học Phước Khánh	Xã Đại Phước	5.800	4.100	3.500
4056	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.600	1.800	1.600
4057	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.000	1.400	1.200
4058	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.500	1.100	900
4059	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.300	1.600	1.400
4060	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4061	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.400	980	840
4062	190	Đường vào bến đò Phước Khánh	Đường Phạm Thái Bường	Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số 194, xã Đại Phước)	Xã Đại Phước	6.100	4.300	3.700
4063	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.600	1.800	1.600
4064	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.000	1.400	1.200
4065	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.500	1.100	900
4066	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.300	1.600	1.400
4067	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	1.800	1.300	1.100
4068	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.400	980	840
4069	197	Đường Trường mầm non Phước Khánh	Sông Vàm Mương	Đường đê Ông Kèo	Xã Đại Phước	5.800	4.100	3.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4070	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.600	1.800	1.600
4071	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.000	1.400	1.200
4072	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.500	1.100	900
4073	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.300	1.600	1.400
4074	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	1.800	1.300	1.100
4075	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.400	980	840
4076	204	Đường vào khu tái định cư Phước Khánh	Đường Phạm Thái Bường	Hết khu tái định cư Phước Khánh	Xã Đại Phước	5.700	4.000	3.400
4077	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.600	1.800	1.600
4078	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4079	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.500	1.100	900
4080	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.300	1.600	1.400
4081	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	1.800	1.300	1.100
4082	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.400	980	840
4083	211	Đường nối từ đường Phạm Thái Bường (xã Phước Khánh cũ) đến sông ông Thuộc (xã Phước Khánh cũ)	Đường Phạm Thái Bường Xã Phước Khánh (cũ)	Sông Ông Thuộc Xã Phước Khánh (cũ)	Xã Đại Phước	5.800	4.100	3.500
4084	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường đến sông ông Thuộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.600	1.800	1.600
4085	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường đến sông ông Thuộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.000	1.400	1.200
4086	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường đến sông ông Thuộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.500	1.100	900
4087	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường đến sông ông Thuộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4088	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường đến sông ông Thuộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	1.800	1.300	1.100
4089	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường đến sông ông Thuộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.400	980	840
4090	218	Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ	Đường Hùng Vương (Đoạn Qua Xã Đại Phước)	Đường Lý Thái Tổ, đoạn Từ Đường Trần Văn Trà đến phà Cát Lái	Xã Đại Phước	5.600	3.900	3.400
4091	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.600	1.800	1.600
4092	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	2.000	1.400	1.200
4093	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.500	1.100	900
4094	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	2.300	1.600	1.400
4095	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	1.800	1.300	1.100
4096	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	1.400	980	840
4097	225	Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước có lộ giới trên 30m			Xã Đại Phước	12.000	8.400	7.200
4098	226	Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước có lộ giới từ 20m đến 30m			Xã Đại Phước	11.000	7.700	6.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4099	227	Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước (các đường còn lại) có lộ giới dưới 20m			Xã Đại Phước	9.000	6.300	5.400
4100	1	Đường Quách Thị Trang	Đường Hà Huy Tập	Giáp ranh xã Đại Phước	Xã Phước An	7.300	5.100	4.400
4101	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.500	2.500	2.100
4102	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.700	1.900	1.600
4103	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	2.000	1.400	1.200
4104	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.200	2.200	1.900
4105	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.400	1.700	1.400
4106	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.800	1.300	1.100
4107	8	Đường Võ Văn Tần	Đường Trần Phú	Đường Hùng Vương	Xã Phước An	9.400	6.600	5.600
4108	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.400	2.400	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4109	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.600	1.800	1.600
4110	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.800	1.300	1.100
4111	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.100	2.200	1.900
4112	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.300	1.600	1.400
4113	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960
4114	15	Đường đê Ông Kèo	Giáp ranh xã Đại Phước	Đường Hùng Vương	Xã Phước An	5.300	3.700	3.200
4115	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.500	1.800	1.500
4116	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.000	1.400	1.200
4117	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.400	980	840
4118	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4119	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	1.800	1.300	1.100
4120	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.300	910	780
4121	29	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Ranh giới phường Nhơn Trạch	Cửa hàng xăng dầu An Phú	Xã Phước An	9.800	6.900	5.900
4122	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới xã Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.300	2.300	2.000
4123	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới xã Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.500	1.800	1.500
4124	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới xã Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.800	1.300	1.100
4125	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới xã Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.000	2.100	1.800
4126	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới xã Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.300	1.600	1.400
4127	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới xã Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960
4128	36	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Cửa hàng xăng dầu An Phú	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Xã Phước An	9.000	6.300	5.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4129	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.300	2.300	2.000
4130	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.500	1.800	1.500
4131	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.800	1.300	1.100
4132	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.000	2.100	1.800
4133	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.300	1.600	1.400
4134	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960
4135	43	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Hết ranh xã Phước An	Xã Phước An	8.300	5.800	5.000
4136	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.300	2.300	2.000
4137	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.600	1.800	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4138	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.800	1.300	1.100
4139	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.000	2.100	1.800
4140	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.300	1.600	1.400
4141	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960
4142	50	Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng)	Đường Quách Thị Trang	Đường Hùng Vương	Xã Phước An	6.100	4.300	3.700
4143	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.700	1.900	1.600
4144	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.100	1.500	1.300
4145	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.500	1.100	900
4146	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.400	1.700	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4147	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	1.900	1.300	1.100
4148	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.400	980	840
4149	57	Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ)	Đường Quách Thị Trang	Đường Hùng Vương	Xã Phước An	6.900	4.800	4.100
4150	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.000	2.100	1.800
4151	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.300	1.600	1.400
4152	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960
4153	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.700	1.900	1.600
4154	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.100	1.500	1.300
4155	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4156	64	Đường ấp Hòa Bình	Đường Hùng Vương	Đường Quách Thị Trang	Xã Phước An	6.900	4.800	4.100
4157	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.000	2.100	1.800
4158	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.300	1.600	1.400
4159	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.700	1.200	1.000
4160	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.700	1.900	1.600
4161	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.100	1.500	1.300
4162	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.500	1.100	900
4163	71	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Giáp ranh phường Nhơn Trạch	Đường Hùng Vương	Xã Phước An	5.900	4.100	3.500
4164	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.900	2.000	1.700
4165	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.400	1.700	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4166	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960
4167	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.600	1.800	1.600
4168	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.200	1.500	1.300
4169	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phước An	1.400	980	840
4170	78	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Trần Phú	Đường Hùng Vương	Xã Phước An	7.100	5.000	4.300
4171	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.000	2.100	1.800
4172	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.300	1.600	1.400
4173	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960
4174	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.700	1.900	1.600
4175	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4176	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.400	980	840
4177	85	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Hùng Vương	Cao tốc Bến Lức Long Thành	Xã Phước An	5.900	4.100	3.500
4178	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.400	1.700	1.400
4179	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	1.800	1.300	1.100
4180	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.200	840	720
4181	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.200	1.500	1.300
4182	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960
4183	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.100	770	660
4184	92	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cao tốc Bến Lức Long Thành	Giáp sông Tắc Le Le	Xã Phước An	5.000	3.500	3.000
4185	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4186	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	1.500	1.100	900
4187	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.000	700	600
4188	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	1.800	1.300	1.100
4189	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	1.400	980	840
4190	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	900	630	540
4191	99	Đường Nguyễn Thị Chơn	Đường Hùng Vương	Hết Trường THCS Phước An	Xã Phước An	7.600	5.300	4.600
4192	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.900	2.000	1.700
4193	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.200	1.500	1.300
4194	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4195	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.600	1.800	1.600
4196	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.000	1.400	1.200
4197	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.400	980	840
4198	106	Đường Nguyễn Thị Chơn	Hết Trường THCS Phước An	Đường Lê Hồng Phong	Xã Phước An	6.500	4.600	3.900
4199	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.900	2.000	1.700
4200	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.200	1.500	1.300
4201	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960
4202	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.600	1.800	1.600
4203	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4204	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.400	980	840
4205	113	Đường Rạch Mới	Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An)	Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An	Xã Phước An	6.200	4.300	3.700
4206	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.700	1.900	1.600
4207	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.100	1.500	1.300
4208	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.500	1.100	900
4209	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.400	1.700	1.400
4210	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4211	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.400	980	840
4212	120	Đường Trần Phú	Từ ranh thửa đất số 28 tờ bản đồ số 1 về bên phải và thửa đất số 24 tờ bản đồ số 231 về bên trái	Đến số tờ 277 thửa 1	Xã Phước An	7.100	5.000	4.300
4213	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Từ ranh thửa đất số 28 tờ bản đồ số 1 về bên phải và thửa đất số 24 tờ bản đồ số 231 về bên trái đến Đến số tờ 277 thửa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.000	2.100	1.800
4214	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Từ ranh thửa đất số 28 tờ bản đồ số 1 về bên phải và thửa đất số 24 tờ bản đồ số 231 về bên trái đến Đến số tờ 277 thửa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.400	1.700	1.400
4215	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Từ ranh thửa đất số 28 tờ bản đồ số 1 về bên phải và thửa đất số 24 tờ bản đồ số 231 về bên trái đến Đến số tờ 277 thửa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.800	1.300	1.100
4216	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Từ ranh thửa đất số 28 tờ bản đồ số 1 về bên phải và thửa đất số 24 tờ bản đồ số 231 về bên trái đến Đến số tờ 277 thửa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.700	1.900	1.600
4217	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Từ ranh thửa đất số 28 tờ bản đồ số 1 về bên phải và thửa đất số 24 tờ bản đồ số 231 về bên trái đến Đến số tờ 277 thửa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.200	1.500	1.300
4218	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Từ ranh thửa đất số 28 tờ bản đồ số 1 về bên phải và thửa đất số 24 tờ bản đồ số 231 về bên trái đến Đến số tờ 277 thửa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4219	127	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Ngã năm vòng xoay đường vào cảng Phước An	Đường Hùng Vương	Xã Phước An	8.500	6.000	5.100
4220	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã 5 vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.400	2.400	2.000
4221	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã 5 vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.600	1.800	1.600
4222	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã 5 vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.800	1.300	1.100
4223	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã 5 vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.100	2.200	1.900
4224	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã 5 vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.300	1.600	1.400
4225	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã 5 vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960
4226	134	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Thị Chơn	Xã Phước An	6.800	4.800	4.100
4227	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.900	2.000	1.700
4228	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.200	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4229	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960
4230	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.600	1.800	1.600
4231	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.000	1.400	1.200
4232	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.400	980	840
4233	141	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Thị Chơn	Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch	Xã Phước An	6.500	4.600	3.900
4234	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.900	2.000	1.700
4235	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.400	1.700	1.400
4236	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960
4237	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.600	1.800	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4238	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.200	1.500	1.300
4239	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.400	980	840
4240	148	Đường Lê Hồng Phong	Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch	Đường Trường Chinh	Xã Phước An	6.800	4.800	4.100
4241	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.900	2.000	1.700
4242	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.400	1.700	1.400
4243	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960
4244	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.600	1.800	1.600
4245	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.200	1.500	1.300
4246	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.400	980	840
4247	155	Đường Trường Chinh	Vòng xoay đường Trần Phú	Đường Hùng Vương	Xã Phước An	9.400	6.600	5.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4248	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.400	2.400	2.000
4249	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.600	1.800	1.600
4250	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.800	1.300	1.100
4251	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.100	2.200	1.900
4252	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.300	1.600	1.400
4253	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960
4254	162	Đường Trường Chinh	Đường Hùng Vương	Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An	Xã Phước An	8.800	6.200	5.300
4255	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.500	2.500	2.100
4256	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.700	1.900	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4257	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.900	1.300	1.100
4258	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.200	2.200	1.900
4259	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.400	1.700	1.400
4260	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phước An	1.700	1.200	1.000
4261	169	Đường Nguyễn Văn Ký	Đường Hùng Vương	Ranh giới xã Long Phước	Xã Phước An	6.600	4.600	4.000
4262	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.300	2.300	2.000
4263	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.600	1.800	1.600
4264	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.800	1.300	1.100
4265	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.000	2.100	1.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4266	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.300	1.600	1.400
4267	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960
4268	176	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh)	Xã Phước An	8.100	5.700	4.900
4269	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.900	2.000	1.700
4270	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.300	1.600	1.400
4271	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960
4272	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.600	1.800	1.600
4273	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.100	1.500	1.300
4274	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4275	183	Đường Nguyễn Ái Quốc	Giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc Lộ 51 (xã Long Phước)	Hết ranh thửa đất số 1 về bên phải và thửa đất số 10 tờ bản đồ số 213 về bên trái	Xã Phước An	8.000	5.600	4.800
4276	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc Lộ 51 (xã Long Phước) đến Hết ranh thửa đất số 1 về bên phải và thửa đất số 10 tờ bản đồ số 213 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.200	2.200	1.900
4277	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc Lộ 51 (xã Long Phước) đến Hết ranh thửa đất số 1 về bên phải và thửa đất số 10 tờ bản đồ số 213 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.400	1.700	1.400
4278	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc Lộ 51 (xã Long Phước) đến Hết ranh thửa đất số 1 về bên phải và thửa đất số 10 tờ bản đồ số 213 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960
4279	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc Lộ 51 (xã Long Phước) đến Hết ranh thửa đất số 1 về bên phải và thửa đất số 10 tờ bản đồ số 213 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.900	2.000	1.700
4280	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc Lộ 51 (xã Long Phước) đến Hết ranh thửa đất số 1 về bên phải và thửa đất số 10 tờ bản đồ số 213 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.200	1.500	1.300
4281	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc Lộ 51 (xã Long Phước) đến Hết ranh thửa đất số 1 về bên phải và thửa đất số 10 tờ bản đồ số 213 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phước An	1.400	980	840
4282		Đường Trần Phú	Số thửa 29 tờ 68	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Xã Phước An	7.100	5.000	4.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Số thửa 29 tờ 68 đến Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.000	2.100	1.800
4284		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Số thửa 29 tờ 68 đến Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.400	1.700	1.400
4285		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Số thửa 29 tờ 68 đến Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.800	1.300	1.100
4286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Số thửa 29 tờ 68 đến Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.700	1.900	1.600
4287		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Số thửa 29 tờ 68 đến Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.200	1.500	1.300
4288		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Số thửa 29 tờ 68 đến Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960
4289		Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3	Toàn tuyến		Xã Phước An	8.000	5.600	4.800
4290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.200	2.200	1.900
4291		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.400	1.700	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4292		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960
4293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.900	2.000	1.700
4294		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.200	1.500	1.300
4295		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.400	980	840
4296		Tuyến đường Song Hành cao tốc Bến Lức Long Thành	Toàn tuyến		Xã Phước An	8.000	5.600	4.800
4297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Song Hành cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	3.200	2.200	1.900
4298		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Song Hành cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.400	1.700	1.400
4299		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Song Hành cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.600	1.100	960
4300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Song Hành cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	2.900	2.000	1.700
4301		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Song Hành cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	2.200	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4302		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Song Hành cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	1.400	980	840
4303	1	Đường Hồng Thập Tự	Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của	Đường 21 tháng 4	Phường Long Khánh	5.600	3.900	3.400
4304	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.800	2.000	1.700
4305	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4306	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4307	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.500	1.800	1.500
4308	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4309	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4310	8	Đường Hồng Thập Tự	Đường 21 tháng 4	Đường Hùng Vương	Phường Long Khánh	5.200	3.600	3.100
4311	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.600	1.800	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4312	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4313	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4314	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.300	1.600	1.400
4315	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4316	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.100	770	660
4317	15	Đường Hồng Thập Tự	Đường Hùng Vương	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	5.200	3.600	3.100
4318	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.600	1.800	1.600
4319	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4320	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4321	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4322	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4323	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4324	22	Đường Hoàng Diệu	Đường Hồ Thị Hương	Đường Ngô Quyền	Phường Long Khánh	4.500	3.200	2.700
4325	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.200	1.500	1.300
4326	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4327	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4328	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4329	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.600	1.100	960
4330	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4331	29	Đường Trần Phú	Đường Hùng Vương	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	9.500	6.700	5.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4332	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	4.000	2.800	2.400
4333	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	3.300	2.300	2.000
4334	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	2.300	1.600	1.400
4335	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.600	2.500	2.200
4336	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	3.000	2.100	1.800
4337	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4338	36	Đường Trần Phú đoạn từ đường Hồ Thị Hương vào 200 m			Phường Long Khánh	6.300	4.400	3.800
4339	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Hồ Thị Hương vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.200	1.500	1.300
4340	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Hồ Thị Hương vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4341	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Hồ Thị Hương vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4342	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Hồ Thị Hương vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4343	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Hồ Thị Hương vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.600	1.100	960
4344	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Hồ Thị Hương vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4345	43	Đường Trần Phú	Đường Hồ Thị Hương vào 200m	Đường Ngô Quyền	Phường Long Khánh	3.600	2.500	2.200
4346	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương vào 200m đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4347	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương vào 200m đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4348	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương vào 200m đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4349	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương vào 200m đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4350	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương vào 200m đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4351	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương vào 200m đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4352	50	Đường Khổng Tử	Đường Hùng Vương	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	9.300	6.500	5.600
4353	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khổng Tử đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	4.000	2.800	2.400
4354	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khổng Tử đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	3.000	2.100	1.800
4355	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khổng Tử đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4356	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khổng Tử đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.600	2.500	2.200
4357	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khổng Tử đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.700	1.900	1.600
4358	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khổng Tử đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4359	57	Đường Chu Văn An	Đường Võ Duy Dương	Đường 21 tháng 4	Phường Long Khánh	5.600	3.900	3.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4360	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.800	2.000	1.700
4361	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4362	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4363	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.500	1.800	1.500
4364	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4365	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4366	64	Đường Chu Văn An	Đường 21 tháng 4	Đường Hùng Vương	Phường Long Khánh	4.200	2.900	2.500
4367	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4368	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4369	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4370	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4371	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4372	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	990	690	590
4373	71	Đường Chu Văn An	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Long Khánh	4.600	3.200	2.800
4374	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.500	1.800	1.500
4375	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4376	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.000	700	600
4377	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.300	1.600	1.400
4378	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4379	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	900	630	540
4380	78	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Trung Trực	Phường Long Khánh	5.300	3.700	3.200
4381	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.100	2.200	1.900
4382	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.200	1.500	1.300
4383	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.600	1.100	960
4384	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.800	2.000	1.700
4385	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4386	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4387	85	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trương Định	Phường Long Khánh	4.200	2.900	2.500
4388	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4389	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4390	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.100	770	660
4391	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4392	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4393	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	990	690	590
4394	92	Đường Trịnh Hoài Đức	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Thượng Xuyên	Phường Long Khánh	5.600	3.900	3.400
4395	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.800	2.000	1.700
4396	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4397	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4398	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.500	1.800	1.500
4399	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4400	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4401	99	Đường Lê Quang Định	Đường Hùng Vương	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	5.900	4.100	3.500
4402	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.600	2.500	2.200
4403	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.400	1.700	1.400
4404	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4405	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.200	2.200	1.900
4406	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.200	1.500	1.300
4407	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4408	106	Đường 9 tháng 4	Đường Hồ Thị Hương	Đường Ngô Quyền	Phường Long Khánh	4.200	2.900	2.500
4409	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 4 đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4410	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 4 đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4411	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 4 đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.100	770	660
4412	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 4 đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4413	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 4 đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4414	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 4 đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	990	690	590
4415	113	Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ)	Giáp ranh phường Bình Lộc	Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa)	Phường Long Khánh	8.900	6.200	5.300
4416	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Lộc đến Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.700	2.600	2.200
4417	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Lộc đến Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.700	1.900	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4418	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Lộc đến Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4419	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Lộc đến Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.300	2.300	2.000
4420	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Lộc đến Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.400	1.700	1.400
4421	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Lộc đến Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4422	120	Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ)	Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa)	Quốc lộ 1 - Xuân Lập	Phường Long Khánh	8.200	5.700	4.900
4423	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) đến Quốc lộ 1 - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.200	2.200	1.900
4424	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) đến Quốc lộ 1 - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.400	1.700	1.400
4425	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) đến Quốc lộ 1 - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4426	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) đến Quốc lộ 1 - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.900	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4427	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) đến Quốc lộ 1 - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.200	1.500	1.300
4428	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) đến Quốc lộ 1 - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4429	127	Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ)	Quốc lộ 1 - Xuân Lập	Hết Tượng Đài	Phường Long Khánh	8.500	6.000	5.100
4430	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 - Xuân Lập đến Hết Tượng Đài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.600	2.500	2.200
4431	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 - Xuân Lập đến Hết Tượng Đài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.700	1.900	1.600
4432	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 - Xuân Lập đến Hết Tượng Đài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4433	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 - Xuân Lập đến Hết Tượng Đài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.200	2.200	1.900
4434	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 - Xuân Lập đến Hết Tượng Đài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.400	1.700	1.400
4435	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 - Xuân Lập đến Hết Tượng Đài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4436	134	Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ)	Đầu Tượng Đài	Giáp Cầu Gia Liêu	Phường Long Khánh	7.300	5.100	4.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4437	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Tượng Đài đến Giáp Cầu Gia Liêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.000	2.100	1.800
4438	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Tượng Đài đến Giáp Cầu Gia Liêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.300	1.600	1.400
4439	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Tượng Đài đến Giáp Cầu Gia Liêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4440	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Tượng Đài đến Giáp Cầu Gia Liêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.700	1.900	1.600
4441	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Tượng Đài đến Giáp Cầu Gia Liêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4442	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Tượng Đài đến Giáp Cầu Gia Liêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4443	141	Đường Hùng Vương	Đường 21 tháng 4	Đường Cách Mạng Tháng 8	Phường Long Khánh	20.300	14.200	12.200
4444	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	5.400	3.800	3.200
4445	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	4.100	2.900	2.500
4446	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	3.400	2.400	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4447	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	4.900	3.400	2.900
4448	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	3.700	2.600	2.200
4449	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	3.100	2.200	1.900
4450	148	Đường Hùng Vương	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Lý Thái Tổ	Phường Long Khánh	17.600	12.300	10.600
4451	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	5.400	3.800	3.200
4452	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	3.500	2.500	2.100
4453	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	2.700	1.900	1.600
4454	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	4.900	3.400	2.900
4455	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	3.200	2.200	1.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4456	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	2.400	1.700	1.400
4457	155	Đường Đào Trí Phú	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Trần Thượng Xuyên	Phường Long Khánh	6.300	4.400	3.800
4458	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Trí Phú đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.600	2.500	2.200
4459	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Trí Phú đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.400	1.700	1.400
4460	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Trí Phú đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4461	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Trí Phú đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.200	2.200	1.900
4462	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Trí Phú đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.200	1.500	1.300
4463	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Trí Phú đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4464	162	Đường Nguyễn Trung Trực	Hẻm 50 Khổng Tử	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	5.600	3.900	3.400
4465	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Hẻm 50 Khổng Tử đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.800	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4466	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Hẻm 50 Khổng Tử đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4467	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Hẻm 50 Khổng Tử đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4468	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Hẻm 50 Khổng Tử đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.500	1.800	1.500
4469	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Hẻm 50 Khổng Tử đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4470	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Hẻm 50 Khổng Tử đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4471	169	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Hồ Thị Hương	Giáp cầu Suối Cải	Phường Long Khánh	4.200	2.900	2.500
4472	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp cầu Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4473	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp cầu Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4474	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp cầu Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4475	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp cầu Suối Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4476	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp cầu Suối Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4477	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp cầu Suối Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	990	690	590
4478	176	Đường Trần Văn Thi	Đường Hoàng Diệu	Đường 9 tháng 4	Phường Long Khánh	3.100	2.200	1.900
4479	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Thi đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4480	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Thi đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4481	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Thi đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	980	690	590
4482	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Thi đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4483	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Thi đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4484	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Thi đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	880	620	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4485	183	Đường Lê Văn Vận	Đường Hoàng Diệu	Đường 9 tháng 4	Phường Long Khánh	3.100	2.200	1.900
4486	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Vận đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4487	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Vận đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4488	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Vận đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	980	690	590
4489	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Vận đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4490	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Vận đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4491	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Vận đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	880	620	530
4492	190	Đường Phạm Lạc	Đường Hoàng Diệu	Đường 9 tháng 4	Phường Long Khánh	3.100	2.200	1.900
4493	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Lạc đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4494	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Lạc đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4495	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Lạc đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	980	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4496	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Lạc đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4497	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Lạc đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4498	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Lạc đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	880	620	530
4499	197	Đường Ngô Quyền	Giáp ranh phường Bảo Vinh	Đường Duy Tân	Phường Long Khánh	3.400	2.400	2.000
4500	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp ranh phường Bảo Vinh đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4501	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp ranh phường Bảo Vinh đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4502	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp ranh phường Bảo Vinh đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	980	690	590
4503	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp ranh phường Bảo Vinh đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4504	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp ranh phường Bảo Vinh đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4505	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp ranh phường Bảo Vinh đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	880	620	530
4506	204	Đường Ngô Quyền	Đường Duy Tân	Đường Phạm Thế Hiển	Phường Long Khánh	3.100	2.200	1.900
4507	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường Phạm Thế Hiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4508	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường Phạm Thế Hiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4509	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường Phạm Thế Hiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	980	690	590
4510	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường Phạm Thế Hiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4511	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường Phạm Thế Hiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4512	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường Phạm Thế Hiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	880	620	530
4513	211	Đường Ngô Quyền	Đường Phạm Thế Hiển	Giáp cầu Xuân Thanh	Phường Long Khánh	4.200	2.900	2.500
4514	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4515	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4516	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	980	690	590
4517	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4518	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4519	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	880	620	530
4520	218	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Hồng Thập Tự	Đường Trương Định	Phường Long Khánh	7.000	4.900	4.200
4521	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.500	2.500	2.100
4522	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4523	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4524	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.200	2.200	1.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4525	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4526	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4527	225	Đường Trần Quang Diệu	Đường Hùng Vương	Đường Bùi Thị Xuân	Phường Long Khánh	8.400	5.900	5.000
4528	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	4.200	2.900	2.500
4529	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.800	2.000	1.700
4530	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4531	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.800	2.700	2.300
4532	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.500	1.800	1.500
4533	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4534	232	Đường Phạm Thế Hiển	Đường Hồ Thị Hương	Đường Ngô Quyền	Phường Long Khánh	3.500	2.500	2.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4535	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4536	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4537	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4538	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4539	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4540	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4541	239	Đường Bùi Thị Xuân	Đường 21 tháng 4	Đường Hùng Vương	Phường Long Khánh	5.600	3.900	3.400
4542	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.800	2.000	1.700
4543	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4544	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4545	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.500	1.800	1.500
4546	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4547	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4548	246	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Trần Quang Diệu	Đường 21 tháng 4	Phường Long Khánh	5.200	3.600	3.100
4549	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.600	1.800	1.600
4550	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4551	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4552	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.300	1.600	1.400
4553	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.600	1.100	960
4554	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4555	253	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường 21 tháng 4	Đường Lương Đình Của	Phường Long Khánh	5.200	3.600	3.100
4556	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Lương Đình Của có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.600	1.800	1.600
4557	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Lương Đình Của có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4558	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Lương Đình Của có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.000	700	600
4559	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Lương Đình Của có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.300	1.600	1.400
4560	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Lương Đình Của có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4561	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Lương Đình Của có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	900	630	540
4562	260	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Sân vận động	Phường Long Khánh	9.500	6.700	5.700
4563	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	4.000	2.800	2.400
4564	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	3.300	2.300	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4565	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	2.300	1.600	1.400
4566	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.600	2.500	2.200
4567	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	3.000	2.100	1.800
4568	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4569	267	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường 21 tháng 4	Đường Hùng Vương	Phường Long Khánh	8.400	5.900	5.000
4570	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	4.200	2.900	2.500
4571	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.800	2.000	1.700
4572	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4573	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.800	2.700	2.300
4574	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.500	1.800	1.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4575	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4576	274	Đường Tô Hiến Thành	Đường 21 tháng 4	Đường Hùng Vương	Phường Long Khánh	5.500	3.900	3.300
4577	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.000	2.100	1.800
4578	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4579	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.000	700	600
4580	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.700	1.900	1.600
4581	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4582	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	900	630	540
4583	281	Đường Tô Hiến Thành	Đường Hùng Vương	Đường Hai Bà Trưng	Phường Long Khánh	4.600	3.200	2.800
4584	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.500	1.800	1.500
4585	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4586	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.100	770	660
4587	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.300	1.600	1.400
4588	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4589	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.000	700	600
4590	288	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Lương Định Của	Đường 21 tháng 4	Phường Long Khánh	4.200	2.900	2.500
4591	289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.200	1.500	1.300
4592	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4593	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.000	700	600
4594	292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4595	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4596	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	900	630	540
4597	295	Đường Lê Lợi	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Du	Phường Long Khánh	7.900	5.500	4.700
4598	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.400	2.400	2.000
4599	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.800	2.000	1.700
4600	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4601	299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.100	2.200	1.900
4602	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.500	1.800	1.500
4603	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4604	302	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Văn Cừ	Phường Long Khánh	9.900	6.900	5.900
4605	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	4.000	2.800	2.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4606	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	3.300	2.300	2.000
4607	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	2.300	1.600	1.400
4608	306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.600	2.500	2.200
4609	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	3.000	2.100	1.800
4610	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4611	309	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Du	Phường Long Khánh	5.600	3.900	3.400
4612	310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.800	2.000	1.700
4613	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4614	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4615	313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.500	1.800	1.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4616	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4617	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4618	316	Đường Thích Quảng Đức	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Văn Cừ	Phường Long Khánh	5.200	3.600	3.100
4619	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.600	1.800	1.600
4620	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4621	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4622	320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.300	1.600	1.400
4623	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4624	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4625	323	Đường Thích Quảng Đức	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Long Khánh	4.500	3.200	2.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4626	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.200	1.500	1.300
4627	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4628	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4629	327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4630	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.600	1.100	960
4631	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4632	330	Đường Thích Quảng Đức	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	4.200	2.900	2.500
4633	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4634	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4635	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.100	770	660
4636	334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4637	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4638	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	990	690	590
4639	337	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Văn Cừ	Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10	Phường Long Khánh	4.200	2.900	2.500
4640	338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4641	339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4642	340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4643	341	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4644	342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4645	343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4646	344	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Nguyễn Du	Đường Phan Bội Châu	Phường Long Khánh	4.500	3.200	2.700
4647	345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.200	1.500	1.300
4648	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4649	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4650	348	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4651	349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4652	350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4653	351	Đường Quang Trung	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Văn Cừ	Phường Long Khánh	7.000	4.900	4.200
4654	352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.400	2.400	2.000
4655	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.800	2.000	1.700
4656	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4657	355	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.100	2.200	1.900
4658	356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.500	1.800	1.500
4659	357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4660	358	Đường Quang Trung	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Trần Huy Liệu	Phường Long Khánh	5.600	3.900	3.400
4661	359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Huy Liệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.800	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4662	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Huy Liệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4663	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Huy Liệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4664	362	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Huy Liệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.500	1.800	1.500
4665	363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Huy Liệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4666	364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Huy Liệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4667	365	Đường Quang Trung	Đường Trần Huy Liệu	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Long Khánh	4.600	3.200	2.800
4668	366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Trần Huy Liệu đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.200	1.500	1.300
4669	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Trần Huy Liệu đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4670	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Trần Huy Liệu đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4671	369	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Trần Huy Liệu đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4672	370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Trần Huy Liệu đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.600	1.100	960
4673	371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Trần Huy Liệu đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4674	372	Đường Hai Bà Trưng	Đường 21 tháng 4	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn đường Quang Trung và Đường Cách Mạng Tháng 8)	Phường Long Khánh	4.600	3.200	2.800
4675	373	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn đường Quang Trung và đường Cách mạng tháng 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.200	1.500	1.300
4676	374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn đường Quang Trung và đường Cách mạng tháng 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4677	375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn đường Quang Trung và đường Cách mạng tháng 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4678	376	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn đường Quang Trung và đường Cách mạng tháng 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4679	377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn đường Quang Trung và đường Cách mạng tháng 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.600	1.100	960
4680	378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn đường Quang Trung và đường Cách mạng tháng 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4681	379	Đường Nguyễn Trãi	Ngã ba Hùng Vương	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Long Khánh	7.000	4.900	4.200
4682	380	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.400	2.400	2.000
4683	381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4684	382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4685	383	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.100	2.200	1.900
4686	384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.600	1.100	960
4687	385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4688	386	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	4.600	3.200	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4689	387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.200	1.500	1.300
4690	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4691	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4692	390	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4693	391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.600	1.100	960
4694	392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4695	393	Đường Lý Thái Tổ	Đường 21 tháng 4	Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130	Phường Long Khánh	5.900	4.100	3.500
4696	394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường 21/4 đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.900	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4697	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường 21/4 đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4698	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường 21/4 đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4699	397	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường 21/4 đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.600	1.800	1.600
4700	398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường 21/4 đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4701	399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường 21/4 đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4702	400	Đường Lý Nam Đế	Đường Hùng Vương	Đường Trần Phú	Phường Long Khánh	7.000	4.900	4.200
4703	401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.100	2.200	1.900
4704	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.800	2.000	1.700
4705	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4706	404	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.800	2.000	1.700
4707	405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.500	1.800	1.500
4708	406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4709	407	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Lê Lợi	Đường Trần Phú	Phường Long Khánh	9.900	6.900	5.900
4710	408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	4.000	2.800	2.400
4711	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	3.300	2.300	2.000
4712	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	2.300	1.600	1.400
4713	411	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.600	2.500	2.200
4714	412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	3.000	2.100	1.800
4715	413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4716	414	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Lê Lợi	Đường Trần Phú	Phường Long Khánh	3.800	2.700	2.300
4717	415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4718	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.600	1.100	960
4719	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.100	770	660
4720	418	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4721	419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4722	420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	990	690	590
4723	421	Đường Nguyễn Du	Đường Thích Quảng Đức	Đường Trần Phú	Phường Long Khánh	6.700	4.700	4.000
4724	422	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Thích Quảng Đức đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.400	2.400	2.000
4725	423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Thích Quảng Đức đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.400	1.700	1.400
4726	424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Thích Quảng Đức đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4727	425	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Thích Quảng Đức đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.100	2.200	1.900
4728	426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Thích Quảng Đức đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.200	1.500	1.300
4729	427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Thích Quảng Đức đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4730	428	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Trần Phú	Đường Quang Trung	Phường Long Khánh	7.000	4.900	4.200
4731	429	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.400	2.400	2.000
4732	430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.800	2.000	1.700
4733	431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4734	432	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.100	2.200	1.900
4735	433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.500	1.800	1.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4736	434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4737	435	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Quang Trung	Đường Tô Hiến Thành	Phường Long Khánh	4.200	2.900	2.500
4738	436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4739	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4740	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4741	439	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4742	440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4743	441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4744	442	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Phú	Đường Thích Quảng Đức	Phường Long Khánh	5.600	3.900	3.400
4745	443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.700	1.900	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4746	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4747	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4748	446	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.400	1.700	1.400
4749	447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4750	448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4751	449	Đường Phan Bội Châu	Đường Phan Chu Trinh	Đường Thích Quảng Đức	Phường Long Khánh	3.900	2.700	2.300
4752	450	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4753	451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4754	452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4755	453	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4756	454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4757	455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4758	456	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Trãi	Đường Cách Mạng Tháng 8	Phường Long Khánh	4.600	3.200	2.800
4759	457	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Nguyễn Trãi đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.200	1.500	1.300
4760	458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Nguyễn Trãi đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4761	459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Nguyễn Trãi đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4762	460	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Nguyễn Trãi đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4763	461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Nguyễn Trãi đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4764	462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Nguyễn Trãi đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4765	463	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	10.100	7.100	6.100
4766	464	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	4.200	2.900	2.500
4767	465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	3.500	2.500	2.100
4768	466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	2.400	1.700	1.400
4769	467	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.800	2.700	2.300
4770	468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	3.200	2.200	1.900
4771	469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	2.200	1.500	1.300
4772	470	Tuyến đường qua khu đô thị mới	Đường Nguyễn Trãi	Giáp ranh phường Hàng Gòn	Phường Long Khánh	3.800	2.700	2.300
4773	471	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4774	472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4775	473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.100	770	660
4776	474	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4777	475	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4778	476	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	990	690	590
4779	477	Đường Lê Hữu Trác	Đường 21 tháng 4	Hết ranh phường Long Khánh	Phường Long Khánh	3.600	2.500	2.200
4780	478	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Đường 21/4 đến Hết ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4781	479	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Đường 21/4 đến Hết ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4782	480	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Đường 21/4 đến Hết ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.000	700	600
4783	481	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Đường 21/4 đến Hết ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4784	482	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Đường 21/4 đến Hết ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4785	483	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Đường 21/4 đến Hết ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	900	630	540
4786	484	Đường Lương Thế Vinh	Đường 21 tháng 4	Ranh phường Hàng Gòn	Phường Long Khánh	3.900	2.700	2.300
4787	485	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường 21/4 đến Ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4788	486	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường 21/4 đến Ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4789	487	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường 21/4 đến Ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.100	770	660
4790	488	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường 21/4 đến Ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4791	489	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường 21/4 đến Ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4792	490	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường 21/4 đến Ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	990	690	590
4793	491	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường 21 tháng 4	Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115	Phường Long Khánh	3.900	2.700	2.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4794	492	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4795	493	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4796	494	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.100	770	660
4797	495	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4798	496	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4799	497	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	990	690	590
4800	498	Đường Phan Huy Chú	Đường 21 tháng 4	Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong)	Phường Long Khánh	3.800	2.700	2.300
4801	499	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Chú đoạn từ Đường 21/4 đến Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn TrãI đến đường Lê Hồng Phong) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4802	500	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Chú đoạn từ Đường 21/4 đến Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn TrãI đến đường Lê Hồng Phong) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4803	501	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Chú đoạn từ Đường 21/4 đến Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn TrãI đến đường Lê Hồng Phong) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.100	770	660
4804	502	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Chú đoạn từ Đường 21/4 đến Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn TrãI đến đường Lê Hồng Phong) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4805	503	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Chú đoạn từ Đường 21/4 đến Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn TrãI đến đường Lê Hồng Phong) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4806	504	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Chú đoạn từ Đường 21/4 đến Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn TrãI đến đường Lê Hồng Phong) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	990	690	590
4807	505	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	7.000	4.900	4.200
4808	506	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.500	2.500	2.100
4809	507	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.800	2.000	1.700
4810	508	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4811	509	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.200	2.200	1.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4812	510	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.500	1.800	1.500
4813	511	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4814	512	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Hồ Thị Hương	Đường Nguyễn Chí Thanh	Phường Long Khánh	5.600	3.900	3.400
4815	513	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.800	2.000	1.700
4816	514	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4817	515	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4818	516	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.500	1.800	1.500
4819	517	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4820	518	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4821	519	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Hồ Thị Hương	Đường Ngô Quyền	Phường Long Khánh	4.200	2.900	2.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4822	520	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4823	521	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4824	522	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	980	690	590
4825	523	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4826	524	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4827	525	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	880	620	530
4828	526	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Phạm Thế Hiển	Đường Lý Tự Trọng	Phường Long Khánh	2.900	2.000	1.700
4829	527	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4830	528	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4831	529	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	980	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4832	530	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4833	531	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4834	532	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	880	620	530
4835	533	Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1)	Đường Ngô Quyền	Đường Ngô Quyền vào 200m	Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4836	534	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	900	630	540
4837	535	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	660	460	400
4838	536	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	450	320	270
4839	537	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	810	570	490
4840	538	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	590	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4841	539	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	410	290	250
4842	540	Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1)	Đường Ngô Quyền vào 200m	Ngã ba đi Miếu Bà	Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4843	541	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền vào 200m đến Ngã ba đi Miếu Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	810	570	490
4844	542	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền vào 200m đến Ngã ba đi Miếu Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	660	460	400
4845	543	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền vào 200m đến Ngã ba đi Miếu Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	450	320	270
4846	544	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền vào 200m đến Ngã ba đi Miếu Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	730	510	440
4847	545	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền vào 200m đến Ngã ba đi Miếu Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	590	410	350
4848	546	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền vào 200m đến Ngã ba đi Miếu Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	410	290	250
4849	554	Đường Bàu Trâm 1	Đường Điểu Xiển	Ngã ba cầu Hòa Bình	Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4850	555	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	810	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4851	556	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	660	460	400
4852	557	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	450	320	270
4853	558	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	730	510	440
4854	559	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	590	410	350
4855	560	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	410	290	250
4856	561	Đường Bàu Trâm 1	Ngã ba cầu Hòa Bình	Giáp ranh xã Xuân Định	Phường Long Khánh	1.600	1.100	960
4857	562	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	810	570	490
4858	563	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	560	390	340
4859	564	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4860	565	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	730	510	440
4861	566	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	500	350	300
4862	567	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	410	290	250
4863	568	Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ	Ngã ba cầu Hòa Bình	Giáp ranh Phường Xuân Lộc	Phường Long Khánh	1.600	1.100	960
4864	569	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	810	570	490
4865	570	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	560	390	340
4866	571	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	450	320	270
4867	572	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	730	510	440
4868	573	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	500	350	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4869	574	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	410	290	250
4870	575	Đường Hồ Thị Hương	Đường Lê A	Đường Khổng Tử	Phường Long Khánh	8.400	5.900	5.000
4871	576	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Đường Khổng Tử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.400	2.400	2.000
4872	577	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Đường Khổng Tử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.700	1.900	1.600
4873	578	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Đường Khổng Tử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4874	579	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Đường Khổng Tử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.100	2.200	1.900
4875	580	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Đường Khổng Tử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.400	1.700	1.400
4876	581	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Đường Khổng Tử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4877	582	Đường Hồ Thị Hương	Đường Khổng Tử	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Long Khánh	10.500	7.400	6.300
4878	583	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Khổng Tử đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.400	2.400	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4879	584	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Khổng Tử đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.700	1.900	1.600
4880	585	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Khổng Tử đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4881	586	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Khổng Tử đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.100	2.200	1.900
4882	587	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Khổng Tử đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.400	1.700	1.400
4883	588	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Khổng Tử đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4884	589	Đường Hồ Thị Hương	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Giáp cầu Xuân Thanh	Phường Long Khánh	5.600	3.900	3.400
4885	590	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.200	1.500	1.300
4886	591	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4887	592	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4888	593	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4889	594	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.600	1.100	960
4890	595	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4891	596	Đường Hồ Thị Hương	Đầu cầu Xuân Thanh	Giáp ranh xã Xuân Định	Phường Long Khánh	4.200	2.900	2.500
4892	597	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đầu cầu Xuân Thanh đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4893	598	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đầu cầu Xuân Thanh đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4894	599	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đầu cầu Xuân Thanh đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4895	600	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đầu cầu Xuân Thanh đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.600	1.100	960
4896	601	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đầu cầu Xuân Thanh đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4897	602	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đầu cầu Xuân Thanh đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4898	603	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Du	Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Long Khánh	4.900	3.400	2.900
4899	604	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.700	1.900	1.600
4900	605	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4901	606	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4902	607	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.400	1.700	1.400
4903	608	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4904	609	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4905	610	Đường Nguyễn Tri Phương	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Thích Quảng Đức	Phường Long Khánh	4.200	2.900	2.500
4906	611	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4907	612	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4908	613	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.100	770	660
4909	614	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4910	615	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4911	616	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	990	690	590
4912	617	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Hồ Thị Hương	Đường Ngô Quyền	Phường Long Khánh	3.100	2.200	1.900
4913	618	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4914	619	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4915	620	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	980	690	590
4916	621	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4917	622	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4918	623	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	880	620	530
4919	624	Đường Châu Văn Liêm	Đường Hồ Thị Hương	Đường Ngô Quyền	Phường Long Khánh	3.100	2.200	1.900
4920	625	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4921	626	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4922	627	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	980	690	590
4923	628	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4924	629	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4925	630	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	880	620	530
4926	631	Đường Ngô Gia Tự	Đường Hồ Thị Hương	Đường Ngô Quyền	Phường Long Khánh	3.100	2.200	1.900
4927	632	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4928	633	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4929	634	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	980	690	590
4930	635	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4931	636	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4932	637	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	880	620	530
4933	638	Đường Hà Huy Giáp	Đường Hồ Thị Hương	Đường Ngô Quyền	Phường Long Khánh	3.100	2.200	1.900
4934	639	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4935	640	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4936	641	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	980	690	590
4937	642	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4938	643	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4939	644	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	880	620	530
4940	645	Đường Lý Tự Trọng	Đường Hồ Thị Hương	Đường Ngô Quyền	Phường Long Khánh	3.100	2.200	1.900
4941	646	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4942	647	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4943	648	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	980	690	590
4944	649	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.400	980	840
4945	650	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4946	651	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	880	620	530
4947	652	Đường Võ Duy Dương	Đường Hồng Thập Tự	Đường 21 tháng 4	Phường Long Khánh	4.000	2.800	2.400
4948	653	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.200	1.500	1.300
4949	654	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4950	655	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.000	700	600
4951	656	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4952	657	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4953	658	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	900	630	540
4954	659	Đường Lương Đình Của	Đường Hồng Thập Tự	Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa	Phường Long Khánh	4.400	3.100	2.600
4955	660	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.200	1.500	1.300
4956	661	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4957	662	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.000	700	600
4958	663	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4959	664	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4960	665	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	900	630	540
4961	666	Đường Trần Thượng Xuyên	Đường Hùng Vương	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	8.400	5.900	5.000
4962	667	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	4.200	2.900	2.500
4963	668	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.800	2.000	1.700
4964	669	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4965	670	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	3.800	2.700	2.300
4966	671	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.500	1.800	1.500
4967	672	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900
4968	673	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Lương Định Của	Đường 21 tháng 4	Phường Long Khánh	5.600	3.900	3.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4969	674	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.800	2.000	1.700
4970	675	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.100	1.500	1.300
4971	676	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
4972	677	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.500	1.800	1.500
4973	678	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.900	1.300	1.100
4974	679	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
4975	680	Đường Trần Huy Liệu	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Quang Trung	Phường Long Khánh	5.500	3.900	3.300
4976	681	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.700	1.900	1.600
4977	682	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.000	1.400	1.200
4978	683	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4979	684	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.400	1.700	1.400
4980	685	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
4981	686	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.100	770	660
4982	687	Đường Trương Định	Đường Hồng Thập Tự	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	5.900	4.100	3.500
4983	688	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.900	2.000	1.700
4984	689	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.400	1.700	1.400
4985	690	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4986	691	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	2.600	1.800	1.600
4987	692	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	2.200	1.500	1.300
4988	693	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
4989	694	Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu	Đường Hồ Thị Hương	Đường số 1	Phường Long Khánh	1.700	1.200	1.000
4990	695	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	810	570	490
4991	696	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	660	460	400
4992	697	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	450	320	270
4993	698	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	730	510	440
4994	699	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	590	410	350
4995	700	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	410	290	250
4996	701	Đường Thổ Lùn	Đường Điểu Xiển	Giáp ranh xã Xuân Định	Phường Long Khánh	1.600	1.100	960
4997	702	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thổ Lùn đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	810	570	490
4998	703	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thổ Lùn đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	560	390	340
4999	704	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thổ Lùn đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5000	705	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thổ Lùn đoạn từ Đường Điều Xiển đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	730	510	440
5001	706	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thổ Lùn đoạn từ Đường Điều Xiển đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	500	350	300
5002	707	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thổ Lùn đoạn từ Đường Điều Xiển đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Long Khánh	410	290	250
5003	708	Tuyến đường Vành đai 1 (đi qua địa bàn phường Long Khánh	Đường 21 tháng 4	Giáp ranh phường Xuân Lập	Phường Long Khánh	3.600	2.500	2.200
5004	709	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Vành đai 1 (đi qua địa bàn phường Long Khánh đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.800	1.300	1.100
5005	710	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Vành đai 1 (đi qua địa bàn phường Long Khánh đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.300	910	780
5006	711	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Vành đai 1 (đi qua địa bàn phường Long Khánh đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	1.000	700	600
5007	712	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Vành đai 1 (đi qua địa bàn phường Long Khánh đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5008	713	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Vành đai 1 (đi qua địa bàn phường Long Khánh đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	1.200	840	720
5009	714	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Vành đai 1 (đi qua địa bàn phường Long Khánh đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	900	630	540
5010	1	Đường Suối Chồn - Bàu Cối	Đường Nguyễn Trung Trực	Ngã ba Suối Chồn	Phường Bảo Vinh	2.500	1.800	1.500
5011	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Ngã ba Suối Chồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.200	840	720
5012	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Ngã ba Suối Chồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	800	560	480
5013	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Ngã ba Suối Chồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	600	420	360
5014	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Ngã ba Suối Chồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.100	770	660
5015	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Ngã ba Suối Chồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	720	500	430
5016	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Ngã ba Suối Chồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	540	380	320
5017	8	Đường Suối Chồn - Bàu Cối	Ngã ba Suối Chồn	Chùa Quảng Hạnh Tự	Phường Bảo Vinh	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5018	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba Suối Chồn đến Chùa Quảng Hạnh Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.000	700	600
5019	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba Suối Chồn đến Chùa Quảng Hạnh Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	800	560	480
5020	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba Suối Chồn đến Chùa Quảng Hạnh Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	600	420	360
5021	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba Suối Chồn đến Chùa Quảng Hạnh Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	900	630	540
5022	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba Suối Chồn đến Chùa Quảng Hạnh Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	720	500	430
5023	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba Suối Chồn đến Chùa Quảng Hạnh Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	540	380	320
5024	15	Đường Suối Chồn - Bàu Cối	Chùa Quảng Hạnh Tự	Hết cơ sở Thủ Mây	Phường Bảo Vinh	1.900	1.300	1.100
5025	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Chùa Quảng Hạnh Tự đến Hết cơ sở Thủ Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	900	630	540
5026	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Chùa Quảng Hạnh Tự đến Hết cơ sở Thủ Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	660	460	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5027	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Chùa Quảng Hạnh Tự đến Hết cơ sở Thủ Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	450	320	270
5028	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Chùa Quảng Hạnh Tự đến Hết cơ sở Thủ Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	810	570	490
5029	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Chùa Quảng Hạnh Tự đến Hết cơ sở Thủ Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	590	410	350
5030	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Chùa Quảng Hạnh Tự đến Hết cơ sở Thủ Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	410	290	250
5031	22	Đường Suối Chồn - Bàu Cối	Hết cơ sở Thủ Mây	Giáp ranh xã Xuân Bắc	Phường Bảo Vinh	1.800	1.300	1.100
5032	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Hết cơ sở Thủ Mây đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	810	570	490
5033	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Hết cơ sở Thủ Mây đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	560	390	340
5034	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Hết cơ sở Thủ Mây đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	450	320	270
5035	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Hết cơ sở Thủ Mây đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	730	510	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5036	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Hết cơ sở Thủ Mây đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	500	350	300
5037	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Hết cơ sở Thủ Mây đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	410	290	250
5038	29	Đường Nguyễn Trung Trực	Giáp ranh phường Long Khánh	Đường Suối Chồn Bàu Cối	Phường Bảo Vinh	3.700	2.600	2.200
5039	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Giáp ranh phường Long Khánh đến Đường Suối Chồn Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.900	1.300	1.100
5040	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Giáp ranh phường Long Khánh đến Đường Suối Chồn Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	1.200	840	720
5041	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Giáp ranh phường Long Khánh đến Đường Suối Chồn Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	1.000	700	600
5042	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Giáp ranh phường Long Khánh đến Đường Suối Chồn Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.700	1.200	1.000
5043	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Giáp ranh phường Long Khánh đến Đường Suối Chồn Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	1.100	770	660
5044	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Giáp ranh phường Long Khánh đến Đường Suối Chồn Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	900	630	540
5045	36	Đường Trần Nhân Tông (Khu phố 3)	Đường Ngô Quyền	Hẻm số 7 Đường Lê A	Phường Bảo Vinh	2.600	1.800	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5046	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông (Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hẻm số 7 Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.900	1.300	1.100
5047	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông (Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hẻm số 7 Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	1.200	840	720
5048	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông (Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hẻm số 7 Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	1.000	700	600
5049	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông (Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hẻm số 7 Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.700	1.200	1.000
5050	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông (Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hẻm số 7 Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	1.100	770	660
5051	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông (Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hẻm số 7 Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	900	630	540
5052	43	Đường Ngô Quyền	Đường Bảo Vinh-Bảo Quang	Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn	Phường Bảo Vinh	2.200	1.500	1.300
5053	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.300	910	780
5054	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	910	640	550

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5055	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	770	540	460
5056	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.200	840	720
5057	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	820	570	490
5058	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	690	480	410
5059	50	Đường Ngô Quyền	Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn	Đường Duy Tân	Phường Bảo Vinh	3.400	2.400	2.000
5060	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.700	1.200	1.000
5061	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	1.300	910	780
5062	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	980	690	590
5063	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5064	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	1.200	840	720
5065	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	880	620	530
5066	57	Đường Ngô Quyền	Đường Duy Tân	Giáp ranh phường Long Khánh	Phường Bảo Vinh	3.100	2.200	1.900
5067	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.700	1.200	1.000
5068	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	1.400	980	840
5069	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	980	690	590
5070	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.500	1.100	900
5071	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	1.300	910	780
5072	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	880	620	530
5073	64	Đường Bảo Vinh - Bảo Quang	Đường Ngô Quyền	Đường Bảo Quang - Bàu Cối	Phường Bảo Vinh	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5074	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Vinh - Bảo Quang đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Bảo Quang - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	870	610	520
5075	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Vinh - Bảo Quang đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Bảo Quang - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	730	510	440
5076	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Vinh - Bảo Quang đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Bảo Quang - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	580	410	350
5077	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Vinh - Bảo Quang đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Bảo Quang - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	780	550	470
5078	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Vinh - Bảo Quang đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Bảo Quang - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	660	460	400
5079	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Vinh - Bảo Quang đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Bảo Quang - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	520	360	310
5080	71	Đường Thành Thái (Khu phố 1 - Khu phố 3)	Đường Ngô Quyền	Đường Hàm Nghi	Phường Bảo Vinh	1.700	1.200	1.000
5081	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái (Khu phố 1 - Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.000	700	600
5082	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái (Khu phố 1 - Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	750	530	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5083	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái (Khu phố 1 - Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	620	430	370
5084	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái (Khu phố 1 - Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	900	630	540
5085	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái (Khu phố 1 - Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	680	480	410
5086	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái (Khu phố 1 - Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	560	390	340
5087	78	Đường vào miếu Ông Hổ	Đường Ngô Quyền	Đường Thành Thái	Phường Bảo Vinh	1.700	1.200	1.000
5088	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào miếu Ông Hổ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Thành Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.000	700	600
5089	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào miếu Ông Hổ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Thành Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	750	530	450
5090	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào miếu Ông Hổ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Thành Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	620	430	370
5091	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào miếu Ông Hổ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Thành Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	900	630	540
5092	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào miếu Ông Hổ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Thành Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	680	480	410

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5093	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào miếu Ông Hổ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Thành Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	560	390	340
5094	85	Đường Duy Tân	Đường Ngô Quyền	Đường Hàm Nghi	Phường Bảo Vinh	3.200	2.200	1.900
5095	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.300	910	780
5096	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	940	660	560
5097	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	800	560	480
5098	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.200	840	720
5099	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	850	600	510
5100	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	720	500	430
5101	92	Đường Duy Tân	Đường Hàm Nghi	Giáp ranh Phường Xuân Lộc	Phường Bảo Vinh	2.000	1.400	1.200
5102	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.100	770	660
5103	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	870	610	520

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5104	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	610	430	370
5105	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	990	690	590
5106	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	780	550	470
5107	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	550	390	330
5108	99	Đường số 4	Đường Duy Tân	Đường vào Miếu Ông Hổ	Phường Bảo Vinh	1.800	1.300	1.100
5109	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường vào Miếu Ông Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	890	620	530
5110	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường vào Miếu Ông Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	680	480	410
5111	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường vào Miếu Ông Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	550	390	340
5112	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường vào Miếu Ông Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	800	560	480
5113	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường vào Miếu Ông Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	610	430	370

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5114	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường vào Miếu Ông Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	500	350	310
5115	106	Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B)	Ngã ba Ông Phúc	Đường Ruộng Tre - Thọ An	Phường Bảo Vinh	2.300	1.600	1.400
5116	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Ngã ba Ông Phúc đến Đường Ruộng Tre - Thọ An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	990	690	590
5117	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Ngã ba Ông Phúc đến Đường Ruộng Tre - Thọ An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	820	570	490
5118	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Ngã ba Ông Phúc đến Đường Ruộng Tre - Thọ An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	570	400	340
5119	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Ngã ba Ông Phúc đến Đường Ruộng Tre - Thọ An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	890	620	530
5120	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Ngã ba Ông Phúc đến Đường Ruộng Tre - Thọ An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	740	520	440
5121	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Ngã ba Ông Phúc đến Đường Ruộng Tre - Thọ An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	510	360	310
5122	113	Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B)	Đường Ruộng Tre - Thọ An	Đường Bảo Quang - Xuân Bắc	Phường Bảo Vinh	2.100	1.500	1.300
5123	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Đường Bảo Quang - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	990	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5124	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Đường Bảo Quang - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	820	570	490
5125	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Đường Bảo Quang - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	570	400	340
5126	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Đường Bảo Quang - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	890	620	530
5127	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Đường Bảo Quang - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	740	520	440
5128	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Đường Bảo Quang - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	510	360	310
5129	120	Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre	Đường Ruộng Tre - Thọ An	Giáp ranh Phường Xuân Lộc	Phường Bảo Vinh	1.800	1.300	1.100
5130	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	860	600	520
5131	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	600	420	360
5132	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	480	340	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5133	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	770	540	460
5134	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	540	380	320
5135	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	430	300	260
5136	127	Đường Bảo Quang - Bàu Cối	Đường Hàm Nghi	Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang	Phường Bảo Vinh	1.800	1.300	1.100
5137	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	860	600	520
5138	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	710	500	430
5139	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	480	340	290
5140	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	770	540	460
5141	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	640	450	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5142	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	430	300	260
5143	134	Đường Bảo Quang - Bàu Cối	Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang	Đường Suối Chồn - Bàu Cối	Phường Bảo Vinh	1.400	980	840
5144	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường Suối Chồn - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	720	500	430
5145	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường Suối Chồn - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	600	420	360
5146	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường Suối Chồn - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	480	340	290
5147	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường Suối Chồn - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	650	460	390
5148	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường Suối Chồn - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	540	380	320
5149	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường Suối Chồn - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	430	300	260
5150	141	Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc	Đường Ruộng tre - Thọ An	Giáp ranh xã Xuân Bắc	Phường Bảo Vinh	1.800	1.300	1.100
5151	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Ruộng tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	860	600	520

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5152	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Ruộng tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	710	500	430
5153	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Ruộng tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	480	340	290
5154	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Ruộng tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	770	540	460
5155	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Ruộng tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	640	450	380
5156	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Ruộng tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	430	300	260
5157	148	Đường Ruộng Tre - Thọ An	Đường Hàm Nghi	Ranh Phường Xuân Lộc	Phường Bảo Vinh	1.800	1.300	1.100
5158	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Thọ An đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	860	600	520
5159	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Thọ An đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	600	420	360
5160	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Thọ An đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	480	340	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5161	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Thọ An đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	770	540	460
5162	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Thọ An đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	540	380	320
5163	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Thọ An đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	430	300	260
5164	155	Đường Bảo Quang - Xuân Bắc	Đường Hàm Nghi	Ranh xã Xuân Bắc	Phường Bảo Vinh	1.800	1.300	1.100
5165	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	860	600	520
5166	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	710	500	430
5167	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	480	340	290
5168	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	770	540	460
5169	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	640	450	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5170	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	430	300	260
5171	162	Đường Lê A	Đường Hồ Thị Hương	Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre	Phường Bảo Vinh	5.800	4.100	3.500
5172	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.700	1.200	1.000
5173	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	1.200	840	720
5174	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	900	630	540
5175	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.500	1.100	900
5176	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	1.100	770	660
5177	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	810	570	490
5178	169	Đường Lê A	Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre	Giáp cầu Bình Lộc	Phường Bảo Vinh	4.500	3.200	2.700
5179	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5180	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	900	630	540
5181	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	770	540	460
5182	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	1.200	840	720
5183	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	810	570	490
5184	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	690	480	410
5185	176	Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc	Giáp ranh xã Xuân Bắc	Giáp ranh phường Bình Lộc	Phường Bảo Vinh	1.400	980	840
5186	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	700	490	420
5187	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	610	430	370
5188	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	510	360	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5189	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	630	440	380
5190	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	550	390	330
5191	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	460	320	280
5192	183	Đường số 5	Đường Hàm Nghi	Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre	Phường Bảo Vinh	1.700	1.200	1.000
5193	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	870	610	520
5194	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	730	510	440
5195	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	580	410	350
5196	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	780	550	470
5197	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	660	460	400
5198	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	520	360	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5199	190	Đường Hồ Thị Hương	Đường Lê A	Mương thoát lũ Suối Cải	Phường Bảo Vinh	8.400	5.900	5.000
5200	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Mương thoát lũ Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	3.400	2.400	2.000
5201	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Mương thoát lũ Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	2.700	1.900	1.600
5202	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Mương thoát lũ Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	1.700	1.200	1.000
5203	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Mương thoát lũ Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	3.100	2.200	1.900
5204	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Mương thoát lũ Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	2.400	1.700	1.400
5205	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Mương thoát lũ Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	1.500	1.100	900
5206	197	Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc	Đường Hàm Nghi	Hết ranh thửa 26 tờ 79	Phường Bảo Vinh	1.800	1.300	1.100
5207	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Hết ranh thửa 26 tờ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	860	600	520
5208	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Hết ranh thửa 26 tờ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	710	500	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5209	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Hết ranh thửa 26 tờ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	480	340	290
5210	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Hết ranh thửa 26 tờ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	770	540	460
5211	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Hết ranh thửa 26 tờ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	640	450	380
5212	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Hết ranh thửa 26 tờ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bảo Vinh	430	300	260
5213	1	Đường Lương Đình Của	Đường Hồng Thập Tự	Giáp ranh phường Long Khánh	Phường Xuân Lập	4.400	3.100	2.600
5214	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	2.200	1.500	1.300
5215	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	1.700	1.200	1.000
5216	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	1.000	700	600
5217	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5218	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	1.500	1.100	900
5219	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lập	900	630	540
5220	8	Đường Võ Văn Tần	Đường Xuân Bình - Xuân Lập	Đường Nguyễn Văn trỗi	Phường Xuân Lập	1.700	1.200	1.000
5221	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	840	590	500
5222	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	700	490	420
5223	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	560	390	340
5224	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	760	530	460
5225	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	630	440	380
5226	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lập	500	350	300
5227	15	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Lương Định Của	Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ	Phường Xuân Lập	3.500	2.500	2.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5228	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	1.800	1.300	1.100
5229	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	1.400	980	840
5230	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	700	490	420
5231	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	1.600	1.100	960
5232	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	1.300	910	780
5233	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lập	630	440	380
5234	22	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ	Đường Bàu Sen	Phường Xuân Lập	2.200	1.500	1.300
5235	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	1.100	770	660
5236	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	840	590	500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5237	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	630	440	380
5238	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	990	690	590
5239	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	760	530	460
5240	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lập	570	400	340
5241	29	Đường Bàu Sen	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Bàu Sen đi Xuân Lập	Phường Xuân Lập	2.100	1.500	1.300
5242	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Sen đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Bàu Sen đi Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	1.100	770	660
5243	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Sen đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Bàu Sen đi Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	840	590	500
5244	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Sen đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Bàu Sen đi Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	590	410	350
5245	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Sen đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Bàu Sen đi Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	990	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5246	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Sen đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Bàu Sen đi Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	760	530	460
5247	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Sen đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Bàu Sen đi Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lập	530	370	320
5248	36	Đường Xuân Bình - Xuân Lập	Đường Lương Định Của	Đường Võ Văn Tần	Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	1.800	1.300	1.100
5249	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	1.000	700	600
5250	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	730	510	440
5251	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	470	330	280
5252	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	900	630	540
5253	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	660	460	400
5254	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	420	290	250
5255	43	Đường Xuân Bình - Xuân Lập	Đường Võ Văn Tần	Đường số 1	Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5256	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	1.000	700	600
5257	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	670	470	400
5258	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	470	330	280
5259	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	900	630	540
5260	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	600	420	360
5261	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	420	290	250
5262	50	Đường số 1	Quốc lộ 1	Đường Xuân Lập - Bàu Sao	Phường Xuân Lập	2.500	1.800	1.500
5263	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Lập - Bàu Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	1.300	910	780
5264	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Lập - Bàu Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	910	640	550
5265	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Lập - Bàu Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	590	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5266	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Lập - Bàu Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	1.200	840	720
5267	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Lập - Bàu Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	820	570	490
5268	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Lập - Bàu Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lập	530	370	320
5269	57	Đường Xuân Lập - Bàu Sao	Đường Số 1	Đường số 1 vào 500m	Phường Xuân Lập	1.800	1.300	1.100
5270	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Số 1 đến Đường số 1 vào 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	1.200	840	720
5271	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Số 1 đến Đường số 1 vào 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	780	550	470
5272	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Số 1 đến Đường số 1 vào 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	550	390	330
5273	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Số 1 đến Đường số 1 vào 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	1.100	770	660
5274	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Số 1 đến Đường số 1 vào 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	700	490	420
5275	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Số 1 đến Đường số 1 vào 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lập	500	350	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5276	64	Đường Xuân Lập - Bàu Sao	Đường số 1 vào 500m	Đường lô 8 đi cầu Be (thửa đất số 1, tờ bản đồ 68)	Phường Xuân Lập	1.600	1.100	960
5277	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường số 1 vào 500m đến Đường lô 8 đi cầu Be có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	780	550	470
5278	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường số 1 vào 500m đến Đường lô 8 đi cầu Be có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	650	460	390
5279	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường số 1 vào 500m đến Đường lô 8 đi cầu Be có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	520	360	310
5280	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường số 1 vào 500m đến Đường lô 8 đi cầu Be có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	700	490	420
5281	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường số 1 vào 500m đến Đường lô 8 đi cầu Be có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	590	410	350
5282	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường số 1 vào 500m đến Đường lô 8 đi cầu Be có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lập	470	330	280
5283	71	Đường Xuân Lập - Bàu Sao	Đường lô 8 đi cầu Be (thửa đất số 1, tờ bản đồ 68)	Hết ranh phường Xuân Lập	Phường Xuân Lập	1.500	1.100	900
5284	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường lô 8 đi cầu Be đến Hết ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	770	540	460
5285	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường lô 8 đi cầu Be đến Hết ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	700	490	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5286	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường lô 8 đi cầu Be đến Hết ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	560	390	340
5287	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường lô 8 đi cầu Be đến Hết ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	690	480	410
5288	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường lô 8 đi cầu Be đến Hết ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	630	440	380
5289	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường lô 8 đi cầu Be đến Hết ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lập	500	350	300
5290	78	Đường Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Dầu Giây	Giáp ranh phường Bình Lộc	Phường Xuân Lập	4.900	3.400	2.900
5291	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	1.700	1.200	1.000
5292	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	1.100	770	660
5293	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	780	550	470
5294	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5295	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	990	690	590
5296	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lập	700	490	420
5297	85	Đường Lê Hữu Trác	Ranh phường Long Khánh	Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31	Phường Xuân Lập	3.600	2.500	2.200
5298	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	1.800	1.300	1.100
5299	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	1.300	910	780
5300	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	1.000	700	600
5301	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	1.600	1.100	960
5302	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	1.200	840	720
5303	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lập	900	630	540
5304	92	Đường Bàu Sen đi Xuân Lập	Đường Bàu Sen	Đường Xuân Bình - Xuân Lập	Phường Xuân Lập	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5305	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Sen đi Xuân Lập đoạn từ Đường Bàu Sen đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	840	590	500
5306	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Sen đi Xuân Lập đoạn từ Đường Bàu Sen đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	700	490	420
5307	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Sen đi Xuân Lập đoạn từ Đường Bàu Sen đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	560	390	340
5308	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Sen đi Xuân Lập đoạn từ Đường Bàu Sen đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	760	530	460
5309	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Sen đi Xuân Lập đoạn từ Đường Bàu Sen đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	630	440	380
5310	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Sen đi Xuân Lập đoạn từ Đường Bàu Sen đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lập	500	350	300
5311	99	Đường Xuân Lập - Hàng Gòn	Đường số 1	Đường sắt	Phường Xuân Lập	2.600	1.800	1.600
5312	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường số 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	1.800	1.300	1.100
5313	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường số 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	1.400	980	840
5314	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường số 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	970	680	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5315	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường số 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	1.600	1.100	960
5316	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường số 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	1.300	910	780
5317	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường số 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lập	870	610	520
5318	106	Đường Xuân Lập - Hàng Gòn	Đường sắt	Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập	Phường Xuân Lập	1.800	1.300	1.100
5319	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường sắt đến Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	910	640	550
5320	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường sắt đến Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	780	550	470
5321	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường sắt đến Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	650	460	390
5322	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường sắt đến Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	820	570	490
5323	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường sắt đến Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	700	490	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5324	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường sắt đến Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lập	590	410	350
5325	113	Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập	đường Xuân Bình - Xuân Lập	giáp ranh phường Long Khánh	Phường Xuân Lập	1.800	1.300	1.100
5326	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập đoạn từ đường Xuân Bình - Xuân Lập đến giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	1.200	840	720
5327	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập đoạn từ đường Xuân Bình - Xuân Lập đến giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	780	550	470
5328	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập đoạn từ đường Xuân Bình - Xuân Lập đến giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	550	390	330
5329	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập đoạn từ đường Xuân Bình - Xuân Lập đến giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	1.100	770	660
5330	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập đoạn từ đường Xuân Bình - Xuân Lập đến giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	700	490	420
5331	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập đoạn từ đường Xuân Bình - Xuân Lập đến giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lập	500	350	300
5332	120	Đường cầu Bến Ngựa	Đường Xuân Lập - Bàu Sao	Đường Bàu Sen	Phường Xuân Lập	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5333	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Bến Ngựa đoạn từ Đường Xuân Lập - Bàu Sao đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	770	540	460
5334	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Bến Ngựa đoạn từ Đường Xuân Lập - Bàu Sao đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	700	490	420
5335	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Bến Ngựa đoạn từ Đường Xuân Lập - Bàu Sao đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	560	390	340
5336	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Bến Ngựa đoạn từ Đường Xuân Lập - Bàu Sao đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	690	480	410
5337	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Bến Ngựa đoạn từ Đường Xuân Lập - Bàu Sao đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	630	440	380
5338	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Bến Ngựa đoạn từ Đường Xuân Lập - Bàu Sao đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lập	500	350	300
5339	1	Đường 21 tháng 4	Đầu Cầu Gia Liêu	Giáp ngã ba Tân Phong	Phường Hàng Gòn	5.900	4.100	3.500
5340	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đầu Cầu Gia Liêu đến Giáp ngã ba Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	1.800	1.300	1.100
5341	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đầu Cầu Gia Liêu đến Giáp ngã ba Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	1.200	840	720
5342	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đầu Cầu Gia Liêu đến Giáp ngã ba Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	980	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5343	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đầu Cầu Gia Liêu đến Giáp ngã ba Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	1.600	1.100	960
5344	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đầu Cầu Gia Liêu đến Giáp ngã ba Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	1.100	770	660
5345	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đầu Cầu Gia Liêu đến Giáp ngã ba Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Hàng Gòn	880	620	530
5346	8	Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định)	Đường 21 tháng 4	Giáp ranh xã Xuân Định	Phường Hàng Gòn	2.800	2.000	1.700
5347	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định) đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	1.300	910	780
5348	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định) đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	840	590	500
5349	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định) đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	590	410	350
5350	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định) đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	1.200	840	720
5351	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định) đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	760	530	460

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5352	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định) đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Hàng Gòn	530	370	320
5353	15	Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra	Tuyến đường qua khu đô thị mới	Đường Suối Rết B	Phường Hàng Gòn	2.000	1.400	1.200
5354	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra đoạn từ Tuyến đường qua khu đô thị mới đến Đường Suối Rết B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	1.200	840	720
5355	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra đoạn từ Tuyến đường qua khu đô thị mới đến Đường Suối Rết B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	840	590	500
5356	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra đoạn từ Tuyến đường qua khu đô thị mới đến Đường Suối Rết B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	590	410	350
5357	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra đoạn từ Tuyến đường qua khu đô thị mới đến Đường Suối Rết B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	1.100	770	660
5358	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra đoạn từ Tuyến đường qua khu đô thị mới đến Đường Suối Rết B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	760	530	460
5359	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra đoạn từ Tuyến đường qua khu đô thị mới đến Đường Suối Rết B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Hàng Gòn	530	370	320
5360	22	Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	Quốc lộ 56	Giáp ranh xã Xuân Định	Phường Hàng Gòn	1.300	910	780
5361	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	670	470	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5362	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	650	460	390
5363	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	450	320	270
5364	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	600	420	360
5365	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	590	410	350
5366	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Hàng Gòn	410	290	250
5367	29	Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ)	Quốc lộ 56	Ranh giới xã Hàng Gòn cũ	Phường Hàng Gòn	1.500	1.100	900
5368	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	780	550	470
5369	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	650	460	390
5370	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5371	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	700	490	420
5372	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	590	410	350
5373	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Hàng Gòn	410	290	250
5374	36	Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ)	Ranh giới xã Hàng Gòn cũ	Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn	Phường Hàng Gòn	1.300	910	780
5375	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	670	470	400
5376	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	650	460	390
5377	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5378	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	600	420	360
5379	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	590	410	350
5380	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Hàng Gòn	410	290	250
5381	43	Đường Hàng Gòn - Xuân Quế	Quốc lộ 56	Ngã ba đường đi Xuân Quế	Phường Hàng Gòn	1.500	1.100	900
5382	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ngã ba đường đi Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	780	550	470
5383	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ngã ba đường đi Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	650	460	390
5384	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ngã ba đường đi Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	450	320	270
5385	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ngã ba đường đi Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	700	490	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5386	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ngã ba đường đi Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	590	410	350
5387	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ngã ba đường đi Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Hàng Gòn	410	290	250
5388	50	Đường Hàng Gòn - Xuân Quế	Ngã ba đường đi Xuân Quế	Giáp ranh xã Xuân Quế	Phường Hàng Gòn	1.300	910	780
5389	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	670	470	400
5390	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	650	460	390
5391	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	450	320	270
5392	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	600	420	360
5393	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	590	410	350
5394	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Hàng Gòn	410	290	250
5395	57	Đường Quốc lộ 56	Đường Quốc lộ 1	Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ)	Phường Hàng Gòn	4.900	3.400	2.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5396	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	1.600	1.100	960
5397	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	1.100	770	660
5398	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	780	550	470
5399	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	1.400	980	840
5400	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	990	690	590
5401	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Hàng Gòn	700	490	420
5402	64	Đường Quốc lộ 56	Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ)	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Phường Hàng Gòn	3.400	2.400	2.000
5403	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	1.400	980	840
5404	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	950	670	570
5405	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	730	510	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5406	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	1.300	910	780
5407	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	860	600	520
5408	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Hàng Gòn	660	460	400
5409	71	Đường Quốc lộ 1	Ngã ba Tân Phong	Giáp Trạm dừng chân Lê Hoàng	Phường Hàng Gòn	5.300	3.700	3.200
5410	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	1.700	1.200	1.000
5411	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	1.200	840	720
5412	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	840	590	500
5413	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	1.500	1.100	900
5414	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	1.100	770	660
5415	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Hàng Gòn	760	530	460
5416	78	Đường Quốc lộ 1	Trạm dừng chân Lê Hoàng	Ranh xã Xuân Định	Phường Hàng Gòn	3.800	2.700	2.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5417	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Trạm dừng chân Lê Hoàng đến Ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	1.700	1.200	1.000
5418	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Trạm dừng chân Lê Hoàng đến Ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	1.200	840	720
5419	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Trạm dừng chân Lê Hoàng đến Ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	780	550	470
5420	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Trạm dừng chân Lê Hoàng đến Ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	1.500	1.100	900
5421	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Trạm dừng chân Lê Hoàng đến Ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	1.100	770	660
5422	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Trạm dừng chân Lê Hoàng đến Ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Hàng Gòn	700	490	420
5423	85	Đường Hàng Gòn - Xuân Lập	quốc lộ 56 Đồi Rìu	Giáp ranh phường Xuân Lập	Phường Hàng Gòn	1.400	980	840
5424	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Lập đoạn từ quốc lộ 56 Đồi Rìu đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	600	420	360
5425	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Lập đoạn từ quốc lộ 56 Đồi Rìu đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	540	380	320
5426	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Lập đoạn từ quốc lộ 56 Đồi Rìu đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	480	340	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5427	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Lập đoạn từ quốc lộ 56 Đồi Rìu đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	540	380	320
5428	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Lập đoạn từ quốc lộ 56 Đồi Rìu đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	490	340	290
5429	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Lập đoạn từ quốc lộ 56 Đồi Rìu đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	430	300	260
5430	92	Tuyến đường qua khu đô thị mới	Ranh phường Long Khánh	Đường Lê Hồng Phong	Phường Hàng Gòn	3.800	2.700	2.300
5431	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	1.900	1.300	1.100
5432	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	1.400	980	840
5433	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	1.100	770	660
5434	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	1.700	1.200	1.000
5435	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5436	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Hàng Gòn	990	690	590
5437	8	Đường 21 tháng 4	Giáp ranh xã Dầu Giây	Đường tỉnh 770	Phường Bình Lộc	5.600	3.900	3.400
5438	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Đường tỉnh 770 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	1.700	1.200	1.000
5439	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Đường tỉnh 770 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	1.100	770	660
5440	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Đường tỉnh 770 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	930	650	560
5441	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Đường tỉnh 770 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	1.500	1.100	900
5442	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Đường tỉnh 770 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	990	690	590
5443	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Đường tỉnh 770 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	840	590	500
5444	15	Đường 21 tháng 4	Đường tỉnh 770	Đường Võ Duy Dương	Phường Bình Lộc	7.300	5.100	4.400
5445	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Võ Duy Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	2.700	1.900	1.600
5446	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Võ Duy Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5447	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Võ Duy Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	1.300	910	780
5448	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Võ Duy Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	2.400	1.700	1.400
5449	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Võ Duy Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	1.800	1.300	1.100
5450	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Võ Duy Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	1.200	840	720
5451	22	Đường Võ Văn Tần	Giáp khu công nghiệp Long Khánh	Đường Xuân Bình - Xuân Lập	Phường Bình Lộc	1.700	1.200	1.000
5452	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Giáp khu công nghiệp Long Khánh đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	840	590	500
5453	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Giáp khu công nghiệp Long Khánh đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	700	490	420
5454	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Giáp khu công nghiệp Long Khánh đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	560	390	340
5455	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Giáp khu công nghiệp Long Khánh đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	760	530	460

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5456	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Giáp khu công nghiệp Long Khánh đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	630	440	380
5457	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Giáp khu công nghiệp Long Khánh đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	500	350	300
5458	43	Đường Võ Duy Dương	Đường Hồng Thập Tự	Đường 21 tháng 4	Phường Bình Lộc	4.000	2.800	2.400
5459	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	2.200	1.500	1.300
5460	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	1.700	1.200	1.000
5461	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	1.000	700	600
5462	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	2.000	1.400	1.200
5463	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	1.500	1.100	900
5464	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	900	630	540
5465	50	Đường Lê A	Đường 21 tháng 4	Giáp ranh KCN Bình Lộc	Phường Bình Lộc	5.800	4.100	3.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5466	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh KCN Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	1.700	1.200	1.000
5467	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh KCN Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	1.200	840	720
5468	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh KCN Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	900	630	540
5469	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh KCN Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	1.500	1.100	900
5470	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh KCN Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	1.100	770	660
5471	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh KCN Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	810	570	490
5472	57	Đường Lê A	KCN Bình Lộc	Giáp cầu Bình Lộc	Phường Bình Lộc	4.500	3.200	2.700
5473	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ KCN Bình Lộc đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	1.300	910	780
5474	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ KCN Bình Lộc đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	900	630	540
5475	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ KCN Bình Lộc đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	770	540	460

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5476	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ KCN Bình Lộc đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	1.200	840	720
5477	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ KCN Bình Lộc đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	810	570	490
5478	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ KCN Bình Lộc đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	690	480	410
5479	64	Đường Lê A	Giáp cầu Bình Lộc	Ngã ba Đài tưởng niệm	Phường Bình Lộc	2.600	1.800	1.600
5480	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Giáp cầu Bình Lộc đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	1.200	840	720
5481	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Giáp cầu Bình Lộc đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	780	550	470
5482	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Giáp cầu Bình Lộc đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	550	390	330
5483	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Giáp cầu Bình Lộc đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	1.100	770	660
5484	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Giáp cầu Bình Lộc đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	700	490	420
5485	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Giáp cầu Bình Lộc đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	500	350	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5486	71	Đường Lê A	Ngã ba Đài tưởng niệm	Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc	Phường Bình Lộc	2.400	1.700	1.400
5487	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	1.100	770	660
5488	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	780	550	470
5489	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	550	390	330
5490	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	990	690	590
5491	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	700	490	420
5492	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	500	350	300
5493	78	Đường Bình Lộc đi ấp Thọ Vực xã Xuân Bắc	Đường Bình Lộc - Cây Da	Ranh xã Xuân Bắc	Phường Bình Lộc	1.400	980	840
5494	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc đi ấp Thọ Vực xã Xuân Bắc đoạn từ Đường Bình Lộc - Cây Da đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	700	490	420
5495	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc đi ấp Thọ Vực xã Xuân Bắc đoạn từ Đường Bình Lộc - Cây Da đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	610	430	370

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5496	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc đi ấp Thọ Vực xã Xuân Bắc đoạn từ Đường Bình Lộc - Cây Da đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	510	360	310
5497	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc đi ấp Thọ Vực xã Xuân Bắc đoạn từ Đường Bình Lộc - Cây Da đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	630	440	380
5498	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc đi ấp Thọ Vực xã Xuân Bắc đoạn từ Đường Bình Lộc - Cây Da đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	550	390	330
5499	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc đi ấp Thọ Vực xã Xuân Bắc đoạn từ Đường Bình Lộc - Cây Da đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	460	320	280
5500	85	Đường khu phố Bình Lộc phường Bình Lộc	Đường Lê A	Hết đường nhựa	Phường Bình Lộc	1.900	1.300	1.100
5501	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Bình Lộc phường Bình Lộc đoạn từ Đường Lê A đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	940	660	560
5502	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Bình Lộc phường Bình Lộc đoạn từ Đường Lê A đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	730	510	440
5503	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Bình Lộc phường Bình Lộc đoạn từ Đường Lê A đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	530	370	320
5504	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Bình Lộc phường Bình Lộc đoạn từ Đường Lê A đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	850	600	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5505	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Bình Lộc phường Bình Lộc đoạn từ Đường Lê A đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	660	460	400
5506	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Bình Lộc phường Bình Lộc đoạn từ Đường Lê A đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	480	340	290
5507	92	Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa	Ngã ba Đài tưởng niệm	Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12	Phường Bình Lộc	1.800	1.300	1.100
5508	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	880	620	530
5509	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	730	510	440
5510	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	530	370	320
5511	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	790	550	470
5512	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	660	460	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5513	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	480	340	290
5514	99	Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa	Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12	Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện	Phường Bình Lộc	1.400	980	840
5515	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	560	390	340
5516	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	420	290	250
5517	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	280	200	170
5518	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	500	350	300
5519	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	380	270	230
5520	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	250	180	150
5521	106	Đường tỉnh 770	Đường 21 tháng 4	Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc	Phường Bình Lộc	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5522	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	880	620	530
5523	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	750	530	450
5524	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	500	350	300
5525	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	790	550	470
5526	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	680	480	410
5527	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	450	320	270
5528	113	Đường tỉnh 770	Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc	Hết ranh phường Bình Lộc	Phường Bình Lộc	1.900	1.300	1.100
5529	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc đến Hết ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	1.100	770	660
5530	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc đến Hết ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	740	520	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5531	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc đến Hết ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	530	370	320
5532	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc đến Hết ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	990	690	590
5533	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc đến Hết ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	670	470	400
5534	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc đến Hết ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	480	340	290
5535	120	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Giáp ranh xã Gia Kiệm	Đi vào hết 2536m	Phường Bình Lộc	3.700	2.600	2.200
5536	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đi vào hết 2536m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	1.600	1.100	960
5537	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đi vào hết 2536m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	1.200	840	720
5538	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đi vào hết 2536m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	820	570	490
5539	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đi vào hết 2536m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5540	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đi vào hết 2536m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	1.100	770	660
5541	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đi vào hết 2536m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	740	520	440
5542	127	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Đoạn 2536m	Cây xăng Hoàng Minh Việt	Phường Bình Lộc	2.400	1.700	1.400
5543	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Đoạn 2536m đến Cây xăng Hoàng Minh Việt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	1.200	840	720
5544	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Đoạn 2536m đến Cây xăng Hoàng Minh Việt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	880	620	530
5545	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Đoạn 2536m đến Cây xăng Hoàng Minh Việt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	610	430	370
5546	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Đoạn 2536m đến Cây xăng Hoàng Minh Việt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	1.100	770	660
5547	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Đoạn 2536m đến Cây xăng Hoàng Minh Việt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	790	550	470
5548	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Đoạn 2536m đến Cây xăng Hoàng Minh Việt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	550	390	330
5549	134	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Cây xăng Hoàng Minh Việt	Đường Đông Kim - Xuân Thiện	Phường Bình Lộc	2.700	1.900	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5550	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Cây xăng Hoàng Minh Việt đến Đường Đông Kim - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	1.200	840	720
5551	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Cây xăng Hoàng Minh Việt đến Đường Đông Kim - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	950	670	570
5552	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Cây xăng Hoàng Minh Việt đến Đường Đông Kim - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	610	430	370
5553	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Cây xăng Hoàng Minh Việt đến Đường Đông Kim - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	1.100	770	660
5554	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Cây xăng Hoàng Minh Việt đến Đường Đông Kim - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	860	600	520
5555	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Cây xăng Hoàng Minh Việt đến Đường Đông Kim - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	550	390	330
5556	141	Đường Đông Kim - Xuân Thiện	Giáp ranh xã Gia Kiệm	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Phường Bình Lộc	2.900	2.000	1.700
5557	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	1.200	840	720
5558	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	880	620	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5559	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	540	380	320
5560	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	1.100	770	660
5561	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	790	550	470
5562	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	490	340	290
5563	148	Đường Đông Kim - Xuân Thiện	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho)	Phường Bình Lộc	3.400	2.400	2.000
5564	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	1.400	980	840
5565	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	1.200	840	720
5566	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	750	530	450
5567	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5568	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	1.100	770	660
5569	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	680	480	410
5570	155	Đường Bình Lộc - Cây Da	Đường Lê A	Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc	Phường Bình Lộc	1.700	1.200	1.000
5571	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Lê A đến Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	840	590	500
5572	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Lê A đến Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	700	490	420
5573	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Lê A đến Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	500	350	300
5574	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Lê A đến Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	760	530	460
5575	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Lê A đến Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	630	440	380
5576	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Lê A đến Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5577	162	Đường Bình Lộc - Cây Da	Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc	Ranh giới xã Xuân Bắc	Phường Bình Lộc	1.700	1.200	1.000
5578	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	840	590	500
5579	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	700	490	420
5580	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	480	340	290
5581	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	760	530	460
5582	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	630	440	380
5583	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	430	300	260
5584	169	Đường Xuân Thiện – Suối Nho	Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện)	Cầu Suối Đục	Phường Bình Lộc	1.700	1.200	1.000
5585	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thiện – Suối Nho đoạn từ Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện) đến Cầu Suối Đục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	840	590	500
5586	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thiện – Suối Nho đoạn từ Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện) đến Cầu Suối Đục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	700	490	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5587	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thiện – Suối Nho đoạn từ Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện) đến Cầu Suối Đục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	500	350	300
5588	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thiện – Suối Nho đoạn từ Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện) đến Cầu Suối Đục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	760	530	460
5589	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thiện – Suối Nho đoạn từ Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện) đến Cầu Suối Đục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	630	440	380
5590	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thiện – Suối Nho đoạn từ Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện) đến Cầu Suối Đục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	450	320	270
5591	176	Đường 135	Đường tỉnh 770	Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện	Phường Bình Lộc	1.700	1.200	1.000
5592	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 135 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	840	590	500
5593	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 135 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	700	490	420
5594	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 135 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	500	350	300
5595	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 135 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	760	530	460
5596	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 135 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	630	440	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5597	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 135 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	450	320	270
5598	183	Đường cầu Ông Bồ	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Đường Bình Lộc - Cây Da	Phường Bình Lộc	1.400	980	840
5599	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Ông Bồ đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Đường Bình Lộc - Cây Da có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	560	390	340
5600	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Ông Bồ đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Đường Bình Lộc - Cây Da có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	420	290	250
5601	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Ông Bồ đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Đường Bình Lộc - Cây Da có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	280	200	170
5602	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Ông Bồ đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Đường Bình Lộc - Cây Da có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	500	350	300
5603	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Ông Bồ đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Đường Bình Lộc - Cây Da có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	380	270	230
5604	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Ông Bồ đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Đường Bình Lộc - Cây Da có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	250	180	150
5605	190	Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc	Đường 21 tháng 4	Giáp ranh phường Xuân Lập	Phường Bình Lộc	2.900	2.000	1.700
5606	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5607	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	880	620	530
5608	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	540	380	320
5609	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	1.100	770	660
5610	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	790	550	470
5611	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Bình Lộc	490	340	290
5612	1	Đường Xuân Thành đi Trảng Táo	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (phường Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành)	Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
5613	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (phường Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370
5614	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (phường Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	550	390	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5615	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (phường Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
5616	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (phường Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	560	390	350
5617	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (phường Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
5618	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (phường Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	370	260	220
5619	8	Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc)	Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
5620	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370
5621	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	550	390	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5622	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
5623	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	560	390	350
5624	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
5625	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	370	260	220
5626	15	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Đường tỉnh 766	Cầu gió bay	Phường Xuân Lộc	2.600	1.800	1.600
5627	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Cầu gió bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.300	910	780
5628	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Cầu gió bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
5629	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Cầu gió bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	660	460	400
5630	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Cầu gió bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5631	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Cầu gió bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
5632	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Cầu gió bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
5633	22	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Giáp ranh xã Xuân Thành	Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái	Phường Xuân Lộc	2.000	1.400	1.200
5634	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Thành đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
5635	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Thành đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	780	550	470
5636	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Thành đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	570	400	340
5637	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Thành đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	890	620	530
5638	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Thành đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	700	490	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5639	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Thành đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	510	360	310
5640	29	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái	Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái	Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
5641	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.300	910	780
5642	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	850	600	510
5643	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
5644	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5645	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	770	540	460
5646	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	580	410	350
5647	36	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái	Giáp ranh phường Bảo Vinh	Phường Xuân Lộc	2.000	1.400	1.200
5648	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
5649	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	780	550	470
5650	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	570	400	340
5651	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	890	620	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5652	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	700	490	420
5653	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	510	360	310
5654	43	Đường tỉnh 763	Quốc lộ 1	Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh	Phường Xuân Lộc	3.500	2.500	2.100
5655	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
5656	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
5657	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	690	480	410
5658	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.300	910	780
5659	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
5660	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370
5661	50	Đường tỉnh 763	Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh	Hết cây Xăng Tín Nghĩa	Phường Xuân Lộc	3.300	2.300	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5662	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.300	910	780
5663	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	820	570	490
5664	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	630	440	380
5665	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
5666	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	740	520	440
5667	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	570	400	340
5668	57	Đường tỉnh 763	Hết cây Xăng Tín Nghĩa	Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m	Phường Xuân Lộc	3.500	2.500	2.100
5669	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây Xăng Tín Nghĩa đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
5670	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây Xăng Tín Nghĩa đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5671	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây Xăng Tín Nghĩa đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	690	480	410
5672	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây Xăng Tín Nghĩa đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.300	910	780
5673	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây Xăng Tín Nghĩa đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
5674	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây Xăng Tín Nghĩa đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370
5675	64	Đường tỉnh 763	Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m	Cầu Cao	Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
5676	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m đến Cầu Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
5677	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m đến Cầu Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	820	570	490
5678	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m đến Cầu Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	630	440	380
5679	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m đến Cầu Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
5680	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m đến Cầu Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	740	520	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5681	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m đến Cầu Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	570	400	340
5682	71	Đường tỉnh 763	Cầu Cao	Ranh giới xã Xuân Bắc	Phường Xuân Lộc	2.500	1.800	1.500
5683	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Cầu Cao đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
5684	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Cầu Cao đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	820	570	490
5685	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Cầu Cao đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	630	440	380
5686	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Cầu Cao đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
5687	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Cầu Cao đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	740	520	440
5688	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Cầu Cao đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	570	400	340
5689	78	Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa	Đường tỉnh 763	Ranh giới xã Xuân Bắc	Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
5690	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	730	510	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5691	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	560	390	340
5692	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
5693	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	660	460	400
5694	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
5695	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
5696	85	Đường Thọ Trung đi Bảo Quang	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Ranh giới phường Bảo Vinh	Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
5697	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Trung đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh giới phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	770	540	460
5698	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Trung đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh giới phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
5699	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Trung đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh giới phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5700	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Trung đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh giới phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	690	480	410
5701	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Trung đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh giới phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
5702	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Trung đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh giới phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
5703	92	Đường L6 - ấp Thọ Lộc	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái	Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
5704	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường L6 - ấp Thọ Lộc đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	730	510	440
5705	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường L6 - ấp Thọ Lộc đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	560	390	340
5706	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường L6 - ấp Thọ Lộc đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
5707	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường L6 - ấp Thọ Lộc đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	660	460	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5708	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường L6 - ấp Thọ Lộc đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
5709	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường L6 - ấp Thọ Lộc đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
5710	99	Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân	Đường tỉnh 763	Ranh giới phường Long Khánh	Phường Xuân Lộc	1.600	1.100	960
5711	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	820	570	490
5712	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	630	440	380
5713	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
5714	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	740	520	440
5715	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	570	400	340
5716	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5717	106	Đường C4 - ấp Thọ Chánh	Đường tỉnh 763	Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái	Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
5718	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường C4 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	730	510	440
5719	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường C4 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	560	390	340
5720	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường C4 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
5721	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường C4 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	660	460	400
5722	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường C4 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
5723	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường C4 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
5724	113	Đường C2 - ấp Thọ Chánh	Đường tỉnh 763	Đường Thọ Bình đi Thọ Phước	Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
5725	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường C2 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Thọ Bình đi Thọ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	730	510	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5726	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường C2 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Thọ Bình đi Thọ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	560	390	340
5727	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường C2 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Thọ Bình đi Thọ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
5728	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường C2 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Thọ Bình đi Thọ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	660	460	400
5729	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường C2 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Thọ Bình đi Thọ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
5730	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường C2 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Thọ Bình đi Thọ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
5731	120	Đường Thọ Bình đi Thọ Phước	Đường tỉnh 763	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
5732	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Bình đi Thọ Phước đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	770	540	460
5733	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Bình đi Thọ Phước đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
5734	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Bình đi Thọ Phước đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5735	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Bình đi Thọ Phước đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	690	480	410
5736	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Bình đi Thọ Phước đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
5737	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Bình đi Thọ Phước đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
5738	127	Đường B7 - ấp Thọ Bình	Đường tỉnh 763	Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154	Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
5739	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B7 - ấp Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	730	510	440
5740	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B7 - ấp Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	560	390	340
5741	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B7 - ấp Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
5742	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B7 - ấp Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	660	460	400
5743	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B7 - ấp Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5744	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B7 - ấp Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
5745	134	Đường tỉnh 766	Đường Hồ Núi Le	Hết chùa Long Quang	Phường Xuân Lộc	3.000	2.100	1.800
5746	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường Hồ Núi Le đến Hết chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
5747	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường Hồ Núi Le đến Hết chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	960	670	580
5748	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường Hồ Núi Le đến Hết chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	740	520	440
5749	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường Hồ Núi Le đến Hết chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
5750	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường Hồ Núi Le đến Hết chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	860	600	520
5751	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường Hồ Núi Le đến Hết chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	670	470	400
5752	141	Đường tỉnh 766	Hết chùa Long Quang	Ngã ba Suối Cao	Phường Xuân Lộc	3.300	2.300	2.000
5753	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết chùa Long Quang đến Ngã ba Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
5754	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết chùa Long Quang đến Ngã ba Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	960	670	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5755	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết chùa Long Quang đến Ngã ba Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	740	520	440
5756	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết chùa Long Quang đến Ngã ba Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
5757	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết chùa Long Quang đến Ngã ba Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	860	600	520
5758	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết chùa Long Quang đến Ngã ba Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	670	470	400
5759	148	Đường tỉnh 766	Ngã ba Suối Cao	Đường số 3 ấp Trung Lương	Phường Xuân Lộc	2.700	1.900	1.600
5760	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Ngã ba Suối Cao đến Đường số 3 ấp Trung Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.300	910	780
5761	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Ngã ba Suối Cao đến Đường số 3 ấp Trung Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	960	670	580
5762	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Ngã ba Suối Cao đến Đường số 3 ấp Trung Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	740	520	440
5763	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Ngã ba Suối Cao đến Đường số 3 ấp Trung Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5764	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Ngã ba Suối Cao đến Đường số 3 ấp Trung Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	860	600	520
5765	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Ngã ba Suối Cao đến Đường số 3 ấp Trung Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	670	470	400
5766	155	Đường tỉnh 766	Đường số 3 ấp Trung Lương	Giáp ranh xã Xuân Thành	Phường Xuân Lộc	2.400	1.700	1.400
5767	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường số 3 ấp Trung Lương đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
5768	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường số 3 ấp Trung Lương đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	890	620	530
5769	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường số 3 ấp Trung Lương đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	670	470	400
5770	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường số 3 ấp Trung Lương đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
5771	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường số 3 ấp Trung Lương đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	800	560	480
5772	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường số 3 ấp Trung Lương đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	600	420	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5773	162	Đường Cây Keo	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái	Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
5774	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Keo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	730	510	440
5775	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Keo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	560	390	340
5776	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Keo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
5777	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Keo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	660	460	400
5778	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Keo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
5779	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Keo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
5780	169	Đường số 2	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái.	Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5781	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	730	510	440
5782	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	560	390	340
5783	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
5784	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	660	460	400
5785	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
5786	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
5787	176	Đường Suối Lạnh	Đường tỉnh 766	Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
5788	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Lạnh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	730	510	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5789	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Lạnh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	560	390	340
5790	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Lạnh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
5791	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lạnh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	660	460	400
5792	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lạnh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
5793	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lạnh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
5794	183	Đường vào chùa Gia Lào	Đường tỉnh 766	Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan	Phường Xuân Lộc	1.700	1.200	1.000
5795	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa Gia Lào đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	850	600	510
5796	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa Gia Lào đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
5797	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa Gia Lào đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	570	400	340

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5798	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa Gia Lào đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	770	540	460
5799	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa Gia Lào đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
5800	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa Gia Lào đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	510	360	310
5801	190	Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn	Đường sắt Bắc Nam	Đườngg vào chùa Gia Lào	Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
5802	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường sắt Bắc Nam đến Đườngg vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370
5803	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường sắt Bắc Nam đến Đườngg vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	550	390	330
5804	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường sắt Bắc Nam đến Đườngg vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
5805	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường sắt Bắc Nam đến Đườngg vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	560	390	350
5806	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường sắt Bắc Nam đến Đườngg vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5807	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường sắt Bắc Nam đến Đườngg vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	370	260	220
5808	197	Đường Cây Me - ấp Trung Sơn	Đường vào chùa Gia Lào	Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
5809	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Me - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường vào chùa Gia Lào đến Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370
5810	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Me - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường vào chùa Gia Lào đến Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	550	390	330
5811	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Me - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường vào chùa Gia Lào đến Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
5812	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường vào chùa Gia Lào đến Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	560	390	350
5813	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường vào chùa Gia Lào đến Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5814	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường vào chùa Gia Lào đến Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	370	260	220
5815	204	Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa	Đường Thành Công	Đường vào chùa Gia Lào	Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
5816	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Thành Công đến Đường vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370
5817	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Thành Công đến Đường vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	550	390	330
5818	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Thành Công đến Đường vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
5819	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Thành Công đến Đường vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	560	390	350
5820	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Thành Công đến Đường vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
5821	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Thành Công đến Đường vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	370	260	220
5822	211	Đường Thành Công	Đường tỉnh 766	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
5823	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Công đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	730	510	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5824	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Công đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	560	390	340
5825	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Công đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
5826	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Công đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	660	460	400
5827	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Công đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
5828	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Công đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
5829	218	Đường Xuân Trường - Trảng Táo	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.700	1.200	1.000
5830	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	850	600	510
5831	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5832	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	570	400	340
5833	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	770	540	460
5834	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
5835	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	510	360	310
5836	225	Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa	Đường Xuân Trường - Trảng Táo	Đường Cây số 2	Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
5837	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Xuân Trường - Trảng Táo đến Đường Cây số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370
5838	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Xuân Trường - Trảng Táo đến Đường Cây số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	550	390	330
5839	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Xuân Trường - Trảng Táo đến Đường Cây số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5840	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Xuân Trường - Trảng Táo đến Đường Cây số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	560	390	350
5841	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Xuân Trường - Trảng Táo đến Đường Cây số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
5842	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Xuân Trường - Trảng Táo đến Đường Cây số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	370	260	220
5843	232	Đường Trung Tín	Đường tỉnh 766	Ranh giới xã Xuân Thành	Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
5844	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	730	510	440
5845	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	560	390	340
5846	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
5847	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	660	460	400
5848	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
5849	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5850	239	Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
5851	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370
5852	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	550	390	330
5853	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
5854	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	560	390	350
5855	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
5856	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	370	260	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5857	246	Đường xóm Huế - ấp Trung Tín	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
5858	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm Huế - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370
5859	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm Huế - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	550	390	330
5860	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm Huế - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
5861	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm Huế - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	560	390	350
5862	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm Huế - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
5863	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm Huế - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	370	260	220
5864	253	Đường Xuân Trường - Suối Cao	Đường tỉnh 766	Giáp ranh xã Xuân Thành	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5865	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
5866	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
5867	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
5868	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
5869	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
5870	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
5871	260	Đường cây số 5	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
5872	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cây số 5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	730	510	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5873	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cây số 5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	560	390	340
5874	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cây số 5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
5875	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cây số 5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	660	460	400
5876	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cây số 5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
5877	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cây số 5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
5878	267	Đường số 3 ấp Trung Lương	Đường tỉnh 766	Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
5879	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 ấp Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	730	510	440
5880	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 ấp Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	560	390	340

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5881	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 ấp Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
5882	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 ấp Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	660	460	400
5883	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 ấp Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
5884	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 ấp Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
5885	274	Đường Đông Trung Lương	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
5886	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370
5887	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	550	390	330
5888	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5889	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	560	390	350
5890	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
5891	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	370	260	220
5892	281	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Suối Gia Măng	Phường Xuân Lộc	4.000	2.800	2.400
5893	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
5894	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
5895	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	690	480	410
5896	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
5897	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5898	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370
5899	288	Quốc lộ 1	Suối Gia Măng	Hết giáo xứ RuSeyKeo	Phường Xuân Lộc	3.800	2.700	2.300
5900	289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết giáo xứ RuSeyKeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
5901	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết giáo xứ RuSeyKeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
5902	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết giáo xứ RuSeyKeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	690	480	410
5903	292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết giáo xứ RuSeyKeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
5904	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết giáo xứ RuSeyKeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
5905	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết giáo xứ RuSeyKeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370
5906	295	Quốc lộ 1	Hết giáo xứ RuSeyKeo	Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái	Phường Xuân Lộc	3.500	2.500	2.100
5907	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ RuSeyKeo đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5908	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ RuSeyKeo đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
5909	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ RuSeyKeo đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	690	480	410
5910	299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ RuSeyKeo đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
5911	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ RuSeyKeo đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
5912	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ RuSeyKeo đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370
5913	302	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái	Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái	Phường Xuân Lộc	4.400	3.100	2.600
5914	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5915	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
5916	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	690	480	410
5917	306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
5918	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
5919	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370
5920	309	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái	Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái	Phường Xuân Lộc	3.800	2.700	2.300
5921	310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5922	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
5923	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	690	480	410
5924	313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
5925	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
5926	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370
5927	316	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái	Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái	Phường Xuân Lộc	4.000	2.800	2.400
5928	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5929	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
5930	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	690	480	410
5931	320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
5932	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
5933	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370
5934	323	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái	Giáp ranh xã Xuân Phú	Phường Xuân Lộc	3.800	2.700	2.300
5935	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5936	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
5937	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	690	480	410
5938	327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
5939	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
5940	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370
5941	330	Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng	Quốc lộ 1	Ngã 3 ông Sang	Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
5942	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã 3 ông Sang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	680	480	410
5943	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã 3 ông Sang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	560	390	340
5944	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã 3 ông Sang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5945	334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã 3 ông Sang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	610	430	370
5946	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã 3 ông Sang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
5947	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã 3 ông Sang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
5948	337	Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng	Ngã 3 ông Sang	Đường tỉnh 765	Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
5949	338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Ngã 3 ông Sang đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	600	440	380
5950	339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Ngã 3 ông Sang đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	520	360	310
5951	340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Ngã 3 ông Sang đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
5952	341	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Ngã 3 ông Sang đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	540	400	350
5953	342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Ngã 3 ông Sang đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5954	343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Ngã 3 ông Sang đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
5955	344	Đường tỉnh 765	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái	Phường Xuân Lộc	4.300	3.000	2.600
5956	345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
5957	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
5958	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	690	480	410
5959	348	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
5960	349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
5961	350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5962	351	Đường tỉnh 765	Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái	Hết trường THCS Nguyễn Hiền	Phường Xuân Lộc	3.800	2.700	2.300
5963	352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết trường THCS Nguyễn Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
5964	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết trường THCS Nguyễn Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
5965	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết trường THCS Nguyễn Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	690	480	410
5966	355	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết trường THCS Nguyễn Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
5967	356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết trường THCS Nguyễn Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
5968	357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết trường THCS Nguyễn Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370
5969	358	Đường tỉnh 765	Hết trường THCS Nguyễn Hiền	Đường gom cao tốc	Phường Xuân Lộc	3.300	2.300	2.000
5970	359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường gom cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5971	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường gom cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	820	570	490
5972	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường gom cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	630	440	380
5973	362	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường gom cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
5974	363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường gom cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	740	520	440
5975	364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường gom cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	570	400	340
5976	365	Đường tỉnh 765	Đường gom cao tốc	Cầu Lang Minh (Cầu Ba)	Phường Xuân Lộc	3.100	2.200	1.900
5977	366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường gom cao tốc đến Cầu Lang Minh (Cầu Ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.300	910	780
5978	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường gom cao tốc đến Cầu Lang Minh (Cầu Ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	820	570	490
5979	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường gom cao tốc đến Cầu Lang Minh (Cầu Ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	630	440	380
5980	369	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường gom cao tốc đến Cầu Lang Minh (Cầu Ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5981	370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường gom cao tốc đến Cầu Lang Minh (Cầu Ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	740	520	440
5982	371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường gom cao tốc đến Cầu Lang Minh (Cầu Ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	570	400	340
5983	372	Đường Việt Kiều 5	Quốc lộ 1	Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (phường Xuân Lộc)	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
5984	373	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 5 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
5985	374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 5 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
5986	375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 5 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
5987	376	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 5 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
5988	377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 5 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
5989	378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 5 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5990	379	Đường Việt Kiều 2	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
5991	380	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
5992	381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
5993	382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
5994	383	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
5995	384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
5996	385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
5997	386	Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ	Quốc lộ 1	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, phường Xuân Lộc)	Phường Xuân Lộc	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
5998	387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
5999	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	560	390	340
6000	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
6001	390	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6002	391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
6003	392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
6004	393	Đường Xuân Hiệp 25	Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ	Giáo xứ Russeykeo	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6005	394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 25 đoạn từ Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đến Giáo xứ Russeykeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6006	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 25 đoạn từ Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đến Giáo xứ Russeykeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6007	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 25 đoạn từ Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đến Giáo xứ Russeykeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6008	397	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 25 đoạn từ Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đến Giáo xứ Russeykeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6009	398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 25 đoạn từ Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đến Giáo xứ Russeykeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6010	399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 25 đoạn từ Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đến Giáo xứ Russeykeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6011	400	Đường Việt Kiều 1	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6012	401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6013	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
6014	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6015	404	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6016	405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6017	406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6018	407	Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22	Quốc lộ 1	Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6019	408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6020	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
6021	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6022	411	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6023	412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6024	413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6025	414	Hiệp Tiến	Quốc lộ 1	Đường quanh núi Chứa Chan	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6026	415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hiệp Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6027	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hiệp Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
6028	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hiệp Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6029	418	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hiệp Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6030	419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hiệp Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6031	420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hiệp Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6032	421	Đường quanh núi Chứa Chan	Đường Ngô Đức Kế	Đường Hiệp Tiến	Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6033	422	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh núi Chứa Chan đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường Hiệp Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6034	423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh núi Chứa Chan đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường Hiệp Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6035	424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh núi Chứa Chan đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường Hiệp Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6036	425	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh núi Chứa Chan đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường Hiệp Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6037	426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh núi Chứa Chan đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường Hiệp Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6038	427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh núi Chứa Chan đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường Hiệp Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6039	428	Đường Song hành	Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ	Đường Xuân Hiệp 12	Phường Xuân Lộc	1.900	1.300	1.100
6040	429	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Song hành đoạn từ Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6041	430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Song hành đoạn từ Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	630	440	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6042	431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Song hành đoạn từ Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
6043	432	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Song hành đoạn từ Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6044	433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Song hành đoạn từ Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	570	400	340
6045	434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Song hành đoạn từ Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
6046	435	Đường Xuân Hiệp 17	Đường Song hành	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6047	436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 17 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6048	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 17 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
6049	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 17 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6050	439	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 17 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6051	440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 17 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6052	441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 17 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6053	442	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh	Quốc lộ 1	Cầu Sông Ray	Phường Xuân Lộc	2.100	1.500	1.300
6054	443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6055	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6056	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	570	400	340
6057	446	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	890	620	530
6058	447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6059	448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	510	360	310
6060	449	Đường Xuân Hiệp 16	Đường Song hành	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6061	450	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 16 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6062	451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 16 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
6063	452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 16 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6064	453	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 16 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6065	454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 16 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6066	455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 16 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6067	456	Đường Trịnh Hoài Đức	Quốc lộ 1	Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp)	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6068	457	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 1 đến Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6069	458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 1 đến Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6070	459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 1 đến Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6071	460	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 1 đến Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6072	461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 1 đến Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6073	462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 1 đến Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6074	463	Đường Xuân Hiệp 13	Đường Song hành	Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6075	464	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 13 đoạn từ Đường Song hành đến Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6076	465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 13 đoạn từ Đường Song hành đến Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
6077	466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 13 đoạn từ Đường Song hành đến Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6078	467	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 13 đoạn từ Đường Song hành đến Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6079	468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 13 đoạn từ Đường Song hành đến Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6080	469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 13 đoạn từ Đường Song hành đến Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6081	470	Đường vào Trạm y tế	Quốc lộ 1	Ranh hồ Gia Măng	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6082	471	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm y tế đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh hồ Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6083	472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm y tế đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh hồ Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
6084	473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm y tế đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh hồ Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6085	474	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm y tế đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh hồ Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6086	475	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm y tế đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh hồ Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6087	476	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm y tế đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh hồ Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6088	477	Đường Tam Hiệp - Tân Tiến	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6089	478	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6090	479	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
6091	480	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6092	481	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6093	482	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6094	483	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6095	484	Đường Xuân Hiệp 12	Quốc lộ 1	Đường Xuân Hiệp 9	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6096	485	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 12 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hiệp 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6097	486	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 12 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hiệp 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
6098	487	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 12 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hiệp 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6099	488	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 12 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hiệp 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6100	489	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 12 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hiệp 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6101	490	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 12 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hiệp 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6102	491	Đường Xuân Hiệp 2	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh	Đường vào Trạm y tế	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6103	492	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 2 đoạn từ Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đến Đường vào Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6104	493	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 2 đoạn từ Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đến Đường vào Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
6105	494	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 2 đoạn từ Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đến Đường vào Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6106	495	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 2 đoạn từ Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đến Đường vào Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6107	496	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 2 đoạn từ Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đến Đường vào Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6108	497	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 2 đoạn từ Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đến Đường vào Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6109	498	Đường Xuân Hiệp 3	Đường Xuân Hiệp 16	Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6110	499	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 3 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6111	500	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 3 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6112	501	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 3 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6113	502	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 3 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6114	503	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 3 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6115	504	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 3 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6116	505	Đường Xuân Hiệp 4	Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến	Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6117	506	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 4 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6118	507	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 4 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
6119	508	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 4 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6120	509	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 4 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6121	510	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 4 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6122	511	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 4 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6123	512	Đường Xuân Hiệp 5	Đường Tam Hiệp - Tân Tiến	Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6124	513	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 5 đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6125	514	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 5 đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
6126	515	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 5 đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6127	516	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 5 đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6128	517	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 5 đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6129	518	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 5 đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6130	519	Đường Xuân Hiệp 6	Đường Xuân Hiệp 16	Suối Gia Măng	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6131	520	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 6 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6132	521	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 6 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
6133	522	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 6 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6134	523	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 6 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6135	524	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 6 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6136	525	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 6 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6137	526	Đường Xuân Hiệp 7	Đường Xuân Hiệp 16	Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6138	527	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 7 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6139	528	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 7 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
6140	529	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 7 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6141	530	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 7 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6142	531	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 7 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6143	532	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 7 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6144	533	Đường Xuân Hiệp 8	Đường Xuân Hiệp 16	Suối Gia Măng	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6145	534	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 8 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6146	535	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 8 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
6147	536	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 8 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6148	537	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 8 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6149	538	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 8 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6150	539	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 8 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6151	540	Đường Xuân Hiệp 9	Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ)	Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6152	541	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 9 đoạn từ Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6153	542	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 9 đoạn từ Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
6154	543	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 9 đoạn từ Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6155	544	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 9 đoạn từ Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6156	545	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 9 đoạn từ Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6157	546	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 9 đoạn từ Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6158	547	Đường Tân Hiệp	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Xuân Hòa	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6159	548	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiệp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6160	549	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiệp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
6161	550	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiệp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6162	551	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiệp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6163	552	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiệp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6164	553	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiệp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6165	554	Đường Xuân Hiệp 10	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và thửa đất số 561,tờ BĐĐC số 281 về bên trái , phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6166	555	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 10 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và thửa đất số 561,tờ BĐĐC số 281 về bên trái , phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	750	530	450
6167	556	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 10 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và thửa đất số 561,tờ BĐĐC số 281 về bên trái , phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	630	440	380
6168	557	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 10 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và thửa đất số 561,tờ BĐĐC số 281 về bên trái , phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
6169	558	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 10 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và thửa đất số 561,tờ BĐĐC số 281 về bên trái , phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	680	480	410
6170	559	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 10 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và thửa đất số 561,tờ BĐĐC số 281 về bên trái , phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	570	400	340
6171	560	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 10 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và thửa đất số 561,tờ BĐĐC số 281 về bên trái , phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
6172	561	Đường Xuân Hiệp 11	Thửa đất số 558, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và thửa đất số 59, ờ BĐĐC số 281 về bên trái, phường Xuân Lộc	Suối Gia Măng	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6173	562	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 11 đoạn từ Thửa đất số 558, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và thửa đất số 59, ờ BĐĐC số 281 về bên trái, phường Xuân Lộc đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6174	563	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 11 đoạn từ Thửa đất số 558, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và thửa đất số 59, ờ BĐĐC số 281 về bên trái, phường Xuân Lộc đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
6175	564	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 11 đoạn từ Thửa đất số 558, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và thửa đất số 59, ờ BĐĐC số 281 về bên trái, phường Xuân Lộc đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6176	565	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 11 đoạn từ Thửa đất số 558, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và thửa đất số 59, ờ BĐĐC số 281 về bên trái, phường Xuân Lộc đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6177	566	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 11 đoạn từ Thửa đất số 558, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và thửa đất số 59, ờ BĐĐC số 281 về bên trái, phường Xuân Lộc đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6178	567	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 11 đoạn từ Thửa đất số 558, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và thửa đất số 59, ờ BĐĐC số 281 về bên trái, phường Xuân Lộc đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6179	568	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ)	Quốc lộ 1	Suối Gia Măng	Phường Xuân Lộc	4.200	2.900	2.500
6180	569	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6181	570	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	980	690	590
6182	571	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	770	540	460
6183	572	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6184	573	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6185	574	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	690	480	410
6186	575	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ)	Suối Gia Măng	Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	5.300	3.700	3.200
6187	576	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	2.100	1.500	1.300
6188	577	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
6189	578	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	980	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6190	579	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.900	1.300	1.100
6191	580	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6192	581	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6193	582	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ)	Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc	Hết Nhà thờ Tam Thái	Phường Xuân Lộc	5.600	3.900	3.400
6194	583	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc đến Hết Nhà thờ Tam Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	2.100	1.500	1.300
6195	584	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc đến Hết Nhà thờ Tam Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
6196	585	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc đến Hết Nhà thờ Tam Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	980	690	590
6197	586	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc đến Hết Nhà thờ Tam Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.900	1.300	1.100
6198	587	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc đến Hết Nhà thờ Tam Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6199	588	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc đến Hết Nhà thờ Tam Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6200	589	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ)	Hết Nhà thờ Tam Thái	Hết Trường Tiểu học Kim Đồng	Phường Xuân Lộc	5.000	3.500	3.000
6201	590	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Nhà thờ Tam Thái đến Hết Trường Tiểu học Kim Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	2.100	1.500	1.300
6202	591	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Nhà thờ Tam Thái đến Hết Trường Tiểu học Kim Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
6203	592	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Nhà thờ Tam Thái đến Hết Trường Tiểu học Kim Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	980	690	590
6204	593	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Nhà thờ Tam Thái đến Hết Trường Tiểu học Kim Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.900	1.300	1.100
6205	594	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Nhà thờ Tam Thái đến Hết Trường Tiểu học Kim Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6206	595	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Nhà thờ Tam Thái đến Hết Trường Tiểu học Kim Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6207	596	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ)	Hết Trường Tiểu học Kim Đồng	Cầu Phước Hưng	Phường Xuân Lộc	4.200	2.900	2.500
6208	597	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Kim Đồng đến Cầu Phước Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6209	598	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Kim Đồng đến Cầu Phước Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
6210	599	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Kim Đồng đến Cầu Phước Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	980	690	590
6211	600	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Kim Đồng đến Cầu Phước Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.800	1.300	1.100
6212	601	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Kim Đồng đến Cầu Phước Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6213	602	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Kim Đồng đến Cầu Phước Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6214	603	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ)	Cầu Phước Hưng	Đường Hồ Núi Le	Phường Xuân Lộc	3.900	2.700	2.300
6215	604	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu Phước Hưng đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	2.000	1.400	1.200
6216	605	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu Phước Hưng đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
6217	606	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu Phước Hưng đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	980	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6218	607	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu Phước Hưng đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.800	1.300	1.100
6219	608	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu Phước Hưng đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6220	609	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu Phước Hưng đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6221	610	Đường vào hồ Núi Le	Đường Hùng Vương	Đường 21 tháng 3 nối dài	Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6222	611	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6223	612	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6224	613	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6225	614	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6226	615	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6227	616	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6228	617	Đường vào hồ Núi Le	Đường 21 tháng 3 nối dài	Đường Trương Công Định	Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400
6229	618	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường 21 tháng 3 nối dài đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
6230	619	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường 21 tháng 3 nối dài đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6231	620	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường 21 tháng 3 nối dài đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6232	621	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường 21 tháng 3 nối dài đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6233	622	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường 21 tháng 3 nối dài đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6234	623	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường 21 tháng 3 nối dài đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	810	570	490
6235	624	Đường vào hồ Núi Le	Đường Trương Công Định	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Phường Xuân Lộc	2.000	1.400	1.200
6236	625	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6237	626	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	830	580	500
6238	627	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6239	628	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	900	630	550
6240	629	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	750	530	450
6241	630	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	580	410	350
6242	631	Đường Ngô Đức Kế	Đường Hùng Vương	Đường quanh núi Chứa Chan	Phường Xuân Lộc	2.500	1.800	1.500
6243	632	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6244	633	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6245	634	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6246	635	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6247	636	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6248	637	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6249	638	Đường Trần Phú	Đường Ngô Quyền	Đường Hùng Vương	Phường Xuân Lộc	4.800	3.400	2.900
6250	639	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	2.100	1.500	1.300
6251	640	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
6252	641	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	980	690	590
6253	642	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.900	1.300	1.100
6254	643	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6255	644	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6256	645	Đường Trần Phú	Đường Hùng Vương	Đường Võ Thị Sáu	Phường Xuân Lộc	5.000	3.500	3.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6257	646	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	2.200	1.500	1.300
6258	647	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
6259	648	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	980	690	590
6260	649	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	2.000	1.400	1.200
6261	650	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6262	651	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6263	652	Đường Trần Phú	Đường Võ Thị Sáu	Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ	Phường Xuân Lộc	4.200	2.900	2.500
6264	653	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	2.000	1.400	1.200
6265	654	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6266	655	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	980	690	590
6267	656	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.800	1.300	1.100
6268	657	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6269	658	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6270	659	Đường Trần Phú	Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn An Ninh	Phường Xuân Lộc	3.900	2.700	2.300
6271	660	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn An Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	2.000	1.400	1.200
6272	661	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn An Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
6273	662	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn An Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	980	690	590
6274	663	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn An Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6275	664	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn An Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6276	665	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn An Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6277	666	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn An Ninh	Ngã ba Núi Le	Phường Xuân Lộc	3.600	2.500	2.200
6278	667	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	2.000	1.400	1.200
6279	668	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
6280	669	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	980	690	590
6281	670	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.800	1.300	1.100
6282	671	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6283	672	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6284	673	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ)	Ngã ba bưu điện	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Xuân Lộc	4.300	3.000	2.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6285	674	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba bưu điện đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.900	1.300	1.100
6286	675	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba bưu điện đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6287	676	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba bưu điện đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6288	677	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba bưu điện đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.700	1.200	1.000
6289	678	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba bưu điện đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6290	679	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba bưu điện đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6291	680	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba Núi Le	Phường Xuân Lộc	4.000	2.800	2.400
6292	681	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.800	1.300	1.100
6293	682	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6294	683	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6295	684	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.600	1.100	960
6296	685	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6297	686	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6298	687	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ)	Ngã ba Núi Le	Giáp ranh xã Xuân Hòa	Phường Xuân Lộc	3.500	2.500	2.100
6299	688	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.800	1.300	1.100
6300	689	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6301	690	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6302	691	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6303	692	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6304	693	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6305	694	Đường Ngô Gia Tự (song hành)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba Núi Le	Phường Xuân Lộc	3.500	2.500	2.100
6306	695	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.800	1.300	1.100
6307	696	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6308	697	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6309	698	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.600	1.100	960
6310	699	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6311	700	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6312	701	Đường Ngô Gia Tự (song hành)	Ngã ba Núi Le	Giáp ranh xã Xuân Hòa	Phường Xuân Lộc	4.000	2.800	2.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6313	702	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.800	1.300	1.100
6314	703	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6315	704	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6316	705	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.600	1.100	960
6317	706	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6318	707	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6319	708	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Văn Vận	Đường Hoàng Đình Thương	Phường Xuân Lộc	3.300	2.300	2.000
6320	709	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Văn Vận đến Đường Hoàng Đình Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.800	1.300	1.100
6321	710	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Văn Vận đến Đường Hoàng Đình Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6322	711	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Văn Vận đến Đường Hoàng Đình Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6323	712	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Văn Vận đến Đường Hoàng Đình Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.600	1.100	960
6324	713	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Văn Vận đến Đường Hoàng Đình Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6325	714	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Văn Vận đến Đường Hoàng Đình Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6326	715	Đường Ngô Quyền	Đường Hoàng Đình Thương	Giáp Xí nghiệp Phong Phú	Phường Xuân Lộc	3.500	2.500	2.100
6327	716	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hoàng Đình Thương đến Giáp Xí nghiệp Phong Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.800	1.300	1.100
6328	717	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hoàng Đình Thương đến Giáp Xí nghiệp Phong Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6329	718	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hoàng Đình Thương đến Giáp Xí nghiệp Phong Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6330	719	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hoàng Đình Thương đến Giáp Xí nghiệp Phong Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6331	720	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hoàng Đình Thương đến Giáp Xí nghiệp Phong Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6332	721	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hoàng Đình Thương đến Giáp Xí nghiệp Phong Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6333	722	Đường Ngô Quyền	Giáp Xí nghiệp Phong Phú	Đường Hùng Vương	Phường Xuân Lộc	4.000	2.800	2.400
6334	723	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp Xí nghiệp Phong Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.800	1.300	1.100
6335	724	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp Xí nghiệp Phong Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6336	725	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp Xí nghiệp Phong Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6337	726	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp Xí nghiệp Phong Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.600	1.100	960
6338	727	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp Xí nghiệp Phong Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6339	728	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp Xí nghiệp Phong Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6340	729	Đường Lê Duẩn	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Huệ	Phường Xuân Lộc	3.500	2.500	2.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6341	730	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.800	1.300	1.100
6342	731	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6343	732	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6344	733	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.600	1.100	960
6345	734	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6346	735	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6347	736	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Phú	Phường Xuân Lộc	3.300	2.300	2.000
6348	737	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.800	1.300	1.100
6349	738	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6350	739	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6351	740	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.600	1.100	960
6352	741	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6353	742	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6354	743	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Hùng Vương	Đường Võ Thị Sáu	Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6355	744	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6356	745	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6357	746	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6358	747	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6359	748	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6360	749	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6361	750	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Võ Thị Sáu	Đường Trần Phú	Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400
6362	751	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6363	752	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6364	753	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6365	754	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6366	755	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6367	756	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6368	757	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6369	758	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6370	759	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6371	760	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6372	761	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6373	762	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6374	763	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	810	570	490
6375	764	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Xuân Lộc	2.000	1.400	1.200
6376	765	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6377	766	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	830	580	500
6378	767	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6379	768	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	900	630	550

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6380	769	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	750	530	450
6381	770	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	580	410	350
6382	771	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Xuân Lộc	2.400	1.700	1.400
6383	772	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
6384	773	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6385	774	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	950	670	570
6386	775	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6387	776	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6388	777	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	860	600	520
6389	778	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Xuân Lộc	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6390	779	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6391	780	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	820	570	490
6392	781	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	680	480	410
6393	782	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	900	630	550
6394	783	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	740	520	440
6395	784	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	610	430	370
6396	785	Đường Phan Chu Trinh			Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6397	786	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6398	787	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6399	788	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6400	789	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6401	790	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6402	791	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6403	792	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Trần Phú	Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6404	793	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6405	794	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6406	795	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6407	796	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6408	797	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6409	798	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6410	799	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc	Đường Hồ Núi Le	Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400
6411	800	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6412	801	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6413	802	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6414	803	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6415	804	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6416	805	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6417	806	Đường Trần Hưng Đạo			Phường Xuân Lộc	3.000	2.100	1.800
6418	807	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6419	808	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6420	809	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6421	810	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6422	811	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6423	812	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6424	813	Đường Lê Quý Đôn			Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6425	814	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6426	815	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6427	816	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6428	817	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6429	818	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6430	819	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6431	820	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Xuân Lộc	3.000	2.100	1.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6432	821	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6433	822	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6434	823	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6435	824	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6436	825	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6437	826	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6438	827	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ)	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ)	Phường Xuân Lộc	3.800	2.700	2.300
6439	828	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.800	1.300	1.100
6440	829	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6441	830	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6442	831	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.600	1.100	960
6443	832	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6444	833	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6445	834	Đường Mai Xuân Thưởng	Đường Hùng Vương	Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, phường Xuân Lộc)	Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6446	835	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6447	836	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6448	837	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6449	838	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6450	839	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6451	840	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	810	570	490
6452	841	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6453	842	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6454	843	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6455	844	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6456	845	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6457	846	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6458	847	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6459	848	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Ngô Quyền	Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6460	849	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6461	850	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6462	851	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6463	852	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6464	853	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6465	854	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6466	855	Đường Lê Văn Vận			Phường Xuân Lộc	3.400	2.400	2.000
6467	856	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Vận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6468	857	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Vận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
6469	858	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Vận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	980	690	590
6470	859	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Vận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6471	860	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Vận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6472	861	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Vận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6473	862	Đường 21 tháng 3	Đường Nguyễn Văn Cừ	Suối Gia Ui	Phường Xuân Lộc	2.500	1.800	1.500
6474	863	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.300	910	780
6475	864	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6476	865	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	980	690	590
6477	866	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6478	867	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6479	868	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6480	869	Đường 21 tháng 3	Suối Gia Ui	Đường Hồ Núi Le	Phường Xuân Lộc	2.200	1.500	1.300
6481	870	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Suối Gia Ui đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6482	871	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Suối Gia Ui đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	910	640	550
6483	872	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Suối Gia Ui đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	700	490	420
6484	873	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Suối Gia Ui đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6485	874	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Suối Gia Ui đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	820	570	490
6486	875	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Suối Gia Ui đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	630	440	380
6487	876	Đường 9 tháng 4			Phường Xuân Lộc	3.500	2.500	2.100
6488	877	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6489	878	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6490	879	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6491	880	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.600	1.100	960
6492	881	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6493	882	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6494	883	Đường Chi Lăng	Đường Hùng Vương	Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	3.000	2.100	1.800
6495	884	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chi Lăng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6496	885	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chi Lăng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6497	886	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chi Lăng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6498	887	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chi Lăng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6499	888	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chi Lăng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6500	889	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chi Lăng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6501	890	Đường Chu Văn An	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6502	891	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6503	892	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6504	893	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6505	894	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6506	895	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6507	896	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6508	897	Đường Chu Văn An	Đường Ngô Quyền	Suối Gia Ui	Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6509	898	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6510	899	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6511	900	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6512	901	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6513	902	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6514	903	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6515	904	Đường Hồ Thị Hương			Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6516	905	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6517	906	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6518	907	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6519	908	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6520	909	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6521	910	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6522	911	Đường Hoàng Đình Thương	Đường Ngô Quyền	Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái,phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	3.800	2.700	2.300
6523	912	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Đình Thương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái,phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.800	1.300	1.100
6524	913	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Đình Thương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái,phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6525	914	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Đình Thương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái,phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6526	915	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Đình Thương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái,phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.600	1.100	960
6527	916	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Đình Thương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái,phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6528	917	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Đình Thương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái,phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6529	918	Đường Hoàng Diệu			Phường Xuân Lộc	2.500	1.800	1.500
6530	919	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6531	920	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6532	921	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6533	922	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6534	923	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6535	924	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6536	925	Đường Hoàng Hoa Thám			Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6537	926	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6538	927	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6539	928	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6540	929	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6541	930	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6542	931	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6543	932	Đường Hoàng Văn Thụ			Phường Xuân Lộc	3.500	2.500	2.100
6544	933	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.800	1.300	1.100
6545	934	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6546	935	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6547	936	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.600	1.100	960
6548	937	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6549	938	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6550	939	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6551	940	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6552	941	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6553	942	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6554	943	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6555	944	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6556	945	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6557	946	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Ngô Quyền	Đường quanh núi Chứa Chan	Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400
6558	947	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6559	948	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6560	949	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6561	950	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6562	951	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6563	952	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6564	953	Đường Lê A			Phường Xuân Lộc	3.000	2.100	1.800
6565	954	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6566	955	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6567	956	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6568	957	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6569	958	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6570	959	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6571	960	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6572	961	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6573	962	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6574	963	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6575	964	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6576	965	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6577	966	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6578	967	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Ngô Quyền	Suối Gia Ui	Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400
6579	968	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6580	969	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6581	970	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6582	971	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6583	972	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6584	973	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6585	974	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Phú	Đường Lê Duẩn	Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6586	975	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6587	976	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6588	977	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6589	978	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6590	979	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6591	980	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6592	981	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400
6593	982	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6594	983	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6595	984	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6596	985	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6597	986	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6598	987	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6599	988	Đường Nguyễn Thiếp	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6600	989	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6601	990	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6602	991	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6603	992	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6604	993	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6605	994	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6606	995	Đường Nguyễn Thiếp	Đường Ngô Quyền	Suối Gia Ui	Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400
6607	996	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6608	997	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6609	998	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6610	999	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6611	1000	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6612	1001	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6613	1002	Đường Nguyễn Trường Tộ			Phường Xuân Lộc	3.000	2.100	1.800
6614	1003	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6615	1004	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6616	1005	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6617	1006	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6618	1007	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6619	1008	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6620	1009	Đường Nguyễn Văn Trỗi			Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6621	1010	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6622	1011	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6623	1012	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6624	1013	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6625	1014	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6626	1015	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6627	1016	Đường Phan Đình Giót			Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6628	1017	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6629	1018	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6630	1019	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6631	1020	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6632	1021	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6633	1022	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6634	1023	Đường Phan Bội Châu			Phường Xuân Lộc	3.500	2.500	2.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6635	1024	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.800	1.300	1.100
6636	1025	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6637	1026	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6638	1027	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.600	1.100	960
6639	1028	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6640	1029	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6641	1030	Đường Phan Văn Trị			Phường Xuân Lộc	3.000	2.100	1.800
6642	1031	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6643	1032	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6644	1033	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6645	1034	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6646	1035	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6647	1036	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6648	1037	Đường Trương Công Định			Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6649	1038	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6650	1039	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6651	1040	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6652	1041	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6653	1042	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6654	1043	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6655	1044	Đường Trương Văn Bang			Phường Xuân Lộc	3.000	2.100	1.800
6656	1045	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6657	1046	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6658	1047	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6659	1048	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6660	1049	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6661	1050	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6662	1051	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Trương Công Định	Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6663	1052	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Vĩnh Ký đoạn từ Đường Trương Công Định đến Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6664	1053	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Vĩnh Ký đoạn từ Đường Trương Công Định đến Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6665	1054	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Vĩnh Ký đoạn từ Đường Trương Công Định đến Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6666	1055	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Vĩnh Ký đoạn từ Đường Trương Công Định đến Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6667	1056	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Vĩnh Ký đoạn từ Đường Trương Công Định đến Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6668	1057	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Vĩnh Ký đoạn từ Đường Trương Công Định đến Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6669	1058	Đường Trần Nhân Tông	Đường Trần Phú	Đường Lê Duẩn	Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6670	1059	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6671	1060	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6672	1061	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6673	1062	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6674	1063	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6675	1064	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	810	570	490
6676	1065	Đường Trần Nhân Tông	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6677	1066	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
6678	1067	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6679	1068	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6680	1069	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6681	1070	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6682	1071	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	810	570	490
6683	1072	Đường Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Xuân Lộc	2.000	1.400	1.200
6684	1073	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6685	1074	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	830	580	500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6686	1075	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6687	1076	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	900	630	550
6688	1077	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	750	530	450
6689	1078	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	580	410	350
6690	1079	Đường Trần Quang Diệu	Đường Hùng Vương	Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6691	1080	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6692	1081	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6693	1082	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6694	1083	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6695	1084	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6696	1085	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6697	1086	Đường Trần Quý Cáp			Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6698	1087	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quý Cáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6699	1088	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quý Cáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6700	1089	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quý Cáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6701	1090	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quý Cáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6702	1091	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quý Cáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6703	1092	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quý Cáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6704	1093	Đường Trường Chinh	Đường Hùng Vương	Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	2.500	1.800	1.500
6705	1094	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6706	1095	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6707	1096	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6708	1097	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6709	1098	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6710	1099	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6711	1100	Đường Võ Thị Sáu			Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6712	1101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6713	1102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6714	1103	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6715	1104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6716	1105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6717	1106	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6718	1107	Đường Võ Trường Toản			Phường Xuân Lộc	2.500	1.800	1.500
6719	1108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6720	1109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6721	1110	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6722	1111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6723	1112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6724	1113	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6725	1114	Đường số 1	Đường Hùng Vương	Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	2.500	1.800	1.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6726	1115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6727	1116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6728	1117	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6729	1118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6730	1119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6731	1120	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6732	1121	Đường số 2			Phường Xuân Lộc	2.800	2.000	1.700
6733	1122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6734	1123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6735	1124	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6736	1125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6737	1126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6738	1127	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6739	1128	Đường số 3	Đường Hùng Vương	Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	2.500	1.800	1.500
6740	1129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6741	1130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6742	1131	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6743	1132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6744	1133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6745	1134	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6746	1135	Đường số 4			Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400
6747	1136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6748	1137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6749	1138	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6750	1139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6751	1140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6752	1141	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6753	1142	Đường số 5	Đường Ngô Quyền	Hết ranh giáp tờ 16 thửa 403	Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400
6754	1143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh giáp tờ 16 thửa 403 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6755	1144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh giáp tờ 16 thửa 403 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6756	1145	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh giáp tờ 16 thửa 403 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6757	1146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh giáp tờ 16 thửa 403 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6758	1147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh giáp tờ 16 thửa 403 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6759	1148	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh giáp tờ 16 thửa 403 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6760	1149	Đường số 6	Đường Ngô Quyền	Đường quanh núi Chứa Chan	Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400
6761	1150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6762	1151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6763	1152	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6764	1153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6765	1154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6766	1155	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6767	1156	Đường số 7			Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400
6768	1157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6769	1158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6770	1159	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6771	1160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6772	1161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6773	1162	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6774	1163	Đường số 8	Đường Ngô Quyền	Hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 02, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400
6775	1164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 02, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6776	1165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 02, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6777	1166	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 02, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6778	1167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 02, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6779	1168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 02, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6780	1169	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 02, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6781	1170	Đường số 9	Đường Lê Duẩn	Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400
6782	1171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6783	1172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6784	1173	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6785	1174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6786	1175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6787	1176	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6788	1177	Đường số 10			Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400
6789	1178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6790	1179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6791	1180	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6792	1181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6793	1182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6794	1183	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6795	1184	Đường số 11			Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400
6796	1185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6797	1186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6798	1187	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6799	1188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6800	1189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6801	1190	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6802	1191	Đường số 12			Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400
6803	1192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6804	1193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6805	1194	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6806	1195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6807	1196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6808	1197	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6809	1198	Đường số 13			Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400
6810	1199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6811	1200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6812	1201	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6813	1202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6814	1203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6815	1204	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6816	1205	Đường số 14			Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400
6817	1206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6818	1207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6819	1208	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6820	1209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6821	1210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6822	1211	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6823	1212	Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm	Đường Hùng Vương	Đường Trần Phú	Phường Xuân Lộc	5.300	3.700	3.200
6824	1213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	2.000	1.400	1.200
6825	1214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
6826	1215	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	980	690	590
6827	1216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	1.800	1.300	1.100
6828	1217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6829	1218	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6830	1219	Đường XH2	Thửa đất số 237, 604 tờ bản đồ số 252	Hết ranh thửa đất số 202 và 257, tờ bản đồ 278	Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6831	1220	Đường XH3	Thửa đất số 585, 480 tờ bản đồ số 252	Hết ranh thửa đất số 184 và 289, tờ bản đồ 275	Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6832	1221	Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 1)	Tờ bản đồ số 287, thửa đất số 253	Tờ bản đồ số 294, thửa đất số 64	Phường Xuân Lộc	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 1) đoạn từ Tờ bản đồ số 287, thửa đất số 253 đến Tờ bản đồ số 294, thửa đất số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	600	440	380
6834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 1) đoạn từ Tờ bản đồ số 287, thửa đất số 253 đến Tờ bản đồ số 294, thửa đất số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	520	360	310
6835		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 1) đoạn từ Tờ bản đồ số 287, thửa đất số 253 đến Tờ bản đồ số 294, thửa đất số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
6836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 1) đoạn từ Tờ bản đồ số 287, thửa đất số 253 đến Tờ bản đồ số 294, thửa đất số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	540	400	350
6837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 1) đoạn từ Tờ bản đồ số 287, thửa đất số 253 đến Tờ bản đồ số 294, thửa đất số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6838		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 1) đoạn từ Tờ bản đồ số 287, thửa đất số 253 đến Tờ bản đồ số 294, thửa đất số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
6839	1222	Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 2)	Đường tỉnh 765	Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng	Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
6840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 2) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	600	440	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 2) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	520	360	310
6842		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 2) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
6843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 2) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	540	400	350
6844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 2) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6845		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 2) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
6846	1223	Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 1)	Đường Tam Hiệp - Tân Tiến	Đường Việt Kiều 2	Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
6847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 1) đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Việt Kiều 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	600	440	380
6848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 1) đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Việt Kiều 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	520	360	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6849		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 1) đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Việt Kiều 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
6850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 1) đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Việt Kiều 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	540	400	350
6851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 1) đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Việt Kiều 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6852		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 1) đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Việt Kiều 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
6853	1224	Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 2)	Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng	Giáp ranh xã Xuân Phú	Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
6854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 2) đoạn từ Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	600	440	380
6855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 2) đoạn từ Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	520	360	310
6856		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 2) đoạn từ Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 2) đoạn từ Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	540	400	350
6858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 2) đoạn từ Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6859		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 2) đoạn từ Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
6860	1225	Đường Suối Khỉ	Đường tỉnh 766	Tờ bản đồ số 197, thửa đất số 206 và thửa 241	Phường Xuân Lộc	1.200	840	720
6861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Khỉ đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Tờ bản đồ số 197, thửa đất số 206 và thửa 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370
6862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Khỉ đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Tờ bản đồ số 197, thửa đất số 206 và thửa 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	550	390	330
6863		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Khỉ đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Tờ bản đồ số 197, thửa đất số 206 và thửa 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
6864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Khỉ đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Tờ bản đồ số 197, thửa đất số 206 và thửa 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	560	390	350
6865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Khỉ đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Tờ bản đồ số 197, thửa đất số 206 và thửa 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6866		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Khi đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Tờ bản đồ số 197, thửa đất số 206 và thửa 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	370	260	220
6867	1226	Đường vào nghĩa địa Suối Cát 1	Thửa đất số 224, 359, tờ bản đồ số 246	Thửa đất số 70, 81, tờ bản đồ số 243	Phường Xuân Lộc	1.300	910	780
6868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nghĩa địa Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 224, 359, tờ bản đồ số 246 đến Thửa đất số 70, 81, tờ bản đồ số 243 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	660	465	395
6869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nghĩa địa Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 224, 359, tờ bản đồ số 246 đến Thửa đất số 70, 81, tờ bản đồ số 243 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	550	385	330
6870		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nghĩa địa Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 224, 359, tờ bản đồ số 246 đến Thửa đất số 70, 81, tờ bản đồ số 243 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	440	310	265
6871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nghĩa địa Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 224, 359, tờ bản đồ số 246 đến Thửa đất số 70, 81, tờ bản đồ số 243 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	600	420	360
6872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nghĩa địa Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 224, 359, tờ bản đồ số 246 đến Thửa đất số 70, 81, tờ bản đồ số 243 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	495	350	300
6873		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nghĩa địa Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 224, 359, tờ bản đồ số 246 đến Thửa đất số 70, 81, tờ bản đồ số 243 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	390	275	235
6874	1227	Đường Lò Than	Thửa đất số 350, 253, tờ bản đồ số 251	Thửa đất số 257, 718, tờ bản đồ số 255	Phường Xuân Lộc	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Than đoạn từ Thửa đất số 350, 253, tờ bản đồ số 251 đến Thửa đất số 257, 718, tờ bản đồ số 255 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	660	465	395
6876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Than đoạn từ Thửa đất số 350, 253, tờ bản đồ số 251 đến Thửa đất số 257, 718, tờ bản đồ số 255 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	550	385	330
6877		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Than đoạn từ Thửa đất số 350, 253, tờ bản đồ số 251 đến Thửa đất số 257, 718, tờ bản đồ số 255 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	440	310	265
6878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Than đoạn từ Thửa đất số 350, 253, tờ bản đồ số 251 đến Thửa đất số 257, 718, tờ bản đồ số 255 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	600	420	360
6879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Than đoạn từ Thửa đất số 350, 253, tờ bản đồ số 251 đến Thửa đất số 257, 718, tờ bản đồ số 255 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	495	350	300
6880		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Than đoạn từ Thửa đất số 350, 253, tờ bản đồ số 251 đến Thửa đất số 257, 718, tờ bản đồ số 255 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	390	275	235
6881	1228	Đường vào Chợ Suối Cát	Thửa đất số 319, 339, tờ bản đồ số 252	Thửa đất số 155, 246, tờ bản đồ số 256	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Chợ Suối Cát đoạn từ Thửa đất số 319, 339, tờ bản đồ số 252 đến Thửa đất số 155, 246, tờ bản đồ số 256 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Chợ Suối Cát đoạn từ Thửa đất số 319, 339, tờ bản đồ số 252 đến Thửa đất số 155, 246, tờ bản đồ số 256 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6884		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Chợ Suối Cát đoạn từ Thửa đất số 319, 339, tờ bản đồ số 252 đến Thửa đất số 155, 246, tờ bản đồ số 256 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Chợ Suối Cát đoạn từ Thửa đất số 319, 339, tờ bản đồ số 252 đến Thửa đất số 155, 246, tờ bản đồ số 256 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Chợ Suối Cát đoạn từ Thửa đất số 319, 339, tờ bản đồ số 252 đến Thửa đất số 155, 246, tờ bản đồ số 256 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6887		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Chợ Suối Cát đoạn từ Thửa đất số 319, 339, tờ bản đồ số 252 đến Thửa đất số 155, 246, tờ bản đồ số 256 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6888	1229	Đường tổ 11 Suối Cát 1	Thửa đất số 260, 246, tờ bản đồ số 198	Thửa đất số 23 và 21, tờ bản đồ số 250	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 11 Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 260, 246, tờ bản đồ số 198 đến Thửa đất số 23 và 21, tờ bản đồ số 250 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430
6890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 11 Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 260, 246, tờ bản đồ số 198 đến Thửa đất số 23 và 21, tờ bản đồ số 250 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
6891		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 11 Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 260, 246, tờ bản đồ số 198 đến Thửa đất số 23 và 21, tờ bản đồ số 250 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 11 Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 260, 246, tờ bản đồ số 198 đến Thửa đất số 23 và 21, tờ bản đồ số 250 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 11 Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 260, 246, tờ bản đồ số 198 đến Thửa đất số 23 và 21, tờ bản đồ số 250 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6894		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 11 Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 260, 246, tờ bản đồ số 198 đến Thửa đất số 23 và 21, tờ bản đồ số 250 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6895	1230	Đường B1	Đường tỉnh 763	Thửa đất số 283 và 4, tờ bản đồ số 171	Phường Xuân Lộc	1.500	1.100	900
6896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B1 đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 283 và 4, tờ bản đồ số 171 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	730	510	440
6897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B1 đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 283 và 4, tờ bản đồ số 171 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	560	390	340
6898		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B1 đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 283 và 4, tờ bản đồ số 171 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
6899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B1 đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 283 và 4, tờ bản đồ số 171 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	660	460	400
6900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B1 đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 283 và 4, tờ bản đồ số 171 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
6901		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B1 đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 283 và 4, tờ bản đồ số 171 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
6902	1231	Đường Tổ 6 Thọ Bình	Đường tỉnh 763	Thửa đất số 241 và 176, tờ bản đồ số 168	Phường Xuân Lộc	1500	1100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 6 Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 241 và 176, tờ bản đồ số 168 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	730	510	440
6904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 6 Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 241 và 176, tờ bản đồ số 168 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	560	390	340
6905		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 6 Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 241 và 176, tờ bản đồ số 168 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	450	320	270
6906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 6 Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 241 và 176, tờ bản đồ số 168 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	660	460	400
6907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 6 Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 241 và 176, tờ bản đồ số 168 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	500	350	300
6908		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 6 Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 241 và 176, tờ bản đồ số 168 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	410	290	250
6909	1232	Đường ranh Suối Cát - Xuân Hiệp	Đường Song hành (Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12)	Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 289, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.400	980	840
6910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Suối Cát - Xuân Hiệp đoạn từ Đường Song hành (Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12) đến Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 289, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	710	500	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Suối Cát - Xuân Hiệp đoạn từ Đường Song hành (Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12) đến Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 289, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	590	410	350
6912		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Suối Cát - Xuân Hiệp đoạn từ Đường Song hành (Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12) đến Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 289, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	470	330	280
6913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Suối Cát - Xuân Hiệp đoạn từ Đường Song hành (Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12) đến Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 289, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	640	450	380
6914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Suối Cát - Xuân Hiệp đoạn từ Đường Song hành (Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12) đến Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 289, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	530	370	320
6915		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Suối Cát - Xuân Hiệp đoạn từ Đường Song hành (Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12) đến Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 289, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	420	290	250
6916	1233	Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa	Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc)	Hết ranh thửa đất số 20, tờ BĐĐC số 172 về bên phải và hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 172 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 20, tờ BĐĐC số 172 về bên phải và hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 172 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	620	430	370

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 20, tờ BĐĐC số 172 về bên phải và hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 172 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Xuân Lộc	550	390	330
6919		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 20, tờ BĐĐC số 172 về bên phải và hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 172 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Xuân Lộc	410	290	250
6920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 20, tờ BĐĐC số 172 về bên phải và hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 172 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Xuân Lộc	560	390	350
6921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 20, tờ BĐĐC số 172 về bên phải và hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 172 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Xuân Lộc	500	350	300
6922		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 20, tờ BĐĐC số 172 về bên phải và hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 172 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.		Phường Xuân Lộc	370	260	220
6923	1234	Đường Lê Duẩn (ngang)	Đường Ngô Gia Tự (song hành)	Đường Lê Duẩn	Phường Xuân Lộc	3.300	2.300	2.000
6924	1235	Đường số 6 (nhánh 2)	Đường số 6 (tờ 17 thửa 314 và thửa 13)	Đường số 6 (tờ 5 thửa 131)	Phường Xuân Lộc	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 (nhánh 2) đoạn từ Đường số 6 (tờ 17 thửa 314 và thửa 13) đến Đường số 6 (tờ 5 thửa 131) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	1.100	770	660
6926		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 (nhánh 2) đoạn từ Đường số 6 (tờ 17 thửa 314 và thửa 13) đến Đường số 6 (tờ 5 thửa 131) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	1.000	700	600
6927		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 (nhánh 2) đoạn từ Đường số 6 (tờ 17 thửa 314 và thửa 13) đến Đường số 6 (tờ 5 thửa 131) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	880	620	530
6928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 (nhánh 2) đoạn từ Đường số 6 (tờ 17 thửa 314 và thửa 13) đến Đường số 6 (tờ 5 thửa 131) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	990	690	590
6929		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 (nhánh 2) đoạn từ Đường số 6 (tờ 17 thửa 314 và thửa 13) đến Đường số 6 (tờ 5 thửa 131) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	900	630	540
6930		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 (nhánh 2) đoạn từ Đường số 6 (tờ 17 thửa 314 và thửa 13) đến Đường số 6 (tờ 5 thửa 131) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Xuân Lộc	790	550	470
6931	1	Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa	Đường hồ Núi Le	Hết ranh xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa	1.900	1.300	1.100
6932	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	900	630	540
6933	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	650	460	390

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6934	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	520	360	310
6935	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	810	570	490
6936	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	590	410	350
6937	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	470	330	280
6938	8	Quốc lộ 1	Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa	Hết Trường Mầm non ấp 6	Xã Xuân Hòa	4.100	2.900	2.500
6939	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa đến Hết Trường Mầm non ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.800	1.300	1.100
6940	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa đến Hết Trường Mầm non ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	950	670	570
6941	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa đến Hết Trường Mầm non ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	730	510	440
6942	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa đến Hết Trường Mầm non ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6943	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa đến Hết Trường Mầm non ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	860	600	520
6944	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa đến Hết Trường Mầm non ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	660	460	400
6945	15	Quốc lộ 1	Giáp Trường Mầm non ấp 6	Hết chùa Quảng Long	Xã Xuân Hòa	3.500	2.500	2.100
6946	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.600	1.100	960
6947	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	950	670	570
6948	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	730	510	440
6949	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.400	980	840
6950	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	860	600	520
6951	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	660	460	400
6952	22	Quốc lộ 1	Hết chùa Quảng Long	Đường Cầu Trắng	Xã Xuân Hòa	4.400	3.100	2.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6953	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chùa Quảng Long đến Đường Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.800	1.300	1.100
6954	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chùa Quảng Long đến Đường Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	950	670	570
6955	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chùa Quảng Long đến Đường Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	730	510	440
6956	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chùa Quảng Long đến Đường Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.600	1.100	960
6957	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chùa Quảng Long đến Đường Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	860	600	520
6958	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chùa Quảng Long đến Đường Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	660	460	400
6959	29	Quốc lộ 1	Cầu Trắng	Đường Tà Lú + 800m	Xã Xuân Hòa	3.900	2.700	2.300
6960	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Trắng đến Đường Tà Lú + 800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.600	1.100	960
6961	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Trắng đến Đường Tà Lú + 800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	950	670	570
6962	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Trắng đến Đường Tà Lú + 800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	730	510	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6963	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Trắng đến Đường Tà Lú + 800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.400	980	840
6964	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Trắng đến Đường Tà Lú + 800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	860	600	520
6965	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Trắng đến Đường Tà Lú + 800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	660	460	400
6966	36	Quốc lộ 1	Đường Tà Lú + 800m	Hết giáo xứ Long Thuận	Xã Xuân Hòa	4.200	2.900	2.500
6967	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Tà Lú + 800m đến Hết giáo xứ Long Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.600	1.100	960
6968	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Tà Lú + 800m đến Hết giáo xứ Long Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	950	670	570
6969	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Tà Lú + 800m đến Hết giáo xứ Long Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	730	510	440
6970	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Tà Lú + 800m đến Hết giáo xứ Long Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.400	980	840
6971	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Tà Lú + 800m đến Hết giáo xứ Long Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	860	600	520
6972	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Tà Lú + 800m đến Hết giáo xứ Long Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	660	460	400
6973	43	Quốc lộ 1	Hết giáo xứ Long Thuận	Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng	Xã Xuân Hòa	3.900	2.700	2.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6974	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Long Thuận đến Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.600	1.100	960
6975	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Long Thuận đến Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	950	670	570
6976	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Long Thuận đến Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	730	510	440
6977	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Long Thuận đến Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.400	980	840
6978	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Long Thuận đến Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	860	600	520
6979	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Long Thuận đến Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	660	460	400
6980	50	Quốc lộ 1	Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng	Ranh giới tỉnh Lâm Đồng	Xã Xuân Hòa	3.200	2.200	1.900
6981	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.500	1.100	900
6982	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	950	670	570
6983	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	730	510	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6984	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.400	980	840
6985	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	860	600	520
6986	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	660	460	400
6987	57	Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo	Quốc lộ 1	Quốc lộ 1 + 100m	Xã Xuân Hòa	2.300	1.600	1.400
6988	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.200	840	720
6989	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	800	560	480
6990	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	580	410	350
6991	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.100	770	660
6992	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	720	500	430
6993	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	520	360	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
6994	64	Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo	Quốc lộ 1 + 100m	Quốc lộ 1 + 400m	Xã Xuân Hòa	2.000	1.400	1.200
6995	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 100m đến Quốc lộ 1 + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.000	700	600
6996	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 100m đến Quốc lộ 1 + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	800	560	480
6997	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 100m đến Quốc lộ 1 + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	580	410	350
6998	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 100m đến Quốc lộ 1 + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	900	630	540
6999	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 100m đến Quốc lộ 1 + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	720	500	430
7000	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 100m đến Quốc lộ 1 + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	520	360	310
7001	71	Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo	Quốc lộ 1 + 400m	Qua nhà máy cồn 200m	Xã Xuân Hòa	1.800	1.300	1.100
7002	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 400m đến Qua nhà máy cồn 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	880	620	530
7003	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 400m đến Qua nhà máy cồn 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	730	510	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7004	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 400m đến Qua nhà máy cồn 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	580	410	350
7005	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 400m đến Qua nhà máy cồn 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	790	550	470
7006	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 400m đến Qua nhà máy cồn 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	660	460	400
7007	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 400m đến Qua nhà máy cồn 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	520	360	310
7008	78	Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo	Qua nhà máy cồn 200m	Ranh giới xã Xuân Thành	Xã Xuân Hòa	1.900	1.300	1.100
7009	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Qua nhà máy cồn 200m đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	950	670	570
7010	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Qua nhà máy cồn 200m đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	730	510	440
7011	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Qua nhà máy cồn 200m đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	580	410	350
7012	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Qua nhà máy cồn 200m đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	860	600	520

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7013	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Qua nhà máy cồn 200m đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	660	460	400
7014	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Qua nhà máy cồn 200m đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	520	360	310
7015	85	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Quốc lộ 1	Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà)	Xã Xuân Hòa	2.300	1.600	1.400
7016	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.200	840	720
7017	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	800	560	480
7018	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	580	410	350
7019	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.100	770	660
7020	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	720	500	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7021	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	520	360	310
7022	92	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà)	Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng)	Xã Xuân Hòa	2.000	1.400	1.200
7023	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) đến Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.000	700	600
7024	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) đến Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	800	560	480
7025	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) đến Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	580	410	350
7026	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) đến Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	900	630	540
7027	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) đến Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	720	500	430
7028	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) đến Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	520	360	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7029	99	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng)	Ranh giới xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa	1.800	1.300	1.100
7030	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) đến Ranh giới xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	880	620	530
7031	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) đến Ranh giới xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	730	510	440
7032	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) đến Ranh giới xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	580	410	350
7033	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) đến Ranh giới xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	790	550	470
7034	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) đến Ranh giới xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	660	460	400
7035	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) đến Ranh giới xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	520	360	310
7036	106	Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ	Quốc lộ 1	Quốc lộ 1 +300m	Xã Xuân Hòa	2.000	1.400	1.200
7037	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 +300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	1.000	700	600
7038	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 +300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	800	560	480

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7039	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 +300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	580	410	350
7040	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 +300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	900	630	540
7041	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 +300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	720	500	430
7042	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 +300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	520	360	310
7043	113	Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ	Quốc lộ 1 +300m	Suối Sông Ui	Xã Xuân Hòa	1.800	1.300	1.100
7044	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 +300m đến Suối Sông Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	880	620	530
7045	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 +300m đến Suối Sông Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	730	510	440
7046	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 +300m đến Suối Sông Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	580	410	350
7047	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 +300m đến Suối Sông Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	790	550	470
7048	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 +300m đến Suối Sông Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	660	460	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7049	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 +300m đến Suối Sông Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	520	360	310
7050	120	Đường Tà Lú	Quốc lộ 1	Quốc lộ 1+300m	Xã Xuân Hòa	1.600	1.100	960
7051	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	810	570	490
7052	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	680	480	410
7053	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	540	380	320
7054	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	730	510	440
7055	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	610	430	370
7056	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	490	340	290
7057	127	Đường Tà Lú	Quốc lộ 1+300m	Trường bắn Quốc gia KV3	Xã Xuân Hòa	1.300	910	780
7058	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1+300m đến Trường bắn Quốc gia KV3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	670	470	400
7059	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1+300m đến Trường bắn Quốc gia KV3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	600	420	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7060	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1+300m đến Trường bắn Quốc gia KV3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	450	320	270
7061	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1+300m đến Trường bắn Quốc gia KV3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	600	420	360
7062	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1+300m đến Trường bắn Quốc gia KV3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	540	380	320
7063	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1+300m đến Trường bắn Quốc gia KV3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	410	290	250
7064	134	Đường Sóc Ba Buông	Quốc lộ 1	Đường Xuân Hòa 5	Xã Xuân Hòa	1.700	1.200	1.000
7065	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hòa 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	860	600	520
7066	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hòa 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	660	460	400
7067	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hòa 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	530	370	320
7068	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hòa 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	770	540	460
7069	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hòa 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	590	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7070	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hòa 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	480	340	290
7071	141	Đường Sóc Ba Buông	Đường Xuân Hòa 5	Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa	1.200	840	720
7072	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Đường Xuân Hòa 5 đến Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	600	420	360
7073	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Đường Xuân Hòa 5 đến Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	520	360	310
7074	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Đường Xuân Hòa 5 đến Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	450	320	270
7075	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Đường Xuân Hòa 5 đến Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	540	380	330
7076	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Đường Xuân Hòa 5 đến Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	470	330	280
7077	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Đường Xuân Hòa 5 đến Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	410	290	250
7078	148	Đường Xuân Hòa 2	Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ	Ranh giới tỉnh Lâm Đồng	Xã Xuân Hòa	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7079	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 2 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	590	410	350
7080	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 2 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	530	370	320
7081	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 2 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	400	280	240
7082	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 2 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	530	370	330
7083	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 2 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	480	340	290
7084	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 2 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	360	250	220
7085	155	Đường Xuân Hòa 5	Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m	Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 291; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 668, tờ BĐĐC số 291, xã Xuân Hòa)	Xã Xuân Hòa	1.200	840	720
7086	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 5 đoạn từ Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 291; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 668, tờ BĐĐC số 291, xã Xuân Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	590	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7087	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 5 đoạn từ Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 291; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 668, tờ BĐĐC số 291, xã Xuân Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	530	370	320
7088	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 5 đoạn từ Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 291; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 668, tờ BĐĐC số 291, xã Xuân Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	400	280	240
7089	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 5 đoạn từ Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 291; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 668, tờ BĐĐC số 291, xã Xuân Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	530	370	330
7090	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 5 đoạn từ Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 291; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 668, tờ BĐĐC số 291, xã Xuân Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	480	340	290
7091	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 5 đoạn từ Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 291; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 668, tờ BĐĐC số 291, xã Xuân Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	360	250	220
7092	162	Đường Xuân Hòa 3	Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa)	Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa	1.200	840	720
7093	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 3 đoạn từ Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa) đến Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	590	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7094	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 3 đoạn từ Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa) đến Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	530	370	320
7095	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 3 đoạn từ Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa) đến Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	400	280	240
7096	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 3 đoạn từ Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa) đến Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	530	370	330
7097	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 3 đoạn từ Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa) đến Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	480	340	290
7098	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 3 đoạn từ Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa) đến Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	360	250	220
7099	1	Đường tỉnh 766	Giáp ranh xã Xuân Lộc	Cây xăng số 9	Xã Xuân Thành	2.500	1.800	1.500
7100	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Lộc đến Cây xăng số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	1.300	910	780
7101	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Lộc đến Cây xăng số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	840	590	500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7102	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Lộc đến Cây xăng số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	630	440	380
7103	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Lộc đến Cây xăng số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	1.200	840	720
7104	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Lộc đến Cây xăng số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	760	530	460
7105	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Lộc đến Cây xăng số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	570	400	340
7106	8	Đường tỉnh 766	Cây xăng số 9	Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu	Xã Xuân Thành	2.200	1.500	1.300
7107	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Cây xăng số 9 đến Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	1.100	770	660
7108	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Cây xăng số 9 đến Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	840	590	500
7109	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Cây xăng số 9 đến Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	630	440	380
7110	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Cây xăng số 9 đến Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	990	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7111	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Cây xăng số 9 đến Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	760	530	460
7112	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Cây xăng số 9 đến Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	570	400	340
7113	15	Đường tỉnh 766	Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu	Ranh giới tỉnh Lâm Đồng	Xã Xuân Thành	2.800	2.000	1.700
7114	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	1.400	980	840
7115	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	840	590	500
7116	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	630	440	380
7117	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	1.300	910	780
7118	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	760	530	460
7119	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	570	400	340

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7120	22	Đường lô 13	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành	Xã Xuân Thành	1.200	840	720
7121	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	590	410	350
7122	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	530	370	320
7123	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	400	280	240
7124	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	530	370	330
7125	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	480	340	290
7126	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	360	250	220
7127	29	Đường Xuân Thành đi Trảng Táo	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành)	Xã Xuân Thành	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7128	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Xuân Thành	620	430	370
7129	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Xuân Thành	550	390	330
7130	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Xuân Thành	410	290	250
7131	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Xuân Thành	560	390	350
7132	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Xuân Thành	500	350	300
7133	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Xuân Thành	370	260	220
7134	36	Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc)	Xã Xuân Thành	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7135	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Xuân Thành	620	430	370
7136	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Xuân Thành	550	390	330
7137	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Xuân Thành	410	290	250
7138	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Xuân Thành	560	390	350
7139	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Xuân Thành	500	350	300
7140	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Xuân Thành	370	260	220
7141	43	Đường 8/3	Đường tỉnh 766	Bên phải đến hết ranh thửa đất số 525, tờ BĐĐC số 37, Bên trái đến hết ran thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 (xã Xuân Thành)	Xã Xuân Thành	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7142	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 8/3 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 525, tờ BĐĐC số 37, Bên trái đến hết ran thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	590	410	350
7143	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 8/3 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 525, tờ BĐĐC số 37, Bên trái đến hết ran thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	530	370	320
7144	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 8/3 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 525, tờ BĐĐC số 37, Bên trái đến hết ran thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	400	280	240
7145	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 8/3 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 525, tờ BĐĐC số 37, Bên trái đến hết ran thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	530	370	330
7146	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 8/3 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 525, tờ BĐĐC số 37, Bên trái đến hết ran thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	480	340	290
7147	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 8/3 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 525, tờ BĐĐC số 37, Bên trái đến hết ran thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	360	250	220
7148	50	Đường tổ 6-7	Đường tỉnh 766	Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành)	Xã Xuân Thành	1.200	840	720
7149	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6-7 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	590	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7150	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6-7 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	530	370	320
7151	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6-7 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	400	280	240
7152	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6-7 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	530	370	330
7153	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6-7 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	480	340	290
7154	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6-7 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	360	250	220
7155	57	Đường 30/4	Đường tỉnh 766	Ngã ba (thửa đất số 1182, tờ BĐĐC số 19, xã Xuân Thành)	Xã Xuân Thành	1.200	840	720
7156	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30/4 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1182, tờ BĐĐC số 19, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	590	410	350
7157	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30/4 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1182, tờ BĐĐC số 19, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	530	370	320
7158	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30/4 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1182, tờ BĐĐC số 19, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	400	280	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7159	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30/4 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1182, tờ BĐĐC số 19, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	530	370	330
7160	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30/4 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1182, tờ BĐĐC số 19, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	480	340	290
7161	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30/4 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1182, tờ BĐĐC số 19, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	360	250	220
7162	64	Đường 19/5	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành	Xã Xuân Thành	1.200	840	720
7163	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19/5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	590	410	350
7164	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19/5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	530	370	320
7165	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19/5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	400	280	240
7166	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19/5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	530	370	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7167	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19/5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	480	340	290
7168	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19/5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	360	250	220
7169	71	Đường 3/2	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành	Xã Xuân Thành	1.200	840	720
7170	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	590	410	350
7171	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	530	370	320
7172	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	400	280	240
7173	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	530	370	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7174	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	480	340	290
7175	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	360	250	220
7176	78	Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành)	Đường tỉnh 766	Giáp nhà thờ Tân Hữu	Xã Xuân Thành	1.700	1.200	1.000
7177	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp nhà thờ Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	790	550	470
7178	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp nhà thờ Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	660	460	400
7179	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp nhà thờ Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	530	370	320
7180	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp nhà thờ Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	710	500	430
7181	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp nhà thờ Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	590	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7182	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp nhà thờ Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	480	340	290
7183	85	Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành)	Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu	Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành	Xã Xuân Thành	1.200	840	720
7184	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	600	440	350
7185	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	520	360	310
7186	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	450	320	270
7187	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	540	380	330
7188	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	470	330	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7189	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	410	290	250
7190	92	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Đường tỉnh 766	Ngã ba Ông Sáng Chùa	Xã Xuân Thành	1.700	1.200	1.000
7191	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba Ông Sáng Chùa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	860	600	520
7192	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba Ông Sáng Chùa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	660	460	400
7193	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba Ông Sáng Chùa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	530	370	320
7194	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba Ông Sáng Chùa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	770	540	460
7195	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba Ông Sáng Chùa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	590	410	350
7196	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba Ông Sáng Chùa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	480	340	290
7197	99	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Ngã ba Ông Sáng Chùa	Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su	Xã Xuân Thành	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7198	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Ngã ba Ông Sáng Chùa đến Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	600	440	380
7199	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Ngã ba Ông Sáng Chùa đến Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	520	360	310
7200	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Ngã ba Ông Sáng Chùa đến Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	450	320	270
7201	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Ngã ba Ông Sáng Chùa đến Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	540	390	350
7202	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Ngã ba Ông Sáng Chùa đến Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	470	330	290
7203	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Ngã ba Ông Sáng Chùa đến Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	410	290	250
7204	106	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m	Qua ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m	Xã Xuân Thành	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7205	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m đến Qua ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Xuân Thành	860	600	520
7206	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m đến Qua ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Xuân Thành	660	460	400
7207	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m đến Qua ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Xuân Thành	530	370	320
7208	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m đến Qua ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Xuân Thành	770	540	460
7209	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m đến Qua ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Xuân Thành	590	410	350
7210	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m đến Qua ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Xuân Thành	480	340	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7211	113	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m			Xã Xuân Thành	1.200	840	720
7212	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	600	440	380
7213	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	520	360	310
7214	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	450	320	270
7215	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	540	390	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7216	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	470	330	290
7217	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã ba giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	410	290	250
7218	120	Đường Chà Rang - Xuân Thọ	Đường Xuân Trường - Suối Cao	Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 112 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 130 về bên trái, xã Xuân Thành	Xã Xuân Thành	1.200	840	720
7219	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chà Rang - Xuân Thọ đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 112 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 130 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	590	410	350
7220	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chà Rang - Xuân Thọ đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 112 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 130 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	530	370	320
7221	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chà Rang - Xuân Thọ đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 112 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 130 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	400	280	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7222	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chà Rang - Xuân Thọ đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 112 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 130 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	530	370	330
7223	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chà Rang - Xuân Thọ đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 112 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 130 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	480	340	290
7224	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chà Rang - Xuân Thọ đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 112 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 130 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	360	250	220
7225	127	Đường Xuân Trường - Suối Cao	Ngã ba đường vào trại giam Xuân Lộc	Giáp ranh xã Xuân Lộc	Xã Xuân Thành	1.800	1.300	1.100
7226	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Ngã ba đường vào trại giam Xuân Lộc đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	910	640	550
7227	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Ngã ba đường vào trại giam Xuân Lộc đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	700	490	420
7228	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Ngã ba đường vào trại giam Xuân Lộc đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	560	390	340
7229	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Ngã ba đường vào trại giam Xuân Lộc đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	820	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7230	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Ngã ba đường vào trại giam Xuân Lộc đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	630	440	380
7231	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Ngã ba đường vào trại giam Xuân Lộc đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	500	350	300
7232	134	Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su	Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m	Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m	Xã Xuân Thành	1.700	1.200	1.000
7233	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	860	600	520
7234	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	660	460	400
7235	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	530	370	320
7236	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	770	540	460
7237	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	590	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7238	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	480	340	290
7239	141	Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ giáp đường Xuân Trường - Suối Cao đến cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m và đoạn từ Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m			Xã Xuân Thành	1.200	840	720
7240	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ giáp đường Xuân Trường - Suối Cao đến cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m và đoạn từ Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	600	420	340
7241	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ giáp đường Xuân Trường - Suối Cao đến cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m và đoạn từ Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	520	360	310
7242	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ giáp đường Xuân Trường - Suối Cao đến cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m và đoạn từ Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	450	320	270
7243	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ giáp đường Xuân Trường - Suối Cao đến cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m và đoạn từ Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	540	380	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7244	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ giáp đường Xuân Trường - Suối Cao đến cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m và đoạn từ Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Xuân Thành	470	330	280
7245	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ giáp đường Xuân Trường - Suối Cao đến cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m và đoạn từ Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	410	290	250
7246	148	Đường Láng Tre - Xuân Thành	Đường Xuân Trường - Suối Cao	Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su	Xã Xuân Thành	1.200	840	720
7247	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Láng Tre - Xuân Thành đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	590	410	350
7248	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Láng Tre - Xuân Thành đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	530	370	320
7249	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Láng Tre - Xuân Thành đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	400	280	240
7250	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Láng Tre - Xuân Thành đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	530	370	330
7251	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Láng Tre - Xuân Thành đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	480	340	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7252	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Láng Tre - Xuân Thành đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	360	250	220
7253	155	Đường Gia Tỵ - Suối Cao	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Đường Xuân Trường - Suối Cao	Xã Xuân Thành	1.700	1.200	1.000
7254	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Suối Cao đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Đường Xuân Trường - Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	860	600	520
7255	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Suối Cao đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Đường Xuân Trường - Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	660	460	400
7256	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Suối Cao đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Đường Xuân Trường - Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	530	370	320
7257	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Suối Cao đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Đường Xuân Trường - Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	770	540	460
7258	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Suối Cao đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Đường Xuân Trường - Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	590	410	350
7259	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Suối Cao đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Đường Xuân Trường - Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	480	340	290
7260	162	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Cầu gió bay	Hết ranh xã Xuân Thành	Xã Xuân Thành	2.000	1.400	1.200
7261	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Cầu gió bay đến Hết ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	1.000	700	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7262	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Cầu gió bay đến Hết ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	800	560	480
7263	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Cầu gió bay đến Hết ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	580	410	350
7264	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Cầu gió bay đến Hết ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	900	630	540
7265	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Cầu gió bay đến Hết ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	720	500	430
7266	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Cầu gió bay đến Hết ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	520	360	310
7267		Đường Gia Tỵ - Cao su	Đường Xuân Trường – Suối Cao	Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m.	Xã Xuân Thành	1.200	840	720
7268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Đường Xuân Trường – Suối Cao đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	600	440	380
7269		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Đường Xuân Trường – Suối Cao đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	520	360	310
7270		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Đường Xuân Trường – Suối Cao đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Đường Xuân Trường – Suối Cao đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	540	390	350
7272		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Đường Xuân Trường – Suối Cao đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	470	330	290
7273		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Đường Xuân Trường – Suối Cao đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Thành	410	290	250
7274		Đường Xuân Trường – Suối Cao	Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m	Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m	Xã Xuân Thành	2.000	1.400	1.200
7275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	1.000	700	600
7276		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	800	560	480
7277		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	580	410	350
7278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	900	630	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7279		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	720	500	430
7280		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Thành	520	360	310
7281		Đường Xuân Trường – Suối Cao	Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m	Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388	Xã Xuân Thành	1.200	840	720
7282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	600	440	380
7283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	520	360	310
7284		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	450	320	270
7285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	540	390	350
7286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	470	330	290
7287		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Thành	410	290	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7288		Đường Xuân Trường – Suối Cao	Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388	Đường Xuân Thành – Suối Cao – Xuân Bắc.	Xã Xuân Thành	1.700	1.200	1.000
7289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 đến Đường Xuân Thành – Suối Cao – Xuân Bắc. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	860	600	520
7290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 đến Đường Xuân Thành – Suối Cao – Xuân Bắc. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	660	460	400
7291		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 đến Đường Xuân Thành – Suối Cao – Xuân Bắc. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	530	370	320
7292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 đến Đường Xuân Thành – Suối Cao – Xuân Bắc. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	770	540	460
7293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 đến Đường Xuân Thành – Suối Cao – Xuân Bắc. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	590	410	350
7294		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 đến Đường Xuân Thành – Suối Cao – Xuân Bắc. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Thành	480	340	290
7295	1	Đường tỉnh 763	Giáp ranh xã Thống Nhất	Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	Xã Xuân Bắc	1.600	1.100	960
7296	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	680	480	410

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7297	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	410	290	250
7298	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	270	190	160
7299	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	610	430	370
7300	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	370	260	220
7301	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	240	170	140
7302	8	Đường tỉnh 763	Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	Hết giáo xứ Suối Nho	Xã Xuân Bắc	2.300	1.600	1.400
7303	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Hết giáo xứ Suối Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	950	670	570
7304	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Hết giáo xứ Suối Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	550	390	330
7305	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Hết giáo xứ Suối Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	410	290	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7306	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Hết giáo xứ Suối Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	860	600	520
7307	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Hết giáo xứ Suối Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	500	350	300
7308	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Hết giáo xứ Suối Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	370	260	220
7309	15	Đường tỉnh 763	Hết giáo xứ Suối Nho	Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc	Xã Xuân Bắc	3.300	2.300	2.000
7310	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết giáo xứ Suối Nho đến Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	1.200	840	720
7311	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết giáo xứ Suối Nho đến Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	820	570	490
7312	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết giáo xứ Suối Nho đến Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	680	480	410
7313	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết giáo xứ Suối Nho đến Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	1.100	770	660
7314	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết giáo xứ Suối Nho đến Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	740	520	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7315	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết giáo xứ Suối Nho đến Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	610	430	370
7316	22	Đường tỉnh 763	Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc	Giáp ranh phường Xuân Lộc	Xã Xuân Bắc	2.800	2.000	1.700
7317	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	1.100	770	660
7318	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	820	570	490
7319	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	630	440	380
7320	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	990	690	590
7321	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	740	520	440
7322	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	570	400	340
7323	29	Đường Xuân Bắc - Long Khánh	Đường tỉnh 763	Giáp ranh phường Bảo Vinh	Xã Xuân Bắc	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7324	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	670	470	400
7325	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7326	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	450	320	270
7327	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7328	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	540	380	320
7329	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	410	290	250
7330	36	Đường Xuân Bắc - Bảo Quang	Đường tỉnh 763	Đường Xuân Bắc - Long Khánh	Xã Xuân Bắc	1.300	910	780
7331	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	670	470	400
7332	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7333	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	450	320	270
7334	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7335	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	540	380	320
7336	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	410	290	250
7337	43	Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc	Đường tỉnh 763	Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65	Xã Xuân Bắc	1.300	910	780
7338	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	750	530	450
7339	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	520	360	310
7340	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	370	260	220
7341	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	680	480	410

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7342	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	470	330	280
7343	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	330	230	200
7344	50	Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc	Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65	Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc	Xã Xuân Bắc	1.200	840	720
7345	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	670	470	400
7346	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	450	320	280
7347	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	300	220	200
7348	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7349	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	420	300	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7350	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	280	200	180
7351	57	Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc	Đường tỉnh 763	Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65	Xã Xuân Bắc	1.300	910	780
7352	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	750	530	450
7353	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	520	360	310
7354	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	370	260	220
7355	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	680	480	410
7356	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	470	330	280
7357	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	330	230	200
7358	64	Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc	Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65	Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc	Xã Xuân Bắc	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7359	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	670	470	400
7360	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	450	320	280
7361	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	300	220	200
7362	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7363	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	420	300	260
7364	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	280	200	180
7365	71	Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc	Đường tỉnh 763	Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc)	Xã Xuân Bắc	1.300	910	780
7366	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	750	530	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7367	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	520	360	310
7368	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	370	260	220
7369	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	680	480	410
7370	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	470	330	280
7371	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	330	230	200
7372	78	Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc	Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc)	Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc	Xã Xuân Bắc	1.200	840	720
7373	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) đến Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	670	470	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7374	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) đến Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	450	320	280
7375	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) đến Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	300	220	200
7376	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) đến Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7377	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) đến Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	420	300	260
7378	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) đến Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	280	200	180
7379	92	Đường vào ấp Thọ Vực	Đường đi vào Nông trường Thọ Vực	Hết tờ BĐĐC số 84 thửa đất số 142	Xã Xuân Bắc	1.200	840	720
7380	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp Thọ Vực đoạn từ Đường đi vào Nông trường Thọ Vực đến Hết tờ BĐĐC số 84 thửa đất số 142 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	590	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7381	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp Thọ Vực đoạn từ Đường đi vào Nông trường Thọ Vực đến Hết tờ BĐĐC số 84 thửa đất số 142 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	530	370	320
7382	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp Thọ Vực đoạn từ Đường đi vào Nông trường Thọ Vực đến Hết tờ BĐĐC số 84 thửa đất số 142 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	400	280	240
7383	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp Thọ Vực đoạn từ Đường đi vào Nông trường Thọ Vực đến Hết tờ BĐĐC số 84 thửa đất số 142 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	530	370	330
7384	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp Thọ Vực đoạn từ Đường đi vào Nông trường Thọ Vực đến Hết tờ BĐĐC số 84 thửa đất số 142 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	480	340	290
7385	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp Thọ Vực đoạn từ Đường đi vào Nông trường Thọ Vực đến Hết tờ BĐĐC số 84 thửa đất số 142 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	360	250	220
7386	99	Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang	Đường Xuân Bắc - Bảo Quang	Giáp ranh phường Bảo Vinh	Xã Xuân Bắc	1.300	910	780
7387	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	670	470	400
7388	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7389	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	450	320	270
7390	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7391	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	540	380	320
7392	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	410	290	250
7393	106	Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang	Đường Xuân Bắc - Bảo Quang	Giáp ranh phường Bảo Vinh	Xã Xuân Bắc	1.300	910	780
7394	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	670	470	400
7395	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7396	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7397	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7398	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	540	380	320
7399	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	410	290	250
7400	113	Đường cầu Đội 1 ấp Xuân Nam	Đường tỉnh 763	Suối Gia Ray	Xã Xuân Bắc	1.300	910	780
7401	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Đội 1 ấp Xuân Nam đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	670	470	400
7402	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Đội 1 ấp Xuân Nam đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7403	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Đội 1 ấp Xuân Nam đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	450	320	270
7404	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Đội 1 ấp Xuân Nam đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7405	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Đội 1 ấp Xuân Nam đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	540	380	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7406	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Đội 1 ấp Xuân Nam đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	410	290	250
7407	120	Đường vào đồi đất đỏ	Đường tỉnh 763	Suối Gia Ray	Xã Xuân Bắc	1.300	910	780
7408	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đồi đất đỏ đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	670	470	400
7409	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đồi đất đỏ đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7410	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đồi đất đỏ đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	450	320	270
7411	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đồi đất đỏ đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7412	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đồi đất đỏ đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	540	380	320
7413	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đồi đất đỏ đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	410	290	250
7414	127	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Đường tỉnh 763	Cầu Suối Tre	Xã Xuân Bắc	1.600	1.100	960
7415	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Cầu Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	790	550	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7416	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Cầu Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	660	460	400
7417	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Cầu Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	530	370	320
7418	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Cầu Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	710	500	430
7419	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Cầu Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	590	410	350
7420	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Cầu Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	480	340	290
7421	134	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Cầu Suối Tre	Cầu số 2	Xã Xuân Bắc	1.300	910	780
7422	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu Suối Tre đến Cầu số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	670	470	400
7423	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu Suối Tre đến Cầu số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7424	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu Suối Tre đến Cầu số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7425	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu Suối Tre đến Cầu số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7426	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu Suối Tre đến Cầu số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	540	380	320
7427	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu Suối Tre đến Cầu số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	410	290	250
7428	141	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Cầu số 2	Giáp ranh xã Suối Cao cũ	Xã Xuân Bắc	1.200	840	720
7429	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu số 2 đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	600	430	370
7430	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu số 2 đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	520	360	310
7431	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu số 2 đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	450	320	270
7432	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu số 2 đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	560	390	350
7433	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu số 2 đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	480	340	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7434	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu số 2 đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	410	290	250
7435	148	Đường SaBi	Đường tỉnh 763	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Xã Xuân Bắc	1.300	910	780
7436	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường SaBi đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	670	470	400
7437	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường SaBi đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7438	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường SaBi đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	450	320	270
7439	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường SaBi đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7440	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường SaBi đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	540	380	320
7441	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường SaBi đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	410	290	250
7442	155	Đường vào Thác Trời	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Hết ranh thửa 154 tờ 08 bên trái,thửa 301 tờ 8 bên phải	Xã Xuân Bắc	1.700	1.200	1.000
7443	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Thác Trời đoạn từ Đường Xuân Thành -Suối Cao - Xuân Bắc đến Hết ranh thửa 154 tờ 08 bên trái,thửa 301 tờ 8 bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	860	600	520

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7444	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Thác Trời đoạn từ Đường Xuân Thành -Suối Cao - Xuân Bắc đến Hết ranh thửa 154 tờ 08 bên trái,thửa 301 tờ 8 bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	660	460	400
7445	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Thác Trời đoạn từ Đường Xuân Thành -Suối Cao - Xuân Bắc đến Hết ranh thửa 154 tờ 08 bên trái,thửa 301 tờ 8 bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	530	370	320
7446	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Thác Trời đoạn từ Đường Xuân Thành -Suối Cao - Xuân Bắc đến Hết ranh thửa 154 tờ 08 bên trái,thửa 301 tờ 8 bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	770	540	460
7447	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Thác Trời đoạn từ Đường Xuân Thành -Suối Cao - Xuân Bắc đến Hết ranh thửa 154 tờ 08 bên trái,thửa 301 tờ 8 bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	590	410	350
7448	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Thác Trời đoạn từ Đường Xuân Thành -Suối Cao - Xuân Bắc đến Hết ranh thửa 154 tờ 08 bên trái,thửa 301 tờ 8 bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	480	340	290
7449	162	Đường 101	Giáp ranh xã La Ngà	Tu viện Thánh Gioan Granda	Xã Xuân Bắc	660	460	400
7450	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Giáp ranh xã La Ngà đến Tu viện Thánh Gioan Granda có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	400	280	240
7451	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Giáp ranh xã La Ngà đến Tu viện Thánh Gioan Granda có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	180	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7452	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Giáp ranh xã La Ngà đến Tu viện Thánh Gioan Granda có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	150	110	90
7453	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Giáp ranh xã La Ngà đến Tu viện Thánh Gioan Granda có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	360	250	220
7454	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Giáp ranh xã La Ngà đến Tu viện Thánh Gioan Granda có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	230	160	140
7455	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Giáp ranh xã La Ngà đến Tu viện Thánh Gioan Granda có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	135	90	80
7456	169	Đường 101	Tu viện Thánh Gioan Granda	Đường tỉnh 763	Xã Xuân Bắc	880	620	530
7457	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Tu viện Thánh Gioan Granda đến Đường tỉnh 763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	380	270	230
7458	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Tu viện Thánh Gioan Granda đến Đường tỉnh 763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	250	180	150
7459	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Tu viện Thánh Gioan Granda đến Đường tỉnh 763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	190	130	110
7460	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Tu viện Thánh Gioan Granda đến Đường tỉnh 763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	340	240	200
7461	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Tu viện Thánh Gioan Granda đến Đường tỉnh 763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	230	160	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7462	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Tu viện Thánh Gioan Granda đến Đường tỉnh 763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	170	120	100
7463	176	Đường NaGoa	Ngã ba đường 101	Đường vào Thác Trời	Xã Xuân Bắc	980	690	590
7464	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NaGoa đoạn từ Ngã ba đường 101 đến Đường vào Thác Trời có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	420	290	250
7465	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NaGoa đoạn từ Ngã ba đường 101 đến Đường vào Thác Trời có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	280	200	170
7466	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NaGoa đoạn từ Ngã ba đường 101 đến Đường vào Thác Trời có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	220	150	130
7467	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NaGoa đoạn từ Ngã ba đường 101 đến Đường vào Thác Trời có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	380	270	230
7468	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NaGoa đoạn từ Ngã ba đường 101 đến Đường vào Thác Trời có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	250	180	150
7469	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NaGoa đoạn từ Ngã ba đường 101 đến Đường vào Thác Trời có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	200	140	120
7470	183	Đường ấp Xuân Tân đi thọ vực	Đường tỉnh 763	Giáp Đường Xuân Bắc - Bảo Quang	Xã Xuân Bắc	1.300	910	780
7471	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Xuân Tân đi thọ vực đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp Đường Xuân Bắc - Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	670	470	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7472	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Xuân Tân đi thọ vực đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp Đường Xuân Bắc - Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7473	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Xuân Tân đi thọ vực đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp Đường Xuân Bắc - Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	450	320	270
7474	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Xuân Tân đi thọ vực đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp Đường Xuân Bắc - Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7475	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Xuân Tân đi thọ vực đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp Đường Xuân Bắc - Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	540	380	320
7476	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Xuân Tân đi thọ vực đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp Đường Xuân Bắc - Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	410	290	250
7477	190	Đường ấp Trung hòa, Gia Huynh	Đường tỉnh 763	Đường NaGoa tờ 148 thửa 24	Xã Xuân Bắc	1.300	910	780
7478	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Trung hòa, Gia Huynh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 148 thửa 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	670	470	400
7479	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Trung hòa, Gia Huynh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 148 thửa 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7480	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Trung hòa, Gia Huynh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 148 thửa 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7481	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Trung hòa, Gia Huynh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 148 thửa 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7482	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Trung hòa, Gia Huynh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 148 thửa 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	540	380	320
7483	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Trung hòa, Gia Huynh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 148 thửa 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	410	290	250
7484	197	Đường Xuân Bắc - Suối Cao	Đường tỉnh 763 (tờ 111 thửa 138, bên phải; tờ 11 thửa 126 bên trái)	Giáp ranh xã Suối Cao cũ (tờ 101 thửa 26, bên phải; tờ 101 thửa 185 bên trái)	Xã Xuân Bắc	1.300	910	780
7485	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 763 (tờ 111 thửa 138, bên phải; tờ 11 thửa 126 bên trái) đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ (tờ 101 thửa 26, bên phải; tờ 101 thửa 185 bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	670	470	400
7486	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Suối Cao Đoạn từ Đường tỉnh 763 (tờ 111 thửa 138, bên phải; tờ 11 thửa 126 bên trái) đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ (tờ 101 thửa 26, bên phải; tờ 101 thửa 185 bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7487	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 763 (tờ 111 thửa 138, bên phải; tờ 11 thửa 126 bên trái) đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ (tờ 101 thửa 26, bên phải; tờ 101 thửa 185 bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7488	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 763 (tờ 111 thửa 138, bên phải; tờ 11 thửa 126 bên trái) đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ (tờ 101 thửa 26, bên phải; tờ 101 thửa 185 bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7489	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 763 (tờ 111 thửa 138, bên phải; tờ 11 thửa 126 bên trái) đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ (tờ 101 thửa 26, bên phải; tờ 101 thửa 185 bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	540	380	320
7490	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 763 (tờ 111 thửa 138, bên phải; tờ 11 thửa 126 bên trái) đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ (tờ 101 thửa 26, bên phải; tờ 101 thửa 185 bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	410	290	250
7491	204	Đường Hồng Nga			Xã Xuân Bắc	1.300	910	780
7492	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Nga đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 149 thửa 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	670	470	400
7493	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Nga đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 149 thửa 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7494	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Nga đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 149 thửa 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7495	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Nga đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 149 thửa 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	600	420	360
7496	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Nga đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 149 thửa 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	540	380	320
7497	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Nga đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 149 thửa 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	410	290	250
7498	211	Đường Suối Nho - Xuân Thiện	Đường tỉnh 763	Giáp ranh xã Xuân Thiện cũ tờ 151 thửa 13	Xã Xuân Bắc	880	620	530
7499	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Nho - Xuân Thiện đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh xã Xuân Thiện cũ tờ 151 thửa 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	380	270	230
7500	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Nho - Xuân Thiện đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh xã Xuân Thiện cũ tờ 151 thửa 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	250	180	150
7501	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Nho - Xuân Thiện đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh xã Xuân Thiện cũ tờ 151 thửa 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	190	130	110
7502	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Nho - Xuân Thiện đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh xã Xuân Thiện cũ tờ 151 thửa 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	340	240	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7503	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Nho - Xuân Thiện đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh xã Xuân Thiện cũ tờ 151 thửa 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	230	160	140
7504	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Nho - Xuân Thiện đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh xã Xuân Thiện cũ tờ 151 thửa 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Bắc	170	120	100
7505	1	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Xuân Định	Đường Xuân Phú 16	Xã Xuân Phú	3.600	2.500	2.200
7506	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.700	1.200	1.000
7507	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	910	640	550
7508	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	700	490	420
7509	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.500	1.100	900
7510	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	820	570	490
7511	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	630	440	380
7512	8	Quốc lộ 1	Đường Xuân Phú 16	Đường Xuân Phú 16 + 494m	Xã Xuân Phú	3.900	2.700	2.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7513	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 đến Đường Xuân Phú 16 + 494m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.700	1.200	1.000
7514	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 đến Đường Xuân Phú 16 + 494m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	910	640	550
7515	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 đến Đường Xuân Phú 16 + 494m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	700	490	420
7516	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 đến Đường Xuân Phú 16 + 494m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.500	1.100	900
7517	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 đến Đường Xuân Phú 16 + 494m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	820	570	490
7518	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 đến Đường Xuân Phú 16 + 494m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	630	440	380
7519	15	Quốc lộ 1	Đường Xuân Phú 16 + 494m	Giáp ranh phường Xuân Lộc	Xã Xuân Phú	3.600	2.500	2.200
7520	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 + 494m đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.700	1.200	1.000
7521	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 + 494m đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	910	640	550
7522	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 + 494m đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	700	490	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7523	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 + 494m đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.500	1.100	900
7524	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 + 494m đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	820	570	490
7525	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 + 494m đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	630	440	380
7526	22	Đường Bình Hòa - Long Khánh	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.600	1.100	960
7527	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	790	550	470
7528	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	660	460	400
7529	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	530	370	320
7530	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	710	500	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7531	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	590	410	350
7532	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	480	340	290
7533	29	Đường Xuân Phú 16	Quốc lộ 1	Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú)	Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7534	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 16 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	670	470	400
7535	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 16 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	600	420	360
7536	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 16 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	450	320	270
7537	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 16 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	600	420	360
7538	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 16 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	540	380	320
7539	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 16 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	410	290	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7540	36	Đường Trường An	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 428, tờ BĐĐC số 60 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7541	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường An đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 428, tờ BĐĐC số 60 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	670	470	400
7542	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường An đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 428, tờ BĐĐC số 60 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	600	420	360
7543	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường An đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 428, tờ BĐĐC số 60 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	450	320	270
7544	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 428, tờ BĐĐC số 60 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	600	420	360
7545	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 428, tờ BĐĐC số 60 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	540	380	320
7546	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 428, tờ BĐĐC số 60 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	410	290	250
7547	43	Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú)	Quốc lộ 1	Cầu Bình Hòa	Xã Xuân Phú	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7548	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Bình Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	780	550	470
7549	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Bình Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	650	460	390
7550	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Bình Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	520	360	310
7551	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Bình Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	700	490	420
7552	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Bình Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	590	410	350
7553	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Bình Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	470	330	280
7554	50	Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú)	Cầu Bình Hòa	Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 4 về bên phải	Xã Xuân Phú	1.200	840	720
7555	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Cầu Bình Hòa đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 4 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	600	430	370
7556	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Cầu Bình Hòa đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 4 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	520	360	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7557	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Cầu Bình Hòa đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 4 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	450	320	270
7558	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Cầu Bình Hòa đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 4 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	560	400	350
7559	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Cầu Bình Hòa đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 4 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	470	330	280
7560	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Cầu Bình Hòa đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 4 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	410	290	250
7561	57	Đường nội ấp Bình Xuân 1	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.600	1.100	960
7562	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	790	550	470
7563	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	660	460	400
7564	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	530	370	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7565	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	710	500	430
7566	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	590	410	350
7567	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	480	340	290
7568	71	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	Quốc lộ 1	Hết nghĩa địa ấp Bình Tân	Xã Xuân Phú	2.000	1.400	1.200
7569	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết nghĩa địa ấp Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	980	690	590
7570	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết nghĩa địa ấp Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	770	540	460
7571	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết nghĩa địa ấp Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	560	390	340
7572	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết nghĩa địa ấp Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	880	620	530
7573	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết nghĩa địa ấp Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	690	480	410

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7574	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết nghĩa địa ấp Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	500	350	300
7575	78	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	Hết nghĩa địa ấp Bình Tân	Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.400	980	840
7576	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Hết nghĩa địa ấp Bình Tân đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	700	490	420
7577	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Hết nghĩa địa ấp Bình Tân đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	560	390	340
7578	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Hết nghĩa địa ấp Bình Tân đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	420	290	250
7579	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Hết nghĩa địa ấp Bình Tân đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	630	440	380
7580	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Hết nghĩa địa ấp Bình Tân đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	500	350	300
7581	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Hết nghĩa địa ấp Bình Tân đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	380	270	230
7582	85	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú	Ranh giới xã Xuân Đông	Xã Xuân Phú	1.700	1.200	1.000
7583	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	840	590	500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7584	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	700	490	420
7585	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	560	390	340
7586	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	760	530	460
7587	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	630	440	380
7588	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	500	350	300
7589	92	Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã	Quốc lộ 1	Quốc lộ 1 + 500m	Xã Xuân Phú	1.700	1.200	1.000
7590	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	860	600	520
7591	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	660	460	400
7592	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	530	370	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7593	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	770	540	460
7594	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	590	410	350
7595	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	480	340	290
7596	99	Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã	Quốc lộ 1 + 500m	Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú)	Xã Xuân Phú	1.200	840	720
7597	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 + 500m đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	600	430	370
7598	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 + 500m đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	520	360	310
7599	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 + 500m đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	450	320	270
7600	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 + 500m đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	570	400	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7601	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 + 500m đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	470	330	280
7602	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 + 500m đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	410	290	250
7603	106	Đường nội ấp Bình Xuân 2	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 152, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.600	1.100	960
7604	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 152, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	790	550	470
7605	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 152, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	660	460	400
7606	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 152, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	530	370	320
7607	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 152, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	710	500	430
7608	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 152, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	590	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7609	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 152, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	480	340	290
7610	113	Đường Xuân Phú 19	Quốc lộ 1	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú)	Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7611	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 19 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	670	470	400
7612	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 19 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	600	420	360
7613	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 19 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	450	320	270
7614	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 19 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	600	420	360
7615	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 19 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	540	380	320
7616	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 19 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	410	290	250
7617	120	Đường nội ấp Bình Tiến	Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú)	Bên phải đến hết ranh thửa đất số 419, tờ BĐĐC số 85; Bên trái đến hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 84 (xã Xuân Phú)	Xã Xuân Phú	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7618	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Tiến đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 419, tờ BĐĐC số 85; Bên trái đến hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 84 (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Xuân Phú	670	470	400
7619	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Tiến đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 419, tờ BĐĐC số 85; Bên trái đến hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 84 (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Xuân Phú	600	420	360
7620	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Tiến đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 419, tờ BĐĐC số 85; Bên trái đến hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 84 (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Xuân Phú	450	320	270
7621	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Tiến đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 419, tờ BĐĐC số 85; Bên trái đến hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 84 (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Xuân Phú	600	420	360
7622	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Tiến đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 419, tờ BĐĐC số 85; Bên trái đến hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 84 (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Xuân Phú	540	380	320
7623	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Tiến đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 419, tờ BĐĐC số 85; Bên trái đến hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 84 (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.		Xã Xuân Phú	410	290	250
7624	127	Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh	Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú)	Đường tỉnh 765	Xã Xuân Phú	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7625	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	670	470	400
7626	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	600	420	360
7627	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	450	320	270
7628	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	600	420	360
7629	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	540	380	320
7630	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	410	290	250
7631	134	Đường tỉnh 765	Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m	Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m	Xã Xuân Phú	3.300	2.300	2.000
7632	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m đến Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7633	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m đến Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	820	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7634	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m đến Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	630	440	380
7635	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m đến Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.200	840	720
7636	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m đến Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	740	520	440
7637	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m đến Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	570	400	340
7638	141	Đường tỉnh 765 đoạn từ cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn giáp ranh xã Xuân Đông đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m			Xã Xuân Phú	2.800	2.000	1.700
7639	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn giáp ranh xã Xuân Đông đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.100	770	660
7640	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn giáp ranh xã Xuân Đông đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	820	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7641	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn giáp ranh xã Xuân Đông đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	630	440	380
7642	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn giáp ranh xã Xuân Đông đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	990	690	590
7643	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn giáp ranh xã Xuân Đông đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	740	520	440
7644	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn giáp ranh xã Xuân Đông đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	570	400	340
7645	148	Đường Lang Minh - Suối Đá	Đường tỉnh 765	Đường Xuân Phú - Xuân Tây giáp ranh xã Xuân Đông	Xã Xuân Phú	1.700	1.200	1.000
7646	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Suối Đá đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	860	600	520
7647	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Suối Đá đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	660	460	400
7648	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Suối Đá đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	530	370	320
7649	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Suối Đá đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	770	540	460

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7650	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Suối Đá đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	590	410	350
7651	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Suối Đá đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	480	340	290
7652	155	Đường Lang Minh - Xuân Đông	Đường tỉnh 765	Xã Xuân Đông	Xã Xuân Phú	1.700	1.200	1.000
7653	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	860	600	520
7654	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	660	460	400
7655	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	530	370	320
7656	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	770	540	460
7657	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	590	410	350
7658	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	480	340	290
7659	162	Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7660	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.400	980	840
7661	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	1.200	840	720
7662	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	960	670	580
7663	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7664	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	1.100	770	660
7665	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	860	600	520
7666	169	Đường XP5 nối dài - đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.600	1.100	960
7667	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP5 nối dài - đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7668	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP5 nối dài - đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	1.200	840	720
7669	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP5 nối dài - đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	960	670	580
7670	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP5 nối dài -đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7671	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP5 nối dài -đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	1.100	770	660
7672	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP5 nối dài -đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	860	600	520
7673	176	Đường XP7, ấp Bình Xuân 1	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.600	1.100	960
7674	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP7, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7675	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP7, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	1.200	840	720
7676	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP7, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	960	670	580
7677	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP7, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7678	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP7, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	1.100	770	660
7679	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP7, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	860	600	520
7680	183	Đường XP9, ấp Bình Xuân 1	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.600	1.100	960
7681	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP9, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.400	980	840
7682	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP9, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7683	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP9, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	960	670	580
7684	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP9, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7685	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP9, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	1.100	770	660
7686	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP9, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	860	600	520
7687	190	Đường XP11, ấp Bình Xuân 1	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.600	1.100	960
7688	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP11, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	790	550	470
7689	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP11, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	660	460	400
7690	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP11, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	530	370	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7691	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP11, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	710	500	430
7692	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP11, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	590	410	350
7693	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP11, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	480	340	290
7694	197	Đường XP27, ấp Bình Tân	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7695	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP27, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7696	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP27, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	1.000	700	600
7697	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP27, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	800	560	480
7698	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP27, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7699	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP27, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	900	630	540
7700	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP27, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	720	500	430
7701	204	Đường XP29, ấp Bình Tân	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7702	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP29, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7703	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP29, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	1.000	700	600
7704	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP29, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	800	560	480
7705	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP29, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.200	840	720
7706	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP29, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	900	630	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7707	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP29, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	720	500	430
7708	211	Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7709	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7710	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	1.000	700	600
7711	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	800	560	480
7712	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.200	840	720
7713	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	900	630	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7714	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	720	500	430
7715	218	Đường XP39, ấp Bình Hòa	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7716	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP39, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7717	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP39, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	1.000	700	600
7718	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP39, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	800	560	480
7719	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP39, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.200	840	720
7720	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP39, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	900	630	540
7721	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP39, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	720	500	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7722	225	Đường XP14, ấp Bình Hòa	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7723	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP14, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7724	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP14, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	1.000	700	600
7725	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP14, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	800	560	480
7726	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP14, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.200	840	720
7727	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP14, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	900	630	540
7728	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP14, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	720	500	430
7729	232	Đường XP18, ấp Bình Hòa	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7730	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP18, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7731	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP18, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	1.000	700	600
7732	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP18, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	800	560	480
7733	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP18, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.200	840	720
7734	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP18, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	900	630	540
7735	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP18, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	720	500	430
7736	239	Đường XP20, ấp Bình Hòa	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 138 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7737	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP20, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 138 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7738	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP20, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 138 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	1.000	700	600
7739	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP20, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 138 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	800	560	480
7740	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP20, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 138 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	1.200	840	720
7741	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP20, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 138 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	900	630	540
7742	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP20, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 138 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	720	500	430
7743	246	Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ	Đường tỉnh 765	Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái	Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7744	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	670	470	400
7745	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	600	420	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7746	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	450	320	270
7747	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	600	420	360
7748	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	540	380	320
7749	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	410	290	250
7750	253	Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang Minh cũ)	Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông	Cầu Sông Ray giáp phường Xuân Lộc	Xã Xuân Phú	1.600	1.100	960
7751	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang Minh cũ) đoạn từ Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông đến Cầu Sông Ray giáp phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	790	550	470
7752	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang Minh cũ) đoạn từ Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông đến Cầu Sông Ray giáp phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	660	460	400
7753	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang Minh cũ) đoạn từ Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông đến Cầu Sông Ray giáp phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	530	370	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7754	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang Minh cũ) đoạn từ Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông đến Cầu Sông Ray giáp phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	710	500	430
7755	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang Minh cũ) đoạn từ Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông đến Cầu Sông Ray giáp phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	590	410	350
7756	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang Minh cũ) đoạn từ Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông đến Cầu Sông Ray giáp phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	480	340	290
7757		Đường hẻm Tân Bình 1	Đường Lang Minh - Xuân Đông	Hết ranh thửa đất số 127, tờ BĐĐC số 115 về bên phải và hết ranh thửa đất số 123, tờ BĐĐC số 115 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.200	840	720
7758		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Hết ranh thửa đất số 127, tờ BĐĐC số 115 về bên phải và hết ranh thửa đất số 123, tờ BĐĐC số 115 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	600	430	370
7759		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Hết ranh thửa đất số 127, tờ BĐĐC số 115 về bên phải và hết ranh thửa đất số 123, tờ BĐĐC số 115 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	520	360	310
7760		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Hết ranh thửa đất số 127, tờ BĐĐC số 115 về bên phải và hết ranh thửa đất số 123, tờ BĐĐC số 115 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7761		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Hết ranh thửa đất số 127, tờ BĐĐC số 115 về bên phải và hết ranh thửa đất số 123, tờ BĐĐC số 115 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	560	400	350
7762		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Hết ranh thửa đất số 127, tờ BĐĐC số 115 về bên phải và hết ranh thửa đất số 123, tờ BĐĐC số 115 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	470	330	280
7763		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Hết ranh thửa đất số 127, tờ BĐĐC số 115 về bên phải và hết ranh thửa đất số 123, tờ BĐĐC số 115 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	410	290	250
7764		Đường Lang Minh – Xuân Đông đi Tân Bình 1	Đường Lang Minh - Xuân Đông	Đường hẻm Tân Bình 1	Xã Xuân Phú	1.200	840	720
7765		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh – Xuân Đông đi Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Đường hẻm Tân Bình 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	600	430	370
7766		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh – Xuân Đông đi Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Đường hẻm Tân Bình 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	520	360	310
7767		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh – Xuân Đông đi Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Đường hẻm Tân Bình 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	450	320	270
7768		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh – Xuân Đông đi Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Đường hẻm Tân Bình 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	560	400	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7769		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh – Xuân Đông đi Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Đường hẻm Tân Bình 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	470	330	280
7770		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh – Xuân Đông đi Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Đường hẻm Tân Bình 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	410	290	250
7771		Đường vườn Xoài - Xuân Phú	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7772		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vườn Xoài - Xuân Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	670	470	400
7773		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vườn Xoài - Xuân Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	600	420	360
7774		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vườn Xoài - Xuân Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	450	320	270
7775		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vườn Xoài - Xuân Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	600	420	360
7776		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vườn Xoài - Xuân Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	540	380	320
7777		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vườn Xoài - Xuân Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	410	290	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7778		Đường Xuân Phú 15 (Bình Xuân 1)	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 35, tờ BĐĐC số 70 về bên phải và hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7779		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 15 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 35, tờ BĐĐC số 70 về bên phải và hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Xuân Phú	670	470	400
7780		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 15 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 35, tờ BĐĐC số 70 về bên phải và hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Xuân Phú	600	420	360
7781		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 15 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 35, tờ BĐĐC số 70 về bên phải và hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Xuân Phú	450	320	270
7782		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 15 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 35, tờ BĐĐC số 70 về bên phải và hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Xuân Phú	600	420	360
7783		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 15 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 35, tờ BĐĐC số 70 về bên phải và hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Xuân Phú	540	380	320
7784		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 15 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 35, tờ BĐĐC số 70 về bên phải và hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.		Xã Xuân Phú	410	290	250
7785		Đường Xuân Phú 12 (Bình Xuân 1)	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 34 về bên phải và hết ranh thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7786		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 12 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 34 về bên phải và hết ranh thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	670	470	400
7787		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 12 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 34 về bên phải và hết ranh thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	600	420	360
7788		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 12 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 34 về bên phải và hết ranh thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	450	320	270
7789		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 12 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 34 về bên phải và hết ranh thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	600	420	360
7790		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 12 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 34 về bên phải và hết ranh thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	540	380	320
7791		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 12 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 34 về bên phải và hết ranh thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	410	290	250
7792		Đường Xuân Phú 13 (Bình Xuân 1)	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7793		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 13 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Xuân Phú	670	470	400
7794		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 13 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Xuân Phú	600	420	360
7795		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 13 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Xuân Phú	450	320	270
7796		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 13 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Xuân Phú	600	420	360
7797		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 13 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Xuân Phú	540	380	320
7798		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 13 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.		Xã Xuân Phú	410	290	250
7799		Đường hẻm 2893 (Bình Xuân 1)	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 319, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7800		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 2893 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 319, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	670	470	400
7801		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 2893 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 319, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	600	420	360
7802		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 2893 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 319, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	450	320	270
7803		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 2893 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 319, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	600	420	360
7804		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 2893 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 319, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	540	380	320
7805		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 2893 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 319, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	410	290	250
7806		Đường Bình Hoà - Long Khánh	Từ ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú	Từ ranh thửa đất số 201, tờ BĐĐC số 17 về bên phải	Xã Xuân Phú	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7807		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hoà - Long Khánh đoạn từ Từ ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú đến Từ ranh thửa đất số 201, tờ BĐĐC số 17 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Xuân Phú	670	470	400
7808		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hoà - Long Khánh đoạn từ Từ ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú đến Từ ranh thửa đất số 201, tờ BĐĐC số 17 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Xuân Phú	600	420	360
7809		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hoà - Long Khánh đoạn từ Từ ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú đến Từ ranh thửa đất số 201, tờ BĐĐC số 17 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Xuân Phú	450	320	270
7810		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hoà - Long Khánh đoạn từ Từ ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú đến Từ ranh thửa đất số 201, tờ BĐĐC số 17 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Xuân Phú	600	420	360
7811		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hoà - Long Khánh đoạn từ Từ ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú đến Từ ranh thửa đất số 201, tờ BĐĐC số 17 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Xuân Phú	540	380	320
7812		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hoà - Long Khánh đoạn từ Từ ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú đến Từ ranh thửa đất số 201, tờ BĐĐC số 17 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.		Xã Xuân Phú	410	290	250
7813		Đường Phở Phúc	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 27 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 23 về bên trái	Xã Xuân Phú	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7814		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phở Phúc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 27 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 23 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	670	470	400
7815		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phở Phúc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 27 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 23 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	600	420	360
7816		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phở Phúc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 27 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 23 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	450	320	270
7817		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phở Phúc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 27 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 23 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	600	420	360
7818		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phở Phúc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 27 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 23 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	540	380	320
7819		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phở Phúc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 27 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 23 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	410	290	250
7820		Đường Tổ 7- ấp Bình Hoà	Cầu Bình Hoà	Hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 32 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 32 về bên trái	Xã Xuân Phú	1.300	910	780
7821		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 7- ấp Bình Hoà đoạn từ Cầu Bình Hoà đến Hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 32 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 32 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	670	470	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7822		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 7- ấp Bình Hoà đoạn từ Cầu Bình Hoà đến Hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 32 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 32 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	600	420	360
7823		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 7- ấp Bình Hoà đoạn từ Cầu Bình Hoà đến Hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 32 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 32 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	450	320	270
7824		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 7- ấp Bình Hoà đoạn từ Cầu Bình Hoà đến Hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 32 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 32 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	600	420	360
7825		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 7- ấp Bình Hoà đoạn từ Cầu Bình Hoà đến Hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 32 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 32 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	540	380	320
7826		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 7- ấp Bình Hoà đoạn từ Cầu Bình Hoà đến Hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 32 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 32 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Phú	410	290	250
7827	1	Quốc lộ 1	Giáp ranh phường Hàng gòn	Hết công ty Intimex	Xã Xuân Định	3.900	2.700	2.300
7828	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.700	1.200	1.000
7829	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	1.000	700	600
7830	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	800	560	480

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7831	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.500	1.100	900
7832	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	900	630	540
7833	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	720	500	430
7834	8	Quốc lộ 1	Hết công ty Intimex	Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m	Xã Xuân Định	4.400	3.100	2.600
7835	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.700	1.200	1.000
7836	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	1.000	700	600
7837	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	800	560	480
7838	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.500	1.100	900
7839	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	900	630	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7840	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	720	500	430
7841	15	Quốc lộ 1	Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m	Ranh xã Bảo Hòa cũ	Xã Xuân Định	3.900	2.700	2.300
7842	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.700	1.200	1.000
7843	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	1.000	700	600
7844	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	800	560	480
7845	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.500	1.100	900
7846	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	900	630	540
7847	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	720	500	430
7848	22	Quốc lộ 1	Ranh xã Bảo Hòa cũ	Hết giáo xứ Xuân Bình	Xã Xuân Định	4.100	2.900	2.500
7849	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7850	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	1.000	700	600
7851	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	800	560	480
7852	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.500	1.100	900
7853	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	900	630	540
7854	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	720	500	430
7855	29	Quốc lộ 1	Hết giáo xứ Xuân Bình	Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m	Xã Xuân Định	4.400	3.100	2.600
7856	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.700	1.200	1.000
7857	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	1.000	700	600
7858	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	800	560	480

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7859	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.500	1.100	900
7860	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	900	630	540
7861	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	720	500	430
7862	36	Quốc lộ 1	Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m	Giáp ranh xã Xuân Phú	Xã Xuân Định	4.100	2.900	2.500
7863	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.700	1.200	1.000
7864	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	1.000	700	600
7865	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	800	560	480
7866	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.500	1.100	900
7867	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	900	630	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7868	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	720	500	430
7869	43	Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần	Quốc lộ 1	Đường Tổ 13	Xã Xuân Định	1.900	1.300	1.100
7870	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	950	670	570
7871	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	730	510	440
7872	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	580	410	350
7873	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	860	600	520
7874	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	660	460	400
7875	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	520	360	310
7876	50	Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần	Đường Tổ 13	Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần	Xã Xuân Định	1.200	840	720
7877	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	600	440	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7878	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	520	360	310
7879	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	450	320	270
7880	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	560	400	350
7881	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	470	330	280
7882	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	410	290	250
7883	57	Đường Chiến Thắng đi Nam Hà	Quốc lộ 1	Suối Cạn	Xã Xuân Định	1.900	1.300	1.100
7884	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	950	670	570
7885	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	730	510	440
7886	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	580	410	350
7887	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	860	600	520

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7888	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	660	460	400
7889	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	520	360	310
7890	64	Đường Chiến Thắng đi Nam Hà	Suối Cạn	Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần	Xã Xuân Định	1.200	840	720
7891	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	600	440	380
7892	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	520	360	310
7893	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	450	320	270
7894	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	560	400	350
7895	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	470	330	280
7896	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	410	290	250
7897	71	Đường tỉnh 765B	Ngã ba Xuân Định	Ngã ba Xuân Định + 200m	Xã Xuân Định	3.500	2.500	2.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7898	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.300	910	780
7899	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	810	570	490
7900	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	630	440	380
7901	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.200	840	720
7902	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	730	510	440
7903	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	570	400	340
7904	78	Đường tỉnh 765B	Ngã ba Xuân Định + 200m	Hết nghĩa địa Bảo Thị	Xã Xuân Định	3.000	2.100	1.800
7905	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.300	910	780
7906	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	810	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7907	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	630	440	380
7908	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.200	840	720
7909	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	730	510	440
7910	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	570	400	340
7911	85	Đường tỉnh 765B	Hết nghĩa địa Bảo Thị	Cầu Suối Hai	Xã Xuân Định	2.800	2.000	1.700
7912	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.100	770	660
7913	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	810	570	490
7914	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	630	440	380
7915	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	990	690	590
7916	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	730	510	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7917	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	570	400	340
7918	92	Đường tỉnh 765B	Cầu Suối Hai	Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m)	Xã Xuân Định	2.900	2.000	1.700
7919	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.400	980	840
7920	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	680	480	410
7921	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	470	330	280
7922	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.300	910	780
7923	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	610	430	370
7924	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	420	290	250
7925	99	Đường tỉnh 765B	Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m)	Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m)	Xã Xuân Định	2.600	1.800	1.600
7926	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7927	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	680	480	410
7928	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	470	330	280
7929	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.200	840	720
7930	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	610	430	370
7931	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	420	290	250
7932	106	Đường tỉnh 765B	Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m)	Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ	Xã Xuân Định	2.900	2.000	1.700
7933	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.400	980	840
7934	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	680	480	410

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7935	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	470	330	280
7936	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.300	910	780
7937	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	610	430	370
7938	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	420	290	250
7939	113	Đường tỉnh 765B	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Xã Xuân Định	2.100	1.500	1.300
7940	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.100	770	660
7941	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	680	480	410
7942	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	470	330	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7943	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	990	690	590
7944	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	610	430	370
7945	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	420	290	250
7946	120	Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần	Đường tỉnh 765B	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định)	Xã Xuân Định	1.500	1.100	900
7947	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	760	530	460
7948	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	590	410	350
7949	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	470	330	280
7950	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	680	480	410

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7951	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	530	370	320
7952	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	420	290	250
7953	127	Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	Đường tỉnh 765B	Hết mét thứ 500	Xã Xuân Định	1.800	1.300	1.100
7954	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	820	570	490
7955	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	640	450	380
7956	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	470	330	280
7957	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	740	520	440
7958	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	580	410	350
7959	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	420	290	250
7960	134	Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	Hết mét thứ 500	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn	Xã Xuân Định	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7961	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	700	490	420
7962	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	590	410	350
7963	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	470	330	280
7964	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	630	440	380
7965	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	530	370	320
7966	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	420	290	250
7967	141	Đường Xuân Bảo - Xuân Tây	Đường tỉnh 765B	Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m)	Xã Xuân Định	1.900	1.300	1.100
7968	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	940	660	560
7969	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	680	480	410

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7970	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	470	330	280
7971	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	850	600	510
7972	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	610	430	370
7973	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	420	290	250
7974	148	Đường Xuân Bảo - Xuân Tây	Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m)	Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà	Xã Xuân Định	1.600	1.100	960
7975	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	820	570	490
7976	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	640	450	380
7977	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	470	330	280
7978	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	740	520	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7979	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	580	410	350
7980	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	420	290	250
7981	155	Đường Xuân Bảo - Xuân Tây	Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà	Ranh giới xã Xuân Đông	Xã Xuân Định	1.400	980	840
7982	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	700	490	420
7983	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	590	410	350
7984	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	470	330	280
7985	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	630	440	380
7986	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	530	370	320
7987	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	420	290	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7988	162	Đường Nông Doanh 3	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái	Xã Xuân Định	1.300	910	780
7989	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	670	470	400
7990	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	600	420	360
7991	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	450	320	270
7992	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	600	420	360
7993	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	540	380	320
7994	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	410	290	250
7995	169	Đường văn hóa Nông Doanh	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21	Xã Xuân Định	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
7996	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	670	470	400
7997	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	600	420	360
7998	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	450	320	270
7999	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	600	420	360
8000	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	540	380	320
8001	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	410	290	250
8002	176	Đường Nông Doanh 1	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái	Xã Xuân Định	1.300	910	780
8003	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	670	470	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8004	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	600	420	360
8005	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	450	320	270
8006	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	600	420	360
8007	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	540	380	320
8008	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	410	290	250
8009	183	Đường Nông Doanh 2	Đường văn hóa Nông Doanh	Đường Nông Doanh 1	Xã Xuân Định	1.300	910	780
8010	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	670	470	400
8011	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	600	420	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8012	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	450	320	270
8013	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	600	420	360
8014	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	540	380	320
8015	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	410	290	250
8016	190	Đường hẻm cầu Gia Trấp	Đường Lê Hồng Phong	Đường Bà Rết	Xã Xuân Định	1.300	910	780
8017	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm cầu Gia Trấp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	670	470	400
8018	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm cầu Gia Trấp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	600	420	360
8019	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm cầu Gia Trấp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	450	320	270
8020	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm cầu Gia Trấp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	600	420	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8021	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm cầu Gia Trấp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	540	380	320
8022	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm cầu Gia Trấp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	410	290	250
8023	197	Đường Bà Rết	Quốc lộ 1	Ranh giới phường Hàng Gòn	Xã Xuân Định	1.300	910	780
8024	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Rết đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	670	470	400
8025	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Rết đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	600	420	360
8026	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Rết đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	450	320	270
8027	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Rết đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	600	420	360
8028	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Rết đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	540	380	320
8029	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Rết đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	410	290	250
8030	204	Đường Lê Hồng Phong	Quốc lộ 1	Suối Gia Trấp	Xã Xuân Định	2.600	1.800	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8031	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Trấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.200	840	720
8032	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Trấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	770	540	460
8033	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Trấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	580	410	350
8034	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Trấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.100	770	660
8035	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Trấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	690	480	410
8036	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Trấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	520	360	310
8037	211	Đường Suối Rết B	Quốc lộ 1	Ranh giới phường Hàng Gòn	Xã Xuân Định	1.700	1.200	1.000
8038	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	830	580	500
8039	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	640	450	380
8040	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	510	360	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8041	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	750	530	450
8042	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	580	410	350
8043	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	460	320	280
8044	218	Đường Chiến Thắng - Long Khánh	Quốc lộ 1	Ranh giới phường Long Khánh	Xã Xuân Định	3.100	2.200	1.900
8045	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.300	910	780
8046	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	830	580	500
8047	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	640	450	380
8048	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	1.200	840	720
8049	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	750	530	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8050	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	580	410	350
8051	225	Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh	Quốc lộ 1	Quốc lộ 1+500m	Xã Xuân Định	1.700	1.200	1.000
8052	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	840	590	500
8053	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	700	490	420
8054	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	560	390	340
8055	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	760	530	460
8056	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	630	440	380
8057	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	500	350	300
8058	232	Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh	Quốc lộ 1+500m	Ranh giới phường Long Khánh	Xã Xuân Định	1.300	910	780
8059	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	670	470	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8060	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	600	420	360
8061	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	450	320	270
8062	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	600	420	360
8063	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	540	380	320
8064	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Định	410	290	250
8065	1	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Giáp ranh xã Xuân Định	Cầu Bảo Bình	Xã Cẩm Mỹ	2.600	1.800	1.600
8066	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	1.200	840	720
8067	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	680	480	410
8068	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	470	330	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8069	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	1.100	770	660
8070	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	610	430	370
8071	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	420	290	250
8072	8	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Cầu Bảo Bình	Cầu Suối Lức	Xã Cẩm Mỹ	2.100	1.500	1.300
8073	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	1.100	770	660
8074	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	700	490	420
8075	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	470	330	280
8076	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	990	690	590
8077	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	630	440	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8078	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	420	290	250
8079	15	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Cầu Suối Lức	Hết ranh xã Cẩm Mỹ	Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	1.900	1.300	1.100
8080	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	940	660	560
8081	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	680	480	410
8082	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	470	330	280
8083	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	850	600	510
8084	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	610	430	370
8085	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	420	290	250
8086	22	Đường ấp 9,11	Giáp ranh xã Xuân Đông	Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m)	Xã Cẩm Mỹ	1.300	910	780
8087	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	640	450	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8088	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	530	370	320
8089	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	410	290	250
8090	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	580	410	350
8091	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	480	340	290
8092	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	370	260	220
8093	29	Đường ấp 9,11	Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m)	Đường tỉnh 765B	Xã Cẩm Mỹ	1.400	980	840
8094	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	700	490	420
8095	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	590	410	350
8096	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	470	330	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8097	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	630	440	380
8098	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	530	370	320
8099	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	420	290	250
8100	36	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Quốc lộ 56	Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình	Xã Cẩm Mỹ	1.600	1.100	960
8101	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	820	570	490
8102	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	640	450	380
8103	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	470	330	280
8104	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	740	520	440
8105	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	580	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8106	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	420	290	250
8107	43	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình	Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du	Xã Cẩm Mỹ	1.400	980	840
8108	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	700	490	420
8109	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	590	410	350
8110	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	470	330	280
8111	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	630	440	380
8112	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	530	370	320
8113	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	420	290	250
8114	50	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du	Đường tỉnh 765B	Xã Cẩm Mỹ	2.100	1.500	1.300
8115	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8116	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	700	490	420
8117	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	470	330	280
8118	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	990	690	590
8119	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	630	440	380
8120	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	420	290	250
8121	57	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Đường tỉnh 765B	Hết ranh thửa đất số 176 về bên phải và thửa đất số 139 về bên trái tờ bản đồ số 103	Xã Cẩm Mỹ	1.600	1.100	960
8122	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết ranh thửa đất số 176 về bên phải và thửa đất số 139 về bên trái tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	820	570	490
8123	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết ranh thửa đất số 176 về bên phải và thửa đất số 139 về bên trái tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	640	450	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8124	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết ranh thửa đất số 176 về bên phải và thửa đất số 139 về bên trái tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	470	330	280
8125	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết ranh thửa đất số 176 về bên phải và thửa đất số 139 về bên trái tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	740	520	440
8126	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết ranh thửa đất số 176 về bên phải và thửa đất số 139 về bên trái tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	580	410	350
8127	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết ranh thửa đất số 176 về bên phải và thửa đất số 139 về bên trái tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Cẩm Mỹ	420	290	250
8128	64	Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Giáp ranh xã Xuân Đông	Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	1.400	980	840
8129	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	700	490	420
8130	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	590	410	350
8131	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	470	330	280
8132	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	630	440	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8133	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	530	370	320
8134	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	420	290	250
8135	71	Đường Tân Bình	Đường tỉnh 765B	Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình	Xã Cẩm Mỹ	1.500	1.100	900
8136	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	760	530	460
8137	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	640	450	380
8138	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	470	330	280
8139	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	680	480	410
8140	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	580	410	350
8141	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Cẩm Mỹ	420	290	250
8142	78	Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình	Đường tỉnh 764	Đường Long Giao-Bảo Bình	Xã Cẩm Mỹ	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8143	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	1.200	840	720
8144	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	820	570	490
8145	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	590	410	350
8146	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	1.100	770	660
8147	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	740	520	440
8148	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	530	370	320
8149	85	Đường tỉnh 764	Quốc lộ 56	Hết cây xăng Xuân Mỹ	Xã Cẩm Mỹ	3.700	2.600	2.200
8150	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	1.900	1.300	1.100
8151	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	990	690	590
8152	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	820	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8153	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	1.700	1.200	1.000
8154	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	890	620	530
8155	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	740	520	440
8156	92	Đường tỉnh 764	Hết cây xăng Xuân Mỹ	Ranh giới xã Sông Ray	Xã Cẩm Mỹ	2.600	1.800	1.600
8157	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	1.300	910	780
8158	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	940	660	560
8159	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	720	500	430
8160	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	1.200	840	720
8161	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	850	600	510
8162	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	650	460	390

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8163	99	Đường Xuân Mỹ - Cù Bị	Quốc lộ 56	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	Xã Cẩm Mỹ	2.600	1.800	1.600
8164	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	1.400	980	840
8165	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	940	660	560
8166	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	700	490	420
8167	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	1.300	910	780
8168	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	850	600	510
8169	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	630	440	380
8170	106	Quốc lộ 56	Giáp ranh phường Hàng Gòn	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Xã Cẩm Mỹ	3.100	2.200	1.900
8171	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	1.400	980	840
8172	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	1.000	700	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8173	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	790	550	470
8174	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	1.300	910	780
8175	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	900	630	540
8176	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	710	500	430
8177	113	Quốc lộ 56	Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân	Đường tỉnh 764	Xã Cẩm Mỹ	3.700	2.600	2.200
8178	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	1.900	1.300	1.100
8179	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	990	690	590
8180	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	820	570	490
8181	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8182	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	890	620	530
8183	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	740	520	440
8184	120	Quốc lộ 56	Đường tỉnh 764	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	Xã Cẩm Mỹ	2.900	2.000	1.700
8185	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	1.400	980	840
8186	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	680	480	410
8187	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	470	330	280
8188	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	1.300	910	780
8189	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	610	430	370
8190	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	420	290	250
8191	127	Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	Quốc lộ 56	Hết ranh xã Cẩm Mỹ	Xã Cẩm Mỹ	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8192	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	700	490	420
8193	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	590	410	350
8194	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	470	330	280
8195	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	630	440	380
8196	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	530	370	320
8197	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	420	290	250
8198	134	Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn	Quốc lộ 56	Hết ranh xã Cẩm Mỹ	Xã Cẩm Mỹ	1.400	980	840
8199	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	700	490	420
8200	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	590	410	350
8201	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	470	330	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8202	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	630	440	380
8203	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	530	370	320
8204	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	420	290	250
8205	141	Đường Hoàn Quân-Xuân Mỹ	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường tỉnh 764	Xã Cẩm Mỹ	2.000	1.400	1.200
8206	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	1.000	700	600
8207	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	900	630	540
8208	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	700	490	420
8209	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	900	630	540
8210	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	810	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8211	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	630	440	380
8212	148	Đường Long Giao - Bảo Bình	Đường Nguyễn Ái Quốc	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ	Xã Cẩm Mỹ	2.300	1.600	1.400
8213	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	1.200	840	720
8214	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	820	570	490
8215	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	590	410	350
8216	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	1.100	770	660
8217	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	740	520	440
8218	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	530	370	320
8219	155	Đường Long Giao - Bảo Bình	Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ	Đường tỉnh 765B	Xã Cẩm Mỹ	1.900	1.300	1.100
8220	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	960	670	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8221	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	840	590	500
8222	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	660	460	400
8223	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	860	600	520
8224	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	760	530	460
8225	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	590	410	350
8226	162	Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ)	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Bến xe xã Cẩm Mỹ	Xã Cẩm Mỹ	4.900	3.400	2.900
8227	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	2.300	1.600	1.400
8228	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	1.200	840	720
8229	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	1.000	700	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8230	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	2.100	1.500	1.300
8231	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	1.100	770	660
8232	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	900	630	540
8233	169	Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ)	Bến xe xã Cẩm Mỹ	Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ cũ	Xã Cẩm Mỹ	4.000	2.800	2.400
8234	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	2.000	1.400	1.200
8235	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	1.200	840	720
8236	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	1.000	700	600
8237	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	1.800	1.300	1.100
8238	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8239	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	900	630	540
8240	176	Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ)	Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ cũ	Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân	Xã Cẩm Mỹ	3.400	2.400	2.000
8241	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	1.700	1.200	1.000
8242	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	1.200	840	720
8243	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	1.000	700	600
8244	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	1.500	1.100	900
8245	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	1.100	770	660
8246	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	900	630	540
8247	183	Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ)	Đường Nguyễn Ái Quốc	Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ	Xã Cẩm Mỹ	3.700	2.600	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8248	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	1.900	1.300	1.100
8249	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	990	690	590
8250	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	820	570	490
8251	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	1.700	1.200	1.000
8252	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	890	620	530
8253	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	740	520	440
8254	190	Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ)	Trung tâm hành chính huyện cũ	Giáp ranh giới xã Xuân Đường	Xã Cẩm Mỹ	3.500	2.500	2.100
8255	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	1.800	1.300	1.100
8256	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	990	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8257	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	820	570	490
8258	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	1.600	1.100	960
8259	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	890	620	530
8260	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	740	520	440
8261	1	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Ranh giới xã Xuân Quế	Cầu Quân Y	Xã Xuân Quế	2.100	1.500	1.300
8262	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	1.100	770	660
8263	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	840	590	500
8264	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	640	450	380
8265	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	990	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8266	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	760	530	460
8267	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Quế	580	410	350
8268	8	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Cầu Quân Y	Đường vào nhà Văn hóa ấp 4	Xã Xuân Quế	2.300	1.600	1.400
8269	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	1.200	840	720
8270	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	820	570	490
8271	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	590	410	350
8272	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	1.100	770	660
8273	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	740	520	440
8274	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Quế	530	370	320
8275	15	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Đường vào nhà Văn hóa ấp 4	Giáp ranh phường Dầu Giây	Xã Xuân Quế	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8276	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	1.100	770	660
8277	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	700	490	420
8278	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	470	330	280
8279	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	990	690	590
8280	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	630	440	380
8281	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Quế	420	290	250
8282	22	Đường Trung tâm ấp 1	Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn	Giáp đường cao tốc TP.HCM-Long Thành-Dầu Giây	Xã Xuân Quế	2.100	1.500	1.300
8283	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc TP.HCM-Long Thành- Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	1.200	840	720
8284	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc TP.HCM-Long Thành- Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	820	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8285	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc TP.HCM-Long Thành- Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	590	410	350
8286	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc TP.HCM-Long Thành-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	1.100	770	660
8287	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc TP.HCM-Long Thành-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	740	520	440
8288	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc TP.HCM-Long Thành-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Quế	530	370	320
8289	29	Đường ấp 4 đi ấp 1	Đường Sông Nhạn-Dầu Giây	Đường Lộ 25-Sông Nhạn	Xã Xuân Quế	1.800	1.300	1.100
8290	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	940	660	560
8291	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	820	570	490
8292	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	590	410	350
8293	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	850	600	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8294	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	740	520	440
8295	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Quế	530	370	320
8296	36	Đường Lộ 25 - Sông Nhạn, từ chốt bảo vệ cách UBND xã 500m đến cầu ấp 4 xã Lộ 25	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Ranh giới phường Dầu Giây	Xã Xuân Quế	1.900	1.300	1.100
8297	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn, từ chốt bảo vệ cách UBND xã 500m đến cầu ấp 4 xã Lộ 25 đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	940	660	560
8298	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn, từ chốt bảo vệ cách UBND xã 500m đến cầu ấp 4 xã Lộ 25 đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	820	570	490
8299	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn, từ chốt bảo vệ cách UBND xã 500m đến cầu ấp 4 xã Lộ 25 đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	640	450	380
8300	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn, từ chốt bảo vệ cách UBND xã 500m đến cầu ấp 4 xã Lộ 25 đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	850	600	510
8301	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn, từ chốt bảo vệ cách UBND xã 500m đến cầu ấp 4 xã Lộ 25 đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	740	520	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8302	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn, từ chốt bảo vệ cách UBND xã 500m đến cầu ấp 4 xã Lộ 25 đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Quế	580	410	350
8303	43	Đường ấp 4 đi ấp 6	Đường Lộ 25 - Sông Nhạn	Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế	Xã Xuân Quế	2.100	1.500	1.300
8304	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	1.100	770	660
8305	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	990	690	590
8306	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	780	550	470
8307	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	1.000	700	600
8308	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	890	620	530
8309	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Quế	700	490	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8310	50	Đường Suối Đục - Cầu Mên	Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế	Giáp ranh xã Bình An	Xã Xuân Quế	2.300	1.600	1.400
8311	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	1.200	840	720
8312	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	1.000	700	600
8313	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	820	570	490
8314	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	1.100	770	660
8315	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	900	630	540
8316	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Quế	740	520	440
8317	57	Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc huyện Cẩm Mỹ	Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Đường	Giáp ranh xã Bình An	Xã Xuân Quế	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8318	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc huyện Cẩm Mỹ đoạn từ Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	940	660	560
8319	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc huyện Cẩm Mỹ đoạn từ Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	820	570	490
8320	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc huyện Cẩm Mỹ đoạn từ Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	640	450	380
8321	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc huyện Cẩm Mỹ đoạn từ Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	850	600	510
8322	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc huyện Cẩm Mỹ đoạn từ Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	740	520	440
8323	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc huyện Cẩm Mỹ đoạn từ Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Quế	580	410	350
8324	64	Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Hết 3.000m	Xã Xuân Quế	1.400	980	840
8325	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	700	490	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8326	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	590	410	350
8327	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	470	330	280
8328	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	630	440	380
8329	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	530	370	320
8330	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Quế	420	290	250
8331	71	Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ	Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m)	Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ	Xã Xuân Quế	1.600	1.100	960
8332	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	820	570	490
8333	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	640	450	380
8334	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	470	330	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8335	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	740	520	440
8336	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	580	410	350
8337	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Quế	420	290	250
8338	78	Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ	Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ	Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế	Xã Xuân Quế	1.400	980	840
8339	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	700	490	420
8340	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	590	410	350
8341	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	470	330	280
8342	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	630	440	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8343	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	530	370	320
8344	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Quế	420	290	250
8345	85	Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế	Xã Xuân Quế	1.600	1.100	960
8346	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	820	570	490
8347	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	640	450	380
8348	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	470	330	280
8349	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	740	520	440
8350	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	580	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8351	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Quế	420	290	250
8352	92	Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn	Giáp ranh Khu tái định cư xã Xuân Quế	Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu	Xã Xuân Quế	2.100	1.500	1.300
8353	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh Khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	1.100	770	660
8354	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh Khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	700	490	420
8355	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh Khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	470	330	280
8356	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh Khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	990	690	590
8357	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh Khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	630	440	380
8358	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh Khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Quế	420	290	250
8359	99	Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn	Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Xã Xuân Quế	1.600	1.100	960
8360	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	820	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8361	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	640	450	380
8362	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	470	330	280
8363	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	740	520	440
8364	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	580	410	350
8365	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Quế	420	290	250
8366	1	Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ)	Giáp ranh phường Long Thành	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Xã Xuân Đường	5.900	4.100	3.500
8367	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	2.900	2.000	1.700
8368	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	2.100	1.500	1.300
8369	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8370	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	2.600	1.800	1.600
8371	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	1.900	1.300	1.100
8372	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đường	1.400	980	840
8373	8	Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ)	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường	Xã Xuân Đường	3.100	2.200	1.900
8374	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	1.600	1.100	960
8375	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	950	670	570
8376	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	780	550	470
8377	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8378	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	860	600	520
8379	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đường	700	490	420
8380	15	Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ)	Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Xã Xuân Đường	3.300	2.300	2.000
8381	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	1.700	1.200	1.000
8382	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	950	670	570
8383	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	780	550	470
8384	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	1.500	1.100	900
8385	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	860	600	520

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8386	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đường	700	490	420
8387	22	Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường	Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ)	Ranh giới xã Xuân Đường	Xã Xuân Đường	6.000	4.200	3.600
8388	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đến Ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	2.900	2.000	1.700
8389	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đến Ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	2.100	1.500	1.300
8390	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đến Ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	1.500	1.100	900
8391	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đến Ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	2.600	1.800	1.600
8392	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đến Ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	1.900	1.300	1.100
8393	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đến Ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đường	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8394	29	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Ranh giới xã Xuân Đường	Đường tỉnh 773	Xã Xuân Đường	2.100	1.500	1.300
8395	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	1.100	770	660
8396	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	840	590	500
8397	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	640	450	380
8398	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	990	690	590
8399	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	760	530	460
8400	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đường	580	410	350
8401	36	Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học	Đường tỉnh 773	Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường	Xã Xuân Đường	1.900	1.300	1.100
8402	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	940	660	560

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8403	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	820	570	490
8404	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	640	450	380
8405	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	850	600	510
8406	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	740	520	440
8407	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đường	580	410	350
8408	43	Đường Xuân Đường - Thừa Đức	Đường tỉnh 773	Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường	Xã Xuân Đường	1.900	1.300	1.100
8409	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	940	660	560
8410	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	820	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8411	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	640	450	380
8412	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	850	600	510
8413	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	740	520	440
8414	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đường	580	410	350
8415	50	Đường Xuân Đường - Thừa Đức	Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường	Hết chùa Bảo Minh	Xã Xuân Đường	1.800	1.300	1.100
8416	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	880	620	530
8417	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	680	480	410
8418	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	470	330	280
8419	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	790	550	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8420	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	610	430	370
8421	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đường	420	290	250
8422	57	Đường Xuân Đường - Thừa Đức	Hết chùa Bảo Minh	Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20	Xã Xuân Đường	1.800	1.300	1.100
8423	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	880	620	530
8424	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	680	480	410
8425	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	470	330	280
8426	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	790	550	470
8427	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	610	430	370
8428	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đường	420	290	250
8429	64	Đường vào khu dân cư Suối Quýt	Ngã ba Suối Quýt	Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường	Xã Xuân Đường	4.200	2.900	2.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8430	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	1.900	1.300	1.100
8431	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	1.700	1.200	1.000
8432	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	1.200	840	720
8433	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	1.700	1.200	1.000
8434	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	1.500	1.100	900
8435	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đường	1.100	770	660
8436	71	Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường	Đường tỉnh 773	Giáp ranh xã Long Phước	Xã Xuân Đường	4.900	3.400	2.900
8437	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	2.400	1.700	1.400
8438	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8439	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	1.600	1.100	960
8440	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	2.200	1.500	1.300
8441	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	1.600	1.100	960
8442	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đường	1.400	980	840
8443	78	Đường Cầu Mên	Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường	Ranh giới 2 xã Xuân Quế, Xuân Đường và phường Long Thành	Xã Xuân Đường	4.400	3.100	2.600
8444	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đến Ranh giới 2 xã Xuân Quế, Xuân Đường và phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	2.200	1.500	1.300
8445	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đến Ranh giới 2 xã Xuân Quế, Xuân Đường và phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	1.700	1.200	1.000
8446	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đến Ranh giới 2 xã Xuân Quế, Xuân Đường và phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	1.500	1.100	900
8447	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đến Ranh giới 2 xã Xuân Quế, Xuân Đường và phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8448	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đến Ranh giới 2 xã Xuân Quế, Xuân Đường và phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	1.500	1.100	900
8449	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đến Ranh giới 2 xã Xuân Quế, Xuân Đường và phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đường	1.400	980	840
8450		Đường Nông Sản	Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường	Đường vào khu dân cư Suối Quýt	Xã Xuân Đường	4.200	2.900	2.500
8451		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Sản đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đến Đường vào khu dân cư Suối Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	1.900	1.300	1.100
8452		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Sản đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đến Đường vào khu dân cư Suối Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	1.700	1.200	1.000
8453		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Sản đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đến Đường vào khu dân cư Suối Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	1.200	840	720
8454		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Sản đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đến Đường vào khu dân cư Suối Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	1.700	1.200	1.000
8455		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Sản đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đến Đường vào khu dân cư Suối Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	1.500	1.100	900
8456		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Sản đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đến Đường vào khu dân cư Suối Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đường	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8457	1	Đường tỉnh 764	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Hết Trại giam Xuyên Mộc	Xã Sông Ray	2.900	2.000	1.700
8458	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	1.300	910	780
8459	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	940	660	560
8460	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	720	500	430
8461	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	1.200	840	720
8462	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	850	600	510
8463	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	650	460	390
8464	8	Đường tỉnh 764	Hết Trại giam Xuyên Mộc	Hết Trường THCS Sông Ray	Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	3.300	2.300	2.000
8465	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	1.600	1.100	960
8466	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	940	660	560

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8467	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	720	500	430
8468	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	1.400	980	840
8469	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	850	600	510
8470	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	650	460	390
8471	15	Đường tỉnh 764	Hết Trường THCS Sông Ray	Đường liên ấp 1 - ấp 5	Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	3.900	2.700	2.300
8472	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	1.700	1.200	1.000
8473	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	940	660	560
8474	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	720	500	430
8475	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8476	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	850	600	510
8477	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	650	460	390
8478	22	Đường tỉnh 764	Đường liên ấp 1 - ấp 5	Hết cây xăng Nông trường Sông Ray	Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	4.600	3.200	2.800
8479	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	2.100	1.500	1.300
8480	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	940	660	560
8481	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	720	500	430
8482	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	1.900	1.300	1.100
8483	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	850	600	510
8484	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	650	460	390
8485	29	Đường tỉnh 764	Hết cây xăng Nông trường Sông Ray	Đường tỉnh 764 đi Suối Lức	Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	3.600	2.500	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8486	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	1.700	1.200	1.000
8487	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	940	660	560
8488	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	720	500	430
8489	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	1.500	1.100	900
8490	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	850	600	510
8491	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	650	460	390
8492	36	Đường tỉnh 764	Đường tỉnh 764 đi Suối Lức	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	2.600	1.800	1.600
8493	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	1.300	910	780
8494	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	940	660	560

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8495	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	720	500	430
8496	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	1.200	840	720
8497	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	850	600	510
8498	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông	650	460	390
8499	43	Đường tỉnh 765	Giáp ranh xã Xuân Đông	Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray	Xã Sông Ray	4.600	3.200	2.800
8500	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	2.100	1.500	1.300
8501	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	940	660	560
8502	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	720	500	430
8503	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8504	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	850	600	510
8505	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	650	460	390
8506	50	Đường tỉnh 765	Đường tổ 10 ấp 9	Cầu Suối Thề	Xã Sông Ray	3.900	2.700	2.300
8507	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	1.800	1.300	1.100
8508	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	940	660	560
8509	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	720	500	430
8510	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	1.600	1.100	960
8511	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	850	600	510
8512	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	650	460	390
8513	57	Đường tỉnh 765	Cầu Suối Thề	Hết chùa Thiên Ân	Xã Sông Ray	3.300	2.300	2.000
8514	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8515	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	940	660	560
8516	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	720	500	430
8517	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	1.400	980	840
8518	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	850	600	510
8519	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	650	460	390
8520	64	Đường tỉnh 765	Hết chùa Thiên Ân	Hết cây xăng Vĩnh Hòa	Xã Sông Ray	2.600	1.800	1.600
8521	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	1.300	910	780
8522	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	940	660	560
8523	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	720	500	430
8524	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8525	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	850	600	510
8526	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	650	460	390
8527	71	Đường tỉnh 765	Hết cây xăng Vĩnh Hòa	Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành	Xã Sông Ray	2.300	1.600	1.400
8528	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	1.200	840	720
8529	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	940	660	560
8530	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	720	500	430
8531	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	1.100	770	660
8532	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	850	600	510
8533	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	650	460	390
8534	78	Đường tỉnh 765	Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành	Cầu Gia Hoét	Xã Sông Ray	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8535	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	850	600	510
8536	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	650	460	390
8537	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	520	360	310
8538	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	770	540	460
8539	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	590	410	350
8540	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	470	330	280
8541	85	Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành	Đường tỉnh 765	Hết ranh giới xã Lâm San cũ	Xã Sông Ray	1.400	980	840
8542	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	700	490	420
8543	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	590	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8544	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	470	330	280
8545	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	630	440	380
8546	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	530	370	320
8547	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	420	290	250
8548	92	Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành	Đường tỉnh 765	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	Xã Sông Ray	1.400	980	840
8549	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	700	490	420
8550	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	590	410	350
8551	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	470	330	280
8552	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	630	440	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8553	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	530	370	320
8554	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	420	290	250
8555	99	Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành	Đường tỉnh 765B	Ngã ba (giáp với đoạn số 1)	Xã Sông Ray	1.400	980	840
8556	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	700	490	420
8557	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	590	410	350
8558	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	470	330	280
8559	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	630	440	380
8560	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	530	370	320
8561	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	420	290	250
8562	106	Đường tỉnh 765B	Ngã tư Biên Hòa 2	Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh	Xã Sông Ray	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8563	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	760	530	460
8564	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	590	410	350
8565	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	470	330	280
8566	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	680	480	410
8567	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	530	370	320
8568	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	420	290	250
8569	113	Đường tỉnh 765B	Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh	Đường tỉnh 765	Xã Sông Ray	2.100	1.500	1.300
8570	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	1.100	770	660
8571	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	700	490	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8572	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	470	330	280
8573	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	990	690	590
8574	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	630	440	380
8575	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	420	290	250
8576	120	Đường ấp 6 - 7 Sông Ray	Đường tỉnh 764	Đường tỉnh 765B	Xã Sông Ray	1.400	980	840
8577	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	700	490	420
8578	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	590	410	350
8579	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	470	330	280
8580	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	630	440	380
8581	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	530	370	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8582	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	420	290	250
8583	127	Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray	Đường tỉnh 764	Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray	Xã Sông Ray	1.700	1.200	1.000
8584	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	820	570	490
8585	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	640	450	380
8586	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	530	370	320
8587	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	740	520	440
8588	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	580	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8589	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	480	340	290
8590	134	Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray	Đường tỉnh 764	Đường tỉnh 765	Xã Sông Ray	1.600	1.100	960
8591	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	760	530	460
8592	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	590	410	350
8593	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	530	370	320
8594	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	680	480	410
8595	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	530	370	320
8596	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	480	340	290
8597	141	Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc	Đường tỉnh 765	Hết ranh thửa đất số 38, tờ BĐĐC số 84 về bên trái và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 84 về bên phải, xã Sông Ray	Xã Sông Ray	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8598	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 38, tờ BĐĐC số 84 về bên trái và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 84 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Sông Ray	700	490	420
8599	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 38, tờ BĐĐC số 84 về bên trái và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 84 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Sông Ray	590	410	350
8600	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 38, tờ BĐĐC số 84 về bên trái và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 84 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Sông Ray	470	330	280
8601	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 38, tờ BĐĐC số 84 về bên trái và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 84 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Sông Ray	630	440	380
8602	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 38, tờ BĐĐC số 84 về bên trái và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 84 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Sông Ray	530	370	320
8603	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 38, tờ BĐĐC số 84 về bên trái và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 84 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.		Xã Sông Ray	420	290	250
8604	1	Đường tỉnh 765	Giáp ranh xã Xuân Phú	Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai	Xã Xuân Đông	2.900	2.000	1.700
8605	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8606	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	940	660	560
8607	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	720	500	430
8608	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	1.300	910	780
8609	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	850	600	510
8610	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	650	460	390
8611	8	Đường tỉnh 765	Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai	Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc)	Xã Xuân Đông	3.300	2.300	2.000
8612	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	1.600	1.100	960
8613	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	940	660	560
8614	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	720	500	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8615	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	1.400	980	840
8616	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	850	600	510
8617	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	650	460	390
8618	15	Đường tỉnh 765	Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc)	Cầu Suối Lức	Xã Xuân Đông	2.900	2.000	1.700
8619	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	1.400	980	840
8620	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	940	660	560
8621	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	720	500	430
8622	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	1.300	910	780
8623	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	850	600	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8624	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	650	460	390
8625	22	Đường tỉnh 765	Cầu Suối Lức	Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	Xã Xuân Đông	3.900	2.700	2.300
8626	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	1.800	1.300	1.100
8627	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	940	660	560
8628	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	720	500	430
8629	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	1.600	1.100	960
8630	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	850	600	510
8631	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	650	460	390
8632	29	Đường tỉnh 765	Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	Giáp ranh xã Sông Ray	Xã Xuân Đông	4.600	3.200	2.800
8633	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8634	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	940	660	560
8635	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	720	500	430
8636	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	1.900	1.300	1.100
8637	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	850	600	510
8638	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	650	460	390
8639	36	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Đường tỉnh 765	Giáp cây xăng Châu Loan	Xã Xuân Đông	2.100	1.500	1.300
8640	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	1.100	770	660
8641	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	680	480	410
8642	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8643	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	990	690	590
8644	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	610	430	370
8645	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8646	43	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Giáp cây xăng Châu Loan	Hết Trường Tiểu học Trần Phú	Xã Xuân Đông	1.800	1.300	1.100
8647	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	820	570	490
8648	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	640	450	380
8649	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280
8650	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	740	520	440
8651	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	580	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8652	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8653	50	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Hết Trường Tiểu học Trần Phú	Giáp ranh xã Xuân Hòa	Xã Xuân Đông	1.500	1.100	900
8654	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	760	530	460
8655	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	590	410	350
8656	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280
8657	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	680	480	410
8658	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	530	370	320
8659	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8660	57	Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu	Đường tỉnh 765	Đường tỉnh 765 + 1500m	Xã Xuân Đông	1.600	1.100	960
8661	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	820	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8662	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	640	450	380
8663	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280
8664	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	740	520	440
8665	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	580	410	350
8666	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8667	64	Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu	Đường tỉnh 765 + 1500m	Ranh giới xã Xuân Đông	Xã Xuân Đông	1.400	980	840
8668	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	700	490	420
8669	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	590	410	350
8670	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8671	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	630	440	380
8672	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	530	370	320
8673	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8674	71	Đường Láng Me - Cọ Dầu	Đường tỉnh 779	Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu	Xã Xuân Đông	1.400	980	840
8675	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Láng Me - Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 779 đến Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	700	490	420
8676	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Láng Me - Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 779 đến Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	590	410	350
8677	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Láng Me - Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 779 đến Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280
8678	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Láng Me - Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 779 đến Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	630	440	380
8679	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Láng Me - Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 779 đến Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	530	370	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8680	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Láng Me - Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 779 đến Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8681	78	Đường Suối Lức - Rừng Tre	Đường tỉnh 765	Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông	Xã Xuân Đông	1.400	980	840
8682	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	700	490	420
8683	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	590	410	350
8684	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280
8685	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	630	440	380
8686	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	530	370	320
8687	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8688	85	Đường La Hoa - Rừng Tre	Đường tỉnh 764	Đường Suối Lức - Rừng Tre	Xã Xuân Đông	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8689	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	700	490	420
8690	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	590	410	350
8691	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280
8692	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	630	440	380
8693	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	530	370	320
8694	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8695	92	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	Giáp ranh xã Xuân Phú	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Xã Xuân Đông	1.600	1.100	960
8696	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	820	570	490
8697	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	700	490	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8698	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280
8699	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	740	520	440
8700	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	630	440	380
8701	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8702	99	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Đường ấp 4	Xã Xuân Đông	1.400	980	840
8703	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	700	490	420
8704	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	590	410	350
8705	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280
8706	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	630	440	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8707	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	530	370	320
8708	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8709	106	Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ	Đường tỉnh 765	Đường tỉnh 765 + 1.800m	Xã Xuân Đông	1.600	1.100	960
8710	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	820	570	490
8711	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	640	450	380
8712	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280
8713	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	740	520	440
8714	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	580	410	350
8715	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8716	113	Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ	Đường tỉnh 765 + 1.800m	Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây	Xã Xuân Đông	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8717	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	700	490	420
8718	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	590	410	350
8719	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280
8720	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	630	440	380
8721	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	530	370	320
8722	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8723	120	Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây	Đường tỉnh 765	hết ranh thửa đất số 45 về bên phải và thửa đất số 46 về bên trái tờ bản đồ số 84	Xã Xuân Đông	1.400	980	840
8724	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến hết ranh thửa đất số 45 về bên phải và thửa đất số 46 về bên trái tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	700	490	420
8725	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến hết ranh thửa đất số 45 về bên phải và thửa đất số 46 về bên trái tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	590	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8726	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến hết ranh thửa đất số 45 về bên phải và thửa đất số 46 về bên trái tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280
8727	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến hết ranh thửa đất số 45 về bên phải và thửa đất số 46 về bên trái tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	630	440	380
8728	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến hết ranh thửa đất số 45 về bên phải và thửa đất số 46 về bên trái tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	530	370	320
8729	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến hết ranh thửa đất số 45 về bên phải và thửa đất số 46 về bên trái tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8730	127	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ	Xã Xuân Đông, xã Cẩm Mỹ	1.600	1.100	960
8731	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông, xã Cẩm Mỹ	820	570	490
8732	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông, xã Cẩm Mỹ	640	450	380
8733	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông, xã Cẩm Mỹ	470	330	280
8734	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông, xã Cẩm Mỹ	740	520	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8735	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông, xã Cẩm Mỹ	580	410	350
8736	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông, xã Cẩm Mỹ	420	290	250
8737	134	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ	Cầu Xuân Tây	Xã Xuân Đông	1.900	1.300	1.100
8738	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	940	660	560
8739	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	680	480	410
8740	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280
8741	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	850	600	510
8742	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	610	430	370
8743	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8744	141	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Cầu Xuân Tây	Đường tỉnh 765	Xã Xuân Đông	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8745	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	1.100	770	660
8746	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	700	490	420
8747	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280
8748	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	990	690	590
8749	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	630	440	380
8750	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8751	148	Đường Xuân Bảo - Xuân Tây	Giáp ranh xã Xuân Định	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	Xã Xuân Đông	1.400	980	840
8752	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	700	490	420
8753	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	590	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8754	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280
8755	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	630	440	380
8756	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	530	370	320
8757	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8758	155	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	Đường tỉnh 765	Đường tỉnh 765 + 2000m	Xã Xuân Đông	1.900	1.300	1.100
8759	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	940	660	560
8760	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	680	480	410
8761	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280
8762	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	850	600	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8763	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	610	430	370
8764	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8765	162	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	Đường tỉnh 765 + 2000m	Đường tỉnh 765B	Xã Xuân Đông	1.500	1.100	900
8766	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	700	490	420
8767	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	590	410	350
8768	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280
8769	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	630	440	380
8770	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	530	370	320
8771	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8772	169	Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ	Đường tỉnh 764	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	Xã Xuân Đông	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8773	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	700	490	420
8774	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	590	410	350
8775	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280
8776	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	630	440	380
8777	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	530	370	320
8778	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8779	176	Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Xã Xuân Đông	1.400	980	840
8780	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	710	500	430
8781	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	580	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8782	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	450	320	270
8783	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	640	450	380
8784	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	520	360	310
8785	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	410	290	250
8786	183	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Từ ranh thửa đất số 135 về bên phải và thửa đất số 104 về bên trái tờ bản đồ số 112	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	Xã Xuân Đông	1.900	1.300	1.100
8787	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 135 về bên phải và thửa đất số 104 về bên trái tờ bản đồ số 112 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	940	660	560
8788	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 135 về bên phải và thửa đất số 104 về bên trái tờ bản đồ số 112 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	680	480	410
8789	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 135 về bên phải và thửa đất số 104 về bên trái tờ bản đồ số 112 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8790	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 135 về bên phải và thửa đất số 104 về bên trái tờ bản đồ số 112 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	850	600	510
8791	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 135 về bên phải và thửa đất số 104 về bên trái tờ bản đồ số 112 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	610	430	370
8792	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 135 về bên phải và thửa đất số 104 về bên trái tờ bản đồ số 112 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8793	190	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	Hồ Suối Ran	Xã Xuân Đông	1.500	1.100	900
8794	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	760	530	460
8795	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	590	410	350
8796	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280
8797	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	680	480	410
8798	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	530	370	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8799	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8800	197	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Hồ Suối Ran	Ngã tư Biên Hòa 2	Xã Xuân Đông	1.800	1.300	1.100
8801	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	820	570	490
8802	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	640	450	380
8803	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	470	330	280
8804	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	740	520	440
8805	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	580	410	350
8806	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	420	290	250
8807	204	Đường tỉnh 764	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Hết Trại giam Xuyên Mộc	Xã Xuân Đông	2.600	1.800	1.600
8808	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8809	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	940	660	560
8810	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	720	500	430
8811	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	1.200	840	720
8812	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	850	600	510
8813	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Xuân Đông	650	460	390
8814	1	Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777)			Phường Trảng Bom	15.300	10.700	9.200
8815	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.900	4.100	3.500
8816	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
8817	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8818	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200
8819	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.800	2.700	2.300
8820	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
8821	8	Đường Trần Phú	Quốc lộ 1	Đường sắt	Phường Trảng Bom	11.400	8.000	6.800
8822	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.900	3.400	2.900
8823	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.500	2.500	2.100
8824	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300
8825	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.400	3.100	2.600
8826	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.200	2.200	1.900
8827	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8828	15	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường 29 tháng 4	Đường 19 tháng 8	Phường Trảng Bom	9.800	6.900	5.900
8829	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.000	3.500	3.000
8830	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.300	2.300	2.000
8831	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300
8832	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.500	3.200	2.700
8833	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.000	2.100	1.800
8834	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.900	1.300	1.100
8835	22	Đường Lê Hồng Phong	Đường 29 tháng 4	Đường 3 tháng 2	Phường Trảng Bom	7.700	5.400	4.600
8836	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.500	3.200	2.700
8837	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
8838	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8839	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.100	2.900	2.500
8840	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.800	2.000	1.700
8841	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
8842	29	Đường Lê Hồng Phong	Đường 3 tháng 2	Đường 2 tháng 9	Phường Trảng Bom	6.300	4.400	3.800
8843	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
8844	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
8845	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
8846	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.800	2.000	1.700
8847	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
8848	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8849	36	Đường Tạ Uyên	Đường 29 tháng 4	Đường Nguyễn Sơn Hà	Phường Trảng Bom	5.600	3.900	3.400
8850	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.400	2.400	2.000
8851	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
8852	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
8853	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
8854	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
8855	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
8856	43	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường 29 tháng 4	Đường sắt	Phường Trảng Bom	9.800	6.900	5.900
8857	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.000	3.500	3.000
8858	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.300	2.300	2.000
8859	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8860	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.500	3.200	2.700
8861	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.000	2.100	1.800
8862	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.900	1.300	1.100
8863	50	Đường 30 tháng 4	Quốc lộ 1	Đường An Dương Vương	Phường Trảng Bom	15.300	10.700	9.200
8864	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.900	4.100	3.500
8865	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	4.000	2.800	2.400
8866	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.600	1.800	1.600
8867	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200
8868	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.600	2.500	2.200
8869	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8870	57	Đường 30 tháng 4	Quốc lộ 1	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Phường Trảng Bom	13.900	9.700	8.300
8871	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.600	3.900	3.400
8872	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.900	2.700	2.300
8873	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
8874	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.000	3.500	3.000
8875	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.500	2.500	2.100
8876	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
8877	64	Đường Trường Chinh	Quốc lộ 1	Đường 2 tháng 9	Phường Trảng Bom	13.900	9.700	8.300
8878	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200
8879	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.800	2.700	2.300
8880	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.400	1.700	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8881	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.800	3.400	2.900
8882	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.400	2.400	2.000
8883	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	2.200	1.500	1.300
8884	71	Đường Trường Chinh	Đường 2 tháng 9	Đường Cách Mạng Tháng 8	Phường Trảng Bom	8.100	5.700	4.900
8885	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.500	3.200	2.700
8886	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
8887	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
8888	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.100	2.900	2.500
8889	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.800	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8890	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
8891	78	Đường Phan Đăng Lưu	Đường 3 tháng 2	Đường Cách Mạng Tháng 8	Phường Trảng Bom	10.400	7.300	6.200
8892	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.700	3.300	2.800
8893	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.300	2.300	2.000
8894	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
8895	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
8896	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.000	2.100	1.800
8897	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
8898	85	Đường Lê Duẩn	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã An Viễn	Phường Trảng Bom	10.400	7.300	6.200
8899	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.700	3.300	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8900	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.300	2.300	2.000
8901	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
8902	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
8903	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.000	2.100	1.800
8904	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
8905	92	Đường Hà Huy Giáp	Đường 29 tháng 4	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (Phường Trảng Bom)	Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200
8906	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.600	1.800	1.600
8907	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
8908	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8909	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
8910	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
8911	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.500	1.100	900
8912	99	Đường Dương Bạch Mai	Đường 29 tháng 4	thửa đất số 20, tờ bản đồ số 30	Phường Trảng Bom	4.800	3.400	2.900
8913	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến thửa đất số 20, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
8914	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến thửa đất số 20, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
8915	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến thửa đất số 20, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
8916	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến thửa đất số 20, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8917	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến thửa đất số 20, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
8918	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến thửa đất số 20, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
8919	106	Đường 19 tháng 8	Đường Trần Phú	Đường Lê Hồng Phong	Phường Trảng Bom	5.200	3.600	3.100
8920	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.600	1.800	1.600
8921	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300
8922	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.700	1.200	1.000
8923	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
8924	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.900	1.300	1.100
8925	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.500	1.100	900
8926	113	Đường Hoàng Tam Kỳ	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Văn Cừ	Phường Trảng Bom	5.600	3.900	3.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8927	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.400	2.400	2.000
8928	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
8929	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
8930	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
8931	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
8932	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
8933	120	Đường Hoàng Việt	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường 30 tháng 4	Phường Trảng Bom	5.600	3.900	3.400
8934	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.400	2.400	2.000
8935	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
8936	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8937	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
8938	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
8939	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
8940	127	Đường Nguyễn Sơn Hà	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 tháng 4	Phường Trảng Bom	5.600	3.900	3.400
8941	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.400	2.400	2.000
8942	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
8943	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
8944	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
8945	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8946	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
8947	134	Đường 3 tháng 2	Đường Trần Phú	Đường Lê Duẩn	Phường Trảng Bom	15.300	10.700	9.200
8948	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.900	4.100	3.500
8949	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
8950	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
8951	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200
8952	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.800	2.700	2.300
8953	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
8954	141	Đường 2 tháng 9	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Lê Hồng Phong	Phường Trảng Bom	11.100	7.800	6.700
8955	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.000	3.500	3.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8956	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.600	2.500	2.200
8957	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.200	1.500	1.300
8958	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.500	3.200	2.700
8959	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.200	2.200	1.900
8960	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
8961	148	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Lê Duẩn	Đường Trương Văn Bang	Phường Trảng Bom	9.100	6.400	5.500
8962	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.700	3.300	2.800
8963	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.300	2.300	2.000
8964	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8965	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
8966	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.000	2.100	1.800
8967	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
8968	155	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Trương Văn Bang	Đường 30 tháng 4	Phường Trảng Bom	8.400	5.900	5.000
8969	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.700	3.300	2.800
8970	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.200	2.200	1.900
8971	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
8972	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
8973	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.900	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8974	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
8975	162	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Lê Duẩn	Đường Trương Văn Bang	Phường Trảng Bom	6.200	4.300	3.700
8976	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.700	2.600	2.200
8977	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.700	1.900	1.600
8978	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.700	1.200	1.000
8979	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.300	2.300	2.000
8980	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.400	1.700	1.400
8981	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.500	1.100	900
8982	169	Đường Đinh Quang Ân	Đường Lê Duẩn	Đường Trương Văn Bang	Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200
8983	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.600	1.800	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8984	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
8985	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
8986	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
8987	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
8988	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
8989	176	Đường Nguyễn Văn Huyên	Đường Trường Chinh	Trường Mầm non Tuổi Thơ	Phường Trảng Bom	5.600	3.900	3.400
8990	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.400	2.400	2.000
8991	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
8992	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
8993	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
8994	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
8995	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
8996	183	Đường Điện Biên Phủ	Đường 30 tháng 4	Đường Lê Hồng Phong	Phường Trảng Bom	5.600	3.900	3.400
8997	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.400	2.400	2.000
8998	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
8999	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9000	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
9001	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9002	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9003	190	Đường Phạm Văn Thuận	Đường 30 tháng 4	Đường Lê Hồng Phong	Phường Trảng Bom	5.600	3.900	3.400
9004	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.400	2.400	2.000
9005	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9006	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9007	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
9008	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
9009	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9010	197	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Ngô Quyền	Đường Đinh Tiên Hoàng	Phường Trảng Bom	15.300	10.700	9.200
9011	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.900	4.100	3.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9012	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
9013	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9014	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200
9015	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.800	2.700	2.300
9016	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
9017	204	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Trụ Sở Hội người mù	Đường Nguyễn Huệ	Phường Trảng Bom	15.300	10.700	9.200
9018	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.900	4.100	3.500
9019	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
9020	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9021	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200
9022	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.800	2.700	2.300
9023	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
9024	211	Đường Hưng Đạo Vương	Đường Hùng Vương	Đường An Dương Vương	Phường Trảng Bom	8.400	5.900	5.000
9025	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.700	3.300	2.800
9026	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.200	2.200	1.900
9027	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
9028	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
9029	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.900	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9030	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9031	218	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hùng Vương	Đường An Dương Vương	Phường Trảng Bom	8.400	5.900	5.000
9032	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.700	3.300	2.800
9033	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.200	2.200	1.900
9034	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
9035	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
9036	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.900	2.000	1.700
9037	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9038	225	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường An Dương Vương	Phường Trảng Bom	10.400	7.300	6.200
9039	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.000	3.500	3.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9040	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.300	2.300	2.000
9041	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300
9042	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.500	3.200	2.700
9043	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.000	2.100	1.800
9044	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.900	1.300	1.100
9045	232	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hai Bà Trưng	Phường Trảng Bom	9.100	6.400	5.500
9046	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.600	3.200	2.800
9047	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
9048	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9049	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.100	2.900	2.500
9050	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.800	2.000	1.700
9051	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9052	239	Đường Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	Phường Trảng Bom	9.100	6.400	5.500
9053	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.600	3.200	2.800
9054	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
9055	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
9056	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.100	2.900	2.500
9057	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.800	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9058	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9059	246	Đường Lê Lai	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Nam Đế	Phường Trảng Bom	9.100	6.400	5.500
9060	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.700	3.300	2.800
9061	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.200	2.200	1.900
9062	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
9063	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
9064	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.900	2.000	1.700
9065	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9066	253	Đường Đinh Tiên Hoàng	Quốc lộ 1	Đường Hùng Vương	Phường Trảng Bom	10.400	7.300	6.200
9067	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9068	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.500	2.500	2.100
9069	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.200	1.500	1.300
9070	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.800	3.400	2.900
9071	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.200	2.200	1.900
9072	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
9073	260	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Hùng Vương	Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha)	Phường Trảng Bom	9.800	6.900	5.900
9074	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.700	3.300	2.800
9075	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.200	2.200	1.900
9076	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9077	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
9078	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.900	2.000	1.700
9079	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.900	1.300	1.100
9080	267	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường An Dương Vương	Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ)	Phường Trảng Bom	4.600	3.200	2.800
9081	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.200	1.500	1.300
9082	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.900	1.300	1.100
9083	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.500	1.100	900
9084	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
9085	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9086	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9087	274	Đường Lê Đại Hành	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Nam Đế	Phường Trảng Bom	9.100	6.400	5.500
9088	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.600	3.200	2.800
9089	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
9090	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
9091	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.100	2.900	2.500
9092	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.800	2.000	1.700
9093	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9094	281	Đường Lê Đại Hành	Đường An Dương Vương	Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, Phường Trảng Bom	Phường Trảng Bom	4.300	3.000	2.600
9095	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9096	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.700	1.200	1.000
9097	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9098	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	1.900	1.300	1.100
9099	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.500	1.100	900
9100	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.300	910	780
9101	288	Đường Trần Quang Diệu	Quốc lộ 1	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (Phường Trảng Bom)	Phường Trảng Bom	5.000	3.500	3.000
9102	289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9103	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9104	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9105	292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
9106	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9107	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9108	295	Đường Trần Nguyên Hãn	Quốc lộ 1	Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, Phường Trảng Bom	Phường Trảng Bom	5.600	3.900	3.400
9109	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.800	2.000	1.700
9110	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300
9111	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9112	299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9113	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.900	1.300	1.100
9114	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9115	302	Đường Hùng Vương	Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo	Đường Nguyễn Hoàng	Phường Trảng Bom	13.900	9.700	8.300
9116	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200
9117	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.800	2.700	2.300
9118	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.400	1.700	1.400
9119	306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.800	3.400	2.900
9120	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.400	2.400	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9121	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.200	1.500	1.300
9122	309	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Hoàng	Đường Ngô Quyền	Phường Trảng Bom	15.300	10.700	9.200
9123	310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.900	4.100	3.500
9124	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
9125	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9126	313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200
9127	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.800	2.700	2.300
9128	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
9129	316	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	Đường D6	Phường Trảng Bom	10.400	7.300	6.200
9130	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.700	3.300	2.800
9131	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.200	2.200	1.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9132	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
9133	320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
9134	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.900	2.000	1.700
9135	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9136	323	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương)			Phường Trảng Bom	11.100	7.800	6.700
9137	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.900	4.100	3.500
9138	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9139	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.400	1.700	1.400
9140	327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200
9141	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.800	2.700	2.300
9142	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.200	1.500	1.300
9143	330	Đường tổ 8, ấp 2	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Hoàng	Phường Trảng Bom	5.600	3.900	3.400
9144	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.400	2.400	2.000
9145	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9146	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9147	334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9148	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
9149	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9150	337	Đường Lê Văn Hưu	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Trần Nguyên Hãn	Phường Trảng Bom	5.600	3.900	3.400
9151	338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.800	2.000	1.700
9152	339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300
9153	340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9154	341	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9155	342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.900	1.300	1.100
9156	343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9157	344	Đường Nguyễn Du	Nguyễn Tri Phương	Nguyễn Văn Linh	Phường Trảng Bom	5.600	3.900	3.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9158	345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.400	2.400	2.000
9159	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9160	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9161	348	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
9162	349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
9163	350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9164	351	Đường Nguyễn Khuyến	Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Trảng Bom	5.600	3.900	3.400
9165	352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.400	2.400	2.000
9166	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9167	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9168	355	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
9169	356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
9170	357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9171	358	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Hoa Thám	Phường Trảng Bom	6.700	4.700	4.000
9172	359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.400	2.400	2.000
9173	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9174	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9175	362	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9176	363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
9177	364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9178	365	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường vào chợ Trảng Bom	Phường Trảng Bom	5.600	3.900	3.400
9179	366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.400	2.400	2.000
9180	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9181	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9182	369	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
9183	370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
9184	371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9185	372	Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương	Đường vào chợ Trảng Bom	Phường Trảng Bom	5.600	3.900	3.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9186	373	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.400	2.400	2.000
9187	374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9188	375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9189	376	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
9190	377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
9191	378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9192	379	Đường vào chợ Trảng Bom	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phan Chu Trinh	Phường Trảng Bom	8.400	5.900	5.000
9193	380	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.000	3.500	3.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9194	381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.600	2.500	2.200
9195	382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.900	1.300	1.100
9196	383	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.500	3.200	2.700
9197	384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.200	2.200	1.900
9198	385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.700	1.200	1.000
9199	386	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Hùng Vương	Phường Trảng Bom	5.600	3.900	3.400
9200	387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.400	2.400	2.000
9201	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9202	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9203	390	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
9204	391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
9205	392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9206	393	Nguyễn Hoàng	Quốc lộ 1	Đường Hùng Vương	Phường Trảng Bom	11.100	7.800	6.700
9207	394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200
9208	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.500	2.500	2.100
9209	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.200	1.500	1.300
9210	397	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.800	3.400	2.900
9211	398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.200	2.200	1.900
9212	399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9213	400	Nguyễn Hoàng	Đường Hùng Vương	Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ)	Phường Trảng Bom	9.100	6.400	5.500
9214	401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
9215	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
9216	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
9217	404	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.800	2.700	2.300
9218	405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.800	2.000	1.700
9219	406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9220	407	Đường tỉnh 777	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã An Viễn	Phường Trảng Bom	11.100	7.800	6.700
9221	408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.000	3.500	3.000
9222	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.300	2.300	2.000
9223	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9224	411	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.500	3.200	2.700
9225	412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.000	2.100	1.800
9226	413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9227	414	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đường Nguyễn Hoàng	Đầu cầu số 6	Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200
9228	415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.400	1.700	1.400
9229	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9230	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.200	840	720
9231	418	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.200	1.500	1.300
9232	419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9233	420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9234	421	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đầu cầu số 6	Giáp ranh xã Bàu Hàm	Phường Trảng Bom	3.900	2.700	2.300
9235	422	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9236	423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.300	910	780
9237	424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	990	690	590
9238	425	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9239	426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.200	840	720
9240	427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	890	620	530
9241	428	Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ)	Đường Trảng Bom Thanh Bình	Suối Pét	Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300
9242	429	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom Thanh Bình đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	990	690	590
9243	430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom Thanh Bình đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	870	610	520

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9244	431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom Thanh Bình đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	740	520	440
9245	432	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom Thanh Bình đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	890	620	530
9246	433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom Thanh Bình đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	780	550	470
9247	434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom Thanh Bình đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	670	470	400
9248	435	Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đường công ty gỗ Rừng Thông	Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
9249	436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.500	1.100	900
9250	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.200	840	720
9251	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	870	610	520
9252	439	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9253	440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.100	770	660
9254	441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	780	550	470
9255	442	Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đường Trảng Bom Thanh Bình	Phường Trảng Bom	3.200	2.200	1.900
9256	443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Trảng Bom Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9257	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Trảng Bom Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.200	840	720
9258	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Trảng Bom Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	990	690	590
9259	446	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Trảng Bom Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9260	447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Trảng Bom Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9261	448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Trảng Bom Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	890	620	530
9262	449	Đường vào công ty gỗ Rừng Thông	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo)	Phường Trảng Bom	3.900	2.700	2.300
9263	450	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
9264	451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9265	452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.200	840	720
9266	453	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9267	454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9268	455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9269	456	Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu)	Phường Trảng Bom	3.200	2.200	1.900
9270	457	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9271	458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.200	840	720
9272	459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	990	690	590
9273	460	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9274	461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.100	770	660
9275	462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	890	620	530
9276	463	Đường Sông Trầu 3	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88	Phường Trảng Bom	3.200	2.200	1.900
9277	464	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9278	465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.200	840	720
9279	466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	990	690	590
9280	467	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9281	468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.100	770	660
9282	469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	890	620	530
9283	470	Đường Sông Trầu 3	Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88	Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b	Phường Trảng Bom	2.600	1.800	1.600
9284	471	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9285	472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.200	840	720
9286	473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	990	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9287	474	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9288	475	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.100	770	660
9289	476	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	890	620	530
9290	477	Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9	Đường vào công ty gỗ Rừng Thông	Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ))	Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
9291	478	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300
9292	479	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9293	480	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.200	840	720
9294	481	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9295	482	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9296	483	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.100	770	660
9297	484	Đường Bình Minh - Giang Điền	Đường sắt	Ranh giới xã Giang Điền (cũ)	Phường Trảng Bom	8.200	5.700	4.900
9298	485	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Ranh giới xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	3.300	2.300	2.000
9299	486	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Ranh giới xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
9300	487	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Ranh giới xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9301	488	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Ranh giới xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	3.000	2.100	1.800
9302	489	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Ranh giới xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300
9303	490	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Ranh giới xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9304	491	Đường Bình Minh - Giang Điền	Ranh giới xã Giang Điền (cũ)	Cầu Sông Buông	Phường Trảng Bom	8.600	6.000	5.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9305	492	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	3.700	2.600	2.200
9306	493	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.400	1.700	1.400
9307	494	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9308	495	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	3.300	2.300	2.000
9309	496	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.200	1.500	1.300
9310	497	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9311	498	Đường Bình Minh - Giang Điền	Cầu Sông Buông	Ranh giới xã An Viễn	Phường Trảng Bom	7.200	5.000	4.300
9312	499	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Buông đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	3.000	2.100	1.800
9313	500	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Buông đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9314	501	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Buông đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.300	910	780
9315	502	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Buông đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.700	1.900	1.600
9316	503	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Buông đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9317	504	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Buông đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.200	840	720
9318	505	Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Bình Minh-Giang Điền	Giáp ranh phường Tam Phước	Phường Trảng Bom	6.600	4.600	4.000
9319	506	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh-Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	3.300	2.300	2.000
9320	507	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh-Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300
9321	508	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh-Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9322	509	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	3.000	2.100	1.800
9323	510	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.900	1.300	1.100
9324	511	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.300	910	780
9325	512	Đường Phước Tân - Giang Điền	Đường Bình Minh- Giang Điền	Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh	Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200
9326	513	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.800	2.000	1.700
9327	514	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9328	515	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.300	910	780
9329	516	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9330	517	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9331	518	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.200	840	720
9332	519	Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp	Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 55	Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 48	Phường Trảng Bom	2.200	1.500	1.300
9333	520	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.100	770	660
9334	521	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	890	620	530
9335	522	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	620	430	370
9336	523	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	990	690	590
9337	524	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	800	560	480
9338	525	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	560	390	340

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9339	526	Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp	Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300
9340	527	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	960	670	580
9341	528	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	760	530	460
9342	529	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	550	390	330
9343	530	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	860	600	520
9344	531	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	680	480	410
9345	532	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	500	350	300
9346	533	Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	Cầu 1 tấn	Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
9347	534	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9348	535	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9349	536	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.200	840	720
9350	537	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.900	1.300	1.100
9351	538	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9352	539	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.100	770	660
9353	540	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Bình Minh	Đường Trần Phú	Phường Trảng Bom	10.600	7.400	6.400
9354	541	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	4.100	2.900	2.500
9355	542	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.900	2.000	1.700
9356	543	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9357	544	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	3.700	2.600	2.200
9358	545	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.600	1.800	1.600
9359	546	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.700	1.200	1.000
9360	547	Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành)	Đường Trần Phú	Đường tỉnh 777	Phường Trảng Bom	13.900	9.700	8.300
9361	548	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.900	4.100	3.500
9362	549	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
9363	550	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9364	551	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200
9365	552	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.800	2.700	2.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9366	553	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
9367	554	Quốc lộ 1	Đường tỉnh 777	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	Phường Trảng Bom	9.400	6.600	5.600
9368	555	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
9369	556	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.200	1.500	1.300
9370	557	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9371	558	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.800	2.000	1.700
9372	559	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
9373	560	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9374	561	Đường Vườn Ngô	Đường Lê Duẩn	Đường tỉnh 777	Phường Trảng Bom	6.900	4.800	4.100
9375	562	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	3.200	2.200	1.900
9376	563	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9377	564	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9378	565	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.900	2.000	1.700
9379	566	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.900	1.300	1.100
9380	567	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.300	910	780
9381	568	Đường 3 tháng 2 nối dài	Đường Trần Phú	Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên	Phường Trảng Bom	10.000	7.000	6.000
9382	569	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	4.900	3.400	2.900
9383	570	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.300	2.300	2.000
9384	571	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300
9385	572	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	4.400	3.100	2.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9386	573	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.000	2.100	1.800
9387	574	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.900	1.300	1.100
9388	575	Đường 3 tháng 2 nối dài	Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên	Giáp ranh xã Bình Minh	Phường Trảng Bom	8.500	6.000	5.100
9389	576	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
9390	577	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
9391	578	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
9392	579	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	3.800	2.700	2.300
9393	580	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.800	2.000	1.700
9394	581	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9395	582	Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu	Ranh giới xã Bình Minh	Hết Công ty Sông Gianh	Phường Trảng Bom	2.700	1.900	1.600
9396	583	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.500	1.100	900
9397	584	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.100	770	660
9398	585	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m			Phường Trảng Bom	620	430	370
9399	586	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9400	587	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	990	690	590
9401	588	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	560	390	340
9402	589	Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu	Hết Công ty Sông Gianh	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Phường Trảng Bom	3.900	2.700	2.300
9403	590	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Cây Gáo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9404	591	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Cây Gáo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9405	592	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Cây Gáo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.200	840	720
9406	593	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Cây Gáo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9407	594	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Cây Gáo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9408	595	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Cây Gáo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.100	770	660
9409	596	Đường An Dương Vương	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Ngô Quyền	Phường Trảng Bom	9.800	6.900	5.900
9410	597	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.700	3.300	2.800
9411	598	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.200	2.200	1.900
9412	599	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9413	600	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
9414	601	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.900	2.000	1.700
9415	602	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.900	1.300	1.100
9416	603	Đường Bùi Thị Xuân	Quốc lộ 1	Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17	Phường Trảng Bom	7.300	5.100	4.400
9417	604	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.700	2.600	2.200
9418	605	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9419	606	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9420	607	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.300	2.300	2.000
9421	608	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9422	609	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9423	610	Đường Hai Bà Trưng	Đường Ngô Quyền	Đường An Dương Vương	Phường Trảng Bom	8.400	5.900	5.000
9424	611	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.700	3.300	2.800
9425	612	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.200	2.200	1.900
9426	613	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
9427	614	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
9428	615	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.900	2.000	1.700
9429	616	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9430	617	Đường Lý Nam Đế	Giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9	Đường An Dương Vương	Phường Trảng Bom	9.100	6.400	5.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9431	618	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.700	3.300	2.800
9432	619	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.200	2.200	1.900
9433	620	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
9434	621	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
9435	622	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.900	2.000	1.700
9436	623	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9437	624	Đường Lý Thái Tổ	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hai Bà Trưng	Phường Trảng Bom	9.100	6.400	5.500
9438	625	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.600	3.200	2.800
9439	626	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9440	627	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
9441	628	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.100	2.900	2.500
9442	629	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.800	2.000	1.700
9443	630	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9444	631	Đường Ngô Quyền	Nguyễn Hữu Cảnh	Đường An Dương Vương	Phường Trảng Bom	10.400	7.300	6.200
9445	632	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.000	3.500	3.000
9446	633	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.300	2.300	2.000
9447	634	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300
9448	635	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.500	3.200	2.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9449	636	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.000	2.100	1.800
9450	637	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.900	1.300	1.100
9451	638	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Hùng Vương	Phường Trảng Bom	11.800	8.300	7.100
9452	639	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.900	4.100	3.500
9453	640	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
9454	641	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9455	642	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200
9456	643	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.800	2.700	2.300
9457	644	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9458	645	Đường Trần Nhật Duật	Đường Hùng Vương	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (Phường Trảng Bom)	Phường Trảng Bom	5.000	3.500	3.000
9459	646	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9460	647	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9461	648	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.100	770	660
9462	649	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
9463	650	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9464	651	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.000	700	600
9465	652	Đường Trương Văn Bang	Đường 2 tháng 9	Giáp ranh xã An Viễn	Phường Trảng Bom	8.400	5.900	5.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9466	653	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.700	3.300	2.800
9467	654	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.300	2.300	2.000
9468	655	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
9469	656	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
9470	657	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.000	2.100	1.800
9471	658	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9472	659	Đường Trương Văn Bang	Đường 3 tháng 2	Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ)	Phường Trảng Bom	8.400	5.900	5.000
9473	660	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.700	3.300	2.800
9474	661	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.300	2.300	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9475	662	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
9476	663	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.200	2.900	2.500
9477	664	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.000	2.100	1.800
9478	665	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9479	666	Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai	Phường Trảng Bom	6.700	4.700	4.000
9480	667	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.400	2.400	2.000
9481	668	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9482	669	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9483	670	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9484	671	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
9485	672	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9486	673	Đường Lê Quý Đôn	Đầu tờ 31 thửa 81	Đường Trương Định	Phường Trảng Bom	5.000	3.500	3.000
9487	674	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu tờ 31 thửa 81 đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9488	675	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu tờ 31 thửa 81 đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
9489	676	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu tờ 31 thửa 81 đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9490	677	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu tờ 31 thửa 81 đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
9491	678	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu tờ 31 thửa 81 đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9492	679	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu tờ 31 thửa 81 đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9493	680	Đường Trương Định	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Huệ	Phường Trảng Bom	5.000	3.500	3.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9494	681	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9495	682	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200
9496	683	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9497	684	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
9498	685	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9499	686	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9500	687	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đường Trần Phú	Đường Lê Duẩn	Phường Trảng Bom	9.100	6.400	5.500
9501	688	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.600	3.200	2.800
9502	689	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
9503	690	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9504	691	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	4.100	2.900	2.500
9505	692	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.800	2.000	1.700
9506	693	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9507	694	Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp	Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300
9508	695	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	990	690	590
9509	696	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	870	610	520
9510	697	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	740	520	440
9511	698	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	890	620	530
9512	699	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	780	550	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9513	700	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	670	470	400
9514	701	Đường Sông Trầu 17	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân	Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300
9515	702	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	990	690	590
9516	703	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	870	610	520
9517	704	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	740	520	440
9518	705	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	890	620	530
9519	706	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	780	550	470
9520	707	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	670	470	400
9521	708	Đường số 20	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9522	709	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	990	690	590
9523	710	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	870	610	520
9524	711	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	740	520	440
9525	712	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	890	620	530
9526	713	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	780	550	470
9527	714	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	670	470	400
9528	715	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	Phường Trảng Bom	7.300	5.100	4.400
9529	716	Đường song song với Đường Phan Chu Trinh (đi qua chợ)	Đường Nguyễn Tri Phương	Ba Đường nhựa mặt tiền chợ Mới	Phường Trảng Bom	5.600	3.900	3.400
9530	717	Ba Đường nhựa mặt tiền chợ Mới	- Đường Hùng Vương - Đường Nguyễn Tri Phương	- Đường Phan Chu Trinh - Đường Hoàng Hoa Thám	Phường Trảng Bom	8.400	5.900	5.000
9531	718	Đường Đặng Đức Thuật	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lai	Phường Trảng Bom	7.700	5.400	4.600
9532	719	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Du	Phường Trảng Bom	5.600	3.900	3.400
9533	720	Đường Sông Trầu 11	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đường Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu	Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
9534	721	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 11 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9535	722	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 11 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.200	840	720
9536	723	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 11 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	870	610	520
9537	724	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 11 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9538	725	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 11 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.100	770	660
9539	726	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 11 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	780	550	470
9540	727	Đường Sông Trầu 19	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đường Sông Trầu 17	Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300
9541	728	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 19 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	990	690	590
9542	729	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 19 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	870	610	520
9543	730	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 19 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	740	520	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9544	731	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 19 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	890	620	530
9545	732	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 19 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	780	550	470
9546	733	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 19 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	670	470	400
9547	734	Đường Sông Trầu 25	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đường Sông Trầu 17	Phường Trảng Bom	2.100	1.500	1.300
9548	735	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 25 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	990	690	590
9549	736	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 25 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	870	610	520
9550	737	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 25 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	740	520	440
9551	738	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 25 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	890	620	530
9552	739	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 25 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	780	550	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9553	740	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 25 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	670	470	400
9554	741	Đường khu phố Độc Lập (nay là khu phố Giang Điền)	Đường Bình Minh - Giang Điền	Giáp xã Quảng Tiến (cũ)	Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200
9555	742	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Độc Lập (nay là khu phố Giang Điền) đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Giáp xã Quảng Tiến (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.800	2.000	1.700
9556	743	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Độc Lập (nay là khu phố Giang Điền) đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Giáp xã Quảng Tiến (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9557	744	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Độc Lập (nay là khu phố Giang Điền) đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Giáp xã Quảng Tiến (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.300	910	780
9558	745	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Độc Lập (nay là khu phố Giang Điền) đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Giáp xã Quảng Tiến (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9559	746	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Độc Lập (nay là khu phố Giang Điền) đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Giáp xã Quảng Tiến (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9560	747	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Độc Lập (nay là khu phố Giang Điền) đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Giáp xã Quảng Tiến (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.200	840	720
9561	748	Đường cặp Đường sắt (song song đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa)	Đường Trần Phú	Đường Lê Duẩn	Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9562	749	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cặp Đường sắt (song song đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.800	2.000	1.700
9563	750	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cặp Đường sắt (song song đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9564	751	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cặp Đường sắt (song song đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.300	910	780
9565	752	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cặp Đường sắt (song song đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9566	753	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cặp Đường sắt (song song đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9567	754	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cặp Đường sắt (song song đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.200	840	720
9568	755	Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ	Đường Bình Minh - Giang Điền	Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 110	Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200
9569	756	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.800	2.000	1.700
9570	757	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9571	758	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.300	910	780
9572	759	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9573	760	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9574	761	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.200	840	720
9575	762	Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Phát)	Đường sắt	Giáp ranh xã Giang Điền (cũ)	Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200
9576	763	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Phát) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.800	2.000	1.700
9577	764	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Phát) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9578	765	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Phát) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.300	910	780
9579	766	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Phát) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9580	767	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Phát) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9581	768	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Phát) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.200	840	720
9582	769	Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Biên)	Đường sắt	Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ	Phường Trảng Bom	5.300	3.700	3.200
9583	770	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Biên) đoạn từ Đường sắt đến Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.800	2.000	1.700
9584	771	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Biên) đoạn từ Đường sắt đến Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.800	1.300	1.100
9585	772	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Biên) đoạn từ Đường sắt đến Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.300	910	780
9586	773	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Biên) đoạn từ Đường sắt đến Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9587	774	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Biên) đoạn từ Đường sắt đến Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9588	775	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Biên) đoạn từ Đường sắt đến Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.200	840	720
9589	776	Đường Lê Hồng Phong	Đường 2 tháng 9	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Phường Trảng Bom	7.300	5.100	4.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9590	777	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.700	2.600	2.200
9591	778	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.500	1.800	1.500
9592	779	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	1.600	1.100	960
9593	780	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	3.300	2.300	2.000
9594	781	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	2.300	1.600	1.400
9595	782	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9596	783	Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu	Cầu 1 Tấn	Đường số 20	Phường Trảng Bom	3.100	2.200	1.900
9597	784	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Cầu 1 Tấn đến Đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.500	1.100	900
9598	785	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Cầu 1 Tấn đến Đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.200	840	720
9599	786	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Cầu 1 Tấn đến Đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	870	610	520

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9600	787	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Cầu 1 Tấn đến Đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	1.400	980	840
9601	788	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Cầu 1 Tấn đến Đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	1.100	770	660
9602	789	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Cầu 1 Tấn đến Đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trảng Bom	780	550	470
9603	1	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Đường Vườn Ngô	Đường sắt	Xã An Viễn	6.500	4.600	3.900
9604	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	3.100	2.200	1.900
9605	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.900	1.300	1.100
9606	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	1.300	910	780
9607	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	2.800	2.000	1.700
9608	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9609	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	1.200	840	720
9610	8	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Đường sắt	Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh	Xã An Viễn	3.700	2.600	2.200
9611	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	2.000	1.400	1.200
9612	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.400	980	840
9613	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	940	660	560
9614	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.800	1.300	1.100
9615	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.300	910	780
9616	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	850	600	510
9617	15	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh	Sông Buông	Xã An Viễn	5.200	3.600	3.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9618	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	2.200	1.500	1.300
9619	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.500	1.100	900
9620	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	1.100	770	660
9621	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	2.000	1.400	1.200
9622	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.400	980	840
9623	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	990	690	590
9624	22	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Sông Buông	Ngã ba cây xăng Xuân Dũng	Xã An Viễn	4.700	3.300	2.800
9625	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9626	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.400	980	840
9627	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	1.000	700	600
9628	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.900	1.300	1.100
9629	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.300	910	780
9630	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	900	630	540
9631	29	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Ngã ba cây xăng Xuân Dũng	Giáp ranh phường Tam Phước	Xã An Viễn	8.100	5.700	4.900
9632	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	3.200	2.200	1.900
9633	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	2.200	1.500	1.300
9634	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9635	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	2.900	2.000	1.700
9636	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	2.000	1.400	1.200
9637	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	1.400	980	840
9638	36	Đường vào khu công nghiệp Giang Điền	Đường tỉnh 777	Giáp ranh Phường Trảng Bom	Xã An Viễn	8.500	6.000	5.100
9639	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	3.300	2.300	2.000
9640	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	2.100	1.500	1.300
9641	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	1.400	980	840
9642	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	3.000	2.100	1.800
9643	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9644	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã An Viễn	1.300	910	780
9645	43	Đường ấp 5 - ấp 6	Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m		Xã An Viễn	4.000	2.800	2.400
9646	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	2.000	1.400	1.200
9647	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.700	1.200	1.000
9648	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	1.200	840	720
9649	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.800	1.300	1.100
9650	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.500	1.100	900
9651	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	1.100	770	660
9652	50	Đường ấp 5 - ấp 6	Đường Mai Chí Thọ	Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m	Xã An Viễn	3.500	2.500	2.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9653	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.700	1.200	1.000
9654	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.500	1.100	900
9655	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	1.100	770	660
9656	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.500	1.100	900
9657	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.400	980	840
9658	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	990	690	590
9659	57	Đường liên ấp 2-3-4	Đường ấp 2	Hết ranh xã An Viễn	Xã An Viễn	3.600	2.500	2.200
9660	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.800	1.300	1.100
9661	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9662	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	1.100	770	660
9663	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.600	1.100	960
9664	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.400	980	840
9665	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	990	690	590
9666	64	Đường ấp 2	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Đường liên ấp 2-3-4	Xã An Viễn	3.400	2.400	2.000
9667	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.600	1.100	960
9668	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.300	910	780
9669	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	1.200	840	720
9670	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9671	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.200	840	720
9672	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	1.100	770	660
9673	71	Đường ấp 2	Đường liên ấp 2-3-4	Đường lô cao su xã An Viễn	Xã An Viễn	3.000	2.100	1.800
9674	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.400	980	840
9675	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.200	840	720
9676	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	1.000	700	600
9677	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.300	910	780
9678	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.100	770	660
9679	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	900	630	540
9680	78	Đường Lê Duẩn	Đường Vườn Ngô	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31	Xã An Viễn	8.600	6.000	5.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9681	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	3.900	2.700	2.300
9682	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	2.800	2.000	1.700
9683	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	1.600	1.100	960
9684	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	3.500	2.500	2.100
9685	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	2.500	1.800	1.500
9686	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã An Viễn	1.400	980	840
9687	85	Đường Vườn Ngô	Đường Lê Duẩn	Đường tỉnh 777	Xã An Viễn	6.900	4.800	4.100
9688	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	3.200	2.200	1.900
9689	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9690	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	1.400	980	840
9691	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	2.900	2.000	1.700
9692	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.900	1.300	1.100
9693	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	1.300	910	780
9694	92	Quốc lộ 1	Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo	Giáp ranh Phường Trảng Bom	Xã An Viễn	9.400	6.600	5.600
9695	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	3.100	2.200	1.900
9696	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	2.200	1.500	1.300
9697	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	1.600	1.100	960
9698	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	2.800	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9699	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	2.000	1.400	1.200
9700	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã An Viễn	1.400	980	840
9701	99	Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo	Quốc lộ 1	Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn)	Xã An Viễn	7.200	5.000	4.300
9702	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	3.300	2.300	2.000
9703	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	2.000	1.400	1.200
9704	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	1.300	910	780
9705	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	3.000	2.100	1.800
9706	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.800	1.300	1.100
9707	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9708	106	Đường số 10	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 1183, tờ BĐĐC số 4	Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 2327, tờ BĐĐC số 4)	Xã An Viễn	3.400	2.400	2.000
9709		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 1183, tờ BĐĐC số 4 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 2327, tờ BĐĐC số 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.600	1.120	960
9710		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 1183, tờ BĐĐC số 4 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 2327, tờ BĐĐC số 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.300	910	780
9711		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 1183, tờ BĐĐC số 4 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 2327, tờ BĐĐC số 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	910	637	546
9712		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 1183, tờ BĐĐC số 4 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 2327, tờ BĐĐC số 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.450	1.015	870
9713		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 1183, tờ BĐĐC số 4 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 2327, tờ BĐĐC số 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.200	840	720
9714		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 1183, tờ BĐĐC số 4 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 2327, tờ BĐĐC số 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	820	574	492
9715	107	Đường số 8	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), trạm y tế	Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 4654, tờ BĐĐC số 3)	Xã An Viễn	3.400	2.400	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9716		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), trạm y tế đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 4654, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.600	1.120	960
9717		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), trạm y tế đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 4654, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.300	910	780
9718		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), trạm y tế đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 4654, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	910	637	546
9719		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), trạm y tế đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 4654, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.450	1.015	870
9720		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), trạm y tế đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 4654, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.200	840	720
9721		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), trạm y tế đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 4654, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	820	574	492
9722	108	Đường từ ấp 3 - ấp 6	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3	Xã An Viễn	3.400	2.400	2.000
9723		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.600	1.120	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9724		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.300	910	780
9725		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	910	637	546
9726		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.450	1.015	870
9727		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.200	840	720
9728		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	820	574	492
9729	109	Đường từ ấp 3 - ấp 6	Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3	Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 6747, tờ BĐĐC số 3)	Xã An Viễn	3.000	2.100	1.800
9730		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 6747, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.600	1.120	960
9731		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 6747, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.300	910	780
9732		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 6747, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	910	637	546

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9733		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 6747, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.450	1.015	870
9734		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 6747, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.200	840	720
9735		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 6747, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	820	574	492
9736	110	Đường Cổng chào ấp 4	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Đường liên ấp 2-3-4 (hết ranh thửa đất số 4901, tờ BĐĐC số 5)	Xã An Viễn	3.400	2.400	2.000
9737		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cổng chào ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 (hết ranh thửa đất số 4901, tờ BĐĐC số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.600	1.120	960
9738		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cổng chào ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 (hết ranh thửa đất số 4901, tờ BĐĐC số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.300	910	780
9739		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cổng chào ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 (hết ranh thửa đất số 4901, tờ BĐĐC số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	910	637	546
9740		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cổng chào ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 (hết ranh thửa đất số 4901, tờ BĐĐC số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.450	1.015	870

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9741		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cổng chào ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 (hết ranh thửa đất số 4901, tờ BĐĐC số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.200	840	720
9742		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cổng chào ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 (hết ranh thửa đất số 4901, tờ BĐĐC số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	820	574	492
9743	111	Đường Mai Chí Thọ	Thửa đất số 2416 và 421 tờ bản đồ số 5	Giáp ranh phường Tam Phước	Xã An Viễn	3.400	2.400	2.000
9744		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Thửa đất số 2416 và 421 tờ bản đồ số 5 đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.600	1.120	960
9745		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Thửa đất số 2416 và 421 tờ bản đồ số 5 đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.300	910	780
9746		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Thửa đất số 2416 và 421 tờ bản đồ số 5 đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	910	637	546
9747		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Thửa đất số 2416 và 421 tờ bản đồ số 5 đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.450	1.015	870
9748		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Thửa đất số 2416 và 421 tờ bản đồ số 5 đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.200	840	720
9749		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Thửa đất số 2416 và 421 tờ bản đồ số 5 đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	820	574	492

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9750	112	Đường nối từ đường tỉnh 777 đến đường liên ấp 2-3-4	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 6	Thửa đất số 4318 tờ BĐĐC số 5	Xã An Viễn	3.400	2.400	2.000
9751		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường tỉnh 777 đến đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 6 đến Thửa đất số 4318 tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.600	1.120	960
9752		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường tỉnh 777 đến đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 6 đến Thửa đất số 4318 tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.300	910	780
9753		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường tỉnh 777 đến đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 6 đến Thửa đất số 4318 tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	910	637	546
9754		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường tỉnh 777 đến đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 6 đến Thửa đất số 4318 tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	1.450	1.015	870
9755		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường tỉnh 777 đến đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 6 đến Thửa đất số 4318 tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	1.200	840	720
9756		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường tỉnh 777 đến đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 6 đến Thửa đất số 4318 tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	820	574	492
9757	1	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Giáp ranh Phường Trảng Bom	Đường vào Công ty Đông Nhi	Xã Bàu Hàm	2.500	1.800	1.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9758	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	1.200	840	720
9759	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	960	670	580
9760	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	830	580	500
9761	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	1.100	770	660
9762	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	860	600	520
9763	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Bàu Hàm	750	530	450
9764	8	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường vào Công ty Đông Nhi	Ngã tư Tân Lập	Xã Bàu Hàm	3.400	2.400	2.000
9765	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	1.700	1.200	1.000
9766	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9767	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	960	670	580
9768	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	1.500	1.100	900
9769	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	1.300	910	780
9770	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	860	600	520
9771	15	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Ngã tư Tân Lập	Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24	Xã Bàu Hàm	3.200	2.200	1.900
9772	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	1.500	1.100	900
9773	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	1.300	910	780
9774	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	890	620	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9775	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	1.400	980	840
9776	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	1.200	840	720
9777	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	800	560	480
9778	22	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24	Hồ Trị An	Xã Bàu Hàm	2.100	1.500	1.300
9779	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	1.100	770	660
9780	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	960	670	580
9781	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	690	480	410
9782	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	990	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9783	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	860	600	520
9784	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	620	430	370
9785	29	Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An	Xã Bàu Hàm	2.200	1.500	1.300
9786	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	1.100	770	660
9787	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	890	620	530
9788	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	620	430	370
9789	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	990	690	590
9790	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	800	560	480
9791	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	560	390	340

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9792	36	Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An	Xã Bàu Hàm	1.800	1.300	1.100
9793	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	830	580	500
9794	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	690	480	410
9795	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	550	390	330
9796	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	750	530	450
9797	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	620	430	370
9798	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Bàu Hàm	500	350	300
9799	43	Đường tỉnh 762	Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km		Xã Bàu Hàm	3.300	2.300	2.000
9800	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9801	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	1.300	910	780
9802	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	870	610	520
9803	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	1.500	1.100	900
9804	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	1.200	840	720
9805	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	780	550	470
9806	50	Đường tỉnh 762	Các đoạn còn lại của Đường tỉnh 762, từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Trị An) đến giáp ranh xã Trị An và từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Thống Nhất) đến giáp ranh xã Thống Nhất		Xã Bàu Hàm	2.200	1.500	1.300
9807	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	1.200	840	720
9808	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	940	660	560

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9809	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	650	460	390
9810	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	1.100	770	660
9811	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	850	600	510
9812	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	590	410	350
9813	57	Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Hương lộ 24	Xã Bàu Hàm	1.800	1.300	1.100
9814	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	830	580	500
9815	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	690	480	410
9816	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	480	340	290
9817	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	750	530	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9818	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	620	430	370
9819	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	430	300	260
9820	64	Hương lộ 24	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu)	Xã Bàu Hàm	1.800	1.300	1.100
9821	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	830	580	500
9822	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	620	430	370
9823	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	480	340	290
9824	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	750	530	450
9825	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	560	390	340
9826	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	430	300	260
9827	71	Đường Trường An - Tân Thành	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Hương lộ 24	Xã Bàu Hàm	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9828	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường An - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	890	620	530
9829	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường An - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	620	430	370
9830	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường An - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	480	340	290
9831	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	800	560	480
9832	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	560	390	340
9833	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	430	300	260
9834	78	Đường Tân Thành - Trường An	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Hương lộ 24	Xã Bàu Hàm	1.700	1.200	1.000
9835	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - Trường An đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	890	620	530
9836	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - Trường An đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	620	430	370

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9837	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - Trường An đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	480	340	290
9838	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - Trường An đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	800	560	480
9839	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - Trường An đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	560	390	340
9840	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - Trường An đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	430	300	260
9841	85	Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Giáp ranh xã Thống Nhất	Xã Bàu Hàm	1.700	1.200	1.000
9842	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	830	580	500
9843	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	690	480	410
9844	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	480	340	290
9845	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	750	530	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9846	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	620	430	370
9847	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	430	300	260
9848	92	Đường 3/2	Đường tỉnh 762	Đường Sông Thao - Bàu Hàm	Xã Bàu Hàm	1.200	840	720
9849	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	850	600	510
9850	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	580	410	350
9851	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	410	290	250
9852	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	770	540	460
9853	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	520	360	310
9854	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	370	260	220
9855	99	Đường Sông Thao - Bàu Hàm	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	Đường 19 tháng 5	Xã Bàu Hàm	2.200	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9856	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	1.100	770	660
9857	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	890	620	530
9858	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	620	430	370
9859	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	990	690	590
9860	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	800	560	480
9861	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	560	390	340
9862	106	Đường Sông Thao - Bàu Hàm	Đường 19 tháng 5	Giáp ranh Phường Dầu Giây	Xã Bàu Hàm	2.100	1.500	1.300
9863	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Đường 19 tháng 5 đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	1.100	770	660
9864	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Đường 19 tháng 5 đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	850	600	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9865	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Đường 19 tháng 5 đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	580	410	350
9866	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Đường 19 tháng 5 đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	990	690	590
9867	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Đường 19 tháng 5 đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	770	540	460
9868	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Đường 19 tháng 5 đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Bàu Hàm	520	360	310
9869	113	Đường 19 tháng 5	Đường tỉnh 762	Đường Sông Thao - Bàu Hàm	Xã Bàu Hàm	1.700	1.200	1.000
9870	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 5 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	830	580	500
9871	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 5 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	690	480	410
9872	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 5 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	480	340	290
9873	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 5 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	750	530	450
9874	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 5 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	620	430	370

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9875	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 5 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	430	300	260
9876	120	Đường 30 tháng 4	Đường Sông Thao - Bàu Hàm	Đường tỉnh 762	Xã Bàu Hàm	1.700	1.200	1.000
9877	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Sông Thao - Bàu Hàm đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	830	580	500
9878	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Sông Thao - Bàu Hàm đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	690	480	410
9879	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Sông Thao - Bàu Hàm đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	480	340	290
9880	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Sông Thao - Bàu Hàm đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	750	530	450
9881	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Sông Thao - Bàu Hàm đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	620	430	370
9882	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Sông Thao - Bàu Hàm đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	430	300	260
9883	127	Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Giáp ranh xã Gia Kiệm	Xã Bàu Hàm	1.700	1.200	1.000
9884	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	830	580	500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9885	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	620	430	370
9886	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	410	290	250
9887	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	750	530	450
9888	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	560	390	340
9889	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	370	260	220
9890	134	Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường 19 tháng 5	Xã Bàu Hàm	2.100	1.500	1.300
9891	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	960	670	580
9892	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	760	530	460
9893	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	550	390	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9894	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	860	600	520
9895	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	680	480	410
9896	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	500	350	300
9897	1	Quốc lộ 1	Ngã ba Trị An	Nhà thờ Bùi Chu	Xã Bình Minh	14.200	9.900	8.500
9898	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ngã ba Trị An đến Nhà thờ Bùi Chu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	6.600	4.600	4.000
9899	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ngã ba Trị An đến Nhà thờ Bùi Chu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	4.100	2.900	2.500
9900	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ngã ba Trị An đến Nhà thờ Bùi Chu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	3.300	2.300	2.000
9901	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ngã ba Trị An đến Nhà thờ Bùi Chu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	5.900	4.100	3.500
9902	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ngã ba Trị An đến Nhà thờ Bùi Chu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	3.700	2.600	2.200
9903	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ngã ba Trị An đến Nhà thờ Bùi Chu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	3.000	2.100	1.800
9904	8	Quốc lộ 1	Nhà thờ Bùi Chu	UBND xã Bắc Sơn (cũ)	Xã Bình Minh	11.200	7.800	6.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9905	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nhà thờ Bùi Chu đến UBND xã Bắc Sơn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	4.500	3.200	2.700
9906	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nhà thờ Bùi Chu đến UBND xã Bắc Sơn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.900	2.000	1.700
9907	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nhà thờ Bùi Chu đến UBND xã Bắc Sơn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	2.400	1.700	1.400
9908	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nhà thờ Bùi Chu đến UBND xã Bắc Sơn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	4.100	2.900	2.500
9909	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nhà thờ Bùi Chu đến UBND xã Bắc Sơn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.600	1.800	1.600
9910	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nhà thờ Bùi Chu đến UBND xã Bắc Sơn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	2.200	1.500	1.300
9911	15	Quốc lộ 1	UBND xã Bắc Sơn (cũ)	Cầu Suối Đĩa	Xã Bình Minh	8.500	6.000	5.100
9912	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Bắc Sơn (cũ) đến Cầu Suối Đĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	3.500	2.500	2.100
9913	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Bắc Sơn (cũ) đến Cầu Suối Đĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.400	1.700	1.400
9914	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Bắc Sơn (cũ) đến Cầu Suối Đĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9915	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Bắc Sơn (cũ) đến Cầu Suối Đĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	3.200	2.200	1.900
9916	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Bắc Sơn (cũ) đến Cầu Suối Đĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.200	1.500	1.300
9917	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Bắc Sơn (cũ) đến Cầu Suối Đĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.400	980	840
9918	22	Quốc lộ 1	Cầu Suối Đĩa	Đường Võ Nguyên Giáp	Xã Bình Minh	9.700	6.800	5.800
9919	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Suối Đĩa đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	3.900	2.700	2.300
9920	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Suối Đĩa đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.600	1.800	1.600
9921	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Suối Đĩa đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.600	1.100	960
9922	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Suối Đĩa đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	3.500	2.500	2.100
9923	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Suối Đĩa đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.300	1.600	1.400
9924	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Suối Đĩa đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9925	29	Quốc lộ 1	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh Phường Trảng Bom	Xã Bình Minh	10.600	7.400	6.400
9926	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	4.000	2.800	2.400
9927	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.700	1.900	1.600
9928	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.800	1.300	1.100
9929	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	3.600	2.500	2.200
9930	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.400	1.700	1.400
9931	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Bình Minh	1.600	1.100	960
9932	36	Đường Bắc Sơn - Long Thành	Quốc lộ 1	Đường sắt	Xã Bình Minh	11.100	7.800	6.700
9933	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	4.300	3.000	2.600
9934	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	3.000	2.100	1.800
9935	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9936	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	3.900	2.700	2.300
9937	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.700	1.900	1.600
9938	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.800	1.300	1.100
9939	43	Đường Bắc Sơn - Long Thành	Đường sắt	Giáp ranh phường Phước Tân	Xã Bình Minh	7.800	5.500	4.700
9940	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	3.400	2.400	2.000
9941	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.600	1.800	1.600
9942	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.700	1.200	1.000
9943	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	3.100	2.200	1.900
9944	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9945	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.500	1.100	900
9946	50	Đường số 69	Quốc lộ 1	Ranh Cụm làng nghề gỗ mỹ nghệ xã Bình Minh	Xã Bình Minh	4.400	3.100	2.600
9947	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 69 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh Cụm làng nghề gỗ mỹ nghệ xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	2.100	1.500	1.300
9948	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 69 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh Cụm làng nghề gỗ mỹ nghệ xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.800	1.300	1.100
9949	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 69 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh Cụm làng nghề gỗ mỹ nghệ xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.300	910	780
9950	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 69 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh Cụm làng nghề gỗ mỹ nghệ xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	1.900	1.300	1.100
9951	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 69 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh Cụm làng nghề gỗ mỹ nghệ xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.600	1.100	960
9952	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 69 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh Cụm làng nghề gỗ mỹ nghệ xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.200	840	720
9953	57	Đường Võ Nguyên Giáp	Quốc lộ 1	Giáp ranh phường Phước Tân	Xã Bình Minh	11.100	7.800	6.700
9954	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	4.400	3.100	2.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9955	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	3.000	2.100	1.800
9956	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.800	1.300	1.100
9957	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	4.000	2.800	2.400
9958	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.700	1.900	1.600
9959	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.600	1.100	960
9960	64	Đường số 25	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Bắc Hòa - Phú Sơn	Xã Bình Minh	4.400	3.100	2.600
9961	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Bắc Hòa - Phú Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	2.100	1.500	1.300
9962	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Bắc Hòa - Phú Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.900	1.300	1.100
9963	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Bắc Hòa - Phú Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.300	910	780
9964	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Bắc Hòa - Phú Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9965	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Bắc Hòa - Phú Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.700	1.200	1.000
9966	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Bắc Hòa - Phú Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.200	840	720
9967	71	Đường Bình Minh-Giang Điền	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh Phường Trảng Bom	Xã Bình Minh	4.400	3.100	2.600
9968	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh-Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	2.200	1.500	1.300
9969	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh-Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.800	1.300	1.100
9970	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh-Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.300	910	780
9971	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh- Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	2.000	1.400	1.200
9972	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh- Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.600	1.100	960
9973	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh- Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Bình Minh	1.200	840	720
9974	78	Đường Bình Minh-Giang Điền	Quốc lộ 1	Đường sắt	Xã Bình Minh	9.800	6.900	5.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9975	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh-Giang Điền đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	4.400	3.100	2.600
9976	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh-Giang Điền đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	3.000	2.100	1.800
9977	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh-Giang Điền đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	2.000	1.400	1.200
9978	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh- Giang Điền đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	4.000	2.800	2.400
9979	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh- Giang Điền đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.700	1.900	1.600
9980	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh- Giang Điền đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.800	1.300	1.100
9981	85	Đường Bình Minh-Giang Điền	Đường sắt	Giáp ranh Phường Tràng Bom	Xã Bình Minh	8.200	5.700	4.900
9982	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh-Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh Phường Tràng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	3.300	2.300	2.000
9983	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh-Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh Phường Tràng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.300	1.600	1.400
9984	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh-Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh Phường Tràng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9985	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh- Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	3.000	2.100	1.800
9986	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh- Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.100	1.500	1.300
9987	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh- Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Bình Minh	1.400	980	840
9988	92	Đường tỉnh 767	Ngã ba Trị An	Công ty Việt Vinh	Xã Bình Minh	20.000	14.000	12.000
9989	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Ngã ba Trị An đến Công ty Việt Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	9.400	6.600	5.600
9990	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Ngã ba Trị An đến Công ty Việt Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	5.900	4.100	3.500
9991	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Ngã ba Trị An đến Công ty Việt Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	3.500	2.500	2.100
9992	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Ngã ba Trị An đến Công ty Việt Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	8.500	6.000	5.100
9993	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Ngã ba Trị An đến Công ty Việt Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	5.300	3.700	3.200
9994	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Ngã ba Trị An đến Công ty Việt Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	3.200	2.200	1.900
9995	99	Đường tỉnh 767	Công ty Việt Vinh	Ngã ba Hươu Nai	Xã Bình Minh	14.100	9.900	8.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
9996	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Công ty Việt Vinh đến Ngã ba Hươu Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	6.600	4.600	4.000
9997	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Công ty Việt Vinh đến Ngã ba Hươu Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	4.100	2.900	2.500
9998	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Công ty Việt Vinh đến Ngã ba Hươu Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	2.500	1.800	1.500
9999	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Công ty Việt Vinh đến Ngã ba Hươu Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	5.900	4.100	3.500
10000	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Công ty Việt Vinh đến Ngã ba Hươu Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	3.700	2.600	2.200
10001	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Công ty Việt Vinh đến Ngã ba Hươu Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	2.300	1.600	1.400
10002	106	Đường tỉnh 767	Ngã ba Hươu Nai	Trường Tiểu học Sông Mây	Xã Bình Minh	10.900	7.600	6.500
10003	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Ngã ba Hươu Nai đến Trường Tiểu học Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	5.200	3.600	3.100
10004	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Ngã ba Hươu Nai đến Trường Tiểu học Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	3.300	2.300	2.000
10005	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Ngã ba Hươu Nai đến Trường Tiểu học Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10006	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Ngã ba Hươu Nai đến Trường Tiểu học Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	4.700	3.300	2.800
10007	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Ngã ba Hươu Nai đến Trường Tiểu học Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	3.000	2.100	1.800
10008	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Ngã ba Hươu Nai đến Trường Tiểu học Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.800	1.300	1.100
10009	113	Đường tỉnh 767	Trường Tiểu học Sông Mây	Cầu Sông Thao	Xã Bình Minh	7.700	5.400	4.600
10010	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Trường Tiểu học Sông Mây đến Cầu Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	3.000	2.100	1.800
10011	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Trường Tiểu học Sông Mây đến Cầu Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.300	1.600	1.400
10012	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Trường Tiểu học Sông Mây đến Cầu Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.400	980	840
10013	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Trường Tiểu học Sông Mây đến Cầu Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	2.700	1.900	1.600
10014	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Trường Tiểu học Sông Mây đến Cầu Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10015	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Trường Tiểu học Sông Mây đến Cầu Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.300	910	780
10016	120	Đường Sông Mây 8	Đường tỉnh 767	Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây	Xã Bình Minh	3.300	2.300	2.000
10017	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	2.300	1.600	1.400
10018	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.800	1.300	1.100
10019	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.300	910	780
10020	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	2.100	1.500	1.300
10021	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.600	1.100	960
10022	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.200	840	720
10023	127	Đường Sông Mây 8	Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây	Ngã ba trường tiểu học Sông Mây	Xã Bình Minh	2.300	1.600	1.400
10024	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây đến Ngã ba trường tiểu học Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10025	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây đến Ngã ba trường tiểu học Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.200	840	720
10026	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây đến Ngã ba trường tiểu học Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	550	390	330
10027	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây đến Ngã ba trường tiểu học Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	1.400	980	840
10028	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây đến Ngã ba trường tiểu học Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.100	770	660
10029	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây đến Ngã ba trường tiểu học Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Bình Minh	500	350	300
10030	134	Đường Sông Mây 8	Ngã ba Trường Tiểu học Sông Mây	Nhà văn hóa ấp Sông Mây	Xã Bình Minh	3.100	2.200	1.900
10031	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba Trường Tiểu học Sông Mây đến Nhà văn hóa ấp Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	2.000	1.400	1.200
10032	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba Trường Tiểu học Sông Mây đến Nhà văn hóa ấp Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.200	840	720
10033	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba Trường Tiểu học Sông Mây đến Nhà văn hóa ấp Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	550	390	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10034	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba Trường Tiểu học Sông Mây đến Nhà văn hóa ấp Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	1.800	1.300	1.100
10035	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba Trường Tiểu học Sông Mây đến Nhà văn hóa ấp Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.100	770	660
10036	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba Trường Tiểu học Sông Mây đến Nhà văn hóa ấp Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Bình Minh	500	350	300
10037	141	Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom	Đường tỉnh 767	Hết đài đức mẹ giáo xứ Bùi Đệ	Xã Bình Minh	3.100	2.200	1.900
10038	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Hết đài đức mẹ giáo xứ Bùi Đệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	2.000	1.400	1.200
10039	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Hết đài đức mẹ giáo xứ Bùi Đệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.200	840	720
10040	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Hết đài đức mẹ giáo xứ Bùi Đệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	550	390	330
10041	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Hết đài đức mẹ giáo xứ Bùi Đệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	1.800	1.300	1.100
10042	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Hết đài đức mẹ giáo xứ Bùi Đệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10043	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Hết đài đức mẹ giáo xứ Bùi Dệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	500	350	300
10044	148	Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom	Hết đài đức mẹ giáo xứ Bùi Dệ	Giáp ranh Phường Trảng Bom	Xã Bình Minh	2.300	1.600	1.400
10045	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom đoạn từ Hết đài đức mẹ giáo xứ Bùi Dệ đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	1.600	1.100	960
10046	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom đoạn từ Hết đài đức mẹ giáo xứ Bùi Dệ đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.200	840	720
10047	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom đoạn từ Hết đài đức mẹ giáo xứ Bùi Dệ đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	550	390	330
10048	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom đoạn từ Hết đài đức mẹ giáo xứ Bùi Dệ đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	1.400	980	840
10049	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom đoạn từ Hết đài đức mẹ giáo xứ Bùi Dệ đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.100	770	660
10050	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom đoạn từ Hết đài đức mẹ giáo xứ Bùi Dệ đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Bình Minh	500	350	300
10051	155	Đường 3 tháng 2 nối dài	Giáp ranh Phường Trảng Bom	Đường Bình Minh - Giang Điền	Xã Bình Minh	8.500	6.000	5.100
10052	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Đường Bình Minh - Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	4.200	2.900	2.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10053	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Đường Bình Minh - Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	3.100	2.200	1.900
10054	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Đường Bình Minh - Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	2.000	1.400	1.200
10055	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Đường Bình Minh - Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	3.800	2.700	2.300
10056	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Đường Bình Minh - Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.800	2.000	1.700
10057	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Đường Bình Minh - Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Bình Minh	1.800	1.300	1.100
10058	162	Đường song hành đường Võ Nguyên Giáp	Thửa đất số 456, tờ BĐĐC số 29, xã Bình Minh	Thửa đất số 1154, tờ BĐĐC số 29, xã Bình Minh	Xã Bình Minh	7.500	5.300	4.500
10059	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường song hành đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Thửa đất số 456, tờ BĐĐC số 29, xã Bình Minh đến Thửa đất số 1154, tờ BĐĐC số 29, xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	3.800	2.700	2.300
10060	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường song hành đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Thửa đất số 456, tờ BĐĐC số 29, xã Bình Minh đến Thửa đất số 1154, tờ BĐĐC số 29, xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.300	1.600	1.400
10061	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường song hành đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Thửa đất số 456, tờ BĐĐC số 29, xã Bình Minh đến Thửa đất số 1154, tờ BĐĐC số 29, xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10062	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường song hành đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Thửa đất số 456, tờ BĐĐC số 29, xã Bình Minh đến Thửa đất số 1154, tờ BĐĐC số 29, xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	3.400	2.400	2.000
10063	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường song hành đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Thửa đất số 456, tờ BĐĐC số 29, xã Bình Minh đến Thửa đất số 1154, tờ BĐĐC số 29, xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.100	1.500	1.300
10064	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường song hành đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Thửa đất số 456, tờ BĐĐC số 29, xã Bình Minh đến Thửa đất số 1154, tờ BĐĐC số 29, xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.400	980	840
10065	169	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đầu đường 767	VLXD Xuân Định	Xã Bình Minh	9.400	6.600	5.600
10066	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đầu đường 767 đến VLXD Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	4.700	3.300	2.800
10067	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đầu đường 767 đến VLXD Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	3.760	2.600	2.300
10068	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đầu đường 767 đến VLXD Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	2.820	2.000	1.700
10069	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đầu đường 767 đến VLXD Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	4.200	2.900	2.500
10070	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đầu đường 767 đến VLXD Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	3.400	2.400	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10071	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đầu đường 767 đến VLXD Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	2.500	1.800	1.500
10072	176	Đường Tân Thành - An Chu	Quốc lộ 1A	Vật liệu xây dựng Xuân Định	Xã Bình Minh	4.400	3.100	2.600
10073	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Quốc lộ 1A đến Vật liệu xây dựng Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	2.100	1.500	1.300
10074	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Quốc lộ 1A đến Vật liệu xây dựng Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.800	1.300	1.100
10075	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Quốc lộ 1A đến Vật liệu xây dựng Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.300	910	780
10076	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Quốc lộ 1A đến Vật liệu xây dựng Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	1.900	1.300	1.100
10077	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Quốc lộ 1A đến Vật liệu xây dựng Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.600	1.100	960
10078	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Quốc lộ 1A đến Vật liệu xây dựng Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.200	840	720
10079	183	Đường Tân Thành - An Chu	Vật liệu xây dựng Xuân Định	Giáp đường 9 ấp An Chu	Xã Bình Minh	3.100	2.200	1.900
10080	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Vật liệu xây dựng Xuân Định đến Giáp đường 9 ấp An Chu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10081	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Vật liệu xây dựng Xuân Định đến Giáp đường 9 ấp An Chu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.200	840	720
10082	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Vật liệu xây dựng Xuân Định đến Giáp đường 9 ấp An Chu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	550	390	330
10083	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Vật liệu xây dựng Xuân Định đến Giáp đường 9 ấp An Chu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	1.800	1.300	1.100
10084	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Vật liệu xây dựng Xuân Định đến Giáp đường 9 ấp An Chu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.100	770	660
10085	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Vật liệu xây dựng Xuân Định đến Giáp đường 9 ấp An Chu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	500	350	300
10086	190	Đường 9 ấp An Chu	Đầu Ngã tư KCN Sông Mây	Nhà Nghỉ EVA	Xã Bình Minh	4.400	3.100	2.600
10087	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Đầu Ngã tư KCN Sông Mây đến Nhà Nghỉ EVA có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	2.100	1.500	1.300
10088	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Đầu Ngã tư KCN Sông Mây đến Nhà Nghỉ EVA có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.800	1.300	1.100
10089	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Đầu Ngã tư KCN Sông Mây đến Nhà Nghỉ EVA có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.300	910	780
10090	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Đầu Ngã tư KCN Sông Mây đến Nhà Nghỉ EVA có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10091	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Đầu Ngã tư KCN Sông Mây đến Nhà Nghỉ EVA có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.600	1.100	960
10092	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Đầu Ngã tư KCN Sông Mây đến Nhà Nghỉ EVA có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.200	840	720
10093	197	Đường 9 ấp An Chu	Nhà Nghỉ EVA	thửa đất số 68, tờ bản đồ số 60	Xã Bình Minh	3.100	2.200	1.900
10094	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Nhà Nghỉ EVA đến thửa đất số 68, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	2.000	1.400	1.200
10095	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Nhà Nghỉ EVA đến thửa đất số 68, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.200	840	720
10096	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Nhà Nghỉ EVA đến thửa đất số 68, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	550	390	330
10097	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Nhà Nghỉ EVA đến thửa đất số 68, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	1.800	1.300	1.100
10098	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Nhà Nghỉ EVA đến thửa đất số 68, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.100	770	660
10099	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Nhà Nghỉ EVA đến thửa đất số 68, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Bình Minh	500	350	300
10100	204	Đường An Chu 7	Đường 767	Đường số 2 trong KCN	Xã Bình Minh	9.400	6.600	5.600
10101	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường 767 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	4.700	3.300	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10102	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường 767 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	3.760	2.600	2.300
10103	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường 767 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	2.820	2.000	1.700
10104	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường 767 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	4.200	2.900	2.500
10105	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường 767 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	3.400	2.400	2.000
10106	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường 767 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	2.500	1.800	1.500
10107	211	Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3	Đường An Chu 7	Đường Thanh Hóa 1	Xã Bình Minh	9.400	6.600	5.600
10108	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường An Chu 7 đến Đường Thanh Hóa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	4.700	3.300	2.800
10109	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường An Chu 7 đến Đường Thanh Hóa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	3.760	2.600	2.300
10110	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường An Chu 7 đến Đường Thanh Hóa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	2.820	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10111	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường An Chu 7 đến Đường Thanh Hóa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	4.200	2.900	2.500
10112	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường An Chu 7 đến Đường Thanh Hóa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	3.400	2.400	2.000
10113	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường An Chu 7 đến Đường Thanh Hóa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	2.500	1.800	1.500
10114	218	Đường Sông Mây 5	Đối diện nhà thờ Bùi đệ	Hết ranh xã Bắc Sơn cũ	Xã Bình Minh	2.300	1.600	1.400
10115	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 5 đoạn từ Đối diện nhà thờ Bùi đệ đến Hết ranh xã Bắc Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	1.600	1.100	960
10116	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 5 đoạn từ Đối diện nhà thờ Bùi đệ đến Hết ranh xã Bắc Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.200	840	720
10117	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 5 đoạn từ Đối diện nhà thờ Bùi đệ đến Hết ranh xã Bắc Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	550	390	330
10118	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 5 đoạn từ Đối diện nhà thờ Bùi đệ đến Hết ranh xã Bắc Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	1.400	980	840
10119	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 5 đoạn từ Đối diện nhà thờ Bùi đệ đến Hết ranh xã Bắc Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10120	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 5 đoạn từ Đối diện nhà thờ Bùi đệ đến Hết ranh xã Bắc Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	500	350	300
10121	225	Đường Bắc Hòa - Phú Sơn	Ngã ba đối diện nhà thờ Bắc Hòa	Qua đường tàu - hết ranh xã	Xã Bình Minh	7.500	5.300	4.500
10122	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Hòa - Phú Sơn đoạn từ Ngã ba đối diện nhà thờ Bắc Hòa đến Qua đường tàu - hết ranh xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	3.800	2.700	2.300
10123	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Hòa - Phú Sơn đoạn từ Ngã ba đối diện nhà thờ Bắc Hòa đến Qua đường tàu - hết ranh xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.300	1.600	1.400
10124	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Hòa - Phú Sơn đoạn từ Ngã ba đối diện nhà thờ Bắc Hòa đến Qua đường tàu - hết ranh xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.500	1.100	900
10125	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Hòa - Phú Sơn đoạn từ Ngã ba đối diện nhà thờ Bắc Hòa đến Qua đường tàu - hết ranh xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	3.400	2.400	2.000
10126	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Hòa - Phú Sơn đoạn từ Ngã ba đối diện nhà thờ Bắc Hòa đến Qua đường tàu - hết ranh xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	2.100	1.500	1.300
10127	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Hòa - Phú Sơn đoạn từ Ngã ba đối diện nhà thờ Bắc Hòa đến Qua đường tàu - hết ranh xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	1.400	980	840
10128	1	Đường ấp Lộc Hòa (nhánh Nam Quốc lộ 1)	Quốc lộ 1 đi qua Công ty Cổ phần TOGET Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	Đường sắt	Xã Hưng Thịnh	4.200	2.900	2.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10129	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Lộc Hòa (nhánh Nam Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua Công ty Cổ phần TOGET Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.100	1.500	1.300
10130	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Lộc Hòa (nhánh Nam Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua Công ty Cổ phần TOGET Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.800	1.300	1.100
10131	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Lộc Hòa (nhánh Nam Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua Công ty Cổ phần TOGET Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.200	840	720
10132	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Lộc Hòa (nhánh Nam Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua Công ty Cổ phần TOGET Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.900	1.300	1.100
10133	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Lộc Hòa (nhánh Nam Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua Công ty Cổ phần TOGET Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.600	1.100	960
10134	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Lộc Hòa (nhánh Nam Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua Công ty Cổ phần TOGET Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.100	770	660
10135	8	Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1)	Quốc lộ 1	Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	Xã Hưng Thịnh	4.200	2.900	2.500
10136	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10137	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.800	1.300	1.100
10138	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.200	840	720
10139	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.900	1.300	1.100
10140	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.600	1.100	960
10141	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.100	770	660
10142	15	Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1)	Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	Nhà máy xử lý chất thải	Xã Hưng Thịnh	3.100	2.200	1.900
10143	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng đến Nhà máy xử lý chất thải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.600	1.100	960
10144	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng đến Nhà máy xử lý chất thải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10145	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng đến Nhà máy xử lý chất thải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	910	640	550
10146	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng đến Nhà máy xử lý chất thải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.400	980	840
10147	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng đến Nhà máy xử lý chất thải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.200	840	720
10148	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng đến Nhà máy xử lý chất thải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	820	570	490
10149	22	Đường liên ấp Lộc Hòa	Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Tây	Giáp nghĩa địa giáo xứ Lộc Hòa	Xã Hưng Thịnh	4.200	2.900	2.500
10150	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Tây đến Giáp nghĩa địa giáo xứ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.100	1.500	1.300
10151	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Tây đến Giáp nghĩa địa giáo xứ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.800	1.300	1.100
10152	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Tây đến Giáp nghĩa địa giáo xứ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10153	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Tây đến Giáp nghĩa địa giáo xứ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.900	1.300	1.100
10154	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Tây đến Giáp nghĩa địa giáo xứ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.600	1.100	960
10155	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Tây đến Giáp nghĩa địa giáo xứ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.100	770	660
10156	29	Đường liên ấp Lộc Hòa	Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Đông	Đường sắt	Xã Hưng Thịnh	4.200	2.900	2.500
10157	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Đông đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.100	1.500	1.300
10158	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Đông đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.800	1.300	1.100
10159	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Đông đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.200	840	720
10160	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Đông đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.900	1.300	1.100
10161	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Đông đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10162	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Đông đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.100	770	660
10163	36	Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá	Quốc lộ 1	Cầu Sông Đinh	Xã Hưng Thịnh	4.300	3.000	2.600
10164	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Đinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.200	1.500	1.300
10165	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Đinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.800	1.300	1.100
10166	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Đinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.200	840	720
10167	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Đinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.000	1.400	1.200
10168	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Đinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.600	1.100	960
10169	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Đinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.100	770	660
10170	43	Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá	Cầu Sông Đinh	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 58 tờ BĐĐC số 36; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 121, tờ BĐĐC số 36	Xã Hưng Thịnh	3.400	2.400	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10171	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Cầu Sông Đinh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 58 tờ BĐĐC số 36; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 121, tờ BĐĐC số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.600	1.100	960
10172	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Cầu Sông Đinh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 58 tờ BĐĐC số 36; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 121, tờ BĐĐC số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.200	840	720
10173	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Cầu Sông Đinh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 58 tờ BĐĐC số 36; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 121, tờ BĐĐC số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.000	700	600
10174	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Cầu Sông Đinh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 58 tờ BĐĐC số 36; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 121, tờ BĐĐC số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.400	980	840
10175	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Cầu Sông Đinh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 58 tờ BĐĐC số 36; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 121, tờ BĐĐC số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.100	770	660
10176	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Cầu Sông Đinh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 58 tờ BĐĐC số 36; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 121, tờ BĐĐC số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	900	630	540
10177	50	Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình	Quốc lộ 1	Đường sắt	Xã Hưng Thịnh	4.600	3.200	2.800
10178	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.200	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10179	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.800	1.300	1.100
10180	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.400	980	840
10181	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.000	1.400	1.200
10182	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.600	1.100	960
10183	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.300	910	780
10184	57	Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình	Đường sắt	Ngã ba Yên Thành	Xã Hưng Thịnh	3.600	2.500	2.200
10185	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Đường sắt đến Ngã ba Yên Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.700	1.200	1.000
10186	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Đường sắt đến Ngã ba Yên Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.300	910	780
10187	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Đường sắt đến Ngã ba Yên Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.000	700	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10188	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Đường sắt đến Ngã ba Yên Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.500	1.100	900
10189	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Đường sắt đến Ngã ba Yên Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.200	840	720
10190	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Đường sắt đến Ngã ba Yên Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	900	630	540
10191	64	Đường Đông Hòa 7km	Quốc lộ 1	Đường sắt	Xã Hưng Thịnh	5.500	3.900	3.300
10192	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.600	1.800	1.600
10193	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	2.200	1.500	1.300
10194	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.700	1.200	1.000
10195	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.300	1.600	1.400
10196	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	2.000	1.400	1.200
10197	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.500	1.100	900
10198	71	Đường Đông Hòa 7km	Đường sắt	Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình	Xã Hưng Thịnh	4.000	2.800	2.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10199	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường sắt đến Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.000	1.400	1.200
10200	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường sắt đến Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.700	1.200	1.000
10201	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường sắt đến Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.200	840	720
10202	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường sắt đến Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.800	1.300	1.100
10203	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường sắt đến Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.500	1.100	900
10204	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường sắt đến Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.100	770	660
10205	78	Đường Đông Hòa 7km	Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình	Giáp ranh Phường Dầu Giây	Xã Hưng Thịnh	2.600	1.800	1.600
10206	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.300	910	780
10207	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10208	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	860	600	520
10209	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.200	840	720
10210	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	990	690	590
10211	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Hưng Thịnh	770	540	460
10212	85	Đường 15	Quốc lộ 1	Đường sắt ấp Hưng Long	Xã Hưng Thịnh	4.600	3.200	2.800
10213	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 15 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt ấp Hưng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.200	1.500	1.300
10214	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 15 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt ấp Hưng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	2.000	1.400	1.200
10215	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 15 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt ấp Hưng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.600	1.100	960
10216	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 15 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt ấp Hưng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10217	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 15 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt ấp Hưng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.800	1.300	1.100
10218	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 15 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt ấp Hưng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.400	980	840
10219	92	Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây)	Quốc lộ 1	Đường sắt	Xã Hưng Thịnh	5.600	3.900	3.400
10220	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.700	1.900	1.600
10221	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	2.200	1.500	1.300
10222	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.600	1.100	960
10223	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.400	1.700	1.400
10224	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	2.000	1.400	1.200
10225	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.400	980	840
10226	99	Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây)	Đường sắt	Giáp ranh Phường Dầu Giây	Xã Hưng Thịnh	3.400	2.400	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10227	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.700	1.200	1.000
10228	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.400	980	840
10229	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.000	700	600
10230	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.500	1.100	900
10231	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.300	910	780
10232	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Hưng Thịnh	900	630	540
10233	106	Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình)	Quốc lộ 1	Đường sắt	Xã Hưng Thịnh	3.900	2.700	2.300
10234	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.900	1.300	1.100
10235	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10236	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.000	700	600
10237	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.700	1.200	1.000
10238	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.300	910	780
10239	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	900	630	540
10240	113	Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình)	Đường sắt	Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây)	Xã Hưng Thịnh	2.600	1.800	1.600
10241	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Đường sắt đến Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.300	910	780
10242	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Đường sắt đến Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.100	770	660
10243	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Đường sắt đến Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	860	600	520
10244	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Đường sắt đến Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10245	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Đường sắt đến Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	990	690	590
10246	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Đường sắt đến Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	770	540	460
10247	120	Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm	Quốc lộ 1	Cầu số 1	Xã Hưng Thịnh	4.600	3.200	2.800
10248	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.300	1.600	1.400
10249	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.600	1.100	960
10250	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.200	840	720
10251	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.100	1.500	1.300
10252	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.400	980	840
10253	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10254	127	Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm	Cầu số 1	Giáp ranh xã Bàu Hàm	Xã Hưng Thịnh	3.500	2.500	2.100
10255	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.700	1.200	1.000
10256	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.300	910	780
10257	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	940	660	560
10258	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.500	1.100	900
10259	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.200	840	720
10260	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	850	600	510
10261	134	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã An Viễn	Nhà thờ Lộc Hòa	Xã Hưng Thịnh	9.400	6.600	5.600
10262	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã An Viễn đến Nhà thờ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	3.100	2.200	1.900
10263	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã An Viễn đến Nhà thờ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	2.200	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10264	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã An Viễn đến Nhà thờ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.600	1.100	960
10265	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã An Viễn đến Nhà thờ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.800	2.000	1.700
10266	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã An Viễn đến Nhà thờ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	2.000	1.400	1.200
10267	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã An Viễn đến Nhà thờ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.400	980	840
10268	141	Quốc lộ 1	Nhà thờ Lộc Hòa	UBND xã Hưng Thịnh	Xã Hưng Thịnh	8.200	5.700	4.900
10269	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nhà thờ Lộc Hòa đến UBND xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	3.300	2.300	2.000
10270	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nhà thờ Lộc Hòa đến UBND xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	2.300	1.600	1.400
10271	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nhà thờ Lộc Hòa đến UBND xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.600	1.100	960
10272	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nhà thờ Lộc Hòa đến UBND xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	3.000	2.100	1.800
10273	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nhà thờ Lộc Hòa đến UBND xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10274	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nhà thờ Lộc Hòa đến UBND xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.400	980	840
10275	148	Quốc lộ 1	UBND xã Hưng Thịnh	Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà	Xã Hưng Thịnh	9.900	6.900	5.900
10276	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Thịnh đến Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	3.500	2.500	2.100
10277	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Thịnh đến Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	2.500	1.800	1.500
10278	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Thịnh đến Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.600	1.100	960
10279	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Thịnh đến Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	3.200	2.200	1.900
10280	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Thịnh đến Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	2.300	1.600	1.400
10281	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Thịnh đến Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.400	980	840
10282	155	Quốc lộ 1	Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà	Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái)	Xã Hưng Thịnh	8.400	5.900	5.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10283	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà đến Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	3.500	2.500	2.100
10284	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà đến Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	2.500	1.800	1.500
10285	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà đến Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.600	1.100	960
10286	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà đến Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	3.200	2.200	1.900
10287	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà đến Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	2.300	1.600	1.400
10288	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà đến Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.400	980	840
10289	162	Quốc lộ 1	Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái)	Giáp ranh Phường Dầu Giây	Xã Hưng Thịnh	6.600	4.600	4.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10290	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.900	2.000	1.700
10291	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.900	1.300	1.100
10292	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.300	910	780
10293	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.600	1.800	1.600
10294	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.700	1.200	1.000
10295	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) đến Giáp ranh Phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Hưng Thịnh	1.200	840	720
10296	169	Đường liên ấp An Hoà xã Hưng Thịnh - Trảng Bom	Quốc lộ 1 đi qua khu tái định cư Tây Hòa	Cầu 1 tấn	Xã Hưng Thịnh	4.200	2.900	2.500
10297	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp An Hoà xã Hưng Thịnh - Trảng Bom đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua khu tái định cư Tây Hòa đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10298	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp An Hoà xã Hưng Thịnh - Trảng Bom đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua khu tái định cư Tây Hòa đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.800	1.300	1.100
10299	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp An Hoà xã Hưng Thịnh - Trảng Bom đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua khu tái định cư Tây Hòa đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.200	840	720
10300	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp An Hoà xã Hưng Thịnh - Trảng Bom đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua khu tái định cư Tây Hòa đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.900	1.300	1.100
10301	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp An Hoà xã Hưng Thịnh - Trảng Bom đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua khu tái định cư Tây Hòa đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.600	1.100	960
10302	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp An Hoà xã Hưng Thịnh - Trảng Bom đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua khu tái định cư Tây Hòa đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.100	770	660
10303	176	Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh)	Quốc lộ 1	Hết mét thứ 500	Xã Hưng Thịnh	4.000	2.800	2.400
10304	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	2.000	1.400	1.200
10305	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.600	1.100	960
10306	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.000	700	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10307	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.800	1.300	1.100
10308	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.400	980	840
10309	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	900	630	540
10310	183	Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh)	Sau mét thứ 500	Hết thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 62, xã Hưng Thịnh	Xã Hưng Thịnh	2.900	2.000	1.700
10311	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Sau mét thứ 500 đến Hết thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 62, xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.400	980	840
10312	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Sau mét thứ 500 đến Hết thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 62, xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.200	840	720
10313	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Sau mét thứ 500 đến Hết thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 62, xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	860	600	520
10314	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Sau mét thứ 500 đến Hết thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 62, xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.300	910	780
10315	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Sau mét thứ 500 đến Hết thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 62, xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10316	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Sau mét thứ 500 đến Hết thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 62, xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	770	540	460
10317	190	Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo	Quốc lộ 1	Thửa đất số 84, tờ BĐĐC số 44	Xã Hưng Thịnh	7.200	5.000	4.300
10318	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 84, tờ BĐĐC số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	3.300	2.300	2.000
10319	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 84, tờ BĐĐC số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	2.000	1.400	1.200
10320	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 84, tờ BĐĐC số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.300	910	780
10321	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 84, tờ BĐĐC số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	3.000	2.100	1.800
10322	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 84, tờ BĐĐC số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.800	1.300	1.100
10323	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 84, tờ BĐĐC số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	1.200	840	720
10324	197	Đường Hưng Nghĩa	Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 10 xã Hưng Thịnh)	Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 89 xã Hưng Thịnh)	Xã Hưng Thịnh, Phường Dầu Giây	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10325	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 10 xã Hưng Thịnh) đến Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 89 xã Hưng Thịnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh, Phường Dầu Giây	1.200	840	720
10326	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 10 xã Hưng Thịnh) đến Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 89 xã Hưng Thịnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh, Phường Dầu Giây	1.000	700	600
10327	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 10 xã Hưng Thịnh) đến Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 89 xã Hưng Thịnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh, Phường Dầu Giây	720	500	430
10328	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 10 xã Hưng Thịnh) đến Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 89 xã Hưng Thịnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh, Phường Dầu Giây	1.100	770	660
10329	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 10 xã Hưng Thịnh) đến Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 89 xã Hưng Thịnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh, Phường Dầu Giây	900	630	540
10330	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 10 xã Hưng Thịnh) đến Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 89 xã Hưng Thịnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh, Phường Dầu Giây	650	460	390
10331	204	Đường Dốc Độc	Đường 20	Đường Đông Hòa 7km	Xã Hưng Thịnh	3.300	2.300	2.000
10332	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dốc Độc đoạn từ Đường 20 đến Đường Đông Hòa 7km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10333	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dốc Độc đoạn từ Đường 20 đến Đường Đông Hòa 7km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.200	840	720
10334	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dốc Độc đoạn từ Đường 20 đến Đường Đông Hòa 7km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	860	600	520
10335	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dốc Độc đoạn từ Đường 20 đến Đường Đông Hòa 7km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.400	980	840
10336	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dốc Độc đoạn từ Đường 20 đến Đường Đông Hòa 7km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.100	770	660
10337	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dốc Độc đoạn từ Đường 20 đến Đường Đông Hòa 7km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	770	540	460
10338	211	Đường cổng chính ấp An Bình	Ngã ba Yên Thành	Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 27	Xã Hưng Thịnh	2.500	1.750	1.500
10339	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chính ấp An Bình đoạn từ Ngã ba Yên Thành đến Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.300	910	780
10340	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chính ấp An Bình đoạn từ Ngã ba Yên Thành đến Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.100	770	660
10341	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chính ấp An Bình đoạn từ Ngã ba Yên Thành đến Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	860	600	520

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10342	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chính ấp An Bình đoạn từ Ngã ba Yên Thành đến Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.200	840	720
10343	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chính ấp An Bình đoạn từ Ngã ba Yên Thành đến Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	990	690	590
10344	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chính ấp An Bình đoạn từ Ngã ba Yên Thành đến Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Hưng Thịnh	770	540	460
10345	218	Đường liên ấp Lộc Hòa	Đường sắt	Giáp xã An Viễn (thửa đất số 194, tờ bản đồ số 56	Xã Hưng Thịnh	2.500	1.750	1.500
10346	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Đường sắt đến Giáp xã An Viễn (thửa đất số 194, tờ bản đồ số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.300	910	780
10347	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Đường sắt đến Giáp xã An Viễn (thửa đất số 194, tờ bản đồ số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	1.100	770	660
10348	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Đường sắt đến Giáp xã An Viễn (thửa đất số 194, tờ bản đồ số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	860	600	520
10349	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Đường sắt đến Giáp xã An Viễn (thửa đất số 194, tờ bản đồ số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	1.200	840	720
10350	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Đường sắt đến Giáp xã An Viễn (thửa đất số 194, tờ bản đồ số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	990	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10351	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Đường sắt đến Giáp xã An Viễn (thửa đất số 194, tờ bản đồ số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Hưng Thịnh	770	540	460
10352	1	Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm	Quốc lộ 20	Vào hết mét thứ 500	Phường Dầu Giây	2.300	1.600	1.400
10353	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.100	770	660
10354	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	830	580	500
10355	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	540	380	320
10356	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	990	690	590
10357	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	750	530	450
10358	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	490	340	290
10359	8	Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm	Hết mét thứ 500	Hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 112	Phường Dầu Giây	1.600	1.100	960
10360	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 112 về bên trái xã Dầu Giây và hết ranh thửa đất số 192, tờ BĐĐC số 122 về bên phải xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	710	500	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10361	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 112 về bên trái xã Dầu Giây và hết ranh thửa đất số 192, tờ BĐĐC số 122 về bên phải xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	600	420	360
10362	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 112 về bên trái xã Dầu Giây và hết ranh thửa đất số 192, tờ BĐĐC số 122 về bên phải xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	540	380	320
10363	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 112 về bên trái xã Dầu Giây và hết ranh thửa đất số 192, tờ BĐĐC số 122 về bên phải xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	640	450	380
10364	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 112 về bên trái xã Dầu Giây và hết ranh thửa đất số 192, tờ BĐĐC số 122 về bên phải xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	540	380	320
10365	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 112 về bên trái xã Dầu Giây và hết ranh thửa đất số 192, tờ BĐĐC số 122 về bên phải xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	490	340	290
10366	15	Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu)	Đường tỉnh 769	Cầu số 5	Phường Dầu Giây	2.400	1.700	1.400
10367	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10368	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	890	620	530
10369	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	700	490	420
10370	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	990	690	590
10371	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	800	560	480
10372	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	630	440	380
10373	22	Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu)	Cầu số 5	Ranh giới xã Xuân Quế	Phường Dầu Giây	1.800	1.300	1.100
10374	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Cầu số 5 đến Ranh giới xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	890	620	530
10375	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Cầu số 5 đến Ranh giới xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	700	490	420
10376	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Cầu số 5 đến Ranh giới xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	510	360	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10377	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Cầu số 5 đến Ranh giới xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	800	560	480
10378	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Cầu số 5 đến Ranh giới xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	630	440	380
10379	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Cầu số 5 đến Ranh giới xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	460	320	280
10380	29	Quốc lộ 20	Quốc lộ 1	Hết ranh phường Dầu Giây	Phường Dầu Giây	9.500	6.700	5.700
10381	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	2.700	1.900	1.600
10382	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.900	1.300	1.100
10383	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	1.400	980	840
10384	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	2.400	1.700	1.400
10385	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.700	1.200	1.000
10386	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	1.300	910	780
10387	36	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	UBND xã Hưng Lộc (cũ)	Phường Dầu Giây	7.400	5.200	4.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10388	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến UBND xã Hưng Lộc (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	2.300	1.600	1.400
10389	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến UBND xã Hưng Lộc (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.700	1.200	1.000
10390	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến UBND xã Hưng Lộc (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	1.100	770	660
10391	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến UBND xã Hưng Lộc (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	2.100	1.500	1.300
10392	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến UBND xã Hưng Lộc (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.500	1.100	900
10393	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến UBND xã Hưng Lộc (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	990	690	590
10394	43	Quốc lộ 1	UBND xã Hưng Lộc (cũ)	Hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 161	Phường Dầu Giây	8.200	5.700	4.900
10395	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Lộc (cũ) đến Đường Đại Phát Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	2.600	1.800	1.600
10396	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Lộc (cũ) đến Đường Đại Phát Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.800	1.300	1.100
10397	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Lộc (cũ) đến Đường Đại Phát Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10398	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Lộc (cũ) đến Đường Đại Phát Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	2.300	1.600	1.400
10399	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Lộc (cũ) đến Đường Đại Phát Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.600	1.100	960
10400	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Lộc (cũ) đến Đường Đại Phát Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	990	690	590
10401	50	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 161	Đường Ngô Quyền - Sông Thao	Phường Dầu Giây	8.500	6.000	5.100
10402	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Đại Phát Đạt đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	2.600	1.800	1.600
10403	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Đại Phát Đạt đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.800	1.300	1.100
10404	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Đại Phát Đạt đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	1.300	910	780
10405	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Đại Phát Đạt đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	2.300	1.600	1.400
10406	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Đại Phát Đạt đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10407	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Đại Phát Đạt đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	1.200	840	720
10408	57	Quốc lộ 1	Đường Ngô Quyền - Sông Thao	Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông	Phường Dầu Giây	9.500	6.700	5.700
10409	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền - Sông Thao đến Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	2.800	2.000	1.700
10410	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền - Sông Thao đến Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.900	1.300	1.100
10411	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền - Sông Thao đến Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	1.400	980	840
10412	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền - Sông Thao đến Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	2.500	1.800	1.500
10413	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền - Sông Thao đến Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.700	1.200	1.000
10414	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền - Sông Thao đến Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	1.300	910	780
10415	64	Quốc lộ 1	Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông	Giáp ranh phường Bình Lộc và phường Xuân Lộc	Phường Dầu Giây	6.800	4.800	4.100
10416	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông đến Giáp ranh phường Bình Lộc và phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10417	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông đến Giáp ranh phường Bình Lộc và phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.400	980	840
10418	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông đến Giáp ranh phường Bình Lộc và phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	1.000	700	600
10419	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông đến Giáp ranh phường Bình Lộc và phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.800	1.300	1.100
10420	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông đến Giáp ranh phường Bình Lộc và phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.300	910	780
10421	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông đến Giáp ranh phường Bình Lộc và phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	900	630	540
10422	71	Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm	Quốc lộ 1	Ngã tư (hết ranh cụm công nghiệp Hưng Lộc)	Phường Dầu Giây	2.900	2.000	1.700
10423	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã tư (hết ranh cụm công nghiệp Hưng Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.500	1.100	900
10424	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã tư (hết ranh cụm công nghiệp Hưng Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	960	670	580
10425	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã tư (hết ranh cụm công nghiệp Hưng Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	640	450	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10426	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã tư (hết ranh cụm công nghiệp Hưng Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.400	980	840
10427	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã tư (hết ranh cụm công nghiệp Hưng Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	860	600	520
10428	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã tư (hết ranh cụm công nghiệp Hưng Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	580	410	350
10429	78	Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm	Ngã tư (cụm công nghiệp Hưng Lộc)	Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 331, tờ BĐĐC số 139 về bên trái xã Dầu Giây	Phường Dầu Giây	2.000	1.400	1.200
10430	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Ngã tư (cụm công nghiệp Hưng Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 331, tờ BĐĐC số 139 về bên trái xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.000	700	600
10431	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Ngã tư (cụm công nghiệp Hưng Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 331, tờ BĐĐC số 139 về bên trái xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	770	540	460
10432	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Ngã tư (cụm công nghiệp Hưng Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 331, tờ BĐĐC số 139 về bên trái xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	450	320	270
10433	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Ngã tư (cụm công nghiệp Hưng Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 331, tờ BĐĐC số 139 về bên trái xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	900	630	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10434	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Ngã tư (cụm công nghiệp Hưng Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 331, tờ BĐĐC số 139 về bên trái xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	690	480	410
10435	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Ngã tư (cụm công nghiệp Hưng Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 331, tờ BĐĐC số 139 về bên trái xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	410	290	250
10436	85	Đường Ngô Quyền - Sông Thao	Đoạn từ Quốc lộ 1	Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền (cũ)	Phường Dầu Giây	3.800	2.700	2.300
10437	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.900	1.300	1.100
10438	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.300	910	780
10439	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	700	490	420
10440	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.700	1.200	1.000
10441	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10442	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	630	440	380
10443	92	Đường Ngô Quyền - Sông Thao	Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền (cũ)	Đường Ngô Quyền - Sông Thao	Phường Dầu Giây	2.500	1.800	1.500
10444	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.200	840	720
10445	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	890	620	530
10446	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	650	460	390
10447	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.100	770	660
10448	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	800	560	480
10449	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	590	410	350
10450	99	Đường hông chợ Dầu Giây phía Bắc	Quốc lộ 20	Đường Ngô Quyền - Sông Thao	Phường Dầu Giây	5.400	3.800	3.200
10451	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Bắc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	2.400	1.700	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10452	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Bắc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.400	980	840
10453	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Bắc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	880	620	530
10454	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Bắc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	2.200	1.500	1.300
10455	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Bắc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.300	910	780
10456	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Bắc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	790	550	470
10457	106	Đường hông chợ Dầu Giây phía Nam	Quốc lộ 20	Giáo xứ Xuân Đức	Phường Dầu Giây	5.200	3.600	3.100
10458	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Nam đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo xứ Xuân Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	2.400	1.700	1.400
10459	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Nam đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo xứ Xuân Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.400	980	840
10460	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Nam đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo xứ Xuân Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	880	620	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10461	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Nam đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo xứ Xuân Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	2.200	1.500	1.300
10462	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Nam đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo xứ Xuân Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.300	910	780
10463	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Nam đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo xứ Xuân Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	790	550	470
10464	113	Đường Hưng Nghĩa	Quốc lộ 1	Vào hết mét thứ 500	Phường Dầu Giây	3.600	2.500	2.200
10465	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.800	1.300	1.100
10466	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.000	700	600
10467	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	710	500	430
10468	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.600	1.100	960
10469	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	900	630	540
10470	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	640	450	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10471	120	Đường Hưng Nghĩa	Hết mét thứ 500	Giáp đường ray xe lửa	Phường Dầu Giây	2.700	1.900	1.600
10472	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.400	980	840
10473	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.000	700	600
10474	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	710	500	430
10475	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.300	910	780
10476	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	900	630	540
10477	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	640	450	380
10478	127	Đường Hưng Nghĩa	Giáp đường ray xe lửa	giáp ranh xã Hưng Thịnh	Phường Dầu Giây	1.900	1.300	1.100
10479	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp đường ray xe lửa đến giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	950	670	570
10480	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp đường ray xe lửa đến giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	710	500	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10481	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp đường ray xe lửa đến giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	480	340	290
10482	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp đường ray xe lửa đến giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	860	600	520
10483	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp đường ray xe lửa đến giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	640	450	380
10484	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp đường ray xe lửa đến giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	430	300	260
10485	134	Đường Hưng Nghĩa	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	Đường tỉnh 769	Phường Dầu Giây	2.300	1.600	1.400
10486	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.100	770	660
10487	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	890	620	530
10488	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	650	460	390
10489	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	990	690	590
10490	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	800	560	480

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10491	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	590	410	350
10492	141	Đường trung tâm Hưng Lộc	Quốc lộ 1	Vào hết mét thứ 500	Phường Dầu Giây	3.800	2.700	2.300
10493	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.900	1.300	1.100
10494	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.300	910	780
10495	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	700	490	420
10496	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.700	1.200	1.000
10497	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.200	840	720
10498	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	630	440	380
10499	148	Đường trung tâm Hưng Lộc	Hết mét thứ 500	Đường sắt	Phường Dầu Giây	2.800	2.000	1.700
10500	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.500	1.100	900
10501	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10502	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	640	450	380
10503	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.400	980	840
10504	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.100	770	660
10505	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	580	410	350
10506	155	Đường Trung tâm Hưng Lộc	Đường sắt	Đến đường Hưng Nghĩa	Phường Dầu Giây	2.000	1.400	1.200
10507	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Đường sắt đến Đến đường Hưng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.100	770	660
10508	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Đường sắt đến Đến đường Hưng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	830	580	500
10509	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Đường sắt đến Đến đường Hưng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	570	400	340
10510	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Đường sắt đến Đến đường Hưng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	990	690	590
10511	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Đường sắt đến Đến đường Hưng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	750	530	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10512	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Đường sắt đến Đến đường Hưng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	510	360	310
10513	162	Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25)	Đường tỉnh 769	Vào hết mét thứ 500	Phường Dầu Giây	4.800	3.400	2.900
10514	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	2.000	1.400	1.200
10515	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.500	1.100	900
10516	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	1.000	700	600
10517	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.800	1.300	1.100
10518	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.400	980	840
10519	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	900	630	540
10520	169	Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25)	Hết mét thứ 500	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	Phường Dầu Giây	3.200	2.200	1.900
10521	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10522	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.000	700	600
10523	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	650	460	390
10524	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.400	980	840
10525	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	900	630	540
10526	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	590	410	350
10527	176	Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành	Đường tỉnh 769	Giáp ranh xã Bình An	Phường Dầu Giây	6.600	4.600	4.000
10528	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	3.300	2.300	2.000
10529	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	2.300	1.600	1.400
10530	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10531	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	3.000	2.100	1.800
10532	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	2.100	1.500	1.300
10533	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	1.500	1.100	900
10534	183	Đường tỉnh 769	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 72 về bên phải (hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân cũ)	Phường Dầu Giây	9.000	6.300	5.400
10535	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	2.700	1.900	1.600
10536	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.900	1.300	1.100
10537	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	1.300	910	780
10538	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	2.400	1.700	1.400
10539	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10540	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	1.200	840	720
10541	190	Đường tỉnh 769	Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 72 về bên phải (hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân cũ)	hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ)	Phường Dầu Giây	6.400	4.500	3.800
10542	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân đến Hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	2.300	1.600	1.400
10543	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân đến Hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.500	1.100	900
10544	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân đến Hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	900	630	540
10545	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân đến Hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	2.100	1.500	1.300
10546	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân đến Hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.400	980	840
10547	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân đến Hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	810	570	490
10548	197	Đường tỉnh 769	Hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ)	Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ)	Phường Dầu Giây	4.800	3.400	2.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10549	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) đến Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	2.000	1.400	1.200
10550	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) đến Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.500	1.100	900
10551	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) đến Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	820	570	490
10552	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) đến Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.800	1.300	1.100
10553	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) đến Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.400	980	840
10554	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) đến Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	740	520	440
10555	204	Đường tỉnh 769	Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) (Từ bên trái thửa đất số 180 tờ bản đồ số 229 và bên phải là thửa đất số 53 tờ bản đồ số 225)	Ranh xã Bình An	Phường Dầu Giây	5.200	3.600	3.100
10556	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) đến Ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	2.000	1.400	1.200
10557	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) đến Ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10558	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) đến Ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	820	570	490
10559	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) đến Ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.800	1.300	1.100
10560	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) đến Ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.400	980	840
10561	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) đến Ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	740	520	440
10562	211	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Đường tỉnh 769	Giáp ranh xã Xuân Quế	Phường Dầu Giây	3.800	2.700	2.300
10563	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.900	1.300	1.100
10564	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.700	1.200	1.000
10565	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	700	490	420
10566	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10567	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.500	1.100	900
10568	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	630	440	380
10569	218	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Đường tỉnh 769	Đường tỉnh 769 - Khu phía Tây	Phường Dầu Giây	4.400	3.100	2.600
10570	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Đường tỉnh 769 - Khu phía Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	2.700	1.900	1.600
10571	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Đường tỉnh 769 - Khu phía Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.800	1.300	1.100
10572	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Đường tỉnh 769 - Khu phía Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	820	570	490
10573	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Đường tỉnh 769 - Khu phía Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	2.400	1.700	1.400
10574	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Đường tỉnh 769 - Khu phía Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.600	1.100	960
10575	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Đường tỉnh 769 - Khu phía Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	740	520	440
10576	225	Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 1	Đường tỉnh 769	Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây	Phường Dầu Giây	3.300	2.300	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10577	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.700	1.200	1.000
10578	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	960	670	580
10579	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	570	400	340
10580	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.500	1.100	900
10581	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	860	600	520
10582	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	510	360	310
10583	232	Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 2	Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây	Đường Cao tốc TP HCM - Long Thành - Dầu Giây	Phường Dầu Giây	3.300	2.300	2.000
10584	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây đến Đường Cao tốc TP HCM - Long Thành - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10585	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây đến Đường Cao tốc TP HCM - Long Thành - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	960	670	580
10586	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây đến Đường Cao tốc TP HCM - Long Thành - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	570	400	340
10587	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây đến Đường Cao tốc TP HCM - Long Thành - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.500	1.100	900
10588	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây đến Đường Cao tốc TP HCM - Long Thành - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	860	600	520
10589	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây đến Đường Cao tốc TP HCM - Long Thành - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	510	360	310
10590	239	Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 3	Đoạn từ ngã ba đường Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Phường Dầu Giây	3.300	2.300	2.000
10591	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Đoạn từ ngã ba đường Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.700	1.200	1.000
10592	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Đoạn từ ngã ba đường Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	960	670	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10593	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Đoạn từ ngã ba đường Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	570	400	340
10594	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Đoạn từ ngã ba đường Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.500	1.100	900
10595	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Đoạn từ ngã ba đường Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	860	600	520
10596	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Đoạn từ ngã ba đường Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	510	360	310
10597	246	Đường Phân Trạm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ)	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Ranh suối	Phường Dầu Giây	2.900	2.000	1.700
10598	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.400	980	840
10599	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	960	670	580
10600	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	570	400	340
10601	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10602	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	860	600	520
10603	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	510	360	310
10604	253	Đường chéo từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1	Quốc lộ 20	Quốc lộ 1	Phường Dầu Giây	9.500	6.700	5.700
10605	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chéo từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	2.700	1.900	1.600
10606	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chéo từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.900	1.300	1.100
10607	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chéo từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	1.400	980	840
10608	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chéo từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	2.400	1.700	1.400
10609	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chéo từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.700	1.200	1.000
10610	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chéo từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	1.300	910	780
10611	260	Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc	Quốc lộ 1	Vào hết mét thứ 500	Phường Dầu Giây	2.700	1.900	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10612	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.300	910	780
10613	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	1.100	770	660
10614	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	830	580	500
10615	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.200	840	720
10616	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	990	690	590
10617	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	750	530	450
10618	267	Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc	Hết mét thứ 500	Giáp ranh xã Bàu Hàm	Phường Dầu Giây	2.400	1.700	1.400
10619	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	1.100	770	660
10620	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	890	620	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10621	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	570	400	340
10622	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	990	690	590
10623	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	800	560	480
10624	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	510	360	310
10625	1	Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20	Giáp ranh xã Thống Nhất	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Xã Gia Kiệm	2.600	1.800	1.600
10626	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.100	770	660
10627	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	830	580	500
10628	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	570	400	340
10629	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	990	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10630	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	750	530	450
10631	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Gia Kiệm	510	360	310
10632	8	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Quốc lộ 20	Km2+500	Xã Gia Kiệm	3.700	2.600	2.200
10633	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km2+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.600	1.100	960
10634	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km2+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	1.200	840	720
10635	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km2+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	820	570	490
10636	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km2+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.400	980	840
10637	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km2+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	1.100	770	660
10638	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km2+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	740	520	440
10639	15	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Km2+500	Giáp ranh phường Bình Lộc	Xã Gia Kiệm	2.400	1.700	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10640	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Km2+500 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.200	840	720
10641	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Km2+500 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	880	620	530
10642	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Km2+500 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	610	430	370
10643	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Km2+500 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.100	770	660
10644	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Km2+500 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	790	550	470
10645	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Km2+500 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	550	390	330
10646	22	Quốc lộ 20	Giáp ranh phường Dầu Giây	Giáp Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ)	Xã Gia Kiệm	7.700	5.400	4.600
10647	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Dầu Giây đến Giáp Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	2.200	1.500	1.300
10648	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Dầu Giây đến Giáp Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10649	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Dầu Giây đến Giáp Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	1.100	770	660
10650	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Dầu Giây đến Giáp Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	2.000	1.400	1.200
10651	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Dầu Giây đến Giáp Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	1.500	1.100	900
10652	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Dầu Giây đến Giáp Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Gia Kiệm	990	690	590
10653	29	Quốc lộ 20	Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ)	Đến ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Xã Gia Kiệm	8.900	6.200	5.300
10654	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đến Đến ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	2.700	1.900	1.600
10655	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đến Đến ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	1.500	1.100	900
10656	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đến Đến ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	1.300	910	780
10657	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đến Đến ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	2.400	1.700	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10658	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đến Đến ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	1.400	980	840
10659	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đến Đến ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Gia Kiệm	1.200	840	720
10660	36	Quốc lộ 20	Từ ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Giáp ranh xã Thống Nhất	Xã Gia Kiệm	10.200	7.100	6.100
10661	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Từ ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	2.900	2.000	1.700
10662	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Từ ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	2.000	1.400	1.200
10663	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Từ ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	1.500	1.100	900
10664	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Từ ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	2.600	1.800	1.600
10665	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Từ ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	1.800	1.300	1.100
10666	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Từ ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Gia Kiệm	1.400	980	840
10667	43	Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu)	Quốc lộ 20	Ngã ba trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu	Xã Gia Kiệm	2.900	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10668	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã 3 trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.100	770	660
10669	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã 3 trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	860	600	520
10670	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã 3 trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	660	460	400
10671	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã 3 trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	990	690	590
10672	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã 3 trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	770	540	460
10673	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã 3 trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	590	410	350
10674	50	Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu)	Ngã ba trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu	Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu	Xã Gia Kiệm	2.100	1.500	1.300
10675	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Ngã 3 trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	920	640	550
10676	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Ngã 3 trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	730	510	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10677	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Ngã 3 trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	530	370	320
10678	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Ngã 3 trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	830	580	500
10679	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Ngã 3 trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	660	460	400
10680	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Ngã 3 trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	480	340	290
10681	57	Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu)	Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu	Giáp ranh xã Bàu Hàm	Xã Gia Kiệm	1.800	1.300	1.100
10682	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	920	640	550
10683	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	730	510	440
10684	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	530	370	320
10685	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	830	580	500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10686	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	660	460	400
10687	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	480	340	290
10688	64	Đường Đống Đa - Gia Kiệm	Quốc lộ 20	Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu	Xã Gia Kiệm	3.100	2.200	1.900
10689	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đống Đa - Gia Kiệm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.700	1.200	1.000
10690	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đống Đa - Gia Kiệm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	1.300	910	780
10691	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đống Đa - Gia Kiệm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	700	490	420
10692	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đống Đa - Gia Kiệm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.500	1.100	900
10693	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đống Đa - Gia Kiệm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	1.200	840	720
10694	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đống Đa - Gia Kiệm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	630	440	380
10695	71	Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu	Quốc lộ 20	Hết mét thứ 500	Xã Gia Kiệm	3.400	2.400	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10696	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.500	1.100	900
10697	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	830	580	500
10698	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	640	450	380
10699	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.400	980	840
10700	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	750	530	450
10701	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	580	410	350
10702	78	Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu	Hết mét thứ 500	Suối	Xã Gia Kiệm	2.400	1.700	1.400
10703	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.100	770	660
10704	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	770	540	460
10705	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	570	400	340

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10706	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	990	690	590
10707	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	690	480	410
10708	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	510	360	310
10709	85	Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu	Suối	Đường tỉnh 762	Xã Gia Kiệm	1.700	1.200	1.000
10710	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Suối đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	890	620	530
10711	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Suối đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	700	490	420
10712	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Suối đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	510	360	310
10713	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Suối đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	800	560	480
10714	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Suối đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	630	440	380
10715	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Suối đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	460	320	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10716	92	Đường Tây Kim - Thanh Bình	Quốc lộ 20	Hết mét thứ 500	Xã Gia Kiệm	3.700	2.600	2.200
10717	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.700	1.200	1.000
10718	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	1.100	770	660
10719	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	770	540	460
10720	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.500	1.100	900
10721	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	990	690	590
10722	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	690	480	410
10723	99	Đường Tây Kim - Thanh Bình	Hết mét thứ 500	Giáp ranh xã Bàu Hàm	Xã Gia Kiệm	2.700	1.900	1.600
10724	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.100	770	660
10725	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	830	580	500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10726	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	510	360	310
10727	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	990	690	590
10728	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	750	530	450
10729	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	460	320	280
10730	106	Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ)	Quốc lộ 20	Giáp ranh phường Bình Lộc	Xã Gia Kiệm	2.700	1.900	1.600
10731	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.400	980	840
10732	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	830	580	500
10733	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	540	380	320
10734	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10735	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	750	530	450
10736	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	490	340	290
10737	113	Đường Võ Dõng - Lạc Sơn	Quốc lộ 20	Hết mét thứ 500	Xã Gia Kiệm	3.800	2.700	2.300
10738	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.500	1.100	900
10739	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	1.100	770	660
10740	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	770	540	460
10741	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.400	980	840
10742	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	990	690	590
10743	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	690	480	410
10744	120	Đường Võ Dõng - Lạc Sơn	Hết mét thứ 500	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Xã Gia Kiệm	2.500	1.800	1.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10745	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.100	770	660
10746	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	770	540	460
10747	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	540	380	320
10748	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	990	690	590
10749	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	690	480	410
10750	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	490	340	290
10751	127	Đường Đông Kim - Xuân Thiện	Quốc lộ 20	Suối Ông Ngà	Xã Gia Kiệm	3.900	2.700	2.300
10752	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Ông Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.600	1.100	960
10753	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Ông Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	1.200	840	720
10754	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Ông Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	820	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10755	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Ông Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.400	980	840
10756	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Ông Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	1.100	770	660
10757	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Ông Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	740	520	440
10758	134	Đường Đông Kim - Xuân Thiện	Suối Ông Ngà	Giáp ranh phường Bình Lộc	Xã Gia Kiệm	2.900	2.000	1.700
10759	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Suối Ông Ngà đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.200	840	720
10760	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Suối Ông Ngà đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	880	620	530
10761	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Suối Ông Ngà đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	540	380	320
10762	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Suối Ông Ngà đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.100	770	660
10763	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Suối Ông Ngà đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	790	550	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10764	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Suối Ông Ngà đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	490	340	290
10765	141	Đường Chu Văn An	Quốc lộ 20	Ngã ba Đồng Húc	Xã Gia Kiệm	3.500	2.500	2.100
10766	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba Đồng Húc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.700	1.200	1.000
10767	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba Đồng Húc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	1.000	700	600
10768	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba Đồng Húc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	710	500	430
10769	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba Đồng Húc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.500	1.100	900
10770	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba Đồng Húc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	900	630	540
10771	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba Đồng Húc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	640	450	380
10772	148	Đường Chu Văn An	Ngã ba Đồng Húc	Giáp ranh xã Thống Nhất	Xã Gia Kiệm	2.500	1.800	1.500
10773	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.200	840	720
10774	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	710	500	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10775	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	480	340	290
10776	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.100	770	660
10777	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	640	450	380
10778	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	430	300	260
10779	155	Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình	Ngã ba Đồng Húc	Hết mét thứ 500	Xã Gia Kiệm	2.000	1.400	1.200
10780	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	950	670	570
10781	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	680	480	410
10782	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	540	380	320
10783	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	860	600	520

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10784	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	610	430	370
10785	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	490	340	290
10786	162	Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình	Hết mét thứ 500	Ngã tư đường vào suối Gia Rung	Xã Gia Kiệm	1.500	1.100	900
10787	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Ngã tư đường vào suối Gia Rung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	880	620	530
10788	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Ngã tư đường vào suối Gia Rung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	680	480	410
10789	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Ngã tư đường vào suối Gia Rung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	540	380	320
10790	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Ngã tư đường vào suối Gia Rung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	790	550	470
10791	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Ngã tư đường vào suối Gia Rung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	610	430	370
10792	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Ngã tư đường vào suối Gia Rung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	490	340	290
10793	169	Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm	Quốc lộ 20	Hết ranh xã Gia Kiệm	Xã Gia Kiệm	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10794	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.100	770	660
10795	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	830	580	500
10796	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	540	380	320
10797	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	990	690	590
10798	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	750	530	450
10799	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	490	340	290
10800	176	Đường Tân Yên	Quốc lộ 20	Hết mét thứ 500 (Ngã ba)	Xã Gia Kiệm	2.900	2.000	1.700
10801	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	1.100	770	660
10802	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	860	600	520
10803	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	660	460	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10804	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	990	690	590
10805	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	770	540	460
10806	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	590	410	350
10807	183	Đường Tân Yên	Hết mét thứ 500 (Ngã ba)	Ranh suối reo	Xã Gia Kiệm	2.100	1.500	1.300
10808	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Yên đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Ranh suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	920	640	550
10809	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Yên đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Ranh suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	730	510	440
10810	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Yên đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Ranh suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	530	370	320
10811	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Yên đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Ranh suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	830	580	500
10812	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Yên đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Ranh suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	660	460	400
10813	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Yên đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Ranh suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	480	340	290
10814	190	Đường Tân Yên	Ranh suối reo	Ranh xã Thống Nhất	Xã Gia Kiệm	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10815	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Yên đoạn từ Ranh suối reo đến Ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	890	620	530
10816	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Yên đoạn từ Ranh suối reo đến Ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	700	490	420
10817	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Yên đoạn từ Ranh suối reo đến Ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	510	360	310
10818	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Yên đoạn từ Ranh suối reo đến Ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	800	560	480
10819	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Yên đoạn từ Ranh suối reo đến Ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	630	440	380
10820	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Yên đoạn từ Ranh suối reo đến Ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	460	320	280
10821	1	Quốc lộ 20	Giáp ranh xã Gia Kiệm	Đường Vườn Xoài	Xã Thống Nhất	9.400	6.600	5.600
10822	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Vườn Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	2.800	2.000	1.700
10823	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Vườn Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	1.500	1.100	900
10824	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Vườn Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10825	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Vườn Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	2.500	1.800	1.500
10826	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Vườn Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	1.400	980	840
10827	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Vườn Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	1.300	910	780
10828	8	Quốc lộ 20	Đường Vườn Xoài	Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3	Xã Thống Nhất	6.700	4.700	4.000
10829	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Vườn Xoài đến Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.900	1.300	1.100
10830	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Vườn Xoài đến Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	1.400	980	840
10831	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Vườn Xoài đến Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	960	670	580
10832	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Vườn Xoài đến Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.700	1.200	1.000
10833	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Vườn Xoài đến Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10834	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Vườn Xoài đến Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	860	600	520
10835	15	Quốc lộ 20	Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3	Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20	Xã Thống Nhất	3.800	2.700	2.300
10836	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.100	770	660
10837	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	890	620	530
10838	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	570	400	340
10839	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	990	690	590
10840	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	800	560	480
10841	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	510	360	310
10842	22	Quốc lộ 20	Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20	Giáp ranh chùa Trúc Lâm	Xã Thống Nhất	2.100	1.500	1.300
10843	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Giáp ranh chùa Trúc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	900	630	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10844	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Giáp ranh chùa Trúc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	600	420	360
10845	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Giáp ranh chùa Trúc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	300	210	180
10846	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Giáp ranh chùa Trúc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	810	570	490
10847	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Giáp ranh chùa Trúc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	540	380	320
10848	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Giáp ranh chùa Trúc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	270	190	160
10849	29	Quốc lộ 20	Giáp ranh chùa Trúc Lâm	tờ 18 thửa 37	Xã Thống Nhất, xã La Ngà	2.800	2.000	1.700
10850	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh chùa Trúc Lâm đến tờ 18 thửa 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất, xã La Ngà	900	630	540
10851	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh chùa Trúc Lâm đến tờ 18 thửa 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất, xã La Ngà	570	400	340
10852	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh chùa Trúc Lâm đến tờ 18 thửa 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất, xã La Ngà	450	320	270
10853	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh chùa Trúc Lâm đến tờ 18 thửa 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất, xã La Ngà	810	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10854	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh chùa Trúc Lâm đến tờ 18 thửa 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất, xã La Ngà	510	360	310
10855	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh chùa Trúc Lâm đến tờ 18 thửa 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Thống Nhất, xã La Ngà	410	290	250
10856	36	Quốc lộ 20	Hết chợ Túc Trưng (tờ 18 thửa 37)	Hết ranh trường TH Đinh Tiên Hoàng	Xã Thống Nhất, xã La Ngà	3.800	2.700	2.300
10857	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết chợ Túc Trưng (tờ 18 thửa 37) đến Hết ranh trường TH Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất, xã La Ngà	930	650	560
10858	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết chợ Túc Trưng (tờ 18 thửa 37) đến Hết ranh trường TH Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất, xã La Ngà	810	570	490
10859	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết chợ Túc Trưng (tờ 18 thửa 37) đến Hết ranh trường TH Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất, xã La Ngà	580	410	350
10860	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết chợ Túc Trưng (tờ 18 thửa 37) đến Hết ranh trường TH Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất, xã La Ngà	840	590	500
10861	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết chợ Túc Trưng (tờ 18 thửa 37) đến Hết ranh trường TH Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất, xã La Ngà	730	510	440
10862	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết chợ Túc Trưng (tờ 18 thửa 37) đến Hết ranh trường TH Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Thống Nhất, xã La Ngà	520	360	310
10863	43	Đường Cầu Ván	Quốc lộ 20	Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập	Xã Thống Nhất	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10864	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ván đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	950	670	570
10865	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ván đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	680	480	410
10866	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ván đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	540	380	320
10867	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ván đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	860	600	520
10868	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ván đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	610	430	370
10869	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ván đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	490	340	290
10870	50	Đường Cầu Ván	Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập	Xã Gia Kiệm	Xã Thống Nhất	950	670	570
10871	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ván đoạn từ Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập đến Xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	410	290	250
10872	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ván đoạn từ Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập đến Xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	270	190	160
10873	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ván đoạn từ Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập đến Xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	150	110	90

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10874	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ván đoạn từ Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập đến Xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	370	260	220
10875	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ván đoạn từ Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập đến Xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	240	170	140
10876	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ván đoạn từ Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập đến Xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	140	100	80
10877	57	Đường tỉnh 763	Quốc lộ 20	Hết Trường THCS Phú Túc	Xã Thống Nhất	1.800	1.300	1.100
10878	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết Trường THCS Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	810	570	490
10879	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết Trường THCS Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	540	380	320
10880	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết Trường THCS Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	410	290	250
10881	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết Trường THCS Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	730	510	440
10882	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết Trường THCS Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	490	340	290
10883	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết Trường THCS Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	370	260	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10884	64	Đường tỉnh 763	Hết Trường THCS Phú Túc	Giáp ranh xã Xuân Bắc	Xã Thống Nhất	1.600	1.100	960
10885	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Trường THCS Phú Túc đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	680	480	410
10886	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Trường THCS Phú Túc đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	410	290	250
10887	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Trường THCS Phú Túc đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	270	190	160
10888	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Trường THCS Phú Túc đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	610	430	370
10889	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Trường THCS Phú Túc đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	370	260	220
10890	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Trường THCS Phú Túc đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	240	170	140
10891	71	Đường Bến Nôm	Quốc lộ 20	Giáp ranh nghĩa địa	Xã Thống Nhất	1.600	1.100	960
10892	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Nôm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	680	480	410
10893	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Nôm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	540	380	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10894	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Nôm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	410	290	250
10895	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Nôm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	610	430	370
10896	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Nôm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	490	340	290
10897	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Nôm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	370	260	220
10898	78	Đường Bến Nôm	Giáp ranh nghĩa địa	Bến Cá (đến hết ranh thửa đất số 268, tờ BĐĐC số 27 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 27 về bên trái)	Xã Thống Nhất	1.200	840	720
10899	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Bến Cá (đến hết ranh thửa đất số 268, tờ BĐĐC số 27 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 27 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	680	480	410
10900	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Bến Cá (đến hết ranh thửa đất số 268, tờ BĐĐC số 27 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 27 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	540	380	320
10901	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Bến Cá (đến hết ranh thửa đất số 268, tờ BĐĐC số 27 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 27 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	410	290	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10902	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Bến Cá (đến hết ranh thửa đất số 268, tờ BĐĐC số 27 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 27 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	610	430	370
10903	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Bến Cá (đến hết ranh thửa đất số 268, tờ BĐĐC số 27 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 27 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	490	340	290
10904	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Bến Cá (đến hết ranh thửa đất số 268, tờ BĐĐC số 27 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 27 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Thống Nhất	370	260	220
10905	85	Đường Bến Nôm	Giáp ranh nghĩa địa	Đồi 3 (đến ranh hồ Trị An)	Xã Thống Nhất	1.200	840	720
10906	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Đồi 3 (đến ranh hồ Trị An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	680	480	410
10907	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Đồi 3 (đến ranh hồ Trị An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	540	380	320
10908	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Đồi 3 (đến ranh hồ Trị An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	410	290	250
10909	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Đồi 3 (đến ranh hồ Trị An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	610	430	370
10910	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Đồi 3 (đến ranh hồ Trị An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	490	340	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10911	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Đồi 3 (đến ranh hồ Trị An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	370	260	220
10912	92	Đường Đức Huy - Thanh Bình	Quốc lộ 20	Ranh giới Trường Mầm non Hoa Phượng	Xã Thống Nhất	3.500	2.500	2.100
10913	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh giới Trường Mầm non Hoa Phượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.700	1.200	1.000
10914	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh giới Trường Mầm non Hoa Phượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	1.000	700	600
10915	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh giới Trường Mầm non Hoa Phượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	710	500	430
10916	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh giới Trường Mầm non Hoa Phượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.500	1.100	900
10917	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh giới Trường Mầm non Hoa Phượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	900	630	540
10918	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh giới Trường Mầm non Hoa Phượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	640	450	380
10919	99	Đường Đức Huy - Thanh Bình	Trường Mầm non Hoa Phượng	Cầu Đức Huy	Xã Thống Nhất	2.500	1.800	1.500
10920	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Trường Mầm non Hoa Phượng đến Cầu Đức Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10921	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Trường Mầm non Hoa Phượng đến Cầu Đức Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	950	670	570
10922	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Trường Mầm non Hoa Phượng đến Cầu Đức Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	650	460	390
10923	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Trường Mầm non Hoa Phượng đến Cầu Đức Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.100	770	660
10924	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Trường Mầm non Hoa Phượng đến Cầu Đức Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	860	600	520
10925	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Trường Mầm non Hoa Phượng đến Cầu Đức Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	590	410	350
10926	106	Đường Đức Huy - Thanh Bình	Cầu Đức Huy	Xã Bàu Hàm	Xã Thống Nhất	1.800	1.300	1.100
10927	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Cầu Đức Huy đến Xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	950	670	570
10928	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Cầu Đức Huy đến Xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	710	500	430
10929	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Cầu Đức Huy đến Xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	480	340	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10930	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Cầu Đức Huy đến Xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	860	600	520
10931	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Cầu Đức Huy đến Xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	640	450	380
10932	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Cầu Đức Huy đến Xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	430	300	260
10933	113	Đường Thánh Tâm	Đường Đức Huy - Thanh Bình	Giáp với hồ Trị An	Xã Thống Nhất	2.500	1.800	1.500
10934	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thánh Tâm đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Giáp với hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.200	840	720
10935	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thánh Tâm đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Giáp với hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	950	670	570
10936	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thánh Tâm đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Giáp với hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	650	460	390
10937	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thánh Tâm đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Giáp với hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.100	770	660
10938	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thánh Tâm đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Giáp với hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	860	600	520

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10939	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thánh Tâm đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Giáp với hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	590	410	350
10940	120	Đường Suối Cạn	Đường Đức Huy - Thanh Bình	Hồ Trị An	Xã Thống Nhất	2.500	1.800	1.500
10941	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Cạn đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.200	840	720
10942	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Cạn đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	950	670	570
10943	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Cạn đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	650	460	390
10944	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Cạn đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.100	770	660
10945	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Cạn đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	860	600	520
10946	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Cạn đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	590	410	350
10947	127	Đường Mùng 4 tết	Quốc lộ 20	Suối reo	Xã Thống Nhất	2.500	1.800	1.500
10948	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mùng 4 tết đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.200	840	720
10949	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mùng 4 tết đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	950	670	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10950	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mùng 4 tết đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	650	460	390
10951	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mùng 4 tết đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.100	770	660
10952	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mùng 4 tết đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	860	600	520
10953	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mùng 4 tết đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	590	410	350
10954	134	Đường Vườn Xoài	Quốc lộ 20	Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20	Xã Thống Nhất	2.500	1.800	1.500
10955	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.100	770	660
10956	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	810	570	490
10957	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	560	390	340
10958	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	990	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10959	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	730	510	440
10960	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	500	350	300
10961	141	Đường Vườn Xoài	Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20	Suối Tam Bưng	Xã Thống Nhất	1.900	1.300	1.100
10962	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Suối Tam Bưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	880	620	530
10963	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Suối Tam Bưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	690	480	410
10964	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Suối Tam Bưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	500	350	300
10965	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Suối Tam Bưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	790	550	470
10966	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Suối Tam Bưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	620	430	370
10967	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Suối Tam Bưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	450	320	270
10968	148	Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20	Quốc lộ 20	Giáp ranh xã Gia Kiệm	Xã Thống Nhất	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10969	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.100	770	660
10970	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	830	580	500
10971	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	570	400	340
10972	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	990	690	590
10973	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	750	530	450
10974	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	510	360	310
10975	155	Quốc lộ 20	Trường TH Đinh Tiên Hoàng	Ngã ba cây xăng Phú Túc	Xã Thống Nhất	5.100	3.600	3.100
10976	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Trường TH Đinh Tiên Hoàng đến Ngã ba cây xăng Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.900	1.300	1.100
10977	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Trường TH Đinh Tiên Hoàng đến Ngã ba cây xăng Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10978	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Trường TH Đinh Tiên Hoàng đến Ngã ba cây xăng Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	810	570	490
10979	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Trường TH Đinh Tiên Hoàng đến Ngã ba cây xăng Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.700	1.200	1.000
10980	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Trường TH Đinh Tiên Hoàng đến Ngã ba cây xăng Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	1.100	770	660
10981	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Trường TH Đinh Tiên Hoàng đến Ngã ba cây xăng Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Thống Nhất	730	510	440
10982	162	Quốc lộ 20	Ngã ba cây xăng Phú Túc	Bến xe Phú Túc	Xã Thống Nhất	4.500	3.200	2.700
10983	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba cây xăng Phú Túc đến Bến xe Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.400	980	840
10984	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba cây xăng Phú Túc đến Bến xe Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	1.000	700	600
10985	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba cây xăng Phú Túc đến Bến xe Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	810	570	490
10986	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba cây xăng Phú Túc đến Bến xe Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.300	910	780
10987	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba cây xăng Phú Túc đến Bến xe Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	900	630	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10988	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba cây xăng Phú Túc đến Bến xe Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Thống Nhất	730	510	440
10989	169	Quốc lộ 20	Bến xe Phú Túc	Hết ranh thửa đất số 5 tờ BĐĐC 83	Xã Thống Nhất	1.000	700	600
10990	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Bến xe Phú Túc đến Hết ranh thửa đất số 5 tờ BĐĐC 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	580	410	350
10991	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Bến xe Phú Túc đến Hết ranh thửa đất số 5 tờ BĐĐC 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	350	250	210
10992	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Bến xe Phú Túc đến Hết ranh thửa đất số 5 tờ BĐĐC 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	230	160	140
10993	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Bến xe Phú Túc đến Hết ranh thửa đất số 5 tờ BĐĐC 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	520	360	310
10994	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Bến xe Phú Túc đến Hết ranh thửa đất số 5 tờ BĐĐC 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	320	220	190
10995	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Bến xe Phú Túc đến Hết ranh thửa đất số 5 tờ BĐĐC 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Thống Nhất	210	150	130
10996	176	Đường Cô Tin	Đường Đức Huy - Thanh Bình	Ngã ba đường Đức Mẹ Núi Cúi	Xã Thống Nhất	2.500	1.800	1.500
10997	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cô Tin đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Ngã ba đường Đức Mẹ Núi Cúi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
10998	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cô Tin đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Ngã ba đường Đức Mẹ Núi Cúi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	950	670	570
10999	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cô Tin đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Ngã ba đường Đức Mẹ Núi Cúi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	650	460	390
11000	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cô Tin đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Ngã ba đường Đức Mẹ Núi Cúi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.100	770	660
11001	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cô Tin đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Ngã ba đường Đức Mẹ Núi Cúi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	860	600	520
11002	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cô Tin đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Ngã ba đường Đức Mẹ Núi Cúi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Thống Nhất	590	410	350
11003	183	Đường từ Quốc lộ 20 đi trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi	Ngã ba đường Quốc lộ 20	Đường trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi	Xã Thống Nhất	2.500	1.800	1.500
11004	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Quốc lộ 20 đi trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 20 đến Đường trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.200	840	720
11005	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Quốc lộ 20 đi trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 20 đến Đường trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	950	670	570
11006	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Quốc lộ 20 đi trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 20 đến Đường trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	650	460	390

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11007	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Quốc lộ 20 đi trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 20 đến Đường trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	1.100	770	660
11008	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Quốc lộ 20 đi trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 20 đến Đường trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	860	600	520
11009	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Quốc lộ 20 đi trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 20 đến Đường trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Thống Nhất	590	410	350
11010	190	Đường nối Cụm công nghiệp đi ĐT.763	Ngã ba giao với đường Cầu Ván	Ngã ba đường ĐT.763	Xã Thống Nhất	950	670	570
11011	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối Cụm công nghiệp đi ĐT.763 đoạn từ Ngã ba giao với đường Cầu Ván đến Ngã ba đường ĐT.763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	410	290	250
11012	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối Cụm công nghiệp đi ĐT.763 đoạn từ Ngã ba giao với đường Cầu Ván đến Ngã ba đường ĐT.763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	270	190	160
11013	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối Cụm công nghiệp đi ĐT.763 đoạn từ Ngã ba giao với đường Cầu Ván đến Ngã ba đường ĐT.763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	150	110	90
11014	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối Cụm công nghiệp đi ĐT.763 đoạn từ Ngã ba giao với đường Cầu Ván đến Ngã ba đường ĐT.763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	370	260	220
11015	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối Cụm công nghiệp đi ĐT.763 đoạn từ Ngã ba giao với đường Cầu Ván đến Ngã ba đường ĐT.763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	240	170	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11016	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối Cụm công nghiệp đi ĐT.763 đoạn từ Ngã ba giao với đường Cầu Ván đến Ngã ba đường ĐT.763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Thống Nhất	140	100	80
11017	197	Đường ấp Suối Son	Quốc lộ 20	Đầu tờ 14 thửa đất số 36	Xã Thống Nhất	950	670	570
11018	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Suối Son đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đầu tờ 14 thửa đất số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	410	290	250
11019	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Suối Son đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đầu tờ 14 thửa đất số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	270	190	160
11020	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Suối Son đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đầu tờ 14 thửa đất số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	150	110	90
11021	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Suối Son đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đầu tờ 14 thửa đất số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	370	260	220
11022	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Suối Son đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đầu tờ 14 thửa đất số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	240	170	140
11023	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Suối Son đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đầu tờ 14 thửa đất số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Thống Nhất	140	100	80
11024	1	Đường Gia Canh	Quốc lộ 20	Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối)	Xã Định Quán	5.400	3.800	3.200
11025	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.400	980	840
11026	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.000	700	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11027	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	810	570	490
11028	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.300	910	780
11029	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	900	630	540
11030	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	730	510	440
11031	8	Đường Gia Canh	Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối)	Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán	Xã Định Quán	4.100	2.900	2.500
11032	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) đến Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.400	980	840
11033	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) đến Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	930	650	560
11034	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) đến Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	580	410	350
11035	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) đến Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11036	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) đến Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	840	590	500
11037	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) đến Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	520	360	310
11038	15	Đường Gia Canh	Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán	Giáp cây xăng Gia Canh	Xã Định Quán	2.900	2.000	1.700
11039	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán đến Giáp cây xăng Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	1.100	770	660
11040	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán đến Giáp cây xăng Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	880	620	530
11041	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán đến Giáp cây xăng Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	500	350	300
11042	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán đến Giáp cây xăng Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	990	690	590
11043	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán đến Giáp cây xăng Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	790	550	470
11044	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán đến Giáp cây xăng Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	450	320	270
11045	22	Đường Gia Canh	Giáp cây xăng Gia Canh	Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Xã Định Quán	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11046	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Giáp cây xăng Gia Canh đến Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	500	350	300
11047	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Giáp cây xăng Gia Canh đến Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	380	270	230
11048	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Giáp cây xăng Gia Canh đến Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	250	180	150
11049	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Giáp cây xăng Gia Canh đến Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	450	320	270
11050	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Giáp cây xăng Gia Canh đến Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	340	240	200
11051	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Giáp cây xăng Gia Canh đến Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	230	160	140
11052	29	Đường Gia Canh	Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 270 về bên trái và hết ranh thửa đất số 11, tờ BĐĐC số 284 về bên phải	Xã Định Quán	1.000	700	600
11053	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 270 về bên trái và hết ranh thửa đất số 11, tờ BĐĐC số 284 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11054	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 270 về bên trái và hết ranh thửa đất số 11, tờ BĐĐC số 284 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	210	180
11055	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 270 về bên trái và hết ranh thửa đất số 11, tờ BĐĐC số 284 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	160	120	100
11056	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 270 về bên trái và hết ranh thửa đất số 11, tờ BĐĐC số 284 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	410	290	250
11057	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 270 về bên trái và hết ranh thửa đất số 11, tờ BĐĐC số 284 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	270	190	160
11058	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 270 về bên trái và hết ranh thửa đất số 11, tờ BĐĐC số 284 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	140	110	90
11059	36	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Gia Canh	Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ)	Xã Định Quán	1.500	1.100	900
11060	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Gia Canh đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	750	530	450
11061	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Gia Canh đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	440	310	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11062	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Gia Canh đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	150	130
11063	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Gia Canh đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	690	480	410
11064	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Gia Canh đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	400	280	240
11065	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Gia Canh đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	200	140	120
11066	43	Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh)	Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ)	Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m	Xã Định Quán	730	510	440
11067	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	280	200	170
11068	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	240	170	140
11069	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	200	140	120
11070	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	250	180	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11071	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	220	150	130
11072	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	180	130	110
11073	50	Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh)	Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m	Đường Làng Thượng	Xã Định Quán	550	390	330
11074	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m đến Đường Làng Thượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	250	180	150
11075	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m đến Đường Làng Thượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	220	150	130
11076	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m đến Đường Làng Thượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	180	130	110
11077	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m đến Đường Làng Thượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	230	160	140
11078	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m đến Đường Làng Thượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	200	140	120
11079	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m đến Đường Làng Thượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	160	110	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11080	57	Đường Làng Thượng	Giáp ranh thị trấn Định Quán (cũ)	Đường Thanh Tùng	Xã Định Quán	700	490	420
11081	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Thượng đoạn từ Giáp ranh thị trấn Định Quán (cũ) đến Đường Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	340	240	200
11082	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Thượng đoạn từ Giáp ranh thị trấn Định Quán (cũ) đến Đường Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	270	190	160
11083	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Thượng đoạn từ Giáp ranh thị trấn Định Quán (cũ) đến Đường Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	190	130	110
11084	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Thượng đoạn từ Giáp ranh thị trấn Định Quán (cũ) đến Đường Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	310	220	190
11085	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Thượng đoạn từ Giáp ranh thị trấn Định Quán (cũ) đến Đường Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	240	170	140
11086	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Thượng đoạn từ Giáp ranh thị trấn Định Quán (cũ) đến Đường Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	170	120	100
11087	64	Đường từ đường Gia Canh đến cầu Bến Thuyền	Đường Gia Canh	Cầu Bến Thuyền	Xã Định Quán	980	690	590
11088	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Gia Canh đến cầu Bến Thuyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	420	290	250
11089	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Gia Canh đến cầu Bến Thuyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	280	200	170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11090	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Gia Canh đến cầu Bến Thuyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	150	110	90
11091	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Gia Canh đến cầu Bến Thuyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	380	270	230
11092	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Gia Canh đến cầu Bến Thuyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	250	180	150
11093	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Gia Canh đến cầu Bến Thuyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	140	100	80
11094	71	Đường Trần Phú	Quốc lộ 20	Ngã ba lò gạch	Xã Định Quán	1.000	700	600
11095	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba lò gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	440	310	260
11096	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba lò gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	370	260	220
11097	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba lò gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	300	210	180
11098	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba lò gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	400	280	240
11099	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba lò gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	330	230	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11100	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba lò gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	270	190	160
11101	78	Đường Trần Phú	Ngã ba lò gạch	Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ)	Xã Định Quán	890	620	530
11102	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba lò gạch đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	440	310	260
11103	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba lò gạch đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	370	260	220
11104	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba lò gạch đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	300	210	180
11105	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba lò gạch đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	400	280	240
11106	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba lò gạch đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	330	230	200
11107	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba lò gạch đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	270	190	160
11108	85	Đường Thanh Tùng	Quốc lộ 20	Giáp chùa Chơn Như	Xã Định Quán	780	550	470
11109	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp chùa Chơn Như có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	390	270	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11110	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp chùa Chơn Như có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	330	230	200
11111	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp chùa Chơn Như có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	260	180	160
11112	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp chùa Chơn Như có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	350	250	210
11113	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp chùa Chơn Như có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	210	180
11114	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp chùa Chơn Như có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	230	160	140
11115	92	Đường Thanh Tùng	Giáp chùa Chơn Như	Trường mầm non Sơn Ca	Xã Định Quán	550	390	330
11116	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Giáp chùa Chơn Như đến Trường mầm non Sơn Ca có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	280	200	170
11117	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Giáp chùa Chơn Như đến Trường mầm non Sơn Ca có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	240	170	140
11118	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Giáp chùa Chơn Như đến Trường mầm non Sơn Ca có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	180	130	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11119	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Giáp chùa Chơn Như đến Trường mầm non Sơn Ca có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	250	180	150
11120	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Giáp chùa Chơn Như đến Trường mầm non Sơn Ca có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	220	150	130
11121	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Giáp chùa Chơn Như đến Trường mầm non Sơn Ca có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	160	110	100
11122	99	Đường 105	Quốc lộ 20	Cống số 1	Xã Định Quán	640	450	380
11123	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 105 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Cống số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	310	220	190
11124	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 105 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Cống số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	220	150	130
11125	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 105 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Cống số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	180	130	110
11126	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 105 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Cống số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	280	200	170
11127	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 105 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Cống số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	200	140	120
11128	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 105 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Cống số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	160	110	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11129	106	Đường 105	Cống số 1	Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 228 về bên trái và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 227 về bên phải	Xã Định Quán	550	390	330
11130	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 105 đoạn từ Cống số 1 đến Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 228 về bên trái và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 227 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	280	200	170
11131	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 105 đoạn từ Cống số 1 đến Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 228 về bên trái và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 227 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	220	150	130
11132	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 105 đoạn từ Cống số 1 đến Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 228 về bên trái và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 227 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	180	130	110
11133	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 105 đoạn từ Cống số 1 đến Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 228 về bên trái và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 227 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	250	180	150
11134	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 105 đoạn từ Cống số 1 đến Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 228 về bên trái và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 227 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	200	140	120
11135	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 105 đoạn từ Cống số 1 đến Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 228 về bên trái và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 227 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	160	110	100
11136	113	Đường 104	Quốc lộ 20	Hết dốc Lê Thê (đến hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 155 về bên phải, thửa 197 tờ BĐĐC số 155 về bên trái)	Xã Định Quán	700	490	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11137	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết dốc Lê Thê (đến hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 155 về bên phải, thửa 197 tờ BĐĐC số 155 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	420	290	250
11138	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết dốc Lê Thê (đến hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 155 về bên phải, thửa 197 tờ BĐĐC số 155 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	280	200	170
11139	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết dốc Lê Thê (đến hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 155 về bên phải, thửa 197 tờ BĐĐC số 155 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	150	110	90
11140	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết dốc Lê Thê (đến hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 155 về bên phải, thửa 197 tờ BĐĐC số 155 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	380	270	230
11141	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết dốc Lê Thê (đến hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 155 về bên phải, thửa 197 tờ BĐĐC số 155 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	250	180	150
11142	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết dốc Lê Thê (đến hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 155 về bên phải, thửa 197 tờ BĐĐC số 155 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Định Quán	140	100	80
11143	120	Đường 104	Quốc lộ 20	Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20)	Xã Định Quán	700	490	420
11144	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	350	250	210
11145	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	280	200	170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11146	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	210	150	130
11147	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	320	220	190
11148	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	250	180	150
11149	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	190	130	110
11150	127	Đường 104	Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20)	Cầu RAP	Xã Định Quán	620	430	370
11151	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) đến Cầu RAP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	310	220	190
11152	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) đến Cầu RAP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	240	170	140
11153	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) đến Cầu RAP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	180	130	110
11154	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) đến Cầu RAP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	280	200	170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11155	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) đến Cầu RAP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	220	150	130
11156	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) đến Cầu RAP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	160	110	100
11157	134	Đường 104	Cầu RAP	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán, Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán	Xã Định Quán	550	390	330
11158	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Cầu RAP đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán, Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	280	200	170
11159	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Cầu RAP đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán, Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	220	150	130
11160	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Cầu RAP đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán, Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	180	130	110
11161	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Cầu RAP đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán, Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	250	180	150
11162	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Cầu RAP đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán, Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11163	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Cầu RAP đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán, Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	160	110	100
11164	141	Đường liên ấp 1 - ấp 3	hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 158 về bên phải và hết ranh thửa đất số 302, tờ BĐĐC số 158 về bên trái (tiếp giáp khu tái định cư Làng bè)	Giáp đường 106	Xã Định Quán	700	490	420
11165	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1 - ấp 3 đoạn từ hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 158 về bên phải và hết ranh thửa đất số 302, tờ BĐĐC số 158 về bên trái (tiếp giáp khu tái định cư Làng bè) đến Giáp đường 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	420	290	250
11166	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1 - ấp 3 đoạn từ hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 158 về bên phải và hết ranh thửa đất số 302, tờ BĐĐC số 158 về bên trái (tiếp giáp khu tái định cư Làng bè) đến Giáp đường 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	280	200	170
11167	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1 - ấp 3 đoạn từ hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 158 về bên phải và hết ranh thửa đất số 302, tờ BĐĐC số 158 về bên trái (tiếp giáp khu tái định cư Làng bè) đến Giáp đường 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	150	110	90
11168	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1 - ấp 3 đoạn từ hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 158 về bên phải và hết ranh thửa đất số 302, tờ BĐĐC số 158 về bên trái (tiếp giáp khu tái định cư Làng bè) đến Giáp đường 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	380	270	230
11169	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1 - ấp 3 đoạn từ hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 158 về bên phải và hết ranh thửa đất số 302, tờ BĐĐC số 158 về bên trái (tiếp giáp khu tái định cư Làng bè) đến Giáp đường 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	250	180	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11170	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1 - ấp 3 đoạn từ hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 158 về bên phải và hết ranh thửa đất số 302, tờ BĐĐC số 158 về bên trái (tiếp giáp khu tái định cư Làng bè) đến Giáp đường 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Định Quán	140	100	80
11171	148	Đường 106	Quốc lộ 20	Giáp ranh hồ Trị An	Xã Định Quán	640	450	380
11172	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 106 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	310	220	190
11173	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 106 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	250	180	150
11174	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 106 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	180	130	110
11175	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 106 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	280	200	170
11176	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 106 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	230	160	140
11177	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 106 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	160	110	100
11178	155	Đường 107	Quốc lộ 20	Quốc lộ 20 + 100m	Xã Định Quán	840	590	500
11179	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	420	290	250
11180	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	280	200	170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11181	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	150	110	90
11182	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	380	270	230
11183	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	250	180	150
11184	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	140	100	80
11185	162	Đường 107	Quốc lộ 20 + 100m	Bến phà 107	Xã Định Quán	640	450	380
11186	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 + 100m đến Bến phà 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	310	220	190
11187	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 + 100m đến Bến phà 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	250	180	150
11188	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 + 100m đến Bến phà 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	180	130	110
11189	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 + 100m đến Bến phà 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	280	200	170
11190	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 + 100m đến Bến phà 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	230	160	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11191	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 + 100m đến Bến phà 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	160	110	100
11192	169	Đường từ cây xăng 108 vào trung tâm hành chính xã	Quốc lộ 20	Đường 107	Xã Định Quán	980	690	590
11193	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ cây xăng 108 vào trung tâm hành chính xã đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	420	290	250
11194	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ cây xăng 108 vào trung tâm hành chính xã đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	280	200	170
11195	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ cây xăng 108 vào trung tâm hành chính xã đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	150	110	90
11196	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ cây xăng 108 vào trung tâm hành chính xã đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	380	270	230
11197	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ cây xăng 108 vào trung tâm hành chính xã đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	250	180	150
11198	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ cây xăng 108 vào trung tâm hành chính xã đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	140	100	80
11199	176	Đường nối từ đường Cầu Trắng đến đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh)	Đường Cầu Trắng	Đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh)	Xã Định Quán	550	390	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11200	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Cầu Trắng đến đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	250	180	150
11201	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Cầu Trắng đến đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	220	150	130
11202	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Cầu Trắng đến đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	180	130	110
11203	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Cầu Trắng đến đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	230	160	140
11204	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Cầu Trắng đến đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	200	140	120
11205	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Cầu Trắng đến đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	160	110	100
11206	183	Đường Cầu Trắng	Đường Cách Mạng Tháng 8	Cống Lớn	Xã Định Quán	2.200	1.500	1.300
11207	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Cống Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.100	770	660
11208	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Cống Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	750	530	450
11209	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Cống Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11210	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Cống Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	990	690	590
11211	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Cống Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	680	480	410
11212	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Cống Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	410	290	250
11213	190	Đường Cầu Trắng	Cống Lớn	Giáp ranh xã Ngọc Định cũ	Xã Định Quán	1.600	1.100	960
11214	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Cống Lớn đến Giáp ranh xã Ngọc Định cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	800	560	480
11215	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Cống Lớn đến Giáp ranh xã Ngọc Định cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	600	420	360
11216	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Cống Lớn đến Giáp ranh xã Ngọc Định cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	450	320	270
11217	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Cống Lớn đến Giáp ranh xã Ngọc Định cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	720	500	430
11218	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Cống Lớn đến Giáp ranh xã Ngọc Định cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	540	380	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11219	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Cống Lớn đến Giáp ranh xã Ngọc Định cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	410	290	250
11220	197	Đường Cầu Trắng	Giáp ranh xã Ngọc Định cũ	Giáp suối	Xã Định Quán	980	690	590
11221	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Giáp ranh xã Ngọc Định cũ đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	560	390	340
11222	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Giáp ranh xã Ngọc Định cũ đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	420	290	250
11223	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Giáp ranh xã Ngọc Định cũ đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	150	110	90
11224	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Giáp ranh xã Ngọc Định cũ đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	500	350	300
11225	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Giáp ranh xã Ngọc Định cũ đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	380	270	230
11226	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Giáp ranh xã Ngọc Định cũ đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	140	100	80
11227	204	Quốc lộ 20	Cầu La Ngà	Hết nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán	Xã Định Quán	1.900	1.300	1.100
11228	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu La Ngà đến Hết nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	580	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11229	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu La Ngà đến Hết nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	350	250	210
11230	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu La Ngà đến Hết nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	290	200	170
11231	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu La Ngà đến Hết nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	520	360	310
11232	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu La Ngà đến Hết nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	320	220	190
11233	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu La Ngà đến Hết nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	260	180	160
11234	211	Quốc lộ 20	Nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán	Hết nghĩa địa Phú Ngọc	Xã Định Quán	1.400	980	840
11235	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán đến Hết nghĩa địa Phú Ngọc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	470	330	280
11236	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán đến Hết nghĩa địa Phú Ngọc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	350	250	210
11237	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán đến Hết nghĩa địa Phú Ngọc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	230	160	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11238	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán đến Hết nghĩa địa Phú Ngọc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	420	290	250
11239	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán đến Hết nghĩa địa Phú Ngọc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	320	220	190
11240	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán đến Hết nghĩa địa Phú Ngọc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	210	150	130
11241	218	Quốc lộ 20	Hết nghĩa địa Phú Ngọc	Ngã ba Thanh Tùng	Xã Định Quán	1.000	700	600
11242	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết nghĩa địa Phú Ngọc đến Ngã ba Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	520	360	310
11243	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết nghĩa địa Phú Ngọc đến Ngã ba Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	390	270	230
11244	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết nghĩa địa Phú Ngọc đến Ngã ba Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	260	180	160
11245	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết nghĩa địa Phú Ngọc đến Ngã ba Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	470	330	280
11246	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết nghĩa địa Phú Ngọc đến Ngã ba Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	350	250	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11247	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết nghĩa địa Phú Ngọc đến Ngã ba Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	230	160	140
11248	225	Quốc lộ 20	Ngã ba Thanh Tùng	Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng)	Xã Định Quán	1.400	980	840
11249	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Thanh Tùng đến Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	540	380	320
11250	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Thanh Tùng đến Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	410	290	250
11251	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Thanh Tùng đến Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	270	190	160
11252	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Thanh Tùng đến Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	490	340	290
11253	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Thanh Tùng đến Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	370	260	220
11254	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Thanh Tùng đến Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	240	170	140
11255	232	Quốc lộ 20	Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng)	Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ)	Xã Định Quán	1.700	1.200	1.000
11256	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) đến Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	700	490	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11257	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) đến Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	580	410	350
11258	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) đến Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	350	250	210
11259	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) đến Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	630	440	380
11260	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) đến Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	520	360	310
11261	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) đến Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	320	220	190
11262	239	Quốc lộ 20	Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ)	Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán	Xã Định Quán	2.600	1.800	1.600
11263	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.000	700	600
11264	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	750	530	450
11265	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11266	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	900	630	540
11267	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	680	480	410
11268	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	410	290	250
11269	246	Quốc lộ 20	Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán	Cầu Trắng	Xã Định Quán	7.400	5.200	4.400
11270	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán đến Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	2.000	1.400	1.200
11271	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán đến Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.500	1.100	900
11272	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán đến Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	1.100	770	660
11273	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán đến Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.800	1.300	1.100
11274	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán đến Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11275	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán đến Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	1.000	700	600
11276	253	Quốc lộ 20	Cầu Trắng	Hết ranh xã Định Quán	Xã Định Quán	7.400	5.200	4.400
11277	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu Trắng đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	2.000	1.400	1.200
11278	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu Trắng đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.500	1.100	900
11279	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu Trắng đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	1.100	770	660
11280	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu Trắng đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.800	1.300	1.100
11281	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu Trắng đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.400	980	840
11282	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu Trắng đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	1.000	700	600
11283	260	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ngô Quyền	Xã Định Quán	2.600	1.800	1.600
11284	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.300	910	780
11285	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	810	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11286	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	460	320	280
11287	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.200	840	720
11288	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	730	510	440
11289	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	410	290	250
11290	267	Đường Nguyễn Văn Linh	Quốc lộ 20	Đường Lê Lợi	Xã Định Quán	4.200	2.900	2.500
11291	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	2.100	1.500	1.300
11292	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.300	910	780
11293	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	580	410	350
11294	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.900	1.300	1.100
11295	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11296	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	520	360	310
11297	274	Đường 17 tháng 3	Đường 3 tháng 2	Đường Trịnh Hoài Đức	Xã Định Quán	2.800	2.000	1.700
11298	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 17 tháng 3 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trịnh Hoài Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.400	980	840
11299	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 17 tháng 3 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trịnh Hoài Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	760	530	460
11300	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 17 tháng 3 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trịnh Hoài Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	500	350	300
11301	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 17 tháng 3 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trịnh Hoài Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.300	910	780
11302	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 17 tháng 3 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trịnh Hoài Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	680	480	410
11303	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 17 tháng 3 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trịnh Hoài Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	450	320	270
11304	281	Đường Trịnh Hoài Đức	Đường 17 tháng 3	Đường Gia Canh	Xã Định Quán	1.600	1.100	960
11305	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Đường Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	880	620	530
11306	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Đường Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	380	270	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11307	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Đường Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	250	180	150
11308	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Đường Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	790	550	470
11309	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Đường Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	340	240	200
11310	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Đường Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	230	160	140
11311	288	Đường Trạm y tế cũ - Điện lực Định Quán	Quốc lộ 20	Trạm y tế cũ (hết thửa 93 tờ BĐĐC số 47)	Xã Định Quán	2.200	1.500	1.300
11312	289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trạm y tế cũ - Điện lực Định Quán đoạn từ Quốc lộ 20 đến Trạm y tế cũ (hết thửa 93 tờ BĐĐC số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.100	770	660
11313	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trạm y tế cũ - Điện lực Định Quán đoạn từ Quốc lộ 20 đến Trạm y tế cũ (hết thửa 93 tờ BĐĐC số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	700	490	420
11314	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trạm y tế cũ - Điện lực Định Quán đoạn từ Quốc lộ 20 đến Trạm y tế cũ (hết thửa 93 tờ BĐĐC số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	450	320	270
11315	292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trạm y tế cũ - Điện lực Định Quán đoạn từ Quốc lộ 20 đến Trạm y tế cũ (hết thửa 93 tờ BĐĐC số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	990	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11316	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trạm y tế cũ - Điện lực Định Quán đoạn từ Quốc lộ 20 đến Trạm y tế cũ (hết thửa 93 tờ BĐĐC số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	630	440	380
11317	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trạm y tế cũ - Điện lực Định Quán đoạn từ Quốc lộ 20 đến Trạm y tế cũ (hết thửa 93 tờ BĐĐC số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Định Quán	410	290	250
11318	295	Đường Thú y	Đường Nguyễn Văn Linh	đường Lý Thường Kiệt (đường bao cụm Công Nghiệp)	Xã Định Quán	2.000	1.400	1.200
11319	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến đường Lý Thường Kiệt (đường bao cụm Công Nghiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	810	570	490
11320	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến đường Lý Thường Kiệt (đường bao cụm Công Nghiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	470	330	280
11321	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến đường Lý Thường Kiệt (đường bao cụm Công Nghiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	230	160	140
11322	299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến đường Lý Thường Kiệt (đường bao cụm Công Nghiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	730	510	440
11323	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến đường Lý Thường Kiệt (đường bao cụm Công Nghiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	420	290	250
11324	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến đường Lý Thường Kiệt (đường bao cụm Công Nghiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Định Quán	210	150	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11325	302	Đường Thú y	Đường Nguyễn Văn Linh	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 43, xã Phú Vinh; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 3, xã Định Quán	Xã Định Quán	1.000	700	600
11326	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 43, xã Phú Vinh; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 3, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	520	360	310
11327	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 43, xã Phú Vinh; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 3, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	390	270	230
11328	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 43, xã Phú Vinh; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 3, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	260	180	160
11329	306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 43, xã Phú Vinh; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 3, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	470	330	280
11330	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 43, xã Phú Vinh; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 3, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	350	250	210
11331	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 43, xã Phú Vinh; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 3, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	230	160	140
11332	309	Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ)	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Ngô Quyền	Xã Định Quán	4.000	2.800	2.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11333	310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.500	1.100	900
11334	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	930	650	560
11335	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	580	410	350
11336	313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.400	980	840
11337	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	840	590	500
11338	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	520	360	310
11339	316	Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ)	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Nhân Tông	Xã Định Quán	3.000	2.100	1.800
11340	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Nhân Tông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.400	980	840
11341	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Nhân Tông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	930	650	560

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11342	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Nhân Tông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	470	330	280
11343	320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Nhân Tông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.300	910	780
11344	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Nhân Tông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	840	590	500
11345	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Nhân Tông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	420	290	250
11346	323	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Nhân Tông	Xã Định Quán	3.400	2.400	2.000
11347	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.600	1.100	960
11348	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.000	700	600
11349	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	580	410	350
11350	327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.400	980	840
11351	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	900	630	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11352	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	520	360	310
11353	330	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Ái Quốc	Hết khu phố chợ (bao gồm các thửa đất trong khu phố chợ)	Xã Định Quán	7.700	5.400	4.600
11354	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu phố chợ (bao gồm các thửa đất trong khu phố chợ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	2.100	1.500	1.300
11355	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu phố chợ (bao gồm các thửa đất trong khu phố chợ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.500	1.100	900
11356	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu phố chợ (bao gồm các thửa đất trong khu phố chợ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	1.200	840	720
11357	334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu phố chợ (bao gồm các thửa đất trong khu phố chợ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.900	1.300	1.100
11358	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu phố chợ (bao gồm các thửa đất trong khu phố chợ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.400	980	840
11359	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu phố chợ (bao gồm các thửa đất trong khu phố chợ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	1.100	770	660
11360	337	Đường Nguyễn Trãi	Hết khu phố chợ	Đường Cách Mạng Tháng 8	Xã Định Quán	4.900	3.400	2.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11361	338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Hết khu phố chợ đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.700	1.200	1.000
11362	339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Hết khu phố chợ đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.000	700	600
11363	340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Hết khu phố chợ đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	700	490	420
11364	341	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Hết khu phố chợ đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.500	1.100	900
11365	342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Hết khu phố chợ đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	900	630	540
11366	343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Hết khu phố chợ đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	630	440	380
11367	344	Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ)	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Ngô Quyền	Xã Định Quán	3.600	2.500	2.200
11368	345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.700	1.200	1.000
11369	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.000	700	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11370	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	580	410	350
11371	348	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.500	1.100	900
11372	349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	900	630	540
11373	350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	520	360	310
11374	351	Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ)	Đường Ngô Quyền	Đường Cách Mạng Tháng 8	Xã Định Quán	3.500	2.500	2.100
11375	352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.700	1.200	1.000
11376	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.000	700	600
11377	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	580	410	350
11378	355	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11379	356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	900	630	540
11380	357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	520	360	310
11381	358	Đường Ngô Quyền	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Trần Hưng Đạo	Xã Định Quán	4.400	3.100	2.600
11382	359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	2.000	1.400	1.200
11383	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.400	980	840
11384	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	760	530	460
11385	362	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.800	1.300	1.100
11386	363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.300	910	780
11387	364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	680	480	410
11388	365	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Cách Mạng Tháng 8	Xã Định Quán	2.800	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11389	366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.400	980	840
11390	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.300	910	780
11391	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	630	440	380
11392	369	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.300	910	780
11393	370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.200	840	720
11394	371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	570	400	340
11395	372	Đường Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Trãi	Đường Trần Hưng Đạo	Xã Định Quán	3.600	2.500	2.200
11396	373	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.700	1.200	1.000
11397	374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11398	375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	580	410	350
11399	376	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.500	1.100	900
11400	377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.100	770	660
11401	378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	520	360	310
11402	379	Đường Trần Nhân Tông	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 7, xã Định Quán	Xã Định Quán	2.600	1.800	1.600
11403	380	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 7, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.300	910	780
11404	381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 7, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.000	700	600
11405	382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 7, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	580	410	350
11406	383	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 7, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11407	384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 7, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	900	630	540
11408	385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 7, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	520	360	310
11409	386	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Văn Linh	Xã Định Quán	7.600	5.300	4.600
11410	387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	2.100	1.500	1.300
11411	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.500	1.100	900
11412	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	1.200	840	720
11413	390	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.900	1.300	1.100
11414	391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.400	980	840
11415	392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11416	393	Đường Lê Lai	Đường Chu Văn An	Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 197, tờ BĐĐC số 5; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 5	Xã Định Quán	3.000	2.100	1.800
11417	394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Chu Văn An đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 197, tờ BĐĐC số 5; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.500	1.100	900
11418	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Chu Văn An đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 197, tờ BĐĐC số 5; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.000	700	600
11419	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Chu Văn An đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 197, tờ BĐĐC số 5; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	470	330	280
11420	397	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Chu Văn An đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 197, tờ BĐĐC số 5; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.400	980	840
11421	398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Chu Văn An đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 197, tờ BĐĐC số 5; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	900	630	540
11422	399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Chu Văn An đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 197, tờ BĐĐC số 5; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	420	290	250
11423	400	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ)	Đường Lương Thế Vinh	Xã Định Quán	3.400	2.400	2.000
11424	401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.600	1.100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11425	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.200	840	720
11426	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	470	330	280
11427	404	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.400	980	840
11428	405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.100	770	660
11429	406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	420	290	250
11430	407	Đường Chu Văn An	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Lương Thế Vinh	Xã Định Quán	2.600	1.800	1.600
11431	408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.300	910	780
11432	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.200	840	720
11433	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	580	410	350
11434	411	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.200	840	720
11435	412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11436	413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	520	360	310
11437	414	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi	Xã Định Quán	2.200	1.500	1.300
11438	415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.300	910	780
11439	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	930	650	560
11440	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	580	410	350
11441	418	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.200	840	720
11442	419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	840	590	500
11443	420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	520	360	310
11444	421	Đường Nguyễn Du	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi	Xã Định Quán	2.200	1.500	1.300
11445	422	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.300	910	780
11446	423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	930	650	560

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11447	424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	580	410	350
11448	425	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.200	840	720
11449	426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	840	590	500
11450	427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	520	360	310
11451	428	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Văn Linh	Xã Định Quán	2.200	1.500	1.300
11452	429	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.300	910	780
11453	430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	930	650	560
11454	431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	580	410	350
11455	432	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11456	433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	840	590	500
11457	434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Định Quán	520	360	310
11458	435	Đường Ngô Thời Nhiệm	Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ)	bên trái đến hết ranh thửa đất số 575, tờ BĐĐC số 14	Xã Định Quán	2.200	1.500	1.300
11459	436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thời Nhiệm đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến bên trái đến hết ranh thửa đất số 575, tờ BĐĐC số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.300	910	780
11460	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thời Nhiệm đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến bên trái đến hết ranh thửa đất số 575, tờ BĐĐC số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	930	650	560
11461	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thời Nhiệm đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến bên trái đến hết ranh thửa đất số 575, tờ BĐĐC số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	580	410	350
11462	439	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thời Nhiệm đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến bên trái đến hết ranh thửa đất số 575, tờ BĐĐC số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.200	840	720
11463	440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thời Nhiệm đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến bên trái đến hết ranh thửa đất số 575, tờ BĐĐC số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	840	590	500
11464	441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thời Nhiệm đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến bên trái đến hết ranh thửa đất số 575, tờ BĐĐC số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Định Quán	520	360	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11465	442	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ)	Đến đường Nguyễn Trãi	Xã Định Quán	2.200	1.500	1.300
11466	443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.300	910	780
11467	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	930	650	560
11468	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	580	410	350
11469	446	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.200	840	720
11470	447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	840	590	500
11471	448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	520	360	310
11472	449	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Gia Canh	Đường 17 tháng 3	Xã Định Quán	1.500	1.100	900
11473	450	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	700	490	420
11474	451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	470	330	280
11475	452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	350	250	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11476	453	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	630	440	380
11477	454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	420	290	250
11478	455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	320	220	190
11479	456	Đường liên xã Phú Lợi - Thị trấn Định Quán (cũ)	Đường 17 tháng 3	Hết ranh xã Định Quán	Xã Định Quán	1.400	980	840
11480	457	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Phú Lợi - Thị trấn Định Quán (cũ) đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	700	490	420
11481	458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Phú Lợi - Thị trấn Định Quán (cũ) đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	580	410	350
11482	459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Phú Lợi - Thị trấn Định Quán (cũ) đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	350	250	210
11483	460	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Phú Lợi - Thị trấn Định Quán (cũ) đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	630	440	380
11484	461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Phú Lợi - Thị trấn Định Quán (cũ) đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	520	360	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11485	462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Phú Lợi - Thị trấn Định Quán (cũ) đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	320	220	190
11486	463	Đường Lương Thế Vinh	Đường Trần Nhân Tông	Bên trái, hết ranh thửa đất số 243, tờ BĐĐC số 6, xã Định Quán; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 216, tờ BĐĐC số 7	Xã Định Quán	2.200	1.500	1.300
11487	464	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Bên trái, hết ranh thửa đất số 243, tờ BĐĐC số 6, xã Định Quán; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 216, tờ BĐĐC số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.300	910	780
11488	465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Bên trái, hết ranh thửa đất số 243, tờ BĐĐC số 6, xã Định Quán; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 216, tờ BĐĐC số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	930	650	560
11489	466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Bên trái, hết ranh thửa đất số 243, tờ BĐĐC số 6, xã Định Quán; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 216, tờ BĐĐC số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	580	410	350
11490	467	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Bên trái, hết ranh thửa đất số 243, tờ BĐĐC số 6, xã Định Quán; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 216, tờ BĐĐC số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.200	840	720
11491	468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Bên trái, hết ranh thửa đất số 243, tờ BĐĐC số 6, xã Định Quán; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 216, tờ BĐĐC số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	840	590	500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11492	469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Bên trái, hết ranh thửa đất số 243, tờ BĐĐC số 6, xã Định Quán; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 216, tờ BĐĐC số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	520	360	310
11493	470	Đường Lương Thế Vinh	bên phải thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 6, bên phải đến hết ranh thửa đất số 557, tờ BĐĐC số 6	Đường Lê Lợi	Xã Định Quán	2.200	1.500	1.300
11494	471	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ bên phải thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 6, bên phải đến hết ranh thửa đất số 557, tờ BĐĐC số 6 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.300	910	780
11495	472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ bên phải thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 6, bên phải đến hết ranh thửa đất số 557, tờ BĐĐC số 6 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	930	650	560
11496	473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ bên phải thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 6, bên phải đến hết ranh thửa đất số 557, tờ BĐĐC số 6 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	580	410	350
11497	474	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ bên phải thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 6, bên phải đến hết ranh thửa đất số 557, tờ BĐĐC số 6 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	1.200	840	720
11498	475	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ bên phải thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 6, bên phải đến hết ranh thửa đất số 557, tờ BĐĐC số 6 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	840	590	500
11499	476	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ bên phải thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 6, bên phải đến hết ranh thửa đất số 557, tờ BĐĐC số 6 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Định Quán	520	360	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11500	1	Quốc lộ 20	Giáp ranh xã Định Quán	Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ	Xã Phú Vinh	7.700	5.400	4.600
11501	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	2.000	1.400	1.200
11502	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	1.300	910	780
11503	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	1.100	770	660
11504	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	1.800	1.300	1.100
11505	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	1.200	840	720
11506	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	1.000	700	600
11507	8	Quốc lộ 20	Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ	Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ)	Xã Phú Vinh	3.800	2.700	2.300
11508	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ đến Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	1.200	840	720
11509	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ đến Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	1.000	700	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11510	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ đến Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	640	450	380
11511	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ đến Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	1.100	770	660
11512	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ đến Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	900	630	540
11513	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ đến Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	580	410	350
11514	15	Quốc lộ 20	Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ)	Ngã ba Km118	Xã Phú Vinh	2.200	1.500	1.300
11515	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	900	630	540
11516	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	640	450	380
11517	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	380	270	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11518	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	810	570	490
11519	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	580	410	350
11520	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	340	240	200
11521	22	Quốc lộ 20	Ngã ba Km118	Giáp ranh xã Tân Phú	Xã Phú Vinh	1.500	1.100	900
11522	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	510	360	310
11523	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	380	270	230
11524	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	260	180	160
11525	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	460	320	280
11526	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	340	240	200
11527	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	230	160	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11528	29	Đường 118 – sông Đồng Nai	Quốc lộ 20	hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân	Xã Phú Vinh	1.000	700	600
11529	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Quốc lộ 20 đến hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	520	360	310
11530	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Quốc lộ 20 đến hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	260	180	160
11531	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Quốc lộ 20 đến hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	230	160	140
11532	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Quốc lộ 20 đến hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	470	330	280
11533	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Quốc lộ 20 đến hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	230	160	140
11534	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Quốc lộ 20 đến hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Vinh	210	150	130
11535	36	Đường 118 – sông Đồng Nai	hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân	Giáo xứ Xuân Hoa	Xã Phú Vinh	650	460	390
11536	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân đến Giáo xứ Xuân Hoa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	310	220	190
11537	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân đến Giáo xứ Xuân Hoa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	230	160	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11538	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân đến Giáo xứ Xuân Hoa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	160	110	100
11539	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân đến Giáo xứ Xuân Hoa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	280	200	170
11540	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân đến Giáo xứ Xuân Hoa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	210	150	130
11541	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân đến Giáo xứ Xuân Hoa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Vinh	140	100	80
11542	43	Đường 118 – sông Đồng Nai	Giáo xứ Xuân Hoa	Giáp sông Đồng Nai	Xã Phú Vinh	800	560	480
11543	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Giáo xứ Xuân Hoa đến Giáp sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	400	280	240
11544	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Giáo xứ Xuân Hoa đến Giáp sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	320	220	190
11545	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Giáo xứ Xuân Hoa đến Giáp sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	250	180	150
11546	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Giáo xứ Xuân Hoa đến Giáp sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	360	250	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11547	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Giáo xứ Xuân Hoa đến Giáp sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	290	200	170
11548	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Giáo xứ Xuân Hoa đến Giáp sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Vinh	230	160	140
11549	50	Đường 120	Quốc lộ 20	Hết ranh trường THCS Phú Tân	Xã Phú Vinh	650	460	390
11550	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh trường THCS Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	390	270	230
11551	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh trường THCS Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	260	180	160
11552	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh trường THCS Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	140	100	80
11553	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh trường THCS Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	350	250	210
11554	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh trường THCS Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	230	160	140
11555	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh trường THCS Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	130	90	80
11556	57	Đường 120	Hết ranh trường THCS Phú Tân	Giáp ranh xã Tân Phú	Xã Phú Vinh	550	390	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11557	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đoạn từ Hết ranh trường THCS Phú Tân đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	270	190	160
11558	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đoạn từ Hết ranh trường THCS Phú Tân đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	210	150	130
11559	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đoạn từ Hết ranh trường THCS Phú Tân đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	170	120	100
11560	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đoạn từ Hết ranh trường THCS Phú Tân đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	240	170	140
11561	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đoạn từ Hết ranh trường THCS Phú Tân đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	190	130	110
11562	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đoạn từ Hết ranh trường THCS Phú Tân đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	150	110	90
11563	64	Đường ấp 1 xã Phú Vinh	Đường Nguyễn Văn Linh	ngã ba rẻ vào nghĩa trang ấp Ba Tầng	Xã Phú Vinh	1.000	700	600
11564	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến ngã ba rẻ vào nghĩa trang ấp Ba Tầng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	390	270	230
11565	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến ngã ba rẻ vào nghĩa trang ấp Ba Tầng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	260	180	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11566	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến ngã ba rẻ vào nghĩa trang ấp Ba Tầng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	140	100	80
11567	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến ngã ba rẻ vào nghĩa trang ấp Ba Tầng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	350	250	210
11568	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến ngã ba rẻ vào nghĩa trang ấp Ba Tầng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	230	160	140
11569	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến ngã ba rẻ vào nghĩa trang ấp Ba Tầng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Vinh	130	90	80
11570	71	Đường ấp 1 xã Phú Vinh	Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng)	đường vào trường TH Lê Văn Tám	Xã Phú Vinh	510	360	310
11571	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng) đến đường vào trường TH Lê Văn Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	260	180	160
11572	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng) đến đường vào trường TH Lê Văn Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	220	150	130
11573	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng) đến đường vào trường TH Lê Văn Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	170	120	100
11574	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng) đến đường vào trường TH Lê Văn Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	230	160	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11575	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng) đến đường vào trường TH Lê Văn Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	200	140	120
11576	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng) đến đường vào trường TH Lê Văn Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Vinh	150	110	90
11577	78	Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn còn lại	đường vào trường TH Lê Văn Tám	đường Suối Soong	Xã Phú Vinh	510	360	310
11578	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn còn lại đoạn từ đường vào trường TH Lê Văn Tám đến đường Suối Soong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	260	180	160
11579	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn còn lại đoạn từ đường vào trường TH Lê Văn Tám đến đường Suối Soong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	220	150	130
11580	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn còn lại đoạn từ đường vào trường TH Lê Văn Tám đến đường Suối Soong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	170	120	100
11581	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn còn lại đoạn từ đường vào trường TH Lê Văn Tám đến đường Suối Soong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	230	160	140
11582	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn còn lại đoạn từ đường vào trường TH Lê Văn Tám đến đường Suối Soong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	200	140	120
11583	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn còn lại đoạn từ đường vào trường TH Lê Văn Tám đến đường Suối Soong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Vinh	150	110	90
11584	85	Đường Nguyễn Văn Linh	Quốc lộ 20	Hết ranh xã Phú Vinh	Xã Phú Vinh	3.700	2.600	2.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11585	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	2.000	1.400	1.200
11586	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	1.200	840	720
11587	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	560	390	340
11588	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	1.800	1.300	1.100
11589	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	1.100	770	660
11590	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	500	350	300
11591	92	Đường Phú Vinh - Ngọc Định	Quốc lộ 20	Hết ranh chợ Phú Vinh	Xã Phú Vinh	3.300	2.300	2.000
11592	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	1.500	1.100	900
11593	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	1.000	700	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11594	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	740	520	440
11595	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	1.400	980	840
11596	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	900	630	540
11597	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	670	470	400
11598	99	Đường Phú Vinh - Ngọc Định	Hết ranh chợ Phú Vinh	Ngã ba đường liên ấp 4-5	Xã Phú Vinh	1.700	1.200	1.000
11599	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Hết ranh chợ Phú Vinh đến Ngã ba đường liên ấp 4-5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	780	550	470
11600	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Hết ranh chợ Phú Vinh đến Ngã ba đường liên ấp 4-5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	390	270	230
11601	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Hết ranh chợ Phú Vinh đến Ngã ba đường liên ấp 4-5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	260	180	160
11602	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Hết ranh chợ Phú Vinh đến Ngã ba đường liên ấp 4-5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	700	490	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11603	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Hết ranh chợ Phú Vinh đến Ngã ba đường liên ấp 4-5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	350	250	210
11604	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Hết ranh chợ Phú Vinh đến Ngã ba đường liên ấp 4-5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	230	160	140
11605	106	Đường Phú Vinh - Ngọc Định	Ngã ba đường liên ấp 4-5	Đường Suối Soong 2	Xã Phú Vinh	650	460	390
11606	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Ngã ba đường liên ấp 4-5 đến Đường Suối Soong 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	390	270	230
11607	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Ngã ba đường liên ấp 4-5 đến Đường Suối Soong 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	260	180	160
11608	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Ngã ba đường liên ấp 4-5 đến Đường Suối Soong 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	140	100	80
11609	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Ngã ba đường liên ấp 4-5 đến Đường Suối Soong 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	350	250	210
11610	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Ngã ba đường liên ấp 4-5 đến Đường Suối Soong 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	230	160	140
11611	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Ngã ba đường liên ấp 4-5 đến Đường Suối Soong 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	130	90	80
11612	113	Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn còn lại			Xã Phú Vinh	600	420	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11613	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	290	200	170
11614	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	220	150	130
11615	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	170	120	100
11616	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	260	180	160
11617	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	200	140	120
11618	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	150	110	90
11619	120	Đường Suối Soong 2	Ngã ba đường WB	Đường Phú Vinh - Ngọc Định	Xã Phú Vinh	370	260	220
11620	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Soong 2 đoạn từ Ngã ba đường WB đến Đường Phú Vinh - Ngọc Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	310	220	190
11621	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Soong 2 đoạn từ Ngã ba đường WB đến Đường Phú Vinh - Ngọc Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	190	130	110
11622	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Soong 2 đoạn từ Ngã ba đường WB đến Đường Phú Vinh - Ngọc Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	130	90	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11623	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Soong 2 đoạn từ Ngã ba đường WB đến Đường Phú Vinh - Ngọc Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	280	200	170
11624	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Soong 2 đoạn từ Ngã ba đường WB đến Đường Phú Vinh - Ngọc Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	170	120	100
11625	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Soong 2 đoạn từ Ngã ba đường WB đến Đường Phú Vinh - Ngọc Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Vinh	120	80	70
11626	127	Đường ven sông Đồng Nai	Đường 118 - sông Đồng Nai	Đường liên ấp 6-7	Xã Phú Vinh	370	260	220
11627	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Đường 118 - sông Đồng Nai đến Đường liên ấp 6-7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	310	220	190
11628	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Đường 118 - sông Đồng Nai đến Đường liên ấp 6-7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	190	130	110
11629	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Đường 118 - sông Đồng Nai đến Đường liên ấp 6-7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	130	90	80
11630	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Đường 118 - sông Đồng Nai đến Đường liên ấp 6-7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	280	200	170
11631	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Đường 118 - sông Đồng Nai đến Đường liên ấp 6-7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	170	120	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11632	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Đường 118 - sông Đồng Nai đến Đường liên ấp 6-7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	120	80	70
11633	134	Đường liên ấp 6-7	Đường 120	Đường ven sông Đồng Nai	Xã Phú Vinh	370	260	220
11634	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 6-7 đoạn từ Đường 120 đến Đường ven sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	310	220	190
11635	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 6-7 đoạn từ Đường 120 đến Đường ven sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	190	130	110
11636	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 6-7 đoạn từ Đường 120 đến Đường ven sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	130	90	80
11637	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 6-7 đoạn từ Đường 120 đến Đường ven sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	280	200	170
11638	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 6-7 đoạn từ Đường 120 đến Đường ven sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	170	120	100
11639	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 6-7 đoạn từ Đường 120 đến Đường ven sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	120	80	70
11640	15	Quốc lộ 20	Hết trường THPT Điểu Cải	Ngã ba cây xăng	Xã La Ngà	5.100	3.600	3.100
11641	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết trường THPT Điểu Cải đến Ngã ba cây xăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11642	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết trường THPT Điểu Cải đến Ngã ba cây xăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	1.200	840	720
11643	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết trường THPT Điểu Cải đến Ngã ba cây xăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	810	570	490
11644	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết trường THPT Điểu Cải đến Ngã ba cây xăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	1.700	1.200	1.000
11645	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết trường THPT Điểu Cải đến Ngã ba cây xăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	1.100	770	660
11646	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết trường THPT Điểu Cải đến Ngã ba cây xăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	730	510	440
11647	22	Quốc lộ 20	Ngã ba cây xăng	Bến xe Phú Túc	Xã La Ngà	4.500	3.200	2.700
11648	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba cây xăng đến Bến xe Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	1.400	980	840
11649	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba cây xăng đến Bến xe Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	1.000	700	600
11650	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba cây xăng đến Bến xe Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	810	570	490
11651	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba cây xăng đến Bến xe Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11652	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba cây xăng đến Bến xe Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	900	630	540
11653	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba cây xăng đến Bến xe Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	730	510	440
11654	29	Quốc lộ 20	Bến xe Phú Túc	Hết cây xăng Tín Nghĩa	Xã La Ngà	1.000	700	600
11655	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Bến xe Phú Túc đến Hết cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	580	410	350
11656	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Bến xe Phú Túc đến Hết cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	350	250	210
11657	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Bến xe Phú Túc đến Hết cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	230	160	140
11658	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Bến xe Phú Túc đến Hết cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	520	360	310
11659	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Bến xe Phú Túc đến Hết cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	320	220	190
11660	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Bến xe Phú Túc đến Hết cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	210	150	130
11661	36	Quốc lộ 20	Hết cây xăng Tín Nghĩa	Hết trường tiểu học Lê Quý Đôn	Xã La Ngà	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11662	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết cây xăng Tín Nghĩa đến Hết trường tiểu học Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	460	320	280
11663	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết cây xăng Tín Nghĩa đến Hết trường tiểu học Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	350	250	210
11664	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết cây xăng Tín Nghĩa đến Hết trường tiểu học Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	230	160	140
11665	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết cây xăng Tín Nghĩa đến Hết trường tiểu học Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	410	290	250
11666	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết cây xăng Tín Nghĩa đến Hết trường tiểu học Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	320	220	190
11667	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết cây xăng Tín Nghĩa đến Hết trường tiểu học Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	210	150	130
11668	43	Quốc lộ 20 đoạn từ hết Trường tiểu học Lê Quý Đôn đến giáp cầu La Ngà trừ đoạn cách chợ La Ngà mỗi bên 200m			Xã La Ngà	2.000	1.400	1.200
11669	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ hết Trường tiểu học Lê Quý Đôn đến giáp cầu La Ngà trừ đoạn cách chợ La Ngà mỗi bên 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	810	570	490
11670	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ hết Trường tiểu học Lê Quý Đôn đến giáp cầu La Ngà trừ đoạn cách chợ La Ngà mỗi bên 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	350	250	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11671	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ hết Trường tiểu học Lê Quý Đôn đến giáp cầu La Ngà trừ đoạn cách chợ La Ngà mỗi bên 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	290	200	170
11672	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ hết Trường tiểu học Lê Quý Đôn đến giáp cầu La Ngà trừ đoạn cách chợ La Ngà mỗi bên 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	730	510	440
11673	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ hết Trường tiểu học Lê Quý Đôn đến giáp cầu La Ngà trừ đoạn cách chợ La Ngà mỗi bên 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	320	220	190
11674	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ hết Trường tiểu học Lê Quý Đôn đến giáp cầu La Ngà trừ đoạn cách chợ La Ngà mỗi bên 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	260	180	160
11675	50	Quốc lộ 20	Cách chợ La Ngà 200m	Qua chợ La Ngà 200m (đến hết bưu điện xã La Ngà)	Xã La Ngà	2.900	2.000	1.700
11676	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cách chợ La Ngà 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	810	570	490
11677	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cách chợ La Ngà 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	700	490	420
11678	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cách chợ La Ngà 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	580	410	350
11679	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cách chợ La Ngà 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	730	510	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11680	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cách chợ La Ngà 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	630	440	380
11681	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cách chợ La Ngà 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	520	360	310
11682	57	Đường 4A	Quốc lộ 20 (cà phê Thu Hà)	QL 20 (Thửa đất số 130 tờ bản đồ số 119)	Xã La Ngà	1.900	1.300	1.100
11683	58	Đường 4A	Quốc lộ 20	Hết ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ)	Xã La Ngà	1.900	1.300	1.100
11684	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 4A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	890	620	530
11685	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 4A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	440	310	260
11686	61	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 4A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	300	210	180
11687	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 4A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	800	560	480
11688	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 4A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	400	280	240
11689	64	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 4A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	270	190	160
11690	65	Đường 2A	Quốc lộ 20 (cây xăng Tín Nghĩa)	Đấu nối với đường 4A	Xã La Ngà	1.900	1.300	1.100
11691	66	Đường 2A	Giáp ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ)	Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 121, Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 122	Xã La Ngà	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11692	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 2A đoạn từ Giáp ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ) đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 121, Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	890	620	530
11693	68	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 2A đoạn từ Giáp ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ) đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 121, Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	440	310	260
11694	69	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 2A đoạn từ Giáp ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ) đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 121, Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	300	210	180
11695	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 2A đoạn từ Giáp ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ) đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 121, Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	800	560	480
11696	71	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 2A đoạn từ Giáp ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ) đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 121, Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	400	280	240
11697	72	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 2A đoạn từ Giáp ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ) đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 121, Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã La Ngà	270	190	160
11698	73	Đường 96	Trạm xăng dầu Đồng Nai	Nhà văn hóa, khu thể thao ấp Vĩnh An	Xã La Ngà	580	410	350
11699	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 96 đoạn từ Trạm xăng dầu Đồng Nai đến Nhà văn hóa, khu thể thao ấp Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	300	210	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11700	75	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 96 đoạn từ Trạm xăng dầu Đồng Nai đến Nhà văn hóa, khu thể thao ấp Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	250	180	150
11701	76	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 96 đoạn từ Trạm xăng dầu Đồng Nai đến Nhà văn hóa, khu thể thao ấp Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	210	150	130
11702	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 96 đoạn từ Trạm xăng dầu Đồng Nai đến Nhà văn hóa, khu thể thao ấp Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	270	190	160
11703	78	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 96 đoạn từ Trạm xăng dầu Đồng Nai đến Nhà văn hóa, khu thể thao ấp Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	230	160	140
11704	79	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 96 đoạn từ Trạm xăng dầu Đồng Nai đến Nhà văn hóa, khu thể thao ấp Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	190	130	110
11705	80	Đường 101	Quốc lộ 20 theo hướng Bắc	Đường WB2	Xã La Ngà	790	550	470
11706	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 theo hướng Bắc đến Đường WB2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	400	280	240
11707	82	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 theo hướng Bắc đến Đường WB2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	260	180	160
11708	83	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 theo hướng Bắc đến Đường WB2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	150	110	90
11709	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 theo hướng Bắc đến Đường WB2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	360	250	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11710	85	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 theo hướng Bắc đến Đường WB2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	230	160	140
11711	86	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 theo hướng Bắc đến Đường WB2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	135	90	80
11712	87	Đường 101	Đường WB2	Ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 3 về bên trái và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên phải, xã La Ngà	Xã La Ngà	660	460	400
11713	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Đường WB2 đến Ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 3 về bên trái và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	400	280	240
11714	89	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Đường WB2 đến Ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 3 về bên trái và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	260	180	160
11715	90	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Đường WB2 đến Ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 3 về bên trái và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	150	110	90
11716	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Đường WB2 đến Ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 3 về bên trái và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	360	250	220
11717	92	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Đường WB2 đến Ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 3 về bên trái và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	230	160	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11718	93	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Đường WB2 đến Ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 3 về bên trái và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	135	90	80
11719	94	Đường 101	Quốc lộ 20	Vào 1.000m	Xã La Ngà	790	550	470
11720	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	400	280	240
11721	96	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	260	180	160
11722	97	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	150	110	90
11723	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	360	250	220
11724	99	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	230	160	140
11725	100	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	135	90	80
11726	101	Đường 101	Vào 1.000m (từ Quốc lộ 20 vào)	Giáp ranh xã Xuân Bắc	Xã La Ngà	660	460	400
11727	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn Vào 1.000m (từ Quốc lộ 20 vào) đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	400	280	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11728	103	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn Vào 1.000m (từ Quốc lộ 20 vào) đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	260	180	160
11729	104	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn Vào 1.000m (từ Quốc lộ 20 vào) đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	150	110	90
11730	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn Vào 1.000m (từ Quốc lộ 20 vào) đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	360	250	220
11731	106	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn Vào 1.000m (từ Quốc lộ 20 vào) đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	230	160	140
11732	107	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn Vào 1.000m (từ Quốc lộ 20 vào) đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	135	90	80
11733	108	Đường 101B	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch xã La Ngà	Xã La Ngà	780	550	470
11734	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101B đoạn từ Trường THCS Trần Hưng Đạo đến Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	380	270	230
11735	110	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101B đoạn từ Trường THCS Trần Hưng Đạo đến Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	340	240	200
11736	111	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101B đoạn từ Trường THCS Trần Hưng Đạo đến Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	180	130	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11737	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101B đoạn từ Trường THCS Trần Hưng Đạo đến Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	340	240	200
11738	113	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101B đoạn từ Trường THCS Trần Hưng Đạo đến Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	310	220	190
11739	114	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101B đoạn từ Trường THCS Trần Hưng Đạo đến Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã La Ngà	160	110	100
11740	115	Đường WB2	Đường 101 đi ấp Vĩnh An	Ngã ba giáo xứ Vĩnh An, xã La Ngà	Xã La Ngà	580	410	350
11741	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường WB2 đoạn từ Đường 101 đi ấp Vĩnh An đến Ngã ba giáo xứ Vĩnh An, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	270	190	160
11742	117	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường WB2 đoạn từ Đường 101 đi ấp Vĩnh An đến Ngã ba giáo xứ Vĩnh An, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	240	170	140
11743	118	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường WB2 đoạn từ Đường 101 đi ấp Vĩnh An đến Ngã ba giáo xứ Vĩnh An, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	190	130	110
11744	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường WB2 đoạn từ Đường 101 đi ấp Vĩnh An đến Ngã ba giáo xứ Vĩnh An, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	240	170	140
11745	120	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường WB2 đoạn từ Đường 101 đi ấp Vĩnh An đến Ngã ba giáo xứ Vĩnh An, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	220	150	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11746	121	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường WB2 đoạn từ Đường 101 đi ấp Vĩnh An đến Ngã ba giáo xứ Vĩnh An, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	170	120	100
11747	122	Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 19 về bên trái và hết ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 19 về bên phải, xã La Ngà	Xã La Ngà	660	460	400
11748	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 19 về bên trái và hết ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 19 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	400	280	240
11749	124	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 19 về bên trái và hết ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 19 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	260	180	160
11750	125	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 19 về bên trái và hết ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 19 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	150	110	90
11751	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 19 về bên trái và hết ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 19 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	360	250	220
11752	127	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 19 về bên trái và hết ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 19 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	230	160	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11753	128	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 19 về bên trái và hết ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 19 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	135	90	80
11754	129	Đường suối Dzui	Quốc lộ 20	Đường 101	Xã La Ngà	660	460	400
11755	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường suối Dzui đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	400	280	240
11756	131	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường suối Dzui đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	260	180	160
11757	132	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường suối Dzui đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	150	110	90
11758	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường suối Dzui đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	360	250	220
11759	134	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường suối Dzui đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	230	160	140
11760	135	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường suối Dzui đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	135	90	80
11761	1	Đường Trà Cổ	Giáp ranh xã Tân Phú	Cầu đập	Xã Phú Hòa	890	620	530
11762	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh xã Tân Phú đến Cầu đập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	340	240	200
11763	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh xã Tân Phú đến Cầu đập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	280	200	170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11764	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh xã Tân Phú đến Cầu đập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	180	130	110
11765	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh xã Tân Phú đến Cầu đập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	310	220	190
11766	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh xã Tân Phú đến Cầu đập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	250	180	150
11767	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh xã Tân Phú đến Cầu đập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	160	110	100
11768	8	Quốc lộ 20	Giáp ranh xã Định Quán	Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa	Xã Phú Hòa	7.700	5.400	4.600
11769	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	2.000	1.400	1.200
11770	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	1.300	910	780
11771	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	1.100	770	660
11772	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11773	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	1.200	840	720
11774	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	1.000	700	600
11775	15	Quốc lộ 20	Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa	thửa 309 tờ 49	Xã Phú Hòa	3.800	2.700	2.300
11776	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa đến thửa 309 tờ 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	1.200	840	720
11777	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa đến thửa 309 tờ 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	1.000	700	600
11778	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa đến thửa 309 tờ 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	640	450	380
11779	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa đến thửa 309 tờ 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	1.100	770	660
11780	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa đến thửa 309 tờ 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	900	630	540
11781	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa đến thửa 309 tờ 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Hòa	580	410	350
11782	22	Quốc lộ 20	thửa 309 tờ 49	Ngã ba Km118	Xã Phú Hòa	2.200	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11783	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ thửa 309 tờ 49 đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	900	630	540
11784	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ thửa 309 tờ 49 đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	640	450	380
11785	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ thửa 309 tờ 49 đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	380	270	230
11786	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ thửa 309 tờ 49 đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	810	570	490
11787	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ thửa 309 tờ 49 đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	580	410	350
11788	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ thửa 309 tờ 49 đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Hòa	340	240	200
11789	29	Quốc lộ 20	Ngã ba Km118	Giáp ranh Phường Tân Phú	Xã Phú Hòa	1.500	1.100	900
11790	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh Phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	510	360	310
11791	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh Phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	380	270	230
11792	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh Phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	260	180	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11793	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh Phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	460	320	280
11794	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh Phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	340	240	200
11795	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh Phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Hòa	230	160	140
11796	36	Đường Ngã tư km+115	Quốc lộ 20	Hết ranh chợ Phú Lợi	Xã Phú Hòa	2.900	2.000	1.700
11797	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	1.300	910	780
11798	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	1.000	700	600
11799	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	650	460	390
11800	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	1.200	840	720
11801	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	900	630	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11802	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	590	410	350
11803	43	Đường Ngã tư km+115	Hết ranh chợ Phú Lợi	Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ)	Xã Phú Hòa	2.000	1.400	1.200
11804	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Lợi đến Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	1.000	700	600
11805	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Lợi đến Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	730	510	440
11806	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Lợi đến Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	440	310	260
11807	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Lợi đến Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	900	630	540
11808	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Lợi đến Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	660	460	400
11809	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Lợi đến Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	400	280	240
11810	50	Đường Ngã tư km+115	Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ)	Giáp ranh xã Định Quán	Xã Phú Hòa	1.000	700	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11811	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	440	310	260
11812	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	300	210	180
11813	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	160	110	100
11814	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	400	280	240
11815	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	270	190	160
11816	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	140	100	85
11817	57	Đường liên xã Phú Lợi - xã Định Quán	Giáp ranh xã Định Quán	Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa	Xã Phú Hòa	1.700	1.200	1.000
11818	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Phú Lợi - xã Định Quán đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	870	610	520
11819	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Phú Lợi - xã Định Quán đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	730	510	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11820	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Phú Lợi - xã Định Quán đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	440	310	260
11821	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Phú Lợi - xã Định Quán đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	780	550	470
11822	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Phú Lợi - xã Định Quán đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	660	460	400
11823	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Phú Lợi - xã Định Quán đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	400	280	240
11824	64	Đường Phú Lợi - Phú Hòa	Quốc lộ 20	Đường Phú Lợi - Gia Canh	Xã Phú Hòa	1.900	1.300	1.100
11825	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Lợi - Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	1.000	700	600
11826	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Lợi - Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	440	310	260
11827	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Lợi - Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	290	200	170
11828	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Lợi - Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	900	630	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11829	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Lợi - Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	400	280	240
11830	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Lợi - Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Hòa	260	180	160
11831	71	Đường Phú Lợi - Phú Hòa	Đường Phú Lợi - Gia Canh	Hết UBND xã Phú Hòa	Xã Phú Hòa	680	480	410
11832	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Đường Phú Lợi - Gia Canh đến Hết UBND xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	330	230	200
11833	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Đường Phú Lợi - Gia Canh đến Hết UBND xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	230	160	140
11834	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Đường Phú Lợi - Gia Canh đến Hết UBND xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	190	130	110
11835	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Đường Phú Lợi - Gia Canh đến Hết UBND xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	300	210	180
11836	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Đường Phú Lợi - Gia Canh đến Hết UBND xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	210	150	130
11837	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Đường Phú Lợi - Gia Canh đến Hết UBND xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Hòa	170	120	100
11838	78	Đường Phú Lợi - Phú Hòa	Hết UBND xã Phú Hòa	Hết cây xăng Phú Hòa	Xã Phú Hòa	750	530	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11839	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Hết UBND xã Phú Hòa đến Hết cây xăng Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	320	220	190
11840	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Hết UBND xã Phú Hòa đến Hết cây xăng Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	250	180	150
11841	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Hết UBND xã Phú Hòa đến Hết cây xăng Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	190	130	110
11842	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Hết UBND xã Phú Hòa đến Hết cây xăng Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	290	200	170
11843	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Hết UBND xã Phú Hòa đến Hết cây xăng Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	230	160	140
11844	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Hết UBND xã Phú Hòa đến Hết cây xăng Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Hòa	170	120	100
11845	85	Đường liên xã Định Quán - Phú Hòa	Giáp ranh xã Định Quán	Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa	Xã Phú Hòa	680	480	410
11846	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Định Quán - Phú Hòa đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	330	230	200
11847	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Định Quán - Phú Hòa đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	230	160	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11848	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Định Quán - Phú Hòa đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	190	130	110
11849	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Định Quán - Phú Hòa đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	300	210	180
11850	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Định Quán - Phú Hòa đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	210	150	130
11851	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Định Quán - Phú Hòa đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	170	120	100
11852	92	Đường ĐT 774B	Đường Trà Cổ	hết ranh xã Phú Hòa	Xã Phú Hòa	1.000	700	600
11853	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 774B đoạn từ Đường Trà Cổ đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	440	310	260
11854	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 774B đoạn từ Đường Trà Cổ đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	300	210	180
11855	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 774B đoạn từ Đường Trà Cổ đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	160	110	100
11856	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 774B đoạn từ Đường Trà Cổ đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	400	280	240
11857	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 774B đoạn từ Đường Trà Cổ đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	270	190	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11858	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 774B đoạn từ Đường Trà Cổ đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	140	100	85
11859	99	Đường 120 đi Gia Canh – nhánh 2	Đường Phú Lợi - Phú Hòa	hết đường nhựa	Xã Phú Hòa	1.000	700	600
11860	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đi Gia Canh – nhánh 2 đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	440	310	260
11861	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đi Gia Canh – nhánh 2 đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	300	210	180
11862	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đi Gia Canh – nhánh 2 đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	160	110	100
11863	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đi Gia Canh – nhánh 2 đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	400	280	240
11864	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đi Gia Canh – nhánh 2 đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	270	190	160
11865	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đi Gia Canh – nhánh 2 đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Hòa	140	100	80
11866	106	Đường 120 đi Gia Canh	Đường Phú Lợi - Phú Hòa	hết ranh xã Phú Hòa	Xã Phú Hòa	1.000	700	600
11867	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đi Gia Canh đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	440	310	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11868	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đi Gia Canh đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	300	210	180
11869	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đi Gia Canh đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	160	110	100
11870	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đi Gia Canh đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	400	280	240
11871	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đi Gia Canh đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	270	190	160
11872	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đi Gia Canh đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Hòa	140	100	80
11873	1	Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà)	Ngã ba Bến phà	Ngã ba Lô Năm	Xã Thanh Sơn	780	550	470
11874	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Bến phà đến Ngã ba Lô Năm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	330	230	200
11875	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Bến phà đến Ngã ba Lô Năm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	270	190	160
11876	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Bến phà đến Ngã ba Lô Năm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	195	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11877	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Bến phà đến Ngã ba Lô Năm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	300	210	180
11878	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Bến phà đến Ngã ba Lô Năm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	240	170	140
11879	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Bến phà đến Ngã ba Lô Năm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	180	130	110
11880	8	Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà)	Ngã ba Lô Năm	Ngã ba đường mới (đến Trường Mầm non Hướng Dương+60m)	Xã Thanh Sơn	630	440	380
11881	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Lô Năm đến Ngã ba đường mới (đến Trường Mầm non Hướng Dương+60m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	315	220	190
11882	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Lô Năm đến Ngã ba đường mới (đến Trường Mầm non Hướng Dương+60m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	240	170	140
11883	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Lô Năm đến Ngã ba đường mới (đến Trường Mầm non Hướng Dương+60m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	195	140	120
11884	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Lô Năm đến Ngã ba đường mới (đến Trường Mầm non Hướng Dương+60m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	290	200	170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11885	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Lô Năm đến Ngã ba đường mới (đến Trường Mầm non Hướng Dương+60m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	220	150	130
11886	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Lô Năm đến Ngã ba đường mới (đến Trường Mầm non Hướng Dương+60m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	180	130	110
11887	15	Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà)	Ngã ba đường mới	Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 52, xã Thanh Sơn; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 124, xã Thanh Sơn	Xã Thanh Sơn	330	230	200
11888	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 52, xã Thanh Sơn; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 124, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	165	120	100
11889	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 52, xã Thanh Sơn; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 124, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	150	110	90
11890	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 52, xã Thanh Sơn; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 124, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	135	90	80
11891	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 52, xã Thanh Sơn; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 124, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	150	110	90

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11892	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 52, xã Thanh Sơn; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 124, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	140	100	80
11893	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 52, xã Thanh Sơn; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 124, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	130	85	75
11894	22	Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà)	Ngã ba đường mới	Trường Tiểu học Liên Sơn (chỉ áp dụng đối với đường nhựa)	Xã Thanh Sơn	390	270	230
11895	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Trường Tiểu học Liên Sơn (chỉ áp dụng đối với đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	195	140	120
11896	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Trường Tiểu học Liên Sơn (chỉ áp dụng đối với đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	150	110	90
11897	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Trường Tiểu học Liên Sơn (chỉ áp dụng đối với đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	135	90	80
11898	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Trường Tiểu học Liên Sơn (chỉ áp dụng đối với đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	180	130	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11899	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Trường Tiểu học Liên Sơn (chỉ áp dụng đối với đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	140	100	80
11900	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Trường Tiểu học Liên Sơn (chỉ áp dụng đối với đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	130	85	75
11901	29	Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà)	Ngã ba bến phà	Cầu Thiết Kế	Xã Thanh Sơn	750	530	450
11902	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba bến phà đến Cầu Thiết Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	450	320	270
11903	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba bến phà đến Cầu Thiết Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	300	210	180
11904	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba bến phà đến Cầu Thiết Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	165	120	100
11905	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba bến phà đến Cầu Thiết Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	410	290	250
11906	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba bến phà đến Cầu Thiết Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	270	190	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11907	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba bến phà đến Cầu Thiết Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	150	110	90
11908	36	Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà)	Cầu Thiết Kế	Ngã ba Cây Sao	Xã Thanh Sơn	690	480	410
11909	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Cầu Thiết Kế đến Ngã ba Cây Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	330	230	200
11910	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Cầu Thiết Kế đến Ngã ba Cây Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	300	210	180
11911	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Cầu Thiết Kế đến Ngã ba Cây Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	195	140	120
11912	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Cầu Thiết Kế đến Ngã ba Cây Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	300	210	180
11913	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Cầu Thiết Kế đến Ngã ba Cây Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	270	190	160
11914	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Cầu Thiết Kế đến Ngã ba Cây Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	180	130	110
11915	43	Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà)	Ngã ba Cây Sao	Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 146 về bên phải, xã Thanh Sơn	Xã Thanh Sơn	580	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11916	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 146 về bên phải, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	300	210	180
11917	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 146 về bên phải, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	240	170	140
11918	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 146 về bên phải, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	195	140	120
11919	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 146 về bên phải, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	270	190	160
11920	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 146 về bên phải, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	220	150	130
11921	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 146 về bên phải, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	180	130	110
11922	50	Đường tỉnh lộ 776	Thửa 21 tờ 46	Hết ranh thửa 44 tờ 120	Xã Thanh Sơn	330	230	200
11923	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh lộ 776 đoạn từ Thửa 21 tờ 46 đến Hết ranh thửa 44 tờ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	165	120	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11924	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh lộ 776 đoạn từ Thửa 21 tờ 46 đến Hết ranh thửa 44 tờ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	150	110	90
11925	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh lộ 776 đoạn từ Thửa 21 tờ 46 đến Hết ranh thửa 44 tờ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	135	90	80
11926	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh lộ 776 đoạn từ Thửa 21 tờ 46 đến Hết ranh thửa 44 tờ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	150	110	90
11927	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh lộ 776 đoạn từ Thửa 21 tờ 46 đến Hết ranh thửa 44 tờ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	140	100	80
11928	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh lộ 776 đoạn từ Thửa 21 tờ 46 đến Hết ranh thửa 44 tờ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Thanh Sơn	130	85	75
11929	57	Đường liên ấp 2-3	Ngã ba Lô 5 (Tờ 83 thửa 202)	Ngã tư Sở (Tờ 38 thưa 255)	Xã Thanh Sơn	390	270	230
11930	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 2-3 đoạn từ Ngã ba Lô 5 (Tờ 83 thửa 202) đến Ngã tư Sở (Tờ 38 thưa 255) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	195	140	120
11931	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 2-3 đoạn từ Ngã ba Lô 5 (Tờ 83 thửa 202) đến Ngã tư Sở (Tờ 38 thưa 255) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	150	110	90
11932	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 2-3 đoạn từ Ngã ba Lô 5 (Tờ 83 thửa 202) đến Ngã tư Sở (Tờ 38 thưa 255) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	135	90	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11933	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 2-3 đoạn từ Ngã ba Lô 5 (Tờ 83 thửa 202) đến Ngã tư Sở (Tờ 38 thưa 255) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	180	130	110
11934	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 2-3 đoạn từ Ngã ba Lô 5 (Tờ 83 thửa 202) đến Ngã tư Sở (Tờ 38 thưa 255) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	140	100	80
11935	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 2-3 đoạn từ Ngã ba Lô 5 (Tờ 83 thửa 202) đến Ngã tư Sở (Tờ 38 thưa 255) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	130	85	75
11936	64	Đường liên ấp (6-8)	Thửa 4 tờ 33	Trường Liên Sơn (bê tông ấp 2 cánh đồng lúa Bàu Kiên	Xã Thanh Sơn	390	270	230
11937	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (6-8) đoạn từ Thửa 4 tờ 33 đến Trường Liên Sơn (bê tông ấp 2 cánh đồng lúa Bàu Kiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	195	140	120
11938	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (6-8) đoạn từ Thửa 4 tờ 33 đến Trường Liên Sơn (bê tông ấp 2 cánh đồng lúa Bàu Kiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	150	110	90
11939	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (6-8) đoạn từ Thửa 4 tờ 33 đến Trường Liên Sơn (bê tông ấp 2 cánh đồng lúa Bàu Kiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	135	90	80
11940	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (6-8) đoạn từ Thửa 4 tờ 33 đến Trường Liên Sơn (bê tông ấp 2 cánh đồng lúa Bàu Kiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	180	130	110
11941	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (6-8) đoạn từ Thửa 4 tờ 33 đến Trường Liên Sơn (bê tông ấp 2 cánh đồng lúa Bàu Kiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	140	100	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11942	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (6-8) đoạn từ Thửa 4 tờ 33 đến Trường Liên Sơn (bê tông ấp 2 cánh đồng lúa Bàu Kiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	130	85	75
11943	71	Đường vào Suối Lá	Ngã ba Cây Sao	Hết ranh thửa 7 tờ 161	Xã Thanh Sơn	580	410	350
11944	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Suối Lá đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa 7 tờ 161 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	300	210	180
11945	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Suối Lá đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa 7 tờ 161 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	240	170	140
11946	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Suối Lá đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa 7 tờ 161 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	195	140	120
11947	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Suối Lá đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa 7 tờ 161 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	270	190	160
11948	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Suối Lá đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa 7 tờ 161 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	220	150	130
11949	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Suối Lá đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa 7 tờ 161 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Thanh Sơn	180	130	110
11950	78	Đường Lò Gạch - Suối Dưng	Tờ 53 thửa 65	Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146	Xã Thanh Sơn	330	230	200
11951	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Gạch - Suối Dưng đoạn từ Tờ 53 thửa 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	165	120	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11952	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Gạch - Suối Dưng đoạn từ Tờ 53 thửa 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	150	110	90
11953	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Gạch - Suối Dưng đoạn từ Tờ 53 thửa 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	135	90	80
11954	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Gạch - Suối Dưng đoạn từ Tờ 53 thửa 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	150	110	90
11955	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Gạch - Suối Dưng đoạn từ Tờ 53 thửa 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	140	100	80
11956	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Gạch - Suối Dưng đoạn từ Tờ 53 thửa 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	130	85	75
11957	85	Đường cầu vào trung tâm hành chính	Cầu Thanh Sơn	Hết tờ 93 thửa 15	Xã Thanh Sơn	780	550	470
11958	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu vào trung tâm hành chính đoạn từ Cầu Thanh Sơn đến Hết tờ 93 thửa 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	330	230	200
11959	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu vào trung tâm hành chính đoạn từ Cầu Thanh Sơn đến Hết tờ 93 thửa 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	270	190	160
11960	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu vào trung tâm hành chính đoạn từ Cầu Thanh Sơn đến Hết tờ 93 thửa 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	195	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11961	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu vào trung tâm hành chính đoạn từ Cầu Thanh Sơn đến Hết tờ 93 thửa 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	300	210	180
11962	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu vào trung tâm hành chính đoạn từ Cầu Thanh Sơn đến Hết tờ 93 thửa 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	240	170	140
11963	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu vào trung tâm hành chính đoạn từ Cầu Thanh Sơn đến Hết tờ 93 thửa 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Thanh Sơn	180	130	110
11964	92	Đường trục xã Thanh Sơn	Từ thửa 199 tờ 12	hết thửa 13 tờ 108 (đi - Tà Lài)	Xã Thanh Sơn	390	270	230
11965	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục xã Thanh Sơn đoạn từ Từ thửa 199 tờ 12 đến hết thửa 13 tờ 108 (đi - Tà Lài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	195	140	120
11966	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục xã Thanh Sơn đoạn từ Từ thửa 199 tờ 12 đến hết thửa 13 tờ 108 (đi - Tà Lài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	150	110	90
11967	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục xã Thanh Sơn đoạn từ Từ thửa 199 tờ 12 đến hết thửa 13 tờ 108 (đi - Tà Lài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	135	90	80
11968	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục xã Thanh Sơn đoạn từ Từ thửa 199 tờ 12 đến hết thửa 13 tờ 108 (đi - Tà Lài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	180	130	110
11969	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục xã Thanh Sơn đoạn từ Từ thửa 199 tờ 12 đến hết thửa 13 tờ 108 (đi - Tà Lài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	140	100	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11970	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục xã Thanh Sơn đoạn từ Từ thửa 199 tờ 12 đến hết thửa 13 tờ 108 (đi - Tà Lài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	130	85	75
11971	99	Đường vào Khu Tái định cư Làng cá bè ấp 3	Giáp đường tỉnh lộ 766	Hết thửa 32 tờ 48	Xã Thanh Sơn	330	230	200
11972	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu Tái định cư Làng cá bè ấp 3 đoạn từ Giáp đường tỉnh lộ 766 đến Hết thửa 32 tờ 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	165	120	100
11973	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu Tái định cư Làng cá bè ấp 3 đoạn từ Giáp đường tỉnh lộ 766 đến Hết thửa 32 tờ 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	150	110	90
11974	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu Tái định cư Làng cá bè ấp 3 đoạn từ Giáp đường tỉnh lộ 766 đến Hết thửa 32 tờ 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	135	90	80
11975	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu Tái định cư Làng cá bè ấp 3 đoạn từ Giáp đường tỉnh lộ 766 đến Hết thửa 32 tờ 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	150	110	90
11976	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu Tái định cư Làng cá bè ấp 3 đoạn từ Giáp đường tỉnh lộ 766 đến Hết thửa 32 tờ 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	140	100	80
11977	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu Tái định cư Làng cá bè ấp 3 đoạn từ Giáp đường tỉnh lộ 766 đến Hết thửa 32 tờ 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Thanh Sơn	130	85	75
11978	1	Đường Tà Lài	Quốc lộ 20	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Tân Phú	4.400	3.100	2.600
11979	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11980	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	1.000	700	600
11981	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	810	570	490
11982	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.500	1.100	900
11983	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	900	630	540
11984	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	730	510	440
11985	8	Đường Tà Lài	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú	Phường Tân Phú	3.300	2.300	2.000
11986	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.000	700	600
11987	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	650	460	390
11988	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	460	320	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11989	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	900	630	540
11990	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	590	410	350
11991	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	410	290	250
11992	15	Đường Tà Lài	Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú	Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng	Phường Tân Phú	2.200	1.500	1.300
11993	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đến Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	650	460	390
11994	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đến Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	520	360	310
11995	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đến Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	330	230	200
11996	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đến Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	590	410	350
11997	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đến Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	470	330	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
11998	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đến Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	300	210	180
11999	22	Đường Tà Lài	Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng	Giáp ranh xã Tà Lài	Phường Tân Phú	780	550	470
12000	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng đến Giáp ranh xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	390	270	230
12001	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng đến Giáp ranh xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	330	230	200
12002	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng đến Giáp ranh xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	210	150	130
12003	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng đến Giáp ranh xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12004	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng đến Giáp ranh xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	210	180
12005	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng đến Giáp ranh xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	190	130	110
12006	29	Đường từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài			Phường Tân Phú	590	410	350
12007	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	300	210	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12008	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	250	180	150
12009	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	150	130
12010	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	270	190	160
12011	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	230	160	140
12012	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	200	140	120
12013	36	Đường chợ Phú Lộc đi xã Phú Tân huyện Định Quán cũ	Ngã ba	Bến đò Phú Tân đến giáp ranh xã Phú Vinh	Phường Tân Phú	590	410	350
12014	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Phú Lộc đi xã Phú Tân huyện Định Quán cũ đoạn từ Ngã ba đến Bến đò Phú Tân đến giáp ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	300	210	180
12015	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Phú Lộc đi xã Phú Tân huyện Định Quán cũ đoạn từ Ngã ba đến Bến đò Phú Tân đến giáp ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	250	180	150
12016	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Phú Lộc đi xã Phú Tân huyện Định Quán cũ đoạn từ Ngã ba đến Bến đò Phú Tân đến giáp ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	150	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12017	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Phú Lộc đi xã Phú Tân huyện Định Quán cũ đoạn từ Ngã ba đến Bến đò Phú Tân đến giáp ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	270	190	160
12018	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Phú Lộc đi xã Phú Tân huyện Định Quán cũ đoạn từ Ngã ba đến Bến đò Phú Tân đến giáp ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	230	160	140
12019	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Phú Lộc đi xã Phú Tân huyện Định Quán cũ đoạn từ Ngã ba đến Bến đò Phú Tân đến giáp ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	200	140	120
12020	43	Đoạn giao từ đường Tà Lài đến Ngã ba đi bến đò Phú Tân			Phường Tân Phú	640	450	380
12021	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đoạn giao từ đường Tà Lài đến Ngã ba đi bến đò Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	320	220	190
12022	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đoạn giao từ đường Tà Lài đến Ngã ba đi bến đò Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	230	160	140
12023	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đoạn giao từ đường Tà Lài đến Ngã ba đi bến đò Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	190	130	110
12024	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đoạn giao từ đường Tà Lài đến Ngã ba đi bến đò Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	290	200	170
12025	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đoạn giao từ đường Tà Lài đến Ngã ba đi bến đò Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	210	150	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12026	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đoạn giao từ đường Tà Lài đến Ngã ba đi bến đò Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	170	120	100
12027	50	Đường Phú Lộc - Phú Xuân	Đường Tà Lài	Đường Phú Xuân - Núi Tượng	Phường Tân Phú	590	410	350
12028	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lộc - Phú Xuân đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	300	210	180
12029	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lộc - Phú Xuân đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	250	180	150
12030	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lộc - Phú Xuân đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	150	130
12031	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lộc - Phú Xuân đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	270	190	160
12032	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lộc - Phú Xuân đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	230	160	140
12033	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lộc - Phú Xuân đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	200	140	120
12034	57	Đường Phú Xuân - Núi Tượng	Đường Phú Lộc - Phú Xuân	Ngã ba đi xã Phú Lâm	Phường Tân Phú	1.000	700	600
12035	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Ngã ba đi xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	410	290	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12036	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Ngã ba đi xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	290	200	170
12037	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Ngã ba đi xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	150	130
12038	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Ngã ba đi xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	370	260	220
12039	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Ngã ba đi xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	260	180	160
12040	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Ngã ba đi xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	200	140	120
12041	64	Đường Phú Xuân - Núi Tượng	Đường Phú Lộc - Phú Xuân	Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 103 về bên phải và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 103 về bên trái	Phường Tân Phú	940	660	560
12042	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 103 về bên phải và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 103 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12043	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 103 về bên phải và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 103 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	290	200	170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12044	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 103 về bên phải và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 103 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	150	130
12045	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 103 về bên phải và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 103 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	320	220	190
12046	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 103 về bên phải và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 103 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	260	180	160
12047	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 103 về bên phải và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 103 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	200	140	120
12048	71	Đường Phú Xuân - Núi Tượng	Đường Phú Lộc - Phú Xuân	Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 69, tờ BĐĐC số 112 về bên trái	Phường Tân Phú	700	490	420
12049	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12050	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	290	200	170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12051	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	150	130
12052	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	320	220	190
12053	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	260	180	160
12054	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	200	140	120
12055	78	Đường Phú Xuân - Thanh Sơn	Chợ Ngọc Lâm	Giáp ranh xã Phú Lâm	Phường Tân Phú	650	460	390
12056	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	330	230	200
12057	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	260	180	160
12058	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	250	180	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12059	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	300	210	180
12060	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	230	160	140
12061	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	230	160	140
12062	85	Đường Chợ Ngọc Lâm	Quốc lộ 20	Đường Phú Xuân - Núi Tượng	Phường Tân Phú	1.200	840	720
12063	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chợ Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	340	240	200
12064	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chợ Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	280	200	170
12065	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chợ Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	210	150	130
12066	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chợ Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	310	220	190
12067	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chợ Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	250	180	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12068	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chợ Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	190	130	110
12069	92	Đường số 1 Ngọc Lâm	Quốc lộ 20	Đường chợ Ngọc Lâm	Phường Tân Phú	440	310	260
12070	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường chợ Ngọc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	220	150	130
12071	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường chợ Ngọc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	190	130	110
12072	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường chợ Ngọc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	170	120	100
12073	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường chợ Ngọc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	200	140	120
12074	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường chợ Ngọc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	170	120	100
12075	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường chợ Ngọc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	150	110	90
12076	99	Đường Thọ Lâm 3	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 178 về bên phải và hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 178 về bên trái	Phường Tân Phú	550	390	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12077	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Lâm 3 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 178 về bên phải và hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 178 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	240	170	140
12078	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Lâm 3 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 178 về bên phải và hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 178 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	210	150	130
12079	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Lâm 3 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 178 về bên phải và hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 178 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	190	130	110
12080	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Lâm 3 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 178 về bên phải và hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 178 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	220	150	130
12081	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Lâm 3 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 178 về bên phải và hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 178 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	190	130	110
12082	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Lâm 3 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 178 về bên phải và hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 178 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	170	120	100
12083	106	Quốc lộ 20	Giáp ranh xã Phú Vinh và xã Phú Hòa	Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2	Phường Tân Phú	1.800	1.300	1.100
12084	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Vinh và xã Phú Hòa đến Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	620	430	370

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12085	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Vinh và xã Phú Hòa đến Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	500	350	300
12086	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Vinh và xã Phú Hòa đến Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	280	200	170
12087	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Vinh và xã Phú Hòa đến Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	560	390	340
12088	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Vinh và xã Phú Hòa đến Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	450	320	270
12089	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Vinh và xã Phú Hòa đến Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	250	180	150
12090	113	Quốc lộ 20	Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2	Hết cây xăng (thuộc khu 2)	Phường Tân Phú	2.600	1.800	1.600
12091	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 đến Hết cây xăng (thuộc khu 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	900	630	540
12092	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 đến Hết cây xăng (thuộc khu 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	560	390	340
12093	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 đến Hết cây xăng (thuộc khu 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12094	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 đến Hết cây xăng (thuộc khu 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	810	570	490
12095	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 đến Hết cây xăng (thuộc khu 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	500	350	300
12096	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 đến Hết cây xăng (thuộc khu 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	410	290	250
12097	120	Quốc lộ 20	Cây xăng (thuộc khu 2)	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Tân Phú	3.200	2.200	1.900
12098	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cây xăng (thuộc khu 2) đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	900	630	540
12099	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cây xăng (thuộc khu 2) đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	730	510	440
12100	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cây xăng (thuộc khu 2) đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	500	350	300
12101	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cây xăng (thuộc khu 2) đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	810	570	490
12102	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cây xăng (thuộc khu 2) đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	660	460	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12103	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cây xăng (thuộc khu 2) đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	450	320	270
12104	127	Quốc lộ 20	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Tà Lài	Phường Tân Phú	4.700	3.300	2.800
12105	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.300	910	780
12106	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	1.000	700	600
12107	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	780	550	470
12108	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.200	840	720
12109	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	900	630	540
12110	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	700	490	420
12111	134	Quốc lộ 20	Đường Tà Lài	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Tân Phú	6.300	4.400	3.800
12112	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12113	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	1.200	840	720
12114	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	1.000	700	600
12115	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.500	1.100	900
12116	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	1.100	770	660
12117	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	900	630	540
12118	141	Quốc lộ 20	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đầu cây xăng Đoan Dung	Phường Tân Phú	3.400	2.400	2.000
12119	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đầu cây xăng Đoan Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	900	630	540
12120	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đầu cây xăng Đoan Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	670	470	400
12121	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đầu cây xăng Đoan Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	500	350	300
12122	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đầu cây xăng Đoan Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	810	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12123	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đầu cây xăng Đoan Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	600	420	360
12124	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đầu cây xăng Đoan Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	450	320	270
12125	148	Quốc lộ 20	Đầu cây xăng Đoan Dung	Đường Phú Thanh - Trà Cổ	Phường Tân Phú	3.300	2.300	2.000
12126	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đầu cây xăng Đoan Dung đến Đường Phú Thanh - Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.000	700	600
12127	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đầu cây xăng Đoan Dung đến Đường Phú Thanh - Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	780	550	470
12128	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đầu cây xăng Đoan Dung đến Đường Phú Thanh - Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	560	390	340
12129	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đầu cây xăng Đoan Dung đến Đường Phú Thanh - Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	900	630	540
12130	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đầu cây xăng Đoan Dung đến Đường Phú Thanh - Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	700	490	420
12131	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đầu cây xăng Đoan Dung đến Đường Phú Thanh - Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	500	350	300
12132	155	Quốc lộ 20	Đường Phú Thanh - Trà Cổ	Đường Cầu Suối	Phường Tân Phú	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12133	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thanh - Trà Cổ đến Đường Cầu Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	780	550	470
12134	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thanh - Trà Cổ đến Đường Cầu Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	560	390	340
12135	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thanh - Trà Cổ đến Đường Cầu Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	450	320	270
12136	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thanh - Trà Cổ đến Đường Cầu Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	700	490	420
12137	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thanh - Trà Cổ đến Đường Cầu Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	500	350	300
12138	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thanh - Trà Cổ đến Đường Cầu Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	410	290	250
12139	162	Quốc lộ 20	Đường Cầu Suối	Giáp ranh xã Phú Lâm	Phường Tân Phú	3.900	2.700	2.300
12140	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Cầu Suối đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	1.000	700	600
12141	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Cầu Suối đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	780	550	470
12142	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Cầu Suối đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	620	430	370

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12143	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Cầu Suối đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	900	630	540
12144	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Cầu Suối đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	700	490	420
12145	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Cầu Suối đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	560	390	340
12146	169	Đường Trà Cổ	Quốc lộ 20	Đường vào chợ Trà Cổ	Phường Tân Phú	3.300	2.300	2.000
12147	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường vào chợ Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.000	700	600
12148	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường vào chợ Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	720	500	430
12149	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường vào chợ Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	460	320	280
12150	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường vào chợ Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	900	630	540
12151	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường vào chợ Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	650	460	390
12152	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường vào chợ Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	410	290	250
12153	176	Đường Trà Cổ	Đường vào chợ Trà Cổ	Giáp ranh xã Trà Cổ cũ	Phường Tân Phú	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12154	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường vào chợ Trà Cổ đến Giáp ranh xã Trà Cổ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	910	640	550
12155	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường vào chợ Trà Cổ đến Giáp ranh xã Trà Cổ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	650	460	390
12156	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường vào chợ Trà Cổ đến Giáp ranh xã Trà Cổ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	390	270	230
12157	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường vào chợ Trà Cổ đến Giáp ranh xã Trà Cổ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	820	570	490
12158	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường vào chợ Trà Cổ đến Giáp ranh xã Trà Cổ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	590	410	350
12159	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường vào chợ Trà Cổ đến Giáp ranh xã Trà Cổ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12160	183	Đường Trà Cổ	Giáp ranh xã Trà Cổ cũ	Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ)	Phường Tân Phú	740	520	440
12161	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh xã Trà Cổ cũ đến Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	370	260	220
12162	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh xã Trà Cổ cũ đến Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	210	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12163	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh xã Trà Cổ cũ đến Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	240	170	140
12164	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh xã Trà Cổ cũ đến Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	330	230	200
12165	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh xã Trà Cổ cũ đến Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	270	190	160
12166	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh xã Trà Cổ cũ đến Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	150	130
12167	190	Đường Trà Cổ	Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ)	Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ)	Phường Tân Phú	890	620	530
12168	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) đến Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	440	310	260
12169	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) đến Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	370	260	220
12170	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) đến Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	240	170	140
12171	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) đến Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	400	280	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12172	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) đến Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	330	230	200
12173	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) đến Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	150	130
12174	197	Đường Trà Cổ	Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ)	Giáp ranh xã Phú Hòa	Phường Tân Phú	590	410	350
12175	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) đến Giáp ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	300	210	180
12176	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) đến Giáp ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	220	150	130
12177	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) đến Giáp ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	180	130	110
12178	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) đến Giáp ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	270	190	160
12179	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) đến Giáp ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	200	140	120
12180	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) đến Giáp ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	160	110	100
12181	204	Đường Trương Công Định	Quốc lộ 20	Hết ranh thị trấn Tân Phú cũ	Phường Tân Phú	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12182	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thị trấn Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	910	640	550
12183	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thị trấn Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	650	460	390
12184	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thị trấn Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	390	270	230
12185	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thị trấn Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	820	570	490
12186	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thị trấn Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	590	410	350
12187	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thị trấn Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12188	211	Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142	Đường Trương Công Định	Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 (xã Tân Phú)	Phường Tân Phú	1.100	770	660
12189	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Đường Trương Công Định đến Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 (xã Tân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	590	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12190	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Đường Trương Công Định đến Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 (xã Tân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12191	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Đường Trương Công Định đến Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 (xã Tân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	230	160	140
12192	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Đường Trương Công Định đến Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 (xã Tân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	530	370	320
12193	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Đường Trương Công Định đến Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 (xã Tân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	320	220	190
12194	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Đường Trương Công Định đến Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 (xã Tân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	210	150	130
12195	218	Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142	Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 Phường Tân Phú	Hết ranh thửa đất số 394 tờ bản đồ số 142 (Phường Tân Phú)	Phường Tân Phú	880	620	530
12196	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 Phường Tân Phú đến Hết ranh thửa đất số 394 tờ bản đồ số 142 (Phường Tân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	470	330	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12197	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 Phường Tân Phú đến Hết ranh thửa đất số 394 tờ bản đồ số 142 (Phường Tân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12198	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 Phường Tân Phú đến Hết ranh thửa đất số 394 tờ bản đồ số 142 (Phường Tân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	230	160	140
12199	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 Phường Tân Phú đến Hết ranh thửa đất số 394 tờ bản đồ số 142 (Phường Tân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	420	290	250
12200	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 Phường Tân Phú đến Hết ranh thửa đất số 394 tờ bản đồ số 142 (Phường Tân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	320	220	190
12201	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 Phường Tân Phú đến Hết ranh thửa đất số 394 tờ bản đồ số 142 (Phường Tân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Tân Phú	210	150	130
12202	225	Đường Lê Quý Đôn	Quốc lộ 20	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 13 tờ BĐĐC số 35; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 35	Phường Tân Phú	950	670	570
12203	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 13 tờ BĐĐC số 35; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	500	350	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12204	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 13 tờ BĐĐC số 35; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	390	270	230
12205	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 13 tờ BĐĐC số 35; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	280	200	170
12206	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 13 tờ BĐĐC số 35; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	450	320	270
12207	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 13 tờ BĐĐC số 35; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12208	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 13 tờ BĐĐC số 35; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	250	180	150
12209	232	Đường Phú Thanh - Trà Cổ	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 7 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 142 về bên trái	Phường Tân Phú	660	460	400
12210	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Thanh - Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 7 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 142 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	280	200	170
12211	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Thanh - Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 7 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 142 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	260	180	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12212	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Thanh - Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 7 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 142 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	150	130
12213	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Thanh - Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 7 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 142 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	250	180	150
12214	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Thanh - Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 7 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 142 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	230	160	140
12215	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Thanh - Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 7 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 142 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	200	140	120
12216	239	Đường số 7 Ngọc Lâm	Quốc lộ 20	Ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 164 xã Tân Phú	Phường Tân Phú	550	390	330
12217	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 164 xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	250	180	150
12218	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 164 xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	220	150	130
12219	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 164 xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12220	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 164 xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	230	160	140
12221	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 164 xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	200	140	120
12222	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 164 xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	180	130	110
12223	246	Đường Km 128	Quốc lộ 20	Giáo họ Vinh Lâm (tờ 147 thửa 36)	Phường Tân Phú	550	390	330
12224	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Km 128 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo họ Vinh Lâm (tờ 147 thửa 36) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	240	170	140
12225	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Km 128 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo họ Vinh Lâm (tờ 147 thửa 36) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	210	150	130
12226	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Km 128 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo họ Vinh Lâm (tờ 147 thửa 36) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	190	130	110
12227	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Km 128 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo họ Vinh Lâm (tờ 147 thửa 36) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	220	150	130
12228	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Km 128 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo họ Vinh Lâm (tờ 147 thửa 36) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	190	130	110
12229	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Km 128 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo họ Vinh Lâm (tờ 147 thửa 36) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Tân Phú	170	120	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12230	253	Đường số 5 Ngọc Lâm	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 200 tờ BĐĐC số 166 về bên phải và hết ranh thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 166 về bên trái xã Tân Phú	Phường Tân Phú	550	390	330
12231	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 200 tờ BĐĐC số 166 về bên phải và hết ranh thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 166 về bên trái xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	240	170	140
12232	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 200 tờ BĐĐC số 166 về bên phải và hết ranh thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 166 về bên trái xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	210	150	130
12233	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 200 tờ BĐĐC số 166 về bên phải và hết ranh thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 166 về bên trái xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	190	130	110
12234	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 200 tờ BĐĐC số 166 về bên phải và hết ranh thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 166 về bên trái xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	220	150	130
12235	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 200 tờ BĐĐC số 166 về bên phải và hết ranh thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 166 về bên trái xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	190	130	110
12236	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 200 tờ BĐĐC số 166 về bên phải và hết ranh thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 166 về bên trái xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	170	120	100
12237	260	Đường 129	Quốc lộ 20	Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ	Phường Tân Phú	660	460	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12238	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 129 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	340	240	200
12239	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 129 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	280	200	170
12240	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 129 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	170	120	100
12241	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 129 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	310	220	190
12242	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 129 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	250	180	150
12243	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 129 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	150	110	90
12244	267	Đường 129	Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ	Đường Giang Điền	Phường Tân Phú	440	310	260
12245	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 129 đoạn từ Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ đến Đường Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	190	130	110
12246	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 129 đoạn từ Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ đến Đường Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	180	130	110
12247	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 129 đoạn từ Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ đến Đường Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	170	120	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12248	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 129 đoạn từ Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ đến Đường Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	170	120	100
12249	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 129 đoạn từ Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ đến Đường Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	160	110	100
12250	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 129 đoạn từ Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ đến Đường Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	150	110	90
12251	274	Đường Giang Điền	Đường 129	Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 198 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 100, tờ BĐĐC số 198 về bên trái	Phường Tân Phú	440	310	260
12252	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Giang Điền đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 198 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 100, tờ BĐĐC số 198 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	180	130	110
12253	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Giang Điền đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 198 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 100, tờ BĐĐC số 198 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	170	120	100
12254	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Giang Điền đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 198 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 100, tờ BĐĐC số 198 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	160	110	100
12255	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Giang Điền đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 198 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 100, tờ BĐĐC số 198 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	160	110	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12256	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Giang Điền đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 198 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 100, tờ BĐĐC số 198 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	150	110	90
12257	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Giang Điền đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 198 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 100, tờ BĐĐC số 198 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	140	100	80
12258	281	Đường Suối Cọp	Đường 129	Hết ranh thửa đất số 184 tờ BĐĐC số 186 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 137, tờ BĐĐC số 186 về bên trái	Phường Tân Phú	440	310	260
12259	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Cọp đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 184 tờ BĐĐC số 186 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 137, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	180	130	110
12260	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Cọp đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 184 tờ BĐĐC số 186 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 137, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	170	120	100
12261	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Cọp đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 184 tờ BĐĐC số 186 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 137, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	160	110	100
12262	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Cọp đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 184 tờ BĐĐC số 186 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 137, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	160	110	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12263	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Cọp đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 184 tờ BĐĐC số 186 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 137, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	150	110	90
12264	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Cọp đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 184 tờ BĐĐC số 186 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 137, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	140	100	80
12265	288	Đường Bàu Rừng	Đường 129	Hết ranh thửa đất số 237 tờ BĐĐC số 181 về bên phải và hết ranh thửa đất số 207, tờ BĐĐC số 181 về bên trái	Phường Tân Phú	440	310	260
12266	289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Rừng đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 237 tờ BĐĐC số 181 về bên phải và hết ranh thửa đất số 207, tờ BĐĐC số 181 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	180	130	110
12267	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Rừng đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 237 tờ BĐĐC số 181 về bên phải và hết ranh thửa đất số 207, tờ BĐĐC số 181 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	170	120	100
12268	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Rừng đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 237 tờ BĐĐC số 181 về bên phải và hết ranh thửa đất số 207, tờ BĐĐC số 181 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	160	110	100
12269	292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Rừng đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 237 tờ BĐĐC số 181 về bên phải và hết ranh thửa đất số 207, tờ BĐĐC số 181 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	160	110	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12270	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Rừng đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 237 tờ BĐĐC số 181 về bên phải và hết ranh thửa đất số 207, tờ BĐĐC số 181 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	150	110	90
12271	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Rừng đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 237 tờ BĐĐC số 181 về bên phải và hết ranh thửa đất số 207, tờ BĐĐC số 181 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	140	100	80
12272	295	Đường số 2 Ngọc Lâm	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 125 tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 519, tờ BĐĐC số 168 về bên trái	Phường Tân Phú	440	310	260
12273	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 125 tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 519, tờ BĐĐC số 168 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	220	150	130
12274	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 125 tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 519, tờ BĐĐC số 168 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	190	130	110
12275	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 125 tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 519, tờ BĐĐC số 168 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	170	120	100
12276	299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 125 tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 519, tờ BĐĐC số 168 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12277	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 125 tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 519, tờ BĐĐC số 168 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	170	120	100
12278	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 125 tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 519, tờ BĐĐC số 168 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	150	110	90
12279	302	Đường Km 130	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 62 tờ BĐĐC số 177 về bên phải và hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 177 về bên trái	Phường Tân Phú	440	310	260
12280	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Km 130 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 62 tờ BĐĐC số 177 về bên phải và hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 177 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	220	150	130
12281	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Km 130 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 62 tờ BĐĐC số 177 về bên phải và hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 177 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	190	130	110
12282	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Km 130 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 62 tờ BĐĐC số 177 về bên phải và hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 177 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	170	120	100
12283	306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Km 130 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 62 tờ BĐĐC số 177 về bên phải và hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 177 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12284	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Km 130 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 62 tờ BĐĐC số 177 về bên phải và hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 177 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	170	120	100
12285	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Km 130 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 62 tờ BĐĐC số 177 về bên phải và hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 177 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	150	110	90
12286	309	Đường Cắt Kiếng	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 116 tờ BĐĐC số 161 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 161 về bên trái	Phường Tân Phú	780	550	470
12287	310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cắt Kiếng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 116 tờ BĐĐC số 161 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 161 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	390	270	230
12288	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cắt Kiếng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 116 tờ BĐĐC số 161 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 161 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	340	240	200
12289	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cắt Kiếng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 116 tờ BĐĐC số 161 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 161 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	210	150	130
12290	313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cắt Kiếng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 116 tờ BĐĐC số 161 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 161 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12291	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cắt Kiếng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 116 tờ BĐĐC số 161 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 161 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	310	220	190

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12292	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cắt Kiếng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 116 tờ BĐĐC số 161 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 161 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	190	130	110
12293	316	Đường Cầu Suối	Quốc lộ 20	Đường số 3 ấp Thọ Lâm	Phường Tân Phú	580	410	350
12294	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Suối đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường số 3 ấp Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	290	200	170
12295	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Suối đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường số 3 ấp Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	220	150	130
12296	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Suối đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường số 3 ấp Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	180	130	110
12297	320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Suối đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường số 3 ấp Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	260	180	160
12298	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Suối đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường số 3 ấp Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	200	140	120
12299	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Suối đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường số 3 ấp Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	160	110	100
12300	323	Đường Đồng Dâu	Quốc lộ 20	Hết nghĩa trang	Phường Tân Phú	580	410	350
12301	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết nghĩa trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	290	200	170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12302	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết nghĩa trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	270	190	160
12303	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết nghĩa trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	150	130
12304	327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết nghĩa trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	260	180	160
12305	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết nghĩa trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	240	170	140
12306	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết nghĩa trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	200	140	120
12307	330	Đường Đồng Dâu	Nghĩa trang	Hết ranh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 179 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 179 về bên trái	Phường Tân Phú	660	460	400
12308	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Nghĩa trang đến Hết ranh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 179 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 179 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	280	200	170
12309	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Nghĩa trang đến Hết ranh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 179 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 179 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	260	180	160
12310	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Nghĩa trang đến Hết ranh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 179 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 179 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	150	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12311	334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Nghĩa trang đến Hết ranh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 179 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 179 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	250	180	150
12312	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Nghĩa trang đến Hết ranh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 179 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 179 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	230	160	140
12313	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Nghĩa trang đến Hết ranh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 179 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 179 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	200	140	120
12314	337	Đường số 3 Thọ Lâm	Đường Đồng Dâu	Đường Km 130	Phường Tân Phú	660	460	400
12315	338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Thọ Lâm đoạn từ Đường Đồng Dâu đến Đường Km 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	340	240	200
12316	339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Thọ Lâm đoạn từ Đường Đồng Dâu đến Đường Km 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	280	200	170
12317	340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Thọ Lâm đoạn từ Đường Đồng Dâu đến Đường Km 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	190	130	110
12318	341	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Thọ Lâm đoạn từ Đường Đồng Dâu đến Đường Km 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	310	220	190
12319	342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Thọ Lâm đoạn từ Đường Đồng Dâu đến Đường Km 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	250	180	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12320	343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Thọ Lâm đoạn từ Đường Đồng Dâu đến Đường Km 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	170	120	100
12321	344	Đường số 1 Thọ Lâm	Quốc lộ 20	Ranh nhà thờ Thọ Lâm	Phường Tân Phú	690	480	410
12322	345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 Thọ Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh nhà thờ Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	340	240	200
12323	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 Thọ Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh nhà thờ Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	280	200	170
12324	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 Thọ Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh nhà thờ Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	170	120	100
12325	348	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 Thọ Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh nhà thờ Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	310	220	190
12326	349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 Thọ Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh nhà thờ Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	250	180	150
12327	350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 Thọ Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh nhà thờ Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	150	110	90
12328	351	Đường Thanh Thọ	Quốc lộ 20	Giáp ranh xã Phú Lâm	Phường Tân Phú	580	410	350
12329	352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Thọ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	290	200	170
12330	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Thọ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	220	150	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12331	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Thọ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	170	120	100
12332	355	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Thọ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	260	180	160
12333	356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Thọ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	200	140	120
12334	357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Thọ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	150	110	90
12335	358	Đường Lương Thế Vinh			Phường Tân Phú	1.800	1.300	1.100
12336	359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	840	590	500
12337	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	560	390	340
12338	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	340	240	200
12339	362	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	760	530	460
12340	363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	500	350	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12341	364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	310	220	190
12342	365	Đường Nguyễn Đình Chiểu			Phường Tân Phú	1.100	770	660
12343	366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	560	390	340
12344	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	390	270	230
12345	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	280	200	170
12346	369	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	500	350	300
12347	370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12348	371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	250	180	150
12349	372	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	bên phải, từ ranh giới thửa đất số 381 tờ BĐĐC số 124; Bên trái, từ ranh giới thửa đất số 382 tờ BĐĐC số 124 (từ đường bê tông	Giáp Trường THCS Quang Trung	Phường Tân Phú	2.200	1.500	1.300
12350	373	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ bên phải, từ ranh giới thửa đất số 381 tờ BĐĐC số 124; Bên trái, từ ranh giới thửa đất số 382 tờ BĐĐC số 124 (từ đường bê tông đến Giáp Trường THCS Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	980	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12351	374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ bên phải, từ ranh giới thửa đất số 381 tờ BĐĐC số 124; Bên trái, từ ranh giới thửa đất số 382 tờ BĐĐC số 124 (từ đường bê tông đến Giáp Trường THCS Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	650	460	390
12352	375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ bên phải, từ ranh giới thửa đất số 381 tờ BĐĐC số 124; Bên trái, từ ranh giới thửa đất số 382 tờ BĐĐC số 124 (từ đường bê tông đến Giáp Trường THCS Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	390	270	230
12353	376	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ bên phải, từ ranh giới thửa đất số 381 tờ BĐĐC số 124; Bên trái, từ ranh giới thửa đất số 382 tờ BĐĐC số 124 (từ đường bê tông đến Giáp Trường THCS Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	880	620	530
12354	377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ bên phải, từ ranh giới thửa đất số 381 tờ BĐĐC số 124; Bên trái, từ ranh giới thửa đất số 382 tờ BĐĐC số 124 (từ đường bê tông đến Giáp Trường THCS Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	590	410	350
12355	378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ bên phải, từ ranh giới thửa đất số 381 tờ BĐĐC số 124; Bên trái, từ ranh giới thửa đất số 382 tờ BĐĐC số 124 (từ đường bê tông đến Giáp Trường THCS Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12356	379	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Giáp Trường THCS Quang Trung	Hết ranh Trường Dân tộc nội trú	Phường Tân Phú	2.600	1.800	1.600
12357	380	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp Trường THCS Quang Trung đến Hết ranh Trường Dân tộc nội trú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	980	690	590
12358	381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp Trường THCS Quang Trung đến Hết ranh Trường Dân tộc nội trú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	650	460	390

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12359	382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp Trường THCS Quang Trung đến Hết ranh Trường Dân tộc nội trú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	390	270	230
12360	383	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp Trường THCS Quang Trung đến Hết ranh Trường Dân tộc nội trú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	880	620	530
12361	384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp Trường THCS Quang Trung đến Hết ranh Trường Dân tộc nội trú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	590	410	350
12362	385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp Trường THCS Quang Trung đến Hết ranh Trường Dân tộc nội trú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12363	386	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Hết ranh Trường Dân tộc nội trú	Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng	Phường Tân Phú	3.000	2.100	1.800
12364	387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Hết ranh Trường Dân tộc nội trú đến Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.000	700	600
12365	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Hết ranh Trường Dân tộc nội trú đến Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	590	410	350
12366	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Hết ranh Trường Dân tộc nội trú đến Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	460	320	280
12367	390	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Hết ranh Trường Dân tộc nội trú đến Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	900	630	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12368	391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Hết ranh Trường Dân tộc nội trú đến Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	530	370	320
12369	392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Hết ranh Trường Dân tộc nội trú đến Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	410	290	250
12370	393	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng	Đường Tà Lài	Phường Tân Phú	3.100	2.200	1.900
12371	394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.000	700	600
12372	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	590	410	350
12373	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	460	320	280
12374	397	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	900	630	540
12375	398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	530	370	320
12376	399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	410	290	250
12377	400	Đường Nguyễn Tất Thành	Bệnh viện Đa khoa Tân Phú	Ngã tư Tà Lài	Phường Tân Phú	3.400	2.400	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12378	401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Bệnh viện Đa khoa Tân Phú đến Ngã tư Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.100	770	660
12379	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Bệnh viện Đa khoa Tân Phú đến Ngã tư Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	630	440	380
12380	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Bệnh viện Đa khoa Tân Phú đến Ngã tư Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	490	340	290
12381	404	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Bệnh viện Đa khoa Tân Phú đến Ngã tư Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	990	690	590
12382	405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Bệnh viện Đa khoa Tân Phú đến Ngã tư Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	570	400	340
12383	406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Bệnh viện Đa khoa Tân Phú đến Ngã tư Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	440	310	260
12384	407	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã tư Tà Lài	Bến xe Tân Phú	Phường Tân Phú	4.500	3.200	2.700
12385	408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư Tà Lài đến Bến xe Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	2.100	1.500	1.300
12386	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư Tà Lài đến Bến xe Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	1.400	980	840
12387	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư Tà Lài đến Bến xe Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	850	600	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12388	411	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư Tà Lài đến Bến xe Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.900	1.300	1.100
12389	412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư Tà Lài đến Bến xe Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	1.300	910	780
12390	413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư Tà Lài đến Bến xe Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	770	540	460
12391	414	Đường Nguyễn Thị Định	Quốc lộ 20	Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội xã Tân Phú (đoạn ban đầu)	Phường Tân Phú	1.600	1.100	960
12392	415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội xã Tân Phú (đoạn ban đầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	780	550	470
12393	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội xã Tân Phú (đoạn ban đầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	590	410	350
12394	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội xã Tân Phú (đoạn ban đầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	390	270	230
12395	418	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội xã Tân Phú (đoạn ban đầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	700	490	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12396	419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội xã Tân Phú (đoạn ban đầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	530	370	320
12397	420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội xã Tân Phú (đoạn ban đầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12398	421	Đường Nguyễn Thị Định	Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội xã Tân Phú (đoạn ban đầu)	Giáp KCN Tân Phú (đoạn nối dài)	Phường Tân Phú	1.300	910	780
12399	422	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội xã Tân Phú (đoạn ban đầu) đến Giáp KCN Tân Phú (đoạn nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	650	460	390
12400	423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội xã Tân Phú (đoạn ban đầu) đến Giáp KCN Tân Phú (đoạn nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	520	360	310
12401	424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội xã Tân Phú (đoạn ban đầu) đến Giáp KCN Tân Phú (đoạn nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	330	230	200
12402	425	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội xã Tân Phú (đoạn ban đầu) đến Giáp KCN Tân Phú (đoạn nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	590	410	350
12403	426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội xã Tân Phú (đoạn ban đầu) đến Giáp KCN Tân Phú (đoạn nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	470	330	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12404	427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội xã Tân Phú (đoạn ban đầu) đến Giáp KCN Tân Phú (đoạn nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	300	210	180
12405	428	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Quốc lộ 20	Đường Hùng Vương	Phường Tân Phú	1.400	980	840
12406	429	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	720	500	430
12407	430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	590	410	350
12408	431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	390	270	230
12409	432	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	650	460	390
12410	433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	530	370	320
12411	434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12412	435	Đường Nguyễn Văn Linh	Quốc lộ 20	Chợ huyện Tân Phú	Phường Tân Phú	4.700	3.300	2.800
12413	436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Chợ huyện Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12414	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Chợ huyện Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	930	650	560
12415	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Chợ huyện Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	700	490	420
12416	439	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Chợ huyện Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.500	1.100	900
12417	440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Chợ huyện Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	840	590	500
12418	441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Chợ huyện Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	630	440	380
12419	442	Đường Nguyễn Văn Linh	Chợ huyện Tân Phú	Đường Tà Lài	Phường Tân Phú	4.800	3.400	2.900
12420	443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Chợ huyện Tân Phú đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.900	1.300	1.100
12421	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Chợ huyện Tân Phú đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	930	650	560
12422	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Chợ huyện Tân Phú đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	700	490	420
12423	446	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Chợ huyện Tân Phú đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12424	447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Chợ huyện Tân Phú đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	840	590	500
12425	448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Chợ huyện Tân Phú đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	630	440	380
12426	449	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Tân Phú	1.600	1.100	960
12427	450	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	780	550	470
12428	451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	590	410	350
12429	452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	390	270	230
12430	453	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	700	490	420
12431	454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	530	370	320
12432	455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	350	250	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12433	456	Đường Phạm Ngọc Thạch	Quốc lộ 20	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 83 tờ BĐĐC số 2; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 508, tờ BĐĐC số 2	Phường Tân Phú	2.900	2.000	1.700
12434	457	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 83 tờ BĐĐC số 2; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 508, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	850	600	510
12435	458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 83 tờ BĐĐC số 2; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 508, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	650	460	390
12436	459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 83 tờ BĐĐC số 2; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 508, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	460	320	280
12437	460	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 83 tờ BĐĐC số 2; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 508, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	770	540	460
12438	461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 83 tờ BĐĐC số 2; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 508, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	590	410	350
12439	462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 83 tờ BĐĐC số 2; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 508, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	410	290	250
12440	463	Đường Trịnh Hoài Đức	Quốc lộ 20	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Tân Phú	1.600	1.100	960
12441	464	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	780	550	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12442	465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	590	410	350
12443	466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	390	270	230
12444	467	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	700	490	420
12445	468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	530	370	320
12446	469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12447	470	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Tân Phú	1.600	1.100	960
12448	471	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	780	550	470
12449	472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	590	410	350
12450	473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	390	270	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12451	474	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	700	490	420
12452	475	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	530	370	320
12453	476	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12454	477	Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú	Đường Tà Lài	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 118 tờ BĐĐC số 3; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 119, tờ BĐĐC số 3	Phường Tân Phú	2.400	1.700	1.400
12455	478	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đoạn từ Đường Tà Lài đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 118 tờ BĐĐC số 3; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 119, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.200	840	720
12456	479	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đoạn từ Đường Tà Lài đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 118 tờ BĐĐC số 3; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 119, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	840	590	500
12457	480	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đoạn từ Đường Tà Lài đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 118 tờ BĐĐC số 3; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 119, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	360	250	220
12458	481	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đoạn từ Đường Tà Lài đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 118 tờ BĐĐC số 3; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 119, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12459	482	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đoạn từ Đường Tà Lài đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 118 tờ BĐĐC số 3; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 119, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	760	530	460
12460	483	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đoạn từ Đường Tà Lài đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 118 tờ BĐĐC số 3; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 119, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	320	220	190
12461	484	Đường Chu Văn An			Phường Tân Phú	4.700	3.300	2.800
12462	485	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.200	840	720
12463	486	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	930	650	560
12464	487	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	700	490	420
12465	488	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.100	770	660
12466	489	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	840	590	500
12467	490	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	630	440	380
12468	491	Đường Hùng Vương	Giáp ranh thửa đất số 362 tờ bản đồ số 45	Tà Lài	Phường Tân Phú	2.700	1.900	1.600
12469	492	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 362 tờ bản đồ số 45 đến Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	960	670	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12470	493	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 362 tờ bản đồ số 45 đến Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	720	500	430
12471	494	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 362 tờ bản đồ số 45 đến Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	420	290	250
12472	495	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 362 tờ bản đồ số 45 đến Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	860	600	520
12473	496	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 362 tờ bản đồ số 45 đến Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	650	460	390
12474	497	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 362 tờ bản đồ số 45 đến Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Tân Phú	380	270	230
12475	498	Đường Hùng Vương	Tà Lài	Nguyễn Du	Phường Tân Phú	2.300	1.600	1.400
12476	499	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Tà Lài đến Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	910	640	550
12477	500	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Tà Lài đến Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	650	460	390
12478	501	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Tà Lài đến Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	390	270	230
12479	502	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Tà Lài đến Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	820	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12480	503	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Tà Lài đến Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	600	420	360
12481	504	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Tà Lài đến Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12482	505	Đường Hùng Vương	Nguyễn Du	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Tân Phú	2.600	1.800	1.600
12483	506	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Nguyễn Du đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	980	690	590
12484	507	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Nguyễn Du đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	650	460	390
12485	508	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Nguyễn Du đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	390	270	230
12486	509	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Nguyễn Du đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	880	620	530
12487	510	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Nguyễn Du đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	600	420	360
12488	511	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Nguyễn Du đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12489	512	Đường D1 đi khu tái định cư 9,7 ha	Đường Phạm Ngọc Thạch	đường Nguyễn Du	Phường Tân Phú	1.600	1.100	960
12490	513	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 đi khu tái định cư 9,7 ha đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	780	550	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12491	514	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 đi khu tái định cư 9,7 ha đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	650	460	390
12492	515	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 đi khu tái định cư 9,7 ha đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	390	270	230
12493	516	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 đi khu tái định cư 9,7 ha đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	700	490	420
12494	517	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 đi khu tái định cư 9,7 ha đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	590	410	350
12495	518	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 đi khu tái định cư 9,7 ha đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12496	519	Nguyễn Văn Cừ	Quốc lộ 20	đường Nguyễn Tri Phương	Phường Tân Phú	3.300	2.300	2.000
12497	520	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.000	700	600
12498	521	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	650	460	390
12499	522	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	460	320	280
12500	523	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	900	630	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12501	524	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	590	410	350
12502	525	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	410	290	250
12503	526	Nguyễn Văn Cừ	Quốc lộ 20	hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 31	Phường Tân Phú	3.900	2.700	2.300
12504	527	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.000	700	600
12505	528	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	780	550	470
12506	529	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	620	430	370
12507	530	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	900	630	540
12508	531	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	700	490	420
12509	532	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	560	390	340
12510	533	Nguyễn Chí Thanh	Quốc lộ 20	đường Lê Đại Hành	Phường Tân Phú	3.300	2.300	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12511	534	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.000	700	600
12512	535	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	650	460	390
12513	536	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	460	320	280
12514	537	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	900	630	540
12515	538	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	590	410	350
12516	539	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	410	290	250
12517	540	Nguyễn Du	Quốc lộ 20	đường Nguyễn Tất Thành	Phường Tân Phú	3.300	2.300	2.000
12518	541	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Du đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.000	700	600
12519	542	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Du đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	650	460	390
12520	543	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Du đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	460	320	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12521	544	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Du đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	900	630	540
12522	545	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Du đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	590	410	350
12523	546	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Du đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	410	290	250
12524	547	Nguyễn Du	đường Nguyễn Tất Thành	đến hết đường Nguyễn Du (thửa đất số 808 tờ bản đồ số 3)	Phường Tân Phú	3.300	2.300	2.000
12525	548	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Du đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đến hết đường Nguyễn Du (thửa đất số 808 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.000	700	600
12526	549	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Du đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đến hết đường Nguyễn Du (thửa đất số 808 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	650	460	390
12527	550	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Du đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đến hết đường Nguyễn Du (thửa đất số 808 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	460	320	280
12528	551	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Du đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đến hết đường Nguyễn Du (thửa đất số 808 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	900	630	540
12529	552	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Du đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đến hết đường Nguyễn Du (thửa đất số 808 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	590	410	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12530	553	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Du đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đến hết đường Nguyễn Du (thửa đất số 808 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Tân Phú	410	290	250
12531	554	Đường ấp 5-ấp 6 xã Trà Cổ Cũ	đường Trà Cổ	thửa đất số 154, tờ bản đồ số 154	Phường Tân Phú	580	410	350
12532	555	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5-ấp 6 xã Trà Cổ Cũ đoạn từ đường Trà Cổ đến thửa đất số 154, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	290	200	170
12533	556	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5-ấp 6 xã Trà Cổ Cũ đoạn từ đường Trà Cổ đến thửa đất số 154, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	220	150	130
12534	557	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5-ấp 6 xã Trà Cổ Cũ đoạn từ đường Trà Cổ đến thửa đất số 154, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	180	130	110
12535	558	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5-ấp 6 xã Trà Cổ Cũ đoạn từ đường Trà Cổ đến thửa đất số 154, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	260	180	160
12536	559	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5-ấp 6 xã Trà Cổ Cũ đoạn từ đường Trà Cổ đến thửa đất số 154, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	200	140	120
12537	560	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5-ấp 6 xã Trà Cổ Cũ đoạn từ đường Trà Cổ đến thửa đất số 154, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	160	110	100
12538	561	Đường vào Khu du lịch Suối Mơ	đường Trà Cổ	cổng Khu du lịch Suối Mơ	Phường Tân Phú	590	410	350
12539	562	Đường Hùng Vương	Hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 2	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Tân Phú	2.200	1.500	1.300
12540	563	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 2 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	980	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12541	564	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 2 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	650	460	390
12542	565	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 2 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	390	270	230
12543	566	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 2 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	880	620	530
12544	567	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 2 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	590	410	350
12545	568	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 2 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12546		Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Tân Phú	2.600	1.800	1.600
12547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	980	690	590
12548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	650	460	390
12549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	390	270	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	880	620	530
12551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	600	420	360
12552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12553		Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hùng Vương	đường Lê Đại Hành	Phường Tân Phú	3.300	2.300	2.000
12554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hùng Vương đến đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	1.000	700	600
12555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hùng Vương đến đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	650	460	390
12556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hùng Vương đến đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	460	320	280
12557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hùng Vương đến đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	900	630	540
12558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hùng Vương đến đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	590	410	350
12559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hùng Vương đến đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	410	290	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12560		Đường Lê Đại Hành	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Tân Phú	2.600	1.800	1.600
12561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	980	690	590
12562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	650	460	390
12563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	390	270	230
12564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	880	620	530
12565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	600	420	360
12566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	350	250	210
12567	1	Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên	Ngã ba Phú lập đi xã Núi Tượng (cũ)	Đường ấp 2-4	Xã Tà Lài	1.200	840	720
12568	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba Phú lập đi xã Núi Tượng (cũ) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	590	410	350
12569	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba Phú lập đi xã Núi Tượng (cũ) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	390	270	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12570	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba Phú lập đi xã Núi Tượng (cũ) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	260	180	160
12571	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba Phú lập đi xã Núi Tượng (cũ) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	530	370	320
12572	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba Phú lập đi xã Núi Tượng (cũ) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	350	250	210
12573	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba Phú lập đi xã Núi Tượng (cũ) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	230	160	140
12574	8	Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên	Đường ấp 2-4	Giáp ranh xã Nam Cát Tiên	Xã Tà Lài	650	460	390
12575	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Giáp ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	330	230	200
12576	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Giáp ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	260	180	160
12577	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Giáp ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	210	150	130
12578	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Giáp ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	300	210	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12579	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Giáp ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	230	160	140
12580	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Giáp ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	190	130	110
12581	15	Đường ấp 2-4	Đường Tà Lài	Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên	Xã Tà Lài	520	360	310
12582	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2-4 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	260	180	160
12583	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2-4 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	220	150	130
12584	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2-4 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	200	140	120
12585	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2-4 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	230	160	140
12586	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2-4 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	200	140	120
12587	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2-4 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	180	130	110
12588	22	Đường Tà Lài	Giáp ranh Phường Tân Phú	Ngã ba chùa Bửu Tân	Xã Tà Lài	780	550	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12589	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Giáp ranh Phường Tân Phú đến Ngã ba chùa Bửu Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	390	270	230
12590	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Giáp ranh Phường Tân Phú đến Ngã ba chùa Bửu Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	330	230	200
12591	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Giáp ranh Phường Tân Phú đến Ngã ba chùa Bửu Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	210	150	130
12592	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Giáp ranh Phường Tân Phú đến Ngã ba chùa Bửu Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	350	250	210
12593	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Giáp ranh Phường Tân Phú đến Ngã ba chùa Bửu Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	300	210	180
12594	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Giáp ranh Phường Tân Phú đến Ngã ba chùa Bửu Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Tà Lài	190	130	110
12595	29	Đường Tà Lài	Ngã ba chùa Bửu Tân	Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2)	Xã Tà Lài	650	460	390
12596	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Ngã ba chùa Bửu Tân đến Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	330	230	200
12597	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Ngã ba chùa Bửu Tân đến Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	260	180	160
12598	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Ngã ba chùa Bửu Tân đến Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	210	150	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12599	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Ngã ba chùa Bửu Tân đến Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	300	210	180
12600	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Ngã ba chùa Bửu Tân đến Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	230	160	140
12601	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Ngã ba chùa Bửu Tân đến Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	190	130	110
12602	36	Đường Tà Lài	Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2)	Đường ấp 2-4	Xã Tà Lài	980	690	590
12603	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	460	320	280
12604	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	340	240	200
12605	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	220	150	130
12606	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	410	290	250
12607	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	310	220	190
12608	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12609	43	Đường Tà Lài	Đường ấp 2-4	Đường ấp 3-4	Xã Tà Lài	1.200	840	720
12610	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Đường ấp 3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	460	320	280
12611	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Đường ấp 3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	340	240	200
12612	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Đường ấp 3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	220	150	130
12613	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Đường ấp 3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	410	290	250
12614	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Đường ấp 3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	310	220	190
12615	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Đường ấp 3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	200	140	120
12616	50	Đường Tà Lài	Đường ấp 3-4	Qua Sông Đồng Nai đến giáp Đường chuyên dùng	Xã Tà Lài	910	640	550
12617	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 3-4 đến Qua Sông Đồng Nai đến giáp Đường chuyên dùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	460	320	280
12618	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 3-4 đến Qua Sông Đồng Nai đến giáp Đường chuyên dùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	340	240	200
12619	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 3-4 đến Qua Sông Đồng Nai đến giáp Đường chuyên dùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	220	150	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12620	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 3-4 đến Qua Sông Đồng Nai đến giáp Đường chuyên dùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	410	290	250
12621	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 3-4 đến Qua Sông Đồng Nai đến giáp Đường chuyên dùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	310	220	190
12622	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 3-4 đến Qua Sông Đồng Nai đến giáp Đường chuyên dùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Tà Lài	200	140	120
12623	57	Đường Phú Xuân - Núi Tượng	Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng	Ngã ba xã Phú Lộc (xã Tân Phú mới)	Xã Tà Lài	910	640	550
12624	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Ngã ba xã Phú Lộc (xã Tân Phú mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	460	320	280
12625	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Ngã ba xã Phú Lộc (xã Tân Phú mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	340	240	200
12626	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Ngã ba xã Phú Lộc (xã Tân Phú mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	220	150	130
12627	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Ngã ba xã Phú Lộc (xã Tân Phú mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	410	290	250
12628	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Ngã ba xã Phú Lộc (xã Tân Phú mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	310	220	190

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12629	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Ngã ba xã Phú Lộc (xã Tân Phú mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	200	140	120
12630	64	Đường Núi Tượng - Nam Cát Tiên	Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng	Hết ranh thửa đất số 1366, tờ BĐĐC số 31 về bên trái và hết ranh thửa đất số 924, tờ BĐĐC số 31 về bên phải, xã Tà Lài	Xã Tà Lài	910	640	550
12631	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Núi Tượng - Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 1366, tờ BĐĐC số 31 về bên trái và hết ranh thửa đất số 924, tờ BĐĐC số 31 về bên phải, xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	460	320	280
12632	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Núi Tượng - Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 1366, tờ BĐĐC số 31 về bên trái và hết ranh thửa đất số 924, tờ BĐĐC số 31 về bên phải, xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	340	240	200
12633	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Núi Tượng - Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 1366, tờ BĐĐC số 31 về bên trái và hết ranh thửa đất số 924, tờ BĐĐC số 31 về bên phải, xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	220	150	130
12634	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Núi Tượng - Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 1366, tờ BĐĐC số 31 về bên trái và hết ranh thửa đất số 924, tờ BĐĐC số 31 về bên phải, xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	410	290	250
12635	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Núi Tượng - Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 1366, tờ BĐĐC số 31 về bên trái và hết ranh thửa đất số 924, tờ BĐĐC số 31 về bên phải, xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	310	220	190

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12636	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Núi Tượng - Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 1366, tờ BĐĐC số 31 về bên trái và hết ranh thửa đất số 924, tờ BĐĐC số 31 về bên phải, xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	200	140	120
12637	71	Đường vào đập Vàm Hô	Đường chuyên dùng	Hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 49	Xã Tà Lài	520	360	310
12638	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Vàm Hô đoạn từ Đường chuyên dùng đến Hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	260	180	160
12639	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Vàm Hô đoạn từ Đường chuyên dùng đến Hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	220	150	130
12640	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Vàm Hô đoạn từ Đường chuyên dùng đến Hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	200	140	120
12641	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Vàm Hô đoạn từ Đường chuyên dùng đến Hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	230	160	140
12642	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Vàm Hô đoạn từ Đường chuyên dùng đến Hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	200	140	120
12643	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Vàm Hô đoạn từ Đường chuyên dùng đến Hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Tà Lài	180	130	110
12644	78	Đường chuyên dùng	Đường vào đập Vàm Hô	Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54	Xã Tà Lài	520	360	310
12645	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng đoạn từ Đường vào đập Vàm Hô đến Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	260	180	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12646	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng đoạn từ Đường vào đập Vàm Hô đến Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	220	150	130
12647	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng đoạn từ Đường vào đập Vàm Hô đến Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	200	140	120
12648	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng đoạn từ Đường vào đập Vàm Hô đến Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	230	160	140
12649	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng đoạn từ Đường vào đập Vàm Hô đến Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	200	140	120
12650	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng đoạn từ Đường vào đập Vàm Hô đến Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Tà Lài	180	130	110
12651	92	Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7)	Đường Phú Xuân - Núi Tượng	Hết ranh thửa đất số 459, tờ BĐĐC số 33 (bên phải)	Xã Tà Lài	520	360	310
12652	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đoạn từ Đường Phú Xuân - Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 459, tờ BĐĐC số 33 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	260	180	160
12653	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đoạn từ Đường Phú Xuân - Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 459, tờ BĐĐC số 33 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	220	150	130
12654	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đoạn từ Đường Phú Xuân - Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 459, tờ BĐĐC số 33 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12655	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đoạn từ Đường Phú Xuân - Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 459, tờ BĐĐC số 33 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	230	160	140
12656	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đoạn từ Đường Phú Xuân - Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 459, tờ BĐĐC số 33 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	200	140	120
12657	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đoạn từ Đường Phú Xuân - Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 459, tờ BĐĐC số 33 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	180	130	110
12658	99	Đường liên ấp (ấp Phú Lập 6 - Phú Lập 7)	Ngã ba đường Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7)	Hết ranh thửa đất số 488, tờ BĐĐC số 31 (bên phải)	Xã Tà Lài	520	360	310
12659	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (ấp Phú Lập 6 - Phú Lập 7) đoạn từ Ngã ba đường Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đến Hết ranh thửa đất số 488, tờ BĐĐC số 31 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	260	180	160
12660	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (ấp Phú Lập 6 - Phú Lập 7) đoạn từ Ngã ba đường Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đến Hết ranh thửa đất số 488, tờ BĐĐC số 31 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	220	150	130
12661	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (ấp Phú Lập 6 - Phú Lập 7) đoạn từ Ngã ba đường Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đến Hết ranh thửa đất số 488, tờ BĐĐC số 31 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	200	140	120
12662	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (ấp Phú Lập 6 - Phú Lập 7) đoạn từ Ngã ba đường Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đến Hết ranh thửa đất số 488, tờ BĐĐC số 31 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	230	160	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12663	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (ấp Phú Lập 6 - Phú Lập 7) đoạn từ Ngã ba đường Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đến Hết ranh thửa đất số 488, tờ BĐĐC số 31 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	200	140	120
12664	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (ấp Phú Lập 6 - Phú Lập 7) đoạn từ Ngã ba đường Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đến Hết ranh thửa đất số 488, tờ BĐĐC số 31 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	180	130	110
12665	BS	Đường Năm Rưỡi	Từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài	Hết ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 108 về bên phải và hết ranh thửa đất số 182, tờ BĐĐC số 108 về bên trái	Xã Tà Lài	590	410	350
12666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Năm Rưỡi đoạn từ Từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài đến Hết ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 108 về bên phải và hết ranh thửa đất số 182, tờ BĐĐC số 108 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	300	210	180
12667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Năm Rưỡi đoạn từ Từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài đến Hết ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 108 về bên phải và hết ranh thửa đất số 182, tờ BĐĐC số 108 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	250	180	150
12668		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Năm Rưỡi đoạn từ Từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài đến Hết ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 108 về bên phải và hết ranh thửa đất số 182, tờ BĐĐC số 108 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	220	150	130
12669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Năm Rưỡi đoạn từ Từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài đến Hết ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 108 về bên phải và hết ranh thửa đất số 182, tờ BĐĐC số 108 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	270	190	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Năm Rưỡi đoạn từ Từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài đến Hết ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 108 về bên phải và hết ranh thửa đất số 182, tờ BĐĐC số 108 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	230	160	140
12671		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Năm Rưỡi đoạn từ Từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài đến Hết ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 108 về bên phải và hết ranh thửa đất số 182, tờ BĐĐC số 108 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Tà Lài	200	140	120
12672	1	Đường 600A	Quốc lộ 20	Hết ranh Ban Quản lý rừng	Xã Nam Cát Tiên	690	480	410
12673	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh Ban Quản lý rừng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	250	180	150
12674	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh Ban Quản lý rừng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	230	160	140
12675	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh Ban Quản lý rừng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	220	150	130
12676	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh Ban Quản lý rừng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	230	160	140
12677	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh Ban Quản lý rừng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	210	150	130
12678	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh Ban Quản lý rừng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	200	140	120
12679	8	Đường 600A	Hết ranh Ban Quản lý rừng	Hết cầu số 5	Xã Nam Cát Tiên	690	480	410

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12680	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Hết ranh Ban Quản lý rừng đến Hết cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	250	180	150
12681	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Hết ranh Ban Quản lý rừng đến Hết cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	230	160	140
12682	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Hết ranh Ban Quản lý rừng đến Hết cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	220	150	130
12683	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Hết ranh Ban Quản lý rừng đến Hết cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	230	160	140
12684	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Hết ranh Ban Quản lý rừng đến Hết cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	210	150	130
12685	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Hết ranh Ban Quản lý rừng đến Hết cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	200	140	120
12686	15	Đường 600A	Hết cầu số 5	Ngã ba đường ấp 2	Xã Nam Cát Tiên	620	430	370
12687	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Hết cầu số 5 đến Ngã ba đường ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	250	180	150
12688	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Hết cầu số 5 đến Ngã ba đường ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	230	160	140
12689	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Hết cầu số 5 đến Ngã ba đường ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	220	150	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12690	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Hết cầu số 5 đến Ngã ba đường ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	230	160	140
12691	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Hết cầu số 5 đến Ngã ba đường ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	210	150	130
12692	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Hết cầu số 5 đến Ngã ba đường ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	200	140	120
12693	22	Đường 600A	Ngã ba đường ấp 2	Sông Đồng Nai	Xã Nam Cát Tiên	690	480	410
12694	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Ngã ba đường ấp 2 đến Sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	250	180	150
12695	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Ngã ba đường ấp 2 đến Sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	230	160	140
12696	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Ngã ba đường ấp 2 đến Sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	220	150	130
12697	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Ngã ba đường ấp 2 đến Sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	230	160	140
12698	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Ngã ba đường ấp 2 đến Sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	210	150	130
12699	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Ngã ba đường ấp 2 đến Sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	200	140	120
12700	29	Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên	Ranh xã Tà Lài	Hết chợ Núi Tượng	Xã Nam Cát Tiên	960	670	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12701	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ranh xã Tà Lài đến Hết chợ Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	480	340	290
12702	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ranh xã Tà Lài đến Hết chợ Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	340	240	200
12703	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ranh xã Tà Lài đến Hết chợ Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	220	150	130
12704	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ranh xã Tà Lài đến Hết chợ Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	430	300	260
12705	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ranh xã Tà Lài đến Hết chợ Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	310	220	190
12706	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ranh xã Tà Lài đến Hết chợ Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	200	140	120
12707	36	Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên	Hết chợ Núi Tượng	Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67	Xã Nam Cát Tiên	690	480	410
12708	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết chợ Núi Tượng đến Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	340	240	200
12709	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết chợ Núi Tượng đến Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	270	190	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12710	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết chợ Núi Tượng đến Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	220	150	130
12711	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết chợ Núi Tượng đến Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	310	220	190
12712	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết chợ Núi Tượng đến Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	240	170	140
12713	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết chợ Núi Tượng đến Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Nam Cát Tiên	200	140	120
12714	43	Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên	Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67	Cầu số 1	Xã Nam Cát Tiên	820	570	490
12715	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	410	290	250
12716	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	340	240	200
12717	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	220	150	130
12718	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	370	260	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12719	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	310	220	190
12720	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Nam Cát Tiên	200	140	120
12721	50	Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên	Cầu số 1	Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái	Xã Nam Cát Tiên	690	480	410
12722	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Cầu số 1 đến Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	340	240	200
12723	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Cầu số 1 đến Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	270	190	160
12724	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Cầu số 1 đến Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	220	150	130
12725	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Cầu số 1 đến Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	310	220	190
12726	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Cầu số 1 đến Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	240	170	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12727	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Cầu số 1 đến Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Nam Cát Tiên	200	140	120
12728	57	Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên	Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái	Đường 600A	Xã Nam Cát Tiên	820	570	490
12729	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái đến Đường 600A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	410	290	250
12730	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái đến Đường 600A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	340	240	200
12731	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái đến Đường 600A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	220	150	130
12732	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái đến Đường 600A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	370	260	220
12733	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái đến Đường 600A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	310	220	190
12734	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái đến Đường 600A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12735	64	Đường 6A- 6B	Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên	Ngã ba (Trường THCS Núi Tượng)	Xã Nam Cát Tiên	550	390	330
12736	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6A- 6B đoạn từ Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên đến Ngã ba (Trường THCS Núi Tượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	270	190	160
12737	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6A- 6B đoạn từ Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên đến Ngã ba (Trường THCS Núi Tượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	230	160	140
12738	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6A- 6B đoạn từ Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên đến Ngã ba (Trường THCS Núi Tượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	210	150	130
12739	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6A- 6B đoạn từ Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên đến Ngã ba (Trường THCS Núi Tượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	240	170	140
12740	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6A- 6B đoạn từ Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên đến Ngã ba (Trường THCS Núi Tượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	210	150	130
12741	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6A- 6B đoạn từ Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên đến Ngã ba (Trường THCS Núi Tượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	190	130	110
12742	71	Đường 600B	Đường 600A	Hết ranh xã Nam Cát Tiên	Xã Nam Cát Tiên	690	480	410
12743	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600B đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	340	240	200
12744	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600B đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	270	190	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12745	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600B đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	210	150	130
12746	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600B đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	310	220	190
12747	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600B đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	240	170	140
12748	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600B đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	190	130	110
12749	78	Đường nhà thờ Kim Lân	Đường 600A	Hết ranh xã Nam Cát Tiên	Xã Nam Cát Tiên	550	390	330
12750	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	270	190	160
12751	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	230	160	140
12752	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	210	150	130
12753	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	240	170	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12754	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	210	150	130
12755	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	190	130	110
12756	85	Quốc lộ 20	Giáp ranh xã Phú Lâm	Hết ranh xã Nam Cát Tiên giáp ranh tỉnh Lâm Đồng	Xã Nam Cát Tiên	2.300	1.600	1.400
12757	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Lâm đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	780	550	470
12758	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Lâm đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	670	470	400
12759	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Lâm đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	450	320	270
12760	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Lâm đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	700	490	420
12761	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Lâm đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	600	420	360
12762	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Lâm đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Nam Cát Tiên	410	290	250
12763	1	Đường Phú Xuân - Thanh Sơn	Giáp ranh phường Tân Phú	Đường Phú Lâm - Thanh Sơn	Xã Phú Lâm	650	460	390

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12764	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Thanh Sơn đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Đường Phú Lâm - Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	330	230	200
12765	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Thanh Sơn đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Đường Phú Lâm - Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	260	180	160
12766	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Thanh Sơn đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Đường Phú Lâm - Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	250	180	150
12767	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Thanh Sơn đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Đường Phú Lâm - Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	300	210	180
12768	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Thanh Sơn đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Đường Phú Lâm - Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	230	160	140
12769	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Thanh Sơn đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Đường Phú Lâm - Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	230	160	140
12770	8	Đường nhà thờ Kim Lân	Đường nhà thờ Kim Lân từ ranh xã Nam Cát Tiên	Quốc lộ 20	Xã Phú Lâm	550	390	330
12771	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường nhà thờ Kim Lân từ ranh xã Nam Cát Tiên đến Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	270	190	160
12772	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường nhà thờ Kim Lân từ ranh xã Nam Cát Tiên đến Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	230	160	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12773	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường nhà thờ Kim Lân từ ranh xã Nam Cát Tiên đến Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	210	150	130
12774	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường nhà thờ Kim Lân từ ranh xã Nam Cát Tiên đến Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	240	170	140
12775	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường nhà thờ Kim Lân từ ranh xã Nam Cát Tiên đến Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	210	150	130
12776	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường nhà thờ Kim Lân từ ranh xã Nam Cát Tiên đến Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	190	130	110
12777	15	Quốc lộ 20	Giáp ranh phường Tân Phú	Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm	Xã Phú Lâm	5.300	3.700	3.200
12778	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	1.300	910	780
12779	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	1.000	700	600
12780	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	780	550	470
12781	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12782	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	900	630	540
12783	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	700	490	420
12784	22	Quốc lộ 20	Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm	Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm)	Xã Phú Lâm	7.900	5.500	4.700
12785	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm đến Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	2.000	1.400	1.200
12786	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm đến Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	1.700	1.200	1.000
12787	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm đến Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	1.200	840	720
12788	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm đến Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	1.800	1.300	1.100
12789	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm đến Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	1.500	1.100	900
12790	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm đến Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	1.100	770	660
12791	29	Quốc lộ 20	Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm)	Hẻm SONY (xã Phú Lâm)	Xã Phú Lâm	6.300	4.400	3.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12792	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) đến Hẻm SONY (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	1.800	1.300	1.100
12793	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) đến Hẻm SONY (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	1.300	910	780
12794	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) đến Hẻm SONY (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	1.000	700	600
12795	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) đến Hẻm SONY (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	1.600	1.100	960
12796	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) đến Hẻm SONY (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	1.200	840	720
12797	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) đến Hẻm SONY (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	900	630	540
12798	36	Quốc lộ 20	Hẻm SONY (xã Phú Lâm)	Đường Phú Yên	Xã Phú Lâm	2.900	2.000	1.700
12799	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hẻm SONY (xã Phú Lâm) đến Đường Phú Yên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	780	550	470
12800	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hẻm SONY (xã Phú Lâm) đến Đường Phú Yên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	670	470	400
12801	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hẻm SONY (xã Phú Lâm) đến Đường Phú Yên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	500	350	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12802	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hẻm SONY (xã Phú Lâm) đến Đường Phú Yên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	700	490	420
12803	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hẻm SONY (xã Phú Lâm) đến Đường Phú Yên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	600	420	360
12804	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hẻm SONY (xã Phú Lâm) đến Đường Phú Yên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	450	320	270
12805	43	Quốc lộ 20	Đường Phú Yên	Đường Phú Thắng 2	Xã Phú Lâm	1.300	910	780
12806	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Yên đến Đường Phú Thắng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	450	320	270
12807	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Yên đến Đường Phú Thắng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	340	240	200
12808	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Yên đến Đường Phú Thắng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	220	150	130
12809	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Yên đến Đường Phú Thắng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	410	290	250
12810	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Yên đến Đường Phú Thắng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	310	220	190
12811	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Yên đến Đường Phú Thắng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120
12812	50	Quốc lộ 20	Đường Phú Thắng 2	Đường Km 138	Xã Phú Lâm	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12813	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thắng 2 đến Đường Km 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	500	350	300
12814	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thắng 2 đến Đường Km 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	390	270	230
12815	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thắng 2 đến Đường Km 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	220	150	130
12816	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thắng 2 đến Đường Km 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	450	320	270
12817	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thắng 2 đến Đường Km 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	350	250	210
12818	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thắng 2 đến Đường Km 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120
12819	57	Quốc lộ 20	Đường Km 138	Hết ranh xã Phú Lâm (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng)	Xã Phú Lâm	2.300	1.600	1.400
12820	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Km 138 đến Hết ranh xã Phú Lâm (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	780	550	470
12821	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Km 138 đến Hết ranh xã Phú Lâm (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	670	470	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12822	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Km 138 đến Hết ranh xã Phú Lâm (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	450	320	270
12823	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Km 138 đến Hết ranh xã Phú Lâm (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	700	490	420
12824	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Km 138 đến Hết ranh xã Phú Lâm (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	600	420	360
12825	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Km 138 đến Hết ranh xã Phú Lâm (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	410	290	250
12826	64	Đường Km 138	Quốc lộ 20	Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng	Xã Phú Lâm	520	360	310
12827	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Km 138 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	260	180	160
12828	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Km 138 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	220	150	130
12829	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Km 138 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120
12830	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Km 138 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	230	160	140
12831	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Km 138 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12832	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Km 138 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	180	130	110
12833	71	Đường Phú Lợi	Quốc lộ 20	Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng	Xã Phú Lâm	520	360	310
12834	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	260	180	160
12835	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	220	150	130
12836	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120
12837	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	230	160	140
12838	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120
12839	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	180	130	110
12840	78	Đường Phú Thắng 2	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 275 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 81, tờ BĐĐC số 92 về bên trái	Xã Phú Lâm	520	360	310
12841	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Thắng 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 275 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 81, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	260	180	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12842	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Thắng 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 275 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 81, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	220	150	130
12843	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Thắng 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 275 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 81, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120
12844	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Thắng 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 275 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 81, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	230	160	140
12845	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Thắng 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 275 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 81, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120
12846	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Thắng 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 275 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 81, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	180	130	110
12847	85	Đường Phú Thắng 1	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 87 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 92 về bên trái	Xã Phú Lâm	520	360	310
12848	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Thắng 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 87 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	260	180	160
12849	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Thắng 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 87 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	220	150	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12850	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Thắng 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 87 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120
12851	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Thắng 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 87 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	230	160	140
12852	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Thắng 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 87 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120
12853	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Thắng 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 87 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	180	130	110
12854	92	Đường Phú Yên	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 94 về bên phải và hết ranh thửa đất số 326, tờ BĐĐC số 92 về bên trái	Xã Phú Lâm	650	460	390
12855	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 94 về bên phải và hết ranh thửa đất số 326, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	330	230	200
12856	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 94 về bên phải và hết ranh thửa đất số 326, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	260	180	160
12857	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 94 về bên phải và hết ranh thửa đất số 326, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12858	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 94 về bên phải và hết ranh thửa đất số 326, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	300	210	180
12859	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 94 về bên phải và hết ranh thửa đất số 326, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	230	160	140
12860	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 94 về bên phải và hết ranh thửa đất số 326, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	180	130	110
12861	99	Đường 30 tháng 4	Quốc lộ 20	Km 0+500	Xã Phú Lâm	910	640	550
12862	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	460	320	280
12863	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	330	230	200
12864	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	210	150	130
12865	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	410	290	250
12866	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	300	210	180
12867	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	190	130	110
12868	106	Đường 30 tháng 4	Km 0+500	Km 0+2000	Xã Phú Lâm	780	550	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12869	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+2000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	390	270	230
12870	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+2000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	330	230	200
12871	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+2000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	210	150	130
12872	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+2000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	350	250	210
12873	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+2000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	300	210	180
12874	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+2000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	190	130	110
12875	113	Đường 30 tháng 4	Km 0+2000	Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng	Xã Phú Lâm	780	550	470
12876	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+2000 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	390	270	230
12877	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+2000 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	330	230	200
12878	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+2000 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	210	150	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12879	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+2000 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	350	250	210
12880	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+2000 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	300	210	180
12881	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+2000 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	190	130	110
12882	120	Đường Phú Lâm - Phú Bình	Quốc lộ 20	Giao đường ấp Phú Dũng	Xã Phú Lâm	780	550	470
12883	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giao đường ấp Phú Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	330	230	200
12884	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giao đường ấp Phú Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	300	210	180
12885	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giao đường ấp Phú Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	260	180	160
12886	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giao đường ấp Phú Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	300	210	180
12887	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giao đường ấp Phú Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	270	190	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12888	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giao đường ấp Phú Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	230	160	140
12889	127	Đường Phú Lâm - Phú Bình	Giáp đường ấp Phú Dũng	Giáp đường đi khu Lá ủ	Xã Phú Lâm	650	460	390
12890	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Giáp đường ấp Phú Dũng đến Giáp đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	330	230	200
12891	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Giáp đường ấp Phú Dũng đến Giáp đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	290	200	170
12892	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Giáp đường ấp Phú Dũng đến Giáp đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	250	180	150
12893	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Giáp đường ấp Phú Dũng đến Giáp đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	300	210	180
12894	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Giáp đường ấp Phú Dũng đến Giáp đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	260	180	160
12895	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Giáp đường ấp Phú Dũng đến Giáp đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	230	160	140
12896	134	Đường Phú Lâm - Phú Bình	Đường đi khu Lá ủ đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 27 về bên phải	Hết ranh thửa đất số 303, tờ BĐĐC số 28 về bên trái, xã Phú Lâm	Xã Phú Lâm	650	460	390
12897	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Đường đi khu Lá ủ đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 27 về bên phải đến Hết ranh thửa đất số 303, tờ BĐĐC số 28 về bên trái, xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	330	230	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12898	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Đường đi khu Lá ủ đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 27 về bên phải đến Hết ranh thửa đất số 303, tờ BĐĐC số 28 về bên trái, xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	290	200	170
12899	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Đường đi khu Lá ủ đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 27 về bên phải đến Hết ranh thửa đất số 303, tờ BĐĐC số 28 về bên trái, xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	250	180	150
12900	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Đường đi khu Lá ủ đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 27 về bên phải đến Hết ranh thửa đất số 303, tờ BĐĐC số 28 về bên trái, xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	300	210	180
12901	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Đường đi khu Lá ủ đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 27 về bên phải đến Hết ranh thửa đất số 303, tờ BĐĐC số 28 về bên trái, xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	260	180	160
12902	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Đường đi khu Lá ủ đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 27 về bên phải đến Hết ranh thửa đất số 303, tờ BĐĐC số 28 về bên trái, xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	230	160	140
12903	141	Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ	Đường 30 tháng 4	Đường đi khu Lá ủ	Xã Phú Lâm	780	550	470
12904	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	390	270	230
12905	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	260	180	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12906	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120
12907	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	350	250	210
12908	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	230	160	140
12909	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	180	130	110
12910	148	Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ	Giáp đường đi khu Lá ủ	Đường Phú Lâm - Phú Bình	Xã Phú Lâm	520	360	310
12911	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Giáp đường đi khu Lá ủ đến Đường Phú Lâm - Phú Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	260	180	160
12912	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Giáp đường đi khu Lá ủ đến Đường Phú Lâm - Phú Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	220	150	130
12913	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Giáp đường đi khu Lá ủ đến Đường Phú Lâm - Phú Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120
12914	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Giáp đường đi khu Lá ủ đến Đường Phú Lâm - Phú Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	230	160	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12915	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Giáp đường đi khu Lá ủ đến Đường Phú Lâm - Phú Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120
12916	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Giáp đường đi khu Lá ủ đến Đường Phú Lâm - Phú Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	180	130	110
12917	155	Đường Phù Đổng	Quốc lộ 20	Km 0+500	Xã Phú Lâm	2.500	1.800	1.500
12918	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phù Đổng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	780	550	470
12919	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phù Đổng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	670	470	400
12920	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phù Đổng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	450	320	270
12921	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phù Đổng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	700	490	420
12922	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phù Đổng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	600	420	360
12923	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phù Đổng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	410	290	250
12924	162	Đường Phù Đổng	Km 0+500	Km 0+800	Xã Phú Lâm	1.200	840	720
12925	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+800 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	500	350	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12926	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+800 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	280	200	170
12927	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+800 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	190	130	110
12928	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+800 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	450	320	270
12929	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+800 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	250	180	150
12930	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+800 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	170	120	100
12931	169	Đường Phù Đổng	Km 0+800	Hết ranh thửa đất số 218 tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 618, tờ BĐĐC số 27 về bên trái	Xã Phú Lâm	910	640	550
12932	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+800 đến Hết ranh thửa đất số 218 tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 618, tờ BĐĐC số 27 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	460	320	280
12933	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+800 đến Hết ranh thửa đất số 218 tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 618, tờ BĐĐC số 27 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	330	230	200
12934	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+800 đến Hết ranh thửa đất số 218 tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 618, tờ BĐĐC số 27 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12935	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+800 đến Hết ranh thửa đất số 218 tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 618, tờ BĐĐC số 27 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	410	290	250
12936	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+800 đến Hết ranh thửa đất số 218 tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 618, tờ BĐĐC số 27 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	300	210	180
12937	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+800 đến Hết ranh thửa đất số 218 tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 618, tờ BĐĐC số 27 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	180	130	110
12938	176	Đường 5 Tấn	Quốc lộ 20	Km 0+500	Xã Phú Lâm	1.400	980	840
12939	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 Tấn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	650	460	390
12940	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 Tấn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	390	270	230
12941	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 Tấn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	260	180	160
12942	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 Tấn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	590	410	350
12943	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 Tấn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	350	250	210
12944	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 Tấn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	230	160	140
12945	183	Đường 5 Tấn	Km 0+500	Km 0+1000	Xã Phú Lâm	1.000	700	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12946	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+1000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	520	360	310
12947	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+1000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	390	270	230
12948	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+1000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	220	150	130
12949	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+1000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	470	330	280
12950	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+1000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	350	250	210
12951	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+1000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120
12952	190	Đường 5 Tấn	Km 0+1000	Giáp ranh xã Tân Phú	Xã Phú Lâm	910	640	550
12953	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+1000 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	460	320	280
12954	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+1000 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	330	230	200
12955	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+1000 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	210	150	130
12956	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+1000 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	410	290	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12957	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+1000 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	300	210	180
12958	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+1000 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	190	130	110
12959	197	Đường Phú Lâm - Thanh Sơn	Quốc lộ 20	Suối Cầu Trắng	Xã Phú Lâm	1.600	1.100	960
12960	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	720	500	430
12961	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	520	360	310
12962	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	260	180	160
12963	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	650	460	390
12964	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	470	330	280
12965	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	230	160	140
12966	204	Đường Phú Lâm - Thanh Sơn	Suối Cầu Trắng	Hồ Đa Tôn	Xã Phú Lâm	780	550	470
12967	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Suối Cầu Trắng đến Hồ Đa Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	390	270	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12968	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Suối Cầu Trắng đến Hồ Đa Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	330	230	200
12969	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Suối Cầu Trắng đến Hồ Đa Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	210	150	130
12970	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Suối Cầu Trắng đến Hồ Đa Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	350	250	210
12971	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Suối Cầu Trắng đến Hồ Đa Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	300	210	180
12972	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Suối Cầu Trắng đến Hồ Đa Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	190	130	110
12973	211	Đường Bình Trung 2	Quốc lộ 20	Hết ngã tư đi Giáo họ Gioan B	Xã Phú Lâm	650	460	390
12974	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Trung 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ngã tư đi Giáo họ Gioan B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	330	230	200
12975	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Trung 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ngã tư đi Giáo họ Gioan B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	260	180	160
12976	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Trung 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ngã tư đi Giáo họ Gioan B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120
12977	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Trung 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ngã tư đi Giáo họ Gioan B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	300	210	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12978	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Trung 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ngã tư đi Giáo họ Gioan B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	230	160	140
12979	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Trung 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ngã tư đi Giáo họ Gioan B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	180	130	110
12980	218	Đường Phú Ngọc	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 154 tờ BĐĐC số 77 về bên phải và hết ranh thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 77 về bên trái)	Xã Phú Lâm	520	360	310
12981	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Ngọc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 154 tờ BĐĐC số 77 về bên phải và hết ranh thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 77 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	260	180	160
12982	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Ngọc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 154 tờ BĐĐC số 77 về bên phải và hết ranh thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 77 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	220	150	130
12983	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Ngọc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 154 tờ BĐĐC số 77 về bên phải và hết ranh thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 77 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120
12984	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Ngọc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 154 tờ BĐĐC số 77 về bên phải và hết ranh thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 77 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	230	160	140
12985	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Ngọc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 154 tờ BĐĐC số 77 về bên phải và hết ranh thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 77 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12986	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Ngọc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 154 tờ BĐĐC số 77 về bên phải và hết ranh thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 77 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	180	130	110
12987	225	Đường số 4	Quốc lộ 20	Ngã ba giáp đường nhà thờ lớn Kim Lân (đường Phú Trung đi xã Phú An)	Xã Phú Lâm	520	360	310
12988	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba giáp đường nhà thờ lớn Kim Lân (đường Phú Trung đi xã Phú An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	260	180	160
12989	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba giáp đường nhà thờ lớn Kim Lân (đường Phú Trung đi xã Phú An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	220	150	130
12990	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba giáp đường nhà thờ lớn Kim Lân (đường Phú Trung đi xã Phú An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120
12991	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba giáp đường nhà thờ lớn Kim Lân (đường Phú Trung đi xã Phú An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	230	160	140
12992	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba giáp đường nhà thờ lớn Kim Lân (đường Phú Trung đi xã Phú An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120
12993	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba giáp đường nhà thờ lớn Kim Lân (đường Phú Trung đi xã Phú An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	180	130	110
12994	232	Đường Bến Thuyền	đường 30/4	Hết ranh thửa đất số 163 tờ BĐĐC số 40 về bên phải và hết ranh thửa đất số 164, tờ BĐĐC số 40 về bên trái	Xã Phú Lâm	520	360	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
12995	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Thuyền đoạn từ đường 30/4 đến Hết ranh thửa đất số 163 tờ BĐĐC số 40 về bên phải và hết ranh thửa đất số 164, tờ BĐĐC số 40 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	260	180	160
12996	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Thuyền đoạn từ đường 30/4 đến Hết ranh thửa đất số 163 tờ BĐĐC số 40 về bên phải và hết ranh thửa đất số 164, tờ BĐĐC số 40 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	220	150	130
12997	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Thuyền đoạn từ đường 30/4 đến Hết ranh thửa đất số 163 tờ BĐĐC số 40 về bên phải và hết ranh thửa đất số 164, tờ BĐĐC số 40 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120
12998	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Thuyền đoạn từ đường 30/4 đến Hết ranh thửa đất số 163 tờ BĐĐC số 40 về bên phải và hết ranh thửa đất số 164, tờ BĐĐC số 40 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	230	160	140
12999	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Thuyền đoạn từ đường 30/4 đến Hết ranh thửa đất số 163 tờ BĐĐC số 40 về bên phải và hết ranh thửa đất số 164, tờ BĐĐC số 40 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	200	140	120
13000	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Thuyền đoạn từ đường 30/4 đến Hết ranh thửa đất số 163 tờ BĐĐC số 40 về bên phải và hết ranh thửa đất số 164, tờ BĐĐC số 40 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	180	130	110
13001	1	Đường ấp 7 Đabongkua	Ranh giới xã Phước Sơn (Trường Tiểu học Nguyễn Bá Học)	Ranh giới xã Phước Sơn (bên phải hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 40, BĐĐC xã Đak Lua. Bên trái hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đak Lua)	Xã Đak Lua	360	250	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13002	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 7 Đabongkua đoạn từ Ranh giới xã Phước Sơn (Trường Tiểu học Nguyễn Bá Học) đến Ranh giới xã Phước Sơn (bên phải hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 40, BĐĐC xã Đak Lua. Bên trái hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đak Lua) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Đak Lua	180	130	110
13003	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 7 Đabongkua đoạn từ Ranh giới xã Phước Sơn (Trường Tiểu học Nguyễn Bá Học) đến Ranh giới xã Phước Sơn (bên phải hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 40, BĐĐC xã Đak Lua. Bên trái hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đak Lua) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Đak Lua	160	110	100
13004	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 7 Đabongkua đoạn từ Ranh giới xã Phước Sơn (Trường Tiểu học Nguyễn Bá Học) đến Ranh giới xã Phước Sơn (bên phải hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 40, BĐĐC xã Đak Lua. Bên trái hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đak Lua) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Đak Lua	140	100	85
13005	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 7 Đabongkua đoạn từ Ranh giới xã Phước Sơn (Trường Tiểu học Nguyễn Bá Học) đến Ranh giới xã Phước Sơn (bên phải hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 40, BĐĐC xã Đak Lua. Bên trái hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đak Lua) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Đak Lua	160	110	100
13006	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 7 Đabongkua đoạn từ Ranh giới xã Phước Sơn (Trường Tiểu học Nguyễn Bá Học) đến Ranh giới xã Phước Sơn (bên phải hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 40, BĐĐC xã Đak Lua. Bên trái hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đak Lua) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Đak Lua	140	100	85
13007	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 7 Đabongkua đoạn từ Ranh giới xã Phước Sơn (Trường Tiểu học Nguyễn Bá Học) đến Ranh giới xã Phước Sơn (bên phải hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 40, BĐĐC xã Đak Lua. Bên trái hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đak Lua) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.		Xã Đak Lua	130	90	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13008	8	Đường Đak Lua	Đoạn từ phần giáp ranh xã Phước Sơn (giáp ranh tỉnh Bình Phước cũ)	Cua Đá ấp 2	Xã Đak Lua	650	460	390
13009	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Đoạn từ phần giáp ranh xã Phước Sơn (giáp ranh tỉnh Bình Phước cũ) đến Cua Đá ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đak Lua	320	220	190
13010	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Đoạn từ phần giáp ranh xã Phước Sơn (giáp ranh tỉnh Bình Phước cũ) đến Cua Đá ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đak Lua	160	110	100
13011	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Đoạn từ phần giáp ranh xã Phước Sơn (giáp ranh tỉnh Bình Phước cũ) đến Cua Đá ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đak Lua	130	90	80
13012	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Đoạn từ phần giáp ranh xã Phước Sơn (giáp ranh tỉnh Bình Phước cũ) đến Cua Đá ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đak Lua	290	200	170
13013	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Đoạn từ phần giáp ranh xã Phước Sơn (giáp ranh tỉnh Bình Phước cũ) đến Cua Đá ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đak Lua	140	100	85
13014	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Đoạn từ phần giáp ranh xã Phước Sơn (giáp ranh tỉnh Bình Phước cũ) đến Cua Đá ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Đak Lua	120	80	70
13015	15	Đường Đak Lua	Cua Đá ấp 2	Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua	Xã Đak Lua	650	460	390
13016	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Cua Đá ấp 2 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đak Lua	320	220	190

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13017	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Cua Đá ấp 2 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đak Lua	160	110	100
13018	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Cua Đá ấp 2 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đak Lua	130	90	80
13019	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Cua Đá ấp 2 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đak Lua	290	200	170
13020	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Cua Đá ấp 2 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đak Lua	140	100	85
13021	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Cua Đá ấp 2 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Đak Lua	120	80	70
13022	22	Đường Đak Lua	Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua	Cầu Đak Lua (bến phà cũ)	Xã Đak Lua	900	630	540
13023	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua đến Cầu Đak Lua (bến phà cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đak Lua	450	320	270
13024	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua đến Cầu Đak Lua (bến phà cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đak Lua	320	220	190

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13025	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua đến Cầu Đak Lua (bến phà cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đak Lua	220	150	130
13026	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua đến Cầu Đak Lua (bến phà cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đak Lua	410	290	250
13027	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua đến Cầu Đak Lua (bến phà cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đak Lua	290	200	170
13028	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua đến Cầu Đak Lua (bến phà cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Đak Lua	200	140	120
13029	29	Đường Đak Lua	Bến phà	Giáp ranh Vườn Quốc Gia Cát Tiên	Xã Đak Lua	650	460	390
13030	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Bến phà đến Giáp ranh Vườn Quốc Gia Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đak Lua	320	220	190
13031	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Bến phà đến Giáp ranh Vườn Quốc Gia Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đak Lua	160	110	100
13032	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Bến phà đến Giáp ranh Vườn Quốc Gia Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đak Lua	130	90	80
13033	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Bến phà đến Giáp ranh Vườn Quốc Gia Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đak Lua	290	200	170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13034	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Bến phà đến Giáp ranh Vườn Quốc Gia Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đak Lua	140	100	85
13035	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Bến phà đến Giáp ranh Vườn Quốc Gia Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Đak Lua	120	80	70
13036	1	Đường Xóm Huế	Đường tỉnh 768	Đường Hóc Lai	Phường Trị An	2.000	1.400	1.200
13037	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Huế đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hóc Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	910	640	550
13038	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Huế đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hóc Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	780	550	470
13039	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Huế đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hóc Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	650	460	390
13040	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Huế đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hóc Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	820	570	490
13041	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Huế đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hóc Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	700	490	420
13042	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Huế đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hóc Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	590	410	350
13043	8	Đường Hóc Lai	Đường tỉnh 768	Đường xóm Huế	Phường Trị An	1.600	1.100	960
13044	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hóc Lai đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	810	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13045	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hóc Lai đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	680	480	410
13046	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hóc Lai đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	610	430	370
13047	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hóc Lai đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	730	510	440
13048	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hóc Lai đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	610	430	370
13049	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hóc Lai đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	550	390	330
13050	15	Đường Kim Liên	Đường tỉnh 768	Bờ sông Đồng Nai	Phường Trị An	1.800	1.300	1.100
13051	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Liên đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	810	570	490
13052	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Liên đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	680	480	410
13053	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Liên đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	610	430	370
13054	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Liên đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	730	510	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13055	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Liên đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	610	430	370
13056	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Liên đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	550	390	330
13057	22	Đường Bà Bèn	Đường tỉnh 768	Bờ sông Đồng Nai	Phường Trị An	1.600	1.100	960
13058	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Bèn đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	680	480	410
13059	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Bèn đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	610	430	370
13060	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Bèn đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	540	380	320
13061	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Bèn đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	610	430	370
13062	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Bèn đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	550	390	330
13063	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Bèn đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	490	340	290
13064	29	Đường Bến Vịnh A	Đường tỉnh 768	Bờ sông Đồng Nai	Phường Trị An	1.900	1.300	1.100
13065	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Vịnh A đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	950	670	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13066	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Vịnh A đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	810	570	490
13067	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Vịnh A đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	680	480	410
13068	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Vịnh A đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	860	600	520
13069	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Vịnh A đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	730	510	440
13070	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Vịnh A đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	610	430	370
13071	36	Đường Bến Vịnh B	Đường tỉnh 768	Bờ sông Đồng Nai	Phường Trị An	1.900	1.300	1.100
13072	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Vịnh B đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	950	670	570
13073	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Vịnh B đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	810	570	490
13074	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Vịnh B đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	680	480	410
13075	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Vịnh B đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	860	600	520

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13076	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Vịnh B đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	730	510	440
13077	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Vịnh B đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	610	430	370
13078	43	Đường đồi 74	Đường tỉnh 768	Đường tỉnh 768	Phường Trị An	1.900	1.300	1.100
13079	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi 74 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	950	670	570
13080	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi 74 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	680	480	410
13081	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi 74 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	610	430	370
13082	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi 74 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	860	600	520
13083	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi 74 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	610	430	370
13084	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi 74 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	550	390	330
13085	50	Đường Bến Be	Đường tỉnh 768	Nhà máy đường Trị An	Phường Trị An	2.200	1.500	1.300
13086	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Be đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13087	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Be đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	820	570	490
13088	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Be đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	670	470	400
13089	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Be đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	990	690	590
13090	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Be đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	740	520	440
13091	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Be đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	600	420	360
13092	57	Đường Nhà máy đường Trị An	Đường tỉnh 768	Hết Nhà máy đường Trị An	Phường Trị An	2.300	1.600	1.400
13093	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhà máy đường Trị An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13094	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhà máy đường Trị An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	720	500	430
13095	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhà máy đường Trị An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	650	460	390

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13096	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhà máy đường Trị An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13097	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhà máy đường Trị An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	650	460	390
13098	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhà máy đường Trị An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	590	410	350
13099	64	Đường Bến Phà	Đường tỉnh 768	Bến đò Trị An	Phường Trị An	1.900	1.300	1.100
13100	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Phà đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bến đò Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	680	480	410
13101	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Phà đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bến đò Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	610	430	370
13102	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Phà đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bến đò Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	540	380	320
13103	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Phà đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bến đò Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	610	430	370
13104	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Phà đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bến đò Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	550	390	330
13105	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Phà đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bến đò Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	490	340	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13106	71	Đường Hàng Ba	Đường Bến Phà	Hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 242 về bên phải và hết ranh thửa đất số 30, tờ bản đồ số 241 về bên trái, BĐĐC phường Trị An	Phường Trị An	1.800	1.300	1.100
13107	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Ba đoạn từ Đường Bến Phà đến Hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 242 về bên phải và hết ranh thửa đất số 30, tờ bản đồ số 241 về bên trái, BĐĐC phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	810	570	490
13108	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Ba đoạn từ Đường Bến Phà đến Hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 242 về bên phải và hết ranh thửa đất số 30, tờ bản đồ số 241 về bên trái, BĐĐC phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	680	480	410
13109	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Ba đoạn từ Đường Bến Phà đến Hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 242 về bên phải và hết ranh thửa đất số 30, tờ bản đồ số 241 về bên trái, BĐĐC phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	610	430	370
13110	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Ba đoạn từ Đường Bến Phà đến Hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 242 về bên phải và hết ranh thửa đất số 30, tờ bản đồ số 241 về bên trái, BĐĐC phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	730	510	440
13111	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Ba đoạn từ Đường Bến Phà đến Hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 242 về bên phải và hết ranh thửa đất số 30, tờ bản đồ số 241 về bên trái, BĐĐC phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	610	430	370
13112	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Ba đoạn từ Đường Bến Phà đến Hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 242 về bên phải và hết ranh thửa đất số 30, tờ bản đồ số 241 về bên trái, BĐĐC phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trị An	550	390	330
13113	78	Đường tỉnh 768	Cầu Bà Giá (cầu 19)	Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An	Phường Trị An	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13114	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Bà Giá (cầu 19) đến Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	970	680	580
13115	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Bà Giá (cầu 19) đến Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	850	600	510
13116	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Bà Giá (cầu 19) đến Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	730	510	440
13117	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Bà Giá (cầu 19) đến Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	870	610	520
13118	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Bà Giá (cầu 19) đến Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	770	540	460
13119	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Bà Giá (cầu 19) đến Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trị An	660	460	400
13120	85	Đường tỉnh 768	Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An	Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4)	Phường Trị An	2.000	1.400	1.200
13121	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	970	680	580
13122	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	790	550	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13123	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	610	430	370
13124	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	870	610	520
13125	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	710	500	430
13126	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trị An	550	390	330
13127	92	Đường tỉnh 768	Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4 cũ)	Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 1 (ấp Vĩnh An 3 cũ)	Phường Trị An	2.700	1.900	1.600
13128	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4 cũ) đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 1 (ấp Vĩnh An 3 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13129	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4 cũ) đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 1 (ấp Vĩnh An 3 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	970	680	580
13130	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4 cũ) đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 1 (ấp Vĩnh An 3 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	730	510	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13131	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4 cũ) đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 1 (ấp Vĩnh An 3 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13132	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4 cũ) đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 1 (ấp Vĩnh An 3 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	870	610	520
13133	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4 cũ) đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 1 (ấp Vĩnh An 3 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trị An	660	460	400
13134	99	Đường Trảng Cày	Đường Trị An - Tân An	Đường xóm Huế	Phường Trị An	1.600	1.100	960
13135	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Cày đoạn từ Đường Trị An - Tân An đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	780	550	470
13136	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Cày đoạn từ Đường Trị An - Tân An đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	670	470	400
13137	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Cày đoạn từ Đường Trị An - Tân An đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	560	390	340
13138	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Cày đoạn từ Đường Trị An - Tân An đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	700	490	420
13139	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Cày đoạn từ Đường Trị An - Tân An đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	600	420	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13140	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Cày đoạn từ Đường Trị An - Tân An đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	500	350	300
13141	106	Đường Hiếu Liêm	Đường Nhà máy thủy điện Trị An	Cầu số 4	Phường Trị An	1.300	910	780
13142	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hiếu Liêm đoạn từ Đường Nhà máy thủy điện Trị An đến Cầu số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	630	440	380
13143	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hiếu Liêm đoạn từ Đường Nhà máy thủy điện Trị An đến Cầu số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	380	270	230
13144	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hiếu Liêm đoạn từ Đường Nhà máy thủy điện Trị An đến Cầu số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	250	180	150
13145	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hiếu Liêm đoạn từ Đường Nhà máy thủy điện Trị An đến Cầu số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	570	400	340
13146	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hiếu Liêm đoạn từ Đường Nhà máy thủy điện Trị An đến Cầu số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	340	240	200
13147	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hiếu Liêm đoạn từ Đường Nhà máy thủy điện Trị An đến Cầu số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	230	160	140
13148	113	Đường Xóm Mới ấp 3	Đường Hiếu Liêm	Hết ranh dự án điểm dân cư số 6 (thửa đất số 181, tờ bản đồ số 239)	Phường Trị An	880	620	530
13149	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Mới ấp 3 đoạn từ Đường Hiếu Liêm đến Hết ranh dự án điểm dân cư số 6(thửa đất số 181, tờ bản đồ số 239) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	540	380	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13150	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Mới ấp 3 đoạn từ Đường Hiếu Liêm đến Hết ranh dự án điểm dân cư số 6(thửa đất số 181, tờ bản đồ số 239) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	320	220	190
13151	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Mới ấp 3 đoạn từ Đường Hiếu Liêm đến Hết ranh dự án điểm dân cư số 6(thửa đất số 181, tờ bản đồ số 239) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	270	190	160
13152	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Mới ấp 3 đoạn từ Đường Hiếu Liêm đến Hết ranh dự án điểm dân cư số 6(thửa đất số 181, tờ bản đồ số 239) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	490	340	290
13153	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Mới ấp 3 đoạn từ Đường Hiếu Liêm đến Hết ranh dự án điểm dân cư số 6(thửa đất số 181, tờ bản đồ số 239) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	290	200	170
13154	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Mới ấp 3 đoạn từ Đường Hiếu Liêm đến Hết ranh dự án điểm dân cư số 6(thửa đất số 181, tờ bản đồ số 239) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	240	170	140
13155	120	Đường Nhà máy thủy điện Trị An	Ngã ba Lâm Sản	Bờ sông Đồng Nai	Phường Trị An	1.400	980	840
13156	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhà máy thủy điện Trị An đoạn từ Ngã ba Lâm Sản đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	560	390	340
13157	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhà máy thủy điện Trị An đoạn từ Ngã ba Lâm Sản đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	350	250	210
13158	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhà máy thủy điện Trị An đoạn từ Ngã ba Lâm Sản đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	280	200	170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13159	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhà máy thủy điện Trị An đoạn từ Ngã ba Lâm Sản đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	500	350	300
13160	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhà máy thủy điện Trị An đoạn từ Ngã ba Lâm Sản đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	320	220	190
13161	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhà máy thủy điện Trị An đoạn từ Ngã ba Lâm Sản đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	250	180	150
13162	127	Đường tỉnh 767	Giáp ranh xã Tân An	Ngã ba đường Hồ Xuân Hương	Phường Trị An	5.400	3.800	3.200
13163	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh xã Tân An đến Ngã ba đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.700	1.200	1.000
13164	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh xã Tân An đến Ngã ba đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.300	910	780
13165	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh xã Tân An đến Ngã ba đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13166	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh xã Tân An đến Ngã ba đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.500	1.100	900
13167	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh xã Tân An đến Ngã ba đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13168	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh xã Tân An đến Ngã ba đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	900	630	540
13169	134	Đường tỉnh 767	Cầu Đồng Nai	Cầu Chiến khu D	Phường Trị An	1.400	980	840
13170	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Cứng (cầu Đồng Nai) đến Cầu Chiến khu D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	720	500	430
13171	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Cứng (cầu Đồng Nai) đến Cầu Chiến khu D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	430	300	260
13172	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Cứng (cầu Đồng Nai) đến Cầu Chiến khu D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	290	200	170
13173	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Cứng (cầu Đồng Nai) đến Cầu Chiến khu D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	650	460	390
13174	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Cứng (cầu Đồng Nai) đến Cầu Chiến khu D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	390	270	230
13175	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Cứng (cầu Đồng Nai) đến Cầu Chiến khu D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	260	180	160
13176	141	Đường tỉnh 767	Cầu Chiến khu D	Ngã ba rẽ đi xã Phú Lý	Phường Trị An	1.700	1.200	1.000
13177	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Chiến khu D đến Ngã ba rẽ đi xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	580	410	350
13178	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Chiến khu D đến Ngã ba rẽ đi xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	430	300	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13179	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Chiến khu D đến Ngã ba rẽ đi xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	290	200	170
13180	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Chiến khu D đến Ngã ba rẽ đi xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	520	360	310
13181	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Chiến khu D đến Ngã ba rẽ đi xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	390	270	230
13182	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Chiến khu D đến Ngã ba rẽ đi xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	260	180	160
13183	148	Đường tỉnh 761	Ngã ba xã Mã Đà (cũ) rẽ đi xã Phú Lý	Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm	Phường Trị An	1.200	840	720
13184	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba xã Mã Đà (cũ) rẽ đi xã Phú Lý đến Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	580	410	350
13185	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba xã Mã Đà (cũ) rẽ đi xã Phú Lý đến Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	430	300	260
13186	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba xã Mã Đà (cũ) rẽ đi xã Phú Lý đến Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	290	200	170
13187	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba xã Mã Đà (cũ) rẽ đi xã Phú Lý đến Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	520	360	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13188	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba xã Mã Đà (cũ) rẽ đi xã Phú Lý đến Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	390	270	230
13189	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba xã Mã Đà (cũ) rẽ đi xã Phú Lý đến Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trị An	260	180	160
13190	155	Đường tỉnh 761	Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm	Giáp ranh xã Phú Lý	Phường Trị An	1.200	840	720
13191	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm đến Giáp ranh xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	500	350	300
13192	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm đến Giáp ranh xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	430	300	260
13193	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm đến Giáp ranh xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	290	200	170
13194	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm đến Giáp ranh xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	450	320	270
13195	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm đến Giáp ranh xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	390	270	230
13196	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm đến Giáp ranh xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	260	180	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13197	TRA19	Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc phường Trị An mới)	Đường tỉnh 767	Giáp ranh xã Bàu Hàm	Phường Trị An	2.600	1.800	1.600
13198	VT2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc phường Trị An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	1.300	910	780
13199	VT3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc phường Trị An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13200	VT4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc phường Trị An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	650	460	390
13201	VT2*0,8	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc phường Trị An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13202	VT3*0,8	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc phường Trị An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	900	630	540
13203	VT4*0,8	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc phường Trị An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trị An	590	410	350
13204	169	Đường Tân An - Vĩnh Tân	Từ ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 237	Đường Trị An - Vĩnh Tân	Phường Trị An	2.500	1.800	1.500
13205	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Từ ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 237 đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	1.000	700	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13206	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Từ ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 237 đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	760	530	460
13207	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Từ ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 237 đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	630	440	380
13208	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Từ ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 237 đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	900	630	540
13209	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Từ ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 237 đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	680	480	410
13210	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Từ ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 237 đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trị An	570	400	340
13211	176	Đường Tân An - Vĩnh Tân	Đường Trị An - Vĩnh Tân	Tiếp giáp thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235	Phường Trị An	2.500	1.800	1.500
13212	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Tiếp giáp thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13213	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Tiếp giáp thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	900	630	540
13214	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Tiếp giáp thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	780	550	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13215	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Tiếp giáp thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13216	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Tiếp giáp thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	810	570	490
13217	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Tiếp giáp thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trị An	700	490	420
13218	183	Đường Lạc Long Quân	Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B, phân hiệu 1	Ngã ba đường Kho Mìn	Phường Trị An	3.200	2.200	1.900
13219	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B, phân hiệu 1 đến Ngã ba đường Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.600	1.100	960
13220	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B, phân hiệu 1 đến Ngã ba đường Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13221	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B, phân hiệu 1 đến Ngã ba đường Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	900	630	540
13222	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B, phân hiệu 1 đến Ngã ba đường Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.400	980	840
13223	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B, phân hiệu 1 đến Ngã ba đường Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	900	630	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13224	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B, phân hiệu 1 đến Ngã ba đường Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	810	570	490
13225	190	Đường Lạc Long Quân	Ngã ba đường Kho Mìn	Đường Quang Trung	Phường Trị An	3.800	2.700	2.300
13226	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba đường Kho Mìn đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.700	1.200	1.000
13227	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba đường Kho Mìn đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13228	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba đường Kho Mìn đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	900	630	540
13229	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba đường Kho Mìn đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.500	1.100	900
13230	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba đường Kho Mìn đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	900	630	540
13231	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba đường Kho Mìn đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	810	570	490
13232	197	Đường Phan Chu Trinh	Đường Quang Trung	Ngã ba Điện lực	Phường Trị An	3.600	2.500	2.200
13233	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quang Trung đến Ngã ba Điện lực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13234	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quang Trung đến Ngã ba Điện lực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13235	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quang Trung đến Ngã ba Điện lực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	960	670	580
13236	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quang Trung đến Ngã ba Điện lực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.600	1.100	960
13237	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quang Trung đến Ngã ba Điện lực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	990	690	590
13238	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quang Trung đến Ngã ba Điện lực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	860	600	520
13239	204	Đường Tôn Đức Thắng	Ngã ba Điện lực	Suối Láng Nguyên	Phường Trị An	3.200	2.200	1.900
13240	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba Điện lực đến Suối Láng Nguyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.600	1.100	960
13241	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba Điện lực đến Suối Láng Nguyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13242	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba Điện lực đến Suối Láng Nguyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13243	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba Điện lực đến Suối Láng Nguyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13244	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba Điện lực đến Suối Láng Nguyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13245	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba Điện lực đến Suối Láng Nguyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	900	630	540
13246	211	Đường Lê Duẩn	Đường Phan Chu Trinh	Đường Võ Văn Tần (ngã ba)	Phường Trị An	2.600	1.800	1.600
13247	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Võ Văn Tần (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13248	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Võ Văn Tần (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13249	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Võ Văn Tần (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	970	680	580
13250	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Võ Văn Tần (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13251	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Võ Văn Tần (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	990	690	590
13252	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Võ Văn Tần (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	870	610	520
13253	218	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lê Đại Hành	Phường Trị An	4.100	2.900	2.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13254	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	2.000	1.400	1.200
13255	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.300	910	780
13256	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13257	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.800	1.300	1.100
13258	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13259	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	990	690	590
13260	225	Đường Kho Mìn	Đường Lạc Long Quân	Kho Mìn	Phường Trị An	2.700	1.900	1.600
13261	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kho Mìn đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.400	980	840
13262	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kho Mìn đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13263	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kho Mìn đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	950	670	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13264	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kho Mìn đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.300	910	780
13265	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kho Mìn đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	990	690	590
13266	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kho Mìn đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	860	600	520
13267	232	Đường Võ Văn Tần	Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên)	Hết ranh chùa Vĩnh An (ngã ba)	Phường Trị An	2.300	1.600	1.400
13268	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Hết ranh chùa Vĩnh An (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13269	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Hết ranh chùa Vĩnh An (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13270	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Hết ranh chùa Vĩnh An (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	940	660	560
13271	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Hết ranh chùa Vĩnh An (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13272	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Hết ranh chùa Vĩnh An (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	990	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13273	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Hết ranh chùa Vĩnh An (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	850	600	510
13274	239	Đường tỉnh 762	Suối láng Nguyên	Ranh giới xã Bàu Hàm	Phường Trị An	2.700	1.900	1.600
13275	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 đoạn từ Suối láng Nguyên đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.300	910	780
13276	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 đoạn từ Suối láng Nguyên đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13277	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 đoạn từ Suối láng Nguyên đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13278	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 đoạn từ Suối láng Nguyên đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13279	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 đoạn từ Suối láng Nguyên đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13280	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 đoạn từ Suối láng Nguyên đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	900	630	540
13281	246	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767)	Ranh giới xã Bàu Hàm	Phường Trị An	2.300	1.600	1.400
13282	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13283	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13284	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	940	660	560
13285	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13286	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	990	690	590
13287	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	850	600	510
13288	253	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767)	Bên phải: hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8. Bên trái: hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 87	Phường Trị An	2.300	1.600	1.400
13289	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8. Bên trái: hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13290	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8. Bên trái: hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13291	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8. Bên trái: hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	940	660	560
13292	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8. Bên trái: hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13293	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8. Bên trái: hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	990	690	590
13294	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8. Bên trái: hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	850	600	510
13295	260	Đường từ Trường TH Cây Gáo cơ sở 2	Đường tỉnh 767	Bên phải: hết ranh thửa đất số 239, tờ bản đồ số 121. Bên trái: hết ranh thửa đất số 694, tờ bản đồ số 121	Phường Trị An	2.400	1.700	1.400
13296	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Trường TH Cây Gáo cơ sở 2 đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 239, tờ bản đồ số 121. Bên trái: hết ranh thửa đất số 694, tờ bản đồ số 121. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13297	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Trường TH Cây Gáo cơ sở 2 đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 239, tờ bản đồ số 121. Bên trái: hết ranh thửa đất số 694, tờ bản đồ số 121. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13298	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Trường TH Cây Gáo cơ sở 2 đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 239, tờ bản đồ số 121. Bên trái: hết ranh thửa đất số 694, tờ bản đồ số 121. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	900	630	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13299	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Trường TH Cây Gáo cơ sở 2 đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 239, tờ bản đồ số 121. Bên trái: hết ranh thửa đất số 694, tờ bản đồ số 121. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13300	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Trường TH Cây Gáo cơ sở 2 đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 239, tờ bản đồ số 121. Bên trái: hết ranh thửa đất số 694, tờ bản đồ số 121. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	900	630	540
13301	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Trường TH Cây Gáo cơ sở 2 đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 239, tờ bản đồ số 121. Bên trái: hết ranh thửa đất số 694, tờ bản đồ số 121. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	810	570	490
13302	267	Đường vào Mỏ đá Cây Gáo	Đường tỉnh 767 đoạn từ ranh xã Vĩnh Tân đến ngã ba Hồ Xuân Hương	Giáp ranh xã Tân An	Phường Trị An	2.400	1.700	1.400
13303	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Mỏ đá Cây Gáo đoạn từ Đường tỉnh 767 đoạn từ ranh xã Vĩnh Tân đến ngã ba Hồ Xuân Hương đến Giáp ranh xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13304	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Mỏ đá Cây Gáo đoạn từ Đường tỉnh 767 đoạn từ ranh xã Vĩnh Tân đến ngã ba Hồ Xuân Hương đến Giáp ranh xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13305	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Mỏ đá Cây Gáo đoạn từ Đường tỉnh 767 đoạn từ ranh xã Vĩnh Tân đến ngã ba Hồ Xuân Hương đến Giáp ranh xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	900	630	540
13306	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Mỏ đá Cây Gáo đoạn từ Đường tỉnh 767 đoạn từ ranh xã Vĩnh Tân đến ngã ba Hồ Xuân Hương đến Giáp ranh xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13307	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Mỏ đá Cây Gáo đoạn từ Đường tỉnh 767 đoạn từ ranh xã Vĩnh Tân đến ngã ba Hồ Xuân Hương đến Giáp ranh xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	900	630	540
13308	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Mỏ đá Cây Gáo đoạn từ Đường tỉnh 767 đoạn từ ranh xã Vĩnh Tân đến ngã ba Hồ Xuân Hương đến Giáp ranh xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	810	570	490
13309	274	Đường Chu Văn An	Đường tỉnh 762	hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66	Phường Trị An	4.000	2.800	2.400
13310	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 18, tờ bản đồ số 66, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66, BĐĐC xã Trị An. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.600	1.100	960
13311	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 18, tờ bản đồ số 66, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66, BĐĐC xã Trị An. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13312	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 18, tờ bản đồ số 66, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66, BĐĐC xã Trị An. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	900	630	540
13313	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 18, tờ bản đồ số 66, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66, BĐĐC xã Trị An. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.400	980	840
13314	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 18, tờ bản đồ số 66, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66, BĐĐC xã Trị An. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13315	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 18, tờ bản đồ số 66, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66, BĐĐC xã Trị An. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	810	570	490
13316	281	Đường Trần Hữu Trang	Đường Quang Trung, Đoạn từ ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến hết Trường THPT Trị An	Đến thửa đất số 52, tờ bản đồ số 67 về bên trái và thửa đất số 110, tờ bản đồ số 67 về bên trái	Phường Trị An	3.000	2.100	1.800
13317	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hữu Trang đoạn từ Đường Quang Trung, Đoạn từ ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến hết Trường THPT Trị An đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.300	910	780
13318	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hữu Trang đoạn từ Đường Quang Trung, Đoạn từ ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến hết Trường THPT Trị An đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13319	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hữu Trang đoạn từ Đường Quang Trung, Đoạn từ ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến hết Trường THPT Trị An đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	900	630	540
13320	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hữu Trang đoạn từ Đường Quang Trung, Đoạn từ ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến hết Trường THPT Trị An đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13321	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hữu Trang đoạn từ Đường Quang Trung, Đoạn từ ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến hết Trường THPT Trị An đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	900	630	540
13322	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hữu Trang đoạn từ Đường Quang Trung, Đoạn từ ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến hết Trường THPT Trị An đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	810	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13323	288	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Hồ Xuân Hương	Cầu Vĩnh An	Phường Trị An	5.400	3.800	3.200
13324	289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Hồ Xuân Hương đến Cầu Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	2.000	1.400	1.200
13325	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Hồ Xuân Hương đến Cầu Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.500	1.100	900
13326	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Hồ Xuân Hương đến Cầu Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	900	630	540
13327	292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Hồ Xuân Hương đến Cầu Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.800	1.300	1.100
13328	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Hồ Xuân Hương đến Cầu Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.400	980	840
13329	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Hồ Xuân Hương đến Cầu Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	810	570	490
13330	295	Đường Nguyễn Tất Thành	Cầu Vĩnh An	Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ	Phường Trị An	8.100	5.700	4.900
13331	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Vĩnh An đến Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	2.800	2.000	1.700
13332	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Vĩnh An đến Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13333	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Vĩnh An đến Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	1.300	910	780
13334	299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Vĩnh An đến Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	2.500	1.800	1.500
13335	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Vĩnh An đến Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.800	1.300	1.100
13336	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Vĩnh An đến Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13337	302	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ	Đường Lê Đại Hành	Phường Trị An	5.900	4.100	3.500
13338	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	2.000	1.400	1.200
13339	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.500	1.100	900
13340	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13341	306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13342	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.400	980	840
13343	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13344	309	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lê Đại Hành	Ngã tư đường Phan Chu Trinh	Phường Trị An	5.000	3.500	3.000
13345	310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Ngã tư Đập Tràn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.900	1.300	1.100
13346	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Ngã tư Đập Tràn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13347	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Ngã tư Đập Tràn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13348	313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Ngã tư Đập Tràn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.700	1.200	1.000
13349	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Ngã tư Đập Tràn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13350	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Ngã tư Đập Tràn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	900	630	540
13351	316	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã tư đường Phan Chu Trinh	Ngã ba Đập Tràn	Phường Trị An	4.100	2.900	2.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13352	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư đập tràn đến Cổng công ty thủy điện Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	2.000	1.400	1.200
13353	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư đập tràn đến Cổng công ty thủy điện Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.400	980	840
13354	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư đập tràn đến Cổng công ty thủy điện Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13355	320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư đập tràn đến Cổng công ty thủy điện Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.800	1.300	1.100
13356	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư đập tràn đến Cổng công ty thủy điện Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.300	910	780
13357	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư đập tràn đến Cổng công ty thủy điện Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13358	323	Đường Quang Trung	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết trường THPT Trị An	Phường Trị An	5.900	4.100	3.500
13359	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết trường THPT Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.900	1.300	1.100
13360	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết trường THPT Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13361	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết trường THPT Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13362	327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết trường THPT Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.700	1.200	1.000
13363	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết trường THPT Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13364	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết trường THPT Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	900	630	540
13365	330	Đường Quang Trung	Trường THPT Trị An	Cầu Đồng Nai	Phường Trị An	5.400	3.800	3.200
13366	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Trường THPT Trị An đến Cầu Đồng Nai (cầu Cứng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.900	1.300	1.100
13367	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Trường THPT Trị An đến Cầu Đồng Nai (cầu Cứng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.300	910	780
13368	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Trường THPT Trị An đến Cầu Đồng Nai (cầu Cứng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13369	334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Trường THPT Trị An đến Cầu Đồng Nai (cầu Cứng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13370	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Trường THPT Trị An đến Cầu Đồng Nai (cầu Cứng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13371	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Trường THPT Trị An đến Cầu Đồng Nai (cầu Cứng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	900	630	540
13372	337	Đường Quang Trung	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nguyễn Trung Trực	Phường Trị An	5.900	4.100	3.500
13373	338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	2.000	1.400	1.200
13374	339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.500	1.100	900
13375	340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13376	341	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.800	1.300	1.100
13377	342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.400	980	840
13378	343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13379	344	Đường Quang Trung	Đường bổ sung liên khu phố 1,2	Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên)	Phường Trị An	2.900	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13380	345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường bổ sung liên khu phố 1,2 đến Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.400	980	840
13381	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường bổ sung liên khu phố 1,2 đến Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.300	910	780
13382	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường bổ sung liên khu phố 1,2 đến Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13383	348	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường bổ sung liên khu phố 1,2 đến Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.300	910	780
13384	349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường bổ sung liên khu phố 1,2 đến Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13385	350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường bổ sung liên khu phố 1,2 đến Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	990	690	590
13386	351	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Quang Trung	Đường Phan Chu Trinh	Phường Trị An	3.000	2.100	1.800
13387	352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.500	1.100	900
13388	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13389	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	900	630	540
13390	355	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.400	980	840
13391	356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13392	357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	810	570	490
13393	358	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Lê Đại Hành, đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Hoàng Văn Thụ (Ngã ba có tiệm sửa xe)	Bên phải: hết ranh thửa đất số 388, tờ bản đồ số 91. Bên trái: hết ranh thửa đất số 289, tờ bản đồ số 91	Phường Trị An	3.800	2.700	2.300
13394	359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Lê Đại Hành, đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Hoàng Văn Thụ (Ngã ba có tiệm sửa xe) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 388, tờ bản đồ số 91. Bên trái: hết ranh thửa đất số 289, tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.600	1.100	960
13395	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Lê Đại Hành, đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Hoàng Văn Thụ (Ngã ba có tiệm sửa xe) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 388, tờ bản đồ số 91. Bên trái: hết ranh thửa đất số 289, tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13396	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Lê Đại Hành, đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Hoàng Văn Thụ (Ngã ba có tiệm sửa xe) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 388, tờ bản đồ số 91. Bên trái: hết ranh thửa đất số 289, tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	1.000	700	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13397	362	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Lê Đại Hành, đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Hoàng Văn Thụ (Ngã ba có tiệm sửa xe) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 388, tờ bản đồ số 91. Bên trái: hết ranh thửa đất số 289, tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.400	980	840
13398	363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Lê Đại Hành, đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Hoàng Văn Thụ (Ngã ba có tiệm sửa xe) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 388, tờ bản đồ số 91. Bên trái: hết ranh thửa đất số 289, tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13399	364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Lê Đại Hành, đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Hoàng Văn Thụ (Ngã ba có tiệm sửa xe) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 388, tờ bản đồ số 91. Bên trái: hết ranh thửa đất số 289, tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trị An	900	630	540
13400	365	Đường Bà Huyện Thanh Quan	Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767)	Đường Nguyễn Trung Trực	Phường Trị An	4.300	3.000	2.600
13401	366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Huyện Thanh Quan đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.600	1.100	960
13402	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Huyện Thanh Quan đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13403	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Huyện Thanh Quan đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13404	369	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Huyện Thanh Quan đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13405	370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Huyện Thanh Quan đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13406	371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Huyện Thanh Quan đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	900	630	540
13407	372	Đường Ngô Quyền	Đường tỉnh 762	Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường Tôn Đức Thắng)	Phường Trị An	3.600	2.500	2.200
13408	373	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Lê Đại Hành(đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường Tôn Đức Thắng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.800	1.300	1.100
13409	374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Lê Đại Hành(đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường Tôn Đức Thắng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13410	375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Lê Đại Hành(đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường Tôn Đức Thắng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	950	670	570
13411	376	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Lê Đại Hành(đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường Tôn Đức Thắng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.600	1.100	960
13412	377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Lê Đại Hành(đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường Tôn Đức Thắng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	990	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13413	378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Lê Đại Hành(đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường Tôn Đức Thắng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	860	600	520
13414	379	Đường Lê Đại Hành	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Trị An	4.100	2.900	2.500
13415	380	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	2.000	1.400	1.200
13416	381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13417	382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13418	383	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.800	1.300	1.100
13419	384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13420	385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	990	690	590
13421	386	Đường liên khu phố 1 - 2 của thị trấn Vĩnh An (cũ)	Đường Lê Đại Hành	Đường Quang Trung	Phường Trị An	2.400	1.700	1.400
13422	387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 1 - 2 của thị trấn Vĩnh An đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13423	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 1 - 2 của thị trấn Vĩnh An đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13424	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 1 - 2 của thị trấn Vĩnh An đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	900	630	540
13425	390	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 1 - 2 của thị trấn Vĩnh An đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13426	391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 1 - 2 của thị trấn Vĩnh An đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	900	630	540
13427	392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 1 - 2 của thị trấn Vĩnh An đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	810	570	490
13428	393	Đường Phan Đình Phùng	Đầu hẻm tổ 11 khu phố 2	Đường Quang Trung (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến suối Hồ Đồng Lớn)	Phường Trị An	2.400	1.700	1.400
13429	394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đầu hẻm tổ 11 khu phố 2 đến Đường Quang Trung (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến suối Hồ Đồng Lớn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13430	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đầu hẻm tổ 11 khu phố 2 đến Đường Quang Trung (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến suối Hồ Đồng Lớn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.000	700	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13431	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đầu hẻm tổ 11 khu phố 2 đến Đường Quang Trung (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến suối Hồ Đồng Lớn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	900	630	540
13432	397	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đầu hẻm tổ 11 khu phố 2 đến Đường Quang Trung (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến suối Hồ Đồng Lớn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13433	398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đầu hẻm tổ 11 khu phố 2 đến Đường Quang Trung (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến suối Hồ Đồng Lớn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	900	630	540
13434	399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đầu hẻm tổ 11 khu phố 2 đến Đường Quang Trung (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến suối Hồ Đồng Lớn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	810	570	490
13435	400	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Lê Đại Hành	Bên phải: hết ranh thửa đất số 315, tờ bản đồ số 61. Bên trái: hết ranh thửa đất số 389, tờ bản đồ số 62	Phường Trị An	2.400	1.700	1.400
13436	401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 315, tờ bản đồ số 61. Bên trái: hết ranh thửa đất số 389, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13437	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 315, tờ bản đồ số 61. Bên trái: hết ranh thửa đất số 389, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13438	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 315, tờ bản đồ số 61. Bên trái: hết ranh thửa đất số 389, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	670	470	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13439	404	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 315, tờ bản đồ số 61. Bên trái: hết ranh thửa đất số 389, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13440	405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 315, tờ bản đồ số 61. Bên trái: hết ranh thửa đất số 389, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13441	406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 315, tờ bản đồ số 61. Bên trái: hết ranh thửa đất số 389, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trị An	600	420	360
13442	407	Đường Trung tâm Khu phố 2	Ngã tư chùa Vĩnh An	Đường Nguyễn Trung Trực	Phường Trị An	2.400	1.700	1.400
13443	408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm Khu phố 2 đoạn từ Ngã tư chùa Vĩnh An đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13444	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm Khu phố 2 đoạn từ Ngã tư chùa Vĩnh An đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13445	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm Khu phố 2 đoạn từ Ngã tư chùa Vĩnh An đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	900	630	540
13446	411	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm Khu phố 2 đoạn từ Ngã tư chùa Vĩnh An đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13447	412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm Khu phố 2 đoạn từ Ngã tư chùa Vĩnh An đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	900	630	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13448	413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm Khu phố 2 đoạn từ Ngã tư chùa Vĩnh An đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	810	570	490
13449	414	Đường Lý Thái Tổ	Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên)	Bên phải: hết ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 61. Bên trái: hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 61	Phường Trị An	2.600	1.800	1.600
13450	415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 61. Bên trái: hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13451	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 61. Bên trái: hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13452	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 61. Bên trái: hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	970	680	580
13453	418	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 61. Bên trái: hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13454	419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 61. Bên trái: hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	990	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13455	420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 61. Bên trái: hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Phường Trị An	870	610	520
13456	421	Hương lộ 24	Đường tỉnh 762	Giáp ranh xã Bàu Hàm	Phường Trị An	2.100	1.500	1.300
13457	422	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.050	740	630
13458	423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	770	540	460
13459	424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	700	490	420
13460	425	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	950	670	570
13461	426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	750	530	450
13462	427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	630	440	380
13463	428	Đường Chu Văn An	Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66	Đường tỉnh 768	Phường Trị An	3.000	2.100	1.800
13464	429	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13465	430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13466	431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	900	630	540
13467	432	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.400	980	840
13468	433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.000	700	600
13469	434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	810	570	490
13470	435	Đường Lê Đại Hành	Nguyễn Tất Thành	Hoàng Văn Thụ	Phường Trị An	4.500	3.150	2.700
13471	436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	2.000	1.400	1.200
13472	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.200	840	720
13473	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13474	439	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	1.800	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13475	440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	1.100	770	660
13476	441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	990	690	590
13477	442	Đường Trị An - Tân An	Đường tỉnh 768	Giáp ranh xã Tân An (tại khu thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 về phía bên tay phải)	Phường Trị An	1.200	840	720
13478	443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trị An - Tân An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh xã Tân An (tại khu thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 về phía bên tay phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	500	350	300
13479	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trị An - Tân An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh xã Tân An (tại khu thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 về phía bên tay phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	430	300	260
13480	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trị An - Tân An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh xã Tân An (tại khu thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 về phía bên tay phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	290	200	170
13481	446	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trị An - Tân An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh xã Tân An (tại khu thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 về phía bên tay phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	450	320	270
13482	447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trị An - Tân An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh xã Tân An (tại khu thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 về phía bên tay phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	390	270	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13483	448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trị An - Tân An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh xã Tân An (tại khu thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 về phía bên tay phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	260	180	160
13484	1	Đường tỉnh 768	Giáp ranh phường Trảng Dài	Cầu Thủ Biên	Xã Tân An, Phường Trảng Dài	5.600	3.900	3.400
13485	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Dài đến Cầu Thủ Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An, Phường Trảng Dài	2.100	1.500	1.300
13486	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Dài đến Cầu Thủ Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An, Phường Trảng Dài	1.300	910	780
13487	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Dài đến Cầu Thủ Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An, Phường Trảng Dài	1.100	770	660
13488	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Dài đến Cầu Thủ Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An, Phường Trảng Dài	1.900	1.300	1.100
13489	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Dài đến Cầu Thủ Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An, Phường Trảng Dài	1.200	840	720
13490	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Dài đến Cầu Thủ Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An, Phường Trảng Dài	990	690	590
13491	8	Đường tỉnh 768	Cầu Thủ Biên	Đường vào bến đò Đại An	Xã Tân An	4.300	3.000	2.600
13492	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Thủ Biên đến Đường vào bến đò Đại An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13493	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Thủ Biên đến Đường vào bến đò Đại An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.200	840	720
13494	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Thủ Biên đến Đường vào bến đò Đại An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	930	650	560
13495	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Thủ Biên đến Đường vào bến đò Đại An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.400	980	840
13496	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Thủ Biên đến Đường vào bến đò Đại An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.100	770	660
13497	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Thủ Biên đến Đường vào bến đò Đại An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	840	590	500
13498	15	Đường tỉnh 768	Đường vào bến đò Đại An	Cầu Chùm Bao	Xã Tân An	3.300	2.300	2.000
13499	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường vào bến đò Đại An đến Cầu Chùm Bao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.300	910	780
13500	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường vào bến đò Đại An đến Cầu Chùm Bao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.100	770	660
13501	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường vào bến đò Đại An đến Cầu Chùm Bao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	860	600	520
13502	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường vào bến đò Đại An đến Cầu Chùm Bao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13503	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường vào bến đò Đại An đến Cầu Chùm Bao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	990	690	590
13504	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường vào bến đò Đại An đến Cầu Chùm Bao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	770	540	460
13505	22	Đường tỉnh 768	Cầu Chùm Bao	Cầu Bà Giá (Cầu 19)	Xã Tân An	2.400	1.700	1.400
13506	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Chùm Bao đến Cầu Bà Giá (Cầu 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.200	840	720
13507	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Chùm Bao đến Cầu Bà Giá (Cầu 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	930	650	560
13508	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Chùm Bao đến Cầu Bà Giá (Cầu 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	800	560	480
13509	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Chùm Bao đến Cầu Bà Giá (Cầu 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.100	770	660
13510	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Chùm Bao đến Cầu Bà Giá (Cầu 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	840	590	500
13511	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Chùm Bao đến Cầu Bà Giá (Cầu 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	720	500	430
13512	29	Đường ấp 3 (cũ)	Đường tỉnh 768	Đường Cộ - Cây Xoài	Xã Tân An	2.800	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13513	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.400	980	840
13514	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.100	770	660
13515	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	980	690	590
13516	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.300	910	780
13517	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	990	690	590
13518	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	880	620	530
13519	36	Đường Cộ - Cây Xoài	Đường tỉnh 768	Khu tái định cư 3,8 ha	Xã Tân An	2.800	2.000	1.700
13520	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Khu tái định cư 3,8 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.400	980	840
13521	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Khu tái định cư 3,8 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.200	840	720
13522	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Khu tái định cư 3,8 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	1.000	700	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13523	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Khu tái định cư 3,8 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.300	910	780
13524	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Khu tái định cư 3,8 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.100	770	660
13525	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Khu tái định cư 3,8 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	900	630	540
13526	43	Đường Cộ - Cây Xoài	Khu tái định cư 3,8 ha	Cầu số 1	Xã Tân An	2.400	1.700	1.400
13527	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Khu tái định cư 3,8 ha đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.200	840	720
13528	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Khu tái định cư 3,8 ha đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	980	690	590
13529	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Khu tái định cư 3,8 ha đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	700	490	420
13530	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Khu tái định cư 3,8 ha đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.100	770	660
13531	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Khu tái định cư 3,8 ha đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	880	620	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13532	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Khu tái định cư 3,8 ha đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	630	440	380
13533	50	Đường Cộ - Cây Xoài	Cầu số 1	Đường tỉnh 767	Xã Tân An	2.800	2.000	1.700
13534	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Cầu số 1 đến Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.400	980	840
13535	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Cầu số 1 đến Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.200	840	720
13536	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Cầu số 1 đến Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	1.000	700	600
13537	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Cầu số 1 đến Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.300	910	780
13538	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Cầu số 1 đến Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.100	770	660
13539	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Cầu số 1 đến Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	900	630	540
13540	57	Đường Kênh N3	Giáp ranh giữa xã Tân An và Phường Trảng Dài	Giáp ranh xã Bình Minh	Xã Tân An	2.000	1.400	1.200
13541	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kênh N3 đoạn từ Giáp ranh giữa xã Tân An và Phường Trảng Dài đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	950	670	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13542	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kênh N3 đoạn từ Giáp ranh giữa xã Tân An và Phường Trảng Dài đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	810	570	490
13543	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kênh N3 đoạn từ Giáp ranh giữa xã Tân An và Phường Trảng Dài đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	680	480	410
13544	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kênh N3 đoạn từ Giáp ranh giữa xã Tân An và Phường Trảng Dài đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	860	600	520
13545	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kênh N3 đoạn từ Giáp ranh giữa xã Tân An và Phường Trảng Dài đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	730	510	440
13546	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kênh N3 đoạn từ Giáp ranh giữa xã Tân An và Phường Trảng Dài đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	610	430	370
13547	64	Đường Bến Xúc	Đường Cộ - Cây Xoài	Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD)	Xã Tân An	3.200	2.200	1.900
13548	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Xúc đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.600	1.100	960
13549	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Xúc đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13550	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Xúc đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	780	550	470
13551	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Xúc đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.400	980	840
13552	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Xúc đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.000	700	600
13553	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Xúc đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	700	490	420
13554	71	Đường Bến Xúc	Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD)	Hết trạm biến áp 500KV Sông Mây	Xã Tân An	2.300	1.600	1.400
13555	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Xúc đoạn từ Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) đến Hết trạm biến áp 500KV Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.200	840	720
13556	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Xúc đoạn từ Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) đến Hết trạm biến áp 500KV Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	900	630	540
13557	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Xúc đoạn từ Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) đến Hết trạm biến áp 500KV Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	730	510	440
13558	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Xúc đoạn từ Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) đến Hết trạm biến áp 500KV Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13559	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Xúc đoạn từ Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) đến Hết trạm biến áp 500KV Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	810	570	490
13560	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Xúc đoạn từ Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) đến Hết trạm biến áp 500KV Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Tân An	660	460	400
13561	78	Đường Tân An - Vĩnh Tân	Đường tỉnh 767	Đường vào chùa Vĩnh Phước	Xã Tân An	3.400	2.400	2.000
13562	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Đường vào chùa Vĩnh Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.100	770	660
13563	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Đường vào chùa Vĩnh Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	920	640	550
13564	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Đường vào chùa Vĩnh Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	800	560	480
13565	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Đường vào chùa Vĩnh Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.000	700	600
13566	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Đường vào chùa Vĩnh Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	830	580	500
13567	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Đường vào chùa Vĩnh Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	720	500	430
13568	85	Đường Tân An - Vĩnh Tân	Đường vào chùa Vĩnh Phước	Trung tâm ấp 5 (cũ)	Xã Tân An	2.900	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13569	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường vào chùa Vĩnh Phước đến Trung tâm ấp 5 (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	990	690	590
13570	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường vào chùa Vĩnh Phước đến Trung tâm ấp 5 (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	700	490	420
13571	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường vào chùa Vĩnh Phước đến Trung tâm ấp 5 (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	590	410	350
13572	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường vào chùa Vĩnh Phước đến Trung tâm ấp 5 (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	890	620	530
13573	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường vào chùa Vĩnh Phước đến Trung tâm ấp 5 (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	630	440	380
13574	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường vào chùa Vĩnh Phước đến Trung tâm ấp 5 (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Tân An	530	370	320
13575	92	Đường Tân An - Vĩnh Tân	Trung tâm ấp 5	Đường Trị An - Vĩnh Tân	Xã Tân An	2.500	1.800	1.500
13576	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Trung tâm ấp 5 đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.000	700	600
13577	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Trung tâm ấp 5 đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	760	530	460

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13578	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Trung tâm ấp 5 đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	630	440	380
13579	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Trung tâm ấp 5 đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	900	630	540
13580	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Trung tâm ấp 5 đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	680	480	410
13581	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Trung tâm ấp 5 đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	570	400	340
13582	99	Đường Tân An - Vĩnh Tân	Đường Trị An - Vĩnh Tân	Đường tỉnh 768	Xã Tân An	2.500	1.800	1.500
13583	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.100	770	660
13584	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	900	630	540
13585	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	780	550	470
13586	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.000	700	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13587	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	810	570	490
13588	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	700	490	420
13589	106	Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (cũ)	Đường Cộ - Cây Xoài	Đường Trị An-Vĩnh Tân	Xã Tân An	1.700	1.200	1.000
13590	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (cũ) đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Đường Trị An-Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	840	590	500
13591	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (cũ) đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Đường Trị An-Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	700	490	420
13592	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (cũ) đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Đường Trị An-Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	560	390	340
13593	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (cũ) đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Đường Trị An-Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	760	530	460
13594	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (cũ) đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Đường Trị An-Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	630	440	380
13595	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (cũ) đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Đường Trị An-Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Tân An	500	350	300
13596	113	Đường hồ Mo Nang	Đường Tân An - Vĩnh Tân	Đường Cộ - Cây Xoài	Xã Tân An	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13597	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hồ Mo Nang đoạn từ Đường Tân An - Vĩnh Tân đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	840	590	500
13598	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hồ Mo Nang đoạn từ Đường Tân An - Vĩnh Tân đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	700	490	420
13599	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hồ Mo Nang đoạn từ Đường Tân An - Vĩnh Tân đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	560	390	340
13600	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hồ Mo Nang đoạn từ Đường Tân An - Vĩnh Tân đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	760	530	460
13601	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hồ Mo Nang đoạn từ Đường Tân An - Vĩnh Tân đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	630	440	380
13602	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hồ Mo Nang đoạn từ Đường Tân An - Vĩnh Tân đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	500	350	300
13603	120	Đường Suối Ngang	Đường tỉnh 768	Đường Tân An - Vĩnh Tân	Xã Tân An	1.700	1.200	1.000
13604	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Ngang đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	840	590	500
13605	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Ngang đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	700	490	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13606	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Ngang đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	560	390	340
13607	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Ngang đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	760	530	460
13608	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Ngang đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	630	440	380
13609	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Ngang đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	500	350	300
13610	127	Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp	Đường tỉnh 767	Cây xăng Tín Nghĩa	Xã Tân An	4.200	2.900	2.500
13611	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.400	980	840
13612	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.100	770	660
13613	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	980	690	590
13614	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13615	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	990	690	590
13616	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	880	620	530
13617	134	Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp	Cây xăng Tín Nghĩa	Giáp ranh Phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm	Xã Tân An	3.500	2.500	2.100
13618	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Cây xăng Tín Nghĩa đến Giáp ranh Phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.400	980	840
13619	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Cây xăng Tín Nghĩa đến Giáp ranh Phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.000	700	600
13620	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Cây xăng Tín Nghĩa đến Giáp ranh Phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	840	590	500
13621	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Cây xăng Tín Nghĩa đến Giáp ranh Phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.300	910	780
13622	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Cây xăng Tín Nghĩa đến Giáp ranh Phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	900	630	540
13623	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Cây xăng Tín Nghĩa đến Giáp ranh Phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Tân An	760	530	460
13624	141	Đường Sở Quýt	Đường tỉnh 768	Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên (tính từ Đường tỉnh 768 đi vào)	Xã Tân An	3.500	2.500	2.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13625	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên (tính từ Đường tỉnh 768 đi vào) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.700	1.200	1.000
13626	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên (tính từ Đường tỉnh 768 đi vào) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.400	980	840
13627	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên (tính từ Đường tỉnh 768 đi vào) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	1.100	770	660
13628	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên (tính từ Đường tỉnh 768 đi vào) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.500	1.100	900
13629	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên (tính từ Đường tỉnh 768 đi vào) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.300	910	780
13630	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên (tính từ Đường tỉnh 768 đi vào) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	990	690	590
13631	148	Đường tỉnh 767	Giáp ranh Phường Trảng Bom	Giáp ranh phường Trị An	Xã Tân An	5.400	3.800	3.200
13632	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Giáp ranh phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.600	1.100	960
13633	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Giáp ranh phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13634	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Giáp ranh phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	900	630	540
13635	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Giáp ranh phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.400	980	840
13636	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Giáp ranh phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.000	700	600
13637	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Giáp ranh phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Tân An	810	570	490
13638	155	Đường tỉnh 767	Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây	Cầu suối Đá Bàn	Xã Tân An	6.500	4.600	3.900
13639	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây đến Cầu suối Đá Bàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.700	1.200	1.000
13640	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây đến Cầu suối Đá Bàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.300	910	780
13641	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây đến Cầu suối Đá Bàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	1.000	700	600
13642	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây đến Cầu suối Đá Bàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.500	1.100	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13643	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây đến Cầu suối Đá Bàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.200	840	720
13644	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây đến Cầu suối Đá Bàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	900	630	540
13645	162	Đường tỉnh 767	Giáp ranh phường Trảng Bom	Giáp ranh Phường Trị An	Xã Tân An	6.000	4.200	3.600
13646	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Bom đến Giáp ranh Phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.700	1.200	1.000
13647	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Bom đến Giáp ranh Phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.300	910	780
13648	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Bom đến Giáp ranh Phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	900	630	540
13649	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Bom đến Giáp ranh Phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.500	1.100	900
13650	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Bom đến Giáp ranh Phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.200	840	720
13651	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Bom đến Giáp ranh Phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Tân An	810	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13652	169	Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới)	Đường tỉnh 767	Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 122 về bên phải	Xã Tân An	2.600	1.800	1.600
13653	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 122 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.300	910	780
13654	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 122 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.000	700	600
13655	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 122 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	650	460	390
13656	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 122 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.200	840	720
13657	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 122 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	900	630	540
13658	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 122 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Tân An	590	410	350
13659	176	Đường Trị An-Vĩnh Tân	đường tỉnh 767	đường Tân An - Vĩnh Tân	Xã Tân An	2.800	2.000	1.700
13660	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trị An-Vĩnh Tân đoạn từ đường tỉnh 767 đến đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13661	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trị An-Vĩnh Tân đoạn từ đường tỉnh 767 đến đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.200	840	720
13662	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trị An-Vĩnh Tân đoạn từ đường tỉnh 767 đến đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	1.000	700	600
13663	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trị An-Vĩnh Tân đoạn từ đường tỉnh 767 đến đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	1.300	910	780
13664	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trị An-Vĩnh Tân đoạn từ đường tỉnh 767 đến đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	1.100	770	660
13665	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trị An-Vĩnh Tân đoạn từ đường tỉnh 767 đến đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	900	630	540
13666	1	Đường tỉnh 761	Giáp ranh Phường Trị An	Cầu suối Kóp	Xã Phú Lý	1.200	840	720
13667	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Giáp ranh Phường Trị An đến Cầu suối Kóp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	500	350	300
13668	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Giáp ranh Phường Trị An đến Cầu suối Kóp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	430	300	260
13669	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Giáp ranh Phường Trị An đến Cầu suối Kóp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	290	200	170
13670	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Giáp ranh Phường Trị An đến Cầu suối Kóp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13671	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Giáp ranh Phường Trị An đến Cầu suối Kóp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	390	270	230
13672	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Giáp ranh Phường Trị An đến Cầu suối Kóp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Lý	260	180	160
13673	8	Đường tỉnh 761	Cầu suối Kóp	Hết chợ Phú Lý	Xã Phú Lý	1.400	980	840
13674	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Cầu suối Kóp đến Hết chợ Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	700	490	420
13675	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Cầu suối Kóp đến Hết chợ Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	420	290	250
13676	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Cầu suối Kóp đến Hết chợ Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	280	200	170
13677	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Cầu suối Kóp đến Hết chợ Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	630	440	380
13678	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Cầu suối Kóp đến Hết chợ Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	380	270	230
13679	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Cầu suối Kóp đến Hết chợ Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	250	180	150
13680	15	Đường tỉnh 761	Hết chợ Phú Lý	Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý	Xã Phú Lý	980	690	590
13681	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết chợ Phú Lý đến Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	490	340	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13682	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết chợ Phú Lý đến Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	420	290	250
13683	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết chợ Phú Lý đến Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	280	200	170
13684	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết chợ Phú Lý đến Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	440	310	260
13685	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết chợ Phú Lý đến Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	380	270	230
13686	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết chợ Phú Lý đến Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	250	180	150
13687	22	Đường tỉnh 761	Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý	Ngã tư đường 322A	Xã Phú Lý	980	690	590
13688	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến Ngã tư đường 322A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	490	340	290
13689	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến Ngã tư đường 322A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	420	290	250
13690	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến Ngã tư đường 322A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	280	200	170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13691	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến Ngã tư đường 322A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	440	310	260
13692	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến Ngã tư đường 322A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	380	270	230
13693	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến Ngã tư đường 322A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	250	180	150
13694	29	Đường tỉnh 761	Ngã tư đường 322A	Ngã ba đường 322B	Xã Phú Lý	700	490	420
13695	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã tư đường 322A đến Ngã ba đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	350	250	210
13696	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã tư đường 322A đến Ngã ba đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	280	200	170
13697	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã tư đường 322A đến Ngã ba đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	220	150	130
13698	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã tư đường 322A đến Ngã ba đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	320	220	190
13699	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã tư đường 322A đến Ngã ba đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	250	180	150
13700	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã tư đường 322A đến Ngã ba đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13701	36	Đường tỉnh 761	Ngã ba đường 322B	Hết ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai	Xã Phú Lý	700	490	420
13702	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba đường 322B đến Hết ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	350	250	210
13703	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba đường 322B đến Hết ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	280	200	170
13704	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba đường 322B đến Hết ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	210	150	130
13705	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba đường 322B đến Hết ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	320	220	190
13706	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba đường 322B đến Hết ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	250	180	150
13707	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba đường 322B đến Hết ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	190	130	110
13708	43	Đường Bàu Điền	Đường tỉnh 761	Hết ranh thửa đất số 206 về bên phải và hết ranh thửa đất số 225 về bên trái tờ bản đồ số 27	Xã Phú Lý	630	440	380
13709	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Điền đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Hết ranh thửa đất số 206 về bên phải và hết ranh thửa đất số 225 về bên trái tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	320	220	190

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13710	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Điền đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Hết ranh thửa đất số 206 về bên phải và hết ranh thửa đất số 225 về bên trái tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	250	180	150
13711	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Điền đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Hết ranh thửa đất số 206 về bên phải và hết ranh thửa đất số 225 về bên trái tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	230	160	140
13712	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Điền đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Hết ranh thửa đất số 206 về bên phải và hết ranh thửa đất số 225 về bên trái tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	290	200	170
13713	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Điền đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Hết ranh thửa đất số 206 về bên phải và hết ranh thửa đất số 225 về bên trái tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	230	160	140
13714	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Điền đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Hết ranh thửa đất số 206 về bên phải và hết ranh thửa đất số 225 về bên trái tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Lý	210	150	130
13715	50	Đường vào khu khuyến khích phát triển chăn nuôi	Đường tỉnh 761	Điểm cuối là hết thửa đất số 10 tờ bản đồ số 37	Xã Phú Lý	680	480	410
13716	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu khuyến khích phát triển chăn nuôi đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Điểm cuối là hết thửa đất số 10 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	340	240	200
13717	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu khuyến khích phát triển chăn nuôi đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Điểm cuối là hết thửa đất số 10 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	270	190	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13718	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu khuyến khích phát triển chăn nuôi đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Điểm cuối là hết thửa đất số 10 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	240	170	140
13719	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu khuyến khích phát triển chăn nuôi đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Điểm cuối là hết thửa đất số 10 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	310	220	190
13720	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu khuyến khích phát triển chăn nuôi đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Điểm cuối là hết thửa đất số 10 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	240	170	140
13721	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu khuyến khích phát triển chăn nuôi đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Điểm cuối là hết thửa đất số 10 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Lý	220	150	130
13722	57	Đường 322B	Đường tỉnh 761(đoạn giáp ranh Phường Trị An đến cầu suối Kóp)	Đường tỉnh 761 (Đoạn từ ngã ba đường 322B đến ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai)	Xã Phú Lý	670	470	400
13723	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 322B đoạn từ Đường tỉnh 761(đoạn giáp ranh Phường Trị An đến cầu suối Kóp) đến Đường tỉnh 761 (Đoạn từ ngã ba đường 322B đến ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	280	200	170
13724	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 322B đoạn từ Đường tỉnh 761(đoạn giáp ranh Phường Trị An đến cầu suối Kóp) đến Đường tỉnh 761 (Đoạn từ ngã ba đường 322B đến ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	220	150	130
13725	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 322B đoạn từ Đường tỉnh 761(đoạn giáp ranh Phường Trị An đến cầu suối Kóp) đến Đường tỉnh 761 (Đoạn từ ngã ba đường 322B đến ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13726	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 322B đoạn từ Đường tỉnh 761(đoạn giáp ranh Phường Trị An đến cầu suối Kóp) đến Đường tỉnh 761 (Đoạn từ ngã ba đường 322B đến ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	250	180	150
13727	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 322B đoạn từ Đường tỉnh 761(đoạn giáp ranh Phường Trị An đến cầu suối Kóp) đến Đường tỉnh 761 (Đoạn từ ngã ba đường 322B đến ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	200	140	120
13728	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 322B đoạn từ Đường tỉnh 761(đoạn giáp ranh Phường Trị An đến cầu suối Kóp) đến Đường tỉnh 761 (Đoạn từ ngã ba đường 322B đến ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Lý	180	130	110
13729	64	Đường 322A	Đường tỉnh 761 (đoạn hết chợ Phú Lý đến Trung tâm Văn hóa xã)	Đường tỉnh 761 (đoạn từ ngã tư đường 322A đến ngã ba đường 322B)	Xã Phú Lý	620	430	370
13730	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 322A đoạn từ Đường tỉnh 761 (đoạn hết chợ Phú Lý đến Trung tâm Văn hóa xã) đến Đường tỉnh 761 (đoạn từ ngã tư đường 322A đến ngã ba đường 322B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	280	200	170
13731	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 322A đoạn từ Đường tỉnh 761 (đoạn hết chợ Phú Lý đến Trung tâm Văn hóa xã) đến Đường tỉnh 761 (đoạn từ ngã tư đường 322A đến ngã ba đường 322B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	220	150	130
13732	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 322A đoạn từ Đường tỉnh 761 (đoạn hết chợ Phú Lý đến Trung tâm Văn hóa xã) đến Đường tỉnh 761 (đoạn từ ngã tư đường 322A đến ngã ba đường 322B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	200	140	120
13733	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 322A đoạn từ Đường tỉnh 761 (đoạn hết chợ Phú Lý đến Trung tâm Văn hóa xã) đến Đường tỉnh 761 (đoạn từ ngã tư đường 322A đến ngã ba đường 322B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	250	180	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13734	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 322A đoạn từ Đường tỉnh 761 (đoạn hết chợ Phú Lý đến Trung tâm Văn hóa xã) đến Đường tỉnh 761 (đoạn từ ngã tư đường 322A đến ngã ba đường 322B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	200	140	120
13735	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 322A đoạn từ Đường tỉnh 761 (đoạn hết chợ Phú Lý đến Trung tâm Văn hóa xã) đến Đường tỉnh 761 (đoạn từ ngã tư đường 322A đến ngã ba đường 322B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	180	130	110
13736	71	Đường Trảng Tranh	Đường tỉnh 761	Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh (xã Phú Lý)	Xã Phú Lý	560	390	340
13737	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Tranh đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh (xã Phú Lý) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	280	200	170
13738	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Tranh đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh (xã Phú Lý) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	220	150	130
13739	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Tranh đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh (xã Phú Lý) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	200	140	120
13740	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Tranh đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh (xã Phú Lý) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	250	180	150
13741	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Tranh đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh (xã Phú Lý) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13742	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Tranh đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh (xã Phú Lý) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	180	130	110
13743	78	Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh	Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý	Ranh code 62 của Hồ Trị An	Xã Phú Lý	560	390	340
13744	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đoạn từ Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý đến Ranh code 62 của Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	280	200	170
13745	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đoạn từ Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý đến Ranh code 62 của Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	220	150	130
13746	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đoạn từ Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý đến Ranh code 62 của Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	200	140	120
13747	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đoạn từ Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý đến Ranh code 62 của Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	250	180	150
13748	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đoạn từ Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý đến Ranh code 62 của Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	200	140	120
13749	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đoạn từ Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý đến Ranh code 62 của Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Lý	180	130	110
13750	85	Đường Bình Chánh - Cây Cầy	Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh	Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ)	Xã Phú Lý	560	390	340

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13751	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Chánh - Cây Cầy đoạn từ Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đến Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	280	200	170
13752	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Chánh - Cây Cầy đoạn từ Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đến Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	220	150	130
13753	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Chánh - Cây Cầy đoạn từ Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đến Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	200	140	120
13754	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Chánh - Cây Cầy đoạn từ Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đến Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	250	180	150
13755	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Chánh - Cây Cầy đoạn từ Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đến Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	200	140	120
13756	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Chánh - Cây Cầy đoạn từ Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đến Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Lý	180	130	110
13757	92	Đường Cây Cầy đi Long Thành	Đường Bình Chánh - Cây Cầy	Bên phải: hết ranh thửa đất số 13, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý. Bên trái: hết ranh thửa đất số 05, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý	Xã Phú Lý	560	390	340
13758	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Cầy đi Long Thành đoạn từ Đường Bình Chánh - Cây Cầy đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 13, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý. Bên trái: hết ranh thửa đất số 05, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	280	200	170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13759	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Cầy đi Long Thành đoạn từ Đường Bình Chánh - Cây Cầy đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 13, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý. Bên trái: hết ranh thửa đất số 05, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	220	150	130
13760	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Cầy đi Long Thành đoạn từ Đường Bình Chánh - Cây Cầy đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 13, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý. Bên trái: hết ranh thửa đất số 05, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	200	140	120
13761	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Cầy đi Long Thành đoạn từ Đường Bình Chánh - Cây Cầy đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 13, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý. Bên trái: hết ranh thửa đất số 05, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	250	180	150
13762	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Cầy đi Long Thành đoạn từ Đường Bình Chánh - Cây Cầy đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 13, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý. Bên trái: hết ranh thửa đất số 05, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	200	140	120
13763	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Cầy đi Long Thành đoạn từ Đường Bình Chánh - Cây Cầy đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 13, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý. Bên trái: hết ranh thửa đất số 05, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	180	130	110
13764	99	Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ)	Đường tỉnh 761	Ranh code 62 của hồ Trị An	Xã Phú Lý	730	510	440
13765	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Ranh code 62 của hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	280	200	170
13766	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Ranh code 62 của hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	220	150	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13767	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Ranh code 62 của hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	200	140	120
13768	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Ranh code 62 của hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	250	180	150
13769	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Ranh code 62 của hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	200	140	120
13770	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Ranh code 62 của hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Lý	180	130	110
13771	106	Đường tổ 1, 2 ấp Bình Chánh (cũ)	Nhà thờ Tin Lành	Hết ranh thửa 150, tờ BĐĐC số 62, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	450	320	270
13772	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1, 2 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Nhà thờ Tin Lành đến Hết ranh thửa 150, tờ BĐĐC số 62, xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	260	180	160
13773	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1, 2 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Nhà thờ Tin Lành đến Hết ranh thửa 150, tờ BĐĐC số 62, xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	220	150	130
13774	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1, 2 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Nhà thờ Tin Lành đến Hết ranh thửa 150, tờ BĐĐC số 62, xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	200	140	120
13775	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1, 2 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Nhà thờ Tin Lành đến Hết ranh thửa 150, tờ BĐĐC số 62, xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	230	160	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13776	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1, 2 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Nhà thờ Tin Lành đến Hết ranh thửa 150, tờ BĐĐC số 62, xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	200	140	120
13777	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1, 2 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Nhà thờ Tin Lành đến Hết ranh thửa 150, tờ BĐĐC số 62, xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Lý	180	130	110
13778	113	Đường tổ 3 ấp Bình Chánh (cũ)	Đường Lý Lịch 2- Bình Chánh (xã Phú Lý)	Hết nhà thờ Tin Lành	Xã Phú Lý	450	320	270
13779	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường Lý Lịch 2- Bình Chánh (xã Phú Lý) đến Hết nhà thờ Tin Lành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	260	180	160
13780	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường Lý Lịch 2- Bình Chánh (xã Phú Lý) đến Hết nhà thờ Tin Lành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	220	150	130
13781	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường Lý Lịch 2- Bình Chánh (xã Phú Lý) đến Hết nhà thờ Tin Lành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	200	140	120
13782	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường Lý Lịch 2- Bình Chánh (xã Phú Lý) đến Hết nhà thờ Tin Lành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	230	160	140
13783	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường Lý Lịch 2- Bình Chánh (xã Phú Lý) đến Hết nhà thờ Tin Lành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	200	140	120
13784	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường Lý Lịch 2- Bình Chánh (xã Phú Lý) đến Hết nhà thờ Tin Lành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Lý	180	130	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13785	120	Đường N7, liên ấp 1-3 (cũ), xã Phú Lý	Đường ĐT 761 (Đoạn từ Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến ngã ba đường 322A)	Đường 322B	Xã Phú Lý	560	390	340
13786	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7, liên ấp 1-3 (cũ), xã Phú Lý đoạn từ Đường ĐT 761 (Đoạn từ Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến ngã ba đường 322A) đến Đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	690	480	410
13787	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7, liên ấp 1-3 (cũ), xã Phú Lý đoạn từ Đường ĐT 761 (Đoạn từ Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến ngã ba đường 322A) đến Đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	600	420	360
13788	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7, liên ấp 1-3 (cũ), xã Phú Lý đoạn từ Đường ĐT 761 (Đoạn từ Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến ngã ba đường 322A) đến Đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	540	380	320
13789	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7, liên ấp 1-3 (cũ), xã Phú Lý đoạn từ Đường ĐT 761 (Đoạn từ Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến ngã ba đường 322A) đến Đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	620	430	370
13790	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7, liên ấp 1-3 (cũ), xã Phú Lý đoạn từ Đường ĐT 761 (Đoạn từ Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến ngã ba đường 322A) đến Đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	540	380	320
13791	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7, liên ấp 1-3 (cũ), xã Phú Lý đoạn từ Đường ĐT 761 (Đoạn từ Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến ngã ba đường 322A) đến Đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Lý	490	340	290
13792	127	Đường Tổ 8 cũ) , N2, ấp bàu Phụng, xã Phú Lý	Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý	Hết ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 58	Xã Phú Lý	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13793	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 8 cũ) , N2, ấp bàu Phụng, xã Phú Lý đoạn từ Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý đến Hết ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	260	180	160
13794	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 8 cũ) , N2, ấp bàu Phụng, xã Phú Lý đoạn từ Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý đến Hết ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	220	150	130
13795	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 8 cũ) , N2, ấp bàu Phụng, xã Phú Lý đoạn từ Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý đến Hết ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	200	140	120
13796	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 8 cũ) , N2, ấp bàu Phụng, xã Phú Lý đoạn từ Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý đến Hết ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	230	160	140
13797	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 8 cũ) , N2, ấp bàu Phụng, xã Phú Lý đoạn từ Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý đến Hết ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	200	140	120
13798	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 8 cũ) , N2, ấp bàu Phụng, xã Phú Lý đoạn từ Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý đến Hết ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			Xã Phú Lý	180	130	110
13799	1	Đường Quốc Lộ 14	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Đồng Khởi	Phường Bình Phước	43.000	30.100	25.800
13800		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	17.200	12.040	10.320
13801		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	13.760	9.630	8.260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13802		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	11.010	7.700	6.610
13803		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	15.480	10.840	9.290
13804		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	12.380	8.670	7.430
13805		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	9.910	6.930	5.950
13806	2	Đường Quốc Lộ 14	Đường Đồng Khởi	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	38.500	27.000	23.100
13807		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	15.400	10.780	9.240
13808		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	12.320	8.620	7.390
13809		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	9.860	6.900	5.910
13810		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	13.860	9.700	8.320
13811		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	11.090	7.760	6.650

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13812		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8.870	6.210	5.320
13813	3	Đường Quốc Lộ 14	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Bình Phước	29.400	20.600	17.600
13814		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	11.760	8.230	7.060
13815		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	9.410	6.580	5.650
13816		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	7.530	5.260	4.520
13817		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	10.580	7.410	6.350
13818		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	8.470	5.920	5.090
13819		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	6.780	4.730	4.070
13820	4	Đường Quốc Lộ 14	Đường Nguyễn Văn Linh	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	23.800	16.700	14.300
13821		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	9.520	6.660	5.710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13822		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	7.620	5.330	4.570
13823		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	6.100	4.260	3.660
13824		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8.570	5.990	5.140
13825		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.860	4.800	4.110
13826		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.490	3.830	3.290
13827	5	Đường Quốc Lộ 14	Ngã tư Đồng Xoài	Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m)	Phường Bình Phước	38.500	27.000	23.100
13828		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	15.400	10.780	9.240
13829		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	12.320	8.620	7.390

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13830		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	9.860	6.900	5.910
13831		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	13.860	9.700	8.320
13832		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	11.090	7.760	6.650
13833		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8.870	6.210	5.320
13834	6	Đường Quốc Lộ 14	Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m)	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	26.600	18.600	16.000
13835		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	10.640	7.450	6.380
13836		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	8.510	5.960	5.100
13837		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	6.810	4.770	4.080

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13838		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	9.580	6.710	5.740
13839		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	7.660	5.360	4.590
13840		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	6.130	4.290	3.670
13841	7	Đường Quốc Lộ 14	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	23.200	16.200	13.900
13842		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	9.280	6.500	5.570
13843		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	7.420	5.200	4.460
13844		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.940	4.160	3.570
13845		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8.350	5.850	5.010
13846		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.680	4.680	4.010

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13847		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.350	3.740	3.210
13848	8	Đường Quốc Lộ 14	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2 giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	16.800	11.800	10.100
13849		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Hết ranh quy hoạch đường số 2 đến Cầu số 2 giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	6.720	4.700	4.030
13850		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Hết ranh quy hoạch đường số 2 đến Cầu số 2 giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	5.380	3.760	3.220
13851		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Hết ranh quy hoạch đường số 2 đến Cầu số 2 giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4.300	3.010	2.580
13852		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Hết ranh quy hoạch đường số 2 đến Cầu số 2 giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	6.050	4.230	3.630
13853		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Hết ranh quy hoạch đường số 2 đến Cầu số 2 giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.840	3.380	2.900
13854		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Hết ranh quy hoạch đường số 2 đến Cầu số 2 giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.870	2.710	2.320
13855	9	Đường Phú Riềng Đỏ	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	38.500	27.000	23.100
13856		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	15.400	10.780	9.240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13857		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	12.320	8.620	7.390
13858		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	9.860	6.900	5.910
13859		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	13.860	9.700	8.320
13860		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	11.090	7.760	6.650
13861		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8.870	6.210	5.320
13862	10	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	29.400	20.600	17.600
13863		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	11.760	8.230	7.060
13864		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	9.410	6.580	5.650
13865		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	7.530	5.260	4.520

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13866		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	10.580	7.410	6.350
13867		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	8.470	5.920	5.090
13868		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	6.780	4.730	4.070
13869	11	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Trương Công Định	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Phường Bình Phước	23.800	16.700	14.300
13870		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	9.520	6.660	5.710
13871		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	7.620	5.330	4.570
13872		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	6.100	4.260	3.660
13873		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8.570	5.990	5.140
13874		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.860	4.800	4.110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13875		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.490	3.830	3.290
13876	12	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Hết ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su	Phường Bình Phước	20.000	14.000	12.000
13877		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8.000	5.600	4.800
13878		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.400	4.480	3.840
13879		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.120	3.580	3.070
13880		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	7.200	5.040	4.320
13881		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	5.760	4.030	3.460
13882		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4.610	3.220	2.760
13883	13	Đường Phú Riềng Đỏ	Giáp ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	13.600	9.500	8.200
13884		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5.440	3.810	3.260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13885		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.350	3.050	2.610
13886		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.480	2.440	2.090
13887		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.900	3.430	2.930
13888		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.920	2.750	2.350
13889		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.130	2.200	1.880
13890	14	Đường Phú Riềng Đỏ	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	38.500	27.000	23.100
13891		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	15.400	10.780	9.240
13892		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	12.320	8.620	7.390
13893		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	9.860	6.900	5.910

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13894		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	13.860	9.700	8.320
13895		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	11.090	7.760	6.650
13896		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8.870	6.210	5.320
13897	15	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	29.400	20.600	17.600
13898		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	11.760	8.230	7.060
13899		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	9.410	6.580	5.650
13900		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	7.530	5.260	4.520
13901		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	10.580	7.410	6.350
13902		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	8.470	5.920	5.090
13903		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	6.780	4.730	4.070

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13904	16	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	23.800	16.700	14.300
13905		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	9.520	6.660	5.710
13906		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	7.620	5.330	4.570
13907		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	6.100	4.260	3.660
13908		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8.570	5.990	5.140
13909		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.860	4.800	4.110
13910		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.490	3.830	3.290
13911	17	Đường Phú Riềng Đỏ	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	20.000	14.000	12.000
13912		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8.000	5.600	4.800
13913		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.400	4.480	3.840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13914		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.120	3.580	3.070
13915		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	7.200	5.040	4.320
13916		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	5.760	4.030	3.460
13917		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4.610	3.220	2.760
13918	18	Đường An Dương Vương	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	24.000	16.800	14.400
13919		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	9.600	6.720	5.760
13920		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	7.680	5.380	4.610
13921		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	6.140	4.300	3.690
13922		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8.640	6.050	5.180
13923		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.910	4.840	4.150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13924		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.530	3.870	3.320
13925	19	Đường An Dương Vương	Đường Võ Văn Tần	Đường Quốc lộ 14	Phường Bình Phước	21.200	14.800	12.700
13926		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8.480	5.940	5.090
13927		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.780	4.750	4.070
13928		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.420	3.800	3.260
13929		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	7.630	5.350	4.580
13930		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.100	4.280	3.660
13931		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4.880	3.420	2.930
13932	20	Đường Bạch Đằng	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Quang Diệu	Phường Bình Phước	14.000	9.800	8.400
13933		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5.600	3.920	3.360
13934		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.480	3.140	2.690

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13935		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.580	2.510	2.150
13936		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5.040	3.530	3.020
13937		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.030	2.830	2.420
13938		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.220	2.260	1.940
13939	21	Đường Bạch Đằng	Đường Trần Quang Diệu	Đường Trường Chinh	Phường Bình Phước	12.400	8.700	7.400
13940		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.960	3.470	2.980
13941		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.970	2.780	2.380
13942		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.180	2.220	1.900
13943		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.460	3.120	2.680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13944		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.570	2.500	2.140
13945		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.860	2.000	1.710
13946	22	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Đặng Thai Mai	Phường Bình Phước	16.000	11.200	9.600
13947		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	6.400	4.480	3.840
13948		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	5.120	3.580	3.070
13949		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4.100	2.860	2.460
13950		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5.760	4.030	3.460
13951		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.610	3.220	2.760
13952		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.690	2.570	2.210
13953	23	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Đặng Thai Mai	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	11.000	7.700	6.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13954		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.400	3.080	2.640
13955		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.520	2.460	2.110
13956		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.820	1.970	1.690
13957		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3.960	2.770	2.380
13958		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.170	2.210	1.900
13959		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.540	1.770	1.520
13960	24	Đường Đặng Trần Thi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	14.400	10.100	8.600
13961		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5.760	4.030	3.460
13962		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.610	3.220	2.770

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13963		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.690	2.580	2.220
13964		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5.180	3.630	3.110
13965		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.150	2.900	2.490
13966		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.320	2.320	2.000
13967	25	Đường Đặng Trần Thi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Cao Xuân Huy	Phường Bình Phước	20.000	14.000	12.000
13968		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cao Xuân Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8.000	5.600	4.800
13969		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cao Xuân Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.400	4.480	3.840
13970		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cao Xuân Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.120	3.580	3.070
13971		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cao Xuân Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	7.200	5.040	4.320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13972		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cao Xuân Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	5.760	4.030	3.460
13973		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cao Xuân Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4.610	3.220	2.760
13974	26	Đường ĐT 753	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Cù Chính Lan	Phường Bình Phước	13.600	9.500	8.200
13975		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Cù Chính Lan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5.440	3.810	3.260
13976		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Cù Chính Lan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.350	3.050	2.610
13977		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Cù Chính Lan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.480	2.440	2.090
13978		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Cù Chính Lan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.900	3.430	2.930
13979		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Cù Chính Lan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.920	2.750	2.350
13980		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Cù Chính Lan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.130	2.200	1.880
13981	27	Đường ĐT 753	Đường Cù Chính Lan	Cầu Rạt nhỏ	Phường Bình Phước	11.200	7.800	6.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Cầu Rạt nhỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.480	3.140	2.690
13983		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Cầu Rạt nhỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.580	2.510	2.150
13984		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Cầu Rạt nhỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.860	2.010	1.720
13985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Cầu Rạt nhỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.030	2.830	2.420
13986		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Cầu Rạt nhỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.220	2.260	1.940
13987		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Cầu Rạt nhỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.570	1.810	1.550
13988	28	Đường ĐT 753	Cầu Rạt nhỏ	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	Phường Bình Phước	8.000	5.600	4.800
13989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Cầu Rạt nhỏ đến Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3.200	2.240	1.920
13990		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Cầu Rạt nhỏ đến Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.560	1.790	1.540
13991		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Cầu Rạt nhỏ đến Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.050	1.430	1.230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
13992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Cầu Rạt nhỏ đến Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2.880	2.020	1.730
13993		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Cầu Rạt nhỏ đến Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.300	1.610	1.390
13994		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Cầu Rạt nhỏ đến Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1.850	1.290	1.110
13995	29	Đường Hà Huy Tập	Đường 6 tháng 1	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	11.200	7.800	6.700
13996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.480	3.140	2.690
13997		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.580	2.510	2.150
13998		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.860	2.010	1.720
13999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.030	2.830	2.420
14000		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.220	2.260	1.940
14001		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.570	1.810	1.550

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14002	30	Đường Hà Huy Tập	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phạm Đình Hổ	Phường Bình Phước	10.400	7.300	6.200
14003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phạm Đình Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.160	2.910	2.500
14004		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phạm Đình Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.330	2.330	2.000
14005		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phạm Đình Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.660	1.860	1.600
14006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phạm Đình Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3.740	2.620	2.250
14007		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phạm Đình Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.000	2.100	1.800
14008		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phạm Đình Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.390	1.670	1.440
14009	31	Đường Hai Bà Trưng	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	24.500	17.200	14.700
14010		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	9.800	6.860	5.880
14011		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	7.840	5.490	4.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14012		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	6.270	4.390	3.760
14013		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8.820	6.170	5.290
14014		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	7.060	4.940	4.230
14015		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.640	3.950	3.380
14016	32	Đường Hai Bà Trưng	Đường Trương Công Định	Đường Bùi Thị Xuân	Phường Bình Phước	12.000	8.400	7.200
14017		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.800	3.360	2.880
14018		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.840	2.690	2.300
14019		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.070	2.150	1.840
14020		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.320	3.020	2.590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14021		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.460	2.420	2.070
14022		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.760	1.940	1.660
14023	33	Đường Hàm Nghi	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Phường Bình Phước	12.400	8.700	7.400
14024		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.960	3.470	2.980
14025		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.970	2.780	2.380
14026		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.180	2.220	1.900
14027		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.460	3.120	2.680
14028		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.570	2.500	2.140
14029		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.860	2.000	1.710
14030	34	Đường Hàm Nghi	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Trường Chinh	Phường Bình Phước	11.200	7.800	6.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14031		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.480	3.140	2.690
14032		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.580	2.510	2.150
14033		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.860	2.010	1.720
14034		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.030	2.830	2.420
14035		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.220	2.260	1.940
14036		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.570	1.810	1.550
14037	35	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Trường Chinh	Đường Hàm Nghi	Phường Bình Phước	20.800	14.600	12.500
14038		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8.320	5.820	4.990
14039		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.660	4.660	3.990
14040		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.330	3.730	3.190

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14041		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	7.490	5.240	4.490
14042		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	5.990	4.190	3.590
14043		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4.800	3.360	2.870
14044	36	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Hàm Nghi	Đường Lê Trọng Tấn	Phường Bình Phước	24.000	16.800	14.400
14045		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	9.600	6.720	5.760
14046		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	7.680	5.380	4.610
14047		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	6.140	4.300	3.690
14048		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8.640	6.050	5.180
14049		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.910	4.840	4.150
14050		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.530	3.870	3.320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14051	37	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Bình Phước	17.200	12.000	10.300
14052		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	6.880	4.820	4.130
14053		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	5.500	3.860	3.300
14054		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4.400	3.090	2.640
14055		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	6.190	4.340	3.720
14056		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.950	3.470	2.970
14057		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.960	2.780	2.380
14058	38	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Phường Bình Phước	10.500	7.300	6.300
14059		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.200	2.940	2.520
14060		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.360	2.350	2.020

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14061		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.690	1.880	1.620
14062		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3.780	2.650	2.270
14063		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.020	2.120	1.820
14064		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.420	1.690	1.460
14065	39	Đường Lê Duẩn	Đường Hùng Vương	Đường Quốc lộ 14	Phường Bình Phước	24.000	16.800	14.400
14066		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	9.600	6.720	5.760
14067		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	7.680	5.380	4.610
14068		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	6.140	4.300	3.690
14069		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8.640	6.050	5.180
14070		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.910	4.840	4.150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14071		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.530	3.870	3.320
14072	40	Đường Lê Duẩn	Đường Quốc Lộ 14	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	24.200	16.900	14.500
14073		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	9.680	6.780	5.810
14074		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	7.740	5.420	4.650
14075		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	6.190	4.340	3.720
14076		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8.710	6.100	5.230
14077		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.970	4.880	4.190
14078		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.570	3.910	3.350
14079	41	Đường Lê Lai	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	10.800	7.600	6.500
14080		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.320	3.020	2.590
14081		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.460	2.420	2.070

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14082		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.770	1.940	1.660
14083		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3.890	2.720	2.330
14084		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.110	2.180	1.860
14085		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.490	1.750	1.490
14086	42	Đường Lê Lợi	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Bình Phước	16.000	11.200	9.600
14087		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	6.400	4.480	3.840
14088		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	5.120	3.580	3.070
14089		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4.100	2.860	2.460
14090		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5.760	4.030	3.460
14091		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.610	3.220	2.760

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14092		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.690	2.570	2.210
14093	43	Đường Lê Lợi	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Bùi Thị Xuân	Phường Bình Phước	10.400	7.300	6.200
14094		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.160	2.910	2.500
14095		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.330	2.330	2.000
14096		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.660	1.860	1.600
14097		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3.740	2.620	2.250
14098		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.000	2.100	1.800
14099		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.390	1.670	1.440
14100	44	Đường Lê Lợi	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bình Phước	9.000	6.300	5.400
14101		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3.600	2.520	2.160
14102		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.880	2.020	1.730

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14103		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.300	1.620	1.380
14104		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3.240	2.270	1.940
14105		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.590	1.820	1.560
14106		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.070	1.460	1.240
14107	45	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m)	Phường Bình Phước	23.800	16.700	14.300
14108		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	9.520	6.660	5.710
14109		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	7.620	5.330	4.570
14110		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	6.100	4.260	3.660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14111		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8.570	5.990	5.140
14112		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.860	4.800	4.110
14113		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.490	3.830	3.290
14114	46	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m)	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Phước	23.200	16.200	13.900
14115		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	9.280	6.500	5.570
14116		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	7.420	5.200	4.460
14117		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.940	4.160	3.570
14118		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8.350	5.850	5.010

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14119		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.680	4.680	4.010
14120		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.350	3.740	3.210
14121	47	Đường Lê Quý Đôn	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	16.800	11.800	10.100
14122		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	6.720	4.700	4.030
14123		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	5.380	3.760	3.220
14124		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4.300	3.010	2.580
14125		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	6.050	4.230	3.630
14126		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.840	3.380	2.900
14127		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.870	2.710	2.320
14128	48	Đường Lê Văn Sỹ	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bình Phước	7.200	5.000	4.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14129		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2.880	2.020	1.730
14130		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.300	1.620	1.380
14131		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1.840	1.300	1.100
14132		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2.590	1.820	1.560
14133		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.070	1.460	1.240
14134		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1.660	1.170	990
14135	49	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Trần Phú	Phường Bình Phước	21.200	14.800	12.700
14136		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8.480	5.940	5.090
14137		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.780	4.750	4.070
14138		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.420	3.800	3.260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14139		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	7.630	5.350	4.580
14140		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.100	4.280	3.660
14141		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4.880	3.420	2.930
14142	50	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Phú	Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	18.000	12.600	10.800
14143		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	7.200	5.040	4.320
14144		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	5.760	4.030	3.460
14145		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4.610	3.220	2.770
14146		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	6.480	4.540	3.890
14147		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	5.180	3.630	3.110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14148		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4.150	2.900	2.490
14149	51	Đường Lý Thường Kiệt	Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt	Đường Hàm Nghi	Phường Bình Phước	21.200	14.800	12.700
14150		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8.480	5.940	5.090
14151		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.780	4.750	4.070
14152		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.420	3.800	3.260
14153		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	7.630	5.350	4.580
14154		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.100	4.280	3.660
14155		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4.880	3.420	2.930
14156	52	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hàm Nghi	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	18.000	12.600	10.800
14157		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	7.200	5.040	4.320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14158		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	5.760	4.030	3.460
14159		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4.610	3.220	2.770
14160		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	6.480	4.540	3.890
14161		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	5.180	3.630	3.110
14162		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4.150	2.900	2.490
14163	53	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	15.000	10.500	9.000
14164		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	6.000	4.200	3.600
14165		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.800	3.360	2.880
14166		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.840	2.690	2.300
14167		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5.400	3.780	3.240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14168		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.320	3.020	2.590
14169		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.460	2.420	2.070
14170	54	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	13.600	9.500	8.200
14171		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5.440	3.810	3.260
14172		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.350	3.050	2.610
14173		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.480	2.440	2.090
14174		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.900	3.430	2.930
14175		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.920	2.750	2.350
14176		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.130	2.200	1.880
14177	55	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối đường	Phường Bình Phước	9.600	6.700	5.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14178		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3.840	2.690	2.300
14179		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.070	2.150	1.840
14180		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.460	1.720	1.470
14181		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3.460	2.420	2.070
14182		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.760	1.940	1.660
14183		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.210	1.550	1.320
14184	56	Đường Nguyễn Huệ	Đường Quốc lộ 14	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	17.600	12.300	10.600
14185		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	7.040	4.930	4.220
14186		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	5.630	3.940	3.380
14187		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4.500	3.150	2.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14188		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	6.340	4.440	3.800
14189		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	5.070	3.550	3.040
14190		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4.050	2.840	2.430
14191	57	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi	Phường Bình Phước	14.400	10.100	8.600
14192		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5.760	4.030	3.460
14193		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.610	3.220	2.770
14194		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.690	2.580	2.220
14195		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5.180	3.630	3.110
14196		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.150	2.900	2.490
14197		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.320	2.320	2.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14198	58	Đường Nguyễn Huệ	Đường Quốc lộ 14	Giáp hẻm 54 đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	14.400	10.100	8.600
14199		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Giáp hẻm 54 đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5.760	4.030	3.460
14200		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Giáp hẻm 54 đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.610	3.220	2.770
14201		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Giáp hẻm 54 đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.690	2.580	2.220
14202		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Giáp hẻm 54 đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5.180	3.630	3.110
14203		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Giáp hẻm 54 đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.150	2.900	2.490
14204		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Giáp hẻm 54 đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.320	2.320	2.000
14205	59	Đường Nguyễn Huệ	Tim đường hẻm 54 đường Nguyễn Huệ	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	12.000	8.400	7.200
14206		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tim đường hẻm 54 đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.800	3.360	2.880
14207		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tim đường hẻm 54 đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.840	2.690	2.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14208		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tim đường hẻm 54 đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.070	2.150	1.840
14209		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tim đường hẻm 54 đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.320	3.020	2.590
14210		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tim đường hẻm 54 đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.460	2.420	2.070
14211		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tim đường hẻm 54 đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.760	1.940	1.660
14212	60	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Võ Thị Sáu	Phường Bình Phước	12.000	8.400	7.200
14213		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.800	3.360	2.880
14214		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.840	2.690	2.300
14215		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.070	2.150	1.840
14216		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.320	3.020	2.590
14217		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.460	2.420	2.070

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14218		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.760	1.940	1.660
14219	61	Đường Nguyễn Huệ	Đường Võ Thị Sáu	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	10.400	7.300	6.200
14220		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.160	2.910	2.500
14221		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.330	2.330	2.000
14222		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.660	1.860	1.600
14223		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3.740	2.620	2.250
14224		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.000	2.100	1.800
14225		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.390	1.670	1.440
14226	62	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Duẩn	Đường Lương Thế Vinh	Phường Bình Phước	13.200	9.200	7.900
14227		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5.280	3.700	3.170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14228		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.220	2.960	2.540
14229		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.380	2.370	2.030
14230		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.750	3.330	2.850
14231		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.800	2.660	2.290
14232		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.040	2.130	1.830
14233	63	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lương Thế Vinh	Hết ranh giới đã giải phóng mặt bằng	Phường Bình Phước	8.800	6.200	5.300
14234		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Hết ranh giới đã giải phóng mặt bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3.520	2.460	2.110
14235		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Hết ranh giới đã giải phóng mặt bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.820	1.970	1.690
14236		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Hết ranh giới đã giải phóng mặt bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.260	1.580	1.350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14237		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Hết ranh giới đã giải phóng mặt bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3.170	2.210	1.900
14238		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Hết ranh giới đã giải phóng mặt bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.540	1.770	1.520
14239		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Hết ranh giới đã giải phóng mặt bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.030	1.420	1.220
14240	64	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Lê Văn Sỹ	Phường Bình Phước	7.200	5.000	4.300
14241		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2.880	2.020	1.730
14242		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.300	1.620	1.380
14243		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1.840	1.300	1.100
14244		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2.590	1.820	1.560
14245		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.070	1.460	1.240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14246		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1.660	1.170	990
14247	65	Đường Ông Ích Khiêm	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Lê Văn Sỹ	Phường Bình Phước	7.200	5.000	4.300
14248		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ông Ích Khiêm đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2.880	2.020	1.730
14249		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ông Ích Khiêm đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.300	1.620	1.380
14250		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ông Ích Khiêm đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1.840	1.300	1.100
14251		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ông Ích Khiêm đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2.590	1.820	1.560
14252		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ông Ích Khiêm đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.070	1.460	1.240
14253		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ông Ích Khiêm đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1.660	1.170	990
14254	66	Đường Huỳnh Khương Ninh	Đường Ông Ích Khiêm	Đường Nguyễn Khuyến	Phường Bình Phước	7.200	5.000	4.300
14255		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Khương Ninh đoạn từ Đường Ông Ích Khiêm đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2.880	2.020	1.730

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14256		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Khương Ninh đoạn từ Đường Ông Ích Khiêm đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.300	1.620	1.380
14257		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Khương Ninh đoạn từ Đường Ông Ích Khiêm đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1.840	1.300	1.100
14258		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Khương Ninh đoạn từ Đường Ông Ích Khiêm đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2.590	1.820	1.560
14259		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Khương Ninh đoạn từ Đường Ông Ích Khiêm đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.070	1.460	1.240
14260		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Khương Ninh đoạn từ Đường Ông Ích Khiêm đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1.660	1.170	990
14261	67	Đường Lý Thái Tổ	Đường Lê Lợi	Đường Lê Lai	Phường Bình Phước	7.200	5.000	4.300
14262		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2.880	2.020	1.730
14263		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.300	1.620	1.380
14264		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1.840	1.300	1.100
14265		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2.590	1.820	1.560

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14266		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.070	1.460	1.240
14267		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1.660	1.170	990
14268	68	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	20.000	14.000	12.000
14269		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8.000	5.600	4.800
14270		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6.400	4.480	3.840
14271		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5.120	3.580	3.070
14272		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	7.200	5.040	4.320
14273		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	5.760	4.030	3.460
14274		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4.610	3.220	2.760
14275	69	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	14.400	10.100	8.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14276		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5.760	4.030	3.460
14277		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.610	3.220	2.770
14278		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.690	2.580	2.220
14279		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5.180	3.630	3.110
14280		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4.150	2.900	2.490
14281		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.320	2.320	2.000
14282	70	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bình Phước	7.200	5.000	4.300
14283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2.880	2.020	1.730
14284		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.300	1.620	1.380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14285		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1.840	1.300	1.100
14286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2.590	1.820	1.560
14287		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.070	1.460	1.240
14288		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1.660	1.170	990
14289	71	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thái Tổ	Phường Bình Phước	7.200	5.000	4.300
14290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2.880	2.020	1.730
14291		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.300	1.620	1.380
14292		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1.840	1.300	1.100
14293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2.590	1.820	1.560

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14294		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.070	1.460	1.240
14295		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1.660	1.170	990
14296	72	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	12.400	8.700	7.400
14297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.960	3.470	2.980
14298		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.970	2.780	2.380
14299		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3.180	2.220	1.900
14300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.460	3.120	2.680
14301		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.570	2.500	2.140
14302		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.860	2.000	1.710
14303	73	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Bạch Đằng	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	11.200	7.800	6.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14304		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.480	3.140	2.690
14305		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.580	2.510	2.150
14306		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.860	2.010	1.720
14307		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4.030	2.830	2.420
14308		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3.220	2.260	1.940
14309		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.570	1.810	1.550
14310		Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bạch Đằng	Phường Bình Phước	12.000	8.400	7.200
14311		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bạch Đằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4800	3360	2880
14312		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bạch Đằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3840	2688	2304

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14313		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bạch Đằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3072	2150	1843
14314		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bạch Đằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4320	3024	2592
14315		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bạch Đằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3456	2419	2074
14316		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bạch Đằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2765	1936	1659
14317	74	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	Phường Bình Phước	8.400	5.900	5.000
14318		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3360	2352	2016
14319		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2688	1882	1613
14320		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2150	1505	1290
14321		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3024	2117	1814
14322		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2419	1693	1451

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14323		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1935	1355	1161
14324	75	Đường Phan Bội Châu	Đường Quốc lộ 14	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Bình Phước	8.800	6.200	5.300
14325		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3.520	2.464	2.112
14326		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.816	1.971	1.690
14327		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.253	1.577	1.352
14328		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤6.00m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3.168	2.218	1.901
14329		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2.534	1.774	1.520
14330		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2.028	1.420	1.217
14331	76	Đường Phan Bội Châu	Đường Tôn Đức Thắng	Giáp ranh xã Tiến Hưng	Phường Bình Phước	7.200	5.000	4.300
14332		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh xã Tiến Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2880	2016	1728

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14333		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh xã Tiến Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2304	1613	1382
14334		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh xã Tiến Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1843	1290	1106
14335		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh xã Tiến Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2592	1814	1555
14336		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh xã Tiến Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2074	1452	1244
14337		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh xã Tiến Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1659	1161	995
14338	77	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Trần Phú	Phường Bình Phước	26.600	18.600	16.000
14339		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	10640	7448	6384
14340		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	8512	5958	5107
14341		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	6810	4767	4086
14342		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	9576	6703	5746

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14343		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	7661	5363	4597
14344		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	6129	4290	3677
14345	78	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Chí Thanh	Phường Bình Phước	21.600	15.100	13.000
14346		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8640	6048	5184
14347		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6912	4838	4147
14348		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5530	3871	3318
14349		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	7776	5443	4666
14350		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6221	4355	3733
14351		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4977	3484	2986
14352	79	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Bình	Phường Bình Phước	17.300	12.100	10.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14353		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	6920	4844	4152
14354		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	5536	3875	3322
14355		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4429	3100	2657
14356		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	6228	4360	3737
14357		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4982	3487	2989
14358		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3986	2790	2392
14359	80	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Bình	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	10.400	7.300	6.200
14360		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Bình đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4160	2912	2496
14361		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Bình đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3328	2330	1997

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14362		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Bình đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2662	1863	1597
14363		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Bình đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3744	2621	2246
14364		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Bình đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2995	2097	1797
14365		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Bình đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2396	1677	1438
14366	81	Đường Triệu Quang Phục	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Xí	Phường Bình Phước	9.200	6.400	5.500
14367		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3680	2576	2208
14368		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2944	2061	1766
14369		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2355	1649	1413
14370		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3312	2318	1987

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14371		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2650	1855	1590
14372		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2120	1484	1272
14373	82	Đường Triệu Quang Phục	Đường Trường Chinh	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Bình Phước	8.800	6.200	5.300
14374		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3520	2464	2112
14375		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2816	1971	1690
14376		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2253	1577	1352
14377		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3168	2218	1901
14378		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2534	1774	1520
14379		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2028	1420	1217
14380	83	Đường Trường Chinh	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	13.600	9.500	8.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14381		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5440	3808	3264
14382		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4352	3046	2611
14383		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3482	2437	2089
14384		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4896	3427	2938
14385		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3917	2742	2350
14386		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3134	2194	1880
14387	84	Đường Trường Chinh	Đường Trần Hưng Đạo	Đập Suối Cam	Phường Bình Phước	9.600	6.700	5.800
14388		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đập Suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3840	2688	2304
14389		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đập Suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3072	2150	1843
14390		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đập Suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2458	1721	1475

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14391		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đập Suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3456	2419	2074
14392		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đập Suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2765	1936	1659
14393		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đập Suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2212	1548	1327
14394	85	Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)	Đường Quốc lộ 14	Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài)	Phường Bình Phước	6.800	4.800	4.100
14395		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2720	1904	1632
14396		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2176	1523	1306
14397		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1741	1219	1045
14398		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2448	1714	1469

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14399		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1958	1371	1175
14400		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1567	1097	940
14401	86	Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)	Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài)	Hết tuyến	Phường Bình Phước	5.800	4.000	3.500
14402		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2320	1624	1392
14403		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1856	1299	1114
14404		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1485	1040	891
14405		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2088	1462	1253
14406		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1670	1169	1002

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14407		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1337	936	802
14408	87	Đường Trương Công Định	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Đặng Thai Mai	Phường Bình Phước	14.400	10.100	8.600
14409		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5760	4032	3456
14410		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4608	3226	2765
14411		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3686	2580	2212
14412		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5184	3629	3110
14413		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4147	2903	2488
14414		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3317	2322	1990
14415	88	Đường Trương Công Định	Đường Đặng Thai Mai	Đường Lê Trọng Tấn	Phường Bình Phước	11.600	8.100	7.000
14416		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4640	3248	2784

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3712	2598	2227
14418		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2970	2079	1782
14419		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4176	2923	2506
14420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3341	2339	2005
14421		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2673	1871	1604
14422	89	Đường Võ Văn Tần	Đường Hùng Vương	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	28.000	19.600	16.800
14423		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	11200	7840	6720
14424		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	8960	6272	5376
14425		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	7168	5018	4301
14426		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	10080	7056	6048

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14427		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	8064	5645	4838
14428		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	6451	4516	3871
14429	90	Đường Võ Văn Tần	Đường Điểu Ông	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	31.500	22.100	18.900
14430		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	12600	8820	7560
14431		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	10080	7056	6048
14432		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8064	5645	4838
14433		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	11340	7938	6804
14434		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	9072	6350	5443
14435		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	7258	5081	4355
14436	91	Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)	Đường Hùng Vương	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Bình Phước	11.600	8.100	7.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14437		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4640	3248	2784
14438		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3712	2598	2227
14439		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2970	2079	1782
14440		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4176	2923	2506
14441		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3341	2339	2005
14442		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2673	1871	1604
14443	92	Đường Võ Văn Tần	Đường Tôn Đức Thắng	Đường số 31	Phường Bình Phước	9.600	6.700	5.800
14444		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3840	2688	2304
14445		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3072	2150	1843
14446		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2458	1721	1475

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14447		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3456	2419	2074
14448		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2765	1936	1659
14449		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2212	1548	1327
14450	93	Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)	Đường số 31	Đường Trường Chinh	Phường Bình Phước	8.000	5.600	4.800
14451		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 31 đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3200	2240	1920
14452		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 31 đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2560	1792	1536
14453		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 31 đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2048	1434	1229
14454		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 31 đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2880	2016	1728
14455		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 31 đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2304	1613	1382

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14456		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 31 đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1843	1290	1106
14457	94	Đường 6 tháng 1	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Bình Phước	13.600	9.500	8.200
14458		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6 tháng 1 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5440	3808	3264
14459		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6 tháng 1 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4352	3046	2611
14460		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6 tháng 1 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3482	2437	2089
14461		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6 tháng 1 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4896	3427	2938
14462		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6 tháng 1 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3917	2742	2350
14463		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6 tháng 1 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3134	2194	1880
14464	95	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	13.600	9.500	8.200
14465		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5440	3808	3264

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14466		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4352	3046	2611
14467		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3482	2437	2089
14468		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4896	3427	2938
14469		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3917	2742	2350
14470		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3134	2194	1880
14471	96	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	13.600	9.500	8.200
14472		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5440	3808	3264
14473		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4352	3046	2611
14474		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3482	2437	2089

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14475		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4896	3427	2938
14476		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3917	2742	2350
14477		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3134	2194	1880
14478	97	Đường Nguyễn Chánh	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	13.600	9.500	8.200
14479		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chánh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5440	3808	3264
14480		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chánh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4352	3046	2611
14481		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chánh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3482	2437	2089
14482		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chánh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4896	3427	2938
14483		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chánh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3917	2742	2350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14484		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chánh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3134	2194	1880
14485	98	Đường Nguyễn Bình	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	13.600	9.500	8.200
14486		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bình đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5440	3808	3264
14487		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bình đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4352	3046	2611
14488		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bình đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3482	2437	2089
14489		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bình đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4896	3427	2938
14490		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bình đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3917	2742	2350
14491		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bình đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3134	2194	1880
14492	99	Đường Lê Hồng Phong	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	13.600	9.500	8.200
14493		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5440	3808	3264
14494		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4352	3046	2611

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14495		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3482	2437	2089
14496		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4896	3427	2938
14497		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3917	2742	2350
14498		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3134	2194	1880
14499	100	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	11.200	7.800	6.700
14500		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4480	3136	2688
14501		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3584	2509	2150
14502		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2867	2007	1720
14503		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4032	2822	2419

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14504		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3226	2258	1936
14505		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2580	1806	1548
14506	101	Đường Lý Tự Trọng	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Hồng Phong	Phường Bình Phước	11.200	7.800	6.700
14507		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4480	3136	2688
14508		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3584	2509	2150
14509		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2867	2007	1720
14510		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4032	2822	2419
14511		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3226	2258	1936
14512		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2580	1806	1548
14513	102	Đường Trần Văn Trà	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	12.000	8.400	7.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14514		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4800	3360	2880
14515		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3840	2688	2304
14516		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3072	2150	1843
14517		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4320	3024	2592
14518		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3456	2419	2074
14519		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2765	1936	1659
14520	103	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Trường Chinh	Đường Nguyễn Chí Thanh	Phường Bình Phước	11.200	7.800	6.700
14521		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4480	3136	2688
14522		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3584	2509	2150
14523		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2867	2007	1720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14524		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4032	2822	2419
14525		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3226	2258	1936
14526		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2580	1806	1548
14527	104	Đường Hoàng Văn Thái	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Bình	Phường Bình Phước	11.200	7.800	6.700
14528		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4480	3136	2688
14529		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3584	2509	2150
14530		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2867	2007	1720
14531		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4032	2822	2419
14532		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3226	2258	1936

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14533		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2580	1806	1548
14534	105	Đường Nguyễn Thị Định	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Nguyễn Bình	Phường Bình Phước	11.200	7.800	6.700
14535		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4480	3136	2688
14536		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3584	2509	2150
14537		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2867	2007	1720
14538		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4032	2822	2419
14539		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3226	2258	1936
14540		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2580	1806	1548
14541	106	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Bình	Phường Bình Phước	11.200	7.800	6.700
14542		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4480	3136	2688

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14543		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3584	2509	2150
14544		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2867	2007	1720
14545		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4032	2822	2419
14546		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3226	2258	1936
14547		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2580	1806	1548
14548	107	Đường Ngô Gia Tự	Đường 6 tháng 1	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	11.200	7.800	6.700
14549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4480	3136	2688
14550		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3584	2509	2150
14551		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2867	2007	1720
14552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4032	2822	2419

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14553		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3226	2258	1936
14554		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2580	1806	1548
14555	108	Đường Trần Phú	Đường Quốc Lộ 14	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	21.400	14.900	12.800
14556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8560	5992	5136
14557		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6848	4794	4109
14558		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5478	3835	3287
14559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	7704	5393	4622
14560		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6163	4314	3698
14561		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4930	3451	2958
14562	109	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Đường Nguyễn Chánh	Đường Nguyễn Bình	Phường Bình Phước	13.600	9.500	8.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Chánh đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5440	3808	3264
14564		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Chánh đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4352	3046	2611
14565		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Chánh đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3482	2437	2089
14566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Chánh đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4896	3427	2938
14567		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Chánh đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3917	2742	2350
14568		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Chánh đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3134	2194	1880
14569	110	Đường Trần Cao Vân	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	14.400	10.100	8.600
14570		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Cao Vân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5760	4032	3456
14571		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Cao Vân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4608	3226	2765

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14572		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Cao Vân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3686	2580	2212
14573		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Cao Vân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5184	3629	3110
14574		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Cao Vân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4147	2903	2488
14575		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Cao Vân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3317	2322	1990
14576	111	Đường Hồ Xuân Hương - khu dân cư Bắc Đồng Phú	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Phường Bình Phước	10.400	7.300	6.200
14577		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương - khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4160	2912	2496
14578		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương - khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3328	2330	1997
14579		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương - khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2662	1863	1597
14580		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương - khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3744	2621	2246

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14581		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương - khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2995	2097	1797
14582		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương - khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2396	1677	1438
14583	112	Đường Hồ Biểu Chánh	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	11.200	7.800	6.700
14584		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4480	3136	2688
14585		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3584	2509	2150
14586		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2867	2007	1720
14587		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4032	2822	2419
14588		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3226	2258	1936
14589		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2580	1806	1548
14590	113	Đường Nguyễn Gia Thiều	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	11.200	7.800	6.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14591		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Gia Thiều đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4480	3136	2688
14592		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Gia Thiều đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3584	2509	2150
14593		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Gia Thiều đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2867	2007	1720
14594		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Gia Thiều đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4032	2822	2419
14595		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Gia Thiều đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3226	2258	1936
14596		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Gia Thiều đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2580	1806	1548
14597	114	Đường Nguyễn Xí	Đường Bạch Đằng	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	11.200	7.800	6.700
14598		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4480	3136	2688
14599		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3584	2509	2150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14600		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2867	2007	1720
14601		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4032	2822	2419
14602		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3226	2258	1936
14603		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2580	1806	1548
14604	115	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Triệu Quang Phục	Phường Bình Phước	12.400	8.700	7.400
14605		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Triệu Quang Phục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4960	3472	2976
14606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Triệu Quang Phục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3968	2778	2381
14607		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Triệu Quang Phục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3174	2222	1904
14608		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Triệu Quang Phục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4464	3125	2678

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Triệu Quang Phục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3571	2500	2143
14610		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Triệu Quang Phục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2857	2000	1714
14611	116	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Bạch Đằng	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	10.400	7.300	6.200
14612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4160	2912	2496
14613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3328	2330	1997
14614		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2662	1863	1597
14615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3744	2621	2246
14616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2995	2097	1797
14617		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2396	1677	1438
14618	117	Đường Nguyễn Văn Siêu	Đường Hàm Nghi	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	10.400	7.300	6.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14619		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4160	2912	2496
14620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3328	2330	1997
14621		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2662	1863	1597
14622		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3744	2621	2246
14623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2995	2097	1797
14624		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2396	1677	1438
14625	118	Đường Phạm Phú Thứ	Đường Bạch Đằng	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	10.400	7.300	6.200
14626		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4160	2912	2496
14627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3328	2330	1997

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14628		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2662	1863	1597
14629		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3744	2621	2246
14630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2995	2097	1797
14631		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2396	1677	1438
14632	119	Đường Phan Văn Đạt	Đường Trần Quang Diệu	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	10.400	7.300	6.200
14633		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4160	2912	2496
14634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3328	2330	1997
14635		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2662	1863	1597
14636		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3744	2621	2246

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2995	2097	1797
14638		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2396	1677	1438
14639	120	Đường Phạm Đình Hổ	Đường Trần Quang Diệu	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	10.400	7.300	6.200
14640		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Đình Hổ đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4160	2912	2496
14641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Đình Hổ đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3328	2330	1997
14642		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Đình Hổ đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2662	1863	1597
14643		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Đình Hổ đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3744	2621	2246
14644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Đình Hổ đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2995	2097	1797
14645		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Đình Hổ đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2396	1677	1438
14646	121	Đường Dương Bá Trạc	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường 26 tháng 12	Phường Bình Phước	9.200	6.400	5.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14647		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bá Trạc đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3680	2576	2208
14648		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bá Trạc đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2944	2061	1766
14649		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bá Trạc đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2355	1649	1413
14650		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bá Trạc đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3312	2318	1987
14651		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bá Trạc đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2650	1855	1590
14652		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bá Trạc đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2120	1484	1272
14653	122	Đường 26 tháng 12	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Đặng Thai Mai	Phường Bình Phước	9.200	6.400	5.500
14654		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 26 tháng 12 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3680	2576	2208
14655		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 26 tháng 12 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2944	2061	1766
14656		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 26 tháng 12 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2355	1649	1413

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14657		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 26 tháng 12 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3312	2318	1987
14658		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 26 tháng 12 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2650	1855	1590
14659		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 26 tháng 12 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2120	1484	1272
14660	123	Đường 9 tháng 6	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Dương Bá Trạc	Phường Bình Phước	9.200	6.400	5.500
14661		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 6 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Dương Bá Trạc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3680	2576	2208
14662		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 6 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Dương Bá Trạc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2944	2061	1766
14663		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 6 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Dương Bá Trạc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2355	1649	1413
14664		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 6 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Dương Bá Trạc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3312	2318	1987
14665		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 6 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Dương Bá Trạc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2650	1855	1590
14666		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 6 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Dương Bá Trạc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2120	1484	1272

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14667	124	Đường Nguyễn Hữu Huân	Đường 9 tháng 6	Đường số 4	Phường Bình Phước	9.200	6.400	5.500
14668		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Huân đoạn từ Đường 9 tháng 6 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3680	2576	2208
14669		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Huân đoạn từ Đường 9 tháng 6 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2944	2061	1766
14670		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Huân đoạn từ Đường 9 tháng 6 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2355	1649	1413
14671		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Huân đoạn từ Đường 9 tháng 6 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3312	2318	1987
14672		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Huân đoạn từ Đường 9 tháng 6 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2650	1855	1590
14673		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Huân đoạn từ Đường 9 tháng 6 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2120	1484	1272
14674	125	Đường Hồ Huấn Nghiệp	Đường 26 tháng 12	Đường 9 tháng 6	Phường Bình Phước	9.200	6.400	5.500
14675		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Huấn Nghiệp đoạn từ Đường 26 tháng 12 đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3680	2576	2208
14676		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Huấn Nghiệp đoạn từ Đường 26 tháng 12 đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2944	2061	1766
14677		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Huấn Nghiệp đoạn từ Đường 26 tháng 12 đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2355	1649	1413

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14678		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Huấn Nghiệp đoạn từ Đường 26 tháng 12 đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3312	2318	1987
14679		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Huấn Nghiệp đoạn từ Đường 26 tháng 12 đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2650	1855	1590
14680		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Huấn Nghiệp đoạn từ Đường 26 tháng 12 đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2120	1484	1272
14681	126	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường 9 tháng 6	Phường Bình Phước	9.200	6.400	5.500
14682		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3680	2576	2208
14683		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2944	2061	1766
14684		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2355	1649	1413
14685		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3312	2318	1987
14686		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2650	1855	1590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14687		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2120	1484	1272
14688	127	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Vũ Như Tô	Phường Bình Phước	9.600	6.700	5.800
14689		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3840	2688	2304
14690		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3072	2150	1843
14691		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2458	1721	1475
14692		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3456	2419	2074
14693		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2765	1936	1659
14694		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2212	1548	1327
14695	128	Đường Đặng Thai Mai	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	13.800	9.700	8.300
14696		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Thai Mai đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5520	3864	3312

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14697		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Thai Mai đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4416	3091	2650
14698		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Thai Mai đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3533	2473	2120
14699		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Thai Mai đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4968	3478	2981
14700		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Thai Mai đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3974	2782	2384
14701		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Thai Mai đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3180	2226	1908
14702	129	Đường Lê Trọng Tấn	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	11.000	7.700	6.600
14703		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4400	3080	2640
14704		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3520	2464	2112
14705		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2816	1971	1690
14706		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3960	2772	2376

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14707		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3168	2218	1901
14708		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2534	1774	1520
14709	130	Đường Đoàn Thị Điểm	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	10.000	7.000	6.000
14710		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4000	2800	2400
14711		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3200	2240	1920
14712		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2560	1792	1536
14713		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3600	2520	2160
14714		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2880	2016	1728
14715		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2304	1613	1382
14716	131	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	10.400	7.300	6.200
14717		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4160	2912	2496

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14718		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3328	2330	1997
14719		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2662	1863	1597
14720		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3744	2621	2246
14721		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2995	2097	1797
14722		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2396	1677	1438
14723	132	Đường Vũ Như Tô	Đường Bùi Thị Xuân	Cuối đường	Phường Bình Phước	8.000	5.600	4.800
14724		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3200	2240	1920
14725		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2560	1792	1536
14726		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2048	1434	1229
14727		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2880	2016	1728

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14728		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2304	1613	1382
14729		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1843	1290	1106
14730	133	Đường Lương Văn Can	Đường Bùi Thị Xuân	Đường 26 tháng 12	Phường Bình Phước	7.800	5.400	4.700
14731		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3120	2184	1872
14732		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2496	1747	1498
14733		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1997	1398	1198
14734		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2808	1966	1685
14735		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2246	1572	1348
14736		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1797	1258	1078
14737	134	Đường Tăng Bạt Hổ	Đường Chu Văn An	Đường Lương Văn Can	Phường Bình Phước	6.800	4.800	4.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14738		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lương Văn Can có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2720	1904	1632
14739		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lương Văn Can có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2176	1523	1306
14740		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lương Văn Can có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1741	1219	1045
14741		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lương Văn Can có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2448	1714	1469
14742		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lương Văn Can có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1958	1371	1175
14743		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lương Văn Can có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1567	1097	940
14744	135	Đường Hồ Hảo Hớn	Đường Chu Văn An	Đường Đặng Thai Mai	Phường Bình Phước	8.000	5.600	4.800
14745		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hảo Hớn đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3200	2240	1920
14746		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hảo Hớn đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2560	1792	1536
14747		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hảo Hớn đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2048	1434	1229

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14748		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hảo Hớn đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2880	2016	1728
14749		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hảo Hớn đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2304	1613	1382
14750		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hảo Hớn đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1843	1290	1106
14751	136	Đường Đào Duy Từ	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Bình Phước	8.000	5.600	4.800
14752		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3200	2240	1920
14753		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2560	1792	1536
14754		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2048	1434	1229
14755		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2880	2016	1728
14756		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2304	1613	1382

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14757		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1843	1290	1106
14758	137	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Bình Phước	8.000	5.600	4.800
14759		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3200	2240	1920
14760		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2560	1792	1536
14761		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2048	1434	1229
14762		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2880	2016	1728
14763		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2304	1613	1382
14764		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1843	1290	1106
14765	138	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Lê Lợi	Đường Bùi Thị Xuân	Phường Bình Phước	8.000	5.600	4.800
14766		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3200	2240	1920

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14767		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2560	1792	1536
14768		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2048	1434	1229
14769		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2880	2016	1728
14770		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2304	1613	1382
14771		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1843	1290	1106
14772	139	Đường Trần Nhật Duật	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Bình Phước	8.000	5.600	4.800
14773		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3200	2240	1920
14774		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2560	1792	1536
14775		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2048	1434	1229

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14776		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2880	2016	1728
14777		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2304	1613	1382
14778		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1843	1290	1106
14779	140	Đường Tô Ngọc Vân	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	10.400	7.300	6.200
14780		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Ngọc Vân đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4160	2912	2496
14781		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Ngọc Vân đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3328	2330	1997
14782		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Ngọc Vân đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2662	1863	1597
14783		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Ngọc Vân đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3744	2621	2246
14784		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Ngọc Vân đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2995	2097	1797
14785		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Ngọc Vân đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2396	1677	1438
14786	141	Đường Lê Anh Xuân	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	21.200	14.800	12.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14787		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8480	5936	5088
14788		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6784	4749	4070
14789		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5427	3799	3256
14790		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	7632	5342	4579
14791		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6106	4274	3664
14792		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4884	3419	2930
14793	142	Đường Hàn Thuyên	Đường Hai Bà Trưng	Đường Phạm Hùng	Phường Bình Phước	8.000	5.600	4.800
14794		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3200	2240	1920
14795		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2560	1792	1536
14796		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2048	1434	1229

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14797		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2880	2016	1728
14798		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2304	1613	1382
14799		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1843	1290	1106
14800	143	Đường Diên Hồng	Đường Phạm Hùng	Đường Đặng Thai Mai	Phường Bình Phước	8.000	5.600	4.800
14801		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Diên Hồng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3200	2240	1920
14802		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Diên Hồng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2560	1792	1536
14803		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Diên Hồng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2048	1434	1229
14804		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Diên Hồng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2880	2016	1728
14805		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Diên Hồng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2304	1613	1382
14806		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Diên Hồng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1843	1290	1106

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14807	144	Đường Chu Văn An	Đường Trương Công Định	Đường 26 tháng 12	Phường Bình Phước	8.000	5.600	4.800
14808		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3200	2240	1920
14809		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2560	1792	1536
14810		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2048	1434	1229
14811		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2880	2016	1728
14812		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2304	1613	1382
14813		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1843	1290	1106
14814	145	Đường Phạm Hùng	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	12.000	8.400	7.200
14815		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4800	3360	2880
14816		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3840	2688	2304

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14817		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3072	2150	1843
14818		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4320	3024	2592
14819		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3456	2419	2074
14820		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2765	1936	1659
14821	146	Đường Phan Huy Ích	Đường Phạm Hùng	Đường Đặng Thai Mai	Phường Bình Phước	10.400	7.300	6.200
14822		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4160	2912	2496
14823		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3328	2330	1997
14824		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2662	1863	1597
14825		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3744	2621	2246
14826		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2995	2097	1797

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14827		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2396	1677	1438
14828	147	Đường Đồng Khởi	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	10.800	7.600	6.500
14829		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4320	3024	2592
14830		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3456	2419	2074
14831		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2765	1936	1659
14832		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3888	2722	2333
14833		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3110	2177	1866
14834		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2489	1742	1493
14835	148	Đường Bình Giã	Đường Trần Phú	Đường Đồng Khởi	Phường Bình Phước	10.800	7.600	6.500
14836		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Giã đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4320	3024	2592
14837		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Giã đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3456	2419	2074

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14838		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Giã đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2765	1936	1659
14839		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Giã đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3888	2722	2333
14840		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Giã đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3110	2177	1866
14841		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Giã đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2489	1742	1493
14842	149	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Phường Bình Phước	12.000	8.400	7.200
14843		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4800	3360	2880
14844		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3840	2688	2304
14845		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3072	2150	1843
14846		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4320	3024	2592

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14847		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3456	2419	2074
14848		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2765	1936	1659
14849	150	Đường Phạm Hữu Trí	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Phường Bình Phước	12.000	8.400	7.200
14850		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hữu Trí đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4800	3360	2880
14851		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hữu Trí đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3840	2688	2304
14852		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hữu Trí đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3072	2150	1843
14853		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hữu Trí đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4320	3024	2592
14854		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hữu Trí đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3456	2419	2074
14855		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hữu Trí đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2765	1936	1659
14856	151	Đường Lê Quang Định	Đường Trần Phú	Đường Đặng Trần Thi	Phường Bình Phước	12.800	9.000	7.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14857		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đặng Trần Thi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5120	3584	3072
14858		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đặng Trần Thi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4096	2867	2458
14859		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đặng Trần Thi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3277	2294	1966
14860		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đặng Trần Thi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4608	3226	2765
14861		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đặng Trần Thi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3686	2580	2212
14862		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đặng Trần Thi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2949	2064	1769
14863	152	Đường Đặng Văn Ngữ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Quang Định	Phường Bình Phước	12.800	9.000	7.700
14864		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5120	3584	3072
14865		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4096	2867	2458
14866		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3277	2294	1966

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14867		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4608	3226	2765
14868		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3686	2580	2212
14869		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2949	2064	1769
14870	153	Đường Lê Quát	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Quang Định	Phường Bình Phước	12.800	9.000	7.700
14871		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5120	3584	3072
14872		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4096	2867	2458
14873		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3277	2294	1966
14874		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4608	3226	2765
14875		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3686	2580	2212
14876		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2949	2064	1769

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14877	154	Đường quy hoạch số 4 (thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Hữu Huân	Phường Bình Phước	6.900	4.800	4.100
14878		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 4 (thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Huân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2760	1932	1656
14879		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 4 (thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Huân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2208	1546	1325
14880		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 4 (thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Huân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1766	1236	1060
14881		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 4 (thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Huân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2484	1739	1490
14882		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 4 (thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Huân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1987	1391	1192
14883		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 4 (thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Huân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1589	1112	953
14884	155	Đường quy hoạch số 4 (thửa đất hướng Nam) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Hữu Huân	Phường Bình Phước	5.500	3.900	3.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14885		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 4 (thửa đất hướng Nam) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Huân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2200	1540	1320
14886		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 4 (thửa đất hướng Nam) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Huân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1760	1232	1056
14887		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 4 (thửa đất hướng Nam) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Huân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1408	986	845
14888		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 4 (thửa đất hướng Nam) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Huân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	1980	1386	1188
14889		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 4 (thửa đất hướng Nam) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Huân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1584	1109	950
14890		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 4 (thửa đất hướng Nam) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Huân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1267	887	760
14891	156	Đường N7 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Đường Phú Riềng Đỏ	Cống thoát nước qua suối giáp ấp Làng Ba, phường Tiến Thành (cũ)	Phường Bình Phước	7.600	5.300	4.600
14892		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Cống thoát nước qua suối giáp ấp Làng Ba, phường Tiến Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3040	2128	1824

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14893		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Cống thoát nước qua suối giáp ấp Làng Ba, phường Tiến Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2432	1702	1459
14894		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Cống thoát nước qua suối giáp ấp Làng Ba, phường Tiến Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1946	1362	1168
14895		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Cống thoát nước qua suối giáp ấp Làng Ba, phường Tiến Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2736	1915	1642
14896		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Cống thoát nước qua suối giáp ấp Làng Ba, phường Tiến Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2189	1532	1313
14897		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Cống thoát nước qua suối giáp ấp Làng Ba, phường Tiến Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1751	1226	1051
14898	157	Đường N13 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Đường D9 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Đường D7 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Phường Bình Phước	7.300	5.100	4.400
14899		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường D9 khu dân cư Bắc Đồng Phú đến Đường D7 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2920	2044	1752
14900		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường D9 khu dân cư Bắc Đồng Phú đến Đường D7 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2336	1635	1402

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14901		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường D9 khu dân cư Bắc Đồng Phú đến Đường D7 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1869	1308	1121
14902		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường D9 khu dân cư Bắc Đồng Phú đến Đường D7 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2628	1840	1577
14903		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường D9 khu dân cư Bắc Đồng Phú đến Đường D7 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2102	1471	1261
14904		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường D9 khu dân cư Bắc Đồng Phú đến Đường D7 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1682	1177	1009
14905	158	Đường D8, D9, D10 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	7.600	5.300	4.600
14906		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D8, D9, D10 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3040	2128	1824
14907		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D8, D9, D10 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2432	1702	1459
14908		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D8, D9, D10 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1946	1362	1168
14909		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D8, D9, D10 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2736	1915	1642

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14910		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D8, D9, D10 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2189	1532	1313
14911		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D8, D9, D10 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1751	1226	1051
14912	159	Đường N1, N2, N3, N4, N5, N6, N8, N9, N10, N11, N12, N14, N15, N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	6.900	4.800	4.100
14913		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1, N2, N3, N4, N5, N6, N8, N9, N10, N11, N12, N14, N15, N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2760	1932	1656
14914		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1, N2, N3, N4, N5, N6, N8, N9, N10, N11, N12, N14, N15, N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2208	1546	1325
14915		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1, N2, N3, N4, N5, N6, N8, N9, N10, N11, N12, N14, N15, N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1766	1236	1060
14916		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1, N2, N3, N4, N5, N6, N8, N9, N10, N11, N12, N14, N15, N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2484	1739	1490
14917		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1, N2, N3, N4, N5, N6, N8, N9, N10, N11, N12, N14, N15, N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1987	1391	1192

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14918		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1, N2, N3, N4, N5, N6, N8, N9, N10, N11, N12, N14, N15, N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1589	1112	953
14919	160	Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	6.900	4.800	4.100
14920		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2760	1932	1656
14921		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2208	1546	1325
14922		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1766	1236	1060
14923		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2484	1739	1490
14924		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1987	1391	1192
14925		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6 khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1589	1112	953
14926	161	Đường D5, D7A khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	9.700	6.800	5.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14927		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D5, D7A khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3880	2716	2328
14928		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D5, D7A khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3104	2173	1862
14929		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D5, D7A khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2483	1738	1490
14930		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D5, D7A khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3492	2444	2095
14931		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D5, D7A khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2794	1956	1676
14932		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D5, D7A khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2235	1565	1341
14933	162	Đường D1, D2, D4 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	8.300	5.800	5.000
14934		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1, D2, D4 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3320	2324	1992
14935		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1, D2, D4 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2656	1859	1594

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14936		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1, D2, D4 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2125	1488	1275
14937		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1, D2, D4 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2988	2092	1793
14938		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1, D2, D4 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2390	1673	1434
14939		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1, D2, D4 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1913	1339	1148
14940	163	Đường N1 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	7.600	5.300	4.600
14941		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3040	2128	1824
14942		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2432	1702	1459
14943		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1946	1362	1168
14944		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2736	1915	1642

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14945		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2189	1532	1313
14946		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1751	1226	1051
14947	164	Đường N2 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	7.600	5.300	4.600
14948		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3040	2128	1824
14949		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2432	1702	1459
14950		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1946	1362	1168
14951		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2736	1915	1642
14952		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2189	1532	1313
14953		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1751	1226	1051
14954	165	Đường D3 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	7.600	5.300	4.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14955		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3040	2128	1824
14956		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2432	1702	1459
14957		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1946	1362	1168
14958		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2736	1915	1642
14959		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2189	1532	1313
14960		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1751	1226	1051
14961	166	Đường Trần Quang Diệu	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	9.700	6.800	5.800
14962		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3880	2716	2328
14963		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3104	2173	1862
14964		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2483	1738	1490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14965		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3492	2444	2095
14966		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2794	1956	1676
14967		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2235	1565	1341
14968	167	Đường Cao Xuân Huy	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường Hai Bà Trưng	Phường Bình Phước	20.000	14.000	12.000
14969		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Thượng Hiền đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	8000	5600	4800
14970		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Thượng Hiền đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	6400	4480	3840
14971		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Thượng Hiền đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	5120	3584	3072
14972		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Thượng Hiền đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	7200	5040	4320
14973		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Thượng Hiền đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	5760	4032	3456
14974		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Thượng Hiền đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	4608	3226	2765

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14975	168	Đường nhựa ranh giới Tiến Thành - Tân Phú (cũ)	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo	Cầu suối Cam	Phường Bình Phước	5.200	3.600	3.100
14976		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giới Tiến Thành - Tân Phú (cũ) đoạn từ Ngã ba đường Trần Hưng Đạo đến Cầu suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2080	1456	1248
14977		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giới Tiến Thành - Tân Phú (cũ) đoạn từ Ngã ba đường Trần Hưng Đạo đến Cầu suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1664	1165	998
14978		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giới Tiến Thành - Tân Phú (cũ) đoạn từ Ngã ba đường Trần Hưng Đạo đến Cầu suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1331	932	799
14979		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giới Tiến Thành - Tân Phú (cũ) đoạn từ Ngã ba đường Trần Hưng Đạo đến Cầu suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	1872	1310	1123
14980		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giới Tiến Thành - Tân Phú (cũ) đoạn từ Ngã ba đường Trần Hưng Đạo đến Cầu suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1498	1049	899
14981		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giới Tiến Thành - Tân Phú (cũ) đoạn từ Ngã ba đường Trần Hưng Đạo đến Cầu suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1198	839	719
14982	169	Đường Nguyễn Trãi	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Phước	10.400	7.300	6.200
14983		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4160	2912	2496
14984		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3328	2330	1997

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14985		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2662	1863	1597
14986		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3744	2621	2246
14987		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2995	2097	1797
14988		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2396	1677	1438
14989	170	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Phước	8.800	6.200	5.300
14990		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3520	2464	2112
14991		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2816	1971	1690
14992		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2253	1577	1352
14993		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3168	2218	1901

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
14994		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2534	1774	1520
14995		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2028	1420	1217
14996	171	Đường Bà Triệu	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Phước	8.000	5.600	4.800
14997		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3200	2240	1920
14998		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2560	1792	1536
14999		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2048	1434	1229
15000		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2880	2016	1728
15001		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2304	1613	1382
15002		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1843	1290	1106
15003	172	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Phú Riềng Đỏ	Suối Đồng Tiền	Phường Bình Phước	8.800	6.200	5.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15004		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Suối Đồng Tiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3520	2464	2112
15005		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Suối Đồng Tiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2816	1971	1690
15006		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Suối Đồng Tiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2253	1577	1352
15007		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Suối Đồng Tiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3168	2218	1901
15008		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Suối Đồng Tiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2534	1774	1520
15009		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Suối Đồng Tiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2028	1420	1217
15010	173	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Phước	8.000	5.600	4.800
15011		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3200	2240	1920
15012		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2560	1792	1536
15013		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2048	1434	1229

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15014		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2880	2016	1728
15015		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2304	1613	1382
15016		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1843	1290	1106
15017	174	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Quý Đôn	Cổng trường Tiểu học Tân Thiện	Phường Bình Phước	8.000	5.600	4.800
15018		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Cổng trường Tiểu học Tân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3200	2240	1920
15019		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Cổng trường Tiểu học Tân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2560	1792	1536
15020		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Cổng trường Tiểu học Tân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2048	1434	1229
15021		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Cổng trường Tiểu học Tân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2880	2016	1728
15022		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Cổng trường Tiểu học Tân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2304	1613	1382

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15023		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Cổng trường Tiểu học Tân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1843	1290	1106
15024	175	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Quang Khải	Phường Bình Phước	6.800	4.800	4.100
15025		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2720	1904	1632
15026		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2176	1523	1306
15027		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1741	1219	1045
15028		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2448	1714	1469
15029		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1958	1371	1175
15030		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1567	1097	940
15031	176	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Huệ	Đường số 2	Phường Bình Phước	6.800	4.800	4.100
15032		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2720	1904	1632

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15033		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2176	1523	1306
15034		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1741	1219	1045
15035		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2448	1714	1469
15036		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1958	1371	1175
15037		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1567	1097	940
15038	177	Đường số 2	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Quang Khải	Phường Bình Phước	5.800	4.000	3.500
15039		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2320	1624	1392
15040		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1856	1299	1114
15041		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1485	1040	891
15042		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2088	1462	1253

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15043		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1670	1169	1002
15044		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1337	936	802
15045	178	Đường Lãnh Binh Thăng (N3, N5 cũ)	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	5.200	3.600	3.100
15046		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lãnh Binh Thăng (N3, N5 cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2080	1456	1248
15047		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lãnh Binh Thăng (N3, N5 cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1664	1165	998
15048		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lãnh Binh Thăng (N3, N5 cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1331	932	799
15049		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lãnh Binh Thăng (N3, N5 cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	1872	1310	1123
15050		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lãnh Binh Thăng (N3, N5 cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1498	1049	899
15051		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lãnh Binh Thăng (N3, N5 cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1198	839	719
15052	179	Đường Hùng Vương	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	35.000	24.500	21.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15053		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	14000	9800	8400
15054		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	11200	7840	6720
15055		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8960	6272	5376
15056		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	12600	8820	7560
15057		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	10080	7056	6048
15058		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8064	5645	4838
15059		Khu vực chợ			Phường Bình Phước			
15060	180	Đường số 1	Đường Quốc lộ 14	Đường số 7	Phường Bình Phước	35.000	24.500	21.000
15061		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	14000	9800	8400
15062		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	11200	7840	6720
15063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8960	6272	5376

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15064		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	12600	8820	7560
15065		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	10080	7056	6048
15066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8064	5645	4838
15067	181	Đường số 2	Đường số 7	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	38.500	27.000	23.100
15068		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 7 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	15400	10780	9240
15069		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 7 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	12320	8624	7392
15070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 7 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	9856	6899	5914
15071		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 7 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	13860	9702	8316
15072		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 7 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	11088	7762	6653
15073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 7 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8870	6209	5322
15074	182	Đường số 3	Đường Quốc lộ 14	Đường số 5	Phường Bình Phước	35.000	24.500	21.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15075		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	14000	9800	8400
15076		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	11200	7840	6720
15077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8960	6272	5376
15078		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	12600	8820	7560
15079		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	10080	7056	6048
15080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8064	5645	4838
15081	183	Đường số 4	Đường Quốc lộ 14	Đường số 7	Phường Bình Phước	35.000	24.500	21.000
15082		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	14000	9800	8400
15083		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	11200	7840	6720
15084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8960	6272	5376
15085		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	12600	8820	7560

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15086		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	10080	7056	6048
15087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8064	5645	4838
15088	184	Đường số 5	Đường Điểu Ông	Đường Trần Quốc Toản	Phường Bình Phước	35.000	24.500	21.000
15089		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	14000	9800	8400
15090		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	11200	7840	6720
15091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8960	6272	5376
15092		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	12600	8820	7560
15093		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	10080	7056	6048
15094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8064	5645	4838
15095	185	Đường số 6	Đường số 1	Đường số 4	Phường Bình Phước	35.000	24.500	21.000
15096		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 1 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	14000	9800	8400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15097		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 1 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	11200	7840	6720
15098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 1 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8960	6272	5376
15099		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 1 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	12600	8820	7560
15100		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 1 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	10080	7056	6048
15101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 1 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8064	5645	4838
15102	186	Đường số 7	Đường Điểu Ông	Đường Trần Quốc Toản	Phường Bình Phước	35.000	24.500	21.000
15103		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	14000	9800	8400
15104		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	11200	7840	6720
15105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8960	6272	5376
15106		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	12600	8820	7560

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15107		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	10080	7056	6048
15108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8064	5645	4838
15109	187	Đường số 8	Đường số 2	Đường Trần Quốc Toản	Phường Bình Phước	35.000	24.500	21.000
15110		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	14000	9800	8400
15111		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	11200	7840	6720
15112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8960	6272	5376
15113		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	12600	8820	7560
15114		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	10080	7056	6048
15115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8064	5645	4838
15116	188	Đường số 9	Đường số 2	Đường Điểu Ông	Phường Bình Phước	35.000	24.500	21.000
15117		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Điểu Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	14000	9800	8400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15118		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Điểu Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	11200	7840	6720
15119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Điểu Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8960	6272	5376
15120		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Điểu Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	12600	8820	7560
15121		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Điểu Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	10080	7056	6048
15122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Điểu Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8064	5645	4838
15123	189	Đường Điểu Ông	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	38.500	27.000	23.100
15124		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	15400	10780	9240
15125		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	12320	8624	7392
15126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	9856	6899	5914
15127		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	13860	9702	8316

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15128		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điều Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	11088	7762	6653
15129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điều Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8870	6209	5322
15130	190	Đường Trần Quốc Toản	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	38.500	27.000	23.100
15131		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	15400	10780	9240
15132		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	12320	8624	7392
15133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	9856	6899	5914
15134		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	13860	9702	8316
15135		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	11088	7762	6653
15136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8870	6209	5322
15137		Trung tâm thương mại thành phố Đồng Xoài (cũ)			Phường Bình Phước			

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15138	191	Đường Nơ Trang Long	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	31.500	22.100	18.900
15139		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	12600	8820	7560
15140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	10080	7056	6048
15141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8064	5645	4838
15142		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	11340	7938	6804
15143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	9072	6350	5443
15144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	7258	5081	4355
15145	192	Đường Phạm Ngọc Thảo	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	31.500	22.100	18.900
15146		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thảo đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	12600	8820	7560
15147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thảo đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	10080	7056	6048
15148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thảo đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8064	5645	4838

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15149		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thảo đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	11340	7938	6804
15150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thảo đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	9072	6350	5443
15151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thảo đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	7258	5081	4355
15152	193	Đường Lê Thị Riêng	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	31.500	22.100	18.900
15153		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	12600	8820	7560
15154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	10080	7056	6048
15155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8064	5645	4838
15156		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	11340	7938	6804
15157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	9072	6350	5443
15158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	7258	5081	4355
15159	194	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	31.500	22.100	18.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15160		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	12600	8820	7560
15161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	10080	7056	6048
15162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	8064	5645	4838
15163		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	11340	7938	6804
15164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	9072	6350	5443
15165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	7258	5081	4355
15166	195	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Lương Bằng	Phường Bình Phước	15.000	10.500	9.000
15167		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	6000	4200	3600
15168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4800	3360	2880
15169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3840	2688	2304

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15170		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5400	3780	3240
15171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4320	3024	2592
15172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3456	2419	2074
15173	196	Đường Nguyễn Lương Bằng	Đường Lê Duẩn	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	15.000	10.500	9.000
15174		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	6000	4200	3600
15175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4800	3360	2880
15176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3840	2688	2304
15177		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5400	3780	3240
15178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4320	3024	2592
15179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3456	2419	2074

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15180	197	Đường Nguyễn Duy	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Công Hoan	Phường Bình Phước	12.800	9.000	7.700
15181		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Duy đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5120	3584	3072
15182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Duy đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4096	2867	2458
15183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Duy đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3277	2294	1966
15184		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Duy đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4608	3226	2765
15185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Duy đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3686	2580	2212
15186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Duy đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2949	2064	1769
15187	198	Đường Phạm Thế Hiển	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Duy	Phường Bình Phước	12.800	9.000	7.700
15188		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Duy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5120	3584	3072
15189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Duy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4096	2867	2458
15190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Duy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3277	2294	1966

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15191		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Duy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4608	3226	2765
15192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Duy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3686	2580	2212
15193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Duy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2949	2064	1769
15194	199	Đường Lương Thế Vinh	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	12.000	8.400	7.200
15195		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4800	3360	2880
15196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3840	2688	2304
15197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3072	2150	1843
15198		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4320	3024	2592
15199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3456	2419	2074
15200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2765	1936	1659
15201	200	Đường Nguyễn Thi	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	12.000	8.400	7.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15202		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4800	3360	2880
15203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3840	2688	2304
15204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3072	2150	1843
15205		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4320	3024	2592
15206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3456	2419	2074
15207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2765	1936	1659
15208	201	Đường Tô Hiệu	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	10.800	7.600	6.500
15209		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4320	3024	2592
15210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3456	2419	2074
15211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2765	1936	1659

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15212		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3888	2722	2333
15213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3110	2177	1866
15214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2489	1742	1493
15215	202	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	13.200	9.200	7.900
15216		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	5280	3696	3168
15217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	4224	2957	2534
15218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3379	2365	2027
15219		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4752	3326	2851
15220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3802	2661	2281
15221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3041	2129	1825

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15222	203	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)	Đường Võ Văn Tần	Đường Nguyễn Chánh	Phường Bình Phước	10.800	7.600	6.500
15223		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4320	3024	2592
15224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3456	2419	2074
15225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2765	1936	1659
15226		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3888	2722	2333
15227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3110	2177	1866
15228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2489	1742	1493
15229	204	Đường Thành Thái	Đường quy hoạch số 5	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	9.600	6.700	5.800
15230		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3840	2688	2304

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3072	2150	1843
15232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2458	1721	1475
15233		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3456	2419	2074
15234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2765	1936	1659
15235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2212	1548	1327
15236	205	Đường Nguyễn Hoàn	Đường quy hoạch số 5	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	9.600	6.700	5.800
15237		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hoàn đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3840	2688	2304
15238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hoàn đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3072	2150	1843
15239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hoàn đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2458	1721	1475
15240		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hoàn đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3456	2419	2074

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hoàn đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2765	1936	1659
15242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hoàn đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2212	1548	1327
15243	206	Đường số 31	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	10.400	7.300	6.200
15244		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 31 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	4160	2912	2496
15245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 31 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3328	2330	1997
15246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 31 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2662	1863	1597
15247		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 31 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3744	2621	2246
15248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 31 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2995	2097	1797
15249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 31 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2396	1677	1438
15250	207	Đường Huỳnh Mẫn Đạt	Đường Thành Thái	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Bình Phước	9.200	6.400	5.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15251		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Thành Thái đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3680	2576	2208
15252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Thành Thái đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2944	2061	1766
15253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Thành Thái đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2355	1649	1413
15254		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Thành Thái đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3312	2318	1987
15255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Thành Thái đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2650	1855	1590
15256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Thành Thái đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2120	1484	1272
15257	208	Đường Mai Thúc Loan	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	9.600	6.700	5.800
15258		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Thúc Loan đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3840	2688	2304
15259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Thúc Loan đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3072	2150	1843
15260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Thúc Loan đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2458	1721	1475

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15261		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Thúc Loan đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3456	2419	2074
15262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Thúc Loan đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2765	1936	1659
15263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Thúc Loan đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2212	1548	1327
15264	209	Đường Cao Văn Lầu	Đường Mai Thúc Loan	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	8.800	6.200	5.300
15265		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Văn Lầu đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3520	2464	2112
15266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Văn Lầu đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2816	1971	1690
15267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Văn Lầu đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2253	1577	1352
15268		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Văn Lầu đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3168	2218	1901
15269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Văn Lầu đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2534	1774	1520
15270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Văn Lầu đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2028	1420	1217
15271	210	Đường Văn Cao	Đường Mai Thúc Loan	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	8.800	6.200	5.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15272		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3520	2464	2112
15273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2816	1971	1690
15274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2253	1577	1352
15275		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3168	2218	1901
15276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2534	1774	1520
15277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2028	1420	1217
15278	211	Đường Hồ Văn Huê	Đường Mai Thúc Loan	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	8.800	6.200	5.300
15279		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3520	2464	2112
15280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2816	1971	1690
15281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2253	1577	1352

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15282		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3168	2218	1901
15283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2534	1774	1520
15284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2028	1420	1217
15285	212	Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài)	Thửa đất số 759, tờ bản đồ số 78	Đường Phan Bội Châu	Phường Bình Phước	8.800	6.200	5.300
15286		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đoạn từ Thửa đất số 759, tờ bản đồ số 78 đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3520	2464	2112
15287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đoạn từ Thửa đất số 759, tờ bản đồ số 78 đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2816	1971	1690
15288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đoạn từ Thửa đất số 759, tờ bản đồ số 78 đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2253	1577	1352
15289		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đoạn từ Thửa đất số 759, tờ bản đồ số 78 đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3168	2218	1901
15290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đoạn từ Thửa đất số 759, tờ bản đồ số 78 đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2534	1774	1520

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đoạn từ Thửa đất số 759, tờ bản đồ số 78 đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2028	1420	1217
15292	213	Đường Nguyễn Chánh (giáp Trường THPT Dân tộc nội trú)	Đường Quốc lộ 14	Hết đường Nguyễn Chánh	Phường Bình Phước	8.800	6.200	5.300
15293		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chánh (giáp Trường THPT Dân tộc nội trú) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3520	2464	2112
15294		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chánh (giáp Trường THPT Dân tộc nội trú) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2816	1971	1690
15295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chánh (giáp Trường THPT Dân tộc nội trú) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2253	1577	1352
15296		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chánh (giáp Trường THPT Dân tộc nội trú) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3168	2218	1901
15297		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chánh (giáp Trường THPT Dân tộc nội trú) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2534	1774	1520
15298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chánh (giáp Trường THPT Dân tộc nội trú) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2028	1420	1217
15299	214	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Phú Riềng Đỏ	Hết tuyến (toàn tuyến)	Phường Bình Phước	8.000	5.600	4.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15300		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết tuyến (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3200	2240	1920
15301		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết tuyến (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2560	1792	1536
15302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết tuyến (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2048	1434	1229
15303		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết tuyến (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2880	2016	1728
15304		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết tuyến (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2304	1613	1382
15305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết tuyến (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1843	1290	1106
15306	215	Hẻm 752 - Đường Phú Riềng Đỏ	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	6.400	4.500	3.800
15307		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm 752 - Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2560	1792	1536
15308		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm 752 - Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2048	1434	1229
15309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm 752 - Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1638	1147	983

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15310		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm 752 - Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2304	1613	1382
15311		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm 752 - Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1843	1290	1106
15312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm 752 - Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1474	1032	884
15313	216	Đường Cù Chính Lan	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Thị Sáu	Phường Bình Phước	6.000	4.200	3.600
15314		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2400	1680	1440
15315		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1920	1344	1152
15316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1536	1075	922
15317		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2160	1512	1296
15318		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1728	1210	1037
15319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1382	967	829
15320	217	Đường Trần Tế Xương	Đường Cù Chính Lan	Hết ranh đất Công An phường Tân Xuân (cũ)	Phường Bình Phước	6.000	4.200	3.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15321		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Tế Xương đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Hết ranh đất Công An phường Tân Xuân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2400	1680	1440
15322		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Tế Xương đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Hết ranh đất Công An phường Tân Xuân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1920	1344	1152
15323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Tế Xương đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Hết ranh đất Công An phường Tân Xuân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1536	1075	922
15324		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Tế Xương đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Hết ranh đất Công An phường Tân Xuân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2160	1512	1296
15325		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Tế Xương đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Hết ranh đất Công An phường Tân Xuân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1728	1210	1037
15326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Tế Xương đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Hết ranh đất Công An phường Tân Xuân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1382	967	829
15327	218	Đường Nguyễn Thông	Đường Võ Thị Sáu	Đường Trần Tế Xương	Phường Bình Phước	6.000	4.200	3.600
15328		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2400	1680	1440
15329		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1920	1344	1152

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1536	1075	922
15331		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2160	1512	1296
15332		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1728	1210	1037
15333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1382	967	829
15334	219	Đường Võ Trường Toản	Đường Võ Thị Sáu	Đường Trần Tế Xương	Phường Bình Phước	6.000	4.200	3.600
15335		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2400	1680	1440
15336		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1920	1344	1152
15337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1536	1075	922
15338		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2160	1512	1296
15339		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1728	1210	1037

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1382	967	829
15341	220	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh đất Trường Mầm Non Hoa Huệ	Phường Bình Phước	6.600	4.600	4.000
15342		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất Trường Mầm Non Hoa Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2640	1848	1584
15343		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất Trường Mầm Non Hoa Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2112	1478	1267
15344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất Trường Mầm Non Hoa Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1690	1183	1014
15345		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất Trường Mầm Non Hoa Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2376	1663	1426
15346		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất Trường Mầm Non Hoa Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1901	1331	1141
15347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất Trường Mầm Non Hoa Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1521	1065	913
15348	221	Đường ĐT 741	Giáp ranh phường Tân Bình, Tân Xuân (cũ)	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	12.400	8.700	7.400
15349		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Bình, Tân Xuân (cũ) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	4960	3472	2976

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15350		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Bình, Tân Xuân (cũ) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3968	2778	2381
15351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Bình, Tân Xuân (cũ) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3174	2222	1904
15352		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Bình, Tân Xuân (cũ) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	4464	3125	2678
15353		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Bình, Tân Xuân (cũ) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3571	2500	2143
15354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Bình, Tân Xuân (cũ) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2857	2000	1714
15355	222	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 58	Phường Bình Phước	7.800	5.500	4.700
15356		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	3120	2184	1872
15357		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2496	1747	1498
15358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1997	1398	1198

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15359		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2808	1966	1685
15360		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2246	1572	1348
15361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1797	1258	1078
15362	223	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 58	Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 105	Phường Bình Phước	5.600	3.900	3.400
15363		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 58 đến Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2240	1568	1344
15364		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 58 đến Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1792	1254	1075
15365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 58 đến Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1434	1004	860
15366		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 58 đến Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2016	1411	1210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15367		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 58 đến Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1613	1129	968
15368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 58 đến Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1291	904	775
15369	224	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 105	Ngã ba giao đường bộ đội	Phường Bình Phước	4.800	3.400	2.900
15370		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 105 đến Ngã ba giao đường bộ đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1920	1344	1152
15371		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 105 đến Ngã ba giao đường bộ đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1536	1075	922
15372		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 105 đến Ngã ba giao đường bộ đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1229	860	737
15373		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 105 đến Ngã ba giao đường bộ đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1728	1210	1037
15374		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 105 đến Ngã ba giao đường bộ đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1382	967	829

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15375		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 105 đến Ngã ba giao đường bộ đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1106	774	664
15376	225	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Ngã ba giao đường bộ đội	Giáp xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (cũ)	Phường Bình Phước	3.600	2.500	2.200
15377		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Ngã ba giao đường bộ đội đến Giáp xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1440	1008	864
15378		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Ngã ba giao đường bộ đội đến Giáp xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1152	806	691
15379		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Ngã ba giao đường bộ đội đến Giáp xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	922	645	553
15380		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Ngã ba giao đường bộ đội đến Giáp xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1296	907	778
15381		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Ngã ba giao đường bộ đội đến Giáp xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1037	726	622
15382		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Ngã ba giao đường bộ đội đến Giáp xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	830	581	498
15383	226	Đường Tiến Hưng - Tiến Thành	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15384		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tiến Hưng - Tiến Thành đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	920	644	552
15385		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tiến Hưng - Tiến Thành đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	736	515	442
15386		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tiến Hưng - Tiến Thành đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	589	412	353
15387		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tiến Hưng - Tiến Thành đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	828	580	497
15388		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tiến Hưng - Tiến Thành đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	662	463	397
15389		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tiến Hưng - Tiến Thành đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	530	371	318
15390	227	Đường nhựa đi ấp Dên Dên	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	2.800	2.000	1.700
15391		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Dên Dên đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1120	784	672
15392		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Dên Dên đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	896	627	538

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15393		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Dên Dên đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	717	502	430
15394		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Dên Dên đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1008	706	605
15395		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Dên Dên đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	806	564	484
15396		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Dên Dên đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	645	452	387
15397	228	Đường Trường Chinh nối dài	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Ngõ 129	Phường Bình Phước	7.000	4.900	4.200
15398		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Ngõ 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2800	1960	1680
15399		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Ngõ 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2240	1568	1344
15400		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Ngõ 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1792	1254	1075
15401		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Ngõ 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2520	1764	1512

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15402		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Ngõ 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2016	1411	1210
15403		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Ngõ 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1613	1129	968
15404	229	Đường Trường Chinh nối dài	Ngõ 129	Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351)	Phường Bình Phước	2.200	1.500	1.300
15405		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 129 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	880	616	528
15406		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 129 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	704	493	422
15407		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 129 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	563	394	338
15408		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 129 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	792	554	475
15409		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 129 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	634	444	380
15410		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 129 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	507	355	304
15411	230	Đường Trường Chinh nối dài	Ngõ 401	Giáp ranh phường Tân Bình (cũ)	Phường Bình Phước	4.800	3.400	2.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15412		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 401 đến Giáp ranh phường Tân Bình (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1920	1344	1152
15413		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 401 đến Giáp ranh phường Tân Bình (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1536	1075	922
15414		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 401 đến Giáp ranh phường Tân Bình (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1229	860	737
15415		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 401 đến Giáp ranh phường Tân Bình (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1728	1210	1037
15416		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 401 đến Giáp ranh phường Tân Bình (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1382	967	829
15417		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 401 đến Giáp ranh phường Tân Bình (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1106	774	664
15418	231	Đường Long An (ngõ 354)	Đường ĐT 741	Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	4.800	3.400	2.900
15419		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long An (ngõ 354) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1920	1344	1152
15420		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long An (ngõ 354) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1536	1075	922

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15421		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long An (ngõ 354) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1229	860	737
15422		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long An (ngõ 354) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1728	1210	1037
15423		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long An (ngõ 354) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1382	967	829
15424		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long An (ngõ 354) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1106	774	664
15425	232	Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246)	Đường ĐT 741 (Trạm Y Tế Xã)	Ngã ba (đường Long An)	Phường Bình Phước	5.800	4.100	3.500
15426		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Đường ĐT 741 (Trạm Y Tế Xã) đến Ngã ba (đường Long An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2320	1624	1392
15427		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Đường ĐT 741 (Trạm Y Tế Xã) đến Ngã ba (đường Long An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1856	1299	1114
15428		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Đường ĐT 741 (Trạm Y Tế Xã) đến Ngã ba (đường Long An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1485	1040	891
15429		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Đường ĐT 741 (Trạm Y Tế Xã) đến Ngã ba (đường Long An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2088	1462	1253

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15430		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Đường ĐT 741 (Trạm Y Tế Xã) đến Ngã ba (đường Long An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1670	1169	1002
15431		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Đường ĐT 741 (Trạm Y Tế Xã) đến Ngã ba (đường Long An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1337	936	802
15432	233	Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246)	Ngã ba (đường Long An)	Cầu Rạt xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	2.800	2.000	1.700
15433		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Ngã ba (đường Long An) đến Cầu Rạt xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1120	784	672
15434		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Ngã ba (đường Long An) đến Cầu Rạt xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	896	627	538
15435		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Ngã ba (đường Long An) đến Cầu Rạt xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	717	502	430
15436		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Ngã ba (đường Long An) đến Cầu Rạt xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1008	706	605
15437		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Ngã ba (đường Long An) đến Cầu Rạt xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	806	564	484

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15438		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Ngã ba (đường Long An) đến Cầu Rạt xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	645	452	387
15439	234	Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351)	Đường ĐT 741	Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3	Phường Bình Phước	9.800	6.900	5.900
15440		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	3920	2744	2352
15441		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3136	2195	1882
15442		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2509	1756	1505
15443		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	3528	2470	2117
15444		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2822	1975	1693
15445		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2258	1581	1355
15446	235	Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351)	Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3	Hết ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3	Phường Bình Phước	5.800	4.100	3.500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15447		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 đến Hết ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2320	1624	1392
15448		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 đến Hết ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1856	1299	1114
15449		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 đến Hết ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1485	1040	891
15450		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 đến Hết ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2088	1462	1253
15451		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 đến Hết ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1670	1169	1002
15452		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 đến Hết ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1337	936	802
15453	236	Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245)	Đường ĐT 741	Giáp khu dân cư 92 ha	Phường Bình Phước	4.800	3.400	2.900
15454		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp khu dân cư 92 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1920	1344	1152

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15455		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp khu dân cư 92 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1536	1075	922
15456		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp khu dân cư 92 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1229	860	737
15457		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp khu dân cư 92 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1728	1210	1037
15458		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp khu dân cư 92 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1382	967	829
15459		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp khu dân cư 92 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1106	774	664
15460	237	Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245)	Giáp khu dân cư 92 ha	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Phường Bình Phước	4.300	3.000	2.600
15461		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Giáp khu dân cư 92 ha đến Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1720	1204	1032
15462		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Giáp khu dân cư 92 ha đến Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1376	963	826

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15463		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Giáp khu dân cư 92 ha đến Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1101	771	661
15464		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Giáp khu dân cư 92 ha đến Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1548	1084	929
15465		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Giáp khu dân cư 92 ha đến Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1238	867	743
15466		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Giáp khu dân cư 92 ha đến Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	991	694	595
15467	238	Ngõ 486	Đường ĐT 741	Hết ranh đất nhà máy xử lý rác	Phường Bình Phước	3.300	2.300	2.000
15468		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 486 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh đất nhà máy xử lý rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	1320	924	792
15469		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 486 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh đất nhà máy xử lý rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1056	739	634
15470		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 486 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh đất nhà máy xử lý rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	845	592	507
15471		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 486 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh đất nhà máy xử lý rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	1188	832	713

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15472		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 486 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh đất nhà máy xử lý rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	950	665	570
15473		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 486 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh đất nhà máy xử lý rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	761	533	457
15474	239	Ngõ 493, 477	Đường ĐT 741	Khu dân cư Tà Bế Gold	Phường Bình Phước	3.300	2.300	2.000
15475		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 493, 477 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Khu dân cư Tà Bế Gold có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1320	924	792
15476		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 493, 477 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Khu dân cư Tà Bế Gold có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1056	739	634
15477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 493, 477 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Khu dân cư Tà Bế Gold có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	845	592	507
15478		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 493, 477 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Khu dân cư Tà Bế Gold có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1188	832	713
15479		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 493, 477 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Khu dân cư Tà Bế Gold có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	950	665	570
15480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 493, 477 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Khu dân cư Tà Bế Gold có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	761	533	457
15481	240	Ngõ 401, 393	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	3.800	2.700	2.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15482		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 401, 393 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1520	1064	912
15483		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 401, 393 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1216	851	730
15484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 401, 393 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	973	681	584
15485		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 401, 393 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1368	958	821
15486		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 401, 393 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1094	766	656
15487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 401, 393 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	876	613	526
15488	241	Ngõ 551 (đoạn đường nhựa)	Đường ĐT 741	Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 96	Phường Bình Phước	3.800	2.700	2.300
15489		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 551 (đoạn đường nhựa) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 96 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	1520	1064	912
15490		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 551 (đoạn đường nhựa) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 96 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1216	851	730
15491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 551 (đoạn đường nhựa) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 96 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	973	681	584

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15492		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 551 (đoạn đường nhựa) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 96 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	1368	958	821
15493		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 551 (đoạn đường nhựa) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 96 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1094	766	656
15494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 551 (đoạn đường nhựa) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 96 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	876	613	526
15495	242	Ngõ 551	Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 96	Hết thửa đất số 03, tờ bản đồ số 55	Phường Bình Phước	2.300	1.600	1.400
15496		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 551 đoạn từ Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 96 đến Hết thửa đất số 03, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	920	644	552
15497		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 551 đoạn từ Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 96 đến Hết thửa đất số 03, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	736	515	442
15498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 551 đoạn từ Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 96 đến Hết thửa đất số 03, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	589	412	353
15499		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 551 đoạn từ Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 96 đến Hết thửa đất số 03, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	828	580	497
15500		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 551 đoạn từ Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 96 đến Hết thửa đất số 03, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	662	463	397

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 551 đoạn từ Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 96 đến Hết thửa đất số 03, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	530	371	318
15502	243	Ngõ 466, 461, 446, 445, 434, 419, 384	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	2.300	1.600	1.400
15503		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 466, 461, 446, 445, 434, 419, 384 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	920	644	552
15504		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 466, 461, 446, 445, 434, 419, 384 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	736	515	442
15505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 466, 461, 446, 445, 434, 419, 384 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	589	412	353
15506		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 466, 461, 446, 445, 434, 419, 384 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	828	580	497
15507		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 466, 461, 446, 445, 434, 419, 384 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	662	463	397
15508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 466, 461, 446, 445, 434, 419, 384 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	530	371	318
15509	244	Ngõ 422, 371, 427	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	2.800	2.000	1.700
15510		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 422, 371, 427 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1120	784	672
15511		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 422, 371, 427 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	896	627	538

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 422, 371, 427 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	717	502	430
15513		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 422, 371, 427 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1008	706	605
15514		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 422, 371, 427 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	806	564	484
15515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 422, 371, 427 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	645	452	387
15516	245	Ngõ 326, 292, 282, 270	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	2.300	1.600	1.400
15517		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 326, 292, 282, 270 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	920	644	552
15518		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 326, 292, 282, 270 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	736	515	442
15519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 326, 292, 282, 270 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	589	412	353
15520		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 326, 292, 282, 270 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	828	580	497
15521		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 326, 292, 282, 270 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	662	463	397
15522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 326, 292, 282, 270 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	530	371	318

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15523	246	Ngõ 212, 182	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	5.600	3.900	3.400
15524		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 212, 182 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2240	1568	1344
15525		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 212, 182 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1792	1254	1075
15526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 212, 182 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1434	1004	860
15527		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 212, 182 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2016	1411	1210
15528		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 212, 182 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1613	1129	968
15529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 212, 182 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1291	904	775
15530	247	Ngõ 136, 68	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	4.200	2.900	2.500
15531		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 136, 68 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1680	1176	1008
15532		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 136, 68 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1344	941	806
15533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 136, 68 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1075	753	645

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15534		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 136, 68 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1512	1058	907
15535		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 136, 68 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1210	847	726
15536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 136, 68 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	968	678	581
15537	248	Ngõ 226, 202, 146	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	3.450	2.400	2.100
15538		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 226, 202, 146 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1380	966	828
15539		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 226, 202, 146 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1104	773	662
15540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 226, 202, 146 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	883	618	530
15541		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 226, 202, 146 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1242	869	745
15542		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 226, 202, 146 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	994	696	596
15543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 226, 202, 146 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	795	557	477
15544	249	Ngõ 160	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	4.600	3.200	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15545		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 160 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1840	1288	1104
15546		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 160 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1472	1030	883
15547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 160 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1178	825	707
15548		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 160 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1656	1159	994
15549		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 160 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1325	928	795
15550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 160 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1060	742	636
15551	250	Ngõ 22	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	2.300	1.600	1.400
15552		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 22 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	920	644	552
15553		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 22 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	736	515	442
15554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 22 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	589	412	353
15555		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 22 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	828	580	497

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15556		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 22 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	662	463	397
15557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 22 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	530	371	318
15558	251	Ngõ 44	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	2.300	1.600	1.400
15559		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 44 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	920	644	552
15560		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 44 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	736	515	442
15561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 44 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	589	412	353
15562		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 44 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	828	580	497
15563		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 44 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	662	463	397
15564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 44 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	530	371	318
15565	252	Ngõ 2	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	3.800	2.700	2.300
15566		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 2 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1520	1064	912

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15567		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 2 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1216	851	730
15568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 2 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	973	681	584
15569		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 2 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1368	958	821
15570		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 2 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1094	766	656
15571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 2 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	876	613	526
15572	253	Ngõ 49, 91, 113, 129, 67, 187, 197, 227	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	4.800	3.400	2.900
15573		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 49, 91, 113, 129, 67, 187, 197, 227 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1920	1344	1152
15574		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 49, 91, 113, 129, 67, 187, 197, 227 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1536	1075	922
15575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 49, 91, 113, 129, 67, 187, 197, 227 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1229	860	737
15576		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 49, 91, 113, 129, 67, 187, 197, 227 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1728	1210	1037

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15577		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 49, 91, 113, 129, 67, 187, 197, 227 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1382	967	829
15578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 49, 91, 113, 129, 67, 187, 197, 227 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1106	774	664
15579	254	Ngõ 167, 145	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	6.100	4.300	3.600
15580		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 167, 145 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2440	1708	1464
15581		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 167, 145 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1952	1366	1171
15582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 167, 145 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1562	1093	937
15583		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 167, 145 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2196	1537	1318
15584		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 167, 145 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1757	1230	1054
15585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 167, 145 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1406	984	844
15586	255	Ngõ 249, 281, 301	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	2.300	1.600	1.400
15587		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 249, 281, 301 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	920	644	552

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15588		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 249, 281, 301 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	736	515	442
15589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 249, 281, 301 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	589	412	353
15590		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 249, 281, 301 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	828	580	497
15591		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 249, 281, 301 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	662	463	397
15592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 249, 281, 301 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	530	371	318
15593	256	Ngõ 303	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	2.300	1.600	1.400
15594		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 303 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	920	644	552
15595		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 303 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	736	515	442
15596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 303 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	589	412	353
15597		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 303 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	828	580	497

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15598		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 303 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	662	463	397
15599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 303 đoạn từ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	530	371	318
15600	257	Đường nhựa thuộc ấp 1	Ngõ 445	Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351)	Phường Bình Phước	2.300	1.600	1.400
15601		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thuộc ấp 1 đoạn từ Ngõ 445 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	920	644	552
15602		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thuộc ấp 1 đoạn từ Ngõ 445 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	736	515	442
15603		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thuộc ấp 1 đoạn từ Ngõ 445 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	589	412	353
15604		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thuộc ấp 1 đoạn từ Ngõ 445 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	828	580	497
15605		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thuộc ấp 1 đoạn từ Ngõ 445 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	662	463	397
15606		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thuộc ấp 1 đoạn từ Ngõ 445 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	530	371	318
15607	258	Đường nhựa liên ấp 3, ấp 6	Ngõ 49	Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245)	Phường Bình Phước	4.600	3.200	2.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15608		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp 3, ấp 6 đoạn từ Ngõ 49 đến Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1840	1288	1104
15609		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp 3, ấp 6 đoạn từ Ngõ 49 đến Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1472	1030	883
15610		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp 3, ấp 6 đoạn từ Ngõ 49 đến Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1178	825	707
15611		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp 3, ấp 6 đoạn từ Ngõ 49 đến Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1656	1159	994
15612		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp 3, ấp 6 đoạn từ Ngõ 49 đến Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1325	928	795
15613		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp 3, ấp 6 đoạn từ Ngõ 49 đến Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1060	742	636
15614	259	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	6.900	4.800	4.100
15615		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2760	1932	1656
15616		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2208	1546	1325

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15617		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1766	1236	1060
15618		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2484	1739	1490
15619		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1987	1391	1192
15620		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1589	1112	953
15621	260	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (cũ)	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	6.900	4.800	4.100
15622		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2760	1932	1656
15623		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2208	1546	1325
15624		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1766	1236	1060
15625		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2484	1739	1490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15626		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1987	1391	1192
15627		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1589	1112	953
15628	261	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên (trừ các tuyến đường đã có tên trong bảng giá đất)	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	7.800	5.400	4.700
15629		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên (trừ các tuyến đường đã có tên trong bảng giá đất) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	3120	2184	1872
15630		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên (trừ các tuyến đường đã có tên trong bảng giá đất) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2496	1747	1498
15631		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên (trừ các tuyến đường đã có tên trong bảng giá đất) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1997	1398	1198
15632		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên (trừ các tuyến đường đã có tên trong bảng giá đất) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	2808	1966	1685
15633		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên (trừ các tuyến đường đã có tên trong bảng giá đất) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2246	1572	1348

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15634		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên (trừ các tuyến đường đã có tên trong bảng giá đất) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1797	1258	1078
15635	262	Các tuyến đường trong phân lô của bà Nguyễn Thị Tâm Phượng (đường quy hoạch 28m khu dân cư phía đông phường Tân Thiện (cũ))	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	4.500	3.200	2.700
15636		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong phân lô của bà Nguyễn Thị Tâm Phượng (đường quy hoạch 28m khu dân cư phía đông phường Tân Thiện (cũ)) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	1800	1260	1080
15637		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong phân lô của bà Nguyễn Thị Tâm Phượng (đường quy hoạch 28m khu dân cư phía đông phường Tân Thiện (cũ)) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1440	1008	864
15638		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong phân lô của bà Nguyễn Thị Tâm Phượng (đường quy hoạch 28m khu dân cư phía đông phường Tân Thiện (cũ)) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1152	806	691
15639		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong phân lô của bà Nguyễn Thị Tâm Phượng (đường quy hoạch 28m khu dân cư phía đông phường Tân Thiện (cũ)) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	1620	1134	972
15640		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong phân lô của bà Nguyễn Thị Tâm Phượng (đường quy hoạch 28m khu dân cư phía đông phường Tân Thiện (cũ)) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1296	907	778

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15641		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong phân lô của bà Nguyễn Thị Tâm Phượng (đường quy hoạch 28m khu dân cư phía đông phường Tân Thiện (cũ)) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1037	726	622
15642	713	Các tuyến đường trong Khu dân cư Sando	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	5.900	4.100	3.500
15643		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu dân cư Sando đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2360	1652	1416
15644		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu dân cư Sando đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1888	1322	1133
15645		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu dân cư Sando đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1510	1057	906
15646		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu dân cư Sando đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2124	1487	1274
15647		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu dân cư Sando đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1699	1189	1019
15648		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu dân cư Sando đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1359	951	815
15649	714	Khu dân cư Thuận Hòa	Đường liên xã		Phường Bình Phước	5.900	4.100	3.500
15650		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thuận Hòa đoạn từ Đường liên xã đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2360	1652	1416

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15651		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thuận Hòa đoạn từ Đường liên xã đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1888	1322	1133
15652		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thuận Hòa đoạn từ Đường liên xã đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1510	1057	906
15653		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thuận Hòa đoạn từ Đường liên xã đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2124	1487	1274
15654		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thuận Hòa đoạn từ Đường liên xã đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1699	1189	1019
15655		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thuận Hòa đoạn từ Đường liên xã đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1359	951	815
15656	715	Khu dân cư Thuận Hòa	Đường D1		Phường Bình Phước	5.500	3.800	3.300
15657		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thuận Hòa đoạn từ Đường D1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2200	1540	1320
15658		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thuận Hòa đoạn từ Đường D1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1760	1232	1056
15659		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thuận Hòa đoạn từ Đường D1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1408	986	845
15660		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thuận Hòa đoạn từ Đường D1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1980	1386	1188

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15661		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thuận Hòa đoạn từ Đường D1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1584	1109	950
15662		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thuận Hòa đoạn từ Đường D1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1267	887	760
15663	716	Khu dân cư Thuận Hòa	Đường N1, N2, D2, D3		Phường Bình Phước	4.500	3.200	2.700
15664		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thuận Hòa đoạn từ Đường N1, N2, D2, D3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1800	1260	1080
15665		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thuận Hòa đoạn từ Đường N1, N2, D2, D3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1440	1008	864
15666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thuận Hòa đoạn từ Đường N1, N2, D2, D3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1152	806	691
15667		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thuận Hòa đoạn từ Đường N1, N2, D2, D3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1620	1134	972
15668		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thuận Hòa đoạn từ Đường N1, N2, D2, D3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1296	907	778
15669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thuận Hòa đoạn từ Đường N1, N2, D2, D3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1037	726	622
15670	717	Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh	Đường D1, D2, D3, D4, đường hiện hữu		Phường Bình Phước	6.400	4.500	3.800
15671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh đoạn từ Đường D1, D2, D3, D4, đường hiện hữu đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2560	1792	1536

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15672		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh đoạn từ Đường D1, D2, D3, D4, đường hiện hữu đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2048	1434	1229
15673		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh đoạn từ Đường D1, D2, D3, D4, đường hiện hữu đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1638	1147	983
15674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh đoạn từ Đường D1, D2, D3, D4, đường hiện hữu đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2304	1613	1382
15675		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh đoạn từ Đường D1, D2, D3, D4, đường hiện hữu đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1843	1290	1106
15676		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh đoạn từ Đường D1, D2, D3, D4, đường hiện hữu đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1474	1032	884
15677	718	Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh	Đường N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7, DN1, DN2		Phường Bình Phước	5.500	3.800	3.300
15678		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh đoạn từ Đường N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7, DN1, DN2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2200	1540	1320
15679		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh đoạn từ Đường N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7, DN1, DN2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1760	1232	1056
15680		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh đoạn từ Đường N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7, DN1, DN2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1408	986	845

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15681		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh đoạn từ Đường N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7, DN1, DN2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1980	1386	1188
15682		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh đoạn từ Đường N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7, DN1, DN2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1584	1109	950
15683		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh đoạn từ Đường N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7, DN1, DN2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1267	887	760
15684	719	Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng	Đường N1, TC2, N10, N8, TC1		Phường Bình Phước	11.500	8.100	6.900
15685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N1, TC2, N10, N8, TC1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	4600	3220	2760
15686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N1, TC2, N10, N8, TC1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3680	2576	2208
15687		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N1, TC2, N10, N8, TC1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2944	2061	1766
15688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N1, TC2, N10, N8, TC1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	4140	2898	2484
15689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N1, TC2, N10, N8, TC1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3312	2318	1987

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15690		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N1, TC2, N10, N8, TC1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2650	1855	1590
15691	720	Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng	Đường N2, N5B, N6B, N7, D8, N6A, D1, D2, D3		Phường Bình Phước	8.800	6.200	5.300
15692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N2, N5B, N6B, N7, D8, N6A, D1, D2, D3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	3520	2464	2112
15693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N2, N5B, N6B, N7, D8, N6A, D1, D2, D3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2816	1971	1690
15694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N2, N5B, N6B, N7, D8, N6A, D1, D2, D3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2253	1577	1352
15695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N2, N5B, N6B, N7, D8, N6A, D1, D2, D3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	3168	2218	1901
15696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N2, N5B, N6B, N7, D8, N6A, D1, D2, D3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2534	1774	1520
15697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N2, N5B, N6B, N7, D8, N6A, D1, D2, D3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2028	1420	1217
15698	721	Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng	Đường N3B, N4B, N9, N11, D4, D7, D8, D9, D5A, D5B, N3A, N4A, N5A, D2-1, D2-2		Phường Bình Phước	7.900	5.500	4.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N3B, N4B, N9, N11, D4, D7, D8, D9, D5A, D5B, N3A, N4A, N5A, D2-1, D2-2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	3160	2212	1896
15700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N3B, N4B, N9, N11, D4, D7, D8, D9, D5A, D5B, N3A, N4A, N5A, D2-1, D2-2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2528	1770	1517
15701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N3B, N4B, N9, N11, D4, D7, D8, D9, D5A, D5B, N3A, N4A, N5A, D2-1, D2-2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2022	1415	1213
15702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N3B, N4B, N9, N11, D4, D7, D8, D9, D5A, D5B, N3A, N4A, N5A, D2-1, D2-2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2844	1991	1706
15703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N3B, N4B, N9, N11, D4, D7, D8, D9, D5A, D5B, N3A, N4A, N5A, D2-1, D2-2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2275	1593	1365
15704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N3B, N4B, N9, N11, D4, D7, D8, D9, D5A, D5B, N3A, N4A, N5A, D2-1, D2-2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1820	1274	1092
15705	722	Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng	Đường N3, D6, D10, D11, D12, D13, D14, D15, D16A, D16		Phường Bình Phước	8.300	5.800	5.000
15706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N3, D6, D10, D11, D12, D13, D14, D15, D16A, D16 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	3320	2324	1992

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N3, D6, D10, D11, D12, D13, D14, D15, D16A, D16 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2656	1859	1594
15708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N3, D6, D10, D11, D12, D13, D14, D15, D16A, D16 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2125	1488	1275
15709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N3, D6, D10, D11, D12, D13, D14, D15, D16A, D16 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2988	2092	1793
15710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N3, D6, D10, D11, D12, D13, D14, D15, D16A, D16 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2390	1673	1434
15711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng đoạn từ Đường N3, D6, D10, D11, D12, D13, D14, D15, D16A, D16 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1913	1339	1148
15712	723	Khu dân cư Đức Hoàng Phát	Đường quy hoạch 32m		Phường Bình Phước	5.900	4.100	3.500
15713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Đức Hoàng Phát đoạn từ Đường quy hoạch 32m đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2360	1652	1416
15714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Đức Hoàng Phát đoạn từ Đường quy hoạch 32m đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1888	1322	1133
15715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Đức Hoàng Phát đoạn từ Đường quy hoạch 32m đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1510	1057	906
15716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Đức Hoàng Phát đoạn từ Đường quy hoạch 32m đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2124	1487	1274

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Đức Hoàng Phát đoạn từ Đường quy hoạch 32m đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1699	1189	1019
15718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Đức Hoàng Phát đoạn từ Đường quy hoạch 32m đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1359	951	815
15719	724	Khu dân cư Đức Hoàng Phát	Các đường còn lại		Phường Bình Phước	4.500	3.200	2.700
15720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Đức Hoàng Phát đoạn từ Các đường còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1800	1260	1080
15721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Đức Hoàng Phát đoạn từ Các đường còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1440	1008	864
15722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Đức Hoàng Phát đoạn từ Các đường còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1152	806	691
15723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Đức Hoàng Phát đoạn từ Các đường còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1620	1134	972
15724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Đức Hoàng Phát đoạn từ Các đường còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1296	907	778
15725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Đức Hoàng Phát đoạn từ Các đường còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1037	726	622
15726	725	Nhà ở xã hội Phúc Thành	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường - đoạn tương ứng)		Phường Bình Phước	8.800	6.200	5.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường - đoạn tương ứng) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	3520	2464	2112
15728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường - đoạn tương ứng) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2816	1971	1690
15729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường - đoạn tương ứng) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2253	1577	1352
15730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường - đoạn tương ứng) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	3168	2218	1901
15731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường - đoạn tương ứng) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2534	1774	1520
15732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường - đoạn tương ứng) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2028	1420	1217
15733	726	Nhà ở xã hội Phúc Thành	Đường D6, D7		Phường Bình Phước	6.100	4.300	3.700
15734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường D6, D7 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2440	1708	1464
15735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường D6, D7 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1952	1366	1171
15736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường D6, D7 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1562	1093	937

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường D6, D7 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2196	1537	1318
15738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường D6, D7 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1757	1230	1054
15739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường D6, D7 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1406	984	844
15740	727	Nhà ở xã hội Phúc Thành	Đường N3,N4, N5, N6, N7, N8, N9		Phường Bình Phước	5.200	3.700	3.100
15741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường N3,N4, N5, N6, N7, N8, N9 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2080	1456	1248
15742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường N3,N4, N5, N6, N7, N8, N9 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1664	1165	998
15743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường N3,N4, N5, N6, N7, N8, N9 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1331	932	799
15744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường N3,N4, N5, N6, N7, N8, N9 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1872	1310	1123
15745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường N3,N4, N5, N6, N7, N8, N9 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1498	1049	899
15746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường N3,N4, N5, N6, N7, N8, N9 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1198	839	719

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15747	728	Nhà ở xã hội Phúc Thành	Đường N1, N2, D1, D2, D3, D4, D5 à các đường còn lại trong khu dân cư		Phường Bình Phước	4.500	3.200	2.700
15748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường N1, N2, D1, D2, D3, D4, D5 à các đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1800	1260	1080
15749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường N1, N2, D1, D2, D3, D4, D5 à các đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1440	1008	864
15750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường N1, N2, D1, D2, D3, D4, D5 à các đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1152	806	691
15751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường N1, N2, D1, D2, D3, D4, D5 à các đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1620	1134	972
15752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường N1, N2, D1, D2, D3, D4, D5 à các đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1296	907	778
15753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhà ở xã hội Phúc Thành đoạn từ Đường N1, N2, D1, D2, D3, D4, D5 à các đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1037	726	622
15754	729	Nhà ở xã hội Hưng Thịnh	Các tuyến đường trong khu dân cư		Phường Bình Phước	4.500	3.200	2.700
15755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhà ở xã hội Hưng Thịnh đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1800	1260	1080
15756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhà ở xã hội Hưng Thịnh đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1440	1008	864

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhà ở xã hội Hưng Thịnh đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1152	806	691
15758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhà ở xã hội Hưng Thịnh đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1620	1134	972
15759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhà ở xã hội Hưng Thịnh đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1296	907	778
15760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhà ở xã hội Hưng Thịnh đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1037	726	622
15761	730	Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương	Đường D1, D2		Phường Bình Phước	8.300	5.800	5.000
15762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương đoạn từ Đường D1, D2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	3320	2324	1992
15763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương đoạn từ Đường D1, D2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2656	1859	1594
15764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương đoạn từ Đường D1, D2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2125	1488	1275

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương đoạn từ Đường D1, D2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2988	2092	1793
15766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương đoạn từ Đường D1, D2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2390	1673	1434
15767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương đoạn từ Đường D1, D2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1913	1339	1148
15768	731	Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương	Đường D3, D4, D5, N1, N2, N3, N4		Phường Bình Phước	6.900	4.800	4.100
15769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương đoạn từ Đường D3, D4, D5, N1, N2, N3, N4 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2760	1932	1656
15770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương đoạn từ Đường D3, D4, D5, N1, N2, N3, N4 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2208	1546	1325
15771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương đoạn từ Đường D3, D4, D5, N1, N2, N3, N4 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1766	1236	1060

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương đoạn từ Đường D3, D4, D5, N1, N2, N3, N4 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2484	1739	1490
15773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương đoạn từ Đường D3, D4, D5, N1, N2, N3, N4 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1987	1391	1192
15774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương đoạn từ Đường D3, D4, D5, N1, N2, N3, N4 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1589	1112	953
15775	732	Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương	Đường N9		Phường Bình Phước	7.600	5.300	4.500
15776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương đoạn từ Đường N9 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	3040	2128	1824
15777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương đoạn từ Đường N9 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2432	1702	1459
15778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương đoạn từ Đường N9 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1946	1362	1168

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương đoạn từ Đường N9 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2736	1915	1642
15780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương đoạn từ Đường N9 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2189	1532	1313
15781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bế Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương đoạn từ Đường N9 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1751	1226	1051
15782	733	Khu dân cư Hạnh Phúc 1	Đường N1, N2, D1, D2		Phường Bình Phước	5.000	3.500	3.000
15783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Hạnh Phúc 1 đoạn từ Đường N1, N2, D1, D2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2000	1400	1200
15784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Hạnh Phúc 1 đoạn từ Đường N1, N2, D1, D2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1600	1120	960
15785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Hạnh Phúc 1 đoạn từ Đường N1, N2, D1, D2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1280	896	768
15786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Hạnh Phúc 1 đoạn từ Đường N1, N2, D1, D2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1800	1260	1080
15787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Hạnh Phúc 1 đoạn từ Đường N1, N2, D1, D2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1440	1008	864
15788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Hạnh Phúc 1 đoạn từ Đường N1, N2, D1, D2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1152	806	691

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15789	734	Khu dân cư Hạnh Phúc 2	Các tuyến đường trong khu dân cư		Phường Bình Phước	6.000	4.200	3.600
15790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Hạnh Phúc 2 đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2400	1680	1440
15791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Hạnh Phúc 2 đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1920	1344	1152
15792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Hạnh Phúc 2 đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1536	1075	922
15793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Hạnh Phúc 2 đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2160	1512	1296
15794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Hạnh Phúc 2 đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1728	1210	1037
15795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Hạnh Phúc 2 đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1382	967	829
15796	735	Khu dân cư Tiến Hưng (Công ty Đại Hoàng Kim)	Các tuyến đường trong khu dân cư		Phường Bình Phước	4.500	3.200	2.700
15797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Tiến Hưng (Công ty Đại Hoàng Kim) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1800	1260	1080
15798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Tiến Hưng (Công ty Đại Hoàng Kim) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1440	1008	864

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Tiến Hưng (Công ty Đại Hoàng Kim) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1152	806	691
15800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Tiến Hưng (Công ty Đại Hoàng Kim) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1620	1134	972
15801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Tiến Hưng (Công ty Đại Hoàng Kim) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1296	907	778
15802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Tiến Hưng (Công ty Đại Hoàng Kim) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1037	726	622
15803	736	Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh	Các tuyến đường trong khu dân cư		Phường Bình Phước	4.500	3.200	2.700
15804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1800	1260	1080
15805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1440	1008	864
15806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1152	806	691
15807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1620	1134	972

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1296	907	778
15809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1037	726	622
15810	737	Khu dân cư Danh Hoàng Long	Các tuyến đường trong khu dân cư		Phường Bình Phước	4.500	3.200	2.700
15811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Danh Hoàng Long đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1800	1260	1080
15812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Danh Hoàng Long đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1440	1008	864
15813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Danh Hoàng Long đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1152	806	691
15814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Danh Hoàng Long đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1620	1134	972
15815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Danh Hoàng Long đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1296	907	778
15816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Danh Hoàng Long đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1037	726	622
15817	738	Khu dân cư Kiên Cường Phát	Các tuyến đường trong khu dân cư		Phường Bình Phước	4.500	3.200	2.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Kiên Cường Phát đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1800	1260	1080
15819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Kiên Cường Phát đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1440	1008	864
15820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Kiên Cường Phát đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1152	806	691
15821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Kiên Cường Phát đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	1620	1134	972
15822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Kiên Cường Phát đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1296	907	778
15823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Kiên Cường Phát đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1037	726	622
15824	739	Khu dân cư Quang Minh Tiến	Đường số 1		Phường Bình Phước	12.000	8.400	7.200
15825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Đường số 1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	4800	3360	2880
15826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Đường số 1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3840	2688	2304
15827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Đường số 1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	3072	2150	1843

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Đường số 1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	4320	3024	2592
15829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Đường số 1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	3456	2419	2074
15830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Đường số 1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2765	1936	1659
15831	740	Khu dân cư Quang Minh Tiến	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư		Phường Bình Phước	8.000	5.600	4.800
15832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	3200	2240	1920
15833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2560	1792	1536
15834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	2048	1434	1229
15835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	2880	2016	1728
15836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	2304	1613	1382

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1843	1290	1106
15838	741	Các tuyến đường trong khu dân cư Làng Binh Đoàn 16	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	4.500	3.200	2.700
15839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong khu dân cư Làng Binh Đoàn 16 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	1800	1260	1080
15840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong khu dân cư Làng Binh Đoàn 16 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1440	1008	864
15841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong khu dân cư Làng Binh Đoàn 16 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1152	806	691
15842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong khu dân cư Làng Binh Đoàn 16 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	1620	1134	972
15843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong khu dân cư Làng Binh Đoàn 16 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	1296	907	778
15844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong khu dân cư Làng Binh Đoàn 16 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	1037	726	622
15845	1	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Phường Đồng Xoài	20.400	14.300	12.200
15846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	8160	5712	4896

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	6528	4570	3917
15848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	5222	3655	3133
15849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	7344	5141	4406
15850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	5875	4113	3525
15851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	4700	3290	2820
15852	2	Đường Quốc lộ 14	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Phường Đồng Xoài	13.600	9.500	8.200
15853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	5440	3808	3264

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	4352	3046	2611
15855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	3482	2437	2089
15856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	4896	3427	2938
15857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	3917	2742	2350
15858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	3134	2194	1880
15859	3	Đường Quốc lộ 14	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Phường Đồng Xoài	8.800	6.200	5.300
15860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	3608	2526	2165

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2886	2020	1732
15862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2309	1616	1385
15863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	3247	2273	1948
15864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2597	1818	1558
15865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2078	1455	1247
15866	4	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	Phường Đồng Xoài	6.400	4.500	3.800
15867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	2624	1837	1574

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2099	1469	1259
15869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	1679	1175	1007
15870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	2362	1653	1417
15871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	1889	1322	1133
15872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	1511	1058	907
15873	5	Đường Phan Bội Châu	Đường Quốc lộ 14	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Xoài	10.000	7.000	6.000
15874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	4000	2800	2400
15875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	3200	2240	1920
15876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2560	1792	1536

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	3600	2520	2160
15878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2880	2016	1728
15879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2304	1613	1382
15880	6	Đường Phan Chu Trinh	Đường Quốc lộ 14	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Xoài	8.800	6.200	5.300
15881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	3520	2464	2112
15882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2816	1971	1690
15883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2253	1577	1352
15884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	3168	2218	1901
15885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2534	1774	1520

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2028	1420	1217
15887	7	Đường Trần Hữu Độ	Đường Quốc lộ 14	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Xoài	8.800	6.200	5.300
15888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hữu Độ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	3520	2464	2112
15889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hữu Độ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2816	1971	1690
15890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hữu Độ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2253	1577	1352
15891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hữu Độ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	3168	2218	1901
15892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hữu Độ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2534	1774	1520
15893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hữu Độ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2028	1420	1217
15894	8	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Quốc lộ 14	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Xoài	14.400	10.100	8.600
15895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	5760	4032	3456

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	4608	3226	2765
15897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	3686	2580	2212
15898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	5184	3629	3110
15899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	4147	2903	2488
15900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	3317	2322	1990
15901	9	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Vành đai phía Nam	Phường Đồng Xoài	11.000	7.700	6.600
15902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Vành đai phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	4400	3080	2640
15903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Vành đai phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	3520	2464	2112
15904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Vành đai phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2816	1971	1690

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Vành đai phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	3960	2772	2376
15906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Vành đai phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	3168	2218	1901
15907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Vành đai phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2534	1774	1520
15908	10	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Quốc lộ 14	Đường số 37	Phường Đồng Xoài	14.400	10.100	8.600
15909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	5760	4032	3456
15910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	4608	3226	2765
15911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	3686	2580	2212
15912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	5184	3629	3110
15913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	4147	2903	2488
15914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	3317	2322	1990

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15915	11	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường số 37	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Xoài	10.800	7.600	6.500
15916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường số 37 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	4320	3024	2592
15917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường số 37 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	3456	2419	2074
15918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường số 37 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2765	1936	1659
15919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường số 37 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	3888	2722	2333
15920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường số 37 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	3110	2177	1866
15921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường số 37 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2489	1742	1493
15922	12	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Phan Bội Châu	Đường số 32 (N7)	Phường Đồng Xoài	14.400	10.100	8.600
15923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường số 32 (N7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	5760	4032	3456
15924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường số 32 (N7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	4608	3226	2765

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường số 32 (N7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	3686	2580	2212
15926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường số 32 (N7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	5184	3629	3110
15927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường số 32 (N7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	4147	2903	2488
15928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường số 32 (N7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	3317	2322	1990
15929	13	Đường Trần Huy Liệu	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Đồng Xoài	8.000	5.600	4.800
15930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	3200	2240	1920
15931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2560	1792	1536
15932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2048	1434	1229
15933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	2880	2016	1728

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2304	1613	1382
15935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	1843	1290	1106
15936	14	Đường Trần Xuân Soạn	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Đồng Xoài	8.000	5.600	4.800
15937		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	3200	2240	1920
15938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2560	1792	1536
15939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2048	1434	1229
15940		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	2880	2016	1728
15941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2304	1613	1382
15942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	1843	1290	1106
15943	15	Đường Phan Văn Trị	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Đồng Xoài	8.000	5.600	4.800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15944		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Trị đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	3200	2240	1920
15945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Trị đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2560	1792	1536
15946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Trị đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2048	1434	1229
15947		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Trị đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	2880	2016	1728
15948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Trị đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2304	1613	1382
15949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Trị đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	1843	1290	1106
15950	16	Đường Bùi Viện	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Đồng Xoài	8.000	5.600	4.800
15951		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	3200	2240	1920
15952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2560	1792	1536
15953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2048	1434	1229

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15954		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	2880	2016	1728
15955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2304	1613	1382
15956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	1843	1290	1106
15957	17	Đường Ngô Đức Kế	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Đồng Xoài	8.000	5.600	4.800
15958		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	3200	2240	1920
15959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2560	1792	1536
15960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2048	1434	1229
15961		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	2880	2016	1728
15962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2304	1613	1382

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	1843	1290	1106
15964	18	Đặng Trần Côn	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Đồng Xoài	8.000	5.600	4.800
15965		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đặng Trần Côn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	3200	2240	1920
15966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đặng Trần Côn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2560	1792	1536
15967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đặng Trần Côn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2048	1434	1229
15968		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đặng Trần Côn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	2880	2016	1728
15969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đặng Trần Côn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2304	1613	1382
15970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đặng Trần Côn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	1843	1290	1106
15971	19	Đường Nam Cao	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Phường Đồng Xoài	7.200	5.000	4.300
15972		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Cao đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	2880	2016	1728

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Cao đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2304	1613	1382
15974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Cao đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	1843	1290	1106
15975		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Cao đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	2592	1814	1555
15976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Cao đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2074	1452	1244
15977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Cao đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	1659	1161	995
15978	20	Khu dân cư Thiên Phúc Lợi	Các tuyến đường trong Khu dân cư Thiên Phúc Lợi (trừ các tuyến đường đã có tên trong bảng giá đất)		Phường Đồng Xoài	8.000	5.600	4.800
15979	21	Đường N3 Khu dân cư Quang Minh Tiến	Đường Quốc Lộ 14	Đường N6	Phường Đồng Xoài	9.200	6.400	5.500
15980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3 Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường N6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	3680	2576	2208
15981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3 Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường N6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2944	2061	1766

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3 Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường N6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2355	1649	1413
15983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3 Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường N6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	3312	2318	1987
15984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3 Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường N6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2650	1855	1590
15985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3 Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường N6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2120	1484	1272
15986	22	Đường N2 Khu dân cư Quang Minh Tiến	Đường số 32 (N7)	Đường N1	Phường Đồng Xoài	8.000	5.600	4.800
15987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Đường số 32 (N7) đến Đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	3200	2240	1920
15988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Đường số 32 (N7) đến Đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2560	1792	1536
15989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Đường số 32 (N7) đến Đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2048	1434	1229
15990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Đường số 32 (N7) đến Đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	2880	2016	1728

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
15991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Đường số 32 (N7) đến Đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2304	1613	1382
15992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 Khu dân cư Quang Minh Tiến đoạn từ Đường số 32 (N7) đến Đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	1843	1290	1106
15993	23	Các tuyến đường còn lại trong Khu dân cư Quang Minh Tiến	Toàn tuyến		Phường Đồng Xoài	7.200	5.000	4.300
15994	25	Khu Dân Cư The Gold Mart	Các tuyến đường trong khu dân cư The Gold Mart (trừ Đường Tôn Đức Thắng)		Phường Đồng Xoài	9.600	6.700	5.800
15995	26	Đường Dương Khuê	Đường Nam Cao	Cuối đường	Phường Đồng Xoài	6.800	4.800	4.100
15996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Khuê đoạn từ Đường Nam Cao đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	2720	1904	1632
15997		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Khuê đoạn từ Đường Nam Cao đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2176	1523	1306
15998		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Khuê đoạn từ Đường Nam Cao đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	1741	1219	1045
15999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Khuê đoạn từ Đường Nam Cao đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	2448	1714	1469
16000		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Khuê đoạn từ Đường Nam Cao đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	1958	1371	1175

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16001		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Khuê đoạn từ Đường Nam Cao đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	1567	1097	940
16002	27	Khu dân cư B85	Các tuyến đường trong khu dân cư B85 (trừ các tuyến đường đã có tên trong bảng giá đất)		Phường Đồng Xoài	2.400	1.700	1.400
16003	28	Đường Trần Hữu Độ nối dài (giáp trường chuyên Quang Trung)	Đường Quốc lộ 14	Hết đường	Phường Đồng Xoài	7.200	5.000	4.300
16004		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hữu Độ nối dài (giáp trường chuyên Quang Trung) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	2880	2016	1728
16005		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hữu Độ nối dài (giáp trường chuyên Quang Trung) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2304	1613	1382
16006		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hữu Độ nối dài (giáp trường chuyên Quang Trung) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	1843	1290	1106
16007		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hữu Độ nối dài (giáp trường chuyên Quang Trung) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	2592	1814	1555
16008		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hữu Độ nối dài (giáp trường chuyên Quang Trung) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2074	1452	1244
16009		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hữu Độ nối dài (giáp trường chuyên Quang Trung) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	1659	1161	995
16010	29	Đường nhựa ranh giữa phường Tiến Thành và phường Tân Phú (cũ)	Cầu Suối Cốc	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo - phường Tân Phú (cũ)	Phường Đồng Xoài	5.200	3.600	3.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16011		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giữa phường Tiến Thành và phường Tân Phú (cũ) đoạn từ Cầu Suối Cốc đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo - phường Tân Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	2080	1456	1248
16012		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giữa phường Tiến Thành và phường Tân Phú (cũ) đoạn từ Cầu Suối Cốc đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo - phường Tân Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	1664	1165	998
16013		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giữa phường Tiến Thành và phường Tân Phú (cũ) đoạn từ Cầu Suối Cốc đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo - phường Tân Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	1331	932	799
16014		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giữa phường Tiến Thành và phường Tân Phú (cũ) đoạn từ Cầu Suối Cốc đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo - phường Tân Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	1872	1310	1123
16015		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giữa phường Tiến Thành và phường Tân Phú (cũ) đoạn từ Cầu Suối Cốc đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo - phường Tân Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	1498	1049	899
16016		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giữa phường Tiến Thành và phường Tân Phú (cũ) đoạn từ Cầu Suối Cốc đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo - phường Tân Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	1198	839	719
16017	30	Đường nhựa Tiến Thành - Tiến Hưng	Đường N6 khu công nghiệp Đồng Xoài II	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Đồng Xoài	3.200	2.200	1.900
16018		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Tiến Thành - Tiến Hưng đoạn từ Đường N6 khu công nghiệp Đồng Xoài II đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	1280	896	768

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16019		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Tiến Thành - Tiến Hưng đoạn từ Đường N6 khu công nghiệp Đồng Xoài II đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	1024	717	614
16020		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Tiến Thành - Tiến Hưng đoạn từ Đường N6 khu công nghiệp Đồng Xoài II đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	819	573	491
16021		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Tiến Thành - Tiến Hưng đoạn từ Đường N6 khu công nghiệp Đồng Xoài II đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	1152	806	691
16022		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Tiến Thành - Tiến Hưng đoạn từ Đường N6 khu công nghiệp Đồng Xoài II đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	922	645	553
16023		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Tiến Thành - Tiến Hưng đoạn từ Đường N6 khu công nghiệp Đồng Xoài II đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	737	516	442
16024	31	Đường vào Trạm xá K23	Đường Quốc lộ 14	Đường vào nhà văn hóa ấp 2 (phía đối diện vuông góc chiếu sang)	Phường Đồng Xoài	2.900	2.000	1.700
16025		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường vào nhà văn hóa ấp 2 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1160	812	696
16026		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường vào nhà văn hóa ấp 2 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	928	650	557
16027		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường vào nhà văn hóa ấp 2 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	742	519	445

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16028		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường vào nhà văn hóa ấp 2 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1044	731	626
16029		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường vào nhà văn hóa ấp 2 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	835	585	501
16030		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường vào nhà văn hóa ấp 2 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	668	468	401
16031	32	Đường vào Trạm xá K23	Đường vào nhà văn hóa ấp 2	Cầu Quận 3	Phường Đồng Xoài	1.800	1.300	1.100
16032		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường vào nhà văn hóa ấp 2 đến Cầu Quận 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	720	504	432
16033		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường vào nhà văn hóa ấp 2 đến Cầu Quận 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	576	403	346
16034		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường vào nhà văn hóa ấp 2 đến Cầu Quận 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	461	323	277
16035		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường vào nhà văn hóa ấp 2 đến Cầu Quận 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	648	454	389
16036		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường vào nhà văn hóa ấp 2 đến Cầu Quận 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16037		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường vào nhà văn hóa ấp 2 đến Cầu Quận 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	415	291	249
16038	33	Đường bên hông Trường Quân sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê)	Đường Quốc lộ 14	Cầu Bưng Sê	Phường Đồng Xoài	2.000	1.400	1.200
16039		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Trường Quân sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cầu Bưng Sê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	800	560	480
16040		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Trường Quân sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cầu Bưng Sê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	640	448	384
16041		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Trường Quân sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cầu Bưng Sê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	512	358	307
16042		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Trường Quân sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cầu Bưng Sê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	720	504	432
16043		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Trường Quân sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cầu Bưng Sê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	576	403	346
16044		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Trường Quân sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cầu Bưng Sê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	461	323	277
16045	34	Đường bên hông Trường Quân Sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê)	Cầu Bưng Sê	Giáp ranh xã Thuận Lợi	Phường Đồng Xoài	1.900	1.300	1.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16046		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Trường Quân Sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Cầu Bưng Sê đến Giáp ranh xã Thuận Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	779	545	467
16047		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Trường Quân Sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Cầu Bưng Sê đến Giáp ranh xã Thuận Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	623	436	374
16048		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Trường Quân Sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Cầu Bưng Sê đến Giáp ranh xã Thuận Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	498	349	299
16049		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Trường Quân Sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Cầu Bưng Sê đến Giáp ranh xã Thuận Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	701	491	421
16050		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Trường Quân Sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Cầu Bưng Sê đến Giáp ranh xã Thuận Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	561	393	337
16051		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Trường Quân Sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Cầu Bưng Sê đến Giáp ranh xã Thuận Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	448	314	269
16052	35	Đường nhựa Việt Úc	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 7 (phía đối diện vuông góc chiếu sang)	Phường Đồng Xoài	2.200	1.600	1.300
16053		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 7 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	902	631	541
16054		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 7 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	722	505	433

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16055		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 7 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	578	405	347
16056		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 7 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	812	568	487
16057		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 7 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	650	455	390
16058		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 7 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	520	364	312
16059	36	Đường nhựa Việt Úc	Giáp ranh đất nhà văn hóa ấp 7	Cuối đường	Phường Đồng Xoài	1.900	1.300	1.200
16060		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Giáp ranh đất nhà văn hóa ấp 7 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	779	545	467
16061		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Giáp ranh đất nhà văn hóa ấp 7 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	623	436	374
16062		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Giáp ranh đất nhà văn hóa ấp 7 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	498	349	299
16063		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Giáp ranh đất nhà văn hóa ấp 7 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	701	491	421

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16064		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Giáp ranh đất nhà văn hóa ấp 7 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	561	393	337
16065		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Giáp ranh đất nhà văn hóa ấp 7 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	448	314	269
16066	37	Đường vào Trung tâm Khuyến Nông	Đường Quốc lộ 14	Cổng Khu Nông Nghiệp Công Nghệ Cao	Phường Đồng Xoài	1.900	1.300	1.200
16067		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trung tâm Khuyến Nông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cổng Khu Nông Nghiệp Công Nghệ Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	779	545	467
16068		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trung tâm Khuyến Nông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cổng Khu Nông Nghiệp Công Nghệ Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	623	436	374
16069		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trung tâm Khuyến Nông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cổng Khu Nông Nghiệp Công Nghệ Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	498	349	299
16070		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trung tâm Khuyến Nông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cổng Khu Nông Nghiệp Công Nghệ Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	701	491	421
16071		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trung tâm Khuyến Nông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cổng Khu Nông Nghiệp Công Nghệ Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	561	393	337
16072		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trung tâm Khuyến Nông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cổng Khu Nông Nghiệp Công Nghệ Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	448	314	269
16073	38	Khu Dân Cư Trung Tâm Khuyến Nông	Các tuyến đường trong Dân cư		Phường Đồng Xoài	1.500	1.100	910

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16074		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu Dân Cư Trung Tâm Khuyến Nông đoạn từ Các tuyến đường trong Dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	615	431	369
16075		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu Dân Cư Trung Tâm Khuyến Nông đoạn từ Các tuyến đường trong Dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	492	344	295
16076		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu Dân Cư Trung Tâm Khuyến Nông đoạn từ Các tuyến đường trong Dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	394	276	236
16077		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu Dân Cư Trung Tâm Khuyến Nông đoạn từ Các tuyến đường trong Dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	554	388	332
16078		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu Dân Cư Trung Tâm Khuyến Nông đoạn từ Các tuyến đường trong Dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	443	310	266
16079		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu Dân Cư Trung Tâm Khuyến Nông đoạn từ Các tuyến đường trong Dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	355	249	213
16080	39	Khu Dân Cư Tuấn Trang	Đường D1		Phường Đồng Xoài	2.200	1.600	1.300
16081		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu Dân Cư Tuấn Trang đoạn từ Đường D1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	902	631	541
16082		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu Dân Cư Tuấn Trang đoạn từ Đường D1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	722	505	433
16083		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu Dân Cư Tuấn Trang đoạn từ Đường D1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	578	405	347

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16084		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu Dân Cư Tuấn Trang đoạn từ Đường D1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	812	568	487
16085		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu Dân Cư Tuấn Trang đoạn từ Đường D1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	650	455	390
16086		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu Dân Cư Tuấn Trang đoạn từ Đường D1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	520	364	312
16087	40	Khu Dân Cư Tuấn Trang	Đường N1, N2, D2		Phường Đồng Xoài	1.900	1.300	1.200
16088		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu Dân Cư Tuấn Trang đoạn từ Đường N1, N2, D2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	779	545	467
16089		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu Dân Cư Tuấn Trang đoạn từ Đường N1, N2, D2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	623	436	374
16090		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu Dân Cư Tuấn Trang đoạn từ Đường N1, N2, D2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	498	349	299
16091		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu Dân Cư Tuấn Trang đoạn từ Đường N1, N2, D2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	701	491	421
16092		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu Dân Cư Tuấn Trang đoạn từ Đường N1, N2, D2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	561	393	337
16093		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu Dân Cư Tuấn Trang đoạn từ Đường N1, N2, D2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	448	314	269
16094	41	Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Đường số 1		Phường Đồng Xoài	2.000	1.400	1.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16095		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	820	574	492
16096		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	656	459	394
16097		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	525	368	315
16098		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	738	517	443
16099		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	590	413	354
16100		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	473	331	284
16101	42	Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Đường số 2		Phường Đồng Xoài	2.000	1.400	1.200
16102		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	820	574	492
16103		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	656	459	394

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16104		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	525	368	315
16105		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	738	517	443
16106		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	590	413	354
16107		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 2 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	473	331	284
16108	43	Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Đường số 3		Phường Đồng Xoài	3.400	2.400	2.100
16109		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1394	976	836
16110		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	1115	781	669
16111		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	892	624	535
16112		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1255	879	753

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16113		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	1004	703	602
16114		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	803	562	482
16115	44	Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Đường số 4		Phường Đồng Xoài	2.000	1.400	1.200
16116		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 4 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	820	574	492
16117		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 4 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	656	459	394
16118		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 4 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	525	368	315
16119		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 4 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	738	517	443
16120		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 4 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	590	413	354
16121		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 4 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	473	331	284

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16122	45	Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Đường số 6, số 7, số 8		Phường Đồng Xoài	2.000	1.400	1.200
16123		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 6, số 7, số 8 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	820	574	492
16124		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 6, số 7, số 8 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	656	459	394
16125		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 6, số 7, số 8 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	525	368	315
16126		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 6, số 7, số 8 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	738	517	443
16127		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 6, số 7, số 8 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	590	413	354
16128		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đoạn từ Đường số 6, số 7, số 8 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	473	331	284
16129	46	Các tuyến đường trong Khu dân cư Việt Phương	Toàn tuyến		Phường Đồng Xoài	3.200	2.200	1.900
16130		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu dân cư Việt Phương đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1312	918	787

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16131		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu dân cư Việt Phương đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	1050	735	630
16132		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu dân cư Việt Phương đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	840	588	504
16133		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu dân cư Việt Phương đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1181	827	709
16134		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu dân cư Việt Phương đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	945	662	567
16135		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu dân cư Việt Phương đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	756	529	454
16136	47	Đường trục chính khu công nghiệp Đồng Xoài I, các tuyến đường trong khu công nghiệp đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy định trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Toàn tuyến		Phường Đồng Xoài	4.000	2.800	2.400
16137		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính khu công nghiệp Đồng Xoài I, các tuyến đường trong khu công nghiệp đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy định trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1640	1148	984

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16138		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính khu công nghiệp Đồng Xoài I, các tuyến đường trong khu công nghiệp đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy định trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	1312	918	787
16139		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính khu công nghiệp Đồng Xoài I, các tuyến đường trong khu công nghiệp đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy định trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	1050	735	630
16140		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính khu công nghiệp Đồng Xoài I, các tuyến đường trong khu công nghiệp đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy định trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1476	1033	886
16141		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính khu công nghiệp Đồng Xoài I, các tuyến đường trong khu công nghiệp đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy định trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	1181	827	709
16142		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính khu công nghiệp Đồng Xoài I, các tuyến đường trong khu công nghiệp đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy định trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	945	662	567
16143	48	Các tuyến đường trong Khu công nghiệp Đồng Xoài I chưa đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy đinh trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Toàn tuyến		Phường Đồng Xoài	3.200	2.200	1.900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16144		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu công nghiệp Đồng Xoài I chưa đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy đinh trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1312	918	787
16145		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu công nghiệp Đồng Xoài I chưa đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy đinh trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	1050	735	630
16146		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu công nghiệp Đồng Xoài I chưa đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy đinh trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	840	588	504
16147		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu công nghiệp Đồng Xoài I chưa đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy đinh trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1181	827	709
16148		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu công nghiệp Đồng Xoài I chưa đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy đinh trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	945	662	567
16149		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu công nghiệp Đồng Xoài I chưa đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy đinh trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	756	529	454
16150	49	Khu quy hoạch chợ Tân Thành	Đường D1, N1		Phường Đồng Xoài	9.600	6.700	5.800
16151		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Đường D1, N1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	3936	2755	2362

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16152		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Đường D1, N1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	3149	2204	1889
16153		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Đường D1, N1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2519	1763	1511
16154		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Đường D1, N1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	3542	2479	2125
16155		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Đường D1, N1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2834	1984	1700
16156		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Đường D1, N1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2267	1587	1360
16157	50	Khu quy hoạch chợ Tân Thành	Các tuyến đường quy hoạch còn lại trong khu quy hoạch chợ Tân Thành		Phường Đồng Xoài	8.000	5.600	4.800
16158		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Các tuyến đường quy hoạch còn lại trong khu quy hoạch chợ Tân Thành đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	3280	2296	1968
16159		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Các tuyến đường quy hoạch còn lại trong khu quy hoạch chợ Tân Thành đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2624	1837	1574
16160		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Các tuyến đường quy hoạch còn lại trong khu quy hoạch chợ Tân Thành đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	2099	1469	1259
16161		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Các tuyến đường quy hoạch còn lại trong khu quy hoạch chợ Tân Thành đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	2952	2066	1771

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16162		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Các tuyến đường quy hoạch còn lại trong khu quy hoạch chợ Tân Thành đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	2362	1653	1417
16163		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Các tuyến đường quy hoạch còn lại trong khu quy hoạch chợ Tân Thành đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	1889	1322	1133
16164	51	Các tuyến đường trong Khu dân cư Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh	Toàn tuyến		Phường Đồng Xoài	1.400	1.000	860
16165		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu dân cư Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	574	402	344
16166		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu dân cư Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	459	321	275
16167		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu dân cư Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	367	257	220
16168		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu dân cư Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	517	362	310
16169		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu dân cư Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	413	289	248
16170		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu dân cư Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	330	231	198

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16171	52	Đường quy hoạch số 39 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa)	Giáp ranh phường Tiến Thành (cũ)	Đường vành đai 2	Phường Đồng Xoài	1.200	840	720
16172		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 39 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Đường vành đai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	492	344	295
16173		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 39 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Đường vành đai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	394	276	236
16174		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 39 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Đường vành đai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	315	221	189
16175		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 39 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Đường vành đai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	443	310	266
16176		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 39 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Đường vành đai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	355	249	213
16177		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 39 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Đường vành đai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	284	199	170
16178	53	Đường quy hoạch số 21 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa)	Đoạn 1 từ ranh phường Tiến Thành (cũ)	Vành đai 2 (Chưa thông tuyến)	Phường Đồng Xoài	1.200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16179		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 21 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đoạn 1 từ ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	492	344	295
16180		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 21 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đoạn 1 từ ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	394	276	236
16181		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 21 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đoạn 1 từ ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	315	221	189
16182		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 21 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đoạn 1 từ ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	443	310	266
16183		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 21 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đoạn 1 từ ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	355	249	213
16184		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 21 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đoạn 1 từ ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	284	199	170
16185	54	Đường QH số 41 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông)	Đường QH số 31	Ranh phường Bình Phước	Phường Đồng Xoài	1.200	840	720
16186		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH số 41 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường QH số 31 đến Ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	492	344	295

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16187		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH số 41 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường QH số 31 đến Ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	394	276	236
16188		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH số 41 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường QH số 31 đến Ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	315	221	189
16189		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH số 41 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường QH số 31 đến Ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	443	310	266
16190		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH số 41 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường QH số 31 đến Ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	355	249	213
16191		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH số 41 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường QH số 31 đến Ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	284	199	170
16192	55	Đường nối vòng quanh hồ Phước Hòa với Khu công nghiệp Đồng Xoài I (đường QH số 31chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông)	Đường VĐ1	Đường VĐ 2	Phường Đồng Xoài	1.200	840	720
16193		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối vòng quanh hồ Phước Hòa với Khu công nghiệp Đồng Xoài I (đường QH số 31chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường VĐ1 đến Đường VĐ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	492	344	295
16194		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối vòng quanh hồ Phước Hòa với Khu công nghiệp Đồng Xoài I (đường QH số 31chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường VĐ1 đến Đường VĐ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	394	276	236

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16195		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối vòng quanh hồ Phước Hòa với Khu công nghiệp Đồng Xoài I (đường QH số 31chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường VĐ1 đến Đường VĐ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	315	221	189
16196		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối vòng quanh hồ Phước Hòa với Khu công nghiệp Đồng Xoài I (đường QH số 31chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường VĐ1 đến Đường VĐ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	443	310	266
16197		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối vòng quanh hồ Phước Hòa với Khu công nghiệp Đồng Xoài I (đường QH số 31chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường VĐ1 đến Đường VĐ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	355	249	213
16198		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối vòng quanh hồ Phước Hòa với Khu công nghiệp Đồng Xoài I (đường QH số 31chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường VĐ1 đến Đường VĐ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	284	199	170
16199	56	Đường QH D5 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông)	QL 14	Đường QH số 39	Phường Đồng Xoài	1.200	840	720
16200		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH D5 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ QL 14 đến Đường QH số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	492	344	295
16201		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH D5 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ QL 14 đến Đường QH số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	394	276	236
16202		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH D5 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ QL 14 đến Đường QH số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	315	221	189

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16203		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH D5 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ QL 14 đến Đường QH số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	443	310	266
16204		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH D5 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ QL 14 đến Đường QH số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	355	249	213
16205		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH D5 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ QL 14 đến Đường QH số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	284	199	170
16206	57	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Phường Đồng Xoài	3.800	2.700	2.300
16207		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1558	1091	935
16208		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	1246	872	748
16209		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	997	698	598

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16210		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1402	981	841
16211		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	1121	785	673
16212		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	897	628	538
16213	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Phường Đồng Xoài	3.000	2.100	1.800
16214		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1230	861	738

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16215		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	984	689	590
16216		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	787	551	472
16217		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	1107	775	664
16218		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	886	620	532
16219		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	708	496	425

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16220	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Phường Đồng Xoài	2.300	1.600	1.400
16221		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	943	660	566
16222		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	754	528	452
16223		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	603	422	362
16224		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	849	594	509

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16225		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	679	475	407
16226		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	543	380	326
16227	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	Phường Đồng Xoài	1.800	1.300	1.100
16228		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	738	517	443
16229		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	590	413	354

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16230		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	472	330	283
16231		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	664	465	398
16232		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	531	372	319
16233		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	425	298	255
16234	61	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Phường Đồng Xoài	2.600	1.800	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16235		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Đồng Xoài	1040	728	624
16236		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	832	582	499
16237		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	666	466	400
16238		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Đồng Xoài	936	655	562
16239		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	749	524	449
16240		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	599	419	359

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16241	62	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Phường Đồng Xoài	2.200	1.600	1.300
16242		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	902	631	541
16243		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	722	505	433
16244		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	578	405	347
16245		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	812	568	487

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16246		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	650	455	390
16247		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	520	364	312
16248	63	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Phường Đồng Xoài	1.300	910	780
16249		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	533	373	320
16250		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	426	298	256

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16251		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	341	239	205
16252		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	480	336	288
16253		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	383	268	230
16254		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	307	215	184
16255	64	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	Phường Đồng Xoài	900	630	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16256		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	369	258	221
16257		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	295	207	177
16258		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	236	165	142
16259		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	332	232	199
16260		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	266	186	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16261		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	212	148	127
16262	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Phường Đồng Xoài	3.400	2.400	2.100
16263		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1394	976	836
16264		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	1115	781	669
16265		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	892	624	535

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16266		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1255	879	753
16267		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	1004	703	602
16268		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	803	562	482
16269	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Phường Đồng Xoài	3.000	2.100	1.800
16270		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1230	861	738

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16271		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	984	689	590
16272		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	787	551	472
16273		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	1107	775	664
16274		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	886	620	532
16275		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	708	496	425

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16276	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Phường Đồng Xoài	1.800	1.300	1.100
16277		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	738	517	443
16278		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	590	413	354
16279		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	472	330	283
16280		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	664	465	398

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16281		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	531	372	319
16282		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	425	298	255
16283	68	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	Phường Đồng Xoài	1.300	910	780
16284		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	533	373	320
16285		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	426	298	256

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16286		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	341	239	205
16287		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	480	336	288
16288		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	383	268	230
16289		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	307	215	184
16290	69	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Phường Đồng Xoài	2.600	1.800	1.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16291		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	1066	746	640
16292		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	853	597	512
16293		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	682	477	409
16294		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	959	671	575
16295		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	768	538	461

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16296		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	614	430	368
16297	70	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Phường Đồng Xoài	2.200	1.600	1.300
16298		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	902	631	541
16299		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	722	505	433
16300		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	578	405	347

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16301		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	812	568	487
16302		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	650	455	390
16303		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	520	364	312
16304	71	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Phường Đồng Xoài	1.000	700	600
16305		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	410	287	246

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16306		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	328	230	197
16307		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	262	183	157
16308		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	369	258	221
16309		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	295	207	177
16310		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	236	165	142

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16311	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	Phường Đồng Xoài	700	490	420
16312		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	287	201	172
16313		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	230	161	138
16314		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	184	129	110
16315		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	258	181	155

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16316		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	207	145	124
16317		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	166	116	100
16318	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Phường Đồng Xoài	3.000	2.100	1.800
16319		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1230	861	738
16320		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	984	689	590
16321		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	787	551	472

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16322		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1107	775	664
16323		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	886	620	532
16324		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	708	496	425
16325	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Phường Đồng Xoài	2.600	1.800	1.600
16326		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1066	746	640

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16327		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	853	597	512
16328		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	682	477	409
16329		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	959	671	575
16330		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	768	538	461
16331		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	614	430	368

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16332	75	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Phường Đồng Xoài	1.800	1.300	1.100
16333		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	738	517	443
16334		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	590	413	354
16335		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	472	330	283
16336		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	664	465	398

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16337		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	531	372	319
16338		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	425	298	255
16339	76	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	Phường Đồng Xoài	1.300	910	780
16340		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	533	373	320
16341		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	426	298	256

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16342		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	341	239	205
16343		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	480	336	288
16344		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	383	268	230
16345		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	307	215	184
16346	77	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Phường Đồng Xoài	2.200	1.600	1.300
16347		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	880	616	528

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16348		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	704	493	422
16349		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	563	394	338
16350		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Đồng Xoài	792	554	475
16351		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	634	444	380
16352		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	507	355	304

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16353	78	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Phường Đồng Xoài	1.800	1.300	1.100
16354		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	738	517	443
16355		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	590	413	354
16356		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	472	330	283
16357		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	664	465	398

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16358		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	531	372	319
16359		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	425	298	255
16360	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Phường Đồng Xoài	1.000	700	600
16361		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	410	287	246
16362		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	328	230	197

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16363		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	262	183	157
16364		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	369	258	221
16365		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	295	207	177
16366		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	236	165	142
16367	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	Phường Đồng Xoài	700	490	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16368		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	287	201	172
16369		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	230	161	138
16370		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	184	129	110
16371		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	258	181	155
16372		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	207	145	124
16373		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	166	116	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16374	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Phường Đồng Xoài	2.600	1.800	1.600
16375		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1066	746	640
16376		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	853	597	512
16377		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	682	477	409
16378		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	959	671	575
16379		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	768	538	461

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16380		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	614	430	368
16381	82	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Phường Đồng Xoài	2.200	1.600	1.300
16382		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	902	631	541
16383		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	722	505	433
16384		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	578	405	347

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16385		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	812	568	487
16386		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	650	455	390
16387		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	520	364	312
16388	83	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Phường Đồng Xoài	1.300	910	780
16389		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	533	373	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16390		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	426	298	256
16391		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	341	239	205
16392		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	480	336	288
16393		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	383	268	230
16394		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	307	215	184

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16395	84	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	Phường Đồng Xoài	800	560	480
16396		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	328	230	197
16397		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	262	183	157
16398		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	210	147	126
16399		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Xoài	295	207	177

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16400		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	236	165	142
16401		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	189	132	113
16402	85	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Phường Đồng Xoài	1.800	1.300	1.100
16403		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	720	504	432
16404		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	576	403	346
16405		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16406		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	648	454	389
16407		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	518	363	311
16408		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	415	291	249
16409	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Phường Đồng Xoài	1.400	1.000	860
16410		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	560	392	336

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16411		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	448	314	269
16412		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	358	251	215
16413		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Đồng Xoài	504	353	302
16414		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Xoài	403	282	242
16415		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Xoài	322	225	193

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16416	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Phường Đồng Xoài	650	460	390
16417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	267	187	160
16418		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	214	150	128
16419		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	171	120	103
16420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	240	168	144

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16421		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	193	135	116
16422		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	154	108	92
16423	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	Phường Đồng Xoài	550	390	330
16424		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	226	158	136
16425		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	181	127	109

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16426		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	145	102	87
16427		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	203	142	122
16428		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	163	114	98
16429		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	131	92	79
16430	89	Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)	Giáp ranh phường Bình Phước	Đường Quốc lộ 14	Phường Đồng Xoài	2.600	1.800	1.600
16431		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1066	746	640
16432		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	853	597	512

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16433		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	682	477	409
16434		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	959	671	575
16435		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	768	538	461
16436		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	614	430	368
16437	90	Đường Vành đai phía Nam (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)	Giáp ranh phường Bình Phước	Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến)	Phường Đồng Xoài	2.600	1.800	1.600
16438		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai phía Nam (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1066	746	640
16439		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai phía Nam (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	853	597	512
16440		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai phía Nam (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	682	477	409

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16441		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai phía Nam (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	959	671	575
16442		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai phía Nam (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	768	538	461
16443		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai phía Nam (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	614	430	368
16444	91	Đường quy hoạch số 34 (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)	Đường Tôn Đức Thắng	Giáp ranh phường Bình Phước	Phường Đồng Xoài	2.600	1.800	1.600
16445		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 34 (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1066	746	640
16446		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 34 (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	853	597	512
16447		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 34 (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	682	477	409
16448		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 34 (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	959	671	575

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16449		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 34 (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	768	538	461
16450		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 34 (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	614	430	368
16451	92	Đường quy hoạch số 35 (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)	Đường Vành đai phía Nam	Giáp ranh phường Bình Phước	Phường Đồng Xoài	2.600	1.800	1.600
16452		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 35 (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Vành đai phía Nam đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	1066	746	640
16453		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 35 (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Vành đai phía Nam đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	853	597	512
16454		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 35 (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Vành đai phía Nam đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	682	477	409
16455		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 35 (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Vành đai phía Nam đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	959	671	575
16456		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 35 (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Vành đai phía Nam đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	768	538	461

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16457		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 35 (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Vành đai phía Nam đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	614	430	368
16458	93	Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa)	Giáp ranh phường Bình Phước	Đường Quốc lộ 14	Phường Đồng Xoài	1.400	1.000	860
16459		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	574	402	344
16460		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	459	321	275
16461		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	367	257	220
16462		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	517	362	310
16463		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	413	289	248
16464		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	330	231	198
16465	94	Đường Vành đai phía Nam (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa)	Giáp ranh phường Bình Phước	Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến)	Phường Đồng Xoài	1.400	1.000	860

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16466		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai phía Nam (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	574	402	344
16467		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai phía Nam (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	459	321	275
16468		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai phía Nam (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	367	257	220
16469		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai phía Nam (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	517	362	310
16470		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai phía Nam (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	413	289	248
16471		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai phía Nam (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	330	231	198
16472	95	Đường quy hoạch số 34 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa)	Đường Tôn Đức Thắng	Giáp ranh phường Bình Phước	Phường Đồng Xoài	1.400	1.000	860
16473		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 34 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	574	402	344

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16474		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 34 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	459	321	275
16475		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 34 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	367	257	220
16476		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 34 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	517	362	310
16477		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 34 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	413	289	248
16478		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 34 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	330	231	198
16479	96	Đường quy hoạch số 35 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa)	Đường Vành đai phía Nam	Giáp ranh phường Bình Phước	Phường Đồng Xoài	1.400	1.000	860
16480		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 35 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Vành đai phía Nam đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	574	402	344
16481		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 35 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Vành đai phía Nam đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	459	321	275

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16482		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 35 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Vành đai phía Nam đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	367	257	220
16483		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 35 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Vành đai phía Nam đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	517	362	310
16484		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 35 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Vành đai phía Nam đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	413	289	248
16485		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 35 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Vành đai phía Nam đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	330	231	198
16486		**Khu vực tờ bản đồ từ số 1 đến số 51 (Bản đồ địa chính phường Đồng Xoài)**			Phường Đồng Xoài			
16487		**Khu vực các tờ bản đồ còn lại (Bản đồ địa chính phường Đồng Xoài)**			Phường Đồng Xoài			
16488	109	Tuyến đường thuộc khu tái định cư Khu công nghiệp Đồng Xoài I	Giáp thửa đất số 300, tờ bản đồ số 24	Giáp thửa đất số 43 tờ bản đồ số 70	Phường Đồng Xoài	1.400	1.000	860
16489		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thuộc khu tái định cư Khu công nghiệp Đồng Xoài I đoạn từ Giáp thửa đất số 300, tờ bản đồ số 24 đến Giáp thửa đất số 43 tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	560	392	336
16490		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thuộc khu tái định cư Khu công nghiệp Đồng Xoài I đoạn từ Giáp thửa đất số 300, tờ bản đồ số 24 đến Giáp thửa đất số 43 tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	448	314	269

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thuộc khu tái định cư Khu công nghiệp Đồng Xoài I đoạn từ Giáp thửa đất số 300, tờ bản đồ số 24 đến Giáp thửa đất số 43 tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	358	251	215
16492		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thuộc khu tái định cư Khu công nghiệp Đồng Xoài I đoạn từ Giáp thửa đất số 300, tờ bản đồ số 24 đến Giáp thửa đất số 43 tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	504	353	302
16493		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thuộc khu tái định cư Khu công nghiệp Đồng Xoài I đoạn từ Giáp thửa đất số 300, tờ bản đồ số 24 đến Giáp thửa đất số 43 tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	403	282	242
16494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thuộc khu tái định cư Khu công nghiệp Đồng Xoài I đoạn từ Giáp thửa đất số 300, tờ bản đồ số 24 đến Giáp thửa đất số 43 tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	322	225	193
16495	1	Đường ĐT 751	Phía Bắc: Ngã ba đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành)	Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành	Phường Minh Hưng	4.000	2.800	2.400
16496		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đến Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1.920	1.344	1.152
16497		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đến Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1.536	1.075	922

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đến Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1.229	860	737
16499		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đến Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1.728	1.210	1.037
16500		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đến Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1.382	967	829
16501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đến Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1.106	774	664
16502	2	Đường ĐT 751	Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành cũ	Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1	Phường Minh Hưng	3.800	2.600	2.300
16503		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành cũ đến Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1824	1277	1094
16504		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành cũ đến Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1459	1021	875

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành cũ đến Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1167	817	700
16506		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành cũ đến Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1642	1149	985
16507		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành cũ đến Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1313	919	788
16508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành cũ đến Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1050	735	630
16509	3	Đường ĐT 751	Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1	Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1	Phường Minh Hưng	4.400	3.100	2.600
16510		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	2112	1478	1267
16511		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1690	1183	1014

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1352	946	811
16513		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1901	1331	1141
16514		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1521	1065	913
16515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1217	852	730
16516	4	Đường ĐT 751	Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1	Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3)	Phường Minh Hưng	3.700	2.600	2.200
16517		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1776	1243	1066
16518		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1421	995	853
16519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1137	796	682

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16520		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1598	1119	959
16521		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1279	895	767
16522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1023	716	614
16523	5	Đường ĐT 751	Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3)	Cầu Bà Và (Ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh)	Phường Minh Hưng	2.900	2.000	1.700
16524		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) đến Cầu Bà Và (Ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1392	974	835
16525		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) đến Cầu Bà Và (Ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1114	780	668
16526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) đến Cầu Bà Và (Ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	891	624	535
16527		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) đến Cầu Bà Và (Ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1253	877	752

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16528		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) đến Cầu Bà Và (Ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1003	702	602
16529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) đến Cầu Bà Và (Ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	802	561	481
16530	6	Đường ĐH 05	Đường ĐT 751	Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05	Phường Minh Hưng	1.600	1.100	960
16531		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	768	538	461
16532		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	614	430	368
16533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	491	344	295
16534		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	691	484	415
16535		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	553	387	332

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	442	309	265
16537	7	Đường ĐH 05	Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05	Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 7 và đường ĐH 05 (hết ranh thửa đất số 168 tờ bản đồ số 117)	Phường Minh Hưng	1.100	760	650
16538		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 7 và đường ĐH 05 (hết ranh thửa đất số 168 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16539		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 7 và đường ĐH 05 (hết ranh thửa đất số 168 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 7 và đường ĐH 05 (hết ranh thửa đất số 168 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16541		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 7 và đường ĐH 05 (hết ranh thửa đất số 168 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16542		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 7 và đường ĐH 05 (hết ranh thửa đất số 168 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 7 và đường ĐH 05 (hết ranh thửa đất số 168 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16544	8	Đường ĐH 05	Đường ĐH04	Đường ĐH15	Phường Minh Hưng	880	620	530
16545		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16546		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	270	189	162
16548		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16549		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	243	170	146
16551	9	Đường ĐH 05	Đường ĐT 751	Đường ĐH 06	Phường Minh Hưng	1.700	1.200	1.000
16552		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	816	571	490
16553		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	653	457	392

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	522	365	313
16555		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	734	514	440
16556		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	588	412	353
16557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	470	329	282
16558	10	Đường ĐH 06	Ranh giới phường Chơn Thành	Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44	Phường Minh Hưng	1.500	1.000	890
16559		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 06 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành đến Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	720	504	432
16560		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 06 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành đến Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
16561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 06 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành đến Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
16562		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 06 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành đến Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	648	454	389

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16563		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 06 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành đến Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
16564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 06 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành đến Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
16565	11	Đường ĐH 06	Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44	Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06	Phường Minh Hưng	1.300	900	770
16566		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 đến Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	624	437	374
16567		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 đến Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	499	349	299
16568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 đến Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	399	279	239
16569		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 đến Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	562	393	337

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16570		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 đến Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	449	314	269
16571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 đến Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	359	251	215
16572	12	Đường ĐH 06	Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06	Hết tuyến (ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh)	Phường Minh Hưng	1.000	730	620
16573		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 đến Hết tuyến (ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	480	336	288
16574		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 đến Hết tuyến (ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	384	269	230
16575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 đến Hết tuyến (ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	307	215	184
16576		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 đến Hết tuyến (ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	432	302	259

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16577		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 đến Hết tuyến (ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	346	242	208
16578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 đến Hết tuyến (ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	276	193	166
16579	13	Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành)	Đường ĐT 751	Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A	Phường Minh Hưng	1.200	840	720
16580		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
16581		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
16582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
16583		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
16584		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
16586	14	Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành)	Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	960	670	580
16587		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
16588		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
16589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	295	207	177
16590		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
16591		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
16592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	266	186	160
16593	15	Đường số 1 - Khu phố Minh Long 6	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	960	670	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16594		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
16595		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
16596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	295	207	177
16597		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
16598		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
16599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	266	186	160
16600	16	Đường số 2 - Khu phố Minh Long 6	Đường ĐT 751	Đường ĐH 06	Phường Minh Hưng	870	610	520
16601		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	418	293	251
16602		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	334	234	200
16603		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	267	187	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16604		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	263	226
16605		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	211	181
16606		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	240	168	144
16607	17	Đường số 3 - Khu phố Minh Long 6	Đường ĐT 751	Ngã tư đường số 3 và đường số 3A (Nhà Văn hóa Khu phố Minh Long 6)	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16608		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 3 và đường số 3A (Nhà Văn hóa Khu phố Minh Long 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16609		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 3 và đường số 3A (Nhà Văn hóa Khu phố Minh Long 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16610		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 3 và đường số 3A (Nhà Văn hóa Khu phố Minh Long 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16611		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 3 và đường số 3A (Nhà Văn hóa Khu phố Minh Long 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16612		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 3 và đường số 3A (Nhà Văn hóa Khu phố Minh Long 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16613		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 3 và đường số 3A (Nhà Văn hóa Khu phố Minh Long 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16614	18	Đường số 3A - Khu phố Minh Long 6	Đường Ngô Đức Kế	Đường số 7	Phường Minh Hưng	960	670	580
16615		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3A - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
16616		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3A - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
16617		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3A - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	295	207	177
16618		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3A - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
16619		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3A - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
16620		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3A - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	266	186	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16621	19	Đường số 3B - Khu phố Minh Long 6	Đường số 3	Đường số 7	Phường Minh Hưng	960	670	580
16622		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3B - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
16623		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3B - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
16624		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3B - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	295	207	177
16625		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3B - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
16626		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3B - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
16627		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3B - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	266	186	160
16628	20	Đường số 3C - Khu phố Minh Long 6	Đường số 3A	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	960	670	580
16629		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3C - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
16630		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3C - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16631		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3C - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	295	207	177
16632		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3C - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
16633		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3C - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
16634		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3C - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	266	186	160
16635	21	Đường số 4 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16636		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16637		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16638		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16639		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16640		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16641		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16642	22	Đường số 5 - Khu phố Minh Long 6	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16643		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16644		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16645		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16646		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16647		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16648		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16649	23	Đường số 6 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16650		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16651		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16652		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16653		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16654		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16655		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16656	24	Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16657		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16658		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16659		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16660		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16661		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16662		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16663	25	Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7	Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	700	490	420
16664		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	336	235	202
16665		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	269	188	161
16666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	215	151	129
16667		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	302	211	181

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16668		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	242	169	145
16669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	194	136	116
16670	26	Đường số 8 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16672		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16673		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16675		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16676		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16677	27	Đường số 9 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.100	790	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16678		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16679		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16680		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16681		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16682		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16683		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16684	28	Đường số 10 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16687		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16690		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16691	29	Đường số 11 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16698	30	Đường số 12 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16705	31	Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7	Đường ĐT 751	Đường số 52	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16712	32	Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7	Đường số 52	Đường ĐH 05	Phường Minh Hưng	960	670	580
16713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường số 52 đến Đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
16714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường số 52 đến Đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
16715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường số 52 đến Đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	295	207	177

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường số 52 đến Đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
16717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường số 52 đến Đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
16718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường số 52 đến Đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	266	186	160
16719	33	Đường số 15 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Đường số 52	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 15 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 15 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 15 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 15 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 15 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 15 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16726	34	Đường số 16 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Đường số 18	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 16 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 16 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 16 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 16 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 16 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 16 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16733	35	Đường số 17 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Đường số 52	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 17 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 17 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 17 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 17 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 17 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 17 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16740	36	Đường số 18 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Đường số 16	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 18 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 18 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 18 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 18 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 18 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 18 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16747	37	Đường số 20 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16754	38	Đường số 21 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.100	790	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 21 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 21 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 21 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 21 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 21 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 21 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16761	39	Đường số 22 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 22 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 22 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 22 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 22 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 22 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 22 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16768	40	Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137	Phường Minh Hưng	700	490	420
16769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	336	235	202
16770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	269	188	161
16771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	215	151	129
16772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	302	211	181
16773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	242	169	145

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	194	136	116
16775	41	Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2	Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137	Đường số 29	Phường Minh Hưng	670	470	400
16776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 đến Đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	322	225	193
16777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 đến Đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	258	181	155
16778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 đến Đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	206	144	124
16779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 đến Đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	290	203	174
16780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 đến Đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	232	162	139
16781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 đến Đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	185	130	111
16782	42	Đường số 24 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.100	790	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 24 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 24 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 24 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 24 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 24 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 24 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16789	43	Đường số 25 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16796	44	Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16803	45	Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2	Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	960	670	580
16804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
16805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
16806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	295	207	177
16807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
16808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	266	186	160
16810	46	Đường số 27 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16817	47	Đường số 28 - Khu phố Minh Long 3	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 28 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 28 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 28 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 28 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 28 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 28 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16824	48	Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130	Phường Minh Hưng	1.500	1.100	900
16825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	720	504	432
16826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
16827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	648	454	389
16829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
16830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
16831	49	Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2	Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130	Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Minh Hưng	475	333	285
16836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Minh Hưng	380	266	228
16837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Minh Hưng	304	213	182
16838	50	Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2	Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130	Đường ĐH 15	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 đến Đường ĐH 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Minh Hưng	528	370	317
16840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 đến Đường ĐH 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Minh Hưng	422	295	253
16841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 đến Đường ĐH 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Minh Hưng	338	237	203

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 đến Đường ĐH 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 đến Đường ĐH 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 đến Đường ĐH 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16845	51	Đường số 29A - Khu phố Minh Long 2	Đường số 29	Đường số 29B	Phường Minh Hưng	960	670	580
16846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29A - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường số 29 đến Đường số 29B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
16847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29A - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường số 29 đến Đường số 29B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
16848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29A - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường số 29 đến Đường số 29B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	295	207	177
16849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29A - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường số 29 đến Đường số 29B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
16850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29A - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường số 29 đến Đường số 29B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29A - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường số 29 đến Đường số 29B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	266	186	160
16852	52	Đường số 29B - Khu phố Minh Long 2	Suối Bà Và	Suối 1	Phường Minh Hưng	700	490	420
16853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29B - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Suối Bà Và đến Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	336	235	202
16854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29B - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Suối Bà Và đến Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	269	188	161
16855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29B - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Suối Bà Và đến Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	215	151	129
16856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29B - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Suối Bà Và đến Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	302	211	181
16857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29B - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Suối Bà Và đến Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	242	169	145
16858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29B - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Suối Bà Và đến Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	194	136	116
16859	53	Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3	Đường ĐT 751	Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136	Phường Minh Hưng	960	670	580
16860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
16862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	295	207	177
16863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
16864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
16865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	266	186	160
16866	54	Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3	Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	700	490	420
16867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	336	235	202
16868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	269	188	161

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	215	151	129
16870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	302	211	181
16871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	242	169	145
16872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	194	136	116
16873	55	Đường số 31 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Ngã ba đường Bê tông (Ranh phía Bắc thửa đất số 11 tờ bản đồ số 137)	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 31 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Bê tông (Ranh phía Bắc thửa đất số 11 tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 31 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Bê tông (Ranh phía Bắc thửa đất số 11 tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 31 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Bê tông (Ranh phía Bắc thửa đất số 11 tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 31 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Bê tông (Ranh phía Bắc thửa đất số 11 tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 31 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Bê tông (Ranh phía Bắc thửa đất số 11 tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 31 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Bê tông (Ranh phía Bắc thửa đất số 11 tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16880	56	Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3	Đường ĐT 751	Đường số 40	Phường Minh Hưng	960	670	580
16881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
16882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
16883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	295	207	177
16884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
16885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	266	186	160
16887	57	Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3	Đường số 40	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	700	490	420
16888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	336	235	202
16889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	269	188	161
16890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	215	151	129
16891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	302	211	181
16892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	242	169	145
16893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	194	136	116
16894	58	Đường số 32A - Khu phố Minh Long 3	Đường số 32	Đường số 30	Phường Minh Hưng	960	670	580
16895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32A - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32A - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
16897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32A - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	295	207	177
16898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32A - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
16899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32A - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
16900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32A - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	266	186	160
16901	59	Đường số 32B - Khu phố Minh Long 3	Đường số 32	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	960	670	580
16902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32B - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
16903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32B - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
16904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32B - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	295	207	177
16905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32B - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	415	291	249

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32B - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
16907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32B - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	266	186	160
16908	60	Đường số 32C - Khu phố Minh Long 3	Đường số 32	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	960	670	580
16909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32C - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
16910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32C - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
16911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32C - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	295	207	177
16912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32C - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
16913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32C - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
16914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32C - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	266	186	160
16915	61	Đường số 33 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Đường số 35	Phường Minh Hưng	1.100	790	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 33 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 33 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 33 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 33 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 33 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 33 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16922	62	Đường số 34 - Khu phố Minh Long 3	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	960	670	580
16923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 34 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
16924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 34 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
16925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 34 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	295	207	177

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 34 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
16927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 34 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
16928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 34 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	266	186	160
16929	63	Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Ngã ba đường đường số 33 và 35	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường đường số 33 và 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường đường số 33 và 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường đường số 33 và 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường đường số 33 và 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường đường số 33 và 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường đường số 33 và 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16936	64	Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2	Ngã ba đường đường số 33 và 35	Đường số 51	Phường Minh Hưng	960	670	580
16937		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ngã ba đường đường số 33 và 35 đến Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
16938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ngã ba đường đường số 33 và 35 đến Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
16939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ngã ba đường đường số 33 và 35 đến Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	295	207	177
16940		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ngã ba đường đường số 33 và 35 đến Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
16941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ngã ba đường đường số 33 và 35 đến Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
16942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ngã ba đường đường số 33 và 35 đến Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	266	186	160
16943	65	Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3	Đường ĐT 751	Ngã tư đường số 40	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16944		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16947		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16950	66	Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3	Ngã tư đường số 40	Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao)	Phường Minh Hưng	700	490	420
16951		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã tư đường số 40 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	336	235	202
16952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã tư đường số 40 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	269	188	161
16953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã tư đường số 40 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	215	151	129

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16954		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã tư đường số 40 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	302	211	181
16955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã tư đường số 40 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	242	169	145
16956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã tư đường số 40 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	194	136	116
16957	67	Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3	Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao)	Đường ĐH 06	Phường Minh Hưng	600	420	360
16958		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	288	202	173
16959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	230	161	138
16960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	184	129	110
16961		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	259	181	155

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	207	145	124
16963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	166	116	100
16964	68	Đường số 37 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16965		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 37 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 37 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 37 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16968		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 37 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 37 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 37 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16971	69	Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3	Đường ĐT 751	Ngã ba đường số 40	Phường Minh Hưng	1.100	790	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16972		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16975		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
16976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16978	70	Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3	Ngã ba đường số 40	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	700	490	420
16979		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã ba đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	336	235	202
16980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã ba đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	269	188	161

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã ba đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	215	151	129
16982		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã ba đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	302	211	181
16983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã ba đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	242	169	145
16984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã ba đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	194	136	116
16985	71	Đường số 39 - Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
16986		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 39 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
16987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 39 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
16988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 39 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
16989		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 39 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
16990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 39 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
16991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 39 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
16992	72	Đường số 40- Khu phố Minh Long 3	Đường số 32	Đường số 38	Phường Minh Hưng	700	490	420
16993		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 40- Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	336	235	202
16994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 40- Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	269	188	161
16995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 40- Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	215	151	129
16996		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 40- Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	302	211	181
16997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 40- Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	242	169	145
16998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 40- Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	194	136	116
16999	73	Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128)	Phường Minh Hưng	1.100	790	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17000		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
17001		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
17002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
17003		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
17004		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
17005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
17006	74	Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4	Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128)	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	700	490	420
17007		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	336	235	202

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17008		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	269	188	161
17009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	215	151	129
17010		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	302	211	181
17011		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	242	169	145
17012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	194	136	116
17013	75	Đường số 43A- Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
17014		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 43A- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
17015		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 43A- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
17016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 43A- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17017		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 43A- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
17018		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 43A- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
17019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 43A- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
17020	76	Đường số 43B- Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Ngã tư đường bê tông và đường số 43B	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
17021		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 43B- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông và đường số 43B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
17022		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 43B- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông và đường số 43B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
17023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 43B- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông và đường số 43B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
17024		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 43B- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông và đường số 43B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
17025		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 43B- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông và đường số 43B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 43B- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông và đường số 43B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
17027	77	Đường số 44- Khu phố Minh Long 5	Đường ĐH 06	Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122	Phường Minh Hưng	960	670	580
17028		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Đường ĐH 06 đến Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Đường ĐH 06 đến Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Đường ĐH 06 đến Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	295	207	177
17031		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Đường ĐH 06 đến Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Đường ĐH 06 đến Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Đường ĐH 06 đến Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	266	186	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17034	78	Đường số 44- Khu phố Minh Long 5	Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122	Đường ĐH 06	Phường Minh Hưng	700	490	420
17035		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	336	235	202
17036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	269	188	161
17037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	215	151	129
17038		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	302	211	181
17039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	242	169	145
17040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	194	136	116
17041	79	Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128)	Phường Minh Hưng	1.100	790	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
17043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
17044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
17045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
17046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
17047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
17048	80	Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4	Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128)	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	700	490	420
17049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	336	235	202

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	269	188	161
17051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	215	151	129
17052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	302	211	181
17053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	242	169	145
17054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	194	136	116
17055	81	Đường số 47- Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
17056		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
17057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
17059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
17060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
17061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
17062	82	Đường số 47- Khu phố Minh Long 4	Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127	Đướng số 45	Phường Minh Hưng	960	670	580
17063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 đến Đướng số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 đến Đướng số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 đến Đướng số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	295	207	177

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 đến Đường số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 đến Đường số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 đến Đường số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	266	186	160
17069	83	Đường số 49- Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
17070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 49- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
17071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 49- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
17072		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 49- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
17073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 49- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
17074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 49- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17075		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 49- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
17076	84	Đường số 51 - Khu phố Minh Long 4	Đường số 29	Suối	Phường Minh Hưng	700	490	420
17077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 51 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường số 29 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	336	235	202
17078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 51 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường số 29 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	269	188	161
17079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 51 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường số 29 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	215	151	129
17080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 51 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường số 29 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	302	211	181
17081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 51 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường số 29 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	242	169	145
17082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 51 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường số 29 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	194	136	116
17083	85	Đường số 52- Khu phố Minh Long 4	Đường ĐH 05	Đường số 3	Phường Minh Hưng	960	670	580
17084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 52- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 52- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 52- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	295	207	177
17087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 52- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 52- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 52- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	266	186	160
17090	86	Đường Quốc lộ 13	Ranh giới phường Chơn Thành (ngã tư giao với đường Cao Bá Quát)	Ngã tư đường số 89, đường số 20	Phường Minh Hưng	6.000	4.200	3.600
17091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (ngã tư giao với đường Cao Bá Quát) đến Ngã tư đường số 89, đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	2880	2016	1728
17092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (ngã tư giao với đường Cao Bá Quát) đến Ngã tư đường số 89, đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	2304	1613	1382
17093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (ngã tư giao với đường Cao Bá Quát) đến Ngã tư đường số 89, đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1843	1290	1106

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (ngã tư giao với đường Cao Bá Quát) đến Ngã tư đường số 89, đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	2592	1814	1555
17095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (ngã tư giao với đường Cao Bá Quát) đến Ngã tư đường số 89, đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	2074	1452	1244
17096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (ngã tư giao với đường Cao Bá Quát) đến Ngã tư đường số 89, đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1659	1161	995
17097	87	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư đường số 89, đường số 20	Ngã tư đường số 84, đường số 97	Phường Minh Hưng	6.800	4.800	4.100
17098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 89, đường số 20 đến Ngã tư đường số 84, đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	3264	2285	1958
17099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 89, đường số 20 đến Ngã tư đường số 84, đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	2611	1828	1567
17100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 89, đường số 20 đến Ngã tư đường số 84, đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	2089	1462	1253
17101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 89, đường số 20 đến Ngã tư đường số 84, đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	2938	2057	1763
17102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 89, đường số 20 đến Ngã tư đường số 84, đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	2350	1645	1410

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 89, đường số 20 đến Ngã tư đường số 84, đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1880	1316	1128
17104	88	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư đường số 84, đường số 97	Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01	Phường Minh Hưng	11.500	8.100	6.900
17105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 84, đường số 97 đến Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	5520	3864	3312
17106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 84, đường số 97 đến Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	4416	3091	2650
17107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 84, đường số 97 đến Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	3533	2473	2120
17108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 84, đường số 97 đến Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	4968	3478	2981
17109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 84, đường số 97 đến Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	3974	2782	2384
17110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 84, đường số 97 đến Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	3180	2226	1908
17111	89	Đường Quốc lộ 13	Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01	Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69	Phường Minh Hưng	14.400	10.100	8.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 đến Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	6912	4838	4147
17113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 đến Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	5530	3871	3318
17114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 đến Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	4424	3097	2654
17115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 đến Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	6221	4355	3733
17116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 đến Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	4977	3484	2986
17117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 đến Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	3982	2787	2389
17118	90	Đường Quốc lộ 13	Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69	Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25	Phường Minh Hưng	11.500	8.100	6.900
17119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 đến Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	5520	3864	3312

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 đến Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	4416	3091	2650
17121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 đến Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	3533	2473	2120
17122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 đến Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	4968	3478	2981
17123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 đến Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	3974	2782	2384
17124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 đến Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	3180	2226	1908
17125	91	Đường Quốc lộ 13	Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25	Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11	Phường Minh Hưng	6.800	4.800	4.100
17126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 đến Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	3264	2285	1958
17127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 đến Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	2611	1828	1567

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 đến Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	2089	1462	1253
17129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 đến Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	2938	2057	1763
17130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 đến Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	2350	1645	1410
17131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 đến Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1880	1316	1128
17132	92	Đường Quốc lộ 13	Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11	Ranh giới phường Tân Khai	Phường Minh Hưng	4.500	3.100	2.700
17133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	2160	1512	1296
17134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1728	1210	1037
17135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1382	967	829

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1944	1361	1166
17137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1555	1089	933
17138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1244	871	746
17139	93	Đường ĐT752B	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng	Phường Minh Hưng	6.400	4.500	3.800
17140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT752B đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	3072	2150	1843
17141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT752B đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	2458	1721	1475
17142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT752B đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1966	1376	1180
17143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT752B đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	2765	1936	1659
17144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT752B đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	2212	1548	1327

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT752B đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1769	1238	1061
17146	94	Đường ĐT752B	Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng	Giáp ranh phường Tân Khai	Phường Minh Hưng	6.100	4.300	3.700
17147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT752B đoạn từ Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng đến Giáp ranh phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	2928	2050	1757
17148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT752B đoạn từ Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng đến Giáp ranh phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	2342	1639	1405
17149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT752B đoạn từ Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng đến Giáp ranh phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1874	1312	1124
17150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT752B đoạn từ Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng đến Giáp ranh phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	2635	1845	1581
17151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT752B đoạn từ Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng đến Giáp ranh phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	2108	1476	1265
17152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT752B đoạn từ Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng đến Giáp ranh phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1687	1181	1012
17153	95	Đường ĐH 01	HLLG đường Quốc lộ 13	Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03	Phường Minh Hưng	3.600	2.500	2.200
17154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1728	1210	1037

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1382	967	829
17156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1106	774	664
17157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1555	1089	933
17158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1244	871	746
17159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	995	697	597
17160	96	Đường ĐH 01	Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	900	630	540
17161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 01 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	432	302	259
17162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 01 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	346	242	208
17163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 01 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	277	194	166
17164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 01 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	389	272	233

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 01 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	311	218	187
17166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 01 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	249	174	149
17167	97	Đường ĐH 03	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	3.600	2.500	2.200
17168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1728	1210	1037
17169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1382	967	829
17170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1106	774	664
17171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1555	1089	933
17172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1244	871	746
17173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	995	697	597
17174	98	Đường ĐH04	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư đường số 19	Phường Minh Hưng	7.200	5.000	4.300
17175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH04 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	3456	2419	2074

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH04 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	2765	1936	1659
17177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH04 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	2212	1548	1327
17178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH04 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	3110	2177	1866
17179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH04 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	2489	1742	1493
17180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH04 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1991	1394	1195
17181	99	Đường ĐH04	Ngã tư đường số 19	Ngã tư đường số 17 và đường số 31	Phường Minh Hưng	3.400	2.400	2.000
17182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 19 đến Ngã tư đường số 17 và đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1632	1142	979
17183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 19 đến Ngã tư đường số 17 và đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1306	914	784
17184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 19 đến Ngã tư đường số 17 và đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1045	732	627

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 19 đến Ngã tư đường số 17 và đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1469	1028	881
17186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 19 đến Ngã tư đường số 17 và đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1175	823	705
17187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 19 đến Ngã tư đường số 17 và đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	941	659	565
17188	100	Đường ĐH04	Ngã tư đường số 17 và đường số 31	Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Minh Hưng	2.400	1.700	1.400
17189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 17 và đường số 31 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1152	806	691
17190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 17 và đường số 31 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	922	645	553
17191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 17 và đường số 31 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	738	517	443
17192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 17 và đường số 31 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1037	726	622
17193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 17 và đường số 31 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	830	581	498

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 17 và đường số 31 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	664	465	398
17195	101	Đường ĐH 05	Đường ĐH04	Đường ĐH15	Phường Minh Hưng	880	620	530
17196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
17197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
17198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	270	189	162
17199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
17200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
17201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	243	170	146
17202	102	Đường ĐH 12	Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng	Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31	Phường Minh Hưng	1.500	1.100	900
17203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 12 đoạn từ Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	720	504	432

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 12 đoạn từ Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 12 đoạn từ Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 12 đoạn từ Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	648	454	389
17207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 12 đoạn từ Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 12 đoạn từ Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17209	103	Đường ĐH 12	Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31	Giáp ranh xã Tân Quan	Phường Minh Hưng	1.100	770	660
17210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 12 đoạn từ Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
17211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 12 đoạn từ Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
17212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 12 đoạn từ Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 12 đoạn từ Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
17214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 12 đoạn từ Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
17215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 12 đoạn từ Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
17216	106	Đường ĐH 15	Đường Quốc lộ 13	Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28	Phường Minh Hưng	2.400	1.700	1.400
17217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1152	806	691
17218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	922	645	553
17219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	738	517	443
17220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1037	726	622
17221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	830	581	498

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	664	465	398
17223	107	Đường ĐH 15	Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28	Ngã ba tiếp giáp đường số 10	Phường Minh Hưng	1.700	1.200	1.000
17224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 15 đoạn từ Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 đến Ngã ba tiếp giáp đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	816	571	490
17225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 15 đoạn từ Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 đến Ngã ba tiếp giáp đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	653	457	392
17226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 15 đoạn từ Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 đến Ngã ba tiếp giáp đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	522	365	313
17227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 15 đoạn từ Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 đến Ngã ba tiếp giáp đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	734	514	440
17228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 15 đoạn từ Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 đến Ngã ba tiếp giáp đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	588	412	353
17229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 15 đoạn từ Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 đến Ngã ba tiếp giáp đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	470	329	282
17230	108	Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng	Ngã ba đường Quốc lộ 13	Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21	Phường Minh Hưng	12.000	8.400	7.200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	5760	4032	3456
17232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	4608	3226	2765
17233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	3686	2580	2212
17234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	5184	3629	3110
17235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	4147	2903	2488
17236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	3317	2322	1990
17237	109	Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng	Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21	Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31	Phường Minh Hưng	6.400	4.500	3.800
17238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 đến Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	3072	2150	1843

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 đến Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	2458	1721	1475
17240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 đến Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1966	1376	1180
17241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 đến Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	2765	1936	1659
17242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 đến Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	2212	1548	1327
17243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 đến Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1769	1238	1061
17244	110	Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng	Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31	Ranh giới phường Chơn Thành	Phường Minh Hưng	6.400	4.500	3.800
17245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	3072	2150	1843

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	2458	1721	1475
17247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1966	1376	1180
17248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	2765	1936	1659
17249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	2212	1548	1327
17250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1769	1238	1061
17251	111	Đường N1	Đường Quốc lộ 13	Giáp đường số 19	Phường Minh Hưng	1.500	1.100	900
17252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	720	504	432
17253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	576	403	346

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	648	454	389
17256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17258	112	Đường N1	Giáp đường số 19	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.200	840	720
17259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 đoạn từ Giáp đường số 19 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 đoạn từ Giáp đường số 19 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 đoạn từ Giáp đường số 19 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 đoạn từ Giáp đường số 19 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 đoạn từ Giáp đường số 19 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 đoạn từ Giáp đường số 19 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17265	113	Đường số 1	Đường số 6	Suối Lạnh	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17272	114	Đường số 2	Đường số 6	Đường Minh Hưng-Đồng Nơ	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 6 đến Đường Minh Hưng-Đồng Nơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 6 đến Đường Minh Hưng-Đồng Nơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 6 đến Đường Minh Hưng-Đồng Nơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 6 đến Đường Minh Hưng-Đồng Nơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 6 đến Đường Minh Hưng-Đồng Nơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 6 đến Đường Minh Hưng-Đồng Nơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17279	115	Đường số 3	Đường số 6	Suối Lạnh	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17286	116	Đường số 4	Đường ĐH 04	Suối Lạnh	Phường Minh Hưng	1.200	870	740

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17293	117	Đường số 5	Đường số 4	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17294		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường số 4 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường số 4 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường số 4 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17297		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường số 4 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường số 4 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường số 4 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17300	118	Đường số 6	Đường số 32	Ranh giới phường Tân Khai	Phường Minh Hưng	980	680	590
17301		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 32 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	470	329	282
17302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 32 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	376	263	226
17303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 32 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	301	211	181
17304		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 32 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	423	296	254
17305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 32 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
17306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 32 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	271	190	163
17307	119	Đường số 7	Đường ĐH 04	Đường số 5	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17308		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17311		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17314	120	Đường số 8	Đường ĐH 04	Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17315		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17318		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17321	121	Đường số 9	Đường ĐH 04	Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17322		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17325		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17328	122	Đường số 10	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.100	770	660

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17329		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
17330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
17331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
17332		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
17333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
17334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
17335	123	Đường số 11	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17336		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17339		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17342	124	Đường số 12	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17343		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17346		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17349	125	Đường số 13	Đường số 2	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17350		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 đoạn từ Đường số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 đoạn từ Đường số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 đoạn từ Đường số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17353		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 đoạn từ Đường số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 đoạn từ Đường số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 đoạn từ Đường số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17356	126	Đường số 14	Đường số 1	Ranh giới phường Tân Khai	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17357		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 14 đoạn từ Đường số 1 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 14 đoạn từ Đường số 1 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 14 đoạn từ Đường số 1 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17360		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 14 đoạn từ Đường số 1 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 14 đoạn từ Đường số 1 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 14 đoạn từ Đường số 1 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17363	127	Đường số 15	Đường ĐH 15	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17364		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 15 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 15 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 15 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17367		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 15 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 15 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 15 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17370	128	Đường số 16	Đường ĐH 15	Đường N1	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17371		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 16 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17372		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 16 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 16 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17374		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 16 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17375		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 16 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 16 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17377	129	Đường số 17	Đường ĐH 04	Đường số 5	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17378		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 17 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17379		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 17 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 17 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17381		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 17 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17382		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 17 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 17 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17384	130	Đường số 18	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17385		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17386		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17388		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17389		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17391	131	Đường số 19	Giáp đường số 58	Giáp đường ĐH04	Phường Minh Hưng	3.400	2.400	2.000
17392		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 58 đến Giáp đường ĐH04 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1632	1142	979
17393		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 58 đến Giáp đường ĐH04 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1306	914	784
17394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 58 đến Giáp đường ĐH04 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1045	732	627
17395		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 58 đến Giáp đường ĐH04 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1469	1028	881

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17396		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 58 đến Giáp đường ĐH04 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1175	823	705
17397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 58 đến Giáp đường ĐH04 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	941	659	565
17398	132	Đường số 19	Giáp đường ĐH04	Giáp đường số 35	Phường Minh Hưng	3.400	2.400	2.000
17399		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường ĐH04 đến Giáp đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1632	1142	979
17400		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường ĐH04 đến Giáp đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1306	914	784
17401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường ĐH04 đến Giáp đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	1045	732	627
17402		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường ĐH04 đến Giáp đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1469	1028	881
17403		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường ĐH04 đến Giáp đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1175	823	705
17404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường ĐH04 đến Giáp đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	941	659	565
17405	133	Đường số 19	Giáp đường số 35	Ngã tư đường N1	Phường Minh Hưng	2.300	1.600	1.400
17406		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 35 đến Ngã tư đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1104	773	662

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17407		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 35 đến Ngã tư đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	883	618	530
17408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 35 đến Ngã tư đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	706	494	424
17409		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 35 đến Ngã tư đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	994	696	596
17410		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 35 đến Ngã tư đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	795	557	477
17411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 35 đến Ngã tư đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	635	445	381
17412	134	Đường số 19	Ngã tư đường N1	Giáp đường Cao Bá Quát	Phường Minh Hưng	1.500	1.100	900
17413		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Ngã tư đường N1 đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	720	504	432
17414		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Ngã tư đường N1 đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Ngã tư đường N1 đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17416		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Ngã tư đường N1 đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	648	454	389

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17417		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Ngã tư đường N1 đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Ngã tư đường N1 đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17419	135	Đường số 20	HLLG đường Quốc lộ 13	Ngã tư tiếp giáp đường số 21	Phường Minh Hưng	2.300	1.600	1.400
17420		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1104	773	662
17421		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	883	618	530
17422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	706	494	424
17423		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	994	696	596
17424		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	795	557	477
17425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	635	445	381
17426	136	Đường số 20	Ngã tư tiếp giáp đường số 21	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.700	1.200	1.000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17427		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	816	571	490
17428		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	653	457	392
17429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	522	365	313
17430		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	734	514	440
17431		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	588	412	353
17432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	470	329	282
17433	137	Đường số 21	Ngã ba tiếp giáp với đường trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng	Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107	Phường Minh Hưng	1.700	1.200	1.000
17434		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp với đường trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	816	571	490
17435		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp với đường trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	653	457	392

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp với đường trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	522	365	313
17437		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp với đường trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	734	514	440
17438		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp với đường trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	588	412	353
17439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp với đường trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	470	329	282
17440	138	Đường số 21	Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.700	1.200	1.000
17441		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	816	571	490
17442		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	653	457	392
17443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	522	365	313
17444		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	734	514	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17445		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	588	412	353
17446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	470	329	282
17447	139	Đường số 22	HLLG đường Quốc lộ 13	Ngã tư giáp với đường số 21	Phường Minh Hưng	2.300	1.600	1.400
17448		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 22 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giáp với đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1104	773	662
17449		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 22 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giáp với đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	883	618	530
17450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 22 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giáp với đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	706	494	424
17451		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 22 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giáp với đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	994	696	596
17452		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 22 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giáp với đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	795	557	477
17453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 22 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giáp với đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	635	445	381
17454	140	Đường số 22	Ngã tư giáp với đường số 21	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17455		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 22 đoạn từ Ngã tư giáp với đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1104	773	662
17456		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 22 đoạn từ Ngã tư giáp với đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	883	618	530
17457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 22 đoạn từ Ngã tư giáp với đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	706	494	424
17458		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 22 đoạn từ Ngã tư giáp với đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	994	696	596
17459		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 22 đoạn từ Ngã tư giáp với đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	795	557	477
17460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 22 đoạn từ Ngã tư giáp với đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	635	445	381
17461	141	Đường số 23	Đường ĐH 12	Ranh giới phường Chơn Thành	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17462		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 23 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17463		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 23 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 23 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17465		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 23 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17466		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 23 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 23 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17468	142	Đường số 24	Đường ĐH 12	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.100	790	680
17469		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 24 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
17470		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 24 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
17471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 24 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
17472		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 24 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285
17473		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 24 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
17474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 24 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
17475	143	Đường số 25	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2	Phường Minh Hưng	1.400	980	840

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17476		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	672	470	403
17477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	538	377	323
17478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	430	301	258
17479		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	605	424	363
17480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	484	339	290
17481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	387	271	232
17482	144	Đường số 25	Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17483		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17486		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17489	145	Đường số 26	Đường số 25	Ranh giới phường Tân Khai	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17490		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 26 đoạn từ Đường số 25 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 26 đoạn từ Đường số 25 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 26 đoạn từ Đường số 25 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17493		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 26 đoạn từ Đường số 25 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 26 đoạn từ Đường số 25 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 26 đoạn từ Đường số 25 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17496	146	Đường số 27	Đường số 25	Hết ranh thửa đất số 123, tờ bản đồ số 2	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17497		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 25 đến Hết ranh thửa đất số 123, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 25 đến Hết ranh thửa đất số 123, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 25 đến Hết ranh thửa đất số 123, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17500		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 25 đến Hết ranh thửa đất số 123, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 25 đến Hết ranh thửa đất số 123, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 25 đến Hết ranh thửa đất số 123, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17503		Đường số 27	Đường số 26	Đến thửa đất số 1613, tờ bản đồ số 2	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17504		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 26 đến Đến thửa đất số 1613, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 26 đến Đến thửa đất số 1613, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 26 đến Đến thửa đất số 1613, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17507		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 26 đến Đến thửa đất số 1613, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 26 đến Đến thửa đất số 1613, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 26 đến Đến thửa đất số 1613, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17510	147	Đường số 28	Đường ĐH 04	Đường số 4	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17511		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 28 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 28 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 28 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17514		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 28 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 28 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 28 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17517	148	Đường số 29	Đường ĐH 04	Giáp ranh thửa đất 2567, tờ bản đồ số 5	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17518		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Giáp ranh thửa đất 2567, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Giáp ranh thửa đất 2567, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Giáp ranh thửa đất 2567, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17521		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Giáp ranh thửa đất 2567, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Giáp ranh thửa đất 2567, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Giáp ranh thửa đất 2567, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17524	149	Đường số 30	Đường ĐH 04	Đường số 4	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17525		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 30 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 30 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 30 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17528		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 30 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 30 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 30 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17531	150	Đường số 31	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17532		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17535		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17538	151	Đường số 32	Đường số 6	Đường số 15	Phường Minh Hưng	1.200	870	740

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17539		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 đoạn từ Đường số 6 đến Đường số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 đoạn từ Đường số 6 đến Đường số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 đoạn từ Đường số 6 đến Đường số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17542		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 đoạn từ Đường số 6 đến Đường số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 đoạn từ Đường số 6 đến Đường số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 đoạn từ Đường số 6 đến Đường số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17545	152	Đường số 33	HLLG đường Quốc lộ 13	Ngã ba tiếp giáp đường ĐH 03	Phường Minh Hưng	2.500	1.800	1.500
17546		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 33 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1200	840	720
17547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 33 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	960	672	576
17548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 33 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	768	538	461

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17549		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 33 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1080	756	648
17550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 33 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	864	605	518
17551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 33 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	691	484	415
17552	153	Đường số 34	Đường ĐH 05	Đường số 38	Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17553		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 34 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 34 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 34 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17556		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 34 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 34 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 34 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17559	154	Đường số 35	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	2.800	2.000	1.700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17560		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1344	941	806
17561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1075	753	645
17562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	860	602	516
17563		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1210	847	726
17564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	968	678	581
17565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	774	542	464
17566	155	Đường số 36	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17567		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17570		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17573	156	Đường số 36A	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17574		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17577		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17580	157	Đường số 37	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17581		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17584		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17587	158	Đường số 38	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17588		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17591		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17594	159	Đường số 39	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.500	1.100	930

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17595		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	720	504	432
17596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17598		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	648	454	389
17599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17601	160	Đường số 40	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17602		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17603		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17605		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17606		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17608	161	Đường số 41	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17609		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17610		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17612		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17613		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17615	162	Đường số 42	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17616		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17617		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17619		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17620		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17622	163	Đường số 43	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	980	680	590
17623		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	470	329	282
17624		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	376	263	226
17625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	301	211	181
17626		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	423	296	254
17627		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
17628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	271	190	163
17629	164	Đường số 44	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	980	680	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17630		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	470	329	282
17631		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	376	263	226
17632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	301	211	181
17633		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	423	296	254
17634		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
17635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	271	190	163
17636	165	Đường số 45	ĐH12	Đến thửa đất số 736 tờ bản đồ số 7	Phường Minh Hưng	980	680	590
17637		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 45 đoạn từ ĐH12 đến Đến thửa đất số 736 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	470	329	282
17638		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 45 đoạn từ ĐH12 đến Đến thửa đất số 736 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	376	263	226
17639		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 45 đoạn từ ĐH12 đến Đến thửa đất số 736 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	301	211	181
17640		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 45 đoạn từ ĐH12 đến Đến thửa đất số 736 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	423	296	254

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17641		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 45 đoạn từ ĐH12 đến Đến thửa đất số 736 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
17642		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 45 đoạn từ ĐH12 đến Đến thửa đất số 736 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	271	190	163
17643	166	Đường số 46	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	980	680	590
17644		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	470	329	282
17645		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	376	263	226
17646		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	301	211	181
17647		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	423	296	254
17648		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
17649		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	271	190	163
17650	167	Đường số 47	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	980	680	590
17651		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	470	329	282
17652		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	376	263	226

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17653		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	301	211	181
17654		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	423	296	254
17655		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
17656		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	271	190	163
17657	168	Đường số 48	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17658		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17659		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17661		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17662		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17664	169	Đường số 49	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17665		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17668		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17671	170	Đường số 50	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17672		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17673		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17674		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17675		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17676		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17677		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17678	171	Đường số 51	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17679		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17680		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17681		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17682		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17683		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17684		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17685	172	Đường số 52	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17687		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17688		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17690		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17691		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17692	173	Đường số 53	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17695		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17698		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17699	174	Đường số 54	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17702		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17705		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17706	175	Đường số 55	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17709		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17712		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17713	176	Đường số 56	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17716		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17719		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17720	177	Đường số 57	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	980	680	590
17721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	470	329	282
17722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	376	263	226

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17723		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	301	211	181
17724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	423	296	254
17725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
17726		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	271	190	163
17727	178	Đường số 58	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17730		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17733		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17734	179	Đường số 59	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17737		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17740		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17741	180	Đường số 60	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	2.800	2.000	1.700
17742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1344	941	806
17743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	1075	753	645
17744		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	860	602	516
17745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1210	847	726

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	968	678	581
17747		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	774	542	464
17748	181	Đường số 61	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17751		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17754		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17755	182	Đường số 62	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17758		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17761		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17762	183	Đường số 63	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17765		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17768		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17769	184	Đường số 64	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17772		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17775		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17776	185	Đường số 65	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17779		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17782		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17783	186	Đường số 66	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17786		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17789		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17790	187	Đường số 67	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17793		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17796		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17797	188	Đường số 68	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17800		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17803		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17804	189	Đường số 69	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17807		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17810		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17811	190	Đường số 70	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17814		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17817		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17818	191	Đường số 71	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17821		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17824		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17825	192	Đường số 72	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17828		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17831		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17832	193	Đường số 73	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17835		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17838		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17839	194	Đường số 74	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17842		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17845		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17846	195	Đường số 75	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17849		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17852		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17853	196	Đường số 76	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17856		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17859		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17860	197	Đường số 77	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17863		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17866		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17867	198	Đường số 79	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17870		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17873		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17874	199	Đường số 80	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17877		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17880		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17881	200	Đường số 81	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17884		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17887		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17888	201	Đường số 82	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	2.500	1.800	1.500
17889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1200	840	720
17890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	960	672	576
17891		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	768	538	461
17892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1080	756	648
17893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	864	605	518
17894		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	691	484	415
17895	202	Đường số 83	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	2.500	1.800	1.500
17896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1200	840	720
17897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	960	672	576

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17898		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	768	538	461
17899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1080	756	648
17900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	864	605	518
17901		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	691	484	415
17902	203	Đường số 84	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17905		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17908		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17909	204	Đường số 85	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17912		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17915		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17916	205	Đường số 86	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17919		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17922		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17923	206	Đường số 87	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17926		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17929		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17930	207	Đường số 88	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17933		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17936		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17937	208	Đường số 89	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17940		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17943		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17944	209	Đường số 90	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1104	773	662
17946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	883	618	530
17947		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	706	494	424
17948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	994	696	596
17949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	795	557	477
17950		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	635	445	381
17951	210	Đường số 91	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17954		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17957		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17958	211	Đường số 92	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17961		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17964		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17965	212	Đường số 93	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17968		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17971		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17972	213	Đường số 94	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17975		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17978		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17979	214	Đường số 95	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17986	215	Đường số 96	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 96 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 96 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 96 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 96 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
17991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 96 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 96 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
17993	216	Đường số 97	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
17994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
17995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
17996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
17997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
17998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
17999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
18000	217	Đường số 98	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
18001		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
18002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
18004		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
18005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
18006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
18007	218	Đường số 99	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	2.300	1.600	1.400
18008		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1104	773	662
18009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	883	618	530
18010		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	706	494	424
18011		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	994	696	596
18012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	795	557	477
18013		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	635	445	381
18014	219	Đường số 100	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	2.300	1.600	1.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18015		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1104	773	662
18016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	883	618	530
18017		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	706	494	424
18018		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	994	696	596
18019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	795	557	477
18020		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	635	445	381
18021	220	Đường số 101	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
18022		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
18023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
18024		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
18025		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
18027		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
18028	221	Đường số 102	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
18029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
18030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
18031		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
18032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
18033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
18034		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
18035	222	Đường số 103	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740
18036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
18037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18038		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
18039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
18040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
18041		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
18042	223	Đường số 104	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	2.300	1.600	1.400
18043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	1104	773	662
18044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	883	618	530
18045		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	706	494	424
18046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	994	696	596
18047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	795	557	477
18048		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	635	445	381
18049	224	Đường số 105	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.200	870	740

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	576	403	346
18051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	461	323	277
18052		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	369	258	221
18053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	518	363	311
18054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	415	291	249
18055		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	332	232	199
18056	225	Đường dọc khu dân cư thuộc khu vực Chợ Minh Hưng	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	1.100	790	680
18057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc khu dân cư thuộc khu vực Chợ Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	528	370	317
18058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc khu dân cư thuộc khu vực Chợ Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	422	295	253
18059		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc khu dân cư thuộc khu vực Chợ Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	338	237	203
18060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc khu dân cư thuộc khu vực Chợ Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	475	333	285

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc khu dân cư thuộc khu vực Chợ Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	380	266	228
18062		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc khu dân cư thuộc khu vực Chợ Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	304	213	182
18063		**Khu dân cư Đại Nam**			Phường Minh Hưng			
18064	228	Đường số 14	Cổng chào Khu dân cư Đại Nam (Giáp đường Quốc lộ 13)	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	8.000	5.600	4.800
18065	229	Đường số 1	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	6.300	4.400	3.800
18066	230	Đường số 6, 7, 9, 10	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	6.300	4.400	3.800
18067	231	Đường số 4, 5, 11, 17, 19	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	5.500	3.900	3.300
18068	232	Các đường còn lại trong Khu dân cư	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	5.000	3.500	3.000
18069		**Khu dân cư Minh Hưng III**			Phường Minh Hưng			
18070	233	Đường D3	Đường ĐT 752B	Đường N4 - khu dân cư Minh Hưng III	Phường Minh Hưng	5.000	3.500	3.000
18071	234	Đường N4	Đường Quốc lộ 13	Đường D5 - Khu dân cư Minh Hưng III	Phường Minh Hưng	4.500	3.200	2.700
18072	235	Các đường còn lại trong Khu dân cư Minh Hưng III	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	4.000	2.800	2.400
18073		**Khu dân cư Phúc Hưng**			Phường Minh Hưng			
18074	236	Đường Định Hướng, Đường N4	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	3.500	2.500	2.100
18075	237	Các đường còn lại trong Khu dân cư Phúc Hưng	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	3.000	2.100	1.800
18076	1	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Ngã tư Chơn Thành	Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84)	Phường Chơn Thành	20900	14600	12500
18077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	8360	5852	5016

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	6688	4682	4013
18079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	5350	3745	3210
18080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	7524	5267	4514
18081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	6019	4213	3611
18082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	4815	3371	2889
18083	2	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mòi	Ngã tư đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Phường Chơn Thành	14400	10100	8600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mòi đến Ngã tư đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	5760	4032	3456
18085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mòi đến Ngã tư đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	4608	3226	2765
18086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mòi đến Ngã tư đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	3686	2580	2212
18087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mòi đến Ngã tư đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	5184	3629	3110
18088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mòi đến Ngã tư đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	4147	2903	2488
18089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mòi đến Ngã tư đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	3317	2322	1990
18090	3	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Đường Lạc Long Quân (Đường số 7)	Phường Chơn Thành	9600	6700	5800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	3840	2688	2304
18092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	3072	2150	1843
18093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	2458	1721	1475
18094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	3456	2419	2074
18095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2765	1936	1659
18096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	2212	1548	1327
18097	4	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Đường Lạc Long Quân (Đường số 7)	Đường Nguyễn Công Hoan	Phường Chơn Thành	7200	5000	4300
18098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2880	2016	1728
18099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2304	1613	1382

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1843	1290	1106
18101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2592	1814	1555
18102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2074	1452	1244
18103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1659	1161	995
18104	5	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng)	Phường Chơn Thành	6400	4500	3800
18105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2560	1792	1536
18106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2048	1434	1229
18107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1638	1147	983
18108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2304	1613	1382

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1843	1290	1106
18110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1474	1032	884
18111	6	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng)	Ranh giới phường Minh Hưng	Phường Chơn Thành	6000	4200	3600
18112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) đến Ranh giới phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2400	1680	1440
18113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) đến Ranh giới phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1920	1344	1152
18114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) đến Ranh giới phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1536	1075	922
18115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) đến Ranh giới phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2160	1512	1296
18116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) đến Ranh giới phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1728	1210	1037

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) đến Ranh giới phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1382	967	829
18118	7	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Ngã tư Chơn Thành	Cầu Bến Đình	Phường Chơn Thành	20900	14600	12500
18119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Bến Đình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	8360	5852	5016
18120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Bến Đình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	6688	4682	4013
18121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Bến Đình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	5350	3745	3210
18122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Bến Đình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	7524	5267	4514
18123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Bến Đình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	6019	4213	3611
18124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Bến Đình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	4815	3371	2889
18125	8	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Cầu Bến Đình	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ	Phường Chơn Thành	14400	10100	8600
18126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Cầu Bến Đình đến Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	5760	4032	3456

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Cầu Bến Đình đến Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	4608	3226	2765
18128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Cầu Bến Đình đến Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	3686	2580	2212
18129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Cầu Bến Đình đến Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	5184	3629	3110
18130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Cầu Bến Đình đến Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	4147	2903	2488
18131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Cầu Bến Đình đến Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	3317	2322	1990
18132	9	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ	Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào văn phòng Khu phố 7	Phường Chơn Thành	9600	6700	5800
18133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào văn phòng Khu phố 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	3840	2688	2304
18134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào văn phòng Khu phố 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	3072	2150	1843

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào văn phòng Khu phố 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	2458	1721	1475
18136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào văn phòng Khu phố 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	3456	2419	2074
18137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào văn phòng Khu phố 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2765	1936	1659
18138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào văn phòng Khu phố 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	2212	1548	1327
18139	10	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào Văn phòng Khu phố 7	Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 105 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) Hết ranh thửa đất số 83, tờ bản đồ số 106 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ))	Phường Chơn Thành	6400	4500	3800
18140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào Văn phòng Khu phố 7 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 105 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) Hết ranh thửa đất số 83, tờ bản đồ số 106 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2560	1792	1536

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào Văn phòng Khu phố 7 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 105 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) Hết ranh thửa đất số 83, tờ bản đồ số 106 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Chơn Thành	2048	1434	1229
18142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào Văn phòng Khu phố 7 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 105 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) Hết ranh thửa đất số 83, tờ bản đồ số 106 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Chơn Thành	1638	1147	983
18143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào Văn phòng Khu phố 7 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 105 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) Hết ranh thửa đất số 83, tờ bản đồ số 106 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Chơn Thành	2304	1613	1382
18144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào Văn phòng Khu phố 7 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 105 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) Hết ranh thửa đất số 83, tờ bản đồ số 106 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Chơn Thành	1843	1290	1106
18145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào Văn phòng Khu phố 7 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 105 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) Hết ranh thửa đất số 83, tờ bản đồ số 106 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Chơn Thành	1474	1032	884

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18146	11	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã tư Chơn Thành	Cầu Suối Đôi	Phường Chơn Thành	20900	14600	12500
18147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Suối Đôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	8360	5852	5016
18148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Suối Đôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	6688	4682	4013
18149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Suối Đôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	5350	3745	3210
18150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Suối Đôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	7524	5267	4514
18151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Suối Đôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	6019	4213	3611
18152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Suối Đôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	4815	3371	2889
18153	12	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Cầu Suối Đôi	Cầu Bàu Bàng	Phường Chơn Thành	13200	9200	7900
18154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Suối Đôi đến Cầu Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	5280	3696	3168

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Suối Đôi đến Cầu Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	4224	2957	2534
18156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Suối Đôi đến Cầu Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	3379	2365	2027
18157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Suối Đôi đến Cầu Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	4752	3326	2851
18158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Suối Đôi đến Cầu Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	3802	2661	2281
18159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Suối Đôi đến Cầu Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	3041	2129	1825
18160	13	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Cầu Bàu Bàng	Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành)	Phường Chơn Thành	12000	8400	7200
18161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Bàu Bàng đến Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	4800	3360	2880
18162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Bàu Bàng đến Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	3840	2688	2304

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Bàu Bàng đến Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	3072	2150	1843
18164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Bàu Bàng đến Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	4320	3024	2592
18165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Bàu Bàng đến Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	3456	2419	2074
18166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Bàu Bàng đến Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	2765	1936	1659
18167	14	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành)	Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42)	Phường Chơn Thành	7600	5300	4600
18168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) đến Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	3040	2128	1824

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) đến Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Chơn Thành	2432	1702	1459
18170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) đến Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Chơn Thành	1946	1362	1168
18171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) đến Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Chơn Thành	2736	1915	1642
18172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) đến Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Chơn Thành	2189	1532	1313
18173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) đến Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Chơn Thành	1751	1226	1051

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18174	15	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87 tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42)	Hết ranh thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16 (ranh giới phường Minh Thành (cũ))	Phường Chơn Thành	5600	3900	3400
18175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87 tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) đến Hết ranh thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16 (ranh giới phường Minh Thành (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2240	1568	1344
18176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87 tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) đến Hết ranh thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16 (ranh giới phường Minh Thành (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1792	1254	1075
18177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87 tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) đến Hết ranh thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16 (ranh giới phường Minh Thành (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1434	1004	860
18178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87 tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) đến Hết ranh thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16 (ranh giới phường Minh Thành (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2016	1411	1210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87 tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) đến Hết ranh thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16 (ranh giới phường Minh Thành (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1613	1129	968
18180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87 tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) đến Hết ranh thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16 (ranh giới phường Minh Thành (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1291	904	775
18181	16	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã tư Chơn Thành	Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83)	Phường Chơn Thành	20900	14600	12500
18182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	8360	5852	5016
18183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	6688	4682	4013
18184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	5350	3745	3210
18185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	7524	5267	4514

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	6019	4213	3611
18187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	4815	3371	2889
18188	17	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83)	Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào Văn phòng khu phố 4	Phường Chơn Thành	13200	9200	7900
18189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) đến Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào Văn phòng khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	5280	3696	3168
18190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) đến Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào Văn phòng khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	4224	2957	2534
18191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) đến Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào Văn phòng khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	3379	2365	2027

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) đến Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào Văn phòng khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	4752	3326	2851
18193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) đến Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào Văn phòng khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	3802	2661	2281
18194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) đến Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào Văn phòng khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	3041	2129	1825
18195	18	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào văn phòng khu phố 4	Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An. Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu	Phường Chơn Thành	8400	5900	5000
18196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào văn phòng khu phố 4 đến Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An. Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	3360	2352	2016
18197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào văn phòng khu phố 4 đến Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An. Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2688	1882	1613

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào văn phòng khu phố 4 đến Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An. Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	2150	1505	1290
18199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào văn phòng khu phố 4 đến Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An. Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	3024	2117	1814
18200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào văn phòng khu phố 4 đến Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An. Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2419	1693	1451
18201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào văn phòng khu phố 4 đến Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An. Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1935	1355	1161
18202	19	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu	Ngã ba đường Ngô Đức Kế	Phường Chơn Thành	6000	4200	3600
18203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2400	1680	1440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1920	1344	1152
18205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1536	1075	922
18206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2160	1512	1296
18207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1728	1210	1037
18208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1382	967	829
18209	21	Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7)	Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 14: 25m)	Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A	Phường Chơn Thành	9600	6700	5800
18210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 14: 25m) đến Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	3840	2688	2304

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 14: 25m) đến Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	3072	2150	1843
18212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 14: 25m) đến Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	2458	1721	1475
18213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 14: 25m) đến Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	3456	2419	2074
18214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 14: 25m) đến Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2765	1936	1659
18215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 14: 25m) đến Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	2212	1548	1327
18216	22	Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7)	Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A	Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài	Phường Chơn Thành	7200	5000	4300
18217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A đến Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2880	2016	1728

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A đến Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2304	1613	1382
18219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A đến Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1843	1290	1106
18220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A đến Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2592	1814	1555
18221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A đến Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2074	1452	1244
18222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A đến Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1659	1161	995
18223	23	Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7)	Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài	Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân	Phường Chơn Thành	5600	3900	3400
18224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài đến Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2240	1568	1344
18225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài đến Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1792	1254	1075

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài đến Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1434	1004	860
18227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài đến Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2016	1411	1210
18228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài đến Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1613	1129	968
18229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài đến Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1291	904	775
18230	24	Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7)	Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân	Đường 02 tháng 4 (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 13: 25m)	Phường Chơn Thành	4800	3400	2900
18231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân đến Đường 02 tháng 4 (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 13: 25m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1920	1344	1152
18232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân đến Đường 02 tháng 4 (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 13: 25m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1536	1075	922
18233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân đến Đường 02 tháng 4 (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 13: 25m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1229	860	737

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân đến Đường 02 tháng 4 (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 13: 25m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1728	1210	1037
18235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân đến Đường 02 tháng 4 (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 13: 25m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1382	967	829
18236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân đến Đường 02 tháng 4 (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 13: 25m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1106	774	664
18237	25	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Đầu đường Nguyễn Huệ (Đường ĐT 751)	Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 141, tờ bản đồ số 78)	Phường Chơn Thành	12000	8400	7200
18238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Đầu đường Nguyễn Huệ (Đường ĐT 751) đến Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 141, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	4800	3360	2880
18239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Đầu đường Nguyễn Huệ (Đường ĐT 751) đến Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 141, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	3840	2688	2304
18240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Đầu đường Nguyễn Huệ (Đường ĐT 751) đến Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 141, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	3072	2150	1843

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Đầu đường Nguyễn Huệ (Đường ĐT 751) đến Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 141, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Chơn Thành	4320	3024	2592
18242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Đầu đường Nguyễn Huệ (Đường ĐT 751) đến Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 141, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Chơn Thành	3456	2419	2074
18243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Đầu đường Nguyễn Huệ (Đường ĐT 751) đến Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 141, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Chơn Thành	2765	1936	1659
18244	26	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79)	Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự	Phường Chơn Thành	8000	5600	4800
18245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Chơn Thành	3200	2240	1920
18246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Chơn Thành	2560	1792	1536

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	2048	1434	1229
18248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2880	2016	1728
18249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2304	1613	1382
18250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1843	1290	1106
18251	27	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự	Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60	Phường Chơn Thành	5600	3900	3400
18252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự đến Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2240	1568	1344

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự đến Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1792	1254	1075
18254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự đến Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1434	1004	860
18255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự đến Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2016	1411	1210
18256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự đến Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1613	1129	968
18257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự đến Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1291	904	775
18258	28	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12)	Phường Chơn Thành	4400	3100	2600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Chơn Thành	1760	1232	1056
18260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Chơn Thành	1408	986	845
18261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Chơn Thành	1126	788	676
18262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Chơn Thành	1584	1109	950
18263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Chơn Thành	1267	887	760

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1013	709	608
18265	29	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12)	Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự	Phường Chơn Thành	3200	2200	1900
18266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1280	896	768
18267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1024	717	614
18268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	819	573	491
18269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1152	806	691

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	922	645	553
18271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	737	516	442
18272	30	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Ngã tư đường Phạm Hồng Thái	Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49	Phường Chơn Thành	2100	1500	1200
18273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái đến Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	840	588	504
18274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái đến Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	672	470	403
18275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái đến Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	538	377	323
18276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái đến Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	756	529	454

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái đến Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	605	424	363
18278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái đến Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	484	339	290
18279	31	Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường 02 tháng 4: 25m)	Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72)	Phường Chơn Thành	8000	5600	4800
18280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường 02 tháng 4: 25m) đến Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	3200	2240	1920
18281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường 02 tháng 4: 25m) đến Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2560	1792	1536
18282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường 02 tháng 4: 25m) đến Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	2048	1434	1229
18283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường 02 tháng 4: 25m) đến Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2880	2016	1728
18284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường 02 tháng 4: 25m) đến Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2304	1613	1382

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường 02 tháng 4: 25m) đến Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1843	1290	1106
18286	32	Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72)	Cuối tuyến (đường Nguyễn Huệ)	Phường Chơn Thành	6400	4500	3800
18287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) đến Cuối tuyến (đường Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2560	1792	1536
18288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) đến Cuối tuyến (đường Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2048	1434	1229
18289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) đến Cuối tuyến (đường Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1638	1147	983
18290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) đến Cuối tuyến (đường Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2304	1613	1382
18291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) đến Cuối tuyến (đường Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1843	1290	1106
18292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) đến Cuối tuyến (đường Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1474	1032	884
18293	33	Đường Hoàng Hoa Thám (D1)	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	6400	4500	3800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18294		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám (D1) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2560	1792	1536
18295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám (D1) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2048	1434	1229
18296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám (D1) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1638	1147	983
18297		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám (D1) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2304	1613	1382
18298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám (D1) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1843	1290	1106
18299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám (D1) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1474	1032	884
18300	34	Đường Phạm Ngọc Thạch (D9)	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	6400	4500	3800
18301		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch (D9) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2560	1792	1536
18302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch (D9) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2048	1434	1229
18303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch (D9) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1638	1147	983
18304		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch (D9) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2304	1613	1382

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch (D9) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1843	1290	1106
18306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch (D9) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1474	1032	884
18307	35	Đường Nguyễn Văn Linh	Trung tâm hành chính phường Chơn Thành	Ngã tư đường Cao Bá Quát	Phường Chơn Thành	6400	4500	3800
18308		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Trung tâm hành chính phường Chơn Thành đến Ngã tư đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2560	1792	1536
18309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Trung tâm hành chính phường Chơn Thành đến Ngã tư đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2048	1434	1229
18310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Trung tâm hành chính phường Chơn Thành đến Ngã tư đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1638	1147	983
18311		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Trung tâm hành chính phường Chơn Thành đến Ngã tư đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2304	1613	1382
18312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Trung tâm hành chính phường Chơn Thành đến Ngã tư đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1843	1290	1106
18313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Trung tâm hành chính phường Chơn Thành đến Ngã tư đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1474	1032	884
18314	36	Đường Phan Đình Giót (N1)	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	6400	4500	3800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18315		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót (N1) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2560	1792	1536
18316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót (N1) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2048	1434	1229
18317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót (N1) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1638	1147	983
18318		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót (N1) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2304	1613	1382
18319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót (N1) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1843	1290	1106
18320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót (N1) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1474	1032	884
18321	37	Đường Phan Đình Phùng (N9)	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	6400	4500	3800
18322		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng (N9) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2560	1792	1536
18323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng (N9) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2048	1434	1229
18324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng (N9) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1638	1147	983
18325		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng (N9) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2304	1613	1382

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng (N9) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1843	1290	1106
18327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng (N9) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1474	1032	884
18328	38	Các đường quy hoạch còn lại trong khu trung tâm hành chính thị xã	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	5100	3600	3100
18329		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường quy hoạch còn lại trong khu trung tâm hành chính thị xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2040	1428	1224
18330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường quy hoạch còn lại trong khu trung tâm hành chính thị xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1632	1142	979
18331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường quy hoạch còn lại trong khu trung tâm hành chính thị xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1306	914	784
18332		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường quy hoạch còn lại trong khu trung tâm hành chính thị xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1836	1285	1102
18333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường quy hoạch còn lại trong khu trung tâm hành chính thị xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1469	1028	881
18334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường quy hoạch còn lại trong khu trung tâm hành chính thị xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1175	823	705
18335	39	Đường Phước Long	Đường 02 tháng 4	Đường D5	Phường Chơn Thành	16000	11200	9600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18336		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Long đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường D5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	6400	4480	3840
18337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Long đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường D5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	5120	3584	3072
18338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Long đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường D5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	4096	2867	2458
18339		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Long đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường D5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	5760	4032	3456
18340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Long đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường D5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	4608	3226	2765
18341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Long đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường D5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	3686	2580	2212
18342	40	Đường Phước Long	Đường D5	Đường Cao Thắng	Phường Chơn Thành	14400	10100	8600
18343		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Long đoạn từ Đường D5 đến Đường Cao Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	5760	4032	3456
18344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Long đoạn từ Đường D5 đến Đường Cao Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	4608	3226	2765
18345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Long đoạn từ Đường D5 đến Đường Cao Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	3686	2580	2212

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18346		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Long đoạn từ Đường D5 đến Đường Cao Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	5184	3629	3110
18347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Long đoạn từ Đường D5 đến Đường Cao Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	4147	2903	2488
18348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Long đoạn từ Đường D5 đến Đường Cao Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	3317	2322	1990
18349	41	Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ)	Đường 02 tháng 4	Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34)	Phường Chơn Thành	4400	3100	2600
18350		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1760	1232	1056
18351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1408	986	845
18352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1126	788	676
18353		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1584	1109	950

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1267	887	760
18355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1013	709	608
18356	42	Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ)	Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34)	Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35)	Phường Chơn Thành	2400	1700	1400
18357		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) đến Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	960	672	576
18358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) đến Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	768	538	461
18359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) đến Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	614	430	368
18360		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) đến Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	864	605	518

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) đến Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	691	484	415
18362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) đến Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	553	387	332
18363	43	Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) nối dài	Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35)	Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 193)	Phường Chơn Thành	2400	1700	1400
18364		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) nối dài đoạn từ Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) đến Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 193) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	960	672	576
18365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) nối dài đoạn từ Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) đến Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 193) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	768	538	461
18366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) nối dài đoạn từ Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) đến Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 193) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	614	430	368
18367		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) nối dài đoạn từ Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) đến Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 193) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	864	605	518
18368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) nối dài đoạn từ Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) đến Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 193) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	691	484	415

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) nối dài đoạn từ Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) đến Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 193) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	553	387	332
18370	44	Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi)	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86	Phường Chơn Thành	6400	4500	3800
18371		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2560	1792	1536
18372		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2048	1434	1229
18373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1638	1147	983
18374		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2304	1613	1382
18375		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1843	1290	1106
18376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1474	1032	884
18377	45	Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi)	Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86	Đường Lạc Long Quân	Phường Chơn Thành	4400	3100	2600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18378		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 đến Đường Lạc Long Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1760	1232	1056
18379		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 đến Đường Lạc Long Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1408	986	845
18380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 đến Đường Lạc Long Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1126	788	676
18381		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 đến Đường Lạc Long Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1584	1109	950
18382		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 đến Đường Lạc Long Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1267	887	760
18383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 đến Đường Lạc Long Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1013	709	608
18384	46	Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi)	Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14)	Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27)	Phường Chơn Thành	5600	3900	3400
18385		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14) đến Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2240	1568	1344

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18386		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14) đến Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1792	1254	1075
18387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14) đến Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1434	1004	860
18388		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14) đến Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2016	1411	1210
18389		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14) đến Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1613	1129	968
18390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14) đến Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1291	904	775
18391	47	Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi)	Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27	Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long)	Phường Chơn Thành	4200	2900	2500
18392		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27 đến Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1680	1176	1008
18393		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27 đến Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1344	941	806

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27 đến Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1075	753	645
18395		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27 đến Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1512	1058	907
18396		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27 đến Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1210	847	726
18397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27 đến Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	968	678	581
18398	48	Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi)	Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long)	Hết đường điện 110KV	Phường Chơn Thành	2400	1700	1400
18399		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) đến Hết đường điện 110KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	960	672	576
18400		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) đến Hết đường điện 110KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	768	538	461
18401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) đến Hết đường điện 110KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	614	430	368

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18402		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) đến Hết đường điện 110KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	864	605	518
18403		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) đến Hết đường điện 110KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	691	484	415
18404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) đến Hết đường điện 110KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	553	387	332
18405	49	Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi)	Đầu đường điện 110KV	Đường Hồ Chí Minh	Phường Chơn Thành	1600	1100	960
18406		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đầu đường điện 110KV đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	640	448	384
18407		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đầu đường điện 110KV đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	512	358	307
18408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đầu đường điện 110KV đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	410	287	246
18409		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đầu đường điện 110KV đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	576	403	346

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18410		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đầu đường điện 110KV đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	461	323	277
18411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đầu đường điện 110KV đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	369	258	221
18412	50	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ	Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20)	Phường Chơn Thành	2100	1500	1200
18413		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	840	588	504
18414		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	672	470	403
18415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	538	377	323
18416		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	756	529	454
18417		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	605	424	363

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	484	339	290
18419	51	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi	Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20)	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20	Phường Chơn Thành	1400	950	820
18420		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	560	392	336
18421		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	448	314	269
18422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	358	251	215
18423		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	504	353	302
18424		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	403	282	242

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	322	225	193
18426	52	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20	Đường Lê Duẩn	Phường Chơn Thành	1100	780	670
18427		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	440	308	264
18428		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	352	246	211
18429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	282	197	169
18430		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	396	277	238
18431		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	317	222	190

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	254	178	152
18433	53	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư hết thửa đất số 1172, tờ bản đồ số 20	Phường Chơn Thành	5600	3900	3400
18434		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 1172, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2240	1568	1344
18435		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 1172, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1792	1254	1075
18436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 1172, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1434	1004	860
18437		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 1172, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2016	1411	1210
18438		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 1172, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1613	1129	968
18439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 1172, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1291	904	775
18440	54	Đường Lê Duẩn	Ngã tư hết thửa đất số 325, tờ bản đồ số 20	Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13	Phường Chơn Thành	4200	2900	2500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18441		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 325, tờ bản đồ số 20 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1680	1176	1008
18442		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 325, tờ bản đồ số 20 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1344	941	806
18443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 325, tờ bản đồ số 20 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1075	753	645
18444		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 325, tờ bản đồ số 20 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1512	1058	907
18445		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 325, tờ bản đồ số 20 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1210	847	726
18446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 325, tờ bản đồ số 20 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	968	678	581
18447	55	Đường Lê Duẩn	Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13	Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3)	Phường Chơn Thành	2400	1700	1400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18448		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	960	672	576
18449		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	768	538	461
18450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	614	430	368
18451		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	864	605	518
18452		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	691	484	415
18453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	553	387	332

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18454	56	Đường Lê Duẩn	Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3)	Giáp đường Cao Bá Quát	Phường Chơn Thành	1700	1200	1000
18455		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	680	476	408
18456		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	544	381	326
18457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	435	305	261
18458		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	612	428	367
18459		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	490	343	294
18460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	392	274	235

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18461	57	Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố Phùng Hưng, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng)	Đầu thửa đất số 39, tờ bản đồ số 58	Giáp đường Huỳnh Văn Bánh	Phường Chơn Thành	1800	1200	1100
18462		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố Phùng Hưng, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng) đoạn từ Đầu thửa đất số 39, tờ bản đồ số 58 đến Giáp đường Huỳnh Văn Bánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	720	504	432
18463		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố Phùng Hưng, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng) đoạn từ Đầu thửa đất số 39, tờ bản đồ số 58 đến Giáp đường Huỳnh Văn Bánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	576	403	346
18464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố Phùng Hưng, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng) đoạn từ Đầu thửa đất số 39, tờ bản đồ số 58 đến Giáp đường Huỳnh Văn Bánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	461	323	277
18465		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố Phùng Hưng, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng) đoạn từ Đầu thửa đất số 39, tờ bản đồ số 58 đến Giáp đường Huỳnh Văn Bánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	648	454	389
18466		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố Phùng Hưng, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng) đoạn từ Đầu thửa đất số 39, tờ bản đồ số 58 đến Giáp đường Huỳnh Văn Bánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	518	363	311
18467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố Phùng Hưng, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng) đoạn từ Đầu thửa đất số 39, tờ bản đồ số 58 đến Giáp đường Huỳnh Văn Bánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	415	291	249
18468	58	Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng)	Đường 02 tháng 4	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	2400	1700	1400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18469		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	960	672	576
18470		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	768	538	461
18471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	614	430	368
18472		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	864	605	518
18473		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	691	484	415
18474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	553	387	332
18475	59	Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng)	Đường Nguyễn Văn Linh	Ranh giới phường Minh Thành (cũ)	Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	1700	1200	1000
18476		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Ranh giới phường Minh Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	680	476	408

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Ranh giới phường Minh Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	544	381	326
18478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Ranh giới phường Minh Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	435	305	261
18479		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Ranh giới phường Minh Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	612	428	367
18480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Ranh giới phường Minh Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	490	343	294
18481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Ranh giới phường Minh Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	392	274	235
18482	60	Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng)	Đường 02 tháng 4	Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng	Phường Chơn Thành	2400	1700	1400
18483		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	960	672	576
18484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	768	538	461

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	614	430	368
18486		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	864	605	518
18487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	691	484	415
18488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	553	387	332
18489	61	Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng (cũ))	Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng	Giáp ranh phường Minh Hưng (thửa đất số 815, tờ bản đồ số 1)	Phường Chơn Thành	1700	1200	1000
18490		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng (cũ)) đoạn từ Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng đến Giáp ranh phường Minh Hưng (thửa đất số 815, tờ bản đồ số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	680	476	408
18491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng (cũ)) đoạn từ Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng đến Giáp ranh phường Minh Hưng (thửa đất số 815, tờ bản đồ số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	544	381	326
18492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng (cũ)) đoạn từ Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng đến Giáp ranh phường Minh Hưng (thửa đất số 815, tờ bản đồ số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	435	305	261

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18493		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng (cũ)) đoạn từ Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng đến Giáp ranh phường Minh Hưng (thửa đất số 815, tờ bản đồ số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	612	428	367
18494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng (cũ)) đoạn từ Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng đến Giáp ranh phường Minh Hưng (thửa đất số 815, tờ bản đồ số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	490	343	294
18495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng (cũ)) đoạn từ Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng đến Giáp ranh phường Minh Hưng (thửa đất số 815, tờ bản đồ số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	392	274	235
18496	62	Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ))	Đường 02 tháng 4	Ngã tư đường tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng	Phường Chơn Thành	1300	900	770
18497		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	520	364	312
18498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	416	291	250
18499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	333	233	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18500		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	468	328	281
18501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	374	262	224
18502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	300	210	180
18503	63	Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ))	Ngã tư đường tổ 9 -10, Khu phố Phùng Hưng	Đến thửa đất số 1410 tờ bản số 6	Phường Chơn Thành	910	640	550
18504		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã tư đường tổ 9 -10, Khu phố Phùng Hưng đến Đến thửa đất số 1410 tờ bản số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	364	255	218
18505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã tư đường tổ 9 -10, Khu phố Phùng Hưng đến Đến thửa đất số 1410 tờ bản số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	291	204	175
18506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã tư đường tổ 9 -10, Khu phố Phùng Hưng đến Đến thửa đất số 1410 tờ bản số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	233	163	140
18507		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã tư đường tổ 9 -10, Khu phố Phùng Hưng đến Đến thửa đất số 1410 tờ bản số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	328	230	197

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã tư đường tổ 9 -10, Khu phố Phùng Hưng đến Đến thửa đất số 1410 tờ bản số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	262	183	157
18509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã tư đường tổ 9 -10, Khu phố Phùng Hưng đến Đến thửa đất số 1410 tờ bản số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	210	147	126
18510	64	Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ)	Đường Nguyễn Huệ	Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Long Hưng (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82	Phường Chơn Thành	2900	2000	1700
18511		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Long Hưng (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1160	812	696
18512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Long Hưng (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	928	650	557
18513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Long Hưng (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	742	519	445
18514		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Long Hưng (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1044	731	626

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Long Hưng (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	835	585	501
18516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Long Hưng (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	668	468	401
18517	65	Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ)	Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Hưng Long (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82	Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25	Phường Chơn Thành	2200	1500	1300
18518		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Hưng Long (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	880	616	528
18519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Hưng Long (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	704	493	422
18520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Hưng Long (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	563	394	338

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18521		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Hưng Long (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	792	554	475
18522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Hưng Long (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	634	444	380
18523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Hưng Long (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	507	355	304
18524	66	Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ)	Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25	Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 67) Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29)	Phường Chơn Thành	1500	1000	890
18525		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 đến Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 67) Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	600	420	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 đến Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 67) Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Chơn Thành	480	336	288
18527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 đến Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 67) Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Chơn Thành	384	269	230
18528		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 đến Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 67) Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Chơn Thành	540	378	324
18529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 đến Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 67) Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Chơn Thành	432	302	259
18530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 đến Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 67) Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Chơn Thành	346	242	208

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18531	67	Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ))	Đường Trần Quốc Toản	Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố Long Hưng (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103)	Phường Chơn Thành	1200	840	720
18532		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố Long Hưng (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Chơn Thành	480	336	288
18533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố Long Hưng (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Chơn Thành	384	269	230
18534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố Long Hưng (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Chơn Thành	307	215	184
18535		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố Long Hưng (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Chơn Thành	432	302	259
18536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố Long Hưng (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Chơn Thành	346	242	208

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố Long Hưng (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166
18538	68	Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ))	Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố 5 (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103)	Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25)	Phường Chơn Thành	1100	740	630
18539		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố 5 (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) đến Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	440	308	264
18540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố 5 (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) đến Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	352	246	211
18541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố 5 (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) đến Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	282	197	169
18542		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố 5 (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) đến Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	396	277	238

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố 5 (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) đến Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	317	222	190
18544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố 5 (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) đến Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	254	178	152
18545	69	Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ))	Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25)	Hết tuyến (Hết ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23)	Phường Chơn Thành	1200	810	690
18546		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) đến Hết tuyến (Hết ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	480	336	288
18547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) đến Hết tuyến (Hết ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
18548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) đến Hết tuyến (Hết ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	307	215	184

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18549		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) đến Hết tuyến (Hết ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	432	302	259
18550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) đến Hết tuyến (Hết ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
18551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) đến Hết tuyến (Hết ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166
18552	70	Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố Hưng Long	Cuối đường sỏi đỏ khu phố Hưng Long giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang)	Đến ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 102	Phường Chơn Thành	960	670	580
18553		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố Hưng Long đoạn từ Cuối đường sỏi đỏ khu phố Hưng Long giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang) đến Đến ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
18554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố Hưng Long đoạn từ Cuối đường sỏi đỏ khu phố Hưng Long giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang) đến Đến ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	307	215	184
18555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố Hưng Long đoạn từ Cuối đường sỏi đỏ khu phố Hưng Long giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang) đến Đến ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	246	172	148

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18556		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố Hưng Long đoạn từ Cuối đường sỏi đỏ khu phố Hưng Long giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang) đến Đến ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
18557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố Hưng Long đoạn từ Cuối đường sỏi đỏ khu phố Hưng Long giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang) đến Đến ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166
18558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố Hưng Long đoạn từ Cuối đường sỏi đỏ khu phố Hưng Long giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang) đến Đến ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	221	155	133
18559	71	Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố Hưng Long	Đường Điểu Ong	Ngã ba đường liên tổ 5, khu phố 5 (giáp đất bà Nguyễn Thị Ái) (Hết ranh đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103)	Phường Chơn Thành	1200	810	690
18560		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Điểu Ong đến Ngã ba đường liên tổ 5, khu phố 5 (giáp đất bà Nguyễn Thị Ái) (Hết ranh đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	480	336	288
18561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Điểu Ong đến Ngã ba đường liên tổ 5, khu phố 5 (giáp đất bà Nguyễn Thị Ái) (Hết ranh đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
18562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Điểu Ong đến Ngã ba đường liên tổ 5, khu phố 5 (giáp đất bà Nguyễn Thị Ái) (Hết ranh đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	307	215	184

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18563		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Điểu Ong đến Ngã ba đường liên tổ 5, khu phố 5 (giáp đất bà Nguyễn Thị Ái) (Hết ranh đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	432	302	259
18564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Điểu Ong đến Ngã ba đường liên tổ 5, khu phố 5 (giáp đất bà Nguyễn Thị Ái) (Hết ranh đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
18565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Điểu Ong đến Ngã ba đường liên tổ 5, khu phố 5 (giáp đất bà Nguyễn Thị Ái) (Hết ranh đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166
18566	72	Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi)	Đường Nguyễn Huệ	Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27	Phường Chơn Thành	2900	2000	1700
18567		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1160	812	696
18568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	928	650	557
18569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	742	519	445
18570		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1044	731	626

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	835	585	501
18572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	668	468	401
18573	73	Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi)	Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27	Hết thửa đất số 258, tờ bản đồ số 28	Phường Chơn Thành	1800	1300	1100
18574		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 đến Hết thửa đất số 258, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	720	504	432
18575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 đến Hết thửa đất số 258, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	576	403	346
18576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 đến Hết thửa đất số 258, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	461	323	277
18577		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 đến Hết thửa đất số 258, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	648	454	389
18578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 đến Hết thửa đất số 258, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 đến Hết thửa đất số 258, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	415	291	249
18580	74	Đường Trần Quốc Toản	Đường 02 tháng 4	Ngã tư đường Điểu Ong	Phường Chơn Thành	1400	1000	860
18581		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	560	392	336
18582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	448	314	269
18583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	358	251	215
18584		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	504	353	302
18585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	403	282	242
18586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	322	225	193
18587	75	Đường Điểu Ong	Đoạn từ đường 2 tháng 4	Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 104	Phường Chơn Thành	1200	870	740
18588		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Đoạn từ đường 2 tháng 4 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	480	336	288

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điều Ong đoạn từ Đoạn từ đường 2 tháng 4 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
18590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điều Ong đoạn từ Đoạn từ đường 2 tháng 4 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	307	215	184
18591		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điều Ong đoạn từ Đoạn từ đường 2 tháng 4 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	432	302	259
18592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điều Ong đoạn từ Đoạn từ đường 2 tháng 4 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
18593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điều Ong đoạn từ Đoạn từ đường 2 tháng 4 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166
18594	76	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 02 tháng 4	Đường Điều Ong	Phường Chơn Thành	1400	1000	860
18595		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Điều Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	560	392	336
18596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Điều Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	448	314	269
18597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Điều Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	358	251	215
18598		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Điều Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	504	353	302

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	403	282	242
18600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	322	225	193
18601	77	Đường Tô Hiến Thành	Từ phía Tây hết ranh thửa đất số 46 tờ bản đồ số 98; phía Đông hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 98	Phía Tây Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 273; phía Đông hết ranh thửa đất số 152 tờ bản đồ số 273	Phường Chơn Thành	4200	3000	2500
18602		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Từ phía Tây hết ranh thửa đất số 46 tờ bản đồ số 98; phía Đông hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 98 đến Phía Tây Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 273; phía Đông hết ranh thửa đất số 152 tờ bản đồ số 273 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1680	1176	1008
18603		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Từ phía Tây hết ranh thửa đất số 46 tờ bản đồ số 98; phía Đông hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 98 đến Phía Tây Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 273; phía Đông hết ranh thửa đất số 152 tờ bản đồ số 273 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1344	941	806
18604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Từ phía Tây hết ranh thửa đất số 46 tờ bản đồ số 98; phía Đông hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 98 đến Phía Tây Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 273; phía Đông hết ranh thửa đất số 152 tờ bản đồ số 273 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1075	753	645
18605		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Từ phía Tây hết ranh thửa đất số 46 tờ bản đồ số 98; phía Đông hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 98 đến Phía Tây Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 273; phía Đông hết ranh thửa đất số 152 tờ bản đồ số 273 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1512	1058	907

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18606		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Từ phía Tây hết ranh thửa đất số 46 tờ bản đồ số 98; phía Đông hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 98 đến Phía Tây Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 273; phía Đông hết ranh thửa đất số 152 tờ bản đồ số 273 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1210	847	726
18607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Từ phía Tây hết ranh thửa đất số 46 tờ bản đồ số 98; phía Đông hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 98 đến Phía Tây Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 273; phía Đông hết ranh thửa đất số 152 tờ bản đồ số 273 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	968	678	581
18608	78	Đường Ngô Đức Kế	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11)	Phường Chơn Thành	1200	840	720
18609		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	480	336	288
18610		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
18611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	307	215	184
18612		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	432	302	259
18613		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	346	242	208

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166
18615	79	Đường Ngô Đức Kế	Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11)	Hết tuyến (Đến ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6)	Phường Chơn Thành	1200	810	690
18616		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) đến Hết tuyến (Đến ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	480	336	288
18617		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) đến Hết tuyến (Đến ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
18618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) đến Hết tuyến (Đến ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	307	215	184
18619		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) đến Hết tuyến (Đến ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	432	302	259
18620		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) đến Hết tuyến (Đến ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
18621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) đến Hết tuyến (Đến ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18622	80	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71	Phường Chơn Thành	1800	1300	1100
18623		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Chơn Thành	720	504	432
18624		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Chơn Thành	576	403	346
18625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Chơn Thành	461	323	277
18626		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Chơn Thành	648	454	389
18627		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Chơn Thành	518	363	311
18628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Chơn Thành	415	291	249

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18629	81	Đường Đoàn Thị Điểm	Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71	Ngã ba đường liên Khu phố Suối Đôi -Khu phố Phùng Hưng	Phường Chơn Thành	1200	810	690
18630		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 đến Ngã ba đường liên Khu phố Suối Đôi -Khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	480	336	288
18631		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 đến Ngã ba đường liên Khu phố Suối Đôi -Khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
18632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 đến Ngã ba đường liên Khu phố Suối Đôi -Khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	307	215	184
18633		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 đến Ngã ba đường liên Khu phố Suối Đôi -Khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	432	302	259
18634		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 đến Ngã ba đường liên Khu phố Suối Đôi -Khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
18635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 đến Ngã ba đường liên Khu phố Suối Đôi -Khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166
18636	82	Đường Hồ Hảo Hớn	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	1400	950	820

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18637		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hảo Hớn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	560	392	336
18638		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hảo Hớn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	448	314	269
18639		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hảo Hớn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	358	251	215
18640		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hảo Hớn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	504	353	302
18641		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hảo Hớn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	403	282	242
18642		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hảo Hớn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	322	225	193
18643	83	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường 2 tháng 4	Đường Ngô Đức Kế (hết ranh thửa đất số 883, tờ bản đồ số 11)	Phường Chơn Thành	1400	950	820
18644		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Đường Ngô Đức Kế (hết ranh thửa đất số 883, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	560	392	336
18645		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Đường Ngô Đức Kế (hết ranh thửa đất số 883, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	448	314	269
18646		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Đường Ngô Đức Kế (hết ranh thửa đất số 883, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	358	251	215

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18647		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Đường Ngô Đức Kế (hết ranh thửa đất số 883, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	504	353	302
18648		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Đường Ngô Đức Kế (hết ranh thửa đất số 883, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	403	282	242
18649		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Đường Ngô Đức Kế (hết ranh thửa đất số 883, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	322	225	193
18650	84	Đường Phạm Thế Hiển	Đường 2 tháng 4	Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 12)	Phường Chơn Thành	1400	950	820
18651		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	560	392	336
18652		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	448	314	269
18653		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	358	251	215
18654		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	504	353	302
18655		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	403	282	242

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18656		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	322	225	193
18657	85	Đường Huỳnh Văn Bánh	Đường 02 tháng 4	Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8)	Phường Chơn Thành	1800	1300	1100
18658		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	720	504	432
18659		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	576	403	346
18660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	461	323	277
18661		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	648	454	389

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18662		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	518	363	311
18663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	415	291	249
18664	86	Đường Huỳnh Văn Bánh	Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8)	Ngã ba đường Cao Bá Quát	Phường Chơn Thành	1500	1100	910
18665		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) đến Ngã ba đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	600	420	360
18666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) đến Ngã ba đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	480	336	288
18667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) đến Ngã ba đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	384	269	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18668		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) đến Ngã ba đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	540	378	324
18669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) đến Ngã ba đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	432	302	259
18670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) đến Ngã ba đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
18671	87	Đường Tống Duy Tân	Đường 02 tháng 4	Ngã ba đường Ngô Tất Tố	Phường Chơn Thành	1200	840	720
18672		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	480	336	288
18673		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
18674		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	307	215	184
18675		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	432	302	259

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18676		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
18677		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166
18678	88	Đường Phan Kế Bính	Đường 02 tháng 4	Ngã ba đường Ngô Tất Tố	Phường Chơn Thành	1200	840	720
18679		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Kế Bính đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	480	336	288
18680		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Kế Bính đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
18681		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Kế Bính đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	307	215	184
18682		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Kế Bính đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	432	302	259
18683		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Kế Bính đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
18684		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Kế Bính đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166
18685	89	Đường Trần Quốc Thảo	Đường 02 tháng 4	Ngã ba đường Ngô Tất Tố	Phường Chơn Thành	1900	1300	1200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	760	532	456
18687		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	608	426	365
18688		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	486	340	292
18689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	684	479	410
18690		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	547	383	328
18691		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	437	306	262
18692	90	Đường Thành Thái	Ngã ba ranh giới Khu phố 1-3	Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 65)	Phường Chơn Thành	1400	950	820
18693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Ngã ba ranh giới Khu phố 1-3 đến Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	560	392	336
18694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Ngã ba ranh giới Khu phố 1-3 đến Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	448	314	269

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18695		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Ngã ba ranh giới Khu phố 1-3 đến Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	358	251	215
18696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Ngã ba ranh giới Khu phố 1-3 đến Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	504	353	302
18697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Ngã ba ranh giới Khu phố 1-3 đến Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	403	282	242
18698		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Ngã ba ranh giới Khu phố 1-3 đến Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	322	225	193
18699	91	Đường Đào Duy Từ	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 253, tờ số 20	Phường Chơn Thành	1400	1000	860
18700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 253, tờ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	560	392	336
18701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 253, tờ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	448	314	269
18702		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 253, tờ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	358	251	215
18703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 253, tờ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	504	353	302

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 253, tờ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	403	282	242
18705		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 253, tờ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	322	225	193
18706	92	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 717, tờ bản đồ số 20	Phường Chơn Thành	1400	1000	860
18707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 717, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	560	392	336
18708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 717, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	448	314	269
18709		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 717, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	358	251	215
18710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 717, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	504	353	302
18711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 717, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	403	282	242
18712		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 717, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	322	225	193

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18713	93	Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố Phùng Hưng)	Phía Đông: Đến ngã ba hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49	Đường Cao Bá Quát	Phường Chơn Thành	1600	1100	960
18714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố Phùng Hưng) đoạn từ Phía Đông: Đến ngã ba hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	640	448	384
18715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố Phùng Hưng) đoạn từ Phía Đông: Đến ngã ba hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	512	358	307
18716		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố Phùng Hưng) đoạn từ Phía Đông: Đến ngã ba hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	410	287	246
18717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố Phùng Hưng) đoạn từ Phía Đông: Đến ngã ba hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	576	403	346
18718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố Phùng Hưng) đoạn từ Phía Đông: Đến ngã ba hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18719		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố Phùng Hưng) đoạn từ Phía Đông: Đến ngã ba hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	369	258	221
18720	94	Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng	Đoạn từ đường Hồ Hảo Hớn (phía Tây giáp với thửa đất số 518 tờ bản đồ số 19; phía Đông giáp thửa đất số 212 tờ bản đồ số 19)	Đến thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12	Phường Chơn Thành	1000	710	600
18721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đoạn từ đường Hồ Hảo Hớn (phía Tây giáp với thửa đất số 518 tờ bản đồ số 19; phía Đông giáp thửa đất số 212 tờ bản đồ số 19) đến Đến thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	400	280	240
18722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đoạn từ đường Hồ Hảo Hớn (phía Tây giáp với thửa đất số 518 tờ bản đồ số 19; phía Đông giáp thửa đất số 212 tờ bản đồ số 19) đến Đến thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	320	224	192
18723		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đoạn từ đường Hồ Hảo Hớn (phía Tây giáp với thửa đất số 518 tờ bản đồ số 19; phía Đông giáp thửa đất số 212 tờ bản đồ số 19) đến Đến thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	256	179	154
18724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đoạn từ đường Hồ Hảo Hớn (phía Tây giáp với thửa đất số 518 tờ bản đồ số 19; phía Đông giáp thửa đất số 212 tờ bản đồ số 19) đến Đến thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	360	252	216
18725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đoạn từ đường Hồ Hảo Hớn (phía Tây giáp với thửa đất số 518 tờ bản đồ số 19; phía Đông giáp thửa đất số 212 tờ bản đồ số 19) đến Đến thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	288	202	173

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18726		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đoạn từ đường Hồ Hảo Hớn (phía Tây giáp với thửa đất số 518 tờ bản đồ số 19; phía Đông giáp thửa đất số 212 tờ bản đồ số 19) đến Đến thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	230	161	138
18727	95	Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng	Từ thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12	Đến đường Nguyễn Công Hoan (hết ranh thửa đất số 527 tờ bản đồ số 12)	Phường Chơn Thành	1000	710	600
18728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Từ thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 đến Đến đường Nguyễn Công Hoan (hết ranh thửa đất số 527 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	400	280	240
18729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Từ thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 đến Đến đường Nguyễn Công Hoan (hết ranh thửa đất số 527 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	320	224	192
18730		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Từ thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 đến Đến đường Nguyễn Công Hoan (hết ranh thửa đất số 527 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	256	179	154
18731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Từ thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 đến Đến đường Nguyễn Công Hoan (hết ranh thửa đất số 527 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	360	252	216
18732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Từ thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 đến Đến đường Nguyễn Công Hoan (hết ranh thửa đất số 527 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	288	202	173
18733		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Từ thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 đến Đến đường Nguyễn Công Hoan (hết ranh thửa đất số 527 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	230	161	138

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18734	96	Đường liên khu phố 9 - khu phố 10	Ngã ba đường tổ 11 khu phố 9	Giáp thửa đất số 48, tờ bản đồ số 6	Phường Chơn Thành	910	640	550
18735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 10 đoạn từ Ngã ba đường tổ 11 khu phố 9 đến Giáp thửa đất số 48, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	364	255	218
18736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 10 đoạn từ Ngã ba đường tổ 11 khu phố 9 đến Giáp thửa đất số 48, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	291	204	175
18737		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 10 đoạn từ Ngã ba đường tổ 11 khu phố 9 đến Giáp thửa đất số 48, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	233	163	140
18738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 10 đoạn từ Ngã ba đường tổ 11 khu phố 9 đến Giáp thửa đất số 48, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	328	230	197
18739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 10 đoạn từ Ngã ba đường tổ 11 khu phố 9 đến Giáp thửa đất số 48, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	262	183	157
18740		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 10 đoạn từ Ngã ba đường tổ 11 khu phố 9 đến Giáp thửa đất số 48, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	210	147	126
18741	97	Đường liên khu phố 9 - khu phố 2	Đường Nguyễn Huệ	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18	Phường Chơn Thành	1400	1000	860
18742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	560	392	336

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	448	314	269
18744		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	358	251	215
18745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	504	353	302
18746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	403	282	242
18747		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	322	225	193
18748	98	Đường liên khu phố 9 - khu phố 2	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 665, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 748, tờ bản đồ số 11	Phường Chơn Thành	1100	780	670
18749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 665, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 748, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	440	308	264

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 665, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 748, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	352	246	211
18751		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 665, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 748, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	282	197	169
18752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 665, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 748, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	396	277	238
18753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 665, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 748, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	317	222	190
18754		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 665, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 748, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	254	178	152
18755	99	Đường liên khu phố 9 - khu phố 2	Ngã ba đường Ngô Đức Kế	Thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12	Phường Chơn Thành	1100	770	660
18756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế đến Thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	440	308	264

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế đến Thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	352	246	211
18758		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế đến Thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	282	197	169
18759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế đến Thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	396	277	238
18760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế đến Thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	317	222	190
18761		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế đến Thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	254	178	152
18762	100	Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 495, tờ bản đồ số 01)	Đường Phùng Hưng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 06)	Phường Chơn Thành	1200	810	690
18763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 495, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	480	336	288
18764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 495, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
18765		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 495, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	307	215	184

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 495, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	432	302	259
18767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 495, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
18768		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 495, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166
18769	101	Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01)	Đường Phùng Hưng (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 06)	Phường Chơn Thành	960	670	580
18770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
18771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	307	215	184
18772		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	246	172	148
18773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	346	242	208

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166
18775		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	221	155	133
18776	102	Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 01)	Ngã ba đường tổ 9 -10 khu phố 10 (Hết ranh thửa đất số 539, tờ bản đồ số 2)	Phường Chơn Thành	1100	740	630
18777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 01) đến Ngã ba đường tổ 9 -10 khu phố 10 (Hết ranh thửa đất số 539, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	440	308	264
18778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 01) đến Ngã ba đường tổ 9 -10 khu phố 10 (Hết ranh thửa đất số 539, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	352	246	211
18779		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 01) đến Ngã ba đường tổ 9 -10 khu phố 10 (Hết ranh thửa đất số 539, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	282	197	169
18780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 01) đến Ngã ba đường tổ 9 -10 khu phố 10 (Hết ranh thửa đất số 539, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	396	277	238
18781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 01) đến Ngã ba đường tổ 9 -10 khu phố 10 (Hết ranh thửa đất số 539, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	317	222	190

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18782		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 01) đến Ngã ba đường tổ 9 -10 khu phố 10 (Hết ranh thửa đất số 539, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	254	178	152
18783	103	Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi	Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp)	Phường Chơn Thành	820	570	490
18784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đến Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	328	230	197
18785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đến Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	262	183	157
18786		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đến Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	210	147	126
18787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đến Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	295	207	177
18788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đến Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	236	165	142

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18789		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đến Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	189	132	113
18790	104	Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi	Ngã ba đường giáp ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 107	Giáp thửa đất số 24, tờ bản đồ số 109	Phường Chơn Thành	820	570	490
18791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba đường giáp ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 107 đến Giáp thửa đất số 24, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	328	230	197
18792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba đường giáp ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 107 đến Giáp thửa đất số 24, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	262	183	157
18793		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba đường giáp ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 107 đến Giáp thửa đất số 24, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	210	147	126
18794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba đường giáp ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 107 đến Giáp thửa đất số 24, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	295	207	177
18795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba đường giáp ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 107 đến Giáp thửa đất số 24, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	236	165	142
18796		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba đường giáp ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 107 đến Giáp thửa đất số 24, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	189	132	113
18797	105	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116	Phường Chơn Thành	820	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	328	230	197
18799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	262	183	157
18800		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	210	147	126
18801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	295	207	177
18802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	236	165	142
18803		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	189	132	113
18804	106	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi	Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116	Ngã ba đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118	Phường Chơn Thành	2400	1700	1400
18805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	960	672	576

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	768	538	461
18807		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	614	430	368
18808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	864	605	518
18809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	691	484	415
18810		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	553	387	332
18811	107	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi	Đoạn từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118	Đường Hồ Chí Minh	Phường Chơn Thành	1100	740	630
18812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	440	308	264
18813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	352	246	211

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18814		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	282	197	169
18815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	396	277	238
18816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	317	222	190
18817		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	254	178	152
18818	108	Đường tổ 6 khu phố Trung Lợi	Đầu ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 111	Ngã ba hết ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 112	Phường Chơn Thành	820	570	490
18819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 111 đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	328	230	197
18820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 111 đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	262	183	157
18821		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 111 đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	210	147	126
18822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 111 đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	295	207	177

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 111 đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	236	165	142
18824		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 111 đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	189	132	113
18825	109	Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116	Phường Chơn Thành	820	570	490
18826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	328	230	197
18827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	262	183	157
18828		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	210	147	126
18829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	295	207	177
18830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	236	165	142

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18831		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	189	132	113
18832	110	Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 1)	Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116	Hết ranh thửa đất 127, tờ bản đồ số 118	Phường Chơn Thành	820	570	490
18833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 1) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Hết ranh thửa đất 127, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	328	230	197
18834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 1) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Hết ranh thửa đất 127, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	262	183	157
18835		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 1) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Hết ranh thửa đất 127, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	210	147	126
18836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 1) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Hết ranh thửa đất 127, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	295	207	177
18837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 1) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Hết ranh thửa đất 127, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	236	165	142
18838		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 1) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Hết ranh thửa đất 127, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	189	132	113

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18839	111	Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 2)	Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116	Ngã ba đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm	Phường Chơn Thành	1300	900	770
18840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 2) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	520	364	312
18841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 2) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	416	291	250
18842		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 2) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	333	233	200
18843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 2) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	468	328	281
18844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 2) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	374	262	224
18845		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 2) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	300	210	180
18846	112	Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 3)	Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 2)	Hết ranh thửa đất 152, tờ bản đồ số 118	Phường Chơn Thành	1200	810	690

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 3) đoạn từ Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 2) đến Hết ranh thửa đất 152, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	480	336	288
18848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 3) đoạn từ Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 2) đến Hết ranh thửa đất 152, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
18849		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 3) đoạn từ Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 2) đến Hết ranh thửa đất 152, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	307	215	184
18850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 3) đoạn từ Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 2) đến Hết ranh thửa đất 152, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	432	302	259
18851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 3) đoạn từ Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 2) đến Hết ranh thửa đất 152, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
18852		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 3) đoạn từ Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 2) đến Hết ranh thửa đất 152, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166
18853	113	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Huệ	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29	Phường Chơn Thành	1400	1000	860
18854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	560	392	336

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	448	314	269
18856		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	358	251	215
18857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	504	353	302
18858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	403	282	242
18859		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	322	225	193
18860	114	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29	Suối Bàu Bàng	Phường Chơn Thành	960	670	580
18861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 đến Suối Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	384	269	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 đến Suối Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	307	215	184
18863		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 đến Suối Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	246	172	148
18864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 đến Suối Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
18865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 đến Suối Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166
18866		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 đến Suối Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	221	155	133
18867	115	Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi	Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111)	Đất nhà ông Võ Văn Thành (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 115)	Phường Chơn Thành	1600	1100	960
18868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đất nhà ông Võ Văn Thành (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	640	448	384

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đất nhà ông Võ Văn Thành (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	512	358	307
18870		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đất nhà ông Võ Văn Thành (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	410	287	246
18871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đất nhà ông Võ Văn Thành (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	576	403	346
18872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đất nhà ông Võ Văn Thành (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	461	323	277
18873		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đất nhà ông Võ Văn Thành (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	369	258	221
18874	116	Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi	Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 111)	Đất ông Nguyễn Văn Sơn (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 115)	Phường Chơn Thành	1400	950	820
18875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 111) đến Đất ông Nguyễn Văn Sơn (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	560	392	336
18876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 111) đến Đất ông Nguyễn Văn Sơn (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	448	314	269

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18877		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 111) đến Đất ông Nguyễn Văn Sơn (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	358	251	215
18878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 111) đến Đất ông Nguyễn Văn Sơn (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	504	353	302
18879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 111) đến Đất ông Nguyễn Văn Sơn (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	403	282	242
18880		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 111) đến Đất ông Nguyễn Văn Sơn (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	322	225	193
18881	117	Đường tổ 6, tổ 7, khu phố Trung Lợi	Đường Lê Duẩn: thửa đất số 1508, tờ bản đồ số 13)	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04)	Phường Chơn Thành	820	570	490
18882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6, tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Lê Duẩn: thửa đất số 1508, tờ bản đồ số 13) đến Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	328	230	197
18883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6, tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Lê Duẩn: thửa đất số 1508, tờ bản đồ số 13) đến Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	262	183	157
18884		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6, tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Lê Duẩn: thửa đất số 1508, tờ bản đồ số 13) đến Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	210	147	126

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6, tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Lê Duẩn: thửa đất số 1508, tờ bản đồ số 13) đến Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	295	207	177
18886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6, tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Lê Duẩn: thửa đất số 1508, tờ bản đồ số 13) đến Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	236	165	142
18887		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6, tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Lê Duẩn: thửa đất số 1508, tờ bản đồ số 13) đến Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	189	132	113
18888	118	Đường tổ 8, khu phố Trung Lợi	Đường Phan Đình Phùng	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 13)	Phường Chơn Thành	820	570	490
18889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	328	230	197
18890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	262	183	157
18891		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	210	147	126
18892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	295	207	177

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	236	165	142
18894		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	189	132	113
18895	119	Đường tổ 7, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14)	Ranh giới Thị trấn Chơn Thành cũ (thửa đất số 127, tờ bản đồ số 10)	Phường Chơn Thành	860	600	520
18896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14) đến Ranh giới Thị trấn Chơn Thành cũ (thửa đất số 127, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	344	241	206
18897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14) đến Ranh giới Thị trấn Chơn Thành cũ (thửa đất số 127, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	275	193	165
18898		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14) đến Ranh giới Thị trấn Chơn Thành cũ (thửa đất số 127, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	220	154	132
18899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14) đến Ranh giới Thị trấn Chơn Thành cũ (thửa đất số 127, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	310	217	186

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14) đến Ranh giới Thị trấn Chơn Thành cũ (thửa đất số 127, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	248	174	149
18901		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14) đến Ranh giới Thị trấn Chơn Thành cũ (thửa đất số 127, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	198	139	119
18902	120	Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 14)	Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561, tờ bản đồ số 15)	Phường Chơn Thành	1300	900	770
18903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 14) đến Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	520	364	312
18904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 14) đến Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	416	291	250
18905		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 14) đến Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	333	233	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 14) đến Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	468	328	281
18907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 14) đến Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	374	262	224
18908		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 14) đến Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	300	210	180
18909	121	Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi	Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15)	Ranh giới phường Chơn Thành (thửa đất số 665, tờ bản đồ số 10)	Phường Chơn Thành	960	670	580
18910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) đến Ranh giới phường Chơn Thành (thửa đất số 665, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
18911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) đến Ranh giới phường Chơn Thành (thửa đất số 665, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	307	215	184
18912		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) đến Ranh giới phường Chơn Thành (thửa đất số 665, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	246	172	148

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) đến Ranh giới phường Chơn Thành (thửa đất số 665, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
18914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) đến Ranh giới phường Chơn Thành (thửa đất số 665, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166
18915		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) đến Ranh giới phường Chơn Thành (thửa đất số 665, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	221	155	133
18916	122	Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà ông Nguyễn Diệu (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 15)	Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15)	Phường Chơn Thành	1400	950	820
18917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà ông Nguyễn Diệu (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 15) đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	560	392	336
18918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà ông Nguyễn Diệu (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 15) đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	448	314	269
18919		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà ông Nguyễn Diệu (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 15) đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	358	251	215

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà ông Nguyễn Diệu (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 15) đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	504	353	302
18921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà ông Nguyễn Diệu (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 15) đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	403	282	242
18922		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà ông Nguyễn Diệu (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 15) đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	322	225	193
18923	123	Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố Hưng Long	Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Phạm Văn Bảo (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 26)	Ngã ba đường liên khu phố 4-5-8 (Hết thửa đất số 919, tờ bản đồ số 26)	Phường Chơn Thành	1200	810	690
18924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Phạm Văn Bảo (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba đường liên khu phố 4-5-8 (Hết thửa đất số 919, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	480	336	288
18925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Phạm Văn Bảo (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba đường liên khu phố 4-5-8 (Hết thửa đất số 919, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
18926		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Phạm Văn Bảo (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba đường liên khu phố 4-5-8 (Hết thửa đất số 919, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	307	215	184

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Phạm Văn Bảo (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba đường liên khu phố 4-5-8 (Hết thửa đất số 919, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	432	302	259
18928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Phạm Văn Bảo (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba đường liên khu phố 4-5-8 (Hết thửa đất số 919, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
18929		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Phạm Văn Bảo (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba đường liên khu phố 4-5-8 (Hết thửa đất số 919, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166
18930	124	Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long	Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26	Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26)	Phường Chơn Thành	1200	810	690
18931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	480	336	288
18932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
18933		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	307	215	184

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	432	302	259
18935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
18936		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166
18937	125	Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long	Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25)	Đường liên khu phố 4, khu phố 5	Phường Chơn Thành	2000	1400	1200
18938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	800	560	480
18939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	640	448	384
18940		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	512	358	307

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	720	504	432
18942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	576	403	346
18943		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	461	323	277
18944	126	Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long	Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26	Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26)	Phường Chơn Thành	1100	740	630
18945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	440	308	264
18946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	352	246	211
18947		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	282	197	169

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	396	277	238
18949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	317	222	190
18950		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	254	178	152
18951	127	Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long	Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25)	Đường liên khu phố 4, khu phố 5	Phường Chơn Thành	1100	740	630
18952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	440	308	264
18953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	352	246	211
18954		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	282	197	169

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	396	277	238
18956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	317	222	190
18957		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	254	178	152
18958	128	Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ)	Đất nhà ông Đinh Biên Cương (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32)	Phía Nam: Ngã ba hết ranh thửa đất số 24, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Ngã ba hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 32	Phường Chơn Thành	1100	740	630
18959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đất nhà ông Đinh Biên Cương (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32) đến Phía Nam: Ngã ba hết ranh thửa đất số 24, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Ngã ba hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	440	308	264
18960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đất nhà ông Đinh Biên Cương (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32) đến Phía Nam: Ngã ba hết ranh thửa đất số 24, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Ngã ba hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	352	246	211
18961		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đất nhà ông Đinh Biên Cương (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32) đến Phía Nam: Ngã ba hết ranh thửa đất số 24, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Ngã ba hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	282	197	169

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đất nhà ông Đinh Biên Cương (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32) đến Phía Nam: Ngã ba hết ranh thửa đất số 24, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Ngã ba hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	396	277	238
18963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đất nhà ông Đinh Biên Cương (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32) đến Phía Nam: Ngã ba hết ranh thửa đất số 24, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Ngã ba hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	317	222	190
18964		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đất nhà ông Đinh Biên Cương (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32) đến Phía Nam: Ngã ba hết ranh thửa đất số 24, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Ngã ba hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	254	178	152
18965	129	Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ)	Đầu ranh đất thửa đất số 45, tờ bản đồ số 32	Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31	Phường Chơn Thành	860	600	520
18966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 45, tờ bản đồ số 32 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	344	241	206
18967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 45, tờ bản đồ số 32 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	275	193	165
18968		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 45, tờ bản đồ số 32 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	220	154	132

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 45, tờ bản đồ số 32 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	310	217	186
18970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 45, tờ bản đồ số 32 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	248	174	149
18971		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 45, tờ bản đồ số 32 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	198	139	119
18972	130	Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ)	Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31	Hết tuyến (Giáp ranh thửa đất số 32 tờ bản đồ số 31)	Phường Chơn Thành	820	570	490
18973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 đến Hết tuyến (Giáp ranh thửa đất số 32 tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	328	230	197
18974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 đến Hết tuyến (Giáp ranh thửa đất số 32 tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	262	183	157
18975		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 đến Hết tuyến (Giáp ranh thửa đất số 32 tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	210	147	126

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 đến Hết tuyến (Giáp ranh thửa đất số 32 tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	295	207	177
18977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 đến Hết tuyến (Giáp ranh thửa đất số 32 tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	236	165	142
18978		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 đến Hết tuyến (Giáp ranh thửa đất số 32 tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	189	132	113
18979	131	Đường tổ 7, khu phố Hưng Long	Đầu ranh đất thửa đất số 799, tờ bản đồ số 32	Hết ranh đất thửa đất số 575, tờ bản đồ số 32	Phường Chơn Thành	820	570	490
18980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 799, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 575, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	328	230	197
18981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 799, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 575, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	262	183	157
18982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 799, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 575, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	210	147	126
18983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 799, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 575, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	295	207	177

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 799, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 575, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	236	165	142
18985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 799, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 575, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	189	132	113
18986	132	Đường tổ 7, khu phố Hưng Long	Đầu ranh đất thửa đất số 400, tờ bản đồ số 32	Hết ranh đất thửa đất số 422, tờ bản đồ số 32	Phường Chơn Thành	860	600	520
18987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 400, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 422, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	344	241	206
18988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 400, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 422, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	275	193	165
18989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 400, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 422, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	220	154	132
18990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 400, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 422, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	310	217	186
18991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 400, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 422, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	248	174	149

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
18992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 400, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 422, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	198	139	119
18993	133	Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm	Đường 02 tháng 4	Đất nhà ông Nguyễn Văn Bé (thửa đất số 842, tờ bản đồ số 26)	Phường Chơn Thành	1800	1300	1100
18994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Bé (thửa đất số 842, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	720	504	432
18995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Bé (thửa đất số 842, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	576	403	346
18996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Bé (thửa đất số 842, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	461	323	277
18997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Bé (thửa đất số 842, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	648	454	389
18998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Bé (thửa đất số 842, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	518	363	311
18999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Bé (thửa đất số 842, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	415	291	249
19000	134	Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm	Ngã ba đường tổ 4 - tổ 5, Khu phố 6 (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 95)	Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (thửa đất số 255, tờ bản đồ số 27)	Phường Chơn Thành	1000	730	620

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19001		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 4 - tổ 5, Khu phố 6 (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (thửa đất số 255, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	400	280	240
19002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 4 - tổ 5, Khu phố 6 (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (thửa đất số 255, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	320	224	192
19003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 4 - tổ 5, Khu phố 6 (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (thửa đất số 255, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	256	179	154
19004		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 4 - tổ 5, Khu phố 6 (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (thửa đất số 255, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	360	252	216
19005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 4 - tổ 5, Khu phố 6 (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (thửa đất số 255, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	288	202	173
19006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 4 - tổ 5, Khu phố 6 (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (thửa đất số 255, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	230	161	138
19007	135	Đường tổ 4 tổ 5 khu phố Đồng Tâm	Đầu ranh thửa đất số 54, tờ bản đồ số 95	Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 99	Phường Chơn Thành	1000	730	620
19008		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4 tổ 5 khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 54, tờ bản đồ số 95 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	400	280	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4 tổ 5 khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 54, tờ bản đồ số 95 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	320	224	192
19010		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4 tổ 5 khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 54, tờ bản đồ số 95 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	256	179	154
19011		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4 tổ 5 khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 54, tờ bản đồ số 95 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	360	252	216
19012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4 tổ 5 khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 54, tờ bản đồ số 95 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	288	202	173
19013		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4 tổ 5 khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 54, tờ bản đồ số 95 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	230	161	138
19014	136	Đường tổ 5, tổ 7, khu phố Đồng Tâm	Đường 2 tháng 4	Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 403, tờ bản đồ số 34 Phía Bắc: Ngã ba đường hết ranh thửa đất số 38, tờ bản đồ số 34	Phường Chơn Thành	1500	1100	910
19015		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, tổ 7, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 403, tờ bản đồ số 34 Phía Bắc: Ngã ba đường hết ranh thửa đất số 38, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	600	420	360
19016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, tổ 7, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 403, tờ bản đồ số 34 Phía Bắc: Ngã ba đường hết ranh thửa đất số 38, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	480	336	288

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19017		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, tổ 7, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 403, tờ bản đồ số 34 Phía Bắc: Ngã ba đường hết ranh thửa đất số 38, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
19018		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, tổ 7, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 403, tờ bản đồ số 34 Phía Bắc: Ngã ba đường hết ranh thửa đất số 38, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	540	378	324
19019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, tổ 7, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 403, tờ bản đồ số 34 Phía Bắc: Ngã ba đường hết ranh thửa đất số 38, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	432	302	259
19020		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, tổ 7, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 403, tờ bản đồ số 34 Phía Bắc: Ngã ba đường hết ranh thửa đất số 38, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
19021	137	Đường tổ 8, tổ 9, khu phố Đồng Tâm	Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (Đầu ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 34)	Ngã ba đường bê tông thửa đất số 6, tờ bản đồ số 35	Phường Chơn Thành	1500	1100	910
19022		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (Đầu ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 34) đến Ngã ba đường bê tông thửa đất số 6, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	600	420	360
19023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (Đầu ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 34) đến Ngã ba đường bê tông thửa đất số 6, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	480	336	288

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19024		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (Đầu ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 34) đến Ngã ba đường bê tông thửa đất số 6, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
19025		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (Đầu ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 34) đến Ngã ba đường bê tông thửa đất số 6, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	540	378	324
19026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (Đầu ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 34) đến Ngã ba đường bê tông thửa đất số 6, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	432	302	259
19027		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (Đầu ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 34) đến Ngã ba đường bê tông thửa đất số 6, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
19028	138	Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 134, tờ bản đồ số 34)	Hết ranh thửa đất số 117, tờ bản đồ số 34	Phường Chơn Thành	1500	1100	910
19029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 134, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	600	420	360
19030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 134, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	480	336	288
19031		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 134, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	384	269	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 134, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	540	378	324
19033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 134, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	432	302	259
19034		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 134, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
19035	139	Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 94, tờ bản đồ số 34)	Hết ranh thửa đất số 136, tờ bản đồ số 34	Phường Chơn Thành	1500	1100	910
19036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 94, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	600	420	360
19037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 94, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	480	336	288
19038		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 94, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
19039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 94, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	540	378	324

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 94, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	432	302	259
19041		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 94, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
19042	140	Đường tổ 9, khu phố Đồng Tâm	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ	Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 570, tờ bản đồ số 34	Phường Chơn Thành	1500	1100	910
19043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 570, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	600	420	360
19044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 570, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	480	336	288
19045		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 570, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
19046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 570, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	540	378	324
19047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 570, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	432	302	259

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19048		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 570, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
19049	141	Đường tổ 9, khu phốĐồng Tâm	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ	Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 506, tờ bản đồ số 34	Phường Chơn Thành	960	670	580
19050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phốĐồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 506, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
19051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phốĐồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 506, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	307	215	184
19052		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phốĐồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 506, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	246	172	148
19053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phốĐồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 506, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
19054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phốĐồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 506, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166
19055		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phốĐồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 506, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	221	155	133

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19056	142	Đường tổ 7, khu phố Hưng Long	Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Ngô Văn Diệu (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 29)	Suối xóm Hồ (Ranh giới phường Minh Hưng)	Phường Chơn Thành	820	570	490
19057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Ngô Văn Diệu (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 29) đến Suối xóm Hồ (Ranh giới phường Minh Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	328	230	197
19058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Ngô Văn Diệu (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 29) đến Suối xóm Hồ (Ranh giới phường Minh Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	262	183	157
19059		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Ngô Văn Diệu (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 29) đến Suối xóm Hồ (Ranh giới phường Minh Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	210	147	126
19060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Ngô Văn Diệu (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 29) đến Suối xóm Hồ (Ranh giới phường Minh Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	295	207	177
19061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Ngô Văn Diệu (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 29) đến Suối xóm Hồ (Ranh giới phường Minh Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	236	165	142
19062		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Ngô Văn Diệu (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 29) đến Suối xóm Hồ (Ranh giới phường Minh Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	189	132	113
19063	143	Đường tổ 4, khu phố Hưng Long	Ngã ba đầu ranh đất nhà ông Lê Thành Công (thửa đất số 302, tờ bản đồ số 30)	Ngã ba đường tổ 9, Khu phố 8 (Hết ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 23)	Phường Chơn Thành	840	580	500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đầu ranh đất nhà ông Lê Thành Công (thửa đất số 302, tờ bản đồ số 30) đến Ngã ba đường tổ 9, Khu phố 8 (Hết ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	336	235	202
19065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đầu ranh đất nhà ông Lê Thành Công (thửa đất số 302, tờ bản đồ số 30) đến Ngã ba đường tổ 9, Khu phố 8 (Hết ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	269	188	161
19066		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đầu ranh đất nhà ông Lê Thành Công (thửa đất số 302, tờ bản đồ số 30) đến Ngã ba đường tổ 9, Khu phố 8 (Hết ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	215	151	129
19067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đầu ranh đất nhà ông Lê Thành Công (thửa đất số 302, tờ bản đồ số 30) đến Ngã ba đường tổ 9, Khu phố 8 (Hết ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	302	211	181
19068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đầu ranh đất nhà ông Lê Thành Công (thửa đất số 302, tờ bản đồ số 30) đến Ngã ba đường tổ 9, Khu phố 8 (Hết ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	242	169	145
19069		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đầu ranh đất nhà ông Lê Thành Công (thửa đất số 302, tờ bản đồ số 30) đến Ngã ba đường tổ 9, Khu phố 8 (Hết ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	194	136	116
19070	144	Đường tổ 5, khu phố Hưng Long	Đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 17)	Ngã ba đường liên khu 4-5-8	Phường Chơn Thành	1100	740	630

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 17) đến Ngã ba đường liên khu 4-5-8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	440	308	264
19072		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 17) đến Ngã ba đường liên khu 4-5-8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	352	246	211
19073		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 17) đến Ngã ba đường liên khu 4-5-8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	282	197	169
19074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 17) đến Ngã ba đường liên khu 4-5-8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	396	277	238
19075		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 17) đến Ngã ba đường liên khu 4-5-8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	317	222	190
19076		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 17) đến Ngã ba đường liên khu 4-5-8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	254	178	152
19077	145	Đường tổ 9, khu phố Hưng Long	Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23)	Hết ranh thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30	Phường Chơn Thành	820	570	490
19078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23) đến Hết ranh thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	328	230	197

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23) đến Hết ranh thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	262	183	157
19080		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23) đến Hết ranh thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	210	147	126
19081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23) đến Hết ranh thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	295	207	177
19082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23) đến Hết ranh thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	236	165	142
19083		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23) đến Hết ranh thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	189	132	113
19084	146	Đường tổ 9, khu phố Hưng Long	Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 23)	Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23)	Phường Chơn Thành	820	570	490
19085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 23) đến Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	328	230	197
19086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 23) đến Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	262	183	157

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19087		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 23) đến Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	210	147	126
19088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 23) đến Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	295	207	177
19089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 23) đến Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	236	165	142
19090		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 23) đến Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	189	132	113
19091	147	Đường tổ 9, khu phố Hưng Long	Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23)	Ranh giới phường Thành Tâm (cũ) (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30)	Phường Chơn Thành	820	570	490
19092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) đến Ranh giới phường Thành Tâm (cũ) (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	328	230	197
19093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) đến Ranh giới phường Thành Tâm (cũ) (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	262	183	157
19094		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) đến Ranh giới phường Thành Tâm (cũ) (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	210	147	126

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) đến Ranh giới phường Thành Tâm (cũ) (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	295	207	177
19096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) đến Ranh giới phường Thành Tâm (cũ) (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	236	165	142
19097		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) đến Ranh giới phường Thành Tâm (cũ) (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	189	132	113
19098	148	Đường tổ 5, khu phố Hưng Long (tránh mô Cao Lãnh)	Đầu thửa đất số 238, tờ bản đồ số 18	Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 25	Phường Chơn Thành	820	570	490
19099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long (tránh mô Cao Lãnh) đoạn từ Đầu thửa đất số 238, tờ bản đồ số 18 đến Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	328	230	197
19100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long (tránh mô Cao Lãnh) đoạn từ Đầu thửa đất số 238, tờ bản đồ số 18 đến Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	262	183	157
19101		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long (tránh mô Cao Lãnh) đoạn từ Đầu thửa đất số 238, tờ bản đồ số 18 đến Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	210	147	126
19102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long (tránh mô Cao Lãnh) đoạn từ Đầu thửa đất số 238, tờ bản đồ số 18 đến Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	295	207	177

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long (tránh mô Cao Lãnh) đoạn từ Đầu thửa đất số 238, tờ bản đồ số 18 đến Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	236	165	142
19104		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long (tránh mô Cao Lãnh) đoạn từ Đầu thửa đất số 238, tờ bản đồ số 18 đến Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	189	132	113
19105	149	Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Trung Lợi	Đầu đường Cao Thắng	Đường Hoàng Diệu	Phường Chơn Thành	1400	1000	860
19106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu đường Cao Thắng đến Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	560	392	336
19107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu đường Cao Thắng đến Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	448	314	269
19108		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu đường Cao Thắng đến Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	358	251	215
19109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu đường Cao Thắng đến Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	504	353	302
19110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu đường Cao Thắng đến Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	403	282	242
19111		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu đường Cao Thắng đến Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	322	225	193

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19112	150	Đường tổ 5, tổ 6, khu phố Trung Lợi	Đường Ngô Tất Tố (đầu ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 20)	Đường Lê Duẩn (hết ranh thửa đất số 861, tờ bản đồ số 13)	Phường Chơn Thành	1600	1100	960
19113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Ngô Tất Tố (đầu ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 20) đến Đường Lê Duẩn (hết ranh thửa đất số 861, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	640	448	384
19114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Ngô Tất Tố (đầu ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 20) đến Đường Lê Duẩn (hết ranh thửa đất số 861, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	512	358	307
19115		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Ngô Tất Tố (đầu ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 20) đến Đường Lê Duẩn (hết ranh thửa đất số 861, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	410	287	246
19116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Ngô Tất Tố (đầu ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 20) đến Đường Lê Duẩn (hết ranh thửa đất số 861, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	576	403	346
19117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Ngô Tất Tố (đầu ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 20) đến Đường Lê Duẩn (hết ranh thửa đất số 861, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	461	323	277
19118		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Ngô Tất Tố (đầu ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 20) đến Đường Lê Duẩn (hết ranh thửa đất số 861, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	369	258	221
19119	151	Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sản 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố Đồng Tâm)	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	4000	2800	2400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sản 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố Đồng Tâm) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1600	1120	960
19121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sản 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố Đồng Tâm) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1280	896	768
19122		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sản 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố Đồng Tâm) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1024	717	614
19123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sản 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố Đồng Tâm) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1440	1008	864
19124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sản 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố Đồng Tâm) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1152	806	691
19125		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sản 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố Đồng Tâm) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	922	645	553
19126	152	Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ))	Đường Nguyễn Huệ (đầu ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 87)	Giáp suối Bến Đình (hết ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26)	Phường Chơn Thành	2600	1800	1500
19127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (đầu ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 87) đến Giáp suối Bến Đình (hết ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1040	728	624

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (đầu ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 87) đến Giáp suối Bến Đình (hết ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	832	582	499
19129		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (đầu ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 87) đến Giáp suối Bến Đình (hết ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	666	466	400
19130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (đầu ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 87) đến Giáp suối Bến Đình (hết ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	936	655	562
19131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (đầu ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 87) đến Giáp suối Bến Đình (hết ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	749	524	449
19132		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (đầu ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 87) đến Giáp suối Bến Đình (hết ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	599	419	359
19133	153	Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đất điện UBND phường Hưng Long (cũ))	Giáp suối Bến Định (đầu ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26)	Giáp đường tổ 3A, khu phố 4	Phường Chơn Thành	1200	810	690
19134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đất điện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Giáp suối Bến Định (đầu ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) đến Giáp đường tổ 3A, khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	480	336	288

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đất điện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Giáp suối Bến Định (đầu ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) đến Giáp đường tổ 3A, khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
19136		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đất điện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Giáp suối Bến Định (đầu ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) đến Giáp đường tổ 3A, khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	307	215	184
19137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đất điện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Giáp suối Bến Định (đầu ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) đến Giáp đường tổ 3A, khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	432	302	259
19138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đất điện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Giáp suối Bến Định (đầu ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) đến Giáp đường tổ 3A, khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
19139		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đất điện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Giáp suối Bến Định (đầu ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) đến Giáp đường tổ 3A, khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166
19140	154	Đường liên Khu phố Hưng Long - Khu phố Trung Lợi	Phía Bắc: bắt đầu từ thửa đất số 89, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Văn Cư Phía Nam: bắt đầu từ thửa đất số 423, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Na	Phía Bắc: giáp thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Hai Phía Nam: giáp thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Tấn Hải	Phường Chơn Thành	2400	1700	1400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên Khu phố Hưng Long - Khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Bắc: bắt đầu từ thửa đất số 89, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Văn Cư Phía Nam: bắt đầu từ thửa đất số 423, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Na đến Phía Bắc: giáp thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Hai Phía Nam: giáp thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Tấn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Chơn Thành	960	672	576
19142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên Khu phố Hưng Long - Khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Bắc: bắt đầu từ thửa đất số 89, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Văn Cư Phía Nam: bắt đầu từ thửa đất số 423, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Na đến Phía Bắc: giáp thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Hai Phía Nam: giáp thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Tấn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Chơn Thành	768	538	461
19143		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên Khu phố Hưng Long - Khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Bắc: bắt đầu từ thửa đất số 89, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Văn Cư Phía Nam: bắt đầu từ thửa đất số 423, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Na đến Phía Bắc: giáp thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Hai Phía Nam: giáp thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Tấn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Chơn Thành	614	430	368
19144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên Khu phố Hưng Long - Khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Bắc: bắt đầu từ thửa đất số 89, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Văn Cư Phía Nam: bắt đầu từ thửa đất số 423, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Na đến Phía Bắc: giáp thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Hai Phía Nam: giáp thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Tấn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Chơn Thành	864	605	518

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên Khu phố Hưng Long - Khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Bắc: bắt đầu từ thửa đất số 89, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Văn Cư Phía Nam: bắt đầu từ thửa đất số 423, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Na đến Phía Bắc: giáp thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Hai Phía Nam: giáp thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Tấn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	691	484	415
19146		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên Khu phố Hưng Long - Khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Bắc: bắt đầu từ thửa đất số 89, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Văn Cư Phía Nam: bắt đầu từ thửa đất số 423, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Na đến Phía Bắc: giáp thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Hai Phía Nam: giáp thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Tấn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	553	387	332
19147	155	Đường tổ 6 (Đường số 8 (Đường 6 Trạm y tế Chơn Thành))	Đường Nguyễn Huệ (Thửa đất số 23 tờ bản đồ số 70)	Đường Trừ Văn Thố (Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 75)	Phường Chơn Thành	2400	1700	1400
19148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 (Đường số 8 (Đường 6 Trạm y tế Chơn Thành)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Thửa đất số 23 tờ bản đồ số 70) đến Đường Trừ Văn Thố (Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	960	672	576
19149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 (Đường số 8 (Đường 6 Trạm y tế Chơn Thành)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Thửa đất số 23 tờ bản đồ số 70) đến Đường Trừ Văn Thố (Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	768	538	461
19150		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 (Đường số 8 (Đường 6 Trạm y tế Chơn Thành)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Thửa đất số 23 tờ bản đồ số 70) đến Đường Trừ Văn Thố (Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	614	430	368
19151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 (Đường số 8 (Đường 6 Trạm y tế Chơn Thành)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Thửa đất số 23 tờ bản đồ số 70) đến Đường Trừ Văn Thố (Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	864	605	518

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 (Đường số 8 (Đường 6 Trạm y tế Chơn Thành)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Thửa đất số 23 tờ bản đồ số 70) đến Đường Trừ Văn Thố (Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	691	484	415
19153		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 (Đường số 8 (Đường 6 Trạm y tế Chơn Thành)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Thửa đất số 23 tờ bản đồ số 70) đến Đường Trừ Văn Thố (Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	553	387	332
19154	156	Đường Quốc lộ 13	Ranh giới phường Chơn Thành (cũ)	Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204	Phường Chơn Thành	6400	4500	3800
19155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (cũ) đến Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2560	1792	1536
19156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (cũ) đến Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	2048	1434	1229
19157		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (cũ) đến Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1638	1147	983
19158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (cũ) đến Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2304	1613	1382

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (cũ) đến Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1843	1290	1106
19160		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (cũ) đến Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1474	1032	884
19161	157	Đường Quốc lộ 13	Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204	Hết đường số 29	Phường Chơn Thành	4800	3400	2900
19162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 đến Hết đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1920	1344	1152
19163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 đến Hết đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1536	1075	922
19164		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 đến Hết đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1229	860	737
19165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 đến Hết đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1728	1210	1037
19166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 đến Hết đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1382	967	829

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19167		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 đến Hết đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1106	774	664
19168	158	Đường Quốc lộ 13	Hết đường số 29	Cầu Tham Rớt	Phường Chơn Thành	4000	2800	2400
19169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết đường số 29 đến Cầu Tham Rớt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1600	1120	960
19170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết đường số 29 đến Cầu Tham Rớt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1280	896	768
19171		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết đường số 29 đến Cầu Tham Rớt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1024	717	614
19172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết đường số 29 đến Cầu Tham Rớt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1440	1008	864
19173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết đường số 29 đến Cầu Tham Rớt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1152	806	691
19174		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết đường số 29 đến Cầu Tham Rớt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	922	645	553
19175	160	Đường trục chính Khu công nghiệp Chơn Thành	Đường Quốc lộ 13	Mương thoát nước phía tây Khu công nghiệp Chơn Thành	Phường Chơn Thành	3600	2500	2200
19176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính Khu công nghiệp Chơn Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Mương thoát nước phía tây Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1440	1008	864

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính Khu công nghiệp Chơn Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Mương thoát nước phía tây Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1152	806	691
19178		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính Khu công nghiệp Chơn Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Mương thoát nước phía tây Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	922	645	553
19179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính Khu công nghiệp Chơn Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Mương thoát nước phía tây Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1296	907	778
19180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính Khu công nghiệp Chơn Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Mương thoát nước phía tây Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1037	726	622
19181		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính Khu công nghiệp Chơn Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Mương thoát nước phía tây Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	830	581	498
19182	161	Đường Trung tâm hành chính phường Thành Tâm (cũ)	Đường Quốc lộ 13	Đến hết thửa đất số 127 tờ bản đồ số 195	Phường Chơn Thành	2900	2000	1700
19183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính phường Thành Tâm (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến hết thửa đất số 127 tờ bản đồ số 195 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1160	812	696
19184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính phường Thành Tâm (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến hết thửa đất số 127 tờ bản đồ số 195 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	928	650	557

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19185		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính phường Thành Tâm (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến hết thửa đất số 127 tờ bản đồ số 195 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	742	519	445
19186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính phường Thành Tâm (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến hết thửa đất số 127 tờ bản đồ số 195 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1044	731	626
19187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính phường Thành Tâm (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến hết thửa đất số 127 tờ bản đồ số 195 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	835	585	501
19188		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính phường Thành Tâm (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến hết thửa đất số 127 tờ bản đồ số 195 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	668	468	401
19189	162	Đường D9	Đường Quốc lộ 13	Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành	Phường Chơn Thành	2200	1500	1300
19190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	880	616	528
19191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	704	493	422
19192		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	563	394	338
19193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	792	554	475

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	634	444	380
19195		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	507	355	304
19196	163	Đường D9	Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành	Hết thửa đất số 156 tờ bản đồ số 241	Phường Chơn Thành	1800	1200	1100
19197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 đoạn từ Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành đến Hết thửa đất số 156 tờ bản đồ số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	720	504	432
19198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 đoạn từ Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành đến Hết thửa đất số 156 tờ bản đồ số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	576	403	346
19199		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 đoạn từ Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành đến Hết thửa đất số 156 tờ bản đồ số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	461	323	277
19200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 đoạn từ Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành đến Hết thửa đất số 156 tờ bản đồ số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	648	454	389
19201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 đoạn từ Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành đến Hết thửa đất số 156 tờ bản đồ số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	518	363	311
19202		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 đoạn từ Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành đến Hết thửa đất số 156 tờ bản đồ số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	415	291	249
19203	164	Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC)	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211)	Phường Chơn Thành	1200	810	690

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	480	336	288
19205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	384	269	230
19206		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	307	215	184
19207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	432	302	259
19208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
19209		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166
19210	165	Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC)	Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211)	Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công	Phường Chơn Thành	960	670	580
19211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) đến Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	384	269	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) đến Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	307	215	184
19213		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) đến Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	246	172	148
19214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) đến Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	346	242	208
19215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) đến Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	276	193	166
19216		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) đến Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	221	155	133
19217	166	Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC)	Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công	Hết ranh thửa số 32 tờ bản đồ số 214	Phường Chơn Thành	670	470	400
19218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công đến Hết ranh thửa số 32 tờ bản đồ số 214 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	268	188	161

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công đến Hết ranh thửa số 32 tờ bản đồ số 214 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	214	150	128
19220		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công đến Hết ranh thửa số 32 tờ bản đồ số 214 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	171	120	103
19221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công đến Hết ranh thửa số 32 tờ bản đồ số 214 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	241	169	145
19222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công đến Hết ranh thửa số 32 tờ bản đồ số 214 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	193	135	116
19223		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công đến Hết ranh thửa số 32 tờ bản đồ số 214 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	154	108	92
19224	167	Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ)	Đường D4 (Đường Tô Hiến Thành) (Đầu ranh thửa đất số 139, tờ bản đồ số 191)	Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 191	Phường Chơn Thành	820	570	490
19225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường D4 (Đường Tô Hiến Thành) (Đầu ranh thửa đất số 139, tờ bản đồ số 191) đến Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 191 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	328	230	197

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường D4 (Đường Tô Hiến Thành) (Đầu ranh thửa đất số 139, tờ bản đồ số 191) đến Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 191 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	262	183	157
19227		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường D4 (Đường Tô Hiến Thành) (Đầu ranh thửa đất số 139, tờ bản đồ số 191) đến Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 191 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	210	147	126
19228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường D4 (Đường Tô Hiến Thành) (Đầu ranh thửa đất số 139, tờ bản đồ số 191) đến Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 191 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	295	207	177
19229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường D4 (Đường Tô Hiến Thành) (Đầu ranh thửa đất số 139, tờ bản đồ số 191) đến Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 191 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	236	165	142
19230		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường D4 (Đường Tô Hiến Thành) (Đầu ranh thửa đất số 139, tờ bản đồ số 191) đến Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 191 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	189	132	113
19231	168	Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ)	Đường Quốc lộ 13	Hết tuyến	Phường Chơn Thành	820	570	490
19232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	328	230	197

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	262	183	157
19234		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	210	147	126
19235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	295	207	177
19236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	236	165	142
19237		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	189	132	113
19238	169	Đường Hồ Chí Minh	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	3200	2200	1900
19239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Chí Minh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1280	896	768
19240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Chí Minh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1024	717	614
19241		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Chí Minh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	819	573	491
19242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Chí Minh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1152	806	691

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Chí Minh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	922	645	553
19244		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Chí Minh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	737	516	442
19245	170	Đường ranh giới phường Thành Tâm (cũ) - xã Trừ Văn Thố (cũ)	Đường D9 (từ thửa đất số 183, tờ bản đồ số 201)	Hết tuyến	Phường Chơn Thành	860	600	520
19246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giới phường Thành Tâm (cũ) - xã Trừ Văn Thố (cũ) đoạn từ Đường D9 (từ thửa đất số 183, tờ bản đồ số 201) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	344	241	206
19247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giới phường Thành Tâm (cũ) - xã Trừ Văn Thố (cũ) đoạn từ Đường D9 (từ thửa đất số 183, tờ bản đồ số 201) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	275	193	165
19248		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giới phường Thành Tâm (cũ) - xã Trừ Văn Thố (cũ) đoạn từ Đường D9 (từ thửa đất số 183, tờ bản đồ số 201) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	220	154	132
19249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giới phường Thành Tâm (cũ) - xã Trừ Văn Thố (cũ) đoạn từ Đường D9 (từ thửa đất số 183, tờ bản đồ số 201) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	310	217	186
19250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giới phường Thành Tâm (cũ) - xã Trừ Văn Thố (cũ) đoạn từ Đường D9 (từ thửa đất số 183, tờ bản đồ số 201) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	248	174	149

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19251		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giới phường Thành Tâm (cũ) - xã Trừ Văn Thố (cũ) đoạn từ Đường D9 (từ thửa đất số 183, tờ bản đồ số 201) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	198	139	119
19252	171	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ranh giới phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267)	Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265)	Phường Chơn Thành	4800	3400	2900
19253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ranh giới phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1920	1344	1152
19254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ranh giới phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1536	1075	922
19255		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ranh giới phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1229	860	737
19256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ranh giới phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1728	1210	1037
19257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ranh giới phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1382	967	829

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19258		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ranh giới phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1106	774	664
19259	172	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265)	Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263)	Phường Chơn Thành	5600	3900	3400
19260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) đến Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2240	1568	1344
19261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) đến Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1792	1254	1075
19262		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) đến Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1434	1004	860
19263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) đến Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	2016	1411	1210
19264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) đến Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1613	1129	968

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19265		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) đến Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1291	904	775
19266	173	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263)	Cầu suối ngang (ranh xã Nha Bích)	Phường Chơn Thành	4000	2800	2400
19267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) đến Cầu suối ngang (ranh xã Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1600	1120	960
19268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) đến Cầu suối ngang (ranh xã Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1280	896	768
19269		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) đến Cầu suối ngang (ranh xã Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	1024	717	614
19270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) đến Cầu suối ngang (ranh xã Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	1440	1008	864
19271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) đến Cầu suối ngang (ranh xã Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	1152	806	691
19272		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) đến Cầu suối ngang (ranh xã Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	922	645	553
19273	174	Đường Minh Thành - An Long	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349)	Phường Chơn Thành	2400	1700	1400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	960	672	576
19275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	768	538	461
19276		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	614	430	368
19277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	864	605	518
19278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	691	484	415
19279		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	553	387	332
19280	175	Đường Minh Thành - An Long	Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349)	Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159)	Phường Chơn Thành	1900	1300	1200
19281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) đến Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	760	532	456

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) đến Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	608	426	365
19283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) đến Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	486	340	292
19284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) đến Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	684	479	410
19285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) đến Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	547	383	328
19286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) đến Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	437	306	262
19287	176	Đường Minh Thành - An Long	Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159)	Ranh giới xã An Long, TP. Hồ Chí Minh	Phường Chơn Thành	1600	1100	960
19288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) đến Ranh giới xã An Long, TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	640	448	384
19289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) đến Ranh giới xã An Long, TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	512	358	307

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) đến Ranh giới xã An Long, TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	410	287	246
19291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) đến Ranh giới xã An Long, TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	576	403	346
19292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) đến Ranh giới xã An Long, TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	461	323	277
19293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) đến Ranh giới xã An Long, TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	369	258	221
19294	177	Đường nhựa Minh Thành - Bàu Nàm	Ranh giới xã Nha Bích	Giáp đập Phước Hòa - Ranh giới TP. Hồ Chí Minh	Phường Chơn Thành	910	640	550
19295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Minh Thành - Bàu Nàm đoạn từ Ranh giới xã Nha Bích đến Giáp đập Phước Hòa - Ranh giới TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	537	376	322
19296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Minh Thành - Bàu Nàm đoạn từ Ranh giới xã Nha Bích đến Giáp đập Phước Hòa - Ranh giới TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	430	301	258
19297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Minh Thành - Bàu Nàm đoạn từ Ranh giới xã Nha Bích đến Giáp đập Phước Hòa - Ranh giới TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	344	241	206

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Minh Thành - Bàu Nàm đoạn từ Ranh giới xã Nha Bích đến Giáp đập Phước Hòa - Ranh giới TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	483	338	290
19299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Minh Thành - Bàu Nàm đoạn từ Ranh giới xã Nha Bích đến Giáp đập Phước Hòa - Ranh giới TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	387	271	232
19300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Minh Thành - Bàu Nàm đoạn từ Ranh giới xã Nha Bích đến Giáp đập Phước Hòa - Ranh giới TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	310	217	186
19301	178	Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (cũ) (Đường số 40)	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã 4 đường đất đỏ khu phố Minh Thành 5, phường Chơn Thành (thửa đất số 166, tờ bản đồ số 139)	Phường Chơn Thành	860	600	520
19302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (cũ) (Đường số 40) đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Ngã 4 đường đất đỏ khu phố Minh Thành 5, phường Chơn Thành (thửa đất số 166, tờ bản đồ số 139) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	507	355	304
19303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (cũ) (Đường số 40) đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Ngã 4 đường đất đỏ khu phố Minh Thành 5, phường Chơn Thành (thửa đất số 166, tờ bản đồ số 139) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	406	284	244
19304		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (cũ) (Đường số 40) đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Ngã 4 đường đất đỏ khu phố Minh Thành 5, phường Chơn Thành (thửa đất số 166, tờ bản đồ số 139) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	325	228	195

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (cũ) (Đường số 40) đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Ngã 4 đường đất đỏ khu phố Minh Thành 5, phường Chơn Thành (thửa đất số 166, tờ bản đồ số 139) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	456	319	274
19306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (cũ) (Đường số 40) đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Ngã 4 đường đất đỏ khu phố Minh Thành 5, phường Chơn Thành (thửa đất số 166, tờ bản đồ số 139) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	365	256	219
19307		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (cũ) (Đường số 40) đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Ngã 4 đường đất đỏ khu phố Minh Thành 5, phường Chơn Thành (thửa đất số 166, tờ bản đồ số 139) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	293	205	176
19308	179	Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ)	Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà bà Võ Thị Thước (thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16)	Đường Cao Bá Quát	Phường Chơn Thành	960	670	580
19309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà bà Võ Thị Thước (thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	566	396	340
19310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà bà Võ Thị Thước (thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	453	317	272
19311		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà bà Võ Thị Thước (thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	362	253	217

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà bà Võ Thị Thước (thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	509	356	305
19313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà bà Võ Thị Thước (thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	408	286	245
19314		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà bà Võ Thị Thước (thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	326	228	196
19315	180	Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ)	Đường DT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267)	Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 176)	Phường Chơn Thành	820	570	490
19316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường DT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 176) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	484	339	290
19317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường DT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 176) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	387	271	232
19318		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường DT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 176) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	310	217	186

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường DT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 176) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	436	305	262
19320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường DT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 176) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	348	244	209
19321		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường DT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 176) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	279	195	167
19322	181	Đường D11	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	860	600	520
19323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	507	355	304
19324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	406	284	244
19325		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	325	228	195
19326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	456	319	274
19327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	365	256	219

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19328		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	293	205	176
19329	182	Đường D1, khu phố Thành Tâm 2	Đường D3 (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 195)	Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195)	Phường Chơn Thành	860	600	520
19330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	507	355	304
19331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	406	284	244
19332		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	325	228	195
19333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	456	319	274
19334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	365	256	219
19335		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	293	205	176
19336	183	Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2	Đường D1 (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195)	Ngã ba đường D5 (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 195)	Phường Chơn Thành	860	600	520

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D1 (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường D5 (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	507	355	304
19338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D1 (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường D5 (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	406	284	244
19339		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D1 (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường D5 (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	325	228	195
19340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D1 (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường D5 (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	456	319	274
19341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D1 (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường D5 (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	365	256	219
19342		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D1 (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường D5 (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	293	205	176
19343	184	Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2	Đường D3 (thửa đất số 210, tờ bản đồ số 195)	Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 443, tờ bản đồ số 195)	Phường Chơn Thành	860	600	520
19344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 210, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 443, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	507	355	304

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 210, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 443, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	406	284	244
19346		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 210, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 443, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	325	228	195
19347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 210, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 443, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	456	319	274
19348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 210, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 443, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	365	256	219
19349		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 210, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 443, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	293	205	176
19350	185	Đường số 11	Từ đất nhà bà Phạm Thị Loan (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 281)	Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159)	Phường Chơn Thành	960	670	580
19351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 đoạn từ Từ đất nhà bà Phạm Thị Loan (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 281) đến Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	576	403	346
19352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 đoạn từ Từ đất nhà bà Phạm Thị Loan (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 281) đến Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19353		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 đoạn từ Từ đất nhà bà Phạm Thị Loan (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 281) đến Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	369	258	221
19354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 đoạn từ Từ đất nhà bà Phạm Thị Loan (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 281) đến Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	518	363	311
19355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 đoạn từ Từ đất nhà bà Phạm Thị Loan (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 281) đến Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	415	291	249
19356		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 đoạn từ Từ đất nhà bà Phạm Thị Loan (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 281) đến Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	332	232	199
19357	186	Đường số 11	Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159)	Đến hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 157	Phường Chơn Thành	770	540	460
19358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 đoạn từ Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) đến Đến hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	462	323	277
19359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 đoạn từ Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) đến Đến hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	370	259	222
19360		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 đoạn từ Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) đến Đến hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	296	207	178

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 đoạn từ Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) đến Đến hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	416	291	250
19362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 đoạn từ Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) đến Đến hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	333	233	200
19363		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 đoạn từ Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) đến Đến hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	266	186	160
19364	187	Đường số 25	Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349	Đến cuối thửa đất số 924 tờ bản đồ số 150	Phường Chơn Thành	820	570	490
19365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 924 tờ bản đồ số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	484	339	290
19366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 924 tờ bản đồ số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	387	271	232
19367		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 924 tờ bản đồ số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	310	217	186
19368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 924 tờ bản đồ số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	436	305	262
19369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 924 tờ bản đồ số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	348	244	209

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19370		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 924 tờ bản đồ số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	279	195	167
19371	188	Đường số 27	Từ thửa đất số 6, tờ bản đồ số 349	Đến cuối thửa đất số 90, tờ bản đồ số 154	Phường Chơn Thành	820	570	490
19372		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ Từ thửa đất số 6, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 90, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	484	339	290
19373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ Từ thửa đất số 6, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 90, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	387	271	232
19374		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ Từ thửa đất số 6, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 90, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	310	217	186
19375		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ Từ thửa đất số 6, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 90, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	436	305	262
19376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ Từ thửa đất số 6, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 90, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	348	244	209
19377		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ Từ thửa đất số 6, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 90, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	279	195	167
19378	189	Đường Đồng Hưu - Bàu Nam	Từ thửa đất số 228, tờ bản đồ số 165	Giáp đường Minh Thành - Bàu Nam (thửa đất số 799, tờ bản đồ số 129)	Phường Chơn Thành	910	640	550
19379		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Hưu - Bàu Nam đoạn từ Từ thửa đất số 228, tờ bản đồ số 165 đến Giáp đường Minh Thành - Bàu Nam (thửa đất số 799, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	546	382	328

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Hưu - Bàu Nam đoạn từ Từ thửa đất số 228, tờ bản đồ số 165 đến Giáp đường Minh Thành - Bàu Nam (thửa đất số 799, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	437	306	262
19381		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Hưu - Bàu Nam đoạn từ Từ thửa đất số 228, tờ bản đồ số 165 đến Giáp đường Minh Thành - Bàu Nam (thửa đất số 799, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	350	245	210
19382		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Hưu - Bàu Nam đoạn từ Từ thửa đất số 228, tờ bản đồ số 165 đến Giáp đường Minh Thành - Bàu Nam (thửa đất số 799, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	491	344	295
19383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Hưu - Bàu Nam đoạn từ Từ thửa đất số 228, tờ bản đồ số 165 đến Giáp đường Minh Thành - Bàu Nam (thửa đất số 799, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	393	275	236
19384		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Hưu - Bàu Nam đoạn từ Từ thửa đất số 228, tờ bản đồ số 165 đến Giáp đường Minh Thành - Bàu Nam (thửa đất số 799, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	315	221	189
19385		Khu trung tâm thương mại Chơn Thành			Phường Chơn Thành			
19386	192	**Đường D1**	**Toàn tuyến**		Phường Chơn Thành	16000	11200	9600
19387	193	Đường N1, N2 và N3	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	13600	9500	8200
19388		Đường nhựa	Trung tâm thương mại Chơn Thành Plaza (thửa đất số 540 tờ bản đồ số 26)	Đến hết thửa đất số 533 và tờ bản đồ số 26	Phường Chơn Thành	16000	11200	9600
19389		Khu dân cư đô thị và thương mại dịch vụ Suối Đôi			Phường Chơn Thành			
19390	194	**Đường D5**	**Toàn tuyến**		Phường Chơn Thành	18100	12700	10900
19391	195	Đường D1	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	14400	10100	8600
19392	196	Đường D3 và D8	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	13000	9100	7800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19393	197	Các đường quy hoạch còn lại	Toàn tuyến (không bao gồm các tuyến đường đã có tên cụ thể đã có quy định giá trong Bảng giá đất)		Phường Chơn Thành	11500	8100	6900
19394		Khu dân cư Cát Tường - Phú Thành			Phường Chơn Thành			
19395	198	**Đường N3**	**Toàn tuyến**		Phường Chơn Thành	7000	4900	4200
19396	199	Các đường quy hoạch còn lại	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	6300	4400	3800
19397		Khu phố thương mại và dân cư phường Thành Tâm (Khu dân cư HHP)			Phường Chơn Thành			
19398	200	**Đường Quy hoạch số 7 và số 9**	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	3500	2500	2100
19399	201	Đường Quy hoạch còn lại (Trừ đường trục chính Khu công nghiệp Chơn Thành - Đường số 6)	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	3000	2100	1800
19400		Khu chợ và khu dân cư Thành Tâm			Phường Chơn Thành			
19401	202	**Đường D1**	**Đường Quốc lộ 13**	**Đường D3**	Phường Chơn Thành	4000	2800	2400
19402	203	Đường D2	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	4000	2800	2400
19403	204	Các tuyến đường còn lại (Bao gồm đường D1- Đoạn từ đường D3 đến hết quy hoạch chợ và khu dân cư Thành Tâm)	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	3500	2500	2100
19404		Khu dân cư Thành Tâm 36,5 ha			Phường Chơn Thành			
19405	205	**Đường N7**	**Toàn tuyến**		Phường Chơn Thành	3000	2100	1800
19406	206	Các tuyến đường còn lại trong Khu dân cư đã được đầu tư hạ tầng	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	2400	1700	1400
19407	1	Đường Quốc lộ 14	Cầu lò gạch	Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32)	Xã Nha Bích	2900	2000	1700
19408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu lò gạch đến Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	1392	974	835

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19409		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu lò gạch đến Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	1114	780	668
19410		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu lò gạch đến Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	891	624	535
19411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu lò gạch đến Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	1253	877	752
19412		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu lò gạch đến Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	1003	702	602
19413		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu lò gạch đến Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	802	561	481
19414	2	Đường Quốc lộ 14	Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) "	Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)	Xã Nha Bích	3400	2400	2000
19415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) " đến Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	1632	1142	979

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19416		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) " đến Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	1306	914	784
19417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) " đến Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	1045	732	627
19418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) " đến Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	1469	1028	881
19419		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) " đến Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	1175	823	705
19420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) " đến Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	941	659	565
19421	3	Đường Quốc lộ 14	Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)"	Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)	Xã Nha Bích	3200	2300	1900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)" đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Nha Bích	1536	1075	922
19423		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)" đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Nha Bích	1229	860	737
19424		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)" đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Nha Bích	983	688	590
19425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)" đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Nha Bích	1382	967	829
19426		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)" đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Nha Bích	1106	774	664

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19427		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)" đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	885	620	531
19428	4	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: đến Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)"	Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)	Xã Nha Bích	3800	2700	2300
19429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: đến Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	1824	1277	1094
19430		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: đến Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	1459	1021	875
19431		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: đến Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	1167	817	700
19432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: đến Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	1642	1149	985

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19433		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: đến Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	1313	919	788
19434		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: đến Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	1050	735	630
19435	5	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)"	Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)	Xã Nha Bích	5100	3600	3100
19436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	2448	1714	1469
19437		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	1958	1371	1175
19438		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	1566	1096	940

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	2203	1542	1322
19440		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	1762	1233	1057
19441		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	1409	986	845
19442	6	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)"	Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47	Xã Nha Bích	3700	2600	2200
19443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	1776	1243	1066
19444		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	1421	995	853

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19445		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	1137	796	682
19446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	1598	1119	959
19447		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	1279	895	767
19448		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	1023	716	614
19449	7	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47	Giáp ranh Phường Đồng Xoài (Cầu Nha Bích)	Xã Nha Bích	3100	2100	1800
19450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 đến Giáp ranh Phường Đồng Xoài (Cầu Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	1488	1042	893

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19451		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 đến Giáp ranh Phường Đồng Xoài (Cầu Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	1190	833	714
19452		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 đến Giáp ranh Phường Đồng Xoài (Cầu Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	952	666	571
19453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 đến Giáp ranh Phường Đồng Xoài (Cầu Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	1339	937	803
19454		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 đến Giáp ranh Phường Đồng Xoài (Cầu Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	1071	750	643
19455		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 đến Giáp ranh Phường Đồng Xoài (Cầu Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	857	600	514
19456	8	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh phường Chơn Thành (Cầu Suối Ngang)	Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137)	Xã Nha Bích	3600	2500	2100
19457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Chơn Thành (Cầu Suối Ngang) đến Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	1728	1210	1037

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19458		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Chơn Thành (Cầu Suối Ngang) đến Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	1382	967	829
19459		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Chơn Thành (Cầu Suối Ngang) đến Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	1106	774	664
19460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Chơn Thành (Cầu Suối Ngang) đến Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	1555	1089	933
19461		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Chơn Thành (Cầu Suối Ngang) đến Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	1244	871	746
19462		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Chơn Thành (Cầu Suối Ngang) đến Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	995	697	597
19463	9	Đường Quốc lộ 14	Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) - Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137)	Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước	Xã Nha Bích	3100	2100	1800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) - Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) đến Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Nha Bích	1488	1042	893
19465		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) - Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) đến Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Nha Bích	1190	833	714
19466		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) - Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) đến Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Nha Bích	952	666	571
19467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) - Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) đến Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Nha Bích	1339	937	803
19468		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) - Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) đến Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Nha Bích	1071	750	643
19469		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) - Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) đến Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Nha Bích	857	600	514
19470	10	Đường Quốc lộ 14	Từ ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước	Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn	Xã Nha Bích	3600	2500	2100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước đến Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Nha Bích	1728	1210	1037
19472		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước đến Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Nha Bích	1382	967	829
19473		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước đến Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Nha Bích	1106	774	664
19474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước đến Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Nha Bích	1555	1089	933
19475		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước đến Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Nha Bích	1244	871	746
19476		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước đến Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Nha Bích	995	697	597
19477	11	Đường Quốc lộ 14	Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn	Giáp ranh cầu Lò Gạch	Xã Nha Bích	3100	2100	1800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn đến Giáp ranh cầu Lò Gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	1488	1042	893
19479		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn đến Giáp ranh cầu Lò Gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	1190	833	714
19480		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn đến Giáp ranh cầu Lò Gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	952	666	571
19481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn đến Giáp ranh cầu Lò Gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	1339	937	803
19482		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn đến Giáp ranh cầu Lò Gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	1071	750	643
19483		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn đến Giáp ranh cầu Lò Gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	857	600	514
19484	13	Đường ĐT 756B	Đường Quốc lộ 14	Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa)	Xã Nha Bích	1700	1200	1000
19485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	816	571	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19486		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	653	457	392
19487		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	522	365	313
19488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	734	514	440
19489		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	588	412	353
19490		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	470	329	282
19491	14	Đường ĐT 756B	Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa)	Ranh giới xã Tân Quan	Xã Nha Bích	1200	860	740
19492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	576	403	346
19493		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19494		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	369	258	221
19495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	518	363	311
19496		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	415	291	249
19497		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	332	232	199
19498	15	Đường ĐT 756	Tiếp giáp đường Quốc lộ 14	Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) - Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119)"	Xã Nha Bích	3100	2100	1800
19499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) - Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119)" có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	1488	1042	893
19500		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) - Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119)" có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	1190	833	714

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19501		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) - Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119)" có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	952	666	571
19502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) - Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119)" có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	1339	937	803
19503		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) - Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119)" có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	1071	750	643
19504		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) - Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119)" có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	857	600	514
19505	16	Đường ĐT 756	Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119)	Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72)	Xã Nha Bích	2000	1400	1200
19506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119) đến Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	960	672	576
19507		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119) đến Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	768	538	461

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19508		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119) đến Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	614	430	368
19509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119) đến Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	864	605	518
19510		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119) đến Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	691	484	415
19511		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119) đến Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	553	387	332
19512	17	Đường ĐT 756	Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72)	Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C)	Xã Nha Bích	1000	710	610
19513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	480	336	288
19514		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	384	269	230
19515		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	307	215	184

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	432	302	259
19517		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	346	242	208
19518		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	276	193	166
19519	18	Đường ĐT 756	Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C)	Ranh giới xã Tân Hưng	Xã Nha Bích	770	540	460
19520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) đến Ranh giới xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	370	259	222
19521		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) đến Ranh giới xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	296	207	178
19522		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) đến Ranh giới xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	237	166	142
19523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) đến Ranh giới xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	333	233	200
19524		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) đến Ranh giới xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	266	186	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19525		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) đến Ranh giới xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	213	149	128
19526	19	Đường ĐT 756C	Ngã ba giao đường ĐT 756 và đường ĐT 756C	Ranh giới xã Tân Quan	Xã Nha Bích	770	540	460
19527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 và đường ĐT 756C đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	370	259	222
19528		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 và đường ĐT 756C đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	296	207	178
19529		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 và đường ĐT 756C đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	237	166	142
19530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 và đường ĐT 756C đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	333	233	200
19531		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 và đường ĐT 756C đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	266	186	160
19532		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 và đường ĐT 756C đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	213	149	128
19533	20	Đường huyện lộ ĐH 13	Đường Quốc lộ 14	Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100)	Xã Nha Bích	1700	1200	1000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	816	571	490
19535		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	653	457	392
19536		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	522	365	313
19537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	734	514	440
19538		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	588	412	353
19539		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	470	329	282
19540	21	Đường huyện lộ ĐH 13	Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100)	Hết ranh thửa đất số 203, tờ bản đồ số 65	Xã Nha Bích	1200	860	740

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	576	403	346
19542		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	461	323	277
19543		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	369	258	221
19544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	518	363	311
19545		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	415	291	249
19546		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	332	232	199
19547	22	Đường liên xã Nha Bích - Tân Quan	Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Thành)	Giáp ranh xã Tân Quan	Xã Nha Bích	640	450	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Nha Bích - Tân Quan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Thành) đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	314	220	188
19549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Nha Bích - Tân Quan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Thành) đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	251	176	151
19550		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Nha Bích - Tân Quan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Thành) đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	201	141	121
19551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Nha Bích - Tân Quan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Thành) đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	283	198	170
19552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Nha Bích - Tân Quan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Thành) đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	226	158	136
19553		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Nha Bích - Tân Quan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Thành) đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	181	127	109
19554	23	Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan)	Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Trần Văn Minh)	Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9	Xã Nha Bích	600	420	360
19555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Trần Văn Minh) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	294	206	176

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Trần Văn Minh) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	235	165	141
19557		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Trần Văn Minh) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	188	132	113
19558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Trần Văn Minh) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	265	186	159
19559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Trần Văn Minh) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	212	148	127
19560		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Trần Văn Minh) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	169	118	101
19561	24	Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan)	Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9	Giáp ranh xã Tân Quan	Xã Nha Bích	510	360	310
19562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	250	175	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	200	140	120
19564		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	160	112	96
19565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	225	158	135
19566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	180	126	108
19567		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	144	101	86
19568	25	Đường nhựa ấp 2	Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh nhà hàng Dũng Luyện)	Hết đường nhựa: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Hải (tổ 3) (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) - Hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Đài (tổ 2) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 16)	Xã Nha Bích	600	420	360
19569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh nhà hàng Dũng Luyện) đến Hết đường nhựa: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Hải (tổ 3) (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) - Hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Đài (tổ 2) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	294	206	176

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19570		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh nhà hàng Dũng Luyện) đến Hết đường nhựa: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Hải (tổ 3) (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) - Hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Đài (tổ 2) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Nha Bích	235	165	141
19571		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh nhà hàng Dũng Luyện) đến Hết đường nhựa: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Hải (tổ 3) (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) - Hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Đài (tổ 2) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Nha Bích	188	132	113
19572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh nhà hàng Dũng Luyện) đến Hết đường nhựa: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Hải (tổ 3) (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) - Hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Đài (tổ 2) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Nha Bích	265	186	159
19573		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh nhà hàng Dũng Luyện) đến Hết đường nhựa: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Hải (tổ 3) (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) - Hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Đài (tổ 2) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Nha Bích	212	148	127
19574		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh nhà hàng Dũng Luyện) đến Hết đường nhựa: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Hải (tổ 3) (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) - Hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Đài (tổ 2) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Nha Bích	169	118	101
19575	27	Đường ĐH 10	Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81	Đường huyện lộ ĐH13	Xã Nha Bích	850	600	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 10 đoạn từ Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 đến Đường huyện lộ ĐH13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	417	292	250
19577		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 10 đoạn từ Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 đến Đường huyện lộ ĐH13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	334	234	200
19578		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 10 đoạn từ Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 đến Đường huyện lộ ĐH13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	267	187	160
19579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 10 đoạn từ Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 đến Đường huyện lộ ĐH13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	375	263	225
19580		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 10 đoạn từ Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 đến Đường huyện lộ ĐH13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	301	211	181
19581		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 10 đoạn từ Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 đến Đường huyện lộ ĐH13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	240	168	144
19582	26	Đường ĐH 10	Đường Quốc lộ 14	Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81	Xã Nha Bích	550	390	330
19583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	270	189	162
19584		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	216	151	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19585		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	173	121	104
19586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	243	170	146
19587		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	194	136	116
19588		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	156	109	94
19589	28	Đường số 12 (Đi qua tổ 8, tổ 10, tổ 11 - Ấp Minh Lập 3)	Đầu thửa đất số 74, tờ bản đồ số 73 (Tiếp giáp đường ĐH 10)	Cuối thửa đất số 130, tờ bản đồ số 75 (Tiếp giáp đường ĐH 10)	Xã Nha Bích	680	480	410
19590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 (Đi qua tổ 8, tổ 10, tổ 11 - Ấp Minh Lập 3) đoạn từ Đầu thửa đất số 74, tờ bản đồ số 73 (Tiếp giáp đường ĐH 10) đến Cuối thửa đất số 130, tờ bản đồ số 75 (Tiếp giáp đường ĐH 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	326	228	196
19591		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 (Đi qua tổ 8, tổ 10, tổ 11 - Ấp Minh Lập 3) đoạn từ Đầu thửa đất số 74, tờ bản đồ số 73 (Tiếp giáp đường ĐH 10) đến Cuối thửa đất số 130, tờ bản đồ số 75 (Tiếp giáp đường ĐH 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	261	183	157
19592		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 (Đi qua tổ 8, tổ 10, tổ 11 - Ấp Minh Lập 3) đoạn từ Đầu thửa đất số 74, tờ bản đồ số 73 (Tiếp giáp đường ĐH 10) đến Cuối thửa đất số 130, tờ bản đồ số 75 (Tiếp giáp đường ĐH 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	209	146	125

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 (Đi qua tổ 8, tổ 10, tổ 11 - Ấp Minh Lập 3) đoạn từ Đầu thửa đất số 74, tờ bản đồ số 73 (Tiếp giáp đường ĐH 10) đến Cuối thửa đất số 130, tờ bản đồ số 75 (Tiếp giáp đường ĐH 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	293	205	176
19594		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 (Đi qua tổ 8, tổ 10, tổ 11 - Ấp Minh Lập 3) đoạn từ Đầu thửa đất số 74, tờ bản đồ số 73 (Tiếp giáp đường ĐH 10) đến Cuối thửa đất số 130, tờ bản đồ số 75 (Tiếp giáp đường ĐH 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	235	165	141
19595		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 (Đi qua tổ 8, tổ 10, tổ 11 - Ấp Minh Lập 3) đoạn từ Đầu thửa đất số 74, tờ bản đồ số 73 (Tiếp giáp đường ĐH 10) đến Cuối thửa đất số 130, tờ bản đồ số 75 (Tiếp giáp đường ĐH 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	188	132	113
19596	29	Đường số 5	Đường Quốc lộ 14	Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55	Xã Nha Bích	580	410	350
19597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	284	199	170
19598		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	227	159	136
19599		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	182	127	109
19600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	256	179	154
19601		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	204	143	122

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19602		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	164	115	98
19603	30	Đường số 5	Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55	Đường ĐT756	Xã Nha Bích	600	420	360
19604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 đến Đường ĐT756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	294	206	176
19605		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 đến Đường ĐT756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	235	165	141
19606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 đến Đường ĐT756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	188	132	113
19607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 đến Đường ĐT756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	265	186	159
19608		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 đến Đường ĐT756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	212	148	127
19609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 đến Đường ĐT756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	169	118	101
19610	31	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	Tiếp giáp đường Quốc lộ 14	Đến hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 79	Xã Nha Bích	600	420	360
19611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Đến hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	294	206	176

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Đến hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	235	165	141
19613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Đến hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	188	132	113
19614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Đến hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	265	186	159
19615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Đến hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	212	148	127
19616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Đến hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	169	118	101
19617	32	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 157, tờ bản đồ số 55)	Đến hết thửa đất số 123, tờ bản đồ số 55	Xã Nha Bích	600	420	360
19618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 157, tờ bản đồ số 55) đến Đến hết thửa đất số 123, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	294	206	176
19619		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 157, tờ bản đồ số 55) đến Đến hết thửa đất số 123, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	235	165	141

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 157, tờ bản đồ số 55) đến Đến hết thửa đất số 123, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	188	132	113
19621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 157, tờ bản đồ số 55) đến Đến hết thửa đất số 123, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	265	186	159
19622		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 157, tờ bản đồ số 55) đến Đến hết thửa đất số 123, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	212	148	127
19623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 157, tờ bản đồ số 55) đến Đến hết thửa đất số 123, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	169	118	101
19624	33	Đường DH 08	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh khu tái định cư 10 ha	Xã Nha Bích	1700	1200	1000
19625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường DH 08 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh khu tái định cư 10 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	816	571	490
19626		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường DH 08 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh khu tái định cư 10 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	653	457	392
19627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường DH 08 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh khu tái định cư 10 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	522	365	313

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường DH 08 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh khu tái định cư 10 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	734	514	440
19629		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường DH 08 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh khu tái định cư 10 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	588	412	353
19630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường DH 08 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh khu tái định cư 10 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	470	329	282
19631	34	Đường DH 08	Hết ranh khu tái định cư 10 ha	Giáp ranh phường Chơn Thành	Xã Nha Bích	850	600	510
19632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường DH 08 đoạn từ Hết ranh khu tái định cư 10 ha đến Giáp ranh phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	417	292	250
19633		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường DH 08 đoạn từ Hết ranh khu tái định cư 10 ha đến Giáp ranh phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	334	234	200
19634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường DH 08 đoạn từ Hết ranh khu tái định cư 10 ha đến Giáp ranh phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	267	187	160
19635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường DH 08 đoạn từ Hết ranh khu tái định cư 10 ha đến Giáp ranh phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	375	263	225
19636		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường DH 08 đoạn từ Hết ranh khu tái định cư 10 ha đến Giáp ranh phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	301	211	181

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường DH 08 đoạn từ Hết ranh khu tái định cư 10 ha đến Giáp ranh phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	240	168	144
19638	35	Đường số 01	HLLG đường Quốc lộ 14	Thửa đất số 746, tờ bản đồ số 107	Xã Nha Bích	600	420	360
19639		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 746, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	294	206	176
19640		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 746, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	235	165	141
19641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 746, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	188	132	113
19642		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 746, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	265	186	159
19643		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 746, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	212	148	127
19644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 746, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	169	118	101
19645	36	Đường số 15	HLLG đường Quốc lộ 14	Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 96 - đấu nối với đường huyện lộ ĐH 13	Xã Nha Bích	600	420	360
19646		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 15 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 96 - đấu nối với đường huyện lộ ĐH 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	294	206	176

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19647		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 15 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 96 - đấu nối với đường huyện lộ ĐH 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	235	165	141
19648		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 15 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 96 - đấu nối với đường huyện lộ ĐH 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	188	132	113
19649		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 15 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 96 - đấu nối với đường huyện lộ ĐH 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	265	186	159
19650		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 15 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 96 - đấu nối với đường huyện lộ ĐH 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	212	148	127
19651		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 15 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 96 - đấu nối với đường huyện lộ ĐH 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	169	118	101
19652	37	Đường số 27	HLLG đường ĐT 756B	Ngã ba đường bê tông đầu ranh thửa đất số 76, tờ bản đồ số 115	Xã Nha Bích	600	420	360
19653		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ HLLG đường ĐT 756B đến Ngã ba đường bê tông đầu ranh thửa đất số 76, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	294	206	176
19654		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ HLLG đường ĐT 756B đến Ngã ba đường bê tông đầu ranh thửa đất số 76, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	235	165	141
19655		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ HLLG đường ĐT 756B đến Ngã ba đường bê tông đầu ranh thửa đất số 76, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	188	132	113

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19656		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ HLLG đường ĐT 756B đến Ngã ba đường bê tông đầu ranh thửa đất số 76, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	265	186	159
19657		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ HLLG đường ĐT 756B đến Ngã ba đường bê tông đầu ranh thửa đất số 76, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	212	148	127
19658		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ HLLG đường ĐT 756B đến Ngã ba đường bê tông đầu ranh thửa đất số 76, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	169	118	101
19659	38	Đường ĐH 01	Từ thửa đất số 922, tờ bản đồ số 62	Đến hết thửa đất số 858, tờ bản đồ số 62	Xã Nha Bích	770	540	460
19660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 01 đoạn từ Từ thửa đất số 922, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 858, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	377	264	226
19661		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 01 đoạn từ Từ thửa đất số 922, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 858, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	302	211	181
19662		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 01 đoạn từ Từ thửa đất số 922, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 858, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	242	169	145
19663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 01 đoạn từ Từ thửa đất số 922, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 858, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	339	237	203
19664		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 01 đoạn từ Từ thửa đất số 922, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 858, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	272	190	163

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19665		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 01 đoạn từ Từ thửa đất số 922, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 858, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	218	153	131
19666	39	Đường số 40	Từ thửa đất số 483, tờ bản đồ số 62	Đến hết thửa đất số 251, tờ bản đồ số 62	Xã Nha Bích	770	540	460
19667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 40 đoạn từ Từ thửa đất số 483, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 251, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	377	264	226
19668		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 40 đoạn từ Từ thửa đất số 483, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 251, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	302	211	181
19669		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 40 đoạn từ Từ thửa đất số 483, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 251, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	242	169	145
19670		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 40 đoạn từ Từ thửa đất số 483, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 251, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	339	237	203
19671		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 40 đoạn từ Từ thửa đất số 483, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 251, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	272	190	163
19672		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 40 đoạn từ Từ thửa đất số 483, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 251, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	218	153	131
19673		Đường số 3	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Từ thửa đất số 83 tờ bản đồ số 146 đến hết ranh thửa đất, Phía Nam: Từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 149 đến hết ranh thửa đất	Xã Nha Bích	650	460	390

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19674		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Bắc: Từ thửa đất số 83 tờ bản đồ số 146 đến hết ranh thửa đất, Phía Nam: Từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 149 đến hết ranh thửa đất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	319	223	191
19675		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Bắc: Từ thửa đất số 83 tờ bản đồ số 146 đến hết ranh thửa đất, Phía Nam: Từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 149 đến hết ranh thửa đất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	255	179	153
19676		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Bắc: Từ thửa đất số 83 tờ bản đồ số 146 đến hết ranh thửa đất, Phía Nam: Từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 149 đến hết ranh thửa đất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	204	143	122
19677		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Bắc: Từ thửa đất số 83 tờ bản đồ số 146 đến hết ranh thửa đất, Phía Nam: Từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 149 đến hết ranh thửa đất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	287	201	172
19678		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Bắc: Từ thửa đất số 83 tờ bản đồ số 146 đến hết ranh thửa đất, Phía Nam: Từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 149 đến hết ranh thửa đất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	230	161	138
19679		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Bắc: Từ thửa đất số 83 tờ bản đồ số 146 đến hết ranh thửa đất, Phía Nam: Từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 149 đến hết ranh thửa đất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	184	129	110
19680		Đường số 47	Đường Quốc lộ 14	Phía Đông : Từ thửa đất số 81 tờ bản đồ số 124.Phía Tây: Từ thửa đất số 83 tờ số 124 đến hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78	Xã Nha Bích	650	460	390

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19681		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Đông : Từ thửa đất số 81 tờ bản đồ số 124.Phía Tây: Từ thửa đất số 83 tờ số 124 đến hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	319	223	191
19682		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Đông : Từ thửa đất số 81 tờ bản đồ số 124.Phía Tây: Từ thửa đất số 83 tờ số 124 đến hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	255	179	153
19683		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Đông : Từ thửa đất số 81 tờ bản đồ số 124.Phía Tây: Từ thửa đất số 83 tờ số 124 đến hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	204	143	122
19684		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Đông : Từ thửa đất số 81 tờ bản đồ số 124.Phía Tây: Từ thửa đất số 83 tờ số 124 đến hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	287	201	172
19685		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Đông : Từ thửa đất số 81 tờ bản đồ số 124.Phía Tây: Từ thửa đất số 83 tờ số 124 đến hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	230	161	138
19686		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Đông : Từ thửa đất số 81 tờ bản đồ số 124.Phía Tây: Từ thửa đất số 83 tờ số 124 đến hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	184	129	110
19687		Đường 10	Hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78	Hết ranh nông trường Minh Lập	Xã Nha Bích	650	460	390
19688		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 đến Hết ranh nông trường Minh Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	319	223	191

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19689		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 đến Hết ranh nông trường Minh Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	255	179	153
19690		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 đến Hết ranh nông trường Minh Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	204	143	122
19691		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 đến Hết ranh nông trường Minh Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	287	201	172
19692		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 đến Hết ranh nông trường Minh Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	230	161	138
19693		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 đến Hết ranh nông trường Minh Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	184	129	110
19694	1	Đường Lý Tự Trọng	Đường Lê Lợi	Đường Hùng Vương	Phường Bình Long	20000	14000	12000
19695		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	9600	6720	5760
19696		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	7680	5376	4608
19697		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	6144	4301	3686
19698		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	8640	6048	5184

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19699		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	6912	4838	4147
19700		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	5530	3871	3318
19701	2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Phú	Phường Bình Long	16200	11300	9700
19702		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	7776	5443	4666
19703		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	6221	4355	3733
19704		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4977	3484	2986
19705		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	6998	4899	4199
19706		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	5599	3919	3359
19707		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4479	3135	2687
19708	3	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Long, phường An Lộc	16200	11300	9700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19709		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	7776	5443	4666
19710		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	6221	4355	3733
19711		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	4977	3484	2986
19712		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	6998	4899	4199
19713		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	5599	3919	3359
19714		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	4479	3135	2687
19715	4	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	Đến hết ranh Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 82	Phường Bình Long	8400	5900	5100
19716		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đến hết ranh Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	4032	2822	2419
19717		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đến hết ranh Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	3226	2258	1936

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19718		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đến hết ranh Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2581	1807	1549
19719		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đến hết ranh Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3629	2540	2177
19720		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đến hết ranh Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2903	2032	1742
19721		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đến hết ranh Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2323	1626	1394
19722	5	Đường Lê Lợi	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Long	16200	11300	9700
19723		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	7776	5443	4666
19724		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	6221	4355	3733
19725		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4977	3484	2986
19726		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	6998	4899	4199
19727		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	5599	3919	3359

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19728		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4479	3135	2687
19729	6	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Long	14600	10200	8700
19730		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	7008	4906	4205
19731		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	5606	3924	3364
19732		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4485	3140	2691
19733		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	6307	4415	3784
19734		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	5045	3532	3027
19735		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4037	2826	2422
19736	7	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phan Bội Châu	Phường Bình Long	11300	7900	6800
19737		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	5424	3797	3254

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19738		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	4339	3037	2603
19739		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	3471	2430	2083
19740		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	4882	3417	2929
19741		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	3905	2734	2343
19742		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	3124	2187	1874
19743	8	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Phan Bội Châu	Đường Lê Hồng Phong	Phường Bình Long	6200	4400	3700
19744		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2976	2083	1786
19745		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2381	1667	1429
19746		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1905	1334	1143

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19747		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2678	1875	1607
19748		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2143	1500	1286
19749		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1715	1201	1029
19750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	5856	4099	3514
19751		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	4685	3280	2811
19752		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	3748	2624	2249
19753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	5270	3689	3162
19754		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	4217	2952	2530
19755		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	3373	2361	2024
19756	10	Đường Lê Quý Đôn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phan Bội Châu	Phường Bình Long	13100	9200	7900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	6288	4402	3773
19758		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	5030	3521	3018
19759		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4024	2817	2414
19760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	5659	3961	3395
19761		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	4527	3169	2716
19762		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	3622	2535	2173
19763	11	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phan Bội Châu	Phường Bình Long	13100	9200	7900
19764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	6288	4402	3773
19765		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	5030	3521	3018
19766		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4024	2817	2414

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	5659	3961	3395
19768		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	4527	3169	2716
19769		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	3622	2535	2173
19770	12	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lê Đại Hành	Đường Phan Bội Châu	Phường Bình Long	20500	14400	12300
19771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	9840	6888	5904
19772		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	7872	5510	4723
19773		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	6298	4409	3779
19774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	8856	6199	5314
19775		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	7085	4960	4251

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19776		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	5668	3968	3401
19777	13	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phan Bội Châu	Đường Hùng Vương	Phường Bình Long	20500	14400	12300
19778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	9840	6888	5904
19779		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	7872	5510	4723
19780		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	6298	4409	3779
19781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	8856	6199	5314
19782		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	7085	4960	4251
19783		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	5668	3968	3401
19784	14	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	Đường Bùi Thị Xuân	Phường Bình Long, phường An Lộc	16200	11300	9700
19785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	7776	5443	4666

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19786		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	6221	4355	3733
19787		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	4977	3484	2986
19788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	6998	4899	4199
19789		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	5599	3919	3359
19790		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	4479	3135	2687
19791	15	Đường Nguyễn Huệ	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Ngô Quyền (cũ)	Phường Bình Long, phường An Lộc	13400	9400	8100
19792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	6432	4502	3859
19793		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	5146	3602	3088
19794		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	4117	2882	2470
19795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	5789	4052	3473

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19796		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	4631	3242	2779
19797		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	3705	2594	2223
19798	16	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quyền (cũ)	Đường Nguyễn Thái Học	Phường Bình Long, phường An Lộc	10000	7000	6000
19799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Ngô Quyền (cũ) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	4800	3360	2880
19800		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Ngô Quyền (cũ) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	3840	2688	2304
19801		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Ngô Quyền (cũ) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	3072	2150	1843
19802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Ngô Quyền (cũ) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	4320	3024	2592
19803		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Ngô Quyền (cũ) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	3456	2419	2074
19804		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Ngô Quyền (cũ) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	2765	1936	1659
19805	17	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi	Đường Hùng Vương	Phường Bình Long	16200	11300	9700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	7776	5443	4666
19807		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	6221	4355	3733
19808		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4977	3484	2986
19809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	6998	4899	4199
19810		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	5599	3919	3359
19811		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4479	3135	2687
19812	18	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Long	14600	10200	8700
19813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	7008	4906	4205
19814		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	5606	3924	3364
19815		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4485	3140	2691

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	6307	4415	3784
19817		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	5045	3532	3027
19818		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4037	2826	2422
19819	19	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Phú	Phường Bình Long	12200	8500	7300
19820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	5856	4099	3514
19821		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	4685	3280	2811
19822		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	3748	2624	2249
19823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	5270	3689	3162
19824		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	4217	2952	2530
19825		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	3373	2361	2024

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19826	20	Đường Hùng Vương	Đường Trần Phú	Đường Đoàn Thị Điểm	Phường Bình Long	8900	6200	5300
19827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	4272	2990	2563
19828		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	3418	2393	2051
19829		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2734	1914	1640
19830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3845	2692	2307
19831		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	3076	2153	1846
19832		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2461	1723	1477
19833	21	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Du	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Long	7600	5300	4600
19834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3648	2554	2189
19835		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2918	2043	1751
19836		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2334	1634	1400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3283	2298	1970
19838		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2626	1838	1576
19839		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2101	1471	1261
19840	22	Đường Phan Bội Châu	Đường Ngô Quyền	Đường Đoàn Thị Điểm	Phường Bình Long	7200	5000	4300
19841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3456	2419	2074
19842		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2765	1936	1659
19843		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2212	1548	1327
19844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3110	2177	1866
19845		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2489	1742	1493

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19846		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1991	1394	1195
19847	23	Đường Phan Bội Châu	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118)	Phường Bình Long	5700	4000	3400
19848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2736	1915	1642
19849		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2189	1532	1313
19850		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1751	1226	1051
19851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2462	1723	1477
19852		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1970	1379	1182
19853		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1576	1103	946

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19854	24	Đường ĐT 752	Phía nam: Đường Trần Quang Khải và phía bắc ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long	Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường)	Phường Bình Long	4900	3400	2900
19855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía nam: Đường Trần Quang Khải và phía bắc ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long đến Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Bình Long	2352	1646	1411
19856		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía nam: Đường Trần Quang Khải và phía bắc ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long đến Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Bình Long	1882	1317	1129
19857		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía nam: Đường Trần Quang Khải và phía bắc ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long đến Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Bình Long	1506	1054	904
19858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía nam: Đường Trần Quang Khải và phía bắc ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long đến Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Bình Long	2117	1482	1270
19859		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía nam: Đường Trần Quang Khải và phía bắc ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long đến Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Bình Long	1694	1186	1016
19860		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía nam: Đường Trần Quang Khải và phía bắc ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long đến Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Bình Long	1355	949	813
19861	25	Đường ĐT 752	Phía nam : Đường HCT1 và phía bắc đường: ranh khu dân cư Cát Tường	Ngã Ba Xe Tăng (Cuối ranh trường chuyên Bình Long)	Phường Bình Long	4100	2800	2400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía nam : Đường HCT1 và phía bắc đường: ranh khu dân cư Cát Tường đến Ngã Ba Xe Tăng (Cuối ranh trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1968	1378	1181
19863		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía nam : Đường HCT1 và phía bắc đường: ranh khu dân cư Cát Tường đến Ngã Ba Xe Tăng (Cuối ranh trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1574	1102	944
19864		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía nam : Đường HCT1 và phía bắc đường: ranh khu dân cư Cát Tường đến Ngã Ba Xe Tăng (Cuối ranh trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1259	881	755
19865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía nam : Đường HCT1 và phía bắc đường: ranh khu dân cư Cát Tường đến Ngã Ba Xe Tăng (Cuối ranh trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1771	1240	1063
19866		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía nam : Đường HCT1 và phía bắc đường: ranh khu dân cư Cát Tường đến Ngã Ba Xe Tăng (Cuối ranh trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1417	992	850
19867		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía nam : Đường HCT1 và phía bắc đường: ranh khu dân cư Cát Tường đến Ngã Ba Xe Tăng (Cuối ranh trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1133	793	680
19868	26	Đường ĐT 752	Ngã Ba Xe Tăng	Đường HCT 3	Phường Bình Long	3400	2400	2000
19869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1632	1142	979
19870		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1306	914	784

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19871		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1045	732	627
19872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1469	1028	881
19873		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1175	823	705
19874		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	941	659	565
19875	27	Đường ĐT 752C	Ngã ba Xa Cát (giáp đường Quốc lộ 13)	Giáp ranh xã Minh Đức	Phường Bình Long	810	570	490
19876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752C đoạn từ Ngã ba Xa Cát (giáp đường Quốc lộ 13) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	389	272	233
19877		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752C đoạn từ Ngã ba Xa Cát (giáp đường Quốc lộ 13) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	311	218	187
19878		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752C đoạn từ Ngã ba Xa Cát (giáp đường Quốc lộ 13) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	249	174	149
19879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752C đoạn từ Ngã ba Xa Cát (giáp đường Quốc lộ 13) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	350	245	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19880		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752C đoạn từ Ngã ba Xa Cát (giáp đường Quốc lộ 13) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	280	196	168
19881		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752C đoạn từ Ngã ba Xa Cát (giáp đường Quốc lộ 13) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	224	157	134
19882	28	Đường Ngô Quyền	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba đường ALT 1	Phường Bình Long	3200	2300	1900
19883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1536	1075	922
19884		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1229	860	737
19885		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	983	688	590
19886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1382	967	829
19887		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1106	774	664
19888		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	885	620	531
19889	29	Đường Ngô Quyền	Ngã ba đường ALT 1	Đường Trừ Văn Thố	Phường Bình Long	5700	4000	3400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Ngã ba đường ALT 1 đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2736	1915	1642
19891		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Ngã ba đường ALT 1 đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2189	1532	1313
19892		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Ngã ba đường ALT 1 đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1751	1226	1051
19893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Ngã ba đường ALT 1 đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2462	1723	1477
19894		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Ngã ba đường ALT 1 đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1970	1379	1182
19895		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Ngã ba đường ALT 1 đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1576	1103	946
19896	30	Đường Ngô Quyền	Đường Trừ Văn Thố	Đường Hàm Nghi	Phường Bình Long	9700	6800	5800
19897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	4656	3259	2794
19898		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	3725	2608	2235
19899		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2980	2086	1788

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	4190	2933	2514
19901		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	3353	2347	2012
19902		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2682	1877	1609
19903	31	Đường Ngô Quyền	Đường Hàm Nghi	Đường Phan Bội Châu	Phường Bình Long	7000	4900	4200
19904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3360	2352	2016
19905		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2688	1882	1613
19906		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2150	1505	1290
19907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3024	2117	1814
19908		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2419	1693	1451
19909		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1935	1355	1161

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19910	32	Đường Ngô Quyền	Đường Phan Bội Châu	Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 45	Phường Bình Long	5000	3500	3000
19911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2400	1680	1440
19912		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1920	1344	1152
19913		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1536	1075	922
19914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2160	1512	1296
19915		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1728	1210	1037
19916		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1382	967	829
19917	33	Đường Ngô Quyền	Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 45	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Bình Long	4500	3100	2700
19918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 45 đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2160	1512	1296
19919		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 45 đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1728	1210	1037

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19920		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 45 đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1382	967	829
19921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 45 đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1944	1361	1166
19922		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 45 đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1555	1089	933
19923		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 45 đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1244	871	746
19924	34	Đường Trừ Văn Thố	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Long	9700	6800	5800
19925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	4656	3259	2794
19926		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	3725	2608	2235
19927		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2980	2086	1788
19928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	4190	2933	2514
19929		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	3353	2347	2012

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19930		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2682	1877	1609
19931	35	Đường Trừ Văn Thố	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Phú	Phường Bình Long	7000	4900	4200
19932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3360	2352	2016
19933		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2688	1882	1613
19934		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2150	1505	1290
19935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3024	2117	1814
19936		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2419	1693	1451
19937		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1935	1355	1161
19938	36	Đường Trần Phú	Đường Phan Bội Châu	Đường Bùi Thị Xuân	Phường Bình Long	6700	4700	4000
19939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3216	2251	1930
19940		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2573	1801	1544

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19941		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2058	1441	1235
19942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2894	2026	1736
19943		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2316	1621	1390
19944		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1852	1296	1111
19945	37	Đường Trần Phú	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Long	3900	2700	2300
19946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1872	1310	1123
19947		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1498	1049	899
19948		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1198	839	719
19949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1685	1180	1011
19950		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1348	944	809

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19951		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1078	755	647
19952	38	Đường Hàm Nghi	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Trần Phú	Phường Bình Long	5800	4000	3500
19953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2784	1949	1670
19954		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2227	1559	1336
19955		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1782	1247	1069
19956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2506	1754	1504
19957		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2004	1403	1202
19958		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1604	1123	962
19959	39	Đường Hàm Nghi	Đường Trần Phú	Đường Lê Quý Đôn	Phường Bình Long	6600	4600	3900
19960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3168	2218	1901
19961		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2534	1774	1520

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19962		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2027	1419	1216
19963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2851	1996	1711
19964		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2281	1597	1369
19965		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1824	1277	1094
19966	40	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Trừ Văn Thố	Phường Bình Long	7300	5100	4400
19967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Thủ Khoa Huân đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3504	2453	2102
19968		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Thủ Khoa Huân đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2803	1962	1682
19969		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Thủ Khoa Huân đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2242	1569	1345
19970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Thủ Khoa Huân đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3154	2208	1892

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19971		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Thủ Khoa Huân đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2523	1766	1514
19972		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Thủ Khoa Huân đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2018	1413	1211
19973	41	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Trừ Văn Thố	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Long	9700	6800	5800
19974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	4656	3259	2794
19975		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	3725	2608	2235
19976		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2980	2086	1788
19977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	4190	2933	2514
19978		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	3353	2347	2012
19979		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2682	1877	1609
19980	42	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hàm Nghi	Phường Bình Long	8900	6200	5300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	4272	2990	2563
19982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	3418	2393	2051
19983		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2734	1914	1640
19984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3845	2692	2307
19985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	3076	2153	1846
19986		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2461	1723	1477
19987	43	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Long	6500	4500	3900
19988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3120	2184	1872
19989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2496	1747	1498
19990		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1997	1398	1198

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
19991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2808	1966	1685
19992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2246	1572	1348
19993		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1797	1258	1078
19994	44	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Ngô Quyền	Cuối đường (giáp suối)	Phường Bình Long	4900	3400	2900
19995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cuối đường (giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2352	1646	1411
19996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cuối đường (giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1882	1317	1129
19997		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cuối đường (giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1506	1054	904
19998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cuối đường (giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2117	1482	1270
19999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cuối đường (giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1694	1186	1016
20000		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cuối đường (giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1355	949	813

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20001	45	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Long	6700	4700	4000
20002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3216	2251	1930
20003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2573	1801	1544
20004		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2058	1441	1235
20005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2894	2026	1736
20006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2316	1621	1390
20007		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1852	1296	1111
20008	46	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Ngô Quyền	Đường Đoàn Thị Điểm	Phường Bình Long	5300	3700	3200
20009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2544	1781	1526
20010		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2035	1425	1221

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20011		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1628	1140	977
20012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2290	1603	1374
20013		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1832	1282	1099
20014		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1465	1026	879
20015	47	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Phan Bội Châu	Đường Hùng Vương	Phường Bình Long	5700	4000	3400
20016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2736	1915	1642
20017		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2189	1532	1313
20018		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1751	1226	1051
20019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2462	1723	1477
20020		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1970	1379	1182

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20021		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1576	1103	946
20022	48	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Thái Học	Phường Bình Long	4900	3400	2900
20023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2352	1646	1411
20024		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1882	1317	1129
20025		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1506	1054	904
20026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2117	1482	1270
20027		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1694	1186	1016
20028		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1355	949	813
20029	49	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bình Long	6200	4400	3700
20030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2976	2083	1786

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20031		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2381	1667	1429
20032		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1905	1334	1143
20033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2678	1875	1607
20034		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2143	1500	1286
20035		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1715	1201	1029
20036	50	Đường Sư Vạn Hạnh (KDC Hồ Sa Cát)	Đường Lương Thế Vinh	Đến đường HCT 5	Phường Bình Long	4500	3100	2700
20037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sư Vạn Hạnh (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2160	1512	1296
20038		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sư Vạn Hạnh (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1728	1210	1037
20039		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sư Vạn Hạnh (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1382	967	829

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sư Vạn Hạnh (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1944	1361	1166
20041		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sư Vạn Hạnh (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1555	1089	933
20042		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sư Vạn Hạnh (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1244	871	746
20043	51	Đường Cao Bá Quát (KDC Hồ Sa Cát)	Đường Lương Thế Vinh	Đến đường HCT 5	Phường Bình Long	4500	3100	2700
20044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2160	1512	1296
20045		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1728	1210	1037
20046		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1382	967	829
20047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1944	1361	1166
20048		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1555	1089	933

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20049		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1244	871	746
20050	52	Đường Nguyễn Thái Học	Hết ranh thửa đất số 3 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 113	Đường Đoàn Thị Điểm	Phường Bình Long	4100	2800	2400
20051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Hết ranh thửa đất số 3 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 113 đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1968	1378	1181
20052		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Hết ranh thửa đất số 3 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 113 đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1574	1102	944
20053		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Hết ranh thửa đất số 3 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 113 đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1259	881	755
20054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Hết ranh thửa đất số 3 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 113 đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1771	1240	1063
20055		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Hết ranh thửa đất số 3 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 113 đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1417	992	850
20056		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Hết ranh thửa đất số 3 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 113 đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1133	793	680
20057	53	Đường Tú Xương	Đường Trần Phú	Đường Đoàn Thị Điểm	Phường Bình Long	5700	4000	3400
20058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2736	1915	1642

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20059		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2189	1532	1313
20060		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1751	1226	1051
20061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2462	1723	1477
20062		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1970	1379	1182
20063		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1576	1103	946
20064	54	Đường ALT 1	Đường Ngô Quyền	Đường ALT 3	Phường Bình Long	1600	1100	970
20065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	768	538	461
20066		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	614	430	368
20067		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	491	344	295
20068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	691	484	415

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20069		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	553	387	332
20070		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	442	309	265
20071	55	Đường ALT 1	Đường ALT 3	Hết ranh thửa đất số 280 và hết ranh thửa đất số 279, tờ bản đồ số 111	Phường Bình Long	1500	1000	870
20072		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường ALT 3 đến Hết ranh thửa đất số 280 và hết ranh thửa đất số 279, tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	720	504	432
20073		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường ALT 3 đến Hết ranh thửa đất số 280 và hết ranh thửa đất số 279, tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	576	403	346
20074		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường ALT 3 đến Hết ranh thửa đất số 280 và hết ranh thửa đất số 279, tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20075		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường ALT 3 đến Hết ranh thửa đất số 280 và hết ranh thửa đất số 279, tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	648	454	389
20076		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường ALT 3 đến Hết ranh thửa đất số 280 và hết ranh thửa đất số 279, tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	518	363	311
20077		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường ALT 3 đến Hết ranh thửa đất số 280 và hết ranh thửa đất số 279, tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20078	56	Đường ALT 1	Từ thửa đất số 278; tờ bản đồ số 111	Cầu cây Sung	Phường Bình Long	1300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 1 đoạn từ Từ thửa đất số 278; tờ bản đồ số 111 đến Cầu cây Sung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	624	437	374
20080		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 1 đoạn từ Từ thửa đất số 278; tờ bản đồ số 111 đến Cầu cây Sung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	499	349	299
20081		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 1 đoạn từ Từ thửa đất số 278; tờ bản đồ số 111 đến Cầu cây Sung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	399	279	239
20082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 1 đoạn từ Từ thửa đất số 278; tờ bản đồ số 111 đến Cầu cây Sung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	562	393	337
20083		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 1 đoạn từ Từ thửa đất số 278; tờ bản đồ số 111 đến Cầu cây Sung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	449	314	269
20084		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 1 đoạn từ Từ thửa đất số 278; tờ bản đồ số 111 đến Cầu cây Sung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	359	251	215
20085	57	Đường ALT 2	Đường ĐT 752	Đường ALT1 (Ngã ba Cây Xoài đôi)	Phường Bình Long	1600	1100	970
20086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 2 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT1 (Ngã ba Cây Xoài đôi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	768	538	461
20087		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 2 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT1 (Ngã ba Cây Xoài đôi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	614	430	368

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20088		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 2 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT1 (Ngã ba Cây Xoài đôi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	491	344	295
20089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 2 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT1 (Ngã ba Cây Xoài đôi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	691	484	415
20090		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 2 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT1 (Ngã ba Cây Xoài đôi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	553	387	332
20091		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 2 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT1 (Ngã ba Cây Xoài đôi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	442	309	265
20092	58	Đường ALT 3	Đường ĐT 752	Đường ALT 1	Phường Bình Long	1600	1100	970
20093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 3 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	768	538	461
20094		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 3 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	614	430	368
20095		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 3 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	491	344	295
20096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 3 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	691	484	415
20097		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 3 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	553	387	332

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20098		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 3 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	442	309	265
20099	59	Đường ALT 4	Ngã Ba Xe Tăng (Từ cuối ranh trường chuyên Bình Long)	Giáp ranh xã Minh Đức	Phường Bình Long	2400	1700	1500
20100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 4 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng (Từ cuối ranh trường chuyên Bình Long) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1152	806	691
20101		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 4 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng (Từ cuối ranh trường chuyên Bình Long) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	922	645	553
20102		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 4 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng (Từ cuối ranh trường chuyên Bình Long) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	738	517	443
20103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 4 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng (Từ cuối ranh trường chuyên Bình Long) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1037	726	622
20104		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 4 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng (Từ cuối ranh trường chuyên Bình Long) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	830	581	498
20105		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 4 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng (Từ cuối ranh trường chuyên Bình Long) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	664	465	398
20106	60	Đường ALT 5	Đường Nguyễn Thái Học	Giáp ranh phường An Lộc	Phường Bình Long	1600	1100	970
20107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	768	538	461

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20108		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	614	430	368
20109		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	491	344	295
20110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	691	484	415
20111		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	553	387	332
20112		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	442	309	265
20113	61	Đường ALT 5	Đường ALT 5 (đầu thửa đất số 21 và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 112)	Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 643 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111)	Phường Bình Long	1500	1000	870
20114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường ALT 5 (đầu thửa đất số 21 và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 112) đến Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 643 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	720	504	432
20115		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường ALT 5 (đầu thửa đất số 21 và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 112) đến Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 643 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	576	403	346

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20116		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường ALT 5 (đầu thửa đất số 21 và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 112) đến Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 643 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường ALT 5 (đầu thửa đất số 21 và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 112) đến Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 643 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	648	454	389
20118		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường ALT 5 (đầu thửa đất số 21 và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 112) đến Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 643 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	518	363	311
20119		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường ALT 5 (đầu thửa đất số 21 và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 112) đến Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 643 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20120	62	Đường ALT 5	Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 30 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111)	Đường ALT 1	Phường Bình Long	1100	790	680
20121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 5 đoạn từ Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 30 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	528	370	317
20122		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 5 đoạn từ Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 30 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	422	295	253
20123		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 5 đoạn từ Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 30 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	338	237	203

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 5 đoạn từ Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 30 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	475	333	285
20125		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 5 đoạn từ Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 30 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	380	266	228
20126		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 5 đoạn từ Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 30 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	304	213	182
20127	63	Đường ALT 6	Đường ALT 1	Đường ALT 5	Phường Bình Long	1100	740	630
20128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 6 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	528	370	317
20129		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 6 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	422	295	253
20130		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 6 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	338	237	203
20131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 6 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	475	333	285
20132		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 6 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	380	266	228
20133		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 6 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	304	213	182

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20134	64	Đường ALT 7	Đường ALT 1 (từ thửa đất số 281, tờ bản đồ số 111)	Điểm đầu thửa đất số 174 và hết ranh thửa đất số 98, tờ bản đồ số 109	Phường Bình Long	1500	1100	920
20135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 7 đoạn từ Đường ALT 1 (từ thửa đất số 281, tờ bản đồ số 111) đến Điểm đầu thửa đất số 174 và hết ranh thửa đất số 98, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	720	504	432
20136		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 7 đoạn từ Đường ALT 1 (từ thửa đất số 281, tờ bản đồ số 111) đến Điểm đầu thửa đất số 174 và hết ranh thửa đất số 98, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	576	403	346
20137		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 7 đoạn từ Đường ALT 1 (từ thửa đất số 281, tờ bản đồ số 111) đến Điểm đầu thửa đất số 174 và hết ranh thửa đất số 98, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 7 đoạn từ Đường ALT 1 (từ thửa đất số 281, tờ bản đồ số 111) đến Điểm đầu thửa đất số 174 và hết ranh thửa đất số 98, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	648	454	389
20139		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 7 đoạn từ Đường ALT 1 (từ thửa đất số 281, tờ bản đồ số 111) đến Điểm đầu thửa đất số 174 và hết ranh thửa đất số 98, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	518	363	311
20140		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 7 đoạn từ Đường ALT 1 (từ thửa đất số 281, tờ bản đồ số 111) đến Điểm đầu thửa đất số 174 và hết ranh thửa đất số 98, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20141	65	Đường ALT 7	Từ thửa đất số 174 và thửa đất số 183, tờ bản đồ số 109	Đường ALT 3	Phường Bình Long	1400	960	830
20142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 7 đoạn từ Từ thửa đất số 174 và thửa đất số 183, tờ bản đồ số 109 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	672	470	403

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20143		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 7 đoạn từ Từ thửa đất số 174 và thửa đất số 183, tờ bản đồ số 109 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	538	377	323
20144		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 7 đoạn từ Từ thửa đất số 174 và thửa đất số 183, tờ bản đồ số 109 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	430	301	258
20145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 7 đoạn từ Từ thửa đất số 174 và thửa đất số 183, tờ bản đồ số 109 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	605	424	363
20146		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 7 đoạn từ Từ thửa đất số 174 và thửa đất số 183, tờ bản đồ số 109 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	484	339	290
20147		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 7 đoạn từ Từ thửa đất số 174 và thửa đất số 183, tờ bản đồ số 109 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	387	271	232
20148	66	Đường ALT 8	Đường ALT 3	Đường ALT 7	Phường Bình Long	1100	790	680
20149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 8 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	528	370	317
20150		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 8 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	422	295	253
20151		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 8 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	338	237	203
20152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 8 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	475	333	285

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20153		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 8 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	380	266	228
20154		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 8 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	304	213	182
20155	67	Đường ALT 9	Đường ALT 7	Đường ALT 7	Phường Bình Long	1100	790	680
20156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 9 đoạn từ Đường ALT 7 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	528	370	317
20157		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 9 đoạn từ Đường ALT 7 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	422	295	253
20158		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 9 đoạn từ Đường ALT 7 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	338	237	203
20159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 9 đoạn từ Đường ALT 7 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	475	333	285
20160		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 9 đoạn từ Đường ALT 7 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	380	266	228
20161		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 9 đoạn từ Đường ALT 7 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	304	213	182
20162	68	Đường ALT 10	Đường ALT 11	Đường ALT 3	Phường Bình Long	1100	790	680
20163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 10 đoạn từ Đường ALT 11 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	528	370	317

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20164		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 10 đoạn từ Đường ALT 11 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	422	295	253
20165		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 10 đoạn từ Đường ALT 11 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	338	237	203
20166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 10 đoạn từ Đường ALT 11 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	475	333	285
20167		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 10 đoạn từ Đường ALT 11 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	380	266	228
20168		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 10 đoạn từ Đường ALT 11 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	304	213	182
20169	69	Đường ALT 11	Đường ALT 15	Đường ALT 1	Phường Bình Long	1200	850	730
20170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 11 đoạn từ Đường ALT 15 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346
20171		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 11 đoạn từ Đường ALT 15 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20172		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 11 đoạn từ Đường ALT 15 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221
20173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 11 đoạn từ Đường ALT 15 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20174		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 11 đoạn từ Đường ALT 15 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20175		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 11 đoạn từ Đường ALT 15 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199
20176	70	Đường ALT 12	Đường ALT 1	Đường ALT 14	Phường Bình Long	1100	790	680
20177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	528	370	317
20178		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	422	295	253
20179		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	338	237	203
20180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	475	333	285
20181		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	380	266	228
20182		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	304	213	182
20183	71	Đường ALT 12	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường ALT 13	Phường Bình Long	1200	850	730
20184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20185		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20186		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221
20187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311
20188		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20189		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199
20190	72	Đường ALT 13	Đường ALT 2	Đường Phan Bội Châu	Phường Bình Long	1200	850	730
20191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 13 đoạn từ Đường ALT 2 đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346
20192		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 13 đoạn từ Đường ALT 2 đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20193		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 13 đoạn từ Đường ALT 2 đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221
20194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 13 đoạn từ Đường ALT 2 đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20195		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 13 đoạn từ Đường ALT 2 đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20196		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 13 đoạn từ Đường ALT 2 đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199
20197	73	Đường ALT 14	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường ALT 1	Phường Bình Long	1200	850	730
20198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 14 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346
20199		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 14 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20200		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 14 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221
20201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 14 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311
20202		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 14 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20203		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 14 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199
20204	74	Đường ALT 15	Đường ALT2	Đường ĐT752	Phường Bình Long	1600	1100	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 15 đoạn từ Đường ALT2 đến Đường ĐT752 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	768	538	461
20206		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 15 đoạn từ Đường ALT2 đến Đường ĐT752 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	614	430	368
20207		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 15 đoạn từ Đường ALT2 đến Đường ĐT752 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	491	344	295
20208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 15 đoạn từ Đường ALT2 đến Đường ĐT752 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	691	484	415
20209		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 15 đoạn từ Đường ALT2 đến Đường ĐT752 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	553	387	332
20210		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 15 đoạn từ Đường ALT2 đến Đường ĐT752 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	442	309	265
20211	75	Đường ALT 16	Đường ALT 3	Đường ALT 2	Phường Bình Long	1600	1100	970
20212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	768	538	461
20213		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	614	430	368
20214		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	491	344	295
20215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	691	484	415

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20216		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	553	387	332
20217		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	442	309	265
20218	76	Đường ALT 16	Đường ALT 3	ALT19	Phường Bình Long	1200	850	730
20219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến ALT19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346
20220		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến ALT19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20221		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến ALT19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221
20222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến ALT19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311
20223		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến ALT19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20224		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến ALT19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199
20225	77	Đường ALT 17	Đường ĐT 752	Đường ALT 16	Phường Bình Long	1500	1100	920
20226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 17 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	720	504	432

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20227		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 17 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	576	403	346
20228		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 17 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 17 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	648	454	389
20230		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 17 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	518	363	311
20231		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 17 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20232	78	Đường ALT 18	Đường ĐT 752	Đường ALT 16	Phường Bình Long	1500	1100	920
20233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	720	504	432
20234		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	576	403	346
20235		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	648	454	389

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20237		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	518	363	311
20238		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20239	79	Đường ALT 19	Ngã ba đường ALT 4	Ngã ba cuối ranh thửa đất số 151 và cuối ranh thửa đất số 206, tờ bản đồ số 109	Phường Bình Long	1600	1100	970
20240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 19 đoạn từ Ngã ba đường ALT 4 đến Ngã ba cuối ranh thửa đất số 151 và cuối ranh thửa đất số 206, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	768	538	461
20241		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 19 đoạn từ Ngã ba đường ALT 4 đến Ngã ba cuối ranh thửa đất số 151 và cuối ranh thửa đất số 206, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	614	430	368
20242		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 19 đoạn từ Ngã ba đường ALT 4 đến Ngã ba cuối ranh thửa đất số 151 và cuối ranh thửa đất số 206, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	491	344	295
20243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 19 đoạn từ Ngã ba đường ALT 4 đến Ngã ba cuối ranh thửa đất số 151 và cuối ranh thửa đất số 206, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	691	484	415
20244		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 19 đoạn từ Ngã ba đường ALT 4 đến Ngã ba cuối ranh thửa đất số 151 và cuối ranh thửa đất số 206, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	553	387	332

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20245		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 19 đoạn từ Ngã ba đường ALT 4 đến Ngã ba cuối ranh thửa đất số 151 và cuối ranh thửa đất số 206, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	442	309	265
20246	80	Đường ALT 19	Đầu ranh thửa đất số 297 và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 109	Cuối đường hết ranh thửa đất số 53, tờ bản đồ 108	Phường Bình Long	1200	850	730
20247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 19 đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 297 và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 109 đến Cuối đường hết ranh thửa đất số 53, tờ bản đồ 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346
20248		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 19 đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 297 và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 109 đến Cuối đường hết ranh thửa đất số 53, tờ bản đồ 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20249		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 19 đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 297 và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 109 đến Cuối đường hết ranh thửa đất số 53, tờ bản đồ 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221
20250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 19 đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 297 và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 109 đến Cuối đường hết ranh thửa đất số 53, tờ bản đồ 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311
20251		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 19 đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 297 và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 109 đến Cuối đường hết ranh thửa đất số 53, tờ bản đồ 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20252		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 19 đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 297 và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 109 đến Cuối đường hết ranh thửa đất số 53, tờ bản đồ 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199
20253	81	Đường ALT 20	Đường ALT 4	Đường ALT 19	Phường Bình Long	1200	850	730

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 20 đoạn từ Đường ALT 4 đến Đường ALT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346
20255		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 20 đoạn từ Đường ALT 4 đến Đường ALT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20256		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 20 đoạn từ Đường ALT 4 đến Đường ALT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221
20257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 20 đoạn từ Đường ALT 4 đến Đường ALT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311
20258		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 20 đoạn từ Đường ALT 4 đến Đường ALT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20259		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 20 đoạn từ Đường ALT 4 đến Đường ALT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199
20260	82	Đường Trần Quốc Thảo (Khu TTTM & KDC Thanh Bình)	Đường Trần Tế Xương	Đường Lê Quang Định	Phường Bình Long	15700	11000	9400
20261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Thảo (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Tế Xương đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	7536	5275	4522
20262		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Thảo (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Tế Xương đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	6029	4220	3617
20263		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Thảo (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Tế Xương đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4823	3376	2894

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Thảo (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Tế Xương đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	6782	4747	4069
20265		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Thảo (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Tế Xương đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	5426	3798	3256
20266		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Thảo (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Tế Xương đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4341	3039	2605
20267	83	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (Khu TTTM & KDC Thanh Bình)	Đường Quốc lộ 13	Đường Trần Quốc Thảo	Phường Bình Long	15700	11000	9400
20268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trần Quốc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	7536	5275	4522
20269		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trần Quốc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	6029	4220	3617
20270		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trần Quốc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4823	3376	2894
20271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trần Quốc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	6782	4747	4069

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20272		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trần Quốc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	5426	3798	3256
20273		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trần Quốc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4341	3039	2605
20274	84	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (Khu TTTM & KDC Thanh Bình)	Đường Trần Quốc Thảo	Đường Phan Chu Trinh	Phường Bình Long	15700	11000	9400
20275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Thảo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	7536	5275	4522
20276		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Thảo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	6029	4220	3617
20277		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Thảo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4823	3376	2894
20278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Thảo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	6782	4747	4069
20279		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Thảo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	5426	3798	3256

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20280		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Thảo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4341	3039	2605
20281	85	Đường Lê Quang Định (Khu TTTM & KDC Thanh Bình)	Đường Quốc lộ 13	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Phường Bình Long	15700	11000	9400
20282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	7536	5275	4522
20283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	6029	4220	3617
20284		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4823	3376	2894
20285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	6782	4747	4069
20286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	5426	3798	3256
20287		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4341	3039	2605
20288	86	Đường Nguyễn Đình Chiểu (Khu TTTM & KDC Thanh Bình)	Đường Quốc lộ 13	Đường Phan Chu Trinh	Phường Bình Long	15700	11000	9400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	7536	5275	4522
20290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	6029	4220	3617
20291		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4823	3376	2894
20292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	6782	4747	4069
20293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	5426	3798	3256
20294		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4341	3039	2605
20295	87	Đường Trần Tế Xương (Khu TTTM & KDC Thanh Bình)	Đường Quốc lộ 13	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Phường Bình Long	15700	11000	9400
20296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Tế Xương (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	7536	5275	4522
20297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Tế Xương (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	6029	4220	3617

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20298		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Tế Xương (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4823	3376	2894
20299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Tế Xương (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	6782	4747	4069
20300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Tế Xương (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	5426	3798	3256
20301		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Tế Xương (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4341	3039	2605
20302	88	Đường Phan Chu Trinh (Khu TTTM & KDC Thanh Bình)	Đường Trần Tế Xương	Đường Lê Quang Định	Phường Bình Long	15700	11000	9400
20303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Tế Xương đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	7536	5275	4522
20304		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Tế Xương đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	6029	4220	3617
20305		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Tế Xương đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4823	3376	2894

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Tế Xương đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	6782	4747	4069
20307		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Tế Xương đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	5426	3798	3256
20308		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Tế Xương đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4341	3039	2605
20309	89	Đường Hải Thượng Lãn Ông (Khu TTTM & KDC Thanh Bình)	Đường Trần Tế Xương	Đường Lê Quang Định	Phường Bình Long	13300	9300	8000
20310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Tế Xương đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	6384	4469	3830
20311		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Tế Xương đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	5107	3575	3064
20312		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Tế Xương đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	4086	2860	2452
20313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Tế Xương đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	5746	4022	3448

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20314		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Tế Xương đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	4596	3217	2758
20315		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông (Khu TTTM & KDC Thanh Bình) đoạn từ Đường Trần Tế Xương đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	3677	2574	2206
20316	91	Đường Quốc lộ 13	Đường Lê Đại Hành	Đường Lương Thế Vinh	Phường Bình Long	7800	5400	4700
20317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3744	2621	2246
20318		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2995	2097	1797
20319		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2396	1677	1438
20320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3370	2359	2022
20321		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2696	1887	1618
20322		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2156	1509	1294
20323	92	Đường Quốc lộ 13	Đường Lương Thế Vinh	Đường HCT 5	Phường Bình Long	5800	4100	3500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2784	1949	1670
20325		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2227	1559	1336
20326		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1782	1247	1069
20327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2506	1754	1504
20328		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2004	1403	1202
20329		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1604	1123	962
20330	93	Đường Quốc lộ 13	Đường HCT 5	Cống ba miệng (hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 104)	Phường Bình Long	3400	2400	2000
20331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường HCT 5 đến Cống ba miệng (hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 104) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1632	1142	979
20332		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường HCT 5 đến Cống ba miệng (hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 104) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1306	914	784

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20333		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường HCT 5 đến Cống ba miệng (hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 104) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1045	732	627
20334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường HCT 5 đến Cống ba miệng (hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 104) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1469	1028	881
20335		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường HCT 5 đến Cống ba miệng (hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 104) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1175	823	705
20336		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường HCT 5 đến Cống ba miệng (hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 104) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	941	659	565
20337	94	Đường Quốc lộ 13	Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 104)	Ranh giới phường Bình Long - phường Tân Khai	Phường Bình Long	3600	2600	2200
20338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 104) đến Ranh giới phường Bình Long - phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1728	1210	1037
20339		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 104) đến Ranh giới phường Bình Long - phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1382	967	829
20340		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 104) đến Ranh giới phường Bình Long - phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1106	774	664
20341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 104) đến Ranh giới phường Bình Long - phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1555	1089	933

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20342		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 104) đến Ranh giới phường Bình Long - phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1244	871	746
20343		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 104) đến Ranh giới phường Bình Long - phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	995	697	597
20344	95	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Bình Long	6500	4500	3900
20345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3120	2184	1872
20346		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2496	1747	1498
20347		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1997	1398	1198
20348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2808	1966	1685
20349		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2246	1572	1348
20350		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1797	1258	1078
20351	96	Đường Lê Hồng Phong	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Trần Quang Khải	Phường Bình Long	4900	3500	3000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2352	1646	1411
20353		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1882	1317	1129
20354		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1506	1054	904
20355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2117	1482	1270
20356		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1694	1186	1016
20357		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1355	949	813
20358	97	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Huệ	Đến hết ranh thửa đất số 426 tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 50 tờ bản đồ số 53)	Phường Bình Long	6500	4500	3900
20359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến hết ranh thửa đất số 426 tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 50 tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3120	2184	1872
20360		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến hết ranh thửa đất số 426 tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 50 tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2496	1747	1498

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20361		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến hết ranh thửa đất số 426 tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 50 tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1997	1398	1198
20362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến hết ranh thửa đất số 426 tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 50 tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2808	1966	1685
20363		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến hết ranh thửa đất số 426 tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 50 tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2246	1572	1348
20364		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến hết ranh thửa đất số 426 tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 50 tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1797	1258	1078
20365	98	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Bình Long	6500	4500	3900
20366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3120	2184	1872
20367		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2496	1747	1498
20368		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1997	1398	1198
20369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2808	1966	1685

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20370		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2246	1572	1348
20371		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1797	1258	1078
20372	99	Đường Trần Quang Khải	Đường ĐT 752	Đường HCT 7	Phường Bình Long	1900	1300	1100
20373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	912	638	547
20374		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	730	511	438
20375		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	584	409	350
20376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	821	575	493
20377		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	657	460	394
20378		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	526	368	316
20379	100	Đường Trần Quang Khải	Đường HCT 7	Ngã ba (đường HCT 1 đoạn trường chuyên Bình Long)	Phường Bình Long	1500	1000	870

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường HCT 7 đến Ngã ba (đường HCT 1 đoạn trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	720	504	432
20381		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường HCT 7 đến Ngã ba (đường HCT 1 đoạn trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	576	403	346
20382		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường HCT 7 đến Ngã ba (đường HCT 1 đoạn trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường HCT 7 đến Ngã ba (đường HCT 1 đoạn trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	648	454	389
20384		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường HCT 7 đến Ngã ba (đường HCT 1 đoạn trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	518	363	311
20385		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường HCT 7 đến Ngã ba (đường HCT 1 đoạn trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20386		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Phở Duy) đến Ngã ba đường Lê Đại Hành và đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2736	1915	1642
20387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Phở Duy) đến Ngã ba đường Lê Đại Hành và đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2189	1532	1313

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20388		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Phở Duy) đến Ngã ba đường Lê Đại Hành và đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1751	1226	1051
20389		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Phở Duy) đến Ngã ba đường Lê Đại Hành và đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2462	1723	1477
20390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Phở Duy) đến Ngã ba đường Lê Đại Hành và đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1970	1379	1182
20391		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Phở Duy) đến Ngã ba đường Lê Đại Hành và đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1576	1103	946
20392	102	Đường Lê Đại Hành	Ngã ba đường Lê Đại Hành và đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2)	Đến hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 18	Phường Bình Long	2000	1400	1200
20393		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Ngã ba đường Lê Đại Hành và đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) đến Đến hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	960	672	576
20394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Ngã ba đường Lê Đại Hành và đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) đến Đến hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	768	538	461
20395		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Ngã ba đường Lê Đại Hành và đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) đến Đến hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	614	430	368

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20396		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Ngã ba đường Lê Đại Hành và đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) đến Đến hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	864	605	518
20397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Ngã ba đường Lê Đại Hành và đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) đến Đến hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	691	484	415
20398		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Ngã ba đường Lê Đại Hành và đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) đến Đến hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	553	387	332
20399	103	Đường Lê Đại Hành	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn Trung Trực	Phường Bình Long	6500	4500	3900
20400		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3120	2184	1872
20401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2496	1747	1498
20402		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1997	1398	1198
20403		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2808	1966	1685
20404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2246	1572	1348

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20405		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1797	1258	1078
20406	104	Đường Lương Thế Vinh (Đường HCT 19 cũ)	Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Xa Cam)	Đường Cao Bá Quát	Phường Bình Long	4500	3100	2700
20407		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh (Đường HCT 19 cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Xa Cam) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2160	1512	1296
20408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh (Đường HCT 19 cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Xa Cam) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1728	1210	1037
20409		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh (Đường HCT 19 cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Xa Cam) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1382	967	829
20410		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh (Đường HCT 19 cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Xa Cam) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1944	1361	1166
20411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh (Đường HCT 19 cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Xa Cam) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1555	1089	933
20412		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh (Đường HCT 19 cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Xa Cam) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1244	871	746
20413	105	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Huệ	Đường Đoàn Thị Điểm	Phường Bình Long	6500	4500	3900
20414		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3120	2184	1872

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2496	1747	1498
20416		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1997	1398	1198
20417		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2808	1966	1685
20418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2246	1572	1348
20419		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1797	1258	1078
20420	106	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du	Phường Bình Long	9600	6700	5800
20421		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	4608	3226	2765
20422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	3686	2580	2212
20423		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2949	2064	1769
20424		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	4147	2903	2488

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	3317	2322	1990
20426		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2654	1858	1592
20427	107	Đường HCT 1	Đường ĐT 752	Ngã ba đường HCT 7 (hết ranh thửa đất số 414 tờ bản đồ số 13	Phường Bình Long	1900	1300	1100
20428		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 1 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã ba đường HCT 7 (hết ranh thửa đất số 414 tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	912	638	547
20429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 1 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã ba đường HCT 7 (hết ranh thửa đất số 414 tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	730	511	438
20430		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 1 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã ba đường HCT 7 (hết ranh thửa đất số 414 tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	584	409	350
20431		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 1 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã ba đường HCT 7 (hết ranh thửa đất số 414 tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	821	575	493
20432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 1 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã ba đường HCT 7 (hết ranh thửa đất số 414 tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	657	460	394
20433		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 1 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã ba đường HCT 7 (hết ranh thửa đất số 414 tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	526	368	316
20434	108	Đường HCT 1	Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới)	Đường Trần Quang Khải	Phường Bình Long	1500	1000	870

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20435		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 1 đoạn từ Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới) đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	720	504	432
20436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 1 đoạn từ Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới) đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	576	403	346
20437		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 1 đoạn từ Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới) đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20438		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 1 đoạn từ Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới) đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	648	454	389
20439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 1 đoạn từ Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới) đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	518	363	311
20440		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 1 đoạn từ Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới) đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20441	109	Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức)	Đường ĐT 752	Đường HCT 4	Phường Bình Long, xã Minh Đức	970	680	580
20442		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long, xã Minh Đức	466	326	280
20443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long, xã Minh Đức	373	261	224

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20444		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long, xã Minh Đức	298	209	179
20445		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long, xã Minh Đức	419	293	251
20446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long, xã Minh Đức	336	235	202
20447		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long, xã Minh Đức	268	188	161
20448	110	Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức)	Đường HCT 4	Giáp ranh xã Minh Đức	Phường Bình Long	810	570	490
20449		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường HCT 4 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	389	272	233
20450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường HCT 4 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	311	218	187
20451		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường HCT 4 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	249	174	149
20452		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường HCT 4 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	350	245	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường HCT 4 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	280	196	168
20454		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường HCT 4 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	224	157	134
20455	111	Đường HCT 4	Đường Cao Bá Quát	gã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24)	Phường Bình Long	1900	1300	1100
20456		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 4 đoạn từ Đường Cao Bá Quát đến gã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	912	638	547
20457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 4 đoạn từ Đường Cao Bá Quát đến gã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	730	511	438
20458		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 4 đoạn từ Đường Cao Bá Quát đến gã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	584	409	350
20459		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 4 đoạn từ Đường Cao Bá Quát đến gã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	821	575	493
20460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 4 đoạn từ Đường Cao Bá Quát đến gã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	657	460	394
20461		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 4 đoạn từ Đường Cao Bá Quát đến gã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	526	368	316
20462	112	Đường HCT 4	Từ thửa đất số 158 tờ bản đồ số 17	Đường HCT3	Phường Bình Long	1200	850	730

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20463		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 4 đoạn từ Từ thửa đất số 158 tờ bản đồ số 17 đến Đường HCT3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346
20464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 4 đoạn từ Từ thửa đất số 158 tờ bản đồ số 17 đến Đường HCT3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20465		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 4 đoạn từ Từ thửa đất số 158 tờ bản đồ số 17 đến Đường HCT3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221
20466		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 4 đoạn từ Từ thửa đất số 158 tờ bản đồ số 17 đến Đường HCT3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311
20467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 4 đoạn từ Từ thửa đất số 158 tờ bản đồ số 17 đến Đường HCT3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20468		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 4 đoạn từ Từ thửa đất số 158 tờ bản đồ số 17 đến Đường HCT3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199
20469	113	Đường HCT 5	Đường Quốc lộ 13	Đến thửa đất số 57 tờ bản đồ số 31	Phường Bình Long	970	680	580
20470		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến thửa đất số 57 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	466	326	280
20471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến thửa đất số 57 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	373	261	224

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20472		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến thửa đất số 57 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	298	209	179
20473		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến thửa đất số 57 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	419	293	251
20474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến thửa đất số 57 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	336	235	202
20475		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến thửa đất số 57 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	268	188	161
20476	114	Đường HCT 6	Đường Đoàn Thị Điểm	Ngã ba đường HCT 28 và đường HCT 29	Phường Bình Long	1200	850	730
20477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 6 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Ngã ba đường HCT 28 và đường HCT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346
20478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 6 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Ngã ba đường HCT 28 và đường HCT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20479		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 6 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Ngã ba đường HCT 28 và đường HCT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221
20480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 6 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Ngã ba đường HCT 28 và đường HCT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 6 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Ngã ba đường HCT 28 và đường HCT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20482		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 6 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Ngã ba đường HCT 28 và đường HCT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199
20483	115	Đường HCT 7 (Nhánh)	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Quang Khải	Phường Bình Long	1200	850	730
20484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 7 (Nhánh) đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346
20485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 7 (Nhánh) đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20486		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 7 (Nhánh) đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221
20487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 7 (Nhánh) đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311
20488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 7 (Nhánh) đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20489		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 7 (Nhánh) đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199
20490	116	Đường HCT 7	Đường Trần Quang Khải	Đường HCT 1 (thửa đất số 342, tờ bản đồ số 13 mới)	Phường Bình Long	1600	1100	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 7 đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường HCT 1 (thửa đất số 342, tờ bản đồ số 13 mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	768	538	461
20492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 7 đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường HCT 1 (thửa đất số 342, tờ bản đồ số 13 mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	614	430	368
20493		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 7 đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường HCT 1 (thửa đất số 342, tờ bản đồ số 13 mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	491	344	295
20494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 7 đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường HCT 1 (thửa đất số 342, tờ bản đồ số 13 mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	691	484	415
20495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 7 đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường HCT 1 (thửa đất số 342, tờ bản đồ số 13 mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	553	387	332
20496		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 7 đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường HCT 1 (thửa đất số 342, tờ bản đồ số 13 mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	442	309	265
20497	117	Đường HCT 8	Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2)	Đường HCT 3	Phường Bình Long	1500	1000	870
20498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 8 đoạn từ Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	720	504	432
20499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 8 đoạn từ Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	576	403	346

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20500		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 8 đoạn từ Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 8 đoạn từ Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	648	454	389
20502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 8 đoạn từ Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	518	363	311
20503		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 8 đoạn từ Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20504	118	Đường HCT 8	Đường ĐT 752	Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2)	Phường Bình Long	1600	1100	970
20505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 8 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	768	538	461
20506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 8 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	614	430	368
20507		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 8 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	491	344	295
20508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 8 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	691	484	415

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 8 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	553	387	332
20510		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 8 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	442	309	265
20511	119	Đường HCT 9	Đường ĐT 752	Đường HCT 13	Phường Bình Long	1200	850	730
20512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 9 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346
20513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 9 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20514		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 9 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221
20515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 9 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311
20516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 9 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20517		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 9 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199
20518	120	Đường HCT 10	Đường ĐT 752	Đường HCT 12	Phường Bình Long	1200	850	730
20519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 10 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 10 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20521		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 10 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221
20522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 10 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311
20523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 10 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20524		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 10 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199
20525	121	Đường HCT 11	Đường HCT 9	Đường HCT 10	Phường Bình Long	890	620	530
20526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 11 đoạn từ Đường HCT 9 đến Đường HCT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	427	299	256
20527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 11 đoạn từ Đường HCT 9 đến Đường HCT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	342	239	205
20528		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 11 đoạn từ Đường HCT 9 đến Đường HCT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	274	192	164
20529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 11 đoạn từ Đường HCT 9 đến Đường HCT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	384	269	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 11 đoạn từ Đường HCT 9 đến Đường HCT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	308	216	185
20531		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 11 đoạn từ Đường HCT 9 đến Đường HCT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	247	173	148
20532	122	Đường HCT 12	Đường ĐT 752	Đường HCT 13	Phường Bình Long	890	620	530
20533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 12 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	427	299	256
20534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 12 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	342	239	205
20535		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 12 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	274	192	164
20536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 12 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	384	269	230
20537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 12 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	308	216	185
20538		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 12 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	247	173	148
20539	123	Đường HCT 13	Đường HCT 1	Đường HCT 15	Phường Bình Long	890	620	530
20540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 13 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	427	299	256

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 13 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	342	239	205
20542		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 13 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	274	192	164
20543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 13 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	384	269	230
20544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 13 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	308	216	185
20545		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 13 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	247	173	148
20546	124	Đường HCT 14	Đường HCT 13	Đến thửa đất số 485 tờ bản đồ số 8	Phường Bình Long	890	620	530
20547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 14 đoạn từ Đường HCT 13 đến Đến thửa đất số 485 tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	427	299	256
20548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 14 đoạn từ Đường HCT 13 đến Đến thửa đất số 485 tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	342	239	205
20549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 14 đoạn từ Đường HCT 13 đến Đến thửa đất số 485 tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	274	192	164
20550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 14 đoạn từ Đường HCT 13 đến Đến thửa đất số 485 tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	384	269	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 14 đoạn từ Đường HCT 13 đến Đến thửa đất số 485 tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	308	216	185
20552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 14 đoạn từ Đường HCT 13 đến Đến thửa đất số 485 tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	247	173	148
20553	125	Đường HCT 15	Đường HCT 1	Đường HCT 8	Phường Bình Long	890	620	530
20554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 15 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	427	299	256
20555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 15 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	342	239	205
20556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 15 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	274	192	164
20557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 15 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	384	269	230
20558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 15 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	308	216	185
20559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 15 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	247	173	148
20560	126	Đường HCT 16	Đường HCT 1	Đến thửa đất số 105 tờ bản đồ số 6	Phường Bình Long	890	620	530
20561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 16 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 105 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	427	299	256

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 16 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 105 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	342	239	205
20563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 16 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 105 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	274	192	164
20564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 16 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 105 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	384	269	230
20565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 16 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 105 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	308	216	185
20566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 16 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 105 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	247	173	148
20567	127	Đường HCT 17	Đường HCT 1	Đến thửa đất số 263 tờ bản đồ số 7	Phường Bình Long	890	620	530
20568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 17 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 263 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	427	299	256
20569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 17 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 263 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	342	239	205
20570		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 17 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 263 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	274	192	164
20571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 17 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 263 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	384	269	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 17 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 263 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	308	216	185
20573		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 17 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 263 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	247	173	148
20574	128	Đường HCT 18	Đường ĐT 752	Đường HCT 19	Phường Bình Long	890	620	530
20575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	427	299	256
20576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	342	239	205
20577		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	274	192	164
20578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	384	269	230
20579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	308	216	185
20580		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	247	173	148
20581	129	Đường HCT 19	Đường ĐT 752 (Trụ sở UBND phường Hưng Chiến cũ)	Suối (Hết ranh thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3)	Phường Bình Long	1500	1000	870

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 19 đoạn từ Đường ĐT 752 (Trụ sở UBND phường Hưng Chiến cũ) đến Suối (Hết ranh thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	720	504	432
20583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 19 đoạn từ Đường ĐT 752 (Trụ sở UBND phường Hưng Chiến cũ) đến Suối (Hết ranh thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	576	403	346
20584		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 19 đoạn từ Đường ĐT 752 (Trụ sở UBND phường Hưng Chiến cũ) đến Suối (Hết ranh thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 19 đoạn từ Đường ĐT 752 (Trụ sở UBND phường Hưng Chiến cũ) đến Suối (Hết ranh thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	648	454	389
20586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 19 đoạn từ Đường ĐT 752 (Trụ sở UBND phường Hưng Chiến cũ) đến Suối (Hết ranh thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	518	363	311
20587		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 19 đoạn từ Đường ĐT 752 (Trụ sở UBND phường Hưng Chiến cũ) đến Suối (Hết ranh thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20588	130	Đường HCT 19 nối dài	Suối (Từ thửa đất số 125, tờ bản đồ số 3)	hết ranh Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3	Phường Bình Long	1200	850	730
20589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 19 nối dài đoạn từ Suối (Từ thửa đất số 125, tờ bản đồ số 3) đến hết ranh Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346
20590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 19 nối dài đoạn từ Suối (Từ thửa đất số 125, tờ bản đồ số 3) đến hết ranh Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20591		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 19 nối dài đoạn từ Suối (Từ thửa đất số 125, tờ bản đồ số 3) đến hết ranh Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221
20592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 19 nối dài đoạn từ Suối (Từ thửa đất số 125, tờ bản đồ số 3) đến hết ranh Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311
20593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 19 nối dài đoạn từ Suối (Từ thửa đất số 125, tờ bản đồ số 3) đến hết ranh Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20594		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 19 nối dài đoạn từ Suối (Từ thửa đất số 125, tờ bản đồ số 3) đến hết ranh Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199
20595	131	Đường HCT 20	Đường HCT 19	Hết tuyến (giáp ranh xã Minh Đức- đến đường ĐT-752)	Phường Bình Long	890	620	530
20596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 20 đoạn từ Đường HCT 19 đến Hết tuyến (giáp ranh xã Minh Đức- đến đường ĐT-752) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	427	299	256
20597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 20 đoạn từ Đường HCT 19 đến Hết tuyến (giáp ranh xã Minh Đức- đến đường ĐT-752) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	342	239	205
20598		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 20 đoạn từ Đường HCT 19 đến Hết tuyến (giáp ranh xã Minh Đức- đến đường ĐT-752) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	274	192	164
20599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 20 đoạn từ Đường HCT 19 đến Hết tuyến (giáp ranh xã Minh Đức- đến đường ĐT-752) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	384	269	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 20 đoạn từ Đường HCT 19 đến Hết tuyến (giáp ranh xã Minh Đức-đến đường ĐT-752) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	308	216	185
20601		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 20 đoạn từ Đường HCT 19 đến Hết tuyến (giáp ranh xã Minh Đức-đến đường ĐT-752) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	247	173	148
20602	132	Đường HCT 21	Đường HCT 27 (kho vật tư Công ty Cao su)	Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long)	Phường Bình Long	1900	1300	1100
20603		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (kho vật tư Công ty Cao su) đến Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	912	638	547
20604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (kho vật tư Công ty Cao su) đến Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	730	511	438
20605		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (kho vật tư Công ty Cao su) đến Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	584	409	350
20606		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (kho vật tư Công ty Cao su) đến Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	821	575	493
20607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (kho vật tư Công ty Cao su) đến Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	657	460	394
20608		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (kho vật tư Công ty Cao su) đến Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	526	368	316
20609	133	Đường HCT 21	Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long)	Đường HCT 22	Phường Bình Long	1200	850	730

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20610		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) đến Đường HCT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346
20611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) đến Đường HCT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) đến Đường HCT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221
20613		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) đến Đường HCT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311
20614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) đến Đường HCT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) đến Đường HCT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199
20616	134	Đường HCT 22	Đường HCT 1	Đường HCT 3 (ranh xã Minh Đức)	Phường Bình Long	1200	850	730
20617		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 22 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 3 (ranh xã Minh Đức) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346
20618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 22 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 3 (ranh xã Minh Đức) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20619		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 22 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 3 (ranh xã Minh Đức) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20620		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 22 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 3 (ranh xã Minh Đức) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311
20621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 22 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 3 (ranh xã Minh Đức) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20622		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 22 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 3 (ranh xã Minh Đức) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199
20623	135	Đường HCT 23	Đường HCT 21	Đường HCT 25	Phường Bình Long	1200	850	730
20624		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 23 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346
20625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 23 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20626		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 23 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221
20627		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 23 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311
20628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 23 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20629		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 23 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20630	136	Đường HCT 24	Đường HCT 21	Đường HCT 4	Phường Bình Long	1200	850	730
20631		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 24 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346
20632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 24 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20633		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 24 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221
20634		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 24 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311
20635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 24 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20636		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 24 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199
20637	137	Đường HCT 25	Kênh hậu đường Cao Bá Quát (Hồ Sa Cát)	Đến giáp thửa đất số 70 tờ bản đồ số 1	Phường Bình Long	1200	850	730
20638		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 25 đoạn từ Kênh hậu đường Cao Bá Quát (Hồ Sa Cát) đến Đến giáp thửa đất số 70 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346
20639		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 25 đoạn từ Kênh hậu đường Cao Bá Quát (Hồ Sa Cát) đến Đến giáp thửa đất số 70 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20640		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 25 đoạn từ Kênh hậu đường Cao Bá Quát (Hồ Sa Cát) đến Đến giáp thửa đất số 70 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221
20641		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 25 đoạn từ Kênh hậu đường Cao Bá Quát (Hồ Sa Cát) đến Đến giáp thửa đất số 70 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311
20642		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 25 đoạn từ Kênh hậu đường Cao Bá Quát (Hồ Sa Cát) đến Đến giáp thửa đất số 70 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20643		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 25 đoạn từ Kênh hậu đường Cao Bá Quát (Hồ Sa Cát) đến Đến giáp thửa đất số 70 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199
20644	138	Đường HCT 26	HCT 23	HCT 27	Phường Bình Long	1200	850	730
20645		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 26 đoạn từ HCT 23 đến HCT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346
20646		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 26 đoạn từ HCT 23 đến HCT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20647		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 26 đoạn từ HCT 23 đến HCT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221
20648		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 26 đoạn từ HCT 23 đến HCT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311
20649		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 26 đoạn từ HCT 23 đến HCT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20650		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 26 đoạn từ HCT 23 đến HCT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199
20651	139	Đường HCT 27	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Lê Đại Hành	Phường Bình Long	1200	850	730
20652		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346
20653		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20654		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221
20655		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311
20656		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20657		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199
20658	140	Đường HCT 27	Đường HCT 21	Đường Lê Đại Hành	Phường Bình Long	1200	850	730
20659		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	576	403	346
20660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20661		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	369	258	221
20662		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	518	363	311
20663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20664		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	332	232	199
20665	141	Đường HCT 28	Đường HCT 6	đường HCT 7	Phường Bình Long	1900	1300	1100
20666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 28 đoạn từ Đường HCT 6 đến đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	912	638	547
20667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 28 đoạn từ Đường HCT 6 đến đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	730	511	438
20668		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 28 đoạn từ Đường HCT 6 đến đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	584	409	350
20669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 28 đoạn từ Đường HCT 6 đến đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	821	575	493
20670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 28 đoạn từ Đường HCT 6 đến đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	657	460	394

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20671		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 28 đoạn từ Đường HCT 6 đến đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	526	368	316
20672	142	Đường HCT 29	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường HCT 6 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15)	Phường Bình Long	1900	1300	1100
20673		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 29 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường HCT 6 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	912	638	547
20674		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 29 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường HCT 6 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	730	511	438
20675		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 29 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường HCT 6 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	584	409	350
20676		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 29 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường HCT 6 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	821	575	493
20677		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 29 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường HCT 6 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	657	460	394
20678		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 29 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường HCT 6 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	526	368	316
20679	145	Đường ALT 22	Ngã ba đường HCT 19	Đường ALT 4	Phường Bình Long	1500	1000	870
20680		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 22 đoạn từ Ngã ba đường HCT 19 đến Đường ALT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	720	504	432

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20681		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 22 đoạn từ Ngã ba đường HCT 19 đến Đường ALT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	576	403	346
20682		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 22 đoạn từ Ngã ba đường HCT 19 đến Đường ALT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20683		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 22 đoạn từ Ngã ba đường HCT 19 đến Đường ALT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	648	454	389
20684		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 22 đoạn từ Ngã ba đường HCT 19 đến Đường ALT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	518	363	311
20685		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 22 đoạn từ Ngã ba đường HCT 19 đến Đường ALT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20686	146	Đường ALT 23	Đường ALT 4	Hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 2	Phường Bình Long	890	620	530
20687		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 23 đoạn từ Đường ALT 4 đến Hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	427	299	256
20688		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 23 đoạn từ Đường ALT 4 đến Hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	342	239	205
20689		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 23 đoạn từ Đường ALT 4 đến Hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	274	192	164

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20690		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 23 đoạn từ Đường ALT 4 đến Hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	384	269	230
20691		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 23 đoạn từ Đường ALT 4 đến Hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	308	216	185
20692		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 23 đoạn từ Đường ALT 4 đến Hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	247	173	148
20693	147	Đường N1, N2, N5, N7, N10 thuộc khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long			Phường Bình Long	6600	4600	4000
20694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1, N2, N5, N7, N10 thuộc khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3168	2218	1901
20695		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1, N2, N5, N7, N10 thuộc khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2534	1774	1520
20696		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1, N2, N5, N7, N10 thuộc khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2027	1419	1216
20697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1, N2, N5, N7, N10 thuộc khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2851	1996	1711
20698		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1, N2, N5, N7, N10 thuộc khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2281	1597	1369

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20699		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1, N2, N5, N7, N10 thuộc khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1824	1277	1094
20700	148	Đường D1, D2, D3, D4, D5, N6, N8, N9 thuộc khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long			Phường Bình Long	5800	4000	3500
20701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1, D2, D3, D4, D5, N6, N8, N9 thuộc khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2784	1949	1670
20702		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1, D2, D3, D4, D5, N6, N8, N9 thuộc khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2227	1559	1336
20703		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1, D2, D3, D4, D5, N6, N8, N9 thuộc khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1782	1247	1069
20704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1, D2, D3, D4, D5, N6, N8, N9 thuộc khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2506	1754	1504
20705		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1, D2, D3, D4, D5, N6, N8, N9 thuộc khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2004	1403	1202
20706		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1, D2, D3, D4, D5, N6, N8, N9 thuộc khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1604	1123	962
20707	149	Đường nhựa	Đường HCT 1	Đường HCT 21	Phường Bình Long	1900	1300	1100
20708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	912	638	547

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20709		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	730	511	438
20710		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	584	409	350
20711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	821	575	493
20712		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	657	460	394
20713		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	526	368	316
20714	150	Đường ĐT 758	Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 82	Giáp ranh xã Tân Quan	Phường Bình Long	4100	2800	2400
20715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 82 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1968	1378	1181
20716		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 82 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1574	1102	944
20717		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 82 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1259	881	755
20718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 82 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1771	1240	1063

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20719		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 82 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1417	992	850
20720		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 82 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1133	793	680
20721	151	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phan Bội Châu	Phường Bình Long	10100	7100	6100
20722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	4848	3394	2909
20723		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	3878	2715	2327
20724		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	3102	2171	1861
20725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	4363	3054	2618
20726		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	3490	2443	2094
20727		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2792	1954	1675
20728	152	Đường Nguyễn Du	Đường Nguyễn Trãi	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Long	6800	4800	4100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3264	2285	1958
20730		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2611	1828	1567
20731		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2089	1462	1253
20732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2938	2057	1763
20733		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2350	1645	1410
20734		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1880	1316	1128
20735	154	Đường Nguyễn Du (Đông đường)	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trãi	Phường Bình Long	4500	3200	2700
20736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (Đông đường) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2160	1512	1296
20737		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (Đông đường) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1728	1210	1037
20738		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (Đông đường) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1382	967	829

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (Đông đường) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1944	1361	1166
20740		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (Đông đường) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1555	1089	933
20741		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (Đông đường) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1244	871	746
20742	155	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Phan Bội Châu	Hết ranh thửa đất số 19 tờ bản đồ số 132	Phường Bình Long	8000	5600	4800
20743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Hết ranh thửa đất số 19 tờ bản đồ số 132 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3840	2688	2304
20744		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Hết ranh thửa đất số 19 tờ bản đồ số 132 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	3072	2150	1843
20745		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Hết ranh thửa đất số 19 tờ bản đồ số 132 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2458	1721	1475
20746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Hết ranh thửa đất số 19 tờ bản đồ số 132 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	3456	2419	2074
20747		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Hết ranh thửa đất số 19 tờ bản đồ số 132 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2765	1936	1659

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20748		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Hết ranh thửa đất số 19 tờ bản đồ số 132 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	2212	1548	1327
20749	156	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Du	Đường Lê Đại Hành	Phường Bình Long	2100	1500	1300
20750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1008	706	605
20751		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	806	564	484
20752		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	645	452	387
20753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	907	635	544
20754		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	725	508	435
20755		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	581	407	349
20756	158	Đường bê tông (dọc theo đường rày xe lửa)	Đường Lê Đại Hành	Đường PĐT 9	Phường Bình Long	1300	910	780
20757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông (dọc theo đường rày xe lửa) đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	624	437	374

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20758		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông (dọc theo đường rày xe lửa) đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	499	349	299
20759		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông (dọc theo đường rày xe lửa) đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	399	279	239
20760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông (dọc theo đường rày xe lửa) đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	562	393	337
20761		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông (dọc theo đường rày xe lửa) đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	449	314	269
20762		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông (dọc theo đường rày xe lửa) đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	359	251	215
20763	159	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Ba Kiềm	Phường Bình Long	2900	2000	1700
20764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1392	974	835
20765		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1114	780	668
20766		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	891	624	535

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1253	877	752
20768		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1003	702	602
20769		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	802	561	481
20770	160	Đường PĐT 1	Đường Nguyễn Trung Trực	Cầu Ba Kiềm	Phường Bình Long	1900	1300	1100
20771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 1 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	912	638	547
20772		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 1 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	730	511	438
20773		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 1 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	584	409	350
20774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 1 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	821	575	493
20775		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 1 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	657	460	394
20776		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 1 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	526	368	316

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20777	161	Đường PĐT 2	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Giáp ranh xã Tân Quan	Phường Bình Long	1400	960	830
20778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 2 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	672	470	403
20779		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 2 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	538	377	323
20780		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 2 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	430	301	258
20781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 2 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	605	424	363
20782		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 2 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	484	339	290
20783		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 2 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	387	271	232
20784	162	Đường PĐT 3	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Suối Cầu Đỏ	Phường Bình Long	970	680	580
20785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 3 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	466	326	280
20786		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 3 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	373	261	224

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20787		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 3 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	298	209	179
20788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 3 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	419	293	251
20789		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 3 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	336	235	202
20790		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 3 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	268	188	161
20791	163	Đường PĐT 4	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	Phường Bình Long	970	680	580
20792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 4 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	466	326	280
20793		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 4 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	373	261	224
20794		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 4 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	298	209	179
20795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 4 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	419	293	251
20796		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 4 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	336	235	202

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20797		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 4 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	268	188	161
20798	164	Đường PĐT 5	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường PĐT 4	Phường Bình Long	970	680	580
20799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 5 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Đường PĐT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	466	326	280
20800		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 5 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Đường PĐT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	373	261	224
20801		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 5 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Đường PĐT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	298	209	179
20802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 5 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Đường PĐT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	419	293	251
20803		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 5 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Đường PĐT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	336	235	202
20804		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 5 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Đường PĐT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	268	188	161
20805	165	Đường PĐT 6	Đường PĐT 5	Giáp suối Cầu Đỏ	Phường Bình Long	970	680	580
20806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 6 đoạn từ Đường PĐT 5 đến Giáp suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	466	326	280
20807		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 6 đoạn từ Đường PĐT 5 đến Giáp suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	373	261	224

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20808		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 6 đoạn từ Đường PĐT 5 đến Giáp suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	298	209	179
20809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 6 đoạn từ Đường PĐT 5 đến Giáp suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	419	293	251
20810		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 6 đoạn từ Đường PĐT 5 đến Giáp suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	336	235	202
20811		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 6 đoạn từ Đường PĐT 5 đến Giáp suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	268	188	161
20812	166	Đường PĐT 7	Đường PĐT 2	Hết ranh thửa đất số 52 tờ bản đồ số 88	Phường Bình Long	970	680	580
20813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 7 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Hết ranh thửa đất số 52 tờ bản đồ số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	466	326	280
20814		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 7 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Hết ranh thửa đất số 52 tờ bản đồ số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	373	261	224
20815		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 7 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Hết ranh thửa đất số 52 tờ bản đồ số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	298	209	179
20816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 7 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Hết ranh thửa đất số 52 tờ bản đồ số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	419	293	251
20817		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 7 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Hết ranh thửa đất số 52 tờ bản đồ số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	336	235	202

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20818		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 7 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Hết ranh thửa đất số 52 tờ bản đồ số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	268	188	161
20819	167	Đường PĐT 8	Đường PĐT 9	Đường PĐT 7 (Giáp ranh xã Tân Quan)	Phường Bình Long	970	680	580
20820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 8 đoạn từ Đường PĐT 9 đến Đường PĐT 7 (Giáp ranh xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	466	326	280
20821		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 8 đoạn từ Đường PĐT 9 đến Đường PĐT 7 (Giáp ranh xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	373	261	224
20822		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 8 đoạn từ Đường PĐT 9 đến Đường PĐT 7 (Giáp ranh xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	298	209	179
20823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 8 đoạn từ Đường PĐT 9 đến Đường PĐT 7 (Giáp ranh xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	419	293	251
20824		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 8 đoạn từ Đường PĐT 9 đến Đường PĐT 7 (Giáp ranh xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	336	235	202
20825		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 8 đoạn từ Đường PĐT 9 đến Đường PĐT 7 (Giáp ranh xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	268	188	161
20826	168	Đường PĐT 9	Đường PĐT 2	Đến giáp thửa đất số 73 tờ bản đồ số 1	Phường Bình Long	1500	1100	920
20827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 9 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Đến giáp thửa đất số 73 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	720	504	432

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20828		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 9 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Đến giáp thửa đất số 73 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	576	403	346
20829		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 9 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Đến giáp thửa đất số 73 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 9 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Đến giáp thửa đất số 73 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	648	454	389
20831		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 9 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Đến giáp thửa đất số 73 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	518	363	311
20832		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 9 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Đến giáp thửa đất số 73 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20833	169	Đường PĐT 10	Đường PĐT 1	Cuối đường (Mương)	Phường Bình Long	970	680	580
20834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 10 đoạn từ Đường PĐT 1 đến Cuối đường (Mương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	466	326	280
20835		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 10 đoạn từ Đường PĐT 1 đến Cuối đường (Mương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	373	261	224
20836		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 10 đoạn từ Đường PĐT 1 đến Cuối đường (Mương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	298	209	179
20837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 10 đoạn từ Đường PĐT 1 đến Cuối đường (Mương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	419	293	251

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20838		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 10 đoạn từ Đường PĐT 1 đến Cuối đường (Mương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	336	235	202
20839		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 10 đoạn từ Đường PĐT 1 đến Cuối đường (Mương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	268	188	161
20840	170	Đường PĐT 11	Đường Nguyễn Du	Đường Lê Đại Hành	Phường Bình Long	970	680	580
20841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	466	326	280
20842		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	373	261	224
20843		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	298	209	179
20844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	419	293	251
20845		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	336	235	202
20846		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	268	188	161
20847	171	Đường PĐT 11	Đường Lê Đại Hành	Đường PĐT 12	Phường Bình Long	970	680	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	466	326	280
20849		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	373	261	224
20850		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	298	209	179
20851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	419	293	251
20852		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	336	235	202
20853		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	268	188	161
20854	172	Đường PĐT 12	Đường Quốc lộ 13	Đường PĐT 9	Phường Bình Long	1300	910	780
20855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 12 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	624	437	374
20856		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 12 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	499	349	299
20857		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 12 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	399	279	239

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 12 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	562	393	337
20859		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 12 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	449	314	269
20860		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 12 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	359	251	215
20861	173	Đường PĐT 13	Đường Trần Hưng Đạo	PĐT1 (Cầu Ba Kiềm)	Phường Bình Long	1900	1300	1100
20862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 13 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	912	638	547
20863		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 13 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	730	511	438
20864		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 13 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	584	409	350
20865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 13 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	821	575	493
20866		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 13 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	657	460	394
20867		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 13 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	526	368	316

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20868	174	Đường PĐT 14	Đường Trần Hưng Đạo	PĐT1 (Cầu Ba Kiềm)	Phường Bình Long	1900	1300	1100
20869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 14 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	912	638	547
20870		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 14 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	730	511	438
20871		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 14 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	584	409	350
20872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 14 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	821	575	493
20873		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 14 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	657	460	394
20874		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 14 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	526	368	316
20875	175	Đường PĐT 13, 14 nối dài	Cầu Ba Kiềm	Đường PĐT 9	Phường Bình Long	1600	1100	970
20876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 13, 14 nối dài đoạn từ Cầu Ba Kiềm đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	768	538	461
20877		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 13, 14 nối dài đoạn từ Cầu Ba Kiềm đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	614	430	368
20878		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 13, 14 nối dài đoạn từ Cầu Ba Kiềm đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	491	344	295

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 13, 14 nối dài đoạn từ Cầu Ba Kiềm đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	691	484	415
20880		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 13, 14 nối dài đoạn từ Cầu Ba Kiềm đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	553	387	332
20881		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 13, 14 nối dài đoạn từ Cầu Ba Kiềm đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	442	309	265
20882	176	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Long	4900	3400	2900
20883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2352	1646	1411
20884		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1882	1317	1129
20885		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1506	1054	904
20886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2117	1482	1270
20887		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1694	1186	1016

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20888		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1355	949	813
20889	177	Đường Đinh Công Tráng	Đường Nguyễn Trãi	Đường Phan Bội Châu	Phường Bình Long	4900	3400	2900
20890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2352	1646	1411
20891		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1882	1317	1129
20892		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1506	1054	904
20893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2117	1482	1270
20894		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1694	1186	1016
20895		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1355	949	813
20896	178	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường Nguyễn Trãi	Đường Phan Bội Châu	Phường Bình Long	5800	4100	3500
20897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2784	1949	1670

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20898		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2227	1559	1336
20899		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1782	1247	1069
20900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	2506	1754	1504
20901		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	2004	1403	1202
20902		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1604	1123	962
20903	179	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Quốc lộ 13	Đường PĐT 12	Phường Bình Long	4100	2800	2400
20904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1968	1378	1181
20905		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1574	1102	944
20906		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1259	881	755

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	1771	1240	1063
20908		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	1417	992	850
20909		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	1133	793	680
20910	180	Đường bê tông	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối đường hết ranh Thửa đất số 2, Tờ bản đồ 139	Phường Bình Long	1300	910	780
20911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cuối đường hết ranh Thửa đất số 2, Tờ bản đồ 139 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	624	437	374
20912		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cuối đường hết ranh Thửa đất số 2, Tờ bản đồ 139 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	499	349	299
20913		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cuối đường hết ranh Thửa đất số 2, Tờ bản đồ 139 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	399	279	239
20914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cuối đường hết ranh Thửa đất số 2, Tờ bản đồ 139 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	562	393	337
20915		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cuối đường hết ranh Thửa đất số 2, Tờ bản đồ 139 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	449	314	269

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20916		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cuối đường hết ranh Thửa đất số 2, Tờ bản đồ 139 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	359	251	215
20917	181	Đường liên xã	Ngã ba Xa Trạch	Cầu Xa Trạch 1 giáp xã Tân Quan	Phường Bình Long	1500	1000	870
20918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba Xa Trạch đến Cầu Xa Trạch 1 giáp xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	720	504	432
20919		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba Xa Trạch đến Cầu Xa Trạch 1 giáp xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	576	403	346
20920		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba Xa Trạch đến Cầu Xa Trạch 1 giáp xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	461	323	277
20921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba Xa Trạch đến Cầu Xa Trạch 1 giáp xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	648	454	389
20922		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba Xa Trạch đến Cầu Xa Trạch 1 giáp xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	518	363	311
20923		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba Xa Trạch đến Cầu Xa Trạch 1 giáp xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	415	291	249
20924	182	Đường nhựa khu phố Chà Là - khu phố Sở Nhì	Đường Quốc lộ 13	HCT 5	Phường Bình Long	810	570	490
20925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu phố Chà Là - khu phố Sở Nhì đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	389	272	233

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20926		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu phố Chà Là - khu phố Sở Nhì đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	311	218	187
20927		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu phố Chà Là - khu phố Sở Nhì đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	249	174	149
20928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu phố Chà Là - khu phố Sở Nhì đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	350	245	210
20929		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu phố Chà Là - khu phố Sở Nhì đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	280	196	168
20930		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu phố Chà Là - khu phố Sở Nhì đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	224	157	134
20931	183	Đường nhựa khu phố Xa Cát (Đường vào chùa Thiện Tâm)	Đường Quốc lộ 13 (Trừ hành lang lộ giới)	Cống thoát nước (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 105)	Phường Bình Long	650	450	390
20932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu phố Xa Cát (Đường vào chùa Thiện Tâm) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Trừ hành lang lộ giới) đến Cống thoát nước (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	312	218	187
20933		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu phố Xa Cát (Đường vào chùa Thiện Tâm) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Trừ hành lang lộ giới) đến Cống thoát nước (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	250	175	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20934		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu phố Xa Cát (Đường vào chùa Thiện Tâm) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Trừ hành lang lộ giới) đến Cống thoát nước (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	200	140	120
20935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu phố Xa Cát (Đường vào chùa Thiện Tâm) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Trừ hành lang lộ giới) đến Cống thoát nước (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	281	197	169
20936		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu phố Xa Cát (Đường vào chùa Thiện Tâm) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Trừ hành lang lộ giới) đến Cống thoát nước (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	225	158	135
20937		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu phố Xa Cát (Đường vào chùa Thiện Tâm) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Trừ hành lang lộ giới) đến Cống thoát nước (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	180	126	108
20938	1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hùng Vương	Phường An Lộc	20.500	14.400	12.300
20939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	9.840	6.888	5.904
20940		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	7.872	5.510	4.723
20941		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	6.298	4.409	3.779
20942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	8.856	6.199	5.314

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20943		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	7.085	4.960	4.251
20944		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	5.668	3.968	3.401
20945	2	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	Đường Hồ Xuân Hương	Phường An Lộc	16.200	11.300	9.700
20946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	7776	5443	4666
20947		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	6221	4355	3733
20948		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	4977	3484	2986
20949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	6998	4899	4199
20950		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	5599	3919	3359
20951		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	4479	3135	2687
20952	3	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Du (mũi dùi)	Phường An Lộc	13.400	9.400	8.100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Du (mũi dùi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	6432	4502	3859
20954		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Du (mũi dùi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	5146	3602	3088
20955		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Du (mũi dùi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	4117	2882	2470
20956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Du (mũi dùi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	5789	4052	3473
20957		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Du (mũi dùi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	4631	3242	2779
20958		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Du (mũi dùi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	3705	2594	2223
20959	4	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du (mũi dùi) (từ đầu ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 79)	Đường Nguyễn Thái Học	Phường An Lộc	10.000	7.000	6.000
20960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Du (mũi dùi) (từ đầu ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 79) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	4800	3360	2880
20961		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Du (mũi dùi) (từ đầu ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 79) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	3840	2688	2304

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20962		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Du (mũi dùi) (từ đầu ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 79) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	3072	2150	1843
20963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Du (mũi dùi) (từ đầu ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 79) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	4320	3024	2592
20964		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Du (mũi dùi) (từ đầu ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 79) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	3456	2419	2074
20965		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Du (mũi dùi) (từ đầu ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 79) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	2765	1936	1659
20966	6	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hai Bà Trưng	Phường An Lộc	11.200	7.800	6.700
20967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	5376	3763	3226
20968		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	4301	3011	2581
20969		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	3441	2409	2065
20970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	4838	3387	2903

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20971		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	3871	2710	2323
20972		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	3097	2168	1858
20973	7	Đường ĐT 758	Đường Hai Bà Trưng	Ranh giới xã Tân Lợi	Phường An Lộc	4.100	2.800	2.400
20974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh giới xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1968	1378	1181
20975		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh giới xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1574	1102	944
20976		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh giới xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1259	881	755
20977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh giới xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1771	1240	1063
20978		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh giới xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1417	992	850
20979		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh giới xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1133	793	680
20980	8	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du	Phường An Lộc	8.900	6.200	5.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	4272	2990	2563
20982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	3418	2393	2051
20983		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	2734	1914	1640
20984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	3845	2692	2307
20985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	3076	2153	1846
20986		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	2461	1723	1477
20987	9	Đường Nguyễn Du	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nơ Trang Long	Phường An Lộc	7.300	5.100	4.400
20988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	3504	2453	2102
20989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	2803	1962	1682
20990		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	2242	1569	1345

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
20991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	3154	2208	1892
20992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	2523	1766	1514
20993		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	2018	1413	1211
20994	10	Đường Nguyễn Du	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Huệ (Đến hết ranh thửa đất số 29 tờ bản đồ số 79)	Phường An Lộc	5.600	3.900	3.400
20995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Huệ (Đến hết ranh thửa đất số 29 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	2688	1882	1613
20996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Huệ (Đến hết ranh thửa đất số 29 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	2150	1505	1290
20997		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Huệ (Đến hết ranh thửa đất số 29 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1720	1204	1032
20998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Huệ (Đến hết ranh thửa đất số 29 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	2419	1693	1451
20999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Huệ (Đến hết ranh thửa đất số 29 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1935	1355	1161

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21000		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Huệ (Đến hết ranh thửa đất số 29 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1548	1084	929
21001	11	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du	Phường An Lộc	5.000	3.500	3.000
21002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	2400	1680	1440
21003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1920	1344	1152
21004		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1536	1075	922
21005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	2160	1512	1296
21006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1728	1210	1037
21007		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1382	967	829
21008	12	Đường Chu Văn An	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Hưng Đạo	Phường An Lộc	4.800	3.300	2.900
21009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	2304	1613	1382

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21010		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1843	1290	1106
21011		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1474	1032	884
21012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	2074	1452	1244
21013		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1659	1161	995
21014		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1327	929	796
21015	13	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Chu Văn An	Phường An Lộc	8.300	5.800	5.000
21016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	3984	2789	2390
21017		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	3187	2231	1912
21018		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	2550	1785	1530
21019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	3586	2510	2152

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21020		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	2868	2008	1721
21021		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	2295	1607	1377
21022	14	Đường Nơ Trang Long	Đường ray xe lửa	Đường Nguyễn Thái Học	Phường An Lộc	1.700	1.200	1.000
21023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	816	571	490
21024		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	653	457	392
21025		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	522	365	313
21026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	734	514	440
21027		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	588	412	353
21028		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	470	329	282
21029	15	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du	Phường An Lộc	5.600	3.900	3.400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	2688	1882	1613
21031		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	2150	1505	1290
21032		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1720	1204	1032
21033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	2419	1693	1451
21034		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1935	1355	1161
21035		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1548	1084	929
21036	16	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Du	Đường ray xe lửa	Phường An Lộc	3.600	2.600	2.200
21037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1728	1210	1037
21038		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1382	967	829
21039		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1106	774	664

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1555	1089	933
21041		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1244	871	746
21042		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	995	697	597
21043	17	Đường Bà Triệu	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Du	Phường An Lộc	4.100	2.800	2.400
21044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1968	1378	1181
21045		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1574	1102	944
21046		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1259	881	755
21047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1771	1240	1063
21048		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1417	992	850
21049		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1133	793	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21050	18	Đường Hai Bà Trưng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bà Triệu	Phường An Lộc	1.900	1.400	1.200
21051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	912	638	547
21052		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	730	511	438
21053		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	584	409	350
21054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	821	575	493
21055		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	657	460	394
21056		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	526	368	316
21057	19	Đường Hai Bà Trưng	Đường Bà Triệu	Cầu Ba Tặng	Phường An Lộc	1.700	1.200	1.000
21058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Bà Triệu đến Cầu Ba Tặng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	816	571	490
21059		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Bà Triệu đến Cầu Ba Tặng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	653	457	392
21060		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Bà Triệu đến Cầu Ba Tặng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	522	365	313

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Bà Triệu đến Cầu Ba Tặng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	734	514	440
21062		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Bà Triệu đến Cầu Ba Tặng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	588	412	353
21063		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Bà Triệu đến Cầu Ba Tặng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	470	329	282
21064	20	Đường Hai Bà Trưng	Cầu Ba Tặng	Đường Nguyễn Thái Học	Phường An Lộc	1.500	1.000	870
21065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Cầu Ba Tặng đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	720	504	432
21066		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Cầu Ba Tặng đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	576	403	346
21067		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Cầu Ba Tặng đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	461	323	277
21068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Cầu Ba Tặng đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	648	454	389
21069		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Cầu Ba Tặng đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	518	363	311
21070		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Cầu Ba Tặng đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	415	291	249

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21071	21	Đường Hồ Tùng Mậu (Đường PTT 6 cũ)	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bà Triệu	Phường An Lộc	3.100	2.200	1.800
21072		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu (Đường PTT 6 cũ) đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1488	1042	893
21073		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu (Đường PTT 6 cũ) đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1190	833	714
21074		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu (Đường PTT 6 cũ) đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	952	666	571
21075		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu (Đường PTT 6 cũ) đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1339	937	803
21076		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu (Đường PTT 6 cũ) đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1071	750	643
21077		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu (Đường PTT 6 cũ) đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	857	600	514
21078	22	Đường Nguyễn Thái Học	Giáp ranh Phường Bình Long	Đường TPT 18	Phường An Lộc	2.650	1.900	1.600
21079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Long đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1272	890	763
21080		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Long đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1018	713	611

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21081		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Long đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	814	570	488
21082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Long đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1145	802	687
21083		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Long đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	916	641	550
21084		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Long đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	733	513	440
21085	23	Đường Nguyễn Thái Học	Đường TPT 18	Đường Hai Bà Trưng	Phường An Lộc	2.400	1.700	1.400
21086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1152	806	691
21087		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	922	645	553
21088		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	738	517	443
21089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1037	726	622
21090		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	830	581	498

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21091		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	664	465	398
21092	24	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hai Bà Trưng	Ranh xã Tân Quan	Phường An Lộc	1.900	1.400	1.200
21093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	912	638	547
21094		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	730	511	438
21095		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	584	409	350
21096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	821	575	493
21097		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	657	460	394
21098		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	526	368	316
21099	25	Đường PTT 5	Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 80	Suối	Phường An Lộc	1.200	850	730
21100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 5 đoạn từ Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 80 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	576	403	346

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21101		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 5 đoạn từ Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 80 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	461	323	277
21102		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 5 đoạn từ Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 80 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	369	258	221
21103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 5 đoạn từ Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 80 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	518	363	311
21104		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 5 đoạn từ Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 80 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	415	291	249
21105		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 5 đoạn từ Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 80 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	332	232	199
21106	26	Đường PTT 7	Giáp lô cao su Nhà Nước	Hết thửa đất số 36, tờ bản đồ số 81	Phường An Lộc	1.200	850	730
21107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 7 đoạn từ Giáp lô cao su Nhà Nước đến Hết thửa đất số 36, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	576	403	346
21108		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 7 đoạn từ Giáp lô cao su Nhà Nước đến Hết thửa đất số 36, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	461	323	277
21109		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 7 đoạn từ Giáp lô cao su Nhà Nước đến Hết thửa đất số 36, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	369	258	221

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 7 đoạn từ Giáp lô cao su Nhà Nước đến Hết thửa đất số 36, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	518	363	311
21111		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 7 đoạn từ Giáp lô cao su Nhà Nước đến Hết thửa đất số 36, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	415	291	249
21112		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 7 đoạn từ Giáp lô cao su Nhà Nước đến Hết thửa đất số 36, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	332	232	199
21113	27	Đường PTT 8	Đường ĐT 758	Đường PTT 7	Phường An Lộc	1.200	850	730
21114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 8 đoạn từ Đường ĐT 758 đến Đường PTT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	576	403	346
21115		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 8 đoạn từ Đường ĐT 758 đến Đường PTT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	461	323	277
21116		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 8 đoạn từ Đường ĐT 758 đến Đường PTT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	369	258	221
21117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 8 đoạn từ Đường ĐT 758 đến Đường PTT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	518	363	311
21118		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 8 đoạn từ Đường ĐT 758 đến Đường PTT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	415	291	249
21119		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 8 đoạn từ Đường ĐT 758 đến Đường PTT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	332	232	199
21120	28	Đường PTT 9	Đường ĐT 758	thửa đất số 53 tờ bản đồ số 82	Phường An Lộc	810	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 9 đoạn từ Đường ĐT 758 đến thửa đất số 53 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	389	272	233
21122		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 9 đoạn từ Đường ĐT 758 đến thửa đất số 53 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	311	218	187
21123		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 9 đoạn từ Đường ĐT 758 đến thửa đất số 53 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	249	174	149
21124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 9 đoạn từ Đường ĐT 758 đến thửa đất số 53 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	350	245	210
21125		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 9 đoạn từ Đường ĐT 758 đến thửa đất số 53 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	280	196	168
21126		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 9 đoạn từ Đường ĐT 758 đến thửa đất số 53 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	224	157	134
21127	29	Đường PTT 10	Đường Trần Hưng Đạo	thửa đất số 175 tờ bản đồ số 82	Phường An Lộc	1.200	850	730
21128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 10 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến thửa đất số 175 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	576	403	346
21129		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 10 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến thửa đất số 175 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	461	323	277
21130		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 10 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến thửa đất số 175 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	369	258	221

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 10 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến thửa đất số 175 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	518	363	311
21132		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 10 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến thửa đất số 175 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	415	291	249
21133		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 10 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến thửa đất số 175 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	332	232	199
21134	32	Đường tổ 2 KP Phú Xuân	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Du	Phường An Lộc	1.700	1.200	1.000
21135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 KP Phú Xuân đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	816	571	490
21136		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 KP Phú Xuân đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	653	457	392
21137		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 KP Phú Xuân đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	522	365	313
21138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 KP Phú Xuân đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	734	514	440
21139		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 KP Phú Xuân đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	588	412	353
21140		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 KP Phú Xuân đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	470	329	282

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21141	33	Đường bê tông nằm trên ray xe lửa	Đường Trần Hưng Đạo	đường Trần Hưng Đạo	Phường An Lộc	1.200	850	730
21142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nằm trên ray xe lửa đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	576	403	346
21143		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nằm trên ray xe lửa đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	461	323	277
21144		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nằm trên ray xe lửa đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	369	258	221
21145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nằm trên ray xe lửa đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	518	363	311
21146		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nằm trên ray xe lửa đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	415	291	249
21147		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nằm trên ray xe lửa đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	332	232	199
21148	34	Đường bê tông	Đường Nguyễn Du (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 79)	Đường ray xe lửa	Phường An Lộc	1.200	850	730
21149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông đoạn từ Đường Nguyễn Du (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 79) đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	576	403	346
21150		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông đoạn từ Đường Nguyễn Du (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 79) đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21151		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông đoạn từ Đường Nguyễn Du (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 79) đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	369	258	221
21152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông đoạn từ Đường Nguyễn Du (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 79) đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	518	363	311
21153		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông đoạn từ Đường Nguyễn Du (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 79) đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	415	291	249
21154		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông đoạn từ Đường Nguyễn Du (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 79) đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	332	232	199
21155	35	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 3	Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67)	Phường An Lộc	4.100	2.800	2.400
21156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 3 đến Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1968	1378	1181
21157		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 3 đến Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1574	1102	944
21158		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 3 đến Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1259	881	755
21159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 3 đến Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1771	1240	1063

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21160		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 3 đến Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1417	992	850
21161		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 3 đến Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1133	793	680
21162	36	Đường Quốc lộ 13	Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67)	Đường TLT 18	Phường An Lộc	5.700	4.000	3.400
21163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	2736	1915	1642
21164		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	2189	1532	1313
21165		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1751	1226	1051
21166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	2462	1723	1477
21167		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1970	1379	1182

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21168		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1576	1103	946
21169	37	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 18	Đường TLT 15	Phường An Lộc	3.700	2.600	2.200
21170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 18 đến Đường TLT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1776	1243	1066
21171		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 18 đến Đường TLT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1421	995	853
21172		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 18 đến Đường TLT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1137	796	682
21173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 18 đến Đường TLT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1598	1119	959
21174		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 18 đến Đường TLT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1279	895	767
21175		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 18 đến Đường TLT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1023	716	614
21176	38	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 15	Đường vào nhà máy xi măng	Phường An Lộc	2.900	2.000	1.700
21177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1392	974	835

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21178		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1114	780	668
21179		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	891	624	535
21180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1253	877	752
21181		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1003	702	602
21182		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	802	561	481
21183	39	Đường Quốc lộ 13	Đường vào nhà máy xi măng	Giáp ranh xã Lộc Thành	Phường An Lộc	1.900	1.400	1.200
21184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	912	638	547
21185		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	730	511	438
21186		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	584	409	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	821	575	493
21188		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	657	460	394
21189		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	526	368	316
21190	40	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn Thái Học	Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1)	Phường An Lộc	7.300	5.100	4.400
21191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	3504	2453	2102
21192		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	2803	1962	1682
21193		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	2242	1569	1345
21194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	3154	2208	1892
21195		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	2523	1766	1514

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21196		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	2018	1413	1211
21197	41	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1)	Hết ranh đất Cây xăng Thạnh Phú (hết ranh thửa đất số 428 tờ bản đồ số 19)	Phường An Lộc	5.300	3.700	3.200
21198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) đến Hết ranh đất Cây xăng Thạnh Phú (hết ranh thửa đất số 428 tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	2544	1781	1526
21199		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) đến Hết ranh đất Cây xăng Thạnh Phú (hết ranh thửa đất số 428 tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	2035	1425	1221
21200		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) đến Hết ranh đất Cây xăng Thạnh Phú (hết ranh thửa đất số 428 tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1628	1140	977
21201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) đến Hết ranh đất Cây xăng Thạnh Phú (hết ranh thửa đất số 428 tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	2290	1603	1374
21202		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) đến Hết ranh đất Cây xăng Thạnh Phú (hết ranh thửa đất số 428 tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1832	1282	1099
21203		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) đến Hết ranh đất Cây xăng Thạnh Phú (hết ranh thửa đất số 428 tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1465	1026	879
21204	42	Đường Quốc lộ 13	Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam (hết ranh thửa đất số 61 tờ bản đồ số 19)	Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam	Phường An Lộc	6.100	4.300	3.600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam (hết ranh thửa đất số 61 tờ bản đồ số 19) đến Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	2928	2050	1757
21206		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam (hết ranh thửa đất số 61 tờ bản đồ số 19) đến Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	2342	1639	1405
21207		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam (hết ranh thửa đất số 61 tờ bản đồ số 19) đến Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1874	1312	1124
21208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam (hết ranh thửa đất số 61 tờ bản đồ số 19) đến Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	2635	1845	1581
21209		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam (hết ranh thửa đất số 61 tờ bản đồ số 19) đến Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	2108	1476	1265
21210		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam (hết ranh thửa đất số 61 tờ bản đồ số 19) đến Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1687	1181	1012
21211	43	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh đất Nông Trường Xa Cam	Đường TLT 3	Phường An Lộc	4.200	2.900	2.500
21212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất Nông Trường Xa Cam đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	2016	1411	1210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21213		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất Nông Trường Xa Cam đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1613	1129	968
21214		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất Nông Trường Xa Cam đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1290	903	774
21215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất Nông Trường Xa Cam đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1814	1270	1088
21216		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất Nông Trường Xa Cam đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1452	1016	871
21217		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất Nông Trường Xa Cam đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1161	813	697
21218	44	Đường bao quanh khu dân cư chợ xã Thanh Phú	Toàn tuyến		Phường An Lộc	6.100	4.300	3.600
21219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao quanh khu dân cư chợ xã Thanh Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	2928	2050	1757
21220		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao quanh khu dân cư chợ xã Thanh Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	2342	1639	1405
21221		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao quanh khu dân cư chợ xã Thanh Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1874	1312	1124
21222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao quanh khu dân cư chợ xã Thanh Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	2635	1845	1581

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21223		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao quanh khu dân cư chợ xã Thanh Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	2108	1476	1265
21224		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao quanh khu dân cư chợ xã Thanh Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1687	1181	1012
21225	45	Đường ĐT 757	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Tân Hưng	Phường An Lộc	970	680	580
21226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21227		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21228		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21230		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21231		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21232	47	Đường vào nhà máy xi măng	Đường Quốc lộ 13	Suối (hết ranh thửa đất số 194 tờ bản đồ số 48)	Phường An Lộc	1.100	790	680
21233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Suối (hết ranh thửa đất số 194 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	528	370	317

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21234		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Suối (hết ranh thửa đất số 194 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	422	295	253
21235		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Suối (hết ranh thửa đất số 194 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	338	237	203
21236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Suối (hết ranh thửa đất số 194 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	475	333	285
21237		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Suối (hết ranh thửa đất số 194 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	380	266	228
21238		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Suối (hết ranh thửa đất số 194 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	304	213	182
21239	48	Đường vào nhà máy xi măng	Suối	Cuối đường đã thảm nhựa (đường TLT 5)	Phường An Lộc	970	680	580
21240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Suối đến Cuối đường đã thảm nhựa (đường TLT 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21241		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Suối đến Cuối đường đã thảm nhựa (đường TLT 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21242		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Suối đến Cuối đường đã thảm nhựa (đường TLT 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Suối đến Cuối đường đã thảm nhựa (đường TLT 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21244		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Suối đến Cuối đường đã thảm nhựa (đường TLT 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21245		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Suối đến Cuối đường đã thảm nhựa (đường TLT 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21246	49	Đường vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước	Toàn tuyến		Phường An Lộc	1.100	790	680
21247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	528	370	317
21248		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	422	295	253
21249		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	338	237	203
21250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	475	333	285
21251		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	380	266	228
21252		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	304	213	182

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21253	49	Khu dân cư Khang Minh Quân	Đường vào nhà máy xi măng	hết ranh khu dân cư	Phường An Lộc	3.600	2.500	2.100
21254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến hết ranh khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1728	1210	1037
21255		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến hết ranh khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1382	967	829
21256		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến hết ranh khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1106	774	664
21257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến hết ranh khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1555	1089	933
21258		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến hết ranh khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1244	871	746
21259		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến hết ranh khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	995	697	597
21260	50	Khu dân cư Khang Minh Quân	Đường TLT 23	hết ranh thửa 214 tờ 49	Phường An Lộc	2.900	2.000	1.700
21261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường TLT 23 đến hết ranh thửa 214 tờ 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1392	974	835
21262		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường TLT 23 đến hết ranh thửa 214 tờ 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1114	780	668

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21263		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường TLT 23 đến hết ranh thửa 214 tờ 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	891	624	535
21264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường TLT 23 đến hết ranh thửa 214 tờ 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1253	877	752
21265		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường TLT 23 đến hết ranh thửa 214 tờ 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1003	702	602
21266		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường TLT 23 đến hết ranh thửa 214 tờ 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	802	561	481
21267	51	Khu dân cư Ngọc Điền Phát	Các tuyến đường trong khu dân cư Ngọc Điền Phát (đường trục chính)		Phường An Lộc	3.600	2.500	2.100
21268	52	Khu dân cư Ngọc Điền Phát	Các tuyến đường trong khu dân cư Ngọc Điền Phát (đường còn lại)		Phường An Lộc	2.900	2.000	1.700
21269	53	Đường TPT 1	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 4	Phường An Lộc	1.500	1.000	870
21270		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	720	504	432
21271		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	576	403	346
21272		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	461	323	277
21273		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	648	454	389

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21274		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	518	363	311
21275		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	415	291	249
21276	54	Đường TPT 1	Đường TPT 4	TLT 21	Phường An Lộc	970	680	580
21277		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường TPT 4 đến TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21278		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường TPT 4 đến TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21279		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường TPT 4 đến TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21280		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường TPT 4 đến TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21281		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường TPT 4 đến TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21282		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường TPT 4 đến TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21283	55	Đường TPT 2	Đúng phải từ Quốc Lộ 13	Cuối đường nâng cấp mở rộng (hết ranh thửa đất số 10 tờ số 70)	Phường An Lộc	4.100	2.800	2.400
21284		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 2 đoạn từ Đúng phải từ Quốc Lộ 13 đến Cuối đường nâng cấp mở rộng (hết ranh thửa đất số 10 tờ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1968	1378	1181

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21285		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 2 đoạn từ Đúng phải từ Quốc Lộ 13 đến Cuối đường nâng cấp mở rộng (hết ranh thửa đất số 10 tờ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1574	1102	944
21286		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 2 đoạn từ Đúng phải từ Quốc Lộ 13 đến Cuối đường nâng cấp mở rộng (hết ranh thửa đất số 10 tờ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1259	881	755
21287		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 2 đoạn từ Đúng phải từ Quốc Lộ 13 đến Cuối đường nâng cấp mở rộng (hết ranh thửa đất số 10 tờ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	1771	1240	1063
21288		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 2 đoạn từ Đúng phải từ Quốc Lộ 13 đến Cuối đường nâng cấp mở rộng (hết ranh thửa đất số 10 tờ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	1417	992	850
21289		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 2 đoạn từ Đúng phải từ Quốc Lộ 13 đến Cuối đường nâng cấp mở rộng (hết ranh thửa đất số 10 tờ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	1133	793	680
21290	56	Đường TPT 3	Cầu cây Sung	Đường TPT 27	Phường An Lộc	690	480	410
21291		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 3 đoạn từ Cầu cây Sung đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199
21292		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 3 đoạn từ Cầu cây Sung đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159
21293		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 3 đoạn từ Cầu cây Sung đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127
21294		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 3 đoạn từ Cầu cây Sung đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21295		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 3 đoạn từ Cầu cây Sung đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21296		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 3 đoạn từ Cầu cây Sung đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21297	57	Đường TPT 4	Đường TPT 1	Đường TPT 12	Phường An Lộc	970	680	580
21298		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21299		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21300		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21301		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21302		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21303		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21304	58	Đường TPT 4	Đường TPT 12	Hết tuyến (Đến thửa đất số 2 tờ bản đồ số 3)	Phường An Lộc	690	480	410
21305		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 12 đến Hết tuyến (Đến thửa đất số 2 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21306		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 12 đến Hết tuyến (Đến thửa đất số 2 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159
21307		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 12 đến Hết tuyến (Đến thửa đất số 2 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127
21308		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 12 đến Hết tuyến (Đến thửa đất số 2 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179
21309		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 12 đến Hết tuyến (Đến thửa đất số 2 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21310		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 12 đến Hết tuyến (Đến thửa đất số 2 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21311	59	Đường TPT 5	Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 thuộc tổ 4, khu phố Thanh Thủy	Đường TLT 38	Phường An Lộc	690	480	410
21312		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 5 đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 thuộc tổ 4, khu phố Thanh Thủy đến Đường TLT 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199
21313		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 5 đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 thuộc tổ 4, khu phố Thanh Thủy đến Đường TLT 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159
21314		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 5 đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 thuộc tổ 4, khu phố Thanh Thủy đến Đường TLT 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21315		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 5 đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 thuộc tổ 4, khu phố Thanh Thủy đến Đường TLT 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179
21316		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 5 đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 thuộc tổ 4, khu phố Thanh Thủy đến Đường TLT 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21317		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 5 đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 thuộc tổ 4, khu phố Thanh Thủy đến Đường TLT 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21318	60	Đường TPT 6	Đường TPT 7	Đường TPT 4	Phường An Lộc	690	480	410
21319		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 6 đoạn từ Đường TPT 7 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199
21320		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 6 đoạn từ Đường TPT 7 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159
21321		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 6 đoạn từ Đường TPT 7 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127
21322		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 6 đoạn từ Đường TPT 7 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179
21323		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 6 đoạn từ Đường TPT 7 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21324		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 6 đoạn từ Đường TPT 7 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21325	61	Đường TPT 7	Đường TPT 8	Đường TPT 4	Phường An Lộc	690	480	410

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21326		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 7 đoạn từ Đường TPT 8 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199
21327		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 7 đoạn từ Đường TPT 8 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159
21328		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 7 đoạn từ Đường TPT 8 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127
21329		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 7 đoạn từ Đường TPT 8 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179
21330		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 7 đoạn từ Đường TPT 8 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21331		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 7 đoạn từ Đường TPT 8 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21332	62	Đường TPT 8	Đường TPT 5	Đường TPT 12	Phường An Lộc	690	480	410
21333		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 8 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199
21334		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 8 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159
21335		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 8 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127
21336		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 8 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21337		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 8 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21338		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 8 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21339	63	Đường TPT 9	Đường ray xe lửa	Đường TPT 5	Phường An Lộc	690	480	410
21340		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 9 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199
21341		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 9 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159
21342		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 9 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127
21343		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 9 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179
21344		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 9 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21345		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 9 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21346	64	Đường TPT 10	Đường TPT 5	Đường TPT 8	Phường An Lộc	690	480	410
21347		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 10 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21348		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 10 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159
21349		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 10 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127
21350		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 10 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179
21351		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 10 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21352		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 10 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21353	65	Đường TPT 11	Đường TPT 4	Lô cao su (nhà ông Huỳnh Thái), đường TPT 22- Đường Nguyễn Thái Học	Phường An Lộc	690	480	410
21354		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 11 đoạn từ Đường TPT 4 đến Lô cao su (nhà ông Huỳnh Thái), đường TPT 22- Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199
21355		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 11 đoạn từ Đường TPT 4 đến Lô cao su (nhà ông Huỳnh Thái), đường TPT 22- Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159
21356		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 11 đoạn từ Đường TPT 4 đến Lô cao su (nhà ông Huỳnh Thái), đường TPT 22- Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127
21357		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 11 đoạn từ Đường TPT 4 đến Lô cao su (nhà ông Huỳnh Thái), đường TPT 22- Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21358		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 11 đoạn từ Đường TPT 4 đến Lô cao su (nhà ông Huỳnh Thái), đường TPT 22- Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21359		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 11 đoạn từ Đường TPT 4 đến Lô cao su (nhà ông Huỳnh Thái), đường TPT 22- Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21360	66	Đường TPT 12	Đường TPT 1	Xóm (nhà ông Phạm Sáu), đến nghĩa địa	Phường An Lộc	690	480	410
21361		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 12 đoạn từ Đường TPT 1 đến Xóm (nhà ông Phạm Sáu), đến nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199
21362		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 12 đoạn từ Đường TPT 1 đến Xóm (nhà ông Phạm Sáu), đến nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159
21363		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 12 đoạn từ Đường TPT 1 đến Xóm (nhà ông Phạm Sáu), đến nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127
21364		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 12 đoạn từ Đường TPT 1 đến Xóm (nhà ông Phạm Sáu), đến nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179
21365		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 12 đoạn từ Đường TPT 1 đến Xóm (nhà ông Phạm Sáu), đến nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21366		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 12 đoạn từ Đường TPT 1 đến Xóm (nhà ông Phạm Sáu), đến nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21367	67	Đường TPT 13	Đường TPT 4	Đường TPT 11	Phường An Lộc	810	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21368		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 13 đoạn từ Đường TPT 4 đến Đường TPT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	389	272	233
21369		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 13 đoạn từ Đường TPT 4 đến Đường TPT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	311	218	187
21370		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 13 đoạn từ Đường TPT 4 đến Đường TPT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	249	174	149
21371		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 13 đoạn từ Đường TPT 4 đến Đường TPT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	350	245	210
21372		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 13 đoạn từ Đường TPT 4 đến Đường TPT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	280	196	168
21373		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 13 đoạn từ Đường TPT 4 đến Đường TPT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	224	157	134
21374	68	Đường TPT 14	Đường TPT 1	Đường TPT 15	Phường An Lộc	810	570	490
21375		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 14 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	389	272	233
21376		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 14 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	311	218	187
21377		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 14 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	249	174	149
21378		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 14 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	350	245	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21379		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 14 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	280	196	168
21380		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 14 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	224	157	134
21381	69	Đường TPT 15	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 1	Phường An Lộc	970	680	580
21382		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21383		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21384		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21385		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21386		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21387		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21388	70	Đường TPT 16	Đường TPT18	thửa đất số 58 tờ bản đồ số 28	Phường An Lộc	690	480	410
21389		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 16 đoạn từ Đường TPT18 đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21390		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 16 đoạn từ Đường TPT18 đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159
21391		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 16 đoạn từ Đường TPT18 đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127
21392		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 16 đoạn từ Đường TPT18 đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179
21393		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 16 đoạn từ Đường TPT18 đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21394		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 16 đoạn từ Đường TPT18 đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21395	71	Đường TPT 17	Đường TPT 15	Đường Quốc lộ 13	Phường An Lộc	970	680	580
21396		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 17 đoạn từ Đường TPT 15 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21397		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 17 đoạn từ Đường TPT 15 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21398		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 17 đoạn từ Đường TPT 15 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21399		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 17 đoạn từ Đường TPT 15 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21400		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 17 đoạn từ Đường TPT 15 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21401		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 17 đoạn từ Đường TPT 15 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21402	72	Đường TPT 18	Đường TPT 1	Đường Nguyễn Thái Học	Phường An Lộc	810	570	490
21403		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 18 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	389	272	233
21404		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 18 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	311	218	187
21405		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 18 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	249	174	149
21406		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 18 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	350	245	210
21407		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 18 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	280	196	168
21408		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 18 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	224	157	134
21409	73	Đường TPT 19	Đường TPT 16	hết ranh thửa 130 tờ 28	Phường An Lộc	690	480	410
21410		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 19 đoạn từ Đường TPT 16 đến hết ranh thửa 130 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21411		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 19 đoạn từ Đường TPT 16 đến hết ranh thửa 130 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159
21412		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 19 đoạn từ Đường TPT 16 đến hết ranh thửa 130 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127
21413		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 19 đoạn từ Đường TPT 16 đến hết ranh thửa 130 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179
21414		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 19 đoạn từ Đường TPT 16 đến hết ranh thửa 130 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21415		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 19 đoạn từ Đường TPT 16 đến hết ranh thửa 130 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21416		Đường TPT 19	thửa 6 tờ 2	Đường TPT 2	Phường An Lộc	690	480	410
21417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 19 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199
21418		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 19 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159
21419		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 19 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127
21420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 19 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21421		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 19 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21422		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 19 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21423	74	Đường TPT 20	Đường TPT 18	Đường TPT 22 (Đường Nguyễn Thái Học)	Phường An Lộc	690	480	410
21424		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 20 đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường TPT 22 (Đường Nguyễn Thái Học) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199
21425		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 20 đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường TPT 22 (Đường Nguyễn Thái Học) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159
21426		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 20 đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường TPT 22 (Đường Nguyễn Thái Học) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127
21427		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 20 đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường TPT 22 (Đường Nguyễn Thái Học) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179
21428		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 20 đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường TPT 22 (Đường Nguyễn Thái Học) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21429		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 20 đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường TPT 22 (Đường Nguyễn Thái Học) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21430	75	Đường TPT 21	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 18	Phường An Lộc	810	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21431		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 21 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	389	272	233
21432		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 21 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	311	218	187
21433		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 21 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	249	174	149
21434		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 21 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	350	245	210
21435		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 21 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	280	196	168
21436		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 21 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	224	157	134
21437	76	Đường TPT 23	Đường Quốc lộ 13	đến đường TLT 3	Phường An Lộc	970	680	580
21438		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 23 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến đến đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21439		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 23 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến đến đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21440		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 23 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến đến đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21441		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 23 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến đến đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21442		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 23 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến đến đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21443		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 23 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến đến đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21444	77	Đường TPT 24	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 23	Phường An Lộc	970	680	580
21445		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 24 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21446		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 24 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21447		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 24 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21448		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 24 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21449		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 24 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21450		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 24 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21451	78	Đường TPT 25	Đường TPT 50	Đường TPT 26	Phường An Lộc	970	680	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21452		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 25 đoạn từ Đường TPT 50 đến Đường TPT 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21453		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 25 đoạn từ Đường TPT 50 đến Đường TPT 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21454		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 25 đoạn từ Đường TPT 50 đến Đường TPT 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21455		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 25 đoạn từ Đường TPT 50 đến Đường TPT 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21456		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 25 đoạn từ Đường TPT 50 đến Đường TPT 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21457		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 25 đoạn từ Đường TPT 50 đến Đường TPT 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21458	79	Đường TPT 26	Đường Quốc lộ 13	Hết đường nhựa (ngã ba nhà bà Tâm) (Đến thửa đất số 172 tờ bản đồ số 12)	Phường An Lộc	970	680	580
21459		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 26 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết đường nhựa (ngã ba nhà bà Tâm) (Đến thửa đất số 172 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21460		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 26 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết đường nhựa (ngã ba nhà bà Tâm) (Đến thửa đất số 172 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21461		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 26 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết đường nhựa (ngã ba nhà bà Tâm) (Đến thửa đất số 172 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21462		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 26 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết đường nhựa (ngã ba nhà bà Tâm) (Đến thửa đất số 172 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21463		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 26 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết đường nhựa (ngã ba nhà bà Tâm) (Đến thửa đất số 172 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21464		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 26 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết đường nhựa (ngã ba nhà bà Tâm) (Đến thửa đất số 172 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21465	80	Đường TPT 27	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 3	Phường An Lộc	970	680	580
21466		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21467		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21468		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21469		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21470		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21471		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21472	81	Đường TPT 28	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 27	Phường An Lộc	970	680	580
21473		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21474		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21475		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21476		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21477		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21478		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21479	82	Đường TPT 29	Đường Quốc lộ 13	Xóm (nhà ông Lê Xuân Đạo), ranh phường An Lộc	Phường An Lộc	970	680	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21480		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 29 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Xóm (nhà ông Lê Xuân Đạo), ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21481		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 29 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Xóm (nhà ông Lê Xuân Đạo), ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21482		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 29 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Xóm (nhà ông Lê Xuân Đạo), ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21483		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 29 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Xóm (nhà ông Lê Xuân Đạo), ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21484		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 29 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Xóm (nhà ông Lê Xuân Đạo), ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21485		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 29 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Xóm (nhà ông Lê Xuân Đạo), ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21486	83	Đường TPT 30	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 29	Phường An Lộc	1.500	1.000	870
21487		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 30 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	720	504	432
21488		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 30 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	576	403	346
21489		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 30 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21490		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 30 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	648	454	389
21491		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 30 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	518	363	311
21492		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 30 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	415	291	249
21493	84	Đường TPT 31	Đường TPT 32	Suối (hết ranh thửa đất 603 tờ bản đồ số 26)	Phường An Lộc	810	570	490
21494		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 31 đoạn từ Đường TPT 32 đến Suối (hết ranh thửa đất 603 tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	389	272	233
21495		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 31 đoạn từ Đường TPT 32 đến Suối (hết ranh thửa đất 603 tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	311	218	187
21496		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 31 đoạn từ Đường TPT 32 đến Suối (hết ranh thửa đất 603 tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	249	174	149
21497		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 31 đoạn từ Đường TPT 32 đến Suối (hết ranh thửa đất 603 tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	350	245	210
21498		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 31 đoạn từ Đường TPT 32 đến Suối (hết ranh thửa đất 603 tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	280	196	168

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21499		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 31 đoạn từ Đường TPT 32 đến Suối (hết ranh thửa đất 603 tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	224	157	134
21500	85	Đường TPT 32	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 31	Phường An Lộc	970	680	580
21501		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21502		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21503		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21504		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21505		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21506		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21507	86	Đường TPT 32	Đường TPT 31	Đường TPT 30	Phường An Lộc	810	570	490
21508		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường TPT 31 đến Đường TPT 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	389	272	233
21509		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường TPT 31 đến Đường TPT 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	311	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21510		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường TPT 31 đến Đường TPT 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	249	174	149
21511		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường TPT 31 đến Đường TPT 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	350	245	210
21512		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường TPT 31 đến Đường TPT 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	280	196	168
21513		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường TPT 31 đến Đường TPT 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	224	157	134
21514	87	Đường TPT 33	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 32	Phường An Lộc	810	570	490
21515		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 33 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	389	272	233
21516		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 33 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	311	218	187
21517		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 33 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	249	174	149
21518		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 33 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	350	245	210
21519		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 33 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	280	196	168

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21520		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 33 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	224	157	134
21521	88	Đường TPT 34	Đường TPT 27	Đường TPT 35	Phường An Lộc	690	480	410
21522		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 34 đoạn từ Đường TPT 27 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199
21523		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 34 đoạn từ Đường TPT 27 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159
21524		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 34 đoạn từ Đường TPT 27 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127
21525		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 34 đoạn từ Đường TPT 27 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179
21526		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 34 đoạn từ Đường TPT 27 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21527		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 34 đoạn từ Đường TPT 27 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21528	89	Đường TPT 35	Đường TPT 34	Đường TPT 39 (Suối)	Phường An Lộc	690	480	410
21529		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 35 đoạn từ Đường TPT 34 đến Đường TPT 39 (Suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199
21530		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 35 đoạn từ Đường TPT 34 đến Đường TPT 39 (Suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21531		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 35 đoạn từ Đường TPT 34 đến Đường TPT 39 (Suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127
21532		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 35 đoạn từ Đường TPT 34 đến Đường TPT 39 (Suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179
21533		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 35 đoạn từ Đường TPT 34 đến Đường TPT 39 (Suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21534		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 35 đoạn từ Đường TPT 34 đến Đường TPT 39 (Suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21535	90	Đường TPT 36	Đường TPT 3	Đường TPT 35	Phường An Lộc	690	480	410
21536		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 36 đoạn từ Đường TPT 3 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199
21537		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 36 đoạn từ Đường TPT 3 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159
21538		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 36 đoạn từ Đường TPT 3 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127
21539		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 36 đoạn từ Đường TPT 3 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179
21540		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 36 đoạn từ Đường TPT 3 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21541		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 36 đoạn từ Đường TPT 3 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21542	91	Đường TPT 37	Đường TPT 1	Đường TPT 12	Phường An Lộc	690	480	410
21543		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 37 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199
21544		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 37 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159
21545		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 37 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127
21546		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 37 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179
21547		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 37 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21548		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 37 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21549	92	Đường TPT 38	Đường TPT 26	thửa 82 tờ 19	Phường An Lộc	810	570	490
21550		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 38 đoạn từ Đường TPT 26 đến thửa 82 tờ 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	389	272	233
21551		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 38 đoạn từ Đường TPT 26 đến thửa 82 tờ 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	311	218	187
21552		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 38 đoạn từ Đường TPT 26 đến thửa 82 tờ 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	249	174	149

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21553		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 38 đoạn từ Đường TPT 26 đến thửa 82 tờ 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	350	245	210
21554		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 38 đoạn từ Đường TPT 26 đến thửa 82 tờ 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	280	196	168
21555		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 38 đoạn từ Đường TPT 26 đến thửa 82 tờ 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	224	157	134
21556	93	Đường TPT 39	Đường TPT 35	Đường TPT 49	Phường An Lộc	690	480	410
21557		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 39 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199
21558		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 39 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159
21559		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 39 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127
21560		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 39 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179
21561		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 39 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21562		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 39 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21563	94	Đường TPT 40	Đường TPT 35	Đường TPT 2	Phường An Lộc	810	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21564		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 40 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	389	272	233
21565		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 40 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	311	218	187
21566		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 40 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	249	174	149
21567		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 40 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	350	245	210
21568		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 40 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	280	196	168
21569		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 40 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	224	157	134
21570	95	Đường TPT 41	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 42	Phường An Lộc	970	680	580
21571		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 41 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21572		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 41 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21573		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 41 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21574		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 41 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21575		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 41 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21576		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 41 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21577	96	Đường TPT 42	Trường cấp 2	Lô cao su	Phường An Lộc	810	570	490
21578		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 42 đoạn từ Trường cấp 2 đến Lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	389	272	233
21579		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 42 đoạn từ Trường cấp 2 đến Lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	311	218	187
21580		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 42 đoạn từ Trường cấp 2 đến Lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	249	174	149
21581		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 42 đoạn từ Trường cấp 2 đến Lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	350	245	210
21582		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 42 đoạn từ Trường cấp 2 đến Lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	280	196	168
21583		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 42 đoạn từ Trường cấp 2 đến Lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	224	157	134
21584	97	Đường TPT 43	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 1	Phường An Lộc	970	680	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21585		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 43 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21586		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 43 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21587		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 43 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21588		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 43 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21589		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 43 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21590		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 43 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21591	98	Đường TPT 44	Đường TPT 20	Đường TPT 19	Phường An Lộc	690	480	410
21592		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 44 đoạn từ Đường TPT 20 đến Đường TPT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199
21593		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 44 đoạn từ Đường TPT 20 đến Đường TPT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159
21594		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 44 đoạn từ Đường TPT 20 đến Đường TPT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21595		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 44 đoạn từ Đường TPT 20 đến Đường TPT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179
21596		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 44 đoạn từ Đường TPT 20 đến Đường TPT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21597		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 44 đoạn từ Đường TPT 20 đến Đường TPT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21598	101	Đường TPT 48	Đường TLT 30	hết ranh thửa 325 tờ 12	Phường An Lộc	810	570	490
21599		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 48 đoạn từ Đường TLT 30 đến hết ranh thửa 325 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	389	272	233
21600		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 48 đoạn từ Đường TLT 30 đến hết ranh thửa 325 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	311	218	187
21601		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 48 đoạn từ Đường TLT 30 đến hết ranh thửa 325 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	249	174	149
21602		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 48 đoạn từ Đường TLT 30 đến hết ranh thửa 325 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	350	245	210
21603		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 48 đoạn từ Đường TLT 30 đến hết ranh thửa 325 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	280	196	168
21604		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 48 đoạn từ Đường TLT 30 đến hết ranh thửa 325 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	224	157	134

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21605		Đường TPT 48	thửa 6 tờ 2	Đường TPT 2	Phường An Lộc	810	570	490
21606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 48 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	389	272	233
21607		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 48 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	311	218	187
21608		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 48 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	249	174	149
21609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 48 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	350	245	210
21610		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 48 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	280	196	168
21611		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 48 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	224	157	134
21612	102	Đường TPT 49	Đập Suối Trâu (ranh phường An Lộc (cũ)- từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 23	Đường TPT 2	Phường An Lộc	650	450	390
21613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 49 đoạn từ Đập Suối Trâu (ranh phường An Lộc (cũ)- từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 23 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
21614		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 49 đoạn từ Đập Suối Trâu (ranh phường An Lộc (cũ)- từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 23 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150
21615		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 49 đoạn từ Đập Suối Trâu (ranh phường An Lộc (cũ)- từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 23 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 49 đoạn từ Đập Suối Trâu (ranh phường An Lộc (cũ)- từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 23 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
21617		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 49 đoạn từ Đập Suối Trâu (ranh phường An Lộc (cũ)- từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 23 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
21618		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 49 đoạn từ Đập Suối Trâu (ranh phường An Lộc (cũ)- từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 23 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
21619	103	Đường TPT 50	Đường TPT 48	Đường Quốc lộ 13	Phường An Lộc	970	680	580
21620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 50 đoạn từ Đường TPT 48 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21621		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 50 đoạn từ Đường TPT 48 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21622		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 50 đoạn từ Đường TPT 48 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 50 đoạn từ Đường TPT 48 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21624		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 50 đoạn từ Đường TPT 48 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21625		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 50 đoạn từ Đường TPT 48 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21626	104	Đường TPT 51	Đường TPT 49	Đường TPT 39	Phường An Lộc	690	480	410
21627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 51 đoạn từ Đường TPT 49 đến Đường TPT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	331	232	199
21628		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 51 đoạn từ Đường TPT 49 đến Đường TPT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	265	186	159
21629		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 51 đoạn từ Đường TPT 49 đến Đường TPT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	212	148	127
21630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 51 đoạn từ Đường TPT 49 đến Đường TPT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	298	209	179
21631		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 51 đoạn từ Đường TPT 49 đến Đường TPT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21632		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 51 đoạn từ Đường TPT 49 đến Đường TPT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	191	134	115
21633	105	Đường TPT 52	Đường TPT 40	Đường TPT 51	Phường An Lộc	650	450	390
21634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 52 đoạn từ Đường TPT 40 đến Đường TPT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
21635		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 52 đoạn từ Đường TPT 40 đến Đường TPT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21636		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 52 đoạn từ Đường TPT 40 đến Đường TPT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
21637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 52 đoạn từ Đường TPT 40 đến Đường TPT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
21638		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 52 đoạn từ Đường TPT 40 đến Đường TPT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
21639		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 52 đoạn từ Đường TPT 40 đến Đường TPT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
21640	106	Đường TPT 53	Đường TPT 33	Đường TPT 29	Phường An Lộc	810	570	490
21641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 53 đoạn từ Đường TPT 33 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	389	272	233
21642		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 53 đoạn từ Đường TPT 33 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	311	218	187
21643		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 53 đoạn từ Đường TPT 33 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	249	174	149
21644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 53 đoạn từ Đường TPT 33 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	350	245	210
21645		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 53 đoạn từ Đường TPT 33 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	280	196	168

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21646		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 53 đoạn từ Đường TPT 33 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	224	157	134
21647	107	Đường TLT 1	Đường TLT 2	đường TLT 6	Phường An Lộc	780	540	470
21648		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 1 đoạn từ Đường TLT 2 đến đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	374	262	224
21649		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 1 đoạn từ Đường TLT 2 đến đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	299	209	179
21650		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 1 đoạn từ Đường TLT 2 đến đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21651		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 1 đoạn từ Đường TLT 2 đến đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	337	236	202
21652		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 1 đoạn từ Đường TLT 2 đến đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	269	188	161
21653		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 1 đoạn từ Đường TLT 2 đến đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	215	151	129
21654	108	Đường TLT 2	Đường Quốc lộ 13	Đường ray xe lửa	Phường An Lộc	1.300	910	780
21655		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	624	437	374
21656		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	499	349	299

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21657		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	399	279	239
21658		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	562	393	337
21659		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	449	314	269
21660		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	359	251	215
21661	109	Đường TLT 2	Đường ray xe lửa	Đường TLT 34	Phường An Lộc	1.100	790	680
21662		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TLT 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	528	370	317
21663		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TLT 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	422	295	253
21664		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TLT 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	338	237	203
21665		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TLT 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	475	333	285
21666		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TLT 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	380	266	228

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21667		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TLT 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	304	213	182
21668	110	Đường TLT 2	Đường TLT 34	Đường ĐT 757	Phường An Lộc	970	680	580
21669		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21670		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21672		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21673		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21675	111	Đường TLT 3	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 20	Phường An Lộc	1.200	850	730
21676		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	576	403	346
21677		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21678		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	369	258	221
21679		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	518	363	311
21680		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	415	291	249
21681		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	332	232	199
21682	112	Đường TLT 3	Đường TLT 20	Đường TLT 21	Phường An Lộc	970	680	580
21683		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21684		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21686		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21687		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21689	113	Đường TLT 3	Đường TLT 21	Xóm (đường TPT 1)	Phường An Lộc	970	680	580
21690		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 21 đến Xóm (đường TPT 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21691		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 21 đến Xóm (đường TPT 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 21 đến Xóm (đường TPT 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21693		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 21 đến Xóm (đường TPT 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21694		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 21 đến Xóm (đường TPT 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 21 đến Xóm (đường TPT 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21696	114	Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ)	Đường Quốc lộ 13	Đường Quốc lộ 13	Phường An Lộc	970	680	580
21697		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21698		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21700		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21701		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21703	115	Đường TLT 5	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 29	Phường An Lộc	1.200	850	730
21704		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	576	403	346
21705		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	461	323	277
21706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	369	258	221
21707		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21708		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	415	291	249
21709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	332	232	199
21710	116	Đường TLT 5	Đường TLT 29	Ranh vùng đệm (đường vào nhà máy xi măng)	Phường An Lộc	1.100	740	630
21711		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường TLT 29 đến Ranh vùng đệm (đường vào nhà máy xi măng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	528	370	317
21712		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường TLT 29 đến Ranh vùng đệm (đường vào nhà máy xi măng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	422	295	253
21713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường TLT 29 đến Ranh vùng đệm (đường vào nhà máy xi măng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	338	237	203
21714		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường TLT 29 đến Ranh vùng đệm (đường vào nhà máy xi măng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	475	333	285
21715		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường TLT 29 đến Ranh vùng đệm (đường vào nhà máy xi măng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	380	266	228
21716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường TLT 29 đến Ranh vùng đệm (đường vào nhà máy xi măng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	304	213	182
21717	117	Đường TLT 6	Đường Quốc lộ 13	Đường ĐT 757	Phường An Lộc	780	540	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21718		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 6 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	374	262	224
21719		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 6 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	299	209	179
21720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 6 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21721		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 6 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	337	236	202
21722		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 6 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	269	188	161
21723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 6 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	215	151	129
21724	118	Đường TLT 7	Suối Cần Lê	Đường TLT 6	Phường An Lộc	780	540	470
21725		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 7 đoạn từ Suối Cần Lê đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	374	262	224
21726		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 7 đoạn từ Suối Cần Lê đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	299	209	179
21727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 7 đoạn từ Suối Cần Lê đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	239	167	143

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21728		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 7 đoạn từ Suối Cần Lê đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	337	236	202
21729		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 7 đoạn từ Suối Cần Lê đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	269	188	161
21730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 7 đoạn từ Suối Cần Lê đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	215	151	129
21731	119	Đường TLT 8	Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 45	Đường TLT 6	Phường An Lộc	780	540	470
21732		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 8 đoạn từ Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 45 đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	374	262	224
21733		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 8 đoạn từ Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 45 đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	299	209	179
21734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 8 đoạn từ Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 45 đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21735		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 8 đoạn từ Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 45 đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	337	236	202
21736		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 8 đoạn từ Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 45 đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	269	188	161
21737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 8 đoạn từ Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 45 đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	215	151	129
21738	120	Đường TLT 9	Đường TLT 6	Đường TLT 10	Phường An Lộc	780	540	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21739		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 9 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	374	262	224
21740		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 9 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	299	209	179
21741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 9 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21742		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 9 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	337	236	202
21743		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 9 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	269	188	161
21744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 9 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	215	151	129
21745	121	Đường TLT 10	Đường TLT 6	Đường TLT 11	Phường An Lộc	780	540	470
21746		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 10 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	374	262	224
21747		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 10 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	299	209	179
21748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 10 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21749		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 10 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	337	236	202

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21750		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 10 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	269	188	161
21751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 10 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	215	151	129
21752	122	Đường TLT 11	TLT 1 đến	Thửa đất số 135 tờ bản đồ số 46	Phường An Lộc	780	540	470
21753		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 11 đoạn từ TLT 1 đến đến Thửa đất số 135 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	374	262	224
21754		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 11 đoạn từ TLT 1 đến đến Thửa đất số 135 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	299	209	179
21755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 11 đoạn từ TLT 1 đến đến Thửa đất số 135 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21756		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 11 đoạn từ TLT 1 đến đến Thửa đất số 135 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	337	236	202
21757		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 11 đoạn từ TLT 1 đến đến Thửa đất số 135 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	269	188	161
21758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 11 đoạn từ TLT 1 đến đến Thửa đất số 135 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	215	151	129
21759		Đường TLT 11	Suối	Đường ray	Phường An Lộc	780	540	470
21760		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 11 đoạn từ Suối đến Đường ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	374	262	224

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21761		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 11 đoạn từ Suối đến Đường ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	299	209	179
21762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 11 đoạn từ Suối đến Đường ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21763		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 11 đoạn từ Suối đến Đường ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	337	236	202
21764		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 11 đoạn từ Suối đến Đường ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	269	188	161
21765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 11 đoạn từ Suối đến Đường ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	215	151	129
21766	123	Đường TLT 12	Đường ĐT 757	Đường TLT 13	Phường An Lộc	780	540	470
21767		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 12 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	374	262	224
21768		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 12 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	299	209	179
21769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 12 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21770		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 12 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	337	236	202

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21771		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 12 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	269	188	161
21772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 12 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	215	151	129
21773	124	Đường TLT 13	Đường TLT 15	Đường TLT 1	Phường An Lộc	780	540	470
21774		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường TLT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	374	262	224
21775		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường TLT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	299	209	179
21776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường TLT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21777		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường TLT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	337	236	202
21778		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường TLT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	269	188	161
21779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường TLT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	215	151	129
21780	125	Đường TLT 14	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 12	Phường An Lộc	890	620	530
21781		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	427	299	256

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21782		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	342	239	205
21783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	274	192	164
21784		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	384	269	230
21785		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	308	216	185
21786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	247	173	148
21787	126	Đường TLT 15	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 13	Phường An Lộc	890	620	530
21788		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	427	299	256
21789		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	342	239	205
21790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	274	192	164
21791		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	384	269	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21792		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	308	216	185
21793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	247	173	148
21794	127	Đường TLT 15	Đường TLT 13	Đường TLT 2	Phường An Lộc	780	540	470
21795		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường TLT 13 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	374	262	224
21796		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường TLT 13 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	299	209	179
21797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường TLT 13 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21798		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường TLT 13 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	337	236	202
21799		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường TLT 13 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	269	188	161
21800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường TLT 13 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	215	151	129
21801	128	Đường TLT 16	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 17	Phường An Lộc	890	620	530
21802		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	427	299	256

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21803		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	342	239	205
21804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	274	192	164
21805		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	384	269	230
21806		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	308	216	185
21807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	247	173	148
21808	129	Đường TLT 16	Đường TLT 17	Đường TLT 40	Phường An Lộc	780	540	470
21809		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường TLT 17 đến Đường TLT 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	374	262	224
21810		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường TLT 17 đến Đường TLT 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	299	209	179
21811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường TLT 17 đến Đường TLT 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21812		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường TLT 17 đến Đường TLT 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	337	236	202

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21813		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường TLT 17 đến Đường TLT 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	269	188	161
21814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường TLT 17 đến Đường TLT 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	215	151	129
21815	130	Đường TLT 17	Đường TLT 16	Đường TLT 18	Phường An Lộc	780	540	470
21816		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 17 đoạn từ Đường TLT 16 đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	374	262	224
21817		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 17 đoạn từ Đường TLT 16 đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	299	209	179
21818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 17 đoạn từ Đường TLT 16 đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21819		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 17 đoạn từ Đường TLT 16 đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	337	236	202
21820		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 17 đoạn từ Đường TLT 16 đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	269	188	161
21821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 17 đoạn từ Đường TLT 16 đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	215	151	129
21822	131	Đường TLT 18	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 17	Phường An Lộc	890	620	530
21823		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 18 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	427	299	256

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21824		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 18 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	342	239	205
21825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 18 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	274	192	164
21826		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 18 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	384	269	230
21827		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 18 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	308	216	185
21828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 18 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	247	173	148
21829	132	Đường TLT 19	Đường Quốc lộ 13 (chợ)	Đường TLT 2	Phường An Lộc	970	680	580
21830		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 19 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (chợ) đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21831		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 19 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (chợ) đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 19 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (chợ) đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21833		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 19 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (chợ) đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21834		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 19 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (chợ) đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 19 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (chợ) đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21836	133	Đường TLT 20	Đường TLT 2	Đường TLT 3	Phường An Lộc	970	680	580
21837		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 20 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21838		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 20 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 20 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21840		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 20 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21841		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 20 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 20 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21843	134	Đường TLT 21	Đường TLT 20	Đường TLT 3	Phường An Lộc	970	680	580
21844		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 21 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21845		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 21 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 21 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21847		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 21 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21848		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 21 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 21 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21850	135	Đường TLT 22	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 23	Phường An Lộc	810	570	490
21851		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	389	272	233
21852		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	311	218	187
21853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	249	174	149
21854		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	350	245	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21855		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	280	196	168
21856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	224	157	134
21857	136	Đường TLT 22	Đường TLT 23	Cuối tuyến (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 47)	Phường An Lộc	780	540	470
21858		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường TLT 23 đến Cuối tuyến (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	374	262	224
21859		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường TLT 23 đến Cuối tuyến (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	299	209	179
21860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường TLT 23 đến Cuối tuyến (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21861		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường TLT 23 đến Cuối tuyến (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	337	236	202
21862		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường TLT 23 đến Cuối tuyến (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	269	188	161
21863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường TLT 23 đến Cuối tuyến (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	215	151	129
21864	137	Đường TLT 23	Đường Nhà máy xi măng	Đến hết ranh thửa đất số 205, 239 tờ bản đồ số 44	Phường An Lộc	780	540	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21865		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 23 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đến hết ranh thửa đất số 205, 239 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	374	262	224
21866		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 23 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đến hết ranh thửa đất số 205, 239 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	299	209	179
21867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 23 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đến hết ranh thửa đất số 205, 239 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21868		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 23 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đến hết ranh thửa đất số 205, 239 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	337	236	202
21869		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 23 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đến hết ranh thửa đất số 205, 239 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	269	188	161
21870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 23 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đến hết ranh thửa đất số 205, 239 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	215	151	129
21871	138	Đường TLT 24	Đường TLT 23	Đường TLT 22	Phường An Lộc	780	540	470
21872		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 24 đoạn từ Đường TLT 23 đến Đường TLT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	374	262	224
21873		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 24 đoạn từ Đường TLT 23 đến Đường TLT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	299	209	179
21874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 24 đoạn từ Đường TLT 23 đến Đường TLT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	239	167	143

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21875		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 24 đoạn từ Đường TLT 23 đến Đường TLT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	337	236	202
21876		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 24 đoạn từ Đường TLT 23 đến Đường TLT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	269	188	161
21877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 24 đoạn từ Đường TLT 23 đến Đường TLT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	215	151	129
21878	139	Đường TLT 25	Đường TLT 22	Đường TLT 24	Phường An Lộc	780	540	470
21879		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 25 đoạn từ Đường TLT 22 đến Đường TLT 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	374	262	224
21880		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 25 đoạn từ Đường TLT 22 đến Đường TLT 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	299	209	179
21881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 25 đoạn từ Đường TLT 22 đến Đường TLT 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21882		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 25 đoạn từ Đường TLT 22 đến Đường TLT 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	337	236	202
21883		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 25 đoạn từ Đường TLT 22 đến Đường TLT 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	269	188	161
21884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 25 đoạn từ Đường TLT 22 đến Đường TLT 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	215	151	129

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21885	140	Đường TLT 26	Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ)	Đường TLT 27	Phường An Lộc	810	570	490
21886		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	389	272	233
21887		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	311	218	187
21888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	249	174	149
21889		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	350	245	210
21890		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	280	196	168
21891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	224	157	134
21892		Đường TLT 26	Đường TLT 27	Đường TLT 5	Phường An Lộc	810	570	490
21893		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	389	272	233
21894		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	311	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	249	174	149
21896		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	350	245	210
21897		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	280	196	168
21898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	224	157	134
21899	141	Đường TLT 27	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 28	Phường An Lộc	1.200	850	730
21900		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	576	403	346
21901		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	461	323	277
21902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	369	258	221
21903		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	518	363	311
21904		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	415	291	249

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	332	232	199
21906	142	Đường TLT 27	Đường TLT 28	Đường TLT 43	Phường An Lộc	970	680	580
21907		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 28 đến Đường TLT 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
21908		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 28 đến Đường TLT 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
21909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 28 đến Đường TLT 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
21910		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 28 đến Đường TLT 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
21911		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 28 đến Đường TLT 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
21912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 28 đến Đường TLT 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
21913	143	Đường TLT 27	Đường TLT 43	Đường TLT 5	Phường An Lộc	780	540	470
21914		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 43 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	374	262	224
21915		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 43 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	299	209	179

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 43 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21917		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 43 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	337	236	202
21918		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 43 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	269	188	161
21919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 43 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	215	151	129
21920	144	Đường TLT 28	Đường TLT 27	Đường TLT 5	Phường An Lộc	780	540	470
21921		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 28 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	374	262	224
21922		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 28 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	299	209	179
21923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 28 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	239	167	143
21924		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 28 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	337	236	202
21925		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 28 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	269	188	161

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 28 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	215	151	129
21927	145	Đường TLT 29	Đường TLT 5	Đường TLT 5	Phường An Lộc	650	450	390
21928		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 29 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
21929		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 29 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150
21930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 29 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
21931		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 29 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
21932		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 29 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
21933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 29 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
21934	146	Đường TLT 30	Đường TLT 5	Đường TLT 5	Phường An Lộc	650	450	390
21935		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 30 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
21936		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 30 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21937		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 30 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
21938		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 30 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
21939		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 30 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
21940		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 30 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
21941	147	Đường TLT 31	Đường TLT 5	Đường TLT 29	Phường An Lộc	650	450	390
21942		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 31 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
21943		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 31 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150
21944		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 31 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
21945		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 31 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
21946		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 31 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
21947		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 31 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21948	148	Đường TLT 32	Điểm đầu từ đường TLT 31 (Từ thửa 116 tờ bản đồ số 71)	hết ranh thửa đất số 12 tờ bản đồ số 70	Phường An Lộc	650	450	390
21949		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 32 đoạn từ Điểm đầu từ đường TLT 31 (Từ thửa 116 tờ bản đồ số 71) đến hết ranh thửa đất số 12 tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
21950		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 32 đoạn từ Điểm đầu từ đường TLT 31 (Từ thửa 116 tờ bản đồ số 71) đến hết ranh thửa đất số 12 tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150
21951		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 32 đoạn từ Điểm đầu từ đường TLT 31 (Từ thửa 116 tờ bản đồ số 71) đến hết ranh thửa đất số 12 tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
21952		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 32 đoạn từ Điểm đầu từ đường TLT 31 (Từ thửa 116 tờ bản đồ số 71) đến hết ranh thửa đất số 12 tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
21953		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 32 đoạn từ Điểm đầu từ đường TLT 31 (Từ thửa 116 tờ bản đồ số 71) đến hết ranh thửa đất số 12 tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
21954		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 32 đoạn từ Điểm đầu từ đường TLT 31 (Từ thửa 116 tờ bản đồ số 71) đến hết ranh thửa đất số 12 tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
21955	149	Đường TLT 33	Đường TLT 2	Đường TLT 2	Phường An Lộc	650	450	390
21956		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 33 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
21957		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 33 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21958		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 33 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
21959		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 33 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
21960		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 33 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
21961		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 33 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
21962	150	Đường TLT 34	Đường TLT 2	Đường TPT 5 (Đến hết ranh thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69)	Phường An Lộc	650	450	390
21963		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 34 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 (Đến hết ranh thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
21964		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 34 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 (Đến hết ranh thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150
21965		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 34 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 (Đến hết ranh thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
21966		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 34 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 (Đến hết ranh thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
21967		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 34 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 (Đến hết ranh thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21968		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 34 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 (Đến hết ranh thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
21969	151	Đường TLT 35	Đường TLT 34	Đường TLT 39	Phường An Lộc	650	450	390
21970		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 35 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường TLT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
21971		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 35 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường TLT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150
21972		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 35 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường TLT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
21973		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 35 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường TLT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
21974		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 35 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường TLT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
21975		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 35 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường TLT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
21976	152	Đường TLT 36	Đường TLT 2	Đường TPT 4	Phường An Lộc	650	450	390
21977		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 36 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
21978		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 36 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21979		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 36 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
21980		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 36 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
21981		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 36 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
21982		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 36 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
21983	153	Đường TLT 37	Đường TLT 2	Đường TPT 5	Phường An Lộc	650	450	390
21984		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 37 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
21985		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 37 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150
21986		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 37 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
21987		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 37 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
21988		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 37 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
21989		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 37 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
21990	154	Đường TLT 38	Đường TLT 37	Đến hết ranh thửa đất số 192 tờ bản đồ số 39	Phường An Lộc	650	450	390
21991		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 38 đoạn từ Đường TLT 37 đến Đến hết ranh thửa đất số 192 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
21992		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 38 đoạn từ Đường TLT 37 đến Đến hết ranh thửa đất số 192 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150
21993		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 38 đoạn từ Đường TLT 37 đến Đến hết ranh thửa đất số 192 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
21994		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 38 đoạn từ Đường TLT 37 đến Đến hết ranh thửa đất số 192 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
21995		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 38 đoạn từ Đường TLT 37 đến Đến hết ranh thửa đất số 192 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
21996		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 38 đoạn từ Đường TLT 37 đến Đến hết ranh thửa đất số 192 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
21997	155	Đường TLT 39	Đường TLT 2	Đường TLT 37	Phường An Lộc	650	450	390
21998		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 39 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
21999		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 39 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22000		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 39 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
22001		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 39 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
22002		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 39 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
22003		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 39 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
22004	156	Đường TLT 40	Đường TLT 2	Đường TLT 16	Phường An Lộc	650	450	390
22005		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 40 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
22006		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 40 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150
22007		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 40 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
22008		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 40 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
22009		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 40 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
22010		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 40 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22011	157	Đường TLT 41	Đường ĐT 757	ranh thửa đất số 175 tờ bản đồ số 74	Phường An Lộc	650	450	390
22012		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 41 đoạn từ Đường ĐT 757 đến ranh thửa đất số 175 tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
22013		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 41 đoạn từ Đường ĐT 757 đến ranh thửa đất số 175 tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150
22014		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 41 đoạn từ Đường ĐT 757 đến ranh thửa đất số 175 tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
22015		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 41 đoạn từ Đường ĐT 757 đến ranh thửa đất số 175 tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
22016		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 41 đoạn từ Đường ĐT 757 đến ranh thửa đất số 175 tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
22017		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 41 đoạn từ Đường ĐT 757 đến ranh thửa đất số 175 tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
22018	158	Đường TLT 42	Đường TLT 22	Đường TLT 29	Phường An Lộc	650	450	390
22019		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 42 đoạn từ Đường TLT 22 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
22020		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 42 đoạn từ Đường TLT 22 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22021		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 42 đoạn từ Đường TLT 22 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
22022		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 42 đoạn từ Đường TLT 22 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
22023		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 42 đoạn từ Đường TLT 22 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
22024		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 42 đoạn từ Đường TLT 22 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
22025	159	Đường TLT 43	Đường Nhà máy xi măng	Đường TLT 27	Phường An Lộc	650	450	390
22026		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 43 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
22027		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 43 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150
22028		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 43 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
22029		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 43 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
22030		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 43 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22031		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 43 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
22032	160	Đường TLT 45	Đường TLT 46	Thửa 8 tờ 35	Phường An Lộc	530	370	320
22033		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 45 đoạn từ Đường TLT 46 đến Thửa 8 tờ 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	254	178	152
22034		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 45 đoạn từ Đường TLT 46 đến Thửa 8 tờ 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	203	142	122
22035		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 45 đoạn từ Đường TLT 46 đến Thửa 8 tờ 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	162	113	97
22036		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 45 đoạn từ Đường TLT 46 đến Thửa 8 tờ 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	229	160	137
22037		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 45 đoạn từ Đường TLT 46 đến Thửa 8 tờ 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	183	128	110
22038		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 45 đoạn từ Đường TLT 46 đến Thửa 8 tờ 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	146	102	88
22039	161	Đường TLT 46	Đường TLT 29	ranh thửa đất số 200 tờ bản đồ số 73	Phường An Lộc	530	370	320
22040		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 46 đoạn từ Đường TLT 29 đến ranh thửa đất số 200 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	254	178	152
22041		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 46 đoạn từ Đường TLT 29 đến ranh thửa đất số 200 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	203	142	122

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 46 đoạn từ Đường TLT 29 đến ranh thửa đất số 200 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	162	113	97
22043		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 46 đoạn từ Đường TLT 29 đến ranh thửa đất số 200 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	229	160	137
22044		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 46 đoạn từ Đường TLT 29 đến ranh thửa đất số 200 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	183	128	110
22045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 46 đoạn từ Đường TLT 29 đến ranh thửa đất số 200 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	146	102	88
22046	162	Đường TLT 47	Đường TLT 5	Đường TLT 46	Phường An Lộc	610	430	360
22047		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 47 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	293	205	176
22048		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 47 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	234	164	140
22049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 47 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	187	131	112
22050		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 47 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	264	185	158
22051		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 47 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	211	148	127

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 47 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	168	118	101
22053	163	Đường TLT 49	Đường TLT 73	Đường TLT 51	Phường An Lộc	530	370	320
22054		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 49 đoạn từ Đường TLT 73 đến Đường TLT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	254	178	152
22055		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 49 đoạn từ Đường TLT 73 đến Đường TLT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	203	142	122
22056		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 49 đoạn từ Đường TLT 73 đến Đường TLT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	162	113	97
22057		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 49 đoạn từ Đường TLT 73 đến Đường TLT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	229	160	137
22058		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 49 đoạn từ Đường TLT 73 đến Đường TLT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	183	128	110
22059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 49 đoạn từ Đường TLT 73 đến Đường TLT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	146	102	88
22060	164	Đường TLT 50	Đường TLT 46	Đường TLT 32, ranh xã Thanh Phú	Phường An Lộc	530	370	320
22061		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 50 đoạn từ Đường TLT 46 đến Đường TLT 32, ranh xã Thanh Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	254	178	152
22062		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 50 đoạn từ Đường TLT 46 đến Đường TLT 32, ranh xã Thanh Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	203	142	122

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 50 đoạn từ Đường TLT 46 đến Đường TLT 32, ranh xã Thanh Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	162	113	97
22064		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 50 đoạn từ Đường TLT 46 đến Đường TLT 32, ranh xã Thanh Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	229	160	137
22065		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 50 đoạn từ Đường TLT 46 đến Đường TLT 32, ranh xã Thanh Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	183	128	110
22066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 50 đoạn từ Đường TLT 46 đến Đường TLT 32, ranh xã Thanh Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	146	102	88
22067	165	Đường TLT 51	Đường TLT 31	Đường TLT 49 (nông trường cao su)	Phường An Lộc	610	430	360
22068		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 51 đoạn từ Đường TLT 31 đến Đường TLT 49 (nông trường cao su) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	293	205	176
22069		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 51 đoạn từ Đường TLT 31 đến Đường TLT 49 (nông trường cao su) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	234	164	140
22070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 51 đoạn từ Đường TLT 31 đến Đường TLT 49 (nông trường cao su) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	187	131	112
22071		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 51 đoạn từ Đường TLT 31 đến Đường TLT 49 (nông trường cao su) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	264	185	158

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22072		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 51 đoạn từ Đường TLT 31 đến Đường TLT 49 (nông trường cao su) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	211	148	127
22073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 51 đoạn từ Đường TLT 31 đến Đường TLT 49 (nông trường cao su) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	168	118	101
22074	166	Đường TLT 52	Đường TLT 36 (từ đầu thửa đất số 300 tờ bản đồ số 53)	Suối Tà Nùng	Phường An Lộc	610	430	360
22075		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 52 đoạn từ Đường TLT 36 (từ đầu thửa đất số 300 tờ bản đồ số 53) đến Suối Tà Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	293	205	176
22076		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 52 đoạn từ Đường TLT 36 (từ đầu thửa đất số 300 tờ bản đồ số 53) đến Suối Tà Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	234	164	140
22077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 52 đoạn từ Đường TLT 36 (từ đầu thửa đất số 300 tờ bản đồ số 53) đến Suối Tà Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	187	131	112
22078		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 52 đoạn từ Đường TLT 36 (từ đầu thửa đất số 300 tờ bản đồ số 53) đến Suối Tà Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	264	185	158
22079		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 52 đoạn từ Đường TLT 36 (từ đầu thửa đất số 300 tờ bản đồ số 53) đến Suối Tà Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	211	148	127
22080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 52 đoạn từ Đường TLT 36 (từ đầu thửa đất số 300 tờ bản đồ số 53) đến Suối Tà Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	168	118	101
22081	167	Đường TLT 53	Đường TLT 2	thửa đất số 8 tờ bản đồ số 40	Phường An Lộc	650	450	390

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22082		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 53 đoạn từ Đường TLT 2 đến thửa đất số 8 tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
22083		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 53 đoạn từ Đường TLT 2 đến thửa đất số 8 tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150
22084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 53 đoạn từ Đường TLT 2 đến thửa đất số 8 tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
22085		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 53 đoạn từ Đường TLT 2 đến thửa đất số 8 tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
22086		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 53 đoạn từ Đường TLT 2 đến thửa đất số 8 tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
22087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 53 đoạn từ Đường TLT 2 đến thửa đất số 8 tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
22088	168	Đường TLT 54	Đường sắt (tờ BĐ 60, thửa 67)	Suối cạn (hết thửa đất số 57, tờ bản đồ số 60)	Phường An Lộc	650	450	390
22089		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 54 đoạn từ Đường sắt (tờ BĐ 60, thửa 67) đến Suối cạn (hết thửa đất số 57, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
22090		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 54 đoạn từ Đường sắt (tờ BĐ 60, thửa 67) đến Suối cạn (hết thửa đất số 57, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150
22091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 54 đoạn từ Đường sắt (tờ BĐ 60, thửa 67) đến Suối cạn (hết thửa đất số 57, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22092		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 54 đoạn từ Đường sắt (tờ BĐ 60, thửa 67) đến Suối cạn (hết thửa đất số 57, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
22093		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 54 đoạn từ Đường sắt (tờ BĐ 60, thửa 67) đến Suối cạn (hết thửa đất số 57, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
22094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 54 đoạn từ Đường sắt (tờ BĐ 60, thửa 67) đến Suối cạn (hết thửa đất số 57, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
22095	169	Đường TLT 55	Đường TLT 46	Ranh xã Minh Đức	Phường An Lộc	650	450	390
22096		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 55 đoạn từ Đường TLT 46 đến Ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
22097		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 55 đoạn từ Đường TLT 46 đến Ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150
22098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 55 đoạn từ Đường TLT 46 đến Ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
22099		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 55 đoạn từ Đường TLT 46 đến Ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
22100		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 55 đoạn từ Đường TLT 46 đến Ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
22101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 55 đoạn từ Đường TLT 46 đến Ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22102	170	Đường TLT 56	Đường TLT 55	thửa đất số 473 tờ bản đồ số 41	Phường An Lộc	530	370	320
22103		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 56 đoạn từ Đường TLT 55 đến thửa đất số 473 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	254	178	152
22104		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 56 đoạn từ Đường TLT 55 đến thửa đất số 473 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	203	142	122
22105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 56 đoạn từ Đường TLT 55 đến thửa đất số 473 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	162	113	97
22106		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 56 đoạn từ Đường TLT 55 đến thửa đất số 473 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	229	160	137
22107		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 56 đoạn từ Đường TLT 55 đến thửa đất số 473 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	183	128	110
22108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 56 đoạn từ Đường TLT 55 đến thửa đất số 473 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	146	102	88
22109	171	Đường TLT 57	Đường TLT 55	hết ranh thửa đất số 367 tờ bản đồ số 41	Phường An Lộc	530	370	320
22110		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 57 đoạn từ Đường TLT 55 đến hết ranh thửa đất số 367 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	254	178	152
22111		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 57 đoạn từ Đường TLT 55 đến hết ranh thửa đất số 367 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	203	142	122

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 57 đoạn từ Đường TLT 55 đến hết ranh thửa đất số 367 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	162	113	97
22113		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 57 đoạn từ Đường TLT 55 đến hết ranh thửa đất số 367 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	229	160	137
22114		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 57 đoạn từ Đường TLT 55 đến hết ranh thửa đất số 367 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	183	128	110
22115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 57 đoạn từ Đường TLT 55 đến hết ranh thửa đất số 367 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	146	102	88
22116	172	Đường TLT 58	Đường TLT 55 lô cao su	Đường TLT 59	Phường An Lộc	530	370	320
22117		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 58 đoạn từ Đường TLT 55 lô cao su đến Đường TLT 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	254	178	152
22118		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 58 đoạn từ Đường TLT 55 lô cao su đến Đường TLT 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	203	142	122
22119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 58 đoạn từ Đường TLT 55 lô cao su đến Đường TLT 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	162	113	97
22120		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 58 đoạn từ Đường TLT 55 lô cao su đến Đường TLT 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	229	160	137
22121		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 58 đoạn từ Đường TLT 55 lô cao su đến Đường TLT 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	183	128	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 58 đoạn từ Đường TLT 55 lô cao su đến Đường TLT 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	146	102	88
22123	173	Đường TLT 59	Lô cao su (hết thửa đất số 207, tờ bản đồ số 41)	Lô cao su (hết thửa đồ số 51, Tờ bản đồ số 41)	Phường An Lộc	530	370	320
22124		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 59 đoạn từ Lô cao su (hết thửa đất số 207, tờ bản đồ số 41) đến Lô cao su (hết thửa đồ số 51, Tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	254	178	152
22125		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 59 đoạn từ Lô cao su (hết thửa đất số 207, tờ bản đồ số 41) đến Lô cao su (hết thửa đồ số 51, Tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	203	142	122
22126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 59 đoạn từ Lô cao su (hết thửa đất số 207, tờ bản đồ số 41) đến Lô cao su (hết thửa đồ số 51, Tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	162	113	97
22127		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 59 đoạn từ Lô cao su (hết thửa đất số 207, tờ bản đồ số 41) đến Lô cao su (hết thửa đồ số 51, Tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	229	160	137
22128		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 59 đoạn từ Lô cao su (hết thửa đất số 207, tờ bản đồ số 41) đến Lô cao su (hết thửa đồ số 51, Tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	183	128	110
22129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 59 đoạn từ Lô cao su (hết thửa đất số 207, tờ bản đồ số 41) đến Lô cao su (hết thửa đồ số 51, Tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	146	102	88
22130	174	Đường TLT 60	Đường TLT 55	Đường TLT 58	Phường An Lộc	530	370	320
22131		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 60 đoạn từ Đường TLT 55 đến Đường TLT 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	254	178	152

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22132		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 60 đoạn từ Đường TLT 55 đến Đường TLT 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	203	142	122
22133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 60 đoạn từ Đường TLT 55 đến Đường TLT 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	162	113	97
22134		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 60 đoạn từ Đường TLT 55 đến Đường TLT 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	229	160	137
22135		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 60 đoạn từ Đường TLT 55 đến Đường TLT 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	183	128	110
22136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 60 đoạn từ Đường TLT 55 đến Đường TLT 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	146	102	88
22137	175	Đường TLT 64	Đường Nhà máy xi măng	Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 38)	Phường An Lộc	530	370	320
22138		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 64 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	254	178	152
22139		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 64 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	203	142	122
22140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 64 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	162	113	97

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22141		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 64 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	229	160	137
22142		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 64 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	183	128	110
22143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 64 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	146	102	88
22144	176	Đường TLT 65	Đường TLT 55	đường TLT 66	Phường An Lộc	530	370	320
22145		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 65 đoạn từ Đường TLT 55 đến đường TLT 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	254	178	152
22146		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 65 đoạn từ Đường TLT 55 đến đường TLT 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	203	142	122
22147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 65 đoạn từ Đường TLT 55 đến đường TLT 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	162	113	97
22148		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 65 đoạn từ Đường TLT 55 đến đường TLT 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	229	160	137
22149		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 65 đoạn từ Đường TLT 55 đến đường TLT 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	183	128	110
22150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 65 đoạn từ Đường TLT 55 đến đường TLT 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	146	102	88
22151	177	Đường TLT 66	Đường băng tải	Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 37)	Phường An Lộc	650	450	390

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22152		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 66 đoạn từ Đường băng tải đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 37) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
22153		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 66 đoạn từ Đường băng tải đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 37) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150
22154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 66 đoạn từ Đường băng tải đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 37) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
22155		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 66 đoạn từ Đường băng tải đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 37) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
22156		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 66 đoạn từ Đường băng tải đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 37) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
22157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 66 đoạn từ Đường băng tải đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 37) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
22158	178	Đường TLT 67	Đường TLT 55	Bãi rác	Phường An Lộc	530	370	320
22159		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 67 đoạn từ Đường TLT 55 đến Bãi rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	254	178	152
22160		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 67 đoạn từ Đường TLT 55 đến Bãi rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	203	142	122
22161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 67 đoạn từ Đường TLT 55 đến Bãi rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	162	113	97

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22162		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 67 đoạn từ Đường TLT 55 đến Bãi rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	229	160	137
22163		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 67 đoạn từ Đường TLT 55 đến Bãi rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	183	128	110
22164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 67 đoạn từ Đường TLT 55 đến Bãi rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	146	102	88
22165		Đường TLT 67	Suối	Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 73	Phường An Lộc	530	370	320
22166		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 67 đoạn từ Suối đến Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	254	178	152
22167		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 67 đoạn từ Suối đến Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	203	142	122
22168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 67 đoạn từ Suối đến Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	162	113	97
22169		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 67 đoạn từ Suối đến Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	229	160	137
22170		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 67 đoạn từ Suối đến Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	183	128	110
22171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 67 đoạn từ Suối đến Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	146	102	88
22172	179	Đường TLT 68	Đường TLT 67	Đường TLT 45	Phường An Lộc	530	370	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22173		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 68 đoạn từ Đường TLT 67 đến Đường TLT 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	254	178	152
22174		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 68 đoạn từ Đường TLT 67 đến Đường TLT 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	203	142	122
22175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 68 đoạn từ Đường TLT 67 đến Đường TLT 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	162	113	97
22176		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 68 đoạn từ Đường TLT 67 đến Đường TLT 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	229	160	137
22177		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 68 đoạn từ Đường TLT 67 đến Đường TLT 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	183	128	110
22178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 68 đoạn từ Đường TLT 67 đến Đường TLT 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	146	102	88
22179	180	Đường TLT 69	Đường TLT 5	Đường TLT 27	Phường An Lộc	650	450	390
22180		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 69 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
22181		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 69 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150
22182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 69 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22183		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 69 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
22184		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 69 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
22185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 69 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
22186	181	Đường TLT 70	Đường Nhà máy xi măng	Đường TLT 27	Phường An Lộc	650	450	390
22187		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
22188		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150
22189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
22190		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
22191		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
22192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
22193		Đường TLT 70	Đường TLT 27	Đường TLT 5	Phường An Lộc	650	450	390

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22194		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
22195		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150
22196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120
22197		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
22198		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
22199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
22200	182	Đường TLT 71	Đường TLT 24	Đường vào nhà máy xi măng	Phường An Lộc	650	450	390
22201		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 71 đoạn từ Đường TLT 24 đến Đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	312	218	187
22202		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 71 đoạn từ Đường TLT 24 đến Đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	250	175	150
22203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 71 đoạn từ Đường TLT 24 đến Đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22204		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 71 đoạn từ Đường TLT 24 đến Đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	281	197	169
22205		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 71 đoạn từ Đường TLT 24 đến Đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	225	158	135
22206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 71 đoạn từ Đường TLT 24 đến Đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	180	126	108
22207	183	Đường TLT 73	Đường TLT 32	Ranh thửa đất số 234 tờ bản đồ số 35	Phường An Lộc	530	370	320
22208		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 73 đoạn từ Đường TLT 32 đến Ranh thửa đất số 234 tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	254	178	152
22209		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 73 đoạn từ Đường TLT 32 đến Ranh thửa đất số 234 tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	203	142	122
22210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 73 đoạn từ Đường TLT 32 đến Ranh thửa đất số 234 tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	162	113	97
22211		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 73 đoạn từ Đường TLT 32 đến Ranh thửa đất số 234 tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	229	160	137
22212		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 73 đoạn từ Đường TLT 32 đến Ranh thửa đất số 234 tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	183	128	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 73 đoạn từ Đường TLT 32 đến Ranh thửa đất số 234 tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	146	102	88
22214	184	Các tuyến đường rộng từ 07m trở lên			Phường An Lộc	970	680	580
22215		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường rộng từ 07m trở lên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
22216		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường rộng từ 07m trở lên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
22217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường rộng từ 07m trở lên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
22218		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường rộng từ 07m trở lên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
22219		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường rộng từ 07m trở lên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
22220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường rộng từ 07m trở lên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161
22221	185	Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 07m. Đường mới mở 07m - 10m			Phường An Lộc	970	680	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22222		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 07m. Đường mới mở 07m - 10m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	466	326	280
22223		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 07m. Đường mới mở 07m - 10m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	373	261	224
22224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 07m. Đường mới mở 07m - 10m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	298	209	179
22225		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 07m. Đường mới mở 07m - 10m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	419	293	251
22226		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 07m. Đường mới mở 07m - 10m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	336	235	202
22227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 07m. Đường mới mở 07m - 10m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	268	188	161

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22228	186	Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) không có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng dưới 03m; các thửa đất không giáp đường đi chung; các thửa đất có đường đi mới theo các lô cao su			Phường An Lộc	730	510	440
22229		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) không có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng dưới 03m; các thửa đất không giáp đường đi chung; các thửa đất có đường đi mới theo các lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	350	245	210
22230		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) không có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng dưới 03m; các thửa đất không giáp đường đi chung; các thửa đất có đường đi mới theo các lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	280	196	168
22231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) không có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng dưới 03m; các thửa đất không giáp đường đi chung; các thửa đất có đường đi mới theo các lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	224	157	134
22232		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) không có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng dưới 03m; các thửa đất không giáp đường đi chung; các thửa đất có đường đi mới theo các lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	315	221	189

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22233		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) không có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng dưới 03m; các thửa đất không giáp đường đi chung; các thửa đất có đường đi mới theo các lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	252	176	151
22234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) không có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng dưới 03m; các thửa đất không giáp đường đi chung; các thửa đất có đường đi mới theo các lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	202	141	121
22235	187	Các tuyến đường bê tông từ 3,5m đến dưới 07m (theo bản đồ chính quy)			Phường An Lộc	810	570	490
22236		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường bê tông từ 3,5m đến dưới 07m (theo bản đồ chính quy) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	389	272	233
22237		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường bê tông từ 3,5m đến dưới 07m (theo bản đồ chính quy) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	311	218	187
22238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường bê tông từ 3,5m đến dưới 07m (theo bản đồ chính quy) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	249	174	149
22239		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường bê tông từ 3,5m đến dưới 07m (theo bản đồ chính quy) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	350	245	210
22240		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường bê tông từ 3,5m đến dưới 07m (theo bản đồ chính quy) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	280	196	168

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường bê tông từ 3,5m đến dưới 07m (theo bản đồ chính quy) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	224	157	134
22242	188	Các tuyến đường, tuyến hẻm còn lại có bề rộng mặt đường theo bản đồ chính quy nhỏ hơn 3,5m thuộc các tờ bản đồ số 6, 7, 12, 13, 19, 26, 27, 33			Phường An Lộc	730	510	440
22243	189	Các tuyến đường, tuyến hẻm còn lại có bề rộng mặt đường theo bản đồ chính quy nhỏ hơn 3,5m thuộc các tờ bản đồ còn lại			Phường An Lộc	570	400	340
22244	190	Các tuyến đường còn lại			Phường An Lộc	410	280	240
22245	1	Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Phước Long, tỉnh Đồng Đai (cũ)	Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1)	Phường Phước Bình	14500	10200	8700
22246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long, tỉnh Đồng Đai (cũ) đến Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	6960	4872	4176
22247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long, tỉnh Đồng Đai (cũ) đến Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	5568	3898	3341
22248		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long, tỉnh Đồng Đai (cũ) đến Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	4454	3118	2672

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long, tỉnh Đồng Đai (cũ) đến Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	6264	4385	3758
22250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long, tỉnh Đồng Đai (cũ) đến Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	5011	3508	3007
22251		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long, tỉnh Đồng Đai (cũ) đến Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	4009	2806	2405
22252	2	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1)	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41)	Phường Phước Bình	18200	12700	10900
22253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	8736	6115	5242
22254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	6989	4892	4193

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22255		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	5591	3914	3355
22256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	7862	5503	4717
22257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	6290	4403	3774
22258		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	5032	3522	3019
22259	3	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41)	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141))	Phường Phước Bình	14500	10100	8700
22260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	6960	4872	4176

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	5568	3898	3341
22262		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	4454	3118	2672
22263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	6264	4385	3758
22264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	5011	3508	3007
22265		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	4009	2806	2405
22266	4	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141))	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140)	Phường Phước Bình	13100	9200	7900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	6288	4402	3773
22268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	5030	3521	3018
22269		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	4024	2817	2414
22270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	5659	3961	3395
22271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	4527	3169	2716

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22272		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3622	2535	2173
22273	5	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140)	Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114)	Phường Phước Bình	9400	6500	5600
22274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4512	3158	2707
22275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3610	2527	2166
22276		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2888	2022	1733
22277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4061	2843	2437

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3249	2274	1949
22279		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2599	1819	1559
22280	6	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114)	Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118)	Phường Phước Bình	6800	4800	4100
22281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3264	2285	1958
22282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2611	1828	1567
22283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2089	1462	1253

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2938	2057	1763
22285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2350	1645	1410
22286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1880	1316	1128
22287	7	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118)	Giáp ranh xã Bình Tân	Phường Phước Bình	5800	4000	3500
22288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2784	1949	1670
22289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2227	1559	1336

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1782	1247	1069
22291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2506	1754	1504
22292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2004	1403	1202
22293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1604	1123	962
22294	8	Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759)	Ngã ba Nguyễn Tất Thành - đường 3/2 (từ ranh thửa đất số 131, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số 53)	Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 53)	Phường Phước Bình	12400	8700	7400
22295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - đường 3/2 (từ ranh thửa đất số 131, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số 53) đến Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5952	4166	3571
22296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - đường 3/2 (từ ranh thửa đất số 131, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số 53) đến Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4762	3333	2857

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - đường 3/2 (từ ranh thửa đất số 131, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số 53) đến Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3810	2667	2286
22298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - đường 3/2 (từ ranh thửa đất số 131, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số 53) đến Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5357	3750	3214
22299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - đường 3/2 (từ ranh thửa đất số 131, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số 53) đến Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4286	3000	2572
22300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - đường 3/2 (từ ranh thửa đất số 131, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số 53) đến Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3429	2400	2057
22301	9	Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759)	Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (từ ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 52)	Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49)	Phường Phước Bình	10200	7100	6100
22302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (từ ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 52) đến Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4896	3427	2938

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (từ ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 52) đến Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3917	2742	2350
22304		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (từ ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 52) đến Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3134	2194	1880
22305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (từ ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 52) đến Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4406	3084	2644
22306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (từ ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 52) đến Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3525	2468	2115
22307		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (từ ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 52) đến Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2821	1975	1693
22308	10	Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759)	Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49)	Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43)	Phường Phước Bình	8000	5600	4800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) đến Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	3840	2688	2304
22310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) đến Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	3072	2150	1843
22311		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) đến Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	2458	1721	1475
22312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) đến Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	3456	2419	2074
22313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) đến Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	2765	1936	1659
22314		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) đến Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	2212	1548	1327

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22315	11	Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759)	Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43)	hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 20	Phường Phước Bình	5900	4100	3500
22316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) đến hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2832	1982	1699
22317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) đến hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2266	1586	1360
22318		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) đến hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1813	1269	1088
22319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) đến hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2549	1784	1529
22320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) đến hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2039	1427	1223
22321		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) đến hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1632	1142	979

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22322	12	Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ)	Khu quy hoạch KDC Long Điền và Nghĩa địa Long Điền (từ ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 170, tờ bản đồ số 87)	Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 249, tờ bản đồ số 87) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 35, tờ bản đồ số 75))	Phường Phước Bình	2300	1600	1400
22323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Khu quy hoạch KDC Long Điền và Nghĩa địa Long Điền (từ ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 170, tờ bản đồ số 87) đến Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 249, tờ bản đồ số 87) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 35, tờ bản đồ số 75)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	1104	773	662
22324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Khu quy hoạch KDC Long Điền và Nghĩa địa Long Điền (từ ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 170, tờ bản đồ số 87) đến Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 249, tờ bản đồ số 87) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 35, tờ bản đồ số 75)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	883	618	530
22325		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Khu quy hoạch KDC Long Điền và Nghĩa địa Long Điền (từ ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 170, tờ bản đồ số 87) đến Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 249, tờ bản đồ số 87) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 35, tờ bản đồ số 75)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	706	494	424
22326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Khu quy hoạch KDC Long Điền và Nghĩa địa Long Điền (từ ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 170, tờ bản đồ số 87) đến Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 249, tờ bản đồ số 87) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 35, tờ bản đồ số 75)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	994	696	596

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Khu quy hoạch KDC Long Điền và Nghĩa địa Long Điền (từ ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 170, tờ bản đồ số 87) đến Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 249, tờ bản đồ số 87) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 35, tờ bản đồ số 75)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	795	557	477
22328		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Khu quy hoạch KDC Long Điền và Nghĩa địa Long Điền (từ ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 170, tờ bản đồ số 87) đến Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 249, tờ bản đồ số 87) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 35, tờ bản đồ số 75)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	635	445	381
22329	13	Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ)	Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (từ ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 54) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (từ ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 54))	Giáp ranh xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 16, tờ bản đồ số 54)	Phường Phước Bình	1500	1100	920
22330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (từ ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 54) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (từ ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 54)) đến Giáp ranh xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 16, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	720	504	432
22331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (từ ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 54) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (từ ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 54)) đến Giáp ranh xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 16, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	576	403	346

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22332		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (từ ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 54) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (từ ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 54)) đến Giáp ranh xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 16, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	461	323	277
22333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (từ ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 54) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (từ ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 54)) đến Giáp ranh xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 16, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	648	454	389
22334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (từ ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 54) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (từ ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 54)) đến Giáp ranh xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 16, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	518	363	311
22335		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (từ ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 54) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (từ ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 54)) đến Giáp ranh xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 16, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	415	291	249
22336	14	Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 1)	Ngã ba giao với ĐT 759	Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn	Phường Phước Bình	540	380	330
22337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 1) đoạn từ Ngã ba giao với ĐT 759 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	259	181	155

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 1) đoạn từ Ngã ba giao với ĐT 759 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	207	145	124
22339		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 1) đoạn từ Ngã ba giao với ĐT 759 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	166	116	100
22340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 1) đoạn từ Ngã ba giao với ĐT 759 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	233	163	140
22341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 1) đoạn từ Ngã ba giao với ĐT 759 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	186	130	112
22342		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 1) đoạn từ Ngã ba giao với ĐT 759 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	149	104	89
22343	15	Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 2)	Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn	Giáp ranh xã Bình Tân; hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 82 của ông Hoàng Hoàng Hào	Phường Phước Bình	500	350	300
22344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 2) đoạn từ Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn đến Giáp ranh xã Bình Tân; hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 82 của ông Hoàng Hoàng Hào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	240	168	144
22345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 2) đoạn từ Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn đến Giáp ranh xã Bình Tân; hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 82 của ông Hoàng Hoàng Hào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	192	134	115

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22346		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 2) đoạn từ Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn đến Giáp ranh xã Bình Tân; hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 82 của ông Hoàng Hoàng Hào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	154	108	92
22347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 2) đoạn từ Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn đến Giáp ranh xã Bình Tân; hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 82 của ông Hoàng Hoàng Hào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	216	151	130
22348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 2) đoạn từ Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn đến Giáp ranh xã Bình Tân; hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 82 của ông Hoàng Hoàng Hào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	173	121	104
22349		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 2) đoạn từ Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn đến Giáp ranh xã Bình Tân; hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 82 của ông Hoàng Hoàng Hào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	139	97	83
22350	16	Đường Long Hưng - Bình Sơn	Giáp ranh xã Bình Tân	Đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 107 của bà Phạm Thị Nguyệt	Phường Phước Bình	500	350	300
22351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến Đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 107 của bà Phạm Thị Nguyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	240	168	144
22352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến Đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 107 của bà Phạm Thị Nguyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	192	134	115
22353		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến Đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 107 của bà Phạm Thị Nguyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	154	108	92

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến Đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 107 của bà Phạm Thị Nguyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	216	151	130
22355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến Đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 107 của bà Phạm Thị Nguyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	173	121	104
22356		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến Đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 107 của bà Phạm Thị Nguyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	139	97	83
22357	17	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	540	380	330
22358	18	Đường Độc Lập	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành - Đường Độc Lập	Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110)	Phường Phước Bình	8500	6000	5100
22359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành - Đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4080	2856	2448
22360		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành - Đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3264	2285	1958
22361		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành - Đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2611	1828	1567

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành - Đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3672	2570	2203
22363		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành - Đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2938	2057	1763
22364		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành - Đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2350	1645	1410
22365	19	Đường Độc Lập	Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110)	Ngã ba giao đường Độc Lập - Đường Nguyễn Tất Thành và Ngã ba giao đường Độc Lập - Lê Trọng Tấn (hết ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 110)	Phường Phước Bình	10200	7100	6100
22366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110) đến Ngã ba giao đường Độc Lập - Đường Nguyễn Tất Thành và Ngã ba giao đường Độc Lập - Lê Trọng Tấn (hết ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 110) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4896	3427	2938
22367		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110) đến Ngã ba giao đường Độc Lập - Đường Nguyễn Tất Thành và Ngã ba giao đường Độc Lập - Lê Trọng Tấn (hết ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 110) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3917	2742	2350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22368		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110) đến Ngã ba giao đường Độc Lập - Đường Nguyễn Tất Thành và Ngã ba giao đường Độc Lập - Lê Trọng Tấn (hết ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 110) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	3134	2194	1880
22369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110) đến Ngã ba giao đường Độc Lập - Đường Nguyễn Tất Thành và Ngã ba giao đường Độc Lập - Lê Trọng Tấn (hết ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 110) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	4406	3084	2644
22370		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110) đến Ngã ba giao đường Độc Lập - Đường Nguyễn Tất Thành và Ngã ba giao đường Độc Lập - Lê Trọng Tấn (hết ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 110) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	3525	2468	2115
22371		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110) đến Ngã ba giao đường Độc Lập - Đường Nguyễn Tất Thành và Ngã ba giao đường Độc Lập - Lê Trọng Tấn (hết ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 110) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	2821	1975	1693
22372	20	Đường Phạm Hùng	Giáp đường Độc Lập	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Phước Bình	11000	7700	6600
22373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Giáp đường Độc Lập đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5280	3696	3168
22374		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Giáp đường Độc Lập đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4224	2957	2534

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22375		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Giáp đường Độc Lập đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3379	2365	2027
22376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Giáp đường Độc Lập đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4752	3326	2851
22377		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Giáp đường Độc Lập đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3802	2661	2281
22378		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Giáp đường Độc Lập đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3041	2129	1825
22379	21	Đường Lương Định Của	Nguyễn Kim	Phan Huy Ích	Phường Phước Bình	11000	7700	6600
22380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Định Của đoạn từ Nguyễn Kim đến Phan Huy Ích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5280	3696	3168
22381		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Định Của đoạn từ Nguyễn Kim đến Phan Huy Ích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4224	2957	2534
22382		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Định Của đoạn từ Nguyễn Kim đến Phan Huy Ích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3379	2365	2027
22383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Định Của đoạn từ Nguyễn Kim đến Phan Huy Ích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4752	3326	2851
22384		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Định Của đoạn từ Nguyễn Kim đến Phan Huy Ích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3802	2661	2281

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22385		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Định Của đoạn từ Nguyễn Kim đến Phan Huy Ích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3041	2129	1825
22386	22	Đường Phan Huy Ích	thửa đất 143 tờ bản đồ số 53	Đinh Văn Chất	Phường Phước Bình	11000	7700	6600
22387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ thửa đất 143 tờ bản đồ số 53 đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5280	3696	3168
22388		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ thửa đất 143 tờ bản đồ số 53 đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4224	2957	2534
22389		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ thửa đất 143 tờ bản đồ số 53 đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3379	2365	2027
22390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ thửa đất 143 tờ bản đồ số 53 đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4752	3326	2851
22391		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ thửa đất 143 tờ bản đồ số 53 đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3802	2661	2281
22392		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ thửa đất 143 tờ bản đồ số 53 đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3041	2129	1825
22393	23	Đường Nguyễn Kim	Nguyễn Tất Thành	Đinh Văn Chất	Phường Phước Bình	11000	7700	6600
22394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Kim đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5280	3696	3168

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22395		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Kim đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4224	2957	2534
22396		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Kim đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3379	2365	2027
22397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Kim đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4752	3326	2851
22398		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Kim đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3802	2661	2281
22399		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Kim đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3041	2129	1825
22400	24	Đường Đinh Văn Chất	Đường 3 tháng 2	Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50)	Phường Phước Bình	10200	7100	6100
22401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4896	3427	2938
22402		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3917	2742	2350
22403		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3134	2194	1880

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4406	3084	2644
22405		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3525	2468	2115
22406		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2821	1975	1693
22407	25	Đường Đinh Văn Chất	Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50)	Đường Phạm Hùng	Phường Phước Bình	6100	4300	3700
22408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2928	2050	1757
22409		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2342	1639	1405
22410		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1874	1312	1124
22411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2635	1845	1581

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22412		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2108	1476	1265
22413		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1687	1181	1012
22414	26	Đường Đặng Văn Ngữ	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	11600	8200	7000
22415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5568	3898	3341
22416		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4454	3118	2672
22417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3563	2494	2138
22418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5011	3508	3007
22419		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4009	2806	2405
22420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3207	2245	1924
22421	27	Đường Lê Văn Sỹ	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	10200	7100	6100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4896	3427	2938
22423		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3917	2742	2350
22424		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3134	2194	1880
22425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4406	3084	2644
22426		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3525	2468	2115
22427		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2821	1975	1693
22428	28	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Điểu Ong	Đường Trường Chinh	Phường Phước Bình	11000	7700	6600
22429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Điểu Ong đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5280	3696	3168
22430		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Điểu Ong đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4224	2957	2534
22431		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Điểu Ong đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3379	2365	2027

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Điều Ong đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4752	3326	2851
22433		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Điều Ong đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3802	2661	2281
22434		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Điều Ong đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3041	2129	1825
22435	29	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp	Phường Phước Bình	10200	7100	6100
22436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4896	3427	2938
22437		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3917	2742	2350
22438		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3134	2194	1880
22439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4406	3084	2644
22440		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3525	2468	2115

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22441		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2821	1975	1693
22442	30	Đường Đoàn Đức Thái	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Nơ Trang Long	Phường Phước Bình	9400	6600	5700
22443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4512	3158	2707
22444		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3610	2527	2166
22445		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2888	2022	1733
22446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4061	2843	2437
22447		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3249	2274	1949
22448		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2599	1819	1559
22449	31	Đường Điểu Ong	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	11000	7700	6600
22450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5280	3696	3168

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22451		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4224	2957	2534
22452		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3379	2365	2027
22453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4752	3326	2851
22454		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3802	2661	2281
22455		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3041	2129	1825
22456	32	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Độc Lập	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Phước Bình	13100	9200	7900
22457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	6288	4402	3773
22458		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	5030	3521	3018
22459		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	4024	2817	2414

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5659	3961	3395
22461		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4527	3169	2716
22462		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3622	2535	2173
22463	33	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phường Phước Bình	12400	8700	7400
22464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5952	4166	3571
22465		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4762	3333	2857
22466		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3810	2667	2286
22467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5357	3750	3214
22468		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4286	3000	2572

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22469		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3429	2400	2057
22470	34	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Mai Chí Thọ	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Phước Bình	11000	7700	6600
22471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5280	3696	3168
22472		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4224	2957	2534
22473		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3379	2365	2027
22474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4752	3326	2851
22475		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3802	2661	2281
22476		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3041	2129	1825
22477	35	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Độc Lập	Đường Lê Anh Xuân	Phường Phước Bình	8800	6100	5300
22478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Lê Anh Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4224	2957	2534

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22479		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Lê Anh Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3379	2365	2027
22480		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Lê Anh Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2703	1892	1622
22481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Lê Anh Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3802	2661	2281
22482		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Lê Anh Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3041	2129	1825
22483		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Lê Anh Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2433	1703	1460
22484	36	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Phùng Khắc Khoan	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Phước Bình	8800	6100	5300
22485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4224	2957	2534
22486		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3379	2365	2027
22487		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2703	1892	1622

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3802	2661	2281
22489		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3041	2129	1825
22490		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2433	1703	1460
22491	37	Đường Trường Chinh	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	16100	11200	9600
22492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	7728	5410	4637
22493		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	6182	4327	3709
22494		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	4946	3462	2968
22495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	6955	4869	4173
22496		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	5564	3895	3338

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22497		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	4451	3116	2671
22498	38	Đường Lê Duẩn	Đường Mai Chí Thọ	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Phước Bình	11000	7700	6600
22499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5280	3696	3168
22500		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4224	2957	2534
22501		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3379	2365	2027
22502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4752	3326	2851
22503		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3802	2661	2281
22504		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3041	2129	1825
22505	39	Đường Lê Anh Xuân	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Trường Chinh	Phường Phước Bình	8800	6100	5300
22506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4224	2957	2534

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22507		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3379	2365	2027
22508		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2703	1892	1622
22509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3802	2661	2281
22510		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3041	2129	1825
22511		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2433	1703	1460
22512	40	Đường Lê Anh Xuân	Đường Trường Chinh	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	8000	5600	4800
22513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3840	2688	2304
22514		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3072	2150	1843
22515		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2458	1721	1475
22516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3456	2419	2074

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22517		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2765	1936	1659
22518		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2212	1548	1327
22519	41	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Độc Lập	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Phước Bình	11000	7700	6600
22520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5280	3696	3168
22521		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4224	2957	2534
22522		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3379	2365	2027
22523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4752	3326	2851
22524		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3802	2661	2281
22525		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3041	2129	1825
22526	42	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phường Phước Bình	9400	6600	5700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4512	3158	2707
22528		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3610	2527	2166
22529		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2888	2022	1733
22530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4061	2843	2437
22531		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3249	2274	1949
22532		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2599	1819	1559
22533	43	Đường Bế Văn Đàn	Đường Bùi Văn Dù	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	7300	5100	4400
22534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bế Văn Đàn đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3504	2453	2102
22535		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bế Văn Đàn đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2803	1962	1682
22536		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bế Văn Đàn đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2242	1569	1345

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bế Văn Đàn đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3154	2208	1892
22538		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bế Văn Đàn đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2523	1766	1514
22539		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bế Văn Đàn đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2018	1413	1211
22540	44	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã ba đường Võ Văn Kiệt - Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26)	Phường Phước Bình	9400	6600	5700
22541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Võ Văn Kiệt - Đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4512	3158	2707
22542		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Võ Văn Kiệt - Đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3610	2527	2166
22543		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Võ Văn Kiệt - Đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2888	2022	1733
22544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Võ Văn Kiệt - Đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4061	2843	2437

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22545		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Võ Văn Kiệt - Đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3249	2274	1949
22546		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Võ Văn Kiệt - Đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2599	1819	1559
22547	45	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26)	Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 7)	Phường Phước Bình	6800	4800	4100
22548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) đến Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3264	2285	1958
22549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) đến Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2611	1828	1567
22550		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) đến Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2089	1462	1253
22551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) đến Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2938	2057	1763

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) đến Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2350	1645	1410
22553		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) đến Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1880	1316	1128
22554	46	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (từ ranh thửa đất 65, 13, cùng thuộc tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 101)	Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (thửa đất số 89 và thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78)	Phường Phước Bình	3200	2300	1900
22555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (từ ranh thửa đất 65, 13, cùng thuộc tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 101) đến Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (thửa đất số 89 và thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1536	1075	922
22556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (từ ranh thửa đất 65, 13, cùng thuộc tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 101) đến Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (thửa đất số 89 và thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1229	860	737
22557		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (từ ranh thửa đất 65, 13, cùng thuộc tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 101) đến Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (thửa đất số 89 và thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	983	688	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (từ ranh thửa đất 65, 13, cùng thuộc tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 101) đến Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (thửa đất số 89 và thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	1382	967	829
22559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (từ ranh thửa đất 65, 13, cùng thuộc tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 101) đến Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (thửa đất số 89 và thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	1106	774	664
22560		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (từ ranh thửa đất 65, 13, cùng thuộc tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 101) đến Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (thửa đất số 89 và thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	885	620	531
22561	47	Đường Võ Văn Kiệt	Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (hết ranh thửa đất số 89 và hết ranh thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78)	Đường Lý Tự Trọng	Phường Phước Bình	1800	1300	1100
22562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (hết ranh thửa đất số 89 và hết ranh thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	864	605	518
22563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (hết ranh thửa đất số 89 và hết ranh thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	691	484	415
22564		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (hết ranh thửa đất số 89 và hết ranh thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	553	387	332

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (hết ranh thửa đất số 89 và hết ranh thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	778	545	467
22566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (hết ranh thửa đất số 89 và hết ranh thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	622	435	373
22567		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (hết ranh thửa đất số 89 và hết ranh thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	498	349	299
22568	48	Đường Phan Đình Giót	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	9400	6600	5700
22569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4512	3158	2707
22570		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3610	2527	2166
22571		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2888	2022	1733
22572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4061	2843	2437
22573		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3249	2274	1949

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22574		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2599	1819	1559
22575	49	Đường Mai Chí Thọ	Giao lộ Lê Duẩn - Phùng Khắc Khoan	Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Phùng Khắc Khoan	Phường Phước Bình	6500	4600	3900
22576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Phùng Khắc Khoan đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3120	2184	1872
22577		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Phùng Khắc Khoan đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2496	1747	1498
22578		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Phùng Khắc Khoan đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1997	1398	1198
22579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Phùng Khắc Khoan đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2808	1966	1685
22580		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Phùng Khắc Khoan đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2246	1572	1348
22581		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Phùng Khắc Khoan đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1797	1258	1078
22582	50	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Phạm Hùng	Đường Võ Văn Kiệt	Phường Phước Bình	9400	6600	5700
22583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4512	3158	2707

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22584		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3610	2527	2166
22585		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2888	2022	1733
22586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4061	2843	2437
22587		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3249	2274	1949
22588		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2599	1819	1559
22589	51	Đường Phùng Khắc Khoan	Giao lộ Lê Duẩn - Mai Chí Thọ	Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Mai Chí Thọ	Phường Phước Bình	6500	4600	3900
22590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Mai Chí Thọ đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Mai Chí Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3120	2184	1872
22591		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Mai Chí Thọ đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Mai Chí Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2496	1747	1498
22592		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Mai Chí Thọ đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Mai Chí Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1997	1398	1198

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Mai Chí Thọ đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Mai Chí Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2808	1966	1685
22594		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Mai Chí Thọ đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Mai Chí Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2246	1572	1348
22595		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Mai Chí Thọ đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Mai Chí Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1797	1258	1078
22596	52	Đường Lý Thường Kiệt	Giáp đường Võ Văn Kiệt	Giáp đường Phạm Hùng	Phường Phước Bình	8800	6100	5300
22597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Giáp đường Võ Văn Kiệt đến Giáp đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4224	2957	2534
22598		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Giáp đường Võ Văn Kiệt đến Giáp đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3379	2365	2027
22599		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Giáp đường Võ Văn Kiệt đến Giáp đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2703	1892	1622
22600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Giáp đường Võ Văn Kiệt đến Giáp đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3802	2661	2281
22601		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Giáp đường Võ Văn Kiệt đến Giáp đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3041	2129	1825

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22602		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Giáp đường Võ Văn Kiệt đến Giáp đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2433	1703	1460
22603	53	Đường Tô Hiệu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Văn Kiệt	Phường Phước Bình	7300	5100	4400
22604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3504	2453	2102
22605		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2803	1962	1682
22606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2242	1569	1345
22607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3154	2208	1892
22608		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2523	1766	1514
22609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2018	1413	1211
22610	54	Đường Nguyễn Duy Trinh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Văn Kiệt	Phường Phước Bình	7300	5100	4400
22611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Duy Trinh đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3504	2453	2102

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Duy Trinh đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2803	1962	1682
22613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Duy Trinh đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2242	1569	1345
22614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Duy Trinh đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3154	2208	1892
22615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Duy Trinh đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2523	1766	1514
22616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Duy Trinh đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2018	1413	1211
22617	55	Đường Trần Văn Trà	Đường Phạm Hùng	Đường Võ Văn Kiệt	Phường Phước Bình	12400	8700	7400
22618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5952	4166	3571
22619		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4762	3333	2857
22620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3810	2667	2286
22621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5357	3750	3214

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22622		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4286	3000	2572
22623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3429	2400	2057
22624	56	Đường Nơ Trang Long	Toàn tuyến	<Null>	Phường Phước Bình	7300	5100	4400
22625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3504	2453	2102
22626		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2803	1962	1682
22627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2242	1569	1345
22628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3154	2208	1892
22629		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2523	1766	1514
22630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2018	1413	1211
22631	57	Đường Trần Xuân Soạn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Văn Kiệt	Phường Phước Bình	7300	5100	4400
22632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3504	2453	2102

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22633		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2803	1962	1682
22634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2242	1569	1345
22635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3154	2208	1892
22636		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2523	1766	1514
22637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2018	1413	1211
22638	58	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Phước Bình	13900	9700	8300
22639		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	6672	4670	4003
22640		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	5338	3737	3203
22641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	4270	2989	2562

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22642		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	6005	4204	3603
22643		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4804	3363	2882
22644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3843	2690	2306
22645	59	Đường Phan Chu Trinh	Đường Lê Duẩn	Đường Võ Văn Kiệt	Phường Phước Bình	9400	6600	5700
22646		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4512	3158	2707
22647		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3610	2527	2166
22648		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2888	2022	1733
22649		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4061	2843	2437
22650		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3249	2274	1949
22651		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2599	1819	1559

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22652	60	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	Phường Phước Bình	14200	9900	8500
22653		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Đặng Văn Ngữ đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	6816	4771	4090
22654		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Đặng Văn Ngữ đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	5453	3817	3272
22655		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Đặng Văn Ngữ đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	4362	3053	2617
22656		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Đặng Văn Ngữ đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	6134	4294	3680
22657		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Đặng Văn Ngữ đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4908	3436	2945
22658		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Đặng Văn Ngữ đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3926	2748	2356
22659	61	Đường Tố Hữu	Đường Phạm Hùng	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	8000	5600	4800
22660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tố Hữu đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3840	2688	2304
22661		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tố Hữu đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3072	2150	1843

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22662		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tố Hữu đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2458	1721	1475
22663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tố Hữu đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3456	2419	2074
22664		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tố Hữu đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2765	1936	1659
22665		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tố Hữu đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2212	1548	1327
22666	62	Đường Tô Ngọc Vân	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	8000	5600	4800
22667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Ngọc Vân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3840	2688	2304
22668		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Ngọc Vân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3072	2150	1843
22669		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Ngọc Vân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2458	1721	1475
22670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Ngọc Vân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3456	2419	2074
22671		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Ngọc Vân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2765	1936	1659
22672		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Ngọc Vân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2212	1548	1327

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22673	63	Đường Bùi Văn Dù	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	8000	5600	4800
22674		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Dù đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3840	2688	2304
22675		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Dù đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3072	2150	1843
22676		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Dù đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2458	1721	1475
22677		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Dù đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3456	2419	2074
22678		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Dù đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2765	1936	1659
22679		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Dù đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2212	1548	1327
22680	64	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp	Phường Phước Bình	8000	5600	4800
22681		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3840	2688	2304
22682		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3072	2150	1843

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22683		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2458	1721	1475
22684		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3456	2419	2074
22685		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2765	1936	1659
22686		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2212	1548	1327
22687	65	Đường Hoài Thanh	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	8000	5600	4800
22688		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoài Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3840	2688	2304
22689		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoài Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3072	2150	1843
22690		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoài Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2458	1721	1475
22691		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoài Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3456	2419	2074
22692		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoài Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2765	1936	1659

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22693		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoài Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2212	1548	1327
22694	66	Đường Nguyễn Văn Siêu	đường Lý Thường Kiệt	Nguyễn Hữu Thọ	Phường Phước Bình	7300	5100	4400
22695		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3504	2453	2102
22696		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2803	1962	1682
22697		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2242	1569	1345
22698		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3154	2208	1892
22699		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2523	1766	1514
22700		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2018	1413	1211
22701	67	Đường Nguyễn Huy Tự	đường Võ Văn Kiệt	Nguyễn Văn Siêu	Phường Phước Bình	7300	5100	4400
22702		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huy Tự đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến Nguyễn Văn Siêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3504	2453	2102

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22703		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huy Tự đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến Nguyễn Văn Siêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2803	1962	1682
22704		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huy Tự đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến Nguyễn Văn Siêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2242	1569	1345
22705		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huy Tự đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến Nguyễn Văn Siêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3154	2208	1892
22706		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huy Tự đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến Nguyễn Văn Siêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2523	1766	1514
22707		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huy Tự đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến Nguyễn Văn Siêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2018	1413	1211
22708	68	Đường Lê Thị Hồng Gấm	đường Nguyễn Tri Phương	hết thửa đất số 26 tờ bản đồ số 30	Phường Phước Bình	7300	5100	4400
22709		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến hết thửa đất số 26 tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3504	2453	2102
22710		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến hết thửa đất số 26 tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2803	1962	1682
22711		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến hết thửa đất số 26 tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2242	1569	1345

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22712		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến hết thửa đất số 26 tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3154	2208	1892
22713		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến hết thửa đất số 26 tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2523	1766	1514
22714		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến hết thửa đất số 26 tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2018	1413	1211
22715	69	Đường Nguyễn Thái Học	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước)	Phường Phước Bình	7300	5100	4400
22716		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3504	2453	2102
22717		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2803	1962	1682
22718		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2242	1569	1345

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22719		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3154	2208	1892
22720		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2523	1766	1514
22721		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2018	1413	1211
22722	70	Đường Nguyễn Thái Học	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước)	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước)	Phường Phước Bình	5900	4100	3500
22723		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2832	1982	1699

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22724		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2266	1586	1360
22725		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1813	1269	1088
22726		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2549	1784	1529
22727		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2039	1427	1223
22728		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1632	1142	979

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22729	71	Đường Nguyễn Thái Học	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước)	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước)	Phường Phước Bình	4300	3000	2600
22730		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	2064	1445	1238
22731		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	1651	1156	991
22732		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	1321	925	793
22733		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	1858	1301	1115

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22734		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1486	1040	892
22735		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1189	832	713
22736	72	Đường Nguyễn Thái Học	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước)	Giáp ranh xã Bình Tân, (hết ranh thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước)	Phường Phước Bình	3700	2600	2200
22737		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) đến Giáp ranh xã Bình Tân, (hết ranh thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1776	1243	1066
22738		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) đến Giáp ranh xã Bình Tân, (hết ranh thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1421	995	853

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22739		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) đến Giáp ranh xã Bình Tân, (hết ranh thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1137	796	682
22740		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) đến Giáp ranh xã Bình Tân, (hết ranh thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1598	1119	959
22741		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) đến Giáp ranh xã Bình Tân, (hết ranh thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1279	895	767
22742		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) đến Giáp ranh xã Bình Tân, (hết ranh thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1023	716	614
22743	73	Đường Hàn Thuyên	Đường 3 tháng 2	Đường Phạm Hùng	Phường Phước Bình	4200	2900	2500
22744		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2016	1411	1210
22745		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1613	1129	968

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22746		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1290	903	774
22747		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1814	1270	1088
22748		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1452	1016	871
22749		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1161	813	697
22750	74	Đường Lê Văn Ngôn	Đường 3 tháng 2	Đường Đặng Trần Côn	Phường Phước Bình	4100	2900	2400
22751		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Ngôn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1968	1378	1181
22752		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Ngôn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1574	1102	944
22753		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Ngôn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1259	881	755
22754		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Ngôn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1771	1240	1063
22755		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Ngôn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1417	992	850

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22756		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Ngôn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1133	793	680
22757	75	Đường Lê Văn Hưu	Thửa đất số 75 tờ bản đồ số 49	Đường Phạm Hùng	Phường Phước Bình	4000	2800	2400
22758		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Thửa đất số 75 tờ bản đồ số 49 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1920	1344	1152
22759		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Thửa đất số 75 tờ bản đồ số 49 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1536	1075	922
22760		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Thửa đất số 75 tờ bản đồ số 49 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1229	860	737
22761		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Thửa đất số 75 tờ bản đồ số 49 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1728	1210	1037
22762		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Thửa đất số 75 tờ bản đồ số 49 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1382	967	829
22763		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Thửa đất số 75 tờ bản đồ số 49 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1106	774	664
22764	76	Đường Nguyễn Hiền	Đường 3 tháng 2	Đường Phạm Hùng	Phường Phước Bình	3900	2700	2300
22765		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1872	1310	1123

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22766		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1498	1049	899
22767		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1198	839	719
22768		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1685	1180	1011
22769		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1348	944	809
22770		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1078	755	647
22771	77	Đường Đoàn Nhữ Hài	Đường 3 tháng 2	Đường Phạm Hùng	Phường Phước Bình	3800	2700	2300
22772		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Nhữ Hài đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1824	1277	1094
22773		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Nhữ Hài đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1459	1021	875
22774		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Nhữ Hài đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1167	817	700
22775		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Nhữ Hài đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1642	1149	985

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22776		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Nhữ Hài đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1313	919	788
22777		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Nhữ Hài đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1050	735	630
22778	78	Đường Lê Quát	Đường 3 tháng 2	Đường Đặng Trần Côn	Phường Phước Bình	3800	2700	2300
22779		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1824	1277	1094
22780		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1459	1021	875
22781		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1167	817	700
22782		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1642	1149	985
22783		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1313	919	788
22784		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1050	735	630
22785	79	Đường Đặng Tất	Đường 3 tháng 2	Đường Đặng Trần Côn	Phường Phước Bình	3700	2600	2200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22786		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Tất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1776	1243	1066
22787		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Tất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1421	995	853
22788		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Tất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1137	796	682
22789		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Tất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1598	1119	959
22790		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Tất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1279	895	767
22791		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Tất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1023	716	614
22792	80	Đường Đặng Trần Côn	Đường 3 tháng 2	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Phước Bình	5100	3600	3100
22793		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Trần Côn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2448	1714	1469
22794		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Trần Côn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1958	1371	1175
22795		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Trần Côn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1566	1096	940

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22796		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Trần Côn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2203	1542	1322
22797		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Trần Côn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1762	1233	1057
22798		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Trần Côn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1409	986	845
22799	81	Đường Hồ Văn Huê	Đường Đặng Trần Côn	Đường Hoàng Lệ Kha	Phường Phước Bình	3700	2600	2200
22800		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1776	1243	1066
22801		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1421	995	853
22802		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1137	796	682
22803		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1598	1119	959
22804		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1279	895	767

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22805		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1023	716	614
22806	82	Đường Nguyễn Nghiêm	Đường 3 tháng 2	Đường Hoàng Lệ Kha	Phường Phước Bình	3700	2600	2200
22807		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Nghiêm đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1776	1243	1066
22808		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Nghiêm đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1421	995	853
22809		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Nghiêm đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1137	796	682
22810		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Nghiêm đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1598	1119	959
22811		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Nghiêm đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1279	895	767
22812		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Nghiêm đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1023	716	614
22813	83	Đường Lương Khánh Thiện	Đường 3 tháng 2	Đường Hoàng Lệ Kha	Phường Phước Bình	3700	2600	2200
22814		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Khánh Thiện đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1776	1243	1066

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22815		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Khánh Thiện đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1421	995	853
22816		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Khánh Thiện đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1137	796	682
22817		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Khánh Thiện đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1598	1119	959
22818		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Khánh Thiện đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1279	895	767
22819		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Khánh Thiện đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1023	716	614
22820	84	Đường Hoàng Lệ Kha	Đường 3 tháng 2	Đường Đặng Trần Côn	Phường Phước Bình	3700	2600	2200
22821		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Lệ Kha đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1776	1243	1066
22822		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Lệ Kha đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1421	995	853
22823		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Lệ Kha đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1137	796	682
22824		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Lệ Kha đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1598	1119	959

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22825		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Lệ Kha đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1279	895	767
22826		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Lệ Kha đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1023	716	614
22827	85	Đường Phan Bá Vành	Đường Lương Khánh Thiện	Đường Đinh Văn Chất	Phường Phước Bình	4000	2800	2400
22828		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bá Vành đoạn từ Đường Lương Khánh Thiện đến Đường Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1920	1344	1152
22829		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bá Vành đoạn từ Đường Lương Khánh Thiện đến Đường Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1536	1075	922
22830		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bá Vành đoạn từ Đường Lương Khánh Thiện đến Đường Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1229	860	737
22831		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bá Vành đoạn từ Đường Lương Khánh Thiện đến Đường Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1728	1210	1037
22832		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bá Vành đoạn từ Đường Lương Khánh Thiện đến Đường Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1382	967	829
22833		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bá Vành đoạn từ Đường Lương Khánh Thiện đến Đường Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1106	774	664
22834	86	Đường từ đường Tú Xương đến đường Vườn Ươm	Ngã ba đường Tú Xương	Ngã ba đường Vườn Ươm	Phường Phước Bình	2900	2000	1700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22835		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Tú Xương đến đường Vườn Ươm đoạn từ Ngã ba đường Tú Xương đến Ngã ba đường Vườn Ươm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1392	974	835
22836		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Tú Xương đến đường Vườn Ươm đoạn từ Ngã ba đường Tú Xương đến Ngã ba đường Vườn Ươm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1114	780	668
22837		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Tú Xương đến đường Vườn Ươm đoạn từ Ngã ba đường Tú Xương đến Ngã ba đường Vườn Ươm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	891	624	535
22838		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Tú Xương đến đường Vườn Ươm đoạn từ Ngã ba đường Tú Xương đến Ngã ba đường Vườn Ươm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1253	877	752
22839		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Tú Xương đến đường Vườn Ươm đoạn từ Ngã ba đường Tú Xương đến Ngã ba đường Vườn Ươm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1003	702	602
22840		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Tú Xương đến đường Vườn Ươm đoạn từ Ngã ba đường Tú Xương đến Ngã ba đường Vườn Ươm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	802	561	481
22841	87	Đường từ đường 3 tháng 2 đến đường Hoàng Lệ Kha (khu phố Long Phước)	Ngã ba đường 3 tháng 2 (từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 28)	Tiếp giáp ngã tư đường Hoàng Lệ Kha (hết ranh thửa đất số 80, tờ bản đồ số 28)	Phường Phước Bình	3300	2300	2000
22842		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường 3 tháng 2 đến đường Hoàng Lệ Kha (khu phố Long Phước) đoạn từ Ngã ba đường 3 tháng 2 (từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 28) đến Tiếp giáp ngã tư đường Hoàng Lệ Kha (hết ranh thửa đất số 80, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1584	1109	950

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22843		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường 3 tháng 2 đến đường Hoàng Lệ Kha (khu phố Long Phước) đoạn từ Ngã ba đường 3 tháng 2 (từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 28) đến Tiếp giáp ngã tư đường Hoàng Lệ Kha (hết ranh thửa đất số 80, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1267	887	760
22844		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường 3 tháng 2 đến đường Hoàng Lệ Kha (khu phố Long Phước) đoạn từ Ngã ba đường 3 tháng 2 (từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 28) đến Tiếp giáp ngã tư đường Hoàng Lệ Kha (hết ranh thửa đất số 80, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1014	710	608
22845		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường 3 tháng 2 đến đường Hoàng Lệ Kha (khu phố Long Phước) đoạn từ Ngã ba đường 3 tháng 2 (từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 28) đến Tiếp giáp ngã tư đường Hoàng Lệ Kha (hết ranh thửa đất số 80, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1426	998	856
22846		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường 3 tháng 2 đến đường Hoàng Lệ Kha (khu phố Long Phước) đoạn từ Ngã ba đường 3 tháng 2 (từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 28) đến Tiếp giáp ngã tư đường Hoàng Lệ Kha (hết ranh thửa đất số 80, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1140	798	684
22847		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường 3 tháng 2 đến đường Hoàng Lệ Kha (khu phố Long Phước) đoạn từ Ngã ba đường 3 tháng 2 (từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 28) đến Tiếp giáp ngã tư đường Hoàng Lệ Kha (hết ranh thửa đất số 80, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	913	639	548
22848	88	Đường Tú Xương	Đường 3 tháng 2	Đường liên khu vực 1 (Đường nối giữa Đường ĐT 741 và Đường ĐT 759)	Phường Phước Bình	4300	3000	2600
22849		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường liên khu vực 1 (Đường nối giữa Đường ĐT 741 và Đường ĐT 759) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2064	1445	1238

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22850		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường liên khu vực 1 (Đường nối giữa Đường ĐT 741 và Đường ĐT 759) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1651	1156	991
22851		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường liên khu vực 1 (Đường nối giữa Đường ĐT 741 và Đường ĐT 759) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1321	925	793
22852		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường liên khu vực 1 (Đường nối giữa Đường ĐT 741 và Đường ĐT 759) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1858	1301	1115
22853		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường liên khu vực 1 (Đường nối giữa Đường ĐT 741 và Đường ĐT 759) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1486	1040	892
22854		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường liên khu vực 1 (Đường nối giữa Đường ĐT 741 và Đường ĐT 759) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1189	832	713
22855	89	Các đường nội ô Long Điền 9 (5 tuyến)	Đường 3 tháng 2	Đường Tú Xương	Phường Phước Bình	3700	2600	2200
22856		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường nội ô Long Điền 9 (5 tuyến) đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Tú Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1776	1243	1066
22857		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường nội ô Long Điền 9 (5 tuyến) đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Tú Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1421	995	853
22858		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường nội ô Long Điền 9 (5 tuyến) đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Tú Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1137	796	682

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22859		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường nội ô Long Điền 9 (5 tuyến) đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Tú Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1598	1119	959
22860		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường nội ô Long Điền 9 (5 tuyến) đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Tú Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1279	895	767
22861		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường nội ô Long Điền 9 (5 tuyến) đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Tú Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1023	716	614
22862	90	Đường Vườn Ươm khu phố 3	Đường Tú Xương (hết thửa đất số 163, tờ bản đồ số 10)	Hết ranh thửa đất số 102 tờ bản đồ số 11, phường Phước Bình	Phường Phước Bình	1800	1200	1100
22863		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ươm khu phố 3 đoạn từ Đường Tú Xương (hết thửa đất số 163, tờ bản đồ số 10) đến Hết ranh thửa đất số 102 tờ bản đồ số 11, phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	864	605	518
22864		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ươm khu phố 3 đoạn từ Đường Tú Xương (hết thửa đất số 163, tờ bản đồ số 10) đến Hết ranh thửa đất số 102 tờ bản đồ số 11, phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	691	484	415
22865		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ươm khu phố 3 đoạn từ Đường Tú Xương (hết thửa đất số 163, tờ bản đồ số 10) đến Hết ranh thửa đất số 102 tờ bản đồ số 11, phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	553	387	332
22866		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ươm khu phố 3 đoạn từ Đường Tú Xương (hết thửa đất số 163, tờ bản đồ số 10) đến Hết ranh thửa đất số 102 tờ bản đồ số 11, phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	778	545	467

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22867		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ươm khu phố 3 đoạn từ Đường Tú Xương (hết thửa đất số 163, tờ bản đồ số 10) đến Hết ranh thửa đất số 102 tờ bản đồ số 11, phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	622	435	373
22868		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ươm khu phố 3 đoạn từ Đường Tú Xương (hết thửa đất số 163, tờ bản đồ số 10) đến Hết ranh thửa đất số 102 tờ bản đồ số 11, phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	498	349	299
22869	91	Đường Nguyễn Khuyến	Ngã ba Nguyễn Khuyến - đường Nguyễn Tất Thành	Đường Hồ Tùng Mậu	Phường Phước Bình	5400	3800	3300
22870		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Ngã ba Nguyễn Khuyến - đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Hồ Tùng Mậu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2592	1814	1555
22871		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Ngã ba Nguyễn Khuyến - đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Hồ Tùng Mậu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2074	1452	1244
22872		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Ngã ba Nguyễn Khuyến - đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Hồ Tùng Mậu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1659	1161	995
22873		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Ngã ba Nguyễn Khuyến - đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Hồ Tùng Mậu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2333	1633	1400
22874		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Ngã ba Nguyễn Khuyến - đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Hồ Tùng Mậu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1867	1307	1120
22875		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Ngã ba Nguyễn Khuyến - đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Hồ Tùng Mậu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1493	1045	896

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22876	92	Đường Bom Bo	Đường Võ Nguyên Giáp	đường Võ Văn Kiệt	Phường Phước Bình	8000	5600	4800
22877		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bom Bo đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3840	2688	2304
22878		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bom Bo đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3072	2150	1843
22879		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bom Bo đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2458	1721	1475
22880		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bom Bo đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3456	2419	2074
22881		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bom Bo đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2765	1936	1659
22882		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bom Bo đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2212	1548	1327
22883	93	Đường Võ Thị Sáu	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	7300	5100	4400
22884		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3504	2453	2102
22885		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2803	1962	1682
22886		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2242	1569	1345

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22887		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3154	2208	1892
22888		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2523	1766	1514
22889		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2018	1413	1211
22890	94	Đường nội ô khu dân cư Thành Phương	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	11600	8200	7000
22891		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô khu dân cư Thành Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5568	3898	3341
22892		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô khu dân cư Thành Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4454	3118	2672
22893		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô khu dân cư Thành Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3563	2494	2138
22894		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô khu dân cư Thành Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5011	3508	3007
22895		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô khu dân cư Thành Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4009	2806	2405
22896		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô khu dân cư Thành Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3207	2245	1924
22897	95	Các tuyến đường còn lại trong khu TTHC thị xã Phước Long (cũ)	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	7300	5100	4400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22898		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại trong khu TTHC thị xã Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3504	2453	2102
22899		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại trong khu TTHC thị xã Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2803	1962	1682
22900		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại trong khu TTHC thị xã Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2242	1569	1345
22901		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại trong khu TTHC thị xã Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3154	2208	1892
22902		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại trong khu TTHC thị xã Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2523	1766	1514
22903		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại trong khu TTHC thị xã Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2018	1413	1211
22904	96	Đường Lý Tự Trọng	Ngã tư đường Lý Tự Trọng - đường Hùng Vương - đường Lê Quang Định	Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền)	Phường Phước Bình	2900	2000	1700
22905		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng - đường Hùng Vương - đường Lê Quang Định đến Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1392	974	835
22906		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng - đường Hùng Vương - đường Lê Quang Định đến Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1114	780	668

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22907		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng - đường Hùng Vương - đường Lê Quang Định đến Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	891	624	535
22908		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng - đường Hùng Vương - đường Lê Quang Định đến Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1253	877	752
22909		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng - đường Hùng Vương - đường Lê Quang Định đến Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1003	702	602
22910		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng - đường Hùng Vương - đường Lê Quang Định đến Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	802	561	481
22911	97	Đường Lý Tự Trọng	Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền)	Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55)	Phường Phước Bình	1500	1100	920
22912		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) đến Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	720	504	432
22913		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) đến Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	576	403	346

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22914		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) đến Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	461	323	277
22915		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) đến Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	648	454	389
22916		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) đến Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	518	363	311
22917		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) đến Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	415	291	249
22918	98	Đường Lý Tự Trọng	Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55)	Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62)	Phường Phước Bình	1100	770	660
22919		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	528	370	317
22920		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	422	295	253

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22921		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	338	237	203
22922		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	475	333	285
22923		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	380	266	228
22924		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	304	213	182
22925	99	Đường Lý Tự Trọng	Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62)	Giáp ranh phường Phước Long	Phường Phước Bình	1700	1200	1000
22926		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	816	571	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22927		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	653	457	392
22928		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	522	365	313
22929		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	734	514	440
22930		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	588	412	353
22931		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	470	329	282
22932	100	Đường Văn Cao	Đường Trần Quốc Thảo	đường Hùng Vương	Phường Phước Bình	2400	1700	1400
22933		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Trần Quốc Thảo đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1152	806	691
22934		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Trần Quốc Thảo đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	922	645	553

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22935		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Trần Quốc Thảo đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	738	517	443
22936		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Trần Quốc Thảo đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1037	726	622
22937		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Trần Quốc Thảo đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	830	581	498
22938		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Trần Quốc Thảo đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	664	465	398
22939	101	Đường Nguyễn Phan Chánh	Đường 3 tháng 2	đường Đinh Lễ	Phường Phước Bình	2900	2000	1700
22940		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phan Chánh đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1392	974	835
22941		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phan Chánh đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1114	780	668
22942		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phan Chánh đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	891	624	535
22943		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phan Chánh đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1253	877	752
22944		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phan Chánh đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1003	702	602

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22945		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phan Chánh đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	802	561	481
22946	102	Đường Lê Quang Định	Đường Võ Trứ	Đường Hùng Vương	Phường Phước Bình	2300	1600	1400
22947		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Võ Trứ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1104	773	662
22948		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Võ Trứ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	883	618	530
22949		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Võ Trứ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	706	494	424
22950		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Võ Trứ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	994	696	596
22951		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Võ Trứ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	795	557	477
22952		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Võ Trứ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	635	445	381
22953	103	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường 3 tháng 2	Đường Trần Quốc Thảo	Phường Phước Bình	2900	2000	1700
22954		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trần Quốc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1392	974	835

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22955		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trần Quốc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1114	780	668
22956		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trần Quốc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	891	624	535
22957		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trần Quốc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1253	877	752
22958		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trần Quốc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1003	702	602
22959		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trần Quốc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	802	561	481
22960	104	Đường Ngô Đức Kế	Đường Đào Nguyên Phổ	đường Phan Khôi	Phường Phước Bình	2600	1800	1500
22961		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Đào Nguyên Phổ đến đường Phan Khôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1248	874	749
22962		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Đào Nguyên Phổ đến đường Phan Khôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	998	699	599
22963		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Đào Nguyên Phổ đến đường Phan Khôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	798	559	479
22964		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Đào Nguyên Phổ đến đường Phan Khôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1123	786	674

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22965		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Đào Nguyên Phổ đến đường Phan Khôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	898	629	539
22966		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Đào Nguyên Phổ đến đường Phan Khôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	718	503	431
22967	105	Đường Phan Khôi	Đường 3 tháng 2	Hết ranh thửa 30 tờ bản đồ số 21	Phường Phước Bình	2900	2000	1700
22968		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Khôi đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 30 tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1392	974	835
22969		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Khôi đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 30 tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1114	780	668
22970		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Khôi đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 30 tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	891	624	535
22971		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Khôi đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 30 tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1253	877	752
22972		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Khôi đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 30 tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1003	702	602
22973		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Khôi đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 30 tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	802	561	481
22974	106	Đường Đinh Lễ	ĐườngNguyễn Phan Chánh	Đường Lý Tự Trọng	Phường Phước Bình	2200	1500	1300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22975		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Lễ đoạn từ ĐườngNguyễn Phan Chánh đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1056	739	634
22976		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Lễ đoạn từ ĐườngNguyễn Phan Chánh đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	845	592	507
22977		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Lễ đoạn từ ĐườngNguyễn Phan Chánh đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	676	473	406
22978		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Lễ đoạn từ ĐườngNguyễn Phan Chánh đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	950	665	570
22979		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Lễ đoạn từ ĐườngNguyễn Phan Chánh đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	761	533	457
22980		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Lễ đoạn từ ĐườngNguyễn Phan Chánh đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	608	426	365
22981	107	Đường Đào Nguyên Phổ	Đường 3 tháng 2	Hết ranh thửa 260 tờ bản đồ số 22	Phường Phước Bình	2900	2000	1700
22982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Nguyên Phổ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 260 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1392	974	835
22983		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Nguyên Phổ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 260 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1114	780	668
22984		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Nguyên Phổ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 260 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	891	624	535

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Nguyên Phổ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 260 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1253	877	752
22986		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Nguyên Phổ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 260 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1003	702	602
22987		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Nguyên Phổ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 260 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	802	561	481
22988	108	Đường Trần Quốc Thảo	Đường 3 tháng 2	đường Dương Đình Nghệ	Phường Phước Bình	2900	2000	1700
22989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến đường Dương Đình Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1392	974	835
22990		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến đường Dương Đình Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1114	780	668
22991		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến đường Dương Đình Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	891	624	535
22992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến đường Dương Đình Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1253	877	752
22993		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến đường Dương Đình Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1003	702	602

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
22994		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến đường Dương Đình Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	802	561	481
22995	109	Đường Nguyễn Thi	Đường Võ Trứ	Hết ranh thửa 91 tờ bản đồ số 18	Phường Phước Bình	2300	1600	1400
22996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thi đoạn từ Đường Võ Trứ đến Hết ranh thửa 91 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1104	773	662
22997		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thi đoạn từ Đường Võ Trứ đến Hết ranh thửa 91 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	883	618	530
22998		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thi đoạn từ Đường Võ Trứ đến Hết ranh thửa 91 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	706	494	424
22999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thi đoạn từ Đường Võ Trứ đến Hết ranh thửa 91 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	994	696	596
23000		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thi đoạn từ Đường Võ Trứ đến Hết ranh thửa 91 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	795	557	477
23001		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thi đoạn từ Đường Võ Trứ đến Hết ranh thửa 91 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	635	445	381
23002	110	Đường Mai Xuân Thưởng	Đường 3 tháng 2	Hết tuyến	Phường Phước Bình	2900	2000	1700
23003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1392	974	835

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23004		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1114	780	668
23005		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	891	624	535
23006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1253	877	752
23007		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1003	702	602
23008		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	802	561	481
23009	111	Đường Đinh Công Tráng	Giáp đường Hùng Vương	ranh thửa đất số 95 tờ bản đồ số 6	Phường Phước Bình	2500	1700	1500
23010		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Giáp đường Hùng Vương đến ranh thửa đất số 95 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1200	840	720
23011		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Giáp đường Hùng Vương đến ranh thửa đất số 95 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	960	672	576
23012		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Giáp đường Hùng Vương đến ranh thửa đất số 95 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	768	538	461

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23013		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Giáp đường Hùng Vương đến ranh thửa đất số 95 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1080	756	648
23014		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Giáp đường Hùng Vương đến ranh thửa đất số 95 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	864	605	518
23015		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Giáp đường Hùng Vương đến ranh thửa đất số 95 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	691	484	415
23016	112	Đường Võ Trứ	Đường 3 tháng 2	hết ranh thửa đất số 14 tờ bản đồ số 23	Phường Phước Bình	2900	2000	1700
23017		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trứ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến hết ranh thửa đất số 14 tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1392	974	835
23018		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trứ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến hết ranh thửa đất số 14 tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1114	780	668
23019		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trứ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến hết ranh thửa đất số 14 tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	891	624	535
23020		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trứ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến hết ranh thửa đất số 14 tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1253	877	752
23021		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trứ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến hết ranh thửa đất số 14 tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1003	702	602

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23022		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trứ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến hết ranh thửa đất số 14 tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	802	561	481
23023	113	Đường Dương Đình Nghệ	Đường 3 tháng 2	Ngã ba đường Dương Đình Nghệ - Đường Văn Cao	Phường Phước Bình	3300	2300	2000
23024		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Dương Đình Nghệ - Đường Văn Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1584	1109	950
23025		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Dương Đình Nghệ - Đường Văn Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1267	887	760
23026		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Dương Đình Nghệ - Đường Văn Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1014	710	608
23027		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Dương Đình Nghệ - Đường Văn Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1426	998	856
23028		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Dương Đình Nghệ - Đường Văn Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1140	798	684
23029		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Dương Đình Nghệ - Đường Văn Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	913	639	548
23030	114	Đường Dương Đình Nghệ	Ngã tư đường Dương Đình Nghệ - Đường Nguyễn Thi (từ ranh thửa đất số 82 và thửa đất số 101, cùng thuộc tờ bản đồ số 22)	Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19)	Phường Phước Bình	2900	2000	1700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23031		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã tư đường Dương Đình Nghệ - Đường Nguyễn Thi (từ ranh thửa đất số 82 và thửa đất số 101, cùng thuộc tờ bản đồ số 22) đến Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	1392	974	835
23032		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã tư đường Dương Đình Nghệ - Đường Nguyễn Thi (từ ranh thửa đất số 82 và thửa đất số 101, cùng thuộc tờ bản đồ số 22) đến Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	1114	780	668
23033		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã tư đường Dương Đình Nghệ - Đường Nguyễn Thi (từ ranh thửa đất số 82 và thửa đất số 101, cùng thuộc tờ bản đồ số 22) đến Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	891	624	535
23034		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã tư đường Dương Đình Nghệ - Đường Nguyễn Thi (từ ranh thửa đất số 82 và thửa đất số 101, cùng thuộc tờ bản đồ số 22) đến Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	1253	877	752
23035		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã tư đường Dương Đình Nghệ - Đường Nguyễn Thi (từ ranh thửa đất số 82 và thửa đất số 101, cùng thuộc tờ bản đồ số 22) đến Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	1003	702	602
23036		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã tư đường Dương Đình Nghệ - Đường Nguyễn Thi (từ ranh thửa đất số 82 và thửa đất số 101, cùng thuộc tờ bản đồ số 22) đến Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	802	561	481

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23037	115	Đường Dương Đình Nghệ	Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19)	Đường Hùng Vương	Phường Phước Bình	1800	1200	1100
23038		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	864	605	518
23039		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	691	484	415
23040		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	553	387	332
23041		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	778	545	467
23042		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	622	435	373
23043		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	498	349	299

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23044	116	Đường Hùng Vương	Đường 3 tháng 2	Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ	Phường Phước Bình	5400	3800	3300
23045		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2592	1814	1555
23046		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2074	1452	1244
23047		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1659	1161	995
23048		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2333	1633	1400
23049		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1867	1307	1120
23050		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1493	1045	896
23051	117	Đường Hùng Vương	Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ	Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt	Phường Phước Bình	2900	2000	1700
23052		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1392	974	835
23053		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1114	780	668

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23054		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	891	624	535
23055		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1253	877	752
23056		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1003	702	602
23057		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	802	561	481
23058	118	Đường Hùng Vương	Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh phường Phước Long, (hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 17, cùng thuộc tờ bản đồ số 81)	Phường Phước Bình	1000	710	610
23059		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Long, (hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 17, cùng thuộc tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	480	336	288
23060		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Long, (hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 17, cùng thuộc tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	384	269	230
23061		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Long, (hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 17, cùng thuộc tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	307	215	184

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23062		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Long, (hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 17, cùng thuộc tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	432	302	259
23063		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Long, (hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 17, cùng thuộc tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	346	242	208
23064		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Long, (hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 17, cùng thuộc tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	276	193	166
23065	119	Đường Châu Văn Liêm	Đường Độc Lập	Đường Phan Đình Giót	Phường Phước Bình	7300	5100	4400
23066		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3504	2453	2102
23067		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2803	1962	1682
23068		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2242	1569	1345
23069		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3154	2208	1892
23070		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2523	1766	1514

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23071		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2018	1413	1211
23072	120	Đường Hoàng Cầm	Đường Độc Lập	Đường Phan Đình Giót	Phường Phước Bình	7300	5100	4400
23073		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Cầm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3504	2453	2102
23074		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Cầm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2803	1962	1682
23075		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Cầm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2242	1569	1345
23076		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Cầm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3154	2208	1892
23077		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Cầm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2523	1766	1514
23078		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Cầm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2018	1413	1211
23079	121	Đường Hồ Tùng Mậu	Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Thái Học	Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước)	Phường Phước Bình	4800	3300	2900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23080		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	2304	1613	1382
23081		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	1843	1290	1106
23082		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	1474	1032	884
23083		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	2074	1452	1244
23084		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	1659	1161	995
23085		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	1327	929	796

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23086	122	Đường Hồ Tùng Mậu	Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước)	Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước)	Phường Phước Bình	3700	2600	2200
23087		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) đến Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	1776	1243	1066
23088		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) đến Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	1421	995	853
23089		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) đến Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	1137	796	682
23090		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) đến Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	1598	1119	959

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23091		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) đến Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1279	895	767
23092		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) đến Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1023	716	614
23093	123	Đường Hồ Tùng Mậu	Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước)	Hết tuyến (đến thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16)	Phường Phước Bình	1800	1200	1100
23094		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) đến Hết tuyến (đến thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	864	605	518
23095		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) đến Hết tuyến (đến thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	691	484	415
23096		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) đến Hết tuyến (đến thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	553	387	332
23097		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) đến Hết tuyến (đến thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	778	545	467

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23098		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) đến Hết tuyến (đến thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	622	435	373
23099		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) đến Hết tuyến (đến thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	498	349	299
23100	124	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Nguyễn Khuyến	Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16	Phường Phước Bình	2200	1500	1300
23101		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1056	739	634
23102		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	845	592	507
23103		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	676	473	406
23104		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	950	665	570
23105		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	761	533	457

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23106		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	608	426	365
23107	125	Đường Ngô Thì Nhậm	Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16	Hết tuyến (hết thửa đất số 178 và thửa đất số 179, cùng thuộc tờ bản đồ số 16)	Phường Phước Bình	1800	1200	1100
23108		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 178 và thửa đất số 179, cùng thuộc tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	864	605	518
23109		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 178 và thửa đất số 179, cùng thuộc tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	691	484	415
23110		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 178 và thửa đất số 179, cùng thuộc tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	553	387	332
23111		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 178 và thửa đất số 179, cùng thuộc tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	778	545	467
23112		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 178 và thửa đất số 179, cùng thuộc tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	622	435	373
23113		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 178 và thửa đất số 179, cùng thuộc tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	498	349	299

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23114	126	Đường Vũ Như Tô	đường Nguyễn Huy Lượng	đường Độc Lập	Phường Phước Bình	7300	5100	4400
23115		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3504	2453	2102
23116		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2803	1962	1682
23117		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2242	1569	1345
23118		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3154	2208	1892
23119		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2523	1766	1514
23120		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2018	1413	1211
23121	127	Đường Lê Thị Riêng	đường Nguyễn Huy Lượng	đường Vũ Như Tô	Phường Phước Bình	6500	4600	3900
23122		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3120	2184	1872
23123		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2496	1747	1498
23124		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1997	1398	1198

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23125		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2808	1966	1685
23126		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2246	1572	1348
23127		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1797	1258	1078
23128	128	Đường Nguyễn Huy Lượng	Đường Bùi Văn Dù	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	7300	5100	4400
23129		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huy Lượng đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3504	2453	2102
23130		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huy Lượng đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2803	1962	1682
23131		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huy Lượng đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2242	1569	1345
23132		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huy Lượng đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3154	2208	1892
23133		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huy Lượng đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2523	1766	1514

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23134		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huy Lượng đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2018	1413	1211
23135	129	Đường nhựa 1 (chưa có tên)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	8800	6100	5300
23136		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 1 (chưa có tên) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4224	2957	2534
23137		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 1 (chưa có tên) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3379	2365	2027
23138		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 1 (chưa có tên) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2703	1892	1622
23139		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 1 (chưa có tên) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3802	2661	2281
23140		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 1 (chưa có tên) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3041	2129	1825
23141		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 1 (chưa có tên) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2433	1703	1460
23142	130	Đường nhựa 2 (chưa có tên)	Đường Vũ Như Tô	Đường Lê Thị Riêng	Phường Phước Bình	6500	4600	3900
23143		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 2 (chưa có tên) đoạn từ Đường Vũ Như Tô đến Đường Lê Thị Riêng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3120	2184	1872

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23144		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 2 (chưa có tên) đoạn từ Đường Vũ Như Tô đến Đường Lê Thị Riêng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2496	1747	1498
23145		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 2 (chưa có tên) đoạn từ Đường Vũ Như Tô đến Đường Lê Thị Riêng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1997	1398	1198
23146		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 2 (chưa có tên) đoạn từ Đường Vũ Như Tô đến Đường Lê Thị Riêng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2808	1966	1685
23147		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 2 (chưa có tên) đoạn từ Đường Vũ Như Tô đến Đường Lê Thị Riêng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2246	1572	1348
23148		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 2 (chưa có tên) đoạn từ Đường Vũ Như Tô đến Đường Lê Thị Riêng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1797	1258	1078
23149	131	Đường nhựa 3 (chưa có tên)	Đường Lê Văn Sỹ	Đất trụ sở Công an phường Phước Bình (mới)	Phường Phước Bình	8800	6100	5300
23150		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 3 (chưa có tên) đoạn từ Đường Lê Văn Sỹ đến Đất trụ sở Công an phường Phước Bình (mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4224	2957	2534
23151		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 3 (chưa có tên) đoạn từ Đường Lê Văn Sỹ đến Đất trụ sở Công an phường Phước Bình (mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3379	2365	2027
23152		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 3 (chưa có tên) đoạn từ Đường Lê Văn Sỹ đến Đất trụ sở Công an phường Phước Bình (mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2703	1892	1622

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23153		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 3 (chưa có tên) đoạn từ Đường Lê Văn Sỹ đến Đất trụ sở Công an phường Phước Bình (mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3802	2661	2281
23154		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 3 (chưa có tên) đoạn từ Đường Lê Văn Sỹ đến Đất trụ sở Công an phường Phước Bình (mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3041	2129	1825
23155		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 3 (chưa có tên) đoạn từ Đường Lê Văn Sỹ đến Đất trụ sở Công an phường Phước Bình (mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2433	1703	1460
23156	132	Đường nhựa 4 (chưa có tên)	Đường Trần Xuân Soạn	Đường Bom Bo	Phường Phước Bình	6500	4600	3900
23157		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 4 (chưa có tên) đoạn từ Đường Trần Xuân Soạn đến Đường Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3120	2184	1872
23158		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 4 (chưa có tên) đoạn từ Đường Trần Xuân Soạn đến Đường Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2496	1747	1498
23159		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 4 (chưa có tên) đoạn từ Đường Trần Xuân Soạn đến Đường Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1997	1398	1198
23160		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 4 (chưa có tên) đoạn từ Đường Trần Xuân Soạn đến Đường Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2808	1966	1685
23161		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 4 (chưa có tên) đoạn từ Đường Trần Xuân Soạn đến Đường Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2246	1572	1348

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23162		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 4 (chưa có tên) đoạn từ Đường Trần Xuân Soạn đến Đường Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1797	1258	1078
23163	133	Đường nhựa 5 (chưa có tên) (2 tuyến)	Đường Tô Hiệu	Đường Nguyễn Duy Trinh	Phường Phước Bình	6500	4600	3900
23164		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 5 (chưa có tên) (2 tuyến) đoạn từ Đường Tô Hiệu đến Đường Nguyễn Duy Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3120	2184	1872
23165		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 5 (chưa có tên) (2 tuyến) đoạn từ Đường Tô Hiệu đến Đường Nguyễn Duy Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2496	1747	1498
23166		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 5 (chưa có tên) (2 tuyến) đoạn từ Đường Tô Hiệu đến Đường Nguyễn Duy Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1997	1398	1198
23167		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 5 (chưa có tên) (2 tuyến) đoạn từ Đường Tô Hiệu đến Đường Nguyễn Duy Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2808	1966	1685
23168		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 5 (chưa có tên) (2 tuyến) đoạn từ Đường Tô Hiệu đến Đường Nguyễn Duy Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2246	1572	1348
23169		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 5 (chưa có tên) (2 tuyến) đoạn từ Đường Tô Hiệu đến Đường Nguyễn Duy Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1797	1258	1078
23170	134	Đường Nguyễn Thông	Đường Đặng Trần Côn	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Phước Bình	5100	3600	3100
23171		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2448	1714	1469

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23172		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1958	1371	1175
23173		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1566	1096	940
23174		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2203	1542	1322
23175		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1762	1233	1057
23176		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1409	986	845
23177	135	Đường Phạm Ngũ Lão	Ngã ba đường Phạm Ngũ Lão - đường Nguyễn Thái Học	Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 40)	Phường Phước Bình	2600	1800	1500
23178		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã ba đường Phạm Ngũ Lão - đường Nguyễn Thái Học đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1248	874	749
23179		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã ba đường Phạm Ngũ Lão - đường Nguyễn Thái Học đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	998	699	599

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23180		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã ba đường Phạm Ngũ Lão - đường Nguyễn Thái Học đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	798	559	479
23181		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã ba đường Phạm Ngũ Lão - đường Nguyễn Thái Học đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1123	786	674
23182		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã ba đường Phạm Ngũ Lão - đường Nguyễn Thái Học đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	898	629	539
23183		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã ba đường Phạm Ngũ Lão - đường Nguyễn Thái Học đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	718	503	431
23184	136	Đường Phạm Ngũ Lão	Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (Bên phải tuyến: từ ranh thửa đất số 12, tờ bản đồ 40 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 39 và Bên trái tuyến từ: thửa đất số 66, tờ bản đồ số 39)	Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09)	Phường Phước Bình	2200	1500	1300
23185		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (Bên phải tuyến: từ ranh thửa đất số 12, tờ bản đồ 40 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 39 và Bên trái tuyến từ: thửa đất số 66, tờ bản đồ số 39) đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1056	739	634

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23186		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (Bên phải tuyến: từ ranh thửa đất số 12, tờ bản đồ 40 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 39 và Bên trái tuyến từ: thửa đất số 66, tờ bản đồ số 39) đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	845	592	507
23187		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (Bên phải tuyến: từ ranh thửa đất số 12, tờ bản đồ 40 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 39 và Bên trái tuyến từ: thửa đất số 66, tờ bản đồ số 39) đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	676	473	406
23188		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (Bên phải tuyến: từ ranh thửa đất số 12, tờ bản đồ 40 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 39 và Bên trái tuyến từ: thửa đất số 66, tờ bản đồ số 39) đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	950	665	570
23189		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (Bên phải tuyến: từ ranh thửa đất số 12, tờ bản đồ 40 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 39 và Bên trái tuyến từ: thửa đất số 66, tờ bản đồ số 39) đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	761	533	457
23190		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (Bên phải tuyến: từ ranh thửa đất số 12, tờ bản đồ 40 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 39 và Bên trái tuyến từ: thửa đất số 66, tờ bản đồ số 39) đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	608	426	365

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23191	137	Đường Phạm Ngũ Lão	Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09)	Hết tuyến (đến hết ranh thửa đất số 4 và thửa đất số 5, cùng thuộc tờ bản đồ số thửa đất số 08)	Phường Phước Bình	1800	1200	1100
23192		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) đến Hết tuyến (đến hết ranh thửa đất số 4 và thửa đất số 5, cùng thuộc tờ bản đồ số thửa đất số 08) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	864	605	518
23193		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) đến Hết tuyến (đến hết ranh thửa đất số 4 và thửa đất số 5, cùng thuộc tờ bản đồ số thửa đất số 08) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	691	484	415
23194		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) đến Hết tuyến (đến hết ranh thửa đất số 4 và thửa đất số 5, cùng thuộc tờ bản đồ số thửa đất số 08) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	553	387	332
23195		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) đến Hết tuyến (đến hết ranh thửa đất số 4 và thửa đất số 5, cùng thuộc tờ bản đồ số thửa đất số 08) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	778	545	467
23196		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) đến Hết tuyến (đến hết ranh thửa đất số 4 và thửa đất số 5, cùng thuộc tờ bản đồ số thửa đất số 08) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	622	435	373

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23197		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) đến Hết tuyến (đến hết ranh thửa đất số 4 và thửa đất số 5, cùng thuộc tờ bản đồ số thửa đất số 08) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	498	349	299
23198	138	Các tuyến đường nội ô Khu phố 5	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	2900	2000	1700
23199		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội ô Khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1392	974	835
23200		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội ô Khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1114	780	668
23201		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội ô Khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	891	624	535
23202		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội ô Khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1253	877	752
23203		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội ô Khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1003	702	602
23204		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội ô Khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	802	561	481
23205	139	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Giáp đường Nguyễn Tất Thành (vòng xoay) (từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 141)	Ngã tư đường Thích Quảng Đức	Phường Phước Bình	11100	7700	6600
23206		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành (vòng xoay) (từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 141) đến Ngã tư đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	5328	3730	3197

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23207		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành (vòng xoay) (từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 141) đến Ngã tư đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	4262	2983	2557
23208		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành (vòng xoay) (từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 141) đến Ngã tư đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3410	2387	2046
23209		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành (vòng xoay) (từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 141) đến Ngã tư đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	4795	3357	2877
23210		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành (vòng xoay) (từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 141) đến Ngã tư đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3836	2685	2302
23211		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành (vòng xoay) (từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 141) đến Ngã tư đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	3069	2148	1841
23212	140	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Ngã tư đườngThích Quảng Đức	Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120)	Phường Phước Bình	8200	5700	4900
23213		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã tư đườngThích Quảng Đức đến Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3936	2755	2362
23214		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã tư đườngThích Quảng Đức đến Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3149	2204	1889

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23215		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã tư đườngThích Quảng Đức đến Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2519	1763	1511
23216		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã tư đườngThích Quảng Đức đến Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3542	2479	2125
23217		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã tư đườngThích Quảng Đức đến Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2834	1984	1700
23218		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã tư đườngThích Quảng Đức đến Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2267	1587	1360
23219	141	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120)	Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (thửa đất số 181 và thửa đất số 278, cùng thuộc tờ bản đồ số 120)	Phường Phước Bình	7000	4900	4200
23220		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (thửa đất số 181 và thửa đất số 278, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3360	2352	2016
23221		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (thửa đất số 181 và thửa đất số 278, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2688	1882	1613

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23222		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (thửa đất số 181 và thửa đất số 278, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	2150	1505	1290
23223		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (thửa đất số 181 và thửa đất số 278, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	3024	2117	1814
23224		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (thửa đất số 181 và thửa đất số 278, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	2419	1693	1451
23225		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (thửa đất số 181 và thửa đất số 278, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	1935	1355	1161
23226	142	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (hết thửa đất số 181 và hết thửa đất số 278 cùng thuộc tờ bản đồ số 120)	Đường Âu cơ (Hết ranh thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120)	Phường Phước Bình	5500	3900	3300
23227		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (hết thửa đất số 181 và hết thửa đất số 278 cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Đường Âu cơ (Hết ranh thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	2640	1848	1584

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23228		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (hết thửa đất số 181 và hết thửa đất số 278 cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Đường Âu cơ (Hết ranh thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2112	1478	1267
23229		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (hết thửa đất số 181 và hết thửa đất số 278 cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Đường Âu cơ (Hết ranh thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1690	1183	1014
23230		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (hết thửa đất số 181 và hết thửa đất số 278 cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Đường Âu cơ (Hết ranh thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2376	1663	1426
23231		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (hết thửa đất số 181 và hết thửa đất số 278 cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Đường Âu cơ (Hết ranh thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1901	1331	1141
23232		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (hết thửa đất số 181 và hết thửa đất số 278 cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Đường Âu cơ (Hết ranh thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1521	1065	913
23233	143	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Đường Âu cơ (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và hết thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120)	Đường Phan Thế Hiển (Hết ranh thửa đất số 34 và thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	Phường Phước Bình	5100	3600	3100
23234		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Âu cơ (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và hết thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) đến Đường Phan Thế Hiển (Hết ranh thửa đất số 34 và thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2448	1714	1469

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23235		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Âu cơ (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và hết thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) đến Đường Phan Thế Hiển (Hết ranh thửa đất số 34 và thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1958	1371	1175
23236		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Âu cơ (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và hết thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) đến Đường Phan Thế Hiển (Hết ranh thửa đất số 34 và thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1566	1096	940
23237		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Âu cơ (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và hết thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) đến Đường Phan Thế Hiển (Hết ranh thửa đất số 34 và thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2203	1542	1322
23238		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Âu cơ (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và hết thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) đến Đường Phan Thế Hiển (Hết ranh thửa đất số 34 và thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1762	1233	1057
23239		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Âu cơ (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và hết thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) đến Đường Phan Thế Hiển (Hết ranh thửa đất số 34 và thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1409	986	845
23240	144	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Đường Phan Thế Hiển (hết thửa đất số 34 và hết thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	Giáp ranh phường Phước Long (cũ)	Phường Phước Bình	4300	3000	2600
23241		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Phan Thế Hiển (hết thửa đất số 34 và hết thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2064	1445	1238

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23242		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Phan Thế Hiển (hết thửa đất số 34 và hết thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1651	1156	991
23243		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Phan Thế Hiển (hết thửa đất số 34 và hết thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1321	925	793
23244		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Phan Thế Hiển (hết thửa đất số 34 và hết thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1858	1301	1115
23245		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Phan Thế Hiển (hết thửa đất số 34 và hết thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1486	1040	892
23246		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Phan Thế Hiển (hết thửa đất số 34 và hết thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1189	832	713
23247	145	Đường Xóm Chùa (Thích Quảng Đức)	đường Nguyễn Tất Thành	hết ranh thửa đất số 16 tờ bản đồ số 141	Phường Phước Bình	4300	3000	2600
23248		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa (Thích Quảng Đức) đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết ranh thửa đất số 16 tờ bản đồ số 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2064	1445	1238
23249		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa (Thích Quảng Đức) đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết ranh thửa đất số 16 tờ bản đồ số 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1651	1156	991

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23250		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa (Thích Quảng Đức) đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết ranh thửa đất số 16 tờ bản đồ số 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1321	925	793
23251		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa (Thích Quảng Đức) đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết ranh thửa đất số 16 tờ bản đồ số 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1858	1301	1115
23252		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa (Thích Quảng Đức) đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết ranh thửa đất số 16 tờ bản đồ số 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1486	1040	892
23253		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa (Thích Quảng Đức) đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết ranh thửa đất số 16 tờ bản đồ số 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1189	832	713
23254	146	Đường Nội bộ khu văn hóa - TDTT Phước Bình (cũ)	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	4600	3200	2800
23255		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội bộ khu văn hóa - TDTT Phước Bình (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2208	1546	1325
23256		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội bộ khu văn hóa - TDTT Phước Bình (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1766	1236	1060
23257		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội bộ khu văn hóa - TDTT Phước Bình (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1413	989	848
23258		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội bộ khu văn hóa - TDTT Phước Bình (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1987	1391	1192

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23259		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội bộ khu văn hóa - TDTT Phước Bình (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1589	1112	953
23260		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội bộ khu văn hóa - TDTT Phước Bình (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1272	890	763
23261	147	Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình)	Ngã ba giáp đường Độc Lập	Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116)	Phường Phước Bình	5100	3600	3100
23262		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba giáp đường Độc Lập đến Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2448	1714	1469
23263		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba giáp đường Độc Lập đến Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1958	1371	1175
23264		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba giáp đường Độc Lập đến Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1566	1096	940
23265		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba giáp đường Độc Lập đến Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2203	1542	1322
23266		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba giáp đường Độc Lập đến Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1762	1233	1057

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23267		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba giáp đường Độc Lập đến Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1409	986	845
23268	148	Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình)	Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116)	Cầu (hết ranh thửa đất số 82 tờ bản đồ số 116)	Phường Phước Bình	4500	3200	2700
23269		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) đến Cầu (hết ranh thửa đất số 82 tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2160	1512	1296
23270		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) đến Cầu (hết ranh thửa đất số 82 tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1728	1210	1037
23271		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) đến Cầu (hết ranh thửa đất số 82 tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1382	967	829
23272		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) đến Cầu (hết ranh thửa đất số 82 tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1944	1361	1166
23273		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) đến Cầu (hết ranh thửa đất số 82 tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1555	1089	933

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23274		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) đến Cầu (hết ranh thửa đất số 82 tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1244	871	746
23275	149	Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân)	Giáp đường Thống Nhất	Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (Hết ranh thửa đất số 289 và thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119)	Phường Phước Bình	3100	2200	1900
23276		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (Hết ranh thửa đất số 289 và thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1488	1042	893
23277		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (Hết ranh thửa đất số 289 và thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1190	833	714
23278		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (Hết ranh thửa đất số 289 và thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	952	666	571
23279		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (Hết ranh thửa đất số 289 và thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1339	937	803
23280		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (Hết ranh thửa đất số 289 và thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1071	750	643

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23281		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (Hết ranh thửa đất số 289 và thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	857	600	514
23282	150	Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân)	Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (hết thửa đất số 289 và hết thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119)	Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (Hết ranh thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124)	Phường Phước Bình	2300	1600	1400
23283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (hết thửa đất số 289 và hết thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) đến Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (Hết ranh thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1104	773	662
23284		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (hết thửa đất số 289 và hết thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) đến Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (Hết ranh thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	883	618	530
23285		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (hết thửa đất số 289 và hết thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) đến Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (Hết ranh thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	706	494	424
23286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (hết thửa đất số 289 và hết thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) đến Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (Hết ranh thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	994	696	596

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23287		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (hết thửa đất số 289 và hết thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) đến Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (Hết ranh thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	795	557	477
23288		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (hết thửa đất số 289 và hết thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) đến Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (Hết ranh thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	635	445	381
23289	151	Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân)	Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (hết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124)	Ngã ba đường về xã Bình Tân (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 125- nối với đường liên khu vực 3)	Phường Phước Bình	1600	1100	970
23290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (hết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) đến Ngã ba đường về xã Bình Tân (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 125- nối với đường liên khu vực 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	768	538	461
23291		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (hết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) đến Ngã ba đường về xã Bình Tân (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 125- nối với đường liên khu vực 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	614	430	368
23292		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (hết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) đến Ngã ba đường về xã Bình Tân (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 125- nối với đường liên khu vực 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	491	344	295

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (hết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) đến Ngã ba đường về xã Bình Tân (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 125- nối với đường liên khu vực 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	691	484	415
23294		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (hết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) đến Ngã ba đường về xã Bình Tân (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 125- nối với đường liên khu vực 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	553	387	332
23295		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (hết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) đến Ngã ba đường về xã Bình Tân (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 125- nối với đường liên khu vực 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	442	309	265
23296	152	Đường Phạm Thế Hiển	Giáp đường Thống Nhất	Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 241 và thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	Phường Phước Bình	2000	1400	1200
23297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 241 và thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	960	672	576
23298		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 241 và thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	768	538	461
23299		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 241 và thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	614	430	368

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 241 và thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	864	605	518
23301		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 241 và thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	691	484	415
23302		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 241 và thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	553	387	332
23303	153	Đường Phạm Thế Hiển	Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 241 và hết thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	Hết tuyến (giáp thửa đất số 33, tờ bản đồ số 130)	Phường Phước Bình	1500	1100	920
23304		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 241 và hết thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Hết tuyến (giáp thửa đất số 33, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	720	504	432
23305		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 241 và hết thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Hết tuyến (giáp thửa đất số 33, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	576	403	346
23306		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 241 và hết thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Hết tuyến (giáp thửa đất số 33, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	461	323	277
23307		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 241 và hết thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Hết tuyến (giáp thửa đất số 33, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	648	454	389

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23308		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 241 và hết thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Hết tuyến (giáp thửa đất số 33, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	518	363	311
23309		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 241 và hết thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Hết tuyến (giáp thửa đất số 33, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	415	291	249
23310	154	Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá)	Giáp đường Thống Nhất	Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 93 và thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	Phường Phước Bình	2300	1600	1400
23311		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 93 và thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1104	773	662
23312		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 93 và thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	883	618	530
23313		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 93 và thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	706	494	424
23314		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 93 và thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	994	696	596

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23315		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 93 và thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	795	557	477
23316		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 93 và thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	635	445	381
23317	155	Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá)	Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 93 và hết thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	Giáp ranh phường Phước Long (cũ)	Phường Phước Bình	1400	950	820
23318		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 93 và hết thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	672	470	403
23319		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 93 và hết thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	538	377	323
23320		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 93 và hết thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	430	301	258
23321		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 93 và hết thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	605	424	363

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23322		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 93 và hết thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	484	339	290
23323		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 93 và hết thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	387	271	232
23324	156	Đường Thành Thái	Giáp đường Thống Nhất	Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121)	Phường Phước Bình	2300	1600	1400
23325		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1104	773	662
23326		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	883	618	530
23327		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	706	494	424
23328		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	994	696	596

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23329		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	795	557	477
23330		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	635	445	381
23331	157	Đường Thành Thái	Giáp đường Thống Nhất + 400m (thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121)	Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121)	Phường Phước Bình	1700	1200	1000
23332		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 400m (thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	816	571	490
23333		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 400m (thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	653	457	392
23334		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 400m (thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	522	365	313
23335		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 400m (thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	734	514	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23336		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 400m (thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	588	412	353
23337		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 400m (thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	470	329	282
23338	158	Đường Âu Cơ	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	đường Đường Lê Trọng Tấn	Phường Phước Bình, Phường Phước Long	2300	1600	1400
23339		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến đường Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình, Phường Phước Long	1104	773	662
23340		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến đường Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình, Phường Phước Long	883	618	530
23341		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến đường Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình, Phường Phước Long	706	494	424
23342		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến đường Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình, Phường Phước Long	994	696	596
23343		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến đường Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình, Phường Phước Long	795	557	477

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23344		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến đường Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình, Phường Phước Long	635	445	381
23345	159	Đường Tôn Đức Thắng	Giáp ranh phường Phước Long	Ngã tư đường Phan Văn Đạt	Phường Phước Bình	2800	2000	1700
23346		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã tư đường Phan Văn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1344	941	806
23347		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã tư đường Phan Văn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	1075	753	645
23348		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã tư đường Phan Văn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	860	602	516
23349		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã tư đường Phan Văn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1210	847	726
23350		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã tư đường Phan Văn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	968	678	581
23351		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã tư đường Phan Văn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	774	542	464
23352	160	Đường Tôn Đức Thắng	Ngã tư đường Phan Văn Đạt	Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (Hết ranh thửa đất số 177 và thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70)	Phường Phước Bình	1500	1100	920

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23353		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã tư đường Phan Văn Đạt đến Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (Hết ranh thửa đất số 177 và thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	720	504	432
23354		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã tư đường Phan Văn Đạt đến Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (Hết ranh thửa đất số 177 và thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	576	403	346
23355		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã tư đường Phan Văn Đạt đến Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (Hết ranh thửa đất số 177 và thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	461	323	277
23356		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã tư đường Phan Văn Đạt đến Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (Hết ranh thửa đất số 177 và thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	648	454	389
23357		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã tư đường Phan Văn Đạt đến Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (Hết ranh thửa đất số 177 và thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	518	363	311
23358		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã tư đường Phan Văn Đạt đến Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (Hết ranh thửa đất số 177 và thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	415	291	249
23359	161	Đường Tôn Đức Thắng	Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (hết thửa đất số 177 và hết thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70)	Giáp đường Lý Tự Trọng	Phường Phước Bình	940	650	560

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23360		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (hết thửa đất số 177 và hết thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) đến Giáp đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	451	316	271
23361		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (hết thửa đất số 177 và hết thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) đến Giáp đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	361	253	217
23362		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (hết thửa đất số 177 và hết thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) đến Giáp đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	289	202	173
23363		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (hết thửa đất số 177 và hết thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) đến Giáp đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	406	284	244
23364		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (hết thửa đất số 177 và hết thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) đến Giáp đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	325	228	195
23365		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (hết thửa đất số 177 và hết thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) đến Giáp đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	260	182	156
23366	162	Đường Nguyễn Trãi	Giáp ranh phường Phước Long (cũ)	Đường Hùng Vương + 50 mét (Đến thửa đất số 113 tờ bản đồ số 79)	Phường Phước Bình	1700	1200	1000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23367		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long (cũ) đến Đường Hùng Vương + 50 mét (Đến thửa đất số 113 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	816	571	490
23368		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long (cũ) đến Đường Hùng Vương + 50 mét (Đến thửa đất số 113 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	653	457	392
23369		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long (cũ) đến Đường Hùng Vương + 50 mét (Đến thửa đất số 113 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	522	365	313
23370		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long (cũ) đến Đường Hùng Vương + 50 mét (Đến thửa đất số 113 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	734	514	440
23371		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long (cũ) đến Đường Hùng Vương + 50 mét (Đến thửa đất số 113 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	588	412	353
23372		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long (cũ) đến Đường Hùng Vương + 50 mét (Đến thửa đất số 113 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	470	329	282
23373	163	Đường Hà Huy Tập	Từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 92	thửa đất số 17 tờ bản tờ bản đồ số 81	Phường Phước Bình	1300	890	770
23374		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 92 đến thửa đất số 17 tờ bản tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	624	437	374

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23375		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 92 đến thửa đất số 17 tờ bản tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	499	349	299
23376		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 92 đến thửa đất số 17 tờ bản tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	399	279	239
23377		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 92 đến thửa đất số 17 tờ bản tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	562	393	337
23378		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 92 đến thửa đất số 17 tờ bản tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	449	314	269
23379		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 92 đến thửa đất số 17 tờ bản tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	359	251	215
23380	164	Đường Bùi Viện	Đường Hà Huy Tập	Đường Tôn Thất Đạm	Phường Phước Bình	1000	710	610
23381		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	480	336	288
23382		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	384	269	230
23383		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	307	215	184
23384		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	432	302	259

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23385		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	346	242	208
23386		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	276	193	166
23387	165	Đường Đào Duy Từ	Đường Võ Văn Kiệt	giáp ranh địa giới Phường Phước Long (hết ranh thửa 180, 152 tờ bản đồ số 91)	Phường Phước Bình	850	600	510
23388		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến giáp ranh địa giới Phường Phước Long (hết ranh thửa 180, 152 tờ bản đồ số 91) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	408	286	245
23389		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến giáp ranh địa giới Phường Phước Long (hết ranh thửa 180, 152 tờ bản đồ số 91) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	326	228	196
23390		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến giáp ranh địa giới Phường Phước Long (hết ranh thửa 180, 152 tờ bản đồ số 91) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	261	183	157
23391		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến giáp ranh địa giới Phường Phước Long (hết ranh thửa 180, 152 tờ bản đồ số 91) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	367	257	220
23392		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến giáp ranh địa giới Phường Phước Long (hết ranh thửa 180, 152 tờ bản đồ số 91) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	293	205	176

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23393		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến giáp ranh địa giới Phường Phước Long (hết ranh thửa 180, 152 tờ bản đồ số 91) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	235	165	141
23394	166	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Trãi	Đường Tôn Thất Đạm	Phường Phước Bình	850	600	510
23395		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	408	286	245
23396		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	326	228	196
23397		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	261	183	157
23398		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	367	257	220
23399		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	293	205	176
23400		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	235	165	141
23401	167	Đường Lý Đạo Thành	Đường Tôn Thất Đạm	Đường QH LKV4	Phường Phước Bình	850	600	510
23402		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Đạo Thành đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường QH LKV4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	408	286	245

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23403		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Đạo Thành đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường QH LKV4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	326	228	196
23404		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Đạo Thành đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường QH LKV4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	261	183	157
23405		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Đạo Thành đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường QH LKV4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	367	257	220
23406		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Đạo Thành đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường QH LKV4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	293	205	176
23407		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Đạo Thành đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường QH LKV4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	235	165	141
23408	168	Đường Võ Duy Dương	đường Tống Duy Tân	Đường Tăng Bạt Hổ	Phường Phước Bình	850	600	510
23409		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ đường Tống Duy Tân đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	408	286	245
23410		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ đường Tống Duy Tân đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	326	228	196
23411		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ đường Tống Duy Tân đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	261	183	157
23412		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ đường Tống Duy Tân đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	367	257	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23413		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ đường Tống Duy Tân đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	293	205	176
23414		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ đường Tống Duy Tân đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	235	165	141
23415	169	Đường Phan Văn Đạt	Đường Tôn Thất Đạm	Đường Tăng Bạt Hổ	Phường Phước Bình	850	600	510
23416		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	408	286	245
23417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	326	228	196
23418		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	261	183	157
23419		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	367	257	220
23420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	293	205	176
23421		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	235	165	141
23422	170	Đường Trần Khánh Dư	Đường Tôn Đức Thắng	đường Hùng Vương	Phường Phước Bình	850	600	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23423		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Khánh Dư đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	408	286	245
23424		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Khánh Dư đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	326	228	196
23425		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Khánh Dư đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	261	183	157
23426		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Khánh Dư đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	367	257	220
23427		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Khánh Dư đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	293	205	176
23428		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Khánh Dư đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	235	165	141
23429	171	Đường Tôn Thất Đạm	Đường QHLKV4	hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 92 và thửa đất số 16 tờ bản đồ số 134	Phường Phước Bình	850	600	510
23430		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường QHLKV4 đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 92 và thửa đất số 16 tờ bản đồ số 134 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	408	286	245
23431		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường QHLKV4 đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 92 và thửa đất số 16 tờ bản đồ số 134 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	326	228	196

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23432		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường QHLKV4 đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 92 và thửa đất số 16 tờ bản đồ số 134 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	261	183	157
23433		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường QHLKV4 đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 92 và thửa đất số 16 tờ bản đồ số 134 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	367	257	220
23434		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường QHLKV4 đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 92 và thửa đất số 16 tờ bản đồ số 134 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	293	205	176
23435		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường QHLKV4 đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 92 và thửa đất số 16 tờ bản đồ số 134 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	235	165	141
23436	172	Đường Huyền Trân Công Chúa	Đường Tôn Đức Thắng	thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69	Phường Phước Bình	850	600	510
23437		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huyền Trân Công Chúa đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	408	286	245
23438		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huyền Trân Công Chúa đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	326	228	196
23439		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huyền Trân Công Chúa đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	261	183	157
23440		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huyền Trân Công Chúa đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	367	257	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23441		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huyền Trân Công Chúa đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	293	205	176
23442		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huyền Trân Công Chúa đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	235	165	141
23443	173	Đường Tăng Bạt Hổ	Đường QHLKV4	Đường Tôn Đức Thắng, đến thửa 150 tờ bản đồ số 80	Phường Phước Bình	850	600	510
23444		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường QHLKV4 đến Đường Tôn Đức Thắng, đến thửa 150 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	408	286	245
23445		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường QHLKV4 đến Đường Tôn Đức Thắng, đến thửa 150 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	326	228	196
23446		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường QHLKV4 đến Đường Tôn Đức Thắng, đến thửa 150 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	261	183	157
23447		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường QHLKV4 đến Đường Tôn Đức Thắng, đến thửa 150 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	367	257	220
23448		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường QHLKV4 đến Đường Tôn Đức Thắng, đến thửa 150 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	293	205	176
23449		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường QHLKV4 đến Đường Tôn Đức Thắng, đến thửa 150 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	235	165	141
23450	174	Đường Lê Chân	Đường Bùi Đắc Tuyên	thửa đất số 53 và 54, tờ bản đồ số 90	Phường Phước Bình	850	600	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23451		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Chân đoạn từ Đường Bùi Đắc Tuyên đến thửa đất số 53 và 54, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	408	286	245
23452		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Chân đoạn từ Đường Bùi Đắc Tuyên đến thửa đất số 53 và 54, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	326	228	196
23453		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Chân đoạn từ Đường Bùi Đắc Tuyên đến thửa đất số 53 và 54, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	261	183	157
23454		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Chân đoạn từ Đường Bùi Đắc Tuyên đến thửa đất số 53 và 54, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	367	257	220
23455		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Chân đoạn từ Đường Bùi Đắc Tuyên đến thửa đất số 53 và 54, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	293	205	176
23456		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Chân đoạn từ Đường Bùi Đắc Tuyên đến thửa đất số 53 và 54, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	235	165	141
23457	175	Đường Chu Mạnh Trinh	Đường Đào Duy Từ	hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 91	Phường Phước Bình	850	600	510
23458		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	408	286	245
23459		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	326	228	196

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23460		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	261	183	157
23461		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	367	257	220
23462		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	293	205	176
23463		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	235	165	141
23464	176	Đường Hồ Biểu Chánh	Đường Đào Duy Từ	thửa đất số 159, tờ bản đồ số 80	Phường Phước Bình	850	600	510
23465		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến thửa đất số 159, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	408	286	245
23466		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến thửa đất số 159, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	326	228	196
23467		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến thửa đất số 159, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	261	183	157
23468		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến thửa đất số 159, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	367	257	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23469		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến thửa đất số 159, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	293	205	176
23470		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến thửa đất số 159, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	235	165	141
23471	177	Đường Tống Duy Tân	Đường QHLKV4	thửa đất số 15, tờ bản đồ số 81	Phường Phước Bình	850	600	510
23472		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường QHLKV4 đến thửa đất số 15, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	408	286	245
23473		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường QHLKV4 đến thửa đất số 15, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	326	228	196
23474		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường QHLKV4 đến thửa đất số 15, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	261	183	157
23475		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường QHLKV4 đến thửa đất số 15, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	367	257	220
23476		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường QHLKV4 đến thửa đất số 15, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	293	205	176
23477		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường QHLKV4 đến thửa đất số 15, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	235	165	141
23478	178	Đường Bùi Đắc Tuyên	Đường Nguyễn Trãi	thửa đất số 130, tờ bản đồ số 90	Phường Phước Bình	850	600	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23479		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Đắc Tuyên đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến thửa đất số 130, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	408	286	245
23480		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Đắc Tuyên đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến thửa đất số 130, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	326	228	196
23481		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Đắc Tuyên đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến thửa đất số 130, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	261	183	157
23482		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Đắc Tuyên đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến thửa đất số 130, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	367	257	220
23483		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Đắc Tuyên đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến thửa đất số 130, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	293	205	176
23484		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Đắc Tuyên đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến thửa đất số 130, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	235	165	141
23485	179	Đường Lương Ngọc Quyến	Đường Tôn Đức Thắng	thửa đất số 22, tờ bản đồ số 80	Phường Phước Bình	850	600	510
23486		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Ngọc Quyến đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 22, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	408	286	245
23487		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Ngọc Quyến đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 22, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	326	228	196

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23488		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Ngọc Quyến đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 22, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	261	183	157
23489		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Ngọc Quyến đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 22, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	367	257	220
23490		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Ngọc Quyến đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 22, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	293	205	176
23491		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Ngọc Quyến đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 22, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	235	165	141
23492	180	Đường thuộc Dự án: Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long (cũ)	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	1300	890	770
23493		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thuộc Dự án: Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	624	437	374
23494		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thuộc Dự án: Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	499	349	299
23495		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thuộc Dự án: Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	399	279	239

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23496		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thuộc Dự án: Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	562	393	337
23497		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thuộc Dự án: Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	449	314	269
23498		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thuộc Dự án: Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	359	251	215
23499	181	Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	1300	890	770
23500		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	624	437	374
23501		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	499	349	299
23502		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	399	279	239
23503		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	562	393	337

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23504		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	449	314	269
23505		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	359	251	215
23506	182	Đường Liên khu vực 1	Đường 3 tháng 2	giap ranh xã Bình Tân (Đến hết ranh thửa đất số 36 và thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15)	Phường Phước Bình	1300	890	770
23507		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên khu vực 1 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến giap ranh xã Bình Tân (Đến hết ranh thửa đất số 36 và thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	624	437	374
23508		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên khu vực 1 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến giap ranh xã Bình Tân (Đến hết ranh thửa đất số 36 và thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	499	349	299
23509		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên khu vực 1 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến giap ranh xã Bình Tân (Đến hết ranh thửa đất số 36 và thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	399	279	239
23510		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên khu vực 1 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến giap ranh xã Bình Tân (Đến hết ranh thửa đất số 36 và thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	562	393	337
23511		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên khu vực 1 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến giap ranh xã Bình Tân (Đến hết ranh thửa đất số 36 và thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	449	314	269

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23512		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên khu vực 1 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến giap ranh xã Bình Tân (Đến hết ranh thửa đất số 36 và thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	359	251	215
23513	183	Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (cũ) (song song đường ĐT 759)	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	giáp ranh địa giới hành chính Phường Phước Long (hết ranh thửa đất số 123 và 39, tờ bản đồ số 84)	Phường Phước Bình	1300	890	770
23514		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (cũ) (song song đường ĐT 759) đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến giáp ranh địa giới hành chính Phường Phước Long (hết ranh thửa đất số 123 và 39, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	624	437	374
23515		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (cũ) (song song đường ĐT 759) đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến giáp ranh địa giới hành chính Phường Phước Long (hết ranh thửa đất số 123 và 39, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	499	349	299
23516		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (cũ) (song song đường ĐT 759) đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến giáp ranh địa giới hành chính Phường Phước Long (hết ranh thửa đất số 123 và 39, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	399	279	239
23517		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (cũ) (song song đường ĐT 759) đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến giáp ranh địa giới hành chính Phường Phước Long (hết ranh thửa đất số 123 và 39, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	562	393	337

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23518		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (cũ) (song song đường ĐT 759) đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến giáp ranh địa giới hành chính Phường Phước Long (hết ranh thửa đất số 123 và 39, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	449	314	269
23519		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (cũ) (song song đường ĐT 759) đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến giáp ranh địa giới hành chính Phường Phước Long (hết ranh thửa đất số 123 và 39, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	359	251	215
23520	184	Các tuyến đường nhựa, đường bê tông có chiều ngang rộng từ 3,5m trở lên	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	770	540	460
23521		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa, đường bê tông có chiều ngang rộng từ 3,5m trở lên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	370	259	222
23522		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa, đường bê tông có chiều ngang rộng từ 3,5m trở lên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	296	207	178
23523		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa, đường bê tông có chiều ngang rộng từ 3,5m trở lên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	237	166	142
23524		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa, đường bê tông có chiều ngang rộng từ 3,5m trở lên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	333	233	200
23525		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa, đường bê tông có chiều ngang rộng từ 3,5m trở lên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	266	186	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23526		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa, đường bê tông có chiều ngang rộng từ 3,5m trở lên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	213	149	128
23527	185	Các tuyến đường nhựa, đường bê tông có chiều ngang rộng dưới 3,5m	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	600	420	360
23528		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa, đường bê tông có chiều ngang rộng dưới 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	288	202	173
23529		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa, đường bê tông có chiều ngang rộng dưới 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	230	161	138
23530		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa, đường bê tông có chiều ngang rộng dưới 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	184	129	110
23531		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa, đường bê tông có chiều ngang rộng dưới 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	259	181	155
23532		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa, đường bê tông có chiều ngang rộng dưới 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	207	145	124
23533		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa, đường bê tông có chiều ngang rộng dưới 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	166	116	100
23534	186	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	490	340	300
23535		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	235	165	141

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23536		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	188	132	113
23537		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	150	105	90
23538		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	212	148	127
23539		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	169	118	101
23540		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	135	95	81
23541	187	Đường Long Hưng - Bình Sơn	Giáp ranh xã Bình Tân	hết ranh thửa đất số 89 tờ bản đồ số 112)	Phường Phước Bình	500	350	300
23542		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến hết ranh thửa đất số 89 tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	240	168	144
23543		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến hết ranh thửa đất số 89 tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	192	134	115
23544		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến hết ranh thửa đất số 89 tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	154	108	92
23545		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến hết ranh thửa đất số 89 tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	216	151	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23546		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến hết ranh thửa đất số 89 tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	173	121	104
23547		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến hết ranh thửa đất số 89 tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	139	97	83
23548	188	Các tuyến đường Ngang nội ô khu phố 3 (3 nhánh: nhánh 1; nhánh 2; nhánh 3)			Phường Phước Bình	2300	1610	1380
23549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Ngang nội ô khu phố 3 (3 nhánh: nhánh 1; nhánh 2; nhánh 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	1104	773	662
23550		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Ngang nội ô khu phố 3 (3 nhánh: nhánh 1; nhánh 2; nhánh 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	883	618	530
23551		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Ngang nội ô khu phố 3 (3 nhánh: nhánh 1; nhánh 2; nhánh 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	706	494	424
23552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Ngang nội ô khu phố 3 (3 nhánh: nhánh 1; nhánh 2; nhánh 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	994	696	596
23553		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Ngang nội ô khu phố 3 (3 nhánh: nhánh 1; nhánh 2; nhánh 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	795	557	477
23554		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Ngang nội ô khu phố 3 (3 nhánh: nhánh 1; nhánh 2; nhánh 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	635	445	381

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23555	189	Đường Võ Văn Kiệt (đoạn nối dài)	Ngã tư đường Lý Tự Trọng	Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 57 phường Phước Bình (giáp ranh xã Phú Nghĩa)	Phường Phước Bình	1300	910	780
23556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt (đoạn nối dài) đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng đến Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 57 phường Phước Bình (giáp ranh xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	624	437	374
23557		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt (đoạn nối dài) đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng đến Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 57 phường Phước Bình (giáp ranh xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	499	349	299
23558		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt (đoạn nối dài) đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng đến Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 57 phường Phước Bình (giáp ranh xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	399	279	239
23559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt (đoạn nối dài) đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng đến Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 57 phường Phước Bình (giáp ranh xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	562	393	337
23560		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt (đoạn nối dài) đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng đến Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 57 phường Phước Bình (giáp ranh xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	449	314	269
23561		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt (đoạn nối dài) đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng đến Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 57 phường Phước Bình (giáp ranh xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	359	251	215
23562	190	Đường Nguyễn Văn Siêu	Thửa 51 tờ 26	Thửa 160 tờ 26	Phường Phước Bình	5800	4060	3480
23563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ Thửa 51 tờ 26 đến Thửa 160 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2784	1949	1670

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23564		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ Thửa 51 tờ 26 đến Thửa 160 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2227	1559	1336
23565		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ Thửa 51 tờ 26 đến Thửa 160 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1782	1247	1069
23566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ Thửa 51 tờ 26 đến Thửa 160 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2506	1754	1504
23567		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ Thửa 51 tờ 26 đến Thửa 160 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2004	1403	1202
23568		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ Thửa 51 tờ 26 đến Thửa 160 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1604	1123	962
23569	191	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Thửa 138 tờ 26	Thửa 14 tờ 26	Phường Phước Bình	7900	5530	4740
23570		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Thửa 138 tờ 26 đến Thửa 14 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3792	2654	2275
23571		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Thửa 138 tờ 26 đến Thửa 14 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	3034	2124	1820
23572		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Thửa 138 tờ 26 đến Thửa 14 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2427	1699	1456
23573		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Thửa 138 tờ 26 đến Thửa 14 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3413	2389	2048

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23574		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Thửa 138 tờ 26 đến Thửa 14 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2731	1912	1639
23575		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Thửa 138 tờ 26 đến Thửa 14 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2184	1529	1310
23576	192	Đường Nguyễn Huy Tự	Thửa 125 tờ 26	Thửa 14 tờ 26	Phường Phước Bình	5800	4060	3480
23577		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huy Tự đoạn từ Thửa 125 tờ 26 đến Thửa 14 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2784	1949	1670
23578		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huy Tự đoạn từ Thửa 125 tờ 26 đến Thửa 14 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2227	1559	1336
23579		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huy Tự đoạn từ Thửa 125 tờ 26 đến Thửa 14 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1782	1247	1069
23580		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huy Tự đoạn từ Thửa 125 tờ 26 đến Thửa 14 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	2506	1754	1504
23581		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huy Tự đoạn từ Thửa 125 tờ 26 đến Thửa 14 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2004	1403	1202
23582		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huy Tự đoạn từ Thửa 125 tờ 26 đến Thửa 14 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	1604	1123	962
23583	193	Đường Lý Thường Kiệt	Thửa 23 tờ 26	thửa 1 tờ 26	Phường Phước Bình	7300	5110	4380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23584		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Thửa 23 tờ 26 đến thửa 1 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3504	2453	2102
23585		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Thửa 23 tờ 26 đến thửa 1 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2803	1962	1682
23586		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Thửa 23 tờ 26 đến thửa 1 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2242	1569	1345
23587		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Thửa 23 tờ 26 đến thửa 1 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	3154	2208	1892
23588		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Thửa 23 tờ 26 đến thửa 1 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	2523	1766	1514
23589		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Thửa 23 tờ 26 đến thửa 1 tờ 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	2018	1413	1211
23590	1	Đường Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường 6/1	Giáp đường Lê Văn Duyệt	Phường Phước Long	10200	7100	6100
23591		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	4386	3070	2632
23592		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	3509	2456	2105
23593		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	2807	1965	1684

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23594		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	3947	2763	2368
23595		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	3158	2211	1895
23596		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	2526	1768	1516
23597	2	Đường Đinh Tiên Hoàng	Ngã ba giao đường Lê Văn Duyệt	Ngã tư giao đường Trần Quang Khải	Phường Phước Long	8500	6000	5100
23598		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Văn Duyệt đến Ngã tư giao đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	3655	2559	2193
23599		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Văn Duyệt đến Ngã tư giao đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2924	2047	1754
23600		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Văn Duyệt đến Ngã tư giao đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	2339	1637	1403
23601		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Văn Duyệt đến Ngã tư giao đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	3290	2303	1974
23602		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Văn Duyệt đến Ngã tư giao đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2632	1842	1579

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23603		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Văn Duyệt đến Ngã tư giao đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	2105	1474	1263
23604	3	Đường Đinh Tiên Hoàng	Ngã tư giao đường Trần Quang Khải	Trụ sở UBND phường (cũ)	Phường Phước Long	7900	5500	4700
23605		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã tư giao đường Trần Quang Khải đến Trụ sở UBND phường (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	3397	2378	2038
23606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã tư giao đường Trần Quang Khải đến Trụ sở UBND phường (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2718	1903	1631
23607		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã tư giao đường Trần Quang Khải đến Trụ sở UBND phường (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	2174	1522	1304
23608		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã tư giao đường Trần Quang Khải đến Trụ sở UBND phường (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	3057	2140	1834
23609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã tư giao đường Trần Quang Khải đến Trụ sở UBND phường (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2446	1712	1468
23610		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã tư giao đường Trần Quang Khải đến Trụ sở UBND phường (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1957	1370	1174
23611	4	Đường Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Giáp đường 6/1	Phường Phước Long	9600	6700	5800
23612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	4128	2890	2477

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	3302	2311	1981
23614		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	2642	1849	1585
23615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	3715	2601	2229
23616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2972	2080	1783
23617		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	2378	1665	1427
23618	5	Đường 6/1	Ngã ba Nguyễn Tất Thành (giao đường 6/1)	Đường Đinh Tiên Hoàng	Phường Phước Long	11900	8300	7100
23619		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành (giao đường 6/1) đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	5117	3582	3070
23620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành (giao đường 6/1) đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	4094	2866	2456
23621		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành (giao đường 6/1) đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	3275	2293	1965

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23622		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành (giao đường 6/1) đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	4605	3224	2763
23623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành (giao đường 6/1) đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	3685	2580	2211
23624		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành (giao đường 6/1) đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	2948	2064	1769
23625	6	Đường 6/1	Ngã ba giáp Đinh Tiên Hoàng	Tượng đài Chiến thắng	Phường Phước Long	4800	3300	2900
23626		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba giáp Đinh Tiên Hoàng đến Tượng đài Chiến thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2064	1445	1238
23627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba giáp Đinh Tiên Hoàng đến Tượng đài Chiến thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1651	1156	991
23628		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba giáp Đinh Tiên Hoàng đến Tượng đài Chiến thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1321	925	793
23629		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba giáp Đinh Tiên Hoàng đến Tượng đài Chiến thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1858	1301	1115
23630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba giáp Đinh Tiên Hoàng đến Tượng đài Chiến thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1486	1040	892
23631		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba giáp Đinh Tiên Hoàng đến Tượng đài Chiến thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1189	832	713

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23632	7	Đường 6/1	Tượng đài chiến thắng	Đến Cầu Đăk Lung	Phường Phước Long	1700	1200	1000
23633		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6/1 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Đến Cầu Đăk Lung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	731	512	439
23634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6/1 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Đến Cầu Đăk Lung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	585	410	351
23635		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6/1 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Đến Cầu Đăk Lung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	468	328	281
23636		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6/1 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Đến Cầu Đăk Lung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	658	461	395
23637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6/1 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Đến Cầu Đăk Lung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	527	369	316
23638		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6/1 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Đến Cầu Đăk Lung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	421	295	253
23639	8	Đường Trần Hưng Đạo	Giao đường Nguyễn Tất Thành	Giao với đường 6/1	Phường Phước Long	6800	4800	4100
23640		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giao với đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2924	2047	1754
23641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giao với đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2339	1637	1403

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23642		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giao với đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1871	1310	1123
23643		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giao với đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2632	1842	1579
23644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giao với đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2105	1474	1263
23645		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giao với đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1684	1179	1010
23646	9	Đường Trần Hưng Đạo	Giao đường 6/1	Giao với đường Lê Văn A	Phường Phước Long	6000	4200	3600
23647		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường 6/1 đến Giao với đường Lê Văn A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2580	1806	1548
23648		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường 6/1 đến Giao với đường Lê Văn A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2064	1445	1238
23649		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường 6/1 đến Giao với đường Lê Văn A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1651	1156	991
23650		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường 6/1 đến Giao với đường Lê Văn A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2322	1625	1393

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23651		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường 6/1 đến Giao với đường Lê Văn A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1858	1301	1115
23652		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường 6/1 đến Giao với đường Lê Văn A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1486	1040	892
23653	10	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã Tư Giao với đường Lê Văn A	Hết tuyến đường nhựa Khu phố 6 tháng 1 (Hết thửa đất số 315 tờ bản đồ số 4 về bên phải)	Phường Phước Long	4600	3200	2800
23654		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Ngã Tư Giao với đường Lê Văn A đến Hết tuyến đường nhựa Khu phố 6 tháng 1 (Hết thửa đất số 315 tờ bản đồ số 4 về bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1978	1385	1187
23655		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Ngã Tư Giao với đường Lê Văn A đến Hết tuyến đường nhựa Khu phố 6 tháng 1 (Hết thửa đất số 315 tờ bản đồ số 4 về bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1582	1107	949
23656		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Ngã Tư Giao với đường Lê Văn A đến Hết tuyến đường nhựa Khu phố 6 tháng 1 (Hết thửa đất số 315 tờ bản đồ số 4 về bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1266	886	760
23657		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Ngã Tư Giao với đường Lê Văn A đến Hết tuyến đường nhựa Khu phố 6 tháng 1 (Hết thửa đất số 315 tờ bản đồ số 4 về bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1780	1246	1068
23658		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Ngã Tư Giao với đường Lê Văn A đến Hết tuyến đường nhựa Khu phố 6 tháng 1 (Hết thửa đất số 315 tờ bản đồ số 4 về bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1424	997	854

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23659		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Ngã Tư Giao với đường Lê Văn A đến Hết tuyến đường nhựa Khu phố 6 tháng 1 (Hết thửa đất số 315 tờ bản đồ số 4 về bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1139	797	683
23660	11	Đường Lê Hồng Phong	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thái Tổ	Phường Phước Long	2800	2000	1700
23661		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1204	843	722
23662		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	963	674	578
23663		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	770	539	462
23664		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1084	759	650
23665		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	867	607	520
23666		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	693	485	416
23667	12	Đường Lê Hồng Phong (nối dài)	Đường Lý Thái Tổ	Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 03	Phường Phước Long	1700	1200	1000
23668		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong (nối dài) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	731	512	439

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23669		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong (nối dài) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	585	410	351
23670		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong (nối dài) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	468	328	281
23671		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong (nối dài) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	658	461	395
23672		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong (nối dài) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	527	369	316
23673		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong (nối dài) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	421	295	253
23674	13	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Tất Thành (Đường ĐT 741)	Ngã ba giao đường Tàu Ô	Phường Phước Long	3000	2100	1800
23675		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (Đường ĐT 741) đến Ngã ba giao đường Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1290	903	774
23676		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (Đường ĐT 741) đến Ngã ba giao đường Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1032	722	619
23677		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (Đường ĐT 741) đến Ngã ba giao đường Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	826	578	496

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23678		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (Đường ĐT 741) đến Ngã ba giao đường Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1161	813	697
23679		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (Đường ĐT 741) đến Ngã ba giao đường Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	929	650	557
23680		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (Đường ĐT 741) đến Ngã ba giao đường Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	743	520	446
23681	14	Đường Lê Hồng Phong	Ngã ba giao đường Tàu Ô	Cầu số 3	Phường Phước Long	2200	1600	1300
23682		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã ba giao đường Tàu Ô đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	946	662	568
23683		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã ba giao đường Tàu Ô đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	757	530	454
23684		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã ba giao đường Tàu Ô đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	606	424	364
23685		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã ba giao đường Tàu Ô đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	851	596	511
23686		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã ba giao đường Tàu Ô đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	681	477	409
23687		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã ba giao đường Tàu Ô đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	545	382	327

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23688	15	Đường Lê Hồng Phong	Cầu số 3	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Phường Phước Long	3200	2300	1900
23689		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Cầu số 3 đến Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1376	963	826
23690		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Cầu số 3 đến Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1101	771	661
23691		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Cầu số 3 đến Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	881	617	529
23692		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Cầu số 3 đến Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1238	867	743
23693		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Cầu số 3 đến Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	991	694	595
23694		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Cầu số 3 đến Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	793	555	476
23695	16	Đường Nguyễn Huệ	Tượng đài chiến thắng	Giáp đường Lê Văn Duyệt	Phường Phước Long	7300	5100	4400
23696		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	3139	2197	1883
23697		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2511	1758	1507

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23698		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	2009	1406	1205
23699		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2825	1978	1695
23700		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2260	1582	1356
23701		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1808	1266	1085
23702	17	Đường Nguyễn Huệ	Giao đường Lê Văn Duyệt	Giao đường Lê Hồng Phong	Phường Phước Long	5100	3600	3100
23703		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Giao đường Lê Văn Duyệt đến Giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2193	1535	1316
23704		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Giao đường Lê Văn Duyệt đến Giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1754	1228	1052
23705		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Giao đường Lê Văn Duyệt đến Giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1403	982	842
23706		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Giao đường Lê Văn Duyệt đến Giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1974	1382	1184

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23707		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Giao đường Lê Văn Duyệt đến Giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1579	1105	947
23708		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Giao đường Lê Văn Duyệt đến Giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1263	884	758
23709	18	Đường Lê Văn A	Đường Cách mạng tháng 8	Đường Lê Văn Duyệt	Phường Phước Long	4800	3300	2900
23710		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn A đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2064	1445	1238
23711		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn A đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1651	1156	991
23712		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn A đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1321	925	793
23713		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn A đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1858	1301	1115
23714		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn A đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1486	1040	892
23715		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn A đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1189	832	713
23716	19	Đường Trần Quang Khải	Ngã ba đường 6/1	Đường Lê Văn Duyệt	Phường Phước Long	6000	4200	3600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23717		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã ba đường 6/1 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2580	1806	1548
23718		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã ba đường 6/1 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2064	1445	1238
23719		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã ba đường 6/1 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1651	1156	991
23720		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã ba đường 6/1 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2322	1625	1393
23721		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã ba đường 6/1 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1858	1301	1115
23722		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã ba đường 6/1 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1486	1040	892
23723	20	Đường Trần Quang Khải	Ngã tư giáp đường Lê Văn Duyệt	Ngã ba đường Hồ Long Thủy	Phường Phước Long	4300	3000	2600
23724		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã tư giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ngã ba đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1849	1294	1109
23725		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã tư giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ngã ba đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1479	1035	887
23726		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã tư giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ngã ba đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1183	828	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23727		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã tư giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ngã ba đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1664	1165	998
23728		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã tư giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ngã ba đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1331	932	799
23729		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã tư giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ngã ba đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1065	746	639
23730	21	Đường Cách mạng tháng 8	Tượng đài chiến thắng	Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh	Phường Phước Long	7700	5400	4600
23731		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	3311	2318	1987
23732		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2649	1854	1589
23733		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	2119	1483	1271
23734		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2980	2086	1788
23735		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2384	1669	1430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23736		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1907	1335	1144
23737	22	Đường Cách mạng tháng 8	Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh	Giáp đường Nguyễn Văn Cừ	Phường Phước Long	6000	4200	3600
23738		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh đến Giáp đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2580	1806	1548
23739		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh đến Giáp đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2064	1445	1238
23740		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh đến Giáp đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1651	1156	991
23741		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh đến Giáp đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2322	1625	1393
23742		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh đến Giáp đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1858	1301	1115
23743		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh đến Giáp đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1486	1040	892
23744	23	Đường Hai Bà Trưng	Đường Cách mạng tháng 8	Giáp đường Đinh Tiên Hoàng	Phường Phước Long	4800	3300	2900
23745		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2064	1445	1238

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23746		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1651	1156	991
23747		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1321	925	793
23748		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1858	1301	1115
23749		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1486	1040	892
23750		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1189	832	713
23751	24	Đường Tự Do	Đường Cách mạng tháng 8	Giáp đường Đinh Tiên Hoàng (Đường đi qua công ty Mỹ Lệ)	Phường Phước Long	4800	3300	2900
23752		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tự Do đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng (Đường đi qua công ty Mỹ Lệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2064	1445	1238
23753		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tự Do đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng (Đường đi qua công ty Mỹ Lệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1651	1156	991
23754		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tự Do đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng (Đường đi qua công ty Mỹ Lệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1321	925	793

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23755		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tự Do đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng (Đường đi qua công ty Mỹ Lệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1858	1301	1115
23756		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tự Do đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng (Đường đi qua công ty Mỹ Lệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1486	1040	892
23757		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tự Do đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng (Đường đi qua công ty Mỹ Lệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1189	832	713
23758	25	Đường Hồ Long Thủy	Ngã tư giáp đường 6/1	Đường Hùng Vương	Phường Phước Long	7900	5500	4700
23759		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Ngã tư giáp đường 6/1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	3397	2378	2038
23760		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Ngã tư giáp đường 6/1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2718	1903	1631
23761		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Ngã tư giáp đường 6/1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	2174	1522	1304
23762		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Ngã tư giáp đường 6/1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	3057	2140	1834
23763		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Ngã tư giáp đường 6/1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2446	1712	1468
23764		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Ngã tư giáp đường 6/1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1957	1370	1174

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23765	26	Đường Hồ Long Thủy	Đường Hùng Vương	Ngã ba giáp đường Lý Thái Tổ	Phường Phước Long	6800	4800	4100
23766		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ngã ba giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2924	2047	1754
23767		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ngã ba giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2339	1637	1403
23768		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ngã ba giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1871	1310	1123
23769		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ngã ba giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2632	1842	1579
23770		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ngã ba giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2105	1474	1263
23771		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ngã ba giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1684	1179	1010
23772	27	Đường Trần Quốc Toản	Ngã tư giáp đường Trần Quang Khải	Ngã tư giáp đường Lý Thái Tổ	Phường Phước Long	5100	3600	3100
23773		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã tư giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2193	1535	1316
23774		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã tư giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1754	1228	1052

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23775		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã tư giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1403	982	842
23776		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã tư giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1974	1382	1184
23777		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã tư giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1579	1105	947
23778		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã tư giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1263	884	758
23779	28	Đường Trần Quốc Toản	Giao lộ đường Lê Văn Duyệt	Giao lộ đường Trần Quang Khải	Phường Phước Long	4800	3300	2900
23780		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Giao lộ đường Lê Văn Duyệt đến Giao lộ đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2064	1445	1238
23781		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Giao lộ đường Lê Văn Duyệt đến Giao lộ đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1651	1156	991
23782		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Giao lộ đường Lê Văn Duyệt đến Giao lộ đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1321	925	793
23783		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Giao lộ đường Lê Văn Duyệt đến Giao lộ đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1858	1301	1115

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23784		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Giao lộ đường Lê Văn Duyệt đến Giao lộ đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1486	1040	892
23785		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Giao lộ đường Lê Văn Duyệt đến Giao lộ đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1189	832	713
23786	29	Đường Sư Vạn Hạnh	đường Cách mạng tháng 8	Giáp đường Lý Thái Tổ	Phường Phước Long	4300	3000	2600
23787		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sư Vạn Hạnh đoạn từ đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1849	1294	1109
23788		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sư Vạn Hạnh đoạn từ đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1479	1035	887
23789		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sư Vạn Hạnh đoạn từ đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1183	828	710
23790		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sư Vạn Hạnh đoạn từ đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1664	1165	998
23791		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sư Vạn Hạnh đoạn từ đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1331	932	799
23792		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sư Vạn Hạnh đoạn từ đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1065	746	639
23793	30	Đường Lý Thái Tổ	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Lê Hồng Phong	Phường Phước Long	6100	4300	3700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23794		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2623	1836	1574
23795		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2098	1469	1259
23796		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1678	1175	1007
23797		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2361	1653	1417
23798		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1888	1322	1133
23799		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1510	1057	906
23800	31	Đường Lý Thái Tổ	Đường Lê Hồng Phong	Cầu An Lương (hết ranh giới phường Phước Long)	Phường Phước Long	1700	1200	1000
23801		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Cầu An Lương (hết ranh giới phường Phước Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	731	512	439
23802		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Cầu An Lương (hết ranh giới phường Phước Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	585	410	351

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23803		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Cầu An Lương (hết ranh giới phường Phước Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	468	328	281
23804		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Cầu An Lương (hết ranh giới phường Phước Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	658	461	395
23805		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Cầu An Lương (hết ranh giới phường Phước Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	527	369	316
23806		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Cầu An Lương (hết ranh giới phường Phước Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	421	295	253
23807	32	Đường Lê Văn Duyệt	Giao đường Đinh Tiên Hoàng	Giao đường Lý Thái Tổ	Phường Phước Long	6000	4200	3600
23808		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2580	1806	1548
23809		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2064	1445	1238
23810		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1651	1156	991
23811		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2322	1625	1393

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23812		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1858	1301	1115
23813		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1486	1040	892
23814	33	Đường Lê Văn Duyệt	Giao đường Lý Thái Tổ	Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt, đường Hàm Nghi	Phường Phước Long	4800	3300	2900
23815		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt, đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2064	1445	1238
23816		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt, đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1651	1156	991
23817		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt, đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1321	925	793
23818		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt, đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1858	1301	1115
23819		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt, đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1486	1040	892
23820		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt, đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1189	832	713

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23821	34	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Giao đường Đinh Tiên Hoàng	Giao đường Trần Quốc Toản	Phường Phước Long	3400	2400	2000
23822		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1462	1023	877
23823		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1170	819	702
23824		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	936	655	562
23825		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1316	921	790
23826		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1053	737	632
23827		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	842	589	505
23828	35	Đường Hàm Nghi	Đường Lý Thái Tổ	Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt	Phường Phước Long	3400	2400	2000
23829		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1462	1023	877
23830		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1170	819	702

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23831		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	936	655	562
23832		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1316	921	790
23833		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1053	737	632
23834		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	842	589	505
23835	36	Đường nội bộ khu dân cư y tế khu phố 6 tháng 1	Toàn tuyến		Phường Phước Long	3400	2400	2000
23836		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ khu dân cư y tế khu phố 6 tháng 1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1462	1023	877
23837		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ khu dân cư y tế khu phố 6 tháng 1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1170	819	702
23838		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ khu dân cư y tế khu phố 6 tháng 1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	936	655	562
23839		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ khu dân cư y tế khu phố 6 tháng 1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1316	921	790

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23840		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ khu dân cư y tế khu phố 6 tháng 1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1053	737	632
23841		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ khu dân cư y tế khu phố 6 tháng 1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	842	589	505
23842	37	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 9	Ngã ba giao đường Phạm Hồng Thái	Phường Phước Long	2600	1800	1500
23843		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 9 đến Ngã ba giao đường Phạm Hồng Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1118	783	671
23844		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 9 đến Ngã ba giao đường Phạm Hồng Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	894	626	536
23845		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 9 đến Ngã ba giao đường Phạm Hồng Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	715	501	429
23846		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 9 đến Ngã ba giao đường Phạm Hồng Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1006	704	604
23847		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 9 đến Ngã ba giao đường Phạm Hồng Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	805	564	483
23848		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 9 đến Ngã ba giao đường Phạm Hồng Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	644	451	386
23849	38	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Ngã ba đường Phạm Hồng Thái	Hết ranh Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01	Phường Phước Long	1300	890	770

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23850		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Ngã ba đường Phạm Hồng Thái đến Hết ranh Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	559	391	335
23851		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Ngã ba đường Phạm Hồng Thái đến Hết ranh Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	447	313	268
23852		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Ngã ba đường Phạm Hồng Thái đến Hết ranh Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	358	251	215
23853		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Ngã ba đường Phạm Hồng Thái đến Hết ranh Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	503	352	302
23854		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Ngã ba đường Phạm Hồng Thái đến Hết ranh Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	402	281	241
23855		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Ngã ba đường Phạm Hồng Thái đến Hết ranh Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	322	225	193
23856	39	Đường Nguyễn Văn Cừ	Từ Thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Phường Phước Long	2600	1800	1500
23857		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Từ Thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04 đến Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1118	783	671
23858		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Từ Thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04 đến Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	894	626	536

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23859		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Từ Thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04 đến Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	715	501	429
23860		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Từ Thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04 đến Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1006	704	604
23861		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Từ Thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04 đến Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	805	564	483
23862		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Từ Thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04 đến Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	644	451	386
23863	40	Đường Trần Phú	Ngã ba đường Hàm Nghi	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Phước Long	3400	2400	2000
23864		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba đường Hàm Nghi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1462	1023	877
23865		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba đường Hàm Nghi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1170	819	702
23866		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba đường Hàm Nghi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	936	655	562
23867		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba đường Hàm Nghi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1316	921	790

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23868		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba đường Hàm Nghi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1053	737	632
23869		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba đường Hàm Nghi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	842	589	505
23870	41	Đường Thanh Niên	Đường vòng quanh hồ Long Thủy		Phường Phước Long	3100	2100	1800
23871		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Niên đoạn từ Đường vòng quanh hồ Long Thủy đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1333	933	800
23872		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Niên đoạn từ Đường vòng quanh hồ Long Thủy đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1066	746	640
23873		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Niên đoạn từ Đường vòng quanh hồ Long Thủy đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	853	597	512
23874		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Niên đoạn từ Đường vòng quanh hồ Long Thủy đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1200	840	720
23875		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Niên đoạn từ Đường vòng quanh hồ Long Thủy đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	959	671	575
23876		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Niên đoạn từ Đường vòng quanh hồ Long Thủy đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	768	538	461
23877	42	Đường Phan Bội Châu	Ngã ba giáp đường 6/1 và đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nguyễn Xí	Phường Phước Long	3400	2400	2000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23878		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã ba giáp đường 6/1 và đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1462	1023	877
23879		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã ba giáp đường 6/1 và đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1170	819	702
23880		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã ba giáp đường 6/1 và đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	936	655	562
23881		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã ba giáp đường 6/1 và đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1316	921	790
23882		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã ba giáp đường 6/1 và đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1053	737	632
23883		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã ba giáp đường 6/1 và đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	842	589	505
23884	43	Đường Kim Đồng	Đường Hồ Long Thuỷ	Đường Nguyễn Văn Giáp	Phường Phước Long	3400	2400	2000
23885		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Đồng đoạn từ Đường Hồ Long Thuỷ đến Đường Nguyễn Văn Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1462	1023	877
23886		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Đồng đoạn từ Đường Hồ Long Thuỷ đến Đường Nguyễn Văn Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1170	819	702

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23887		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Đồng đoạn từ Đường Hồ Long Thuỷ đến Đường Nguyễn Văn Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	936	655	562
23888		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Đồng đoạn từ Đường Hồ Long Thuỷ đến Đường Nguyễn Văn Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1316	921	790
23889		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Đồng đoạn từ Đường Hồ Long Thuỷ đến Đường Nguyễn Văn Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1053	737	632
23890		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Đồng đoạn từ Đường Hồ Long Thuỷ đến Đường Nguyễn Văn Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	842	589	505
23891	44	Đường Bà Triệu	Giáp đường Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 84 tờ bản đồ số 22)	Phường Phước Long	3100	2100	1800
23892		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Triệu đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 84 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1333	933	800
23893		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Triệu đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 84 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1066	746	640
23894		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Triệu đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 84 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	853	597	512

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23895		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Triệu đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 84 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1200	840	720
23896		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Triệu đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 84 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	959	671	575
23897		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Triệu đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 84 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	768	538	461
23898	45	Đường Cao Bá Quát	Giáp đường Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 50 tờ bản đồ số 22)	Phường Phước Long	3100	2100	1800
23899		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 50 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1333	933	800
23900		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 50 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1066	746	640
23901		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 50 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	853	597	512
23902		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 50 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23903		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 50 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	959	671	575
23904		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 50 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	768	538	461
23905	46	Đường Phan Đình Giót	Đường Nguyễn Huệ	Đường Bà Triệu	Phường Phước Long	3100	2100	1800
23906		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1333	933	800
23907		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1066	746	640
23908		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	853	597	512
23909		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1200	840	720
23910		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	959	671	575
23911		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	768	538	461
23912	47	Đường Hoàng Diệu	Giáp đường Lý Thái Tổ	Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 12	Phường Phước Long	2600	1800	1500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23913		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Giáp đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1118	783	671
23914		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Giáp đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	894	626	536
23915		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Giáp đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	715	501	429
23916		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Giáp đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1006	704	604
23917		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Giáp đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	805	564	483
23918		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Giáp đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	644	451	386
23919	48	Đường Nguyễn Văn Giáp	Ngã ba giáp đường Hồ Long Thủy	Đường Nguyễn Xí	Phường Phước Long	3400	2400	2000
23920		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Ngã ba giáp đường Hồ Long Thủy đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1462	1023	877
23921		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Ngã ba giáp đường Hồ Long Thủy đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1170	819	702

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23922		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Ngã ba giáp đường Hồ Long Thủy đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	936	655	562
23923		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Ngã ba giáp đường Hồ Long Thủy đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1316	921	790
23924		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Ngã ba giáp đường Hồ Long Thủy đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1053	737	632
23925		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Ngã ba giáp đường Hồ Long Thủy đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	842	589	505
23926	49	Đường Nguyễn Văn Giáp	Đường Nguyễn Xí	Giáp thửa đất số 313 tờ bản đồ số 6	Phường Phước Long	3100	2100	1800
23927		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Xí đến Giáp thửa đất số 313 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1333	933	800
23928		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Xí đến Giáp thửa đất số 313 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1066	746	640
23929		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Xí đến Giáp thửa đất số 313 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	853	597	512
23930		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Xí đến Giáp thửa đất số 313 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23931		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Xí đến Giáp thửa đất số 313 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	959	671	575
23932		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Xí đến Giáp thửa đất số 313 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	768	538	461
23933	50	Đường nối Trần Quang Khải và Nguyễn Văn Trỗi	Ngã ba giáp đường Trần Quang Khải	Ngã ba giáp đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Phước Long	2900	2000	1700
23934		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối Trần Quang Khải và Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Ngã ba giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã ba giáp đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1247	873	748
23935		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối Trần Quang Khải và Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Ngã ba giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã ba giáp đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	998	699	599
23936		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối Trần Quang Khải và Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Ngã ba giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã ba giáp đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	798	559	479
23937		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối Trần Quang Khải và Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Ngã ba giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã ba giáp đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1122	785	673
23938		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối Trần Quang Khải và Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Ngã ba giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã ba giáp đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	898	629	539
23939		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối Trần Quang Khải và Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Ngã ba giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã ba giáp đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	718	503	431

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23940	51	Đường hẻm Lê Văn Duyệt (Cách ngã ba Lý Thái Tổ và Lê Văn Duyệt 50m)	Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt	Bao gồm tất cả các nhánh đường nhựa trong khu dân cư	Phường Phước Long	3100	2100	1800
23941		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm Lê Văn Duyệt (Cách ngã ba Lý Thái Tổ và Lê Văn Duyệt 50m) đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Bao gồm tất cả các nhánh đường nhựa trong khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1333	933	800
23942		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm Lê Văn Duyệt (Cách ngã ba Lý Thái Tổ và Lê Văn Duyệt 50m) đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Bao gồm tất cả các nhánh đường nhựa trong khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1066	746	640
23943		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm Lê Văn Duyệt (Cách ngã ba Lý Thái Tổ và Lê Văn Duyệt 50m) đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Bao gồm tất cả các nhánh đường nhựa trong khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	853	597	512
23944		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm Lê Văn Duyệt (Cách ngã ba Lý Thái Tổ và Lê Văn Duyệt 50m) đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Bao gồm tất cả các nhánh đường nhựa trong khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1200	840	720
23945		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm Lê Văn Duyệt (Cách ngã ba Lý Thái Tổ và Lê Văn Duyệt 50m) đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Bao gồm tất cả các nhánh đường nhựa trong khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	959	671	575
23946		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm Lê Văn Duyệt (Cách ngã ba Lý Thái Tổ và Lê Văn Duyệt 50m) đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Bao gồm tất cả các nhánh đường nhựa trong khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	768	538	461
23947	52	Đường vào sân vận động	Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt	Ranh sân vận động	Phường Phước Long	2900	2000	1700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23948		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào sân vận động đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ranh sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1247	873	748
23949		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào sân vận động đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ranh sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	998	699	599
23950		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào sân vận động đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ranh sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	798	559	479
23951		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào sân vận động đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ranh sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1122	785	673
23952		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào sân vận động đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ranh sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	898	629	539
23953		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào sân vận động đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ranh sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	718	503	431
23954	53	Đường Hùng Vương	Từ đường Hồ Long Thủy	Cầu giáp ranh xã Long Giang (cũ)	Phường Phước Long	2900	2000	1700
23955		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Từ đường Hồ Long Thủy đến Cầu giáp ranh xã Long Giang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1247	873	748
23956		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Từ đường Hồ Long Thủy đến Cầu giáp ranh xã Long Giang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	998	699	599

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23957		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Từ đường Hồ Long Thủy đến Cầu giáp ranh xã Long Giang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	798	559	479
23958		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Từ đường Hồ Long Thủy đến Cầu giáp ranh xã Long Giang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1122	785	673
23959		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Từ đường Hồ Long Thủy đến Cầu giáp ranh xã Long Giang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	898	629	539
23960		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Từ đường Hồ Long Thủy đến Cầu giáp ranh xã Long Giang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	718	503	431
23961	54	Đường hẻm ra đường Trần Hưng Đạo và đường Tự Do	Toàn tuyến		Phường Phước Long	2900	2000	1700
23962		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm ra đường Trần Hưng Đạo và đường Tự Do đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1247	873	748
23963		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm ra đường Trần Hưng Đạo và đường Tự Do đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	998	699	599
23964		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm ra đường Trần Hưng Đạo và đường Tự Do đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	798	559	479
23965		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm ra đường Trần Hưng Đạo và đường Tự Do đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1122	785	673

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23966		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm ra đường Trần Hưng Đạo và đường Tự Do đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	898	629	539
23967		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm ra đường Trần Hưng Đạo và đường Tự Do đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	718	503	431
23968	55	Đường Trần Quang Khải (nối dài)	Đường Hồ Long Thủy	Đường Lê Hồng Phong	Phường Phước Long	3000	2100	1800
23969		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải (nối dài) đoạn từ Đường Hồ Long Thủy đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1290	903	774
23970		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải (nối dài) đoạn từ Đường Hồ Long Thủy đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1032	722	619
23971		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải (nối dài) đoạn từ Đường Hồ Long Thủy đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	826	578	496
23972		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải (nối dài) đoạn từ Đường Hồ Long Thủy đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1161	813	697
23973		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải (nối dài) đoạn từ Đường Hồ Long Thủy đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	929	650	557
23974		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải (nối dài) đoạn từ Đường Hồ Long Thủy đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	743	520	446
23975	56	Đường Phạm Hồng Thái	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Hết tuyến (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 05)	Phường Phước Long	1700	1200	1000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23976		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái đoạn từ Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến Hết tuyến (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 05) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	731	512	439
23977		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái đoạn từ Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến Hết tuyến (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 05) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	585	410	351
23978		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái đoạn từ Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến Hết tuyến (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 05) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	468	328	281
23979		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái đoạn từ Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến Hết tuyến (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 05) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	658	461	395
23980		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái đoạn từ Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến Hết tuyến (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 05) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	527	369	316
23981		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái đoạn từ Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến Hết tuyến (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 05) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	421	295	253
23982	57	Đường Nguyễn Xí	Đường Nguyễn Văn Giáp	Đến hết đường nhựa (giáp ranh bến xe)	Phường Phước Long	3000	2100	1800
23983		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Nguyễn Văn Giáp đến Đến hết đường nhựa (giáp ranh bến xe) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1290	903	774
23984		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Nguyễn Văn Giáp đến Đến hết đường nhựa (giáp ranh bến xe) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1032	722	619

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23985		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Nguyễn Văn Giáp đến Đến hết đường nhựa (giáp ranh bến xe) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	826	578	496
23986		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Nguyễn Văn Giáp đến Đến hết đường nhựa (giáp ranh bến xe) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1161	813	697
23987		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Nguyễn Văn Giáp đến Đến hết đường nhựa (giáp ranh bến xe) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	929	650	557
23988		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Nguyễn Văn Giáp đến Đến hết đường nhựa (giáp ranh bến xe) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	743	520	446
23989	58	Đường Cù Chính Lan	Đường Cách Mạng Tháng Tám	giáp thửa đất số 422 tờ bản đồ số 4	Phường Phước Long	1700	1200	1000
23990		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến giáp thửa đất số 422 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	731	512	439
23991		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến giáp thửa đất số 422 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	585	410	351
23992		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến giáp thửa đất số 422 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	468	328	281
23993		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến giáp thửa đất số 422 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	658	461	395

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
23994		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến giáp thửa đất số 422 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	527	369	316
23995		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến giáp thửa đất số 422 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	421	295	253
23996	59	Đường Hồ Huân Nghiệp	Đường 6/1	Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 2	Phường Phước Long	1300	890	770
23997		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Huân Nghiệp đoạn từ Đường 6/1 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	559	391	335
23998		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Huân Nghiệp đoạn từ Đường 6/1 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	447	313	268
23999		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Huân Nghiệp đoạn từ Đường 6/1 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	358	251	215
24000		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Huân Nghiệp đoạn từ Đường 6/1 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	503	352	302
24001		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Huân Nghiệp đoạn từ Đường 6/1 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	402	281	241
24002		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Huân Nghiệp đoạn từ Đường 6/1 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	322	225	193
24003	60	Đường nhựa bên hông sân vận động	Đường Lê Văn Duyệt	Đường Hồ Long Thủy	Phường Phước Long	3000	2100	1800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24004		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa bên hông sân vận động đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1290	903	774
24005		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa bên hông sân vận động đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1032	722	619
24006		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa bên hông sân vận động đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	826	578	496
24007		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa bên hông sân vận động đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1161	813	697
24008		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa bên hông sân vận động đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	929	650	557
24009		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa bên hông sân vận động đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	743	520	446
24010	61	Đường nhựa đấu nối ra đường bên hông sân vận động	Toàn tuyến		Phường Phước Long	2600	1800	1500
24011		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đấu nối ra đường bên hông sân vận động đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1118	783	671
24012		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đấu nối ra đường bên hông sân vận động đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	894	626	536

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24013		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đấu nối ra đường bên hông sân vận động đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	715	501	429
24014		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đấu nối ra đường bên hông sân vận động đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1006	704	604
24015		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đấu nối ra đường bên hông sân vận động đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	805	564	483
24016		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đấu nối ra đường bên hông sân vận động đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	644	451	386
24017	62	Đường bên hông công an PCCC	Đường Lý Thái Tổ	Giáp ranh Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 03	Phường Phước Long	1700	1200	1000
24018		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông công an PCCC đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp ranh Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	731	512	439
24019		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông công an PCCC đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp ranh Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	585	410	351
24020		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông công an PCCC đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp ranh Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	468	328	281
24021		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông công an PCCC đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp ranh Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	658	461	395

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24022		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông công an PCCC đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp ranh Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	527	369	316
24023		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông công an PCCC đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp ranh Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	421	295	253
24024	63	Đường Lê Quý Đôn	Giáp đường 6/1	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Phường Phước Long	7100	4900	4200
24025		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	3053	2137	1832
24026		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2442	1709	1465
24027		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1954	1368	1172
24028		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2748	1924	1649
24029		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2198	1539	1319
24030		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1759	1231	1055
24031	64	Đường Lê Quý Đôn	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125	Phường Phước Long	2900	2000	1700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24032		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1247	873	748
24033		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	998	699	599
24034		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	798	559	479
24035		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1122	785	673
24036		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	898	629	539
24037		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	718	503	431
24038	65	Đường Lê Quý Đôn	Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125	Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125	Phường Phước Long	2600	1800	1500
24039		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1118	783	671

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24040		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	894	626	536
24041		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	715	501	429
24042		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1006	704	604
24043		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	805	564	483
24044		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	644	451	386
24045	66	Đường nội ô chợ Phước Long	Giáp đường Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường 6/1	Phường Phước Long	9800	6800	5900
24046		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô chợ Phước Long đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	4214	2950	2528
24047		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô chợ Phước Long đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	3371	2360	2023

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24048		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô chợ Phước Long đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	2697	1888	1618
24049		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô chợ Phước Long đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	3793	2655	2276
24050		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô chợ Phước Long đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	3034	2124	1820
24051		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô chợ Phước Long đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	2427	1699	1456
24052	67	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba giao đường Võ Văn Kiệt (Từ ranh giới Phường Phước Long)	ngã ba giao đường Độc Lập	Phường Phước Long	5800	4000	3500
24053		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Võ Văn Kiệt (Từ ranh giới Phường Phước Long) đến ngã ba giao đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2494	1746	1496
24054		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Võ Văn Kiệt (Từ ranh giới Phường Phước Long) đến ngã ba giao đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1995	1397	1197
24055		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Võ Văn Kiệt (Từ ranh giới Phường Phước Long) đến ngã ba giao đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1596	1117	958

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24056		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Võ Văn Kiệt (Từ ranh giới Phường Phước Long) đến ngã ba giao đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2245	1572	1347
24057		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Võ Văn Kiệt (Từ ranh giới Phường Phước Long) đến ngã ba giao đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1796	1257	1078
24058		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Võ Văn Kiệt (Từ ranh giới Phường Phước Long) đến ngã ba giao đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1436	1005	862
24059	68	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng	Cầu Suối Dung	Phường Phước Long	7700	5400	4600
24060		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng đến Cầu Suối Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	3311	2318	1987
24061		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng đến Cầu Suối Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2649	1854	1589
24062		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng đến Cầu Suối Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	2119	1483	1271
24063		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng đến Cầu Suối Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2980	2086	1788
24064		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng đến Cầu Suối Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2384	1669	1430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24065		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng đến Cầu Suối Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1907	1335	1144
24066	69	Đường Nguyễn Tất Thành	Cầu Suối Dung	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo	Phường Phước Long	8500	6000	5100
24067		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Suối Dung đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	3655	2559	2193
24068		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Suối Dung đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2924	2047	1754
24069		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Suối Dung đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	2339	1637	1403
24070		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Suối Dung đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	3290	2303	1974
24071		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Suối Dung đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2632	1842	1579
24072		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Suối Dung đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	2105	1474	1263
24073	70	Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62)	Phường Phước Long	6000	4200	3600
24074		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2580	1806	1548

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24075		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2064	1445	1238
24076		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1651	1156	991
24077		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2322	1625	1393
24078		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1858	1301	1115
24079		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1486	1040	892
24080	71	Đường Nguyễn Tất Thành	Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62)	Cầu Thác Mẹ	Phường Phước Long	2600	1800	1500
24081		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) đến Cầu Thác Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1118	783	671
24082		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) đến Cầu Thác Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	894	626	536
24083		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) đến Cầu Thác Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	715	501	429

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24084		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) đến Cầu Thác Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1006	704	604
24085		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) đến Cầu Thác Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	805	564	483
24086		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) đến Cầu Thác Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	644	451	386
24087	72	Đường Nguyễn Tất Thành	Cầu Thác Mẹ	Giáp ranh xã Phú Nghĩa	Phường Phước Long	2000	1400	1200
24088		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Giáp ranh xã Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	860	602	516
24089		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Giáp ranh xã Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	688	482	413
24090		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Giáp ranh xã Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	550	385	330
24091		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Giáp ranh xã Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	774	542	464
24092		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Giáp ranh xã Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	619	433	371
24093		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Giáp ranh xã Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	495	347	297

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24094	73	Đường Ngô Quyền	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Giáp đường Lê Quý Đôn	Phường Phước Long	3400	2400	2000
24095		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1462	1023	877
24096		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1170	819	702
24097		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	936	655	562
24098		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1316	921	790
24099		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1053	737	632
24100		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	842	589	505
24101	74	Đường Nguyễn Chí Thanh	Giáp đường Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Phường Phước Long	2900	2000	1700
24102		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1247	873	748
24103		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	998	699	599

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24104		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	798	559	479
24105		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1122	785	673
24106		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	898	629	539
24107		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	718	503	431
24108	75	Đường Đinh Công Trứ	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Hết tuyến nhựa hiện hữu (Hết ranh thửa đất số 03, tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 54)	Phường Phước Long	2400	1700	1400
24109		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Công Trứ đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Hết tuyến nhựa hiện hữu (Hết ranh thửa đất số 03, tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1032	722	619
24110		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Công Trứ đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Hết tuyến nhựa hiện hữu (Hết ranh thửa đất số 03, tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	826	578	496
24111		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Công Trứ đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Hết tuyến nhựa hiện hữu (Hết ranh thửa đất số 03, tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	661	463	397

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24112		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Công Trứ đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Hết tuyến nhựa hiện hữu (Hết ranh thửa đất số 03, tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	929	650	557
24113		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Công Trứ đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Hết tuyến nhựa hiện hữu (Hết ranh thửa đất số 03, tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	743	520	446
24114		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Công Trứ đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Hết tuyến nhựa hiện hữu (Hết ranh thửa đất số 03, tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	595	417	357
24115	76	Đường Yên Thế	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Điện Biên Phủ	Phường Phước Long	2000	1400	1200
24116		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Yên Thế đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	860	602	516
24117		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Yên Thế đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	688	482	413
24118		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Yên Thế đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	550	385	330
24119		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Yên Thế đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	774	542	464
24120		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Yên Thế đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	619	433	371

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24121		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Yên Thế đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	495	347	297
24122	77	Đường Lê Lợi	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Đập tràn Thủy điện Thác Mơ	Phường Phước Long	1700	1200	1000
24123		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Đập tràn Thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	731	512	439
24124		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Đập tràn Thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	585	410	351
24125		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Đập tràn Thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	468	328	281
24126		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Đập tràn Thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	658	461	395
24127		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Đập tràn Thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	527	369	316
24128		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Đập tràn Thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	421	295	253
24129	78	Đường Nguyễn Văn Huyên	Giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Phường Phước Long	1800	1200	1100
24130		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	774	542	464

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24131		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	619	433	371
24132		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	495	347	297
24133		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	697	488	418
24134		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	557	390	334
24135		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	446	312	268
24136	79	Các tuyến đường bê tông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Tất Thành	Toàn tuyến		Phường Phước Long	1000	710	610
24137		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường bê tông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	430	301	258
24138		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường bê tông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	344	241	206
24139		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường bê tông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	275	193	165

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24140		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường bê tông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	387	271	232
24141		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường bê tông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	310	217	186
24142		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường bê tông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	248	174	149
24143	80	Đường nhựa mới mở (đoạn nắn tuyến)	Cầu Thác Mẹ	Đường Nguyễn Tất Thành (hướng đi xã Phú Nghĩa)	Phường Phước Long	1200	830	710
24144		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa mới mở (đoạn nắn tuyến) đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Đường Nguyễn Tất Thành (hướng đi xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	516	361	310
24145		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa mới mở (đoạn nắn tuyến) đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Đường Nguyễn Tất Thành (hướng đi xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	413	289	248
24146		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa mới mở (đoạn nắn tuyến) đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Đường Nguyễn Tất Thành (hướng đi xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	330	231	198
24147		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa mới mở (đoạn nắn tuyến) đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Đường Nguyễn Tất Thành (hướng đi xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	464	325	278
24148		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa mới mở (đoạn nắn tuyến) đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Đường Nguyễn Tất Thành (hướng đi xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	372	260	223

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24149		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa mới mở (đoạn nắn tuyến) đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Đường Nguyễn Tất Thành (hướng đi xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	297	208	178
24150	81	Đường nhựa (hẻm 178 Nguyễn Tất Thành)	Đường Nguyễn Tất Thành	Đến giáp suối	Phường Phước Long	1000	710	610
24151		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa (hẻm 178 Nguyễn Tất Thành) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	430	301	258
24152		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa (hẻm 178 Nguyễn Tất Thành) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	344	241	206
24153		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa (hẻm 178 Nguyễn Tất Thành) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	275	193	165
24154		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa (hẻm 178 Nguyễn Tất Thành) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	387	271	232
24155		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa (hẻm 178 Nguyễn Tất Thành) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	310	217	186
24156		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa (hẻm 178 Nguyễn Tất Thành) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	248	174	149
24157	82	Đường nhựa cạnh nhà 1552 (đối diện đường Đinh Công Trứ)	Đường Nguyễn Tất Thành	Đến giáp thửa đất số 311 tờ bản đồ số 54	Phường Phước Long	1000	710	610

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24158		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa cạnh nhà 1552 (đối diện đường Đinh Công Trứ) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 311 tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	430	301	258
24159		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa cạnh nhà 1552 (đối diện đường Đinh Công Trứ) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 311 tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	344	241	206
24160		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa cạnh nhà 1552 (đối diện đường Đinh Công Trứ) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 311 tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	275	193	165
24161		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa cạnh nhà 1552 (đối diện đường Đinh Công Trứ) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 311 tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	387	271	232
24162		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa cạnh nhà 1552 (đối diện đường Đinh Công Trứ) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 311 tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	310	217	186
24163		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa cạnh nhà 1552 (đối diện đường Đinh Công Trứ) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 311 tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	248	174	149
24164	83	Đường Huỳnh Khương An	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Đến giáp thửa đất số 5 tờ bản đồ số 126	Phường Phước Long	2700	1900	1600
24165		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Khương An đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Đến giáp thửa đất số 5 tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1161	813	697

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24166		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Khương An đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Đến giáp thửa đất số 5 tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	929	650	557
24167		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Khương An đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Đến giáp thửa đất số 5 tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	743	520	446
24168		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Khương An đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Đến giáp thửa đất số 5 tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1045	732	627
24169		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Khương An đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Đến giáp thửa đất số 5 tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	836	585	502
24170		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Khương An đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Đến giáp thửa đất số 5 tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	669	468	401
24171	84	Đường Độc Lập	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba giao đường Lê Trọng Tấn	Phường Phước Long	7700	5400	4600
24172		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	3311	2318	1987
24173		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2649	1854	1589
24174		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	2119	1483	1271

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24175		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2980	2086	1788
24176		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2384	1669	1430
24177		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1907	1335	1144
24178	85	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57)	Phường Phước Long	6800	4800	4100
24179		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2924	2047	1754
24180		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2339	1637	1403
24181		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1871	1310	1123
24182		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2632	1842	1579
24183		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2105	1474	1263

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24184		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1684	1179	1010
24185	86	Đường Võ Văn Kiệt	Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57)	Giáp ranh phường Phước Bình (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 57)	Phường Phước Long	3800	2700	2300
24186		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) đến Giáp ranh phường Phước Bình (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1634	1144	980
24187		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) đến Giáp ranh phường Phước Bình (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1307	915	784
24188		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) đến Giáp ranh phường Phước Bình (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1046	732	628
24189		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) đến Giáp ranh phường Phước Bình (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1471	1030	883
24190		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) đến Giáp ranh phường Phước Bình (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1176	823	706
24191		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) đến Giáp ranh phường Phước Bình (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	941	659	565
24192	87	Đường Lê Trọng Tấn	Ngã ba giao đường Độc Lập	Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65)	Phường Phước Long	5100	3600	3100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24193		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	2193	1535	1316
24194		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1754	1228	1052
24195		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1403	982	842
24196		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1974	1382	1184
24197		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1579	1105	947
24198		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1263	884	758
24199	88	Đường Lê Trọng Tấn	Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65)	Ngã ba giao đường Âu Cơ	Phường Phước Long	4500	3200	2700
24200		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1935	1355	1161

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24201		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1548	1084	929
24202		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1238	867	743
24203		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1742	1219	1045
24204		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1393	975	836
24205		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1114	780	668
24206	89	Đường Bà Rá	Toàn tuyến		Phường Phước Long	2600	1800	1500
24207		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Rá đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1118	783	671
24208		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Rá đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	894	626	536
24209		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Rá đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	715	501	429

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24210		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Rá đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1006	704	604
24211		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Rá đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	805	564	483
24212		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Rá đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	644	451	386
24213	90	Đường Tôn Đức Thắng	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Phước Bình	Phường Phước Long	2800	2000	1700
24214		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1204	843	722
24215		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	963	674	578
24216		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	770	539	462
24217		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1084	759	650
24218		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	867	607	520
24219		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	693	485	416

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24220	91	Đường Nguyễn Trãi	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Phước Bình	Phường Phước Long	2400	1700	1500
24221		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1032	722	619
24222		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	826	578	496
24223		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	661	463	397
24224		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	929	650	557
24225		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	743	520	446
24226		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	595	417	357
24227	92	Đường Hoàng Văn Thái	Ngã ba giao đường Độc Lập	Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65)	Phường Phước Long	3400	2400	2000
24228		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1462	1023	877

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24229		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1170	819	702
24230		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	936	655	562
24231		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1316	921	790
24232		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1053	737	632
24233		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	842	589	505
24234	93	Đường Hoàng Văn Thái	Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65)	Ngã ba giao đường Âu Cơ	Phường Phước Long	2700	1900	1600
24235		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1161	813	697
24236		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	929	650	557

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24237		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	743	520	446
24238		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1045	732	627
24239		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	836	585	502
24240		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	669	468	401
24241	94	Đường Nguyễn Thị Định	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường nhựa	Phường Phước Long	2200	1600	1300
24242		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	946	662	568
24243		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	757	530	454
24244		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	606	424	364
24245		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	851	596	511

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24246		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	681	477	409
24247		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	545	382	327
24248	95	Đường Nguyễn Thị Định	Ngã ba đường nhựa	Hết 02 nhánh đường nhựa	Phường Phước Long	1900	1300	1100
24249		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba đường nhựa đến Hết 02 nhánh đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	817	572	490
24250		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba đường nhựa đến Hết 02 nhánh đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	654	458	392
24251		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba đường nhựa đến Hết 02 nhánh đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	523	366	314
24252		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba đường nhựa đến Hết 02 nhánh đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	735	515	441
24253		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba đường nhựa đến Hết 02 nhánh đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	589	412	353
24254		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba đường nhựa đến Hết 02 nhánh đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	471	330	283
24255	96	Đường Hà Huy Tập	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Phước Bình	Phường Phước Long,Phường Phước Bình	1700	1200	1000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24256		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long,Phường Phước Bình	731	512	439
24257		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long,Phường Phước Bình	585	410	351
24258		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long,Phường Phước Bình	468	328	281
24259		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long,Phường Phước Bình	658	461	395
24260		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long,Phường Phước Bình	527	369	316
24261		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long,Phường Phước Bình	421	295	253
24262	97	Đường Phan Đăng Lưu	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong	Phường Phước Long	2000	1400	1200
24263		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	860	602	516
24264		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	688	482	413

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24265		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	550	385	330
24266		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	774	542	464
24267		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	619	433	371
24268		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	495	347	297
24269	98	Đường Âu Cơ	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong	Phường Phước Long	2400	1700	1400
24270		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	1032	722	619
24271		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	826	578	496
24272		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	661	463	397
24273		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	929	650	557

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24274		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	743	520	446
24275		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	595	417	357
24276	99	Đường Âu Cơ	Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong	Tờ bản đồ số 70 thửa đất số 257	Phường Phước Long	2200	1500	1300
24277		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong đến Tờ bản đồ số 70 thửa đất số 257 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	946	662	568
24278		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong đến Tờ bản đồ số 70 thửa đất số 257 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	757	530	454
24279		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong đến Tờ bản đồ số 70 thửa đất số 257 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	606	424	364
24280		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong đến Tờ bản đồ số 70 thửa đất số 257 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	851	596	511
24281		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong đến Tờ bản đồ số 70 thửa đất số 257 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	681	477	409
24282		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong đến Tờ bản đồ số 70 thửa đất số 257 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	545	382	327
24283	100	Đường Lạc Long Quân	Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong (Cầu Số 3)	Suối (Hết ranh thửa đất số 610, tờ bản đồ số 66)	Phường Phước Long	1400	1000	870

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24284		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong (Cầu Số 3) đến Suối (Hết ranh thửa đất số 610, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	602	421	361
24285		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong (Cầu Số 3) đến Suối (Hết ranh thửa đất số 610, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	482	337	289
24286		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong (Cầu Số 3) đến Suối (Hết ranh thửa đất số 610, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	386	270	232
24287		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong (Cầu Số 3) đến Suối (Hết ranh thửa đất số 610, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	542	379	325
24288		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong (Cầu Số 3) đến Suối (Hết ranh thửa đất số 610, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	434	304	260
24289		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong (Cầu Số 3) đến Suối (Hết ranh thửa đất số 610, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	347	243	208
24290	101	Đường Bùi Viện	Đường Hà Huy Tập	Đường Tôn Thất Đạm	Phường Phước Long	1200	830	710
24291		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	516	361	310
24292		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	413	289	248

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24293		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	330	231	198
24294		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	464	325	278
24295		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	372	260	223
24296		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	297	208	178
24297	102	Đường Tôn Thất Đạm	Đường Bùi Viện	Đường QH liên khu vực IV	Phường Phước Long	1100	770	660
24298		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường Bùi Viện đến Đường QH liên khu vực IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	473	331	284
24299		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường Bùi Viện đến Đường QH liên khu vực IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	378	265	227
24300		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường Bùi Viện đến Đường QH liên khu vực IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	302	211	181
24301		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường Bùi Viện đến Đường QH liên khu vực IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	426	298	256

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24302		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường Bùi Viện đến Đường QH liên khu vực IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	340	238	204
24303		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường Bùi Viện đến Đường QH liên khu vực IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	272	190	163
24304	103	Đường Triệu Quang Phục	Đường Âu Cơ	Đường Lê Hồng Phong	Phường Phước Long	1700	1200	1000
24305		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	731	512	439
24306		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	585	410	351
24307		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	468	328	281
24308		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	658	461	395
24309		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	527	369	316
24310		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	421	295	253
24311	104	Đường Lương Văn Can	Đường Nguyễn Tất Thành	Đến giáp thửa đất số 58 tờ bản đồ số 59	Phường Phước Long	2200	1500	1300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24312		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 58 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	946	662	568
24313		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 58 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	757	530	454
24314		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 58 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	606	424	364
24315		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 58 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	851	596	511
24316		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 58 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	681	477	409
24317		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 58 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	545	382	327
24318	105	Đường Tàu Ô	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Bà Rá	Phường Phước Long	1800	1200	1100
24319		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tàu Ô đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	774	542	464
24320		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tàu Ô đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	619	433	371
24321		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tàu Ô đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	495	347	297

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24322		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tàu Ô đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	697	488	418
24323		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tàu Ô đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	557	390	334
24324		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tàu Ô đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	446	312	268
24325	106	Đường Huỳnh Mẫn Đạt	Đường Nguyễn Tất Thành	đường Liên khu vực 4	Phường Phước Long	2200	1500	1300
24326		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến đường Liên khu vực 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	946	662	568
24327		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến đường Liên khu vực 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	757	530	454
24328		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến đường Liên khu vực 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	606	424	364
24329		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến đường Liên khu vực 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	851	596	511
24330		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến đường Liên khu vực 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	681	477	409

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24331		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến đường Liên khu vực 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	545	382	327
24332	107	Đường Cao Xuân Huy	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 103	Phường Phước Long	2300	1600	1400
24333		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	989	692	593
24334		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	791	554	475
24335		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	633	443	380
24336		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	890	623	534
24337		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	712	498	427
24338		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	570	399	342
24339	108	Đường Phạm Phú Thứ	Đường Nguyễn Trãi	Giáp ranh thửa 78 tờ bản đồ số 101	Phường Phước Long	1300	890	770
24340		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh thửa 78 tờ bản đồ số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	559	391	335

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24341		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh thửa 78 tờ bản đồ số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	447	313	268
24342		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh thửa 78 tờ bản đồ số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	358	251	215
24343		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh thửa 78 tờ bản đồ số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	503	352	302
24344		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh thửa 78 tờ bản đồ số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	402	281	241
24345		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh thửa 78 tờ bản đồ số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	322	225	193
24346	109	Các tuyến đường nhựa hẻm đường Hoàng Văn Thái và hẻm đường Lê Trọng Tấn	Toàn tuyến		Phường Phước Long	2000	1400	1200
24347		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa hẻm đường Hoàng Văn Thái và hẻm đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	860	602	516
24348		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa hẻm đường Hoàng Văn Thái và hẻm đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	688	482	413
24349		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa hẻm đường Hoàng Văn Thái và hẻm đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	550	385	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24350		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa hẻm đường Hoàng Văn Thái và hẻm đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	774	542	464
24351		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa hẻm đường Hoàng Văn Thái và hẻm đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	619	433	371
24352		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa hẻm đường Hoàng Văn Thái và hẻm đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	495	347	297
24353	110	Đường Thống Nhất	Giáp ranh phường Phước Bình (cũ) hướng về ngã ba Phước Quả	Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93)	Phường Phước Long	4300	3000	2600
24354		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Giáp ranh phường Phước Bình (cũ) hướng về ngã ba Phước Quả đến Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	1849	1294	1109
24355		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Giáp ranh phường Phước Bình (cũ) hướng về ngã ba Phước Quả đến Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1479	1035	887
24356		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Giáp ranh phường Phước Bình (cũ) hướng về ngã ba Phước Quả đến Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1183	828	710
24357		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Giáp ranh phường Phước Bình (cũ) hướng về ngã ba Phước Quả đến Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	1664	1165	998

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24358		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Giáp ranh phường Phước Bình (cũ) hướng về ngã ba Phước Quả đến Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1331	932	799
24359		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Giáp ranh phường Phước Bình (cũ) hướng về ngã ba Phước Quả đến Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1065	746	639
24360	111	Đường Thống Nhất	Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93)	Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109	Phường Phước Long	5100	3600	3100
24361		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	2193	1535	1316
24362		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1754	1228	1052
24363		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1403	982	842
24364		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	1974	1382	1184

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24365		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1579	1105	947
24366		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1263	884	758
24367	112	Đường Thống Nhất	Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109	Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114	Phường Phước Long	6000	4200	3600
24368		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 đến Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	2580	1806	1548
24369		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 đến Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	2064	1445	1238
24370		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 đến Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1651	1156	991
24371		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 đến Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	2322	1625	1393

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24372		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 đến Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1858	1301	1115
24373		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 đến Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1486	1040	892
24374	113	Đường Thống Nhất	Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114	Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94	Phường Phước Long	5100	3600	3100
24375		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 đến Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	2193	1535	1316
24376		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 đến Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1754	1228	1052
24377		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 đến Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1403	982	842
24378		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 đến Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	1974	1382	1184

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24379		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 đến Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1579	1105	947
24380		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 đến Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1263	884	758
24381	114	Đường Thống Nhất	Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94	Giáp ranh xã Phú Trung	Phường Phước Long	3400	2400	2000
24382		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	1462	1023	877
24383		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1170	819	702
24384		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	936	655	562
24385		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	1316	921	790
24386		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1053	737	632

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24387		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	842	589	505
24388	115	Đường Điện Biên Phủ	Ngã ba Phước Quả (ngã ba Thống Nhất - Điện Biên Phủ)	Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86)	Phường Phước Long	4300	3000	2600
24389		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Phước Quả (ngã ba Thống Nhất - Điện Biên Phủ) đến Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	1849	1294	1109
24390		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Phước Quả (ngã ba Thống Nhất - Điện Biên Phủ) đến Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1479	1035	887
24391		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Phước Quả (ngã ba Thống Nhất - Điện Biên Phủ) đến Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1183	828	710
24392		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Phước Quả (ngã ba Thống Nhất - Điện Biên Phủ) đến Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	1664	1165	998
24393		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Phước Quả (ngã ba Thống Nhất - Điện Biên Phủ) đến Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1331	932	799

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24394		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Phước Quả (ngã ba Thống Nhất - Điện Biên Phủ) đến Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	1065	746	639
24395	116	Đường Điện Biên Phủ	Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86)	Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế	Phường Phước Long	3100	2100	1800
24396		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) đến Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	1333	933	800
24397		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) đến Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	1066	746	640
24398		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) đến Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	853	597	512
24399		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) đến Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	1200	840	720
24400		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) đến Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	959	671	575
24401		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) đến Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	768	538	461

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24402	117	Đường Điện Biên Phủ	Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế	Lòng Hồ Thác Mơ	Phường Phước Long	1800	1200	1100
24403		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế đến Lòng Hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	774	542	464
24404		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế đến Lòng Hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	619	433	371
24405		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế đến Lòng Hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	495	347	297
24406		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế đến Lòng Hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	697	488	418
24407		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế đến Lòng Hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	557	390	334
24408		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế đến Lòng Hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	446	312	268
24409	118	Đường Mạc Đăng Dung	Giao Ngã ba giáp đường Thống Nhất	Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92)	Phường Phước Long	1700	1200	1000
24410		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Giao Ngã ba giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	731	512	439

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24411		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Giao Ngã ba giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	585	410	351
24412		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Giao Ngã ba giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	468	328	281
24413		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Giao Ngã ba giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	658	461	395
24414		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Giao Ngã ba giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	527	369	316
24415		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Giao Ngã ba giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	421	295	253
24416	119	Đường Mạc Đăng Dung	Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92)	Giáp ranh xã Phú Trung	Phường Phước Long	1000	710	610
24417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	430	301	258

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24418		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	344	241	206
24419		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	275	193	165
24420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	387	271	232
24421		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	310	217	186
24422		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	248	174	149
24423	120	Đường Bạch Đằng	Ngã ba giáp đường Điện Biên Phủ	Giáp lòng hồ Thác Mơ	Phường Phước Long	1300	890	770
24424		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Ngã ba giáp đường Điện Biên Phủ đến Giáp lòng hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	559	391	335
24425		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Ngã ba giáp đường Điện Biên Phủ đến Giáp lòng hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	447	313	268

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24426		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Ngã ba giáp đường Điện Biên Phủ đến Giáp lòng hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	358	251	215
24427		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Ngã ba giáp đường Điện Biên Phủ đến Giáp lòng hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	503	352	302
24428		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Ngã ba giáp đường Điện Biên Phủ đến Giáp lòng hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	402	281	241
24429		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Ngã ba giáp đường Điện Biên Phủ đến Giáp lòng hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	322	225	193
24430	121	Đường bê tông, xi măng giữa thôn Phước Thiện - Phước Quả	Đường Thống Nhất	Ngã ba đường đất (hết thửa đất số 235 và thửa đất số 163, cùng thuộc tờ bản đồ số 85)	Phường Phước Long	1000	710	610
24431		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông, xi măng giữa thôn Phước Thiện - Phước Quả đoạn từ Đường Thống Nhất đến Ngã ba đường đất (hết thửa đất số 235 và thửa đất số 163, cùng thuộc tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	430	301	258
24432		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông, xi măng giữa thôn Phước Thiện - Phước Quả đoạn từ Đường Thống Nhất đến Ngã ba đường đất (hết thửa đất số 235 và thửa đất số 163, cùng thuộc tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	344	241	206
24433		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông, xi măng giữa thôn Phước Thiện - Phước Quả đoạn từ Đường Thống Nhất đến Ngã ba đường đất (hết thửa đất số 235 và thửa đất số 163, cùng thuộc tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	275	193	165

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24434		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông, xi măng giữa thôn Phước Thiện - Phước Quả đoạn từ Đường Thống Nhất đến Ngã ba đường đất (hết thửa đất số 235 và thửa đất số 163, cùng thuộc tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	387	271	232
24435		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông, xi măng giữa thôn Phước Thiện - Phước Quả đoạn từ Đường Thống Nhất đến Ngã ba đường đất (hết thửa đất số 235 và thửa đất số 163, cùng thuộc tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	310	217	186
24436		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông, xi măng giữa thôn Phước Thiện - Phước Quả đoạn từ Đường Thống Nhất đến Ngã ba đường đất (hết thửa đất số 235 và thửa đất số 163, cùng thuộc tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	248	174	149
24437	122	Đường Lam Sơn	Cầu số 4	Ngã ba giao đường Bà Rá	Phường Phước Long	1800	1200	1100
24438		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn đoạn từ Cầu số 4 đến Ngã ba giao đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	774	542	464
24439		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn đoạn từ Cầu số 4 đến Ngã ba giao đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	619	433	371
24440		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn đoạn từ Cầu số 4 đến Ngã ba giao đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	495	347	297
24441		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn đoạn từ Cầu số 4 đến Ngã ba giao đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	697	488	418
24442		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn đoạn từ Cầu số 4 đến Ngã ba giao đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	557	390	334

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24443		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn đoạn từ Cầu số 4 đến Ngã ba giao đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	446	312	268
24444	126	Liên khu vực 4	Thửa 35 tờ bản đồ số 52	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Phước Long	1800	1200	1100
24445		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Liên khu vực 4 đoạn từ Thửa 35 tờ bản đồ số 52 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	774	542	464
24446		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Liên khu vực 4 đoạn từ Thửa 35 tờ bản đồ số 52 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	619	433	371
24447		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Liên khu vực 4 đoạn từ Thửa 35 tờ bản đồ số 52 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	495	347	297
24448		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Liên khu vực 4 đoạn từ Thửa 35 tờ bản đồ số 52 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	697	488	418
24449		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Liên khu vực 4 đoạn từ Thửa 35 tờ bản đồ số 52 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	557	390	334
24450		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Liên khu vực 4 đoạn từ Thửa 35 tờ bản đồ số 52 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	446	312	268
24451	127	Liên khu vực 4	Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh phường Phước Bình (hết ranh thửa đất số 04 tờ bản đồ số 58)	Phường Phước Long	1800	1200	1100
24452		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Liên khu vực 4 đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Bình (hết ranh thửa đất số 04 tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	774	542	464

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24453		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Liên khu vực 4 đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Bình (hết ranh thửa đất số 04 tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	619	433	371
24454		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Liên khu vực 4 đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Bình (hết ranh thửa đất số 04 tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	495	347	297
24455		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Liên khu vực 4 đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Bình (hết ranh thửa đất số 04 tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	697	488	418
24456		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Liên khu vực 4 đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Bình (hết ranh thửa đất số 04 tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	557	390	334
24457		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Liên khu vực 4 đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Bình (hết ranh thửa đất số 04 tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	446	312	268
24458	1	Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành)	Đường D1: Toàn tuyến		Xã Thuận Lợi	4800	3300	2900
24459		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành) đoạn từ Đường D1: Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	2256	1579	1354
24460		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành) đoạn từ Đường D1: Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	1805	1264	1083

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24461		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành) đoạn từ Đường D1: Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	1444	1011	866
24462		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành) đoạn từ Đường D1: Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	2030	1421	1218
24463		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành) đoạn từ Đường D1: Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	1625	1138	975
24464		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành) đoạn từ Đường D1: Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	1300	910	780
24465	2	Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành)	Đường D2: Toàn tuyến		Xã Thuận Lợi	3400	2400	2000
24466		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành) đoạn từ Đường D2: Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	1598	1119	959
24467		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành) đoạn từ Đường D2: Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	1278	895	767
24468		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành) đoạn từ Đường D2: Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	1022	715	613

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24469		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành) đoạn từ Đường D2: Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	1438	1007	863
24470		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành) đoạn từ Đường D2: Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	1150	805	690
24471		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành) đoạn từ Đường D2: Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	920	644	552
24472	3	Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành)	Đường D3: Toàn tuyến		Xã Thuận Lợi	2700	1900	1600
24473		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành) đoạn từ Đường D3: Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	1269	888	761
24474		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành) đoạn từ Đường D3: Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	1015	711	609
24475		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành) đoạn từ Đường D3: Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	812	568	487
24476		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành) đoạn từ Đường D3: Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	1142	799	685

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24477		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành) đoạn từ Đường D3: Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	914	640	548
24478		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành) đoạn từ Đường D3: Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	731	512	439
24479	4	Ngoài khu dân cư Thuận Phú 2, Thuận Phú 1 (đối với đất của các hộ gia đình và cá nhân trên trục đường ĐT 741)	Hết ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc); Thuận Phú 1 (Công Thành)	Giáp ranh phường Bình Phước	Xã Thuận Lợi	5100	3600	3100
24480		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngoài khu dân cư Thuận Phú 2, Thuận Phú 1 (đối với đất của các hộ gia đình và cá nhân trên trục đường ĐT 741) đoạn từ Hết ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc); Thuận Phú 1 (Công Thành) đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	2397	1678	1438
24481		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngoài khu dân cư Thuận Phú 2, Thuận Phú 1 (đối với đất của các hộ gia đình và cá nhân trên trục đường ĐT 741) đoạn từ Hết ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc); Thuận Phú 1 (Công Thành) đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	1918	1343	1151
24482		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngoài khu dân cư Thuận Phú 2, Thuận Phú 1 (đối với đất của các hộ gia đình và cá nhân trên trục đường ĐT 741) đoạn từ Hết ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc); Thuận Phú 1 (Công Thành) đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	1534	1074	920
24483		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngoài khu dân cư Thuận Phú 2, Thuận Phú 1 (đối với đất của các hộ gia đình và cá nhân trên trục đường ĐT 741) đoạn từ Hết ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc); Thuận Phú 1 (Công Thành) đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	2157	1510	1294

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24484		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngoài khu dân cư Thuận Phú 2, Thuận Phú 1 (đối với đất của các hộ gia đình và cá nhân trên trục đường ĐT 741) đoạn từ Hết ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc); Thuận Phú 1 (Công Thành) đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	1726	1208	1036
24485		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngoài khu dân cư Thuận Phú 2, Thuận Phú 1 (đối với đất của các hộ gia đình và cá nhân trên trục đường ĐT 741) đoạn từ Hết ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc); Thuận Phú 1 (Công Thành) đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	1381	967	829
24486	5	Đường ĐT 741	Giáp ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành).	Hết ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17)	Xã Thuận Lợi	1700	1200	1000
24487		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành). đến Hết ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	799	559	479
24488		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành). đến Hết ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	639	447	383
24489		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành). đến Hết ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	511	358	307
24490		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành). đến Hết ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	719	503	431

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24491		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành). đến Hết ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	575	403	345
24492		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành). đến Hết ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	460	322	276
24493	6	Đường ĐT 741	Giáp ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17)	Hết ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25)	Xã Thuận Lợi	3000	2100	1800
24494		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) đến Hết ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	1410	987	846
24495		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) đến Hết ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	1128	790	677
24496		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) đến Hết ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	902	631	541
24497		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) đến Hết ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	1269	888	761
24498		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) đến Hết ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	1015	711	609

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24499		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) đến Hết ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	812	568	487
24500	7	Đường ĐT 741	Giáp ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25)	Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước	Xã Thuận Lợi	1800	1200	1100
24501		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) đến Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	846	592	508
24502		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) đến Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	677	474	406
24503		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) đến Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	542	379	325
24504		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) đến Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	761	533	457
24505		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) đến Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	609	426	365
24506		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) đến Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	488	342	293

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24507	8	Đường ĐT 741	Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước	- Hết ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178)- Hết ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179)	Xã Thuận Lợi	1800	1200	1100
24508		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước đến - Hết ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178)- Hết ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Thuận Lợi	846	592	508
24509		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước đến - Hết ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178)- Hết ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thuận Lợi	677	474	406
24510		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước đến - Hết ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178)- Hết ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thuận Lợi	542	379	325
24511		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước đến - Hết ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178)- Hết ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Thuận Lợi	761	533	457
24512		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước đến - Hết ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178)- Hết ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thuận Lợi	609	426	365

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24513		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước đến - Hết ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178)- Hết ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	488	342	293
24514	9	Đường ĐT 741	Giáp ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178)- Giáp ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179)	- Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173- Hết ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước	Xã Thuận Lợi	2000	1400	1200
24515		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178)- Giáp ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) đến - Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173- Hết ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	940	658	564
24516		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178)- Giáp ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) đến - Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173- Hết ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	752	526	451
24517		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178)- Giáp ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) đến - Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173- Hết ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	602	421	361
24518		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178)- Giáp ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) đến - Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173- Hết ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	846	592	508

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24519		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178)- Giáp ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) đến - Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173- Hết ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	677	474	406
24520		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178)- Giáp ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) đến - Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173- Hết ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	542	379	325
24521	10	Đường ĐT 741	Giáp ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173- Giáp ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước	- Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157- Hết ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160	Xã Thuận Lợi	1800	1200	1100
24522		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173- Giáp ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước đến - Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157- Hết ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	846	592	508
24523		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173- Giáp ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước đến - Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157- Hết ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	677	474	406
24524		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173- Giáp ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước đến - Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157- Hết ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	542	379	325

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24525		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173- Giáp ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước đến - Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157- Hết ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	761	533	457
24526		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173- Giáp ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước đến - Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157- Hết ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	609	426	365
24527		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173- Giáp ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước đến - Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157- Hết ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	488	342	293
24528	11	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157- Giáp ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160	Giáp ranh giới xã Phú Riềng	Xã Thuận Lợi	2000	1400	1200
24529		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157- Giáp ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	940	658	564
24530		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157- Giáp ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	752	526	451
24531		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157- Giáp ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	602	421	361

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24532		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157- Giáp ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	846	592	508
24533		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157- Giáp ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	677	474	406
24534		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157- Giáp ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	542	379	325
24535		Đường ĐT 741 (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi)	Toàn tuyến		Xã Thuận Lợi	2000	1400	1200
24536		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	940	658	564
24537		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	752	526	451
24538		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	602	421	361
24539		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	846	592	508

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24540		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	677	474	406
24541		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	542	379	325
24542	13	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT741 phạm vi 200m (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi)	Toàn tuyến		Xã Thuận Lợi	1200	810	700
24543		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT741 phạm vi 200m (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	600	420	360
24544		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT741 phạm vi 200m (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	480	336	288
24545		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT741 phạm vi 200m (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	384	269	230
24546		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT741 phạm vi 200m (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	540	378	324
24547		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT741 phạm vi 200m (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	432	302	259

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24548		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT741 phạm vi 200m (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	346	242	208
24549	14	Các tuyến đường còn lại (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi)	Toàn tuyến		Xã Thuận Lợi	1000	710	610
24550		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	560	392	336
24551		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	448	314	269
24552		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	358	251	215
24553		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	504	353	302
24554		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	403	282	242
24555		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	322	225	193
24556		Đường ĐT 741 (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi)	Toàn tuyến		Xã Thuận Lợi	2000	1400	1200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24557		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	940	658	564
24558		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	752	526	451
24559		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	602	421	361
24560		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	846	592	508
24561		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	677	474	406
24562		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	542	379	325
24563	16	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi)	Toàn tuyến		Xã Thuận Lợi	1200	810	700
24564		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	600	420	360
24565		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	480	336	288

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24566		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	384	269	230
24567		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	540	378	324
24568		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	432	302	259
24569		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	346	242	208
24570	17	Các tuyến đường còn lại (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi)	Toàn tuyến		Xã Thuận Lợi	1000	710	610
24571		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	560	392	336
24572		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	448	314	269
24573		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	358	251	215
24574		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	504	353	302

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24575		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	403	282	242
24576		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	322	225	193
24577	18	Đường ĐT 758	Tượng đài Chiến Thắng (đường ĐT 741)	Ngã ba Xí nghiệp chế biến	Xã Thuận Lợi	2700	1900	1600
24578		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Tượng đài Chiến Thắng (đường ĐT 741) đến Ngã ba Xí nghiệp chế biến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	1269	888	761
24579		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Tượng đài Chiến Thắng (đường ĐT 741) đến Ngã ba Xí nghiệp chế biến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	1015	711	609
24580		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Tượng đài Chiến Thắng (đường ĐT 741) đến Ngã ba Xí nghiệp chế biến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	812	568	487
24581		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Tượng đài Chiến Thắng (đường ĐT 741) đến Ngã ba Xí nghiệp chế biến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	1142	799	685
24582		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Tượng đài Chiến Thắng (đường ĐT 741) đến Ngã ba Xí nghiệp chế biến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	914	640	548
24583		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Tượng đài Chiến Thắng (đường ĐT 741) đến Ngã ba Xí nghiệp chế biến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	731	512	439

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24584	19	Đường ĐT 758	Ngã ba Xí nghiệp chế biến	Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa đất số 458; Thửa đất số 320, Tờ bản đồ số 14)	Xã Thuận Lợi	1500	1100	920
24585		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Xí nghiệp chế biến đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa đất số 458; Thửa đất số 320, Tờ bản đồ số 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	705	494	423
24586		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Xí nghiệp chế biến đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa đất số 458; Thửa đất số 320, Tờ bản đồ số 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	564	395	338
24587		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Xí nghiệp chế biến đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa đất số 458; Thửa đất số 320, Tờ bản đồ số 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	451	316	271
24588		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Xí nghiệp chế biến đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa đất số 458; Thửa đất số 320, Tờ bản đồ số 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	635	445	381
24589		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Xí nghiệp chế biến đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa đất số 458; Thửa đất số 320, Tờ bản đồ số 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	508	356	305
24590		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Xí nghiệp chế biến đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa đất số 458; Thửa đất số 320, Tờ bản đồ số 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	406	284	244
24591	20	Đường ĐT 758	Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa đất số 458; Thửa đất số 320, Tờ bản đồ số 14)	Cầu Sông Bé	Xã Thuận Lợi	680	480	410

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24592		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa đất số 458; Thửa đất số 320, Tờ bản đồ số 14) đến Cầu Sông Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	449	314	269
24593		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa đất số 458; Thửa đất số 320, Tờ bản đồ số 14) đến Cầu Sông Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	359	251	215
24594		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa đất số 458; Thửa đất số 320, Tờ bản đồ số 14) đến Cầu Sông Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	287	201	172
24595		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa đất số 458; Thửa đất số 320, Tờ bản đồ số 14) đến Cầu Sông Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	404	283	242
24596		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa đất số 458; Thửa đất số 320, Tờ bản đồ số 14) đến Cầu Sông Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	323	226	194
24597		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa đất số 458; Thửa đất số 320, Tờ bản đồ số 14) đến Cầu Sông Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	258	181	155
24598	21	Đường giao thông giáp phường Bình Phước	Đầu đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 67, tờ bản đồ số 50 (hộ ông Chu Văn Toàn)	Xã Thuận Lợi	1000	710	610
24599		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông giáp phường Bình Phước đoạn từ Đầu đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 67, tờ bản đồ số 50 (hộ ông Chu Văn Toàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	560	392	336

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24600		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông giáp phường Bình Phước đoạn từ Đầu đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 67, tờ bản đồ số 50 (hộ ông Chu Văn Toàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	448	314	269
24601		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông giáp phường Bình Phước đoạn từ Đầu đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 67, tờ bản đồ số 50 (hộ ông Chu Văn Toàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	358	251	215
24602		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông giáp phường Bình Phước đoạn từ Đầu đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 67, tờ bản đồ số 50 (hộ ông Chu Văn Toàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	504	353	302
24603		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông giáp phường Bình Phước đoạn từ Đầu đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 67, tờ bản đồ số 50 (hộ ông Chu Văn Toàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	403	282	242
24604		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông giáp phường Bình Phước đoạn từ Đầu đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 67, tờ bản đồ số 50 (hộ ông Chu Văn Toàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	322	225	193
24605	22	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m	Toàn tuyến		Xã Thuận Lợi	680	480	410
24606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	449	314	269
24607		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	359	251	215

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24608		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	287	201	172
24609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	404	283	242
24610		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	323	226	194
24611		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	258	181	155
24612	23	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 758 phạm vi 200 m	Toàn tuyến		Xã Thuận Lợi	600	420	360
24613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 758 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	396	277	238
24614		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 758 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	317	222	190
24615		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 758 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	254	178	152
24616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 758 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	356	249	214

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24617		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 758 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	285	200	171
24618		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 758 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	229	160	137
24619	24	Đường kết nối xã Thuận Lợi với xã Phú Riềng	Đường ĐT 758	Giáp ranh xã Phú Riềng	Xã Thuận Lợi	510	360	310
24620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối xã Thuận Lợi với xã Phú Riềng đoạn từ Đường ĐT 758 đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	362	253	217
24621		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối xã Thuận Lợi với xã Phú Riềng đoạn từ Đường ĐT 758 đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	290	203	174
24622		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối xã Thuận Lợi với xã Phú Riềng đoạn từ Đường ĐT 758 đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	232	162	139
24623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối xã Thuận Lợi với xã Phú Riềng đoạn từ Đường ĐT 758 đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	326	228	196
24624		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối xã Thuận Lợi với xã Phú Riềng đoạn từ Đường ĐT 758 đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	261	183	157
24625		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối xã Thuận Lợi với xã Phú Riềng đoạn từ Đường ĐT 758 đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	209	146	125
24626	25	Đường liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Đường ĐT 758	Ngã tư Bảy Thạnh	Xã Thuận Lợi	510	360	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Đường ĐT 758 đến Ngã tư Bảy Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	362	253	217
24628		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Đường ĐT 758 đến Ngã tư Bảy Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	290	203	174
24629		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Đường ĐT 758 đến Ngã tư Bảy Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	232	162	139
24630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Đường ĐT 758 đến Ngã tư Bảy Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	326	228	196
24631		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Đường ĐT 758 đến Ngã tư Bảy Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	261	183	157
24632		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Đường ĐT 758 đến Ngã tư Bảy Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	209	146	125
24633	26	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm	Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 163 (giáp ranh nghiệp vụ cao su)	Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 143 (giáp ranh Cao su Phú Riềng Đỏ)	Xã Thuận Lợi	510	360	310
24634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 163 (giáp ranh nghiệp vụ cao su) đến Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 143 (giáp ranh Cao su Phú Riềng Đỏ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	362	253	217
24635		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 163 (giáp ranh nghiệp vụ cao su) đến Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 143 (giáp ranh Cao su Phú Riềng Đỏ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	290	203	174

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24636		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 163 (giáp ranh nghiệp vụ cao su) đến Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 143 (giáp ranh Cao su Phú Riềng Đỏ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	232	162	139
24637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 163 (giáp ranh nghiệp vụ cao su) đến Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 143 (giáp ranh Cao su Phú Riềng Đỏ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	326	228	196
24638		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 163 (giáp ranh nghiệp vụ cao su) đến Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 143 (giáp ranh Cao su Phú Riềng Đỏ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	261	183	157
24639		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 163 (giáp ranh nghiệp vụ cao su) đến Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 143 (giáp ranh Cao su Phú Riềng Đỏ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	209	146	125
24640	27	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm	Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 147	Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147	Xã Thuận Lợi	380	270	230
24641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	304	213	182
24642		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	243	170	146
24643		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	194	136	116

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	274	192	164
24645		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	219	153	131
24646		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	175	123	105
24647	28	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm	Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147	Thửa đất số 839, tờ bản đồ số 151 (giáp ranh xã Đồng Tâm)	Xã Thuận Lợi	340	240	200
24648		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 839, tờ bản đồ số 151 (giáp ranh xã Đồng Tâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	272	190	163
24649		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 839, tờ bản đồ số 151 (giáp ranh xã Đồng Tâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	218	153	131
24650		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 839, tờ bản đồ số 151 (giáp ranh xã Đồng Tâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	174	122	104
24651		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 839, tờ bản đồ số 151 (giáp ranh xã Đồng Tâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	245	172	147

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24652		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 839, tờ bản đồ số 151 (giáp ranh xã Đồng Tâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	196	137	118
24653		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 839, tờ bản đồ số 151 (giáp ranh xã Đồng Tâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	157	110	94
24654	29	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tiến	Toàn tuyến		Xã Thuận Lợi	380	270	230
24655		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tiến đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	304	213	182
24656		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tiến đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	243	170	146
24657		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tiến đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	194	136	116
24658		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tiến đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	274	192	164
24659		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tiến đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	219	153	131
24660		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tiến đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	175	123	105

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24661	30	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 110	Hết thửa đất số 69, tờ bản đồ số 177	Xã Thuận Lợi	510	360	310
24662		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 110 đến Hết thửa đất số 69, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	362	253	217
24663		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 110 đến Hết thửa đất số 69, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	290	203	174
24664		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 110 đến Hết thửa đất số 69, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	232	162	139
24665		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 110 đến Hết thửa đất số 69, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	326	228	196
24666		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 110 đến Hết thửa đất số 69, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	261	183	157
24667		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 110 đến Hết thửa đất số 69, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	209	146	125
24668	34	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 117	Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 125 (ngã tư Bảy Thạnh)	Xã Thuận Lợi	510	360	310
24669		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 117 đến Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 125 (ngã tư Bảy Thạnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	362	253	217

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24670		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 117 đến Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 125 (ngã tư Bảy Thạnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	290	203	174
24671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 117 đến Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 125 (ngã tư Bảy Thạnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	232	162	139
24672		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 117 đến Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 125 (ngã tư Bảy Thạnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	326	228	196
24673		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 117 đến Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 125 (ngã tư Bảy Thạnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	261	183	157
24674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 117 đến Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 125 (ngã tư Bảy Thạnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	209	146	125
24675	35	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 125	Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 126 (ranh cao su Thuận Phú)	Xã Thuận Lợi	510	360	310
24676		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 125 đến Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 126 (ranh cao su Thuận Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	362	253	217
24677		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 125 đến Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 126 (ranh cao su Thuận Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	290	203	174

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24678		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 125 đến Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 126 (ranh cao su Thuận Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	232	162	139
24679		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 125 đến Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 126 (ranh cao su Thuận Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	326	228	196
24680		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 125 đến Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 126 (ranh cao su Thuận Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	261	183	157
24681		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 125 đến Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 126 (ranh cao su Thuận Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	209	146	125
24682	1	Đường ĐT 753	Thửa đất số 14 tờ bản đồ 98	Tiếp giáp thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78	Xã Tân Lợi	1.050	740	630
24683		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Thửa đất số 14 tờ bản đồ 98 đến Tiếp giáp thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	504	353	302
24684		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Thửa đất số 14 tờ bản đồ 98 đến Tiếp giáp thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	403	282	242
24685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Thửa đất số 14 tờ bản đồ 98 đến Tiếp giáp thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	322	225	193
24686		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Thửa đất số 14 tờ bản đồ 98 đến Tiếp giáp thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	454	318	272

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24687		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Thửa đất số 14 tờ bản đồ 98 đến Tiếp giáp thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	363	254	218
24688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Thửa đất số 14 tờ bản đồ 98 đến Tiếp giáp thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	290	203	174
24689	2	Đường ĐT 753	Từ thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78	Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27	Xã Tân Lợi	1.100	770	660
24690		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 đến hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	517	362	310
24691		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 đến Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	414	290	248
24692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 đến Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	331	232	199
24693		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 đến Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	465	326	279
24694		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 đến Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	373	261	224
24695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 đến Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	298	209	179
24696	3	Đường ĐT 753	Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27	giáp ranh xã Trị An	Xã Tân Lợi	1.000	700	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24697		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 đến giáp ranh xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	470	329	282
24698		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 đến giáp ranh xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	376	263	226
24699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 đến giáp ranh xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	301	211	181
24700		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 đến giáp ranh xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	423	296	254
24701		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 đến giáp ranh xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	338	237	203
24702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 đến giáp ranh xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	271	190	163
24703	4	Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ)	thửa đất số 11 tờ bản đồ số 5	thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103	Xã Tân Lợi	800	560	480
24704		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) đoạn từ thửa đất số 11 tờ bản đồ số 5 đến thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	376	263	226
24705		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) đoạn từ thửa đất số 11 tờ bản đồ số 5 đến thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	301	211	181

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) đoạn từ thửa đất số 11 tờ bản đồ số 5 đến thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	241	169	145
24707		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) đoạn từ thửa đất số 11 tờ bản đồ số 5 đến thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	338	237	203
24708		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) đoạn từ thửa đất số 11 tờ bản đồ số 5 đến thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	271	190	163
24709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) đoạn từ thửa đất số 11 tờ bản đồ số 5 đến thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	217	152	130
24710	5	Đường ĐH Tân Hòa - Tân Lợi	thửa đất số 377 tờ bản đồ số 155	thửa đất số 366 tờ bản đồ số 18 (ranh suối)	Xã Tân Lợi	720	500	430
24711		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Tân Hòa - Tân Lợi đoạn từ thửa đất số 377 tờ bản đồ số 155 đến thửa đất số 366 tờ bản đồ số 18 (ranh suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	338	237	203
24712		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Tân Hòa - Tân Lợi đoạn từ thửa đất số 377 tờ bản đồ số 155 đến thửa đất số 366 tờ bản đồ số 18 (ranh suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	270	189	162
24713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Tân Hòa - Tân Lợi đoạn từ thửa đất số 377 tờ bản đồ số 155 đến thửa đất số 366 tờ bản đồ số 18 (ranh suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	216	151	130
24714		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Tân Hòa - Tân Lợi đoạn từ thửa đất số 377 tờ bản đồ số 155 đến thửa đất số 366 tờ bản đồ số 18 (ranh suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	304	213	182

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24715		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Tân Hòa - Tân Lợi đoạn từ thửa đất số 377 tờ bản đồ số 155 đến thửa đất số 366 tờ bản đồ số 18 (ranh suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	243	170	146
24716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Tân Hòa - Tân Lợi đoạn từ thửa đất số 377 tờ bản đồ số 155 đến thửa đất số 366 tờ bản đồ số 18 (ranh suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	194	136	116
24717	6	Đường tuyến số 3	thửa đất số 48 tờ bản đồ số 148	thửa đất số 110 tờ bản đồ số 162	Xã Tân Lợi	960	670	580
24718		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 148 đến thửa đất số 110 tờ bản đồ số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	451	316	271
24719		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 148 đến thửa đất số 110 tờ bản đồ số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	361	253	217
24720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 148 đến thửa đất số 110 tờ bản đồ số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	289	202	173
24721		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 148 đến thửa đất số 110 tờ bản đồ số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	406	284	244
24722		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 148 đến thửa đất số 110 tờ bản đồ số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	325	228	195
24723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 148 đến thửa đất số 110 tờ bản đồ số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	260	182	156
24724	7	Đường tuyến số 4	thửa đất số 501 tờ bản đồ số 1	thửa đất số 19 tờ bản đồ số 158	Xã Tân Lợi	840	590	500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24725		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 đoạn từ thửa đất số 501 tờ bản đồ số 1 đến thửa đất số 19 tờ bản đồ số 158 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	395	277	237
24726		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 đoạn từ thửa đất số 501 tờ bản đồ số 1 đến thửa đất số 19 tờ bản đồ số 158 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	316	221	190
24727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 đoạn từ thửa đất số 501 tờ bản đồ số 1 đến thửa đất số 19 tờ bản đồ số 158 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	253	177	152
24728		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 đoạn từ thửa đất số 501 tờ bản đồ số 1 đến thửa đất số 19 tờ bản đồ số 158 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	356	249	214
24729		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 đoạn từ thửa đất số 501 tờ bản đồ số 1 đến thửa đất số 19 tờ bản đồ số 158 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	284	199	170
24730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 đoạn từ thửa đất số 501 tờ bản đồ số 1 đến thửa đất số 19 tờ bản đồ số 158 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	228	160	137
24731	8	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, đã được đầu tư nhựa, bê tông xi măng	Toàn tuyến		Xã Tân Lợi	500	350	300
24732		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, đã được đầu tư nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	235	165	141

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24733		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, đã được đầu tư nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	188	132	113
24734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, đã được đầu tư nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	150	105	90
24735		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, đã được đầu tư nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	212	148	127
24736		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, đã được đầu tư nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	169	118	101
24737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, đã được đầu tư nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	135	95	81
24738	9	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, chưa được đầu tư nhựa, bê tông xi măng	Toàn tuyến		Xã Tân Lợi	450	320	270
24739		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, chưa được đầu tư nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	212	148	127
24740		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, chưa được đầu tư nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	170	119	102

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, chưa được đầu tư nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	136	95	82
24742		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, chưa được đầu tư nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	191	134	115
24743		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, chưa được đầu tư nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	153	107	92
24744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, chưa được đầu tư nhựa, bê tông xi măng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	122	85	73
24745	10	Đường Xuyên tâm	thửa đất số 222 tờ bản đồ số 4	thửa đất số 61 tờ bản đồ số 127	Xã Tân Lợi	630	440	380
24746		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuyên tâm đoạn từ thửa đất số 222 tờ bản đồ số 4 đến thửa đất số 61 tờ bản đồ số 127 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	296	207	178
24747		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuyên tâm đoạn từ thửa đất số 222 tờ bản đồ số 4 đến thửa đất số 61 tờ bản đồ số 127 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	237	166	142
24748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuyên tâm đoạn từ thửa đất số 222 tờ bản đồ số 4 đến thửa đất số 61 tờ bản đồ số 127 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	190	133	114
24749		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuyên tâm đoạn từ thửa đất số 222 tờ bản đồ số 4 đến thửa đất số 61 tờ bản đồ số 127 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	266	186	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24750		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuyên tâm đoạn từ thửa đất số 222 tờ bản đồ số 4 đến thửa đất số 61 tờ bản đồ số 127 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	213	149	128
24751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuyên tâm đoạn từ thửa đất số 222 tờ bản đồ số 4 đến thửa đất số 61 tờ bản đồ số 127 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	171	120	103
24752	11	Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ)	Giáp ranh xã Đồng Phú (thửa đất số 10 tờ bản đồ số 186)	Hết Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25	Xã Tân Lợi	630	440	380
24753		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Đồng Phú (thửa đất số 10 tờ bản đồ số 186) đến Hết Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	296	207	178
24754		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Đồng Phú (thửa đất số 10 tờ bản đồ số 186) đến Hết Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	237	166	142
24755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Đồng Phú (thửa đất số 10 tờ bản đồ số 186) đến Hết Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	190	133	114
24756		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Đồng Phú (thửa đất số 10 tờ bản đồ số 186) đến Hết Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	266	186	160
24757		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Đồng Phú (thửa đất số 10 tờ bản đồ số 186) đến Hết Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	213	149	128

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Đồng Phú (thửa đất số 10 tờ bản đồ số 186) đến Hết Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	171	120	103
24759	12	Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ)	Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25	Hết Thửa đất số 205 và 220, Tờ bản đồ số 78	Xã Tân Lợi	630	440	380
24760		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 đến Hết Thửa đất số 205 và 220, Tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	296	207	178
24761		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 đến Hết Thửa đất số 205 và 220, Tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	237	166	142
24762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 đến Hết Thửa đất số 205 và 220, Tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	190	133	114
24763		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 đến Hết Thửa đất số 205 và 220, Tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	266	186	160
24764		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 đến Hết Thửa đất số 205 và 220, Tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	213	149	128
24765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 đến Hết Thửa đất số 205 và 220, Tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	171	120	103
24766	13	Đất đấu giá 07 thửa trong ngã ba ấp Thạch Màng	Thửa đất số 387 đến 393, Tờ bản đồ số 26		Xã Tân Lợi	1.000	700	600
24767	14	Đất đấu giá thửa đất số 54, tờ bản đồ số 103			Xã Tân Lợi	800	560	480

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24768	21	Đường liên xã	Từ thửa đất số 326 tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 6	Hết ranh thửa đất số 96 tờ bản đồ số 129	Xã Tân Lợi	550	390	330
24769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 326 tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 6 đến Hết ranh thửa đất số 96 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	259	181	155
24770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 326 tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 6 đến Hết ranh thửa đất số 96 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	207	145	124
24771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 326 tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 6 đến Hết ranh thửa đất số 96 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	166	116	100
24772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 326 tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 6 đến Hết ranh thửa đất số 96 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	233	163	140
24773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 326 tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 6 đến Hết ranh thửa đất số 96 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	186	130	112
24774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 326 tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 6 đến Hết ranh thửa đất số 96 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	149	104	89
24775	22	Đường liên xã	Từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 112	Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 189 và thửa đất số 211 tờ bản đồ số 113	Xã Tân Lợi	550	390	330
24776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 112 đến Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 189 và thửa đất số 211 tờ bản đồ số 113 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	259	181	155

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 112 đến Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 189 và thửa đất số 211 tờ bản đồ số 113 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	207	145	124
24778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 112 đến Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 189 và thửa đất số 211 tờ bản đồ số 113 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	166	116	100
24779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 112 đến Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 189 và thửa đất số 211 tờ bản đồ số 113 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	233	163	140
24780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 112 đến Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 189 và thửa đất số 211 tờ bản đồ số 113 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	186	130	112
24781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 112 đến Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 189 và thửa đất số 211 tờ bản đồ số 113 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	149	104	89
24782	23	Đường liên xã	Từ thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 191	Qua suối (Hết ranh thửa đất số 218 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 217 tờ bản đồ số 18)	Xã Tân Lợi	550	390	330
24783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 191 đến Qua suối (Hết ranh thửa đất số 218 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 217 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	259	181	155
24784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 191 đến Qua suối (Hết ranh thửa đất số 218 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 217 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	207	145	124

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 191 đến Qua suối (Hết ranh thửa đất số 218 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 217 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	166	116	100
24786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 191 đến Qua suối (Hết ranh thửa đất số 218 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 217 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	233	163	140
24787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 191 đến Qua suối (Hết ranh thửa đất số 218 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 217 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	186	130	112
24788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 191 đến Qua suối (Hết ranh thửa đất số 218 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 217 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	149	104	89
24789	24	Đường liên xã	Từ thửa đất số 209 và thửa đất số 210 tờ bản đồ số 22	Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 16	Xã Tân Lợi	550	390	330
24790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 209 và thửa đất số 210 tờ bản đồ số 22 đến Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	259	181	155
24791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 209 và thửa đất số 210 tờ bản đồ số 22 đến Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	207	145	124
24792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 209 và thửa đất số 210 tờ bản đồ số 22 đến Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	166	116	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 209 và thửa đất số 210 tờ bản đồ số 22 đến Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	233	163	140
24794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 209 và thửa đất số 210 tờ bản đồ số 22 đến Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	186	130	112
24795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 209 và thửa đất số 210 tờ bản đồ số 22 đến Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	149	104	89
24796	25	Đường liên xã	Từ thửa đất số 121 và thửa đất số 194 tờ bản đồ số 16	Hết ranh thửa đất số 1083 và thửa đất số 134 tờ bản đồ số 4	Xã Tân Lợi	550	390	330
24797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 121 và thửa đất số 194 tờ bản đồ số 16 đến Hết ranh thửa đất số 1083 và thửa đất số 134 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	259	181	155
24798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 121 và thửa đất số 194 tờ bản đồ số 16 đến Hết ranh thửa đất số 1083 và thửa đất số 134 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	207	145	124
24799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 121 và thửa đất số 194 tờ bản đồ số 16 đến Hết ranh thửa đất số 1083 và thửa đất số 134 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	166	116	100
24800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 121 và thửa đất số 194 tờ bản đồ số 16 đến Hết ranh thửa đất số 1083 và thửa đất số 134 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	233	163	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 121 và thửa đất số 194 tờ bản đồ số 16 đến Hết ranh thửa đất số 1083 và thửa đất số 134 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	186	130	112
24802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 121 và thửa đất số 194 tờ bản đồ số 16 đến Hết ranh thửa đất số 1083 và thửa đất số 134 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	149	104	89
24803	26	Đường liên xã	Từ thửa đất số 119 và thửa đất số 433 tờ bản đồ số 4	Hết ranh thửa đất số 62 và thửa đất số 1115 tờ bản đồ số 3	Xã Tân Lợi	550	390	330
24804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 119 và thửa đất số 433 tờ bản đồ số 4 đến Hết ranh thửa đất số 62 và thửa đất số 1115 tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	259	181	155
24805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 119 và thửa đất số 433 tờ bản đồ số 4 đến Hết ranh thửa đất số 62 và thửa đất số 1115 tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	207	145	124
24806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 119 và thửa đất số 433 tờ bản đồ số 4 đến Hết ranh thửa đất số 62 và thửa đất số 1115 tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	166	116	100
24807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 119 và thửa đất số 433 tờ bản đồ số 4 đến Hết ranh thửa đất số 62 và thửa đất số 1115 tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	233	163	140
24808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 119 và thửa đất số 433 tờ bản đồ số 4 đến Hết ranh thửa đất số 62 và thửa đất số 1115 tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	186	130	112

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 119 và thửa đất số 433 tờ bản đồ số 4 đến Hết ranh thửa đất số 62 và thửa đất số 1115 tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	149	104	89
24810	27	Đường liên xã	Từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 317 tờ bản đồ số 77	Hết ranh thửa đất số 6001 và 6005 tờ bản đồ số 106	Xã Tân Lợi	550	390	330
24811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 317 tờ bản đồ số 77 đến Hết ranh thửa đất số 6001 và 6005 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	259	181	155
24812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 317 tờ bản đồ số 77 đến Hết ranh thửa đất số 6001 và 6005 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	207	145	124
24813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 317 tờ bản đồ số 77 đến Hết ranh thửa đất số 6001 và 6005 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	166	116	100
24814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 317 tờ bản đồ số 77 đến Hết ranh thửa đất số 6001 và 6005 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	233	163	140
24815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 317 tờ bản đồ số 77 đến Hết ranh thửa đất số 6001 và 6005 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	186	130	112
24816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 317 tờ bản đồ số 77 đến Hết ranh thửa đất số 6001 và 6005 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	149	104	89
24817	28	Đường Tân Tiến - Tân Hòa	Từ thửa đất số 136 và thửa đất số 129 tờ bản đồ số 155	Giáp ranh phường Đồng Phú	Xã Tân Lợi	550	390	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Tiến - Tân Hòa đoạn từ thửa đất số 136 và thửa đất số 129 tờ bản đồ số 155 đến Giáp ranh phường Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	259	181	155
24819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Tiến - Tân Hòa đoạn từ thửa đất số 136 và thửa đất số 129 tờ bản đồ số 155 đến Giáp ranh phường Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	207	145	124
24820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Tiến - Tân Hòa đoạn từ thửa đất số 136 và thửa đất số 129 tờ bản đồ số 155 đến Giáp ranh phường Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	166	116	100
24821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Tiến - Tân Hòa đoạn từ thửa đất số 136 và thửa đất số 129 tờ bản đồ số 155 đến Giáp ranh phường Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	233	163	140
24822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Tiến - Tân Hòa đoạn từ thửa đất số 136 và thửa đất số 129 tờ bản đồ số 155 đến Giáp ranh phường Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	186	130	112
24823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Tiến - Tân Hòa đoạn từ thửa đất số 136 và thửa đất số 129 tờ bản đồ số 155 đến Giáp ranh phường Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	149	104	89
24824	29	Đường mở rộng từ Trung tâm hành chính xã đến đường ĐT 753, ấp Thạch Màng	Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 7 tờ bản đồ số 59	Hết ranh thửa đất số 656 và thửa đất số 257 tờ bản đồ số 18	Xã Tân Lợi	550	390	330
24825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường mở rộng từ Trung tâm hành chính xã đến đường ĐT 753, ấp Thạch Màng đoạn từ thửa đất số 4 và thửa đất số 7 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 656 và thửa đất số 257 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	259	181	155

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường mở rộng từ Trung tâm hành chính xã đến đường ĐT 753, ấp Thạch Màng đoạn từ thửa đất số 4 và thửa đất số 7 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 656 và thửa đất số 257 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	207	145	124
24827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường mở rộng từ Trung tâm hành chính xã đến đường ĐT 753, ấp Thạch Màng đoạn từ thửa đất số 4 và thửa đất số 7 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 656 và thửa đất số 257 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	166	116	100
24828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường mở rộng từ Trung tâm hành chính xã đến đường ĐT 753, ấp Thạch Màng đoạn từ thửa đất số 4 và thửa đất số 7 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 656 và thửa đất số 257 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	233	163	140
24829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường mở rộng từ Trung tâm hành chính xã đến đường ĐT 753, ấp Thạch Màng đoạn từ thửa đất số 4 và thửa đất số 7 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 656 và thửa đất số 257 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	186	130	112
24830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường mở rộng từ Trung tâm hành chính xã đến đường ĐT 753, ấp Thạch Màng đoạn từ thửa đất số 4 và thửa đất số 7 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 656 và thửa đất số 257 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	149	104	89
24831	30	Đường liên ấp	Từ thửa đất số 76 và thửa đất số 420 tờ bản đồ số 113	Hết ranh thửa đất số 85 tờ bản đồ số 106 và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 116	Xã Tân Lợi	410	280	240
24832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 76 và thửa đất số 420 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 85 tờ bản đồ số 106 và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	205	144	123

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 76 và thửa đất số 420 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 85 tờ bản đồ số 106 và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	164	115	98
24834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 76 và thửa đất số 420 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 85 tờ bản đồ số 106 và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	131	92	79
24835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 76 và thửa đất số 420 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 85 tờ bản đồ số 106 và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	185	130	111
24836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 76 và thửa đất số 420 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 85 tờ bản đồ số 106 và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	148	104	89
24837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 76 và thửa đất số 420 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 85 tờ bản đồ số 106 và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	118	83	71
24838	31	đường liên ấp	Từ thửa đất số 41 và thửa đất số 233 tờ bản đồ số 113	Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103	Xã Tân Lợi	410	280	240
24839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 41 và thửa đất số 233 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	205	144	123
24840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 41 và thửa đất số 233 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	164	115	98

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 41 và thửa đất số 233 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	131	92	79
24842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 41 và thửa đất số 233 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	185	130	111
24843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 41 và thửa đất số 233 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	148	104	89
24844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 41 và thửa đất số 233 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	118	83	71
24845	32	đường liên ấp	Từ thửa đất số 26 và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 100	Hết ranh thửa đất số 80 và 113 tờ bản đồ số 138	Xã Tân Lợi	410	280	240
24846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 26 và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 100 đến Hết ranh thửa đất số 80 và 113 tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	189	129	110
24847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 26 và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 100 đến Hết ranh thửa đất số 80 và 113 tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	151	103	88
24848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 26 và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 100 đến Hết ranh thửa đất số 80 và 113 tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	121	82	70
24849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 26 và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 100 đến Hết ranh thửa đất số 80 và 113 tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	170	116	99

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 26 và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 100 đến Hết ranh thửa đất số 80 và 113 tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	136	93	79
24851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 26 và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 100 đến Hết ranh thửa đất số 80 và 113 tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	109	74	63
24852	33	đường liên ấp	Từ thửa đất số 251 và thửa đất số 250 tờ bản đồ số 75	Hết ranh thửa đất số 61 và 59 tờ bản đồ số 80	Xã Tân Lợi	410	280	240
24853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 251 và thửa đất số 250 tờ bản đồ số 75 đến Hết ranh thửa đất số 61 và 59 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	205	144	123
24854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 251 và thửa đất số 250 tờ bản đồ số 75 đến Hết ranh thửa đất số 61 và 59 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	164	115	98
24855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 251 và thửa đất số 250 tờ bản đồ số 75 đến Hết ranh thửa đất số 61 và 59 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	131	92	79
24856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 251 và thửa đất số 250 tờ bản đồ số 75 đến Hết ranh thửa đất số 61 và 59 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	185	130	111
24857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 251 và thửa đất số 250 tờ bản đồ số 75 đến Hết ranh thửa đất số 61 và 59 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	148	104	89

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 251 và thửa đất số 250 tờ bản đồ số 75 đến Hết ranh thửa đất số 61 và 59 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	118	83	71
24859	34	Đường liên ấp	Từ thửa đất số 962 và thửa đất số 849 tờ bản đồ số 79	Hết ranh thửa đất số 265 và 304 tờ bản đồ số 80	Xã Tân Lợi	550	390	330
24860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 962 và thửa đất số 849 tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh thửa đất số 265 và 304 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	259	181	155
24861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 962 và thửa đất số 849 tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh thửa đất số 265 và 304 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	207	145	124
24862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 962 và thửa đất số 849 tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh thửa đất số 265 và 304 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	166	116	100
24863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 962 và thửa đất số 849 tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh thửa đất số 265 và 304 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	233	163	140
24864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 962 và thửa đất số 849 tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh thửa đất số 265 và 304 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	186	130	112
24865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 962 và thửa đất số 849 tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh thửa đất số 265 và 304 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	149	104	89
24866	35	Đường liên ấp	Từ thửa đất số 9 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 132	Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 126 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 78	Xã Tân Lợi	550	390	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 9 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 132 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 126 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	259	181	155
24868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 9 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 132 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 126 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	207	145	124
24869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 9 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 132 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 126 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	166	116	100
24870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 9 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 132 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 126 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	233	163	140
24871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 9 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 132 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 126 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	186	130	112
24872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 9 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 132 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 126 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	149	104	89
24873	36	đường liên ấp	Từ thửa đất số 382 và thửa đất số 549 tờ bản đồ số 26	Hết ranh thửa đất số 782 và thửa đất số 1316 tờ bản đồ số 26	Xã Tân Lợi	410	280	240
24874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 382 và thửa đất số 549 tờ bản đồ số 26 đến Hết ranh thửa đất số 782 và thửa đất số 1316 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	205	144	123

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 382 và thửa đất số 549 tờ bản đồ số 26 đến Hết ranh thửa đất số 782 và thửa đất số 1316 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	164	115	98
24876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 382 và thửa đất số 549 tờ bản đồ số 26 đến Hết ranh thửa đất số 782 và thửa đất số 1316 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	131	92	79
24877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 382 và thửa đất số 549 tờ bản đồ số 26 đến Hết ranh thửa đất số 782 và thửa đất số 1316 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	185	130	111
24878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 382 và thửa đất số 549 tờ bản đồ số 26 đến Hết ranh thửa đất số 782 và thửa đất số 1316 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	148	104	89
24879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 382 và thửa đất số 549 tờ bản đồ số 26 đến Hết ranh thửa đất số 782 và thửa đất số 1316 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	118	83	71
24880	37	đường liên ấp	Từ thửa đất số 27 và thửa đất số 197 tờ bản đồ số 27	Hết ranh thửa đất số 1400 và thửa đất số 229 tờ bản đồ số 26	Xã Tân Lợi	450	320	270
24881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp 450 đoạn từ thửa đất số 27 và thửa đất số 197 tờ bản đồ số 27 đến Hết ranh thửa đất số 1400 và thửa đất số 229 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	225	158	135
24882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp 450 đoạn từ thửa đất số 27 và thửa đất số 197 tờ bản đồ số 27 đến Hết ranh thửa đất số 1400 và thửa đất số 229 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	180	126	108

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp 450 đoạn từ thửa đất số 27 và thửa đất số 197 tờ bản đồ số 27 đến Hết ranh thửa đất số 1400 và thửa đất số 229 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	144	101	86
24884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp 450 đoạn từ thửa đất số 27 và thửa đất số 197 tờ bản đồ số 27 đến Hết ranh thửa đất số 1400 và thửa đất số 229 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	203	142	122
24885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp 450 đoạn từ thửa đất số 27 và thửa đất số 197 tờ bản đồ số 27 đến Hết ranh thửa đất số 1400 và thửa đất số 229 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	162	113	97
24886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp 450 đoạn từ thửa đất số 27 và thửa đất số 197 tờ bản đồ số 27 đến Hết ranh thửa đất số 1400 và thửa đất số 229 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	130	91	78
24887	38	đường liên ấp	Từ thửa đất số 244 và thửa đất số 30 tờ bản đồ số 121	Hết ranh thửa đất số 53 tờ bản đồ số 191 và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122	Xã Tân Lợi	410	280	240
24888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 244 và thửa đất số 30 tờ bản đồ số 121 đến Hết ranh thửa đất số 53 tờ bản đồ số 191 và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	205	144	123
24889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 244 và thửa đất số 30 tờ bản đồ số 121 đến Hết ranh thửa đất số 53 tờ bản đồ số 191 và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	164	115	98
24890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 244 và thửa đất số 30 tờ bản đồ số 121 đến Hết ranh thửa đất số 53 tờ bản đồ số 191 và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	131	92	79

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 244 và thửa đất số 30 tờ bản đồ số 121 đến Hết ranh thửa đất số 53 tờ bản đồ số 191 và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	185	130	111
24892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 244 và thửa đất số 30 tờ bản đồ số 121 đến Hết ranh thửa đất số 53 tờ bản đồ số 191 và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	148	104	89
24893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 244 và thửa đất số 30 tờ bản đồ số 121 đến Hết ranh thửa đất số 53 tờ bản đồ số 191 và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	118	83	71
24894	39	đường liên ấp	Từ thửa đất số 46 tờ bản đồ số 192 và thửa đất số 185 tờ bản đồ số 122	Hết ranh thửa đất số 302 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 77	Xã Tân Lợi	410	280	240
24895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 46 tờ bản đồ số 192 và thửa đất số 185 tờ bản đồ số 122 đến Hết ranh thửa đất số 302 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	205	144	123
24896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 46 tờ bản đồ số 192 và thửa đất số 185 tờ bản đồ số 122 đến Hết ranh thửa đất số 302 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	164	115	98
24897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 46 tờ bản đồ số 192 và thửa đất số 185 tờ bản đồ số 122 đến Hết ranh thửa đất số 302 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	131	92	79
24898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 46 tờ bản đồ số 192 và thửa đất số 185 tờ bản đồ số 122 đến Hết ranh thửa đất số 302 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	185	130	111

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 46 tờ bản đồ số 192 và thửa đất số 185 tờ bản đồ số 122 đến Hết ranh thửa đất số 302 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	148	104	89
24900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 46 tờ bản đồ số 192 và thửa đất số 185 tờ bản đồ số 122 đến Hết ranh thửa đất số 302 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	118	83	71
24901	40	đường liên ấp	Từ thửa đất số 12 và thửa đất số 13 tờ bản đồ số 123	Hết ranh thửa đất số 126 tờ bản đồ số 113 và thửa đất số 59 tờ bản đồ số 190	Xã Tân Lợi	410	280	240
24902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 12 và thửa đất số 13 tờ bản đồ số 123 đến Hết ranh thửa đất số 126 tờ bản đồ số 113 và thửa đất số 59 tờ bản đồ số 190 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	205	144	123
24903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 12 và thửa đất số 13 tờ bản đồ số 123 đến Hết ranh thửa đất số 126 tờ bản đồ số 113 và thửa đất số 59 tờ bản đồ số 190 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	164	115	98
24904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 12 và thửa đất số 13 tờ bản đồ số 123 đến Hết ranh thửa đất số 126 tờ bản đồ số 113 và thửa đất số 59 tờ bản đồ số 190 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	131	92	79
24905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 12 và thửa đất số 13 tờ bản đồ số 123 đến Hết ranh thửa đất số 126 tờ bản đồ số 113 và thửa đất số 59 tờ bản đồ số 190 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	185	130	111
24906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 12 và thửa đất số 13 tờ bản đồ số 123 đến Hết ranh thửa đất số 126 tờ bản đồ số 113 và thửa đất số 59 tờ bản đồ số 190 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	148	104	89

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 12 và thửa đất số 13 tờ bản đồ số 123 đến Hết ranh thửa đất số 126 tờ bản đồ số 113 và thửa đất số 59 tờ bản đồ số 190 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	118	83	71
24908	41	đường liên ấp	Từ thửa đất số 245 và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 8	Hết ranh thửa đất số 145 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 9	Xã Tân Lợi	550	390	330
24909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 245 và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 8 đến Hết ranh thửa đất số 145 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	259	181	155
24910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 245 và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 8 đến Hết ranh thửa đất số 145 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	207	145	124
24911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 245 và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 8 đến Hết ranh thửa đất số 145 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	166	116	100
24912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 245 và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 8 đến Hết ranh thửa đất số 145 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	233	163	140
24913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 245 và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 8 đến Hết ranh thửa đất số 145 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	186	130	112
24914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 245 và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 8 đến Hết ranh thửa đất số 145 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	149	104	89
24915	42	đường liên ấp	Từ thửa đất số 250 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 18	Hết ranh thửa đất số 399 và thửa đất số 398 tờ bản đồ số 22	Xã Tân Lợi	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 250 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 18 đến Hết ranh thửa đất số 399 và thửa đất số 398 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	225	158	135
24917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 250 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 18 đến Hết ranh thửa đất số 399 và thửa đất số 398 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	180	126	108
24918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 250 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 18 đến Hết ranh thửa đất số 399 và thửa đất số 398 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	144	101	86
24919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 250 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 18 đến Hết ranh thửa đất số 399 và thửa đất số 398 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	203	142	122
24920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 250 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 18 đến Hết ranh thửa đất số 399 và thửa đất số 398 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	162	113	97
24921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 250 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 18 đến Hết ranh thửa đất số 399 và thửa đất số 398 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	130	91	78
24922	43	đường liên ấp	Từ thửa đất số 105 và thửa đất số 382 tờ bản đồ số 38	Hết ranh thửa đất số 55 và thửa đất số 52 tờ bản đồ số 46	Xã Tân Lợi	450	320	270
24923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 105 và thửa đất số 382 tờ bản đồ số 38 đến Hết ranh thửa đất số 55 và thửa đất số 52 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	225	158	135
24924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 105 và thửa đất số 382 tờ bản đồ số 38 đến Hết ranh thửa đất số 55 và thửa đất số 52 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	180	126	108

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 105 và thửa đất số 382 tờ bản đồ số 38 đến Hết ranh thửa đất số 55 và thửa đất số 52 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	144	101	86
24926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 105 và thửa đất số 382 tờ bản đồ số 38 đến Hết ranh thửa đất số 55 và thửa đất số 52 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	203	142	122
24927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 105 và thửa đất số 382 tờ bản đồ số 38 đến Hết ranh thửa đất số 55 và thửa đất số 52 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	162	113	97
24928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 105 và thửa đất số 382 tờ bản đồ số 38 đến Hết ranh thửa đất số 55 và thửa đất số 52 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	130	91	78
24929	44	đường liên ấp	Từ thửa đất số 194 tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 40	Hết ranh thửa đất số 391 tờ bản đồ số 151 và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 151	Xã Tân Lợi	410	280	240
24930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 194 tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 40 đến Hết ranh thửa đất số 391 tờ bản đồ số 151 và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	205	144	123
24931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 194 tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 40 đến Hết ranh thửa đất số 391 tờ bản đồ số 151 và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	164	115	98
24932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 194 tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 40 đến Hết ranh thửa đất số 391 tờ bản đồ số 151 và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	131	92	79

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 194 tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 40 đến Hết ranh thửa đất số 391 tờ bản đồ số 151 và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	185	130	111
24934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 194 tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 40 đến Hết ranh thửa đất số 391 tờ bản đồ số 151 và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	148	104	89
24935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ thửa đất số 194 tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 40 đến Hết ranh thửa đất số 391 tờ bản đồ số 151 và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	118	83	71
24936	45	đường liên ấp	Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 222 tờ bản đồ số 92	Hết ranh thửa đất số 205 và thửa đất số 53 tờ bản đồ số 91	Xã Tân Lợi	410	280	240
24937		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 222 tờ bản đồ số 92 đến Hết ranh thửa đất số 205 và thửa đất số 53 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	205	144	123
24938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 222 tờ bản đồ số 92 đến Hết ranh thửa đất số 205 và thửa đất số 53 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	164	115	98
24939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 222 tờ bản đồ số 92 đến Hết ranh thửa đất số 205 và thửa đất số 53 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	131	92	79
24940		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 222 tờ bản đồ số 92 đến Hết ranh thửa đất số 205 và thửa đất số 53 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	185	130	111

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 222 tờ bản đồ số 92 đến Hết ranh thửa đất số 205 và thửa đất số 53 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	148	104	89
24942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 222 tờ bản đồ số 92 đến Hết ranh thửa đất số 205 và thửa đất số 53 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	118	83	71
24943	46	đường liên ấp	Từ thửa đất số 514 và thửa đất số 518 tờ bản đồ số 156	Hết ranh thửa đất số 151 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 151	Xã Tân Lợi	410	280	240
24944		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 514 và thửa đất số 518 tờ bản đồ số 156 đến Hết ranh thửa đất số 151 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	205	144	123
24945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 514 và thửa đất số 518 tờ bản đồ số 156 đến Hết ranh thửa đất số 151 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	164	115	98
24946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 514 và thửa đất số 518 tờ bản đồ số 156 đến Hết ranh thửa đất số 151 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	131	92	79
24947		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 514 và thửa đất số 518 tờ bản đồ số 156 đến Hết ranh thửa đất số 151 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	185	130	111
24948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 514 và thửa đất số 518 tờ bản đồ số 156 đến Hết ranh thửa đất số 151 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	148	104	89

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 514 và thửa đất số 518 tờ bản đồ số 156 đến Hết ranh thửa đất số 151 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	118	83	71
24950	1	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh Phường Bình Phước (cầu 2)	Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14)	Xã Đồng Tâm	5.700	4.000	3.400
24951		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước (cầu 2) đến Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	2337	1636	1402
24952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước (cầu 2) đến Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	1870	1309	1122
24953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước (cầu 2) đến Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	1496	1047	898
24954		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước (cầu 2) đến Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	2103	1472	1262

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước (cầu 2) đến Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	1683	1178	1010
24956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước (cầu 2) đến Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	1346	942	808
24957	2	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14)	Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (hết thừa đất số 39, Tờ bàn dồ số 122)	Xã Đồng Tâm	3.800	2.700	2.300
24958		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) đến Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (hết thừa đất số 39, Tờ bàn dồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	1558	1091	935
24959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) đến Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (hết thừa đất số 39, Tờ bàn dồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	1246	872	748
24960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) đến Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (hết thừa đất số 39, Tờ bàn dồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	997	698	598

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24961		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) đến Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (hết thửa đất số 39, Tờ bản dồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Đồng Tâm	1402	981	841
24962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) đến Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (hết thửa đất số 39, Tờ bản dồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Đồng Tâm	1121	785	673
24963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) đến Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (hết thửa đất số 39, Tờ bản dồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Đồng Tâm	897	628	538
24964	3	Đường Quốc lộ 14	Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (Hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 122)	Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100)	Xã Đồng Tâm	3.000	2.100	1.800
24965		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (Hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 122) đến Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Đồng Tâm	1230	861	738

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (Hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 122) đến Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	984	689	590
24967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (Hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 122) đến Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	787	551	472
24968		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (Hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 122) đến Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	1107	775	664
24969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (Hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 122) đến Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	886	620	532
24970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (Hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 122) đến Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	708	496	425
24971	4	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100)	Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241)	Xã Đồng Tâm	2.100	1.500	1.300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24972		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) đến Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Đồng Tâm	861	603	517
24973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) đến Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Đồng Tâm	689	482	413
24974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) đến Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Đồng Tâm	551	386	331
24975		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) đến Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Đồng Tâm	775	543	465
24976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) đến Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Đồng Tâm	620	434	372
24977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) đến Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Đồng Tâm	496	347	298

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24978	5	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh trường Tiểu học Đồng Tâm (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 229) Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241)	Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186)	Xã Đồng Tâm	1.700	1.200	1.000
24979		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trường Tiểu học Đồng Tâm (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 229) Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) đến Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Đồng Tâm	714	500	428
24980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trường Tiểu học Đồng Tâm (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 229) Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) đến Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Đồng Tâm	571	400	343
24981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trường Tiểu học Đồng Tâm (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 229) Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) đến Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Đồng Tâm	457	320	274
24982		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trường Tiểu học Đồng Tâm (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 229) Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) đến Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Đồng Tâm	643	450	386
24983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trường Tiểu học Đồng Tâm (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 229) Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) đến Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Đồng Tâm	514	360	308

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trường Tiểu học Đồng Tâm (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 229) Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) đến Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	411	288	247
24985	6	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186)	Giáp ranh xã Nghĩa Trung	Xã Đồng Tâm	1.600	1.100	970
24986		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	672	470	403
24987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	538	377	323
24988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	430	301	258
24989		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	605	424	363
24990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	484	339	290
24991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	387	271	232

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
24992	7	Khu dân cư Đồng Tiến (ĐT-HOUSE)	Các tuyến đường trong khu dân cư		Xã Đồng Tâm	1.000	710	610
24993		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Đồng Tiến (ĐT-HOUSE) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	470	329	282
24994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Đồng Tiến (ĐT-HOUSE) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	376	263	226
24995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Đồng Tiến (ĐT-HOUSE) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	301	211	181
24996		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Đồng Tiến (ĐT-HOUSE) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	423	296	254
24997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Đồng Tiến (ĐT-HOUSE) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	338	237	203
24998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Đồng Tiến (ĐT-HOUSE) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	271	190	163
24999	8	Khu dân cư Đồng Tiến (Công ty địa ốc Minh Thuận)	Các tuyến đường trong khu dân cư		Xã Đồng Tâm	1.000	710	610
25000		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Đồng Tiến (Công ty địa ốc Minh Thuận) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	470	329	282

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25001		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Đồng Tiến (Công ty địa ốc Minh Thuận) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	376	263	226
25002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Đồng Tiến (Công ty địa ốc Minh Thuận) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	301	211	181
25003		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Đồng Tiến (Công ty địa ốc Minh Thuận) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	423	296	254
25004		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Đồng Tiến (Công ty địa ốc Minh Thuận) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	338	237	203
25005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Đồng Tiến (Công ty địa ốc Minh Thuận) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	271	190	163
25006	9	Khu dân cư Đồng Tiến (Công ty địa ốc Minh Thuận)	Riêng trục đường chính tiếp giáp khu dân cư (hướng đi Nhà văn hóa Suối Binh)		Xã Đồng Tâm	1.300	890	770
25007		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Đồng Tiến (Công ty địa ốc Minh Thuận) đoạn từ Riêng trục đường chính tiếp giáp khu dân cư (hướng đi Nhà văn hóa Suối Binh) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	546	382	328
25008		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Đồng Tiến (Công ty địa ốc Minh Thuận) đoạn từ Riêng trục đường chính tiếp giáp khu dân cư (hướng đi Nhà văn hóa Suối Binh) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	437	306	262

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Đồng Tiến (Công ty địa ốc Minh Thuận) đoạn từ Riêng trục đường chính tiếp giáp khu dân cư (hướng đi Nhà văn hóa Suối Binh) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	350	245	210
25010		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Đồng Tiến (Công ty địa ốc Minh Thuận) đoạn từ Riêng trục đường chính tiếp giáp khu dân cư (hướng đi Nhà văn hóa Suối Binh) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	491	344	295
25011		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Đồng Tiến (Công ty địa ốc Minh Thuận) đoạn từ Riêng trục đường chính tiếp giáp khu dân cư (hướng đi Nhà văn hóa Suối Binh) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	393	275	236
25012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Đồng Tiến (Công ty địa ốc Minh Thuận) đoạn từ Riêng trục đường chính tiếp giáp khu dân cư (hướng đi Nhà văn hóa Suối Binh) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	315	221	189
25013	10	Khu dân cư Tân Phước (Công ty TNHH Sông Tiền Land)	đường ĐT 753	hết ranh thửa 401 tờ 294	Xã Đồng Tâm	1.500	1.100	920
25014		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Tân Phước (Công ty TNHH Sông Tiền Land) đoạn từ đường ĐT 753 đến hết ranh thửa 401 tờ 294 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	630	441	378
25015		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Tân Phước (Công ty TNHH Sông Tiền Land) đoạn từ đường ĐT 753 đến hết ranh thửa 401 tờ 294 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	504	353	302
25016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Tân Phước (Công ty TNHH Sông Tiền Land) đoạn từ đường ĐT 753 đến hết ranh thửa 401 tờ 294 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	403	282	242

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25017		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Tân Phước (Công ty TNHH Sông Tiền Land) đoạn từ đường ĐT 753 đến hết ranh thửa 401 tờ 294 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	567	397	340
25018		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Tân Phước (Công ty TNHH Sông Tiền Land) đoạn từ đường ĐT 753 đến hết ranh thửa 401 tờ 294 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	454	318	272
25019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Tân Phước (Công ty TNHH Sông Tiền Land) đoạn từ đường ĐT 753 đến hết ranh thửa 401 tờ 294 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	363	254	218
25020	11	Khu dân cư Tân Phước (Công ty TNHH Sông Tiền Land)	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư		Xã Đồng Tâm	1.300	890	770
25021		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Tân Phước (Công ty TNHH Sông Tiền Land) đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	546	382	328
25022		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Tân Phước (Công ty TNHH Sông Tiền Land) đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	437	306	262
25023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Tân Phước (Công ty TNHH Sông Tiền Land) đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	350	245	210
25024		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Tân Phước (Công ty TNHH Sông Tiền Land) đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	491	344	295
25025		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Tân Phước (Công ty TNHH Sông Tiền Land) đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	393	275	236

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Tân Phước (Công ty TNHH Sông Tiền Land) đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	315	221	189
25027	12	Khu dân cư Thương mại Liên tỉnh thành KDC Tân Phước 1	đường ĐT 753	hết ranh tờ 283 thửa 145	Xã Đồng Tâm	1.500	1.100	920
25028		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thương mại Liên tỉnh thành KDC Tân Phước 1 đoạn từ đường ĐT 753 đến hết ranh tờ 283 thửa 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	630	441	378
25029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thương mại Liên tỉnh thành KDC Tân Phước 1 đoạn từ đường ĐT 753 đến hết ranh tờ 283 thửa 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	504	353	302
25030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thương mại Liên tỉnh thành KDC Tân Phước 1 đoạn từ đường ĐT 753 đến hết ranh tờ 283 thửa 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	403	282	242
25031		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thương mại Liên tỉnh thành KDC Tân Phước 1 đoạn từ đường ĐT 753 đến hết ranh tờ 283 thửa 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	567	397	340
25032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thương mại Liên tỉnh thành KDC Tân Phước 1 đoạn từ đường ĐT 753 đến hết ranh tờ 283 thửa 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	454	318	272
25033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thương mại Liên tỉnh thành KDC Tân Phước 1 đoạn từ đường ĐT 753 đến hết ranh tờ 283 thửa 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	363	254	218
25034	13	Khu dân cư Thương mại Liên tỉnh thành KDC Tân Phước 1	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư		Xã Đồng Tâm	1.300	890	770

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25035		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thương mại Liên tỉnh thành KDC Tân Phước 1 đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	546	382	328
25036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thương mại Liên tỉnh thành KDC Tân Phước 1 đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	437	306	262
25037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thương mại Liên tỉnh thành KDC Tân Phước 1 đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	350	245	210
25038		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thương mại Liên tỉnh thành KDC Tân Phước 1 đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	491	344	295
25039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thương mại Liên tỉnh thành KDC Tân Phước 1 đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	393	275	236
25040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thương mại Liên tỉnh thành KDC Tân Phước 1 đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	315	221	189
25041	14	Khu dân cư Homeland (công ty TNHH MTV xây dựng Tuấn Thuận)	Các tuyến đường trong khu dân cư		Xã Đồng Tâm	1.300	890	770
25042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Homeland (công ty TNHH MTV xây dựng Tuấn Thuận) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	546	382	328
25043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Homeland (công ty TNHH MTV xây dựng Tuấn Thuận) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	437	306	262

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Homeland (công ty TNHH MTV xây dựng Tuấn Thuận) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	350	245	210
25045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Homeland (công ty TNHH MTV xây dựng Tuấn Thuận) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	491	344	295
25046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Homeland (công ty TNHH MTV xây dựng Tuấn Thuận) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	393	275	236
25047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Homeland (công ty TNHH MTV xây dựng Tuấn Thuận) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	315	221	189
25048	15	Đường ĐT 753	Giáp ranh Phường Bình Phước	Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 295)	Xã Đồng Tâm	2.000	1.400	1.200
25049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước đến Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 295) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	820	574	492
25050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước đến Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 295) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	656	459	394
25051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước đến Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 295) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	525	368	315

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước đến Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 295) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	738	517	443
25053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước đến Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 295) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	590	413	354
25054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước đến Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 295) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	473	331	284
25055	16	Đường ĐT 753	Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 295)	Giáp ranh Cầu Cứ (giáp xã Tân Lợi)	Xã Đồng Tâm	1.400	1.000	860
25056		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 295) đến Giáp ranh Cầu Cứ (giáp xã Tân Lợi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	588	412	353
25057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 295) đến Giáp ranh Cầu Cứ (giáp xã Tân Lợi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	470	329	282
25058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 295) đến Giáp ranh Cầu Cứ (giáp xã Tân Lợi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	376	263	226
25059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 295) đến Giáp ranh Cầu Cứ (giáp xã Tân Lợi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	529	370	317

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 295) đến Giáp ranh Cầu Cứ (giáp xã Tân Lợi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	423	296	254
25061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 295) đến Giáp ranh Cầu Cứ (giáp xã Tân Lợi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	338	237	203
25062	17	Đường ĐT 753B	Quốc lộ 14	Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 259	Xã Đồng Tâm	1.200	860	730
25063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 259 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	504	353	302
25064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 259 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	403	282	242
25065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 259 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	322	225	193
25066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 259 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	454	318	272
25067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 259 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	363	254	218
25068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 259 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	290	203	174
25069	18	Đường ĐT 753B	Đoạn còn lại		Xã Đồng Tâm	1.000	710	610

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	470	329	282
25071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	376	263	226
25072		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	301	211	181
25073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	423	296	254
25074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	338	237	203
25075		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	271	190	163
25076	21	Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 trong phạm vi 200m	Quốc lộ 14	hết ranh tờ 36 thửa 98	Xã Đồng Tâm	850	600	510
25077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 trong phạm vi 200m đoạn từ Quốc lộ 14 đến hết ranh tờ 36 thửa 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	408	286	245
25078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 trong phạm vi 200m đoạn từ Quốc lộ 14 đến hết ranh tờ 36 thửa 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	326	228	196

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 trong phạm vi 200m đoạn từ Quốc lộ 14 đến hết ranh tờ 36 thửa 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	261	183	157
25080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 trong phạm vi 200m đoạn từ Quốc lộ 14 đến hết ranh tờ 36 thửa 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	367	257	220
25081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 trong phạm vi 200m đoạn từ Quốc lộ 14 đến hết ranh tờ 36 thửa 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	293	205	176
25082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 trong phạm vi 200m đoạn từ Quốc lộ 14 đến hết ranh tờ 36 thửa 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	235	165	141
25083	22	Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 ngoài phạm vi 200m	hết ranh tờ 36 thửa 98	hết ranh tờ 174 thửa 1226	Xã Đồng Tâm	600	420	360
25084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 ngoài phạm vi 200m đoạn từ hết ranh tờ 36 thửa 98 đến hết ranh tờ 174 thửa 1226 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	288	202	173
25085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 ngoài phạm vi 200m đoạn từ hết ranh tờ 36 thửa 98 đến hết ranh tờ 174 thửa 1226 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	230	161	138

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 ngoài phạm vi 200m đoạn từ hết ranh tờ 36 thửa 98 đến hết ranh tờ 174 thửa 1226 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	184	129	110
25087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 ngoài phạm vi 200m đoạn từ hết ranh tờ 36 thửa 98 đến hết ranh tờ 174 thửa 1226 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	259	181	155
25088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 ngoài phạm vi 200m đoạn từ hết ranh tờ 36 thửa 98 đến hết ranh tờ 174 thửa 1226 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	207	145	124
25089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 ngoài phạm vi 200m đoạn từ hết ranh tờ 36 thửa 98 đến hết ranh tờ 174 thửa 1226 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	166	116	100
25090	23	Các tuyến đường trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm	Toàn tuyến		Xã Đồng Tâm	850	600	510
25091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	408	286	245
25092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	326	228	196
25093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	261	183	157

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	367	257	220
25095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	293	205	176
25096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	235	165	141
25097	24	Đường Lam Sơn - Tân Phước	Đường ĐT 753B (giáp ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 254)	Hết ranh tờ 295 thửa 135 Đường ĐH Lam Sơn Tân Phước	Xã Đồng Tâm	470	330	280
25098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn - Tân Phước đoạn từ Đường ĐT 753B (giáp ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 254) đến Hết ranh tờ 295 thửa 135 Đường ĐH Lam Sơn Tân Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	226	158	136
25099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn - Tân Phước đoạn từ Đường ĐT 753B (giáp ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 254) đến Hết ranh tờ 295 thửa 135 Đường ĐH Lam Sơn Tân Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	181	127	109
25100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn - Tân Phước đoạn từ Đường ĐT 753B (giáp ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 254) đến Hết ranh tờ 295 thửa 135 Đường ĐH Lam Sơn Tân Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	145	102	87
25101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn - Tân Phước đoạn từ Đường ĐT 753B (giáp ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 254) đến Hết ranh tờ 295 thửa 135 Đường ĐH Lam Sơn Tân Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	203	142	122

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn - Tân Phước đoạn từ Đường ĐT 753B (giáp ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 254) đến Hết ranh tờ 295 thửa 135 Đường ĐH Lam Sơn Tân Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	163	114	98
25103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn - Tân Phước đoạn từ Đường ĐT 753B (giáp ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 254) đến Hết ranh tờ 295 thửa 135 Đường ĐH Lam Sơn Tân Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	131	92	79
25104	25	Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi	Quốc lộ 14	Hết thửa đất số 142 (bên phải) và thửa đất số 149 (bên trái), Tờ bản đồ số 229	Xã Đồng Tâm	500	350	300
25105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 142 (bên phải) và thửa đất số 149 (bên trái), Tờ bản đồ số 229 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	240	168	144
25106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 142 (bên phải) và thửa đất số 149 (bên trái), Tờ bản đồ số 229 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	192	134	115
25107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 142 (bên phải) và thửa đất số 149 (bên trái), Tờ bản đồ số 229 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	154	108	92
25108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 142 (bên phải) và thửa đất số 149 (bên trái), Tờ bản đồ số 229 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	216	151	130
25109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 142 (bên phải) và thửa đất số 149 (bên trái), Tờ bản đồ số 229 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	173	121	104

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 142 (bên phải) và thửa đất số 149 (bên trái), Tờ bản đồ số 229 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	139	97	83
25111	26	Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi	Hết thửa đất số 149 tờ bản đồ số 229	Hết ranh thửa đất số 19 về bên phải và thửa đất số 2 về bên trái tờ bản đồ số 199	Xã Đồng Tâm	450	320	270
25112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Hết thửa đất số 149 tờ bản đồ số 229 đến Hết ranh thửa đất số 19 về bên phải và thửa đất số 2 về bên trái tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	216	151	130
25113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Hết thửa đất số 149 tờ bản đồ số 229 đến Hết ranh thửa đất số 19 về bên phải và thửa đất số 2 về bên trái tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	173	121	104
25114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Hết thửa đất số 149 tờ bản đồ số 229 đến Hết ranh thửa đất số 19 về bên phải và thửa đất số 2 về bên trái tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	138	97	83
25115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Hết thửa đất số 149 tờ bản đồ số 229 đến Hết ranh thửa đất số 19 về bên phải và thửa đất số 2 về bên trái tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	194	136	116
25116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Hết thửa đất số 149 tờ bản đồ số 229 đến Hết ranh thửa đất số 19 về bên phải và thửa đất số 2 về bên trái tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	156	109	94
25117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Hết thửa đất số 149 tờ bản đồ số 229 đến Hết ranh thửa đất số 19 về bên phải và thửa đất số 2 về bên trái tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	124	87	74

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25118	28	Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 trong phạm vi 500m	Toàn tuyến		Xã Đồng Tâm	1.000	710	610
25119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 trong phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	480	336	288
25120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 trong phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	384	269	230
25121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 trong phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	307	215	184
25122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 trong phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	432	302	259
25123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 trong phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	346	242	208
25124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 trong phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	276	193	166
25125	29	Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 ngoài phạm vi 500m	Toàn tuyến		Xã Đồng Tâm	850	600	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 ngoài phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	408	286	245
25127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 ngoài phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	326	228	196
25128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 ngoài phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	261	183	157
25129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 ngoài phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	367	257	220
25130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 ngoài phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	293	205	176
25131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 ngoài phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	235	165	141
25132	30	Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ)	Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270	Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 290	Xã Đồng Tâm	850	600	510
25133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270 đến Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 290 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	408	286	245
25134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270 đến Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 290 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	326	228	196

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270 đến Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 290 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	261	183	157
25136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270 đến Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 290 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	367	257	220
25137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270 đến Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 290 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	293	205	176
25138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270 đến Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 290 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	235	165	141
25139	31	Đường giao thông liên xã còn lại	Từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 112 và thửa đất số 44 tờ bản đồ số 35	Hết ranh thửa đất số 236 và thửa đất số 8 tờ bản đồ số 28	Xã Đồng Tâm	510	360	310
25140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã còn lại đoạn từ Từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 112 và thửa đất số 44 tờ bản đồ số 35 đến Hết ranh thửa đất số 236 và thửa đất số 8 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	245	172	147
25141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã còn lại đoạn từ Từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 112 và thửa đất số 44 tờ bản đồ số 35 đến Hết ranh thửa đất số 236 và thửa đất số 8 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	196	137	118
25142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã còn lại đoạn từ Từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 112 và thửa đất số 44 tờ bản đồ số 35 đến Hết ranh thửa đất số 236 và thửa đất số 8 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	157	110	94

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã còn lại đoạn từ Từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 112 và thửa đất số 44 tờ bản đồ số 35 đến Hết ranh thửa đất số 236 và thửa đất số 8 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	221	155	133
25144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã còn lại đoạn từ Từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 112 và thửa đất số 44 tờ bản đồ số 35 đến Hết ranh thửa đất số 236 và thửa đất số 8 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	176	123	106
25145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã còn lại đoạn từ Từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 112 và thửa đất số 44 tờ bản đồ số 35 đến Hết ranh thửa đất số 236 và thửa đất số 8 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	141	99	85
25146		Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm)	Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206	Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206	Xã Đồng Tâm	1.200	840	720
25147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	564	395	338
25148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	451	316	271
25149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	361	253	217
25150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	508	356	305

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	406	284	244
25152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	325	228	195
25153		Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm)	Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206	Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206	Xã Đồng Tâm	1.200	840	720
25154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	564	395	338
25155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	451	316	271
25156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	361	253	217
25157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	508	356	305
25158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	406	284	244

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	325	228	195
25160		Đường bổ sung Khu tái định cư Tân Phước	Từ thửa đất số 175 tờ bản đồ số 301	Tiếp giáp thửa đất 141 tờ bản đồ số 294	Xã Đồng Tâm	1.800	1.260	1.080
25161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bổ sung Khu tái định cư Tân Phước đoạn từ Từ thửa đất số 175 tờ bản đồ số 301 đến Tiếp giáp thửa đất 141 tờ bản đồ số 294 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	846	592	508
25162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bổ sung Khu tái định cư Tân Phước đoạn từ Từ thửa đất số 175 tờ bản đồ số 301 đến Tiếp giáp thửa đất 141 tờ bản đồ số 294 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	677	474	406
25163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bổ sung Khu tái định cư Tân Phước đoạn từ Từ thửa đất số 175 tờ bản đồ số 301 đến Tiếp giáp thửa đất 141 tờ bản đồ số 294 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	542	379	325
25164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bổ sung Khu tái định cư Tân Phước đoạn từ Từ thửa đất số 175 tờ bản đồ số 301 đến Tiếp giáp thửa đất 141 tờ bản đồ số 294 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	761	533	457
25165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bổ sung Khu tái định cư Tân Phước đoạn từ Từ thửa đất số 175 tờ bản đồ số 301 đến Tiếp giáp thửa đất 141 tờ bản đồ số 294 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	609	426	365
25166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bổ sung Khu tái định cư Tân Phước đoạn từ Từ thửa đất số 175 tờ bản đồ số 301 đến Tiếp giáp thửa đất 141 tờ bản đồ số 294 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	488	342	293
25167		Đường bổ sung Khu tái định cư Tân Phước	Từ thửa đất số 84 tờ bản đồ số 301	Tiếp giáp thửa đất 45 tờ bản đồ số 303	Xã Đồng Tâm	1.800	1.260	1.080

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bổ sung Khu tái định cư Tân Phước đoạn từ Từ thửa đất số 84 tờ bản đồ số 301 đến Tiếp giáp thửa đất 45 tờ bản đồ số 303 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	846	592	508
25169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bổ sung Khu tái định cư Tân Phước đoạn từ Từ thửa đất số 84 tờ bản đồ số 301 đến Tiếp giáp thửa đất 45 tờ bản đồ số 303 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	677	474	406
25170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bổ sung Khu tái định cư Tân Phước đoạn từ Từ thửa đất số 84 tờ bản đồ số 301 đến Tiếp giáp thửa đất 45 tờ bản đồ số 303 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	542	379	325
25171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bổ sung Khu tái định cư Tân Phước đoạn từ Từ thửa đất số 84 tờ bản đồ số 301 đến Tiếp giáp thửa đất 45 tờ bản đồ số 303 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	761	533	457
25172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bổ sung Khu tái định cư Tân Phước đoạn từ Từ thửa đất số 84 tờ bản đồ số 301 đến Tiếp giáp thửa đất 45 tờ bản đồ số 303 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	609	426	365
25173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bổ sung Khu tái định cư Tân Phước đoạn từ Từ thửa đất số 84 tờ bản đồ số 301 đến Tiếp giáp thửa đất 45 tờ bản đồ số 303 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	488	342	293
25174	1	Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm)	Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206	Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206	Phường Đồng Phú	6.800	4.800	4.100
25175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	3196	2237	1918

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	2557	1790	1534
25177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	2046	1432	1228
25178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	2876	2013	1726
25179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	2301	1611	1381
25180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1841	1289	1105
25181	2	Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm)	Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206	Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206	Phường Đồng Phú	6.000	4.200	3.600
25182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	2820	1974	1692
25183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	2256	1579	1354

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1805	1264	1083
25185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	2538	1777	1523
25186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	2030	1421	1218
25187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1625	1138	975
25188	3	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Giáp ranh đất Hạt Kiểm Lâm	Đầu ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ	Phường Đồng Phú	5100	3600	3100
25189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh đất Hạt Kiểm Lâm đến Đầu ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	2040	1428	1224
25190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh đất Hạt Kiểm Lâm đến Đầu ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1632	1142	979
25191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh đất Hạt Kiểm Lâm đến Đầu ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1306	914	784

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh đất Hạt Kiểm Lâm đến Đầu ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1836	1285	1102
25193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh đất Hạt Kiểm Lâm đến Đầu ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1469	1028	881
25194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh đất Hạt Kiểm Lâm đến Đầu ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1175	823	705
25195	4	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đầu ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ	Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) (hết thửa đất số 46 tờ bản đồ số 82)	Phường Đồng Phú	6800	4800	4100
25196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đầu ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ đến Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) (hết thửa đất số 46 tờ bản đồ số 82) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	2720	1904	1632
25197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đầu ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ đến Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) (hết thửa đất số 46 tờ bản đồ số 82) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	2176	1523	1306
25198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đầu ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ đến Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) (hết thửa đất số 46 tờ bản đồ số 82) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1741	1219	1045

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đầu ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ đến Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) (hết thửa đất số 46 tờ bản đồ số 82) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	2448	1714	1469
25200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đầu ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ đến Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) (hết thửa đất số 46 tờ bản đồ số 82) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1958	1371	1175
25201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đầu ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ đến Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) (hết thửa đất số 46 tờ bản đồ số 82) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1567	1097	940
25202	5	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) (hết thửa đất số 46 tờ bản đồ số 82)	Giáp ranh xã Tân Tiến (cũ) (hết thửa đất số 28 tờ bản đồ số 63)	Phường Đồng Phú	5100	3600	3100
25203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) (hết thửa đất số 46 tờ bản đồ số 82) đến Giáp ranh xã Tân Tiến (cũ) (hết thửa đất số 28 tờ bản đồ số 63) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	2040	1428	1224
25204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) (hết thửa đất số 46 tờ bản đồ số 82) đến Giáp ranh xã Tân Tiến (cũ) (hết thửa đất số 28 tờ bản đồ số 63) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1632	1142	979
25205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) (hết thửa đất số 46 tờ bản đồ số 82) đến Giáp ranh xã Tân Tiến (cũ) (hết thửa đất số 28 tờ bản đồ số 63) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1306	914	784

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) (hết thửa đất số 46 tờ bản đồ số 82) đến Giáp ranh xã Tân Tiến (cũ) (hết thửa đất số 28 tờ bản đồ số 63) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1836	1285	1102
25207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) (hết thửa đất số 46 tờ bản đồ số 82) đến Giáp ranh xã Tân Tiến (cũ) (hết thửa đất số 28 tờ bản đồ số 63) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1469	1028	881
25208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) (hết thửa đất số 46 tờ bản đồ số 82) đến Giáp ranh xã Tân Tiến (cũ) (hết thửa đất số 28 tờ bản đồ số 63) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1175	823	705
25209	6	Đường ĐT 741	Giáp ranh thị trấn Tân Phú (cũ)	Hết ranh Thửa đất số 74 và số 87, Tờ bản đồ số 222	Phường Đồng Phú	2100	1500	1300
25210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Tân Phú (cũ) đến Hết ranh Thửa đất số 74 và số 87, Tờ bản đồ số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	840	588	504
25211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Tân Phú (cũ) đến Hết ranh Thửa đất số 74 và số 87, Tờ bản đồ số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	672	470	403
25212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Tân Phú (cũ) đến Hết ranh Thửa đất số 74 và số 87, Tờ bản đồ số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	538	377	323
25213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Tân Phú (cũ) đến Hết ranh Thửa đất số 74 và số 87, Tờ bản đồ số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	756	529	454

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Tân Phú (cũ) đến Hết ranh Thửa đất số 74 và số 87, Tờ bản đồ số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	605	424	363
25215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Tân Phú (cũ) đến Hết ranh Thửa đất số 74 và số 87, Tờ bản đồ số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	484	339	290
25216	7	Đường ĐT 741	Giáp ranh Thửa đất số 74, Tờ bản đồ số 222 Đường Tổ 32 (Thửa đất số 87, Tờ bản đồ số 222)	Đường Tổ 33 (Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 222)	Phường Đồng Phú	3000	2100	1800
25217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh Thửa đất số 74, Tờ bản đồ số 222 Đường Tổ 32 (Thửa đất số 87, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 33 (Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 222) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	1200	840	720
25218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh Thửa đất số 74, Tờ bản đồ số 222 Đường Tổ 32 (Thửa đất số 87, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 33 (Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 222) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	960	672	576
25219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh Thửa đất số 74, Tờ bản đồ số 222 Đường Tổ 32 (Thửa đất số 87, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 33 (Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 222) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	768	538	461
25220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh Thửa đất số 74, Tờ bản đồ số 222 Đường Tổ 32 (Thửa đất số 87, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 33 (Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 222) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	1080	756	648

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh Thửa đất số 74, Tờ bản đồ số 222 Đường Tổ 32 (Thửa đất số 87, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 33 (Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 222) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	864	605	518
25222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh Thửa đất số 74, Tờ bản đồ số 222 Đường Tổ 32 (Thửa đất số 87, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 33 (Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 222) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	691	484	415
25223	8	Đường ĐT 741	Đường Tổ 33 (Thửa đất số 206, Tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 222)	Đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224)	Phường Đồng Phú	4300	3000	2600
25224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 33 (Thửa đất số 206, Tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	1720	1204	1032
25225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 33 (Thửa đất số 206, Tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1376	963	826
25226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 33 (Thửa đất số 206, Tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1101	771	661

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 33 (Thửa đất số 206, Tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	1548	1084	929
25228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 33 (Thửa đất số 206, Tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1238	867	743
25229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 33 (Thửa đất số 206, Tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	991	694	595
25230	9	Đường ĐT 741	Đường Tổ 27 (Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (Thửa đất số 395, Tờ bản đồ số 224)	Đường Tổ 23 (Hết ranh Thửa đất số 256, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Hết ranh Thửa đất số 424, Tờ bản đồ số 224)	Phường Đồng Phú	3000	2100	1800
25231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 27 (Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (Thửa đất số 395, Tờ bản đồ số 224) đến Đường Tổ 23 (Hết ranh Thửa đất số 256, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Hết ranh Thửa đất số 424, Tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	1200	840	720
25232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 27 (Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (Thửa đất số 395, Tờ bản đồ số 224) đến Đường Tổ 23 (Hết ranh Thửa đất số 256, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Hết ranh Thửa đất số 424, Tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	960	672	576

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 27 (Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (Thửa đất số 395, Tờ bản đồ số 224) đến Đường Tổ 23 (Hết ranh Thửa đất số 256, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Hết ranh Thửa đất số 424, Tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	768	538	461
25234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 27 (Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (Thửa đất số 395, Tờ bản đồ số 224) đến Đường Tổ 23 (Hết ranh Thửa đất số 256, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Hết ranh Thửa đất số 424, Tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	1080	756	648
25235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 27 (Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (Thửa đất số 395, Tờ bản đồ số 224) đến Đường Tổ 23 (Hết ranh Thửa đất số 256, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Hết ranh Thửa đất số 424, Tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	864	605	518
25236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 27 (Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (Thửa đất số 395, Tờ bản đồ số 224) đến Đường Tổ 23 (Hết ranh Thửa đất số 256, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Hết ranh Thửa đất số 424, Tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	691	484	415
25237	10	Đường ĐT 741	Đường Tổ 23 (Thửa đất số 388, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Thửa đất số 275, Tờ bản đồ số 224)	Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) (hết thửa đất số 25 tờ bản đồ số 91 và thửa đất số 120 tờ bản đồ số 165)	Phường Đồng Phú	2600	1800	1500
25238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23 (Thửa đất số 388, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Thửa đất số 275, Tờ bản đồ số 224) đến Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) (hết thửa đất số 25 tờ bản đồ số 91 và thửa đất số 120 tờ bản đồ số 165) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	1040	728	624

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23 (Thửa đất số 388, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Thửa đất số 275, Tờ bản đồ số 224) đến Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) (hết thửa đất số 25 tờ bản đồ số 91 và thửa đất số 120 tờ bản đồ số 165) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	832	582	499
25240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23 (Thửa đất số 388, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Thửa đất số 275, Tờ bản đồ số 224) đến Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) (hết thửa đất số 25 tờ bản đồ số 91 và thửa đất số 120 tờ bản đồ số 165) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	666	466	400
25241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23 (Thửa đất số 388, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Thửa đất số 275, Tờ bản đồ số 224) đến Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) (hết thửa đất số 25 tờ bản đồ số 91 và thửa đất số 120 tờ bản đồ số 165) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	936	655	562
25242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23 (Thửa đất số 388, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Thửa đất số 275, Tờ bản đồ số 224) đến Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) (hết thửa đất số 25 tờ bản đồ số 91 và thửa đất số 120 tờ bản đồ số 165) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	749	524	449
25243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23 (Thửa đất số 388, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Thửa đất số 275, Tờ bản đồ số 224) đến Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) (hết thửa đất số 25 tờ bản đồ số 91 và thửa đất số 120 tờ bản đồ số 165) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	599	419	359
25244	11	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) (từ thửa đất số 25 tờ bản đồ số 91 và thửa đất số 120 tờ bản đồ số 165)	Đường Tổ 23B (Thửa đất số 158, Tờ bản đồ số 234) Đường Tổ 26B (Thửa đất số 113, Tờ bản đồ số 234)	Phường Đồng Phú	2600	1800	1500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) (từ thửa đất số 25 tờ bản đồ số 91 và thửa đất số 120 tờ bản đồ số 165) đến Đường Tổ 23B (Thửa đất số 158, Tờ bản đồ số 234) Đường Tổ 26B (Thửa đất số 113, Tờ bản đồ số 234) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	1040	728	624
25246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) (từ thửa đất số 25 tờ bản đồ số 91 và thửa đất số 120 tờ bản đồ số 165) đến Đường Tổ 23B (Thửa đất số 158, Tờ bản đồ số 234) Đường Tổ 26B (Thửa đất số 113, Tờ bản đồ số 234) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	832	582	499
25247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) (từ thửa đất số 25 tờ bản đồ số 91 và thửa đất số 120 tờ bản đồ số 165) đến Đường Tổ 23B (Thửa đất số 158, Tờ bản đồ số 234) Đường Tổ 26B (Thửa đất số 113, Tờ bản đồ số 234) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	666	466	400
25248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) (từ thửa đất số 25 tờ bản đồ số 91 và thửa đất số 120 tờ bản đồ số 165) đến Đường Tổ 23B (Thửa đất số 158, Tờ bản đồ số 234) Đường Tổ 26B (Thửa đất số 113, Tờ bản đồ số 234) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	936	655	562
25249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) (từ thửa đất số 25 tờ bản đồ số 91 và thửa đất số 120 tờ bản đồ số 165) đến Đường Tổ 23B (Thửa đất số 158, Tờ bản đồ số 234) Đường Tổ 26B (Thửa đất số 113, Tờ bản đồ số 234) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	749	524	449
25250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) (từ thửa đất số 25 tờ bản đồ số 91 và thửa đất số 120 tờ bản đồ số 165) đến Đường Tổ 23B (Thửa đất số 158, Tờ bản đồ số 234) Đường Tổ 26B (Thửa đất số 113, Tờ bản đồ số 234) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	599	419	359
25251	12	Đường ĐT 741	Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234)	Đường Tổ 9 (Thửa đất số 54, Tờ bản đồ số 243)	Phường Đồng Phú	3400	2400	2000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 54, Tờ bản đồ số 243) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	1360	952	816
25253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 54, Tờ bản đồ số 243) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1088	762	653
25254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 54, Tờ bản đồ số 243) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	870	609	522
25255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 54, Tờ bản đồ số 243) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	1224	857	734
25256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 54, Tờ bản đồ số 243) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	979	685	587
25257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 54, Tờ bản đồ số 243) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	783	548	470
25258	13	Đường ĐT 741	Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242)	Tiếp giáp ranh Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188)	Phường Đồng Phú	2600	1800	1500
25259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) đến Tiếp giáp ranh Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	1040	728	624
25260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) đến Tiếp giáp ranh Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	832	582	499

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) đến Tiếp giáp ranh Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	666	466	400
25262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) đến Tiếp giáp ranh Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	936	655	562
25263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) đến Tiếp giáp ranh Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	749	524	449
25264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) đến Tiếp giáp ranh Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	599	419	359
25265	14	Đường ĐT 741	Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188)	Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Đồng Phú	3400	2400	2000
25266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1360	952	816
25267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1088	762	653
25268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	870	609	522
25269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1224	857	734

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	979	685	587
25271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	783	548	470
25272	15	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Hết ranh thửa đất 49 và 84 tờ bản đồ 83	Hết ranh thửa đất 36 và thửa đất 35 tờ bản đồ 80	Phường Đồng Phú	4300	3000	2600
25273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Hết ranh thửa đất 49 và 84 tờ bản đồ 83 đến Hết ranh thửa đất 36 và thửa đất 35 tờ bản đồ 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1720	1204	1032
25274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Hết ranh thửa đất 49 và 84 tờ bản đồ 83 đến Hết ranh thửa đất 36 và thửa đất 35 tờ bản đồ 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1376	963	826
25275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Hết ranh thửa đất 49 và 84 tờ bản đồ 83 đến Hết ranh thửa đất 36 và thửa đất 35 tờ bản đồ 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1101	771	661
25276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Hết ranh thửa đất 49 và 84 tờ bản đồ 83 đến Hết ranh thửa đất 36 và thửa đất 35 tờ bản đồ 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1548	1084	929
25277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Hết ranh thửa đất 49 và 84 tờ bản đồ 83 đến Hết ranh thửa đất 36 và thửa đất 35 tờ bản đồ 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1238	867	743
25278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Hết ranh thửa đất 49 và 84 tờ bản đồ 83 đến Hết ranh thửa đất 36 và thửa đất 35 tờ bản đồ 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	991	694	595

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25279	16	Đường Mai Thúc Loan	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Hết ranh thửa đất 89 tờ bản đồ 80 và thửa đất 94 tờ bản đồ 79	Phường Đồng Phú	4300	3000	2600
25280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Thúc Loan đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 89 tờ bản đồ 80 và thửa đất 94 tờ bản đồ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1720	1204	1032
25281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Thúc Loan đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 89 tờ bản đồ 80 và thửa đất 94 tờ bản đồ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1376	963	826
25282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Thúc Loan đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 89 tờ bản đồ 80 và thửa đất 94 tờ bản đồ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1101	771	661
25283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Thúc Loan đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 89 tờ bản đồ 80 và thửa đất 94 tờ bản đồ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1548	1084	929
25284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Thúc Loan đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 89 tờ bản đồ 80 và thửa đất 94 tờ bản đồ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1238	867	743
25285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Thúc Loan đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 89 tờ bản đồ 80 và thửa đất 94 tờ bản đồ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	991	694	595
25286	17	Đường Nguyễn Thị Định	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Hết ranh thửa đất 42 tờ bản đồ 80 và thửa đất 61 tờ bản đồ 79	Phường Đồng Phú	4300	3000	2600
25287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 42 tờ bản đồ 80 và thửa đất 61 tờ bản đồ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1720	1204	1032

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 42 tờ bản đồ 80 và thửa đất 61 tờ bản đồ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1376	963	826
25289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 42 tờ bản đồ 80 và thửa đất 61 tờ bản đồ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1101	771	661
25290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 42 tờ bản đồ 80 và thửa đất 61 tờ bản đồ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1548	1084	929
25291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 42 tờ bản đồ 80 và thửa đất 61 tờ bản đồ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1238	867	743
25292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 42 tờ bản đồ 80 và thửa đất 61 tờ bản đồ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	991	694	595
25293	18	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Hết ranh thửa đất 201 tờ bản đồ 46 và thửa đất 6 tờ bản đồ 50	Phường Đồng Phú	5400	3700	3200
25294		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 201 tờ bản đồ 46 và thửa đất 6 tờ bản đồ 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	2160	1512	1296
25295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 201 tờ bản đồ 46 và thửa đất 6 tờ bản đồ 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1728	1210	1037
25296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 201 tờ bản đồ 46 và thửa đất 6 tờ bản đồ 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1382	967	829

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25297		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 201 tờ bản đồ 46 và thửa đất 6 tờ bản đồ 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1944	1361	1166
25298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 201 tờ bản đồ 46 và thửa đất 6 tờ bản đồ 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1555	1089	933
25299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 201 tờ bản đồ 46 và thửa đất 6 tờ bản đồ 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1244	871	746
25300	19	Đường Phú Riềng Đỏ	Giáp ranh khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	Đến thửa đất số 1421 tờ bản đồ số 19 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 19	Phường Đồng Phú	2100	1500	1300
25301		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bắc Đồng Phú đến Đến thửa đất số 1421 tờ bản đồ số 19 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	840	588	504
25302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bắc Đồng Phú đến Đến thửa đất số 1421 tờ bản đồ số 19 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	672	470	403
25303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bắc Đồng Phú đến Đến thửa đất số 1421 tờ bản đồ số 19 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	538	377	323
25304		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bắc Đồng Phú đến Đến thửa đất số 1421 tờ bản đồ số 19 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	756	529	454

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bắc Đồng Phú đến Đến thửa đất số 1421 tờ bản đồ số 19 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	605	424	363
25306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bắc Đồng Phú đến Đến thửa đất số 1421 tờ bản đồ số 19 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	484	339	290
25307	20	Đường Phú Riềng Đỏ	Hết ranh thửa đất số 1421 tờ bản đồ số 19 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 19	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Đồng Phú	3000	2100	1800
25308		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1421 tờ bản đồ số 19 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 19 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1200	840	720
25309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1421 tờ bản đồ số 19 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 19 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	960	672	576
25310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1421 tờ bản đồ số 19 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 19 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	768	538	461
25311		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1421 tờ bản đồ số 19 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 19 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1080	756	648
25312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1421 tờ bản đồ số 19 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 19 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	864	605	518

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1421 tờ bản đồ số 19 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 19 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	691	484	415
25314	21	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Âu Cơ	Phường Đồng Phú	3300	2300	2000
25315		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1320	924	792
25316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1056	739	634
25317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	845	592	507
25318		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1188	832	713
25319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	950	665	570
25320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	761	533	457
25321	22	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Âu Cơ	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Đồng Phú	2700	1900	1600
25322		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1080	756	648

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	864	605	518
25324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	691	484	415
25325		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	972	680	583
25326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	778	545	467
25327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	622	435	373
25328	23	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Phạm Ngọc Thạch	Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết thửa đất số 279 tờ bản đồ số 60 và thửa đất số 230 tờ bản đồ số 60)	Phường Đồng Phú	1800	1200	1100
25329		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết thửa đất số 279 tờ bản đồ số 60 và thửa đất số 230 tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	720	504	432
25330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết thửa đất số 279 tờ bản đồ số 60 và thửa đất số 230 tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	576	403	346
25331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết thửa đất số 279 tờ bản đồ số 60 và thửa đất số 230 tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25332		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết thửa đất số 279 tờ bản đồ số 60 và thửa đất số 230 tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	648	454	389
25333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết thửa đất số 279 tờ bản đồ số 60 và thửa đất số 230 tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	518	363	311
25334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết thửa đất số 279 tờ bản đồ số 60 và thửa đất số 230 tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	415	291	249
25335	24	Đường Lý Nam Đế	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Hết ranh thửa đất 83 và thửa đất 100 tờ bản đồ 83	Phường Đồng Phú	3400	2400	2000
25336		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 83 và thửa đất 100 tờ bản đồ 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1360	952	816
25337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 83 và thửa đất 100 tờ bản đồ 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1088	762	653
25338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 83 và thửa đất 100 tờ bản đồ 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	870	609	522
25339		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 83 và thửa đất 100 tờ bản đồ 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1224	857	734
25340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 83 và thửa đất 100 tờ bản đồ 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	979	685	587

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh thửa đất 83 và thửa đất 100 tờ bản đồ 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	783	548	470
25342	25	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Đồng Phú	2700	1900	1600
25343		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1080	756	648
25344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	864	605	518
25345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	691	484	415
25346		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	972	680	583
25347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	778	545	467
25348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	622	435	373
25349	26	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường ĐT 741)	Phường Đồng Phú	3300	2300	2000
25350		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1320	924	792

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1056	739	634
25352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	845	592	507
25353		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1188	832	713
25354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	950	665	570
25355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	761	533	457
25356	27	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	Phường Đồng Phú	3900	2700	2300
25357		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1560	1092	936
25358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1248	874	749
25359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	998	699	599

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25360		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1404	983	842
25361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1123	786	674
25362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	898	629	539
25363	28	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Đồng Phú	3000	2100	1800
25364		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1200	840	720
25365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	960	672	576
25366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	768	538	461
25367		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1080	756	648
25368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	864	605	518

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	691	484	415
25370	29	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Phường Đồng Phú	3500	2400	2100
25371		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1400	980	840
25372		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1120	784	672
25373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	896	627	538
25374		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1260	882	756
25375		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1008	706	605
25376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	806	564	484
25377	30	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	Phường Đồng Phú	2700	1900	1600
25378		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1080	756	648

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25379		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	864	605	518
25380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	691	484	415
25381		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	972	680	583
25382		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	778	545	467
25383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	622	435	373
25384	31	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Tôn Đức Thắng	Hết tuyến (hết thửa đất số 777 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 762 tờ bản đồ số 18)	Phường Đồng Phú	1500	1100	920
25385		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến (hết thửa đất số 777 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 762 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	600	420	360
25386		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến (hết thửa đất số 777 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 762 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	480	336	288

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến (hết thửa đất số 777 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 762 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	384	269	230
25388		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến (hết thửa đất số 777 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 762 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	540	378	324
25389		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến (hết thửa đất số 777 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 762 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	432	302	259
25390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến (hết thửa đất số 777 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 762 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	346	242	208
25391	32	Đường Trường Chinh	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Trần Phú	Phường Đồng Phú	3100	2100	1800
25392		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1240	868	744
25393		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	992	694	595
25394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	794	556	476
25395		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1116	781	670

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25396		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	893	625	536
25397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	715	501	429
25398	33	Đường Lê Duẩn	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Trần Phú	Phường Đồng Phú	3100	2100	1800
25399		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1240	868	744
25400		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	992	694	595
25401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	794	556	476
25402		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1116	781	670
25403		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	893	625	536
25404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	715	501	429
25405	34	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phường Đồng Phú	3300	2300	2000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25406		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1320	924	792
25407		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1056	739	634
25408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	845	592	507
25409		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1188	832	713
25410		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	950	665	570
25411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	761	533	457
25412	35	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết ranh thửa đất 83 và thửa đất 100 tờ bản đồ 83	Phường Đồng Phú	4300	3000	2600
25413		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết ranh thửa đất 83 và thửa đất 100 tờ bản đồ 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1720	1204	1032
25414		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết ranh thửa đất 83 và thửa đất 100 tờ bản đồ 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1376	963	826

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết ranh thửa đất 83 và thửa đất 100 tờ bản đồ 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1101	771	661
25416		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết ranh thửa đất 83 và thửa đất 100 tờ bản đồ 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1548	1084	929
25417		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết ranh thửa đất 83 và thửa đất 100 tờ bản đồ 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1238	867	743
25418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết ranh thửa đất 83 và thửa đất 100 tờ bản đồ 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	991	694	595
25419	36	Đường khu dân cư 17ha	Đường D1 (từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 9 đến điểm cuối là thửa đất số 7 tờ bản đồ số 3)		Phường Đồng Phú	5700	4000	3400
25420		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Đường D1 (từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 9 đến điểm cuối là thửa đất số 7 tờ bản đồ số 3) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	2280	1596	1368
25421		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Đường D1 (từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 9 đến điểm cuối là thửa đất số 7 tờ bản đồ số 3) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1824	1277	1094
25422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Đường D1 (từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 9 đến điểm cuối là thửa đất số 7 tờ bản đồ số 3) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1459	1021	875

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25423		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Đường D1 (từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 9 đến điểm cuối là thửa đất số 7 tờ bản đồ số 3) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	2052	1436	1231
25424		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Đường D1 (từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 9 đến điểm cuối là thửa đất số 7 tờ bản đồ số 3) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1642	1149	985
25425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Đường D1 (từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 9 đến điểm cuối là thửa đất số 7 tờ bản đồ số 3) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1313	919	788
25426	37	Đường khu dân cư 17ha	Các đường còn lại (trừ đường D6, N8, N9)		Phường Đồng Phú	3800	2700	2300
25427		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Các đường còn lại (trừ đường D6, N8, N9) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1520	1064	912
25428		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Các đường còn lại (trừ đường D6, N8, N9) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1216	851	730
25429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Các đường còn lại (trừ đường D6, N8, N9) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	973	681	584
25430		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Các đường còn lại (trừ đường D6, N8, N9) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1368	958	821
25431		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Các đường còn lại (trừ đường D6, N8, N9) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1094	766	656

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Các đường còn lại (trừ đường D6, N8, N9) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	876	613	526
25433	38	Đường khu dân cư 17ha	Đường D6 (từ thửa đất số 56 tờ bản đồ số 10 đến điểm cuối là thửa đất số 224 tờ bản đồ số 4)		Phường Đồng Phú	2400	1700	1400
25434		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Đường D6 (từ thửa đất số 56 tờ bản đồ số 10 đến điểm cuối là thửa đất số 224 tờ bản đồ số 4) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	960	672	576
25435		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Đường D6 (từ thửa đất số 56 tờ bản đồ số 10 đến điểm cuối là thửa đất số 224 tờ bản đồ số 4) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	768	538	461
25436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Đường D6 (từ thửa đất số 56 tờ bản đồ số 10 đến điểm cuối là thửa đất số 224 tờ bản đồ số 4) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	614	430	368
25437		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Đường D6 (từ thửa đất số 56 tờ bản đồ số 10 đến điểm cuối là thửa đất số 224 tờ bản đồ số 4) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	864	605	518
25438		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Đường D6 (từ thửa đất số 56 tờ bản đồ số 10 đến điểm cuối là thửa đất số 224 tờ bản đồ số 4) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	691	484	415
25439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Đường D6 (từ thửa đất số 56 tờ bản đồ số 10 đến điểm cuối là thửa đất số 224 tờ bản đồ số 4) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	553	387	332

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25440	39	Đường khu dân cư 17ha	Đường N8, N9 - Đường N8: Điểm đầu từ thửa đất số 616, tờ bản đồ số 4 đến điểm cuối là thửa đất số 523, tờ bản đồ số 4 - Đường N9: Điểm đầu từ thửa đất số 9, tờ bản đồ số 10 đến thửa đất số 125, tờ bản đồ số 3		Phường Đồng Phú	2100	1500	1300
25441		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Đường N8, N9 - Đường N8: Điểm đầu từ thửa đất số 616, tờ bản đồ số 4 đến điểm cuối là thửa đất số 523, tờ bản đồ số 4 - Đường N9: Điểm đầu từ thửa đất số 9, tờ bản đồ số 10 đến thửa đất số 125, tờ bản đồ số 3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Đồng Phú	840	588	504
25442		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Đường N8, N9 - Đường N8: Điểm đầu từ thửa đất số 616, tờ bản đồ số 4 đến điểm cuối là thửa đất số 523, tờ bản đồ số 4 - Đường N9: Điểm đầu từ thửa đất số 9, tờ bản đồ số 10 đến thửa đất số 125, tờ bản đồ số 3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Phú	672	470	403
25443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Đường N8, N9 - Đường N8: Điểm đầu từ thửa đất số 616, tờ bản đồ số 4 đến điểm cuối là thửa đất số 523, tờ bản đồ số 4 - Đường N9: Điểm đầu từ thửa đất số 9, tờ bản đồ số 10 đến thửa đất số 125, tờ bản đồ số 3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Phú	538	377	323
25444		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Đường N8, N9 - Đường N8: Điểm đầu từ thửa đất số 616, tờ bản đồ số 4 đến điểm cuối là thửa đất số 523, tờ bản đồ số 4 - Đường N9: Điểm đầu từ thửa đất số 9, tờ bản đồ số 10 đến thửa đất số 125, tờ bản đồ số 3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Đồng Phú	756	529	454
25445		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Đường N8, N9 - Đường N8: Điểm đầu từ thửa đất số 616, tờ bản đồ số 4 đến điểm cuối là thửa đất số 523, tờ bản đồ số 4 - Đường N9: Điểm đầu từ thửa đất số 9, tờ bản đồ số 10 đến thửa đất số 125, tờ bản đồ số 3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Phú	605	424	363

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư 17ha đoạn từ Đường N8, N9 - Đường N8: Điểm đầu từ thửa đất số 616, tờ bản đồ số 4 đến điểm cuối là thửa đất số 523, tờ bản đồ số 4 - Đường N9: Điểm đầu từ thửa đất số 9, tờ bản đồ số 10 đến thửa đất số 125, tờ bản đồ số 3 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	484	339	290
25447	40	Đường khu dân cư thị trấn Tân Phú (Quang Minh Tiến)	Đường D1.A (từ thửa đất số 219, tờ bản đồ số 4)	Hết ranh thửa đất số 970 tờ bản đồ số 4	Phường Đồng Phú	6000	4200	3600
25448		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư thị trấn Tân Phú (Quang Minh Tiến) đoạn từ Đường D1.A (từ thửa đất số 219, tờ bản đồ số 4) đến Hết ranh thửa đất số 970 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	2400	1680	1440
25449		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư thị trấn Tân Phú (Quang Minh Tiến) đoạn từ Đường D1.A (từ thửa đất số 219, tờ bản đồ số 4) đến Hết ranh thửa đất số 970 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1920	1344	1152
25450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư thị trấn Tân Phú (Quang Minh Tiến) đoạn từ Đường D1.A (từ thửa đất số 219, tờ bản đồ số 4) đến Hết ranh thửa đất số 970 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1536	1075	922
25451		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư thị trấn Tân Phú (Quang Minh Tiến) đoạn từ Đường D1.A (từ thửa đất số 219, tờ bản đồ số 4) đến Hết ranh thửa đất số 970 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	2160	1512	1296
25452		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư thị trấn Tân Phú (Quang Minh Tiến) đoạn từ Đường D1.A (từ thửa đất số 219, tờ bản đồ số 4) đến Hết ranh thửa đất số 970 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1728	1210	1037
25453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư thị trấn Tân Phú (Quang Minh Tiến) đoạn từ Đường D1.A (từ thửa đất số 219, tờ bản đồ số 4) đến Hết ranh thửa đất số 970 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1382	967	829

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25454	41	Đường khu dân cư thị trấn Tân Phú (Quang Minh Tiến)	Các đường còn lại trong khu dân cư		Phường Đồng Phú	3700	2600	2200
25455		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư thị trấn Tân Phú (Quang Minh Tiến) đoạn từ Các đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1480	1036	888
25456		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư thị trấn Tân Phú (Quang Minh Tiến) đoạn từ Các đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1184	829	710
25457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư thị trấn Tân Phú (Quang Minh Tiến) đoạn từ Các đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	947	663	568
25458		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư thị trấn Tân Phú (Quang Minh Tiến) đoạn từ Các đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1332	932	799
25459		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư thị trấn Tân Phú (Quang Minh Tiến) đoạn từ Các đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1066	746	640
25460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư thị trấn Tân Phú (Quang Minh Tiến) đoạn từ Các đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	852	596	511
25461	42	Khu dân cư Mỹ Khánh Vy	Các tuyến đường trong khu dân cư		Phường Đồng Phú	2800	2000	1700
25462		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Mỹ Khánh Vy đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1120	784	672
25463		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Mỹ Khánh Vy đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	896	627	538

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Mỹ Khánh Vy đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	717	502	430
25465		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Mỹ Khánh Vy đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1008	706	605
25466		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Mỹ Khánh Vy đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	806	564	484
25467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Mỹ Khánh Vy đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	645	452	387
25468	43	Khu dân cư Xuân Hưởng	Các tuyến đường trong khu dân cư		Phường Đồng Phú	2500	1800	1500
25469		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Xuân Hưởng đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1000	700	600
25470		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Xuân Hưởng đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	800	560	480
25471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Xuân Hưởng đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	640	448	384
25472		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Xuân Hưởng đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	900	630	540
25473		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Xuân Hưởng đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	720	504	432

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Xuân Hưởng đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	576	403	346
25475	44	Khu dân cư Tân Phú I	Các tuyến đường trong khu dân cư		Phường Đồng Phú	2200	1500	1300
25476		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Tân Phú I đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	880	616	528
25477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Tân Phú I đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	704	493	422
25478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Tân Phú I đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	563	394	338
25479		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Tân Phú I đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	792	554	475
25480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Tân Phú I đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	634	444	380
25481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Tân Phú I đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	507	355	304
25482	45	Khu dân cư Tân Phú II	Các tuyến đường trong khu dân cư		Phường Đồng Phú	2100	1500	1300
25483		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Tân Phú II đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	840	588	504
25484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Tân Phú II đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	672	470	403

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Tân Phú II đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	538	377	323
25486		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Tân Phú II đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	756	529	454
25487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Tân Phú II đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	605	424	363
25488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Tân Phú II đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	484	339	290
25489	46	Khu dân cư Nhà Máy Nước	Đường trục chính nối ra đường Phạm Ngọc Thạch (từ thửa đất số 118 tờ bản đồ số 34)	Hết ranh thửa đất số 870 tờ bản đồ số 34	Phường Đồng Phú	1700	1200	1000
25490		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Nhà Máy Nước đoạn từ Đường trục chính nối ra đường Phạm Ngọc Thạch (từ thửa đất số 118 tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 870 tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	680	476	408
25491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Nhà Máy Nước đoạn từ Đường trục chính nối ra đường Phạm Ngọc Thạch (từ thửa đất số 118 tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 870 tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	544	381	326
25492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Nhà Máy Nước đoạn từ Đường trục chính nối ra đường Phạm Ngọc Thạch (từ thửa đất số 118 tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 870 tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	435	305	261

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25493		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Nhà Máy Nước đoạn từ Đường trục chính nối ra đường Phạm Ngọc Thạch (từ thửa đất số 118 tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 870 tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	612	428	367
25494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Nhà Máy Nước đoạn từ Đường trục chính nối ra đường Phạm Ngọc Thạch (từ thửa đất số 118 tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 870 tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	490	343	294
25495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Nhà Máy Nước đoạn từ Đường trục chính nối ra đường Phạm Ngọc Thạch (từ thửa đất số 118 tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 870 tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	392	274	235
25496	47	Khu dân cư Nhà Máy Nước	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư		Phường Đồng Phú	1500	1100	900
25497		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Nhà Máy Nước đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	600	420	360
25498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Nhà Máy Nước đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	480	336	288
25499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Nhà Máy Nước đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	384	269	230
25500		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Nhà Máy Nước đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	540	378	324
25501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Nhà Máy Nước đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	432	302	259

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Nhà Máy Nước đoạn từ Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	346	242	208
25503	48	Khu dân cư Hoàn Thành	Các tuyến đường trong khu dân cư		Phường Đồng Phú	1900	1300	1100
25504		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Hoàn Thành đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	760	532	456
25505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Hoàn Thành đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	608	426	365
25506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Hoàn Thành đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	486	340	292
25507		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Hoàn Thành đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	684	479	410
25508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Hoàn Thành đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	547	383	328
25509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Hoàn Thành đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	437	306	262
25510	49	Khu dân cư Tân Phú (khu dân cư Thịnh Trí)	Các tuyến đường trong khu dân cư		Phường Đồng Phú	2100	1500	1300
25511		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Tân Phú (khu dân cư Thịnh Trí) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	840	588	504

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Tân Phú (khu dân cư Thịnh Trí) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	672	470	403
25513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Tân Phú (khu dân cư Thịnh Trí) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	538	377	323
25514		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Tân Phú (khu dân cư Thịnh Trí) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	756	529	454
25515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Tân Phú (khu dân cư Thịnh Trí) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	605	424	363
25516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Tân Phú (khu dân cư Thịnh Trí) đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	484	339	290
25517	50	Khu dân cư Ngọc Thảo	Các tuyến đường trong khu dân cư và tiếp giáp với đường giao thông nông thôn		Phường Đồng Phú	3000	2100	1800
25518		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Ngọc Thảo đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư và tiếp giáp với đường giao thông nông thôn đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	1200	840	720
25519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Ngọc Thảo đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư và tiếp giáp với đường giao thông nông thôn đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	960	672	576
25520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Ngọc Thảo đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư và tiếp giáp với đường giao thông nông thôn đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	768	538	461

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25521		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Ngọc Thảo đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư và tiếp giáp với đường giao thông nông thôn đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	1080	756	648
25522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Ngọc Thảo đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư và tiếp giáp với đường giao thông nông thôn đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	864	605	518
25523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Ngọc Thảo đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư và tiếp giáp với đường giao thông nông thôn đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	691	484	415
25524	51	Đường Hùng Vương	Đường Lý Nam Đế	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phường Đồng Phú	2600	1800	1500
25525		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Lý Nam Đế đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1040	728	624
25526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Lý Nam Đế đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	832	582	499
25527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Lý Nam Đế đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	666	466	400
25528		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Lý Nam Đế đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	936	655	562
25529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Lý Nam Đế đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	749	524	449

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Lý Nam Đế đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	599	419	359
25531	52	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Đồng Phú	2100	1500	1300
25532		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	840	588	504
25533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	672	470	403
25534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	538	377	323
25535		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	756	529	454
25536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	605	424	363
25537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	484	339	290
25538	53	Đường Phạm Ngọc Thạch	Cách Mạng Tháng Tám	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Đồng Phú	3300	2300	2000
25539		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1320	924	792

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1056	739	634
25541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	845	592	507
25542		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1188	832	713
25543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	950	665	570
25544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	761	533	457
25545	54	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Phú Riềng Đỏ	Hết ranh khu dân cư Hoàn Thành	Phường Đồng Phú	2300	1600	1400
25546		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết ranh khu dân cư Hoàn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	920	644	552
25547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết ranh khu dân cư Hoàn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	736	515	442
25548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết ranh khu dân cư Hoàn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	589	412	353

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25549		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết ranh khu dân cư Hoàn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	828	580	497
25550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết ranh khu dân cư Hoàn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	662	463	397
25551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết ranh khu dân cư Hoàn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	530	371	318
25552	55	Đường Phạm Ngọc Thạch	Giáp ranh khu dân cư Hoàn Thành	Cầu Bà Mụ	Phường Đồng Phú	1800	1200	1100
25553		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Giáp ranh khu dân cư Hoàn Thành đến Cầu Bà Mụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	720	504	432
25554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Giáp ranh khu dân cư Hoàn Thành đến Cầu Bà Mụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	576	403	346
25555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Giáp ranh khu dân cư Hoàn Thành đến Cầu Bà Mụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	461	323	277
25556		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Giáp ranh khu dân cư Hoàn Thành đến Cầu Bà Mụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	648	454	389
25557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Giáp ranh khu dân cư Hoàn Thành đến Cầu Bà Mụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Giáp ranh khu dân cư Hoàn Thành đến Cầu Bà Mụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	415	291	249
25559	56	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Đồng Phú	2000	1400	1200
25560		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	800	560	480
25561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	640	448	384
25562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	512	358	307
25563		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	720	504	432
25564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	576	403	346
25565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	461	323	277
25566	57	Đường Tôn Đức Thắng (nối dài)	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp thửa đất số 77 tờ bản đồ số 19	Phường Đồng Phú	1500	1100	920
25567		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Tiếp giáp thửa đất số 77 tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	600	420	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Tiếp giáp thửa đất số 77 tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	480	336	288
25569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Tiếp giáp thửa đất số 77 tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	384	269	230
25570		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Tiếp giáp thửa đất số 77 tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	540	378	324
25571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Tiếp giáp thửa đất số 77 tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	432	302	259
25572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Tiếp giáp thửa đất số 77 tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	346	242	208
25573	58	Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Cổng chính Bộ chỉ huy quân sự huyện Đồng Phú	Phường Đồng Phú	3200	2200	1900
25574		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Cổng chính Bộ chỉ huy quân sự huyện Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1280	896	768
25575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Cổng chính Bộ chỉ huy quân sự huyện Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1024	717	614

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Cổng chính Bộ chỉ huy quân sự huyện Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	819	573	491
25577		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Cổng chính Bộ chỉ huy quân sự huyện Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1152	806	691
25578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Cổng chính Bộ chỉ huy quân sự huyện Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	922	645	553
25579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Cổng chính Bộ chỉ huy quân sự huyện Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	737	516	442
25580	59	Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Ngã ba đường nhựa (hết Thửa đất số 214, 228, Tờ bản đồ số 42)	Phường Đồng Phú	2700	1900	1600
25581		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Ngã ba đường nhựa (hết Thửa đất số 214, 228, Tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1080	756	648
25582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Ngã ba đường nhựa (hết Thửa đất số 214, 228, Tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	864	605	518
25583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Ngã ba đường nhựa (hết Thửa đất số 214, 228, Tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	691	484	415

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25584		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Ngã ba đường nhựa (hết Thửa đất số 214, 228, Tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	972	680	583
25585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Ngã ba đường nhựa (hết Thửa đất số 214, 228, Tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	778	545	467
25586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Ngã ba đường nhựa (hết Thửa đất số 214, 228, Tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	622	435	373
25587	60	Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm	Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú)	Đường Tổ 44 (Tân Phú cũ)	Phường Đồng Phú	2200	1500	1300
25588		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm đoạn từ Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đến Đường Tổ 44 (Tân Phú cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	880	616	528
25589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm đoạn từ Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đến Đường Tổ 44 (Tân Phú cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	704	493	422
25590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm đoạn từ Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đến Đường Tổ 44 (Tân Phú cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	563	394	338

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25591		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm đoạn từ Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đến Đường Tổ 44 (Tân Phú cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	792	554	475
25592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm đoạn từ Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đến Đường Tổ 44 (Tân Phú cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	634	444	380
25593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm đoạn từ Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đến Đường Tổ 44 (Tân Phú cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	507	355	304
25594	61	Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Hết thửa đất số 57 và số 32, Tờ bản đồ số 43	Phường Đồng Phú	3300	2300	2000
25595		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết thửa đất số 57 và số 32, Tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1320	924	792
25596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết thửa đất số 57 và số 32, Tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1056	739	634
25597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết thửa đất số 57 và số 32, Tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	845	592	507

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25598		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết thửa đất số 57 và số 32, Tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1188	832	713
25599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết thửa đất số 57 và số 32, Tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	950	665	570
25600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết thửa đất số 57 và số 32, Tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	761	533	457
25601	62	Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú)	Từ ranh Thửa đất số 472, Tờ bản đồ số 21	Tiếp giáp thửa đất số 6002 tờ bản đồ số 111	Phường Đồng Phú	3100	2100	1800
25602		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 472, Tờ bản đồ số 21 đến Tiếp giáp thửa đất số 6002 tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1240	868	744
25603		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 472, Tờ bản đồ số 21 đến Tiếp giáp thửa đất số 6002 tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	992	694	595
25604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 472, Tờ bản đồ số 21 đến Tiếp giáp thửa đất số 6002 tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	794	556	476

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25605		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 472, Tờ bản đồ số 21 đến Tiếp giáp thửa đất số 6002 tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1116	781	670
25606		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 472, Tờ bản đồ số 21 đến Tiếp giáp thửa đất số 6002 tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	893	625	536
25607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 472, Tờ bản đồ số 21 đến Tiếp giáp thửa đất số 6002 tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	715	501	429
25608	63	Đường đi xã Tân Lợi (đường từ Trung tâm thương mại đến xã Tân Lợi)	Đường Hùng Vương	Tiếp giáp thửa đất số 6002 tờ bản đồ số 111	Phường Đồng Phú	2300	1600	1400
25609		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi xã Tân Lợi (đường từ Trung tâm thương mại đến xã Tân Lợi) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Tiếp giáp thửa đất số 6002 tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	920	644	552
25610		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi xã Tân Lợi (đường từ Trung tâm thương mại đến xã Tân Lợi) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Tiếp giáp thửa đất số 6002 tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	736	515	442
25611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi xã Tân Lợi (đường từ Trung tâm thương mại đến xã Tân Lợi) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Tiếp giáp thửa đất số 6002 tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	589	412	353

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25612		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi xã Tân Lợi (đường từ Trung tâm thương mại đến xã Tân Lợi) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Tiếp giáp thửa đất số 6002 tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	828	580	497
25613		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi xã Tân Lợi (đường từ Trung tâm thương mại đến xã Tân Lợi) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Tiếp giáp thửa đất số 6002 tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	662	463	397
25614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi xã Tân Lợi (đường từ Trung tâm thương mại đến xã Tân Lợi) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Tiếp giáp thửa đất số 6002 tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	530	371	318
25615	64	Tuyến đường giao thông trung tâm thôn Dên Dên (đường nhựa)	Cổng Chùa Phật Đà (Thửa đất số 146, 183, Tờ bản đồ số 33)	Cổng chào làng Hải Phòng (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 27)	Phường Đồng Phú	850	600	510
25616		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường giao thông trung tâm thôn Dên Dên (đường nhựa) đoạn từ Cổng Chùa Phật Đà (Thửa đất số 146, 183, Tờ bản đồ số 33) đến Cổng chào làng Hải Phòng (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	340	238	204
25617		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường giao thông trung tâm thôn Dên Dên (đường nhựa) đoạn từ Cổng Chùa Phật Đà (Thửa đất số 146, 183, Tờ bản đồ số 33) đến Cổng chào làng Hải Phòng (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	272	190	163
25618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường giao thông trung tâm thôn Dên Dên (đường nhựa) đoạn từ Cổng Chùa Phật Đà (Thửa đất số 146, 183, Tờ bản đồ số 33) đến Cổng chào làng Hải Phòng (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	218	153	131

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25619		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường giao thông trung tâm thôn Dên Dên (đường nhựa) đoạn từ Cổng Chùa Phật Đà (Thửa đất số 146, 183, Tờ bản đồ số 33) đến Cổng chào làng Hải Phòng (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	306	214	184
25620		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường giao thông trung tâm thôn Dên Dên (đường nhựa) đoạn từ Cổng Chùa Phật Đà (Thửa đất số 146, 183, Tờ bản đồ số 33) đến Cổng chào làng Hải Phòng (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	245	172	147
25621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường giao thông trung tâm thôn Dên Dên (đường nhựa) đoạn từ Cổng Chùa Phật Đà (Thửa đất số 146, 183, Tờ bản đồ số 33) đến Cổng chào làng Hải Phòng (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	196	137	118
25622	65	Các tuyến đường giao thông trong thôn Dên Dên (không phân biệt phạm vi)	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	430	300	260
25623		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông trong thôn Dên Dên (không phân biệt phạm vi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	172	120	103
25624		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông trong thôn Dên Dên (không phân biệt phạm vi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	138	97	83
25625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông trong thôn Dên Dên (không phân biệt phạm vi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	110	77	66
25626		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông trong thôn Dên Dên (không phân biệt phạm vi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	155	109	93

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25627		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông trong thôn Dên Dên (không phân biệt phạm vi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	124	87	74
25628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông trong thôn Dên Dên (không phân biệt phạm vi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	99	69	59
25629	66	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Phú	2000	1400	1200
25630		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	800	560	480
25631		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	640	448	384
25632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	512	358	307
25633		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	720	504	432
25634		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	576	403	346
25635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	461	323	277
25636	67	Đường Lê Đại Hành	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Phú	2000	1400	1200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25637		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	800	560	480
25638		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	640	448	384
25639		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	512	358	307
25640		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	720	504	432
25641		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	576	403	346
25642		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	461	323	277
25643	68	Đường Nguyễn Trãi	Đường Trần Nhân Tông	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Phú	2000	1400	1200
25644		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	800	560	480
25645		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	640	448	384
25646		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	512	358	307

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25647		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	720	504	432
25648		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	576	403	346
25649		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	461	323	277
25650	69	Đường Ngô Quyền	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Phú	2000	1400	1200
25651		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	800	560	480
25652		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	640	448	384
25653		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	512	358	307
25654		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	720	504	432
25655		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	576	403	346
25656		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25657	70	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Phú	2000	1400	1200
25658		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	800	560	480
25659		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	640	448	384
25660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	512	358	307
25661		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	720	504	432
25662		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	576	403	346
25663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	461	323	277
25664	71	Đường Lý Thái Tổ	Đường Lý Tự Trọng	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Phú	2000	1400	1200
25665		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	800	560	480
25666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	640	448	384

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	512	358	307
25668		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	720	504	432
25669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	576	403	346
25670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	461	323	277
25671	72	Đường Lý Tự Trọng	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Âu Cơ	Phường Đồng Phú	2000	1400	1200
25672		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	800	560	480
25673		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	640	448	384
25674		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	512	358	307
25675		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	720	504	432
25676		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	576	403	346

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25677		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	461	323	277
25678	73	Đường Âu Cơ	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Phú	2000	1400	1200
25679		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	800	560	480
25680		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	640	448	384
25681		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	512	358	307
25682		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	720	504	432
25683		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	576	403	346
25684		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	461	323	277
25685	74	Đường Điện Biên Phủ	Đường Âu Cơ	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Đồng Phú	2000	1400	1200
25686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	800	560	480

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25687		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	640	448	384
25688		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	512	358	307
25689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	720	504	432
25690		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	576	403	346
25691		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	461	323	277
25692	75	Đường Lê Lợi	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Nguyễn Huệ	Phường Đồng Phú	2000	1400	1200
25693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	800	560	480
25694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	640	448	384
25695		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	512	358	307
25696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	720	504	432

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	576	403	346
25698		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	461	323	277
25699	76	Đường Hải Thượng Lãn Ông	ĐườngLê Đại Hành	Đường Nguyễn Trãi	Phường Đồng Phú	2000	1400	1200
25700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ ĐườngLê Đại Hành đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	800	560	480
25701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ ĐườngLê Đại Hành đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	640	448	384
25702		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ ĐườngLê Đại Hành đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	512	358	307
25703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ ĐườngLê Đại Hành đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	720	504	432
25704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ ĐườngLê Đại Hành đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	576	403	346
25705		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ ĐườngLê Đại Hành đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	461	323	277
25706	77	Đường Trần Văn Trà	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Nguyễn Huệ	Phường Đồng Phú	2000	1400	1200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	800	560	480
25708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	640	448	384
25709		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	512	358	307
25710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	720	504	432
25711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	576	403	346
25712		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	461	323	277
25713	78	Đường Trần Nhân Tông	Đường Lê Đại Hành	Đường Ngô Quyền	Phường Đồng Phú	2000	1400	1200
25714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	800	560	480
25715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	640	448	384
25716		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	512	358	307

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	720	504	432
25718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	576	403	346
25719		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	461	323	277
25720	79	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	Phường Đồng Phú	3200	2300	1900
25721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1280	896	768
25722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1024	717	614
25723		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	819	573	491
25724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1152	806	691
25725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	922	645	553

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25726		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	737	516	442
25727	80	Đường Nguyễn Du	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	Phường Đồng Phú	3300	2300	2000
25728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1320	924	792
25729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1056	739	634
25730		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	845	592	507
25731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1188	832	713
25732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	950	665	570
25733		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	761	533	457
25734	81	Đường Chu Văn An	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	Phường Đồng Phú	3300	2300	2000
25735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1320	924	792

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1056	739	634
25737		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	845	592	507
25738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1188	832	713
25739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	950	665	570
25740		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	761	533	457
25741	82	Đường Võ Thị Sáu	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	Phường Đồng Phú	3100	2100	1800
25742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1240	868	744
25743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	992	694	595
25744		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	794	556	476

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1116	781	670
25746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	893	625	536
25747		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	715	501	429
25748	83	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh thửa đất số 99 và số 75 tờ bản đồ số 52	Phường Đồng Phú	2000	1400	1200
25749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Điện Biên Phủ đến Hết ranh thửa đất số 99 và số 75 tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	800	560	480
25750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Điện Biên Phủ đến Hết ranh thửa đất số 99 và số 75 tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	640	448	384
25751		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Điện Biên Phủ đến Hết ranh thửa đất số 99 và số 75 tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	512	358	307
25752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Điện Biên Phủ đến Hết ranh thửa đất số 99 và số 75 tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	720	504	432
25753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Điện Biên Phủ đến Hết ranh thửa đất số 99 và số 75 tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	576	403	346

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25754		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Điện Biên Phủ đến Hết ranh thửa đất số 99 và số 75 tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	461	323	277
25755	84	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Hết ranh thửa đất số 107 và số 140 tờ bản đồ số 46	Phường Đồng Phú	3100	2100	1800
25756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Hết ranh thửa đất số 107 và số 140 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1240	868	744
25757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Hết ranh thửa đất số 107 và số 140 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	992	694	595
25758		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Hết ranh thửa đất số 107 và số 140 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	794	556	476
25759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Hết ranh thửa đất số 107 và số 140 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1116	781	670
25760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Hết ranh thửa đất số 107 và số 140 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	893	625	536
25761		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Hết ranh thửa đất số 107 và số 140 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	715	501	429
25762	85	Đường Lạc Long Quân	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Phú	3100	2100	1800
25763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1240	868	744

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	992	694	595
25765		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	794	556	476
25766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1116	781	670
25767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	893	625	536
25768		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	715	501	429
25769	86	Đường Lạc Long Quân	Đường Tôn Đức Thắng	Hết tuyến (đảo yến Sơn Hà)	Phường Đồng Phú	1900	1300	1100
25770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến (đảo yến Sơn Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	760	532	456
25771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến (đảo yến Sơn Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	608	426	365
25772		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến (đảo yến Sơn Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	486	340	292

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến (đảo yến Sơn Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	684	479	410
25774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến (đảo yến Sơn Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	547	383	328
25775		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến (đảo yến Sơn Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	437	306	262
25776	87	Đường Lê Thái Tông	Đường Phú Riềng Đỏ	Hết ranh thửa đất số 158 và số 178 tờ bản đồ số 57	Phường Đồng Phú	1900	1300	1100
25777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thái Tông đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết ranh thửa đất số 158 và số 178 tờ bản đồ số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	760	532	456
25778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thái Tông đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết ranh thửa đất số 158 và số 178 tờ bản đồ số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	608	426	365
25779		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thái Tông đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết ranh thửa đất số 158 và số 178 tờ bản đồ số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	486	340	292
25780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thái Tông đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết ranh thửa đất số 158 và số 178 tờ bản đồ số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	684	479	410
25781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thái Tông đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết ranh thửa đất số 158 và số 178 tờ bản đồ số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	547	383	328

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25782		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thái Tông đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết ranh thửa đất số 158 và số 178 tờ bản đồ số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	437	306	262
25783	88	Đường Trần Quốc Toản	Đường Hai Bà Trưng	Hết ranh thửa đất số 301 tờ bản đồ số 53 và thửa đất số 9 tờ bản đồ số 49	Phường Đồng Phú	1900	1300	1100
25784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hết ranh thửa đất số 301 tờ bản đồ số 53 và thửa đất số 9 tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	760	532	456
25785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hết ranh thửa đất số 301 tờ bản đồ số 53 và thửa đất số 9 tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	608	426	365
25786		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hết ranh thửa đất số 301 tờ bản đồ số 53 và thửa đất số 9 tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	486	340	292
25787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hết ranh thửa đất số 301 tờ bản đồ số 53 và thửa đất số 9 tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	684	479	410
25788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hết ranh thửa đất số 301 tờ bản đồ số 53 và thửa đất số 9 tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	547	383	328
25789		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hết ranh thửa đất số 301 tờ bản đồ số 53 và thửa đất số 9 tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	437	306	262
25790	89	Đường Hai Bà Trưng	Đường Lạc Long Quân	Đường An Dương Vương	Phường Đồng Phú	1900	1300	1100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	760	532	456
25792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	608	426	365
25793		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	486	340	292
25794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	684	479	410
25795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	547	383	328
25796		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	437	306	262
25797	90	Đường An Dương Vương	Đường Âu Cơ	Đường Lạc Long Quân	Phường Đồng Phú	1900	1300	1100
25798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Lạc Long Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	760	532	456
25799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Lạc Long Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	608	426	365
25800		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Lạc Long Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	486	340	292

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Lạc Long Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	684	479	410
25802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Lạc Long Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	547	383	328
25803		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Lạc Long Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	437	306	262
25804	91	Đường Bắc Nam 2	Đường Phạm Ngọc Thạch	Giáp khu dân cư Thịnh Trí	Phường Đồng Phú	1500	1100	920
25805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 2 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp khu dân cư Thịnh Trí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	600	420	360
25806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 2 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp khu dân cư Thịnh Trí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	480	336	288
25807		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 2 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp khu dân cư Thịnh Trí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	384	269	230
25808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 2 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp khu dân cư Thịnh Trí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	540	378	324
25809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 2 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp khu dân cư Thịnh Trí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	432	302	259

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25810		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 2 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp khu dân cư Thịnh Trí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	346	242	208
25811	92	Đường Bắc Nam 3	Đường Lạc Long Quân	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phường Đồng Phú	1500	1100	920
25812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 3 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	600	420	360
25813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 3 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	480	336	288
25814		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 3 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	384	269	230
25815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 3 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	540	378	324
25816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 3 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	432	302	259
25817		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 3 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	346	242	208
25818	93	Đường Bắc Nam 4	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) (Hết ranh thửa đất số 283 tờ bản đồ 29 và thửa đất ố 1422 tờ bản đồ số 18)	Phường Đồng Phú	1500	1100	920

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) (Hết ranh thửa đất số 283 tờ bản đồ 29 và thửa đất ố 1422 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	600	420	360
25820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) (Hết ranh thửa đất số 283 tờ bản đồ 29 và thửa đất ố 1422 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	480	336	288
25821		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) (Hết ranh thửa đất số 283 tờ bản đồ 29 và thửa đất ố 1422 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	384	269	230
25822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) (Hết ranh thửa đất số 283 tờ bản đồ 29 và thửa đất ố 1422 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	540	378	324
25823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) (Hết ranh thửa đất số 283 tờ bản đồ 29 và thửa đất ố 1422 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	432	302	259
25824		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) (Hết ranh thửa đất số 283 tờ bản đồ 29 và thửa đất ố 1422 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	346	242	208
25825	94	Đường Bắc Nam 7	Đường Lạc Long Quân	Giáp ranh Thửa đất số 60, Tờ bản đồ số 18	Phường Đồng Phú	1500	1100	920
25826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 7 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Giáp ranh Thửa đất số 60, Tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	600	420	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 7 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Giáp ranh Thửa đất số 60, Tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	480	336	288
25828		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 7 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Giáp ranh Thửa đất số 60, Tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	384	269	230
25829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 7 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Giáp ranh Thửa đất số 60, Tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	540	378	324
25830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 7 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Giáp ranh Thửa đất số 60, Tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	432	302	259
25831		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 7 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Giáp ranh Thửa đất số 60, Tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	346	242	208
25832	95	Đường Đông Tây 10	Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài)	Giáp ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 19	Phường Đồng Phú	1500	1100	920
25833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đến Giáp ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	600	420	360
25834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đến Giáp ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	480	336	288
25835		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đến Giáp ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	384	269	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đến Giáp ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	540	378	324
25837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đến Giáp ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	432	302	259
25838		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đến Giáp ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	346	242	208
25839	96	Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Tôn Đức Thắng (nối dài)	Phường Đồng Phú	1900	1300	1100
25840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	760	532	456
25841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	608	426	365
25842		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	486	340	292
25843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	684	479	410
25844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	547	383	328

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25845		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	437	306	262
25846	97	Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài)	Đường Tôn Đức Thắng (nối dài)	Tiếp giáp thửa đất số 1036 và thửa đất số 1324 tờ bản đồ số 18	Phường Đồng Phú	1500	1100	920
25847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đến Tiếp giáp thửa đất số 1036 và thửa đất số 1324 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	600	420	360
25848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đến Tiếp giáp thửa đất số 1036 và thửa đất số 1324 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	480	336	288
25849		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đến Tiếp giáp thửa đất số 1036 và thửa đất số 1324 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	384	269	230
25850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đến Tiếp giáp thửa đất số 1036 và thửa đất số 1324 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	540	378	324
25851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đến Tiếp giáp thửa đất số 1036 và thửa đất số 1324 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	432	302	259
25852		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đến Tiếp giáp thửa đất số 1036 và thửa đất số 1324 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	346	242	208

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25853	98	Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Đường Tổ 7, 9, 11 (Tân Phú cũ)	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	1600	1100	970
25854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Đường Tổ 7, 9, 11 (Tân Phú cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	640	448	384
25855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Đường Tổ 7, 9, 11 (Tân Phú cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	512	358	307
25856		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Đường Tổ 7, 9, 11 (Tân Phú cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	410	287	246
25857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Đường Tổ 7, 9, 11 (Tân Phú cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	576	403	346
25858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Đường Tổ 7, 9, 11 (Tân Phú cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	461	323	277
25859		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Đường Tổ 7, 9, 11 (Tân Phú cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	369	258	221
25860	99	Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Các tuyến còn lại	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	1400	950	820
25861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Các tuyến còn lại đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	560	392	336

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Các tuyến còn lại đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	448	314	269
25863		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Các tuyến còn lại đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	358	251	215
25864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Các tuyến còn lại đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	504	353	302
25865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Các tuyến còn lại đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	403	282	242
25866		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Các tuyến còn lại đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	322	225	193
25867	100	Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Phú Riềng Đỏ	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	1400	950	820
25868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	560	392	336
25869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	448	314	269
25870		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	358	251	215

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	504	353	302
25872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	403	282	242
25873		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	322	225	193
25874	101	Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Tôn Đức Thắng	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	1300	890	770
25875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	520	364	312
25876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	416	291	250
25877		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	333	233	200
25878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	468	328	281
25879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	374	262	224

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25880		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	300	210	180
25881	102	Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Nguyễn Văn Linh	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	1300	890	770
25882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	520	364	312
25883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	416	291	250
25884		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	333	233	200
25885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	468	328	281
25886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	374	262	224
25887		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	300	210	180
25888	103	Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Hùng Vương	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	1300	890	770
25889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Hùng Vương đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	520	364	312

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Hùng Vương đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	416	291	250
25891		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Hùng Vương đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	333	233	200
25892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Hùng Vương đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	468	328	281
25893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Hùng Vương đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	374	262	224
25894		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Hùng Vương đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	300	210	180
25895	104	Đường tuyến số 1	Thửa đất số 73 và số 369, Tờ bản đồ số 176	Hết thửa đất số 79 và số 256, Tờ bản đồ số 205	Phường Đồng Phú	1300	890	770
25896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 1 đoạn từ Thửa đất số 73 và số 369, Tờ bản đồ số 176 đến Hết thửa đất số 79 và số 256, Tờ bản đồ số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	520	364	312
25897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 1 đoạn từ Thửa đất số 73 và số 369, Tờ bản đồ số 176 đến Hết thửa đất số 79 và số 256, Tờ bản đồ số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	416	291	250
25898		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 1 đoạn từ Thửa đất số 73 và số 369, Tờ bản đồ số 176 đến Hết thửa đất số 79 và số 256, Tờ bản đồ số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	333	233	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 1 đoạn từ Thửa đất số 73 và số 369, Tờ bản đồ số 176 đến Hết thửa đất số 79 và số 256, Tờ bản đồ số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	468	328	281
25900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 1 đoạn từ Thửa đất số 73 và số 369, Tờ bản đồ số 176 đến Hết thửa đất số 79 và số 256, Tờ bản đồ số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	374	262	224
25901		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 1 đoạn từ Thửa đất số 73 và số 369, Tờ bản đồ số 176 đến Hết thửa đất số 79 và số 256, Tờ bản đồ số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	300	210	180
25902	105	Đường tuyến số 2	Đường ĐT 741	Hết Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231	Phường Đồng Phú	1500	1100	920
25903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	600	420	360
25904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	480	336	288
25905		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	384	269	230
25906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	540	378	324
25907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	432	302	259

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25908		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	346	242	208
25909	106	Đường tuyến số 2	Tiếp giáp Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231	Hết Thửa đất số 29 và số 5, Tờ bản đồ số 183	Phường Đồng Phú	1300	890	770
25910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Tiếp giáp Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 đến Hết Thửa đất số 29 và số 5, Tờ bản đồ số 183 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	520	364	312
25911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Tiếp giáp Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 đến Hết Thửa đất số 29 và số 5, Tờ bản đồ số 183 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	416	291	250
25912		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Tiếp giáp Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 đến Hết Thửa đất số 29 và số 5, Tờ bản đồ số 183 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	333	233	200
25913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Tiếp giáp Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 đến Hết Thửa đất số 29 và số 5, Tờ bản đồ số 183 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	468	328	281
25914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Tiếp giáp Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 đến Hết Thửa đất số 29 và số 5, Tờ bản đồ số 183 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	374	262	224
25915		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Tiếp giáp Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 đến Hết Thửa đất số 29 và số 5, Tờ bản đồ số 183 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	300	210	180
25916	107	Đường tuyến số 3	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Hết ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61	Phường Đồng Phú	2600	1800	1500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1040	728	624
25918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	832	582	499
25919		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	666	466	400
25920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	936	655	562
25921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	749	524	449
25922		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	599	419	359
25923	108	Đường tuyến số 3	Từ ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61	Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết ranh thửa đất số 207 tờ bản đồ số 62)	Phường Đồng Phú	1700	1200	1000
25924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết ranh thửa đất số 207 tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	680	476	408

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết ranh thửa đất số 207 tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	544	381	326
25926		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết ranh thửa đất số 207 tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	435	305	261
25927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết ranh thửa đất số 207 tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	612	428	367
25928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết ranh thửa đất số 207 tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	490	343	294
25929		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết ranh thửa đất số 207 tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	392	274	235
25930	109	Đường tuyến số 3	Đất Ban quản lý khu kinh tế tỉnh quản lý (giáp ranh thị trấn Tân Phú cũ)	Cầu Suối Rạt (hết thửa đất số 307 và số 242, Tờ bản đồ số 116)	Phường Đồng Phú	1500	1100	920
25931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đất Ban quản lý khu kinh tế tỉnh quản lý (giáp ranh thị trấn Tân Phú cũ) đến Cầu Suối Rạt (hết thửa đất số 307 và số 242, Tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	600	420	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đất Ban quản lý khu kinh tế tỉnh quản lý (giáp ranh thị trấn Tân Phú cũ) đến Cầu Suối Rạt (hết thửa đất số 307 và số 242, Tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	480	336	288
25933		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đất Ban quản lý khu kinh tế tỉnh quản lý (giáp ranh thị trấn Tân Phú cũ) đến Cầu Suối Rạt (hết thửa đất số 307 và số 242, Tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	384	269	230
25934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đất Ban quản lý khu kinh tế tỉnh quản lý (giáp ranh thị trấn Tân Phú cũ) đến Cầu Suối Rạt (hết thửa đất số 307 và số 242, Tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	540	378	324
25935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đất Ban quản lý khu kinh tế tỉnh quản lý (giáp ranh thị trấn Tân Phú cũ) đến Cầu Suối Rạt (hết thửa đất số 307 và số 242, Tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	432	302	259
25936		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đất Ban quản lý khu kinh tế tỉnh quản lý (giáp ranh thị trấn Tân Phú cũ) đến Cầu Suối Rạt (hết thửa đất số 307 và số 242, Tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	346	242	208
25937	110	Đường tuyến số 3	Cầu Suối Rạt (Thửa đất số 87 và số 245, Tờ bản đồ số 136)	Giáp ranh xã Tân Lợi (hết Thửa đất số 26 và số 111, tờ bản đồ số 138)	Phường Đồng Phú	1300	890	770
25938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Cầu Suối Rạt (Thửa đất số 87 và số 245, Tờ bản đồ số 136) đến Giáp ranh xã Tân Lợi (hết Thửa đất số 26 và số 111, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	520	364	312
25939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Cầu Suối Rạt (Thửa đất số 87 và số 245, Tờ bản đồ số 136) đến Giáp ranh xã Tân Lợi (hết Thửa đất số 26 và số 111, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	416	291	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25940		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Cầu Suối Rạt (Thửa đất số 87 và số 245, Tờ bản đồ số 136) đến Giáp ranh xã Tân Lợi (hết Thửa đất số 26 và số 111, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	333	233	200
25941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Cầu Suối Rạt (Thửa đất số 87 và số 245, Tờ bản đồ số 136) đến Giáp ranh xã Tân Lợi (hết Thửa đất số 26 và số 111, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	468	328	281
25942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Cầu Suối Rạt (Thửa đất số 87 và số 245, Tờ bản đồ số 136) đến Giáp ranh xã Tân Lợi (hết Thửa đất số 26 và số 111, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	374	262	224
25943		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Cầu Suối Rạt (Thửa đất số 87 và số 245, Tờ bản đồ số 136) đến Giáp ranh xã Tân Lợi (hết Thửa đất số 26 và số 111, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	300	210	180
25944	111	Đường tuyến số 4 (Tổ 34, thôn Thắng Lợi)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường điện 500KV	Phường Đồng Phú	2600	1800	1500
25945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường điện 500KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	1040	728	624
25946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường điện 500KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	832	582	499
25947		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường điện 500KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	666	466	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường điện 500KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	936	655	562
25949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường điện 500KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	749	524	449
25950		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường điện 500KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	599	419	359
25951	112	Đường tuyến số 4 (Tổ 34, Thôn Thắng Lợi)	Đường điện 500KV	Giáp ranh xã Tân Lợi	Phường Đồng Phú	1700	1200	1000
25952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, Thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường điện 500KV đến Giáp ranh xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	680	476	408
25953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, Thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường điện 500KV đến Giáp ranh xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	544	381	326
25954		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, Thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường điện 500KV đến Giáp ranh xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	435	305	261
25955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, Thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường điện 500KV đến Giáp ranh xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	612	428	367
25956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, Thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường điện 500KV đến Giáp ranh xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	490	343	294

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25957		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, Thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường điện 500KV đến Giáp ranh xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	392	274	235
25958	113	Đường tuyến số 4	Từ thửa đất số 6001 tờ bản đồ số 120	Hết ranh thửa đất số 35 và 36 tờ bản đồ số 120	Phường Đồng Phú	1300	890	770
25959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 đoạn từ Từ thửa đất số 6001 tờ bản đồ số 120 đến Hết ranh thửa đất số 35 và 36 tờ bản đồ số 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	520	364	312
25960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 đoạn từ Từ thửa đất số 6001 tờ bản đồ số 120 đến Hết ranh thửa đất số 35 và 36 tờ bản đồ số 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	416	291	250
25961		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 đoạn từ Từ thửa đất số 6001 tờ bản đồ số 120 đến Hết ranh thửa đất số 35 và 36 tờ bản đồ số 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	333	233	200
25962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 đoạn từ Từ thửa đất số 6001 tờ bản đồ số 120 đến Hết ranh thửa đất số 35 và 36 tờ bản đồ số 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	468	328	281
25963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 đoạn từ Từ thửa đất số 6001 tờ bản đồ số 120 đến Hết ranh thửa đất số 35 và 36 tờ bản đồ số 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	374	262	224
25964		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 đoạn từ Từ thửa đất số 6001 tờ bản đồ số 120 đến Hết ranh thửa đất số 35 và 36 tờ bản đồ số 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	300	210	180
25965	114	Đường tuyến số 5 (đường nhựa)	Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 174	Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 199	Phường Đồng Phú	1700	1200	1000
25966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 5 (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 174 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	680	476	408

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 5 (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 174 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	544	381	326
25968		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 5 (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 174 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	435	305	261
25969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 5 (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 174 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	612	428	367
25970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 5 (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 174 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	490	343	294
25971		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 5 (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 174 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	392	274	235
25972	115	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ	Giáp ranh phường Bình Phước	Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 34)	Phường Đồng Phú	1700	1200	1000
25973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	680	476	408
25974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	544	381	326

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25975		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	435	305	261
25976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	612	428	367
25977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	490	343	294
25978		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	392	274	235
25979	116	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ	Giáp ranh Tân Phú cũ (Từ thửa đất số 181 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 1050	Giáp ranh xã Tân Lập cũ (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 132)	Phường Đồng Phú	1300	890	770
25980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh Tân Phú cũ (Từ thửa đất số 181 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 1050 đến Giáp ranh xã Tân Lập cũ (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 132) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	650	455	390
25981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh Tân Phú cũ (Từ thửa đất số 181 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 1050 đến Giáp ranh xã Tân Lập cũ (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 132) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	520	364	312

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh Tân Phú cũ (Từ thửa đất số 181 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 1050 đến Giáp ranh xã Tân Lập cũ (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 132) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	416	291	250
25983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh Tân Phú cũ (Từ thửa đất số 181 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 1050 đến Giáp ranh xã Tân Lập cũ (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 132) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	585	410	351
25984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh Tân Phú cũ (Từ thửa đất số 181 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 1050 đến Giáp ranh xã Tân Lập cũ (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 132) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	468	328	281
25985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh Tân Phú cũ (Từ thửa đất số 181 và thửa đất số 173 tờ bản đồ số 1050 đến Giáp ranh xã Tân Lập cũ (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 132) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	374	262	224
25986	117	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi)	Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (từ thửa đất số 174, tờ bản đồ số 132)	Hết thửa đất số 288, tờ bản đồ số 147	Phường Đồng Phú	1300	890	770
25987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (từ thửa đất số 174, tờ bản đồ số 132) đến Hết thửa đất số 288, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	650	455	390
25988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (từ thửa đất số 174, tờ bản đồ số 132) đến Hết thửa đất số 288, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	520	364	312

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (từ thửa đất số 174, tờ bản đồ số 132) đến Hết thửa đất số 288, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	416	291	250
25990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (từ thửa đất số 174, tờ bản đồ số 132) đến Hết thửa đất số 288, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	585	410	351
25991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (từ thửa đất số 174, tờ bản đồ số 132) đến Hết thửa đất số 288, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	468	328	281
25992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến cũ (từ thửa đất số 174, tờ bản đồ số 132) đến Hết thửa đất số 288, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	374	262	224
25993	118	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi)	Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 163	Hết thửa đất số 425 và số 46, Tờ bản đồ số 163	Phường Đồng Phú	1300	890	770
25994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 163 đến Hết thửa đất số 425 và số 46, Tờ bản đồ số 163 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	650	455	390
25995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 163 đến Hết thửa đất số 425 và số 46, Tờ bản đồ số 163 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	520	364	312

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
25996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 163 đến Hết thửa đất số 425 và số 46, Tờ bản đồ số 163 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	416	291	250
25997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 163 đến Hết thửa đất số 425 và số 46, Tờ bản đồ số 163 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	585	410	351
25998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 163 đến Hết thửa đất số 425 và số 46, Tờ bản đồ số 163 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	468	328	281
25999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 163 đến Hết thửa đất số 425 và số 46, Tờ bản đồ số 163 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	374	262	224
26000	119	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi)	Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 162	Hết thửa đất số 227, tờ bản đồ số 162	Phường Đồng Phú	1300	890	770
26001		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 162 đến Hết thửa đất số 227, tờ bản đồ số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	650	455	390
26002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 162 đến Hết thửa đất số 227, tờ bản đồ số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	520	364	312

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 162 đến Hết thửa đất số 227, tờ bản đồ số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	416	291	250
26004		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 162 đến Hết thửa đất số 227, tờ bản đồ số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	585	410	351
26005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 162 đến Hết thửa đất số 227, tờ bản đồ số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	468	328	281
26006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 162 đến Hết thửa đất số 227, tờ bản đồ số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	374	262	224
26007	120	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi)	Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 175	Hết thửa đất số 147, tờ bản đồ số 175 (hết thửa đất số 175 tờ bản đồ số 175)	Phường Đồng Phú	1300	890	770
26008		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 175 đến Hết thửa đất số 147, tờ bản đồ số 175 (hết thửa đất số 175 tờ bản đồ số 175) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	650	455	390
26009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 175 đến Hết thửa đất số 147, tờ bản đồ số 175 (hết thửa đất số 175 tờ bản đồ số 175) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	520	364	312

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26010		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 175 đến Hết thửa đất số 147, tờ bản đồ số 175 (hết thửa đất số 175 tờ bản đồ số 175) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	416	291	250
26011		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 175 đến Hết thửa đất số 147, tờ bản đồ số 175 (hết thửa đất số 175 tờ bản đồ số 175) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	585	410	351
26012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 175 đến Hết thửa đất số 147, tờ bản đồ số 175 (hết thửa đất số 175 tờ bản đồ số 175) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	468	328	281
26013		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 175 đến Hết thửa đất số 147, tờ bản đồ số 175 (hết thửa đất số 175 tờ bản đồ số 175) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	374	262	224
26014	121	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi)	Thửa đất số 130 tờ bản đồ số 175	Hết thửa đất số 47 tờ bản đồ số 175	Phường Đồng Phú	1300	890	770
26015		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 130 tờ bản đồ số 175 đến Hết thửa đất số 47 tờ bản đồ số 175 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	650	455	390
26016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 130 tờ bản đồ số 175 đến Hết thửa đất số 47 tờ bản đồ số 175 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	520	364	312

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26017		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 130 tờ bản đồ số 175 đến Hết thửa đất số 47 tờ bản đồ số 175 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	416	291	250
26018		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 130 tờ bản đồ số 175 đến Hết thửa đất số 47 tờ bản đồ số 175 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	585	410	351
26019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 130 tờ bản đồ số 175 đến Hết thửa đất số 47 tờ bản đồ số 175 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	468	328	281
26020		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 130 tờ bản đồ số 175 đến Hết thửa đất số 47 tờ bản đồ số 175 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	374	262	224
26021	122	Đường Tổ 43 (tiếp giáp với khu dân cư Mỹ Khánh Vy)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Tiếp giáp đường Phú Riềng Đỏ kéo dài tới khu công nghiệp Bắc Đồng Phú (thửa đất số 669, tờ bản đồ số 9)	Phường Đồng Phú	2000	1400	1200
26022		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 43 (tiếp giáp với khu dân cư Mỹ Khánh Vy) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Tiếp giáp đường Phú Riềng Đỏ kéo dài tới khu công nghiệp Bắc Đồng Phú (thửa đất số 669, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	800	560	480
26023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 43 (tiếp giáp với khu dân cư Mỹ Khánh Vy) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Tiếp giáp đường Phú Riềng Đỏ kéo dài tới khu công nghiệp Bắc Đồng Phú (thửa đất số 669, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	640	448	384

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26024		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 43 (tiếp giáp với khu dân cư Mỹ Khánh Vy) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Tiếp giáp đường Phú Riềng Đỏ kéo dài tới khu công nghiệp Bắc Đồng Phú (thửa đất số 669, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Phú	512	358	307
26025		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 43 (tiếp giáp với khu dân cư Mỹ Khánh Vy) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Tiếp giáp đường Phú Riềng Đỏ kéo dài tới khu công nghiệp Bắc Đồng Phú (thửa đất số 669, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Đồng Phú	720	504	432
26026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 43 (tiếp giáp với khu dân cư Mỹ Khánh Vy) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Tiếp giáp đường Phú Riềng Đỏ kéo dài tới khu công nghiệp Bắc Đồng Phú (thửa đất số 669, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Phú	576	403	346
26027		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 43 (tiếp giáp với khu dân cư Mỹ Khánh Vy) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Tiếp giáp đường Phú Riềng Đỏ kéo dài tới khu công nghiệp Bắc Đồng Phú (thửa đất số 669, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Phú	461	323	277
26028	123	Đường Tổ 21 (đường nhựa) (Tân Lập cũ)	Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 237	Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 237	Phường Đồng Phú	1300	890	770
26029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 21 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 237 đến Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Đồng Phú	520	364	312
26030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 21 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 237 đến Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Phú	416	291	250
26031		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 21 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 237 đến Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Phú	333	233	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 21 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 237 đến Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	468	328	281
26033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 21 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 237 đến Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	374	262	224
26034		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 21 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 237 đến Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	300	210	180
26035	124	Đường Tổ 20, 26 và 36 (đường nhựa) (Tân Lập cũ)	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	1000	710	610
26036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 20, 26 và 36 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	560	392	336
26037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 20, 26 và 36 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	448	314	269
26038		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 20, 26 và 36 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	358	251	215
26039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 20, 26 và 36 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	504	353	302
26040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 20, 26 và 36 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	403	282	242

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26041		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 20, 26 và 36 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	322	225	193
26042	125	Đường vào Trung tâm hành chính mới xã Tân Tiến cũ	Đầu ranh thửa đất số 403, Tờ bản đồ số 219)	Hết ranh Thửa đất số 8, Tờ bản đồ số 135)	Phường Đồng Phú	1700	1200	1000
26043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trung tâm hành chính mới xã Tân Tiến cũ đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 403, Tờ bản đồ số 219) đến Hết ranh Thửa đất số 8, Tờ bản đồ số 135) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	680	476	408
26044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trung tâm hành chính mới xã Tân Tiến cũ đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 403, Tờ bản đồ số 219) đến Hết ranh Thửa đất số 8, Tờ bản đồ số 135) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	544	381	326
26045		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trung tâm hành chính mới xã Tân Tiến cũ đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 403, Tờ bản đồ số 219) đến Hết ranh Thửa đất số 8, Tờ bản đồ số 135) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	435	305	261
26046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trung tâm hành chính mới xã Tân Tiến cũ đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 403, Tờ bản đồ số 219) đến Hết ranh Thửa đất số 8, Tờ bản đồ số 135) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	612	428	367
26047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trung tâm hành chính mới xã Tân Tiến cũ đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 403, Tờ bản đồ số 219) đến Hết ranh Thửa đất số 8, Tờ bản đồ số 135) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	490	343	294
26048		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trung tâm hành chính mới xã Tân Tiến cũ đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 403, Tờ bản đồ số 219) đến Hết ranh Thửa đất số 8, Tờ bản đồ số 135) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	392	274	235

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26049	126	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ đường Tổ 33 (thửa đất số 206, tờ bản đồ số 221); đường Tổ 28 (thửa đất số 211, tờ bản đồ số 221) đến đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224)] trong phạm vi 200m	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	1000	710	610
26050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ đường Tổ 33 (thửa đất số 206, tờ bản đồ số 221); đường Tổ 28 (thửa đất số 211, tờ bản đồ số 221) đến đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224)] trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	560	392	336
26051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ đường Tổ 33 (thửa đất số 206, tờ bản đồ số 221); đường Tổ 28 (thửa đất số 211, tờ bản đồ số 221) đến đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224)] trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	448	314	269
26052		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ đường Tổ 33 (thửa đất số 206, tờ bản đồ số 221); đường Tổ 28 (thửa đất số 211, tờ bản đồ số 221) đến đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224)] trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	358	251	215
26053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ đường Tổ 33 (thửa đất số 206, tờ bản đồ số 221); đường Tổ 28 (thửa đất số 211, tờ bản đồ số 221) đến đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224)] trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	504	353	302

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ đường Tổ 33 (thửa đất số 206, tờ bản đồ số 221); đường Tổ 28 (thửa đất số 211, tờ bản đồ số 221) đến đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224)] trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	403	282	242
26055		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ đường Tổ 33 (thửa đất số 206, tờ bản đồ số 221); đường Tổ 28 (thửa đất số 211, tờ bản đồ số 221) đến đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224)] trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	322	225	193
26056	127	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ giáp ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 222; giáp ranh thửa đất số 87, tờ bản đồ số 222 đến đường Tổ 33 (thửa đất số 192, tờ bản đồ số 221); đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 221) và đoạn từ đường Tổ 27 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 22 (thửa đất số 395, tờ bản	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	850	600	510
26057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ giáp ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 222; giáp ranh thửa đất số 87, tờ bản đồ số 222 đến đường Tổ 33 (thửa đất số 192, tờ bản đồ số 221); đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 221) và đoạn từ đường Tổ 27 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 22 (thửa đất số 395, tờ bản đồ số 224) đến hết ranh thửa đất số 256, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 18 (hết ranh thửa đất số 268, tờ bản đồ số 224)] trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	510	357	306

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ giáp ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 222; giáp ranh thửa đất số 87, tờ bản đồ số 222 đến đường Tổ 33 (thửa đất số 192, tờ bản đồ số 221); đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 221) và đoạn từ đường Tổ 27 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 22 (thửa đất số 395, tờ bản đồ số 224) đến hết ranh thửa đất số 256, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 18 (hết ranh thửa đất số 268, tờ bản đồ số 224)] trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	408	286	245
26059		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ giáp ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 222; giáp ranh thửa đất số 87, tờ bản đồ số 222 đến đường Tổ 33 (thửa đất số 192, tờ bản đồ số 221); đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 221) và đoạn từ đường Tổ 27 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 22 (thửa đất số 395, tờ bản đồ số 224) đến hết ranh thửa đất số 256, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 18 (hết ranh thửa đất số 268, tờ bản đồ số 224)] trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	326	228	196
26060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ giáp ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 222; giáp ranh thửa đất số 87, tờ bản đồ số 222 đến đường Tổ 33 (thửa đất số 192, tờ bản đồ số 221); đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 221) và đoạn từ đường Tổ 27 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 22 (thửa đất số 395, tờ bản đồ số 224) đến hết ranh thửa đất số 256, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 18 (hết ranh thửa đất số 268, tờ bản đồ số 224)] trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	459	321	275
26061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ giáp ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 222; giáp ranh thửa đất số 87, tờ bản đồ số 222 đến đường Tổ 33 (thửa đất số 192, tờ bản đồ số 221); đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 221) và đoạn từ đường Tổ 27 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 22 (thửa đất số 395, tờ bản đồ số 224) đến hết ranh thửa đất số 256, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 18 (hết ranh thửa đất số 268, tờ bản đồ số 224)] trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	367	257	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26062		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ giáp ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 222; giáp ranh thửa đất số 87, tờ bản đồ số 222 đến đường Tổ 33 (thửa đất số 192, tờ bản đồ số 221); đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 221) và đoạn từ đường Tổ 27 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 22 (thửa đất số 395, tờ bản đồ số 224) đến hết ranh thửa đất số 256, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 18 (hết ranh thửa đất số 268, tờ bản đồ số 224)] trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	293	205	176
26063	128	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 (đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) và đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) trong phạm vi 200m	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	800	560	480
26064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 (đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) và đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	480	336	288
26065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 (đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) và đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	384	269	230
26066		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 (đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) và đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	307	215	184

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 (đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) và đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	432	302	259
26068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 (đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) và đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	346	242	208
26069		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 (đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) và đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	276	193	166
26070	129	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 đoạn còn lại trong phạm vi 200m	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	600	420	360
26071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 đoạn còn lại trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	420	294	252
26072		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 đoạn còn lại trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	336	235	202
26073		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 đoạn còn lại trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	269	188	161

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 đoạn còn lại trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	378	265	227
26075		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 đoạn còn lại trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	302	211	181
26076		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 đoạn còn lại trong phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	242	169	145
26077	130	Đất đấu giá 23 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa)	Thửa đất số 110 đến thửa đất số 124 (trừ thửa đất số 113) và thửa đất số 75, 76, 77, 80, 81, 82, 85, 86, 89, tờ bản đồ số 223		Phường Đồng Phú	6000	4200	3600
26078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đất đấu giá 23 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 110 đến thửa đất số 124 (trừ thửa đất số 113) và thửa đất số 75, 76, 77, 80, 81, 82, 85, 86, 89, tờ bản đồ số 223 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	2400	1680	1440
26079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đất đấu giá 23 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 110 đến thửa đất số 124 (trừ thửa đất số 113) và thửa đất số 75, 76, 77, 80, 81, 82, 85, 86, 89, tờ bản đồ số 223 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1920	1344	1152
26080		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đất đấu giá 23 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 110 đến thửa đất số 124 (trừ thửa đất số 113) và thửa đất số 75, 76, 77, 80, 81, 82, 85, 86, 89, tờ bản đồ số 223 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1536	1075	922
26081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đất đấu giá 23 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 110 đến thửa đất số 124 (trừ thửa đất số 113) và thửa đất số 75, 76, 77, 80, 81, 82, 85, 86, 89, tờ bản đồ số 223 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	2160	1512	1296

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đất đấu giá 23 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 110 đến thửa đất số 124 (trừ thửa đất số 113) và thửa đất số 75, 76, 77, 80, 81, 82, 85, 86, 89, tờ bản đồ số 223 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1728	1210	1037
26083		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đất đấu giá 23 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 110 đến thửa đất số 124 (trừ thửa đất số 113) và thửa đất số 75, 76, 77, 80, 81, 82, 85, 86, 89, tờ bản đồ số 223 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1382	967	829
26084	131	Đất đấu giá 2 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa)	Thửa đất số 113 và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 223		Phường Đồng Phú	6800	4800	4100
26085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đất đấu giá 2 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 113 và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 223 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	2720	1904	1632
26086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đất đấu giá 2 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 113 và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 223 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	2176	1523	1306
26087		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đất đấu giá 2 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 113 và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 223 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1741	1219	1045
26088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đất đấu giá 2 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 113 và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 223 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	2448	1714	1469
26089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đất đấu giá 2 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 113 và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 223 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1958	1371	1175

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26090		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đất đấu giá 2 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 113 và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 223 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1567	1097	940
26091	132	Khu dân cư thôn 9 - Tân Lập.	Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư		Phường Đồng Phú	4300	3000	2600
26092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư thôn 9 - Tân Lập. đoạn từ Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	1720	1204	1032
26093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư thôn 9 - Tân Lập. đoạn từ Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1376	963	826
26094		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư thôn 9 - Tân Lập. đoạn từ Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	1101	771	661
26095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư thôn 9 - Tân Lập. đoạn từ Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	1548	1084	929
26096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư thôn 9 - Tân Lập. đoạn từ Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	1238	867	743
26097		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư thôn 9 - Tân Lập. đoạn từ Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	991	694	595
26098	133	Đường liên xã Tân Phú - Tân Tiến cũ (đoạn điều chỉnh)	Ranh thị trấn Tân Phú cũ (từ thửa đất số 127, tờ bản đồ số 115)	Đường Tổ 47, thôn Thái Dũng (hết ranh thửa đất số 477 tờ bản đồ số 219)	Phường Đồng Phú	380	270	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tân Phú - Tân Tiến cũ (đoạn điều chỉnh) đoạn từ Ranh thị trấn Tân Phú cũ (từ thửa đất số 127, tờ bản đồ số 115) đến Đường Tổ 47, thôn Thái Dũng (hết ranh thửa đất số 477 tờ bản đồ số 219) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Đồng Phú	266	186	160
26100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tân Phú - Tân Tiến cũ (đoạn điều chỉnh) đoạn từ Ranh thị trấn Tân Phú cũ (từ thửa đất số 127, tờ bản đồ số 115) đến Đường Tổ 47, thôn Thái Dũng (hết ranh thửa đất số 477 tờ bản đồ số 219) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Phú	213	149	128
26101		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tân Phú - Tân Tiến cũ (đoạn điều chỉnh) đoạn từ Ranh thị trấn Tân Phú cũ (từ thửa đất số 127, tờ bản đồ số 115) đến Đường Tổ 47, thôn Thái Dũng (hết ranh thửa đất số 477 tờ bản đồ số 219) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Phú	170	119	102
26102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tân Phú - Tân Tiến cũ (đoạn điều chỉnh) đoạn từ Ranh thị trấn Tân Phú cũ (từ thửa đất số 127, tờ bản đồ số 115) đến Đường Tổ 47, thôn Thái Dũng (hết ranh thửa đất số 477 tờ bản đồ số 219) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Đồng Phú	239	167	143
26103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tân Phú - Tân Tiến cũ (đoạn điều chỉnh) đoạn từ Ranh thị trấn Tân Phú cũ (từ thửa đất số 127, tờ bản đồ số 115) đến Đường Tổ 47, thôn Thái Dũng (hết ranh thửa đất số 477 tờ bản đồ số 219) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Đồng Phú	192	134	115
26104		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tân Phú - Tân Tiến cũ (đoạn điều chỉnh) đoạn từ Ranh thị trấn Tân Phú cũ (từ thửa đất số 127, tờ bản đồ số 115) đến Đường Tổ 47, thôn Thái Dũng (hết ranh thửa đất số 477 tờ bản đồ số 219) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Đồng Phú	153	107	92
26105	134	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn thị trấn Tân Phú cũ	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	600	420	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn thị trấn Tân Phú cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	420	294	252
26107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn thị trấn Tân Phú cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	336	235	202
26108		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn thị trấn Tân Phú cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	269	188	161
26109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn thị trấn Tân Phú cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	378	265	227
26110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn thị trấn Tân Phú cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	302	211	181
26111		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn thị trấn Tân Phú cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	242	169	145
26112	135	Đường giao thông liên xã còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	510	360	310
26113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	357	250	214
26114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	286	200	172

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26115		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	229	160	137
26116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	321	225	193
26117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	257	180	154
26118		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	206	144	124
26119	136	Đường giao thông liên thôn có kết cấu trải nhựa, bê tông	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	430	300	260
26120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên thôn có kết cấu trải nhựa, bê tông đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	301	211	181
26121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên thôn có kết cấu trải nhựa, bê tông đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	241	169	145
26122		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên thôn có kết cấu trải nhựa, bê tông đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	193	135	116
26123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên thôn có kết cấu trải nhựa, bê tông đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	271	190	163

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên thôn có kết cấu trải nhựa, bê tông đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	217	152	130
26125		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên thôn có kết cấu trải nhựa, bê tông đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	174	122	104
26126	137	Đường giao thông liên thôn còn lại	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	380	270	230
26127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên thôn còn lại đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	266	186	160
26128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên thôn còn lại đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	213	149	128
26129		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên thôn còn lại đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	170	119	102
26130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên thôn còn lại đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	239	167	143
26131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên thôn còn lại đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	192	134	115
26132		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên thôn còn lại đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	153	107	92
26133	138	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	340	240	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	238	167	143
26135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	190	133	114
26136		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	152	106	91
26137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	214	150	128
26138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	171	120	103
26139		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	137	96	82
26140		Đường Tôn Đức Thắng nối dài đến Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	1450	1050	870
26141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng nối dài đến Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	580	406	348
26142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng nối dài đến Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	464	325	278

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26143		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng nối dài đến Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	371	260	223
26144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng nối dài đến Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	522	365	313
26145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng nối dài đến Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	418	293	251
26146		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng nối dài đến Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	334	234	200
26147	1	Đường Quốc lộ 13	Đường Hùng Vương	Đường Huỳnh Tấn Phát	Phường Lộc Ninh	10100	7100	6100
26148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	4848	3394	2909
26149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	3878	2715	2327
26150		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	3102	2171	1861
26151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	4363	3054	2618

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	3490	2443	2094
26153		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	2792	1954	1675
26154	2	Đường Quốc lộ 13	Đường Huỳnh Tấn Phát	Đường Nguyễn Bình	Phường Lộc Ninh	8300	5800	5000
26155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	3984	2789	2390
26156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	3187	2231	1912
26157		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	2550	1785	1530
26158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	3586	2510	2152
26159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2868	2008	1721
26160		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	2295	1607	1377
26161	3	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn Bình	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	Phường Lộc Ninh	5500	3900	3300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2640	1848	1584
26163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2112	1478	1267
26164		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1690	1183	1014
26165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2376	1663	1426
26166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1901	1331	1141
26167		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1521	1065	913
26168	4	Đường Quốc lộ 13	Đường Hùng Vương	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Phường Lộc Ninh	8300	5800	5000
26169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	3984	2789	2390
26170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	3187	2231	1912

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26171		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	2550	1785	1530
26172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	3586	2510	2152
26173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2868	2008	1721
26174		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	2295	1607	1377
26175	5	Đường Quốc lộ 13	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Giáp ranh xã Lộc Tấn	Phường Lộc Ninh	4600	3200	2800
26176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2208	1546	1325
26177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1766	1236	1060
26178		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1413	989	848
26179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1987	1391	1192

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1589	1112	953
26181		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1272	890	763
26182	6	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Hưng	Hết đất cây xăng Minh Tú	Phường Lộc Ninh	2900	2000	1700
26183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1392	974	835
26184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1114	780	668
26185		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	891	624	535
26186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1253	877	752
26187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1003	702	602
26188		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	802	561	481
26189	7	Đường Quốc lộ 13	Giáp đất cây xăng Minh Tú	Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái	Phường Lộc Ninh	3600	2500	2200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1728	1210	1037
26191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1382	967	829
26192		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1106	774	664
26193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1555	1089	933
26194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1244	871	746
26195		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	995	697	597
26196	8	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh Ngân hàng Agribank Lộc Thái	Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành	Phường Lộc Ninh	3200	2200	1900
26197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1536	1075	922
26198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1229	860	737

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26199		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	983	688	590
26200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1382	967	829
26201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1106	774	664
26202		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	885	620	531
26203	9	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh đất nhà nghỉ Trung Thành	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Phường Lộc Ninh	4800	3400	2900
26204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2304	1613	1382
26205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1843	1290	1106
26206		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1474	1032	884
26207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2074	1452	1244

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1659	1161	995
26209		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1327	929	796
26210	10	Đường 7 tháng 4	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba đường Điện Biên Phủ	Phường Lộc Ninh	9200	6400	5500
26211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	4416	3091	2650
26212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	3533	2473	2120
26213		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	2826	1978	1696
26214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	3974	2782	2384
26215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	3180	2226	1908
26216		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	2543	1780	1526
26217	11	Đường 7 tháng 4	Ngã ba đường Điện Biên Phủ	Đường Hùng Vương	Phường Lộc Ninh	8300	5800	5000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Ngã ba đường Điện Biên Phủ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	3984	2789	2390
26219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Ngã ba đường Điện Biên Phủ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	3187	2231	1912
26220		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Ngã ba đường Điện Biên Phủ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	2550	1785	1530
26221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Ngã ba đường Điện Biên Phủ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	3586	2510	2152
26222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Ngã ba đường Điện Biên Phủ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2868	2008	1721
26223		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Ngã ba đường Điện Biên Phủ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	2295	1607	1377
26224	12	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba Sơn Hà	Phường Lộc Ninh	2500	1800	1500
26225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1200	840	720
26226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	960	672	576
26227		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	768	538	461

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1080	756	648
26229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	864	605	518
26230		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	691	484	415
26231	13	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Ngã ba Sơn Hà	Hết tuyến (Qua hố bom Làng 10)	Phường Lộc Ninh	1800	1300	1100
26232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Hết tuyến (Qua hố bom Làng 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	864	605	518
26233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Hết tuyến (Qua hố bom Làng 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	691	484	415
26234		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Hết tuyến (Qua hố bom Làng 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	553	387	332
26235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Hết tuyến (Qua hố bom Làng 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	778	545	467
26236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Hết tuyến (Qua hố bom Làng 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	622	435	373

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26237		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Hết tuyến (Qua hố bom Làng 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	498	349	299
26238	14	Đường Điện Biên Phủ	Đường 7 tháng 4	Giáp cầu Ông Kỳ	Phường Lộc Ninh	8300	5800	5000
26239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Giáp cầu Ông Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	3984	2789	2390
26240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Giáp cầu Ông Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	3187	2231	1912
26241		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Giáp cầu Ông Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	2550	1785	1530
26242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Giáp cầu Ông Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	3586	2510	2152
26243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Giáp cầu Ông Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2868	2008	1721
26244		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Giáp cầu Ông Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	2295	1607	1377
26245	15	Đường Điện Biên Phủ	Giáp cầu Ông Kỳ	Đường Lê Lợi	Phường Lộc Ninh	3200	2200	1900
26246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Giáp cầu Ông Kỳ đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1536	1075	922
26247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Giáp cầu Ông Kỳ đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1229	860	737

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26248		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Giáp cầu Ông Kỳ đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	983	688	590
26249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Giáp cầu Ông Kỳ đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1382	967	829
26250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Giáp cầu Ông Kỳ đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1106	774	664
26251		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Giáp cầu Ông Kỳ đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	885	620	531
26252	16	Đường Điện Biên Phủ	Đường Lê Lợi	Hết đường nhựa	Phường Lộc Ninh	1400	960	830
26253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	672	470	403
26254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	538	377	323
26255		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	430	301	258
26256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	605	424	363
26257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	484	339	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26258		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	387	271	232
26259	17	Đường Đồng Khởi	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	Phường Lộc Ninh	4600	3200	2800
26260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2208	1546	1325
26261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1766	1236	1060
26262		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1413	989	848
26263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1987	1391	1192
26264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1589	1112	953
26265		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1272	890	763
26266	18	Đường 3 tháng 2	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Trần Văn Trà	Phường Lộc Ninh	3900	2700	2300
26267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1872	1310	1123

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1498	1049	899
26269		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1198	839	719
26270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1685	1180	1011
26271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1348	944	809
26272		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1078	755	647
26273	19	Đường 3 tháng 2	Đường Trần Văn Trà	Hết tuyến	Phường Lộc Ninh	3700	2600	2200
26274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1776	1243	1066
26275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1421	995	853
26276		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1137	796	682
26277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1598	1119	959

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1279	895	767
26279		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1023	716	614
26280	20	Đường Hùng Vương	Đường Quốc lộ 13	Đường 7 tháng 4	Phường Lộc Ninh	4100	2900	2500
26281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1968	1378	1181
26282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1574	1102	944
26283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1259	881	755
26284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1771	1240	1063
26285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1417	992	850
26286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1133	793	680
26287	21	Đường Hùng Vương	Đường 7 tháng 4	Đường Đồng Khởi	Phường Lộc Ninh	3700	2600	2200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1776	1243	1066
26289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1421	995	853
26290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1137	796	682
26291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1598	1119	959
26292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1279	895	767
26293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1023	716	614
26294	22	Đường Hùng Vương	Đường Đồng Khởi	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Phường Lộc Ninh	3700	2600	2200
26295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1776	1243	1066
26296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1421	995	853
26297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1137	796	682

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1598	1119	959
26299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1279	895	767
26300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1023	716	614
26301	23	Hẻm đường Hùng Vương	Đường 7 tháng 4	Đường Hùng Vương	Phường Lộc Ninh	1500	1100	920
26302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	720	504	432
26303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	576	403	346
26304		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	461	323	277
26305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	648	454	389
26306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	518	363	311
26307		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	415	291	249

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26308	24	Đường khu phố Ninh Thái	Đường Huỳnh Tấn Phát	Giáp ranh xã Lộc Thái cũ	Phường Lộc Ninh	840	590	500
26309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Ninh Thái đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	403	282	242
26310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Ninh Thái đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	322	225	193
26311		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Ninh Thái đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	258	181	155
26312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Ninh Thái đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	363	254	218
26313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Ninh Thái đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	290	203	174
26314		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Ninh Thái đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	232	162	139
26315	25	Đường ven suối	Đầu ranh đất Trường Sao Mai mới	Cầu ngập	Phường Lộc Ninh	650	450	390
26316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven suối đoạn từ Đầu ranh đất Trường Sao Mai mới đến Cầu ngập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	312	218	187
26317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven suối đoạn từ Đầu ranh đất Trường Sao Mai mới đến Cầu ngập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	250	175	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26318		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven suối đoạn từ Đầu ranh đất Trường Sao Mai mới đến Cầu ngập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	200	140	120
26319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven suối đoạn từ Đầu ranh đất Trường Sao Mai mới đến Cầu ngập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	281	197	169
26320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven suối đoạn từ Đầu ranh đất Trường Sao Mai mới đến Cầu ngập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	225	158	135
26321		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven suối đoạn từ Đầu ranh đất Trường Sao Mai mới đến Cầu ngập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	180	126	108
26322	26	Đường Võ Thị Sáu	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	1100	750	640
26323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	528	370	317
26324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	422	295	253
26325		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	338	237	203
26326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	475	333	285
26327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	380	266	228
26328		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	304	213	182

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26329	27	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Nơ Trang Long	Đường Lê Hồng Phong	Phường Lộc Ninh	5400	3700	3200
26330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2592	1814	1555
26331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2074	1452	1244
26332		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1659	1161	995
26333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2333	1633	1400
26334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1867	1307	1120
26335		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1493	1045	896
26336	28	Đường Huỳnh Tấn Phát	Đường Quốc lộ 13	Cổng sau nhà máy chế biến mủ	Phường Lộc Ninh	6000	4200	3600
26337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cổng sau nhà máy chế biến mủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2880	2016	1728
26338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cổng sau nhà máy chế biến mủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2304	1613	1382

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26339		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cổng sau nhà máy chế biến mủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1843	1290	1106
26340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cổng sau nhà máy chế biến mủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2592	1814	1555
26341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cổng sau nhà máy chế biến mủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2074	1452	1244
26342		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cổng sau nhà máy chế biến mủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1659	1161	995
26343	29	Đường Huỳnh Tấn Phát	Cổng sau nhà máy chế biến mủ	Đường Quốc lộ 13	Phường Lộc Ninh	2700	1900	1600
26344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Cổng sau nhà máy chế biến mủ đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1296	907	778
26345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Cổng sau nhà máy chế biến mủ đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1037	726	622
26346		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Cổng sau nhà máy chế biến mủ đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	830	581	498
26347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Cổng sau nhà máy chế biến mủ đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1166	816	700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Cổng sau nhà máy chế biến mủ đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	933	653	560
26349		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Cổng sau nhà máy chế biến mủ đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	747	523	448
26350	30	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Đồng Khởi	Đường Điện Biên Phủ	Phường Lộc Ninh	6900	4800	4100
26351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	3312	2318	1987
26352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2650	1855	1590
26353		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	2120	1484	1272
26354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2981	2087	1789
26355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2385	1670	1431
26356		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1908	1336	1145
26357	31	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường 3 tháng 2	Phường Lộc Ninh	5400	3700	3200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2592	1814	1555
26359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2074	1452	1244
26360		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1659	1161	995
26361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2333	1633	1400
26362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1867	1307	1120
26363		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1493	1045	896
26364	32	Đường Lê Lợi	Giáp xã Lộc Thuận cũ	Đường Nguyễn Trãi	Phường Lộc Ninh	1100	800	690
26365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp xã Lộc Thuận cũ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	528	370	317
26366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp xã Lộc Thuận cũ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	422	295	253
26367		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp xã Lộc Thuận cũ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	338	237	203

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp xã Lộc Thuận cũ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	475	333	285
26369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp xã Lộc Thuận cũ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	380	266	228
26370		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp xã Lộc Thuận cũ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	304	213	182
26371	33	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Trãi	Hết tuyến	Phường Lộc Ninh	1800	1300	1100
26372		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	864	605	518
26373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	691	484	415
26374		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	553	387	332
26375		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	778	545	467
26376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	622	435	373
26377		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	498	349	299
26378	34	Đường Lý Thái Tổ	Đường Quốc lộ 13	Đường Nơ Trang Long	Phường Lộc Ninh	4100	2900	2500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26379		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1968	1378	1181
26380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1574	1102	944
26381		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1259	881	755
26382		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1771	1240	1063
26383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1417	992	850
26384		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1133	793	680
26385	35	Đường Lý Thái Tổ	Đường Nơ Trang Long	Ngã ba hố Bom Làng 10	Phường Lộc Ninh	3700	2600	2200
26386		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Ngã ba hố Bom Làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1776	1243	1066
26387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Ngã ba hố Bom Làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1421	995	853
26388		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Ngã ba hố Bom Làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1137	796	682

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26389		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Ngã ba hố Bom Làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1598	1119	959
26390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Ngã ba hố Bom Làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1279	895	767
26391		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Ngã ba hố Bom Làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1023	716	614
26392	36	Đường Lý Thái Tổ	Ngã ba hố Bom Làng 10	Giáp ranh xã Lộc Tấn	Phường Lộc Ninh	3200	2200	1900
26393		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Ngã ba hố Bom Làng 10 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1536	1075	922
26394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Ngã ba hố Bom Làng 10 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1229	860	737
26395		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Ngã ba hố Bom Làng 10 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	983	688	590
26396		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Ngã ba hố Bom Làng 10 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1382	967	829
26397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Ngã ba hố Bom Làng 10 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1106	774	664
26398		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Ngã ba hố Bom Làng 10 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	885	620	531

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26399	37	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Quốc lộ 13	Hết tuyến	Phường Lộc Ninh	3700	2600	2200
26400		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1776	1243	1066
26401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1421	995	853
26402		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1137	796	682
26403		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1598	1119	959
26404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1279	895	767
26405		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1023	716	614
26406	38	Đường Lý Tự Trọng	Đường Hùng Vương	Đường 7 tháng 4	Phường Lộc Ninh	8300	5800	5000
26407		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	3984	2789	2390
26408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	3187	2231	1912
26409		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	2550	1785	1530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26410		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	3586	2510	2152
26411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2868	2008	1721
26412		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	2295	1607	1377
26413	39	Đường Ngô Quyền	Đường Quốc lộ 13	Hết tuyến	Phường Lộc Ninh	4800	3400	2900
26414		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2304	1613	1382
26415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1843	1290	1106
26416		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1474	1032	884
26417		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2074	1452	1244
26418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1659	1161	995
26419		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1327	929	796

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26420	40	Đường Nguyễn Bỉnh	Đường Quốc lộ 13	Cuối đường	Phường Lộc Ninh	2300	1600	1400
26421		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1104	773	662
26422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	883	618	530
26423		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	706	494	424
26424		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	994	696	596
26425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	795	557	477
26426		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	635	445	381
26427	41	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường 7 tháng 4	Đường Huỳnh Tấn Phát	Phường Lộc Ninh	3800	2700	2300
26428		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1824	1277	1094
26429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1459	1021	875

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26430		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1167	817	700
26431		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1642	1149	985
26432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1313	919	788
26433		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1050	735	630
26434	42	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cầu ngập	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Lộc Ninh	3800	2700	2300
26435		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Cầu ngập đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1824	1277	1094
26436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Cầu ngập đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1459	1021	875
26437		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Cầu ngập đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1167	817	700
26438		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Cầu ngập đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1642	1149	985
26439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Cầu ngập đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1313	919	788

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26440		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Cầu ngập đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1050	735	630
26441	43	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường 7 tháng 4	Đường Đồng Khởi	Phường Lộc Ninh	6900	4800	4100
26442		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	3312	2318	1987
26443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2650	1855	1590
26444		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	2120	1484	1272
26445		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2981	2087	1789
26446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2385	1670	1431
26447		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1908	1336	1145
26448	44	Đường Nguyễn Du	Đường Hùng Vương	Giáp hẻm số 39	Phường Lộc Ninh	3400	2400	2000
26449		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp hẻm số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1632	1142	979
26450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp hẻm số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1306	914	784

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26451		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp hẻm số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1045	732	627
26452		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp hẻm số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1469	1028	881
26453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp hẻm số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1175	823	705
26454		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp hẻm số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	941	659	565
26455	45	Đường Nguyễn Du	Giáp hẻm số 39	Giáp ngã ba đi xã Lộc Hiệp cũ	Phường Lộc Ninh	3200	2200	1900
26456		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Giáp hẻm số 39 đến Giáp ngã ba đi xã Lộc Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1536	1075	922
26457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Giáp hẻm số 39 đến Giáp ngã ba đi xã Lộc Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1229	860	737
26458		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Giáp hẻm số 39 đến Giáp ngã ba đi xã Lộc Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	983	688	590
26459		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Giáp hẻm số 39 đến Giáp ngã ba đi xã Lộc Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1382	967	829
26460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Giáp hẻm số 39 đến Giáp ngã ba đi xã Lộc Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1106	774	664

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26461		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Giáp hẻm số 39 đến Giáp ngã ba đi xã Lộc Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	885	620	531
26462	46	Đường Nguyễn Huệ	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	2300	1600	1400
26463		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1104	773	662
26464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	883	618	530
26465		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	706	494	424
26466		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	994	696	596
26467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	795	557	477
26468		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	635	445	381
26469	47	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	4600	3200	2800
26470		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2208	1546	1325
26471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1766	1236	1060
26472		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1413	989	848

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26473		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1987	1391	1192
26474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1589	1112	953
26475		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1272	890	763
26476	48	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Quốc lộ 13	Đường Nơ Trang Long	Phường Lộc Ninh	5700	4000	3400
26477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2736	1915	1642
26478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2189	1532	1313
26479		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1751	1226	1051
26480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2462	1723	1477
26481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1970	1379	1182
26482		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1576	1103	946

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26483	49	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nơ Trang Long	Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ	Phường Lộc Ninh	5100	3600	3100
26484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2448	1714	1469
26485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1958	1371	1175
26486		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1566	1096	940
26487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2203	1542	1322
26488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1762	1233	1057
26489		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1409	986	845
26490	50	Đường Nguyễn Thị Định	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	4300	3000	2600
26491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2064	1445	1238
26492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1651	1156	991

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26493		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1321	925	793
26494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1858	1301	1115
26495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1486	1040	892
26496		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1189	832	713
26497	51	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường 3 tháng 2	Phường Lộc Ninh	5400	3700	3200
26498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2592	1814	1555
26499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2074	1452	1244
26500		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1659	1161	995
26501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2333	1633	1400
26502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1867	1307	1120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26503		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1493	1045	896
26504	52	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi	Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ	Phường Lộc Ninh	920	640	550
26505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Lê Lợi đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	442	309	265
26506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Lê Lợi đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	354	248	212
26507		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Lê Lợi đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	283	198	170
26508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Lê Lợi đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	398	279	239
26509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Lê Lợi đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	319	223	191
26510		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Lê Lợi đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	255	179	153
26511	53	Đường Nguyễn Văn Cừ	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	4600	3200	2800
26512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2208	1546	1325
26513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1766	1236	1060

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26514		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1413	989	848
26515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1987	1391	1192
26516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1589	1112	953
26517		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1272	890	763
26518	54	Đường Nguyễn Văn Linh	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	4600	3200	2800
26519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2208	1546	1325
26520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1766	1236	1060
26521		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1413	989	848
26522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1987	1391	1192
26523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1589	1112	953
26524		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1272	890	763

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26525	55	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Quốc lộ 13	Cuối đường	Phường Lộc Ninh	2800	1900	1700
26526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1344	941	806
26527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1075	753	645
26528		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	860	602	516
26529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1210	847	726
26530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	968	678	581
26531		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	774	542	464
26532	56	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lý Thái Tổ	Phường Lộc Ninh	4100	2900	2500
26533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1968	1378	1181
26534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1574	1102	944
26535		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1259	881	755

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1771	1240	1063
26537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1417	992	850
26538		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1133	793	680
26539	57	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Du	Phường Lộc Ninh	1400	960	830
26540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	672	470	403
26541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	538	377	323
26542		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	430	301	258
26543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	605	424	363
26544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	484	339	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26545		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	387	271	232
26546	58	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Lý Thường Kiệt	Giáp đường Lộc Tấn	Phường Lộc Ninh	770	540	460
26547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Giáp đường Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	370	259	222
26548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Giáp đường Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	296	207	178
26549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Giáp đường Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	237	166	142
26550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Giáp đường Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	333	233	200
26551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Giáp đường Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	266	186	160
26552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Giáp đường Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	213	149	128
26553	59	Đường Phan Bội Châu	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ	Phường Lộc Ninh	1800	1300	1100
26554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	864	605	518

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	691	484	415
26556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	553	387	332
26557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	778	545	467
26558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	622	435	373
26559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	498	349	299
26560	60	Đường Phan Bội Châu	Ngã tư Biên Phòng	Cầu ông Năm Tài	Phường Lộc Ninh	1700	1200	1000
26561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Cầu ông Năm Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	816	571	490
26562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Cầu ông Năm Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	653	457	392
26563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Cầu ông Năm Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	522	365	313
26564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Cầu ông Năm Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	734	514	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Cầu ông Năm Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	588	412	353
26566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Cầu ông Năm Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	470	329	282
26567	61	Đường Phan Bội Châu	Cầu ông Năm Tài	Hết ranh đất lô Cao Su	Phường Lộc Ninh	920	640	550
26568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Cầu ông Năm Tài đến Hết ranh đất lô Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	442	309	265
26569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Cầu ông Năm Tài đến Hết ranh đất lô Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	354	248	212
26570		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Cầu ông Năm Tài đến Hết ranh đất lô Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	283	198	170
26571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Cầu ông Năm Tài đến Hết ranh đất lô Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	398	279	239
26572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Cầu ông Năm Tài đến Hết ranh đất lô Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	319	223	191
26573		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Cầu ông Năm Tài đến Hết ranh đất lô Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	255	179	153
26574	62	Đường Phan Chu Trinh	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Tấn	Phường Lộc Ninh	3400	2400	2100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1632	1142	979
26576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1306	914	784
26577		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1045	732	627
26578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1469	1028	881
26579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1175	823	705
26580		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	941	659	565
26581	63	Đường Phan Chu Trinh	Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Lộc Ninh, Xã Lộc Tấn	3300	2300	2000
26582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh, Xã Lộc Tấn	1584	1109	950
26583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh, Xã Lộc Tấn	1267	887	760
26584		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh, Xã Lộc Tấn	1014	710	608

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh, Xã Lộc Tấn	1426	998	856
26586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh, Xã Lộc Tấn	1140	798	684
26587		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh, Xã Lộc Tấn	913	639	548
26588	64	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Lộc Ninh	3700	2600	2200
26589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1776	1243	1066
26590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1421	995	853
26591		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1137	796	682
26592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1598	1119	959
26593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1279	895	767

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26594		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1023	716	614
26595	65	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Văn Linh	Cuối đường	Phường Lộc Ninh	4700	3300	2800
26596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2256	1579	1354
26597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1805	1264	1083
26598		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1444	1011	866
26599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2030	1421	1218
26600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1625	1138	975
26601		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1300	910	780
26602	66	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 7 tháng 4	Hết đất bà Thanh Tế	Phường Lộc Ninh	6900	4800	4100
26603		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Hết đất bà Thanh Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	3312	2318	1987
26604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Hết đất bà Thanh Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2650	1855	1590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26605		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Hết đất bà Thanh Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	2120	1484	1272
26606		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Hết đất bà Thanh Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2981	2087	1789
26607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Hết đất bà Thanh Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2385	1670	1431
26608		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Hết đất bà Thanh Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1908	1336	1145
26609	67	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đất bà Thanh Tế	Đường Quốc lộ 13	Phường Lộc Ninh	7300	5100	4400
26610		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Hết đất bà Thanh Tế đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	3504	2453	2102
26611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Hết đất bà Thanh Tế đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2803	1962	1682
26612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Hết đất bà Thanh Tế đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	2242	1569	1345
26613		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Hết đất bà Thanh Tế đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	3154	2208	1892
26614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Hết đất bà Thanh Tế đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2523	1766	1514

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Hết đất bà Thanh Tế đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	2018	1413	1211
26616	68	Đường Trần Phú	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	4800	3400	2900
26617		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2304	1613	1382
26618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1843	1290	1106
26619		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1474	1032	884
26620		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2074	1452	1244
26621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1659	1161	995
26622		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1327	929	796
26623	69	Đường Trần Quốc Toản	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	990	700	600
26624		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	475	333	285
26625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	380	266	228
26626		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	304	213	182

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26627		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	428	300	257
26628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	342	239	205
26629		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	274	192	164
26630	70	Đường Trần Văn Trà	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	2700	1900	1600
26631		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1296	907	778
26632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1037	726	622
26633		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	830	581	498
26634		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1166	816	700
26635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	933	653	560
26636		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	747	523	448
26637	71	Đường Trương Công Định	Đường Nơ Trang Long	Đường Lê Hồng Phong	Phường Lộc Ninh	5400	3700	3200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26638		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2592	1814	1555
26639		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	2074	1452	1244
26640		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1659	1161	995
26641		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2333	1633	1400
26642		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1867	1307	1120
26643		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1493	1045	896
26644	72	Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7 trong khu quy hoạch khu dân cư thị trấn (cũ)	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	4300	3000	2600
26645		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7 trong khu quy hoạch khu dân cư thị trấn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	2064	1445	1238
26646		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7 trong khu quy hoạch khu dân cư thị trấn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1651	1156	991

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26647		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7 trong khu quy hoạch khu dân cư thị trấn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1321	925	793
26648		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7 trong khu quy hoạch khu dân cư thị trấn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1858	1301	1115
26649		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7 trong khu quy hoạch khu dân cư thị trấn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1486	1040	892
26650		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7 trong khu quy hoạch khu dân cư thị trấn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1189	832	713
26651	73	Đường kè suối cầu Lò Heo	Đường Quốc lộ 13	Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 8 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 26	Phường Lộc Ninh	2700	1900	1600
26652		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kè suối cầu Lò Heo đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 8 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1296	907	778
26653		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kè suối cầu Lò Heo đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 8 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1037	726	622
26654		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kè suối cầu Lò Heo đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 8 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	830	581	498
26655		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kè suối cầu Lò Heo đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 8 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1166	816	700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26656		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kè suối cầu Lò Heo đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 8 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	933	653	560
26657		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kè suối cầu Lò Heo đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 8 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	747	523	448
26658	74	Đường từ cầu Ông Kỳ đi cổng sau nhà máy chế biến cao su Lộc Ninh	Đường Điện Biên Phủ	Đường Huỳnh Tấn Phát	Phường Lộc Ninh	3400	2400	2100
26659		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ cầu Ông Kỳ đi cổng sau nhà máy chế biến cao su Lộc Ninh đoạn từ Đường Điện Biên Phủ đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1632	1142	979
26660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ cầu Ông Kỳ đi cổng sau nhà máy chế biến cao su Lộc Ninh đoạn từ Đường Điện Biên Phủ đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1306	914	784
26661		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ cầu Ông Kỳ đi cổng sau nhà máy chế biến cao su Lộc Ninh đoạn từ Đường Điện Biên Phủ đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1045	732	627
26662		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ cầu Ông Kỳ đi cổng sau nhà máy chế biến cao su Lộc Ninh đoạn từ Đường Điện Biên Phủ đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1469	1028	881
26663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ cầu Ông Kỳ đi cổng sau nhà máy chế biến cao su Lộc Ninh đoạn từ Đường Điện Biên Phủ đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1175	823	705

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26664		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ cầu Ông Kỳ đi cổng sau nhà máy chế biến cao su Lộc Ninh đoạn từ Đường Điện Biên Phủ đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	941	659	565
26665	75	Các tuyến đường nội bộ trong khu đô thị Trung tâm hành chính - Thương mại - Dịch vụ dân cư huyện Lộc Ninh (cũ)	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	4100	2900	2500
26666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội bộ trong khu đô thị Trung tâm hành chính - Thương mại - Dịch vụ dân cư huyện Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1968	1378	1181
26667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội bộ trong khu đô thị Trung tâm hành chính - Thương mại - Dịch vụ dân cư huyện Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1574	1102	944
26668		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội bộ trong khu đô thị Trung tâm hành chính - Thương mại - Dịch vụ dân cư huyện Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1259	881	755
26669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội bộ trong khu đô thị Trung tâm hành chính - Thương mại - Dịch vụ dân cư huyện Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1771	1240	1063
26670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội bộ trong khu đô thị Trung tâm hành chính - Thương mại - Dịch vụ dân cư huyện Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1417	992	850
26671		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội bộ trong khu đô thị Trung tâm hành chính - Thương mại - Dịch vụ dân cư huyện Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1133	793	680
26672	76	Đường D1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trần Phú	Phường Lộc Ninh	3400	2400	2100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26673		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1632	1142	979
26674		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1306	914	784
26675		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	1045	732	627
26676		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1469	1028	881
26677		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1175	823	705
26678		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	941	659	565
26679	77	Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Nguyễn Bình	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	1700	1200	1000
26680		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	816	571	490
26681		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	653	457	392
26682		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	522	365	313

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26683		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	734	514	440
26684		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	588	412	353
26685		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	470	329	282
26686	78	Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Trường tiểu học Lộc Ninh A	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	2400	1700	1500
26687		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Trường tiểu học Lộc Ninh A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1152	806	691
26688		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Trường tiểu học Lộc Ninh A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	922	645	553
26689		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Trường tiểu học Lộc Ninh A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	738	517	443
26690		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Trường tiểu học Lộc Ninh A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1037	726	622
26691		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Trường tiểu học Lộc Ninh A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	830	581	498
26692		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Trường tiểu học Lộc Ninh A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	664	465	398

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26693	79	Đường Phan Châu Trinh	Ngã tư Biên Phòng	Ngã ba đường Nguyễn Huệ	Phường Lộc Ninh	3100	2200	1900
26694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Ngã ba đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1488	1042	893
26695		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Ngã ba đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1190	833	714
26696		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Ngã ba đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	952	666	571
26697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Ngã ba đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1339	937	803
26698		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Ngã ba đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	1071	750	643
26699		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Ngã ba đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	857	600	514
26700	80	Đường Phan Châu Trinh	Ngã ba đường Nguyễn Huệ	Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ	Phường Lộc Ninh	2100	1500	1300
26701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Huệ đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	1008	706	605
26702		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Huệ đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	806	564	484

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26703		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Huệ đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	645	452	387
26704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Huệ đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	907	635	544
26705		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Huệ đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	725	508	435
26706		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Huệ đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	581	407	349
26707	81	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba mới	Ngã ba cầu Đỏ	Phường Lộc Ninh	1400	960	830
26708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba mới đến Ngã ba cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	672	470	403
26709		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba mới đến Ngã ba cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	538	377	323
26710		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba mới đến Ngã ba cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	430	301	258
26711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba mới đến Ngã ba cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	605	424	363

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26712		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba mới đến Ngã ba cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	484	339	290
26713		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba mới đến Ngã ba cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	387	271	232
26714	82	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba cầu Đỏ	Ngã ba cuối trường cấp III	Phường Lộc Ninh	990	700	600
26715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cầu Đỏ đến Ngã ba cuối trường cấp III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	475	333	285
26716		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cầu Đỏ đến Ngã ba cuối trường cấp III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	380	266	228
26717		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cầu Đỏ đến Ngã ba cuối trường cấp III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	304	213	182
26718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cầu Đỏ đến Ngã ba cuối trường cấp III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	428	300	257
26719		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cầu Đỏ đến Ngã ba cuối trường cấp III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	342	239	205
26720		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cầu Đỏ đến Ngã ba cuối trường cấp III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	274	192	164
26721	83	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba cuối trường cấp III	Ranh xã Lộc Khánh cũ	Phường Lộc Ninh	770	540	460

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cuối trường cấp III đến Ranh xã Lộc Khánh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	370	259	222
26723		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cuối trường cấp III đến Ranh xã Lộc Khánh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	296	207	178
26724		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cuối trường cấp III đến Ranh xã Lộc Khánh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	237	166	142
26725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cuối trường cấp III đến Ranh xã Lộc Khánh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	333	233	200
26726		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cuối trường cấp III đến Ranh xã Lộc Khánh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	266	186	160
26727		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cuối trường cấp III đến Ranh xã Lộc Khánh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	213	149	128
26728	84	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba nhà ông Lân	Ngã ba nhà ông Sáu Thu	Phường Lộc Ninh	770	540	460
26729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Lân đến Ngã ba nhà ông Sáu Thu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	370	259	222
26730		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Lân đến Ngã ba nhà ông Sáu Thu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	296	207	178

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26731		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Lân đến Ngã ba nhà ông Sáu Thu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	237	166	142
26732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Lân đến Ngã ba nhà ông Sáu Thu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	333	233	200
26733		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Lân đến Ngã ba nhà ông Sáu Thu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	266	186	160
26734		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Lân đến Ngã ba nhà ông Sáu Thu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	213	149	128
26735	85	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba nhà ông Sáu Thu	Giáp đường liên xã	Phường Lộc Ninh	360	250	220
26736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Sáu Thu đến Giáp đường liên xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	173	121	104
26737		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Sáu Thu đến Giáp đường liên xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	138	97	83
26738		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Sáu Thu đến Giáp đường liên xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	110	77	66
26739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Sáu Thu đến Giáp đường liên xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	156	109	94

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26740		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Sáu Thu đến Giáp đường liên xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	124	87	74
26741		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Sáu Thu đến Giáp đường liên xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	99	69	59
26742	86	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba cũ (xóm bưng)	Cầu Đỏ	Phường Lộc Ninh	1500	1100	920
26743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cũ (xóm bưng) đến Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	720	504	432
26744		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cũ (xóm bưng) đến Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	576	403	346
26745		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cũ (xóm bưng) đến Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	461	323	277
26746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cũ (xóm bưng) đến Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	648	454	389
26747		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cũ (xóm bưng) đến Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	518	363	311
26748		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cũ (xóm bưng) đến Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	415	291	249
26749	87	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Cầu Đỏ	Đến ranh Lộc Ninh - Lộc Hưng	Phường Lộc Ninh	1100	750	640

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Cầu Đỏ đến Đền ranh Lộc Ninh - Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	528	370	317
26751		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Cầu Đỏ đến Đền ranh Lộc Ninh - Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	422	295	253
26752		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Cầu Đỏ đến Đền ranh Lộc Ninh - Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	338	237	203
26753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Cầu Đỏ đến Đền ranh Lộc Ninh - Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	475	333	285
26754		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Cầu Đỏ đến Đền ranh Lộc Ninh - Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	380	266	228
26755		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Cầu Đỏ đến Đền ranh Lộc Ninh - Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	304	213	182
26756	88	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn	hết ranh thửa đất số 108, tờ bản đồ số 130	Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1	Phường Lộc Ninh	1500	1000	870
26757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ hết ranh thửa đất số 108, tờ bản đồ số 130 đến Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	720	504	432
26758		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ hết ranh thửa đất số 108, tờ bản đồ số 130 đến Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	576	403	346

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26759		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ hết ranh thửa đất số 108, tờ bản đồ số 130 đến Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	461	323	277
26760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ hết ranh thửa đất số 108, tờ bản đồ số 130 đến Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	648	454	389
26761		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ hết ranh thửa đất số 108, tờ bản đồ số 130 đến Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	518	363	311
26762		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ hết ranh thửa đất số 108, tờ bản đồ số 130 đến Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	415	291	249
26763	89	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn	Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1	Giáp ranh xã Lộc Tấn	Phường Lộc Ninh	650	450	390
26764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	312	218	187
26765		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	250	175	150
26766		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	200	140	120
26767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	281	197	169

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26768		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	225	158	135
26769		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	180	126	108
26770	90	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	650	450	390
26771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	312	218	187
26772		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	250	175	150
26773		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	200	140	120
26774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	281	197	169
26775		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	225	158	135
26776		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	180	126	108
26777	91	Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3	Giáp đường Quốc lộ 13	Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130	Phường Lộc Ninh	1900	1300	1100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	912	638	547
26779		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	730	511	438
26780		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	584	409	350
26781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	821	575	493
26782		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	657	460	394
26783		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	526	368	316
26784	92	Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3	Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130	Hết tuyến	Phường Lộc Ninh	1200	860	730
26785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	576	403	346
26786		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26787		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	369	258	221
26788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	518	363	311
26789		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	415	291	249
26790		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	332	232	199
26791	93	Đường tránh Quốc lộ 13	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	920	640	550
26792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tránh Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	442	309	265
26793		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tránh Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	354	248	212
26794		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tránh Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	283	198	170
26795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tránh Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	398	279	239
26796		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tránh Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	319	223	191

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26797		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tránh Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	255	179	153
26798	94	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Giáp ranh xã Lộc Hưng	Hết đất cây xăng Minh Tú	Phường Lộc Ninh	1100	800	690
26799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	528	370	317
26800		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	422	295	253
26801		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	338	237	203
26802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	475	333	285
26803		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	380	266	228
26804		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	304	213	182

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26805	95	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Hết đất cây xăng Minh Tú	Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái	Phường Lộc Ninh	1500	1000	870
26806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	720	504	432
26807		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	576	403	346
26808		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	461	323	277
26809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	648	454	389
26810		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	518	363	311
26811		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	415	291	249
26812	96	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái	Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành	Phường Lộc Ninh	1300	910	780

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	624	437	374
26814		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	499	349	299
26815		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	399	279	239
26816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	562	393	337
26817		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	449	314	269
26818		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	359	251	215
26819	97	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Phường Lộc Ninh	1900	1300	1100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	912	638	547
26821		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	730	511	438
26822		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	584	409	350
26823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	821	575	493
26824		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	657	460	394
26825		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	526	368	316
26826	98	Đường khu 1 - Đoạn 1	Thửa đất số 2	Thửa đất số 18	Phường Lộc Ninh	1200	860	730
26827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 1 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 2 đến Thửa đất số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	576	403	346
26828		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 1 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 2 đến Thửa đất số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26829		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 1 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 2 đến Thửa đất số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	369	258	221
26830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 1 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 2 đến Thửa đất số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	518	363	311
26831		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 1 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 2 đến Thửa đất số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	415	291	249
26832		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 1 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 2 đến Thửa đất số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	332	232	199
26833	99	Đường khu 1 - Đoạn 2	Thửa đất số 3	Thửa đất số 19	Phường Lộc Ninh	1200	860	730
26834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 1 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 3 đến Thửa đất số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	576	403	346
26835		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 1 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 3 đến Thửa đất số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	461	323	277
26836		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 1 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 3 đến Thửa đất số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	369	258	221
26837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 1 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 3 đến Thửa đất số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	518	363	311
26838		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 1 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 3 đến Thửa đất số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	415	291	249

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26839		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 1 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 3 đến Thửa đất số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	332	232	199
26840	100	Đường khu 2	Thửa đất số 21	Thửa đất số 29	Phường Lộc Ninh	1200	860	730
26841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 2 đoạn từ Thửa đất số 21 đến Thửa đất số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	576	403	346
26842		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 2 đoạn từ Thửa đất số 21 đến Thửa đất số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	461	323	277
26843		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 2 đoạn từ Thửa đất số 21 đến Thửa đất số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	369	258	221
26844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 2 đoạn từ Thửa đất số 21 đến Thửa đất số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	518	363	311
26845		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 2 đoạn từ Thửa đất số 21 đến Thửa đất số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	415	291	249
26846		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 2 đoạn từ Thửa đất số 21 đến Thửa đất số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	332	232	199
26847	101	Đường khu 3	Thửa đất số 30	Thửa đất số 43	Phường Lộc Ninh	1200	860	730
26848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 3 đoạn từ Thửa đất số 30 đến Thửa đất số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	576	403	346
26849		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 3 đoạn từ Thửa đất số 30 đến Thửa đất số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26850		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 3 đoạn từ Thửa đất số 30 đến Thửa đất số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	369	258	221
26851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 3 đoạn từ Thửa đất số 30 đến Thửa đất số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	518	363	311
26852		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 3 đoạn từ Thửa đất số 30 đến Thửa đất số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	415	291	249
26853		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 3 đoạn từ Thửa đất số 30 đến Thửa đất số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	332	232	199
26854	102	Đường khu 4 - Đoạn 1	Thửa đất số 44	Thửa đất số 69	Phường Lộc Ninh	1200	860	730
26855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 4 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 44 đến Thửa đất số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	576	403	346
26856		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 4 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 44 đến Thửa đất số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	461	323	277
26857		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 4 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 44 đến Thửa đất số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	369	258	221
26858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 4 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 44 đến Thửa đất số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	518	363	311
26859		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 4 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 44 đến Thửa đất số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	415	291	249

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26860		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 4 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 44 đến Thửa đất số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	332	232	199
26861	103	Đường khu 4 - Đoạn 2	Thửa đất số 45	Thửa đất số 68	Phường Lộc Ninh	1200	860	730
26862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 4 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 45 đến Thửa đất số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	576	403	346
26863		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 4 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 45 đến Thửa đất số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	461	323	277
26864		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 4 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 45 đến Thửa đất số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	369	258	221
26865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 4 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 45 đến Thửa đất số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	518	363	311
26866		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 4 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 45 đến Thửa đất số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	415	291	249
26867		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 4 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 45 đến Thửa đất số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	332	232	199
26868	104	Đường khu 5	Thửa đất số 70	Thửa đất số 81	Phường Lộc Ninh	1200	860	730
26869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 5 đoạn từ Thửa đất số 70 đến Thửa đất số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	576	403	346
26870		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 5 đoạn từ Thửa đất số 70 đến Thửa đất số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26871		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 5 đoạn từ Thửa đất số 70 đến Thửa đất số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	369	258	221
26872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 5 đoạn từ Thửa đất số 70 đến Thửa đất số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	518	363	311
26873		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 5 đoạn từ Thửa đất số 70 đến Thửa đất số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	415	291	249
26874		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 5 đoạn từ Thửa đất số 70 đến Thửa đất số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	332	232	199
26875	105	Đường khu 6	Thửa đất số 82	Thửa đất số 106	Phường Lộc Ninh	1200	860	730
26876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 6 đoạn từ Thửa đất số 82 đến Thửa đất số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	576	403	346
26877		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 6 đoạn từ Thửa đất số 82 đến Thửa đất số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	461	323	277
26878		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 6 đoạn từ Thửa đất số 82 đến Thửa đất số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	369	258	221
26879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 6 đoạn từ Thửa đất số 82 đến Thửa đất số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	518	363	311
26880		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 6 đoạn từ Thửa đất số 82 đến Thửa đất số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	415	291	249
26881		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 6 đoạn từ Thửa đất số 82 đến Thửa đất số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	332	232	199

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26882	106	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Ngã ba đội III	Phường Lộc Ninh	490	340	290
26883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	235	165	141
26884		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	188	132	113
26885		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	150	105	90
26886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	212	148	127
26887		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	169	118	101
26888		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	135	95	81
26889	Tách đoạn từ 106	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang	Ngã ba đội III	Cầu Bù Linh (thửa đất số 1, tờ bản đồ 86	Phường Lộc Ninh	410	280	240
26890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Ngã ba đội III đến Cầu Bù Linh (thửa đất số 1, tờ bản đồ 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	197	138	118

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26891		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Ngã ba đội III đến Cầu Bù Linh (thửa đất số 1, tờ bản đồ 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	158	111	95
26892		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Ngã ba đội III đến Cầu Bù Linh (thửa đất số 1, tờ bản đồ 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	126	88	76
26893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Ngã ba đội III đến Cầu Bù Linh (thửa đất số 1, tờ bản đồ 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	177	124	106
26894		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Ngã ba đội III đến Cầu Bù Linh (thửa đất số 1, tờ bản đồ 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	142	99	85
26895		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Ngã ba đội III đến Cầu Bù Linh (thửa đất số 1, tờ bản đồ 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	113	79	68
26896	107	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba Tam Lang	Giáp ranh xã Lộc Quang	Phường Lộc Ninh	410	280	240
26897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	197	138	118
26898		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	158	111	95
26899		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	126	88	76

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	177	124	106
26901		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	142	99	85
26902		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	113	79	68
26903	Tách đoạn từ 107	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba Tam Lang	Ngã ba đội IV	Phường Lộc Ninh	410	280	240
26904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Ngã ba đội IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	197	138	118
26905		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Ngã ba đội IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	158	111	95
26906		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Ngã ba đội IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	126	88	76
26907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Ngã ba đội IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	177	124	106
26908		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Ngã ba đội IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	142	99	85

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26909		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Ngã ba đội IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	113	79	68
26910	Tách đoạn từ 107	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba đội IV	Ngã ba công an	Phường Lộc Ninh	490	340	290
26911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba đội IV đến Ngã ba công an có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	235	165	141
26912		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba đội IV đến Ngã ba công an có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	188	132	113
26913		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba đội IV đến Ngã ba công an có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	150	105	90
26914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba đội IV đến Ngã ba công an có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	212	148	127
26915		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba đội IV đến Ngã ba công an có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	169	118	101
26916		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba đội IV đến Ngã ba công an có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	135	95	81
26917	Tách đoạn từ 107	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba công an	Ngã ba đội II	Phường Lộc Ninh	490	340	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba công an đến Ngã ba đội II có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	235	165	141
26919		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba công an đến Ngã ba đội II có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	188	132	113
26920		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba công an đến Ngã ba đội II có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	150	105	90
26921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba công an đến Ngã ba đội II có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	212	148	127
26922		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba công an đến Ngã ba đội II có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	169	118	101
26923		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba công an đến Ngã ba đội II có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	135	95	81
26924	108	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba Công an xã tại thửa 26 tờ bản 117	Giáp ranh xã Lộc Hưng tại thửa đất số 352, tờ bản đồ 120	Phường Lộc Ninh	410	280	240
26925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Công an xã tại thửa 26 tờ bản 117 đến Giáp ranh xã Lộc Hưng tại thửa đất số 352, tờ bản đồ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	197	138	118
26926		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Công an xã tại thửa 26 tờ bản 117 đến Giáp ranh xã Lộc Hưng tại thửa đất số 352, tờ bản đồ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	158	111	95

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26927		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Công an xã tại thửa 26 tờ bản 117 đến Giáp ranh xã Lộc Hưng tại thửa đất số 352, tờ bản đồ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	126	88	76
26928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Công an xã tại thửa 26 tờ bản 117 đến Giáp ranh xã Lộc Hưng tại thửa đất số 352, tờ bản đồ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	177	124	106
26929		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Công an xã tại thửa 26 tờ bản 117 đến Giáp ranh xã Lộc Hưng tại thửa đất số 352, tờ bản đồ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	142	99	85
26930		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Công an xã tại thửa 26 tờ bản 117 đến Giáp ranh xã Lộc Hưng tại thửa đất số 352, tờ bản đồ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	113	79	68
26931	109	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba Tam Lang tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 83	Ngã ba đội III	Phường Lộc Ninh	410	280	240
26932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 83 đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	197	138	118
26933		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 83 đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	158	111	95
26934		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 83 đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	126	88	76
26935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 83 đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	177	124	106

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26936		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 83 đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	142	99	85
26937		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 83 đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	113	79	68
26938	110	Đường kè suối Lộc Ninh	Cầu chế biến Lộc Ninh	Cầu đỏ xã Lộc Hưng	Phường Lộc Ninh	830	580	500
26939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kè suối Lộc Ninh đoạn từ Cầu chế biến Lộc Ninh đến Cầu đỏ xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	398	279	239
26940		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kè suối Lộc Ninh đoạn từ Cầu chế biến Lộc Ninh đến Cầu đỏ xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	318	223	191
26941		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kè suối Lộc Ninh đoạn từ Cầu chế biến Lộc Ninh đến Cầu đỏ xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	254	178	152
26942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kè suối Lộc Ninh đoạn từ Cầu chế biến Lộc Ninh đến Cầu đỏ xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	358	251	215
26943		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kè suối Lộc Ninh đoạn từ Cầu chế biến Lộc Ninh đến Cầu đỏ xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	286	200	172
26944		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kè suối Lộc Ninh đoạn từ Cầu chế biến Lộc Ninh đến Cầu đỏ xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	229	160	137
26945	111	Đường kè suối Cầu Mua	Cầu mua thôn Lộc Thái 3	Nhà ông Năng	Phường Lộc Ninh	830	580	500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kè suối Cầu Mua đoạn từ Cầu mua thôn Lộc Thái 3 đến Nhà ông Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	398	279	239
26947		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kè suối Cầu Mua đoạn từ Cầu mua thôn Lộc Thái 3 đến Nhà ông Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	318	223	191
26948		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kè suối Cầu Mua đoạn từ Cầu mua thôn Lộc Thái 3 đến Nhà ông Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	254	178	152
26949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kè suối Cầu Mua đoạn từ Cầu mua thôn Lộc Thái 3 đến Nhà ông Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	358	251	215
26950		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kè suối Cầu Mua đoạn từ Cầu mua thôn Lộc Thái 3 đến Nhà ông Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	286	200	172
26951		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kè suối Cầu Mua đoạn từ Cầu mua thôn Lộc Thái 3 đến Nhà ông Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	229	160	137
26952	Bổ sung	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ)	Nhà máy hạt điều (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 143)	Giáp ranh xã Lộc Hưng	Phường Lộc Ninh	570	400	340
26953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Nhà máy hạt điều (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 143) đến Giáp ranh xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	274	192	164
26954		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Nhà máy hạt điều (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 143) đến Giáp ranh xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	219	153	131

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26955		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Nhà máy hạt điều (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 143) đến Giáp ranh xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	175	123	105
26956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Nhà máy hạt điều (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 143) đến Giáp ranh xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	247	173	148
26957		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Nhà máy hạt điều (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 143) đến Giáp ranh xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	197	138	118
26958		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Nhà máy hạt điều (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 143) đến Giáp ranh xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	158	111	95
26959	Bổ sung	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 1	Ngã ba Đội III	Cầu Bù Linh (thửa đất số 16 và thửa đất số 11, tờ bản đồ 86) - Giáp xã Lộc Quang	Phường Lộc Ninh	410	280	240
26960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 1 đoạn từ Ngã ba Đội III đến Cầu Bù Linh (thửa đất số 16 và thửa đất số 11, tờ bản đồ 86) - Giáp xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	197	138	118
26961		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 1 đoạn từ Ngã ba Đội III đến Cầu Bù Linh (thửa đất số 16 và thửa đất số 11, tờ bản đồ 86) - Giáp xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	158	111	95
26962		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 1 đoạn từ Ngã ba Đội III đến Cầu Bù Linh (thửa đất số 16 và thửa đất số 11, tờ bản đồ 86) - Giáp xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	126	88	76

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 1 đoạn từ Ngã ba Đội III đến Cầu Bù Linh (thửa đất số 16 và thửa đất số 11, tờ bản đồ 86) - Giáp xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	177	124	106
26964		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 1 đoạn từ Ngã ba Đội III đến Cầu Bù Linh (thửa đất số 16 và thửa đất số 11, tờ bản đồ 86) - Giáp xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	142	99	85
26965		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 1 đoạn từ Ngã ba Đội III đến Cầu Bù Linh (thửa đất số 16 và thửa đất số 11, tờ bản đồ 86) - Giáp xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	113	79	68
26966	Bổ sung	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 2	Ngã ba thửa đất số 107, tờ bản đồ số 82	Cầu Hai Hổ	Phường Lộc Ninh	490	340	290
26967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 2 đoạn từ Ngã ba thửa đất số 107, tờ bản đồ số 82 đến Cầu Hai Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	235	165	141
26968		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 2 đoạn từ Ngã ba thửa đất số 107, tờ bản đồ số 82 đến Cầu Hai Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	188	132	113
26969		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 2 đoạn từ Ngã ba thửa đất số 107, tờ bản đồ số 82 đến Cầu Hai Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	150	105	90
26970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 2 đoạn từ Ngã ba thửa đất số 107, tờ bản đồ số 82 đến Cầu Hai Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	212	148	127
26971		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 2 đoạn từ Ngã ba thửa đất số 107, tờ bản đồ số 82 đến Cầu Hai Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	169	118	101

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26972		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 2 đoạn từ Ngã ba thửa đất số 107, tờ bản đồ số 82 đến Cầu Hai Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	135	95	81
26973	1	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê)	Ngã tư Đồng Tâm	Xã Lộc Thành	1.800	1.300	1.100
26974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	792	554	475
26975		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	634	444	380
26976		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	507	355	304
26977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	713	499	428
26978		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	571	400	343
26979		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	456	319	274
26980	4	Đường ĐT 754	Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa	Giáp ranh Campuchia	Xã Lộc Thành	610	430	370
26981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	317	222	190

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	254	178	152
26983		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	203	142	122
26984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	285	200	171
26985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	229	160	137
26986		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	183	128	110
26987	5	Đường ĐT 754	Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết	Giáp ranh tỉnh Tây Ninh	Xã Lộc Thành	610	430	370
26988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết đến Giáp ranh tỉnh Tây Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	317	222	190
26989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết đến Giáp ranh tỉnh Tây Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	254	178	152
26990		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết đến Giáp ranh tỉnh Tây Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	203	142	122

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
26991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết đến Giáp ranh tỉnh Tây Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	285	200	171
26992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết đến Giáp ranh tỉnh Tây Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	229	160	137
26993		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết đến Giáp ranh tỉnh Tây Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	183	128	110
26994	6	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ)		Xã Lộc Thành	770	540	460
26995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	377	264	226
26996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	302	211	181
26997		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	242	169	145
26998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	339	237	203
26999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	272	190	163

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27000		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	218	153	131
27001	7	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ)	Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43	Xã Lộc Thành	770	540	460
27002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) đến Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	377	264	226
27003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) đến Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	302	211	181
27004		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) đến Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	242	169	145
27005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) đến Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	339	237	203
27006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) đến Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	272	190	163
27007		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) đến Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	218	153	131
27008	8	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43	Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16	Xã Lộc Thành	920	640	550
27009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 đến Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	442	309	265

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27010		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 đến Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	354	248	212
27011		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 đến Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	283	198	170
27012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 đến Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	398	279	239
27013		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 đến Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	319	223	191
27014		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 đến Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	255	179	153
27015	9	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16	Giáp ranh xã Lộc Thiện (cũ)	Xã Lộc Thành, xã Lộc Tấn	770	540	460
27016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 đến Giáp ranh xã Lộc Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành, xã Lộc Tấn	377	264	226
27017		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 đến Giáp ranh xã Lộc Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành, xã Lộc Tấn	302	211	181
27018		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 đến Giáp ranh xã Lộc Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành, xã Lộc Tấn	242	169	145

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 đến Giáp ranh xã Lộc Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành, xã Lộc Tấn	339	237	203
27020		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 đến Giáp ranh xã Lộc Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành, xã Lộc Tấn	272	190	163
27021		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 đến Giáp ranh xã Lộc Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành, xã Lộc Tấn	218	153	131
27022	10	Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Khánh (cũ)	Ngã tư Đồng Tâm	Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ)	Xã Lộc Thành	990	700	600
27023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	475	333	285
27024		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	380	266	228
27025		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	304	213	182
27026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	428	300	257
27027		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	342	239	205

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27028		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	274	192	164
27029	11	Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Thành (cũ)	Ngã ba Lộc Thành - Lộc Thịnh	Giáp ranh xã Lộc Thành	Xã Lộc Thành	410	280	240
27030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Thành - Lộc Thịnh đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	275	193	165
27031		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Thành - Lộc Thịnh đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	220	154	132
27032		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Thành - Lộc Thịnh đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	176	123	106
27033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Thành - Lộc Thịnh đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	248	174	149
27034		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Thành - Lộc Thịnh đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	198	139	119
27035		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Thành - Lộc Thịnh đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	158	111	95
27036	12	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê)	Ngã tư Đồng Tâm	Xã Lộc Thành	770	540	460

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	377	264	226
27038		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	302	211	181
27039		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	242	169	145
27040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	339	237	203
27041		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	272	190	163
27042		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	218	153	131
27043	13	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Ngã tư Đồng Tâm	Cầu số 1	Xã Lộc Thành	610	430	370
27044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	299	209	179

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27045		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	239	167	143
27046		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	191	134	115
27047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	269	188	161
27048		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	215	151	129
27049		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	172	120	103
27050	14	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Cầu số 1	Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa	Xã Lộc Thành	570	400	340
27051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	279	195	167
27052		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	223	156	134

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27053		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	178	125	107
27054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	251	176	151
27055		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	201	141	121
27056		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	160	112	96
27057	15	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa	Giáp ranh Vương quốc Campuchia	Xã Lộc Thành	490	340	290
27058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Vương quốc Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	240	168	144
27059		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Vương quốc Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	192	134	115
27060		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Vương quốc Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	154	108	92

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Vương quốc Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	216	151	130
27062		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Vương quốc Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	173	121	104
27063		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Vương quốc Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	139	97	83
27064	17	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng	Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34	Xã Lộc Thành	570	400	340
27065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) đến Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	308	216	185
27066		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) đến Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	246	172	148
27067		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) đến Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	197	138	118
27068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) đến Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	277	194	166

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27069		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) đến Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	221	155	133
27070		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) đến Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	177	124	106
27071	18	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng	Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34	Ngã ba cây xăng Lộc Thành	Xã Lộc Thành	770	540	460
27072		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 đến Ngã ba cây xăng Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	377	264	226
27073		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 đến Ngã ba cây xăng Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	302	211	181
27074		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 đến Ngã ba cây xăng Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	242	169	145
27075		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 đến Ngã ba cây xăng Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	339	237	203
27076		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 đến Ngã ba cây xăng Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	272	190	163
27077		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 đến Ngã ba cây xăng Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	218	153	131

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27078	19	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng	Ngã ba cây xăng Lộc Thành	Giáp ranh xã Lộc Hưng	Xã Lộc Thành	610	430	370
27079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Giáp ranh xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	317	222	190
27080		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Giáp ranh xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	254	178	152
27081		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Giáp ranh xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	203	142	122
27082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Giáp ranh xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	285	200	171
27083		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Giáp ranh xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	229	160	137
27084		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Giáp ranh xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	183	128	110
27085	20	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thiện (cũ)	Ngã ba cây xăng Lộc Thành	Ngã ba Lộc Bình	Xã Lộc Thành	610	430	370
27086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	317	222	190
27087		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	254	178	152

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27088		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	203	142	122
27089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	285	200	171
27090		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	229	160	137
27091		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	183	128	110
27092	21	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thái (cũ)	Ngã ba Lộc Bình	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	Xã Lộc Thành	490	340	290
27093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	294	206	176
27094		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	235	165	141
27095		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	188	132	113
27096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	265	186	159

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27097		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	212	148	127
27098		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	169	118	101
27099	22	Đường qua trung tâm xã Lộc Thành	Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1	Nhà văn hóa ấp Kliêu	Xã Lộc Thành	610	430	370
27100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường qua trung tâm xã Lộc Thành đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Nhà văn hóa ấp Kliêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	317	222	190
27101		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường qua trung tâm xã Lộc Thành đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Nhà văn hóa ấp Kliêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	254	178	152
27102		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường qua trung tâm xã Lộc Thành đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Nhà văn hóa ấp Kliêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	203	142	122
27103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường qua trung tâm xã Lộc Thành đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Nhà văn hóa ấp Kliêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	285	200	171
27104		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường qua trung tâm xã Lộc Thành đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Nhà văn hóa ấp Kliêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	229	160	137
27105		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường qua trung tâm xã Lộc Thành đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Nhà văn hóa ấp Kliêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	183	128	110
27106	23	Đường liên ấp	Nhà văn hóa ấp KLiêu	Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao	Xã Lộc Thành	410	280	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp KLiêu đến Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	275	193	165
27108		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp KLiêu đến Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	220	154	132
27109		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp KLiêu đến Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	176	123	106
27110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp KLiêu đến Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	248	174	149
27111		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp KLiêu đến Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	198	139	119
27112		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp KLiêu đến Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	158	111	95
27113	24	Đường liên ấp	Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao	Trại heo Huy Anh (Lộc Ninh 5)	Xã Lộc Thành	360	250	220
27114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao đến Trại heo Huy Anh (Lộc Ninh 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	241	169	145
27115		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao đến Trại heo Huy Anh (Lộc Ninh 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	193	135	116
27116		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao đến Trại heo Huy Anh (Lộc Ninh 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	154	108	92

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao đến Trại heo Huy Anh (Lộc Ninh 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	217	152	130
27118		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao đến Trại heo Huy Anh (Lộc Ninh 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	174	122	104
27119		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao đến Trại heo Huy Anh (Lộc Ninh 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	139	97	83
27120	25	Đường liên ấp	Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1	Đập nước Tà Tê	Xã Lộc Thành	410	280	240
27121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Đập nước Tà Tê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	275	193	165
27122		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Đập nước Tà Tê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	220	154	132
27123		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Đập nước Tà Tê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	176	123	106
27124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Đập nước Tà Tê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	248	174	149
27125		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Đập nước Tà Tê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	198	139	119
27126		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Đập nước Tà Tê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	158	111	95

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27127	26	Đường liên ấp	Ngã ba nhà ông Mã Hữu Kỳ	Thửa đất số 63, 65 tờ bản đồ số 37	Xã Lộc Thành	360	250	220
27128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Mã Hữu Kỳ đến Thửa đất số 63, 65 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	241	169	145
27129		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Mã Hữu Kỳ đến Thửa đất số 63, 65 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	193	135	116
27130		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Mã Hữu Kỳ đến Thửa đất số 63, 65 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	154	108	92
27131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Mã Hữu Kỳ đến Thửa đất số 63, 65 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	217	152	130
27132		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Mã Hữu Kỳ đến Thửa đất số 63, 65 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	174	122	104
27133		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Mã Hữu Kỳ đến Thửa đất số 63, 65 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	139	97	83
27134	27	Đường liên ấp	Xưởng đũa Lộc Hà	Giáp đường liên ấp Tà Tê 1 - Tà Tê 2	Xã Lộc Thành	360	250	220
27135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Xưởng đũa Lộc Hà đến Giáp đường liên ấp Tà Tê 1 - Tà Tê 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	241	169	145
27136		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Xưởng đũa Lộc Hà đến Giáp đường liên ấp Tà Tê 1 - Tà Tê 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	193	135	116

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27137		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Xưởng đũa Lộc Hà đến Giáp đường liên ấp Tà Tê 1 - Tà Tê 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	154	108	92
27138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Xưởng đũa Lộc Hà đến Giáp đường liên ấp Tà Tê 1 - Tà Tê 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	217	152	130
27139		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Xưởng đũa Lộc Hà đến Giáp đường liên ấp Tà Tê 1 - Tà Tê 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	174	122	104
27140		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Xưởng đũa Lộc Hà đến Giáp đường liên ấp Tà Tê 1 - Tà Tê 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	139	97	83
27141	28	Đường liên ấp Tà Tê 2	Đập nước Tà Tê 2	Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á)	Xã Lộc Thành	360	250	220
27142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Tà Tê 2 đoạn từ Đập nước Tà Tê 2 đến Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	241	169	145
27143		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Tà Tê 2 đoạn từ Đập nước Tà Tê 2 đến Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	193	135	116
27144		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Tà Tê 2 đoạn từ Đập nước Tà Tê 2 đến Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	154	108	92
27145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Tà Tê 2 đoạn từ Đập nước Tà Tê 2 đến Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	217	152	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27146		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Tà Tê 2 đoạn từ Đập nước Tà Tê 2 đến Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	174	122	104
27147		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Tà Tê 2 đoạn từ Đập nước Tà Tê 2 đến Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	139	97	83
27148	29	Đường liên ấp (đường cổng chào ấp Tân Bình 1)	Cổng chào ấp Tân Bình 1	Đội 4 nông trường cao su Lộc Ninh	Xã Lộc Thành	360	250	220
27149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (đường cổng chào ấp Tân Bình 1) đoạn từ Cổng chào ấp Tân Bình 1 đến Đội 4 nông trường cao su Lộc Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	241	169	145
27150		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (đường cổng chào ấp Tân Bình 1) đoạn từ Cổng chào ấp Tân Bình 1 đến Đội 4 nông trường cao su Lộc Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	193	135	116
27151		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (đường cổng chào ấp Tân Bình 1) đoạn từ Cổng chào ấp Tân Bình 1 đến Đội 4 nông trường cao su Lộc Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	154	108	92
27152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (đường cổng chào ấp Tân Bình 1) đoạn từ Cổng chào ấp Tân Bình 1 đến Đội 4 nông trường cao su Lộc Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	217	152	130
27153		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (đường cổng chào ấp Tân Bình 1) đoạn từ Cổng chào ấp Tân Bình 1 đến Đội 4 nông trường cao su Lộc Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	174	122	104
27154		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (đường cổng chào ấp Tân Bình 1) đoạn từ Cổng chào ấp Tân Bình 1 đến Đội 4 nông trường cao su Lộc Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	139	97	83

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27155	30	Đường nhựa Tân Bình 1	Thửa số 05, tờ bản đồ số 10	Thửa số 24, tờ bản đồ số 10	Xã Lộc Thành	570	400	340
27156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Tân Bình 1 đoạn từ Thửa số 05, tờ bản đồ số 10 đến Thửa số 24, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	308	216	185
27157		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Tân Bình 1 đoạn từ Thửa số 05, tờ bản đồ số 10 đến Thửa số 24, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	246	172	148
27158		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Tân Bình 1 đoạn từ Thửa số 05, tờ bản đồ số 10 đến Thửa số 24, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	197	138	118
27159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Tân Bình 1 đoạn từ Thửa số 05, tờ bản đồ số 10 đến Thửa số 24, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	277	194	166
27160		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Tân Bình 1 đoạn từ Thửa số 05, tờ bản đồ số 10 đến Thửa số 24, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	221	155	133
27161		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Tân Bình 1 đoạn từ Thửa số 05, tờ bản đồ số 10 đến Thửa số 24, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	177	124	106
27162	1	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ)	Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ)	Cầu Sóc Lớn	Xã Lộc Hưng	920	640	550
27163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) đến Cầu Sóc Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	442	309	265
27164		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) đến Cầu Sóc Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	354	248	212

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27165		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) đến Cầu Sóc Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	283	198	170
27166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) đến Cầu Sóc Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	398	279	239
27167		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) đến Cầu Sóc Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	319	223	191
27168		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) đến Cầu Sóc Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	255	179	153
27169	2	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ)	Cầu Sóc Lớn	Hết ranh đất Trường mẫu giáo Tuổi Thơ	Xã Lộc Hưng	1200	860	730
27170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Sóc Lớn đến hết ranh đất Trường mẫu giáo Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	576	403	346
27171		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Sóc Lớn đến hết ranh đất Trường mẫu giáo Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	461	323	277
27172		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Sóc Lớn đến hết ranh đất Trường mẫu giáo Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	369	258	221
27173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Sóc Lớn đến hết ranh đất Trường mẫu giáo Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27174		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Sóc Lớn đến hết ranh đất Trường mẫu giáo Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	415	291	249
27175		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Sóc Lớn đến hết ranh đất Trường mẫu giáo Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	332	232	199
27176	3	Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ)	Giáp ranh Trường mẫu giáo Tuổi Thơ	Hết ranh đất Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh	Xã Lộc Hưng	1200	860	730
27177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ giáp ranh Trường mẫu giáo Tuổi Thơ đến hết ranh đất Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	576	403	346
27178		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ giáp ranh Trường mẫu giáo Tuổi Thơ đến hết ranh đất Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	461	323	277
27179		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ giáp ranh Trường mẫu giáo Tuổi Thơ đến hết ranh đất Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	369	258	221
27180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ giáp ranh Trường mẫu giáo Tuổi Thơ đến hết ranh đất Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	518	363	311
27181		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ giáp ranh Trường mẫu giáo Tuổi Thơ đến hết ranh đất Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	415	291	249

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27182		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ giáp ranh Trường mẫu giáo Tuổi Thơ đến hết ranh đất Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	332	232	199
27183	4	Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ)	Giáp ranh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh	Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ)	Xã Lộc Hưng	770	540	460
27184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ giáp ranh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh đến giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	416	291	250
27185		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ giáp ranh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh đến giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	333	233	200
27186		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ giáp ranh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh đến giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	266	186	160
27187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ giáp ranh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh đến giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	374	262	224
27188		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ giáp ranh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh đến giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	300	210	180
27189		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ giáp ranh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh đến giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	239	167	143
27190	5	Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thái (cũ)	Giáp ranh xã Lộc Khánh - xã Lộc Thái (cũ)	Ngã ba Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh (cũ)	Xã Lộc Hưng	770	540	460

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thái (cũ) đoạn từ giáp ranh xã Lộc Khánh - xã Lộc Thái (cũ) đến ngã ba Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	416	291	250
27192		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thái (cũ) đoạn từ giáp ranh xã Lộc Khánh - xã Lộc Thái (cũ) đến ngã ba Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	333	233	200
27193		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Khánh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã ba Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	266	186	160
27194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Khánh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã ba Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	374	262	224
27195		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Khánh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã ba Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	300	210	180
27196		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Khánh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã ba Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	239	167	143
27197	6	Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ)	Ngã ba ấp Sóc Lớn - Ba Ven	Cầu Ba Ven	Xã Lộc Hưng	610	430	370
27198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Ngã ba ấp Sóc Lớn - Ba Ven đến Cầu Ba Ven có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	366	256	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27199		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Ngã ba ấp Sóc Lớn - Ba Ven đến Cầu Ba Ven có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	293	205	176
27200		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Ngã ba ấp Sóc Lớn - Ba Ven đến Cầu Ba Ven có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	234	164	140
27201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Ngã ba ấp Sóc Lớn - Ba Ven đến Cầu Ba Ven có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	329	230	197
27202		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Ngã ba ấp Sóc Lớn - Ba Ven đến Cầu Ba Ven có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	264	185	158
27203		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Ngã ba ấp Sóc Lớn - Ba Ven đến Cầu Ba Ven có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	211	148	127
27204	7	Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ)	Cầu Ba Ven	Giáp ranh xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ)	Xã Lộc Hưng	490	340	290
27205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Cầu Ba Ven đến Giáp ranh xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	319	223	191
27206		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Cầu Ba Ven đến Giáp ranh xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	255	179	153
27207		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Cầu Ba Ven đến Giáp ranh xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	204	143	122

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Cầu Ba Ven đến Giáp ranh xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	287	201	172
27209		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Cầu Ba Ven đến Giáp ranh xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	230	161	138
27210		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Cầu Ba Ven đến Giáp ranh xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	184	129	110
27211	8	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ)	Giáp ranh xã Lộc Thái - xã Lộc Điền	Cầu Ông Đô	Xã Lộc Hưng	1100	750	640
27212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ giáp ranh xã Lộc Thái - xã Lộc Điền đến Cầu Ông Đô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	528	370	317
27213		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thái - xã Lộc Điền đến Cầu Ông Đô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	422	295	253
27214		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thái - xã Lộc Điền đến Cầu Ông Đô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	338	237	203
27215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thái - xã Lộc Điền đến Cầu Ông Đô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	475	333	285
27216		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thái - xã Lộc Điền đến Cầu Ông Đô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	380	266	228

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27217		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thái - xã Lộc Điền đến Cầu Ông Đô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	304	213	182
27218	9	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ)	Cầu Ông Đô	Ngã ba Trường tiểu học A (Đi ấp 8)	Xã Lộc Hưng	1400	960	830
27219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Cầu Ông Đô đến Ngã ba Trường tiểu học A (Đi ấp 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	672	470	403
27220		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Cầu Ông Đô đến Ngã ba Trường tiểu học A (Đi ấp 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	538	377	323
27221		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Cầu Ông Đô đến Ngã ba Trường tiểu học A (Đi ấp 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	430	301	258
27222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Cầu Ông Đô đến Ngã ba Trường tiểu học A (Đi ấp 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	605	424	363
27223		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Cầu Ông Đô đến Ngã ba Trường tiểu học A (Đi ấp 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	484	339	290
27224		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Cầu Ông Đô đến Ngã ba Trường tiểu học A (Đi ấp 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	387	271	232
27225	10	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ)	Nhà máy hạt điều Lộc Thái	Nhà thờ Lộc Điền	Xã Lộc Hưng	570	400	340
27226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Nhà máy hạt điều Lộc Thái đến Nhà thờ Lộc Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	342	239	205

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27227		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Nhà máy hạt điều Lộc Thái đến Nhà thờ Lộc Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	274	192	164
27228		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Nhà máy hạt điều Lộc Thái đến Nhà thờ Lộc Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	219	153	131
27229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Nhà máy hạt điều Lộc Thái đến Nhà thờ Lộc Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	308	216	185
27230		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Nhà máy hạt điều Lộc Thái đến Nhà thờ Lộc Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	247	173	148
27231		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Nhà máy hạt điều Lộc Thái đến Nhà thờ Lộc Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	197	138	118
27232	11	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Thuận (cũ)	Ngã ba nghĩa địa ấp 2 Lộc Điền	Giáp ranh xã Lộc Thuận (cũ)	Xã Lộc Hưng	690	480	410
27233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Ngã ba nghĩa địa ấp 2 Lộc Điền đến Giáp ranh xã Lộc Thuận (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	407	285	244
27234		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Ngã ba nghĩa địa ấp 2 Lộc Điền đến Giáp ranh xã Lộc Thuận (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	326	228	196
27235		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Ngã ba nghĩa địa ấp 2 Lộc Điền đến Giáp ranh xã Lộc Thuận (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	261	183	157

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Ngã ba nghĩa địa ấp 2 Lộc Điền đến Giáp ranh xã Lộc Thuận (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	366	256	220
27237		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Ngã ba nghĩa địa ấp 2 Lộc Điền đến Giáp ranh xã Lộc Thuận (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	293	205	176
27238		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Ngã ba nghĩa địa ấp 2 Lộc Điền đến Giáp ranh xã Lộc Thuận (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	235	165	141
27239	12	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ)	Giáp Trường tiểu học A	Giáp ranh lô cao su	Xã Lộc Hưng	770	540	460
27240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp Trường tiểu học A đến Giáp ranh lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	416	291	250
27241		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp Trường tiểu học A đến Giáp ranh lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	333	233	200
27242		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp Trường tiểu học A đến Giáp ranh lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	266	186	160
27243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp Trường tiểu học A đến Giáp ranh lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	374	262	224
27244		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp Trường tiểu học A đến Giáp ranh lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	300	210	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27245		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp Trường tiểu học A đến Giáp ranh lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	239	167	143
27246	13	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ)	Giáp ranh lô cao su	Giáp xã Lộc Quang (cũ)	Xã Lộc Hưng	490	340	290
27247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp ranh lô cao su đến Giáp xã Lộc Quang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	319	223	191
27248		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp ranh lô cao su đến Giáp xã Lộc Quang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	255	179	153
27249		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp ranh lô cao su đến Giáp xã Lộc Quang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	204	143	122
27250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp ranh lô cao su đến Giáp xã Lộc Quang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	287	201	172
27251		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp ranh lô cao su đến Giáp xã Lộc Quang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	230	161	138
27252		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp ranh lô cao su đến Giáp xã Lộc Quang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	184	129	110
27253	14	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ)	Ngã ba Trường tiểu học Lộc Điền A	Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ)	Xã Lộc Hưng	920	640	550
27254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã ba Trường tiểu học Lộc Điền A đến Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	451	316	271

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27255		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã ba Trường tiểu học Lộc Điền A đến Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	361	253	217
27256		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã ba Trường tiểu học Lộc Điền A đến Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	289	202	173
27257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã ba Trường tiểu học Lộc Điền A đến Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	406	284	244
27258		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã ba Trường tiểu học Lộc Điền A đến Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	325	228	195
27259		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã ba Trường tiểu học Lộc Điền A đến Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	260	182	156
27260	15	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư Đồng Tâm	Giáp ranh đất cây xăng Lộc Phát (Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 20)	Xã Lộc Hưng	1800	1300	1100
27261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh đất cây xăng Lộc Phát (Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	864	605	518
27262		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh đất cây xăng Lộc Phát (Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	691	484	415
27263		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh đất cây xăng Lộc Phát (Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	553	387	332

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh đất cây xăng Lộc Phát (Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	778	545	467
27265		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh đất cây xăng Lộc Phát (Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	622	435	373
27266		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh đất cây xăng Lộc Phát (Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	498	349	299
27267	16	Đường Quốc lộ 13	Cây xăng Lộc Phát	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	Xã Lộc Hưng	2900	2000	1700
27268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cây xăng Lộc Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	1392	974	835
27269		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cây xăng Lộc Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	1114	780	668
27270		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cây xăng Lộc Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	891	624	535
27271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cây xăng Lộc Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	1253	877	752
27272		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cây xăng Lộc Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	1003	702	602

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27273		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cây xăng Lộc Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	802	561	481
27274	17	Đường ĐT 754	Ngã tư Đồng Tâm	Cầu số 1	Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	1300	910	780
27275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	624	437	374
27276		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	499	349	299
27277		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	399	279	239
27278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	562	393	337
27279		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	449	314	269
27280		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	359	251	215
27281	18	Đường ĐT 754	Cầu số 1	Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ)	Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	1100	750	640
27282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	528	370	317
27283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	422	295	253

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27284		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	338	237	203
27285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	475	333	285
27286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	380	266	228
27287		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	304	213	182
27288	19	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành	Ngã ba Giáng Hương	Cống Bảy Phụng	Xã Lộc Hưng	1200	860	730
27289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Ngã ba Giáng Hương đến Cống Bảy Phụng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	576	403	346
27290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Ngã ba Giáng Hương đến Cống Bảy Phụng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	461	323	277
27291		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Ngã ba Giáng Hương đến Cống Bảy Phụng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	369	258	221
27292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Ngã ba Giáng Hương đến Cống Bảy Phụng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Ngã ba Giáng Hương đến Cống Bảy Phụng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	415	291	249
27294		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Ngã ba Giáng Hương đến Cống Bảy Phụng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	332	232	199
27295	20	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành	Cống Bảy Phụng	Giáp ranh xã Lộc Thành	Xã Lộc Hưng	770	540	460
27296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Cống Bảy Phụng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	416	291	250
27297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Cống Bảy Phụng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	333	233	200
27298		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Cống Bảy Phụng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	266	186	160
27299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Cống Bảy Phụng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	374	262	224
27300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Cống Bảy Phụng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	300	210	180
27301		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Cống Bảy Phụng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	239	167	143
27302	21	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ)	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba Đường vào ấp 7 (Hết ranh nhà bà Đỗ Thị Dung)	Xã Lộc Hưng	920	640	550

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba Đường vào ấp 7 (Hết ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	451	316	271
27304		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba Đường vào ấp 7 (Hết ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	361	253	217
27305		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba Đường vào ấp 7 (Hết ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	289	202	173
27306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba Đường vào ấp 7 (Hết ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	406	284	244
27307		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba Đường vào ấp 7 (Hết ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	325	228	195
27308		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba Đường vào ấp 7 (Hết ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	260	182	156
27309	22	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ)	Ngã ba Đường vào ấp 7 (giáp ranh nhà bà Đỗ Thị Dung)	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	Xã Lộc Hưng	610	430	370
27310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường vào ấp 7 (giáp ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	366	256	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27311		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường vào ấp 7 (giáp ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	293	205	176
27312		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường vào ấp 7 (giáp ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	234	164	140
27313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường vào ấp 7 (giáp ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	329	230	197
27314		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường vào ấp 7 (giáp ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	264	185	158
27315		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường vào ấp 7 (giáp ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	211	148	127
27316	23	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ)	Ngã tư Đồng Tâm	Cầu Suối 1	Xã Lộc Hưng	990	700	600
27317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	475	333	285
27318		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	380	266	228

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27319		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	304	213	182
27320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	428	300	257
27321		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	342	239	205
27322		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	274	192	164
27323	24	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ)	Cầu Suối 1	Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ)	Xã Lộc Hưng	1100	800	690
27324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Suối 1 đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	528	370	317
27325		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Suối 1 đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	422	295	253
27326		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Suối 1 đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	338	237	203
27327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Suối 1 đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	475	333	285

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27328		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Suối 1 đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	380	266	228
27329		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Suối 1 đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	304	213	182
27330	25	Đường tránh Quốc lộ 13	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	Xã Lộc Hưng	770	540	460
27331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tránh Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	416	291	250
27332		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tránh Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	333	233	200
27333		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tránh Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	266	186	160
27334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tránh Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	374	262	224
27335		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tránh Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	300	210	180
27336		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tránh Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	239	167	143
27337	1	Đường Phan Chu Trinh	Thuộc địa bàn xã Lộc Thiện (cũ)	Hết thửa 369 Tờ BĐĐC 111	Xã Lộc Tấn	2100	1500	1300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Thuộc địa bàn xã Lộc Thiện (cũ) đến Hết thửa 369 Tờ BĐĐC 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	1008	706	605
27339		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Thuộc địa bàn xã Lộc Thiện (cũ) đến Hết thửa 369 Tờ BĐĐC 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	806	564	484
27340		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Thuộc địa bàn xã Lộc Thiện (cũ) đến Hết thửa 369 Tờ BĐĐC 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	645	452	387
27341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Thuộc địa bàn xã Lộc Thiện (cũ) đến Hết thửa 369 Tờ BĐĐC 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	907	635	544
27342		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Thuộc địa bàn xã Lộc Thiện (cũ) đến Hết thửa 369 Tờ BĐĐC 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	725	508	435
27343		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Thuộc địa bàn xã Lộc Thiện (cũ) đến Hết thửa 369 Tờ BĐĐC 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	581	407	349
27344	2	Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 106	Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114	Xã Lộc Tấn	2300	1600	1400
27345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 106 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	1104	773	662
27346		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 106 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	883	618	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27347		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 106 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	706	494	424
27348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 106 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	994	696	596
27349		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 106 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	795	557	477
27350		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 106 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	635	445	381
27351	3	Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114	Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112	Xã Lộc Tấn	2000	1400	1200
27352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 đến Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	960	672	576
27353		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 đến Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	768	538	461
27354		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 đến Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	614	430	368

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 đến Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	864	605	518
27356		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 đến Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	691	484	415
27357		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 đến Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	553	387	332
27358	4	Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112	Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 116	Xã Lộc Tấn	2300	1600	1400
27359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 đến Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	1104	773	662
27360		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 đến Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	883	618	530
27361		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 đến Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	706	494	424
27362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 đến Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	994	696	596

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27363		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 đến Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	795	557	477
27364		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 đến Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	635	445	381
27365	5	Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành (cũ)	Hết đất Ủy ban xã Lộc Thiện (cũ)	Ngã ba Lộc Bình	Xã Lộc Tấn	770	540	460
27366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Hết đất Ủy ban xã Lộc Thiện (cũ) đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	416	291	250
27367		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Hết đất Ủy ban xã Lộc Thiện (cũ) đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	333	233	200
27368		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Hết đất Ủy ban xã Lộc Thiện (cũ) đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	266	186	160
27369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Hết đất Ủy ban xã Lộc Thiện (cũ) đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	374	262	224
27370		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Hết đất Ủy ban xã Lộc Thiện (cũ) đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	300	210	180
27371		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Hết đất Ủy ban xã Lộc Thiện (cũ) đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	239	167	143

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27372	6	Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thái (cũ)	Ngã ba Lộc Bình	Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 111	Xã Lộc Tấn	650	450	390
27373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	351	246	211
27374		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	281	197	169
27375		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	225	158	135
27376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	316	221	190
27377		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	253	177	152
27378		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	203	142	122
27379	7	Đường làng 10 Lộc Thiện (cũ)	Ngã ba hố Bom	Cổng chào K54	Xã Lộc Tấn	770	540	460
27380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường làng 10 Lộc Thiện (cũ) Ngã ba hố Bom đến Cổng chào K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	416	291	250
27381		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường làng 10 Lộc Thiện (cũ) Ngã ba hố Bom đến Cổng chào K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	333	233	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27382		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường làng 10 Lộc Thiện (cũ) Ngã ba hố Bom đến Cổng chào K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	266	186	160
27383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường làng 10 Lộc Thiện (cũ) Ngã ba hố Bom đến Cổng chào K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	374	262	224
27384		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường làng 10 Lộc Thiện (cũ) Ngã ba hố Bom đến Cổng chào K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	300	210	180
27385		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường làng 10 Lộc Thiện (cũ) Ngã ba hố Bom đến Cổng chào K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	239	167	143
27386	8	Đường ấp K54	Cổng chào K54	Nghĩa trang K54	Xã Lộc Tấn	650	450	390
27387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp K54 đoạn từ Cổng chào K54 đến Nghĩa trang K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	351	246	211
27388		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp K54 đoạn từ Cổng chào K54 đến Nghĩa trang K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	281	197	169
27389		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp K54 đoạn từ Cổng chào K54 đến Nghĩa trang K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	225	158	135
27390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp K54 đoạn từ Cổng chào K54 đến Nghĩa trang K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	316	221	190
27391		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp K54 đoạn từ Cổng chào K54 đến Nghĩa trang K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	253	177	152

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27392		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp K54 đoạn từ Cổng chào K54 đến Nghĩa trang K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	203	142	122
27393	9	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (cũ)	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh - xã Lộc Thái (cũ)	Ngã tư Mũi Tôn	Xã Lộc Tấn	1100	800	690
27394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã tư Mũi Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	528	370	317
27395		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã tư Mũi Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	422	295	253
27396		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã tư Mũi Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	338	237	203
27397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã tư Mũi Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	475	333	285
27398		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã tư Mũi Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	380	266	228
27399		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã tư Mũi Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	304	213	182
27400	10	Đường nhựa	Ngã ba hố Bom	Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 94	Xã Lộc Tấn	490	340	290
27401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba hố Bom đến Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	294	206	176

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27402		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba hố Bom đến Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	235	165	141
27403		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba hố Bom đến Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	188	132	113
27404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba hố Bom đến Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	265	186	159
27405		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba hố Bom đến Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	212	148	127
27406		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba hố Bom đến Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	169	118	101
27407	11	Đường nhựa	Nhà ông Thái Tài	Nhà máy điều Hoàng Chuẩn	Xã Lộc Tấn	490	340	290
27408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Nhà ông Thái Tài đến Nhà máy điều Hoàng Chuẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	294	206	176
27409		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Nhà ông Thái Tài đến Nhà máy điều Hoàng Chuẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	235	165	141
27410		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Nhà ông Thái Tài đến Nhà máy điều Hoàng Chuẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	188	132	113
27411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Nhà ông Thái Tài đến Nhà máy điều Hoàng Chuẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	265	186	159

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27412		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Nhà ông Thái Tài đến Nhà máy điều Hoàng Chuẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	212	148	127
27413		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Nhà ông Thái Tài đến Nhà máy điều Hoàng Chuẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	169	118	101
27414	13	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87	Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87	Xã Lộc Tấn	770	540	460
27415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	416	291	250
27416		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	333	233	200
27417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	266	186	160
27418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	374	262	224
27419		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	300	210	180
27420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	239	167	143
27421	14	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87	Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87	Xã Lộc Tấn	920	640	550

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	497	348	298
27423		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	398	279	239
27424		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	318	223	191
27425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	447	313	268
27426		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	358	251	215
27427		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	286	200	172
27428	15	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87	Hết ranh xã Lộc Tấn	Xã Lộc Tấn	770	540	460
27429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 đến Hết ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	416	291	250
27430		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 đến Hết ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	333	233	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27431		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 đến Hết ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	266	186	160
27432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 đến Hết ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	374	262	224
27433		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 đến Hết ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	300	210	180
27434		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 đến Hết ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	239	167	143
27435	16	Đường đi Tà Nốt	Ngã tư Mũi Tôn	Ngã ba Biên Giới (Đội 3)	Xã Lộc Tấn	1100	750	640
27436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã tư Mũi Tôn đến Ngã ba Biên Giới (Đội 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	528	370	317
27437		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã tư Mũi Tôn đến Ngã ba Biên Giới (Đội 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	422	295	253
27438		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã tư Mũi Tôn đến Ngã ba Biên Giới (Đội 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	338	237	203
27439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã tư Mũi Tôn đến Ngã ba Biên Giới (Đội 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	475	333	285
27440		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã tư Mũi Tôn đến Ngã ba Biên Giới (Đội 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	380	266	228

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27441		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã tư Mũi Tôn đến Ngã ba Biên Giới (Đội 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	304	213	182
27442	17	Đường đi Tà Nốt	Ngã ba Biên Giới (Đội 3)	Hết tuyến	Xã Lộc Tấn	410	280	240
27443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã ba Biên Giới (Đội 3) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	287	201	172
27444		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã ba Biên Giới (Đội 3) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	230	161	138
27445		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã ba Biên Giới (Đội 3) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	184	129	110
27446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã ba Biên Giới (Đội 3) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	258	181	155
27447		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã ba Biên Giới (Đội 3) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	207	145	124
27448		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã ba Biên Giới (Đội 3) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	166	116	100
27449	18	Đường nhựa	Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 105	Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 99	Xã Lộc Tấn	410	280	240
27450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 105 đến Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	287	201	172

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27451		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 105 đến Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	230	161	138
27452		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 105 đến Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	184	129	110
27453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 105 đến Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	258	181	155
27454		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 105 đến Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	207	145	124
27455		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 105 đến Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	166	116	100
27456	19	Đường nhựa	thửa đất số 243, tờ bản đồ số 111	thửa đất số 06, tờ bản đồ số 106	Xã Lộc Tấn	490	340	290
27457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ thửa đất số 243, tờ bản đồ số 111 đến thửa đất số 06, tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	294	206	176
27458		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ thửa đất số 243, tờ bản đồ số 111 đến thửa đất số 06, tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	235	165	141
27459		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ thửa đất số 243, tờ bản đồ số 111 đến thửa đất số 06, tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	188	132	113

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ thửa đất số 243, tờ bản đồ số 111 đến thửa đất số 06, tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	265	186	159
27461		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ thửa đất số 243, tờ bản đồ số 111 đến thửa đất số 06, tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	212	148	127
27462		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ thửa đất số 243, tờ bản đồ số 111 đến thửa đất số 06, tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	169	118	101
27463	20	Đường nhựa	Đường đi Tà Nốt	Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 102	Xã Lộc Tấn	410	280	240
27464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường đi Tà Nốt đến Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	287	201	172
27465		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường đi Tà Nốt đến Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	230	161	138
27466		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường đi Tà Nốt đến Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	184	129	110
27467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường đi Tà Nốt đến Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	258	181	155
27468		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường đi Tà Nốt đến Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	207	145	124
27469		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường đi Tà Nốt đến Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	166	116	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27470	21	Đường nhựa	Thửa đất số 665, tờ bản đồ số 84	Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 84	Xã Lộc Tấn	410	280	240
27471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 665, tờ bản đồ số 84 đến Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	287	201	172
27472		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 665, tờ bản đồ số 84 đến Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	230	161	138
27473		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 665, tờ bản đồ số 84 đến Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	184	129	110
27474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 665, tờ bản đồ số 84 đến Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	258	181	155
27475		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 665, tờ bản đồ số 84 đến Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	207	145	124
27476		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 665, tờ bản đồ số 84 đến Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	166	116	100
27477	22	Đường nhựa	Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 98	Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 98	Xã Lộc Tấn	410	280	240
27478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 98 đến Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	287	201	172
27479		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 98 đến Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	230	161	138

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27480		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 98 đến Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	184	129	110
27481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 98 đến Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	258	181	155
27482		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 98 đến Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	207	145	124
27483		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 98 đến Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	166	116	100
27484	23	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ)	- Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51	Xã Lộc Tấn	4200	2900	2500
27485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	2016	1411	1210
27486		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	1613	1129	968
27487		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	1290	903	774

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	1814	1270	1088
27489		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	1452	1016	871
27490		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	1161	813	697
27491	24	Đường Quốc lộ 13	- Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51	Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16)	Xã Lộc Tấn	2300	1600	1400
27492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 đến Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	1104	773	662
27493		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 đến Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	883	618	530
27494		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 đến Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	706	494	424
27495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 đến Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	994	696	596

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27496		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 đến Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	795	557	477
27497		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 đến Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	635	445	381
27498	25	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16)	Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)	Xã Lộc Tấn	1500	1100	920
27499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	720	504	432
27500		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	576	403	346
27501		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	461	323	277
27502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	648	454	389
27503		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27504		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	415	291	249
27505	26	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)	Giáp ranh xã Lộc Thạnh (cũ)	Xã Lộc Tấn	1100	800	690
27506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) đến Giáp ranh xã Lộc Thạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	528	370	317
27507		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) đến Giáp ranh xã Lộc Thạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	422	295	253
27508		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) đến Giáp ranh xã Lộc Thạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	338	237	203
27509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) đến Giáp ranh xã Lộc Thạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	475	333	285
27510		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) đến Giáp ranh xã Lộc Thạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	380	266	228
27511		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) đến Giáp ranh xã Lộc Thạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	304	213	182
27512	27	Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ)	ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16)	Giáp ranh Lộc Hiệp (cũ)	Xã Lộc Tấn, xã Tân Tiến	920	640	550
27513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh Lộc Hiệp (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn, xã Tân Tiến	497	348	298

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27514		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh Lộc Hiệp (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn, xã Tân Tiến	398	279	239
27515		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh Lộc Hiệp (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn, xã Tân Tiến	318	223	191
27516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh Lộc Hiệp (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn, xã Tân Tiến	447	313	268
27517		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh Lộc Hiệp (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn, xã Tân Tiến	358	251	215
27518		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh Lộc Hiệp (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn, xã Tân Tiến	286	200	172
27519	28	Đường liên xã Lộc Tấn - Thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Nhà hàng Sơn Hà	Ngã ba hố bom làng 10	Xã Lộc Tấn	1700	1200	1000
27520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Tấn - Thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Nhà hàng Sơn Hà đến Ngã ba hố Bom làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	816	571	490
27521		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Tấn - Thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Nhà hàng Sơn Hà đến Ngã ba hố Bom làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	653	457	392

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27522		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Tấn - Thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Nhà hàng Sơn Hà đến Ngã ba hố Bom làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	522	365	313
27523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Tấn - Thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Nhà hàng Sơn Hà đến Ngã ba hố Bom làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	734	514	440
27524		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Tấn - Thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Nhà hàng Sơn Hà đến Ngã ba hố Bom làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	588	412	353
27525		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Tấn - Thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Nhà hàng Sơn Hà đến Ngã ba hố Bom làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	470	329	282
27526	29	Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh	Ngã ba nhà hát cũ	Cống làng 9 Lộc Thạnh	Xã Lộc Tấn	1100	750	640
27527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Ngã ba nhà hát cũ đến Cống làng 9 Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	528	370	317
27528		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Ngã ba nhà hát cũ đến Cống làng 9 Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	422	295	253
27529		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Ngã ba nhà hát cũ đến Cống làng 9 Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	338	237	203
27530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Ngã ba nhà hát cũ đến Cống làng 9 Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	475	333	285

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27531		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Ngã ba nhà hát cũ đến Cống làng 9 Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	380	266	228
27532		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Ngã ba nhà hát cũ đến Cống làng 9 Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	304	213	182
27533	30	Đường 13	Cầu suối 2	Đường tuần tra biên giới	Xã Lộc Tấn, xã Lộc Thạnh	490	340	290
27534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13 đoạn từ Cầu suối 2 đến Đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn, xã Lộc Thạnh	294	206	176
27535		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13 đoạn từ Cầu suối 2 đến Đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn, xã Lộc Thạnh	235	165	141
27536		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13 đoạn từ Cầu suối 2 đến Đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn, xã Lộc Thạnh	188	132	113
27537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13 đoạn từ Cầu suối 2 đến Đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn, xã Lộc Thạnh	265	186	159
27538		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13 đoạn từ Cầu suối 2 đến Đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn, xã Lộc Thạnh	212	148	127
27539		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13 đoạn từ Cầu suối 2 đến Đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn, xã Lộc Thạnh	169	118	101
27540	1	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Tấn	Trạm kiểm soát Hoa Lư	Xã Lộc Thạnh	990	700	600
27541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Trạm kiểm soát Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	475	333	285

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27542		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Trạm kiểm soát Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	380	266	228
27543		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Trạm kiểm soát Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	304	213	182
27544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Trạm kiểm soát Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	428	300	257
27545		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Trạm kiểm soát Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	342	239	205
27546		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Trạm kiểm soát Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	274	192	164
27547	2	Đường nhựa vào Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa (cũ)	Đường Quốc lộ 13	Hết ranh đất Trạm y tế xã (cũ)	Xã Lộc Thạnh	610	430	370
27548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh đất Trạm y tế xã (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	342	239	205
27549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh đất Trạm y tế xã (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	274	192	164
27550		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh đất Trạm y tế xã (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	219	153	131

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh đất Trạm y tế xã (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	308	216	185
27552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh đất Trạm y tế xã (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	247	173	148
27553		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh đất Trạm y tế xã (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	197	138	118
27554	3	Đường nhựa	Ngã ba ấp 8A	Hết ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ)	Xã Lộc Thạnh	490	340	290
27555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba ấp 8A đến Hết ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	294	206	176
27556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba ấp 8A đến Hết ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	235	165	141
27557		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba ấp 8A đến Hết ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	188	132	113
27558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba ấp 8A đến Hết ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	265	186	159
27559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba ấp 8A đến Hết ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	212	148	127
27560		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba ấp 8A đến Hết ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	169	118	101

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27561	4	Đường nhựa	Giáp ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ)	Cổng chào ấp 7	Xã Lộc Thạnh	490	340	290
27562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) đến Cổng chào ấp 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	294	206	176
27563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) đến Cổng chào ấp 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	235	165	141
27564		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) đến Cổng chào ấp 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	188	132	113
27565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) đến Cổng chào ấp 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	265	186	159
27566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) đến Cổng chào ấp 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	212	148	127
27567		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) đến Cổng chào ấp 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	169	118	101
27568	5	Đường nhựa	Cổng chào Nhà văn hóa ấp Thạnh Trung	Hết ranh đất trường Trung học cơ sở Lộc Thạnh	Xã Lộc Thạnh	840	590	500
27569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Cổng chào Nhà văn hóa ấp Thạnh Trung đến Hết ranh đất trường Trung học cơ sở Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	403	282	242
27570		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Cổng chào Nhà văn hóa ấp Thạnh Trung đến Hết ranh đất trường Trung học cơ sở Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	322	225	193

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27571		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Cổng chào Nhà văn hóa ấp Thạnh Trung đến Hết ranh đất trường Trung học cơ sở Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	258	181	155
27572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Cổng chào Nhà văn hóa ấp Thạnh Trung đến Hết ranh đất trường Trung học cơ sở Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	363	254	218
27573		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Cổng chào Nhà văn hóa ấp Thạnh Trung đến Hết ranh đất trường Trung học cơ sở Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	290	203	174
27574		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Cổng chào Nhà văn hóa ấp Thạnh Trung đến Hết ranh đất trường Trung học cơ sở Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	232	162	139
27575	6	Các tuyến đường nhựa trong khu dân cư trung tâm cụm xã (cũ)			Xã Lộc Thạnh	840	590	500
27576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa trong khu dân cư trung tâm cụm xã (cũ) đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	403	282	242
27577		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa trong khu dân cư trung tâm cụm xã (cũ) đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	322	225	193
27578		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa trong khu dân cư trung tâm cụm xã (cũ) đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	258	181	155
27579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa trong khu dân cư trung tâm cụm xã (cũ) đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	363	254	218

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27580		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa trong khu dân cư trung tâm cụm xã (cũ) đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	290	203	174
27581		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa trong khu dân cư trung tâm cụm xã (cũ) đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	232	162	139
27582	7	Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ)	Giáp ranh đất Trạm y tế xã (cũ)	Ngã ba nhà Huyền Thông	Xã Lộc Thạnh	410	280	240
27583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Giáp ranh đất Trạm y tế xã (cũ) đến Ngã ba nhà Huyền Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	279	195	167
27584		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Giáp ranh đất Trạm y tế xã (cũ) đến Ngã ba nhà Huyền Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	223	156	134
27585		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Giáp ranh đất Trạm y tế xã (cũ) đến Ngã ba nhà Huyền Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	178	125	107
27586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Giáp ranh đất Trạm y tế xã (cũ) đến Ngã ba nhà Huyền Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	251	176	151
27587		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Giáp ranh đất Trạm y tế xã (cũ) đến Ngã ba nhà Huyền Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	201	141	121
27588		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Giáp ranh đất Trạm y tế xã (cũ) đến Ngã ba nhà Huyền Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	160	112	96
27589	8	Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ)	Ngã ba nhà Huyền Thông	Cổng chào ấp 6	Xã Lộc Thạnh	410	280	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà Huyền Thông đến Cổng chào ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	279	195	167
27591		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà Huyền Thông đến Cổng chào ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	223	156	134
27592		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà Huyền Thông đến Cổng chào ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	178	125	107
27593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà Huyền Thông đến Cổng chào ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	251	176	151
27594		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà Huyền Thông đến Cổng chào ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	201	141	121
27595		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà Huyền Thông đến Cổng chào ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	160	112	96
27596	9	Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh	Cống làng 9 (giáp ranh xã Lộc Tấn)	Đường Quốc lộ 13 (giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ))	Xã Lộc Thạnh	920	640	550
27597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Cống làng 9 (giáp ranh xã Lộc Tấn) đến Đường Quốc lộ 13 (giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	442	309	265
27598		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Cống làng 9 (giáp ranh xã Lộc Tấn) đến Đường Quốc lộ 13 (giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	354	248	212

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27599		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Cống làng 9 (giáp ranh xã Lộc Tấn) đến Đường Quốc lộ 13 (giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	283	198	170
27600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Cống làng 9 (giáp ranh xã Lộc Tấn) đến Đường Quốc lộ 13 (giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	398	279	239
27601		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Cống làng 9 (giáp ranh xã Lộc Tấn) đến Đường Quốc lộ 13 (giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	319	223	191
27602		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Cống làng 9 (giáp ranh xã Lộc Tấn) đến Đường Quốc lộ 13 (giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	255	179	153
27603	11	Đường 13B (đường ĐT 754C)	Ngã ba Chiu Riu	Cầu suối 2	Xã Lộc Thạnh	570	400	340
27604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13B (đường ĐT 754C) đoạn từ Ngã ba Chiu Riu đến Cầu suối 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	342	239	205
27605		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13B (đường ĐT 754C) đoạn từ Ngã ba Chiu Riu đến Cầu suối 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	274	192	164
27606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13B (đường ĐT 754C) đoạn từ Ngã ba Chiu Riu đến Cầu suối 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	219	153	131
27607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13B (đường ĐT 754C) đoạn từ Ngã ba Chiu Riu đến Cầu suối 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	308	216	185

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27608		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13B (đường ĐT 754C) đoạn từ Ngã ba Chiu Riu đến Cầu suối 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	247	173	148
27609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13B (đường ĐT 754C) đoạn từ Ngã ba Chiu Riu đến Cầu suối 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	197	138	118
27610	13	Các đường giao thông theo quy hoạch xây dựng vùng lõi khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc lộ 13)			Xã Lộc Thạnh	830	580	500
27611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường giao thông theo quy hoạch xây dựng vùng lõi khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc lộ 13) đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	407	285	244
27612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường giao thông theo quy hoạch xây dựng vùng lõi khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc lộ 13) đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	326	228	196
27613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường giao thông theo quy hoạch xây dựng vùng lõi khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc lộ 13) đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	261	183	157
27614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường giao thông theo quy hoạch xây dựng vùng lõi khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc lộ 13) đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	366	256	220
27615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường giao thông theo quy hoạch xây dựng vùng lõi khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc lộ 13) đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	293	205	176

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường giao thông theo quy hoạch xây dựng vùng lõi khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc lộ 13) đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	235	165	141
27617	14	Các đường vành đai, đường ngang và đường dọc trong khu quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc Lộ 13)			Xã Lộc Thạnh	830	580	500
27618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường vành đai, đường ngang và đường dọc trong khu quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc Lộ 13) đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	407	285	244
27619		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường vành đai, đường ngang và đường dọc trong khu quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc Lộ 13) đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	326	228	196
27620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường vành đai, đường ngang và đường dọc trong khu quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc Lộ 13) đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	261	183	157
27621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường vành đai, đường ngang và đường dọc trong khu quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc Lộ 13) đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	366	256	220
27622		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường vành đai, đường ngang và đường dọc trong khu quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc Lộ 13) đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	293	205	176

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường vành đai, đường ngang và đường dọc trong khu quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc Lộ 13) đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	235	165	141
27624	1	Đường ĐT 756	Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8	Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22	Xã Lộc Quang	770	540	460
27625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	370	259	222
27626		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	296	207	178
27627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	237	166	142
27628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	333	233	200
27629		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	266	186	160
27630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	213	149	128
27631	2	Đường ĐT 756	Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22	Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5	Xã Lộc Quang	920	640	550
27632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	442	309	265

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27633		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	354	248	212
27634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	283	198	170
27635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	398	279	239
27636		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	319	223	191
27637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	255	179	153
27638	3	Đường ĐT 756	Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5	Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68	Xã Lộc Quang	920	640	550
27639		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	442	309	265
27640		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	354	248	212
27641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	283	198	170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27642		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	398	279	239
27643		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	319	223	191
27644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	255	179	153
27645	4	Đường ĐT 756	Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68	Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83	Xã Lộc Quang	690	480	410
27646		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	366	256	220
27647		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	293	205	176
27648		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	234	164	140
27649		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	329	230	197
27650		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	264	185	158

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27651		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	211	148	127
27652	5	Đường ĐT 756	Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54	Xã Lộc Quang	1400	960	830
27653		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	672	470	403
27654		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	538	377	323
27655		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	430	301	258
27656		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	605	424	363
27657		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	484	339	290
27658		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	387	271	232
27659	6	Đường ĐT 756	Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8	Xã Lộc Quang	920	640	550
27660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	442	309	265

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27661		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	354	248	212
27662		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	283	198	170
27663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	398	279	239
27664		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	319	223	191
27665		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	255	179	153
27666	7	Đường liên xã Lộc Phú - Lộc Thuận (cũ)	Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22	Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20	Xã Lộc Quang	490	340	290
27667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Phú - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	319	223	191
27668		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Phú - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	255	179	153
27669		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Phú - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	204	143	122

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Phú - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	287	201	172
27671		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Phú - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	230	161	138
27672		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Phú - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	184	129	110
27673	8	Đường nhựa liên ấp Soor Rung, Tân Lợi, Tân Hai	Cổng chào Tân Hai	Giáp Đường ĐT 756	Xã Lộc Quang	450	320	270
27674		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Soor Rung, Tân Lợi, Tân Hai đoạn từ Cổng chào Tân Hai đến Giáp Đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	293	205	176
27675		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Soor Rung, Tân Lợi, Tân Hai đoạn từ Cổng chào Tân Hai đến Giáp Đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	234	164	140
27676		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Soor Rung, Tân Lợi, Tân Hai đoạn từ Cổng chào Tân Hai đến Giáp Đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	187	131	112
27677		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Soor Rung, Tân Lợi, Tân Hai đoạn từ Cổng chào Tân Hai đến Giáp Đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	264	185	158
27678		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Soor Rung, Tân Lợi, Tân Hai đoạn từ Cổng chào Tân Hai đến Giáp Đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	211	148	127

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27679		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Soor Rung, Tân Lợi, Tân Hai đoạn từ Cổng chào Tân Hai đến Giáp Đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	168	118	101
27680	9	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Thuận (cũ)	Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 23	Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 60	Xã Lộc Quang	450	320	270
27681		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	293	205	176
27682		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	234	164	140
27683		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	187	131	112
27684		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	264	185	158
27685		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	211	148	127
27686		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	168	118	101
27687	10	Đường nhựa liên ấp Tân Hai	Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 6	Thửa đất số 324, tờ bản đồ số 3	Xã Lộc Quang	410	280	240
27688		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Tân Hai đoạn từ Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 324, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	308	216	185

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27689		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Tân Hai đoạn từ Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 324, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	246	172	148
27690		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Tân Hai đoạn từ Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 324, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	197	138	118
27691		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Tân Hai đoạn từ Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 324, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	277	194	166
27692		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Tân Hai đoạn từ Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 324, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	221	155	133
27693		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Tân Hai đoạn từ Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 324, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	177	124	106
27694	11	Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Phú (cũ)	Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 6	Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 7	Xã Lộc Quang	380	260	230
27695		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	285	200	171
27696		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	228	160	137
27697		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	182	127	109

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27698		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	257	180	154
27699		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	205	144	123
27700		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	164	115	98
27701	12	Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Thuận (cũ)	Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22	Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20	Xã Lộc Quang	450	320	270
27702		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	293	205	176
27703		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	234	164	140
27704		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	187	131	112
27705		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	264	185	158
27706		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	211	148	127

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27707		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	168	118	101
27708	13	Đường nhựa vào Trường mẫu giáo Lộc Quang	Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88	Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 69	Xã Lộc Quang	770	540	460
27709		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Trường mẫu giáo Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	385	270	231
27710		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Trường mẫu giáo Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	308	216	185
27711		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Trường mẫu giáo Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	246	172	148
27712		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Trường mẫu giáo Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	347	243	208
27713		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Trường mẫu giáo Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	277	194	166
27714		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Trường mẫu giáo Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	221	155	133
27715	14	Đường nhựa vào Công an xã Lộc Quang	Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88	Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 67	Xã Lộc Quang	770	540	460

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27716		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Công an xã Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	385	270	231
27717		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Công an xã Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	308	216	185
27718		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Công an xã Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	246	172	148
27719		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Công an xã Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	347	243	208
27720		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Công an xã Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	277	194	166
27721		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Công an xã Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	221	155	133
27722	15	Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ)	Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23	Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53	Xã Lộc Quang	770	540	460
27723		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	385	270	231
27724		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	308	216	185

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27725		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	246	172	148
27726		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	347	243	208
27727		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	277	194	166
27728		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	221	155	133
27729	16	Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ)	Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54	Xã Lộc Quang	1400	960	830
27730		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	672	470	403
27731		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	538	377	323
27732		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	430	301	258

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27733		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	605	424	363
27734		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	484	339	290
27735		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	387	271	232
27736	17	Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ)	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41	Xã Lộc Quang	1900	1300	1100
27737		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	912	638	547
27738		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	730	511	438
27739		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	584	409	350
27740		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	821	575	493

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27741		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	657	460	394
27742		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	526	368	316
27743	18	Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ)	Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41	Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36	Xã Lộc Quang	1800	1200	1100
27744		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	864	605	518
27745		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	691	484	415
27746		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	553	387	332
27747		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	778	545	467
27748		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	622	435	373

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27749		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	498	349	299
27750	19	Các tuyến đường nhựa trong khu quy hoạch trung tâm cụm xã	Toàn tuyến	Toàn tuyến	Xã Lộc Quang	840	590	500
27751		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa trong khu quy hoạch trung tâm cụm xã đoạn từ Toàn tuyến đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	403	282	242
27752		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa trong khu quy hoạch trung tâm cụm xã đoạn từ Toàn tuyến đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	322	225	193
27753		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa trong khu quy hoạch trung tâm cụm xã đoạn từ Toàn tuyến đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	258	181	155
27754		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa trong khu quy hoạch trung tâm cụm xã đoạn từ Toàn tuyến đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	363	254	218
27755		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa trong khu quy hoạch trung tâm cụm xã đoạn từ Toàn tuyến đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	290	203	174
27756		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa trong khu quy hoạch trung tâm cụm xã đoạn từ Toàn tuyến đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	232	162	139
27757	20	Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A	Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 49	Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55	Xã Lộc Quang	840	590	500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27758		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	403	282	242
27759		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	322	225	193
27760		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	258	181	155
27761		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	363	254	218
27762		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	290	203	174
27763		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	232	162	139
27764	21	Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A	Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55	Thửa đất số 267, tờ bản đồ số 24	Xã Lộc Quang	490	340	290
27765		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 267, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	319	223	191
27766		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 267, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	255	179	153

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27767		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 267, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	204	143	122
27768		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 267, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	287	201	172
27769		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 267, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	230	161	138
27770		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 267, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	184	129	110
27771	22	Đường nhựa quanh hồ cầu trắng	Toàn tuyến	Toàn tuyến	Xã Lộc Quang	840	590	500
27772		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa quanh hồ cầu trắng đoạn từ Toàn tuyến đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	403	282	242
27773		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa quanh hồ cầu trắng đoạn từ Toàn tuyến đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	322	225	193
27774		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa quanh hồ cầu trắng đoạn từ Toàn tuyến đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	258	181	155
27775		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa quanh hồ cầu trắng đoạn từ Toàn tuyến đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	363	254	218

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27776		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa quanh hồ cầu trắng đoạn từ Toàn tuyến đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	290	203	174
27777		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa quanh hồ cầu trắng đoạn từ Toàn tuyến đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	232	162	139
27778	23	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ)	Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 41	Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41	Xã Lộc Quang	490	340	290
27779		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	319	223	191
27780		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	255	179	153
27781		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	204	143	122
27782		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	287	201	172
27783		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	230	161	138
27784		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	184	129	110
27785	24	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ)	Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41	Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 35	Xã Lộc Quang	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27786		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	293	205	176
27787		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	234	164	140
27788		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	187	131	112
27789		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	264	185	158
27790		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	211	148	127
27791		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	168	118	101
27792	25	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ)	Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 53	Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62	Xã Lộc Quang	490	340	290
27793		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	319	223	191
27794		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	255	179	153

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27795		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	204	143	122
27796		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	287	201	172
27797		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	230	161	138
27798		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	184	129	110
27799	26	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ)	Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62	Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 63	Xã Lộc Quang	450	320	270
27800		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 đến Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	293	205	176
27801		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 đến Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	234	164	140
27802		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 đến Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	187	131	112
27803		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 đến Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	264	185	158

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27804		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 đến Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	211	148	127
27805		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 đến Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	168	118	101
27806	27	Đường bê tông trong khu phân lô bán đấu giá ấp Hiệp Hoàn	Toàn tuyến		Xã Lộc Quang	490	340	290
27807		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trong khu phân lô bán đấu giá ấp Hiệp Hoàn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	319	223	191
27808		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trong khu phân lô bán đấu giá ấp Hiệp Hoàn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	255	179	153
27809		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trong khu phân lô bán đấu giá ấp Hiệp Hoàn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	204	143	122
27810		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trong khu phân lô bán đấu giá ấp Hiệp Hoàn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	287	201	172
27811		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trong khu phân lô bán đấu giá ấp Hiệp Hoàn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	230	161	138
27812		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trong khu phân lô bán đấu giá ấp Hiệp Hoàn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	184	129	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27813	28	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23	Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53	Xã Lộc Quang	360	250	220
27814		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	234	164	140
27815		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	187	131	112
27816		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	150	105	90
27817		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	211	148	127
27818		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	168	118	101
27819		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	135	95	81
27820	29	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54	Xã Lộc Quang	570	400	340

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27821		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	371	260	223
27822		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	297	208	178
27823		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	238	167	143
27824		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	334	234	200
27825		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	267	187	160
27826		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	214	150	128
27827	30	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41	Xã Lộc Quang	770	540	460
27828		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	501	351	301

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27829		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	401	281	241
27830		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	321	225	193
27831		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	451	316	271
27832		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	361	253	217
27833		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	289	202	173
27834	31	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41	Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36	Xã Lộc Quang	690	480	410
27835		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	449	314	269
27836		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	359	251	215

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27837		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	287	201	172
27838		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	404	283	242
27839		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	323	226	194
27840		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	258	181	155
27841	32	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8	Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22	Xã Lộc Quang	450	320	270
27842		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	293	205	176
27843		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	234	164	140
27844		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	187	131	112

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27845		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	264	185	158
27846		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	211	148	127
27847		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	168	118	101
27848	33	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22	Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5	Xã Lộc Quang	490	340	290
27849		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	319	223	191
27850		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	255	179	153
27851		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	204	143	122
27852		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	287	201	172

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27853		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	230	161	138
27854		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	184	129	110
27855	34	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5	Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68	Xã Lộc Quang	450	320	270
27856		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	293	205	176
27857		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	234	164	140
27858		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	187	131	112
27859		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	264	185	158
27860		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	211	148	127

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27861		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	168	118	101
27862	35	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68	Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83	Xã Lộc Quang	360	250	220
27863		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	234	164	140
27864		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	187	131	112
27865		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	150	105	90
27866		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	211	148	127
27867		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	168	118	101
27868		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	135	95	81

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27869	36	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54	Xã Lộc Quang	570	400	340
27870		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	371	260	223
27871		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	297	208	178
27872		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	238	167	143
27873		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	334	234	200
27874		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	267	187	160
27875		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	214	150	128
27876	37	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8	Xã Lộc Quang	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27877		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	293	205	176
27878		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	234	164	140
27879		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	187	131	112
27880		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	264	185	158
27881		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	211	148	127
27882		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	168	118	101
27883	38	Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Ninh	Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 60	Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 51	Xã Lộc Quang	450	320	270
27884		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Ninh đoạn từ Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 60 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	293	205	176

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27885		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Ninh đoạn từ Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 60 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	234	164	140
27886		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Ninh đoạn từ Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 60 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	187	131	112
27887		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Ninh đoạn từ Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 60 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	264	185	158
27888		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Ninh đoạn từ Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 60 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	211	148	127
27889		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Ninh đoạn từ Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 60 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	168	118	101
27890	1	Đường Quốc lộ 13	Ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long	Trạm thu phí	Phường Tân Khai	4500	3200	2700
27891		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2160	1512	1296
27892		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1728	1210	1037
27893		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1382	967	829

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27894		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1944	1361	1166
27895		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1555	1089	933
27896		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1244	871	746
27897	2	Đường Quốc lộ 13	Trạm thu phí	Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt	Phường Tân Khai	8100	5700	4900
27898		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Trạm thu phí đến Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	3888	2722	2333
27899		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Trạm thu phí đến Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	3110	2177	1866
27900		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Trạm thu phí đến Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	2488	1742	1493
27901		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Trạm thu phí đến Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	3499	2449	2099
27902		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Trạm thu phí đến Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	2799	1959	1679
27903		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Trạm thu phí đến Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	2239	1567	1343

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27904	3	Đường Quốc lộ 13	Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt	Hết ranh đất cây xăng ĐVT	Phường Tân Khai	5400	3800	3200
27905		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến Hết ranh đất cây xăng ĐVT có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2592	1814	1555
27906		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến Hết ranh đất cây xăng ĐVT có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	2074	1452	1244
27907		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến Hết ranh đất cây xăng ĐVT có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1659	1161	995
27908		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến Hết ranh đất cây xăng ĐVT có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2333	1633	1400
27909		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến Hết ranh đất cây xăng ĐVT có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1867	1307	1120
27910		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến Hết ranh đất cây xăng ĐVT có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1493	1045	896
27911	4	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh đất cây xăng ĐVT	Ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng	Phường Tân Khai	4500	3200	2700
27912		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất cây xăng ĐVT đến Ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2160	1512	1296
27913		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất cây xăng ĐVT đến Ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1728	1210	1037

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27914		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất cây xăng ĐVT đến Ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1382	967	829
27915		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất cây xăng ĐVT đến Ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1944	1361	1166
27916		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất cây xăng ĐVT đến Ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1555	1089	933
27917		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất cây xăng ĐVT đến Ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1244	871	746
27918	5	Đường Trục Chính Bắc Nam	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 10	Ngã tư giao đường Đông Tây 7	Phường Tân Khai	5400	3800	3200
27919		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 10 đến Ngã tư giao đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2592	1814	1555
27920		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 10 đến Ngã tư giao đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	2074	1452	1244
27921		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 10 đến Ngã tư giao đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1659	1161	995
27922		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 10 đến Ngã tư giao đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2333	1633	1400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27923		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 10 đến Ngã tư giao đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1867	1307	1120
27924		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 10 đến Ngã tư giao đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1493	1045	896
27925	6	Đường Trục Chính Bắc Nam	Ngã tư giao đường Đông Tây 7	Vòng xoay ngã năm giao đường Đông Tây 15	Phường Tân Khai	5000	3500	3000
27926		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 7 đến Vòng xoay ngã năm giao đường Đông Tây 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2400	1680	1440
27927		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 7 đến Vòng xoay ngã năm giao đường Đông Tây 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1920	1344	1152
27928		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 7 đến Vòng xoay ngã năm giao đường Đông Tây 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1536	1075	922
27929		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 7 đến Vòng xoay ngã năm giao đường Đông Tây 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2160	1512	1296
27930		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 7 đến Vòng xoay ngã năm giao đường Đông Tây 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1728	1210	1037
27931		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 7 đến Vòng xoay ngã năm giao đường Đông Tây 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1382	967	829

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27932	7	Đường Trục Chính Bắc Nam	Đoạn còn lại		Phường Tân Khai	3000	2100	1800
27933		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục Chính Bắc Nam (Đoạn còn lại) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1440	1008	864
27934		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục Chính Bắc Nam (Đoạn còn lại) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1152	806	691
27935		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục Chính Bắc Nam (Đoạn còn lại) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	922	645	553
27936		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục Chính Bắc Nam (Đoạn còn lại) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1296	907	778
27937		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục Chính Bắc Nam (Đoạn còn lại) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1037	726	622
27938		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục Chính Bắc Nam (Đoạn còn lại) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	830	581	498
27939	8	Đường Bắc Nam 1	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	5400	3800	3200
27940		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2592	1814	1555
27941		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	2074	1452	1244
27942		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1659	1161	995
27943		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2333	1633	1400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27944		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1867	1307	1120
27945		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1493	1045	896
27946	9	Đường Bắc Nam 1a	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	5000	3500	3000
27947		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 1a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2400	1680	1440
27948		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 1a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1920	1344	1152
27949		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 1a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1536	1075	922
27950		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 1a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2160	1512	1296
27951		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 1a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1728	1210	1037
27952		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 1a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1382	967	829
27953	10	Đường Bắc Nam 1b	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	5000	3500	3000
27954		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 1b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2400	1680	1440
27955		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 1b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1920	1344	1152

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27956		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 1b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1536	1075	922
27957		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 1b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2160	1512	1296
27958		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 1b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1728	1210	1037
27959		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 1b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1382	967	829
27960	11	Đường Bắc Nam 2	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	5100	3600	3100
27961		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2448	1714	1469
27962		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1958	1371	1175
27963		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1566	1096	940
27964		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2203	1542	1322
27965		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1762	1233	1057
27966		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1409	986	845
27967	12	Đường Bắc Nam 3	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	5000	3500	3000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27968		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2400	1680	1440
27969		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1920	1344	1152
27970		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1536	1075	922
27971		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2160	1512	1296
27972		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1728	1210	1037
27973		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1382	967	829
27974	13	Đường Bắc Nam 4	Đường Đông Tây 1	Đường Đông Tây7	Phường Tân Khai	4500	3200	2700
27975		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2160	1512	1296
27976		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1728	1210	1037
27977		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1382	967	829
27978		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1944	1361	1166

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27979		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1555	1089	933
27980		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1244	871	746
27981	14	Đường Bắc Nam 4a	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	4500	3200	2700
27982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2160	1512	1296
27983		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1728	1210	1037
27984		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1382	967	829
27985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1944	1361	1166
27986		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1555	1089	933
27987		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1244	871	746
27988	15	Đường Bắc Nam 4b	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	4500	3200	2700
27989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2160	1512	1296
27990		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1728	1210	1037

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
27991		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1382	967	829
27992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1944	1361	1166
27993		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1555	1089	933
27994		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1244	871	746
27995	16	Đường Bắc Nam 5	Đường Đông Tây 1	Đường Đông Tây 7	Phường Tân Khai	4500	3200	2700
27996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 5 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2160	1512	1296
27997		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 5 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1728	1210	1037
27998		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 5 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1382	967	829
27999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 5 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1944	1361	1166
28000		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 5 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1555	1089	933

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28001		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 5 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1244	871	746
28002	17	Đường Bắc Nam 5a	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7	Phường Tân Khai	4500	3200	2700
28003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2160	1512	1296
28004		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1728	1210	1037
28005		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1382	967	829
28006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1944	1361	1166
28007		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1555	1089	933
28008		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1244	871	746
28009	20	Đường Bắc Nam 12	Đường ĐT 756C	Ngã tư Đường vào cầu Huyện ủy	Phường Tân Khai	3000	2100	1800
28010		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 12 đoạn từ Đường ĐT 756C đến Ngã tư Đường vào cầu Huyện ủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1440	1008	864

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28011		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 12 đoạn từ Đường ĐT 756C đến Ngã tư Đường vào cầu Huyện ủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1152	806	691
28012		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 12 đoạn từ Đường ĐT 756C đến Ngã tư Đường vào cầu Huyện ủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	922	645	553
28013		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 12 đoạn từ Đường ĐT 756C đến Ngã tư Đường vào cầu Huyện ủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1296	907	778
28014		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 12 đoạn từ Đường ĐT 756C đến Ngã tư Đường vào cầu Huyện ủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1037	726	622
28015		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 12 đoạn từ Đường ĐT 756C đến Ngã tư Đường vào cầu Huyện ủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	830	581	498
28016	21	Đường Trục chính Đông Tây	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	6300	4400	3800
28017		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục chính Đông Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	3024	2117	1814
28018		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục chính Đông Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	2419	1693	1451
28019		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục chính Đông Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1935	1355	1161
28020		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục chính Đông Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2722	1905	1633

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28021		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục chính Đông Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	2177	1524	1306
28022		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục chính Đông Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1742	1219	1045
28023	22	Đường Đông Tây 1	Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Phường Tân Khai	5900	4100	3500
28024		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2832	1982	1699
28025		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	2266	1586	1360
28026		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1813	1269	1088
28027		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2549	1784	1529
28028		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	2039	1427	1223
28029		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1632	1142	979
28030	23	Đường Đông Tây 1	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã tư giao đường Bắc Nam 7	Phường Tân Khai	4500	3200	2700

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28031		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã tư giao đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2160	1512	1296
28032		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã tư giao đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1728	1210	1037
28033		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã tư giao đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1382	967	829
28034		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã tư giao đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1944	1361	1166
28035		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã tư giao đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1555	1089	933
28036		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã tư giao đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1244	871	746
28037	24	Đường Đông Tây 2	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 1	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Phường Tân Khai	5100	3600	3100
28038		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 1 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2448	1714	1469
28039		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 1 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1958	1371	1175

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28040		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 1 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1566	1096	940
28041		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 1 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2203	1542	1322
28042		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 1 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1762	1233	1057
28043		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 1 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1409	986	845
28044	25	Đường Đông Tây 2	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	Phường Tân Khai	4700	3300	2800
28045		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2256	1579	1354
28046		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1805	1264	1083
28047		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1444	1011	866
28048		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2030	1421	1218

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28049		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1625	1138	975
28050		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1300	910	780
28051	26	Đường Đông Tây 3	Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Phường Tân Khai	5400	3800	3200
28052		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2592	1814	1555
28053		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	2074	1452	1244
28054		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1659	1161	995
28055		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2333	1633	1400
28056		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1867	1307	1120
28057		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1493	1045	896
28058	27	Đường Đông Tây 3	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	Phường Tân Khai	4700	3300	2800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28059		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2256	1579	1354
28060		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1805	1264	1083
28061		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1444	1011	866
28062		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2030	1421	1218
28063		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1625	1138	975
28064		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1300	910	780
28065	28	Đường Đông Tây 4	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	4700	3300	2800
28066		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2256	1579	1354
28067		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1805	1264	1083
28068		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1444	1011	866

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28069		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2030	1421	1218
28070		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1625	1138	975
28071		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1300	910	780
28072	29	Đường Đông Tây 4a	Ngã ba tiếp giáp Đường Quốc lộ 13	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Phường Tân Khai	4500	3200	2700
28073		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2160	1512	1296
28074		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1728	1210	1037
28075		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1382	967	829
28076		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1944	1361	1166
28077		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1555	1089	933
28078		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1244	871	746

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28079	30	Đường Đông Tây 4b	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	Phường Tân Khai	4500	3200	2700
28080		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4b đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2160	1512	1296
28081		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4b đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1728	1210	1037
28082		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4b đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1382	967	829
28083		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4b đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1944	1361	1166
28084		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4b đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1555	1089	933
28085		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4b đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1244	871	746
28086	31	Đường Đông Tây 4c	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	Phường Tân Khai	4500	3200	2700
28087		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4c đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2160	1512	1296
28088		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4c đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1728	1210	1037

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28089		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4c đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1382	967	829
28090		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4c đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1944	1361	1166
28091		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4c đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1555	1089	933
28092		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4c đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1244	871	746
28093	32	Đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	Phường Tân Khai	4700	3300	2800
28094		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 5 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2256	1579	1354
28095		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 5 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1805	1264	1083
28096		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 5 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1444	1011	866
28097		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 5 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2030	1421	1218

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28098		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 5 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1625	1138	975
28099		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 5 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1300	910	780
28100	33	Đường Đông Tây 5a	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3	Phường Tân Khai	3000	2100	1800
28101		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1440	1008	864
28102		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1152	806	691
28103		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	922	645	553
28104		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1296	907	778
28105		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1037	726	622
28106		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	830	581	498
28107	34	Đường Đông Tây 6	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba tiếp giáp đường trục chính Bắc Nam	Phường Tân Khai	3000	2100	1800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28108		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 6 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1440	1008	864
28109		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 6 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1152	806	691
28110		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 6 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	922	645	553
28111		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 6 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1296	907	778
28112		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 6 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1037	726	622
28113		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 6 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	830	581	498
28114	35	Đường Đông Tây 6a	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3	Phường Tân Khai	3000	2100	1800
28115		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 6a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1440	1008	864
28116		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 6a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1152	806	691

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28117		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 6a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	922	645	553
28118		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 6a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1296	907	778
28119		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 6a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1037	726	622
28120		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 6a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	830	581	498
28121	36	Đường Đông Tây 7	Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Phường Tân Khai	4500	3200	2700
28122		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2160	1512	1296
28123		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1728	1210	1037
28124		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1382	967	829
28125		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1944	1361	1166

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28126		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1555	1089	933
28127		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1244	871	746
28128	37	Đường Đông Tây 7	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	Phường Tân Khai	3600	2500	2200
28129		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1728	1210	1037
28130		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1382	967	829
28131		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1106	774	664
28132		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1555	1089	933
28133		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1244	871	746
28134		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	995	697	597
28135	38	Đường Đông Tây 9	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Phường Tân Khai	3000	2100	1800

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28136		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1440	1008	864
28137		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1152	806	691
28138		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	922	645	553
28139		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1296	907	778
28140		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1037	726	622
28141		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	830	581	498
28142	39	Đường Đông Tây 9	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	Phường Tân Khai	2800	2000	1700
28143		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1344	941	806
28144		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1075	753	645

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28145		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	860	602	516
28146		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1210	847	726
28147		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	968	678	581
28148		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	774	542	464
28149	40	Đường Đông Tây 10	Đường Quốc lộ 13	Đường Bắc Nam 4	Phường Tân Khai	2800	2000	1700
28150		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1344	941	806
28151		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1075	753	645
28152		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	860	602	516
28153		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1210	847	726
28154		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	968	678	581

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28155		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	774	542	464
28156	41	Đường Đông Tây 11	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	3000	2100	1800
28157		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1440	1008	864
28158		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1152	806	691
28159		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	922	645	553
28160		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1296	907	778
28161		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1037	726	622
28162		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	830	581	498
28163	42	Đường Đông Tây 12	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	3000	2100	1800
28164		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1440	1008	864
28165		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1152	806	691

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28166		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	922	645	553
28167		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1296	907	778
28168		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1037	726	622
28169		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	830	581	498
28170	43	Đường Đông Tây 13	Đường Quốc lộ 13	Đường Trục Chính Bắc Nam	Phường Tân Khai	3000	2100	1800
28171		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1440	1008	864
28172		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1152	806	691
28173		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	922	645	553
28174		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1296	907	778
28175		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1037	726	622

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28176		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	830	581	498
28177	44	Đường Đông Tây 14	Đường Quốc lộ 13	Đường Trục Chính Bắc Nam	Phường Tân Khai	3000	2100	1800
28178		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1440	1008	864
28179		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1152	806	691
28180		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	922	645	553
28181		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1296	907	778
28182		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1037	726	622
28183		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	830	581	498
28184	45	Đường Đông Tây 15	Đường Quốc lộ 13	Đường Trục chính Bắc Nam	Phường Tân Khai	5400	3800	3200
28185		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2592	1814	1555

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28186		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	2074	1452	1244
28187		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1659	1161	995
28188		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2333	1633	1400
28189		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1867	1307	1120
28190		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1493	1045	896
28191	46	Đường Đông Tây 15	Đoạn còn lại		Phường Tân Khai	3600	2500	2200
28192		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 15 (Đoạn còn lại) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1728	1210	1037
28193		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 15 (Đoạn còn lại) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1382	967	829
28194		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 15 (Đoạn còn lại) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1106	774	664
28195		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 15 (Đoạn còn lại) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1555	1089	933

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28196		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 15 (Đoạn còn lại) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1244	871	746
28197		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 15 (Đoạn còn lại) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	995	697	597
28198	47	Đường Đông Tây 16	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	3000	2100	1800
28199		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1440	1008	864
28200		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1152	806	691
28201		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	922	645	553
28202		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1296	907	778
28203		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1037	726	622
28204		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	830	581	498
28205	48	Đường Đông Tây 17	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	2700	1900	1600
28206		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1296	907	778

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28207		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1037	726	622
28208		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	830	581	498
28209		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1166	816	700
28210		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	933	653	560
28211		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	747	523	448
28212	49	Đường ĐT 756C	Ngã ba Tân Quan	Đến hết thửa đất số 339, tờ bản đồ số 23	Phường Tân Khai	3200	2200	1900
28213		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba Tân Quan đến Đến hết thửa đất số 339, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1536	1075	922
28214		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba Tân Quan đến Đến hết thửa đất số 339, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1229	860	737
28215		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba Tân Quan đến Đến hết thửa đất số 339, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	983	688	590
28216		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba Tân Quan đến Đến hết thửa đất số 339, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1382	967	829

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28217		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba Tân Quan đến Đến hết thửa đất số 339, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1106	774	664
28218		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba Tân Quan đến Đến hết thửa đất số 339, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	885	620	531
28219	50	Đường ĐT 756C	Từ thửa đất số 347, tờ bản đồ số 23	Cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan	Phường Tân Khai	2300	1600	1400
28220		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ thửa đất số 347, tờ bản đồ số 23 đến Cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1104	773	662
28221		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ thửa đất số 347, tờ bản đồ số 23 đến Cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	883	618	530
28222		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ thửa đất số 347, tờ bản đồ số 23 đến Cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	706	494	424
28223		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ thửa đất số 347, tờ bản đồ số 23 đến Cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	994	696	596
28224		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ thửa đất số 347, tờ bản đồ số 23 đến Cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	795	557	477
28225		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ thửa đất số 347, tờ bản đồ số 23 đến Cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	635	445	381
28226	51	Đường ĐT 756C	Ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7	Giáp ranh thôn Đồng Nơ 1	Phường Tân Khai	2300	1600	1400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28227		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến Giáp ranh thôn Đồng Nơ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1104	773	662
28228		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến Giáp ranh thôn Đồng Nơ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	883	618	530
28229		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến Giáp ranh thôn Đồng Nơ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	706	494	424
28230		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến Giáp ranh thôn Đồng Nơ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	994	696	596
28231		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến Giáp ranh thôn Đồng Nơ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	795	557	477
28232		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến Giáp ranh thôn Đồng Nơ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	635	445	381
28233	52	Đường ĐT 756C (Đường huyện 245)	Ngã tư cổng Nông trường 425	Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (đến hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81)	Phường Tân Khai	2200	1500	1300
28234		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (đến hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1056	739	634
28235		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (đến hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	845	592	507

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28236		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (đến hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	676	473	406
28237		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (đến hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	950	665	570
28238		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (đến hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	761	533	457
28239		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (đến hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	608	426	365
28240	53	Đường ĐT 756C (Đường huyện 245)	Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (từ hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81)	Đến cầu Sóc 5 (giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh)	Phường Tân Khai	1600	1100	970
28241		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (từ hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) đến Đến cầu Sóc 5 (giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	768	538	461
28242		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (từ hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) đến Đến cầu Sóc 5 (giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	614	430	368
28243		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (từ hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) đến Đến cầu Sóc 5 (giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	491	344	295

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28244		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (từ hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) đến Đến cầu Sóc 5 (giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	691	484	415
28245		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (từ hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) đến Đến cầu Sóc 5 (giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	553	387	332
28246		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (từ hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) đến Đến cầu Sóc 5 (giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	442	309	265
28247	54	Đường ĐT 756C (Đường huyện 245)	Ngã ba đoạn giáp ranh phường Tân Khai - Minh Đức	Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (đến hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95)	Phường Tân Khai	2000	1400	1200
28248		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba đoạn giáp ranh phường Tân Khai - Minh Đức đến Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (đến hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	960	672	576
28249		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba đoạn giáp ranh phường Tân Khai - Minh Đức đến Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (đến hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	768	538	461
28250		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba đoạn giáp ranh phường Tân Khai - Minh Đức đến Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (đến hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	614	430	368

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28251		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba đoạn giáp ranh phường Tân Khai - Minh Đức đến Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (đến hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	864	605	518
28252		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba đoạn giáp ranh phường Tân Khai - Minh Đức đến Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (đến hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	691	484	415
28253		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba đoạn giáp ranh phường Tân Khai - Minh Đức đến Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (đến hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	553	387	332
28254	55	Đường ĐT 756C (Đường huyện 245)	Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (từ hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95)	Nhà ông Mai Viết Huê (đến hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100)	Phường Tân Khai	2200	1500	1300
28255		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (từ hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) đến Nhà ông Mai Viết Huê (đến hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1056	739	634
28256		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (từ hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) đến Nhà ông Mai Viết Huê (đến hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	845	592	507
28257		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (từ hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) đến Nhà ông Mai Viết Huê (đến hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	676	473	406

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28258		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (từ hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) đến Nhà ông Mai Viết Huê (đến hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	950	665	570
28259		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (từ hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) đến Nhà ông Mai Viết Huê (đến hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	761	533	457
28260		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (từ hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) đến Nhà ông Mai Viết Huê (đến hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	608	426	365
28261	56	Đường ĐT 756C (Đường huyện 245)	Nhà ông Mai Viết Huê (từ hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100)	Ngã tư cổng Nông trường 425	Phường Tân Khai	2200	1500	1300
28262		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Nhà ông Mai Viết Huê (từ hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) đến Ngã tư cổng Nông trường 425 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1056	739	634
28263		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Nhà ông Mai Viết Huê (từ hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) đến Ngã tư cổng Nông trường 425 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	845	592	507
28264		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Nhà ông Mai Viết Huê (từ hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) đến Ngã tư cổng Nông trường 425 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	676	473	406
28265		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Nhà ông Mai Viết Huê (từ hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) đến Ngã tư cổng Nông trường 425 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	950	665	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28266		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Nhà ông Mai Viết Huê (từ hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) đến Ngã tư cổng Nông trường 425 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	761	533	457
28267		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Nhà ông Mai Viết Huê (từ hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) đến Ngã tư cổng Nông trường 425 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	608	426	365
28268	57	Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2	Giáp đường Quốc lộ 13	Đến 300m	Phường Tân Khai	3000	2100	1800
28269		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Đến 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1440	1008	864
28270		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Đến 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1152	806	691
28271		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Đến 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	922	645	553
28272		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Đến 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1296	907	778
28273		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Đến 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1037	726	622
28274		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Đến 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	830	581	498

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28275	58	Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2	Cách đường Quốc lộ 13 từ 300m trở lên	Khu công nghiệp Tân Khai 2	Phường Tân Khai	2300	1600	1400
28276		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Cách đường Quốc lộ 13 từ 300m trở lên đến Khu công nghiệp Tân Khai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1104	773	662
28277		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Cách đường Quốc lộ 13 từ 300m trở lên đến Khu công nghiệp Tân Khai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	883	618	530
28278		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Cách đường Quốc lộ 13 từ 300m trở lên đến Khu công nghiệp Tân Khai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	706	494	424
28279		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Cách đường Quốc lộ 13 từ 300m trở lên đến Khu công nghiệp Tân Khai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	994	696	596
28280		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Cách đường Quốc lộ 13 từ 300m trở lên đến Khu công nghiệp Tân Khai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	795	557	477
28281		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Cách đường Quốc lộ 13 từ 300m trở lên đến Khu công nghiệp Tân Khai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	635	445	381
28282	59	Đường liên ranh thôn 1-2	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	Phường Tân Khai	3000	2100	1800
28283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1440	1008	864

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28284		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1152	806	691
28285		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	922	645	553
28286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1296	907	778
28287		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1037	726	622
28288		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	830	581	498
28289	60	Đường liên ranh thôn 1-2	Từ 200m trở lên	Đường Bắc Nam 12	Phường Tân Khai	2700	1900	1600
28290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1296	907	778
28291		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1037	726	622
28292		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	830	581	498

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1166	816	700
28294		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	933	653	560
28295		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	747	523	448
28296	61	Đường liên ranh thôn 1-2	Đường Bắc Nam 12	Hết tuyến	Phường Tân Khai	2300	1600	1400
28297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1104	773	662
28298		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	883	618	530
28299		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	706	494	424
28300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	994	696	596
28301		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	795	557	477
28302		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	635	445	381

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28303	62	Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5)	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	Phường Tân Khai	3000	2100	1800
28304		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1440	1008	864
28305		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1152	806	691
28306		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	922	645	553
28307		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1296	907	778
28308		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1037	726	622
28309		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	830	581	498
28310	63	Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5)	Từ 200m trở lên	Đường Bắc Nam 12	Phường Tân Khai	2700	1900	1600
28311		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1296	907	778

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28312		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1037	726	622
28313		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	830	581	498
28314		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1166	816	700
28315		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	933	653	560
28316		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	747	523	448
28317	64	Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5)	Đường Bắc Nam 12	Hết tuyến	Phường Tân Khai	2300	1600	1400
28318		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1104	773	662
28319		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	883	618	530
28320		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	706	494	424
28321		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	994	696	596

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28322		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	795	557	477
28323		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	635	445	381
28324	65	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí)	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	Phường Tân Khai	1400	950	810
28325		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	672	470	403
28326		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	538	377	323
28327		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	430	301	258
28328		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	605	424	363

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28329		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	484	339	290
28330		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	387	271	232
28331	66	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí)	Từ 200m trở lên	Đến 500m	Phường Tân Khai	1100	760	650
28332		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	528	370	317
28333		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	422	295	253
28334		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	338	237	203
28335		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	475	333	285

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28336		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	380	266	228
28337		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	304	213	182
28338	67	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí)	Từ 500m trở lên	Hết tuyến	Phường Tân Khai	630	440	380
28339		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	302	211	181
28340		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	242	169	145
28341		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	194	136	116
28342		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	272	190	163

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28343		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	218	153	131
28344		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	175	123	105
28345	68	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt)	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	Phường Tân Khai	2300	1600	1400
28346		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1104	773	662
28347		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	883	618	530
28348		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	706	494	424
28349		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	994	696	596

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28350		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	795	557	477
28351		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	635	445	381
28352	69	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt)	Từ 200m trở lên	Đến 500m	Phường Tân Khai	1800	1300	1100
28353		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	864	605	518
28354		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	691	484	415
28355		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	553	387	332
28356		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	778	545	467

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28357		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	622	435	373
28358		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	498	349	299
28359	70	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt)	Từ 500m trở lên	Hết tuyến	Phường Tân Khai	630	440	380
28360		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	302	211	181
28361		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	242	169	145
28362		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	194	136	116
28363		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	272	190	163
28364		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	218	153	131

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28365		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	175	123	105
28366	71	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT)	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	Phường Tân Khai	1500	1100	920
28367		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	720	504	432
28368		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	576	403	346
28369		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	461	323	277
28370		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	648	454	389
28371		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28372		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	415	291	249
28373	72	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT)	Từ 200m trở lên	Đến 500m	Phường Tân Khai	1100	760	650
28374		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	528	370	317
28375		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	422	295	253
28376		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	338	237	203
28377		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	475	333	285
28378		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	380	266	228

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28379		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	304	213	182
28380	73	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT)	Từ 500m trở lên	Hết tuyến	Phường Tân Khai	630	440	380
28381		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	302	211	181
28382		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	242	169	145
28383		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	194	136	116
28384		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	272	190	163
28385		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	218	153	131
28386		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	175	123	105

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28387	74	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng)	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	Phường Tân Khai	1400	950	810
28388		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	672	470	403
28389		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	538	377	323
28390		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	430	301	258
28391		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	605	424	363
28392		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	484	339	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28393		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	387	271	232
28394	75	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng)	Từ 200m trở lên	Đến 500m	Phường Tân Khai	1100	760	650
28395		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	528	370	317
28396		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	422	295	253
28397		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	338	237	203
28398		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	475	333	285
28399		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	380	266	228

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28400		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đến 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	304	213	182
28401	76	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng)	Từ 500m trở lên	Hết tuyến	Phường Tân Khai	630	440	380
28402		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	302	211	181
28403		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	242	169	145
28404		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	194	136	116
28405		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	272	190	163
28406		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	218	153	131

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28407		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng) đoạn từ Từ 500m trở lên đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	175	123	105
28408	77	Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ ngã ba Tân Quan đến Cụm công nghiệp Lê Vy)	Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C)	Đến 200m	Phường Tân Khai	1100	760	650
28409		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ ngã ba Tân Quan đến Cụm công nghiệp Lê Vy) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	528	370	317
28410		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ ngã ba Tân Quan đến Cụm công nghiệp Lê Vy) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	422	295	253
28411		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ ngã ba Tân Quan đến Cụm công nghiệp Lê Vy) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	338	237	203
28412		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ ngã ba Tân Quan đến Cụm công nghiệp Lê Vy) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	475	333	285
28413		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ ngã ba Tân Quan đến Cụm công nghiệp Lê Vy) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	380	266	228

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28414		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ ngã ba Tân Quan đến Cụm công nghiệp Lê Vy) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	304	213	182
28415	78	Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ Cụm công nghiệp Lê Vy đến cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan)	Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C)	Đến 200m	Phường Tân Khai	770	540	460
28416		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ Cụm công nghiệp Lê Vy đến cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	370	259	222
28417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ Cụm công nghiệp Lê Vy đến cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	296	207	178
28418		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ Cụm công nghiệp Lê Vy đến cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	237	166	142
28419		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ Cụm công nghiệp Lê Vy đến cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	333	233	200
28420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ Cụm công nghiệp Lê Vy đến cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	266	186	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28421		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ Cụm công nghiệp Lê Vy đến cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	213	149	128
28422	79	Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến giáp ranh thôn Đồng Nơ 1)	Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C)	Đến 200m	Phường Tân Khai	720	500	430
28423		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến giáp ranh thôn Đồng Nơ 1) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	346	242	208
28424		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến giáp ranh thôn Đồng Nơ 1) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	277	194	166
28425		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến giáp ranh thôn Đồng Nơ 1) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	222	155	133
28426		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến giáp ranh thôn Đồng Nơ 1) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	311	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28427		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến giáp ranh thôn Đồng Nơ 1) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	249	174	149
28428		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến giáp ranh thôn Đồng Nơ 1) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	200	140	120
28429	80	Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Nhà văn hóa thôn Tàu Ô	Phường Tân Khai	1800	1300	1100
28430		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Nhà văn hóa thôn Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	864	605	518
28431		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Nhà văn hóa thôn Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	691	484	415
28432		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Nhà văn hóa thôn Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	553	387	332
28433		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Nhà văn hóa thôn Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	778	545	467

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28434		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Nhà văn hóa thôn Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	622	435	373
28435		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Nhà văn hóa thôn Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	498	349	299
28436	81	Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô	Nhà văn hóa thôn Tàu Ô	Ngã ba (thửa đất số 625, tờ bản đồ số 7)	Phường Tân Khai	1600	1100	970
28437		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đến Ngã ba (thửa đất số 625, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	768	538	461
28438		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đến Ngã ba (thửa đất số 625, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	614	430	368
28439		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đến Ngã ba (thửa đất số 625, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	491	344	295
28440		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đến Ngã ba (thửa đất số 625, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	691	484	415
28441		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đến Ngã ba (thửa đất số 625, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	553	387	332
28442		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đến Ngã ba (thửa đất số 625, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	442	309	265

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28443	82	Đường nhựa vào hồ Sen Trắng	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Ranh đường sắt cũ	Phường Tân Khai	1800	1300	1100
28444		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào hồ Sen Trắng đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Ranh đường sắt cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	864	605	518
28445		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào hồ Sen Trắng đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Ranh đường sắt cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	691	484	415
28446		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào hồ Sen Trắng đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Ranh đường sắt cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	553	387	332
28447		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào hồ Sen Trắng đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Ranh đường sắt cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	778	545	467
28448		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào hồ Sen Trắng đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Ranh đường sắt cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	622	435	373
28449		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào hồ Sen Trắng đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Ranh đường sắt cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	498	349	299
28450	83	Đường nhựa vào Trường Tiểu học Tân Khai B	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến hết thửa đất số 229, tờ bản đồ số 26	Phường Tân Khai	1600	1100	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28451		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Trường Tiểu học Tân Khai B đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến hết thửa đất số 229, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	768	538	461
28452		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Trường Tiểu học Tân Khai B đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến hết thửa đất số 229, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	614	430	368
28453		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Trường Tiểu học Tân Khai B đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến hết thửa đất số 229, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	491	344	295
28454		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Trường Tiểu học Tân Khai B đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến hết thửa đất số 229, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	691	484	415
28455		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Trường Tiểu học Tân Khai B đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến hết thửa đất số 229, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	553	387	332
28456		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Trường Tiểu học Tân Khai B đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến hết thửa đất số 229, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	442	309	265
28457	84	Đường nhựa vào đập Bàu Úm	Ngã ba Đình thần	Công ty cấp thoát nước	Phường Tân Khai	1400	1000	860
28458		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào đập Bàu Úm đoạn từ Ngã ba Đình thần đến Công ty cấp thoát nước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	672	470	403

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28459		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào đập Bàu Úm đoạn từ Ngã ba Đình thần đến Công ty cấp thoát nước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	538	377	323
28460		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào đập Bàu Úm đoạn từ Ngã ba Đình thần đến Công ty cấp thoát nước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	430	301	258
28461		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào đập Bàu Úm đoạn từ Ngã ba Đình thần đến Công ty cấp thoát nước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	605	424	363
28462		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào đập Bàu Úm đoạn từ Ngã ba Đình thần đến Công ty cấp thoát nước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	484	339	290
28463		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào đập Bàu Úm đoạn từ Ngã ba Đình thần đến Công ty cấp thoát nước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	387	271	232
28464	85	Đường nhựa vào cầu Huyện ủy	Ngã năm	Giáp ranh xã Tân Quan	Phường Tân Khai	1700	1200	1000
28465		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào cầu Huyện ủy đoạn từ Ngã năm đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	816	571	490
28466		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào cầu Huyện ủy đoạn từ Ngã năm đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	653	457	392
28467		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào cầu Huyện ủy đoạn từ Ngã năm đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	522	365	313

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28468		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào cầu Huyện ủy đoạn từ Ngã năm đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	734	514	440
28469		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào cầu Huyện ủy đoạn từ Ngã năm đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	588	412	353
28470		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào cầu Huyện ủy đoạn từ Ngã năm đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	470	329	282
28471	86	Đường nhựa tổ 2, thôn 2 (tuyến 1)	Đường Quốc lộ 13	Đường Bắc Nam 12	Phường Tân Khai	2300	1600	1400
28472		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa tổ 2, thôn 2 (tuyến 1) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1104	773	662
28473		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa tổ 2, thôn 2 (tuyến 1) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	883	618	530
28474		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa tổ 2, thôn 2 (tuyến 1) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	706	494	424
28475		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa tổ 2, thôn 2 (tuyến 1) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	994	696	596
28476		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa tổ 2, thôn 2 (tuyến 1) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	795	557	477

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28477		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa tổ 2, thôn 2 (tuyến 1) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	635	445	381
28478	87	Đường nhựa tổ 1-2, thôn 2 (tuyến 2)	Đường Quốc lộ 13	Đường Bắc Nam 12	Phường Tân Khai	2300	1600	1400
28479		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa tổ 1-2, thôn 2 (tuyến 2) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1104	773	662
28480		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa tổ 1-2, thôn 2 (tuyến 2) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	883	618	530
28481		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa tổ 1-2, thôn 2 (tuyến 2) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	706	494	424
28482		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa tổ 1-2, thôn 2 (tuyến 2) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	994	696	596
28483		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa tổ 1-2, thôn 2 (tuyến 2) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	795	557	477
28484		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa tổ 1-2, thôn 2 (tuyến 2) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	635	445	381
28485	88	Đường nhựa thôn 1	Đường Quốc lộ 13	Đường Bắc Nam 12	Phường Tân Khai	2300	1600	1400
28486		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1104	773	662

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28487		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	883	618	530
28488		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	706	494	424
28489		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	994	696	596
28490		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	795	557	477
28491		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	635	445	381
28492	89	Đường xã	Ngã ba chợ Tân Hiệp (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 82)	Đến hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81	Phường Tân Khai	1500	1100	920
28493		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã đoạn từ Ngã ba chợ Tân Hiệp (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 82) đến Đến hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	720	504	432
28494		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã đoạn từ Ngã ba chợ Tân Hiệp (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 82) đến Đến hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	576	403	346
28495		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã đoạn từ Ngã ba chợ Tân Hiệp (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 82) đến Đến hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28496		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã đoạn từ Ngã ba chợ Tân Hiệp (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 82) đến Đến hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	648	454	389
28497		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã đoạn từ Ngã ba chợ Tân Hiệp (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 82) đến Đến hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	518	363	311
28498		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã đoạn từ Ngã ba chợ Tân Hiệp (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 82) đến Đến hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	415	291	249
28499	90	Đường xã	Từ hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81	Ngã tư quận 1	Phường Tân Khai	1100	760	650
28500		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 đến Ngã tư quận 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	528	370	317
28501		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 đến Ngã tư quận 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	422	295	253
28502		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 đến Ngã tư quận 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	338	237	203
28503		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 đến Ngã tư quận 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	475	333	285
28504		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 đến Ngã tư quận 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	380	266	228

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28505		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 đến Ngã tư quận 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	304	213	182
28506	91	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B)	Ngã tư cổng Nông trường 425	Giáp ranh phường Minh Hưng	Phường Tân Khai	4500	3200	2700
28507		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Giáp ranh phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	2160	1512	1296
28508		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Giáp ranh phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1728	1210	1037
28509		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Giáp ranh phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1382	967	829
28510		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Giáp ranh phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	1944	1361	1166
28511		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Giáp ranh phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	1555	1089	933
28512		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Giáp ranh phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	1244	871	746

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28513	92	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B)	Ngã tư cổng Nông trường 425	Ngã tư Tân Lập thứ nhất (đến hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73)	Phường Tân Khai	1800	1300	1100
28514		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã tư Tân Lập thứ nhất (đến hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	864	605	518
28515		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã tư Tân Lập thứ nhất (đến hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	691	484	415
28516		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã tư Tân Lập thứ nhất (đến hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	553	387	332
28517		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã tư Tân Lập thứ nhất (đến hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	778	545	467
28518		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã tư Tân Lập thứ nhất (đến hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	622	435	373
28519		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã tư Tân Lập thứ nhất (đến hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	498	349	299

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28520	93	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B)	Ngã tư Tân Lập thứ nhất (từ hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73)	Giáp ranh xã Minh Đức	Phường Tân Khai	1600	1100	970
28521		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư Tân Lập thứ nhất (từ hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	768	538	461
28522		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư Tân Lập thứ nhất (từ hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	614	430	368
28523		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư Tân Lập thứ nhất (từ hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	491	344	295
28524		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư Tân Lập thứ nhất (từ hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	691	484	415
28525		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư Tân Lập thứ nhất (từ hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	553	387	332
28526		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư Tân Lập thứ nhất (từ hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	442	309	265
28527	94	Tuyến số 1 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ)	Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C)	Đến hết thửa đất số 253, tờ bản đồ số 81	Phường Tân Khai	1000	700	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28528		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến số 1 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến hết thửa đất số 253, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	480	336	288
28529		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến số 1 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến hết thửa đất số 253, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	384	269	230
28530		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến số 1 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến hết thửa đất số 253, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	307	215	184
28531		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến số 1 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến hết thửa đất số 253, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	432	302	259
28532		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến số 1 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến hết thửa đất số 253, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	346	242	208
28533		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến số 1 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến hết thửa đất số 253, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	276	193	166
28534	95	Tuyến số 2 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ)	Từ thửa đất số 97, tờ bản đồ số 82	Đến hết thửa đất số 235, tờ bản đồ số 81	Phường Tân Khai	1000	700	600
28535		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến số 2 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 97, tờ bản đồ số 82 đến Đến hết thửa đất số 235, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	480	336	288

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28536		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến số 2 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 97, tờ bản đồ số 82 đến Đến hết thửa đất số 235, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	384	269	230
28537		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến số 2 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 97, tờ bản đồ số 82 đến Đến hết thửa đất số 235, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	307	215	184
28538		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến số 2 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 97, tờ bản đồ số 82 đến Đến hết thửa đất số 235, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	432	302	259
28539		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến số 2 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 97, tờ bản đồ số 82 đến Đến hết thửa đất số 235, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	346	242	208
28540		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến số 2 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 97, tờ bản đồ số 82 đến Đến hết thửa đất số 235, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	276	193	166
28541	96	Đường nhựa đi Trung tâm bảo trợ xã hội Tân Hiệp	Ngã tư quận 1	Giáp ranh xã Minh Đức	Phường Tân Khai	810	570	490
28542		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi Trung tâm bảo trợ xã hội Tân Hiệp đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	389	272	233
28543		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi Trung tâm bảo trợ xã hội Tân Hiệp đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	311	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28544		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi Trung tâm bảo trợ xã hội Tân Hiệp đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	249	174	149
28545		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi Trung tâm bảo trợ xã hội Tân Hiệp đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	350	245	210
28546		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi Trung tâm bảo trợ xã hội Tân Hiệp đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	280	196	168
28547		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi Trung tâm bảo trợ xã hội Tân Hiệp đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	224	157	134
28548	97	Đường nhựa đi Phú Gia	Ngã tư quận 1	Cổng Nông trại Phú Gia	Phường Tân Khai	810	570	490
28549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi Phú Gia đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Cổng Nông trại Phú Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	389	272	233
28550		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi Phú Gia đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Cổng Nông trại Phú Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	311	218	187
28551		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi Phú Gia đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Cổng Nông trại Phú Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	249	174	149
28552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi Phú Gia đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Cổng Nông trại Phú Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	350	245	210
28553		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi Phú Gia đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Cổng Nông trại Phú Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	280	196	168

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28554		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi Phú Gia đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Cổng Nông trại Phú Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	224	157	134
28555	98	Đường nhựa đi thôn Bàu Lùng (đường do xã quản lý)	Ngã tư quận 1	Nhà văn hóa thôn Bàu Lùng	Phường Tân Khai	810	570	490
28556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi thôn Bàu Lùng (đường do xã quản lý) đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Nhà văn hóa thôn Bàu Lùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	389	272	233
28557		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi thôn Bàu Lùng (đường do xã quản lý) đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Nhà văn hóa thôn Bàu Lùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	311	218	187
28558		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi thôn Bàu Lùng (đường do xã quản lý) đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Nhà văn hóa thôn Bàu Lùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	249	174	149
28559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi thôn Bàu Lùng (đường do xã quản lý) đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Nhà văn hóa thôn Bàu Lùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	350	245	210
28560		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi thôn Bàu Lùng (đường do xã quản lý) đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Nhà văn hóa thôn Bàu Lùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	280	196	168
28561		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi thôn Bàu Lùng (đường do xã quản lý) đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Nhà văn hóa thôn Bàu Lùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	224	157	134
28562	99	Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 1	Từ thửa đất số 449, tờ bản đồ số 81	Đến hết ranh thửa đất số 200, tờ bản đồ số 85	Phường Tân Khai	500	350	300
28563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 1 đoạn từ Từ thửa đất số 449, tờ bản đồ số 81 đến Đến hết ranh thửa đất số 200, tờ bản đồ số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	240	168	144

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28564		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 1 đoạn từ Từ thửa đất số 449, tờ bản đồ số 81 đến Đến hết ranh thửa đất số 200, tờ bản đồ số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	192	134	115
28565		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 1 đoạn từ Từ thửa đất số 449, tờ bản đồ số 81 đến Đến hết ranh thửa đất số 200, tờ bản đồ số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	154	108	92
28566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 1 đoạn từ Từ thửa đất số 449, tờ bản đồ số 81 đến Đến hết ranh thửa đất số 200, tờ bản đồ số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	216	151	130
28567		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 1 đoạn từ Từ thửa đất số 449, tờ bản đồ số 81 đến Đến hết ranh thửa đất số 200, tờ bản đồ số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	173	121	104
28568		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 1 đoạn từ Từ thửa đất số 449, tờ bản đồ số 81 đến Đến hết ranh thửa đất số 200, tờ bản đồ số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	139	97	83
28569	100	Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 5	Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 379, tờ bản đồ số 81)	Đến hết ranh thửa đất số 297, tờ bản đồ số 64	Phường Tân Khai	500	350	300
28570		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 379, tờ bản đồ số 81) đến Đến hết ranh thửa đất số 297, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	240	168	144
28571		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 379, tờ bản đồ số 81) đến Đến hết ranh thửa đất số 297, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	192	134	115

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28572		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 379, tờ bản đồ số 81) đến Đến hết ranh thửa đất số 297, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	154	108	92
28573		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 379, tờ bản đồ số 81) đến Đến hết ranh thửa đất số 297, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	216	151	130
28574		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 379, tờ bản đồ số 81) đến Đến hết ranh thửa đất số 297, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	173	121	104
28575		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 379, tờ bản đồ số 81) đến Đến hết ranh thửa đất số 297, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	139	97	83
28576	101	Đường bê tông trục chính Sóc 5	Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 88)	Đường nhựa đi Phú Gia (đến hết ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 78)	Phường Tân Khai	500	350	300
28577		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trục chính Sóc 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 88) đến Đường nhựa đi Phú Gia (đến hết ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	240	168	144
28578		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trục chính Sóc 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 88) đến Đường nhựa đi Phú Gia (đến hết ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	192	134	115
28579		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trục chính Sóc 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 88) đến Đường nhựa đi Phú Gia (đến hết ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	154	108	92

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28580		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trục chính Sóc 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 88) đến Đường nhựa đi Phú Gia (đến hết ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	216	151	130
28581		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trục chính Sóc 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 88) đến Đường nhựa đi Phú Gia (đến hết ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	173	121	104
28582		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trục chính Sóc 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 88) đến Đường nhựa đi Phú Gia (đến hết ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	139	97	83
28583	102	Đường liên thôn Tân Hiệp 1 - Tân Hiệp 5	Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 63)	Đường ĐT 756C (đến hết ranh thửa đất số 64, tờ bản đồ số 84)	Phường Tân Khai	500	350	300
28584		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Tân Hiệp 1 - Tân Hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 63) đến Đường ĐT 756C (đến hết ranh thửa đất số 64, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	240	168	144
28585		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Tân Hiệp 1 - Tân Hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 63) đến Đường ĐT 756C (đến hết ranh thửa đất số 64, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	192	134	115
28586		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Tân Hiệp 1 - Tân Hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 63) đến Đường ĐT 756C (đến hết ranh thửa đất số 64, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	154	108	92
28587		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Tân Hiệp 1 - Tân Hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 63) đến Đường ĐT 756C (đến hết ranh thửa đất số 64, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	216	151	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28588		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Tân Hiệp 1 - Tân Hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 63) đến Đường ĐT 756C (đến hết ranh thửa đất số 64, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	173	121	104
28589		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Tân Hiệp 1 - Tân Hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 63) đến Đường ĐT 756C (đến hết ranh thửa đất số 64, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	139	97	83
28590	103	Đường nhựa thôn Đồng Tân	Ngã ba đường ĐT 756C	Nhà ông Tô Duy Hùng (đến hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68)	Phường Tân Khai	900	630	540
28591		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Ngã ba đường ĐT 756C đến Nhà ông Tô Duy Hùng (đến hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	432	302	259
28592		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Ngã ba đường ĐT 756C đến Nhà ông Tô Duy Hùng (đến hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	346	242	208
28593		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Ngã ba đường ĐT 756C đến Nhà ông Tô Duy Hùng (đến hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	277	194	166
28594		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Ngã ba đường ĐT 756C đến Nhà ông Tô Duy Hùng (đến hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	389	272	233
28595		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Ngã ba đường ĐT 756C đến Nhà ông Tô Duy Hùng (đến hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	311	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28596		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Ngã ba đường ĐT 756C đến Nhà ông Tô Duy Hùng (đến hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	249	174	149
28597	104	Đường nhựa thôn Đồng Tân	Nhà ông Tô Duy Hùng (từ hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68)	Giáp ranh xã Minh Đức	Phường Tân Khai	720	500	430
28598		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Nhà ông Tô Duy Hùng (từ hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	346	242	208
28599		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Nhà ông Tô Duy Hùng (từ hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	277	194	166
28600		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Nhà ông Tô Duy Hùng (từ hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	222	155	133
28601		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Nhà ông Tô Duy Hùng (từ hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	311	218	187
28602		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Nhà ông Tô Duy Hùng (từ hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	249	174	149
28603		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Nhà ông Tô Duy Hùng (từ hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	200	140	120
28604	105	Đường nhựa từ ngã ba chợ Đồng Nơ đến ngã năm	Từ thửa đất số 359, tờ bản đồ số 95	Đến hết ranh thửa đất số 323, tờ bản đồ số 95	Phường Tân Khai	1500	1100	920

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28605		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ngã ba chợ Đồng Nơ đến ngã năm đoạn từ Từ thửa đất số 359, tờ bản đồ số 95 đến Đến hết ranh thửa đất số 323, tờ bản đồ số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	720	504	432
28606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ngã ba chợ Đồng Nơ đến ngã năm đoạn từ Từ thửa đất số 359, tờ bản đồ số 95 đến Đến hết ranh thửa đất số 323, tờ bản đồ số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	576	403	346
28607		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ngã ba chợ Đồng Nơ đến ngã năm đoạn từ Từ thửa đất số 359, tờ bản đồ số 95 đến Đến hết ranh thửa đất số 323, tờ bản đồ số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	461	323	277
28608		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ngã ba chợ Đồng Nơ đến ngã năm đoạn từ Từ thửa đất số 359, tờ bản đồ số 95 đến Đến hết ranh thửa đất số 323, tờ bản đồ số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	648	454	389
28609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ngã ba chợ Đồng Nơ đến ngã năm đoạn từ Từ thửa đất số 359, tờ bản đồ số 95 đến Đến hết ranh thửa đất số 323, tờ bản đồ số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	518	363	311
28610		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ngã ba chợ Đồng Nơ đến ngã năm đoạn từ Từ thửa đất số 359, tờ bản đồ số 95 đến Đến hết ranh thửa đất số 323, tờ bản đồ số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	415	291	249
28611	106	Đường nhựa thôn Đồng Nơ 4	Từ thửa đất số 8, tờ bản đồ số 90	Đến hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 90	Phường Tân Khai	540	380	320
28612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đồng Nơ 4 đoạn từ Từ thửa đất số 8, tờ bản đồ số 90 đến Đến hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	259	181	155

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đồng Nơ 4 đoạn từ Từ thửa đất số 8, tờ bản đồ số 90 đến Đến hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	207	145	124
28614		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đồng Nơ 4 đoạn từ Từ thửa đất số 8, tờ bản đồ số 90 đến Đến hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	166	116	100
28615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đồng Nơ 4 đoạn từ Từ thửa đất số 8, tờ bản đồ số 90 đến Đến hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	233	163	140
28616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đồng Nơ 4 đoạn từ Từ thửa đất số 8, tờ bản đồ số 90 đến Đến hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	186	130	112
28617		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đồng Nơ 4 đoạn từ Từ thửa đất số 8, tờ bản đồ số 90 đến Đến hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	149	104	89
28618	107	Các tuyến đường nhựa, bê tông có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: 1, 2, 3, Tàu Ô, 5, 6, 7	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	630	440	380
28619		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa, bê tông có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: 1, 2, 3, Tàu Ô, 5, 6, 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	302	211	181
28620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa, bê tông có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: 1, 2, 3, Tàu Ô, 5, 6, 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	242	169	145
28621		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa, bê tông có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: 1, 2, 3, Tàu Ô, 5, 6, 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	194	136	116

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28622		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa, bê tông có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: 1, 2, 3, Tàu Ô, 5, 6, 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	272	190	163
28623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa, bê tông có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: 1, 2, 3, Tàu Ô, 5, 6, 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	218	153	131
28624		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa, bê tông có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: 1, 2, 3, Tàu Ô, 5, 6, 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	175	123	105
28625	108	Các tuyến đường còn lại tại các thôn: 1, 2, 3, Tàu Ô, 5, 6, 7	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	540	380	320
28626		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại tại các thôn: 1, 2, 3, Tàu Ô, 5, 6, 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	259	181	155
28627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại tại các thôn: 1, 2, 3, Tàu Ô, 5, 6, 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	207	145	124
28628		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại tại các thôn: 1, 2, 3, Tàu Ô, 5, 6, 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	166	116	100
28629		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại tại các thôn: 1, 2, 3, Tàu Ô, 5, 6, 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	233	163	140
28630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại tại các thôn: 1, 2, 3, Tàu Ô, 5, 6, 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	186	130	112
28631		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại tại các thôn: 1, 2, 3, Tàu Ô, 5, 6, 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	149	104	89

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28632	109	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	450	320	270
28633		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	216	151	130
28634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	173	121	104
28635		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	138	97	83
28636		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	194	136	116
28637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	156	109	94

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28638		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	124	87	74
28639	110	Các tuyến đường còn lại tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	360	250	220
28640		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	173	121	104
28641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	138	97	83
28642		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	110	77	66
28643		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	156	109	94

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	124	87	74
28645		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	99	69	59
28646		Khu dân cư tại khu phố 1, thị trấn Tân Khai (cũ)			Phường Tân Khai			
28647	111	Đường D1, D4 và N4	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	3300	2300	2000
28648	112	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	3000	2100	1800
28649		Khu dân cư ấp 2, xã Đồng Nơ (cũ)			Phường Tân Khai			
28650	113	Đường N3	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	4800	3400	2900
28651	114	Đường N4	Đường ĐT 756C	Đường D2	Phường Tân Khai	4800	3400	2900
28652	115	Đường N1, N2, N4 (Đoạn từ đường D2 đến đường D3), D2 (Đoạn từ đường N3 đến đường N4)	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	4200	2900	2500
28653	116	Đường D1 và đường D2 (Đoạn từ đường N2 đến đường N3)	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	3800	2700	2300
28654	117	Đường D3	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	3100	2200	1900
28655	1	Đường ĐT 756	Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31)	Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 254, tờ bản đồ số 41)	Xã Tân Hưng	1600	1100	970
28656		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 254, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	752	526	451
28657		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 254, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	602	421	361

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28658		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 254, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	482	337	289
28659		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 254, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	677	474	406
28660		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 254, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	542	379	325
28661		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 254, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	434	304	260
28662	2	Đường ĐT 756	Cầu suối Cát (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4; ranh giới xã Tân Quan)	Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 31)	Xã Tân Hưng	540	380	320
28663		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Cầu suối Cát (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4; ranh giới xã Tân Quan) đến Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	265	186	159
28664		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Cầu suối Cát (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4; ranh giới xã Tân Quan) đến Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	212	148	127
28665		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Cầu suối Cát (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4; ranh giới xã Tân Quan) đến Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	170	119	102

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28666		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Cầu suối Cát (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4; ranh giới xã Tân Quan) đến Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	239	167	143
28667		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Cầu suối Cát (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4; ranh giới xã Tân Quan) đến Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	191	134	115
28668		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Cầu suối Cát (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4; ranh giới xã Tân Quan) đến Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	153	107	92
28669	3	Đường ĐT 756	Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 41; trường THCS Tân Hưng)	Ranh giới xã Nha Bích (thửa đất số 594, tờ bản đồ số 15)	Xã Tân Hưng	720	500	430
28670		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 41; trường THCS Tân Hưng) đến Ranh giới xã Nha Bích (thửa đất số 594, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	353	247	212
28671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 41; trường THCS Tân Hưng) đến Ranh giới xã Nha Bích (thửa đất số 594, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	282	197	169
28672		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 41; trường THCS Tân Hưng) đến Ranh giới xã Nha Bích (thửa đất số 594, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	226	158	136
28673		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 41; trường THCS Tân Hưng) đến Ranh giới xã Nha Bích (thửa đất số 594, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	318	223	191

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 41; trường THCS Tân Hưng) đến Ranh giới xã Nha Bích (thửa đất số 594, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	254	178	152
28675		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 41; trường THCS Tân Hưng) đến Ranh giới xã Nha Bích (thửa đất số 594, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	203	142	122
28676	4	Đường ĐT 756	Giáp ranh xã Lộc Quang	Cầu suối Cát (thửa đất số 326, tờ bản đồ số 81; ranh giới xã Tân Quan)	Xã Tân Hưng	720	500	430
28677		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Quang đến Cầu suối Cát (thửa đất số 326, tờ bản đồ số 81; ranh giới xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	353	247	212
28678		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Quang đến Cầu suối Cát (thửa đất số 326, tờ bản đồ số 81; ranh giới xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	282	197	169
28679		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Quang đến Cầu suối Cát (thửa đất số 326, tờ bản đồ số 81; ranh giới xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	226	158	136
28680		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Quang đến Cầu suối Cát (thửa đất số 326, tờ bản đồ số 81; ranh giới xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	318	223	191
28681		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Quang đến Cầu suối Cát (thửa đất số 326, tờ bản đồ số 81; ranh giới xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	254	178	152

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28682		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Quang đến Cầu suối Cát (thửa đất số 326, tờ bản đồ số 81; ranh giới xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	203	142	122
28683	5	Đường ĐT 757	Cầu Bà Nùng ranh giới Tân Hưng - P. An Lộc (thửa đất số 87, tờ bản đồ 68)	Giáp đường ĐT 756	Xã Tân Hưng	990	690	590
28684		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cầu Bà Nùng ranh giới Tân Hưng - P. An Lộc (thửa đất số 87, tờ bản đồ 68) đến Giáp đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	436	305	262
28685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cầu Bà Nùng ranh giới Tân Hưng - P. An Lộc (thửa đất số 87, tờ bản đồ 68) đến Giáp đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	349	244	209
28686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cầu Bà Nùng ranh giới Tân Hưng - P. An Lộc (thửa đất số 87, tờ bản đồ 68) đến Giáp đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	279	195	167
28687		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cầu Bà Nùng ranh giới Tân Hưng - P. An Lộc (thửa đất số 87, tờ bản đồ 68) đến Giáp đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	392	274	235
28688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cầu Bà Nùng ranh giới Tân Hưng - P. An Lộc (thửa đất số 87, tờ bản đồ 68) đến Giáp đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	314	220	188
28689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cầu Bà Nùng ranh giới Tân Hưng - P. An Lộc (thửa đất số 87, tờ bản đồ 68) đến Giáp đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	251	176	151

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28690	6	Đường ĐT 757	Giáp ranh với cao su Nông trường Trà Thanh - công ty cao su Bình Long (Hộ ông Hoàng Giáp Sơn) (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 122)	Điểm cuối thửa đất số 247, tờ bản đồ số 123 (Đất hộ ông Lê Hoàng Đàn; đối diện Trường THCS Thanh An)	Xã Tân Hưng	1400	950	810
28691		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh với cao su Nông trường Trà Thanh - công ty cao su Bình Long (Hộ ông Hoàng Giáp Sơn) (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 122) đến Điểm cuối thửa đất số 247, tờ bản đồ số 123 (Đất hộ ông Lê Hoàng Đàn; đối diện Trường THCS Thanh An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Tân Hưng	616	431	370
28692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh với cao su Nông trường Trà Thanh - công ty cao su Bình Long (Hộ ông Hoàng Giáp Sơn) (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 122) đến Điểm cuối thửa đất số 247, tờ bản đồ số 123 (Đất hộ ông Lê Hoàng Đàn; đối diện Trường THCS Thanh An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Tân Hưng	493	345	296
28693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh với cao su Nông trường Trà Thanh - công ty cao su Bình Long (Hộ ông Hoàng Giáp Sơn) (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 122) đến Điểm cuối thửa đất số 247, tờ bản đồ số 123 (Đất hộ ông Lê Hoàng Đàn; đối diện Trường THCS Thanh An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Tân Hưng	394	276	236
28694		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh với cao su Nông trường Trà Thanh - công ty cao su Bình Long (Hộ ông Hoàng Giáp Sơn) (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 122) đến Điểm cuối thửa đất số 247, tờ bản đồ số 123 (Đất hộ ông Lê Hoàng Đàn; đối diện Trường THCS Thanh An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Tân Hưng	554	388	332
28695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh với cao su Nông trường Trà Thanh - công ty cao su Bình Long (Hộ ông Hoàng Giáp Sơn) (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 122) đến Điểm cuối thửa đất số 247, tờ bản đồ số 123 (Đất hộ ông Lê Hoàng Đàn; đối diện Trường THCS Thanh An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Tân Hưng	444	311	266

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh với cao su Nông trường Trà Thanh - công ty cao su Bình Long (Hộ ông Hoàng Giáp Sơn) (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 122) đến Điểm cuối thửa đất số 247, tờ bản đồ số 123 (Đất hộ ông Lê Hoàng Đàn; đối diện Trường THCS Thanh An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	355	249	213
28697	7	Đường ĐT 757	Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Phạm Văn Dung; đối diện trường THCS Thanh An)	Điểm cuối thửa đất số 371, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Vũ Văn Giỏi)	Xã Tân Hưng	2100	1400	1200
28698		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Phạm Văn Dung; đối diện trường THCS Thanh An) đến Điểm cuối thửa đất số 371, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Vũ Văn Giỏi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	924	647	554
28699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Phạm Văn Dung; đối diện trường THCS Thanh An) đến Điểm cuối thửa đất số 371, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Vũ Văn Giỏi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	739	517	443
28700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Phạm Văn Dung; đối diện trường THCS Thanh An) đến Điểm cuối thửa đất số 371, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Vũ Văn Giỏi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	591	414	355
28701		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Phạm Văn Dung; đối diện trường THCS Thanh An) đến Điểm cuối thửa đất số 371, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Vũ Văn Giỏi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	832	582	499
28702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Phạm Văn Dung; đối diện trường THCS Thanh An) đến Điểm cuối thửa đất số 371, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Vũ Văn Giỏi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	665	466	399

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Phạm Văn Dung; đối diện trường THCS Thanh An) đến Điểm cuối thửa đất số 371, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Vũ Văn Giỏi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	532	372	319
28704	8	Đường ĐT 757	Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 123 (chủ sử dụng: Bùi Thị Yến)	Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 130)	Xã Tân Hưng	1600	1100	970
28705		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 123 (chủ sử dụng: Bùi Thị Yến) đến Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	704	493	422
28706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 123 (chủ sử dụng: Bùi Thị Yến) đến Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	563	394	338
28707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 123 (chủ sử dụng: Bùi Thị Yến) đến Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	450	315	270
28708		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 123 (chủ sử dụng: Bùi Thị Yến) đến Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	634	444	380
28709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 123 (chủ sử dụng: Bùi Thị Yến) đến Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	507	355	304
28710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 123 (chủ sử dụng: Bùi Thị Yến) đến Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	405	284	243

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28711	9	Đường ĐT 757	Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 131)	Cầu Trà Thanh giáp ranh xã Bình Tân	Xã Tân Hưng	1100	760	650
28712		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 131) đến Cầu Trà Thanh giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	484	339	290
28713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 131) đến Cầu Trà Thanh giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	387	271	232
28714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 131) đến Cầu Trà Thanh giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	310	217	186
28715		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 131) đến Cầu Trà Thanh giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	436	305	262
28716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 131) đến Cầu Trà Thanh giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	348	244	209
28717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 131) đến Cầu Trà Thanh giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	279	195	167
28718	10	Đường ĐT 758	Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 249, tờ bản đồ số 41, nhà Bia tưởng niệm xã Tân Hưng cũ)	Giáp ranh đất cao su nhà nước (hết thửa đất số 168, tờ bản đồ số 41)	Xã Tân Hưng	990	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28719		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 249, tờ bản đồ số 41, nhà Bia tưởng niệm xã Tân Hưng cũ) đến Giáp ranh đất cao su nhà nước (hết thửa đất số 168, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	436	305	262
28720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 249, tờ bản đồ số 41, nhà Bia tưởng niệm xã Tân Hưng cũ) đến Giáp ranh đất cao su nhà nước (hết thửa đất số 168, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	349	244	209
28721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 249, tờ bản đồ số 41, nhà Bia tưởng niệm xã Tân Hưng cũ) đến Giáp ranh đất cao su nhà nước (hết thửa đất số 168, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	279	195	167
28722		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 249, tờ bản đồ số 41, nhà Bia tưởng niệm xã Tân Hưng cũ) đến Giáp ranh đất cao su nhà nước (hết thửa đất số 168, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	392	274	235
28723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 249, tờ bản đồ số 41, nhà Bia tưởng niệm xã Tân Hưng cũ) đến Giáp ranh đất cao su nhà nước (hết thửa đất số 168, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	314	220	188
28724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 249, tờ bản đồ số 41, nhà Bia tưởng niệm xã Tân Hưng cũ) đến Giáp ranh đất cao su nhà nước (hết thửa đất số 168, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	251	176	151
28725	11	Đường ĐT 758	Lô cao su nhà nước (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 02; đất cao su)	Cầu Sông bé giáp ranh xã Thuận Lợi (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16)	Xã Tân Hưng	630	440	380
28726		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Lô cao su nhà nước (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 02; đất cao su) đến Cầu Sông bé giáp ranh xã Thuận Lợi (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	309	216	185

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Lô cao su nhà nước (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 02; đất cao su) đến Cầu Sông bé giáp ranh xã Thuận Lợi (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	247	173	148
28728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Lô cao su nhà nước (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 02; đất cao su) đến Cầu Sông bé giáp ranh xã Thuận Lợi (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	198	139	119
28729		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Lô cao su nhà nước (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 02; đất cao su) đến Cầu Sông bé giáp ranh xã Thuận Lợi (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	278	195	167
28730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Lô cao su nhà nước (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 02; đất cao su) đến Cầu Sông bé giáp ranh xã Thuận Lợi (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	222	155	133
28731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Lô cao su nhà nước (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 02; đất cao su) đến Cầu Sông bé giáp ranh xã Thuận Lợi (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	178	125	107
28732	12	Đường nhựa từ Ngã năm đi Cầu Đúc	Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A	Cầu Đúc, giáp ranh xã Tân Quan (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 57)	Xã Tân Hưng	450	320	270
28733		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Cầu Đúc đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đến Cầu Đúc, giáp ranh xã Tân Quan (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	230	161	138
28734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Cầu Đúc đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đến Cầu Đúc, giáp ranh xã Tân Quan (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	184	129	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Cầu Đúc đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đến Cầu Đúc, giáp ranh xã Tân Quan (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	147	103	88
28736		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Cầu Đúc đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đến Cầu Đúc, giáp ranh xã Tân Quan (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	207	145	124
28737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Cầu Đúc đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đến Cầu Đúc, giáp ranh xã Tân Quan (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	166	116	100
28738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Cầu Đúc đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đến Cầu Đúc, giáp ranh xã Tân Quan (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	132	92	79
28739	13	Đường nhựa từ Ngã năm đi Minh Lập	Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đi ấp Hưng Phát	Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11)	Xã Tân Hưng	540	380	320
28740		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Minh Lập đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đi ấp Hưng Phát đến Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	265	186	159
28741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Minh Lập đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đi ấp Hưng Phát đến Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	212	148	127
28742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Minh Lập đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đi ấp Hưng Phát đến Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	170	119	102

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28743		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Minh Lập đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đi ấp Hưng Phát đến Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	239	167	143
28744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Minh Lập đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đi ấp Hưng Phát đến Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	191	134	115
28745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Minh Lập đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đi ấp Hưng Phát đến Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	153	107	92
28746	14	Đường nhựa ấp 7 - ấp 5 (giáp ranh xã Tân Lợi cũ đi An Khương cũ)	Ngã ba đi ấp 7 (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 104)	Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 102, tờ bản đồ số 100)	Xã Tân Hưng	990	690	590
28747		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 7 - ấp 5 (giáp ranh xã Tân Lợi cũ đi An Khương cũ) đoạn từ Ngã ba đi ấp 7 (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 104) đến Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 102, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	436	305	262
28748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 7 - ấp 5 (giáp ranh xã Tân Lợi cũ đi An Khương cũ) đoạn từ Ngã ba đi ấp 7 (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 104) đến Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 102, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	349	244	209
28749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 7 - ấp 5 (giáp ranh xã Tân Lợi cũ đi An Khương cũ) đoạn từ Ngã ba đi ấp 7 (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 104) đến Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 102, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	279	195	167
28750		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 7 - ấp 5 (giáp ranh xã Tân Lợi cũ đi An Khương cũ) đoạn từ Ngã ba đi ấp 7 (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 104) đến Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 102, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	392	274	235

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 7 - ấp 5 (giáp ranh xã Tân Lợi cũ đi An Khương cũ) đoạn từ Ngã ba đi ấp 7 (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 104) đến Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 102, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	314	220	188
28752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 7 - ấp 5 (giáp ranh xã Tân Lợi cũ đi An Khương cũ) đoạn từ Ngã ba đi ấp 7 (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 104) đến Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 102, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	251	176	151
28753	15	Đường nhựa ấp 5 (An Khương cũ) - ấp Trà Thanh (Thanh An cũ)	Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100)	Giáp ranh xã Thanh An cũ (thửa đất số 729, tờ bản đồ số 70)	Xã Tân Hưng	630	440	380
28754		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 5 (An Khương cũ) - ấp Trà Thanh (Thanh An cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100) đến Giáp ranh xã Thanh An cũ (thửa đất số 729, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	309	216	185
28755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 5 (An Khương cũ) - ấp Trà Thanh (Thanh An cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100) đến Giáp ranh xã Thanh An cũ (thửa đất số 729, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	247	173	148
28756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 5 (An Khương cũ) - ấp Trà Thanh (Thanh An cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100) đến Giáp ranh xã Thanh An cũ (thửa đất số 729, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	198	139	119
28757		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 5 (An Khương cũ) - ấp Trà Thanh (Thanh An cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100) đến Giáp ranh xã Thanh An cũ (thửa đất số 729, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	278	195	167

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 5 (An Khương cũ) - ấp Trà Thanh (Thanh An cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100) đến Giáp ranh xã Thanh An cũ (thửa đất số 729, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	222	155	133
28759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 5 (An Khương cũ) - ấp Trà Thanh (Thanh An cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100) đến Giáp ranh xã Thanh An cũ (thửa đất số 729, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	178	125	107
28760	16	Đường nhựa thác số 4 vào Cây xăng An Khương	Ngã ba nhà bà Thạch (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 105)	Giáp ranh xã Tân Quan (Tân Lợi cũ, thửa đất số 538, tờ bản đồ số 109)	Xã Tân Hưng	630	440	380
28761		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thác số 4 vào Cây xăng An Khương đoạn từ Ngã ba nhà bà Thạch (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 105) đến Giáp ranh xã Tân Quan (Tân Lợi cũ, thửa đất số 538, tờ bản đồ số 109) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	309	216	185
28762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thác số 4 vào Cây xăng An Khương đoạn từ Ngã ba nhà bà Thạch (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 105) đến Giáp ranh xã Tân Quan (Tân Lợi cũ, thửa đất số 538, tờ bản đồ số 109) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	247	173	148
28763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thác số 4 vào Cây xăng An Khương đoạn từ Ngã ba nhà bà Thạch (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 105) đến Giáp ranh xã Tân Quan (Tân Lợi cũ, thửa đất số 538, tờ bản đồ số 109) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	198	139	119
28764		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thác số 4 vào Cây xăng An Khương đoạn từ Ngã ba nhà bà Thạch (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 105) đến Giáp ranh xã Tân Quan (Tân Lợi cũ, thửa đất số 538, tờ bản đồ số 109) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	278	195	167

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thác số 4 vào Cây xăng An Khương đoạn từ Ngã ba nhà bà Thạch (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 105) đến Giáp ranh xã Tân Quan (Tân Lợi cũ, thửa đất số 538, tờ bản đồ số 109) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	222	155	133
28766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thác số 4 vào Cây xăng An Khương đoạn từ Ngã ba nhà bà Thạch (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 105) đến Giáp ranh xã Tân Quan (Tân Lợi cũ, thửa đất số 538, tờ bản đồ số 109) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	178	125	107
28767	17	Đường nhựa Địa Hạt - Sóc Dầm	Đường ĐT 757 (thửa đất số 416, tờ bản đồ số 123)	Hết đất Đình thần Thanh An (thửa đất số 349, tờ bản đồ số 129)	Xã Tân Hưng	770	540	460
28768		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Địa Hạt - Sóc Dầm đoạn từ Đường ĐT 757 (thửa đất số 416, tờ bản đồ số 123) đến Hết đất Đình thần Thanh An (thửa đất số 349, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	377	264	226
28769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Địa Hạt - Sóc Dầm đoạn từ Đường ĐT 757 (thửa đất số 416, tờ bản đồ số 123) đến Hết đất Đình thần Thanh An (thửa đất số 349, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	302	211	181
28770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Địa Hạt - Sóc Dầm đoạn từ Đường ĐT 757 (thửa đất số 416, tờ bản đồ số 123) đến Hết đất Đình thần Thanh An (thửa đất số 349, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	242	169	145
28771		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Địa Hạt - Sóc Dầm đoạn từ Đường ĐT 757 (thửa đất số 416, tờ bản đồ số 123) đến Hết đất Đình thần Thanh An (thửa đất số 349, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	339	237	203
28772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Địa Hạt - Sóc Dầm đoạn từ Đường ĐT 757 (thửa đất số 416, tờ bản đồ số 123) đến Hết đất Đình thần Thanh An (thửa đất số 349, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	272	190	163

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Địa Hạt - Sóc Dầm đoạn từ Đường ĐT 757 (thửa đất số 416, tờ bản đồ số 123) đến Hết đất Đình thần Thanh An (thửa đất số 349, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	218	153	131
28774	18	Đường trục chính ấp Sở Xiêm	Cổng chào ấp Sở Xiêm (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 26)	Ngã ba giao đường Tân Hưng - Long Tân (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 34)	Xã Tân Hưng	450	320	270
28775		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính ấp Sở Xiêm đoạn từ Cổng chào ấp Sở Xiêm (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba giao đường Tân Hưng - Long Tân (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	230	161	138
28776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính ấp Sở Xiêm đoạn từ Cổng chào ấp Sở Xiêm (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba giao đường Tân Hưng - Long Tân (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	184	129	110
28777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính ấp Sở Xiêm đoạn từ Cổng chào ấp Sở Xiêm (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba giao đường Tân Hưng - Long Tân (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	147	103	88
28778		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính ấp Sở Xiêm đoạn từ Cổng chào ấp Sở Xiêm (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba giao đường Tân Hưng - Long Tân (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	207	145	124
28779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính ấp Sở Xiêm đoạn từ Cổng chào ấp Sở Xiêm (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba giao đường Tân Hưng - Long Tân (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	166	116	100
28780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính ấp Sở Xiêm đoạn từ Cổng chào ấp Sở Xiêm (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba giao đường Tân Hưng - Long Tân (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	132	92	79
28781	19	Đường trục chính Vườn ươm ấp Sóc Quả	Ngã ba giao ĐT 758 (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 43)	Hết tuyến (thửa đất số 190, tờ bản đồ số 44)	Xã Tân Hưng	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28782		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính Vườn ươm ấp Sóc Quả đoạn từ Ngã ba giao ĐT 758 (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến (thửa đất số 190, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	230	161	138
28783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính Vườn ươm ấp Sóc Quả đoạn từ Ngã ba giao ĐT 758 (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến (thửa đất số 190, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	184	129	110
28784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính Vườn ươm ấp Sóc Quả đoạn từ Ngã ba giao ĐT 758 (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến (thửa đất số 190, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	147	103	88
28785		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính Vườn ươm ấp Sóc Quả đoạn từ Ngã ba giao ĐT 758 (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến (thửa đất số 190, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	207	145	124
28786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính Vườn ươm ấp Sóc Quả đoạn từ Ngã ba giao ĐT 758 (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến (thửa đất số 190, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	166	116	100
28787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính Vườn ươm ấp Sóc Quả đoạn từ Ngã ba giao ĐT 758 (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến (thửa đất số 190, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	132	92	79
28788	20	Đường trục chính ấp Hưng Yên	Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 55)	Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 42)	Xã Tân Hưng	450	320	270
28789		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính ấp Hưng Yên đoạn từ Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	230	161	138

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính ấp Hưng Yên đoạn từ Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	184	129	110
28791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính ấp Hưng Yên đoạn từ Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	147	103	88
28792		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính ấp Hưng Yên đoạn từ Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	207	145	124
28793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính ấp Hưng Yên đoạn từ Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	166	116	100
28794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính ấp Hưng Yên đoạn từ Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	132	92	79
28795	21	Ngã ba vào nhà máy 30/4 đi cầu Long Tân	Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 26)	Hết đường nhựa, đầu ấp Sóc ruộng (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 34)	Xã Tân Hưng	630	440	380
28796		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba vào nhà máy 30/4 đi cầu Long Tân đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 26) đến Hết đường nhựa, đầu ấp Sóc ruộng (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	309	216	185
28797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba vào nhà máy 30/4 đi cầu Long Tân đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 26) đến Hết đường nhựa, đầu ấp Sóc ruộng (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	247	173	148

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba vào nhà máy 30/4 đi cầu Long Tân đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 26) đến Hết đường nhựa, đầu ấp Sóc ruộng (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	198	139	119
28799		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba vào nhà máy 30/4 đi cầu Long Tân đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 26) đến Hết đường nhựa, đầu ấp Sóc ruộng (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	278	195	167
28800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba vào nhà máy 30/4 đi cầu Long Tân đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 26) đến Hết đường nhựa, đầu ấp Sóc ruộng (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	222	155	133
28801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba vào nhà máy 30/4 đi cầu Long Tân đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 26) đến Hết đường nhựa, đầu ấp Sóc ruộng (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	178	125	107
28802	22	Ngã ba xã đi hồ An Khương	Ngã ba xã (thửa đất số 848, tờ bản đồ số 99)	Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 536, tờ bản đồ số 94)	Xã Tân Hưng	990	690	590
28803		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba xã đi hồ An Khương đoạn từ Ngã ba xã (thửa đất số 848, tờ bản đồ số 99) đến Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 536, tờ bản đồ số 94) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	436	305	262
28804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba xã đi hồ An Khương đoạn từ Ngã ba xã (thửa đất số 848, tờ bản đồ số 99) đến Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 536, tờ bản đồ số 94) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	349	244	209
28805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba xã đi hồ An Khương đoạn từ Ngã ba xã (thửa đất số 848, tờ bản đồ số 99) đến Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 536, tờ bản đồ số 94) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	279	195	167

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28806		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba xã đi hồ An Khương đoạn từ Ngã ba xã (thửa đất số 848, tờ bản đồ số 99) đến Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 536, tờ bản đồ số 94) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	392	274	235
28807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba xã đi hồ An Khương đoạn từ Ngã ba xã (thửa đất số 848, tờ bản đồ số 99) đến Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 536, tờ bản đồ số 94) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	314	220	188
28808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba xã đi hồ An Khương đoạn từ Ngã ba xã (thửa đất số 848, tờ bản đồ số 99) đến Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 536, tờ bản đồ số 94) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	251	176	151
28809	23	Ngã ba xã đi hồ An Khương (đoạn còn lại)	Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 535, tờ bản đồ số 94)	Hồ An Khương (thửa đất số 527, tờ bản đồ số 70)	Xã Tân Hưng	540	380	320
28810		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba xã đi hồ An Khương (đoạn còn lại) đoạn từ Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 535, tờ bản đồ số 94) đến Hồ An Khương (thửa đất số 527, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	265	186	159
28811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba xã đi hồ An Khương (đoạn còn lại) đoạn từ Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 535, tờ bản đồ số 94) đến Hồ An Khương (thửa đất số 527, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	212	148	127
28812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba xã đi hồ An Khương (đoạn còn lại) đoạn từ Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 535, tờ bản đồ số 94) đến Hồ An Khương (thửa đất số 527, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	170	119	102
28813		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba xã đi hồ An Khương (đoạn còn lại) đoạn từ Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 535, tờ bản đồ số 94) đến Hồ An Khương (thửa đất số 527, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	239	167	143

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba xã đi hồ An Khương (đoạn còn lại) đoạn từ Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 535, tờ bản đồ số 94) đến Hồ An Khương (thửa đất số 527, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	191	134	115
28815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba xã đi hồ An Khương (đoạn còn lại) đoạn từ Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 535, tờ bản đồ số 94) đến Hồ An Khương (thửa đất số 527, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	153	107	92
28816	24	Đường nhựa ấp 4 đi đường ĐT 757	Ngã ba nhà ông Vinh (thửa đất số 1578, tờ bản đồ số 70)	Đường ĐT 757 (thửa đất số 671, tờ bản đồ số 84)	Xã Tân Hưng	540	380	320
28817		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 4 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà ông Vinh (thửa đất số 1578, tờ bản đồ số 70) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 671, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	265	186	159
28818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 4 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà ông Vinh (thửa đất số 1578, tờ bản đồ số 70) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 671, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	212	148	127
28819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 4 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà ông Vinh (thửa đất số 1578, tờ bản đồ số 70) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 671, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	170	119	102
28820		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 4 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà ông Vinh (thửa đất số 1578, tờ bản đồ số 70) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 671, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	239	167	143
28821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 4 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà ông Vinh (thửa đất số 1578, tờ bản đồ số 70) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 671, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	191	134	115

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 4 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà ông Vinh (thửa đất số 1578, tờ bản đồ số 70) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 671, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	153	107	92
28823	25	Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757	Ngã ba nhà bà Hằng (thửa đất số 222, tờ bản đồ số 94)	Đường ĐT 757 (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 69)	Xã Tân Hưng	540	380	320
28824		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà bà Hằng (thửa đất số 222, tờ bản đồ số 94) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	265	186	159
28825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà bà Hằng (thửa đất số 222, tờ bản đồ số 94) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	212	148	127
28826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà bà Hằng (thửa đất số 222, tờ bản đồ số 94) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	170	119	102
28827		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà bà Hằng (thửa đất số 222, tờ bản đồ số 94) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	239	167	143
28828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà bà Hằng (thửa đất số 222, tờ bản đồ số 94) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	191	134	115
28829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà bà Hằng (thửa đất số 222, tờ bản đồ số 94) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	153	107	92
28830	26	Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757	Ngã ba nhà ông Khéc (thửa đất số 479, tờ bản đồ số 69)	Đường ĐT 757 (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 87)	Xã Tân Hưng	540	380	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28831		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà ông Khéc (thửa đất số 479, tờ bản đồ số 69) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 87) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	265	186	159
28832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà ông Khéc (thửa đất số 479, tờ bản đồ số 69) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 87) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	212	148	127
28833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà ông Khéc (thửa đất số 479, tờ bản đồ số 69) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 87) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	170	119	102
28834		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà ông Khéc (thửa đất số 479, tờ bản đồ số 69) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 87) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	239	167	143
28835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà ông Khéc (thửa đất số 479, tờ bản đồ số 69) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 87) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	191	134	115
28836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà ông Khéc (thửa đất số 479, tờ bản đồ số 69) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 87) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	153	107	92
28837	27	Đường nhựa vào đập thủy điện Srok Phu Miêng	Ngã ba trạm y tế xã Tân Hưng - điểm Thanh An (thửa đất số 364, tờ bản đồ số 123)	Cổng Thủy điện Srok Phu Miêng (thửa đất số 357, tờ bản đồ số 76)	Xã Tân Hưng	770	540	460
28838		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào đập thủy điện Srok Phu Miêng đoạn từ Ngã ba trạm y tế xã Tân Hưng - điểm Thanh An (thửa đất số 364, tờ bản đồ số 123) đến Cổng Thủy điện Srok Phu Miêng (thửa đất số 357, tờ bản đồ số 76) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	377	264	226

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào đập thủy điện Srok Phu Miêng đoạn từ Ngã ba trạm y tế xã Tân Hưng - điểm Thanh An (thửa đất số 364, tờ bản đồ số 123) đến Cổng Thủy điện Srok Phu Miêng (thửa đất số 357, tờ bản đồ số 76) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	302	211	181
28840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào đập thủy điện Srok Phu Miêng đoạn từ Ngã ba trạm y tế xã Tân Hưng - điểm Thanh An (thửa đất số 364, tờ bản đồ số 123) đến Cổng Thủy điện Srok Phu Miêng (thửa đất số 357, tờ bản đồ số 76) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	242	169	145
28841		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào đập thủy điện Srok Phu Miêng đoạn từ Ngã ba trạm y tế xã Tân Hưng - điểm Thanh An (thửa đất số 364, tờ bản đồ số 123) đến Cổng Thủy điện Srok Phu Miêng (thửa đất số 357, tờ bản đồ số 76) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	339	237	203
28842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào đập thủy điện Srok Phu Miêng đoạn từ Ngã ba trạm y tế xã Tân Hưng - điểm Thanh An (thửa đất số 364, tờ bản đồ số 123) đến Cổng Thủy điện Srok Phu Miêng (thửa đất số 357, tờ bản đồ số 76) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	272	190	163
28843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào đập thủy điện Srok Phu Miêng đoạn từ Ngã ba trạm y tế xã Tân Hưng - điểm Thanh An (thửa đất số 364, tờ bản đồ số 123) đến Cổng Thủy điện Srok Phu Miêng (thửa đất số 357, tờ bản đồ số 76) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	218	153	131
28844	28	Đường bê tông của các tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 ấp Hưng Lập B		Toàn tuyến	Xã Tân Hưng	630	440	380
28845		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông của các tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 ấp Hưng Lập B đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	309	216	185
28846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông của các tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 ấp Hưng Lập B đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	247	173	148

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông của các tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 ấp Hưng Lập B đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	198	139	119
28848		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông của các tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 ấp Hưng Lập B đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	278	195	167
28849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông của các tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 ấp Hưng Lập B đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	222	155	133
28850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông của các tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 ấp Hưng Lập B đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	178	125	107
28851	29	Các tuyến đường ở khu chợ Tân Hưng	Toàn tuyến		Xã Tân Hưng	900	630	540
28852		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường ở khu chợ Tân Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	396	277	238
28853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường ở khu chợ Tân Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	317	222	190
28854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường ở khu chợ Tân Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	254	178	152
28855		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường ở khu chợ Tân Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	356	249	214
28856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường ở khu chợ Tân Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	285	200	171

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường ở khu chợ Tân Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	229	160	137
28858	30	Các tuyến đường ở khu chợ Thanh An (cũ)	Toàn tuyến		Xã Tân Hưng	990	690	590
28859		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường ở khu chợ Thanh An (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	436	305	262
28860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường ở khu chợ Thanh An (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	349	244	209
28861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường ở khu chợ Thanh An (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	279	195	167
28862		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường ở khu chợ Thanh An (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	392	274	235
28863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường ở khu chợ Thanh An (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	314	220	188
28864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường ở khu chợ Thanh An (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	251	176	151
28865	1	Đường ĐT 758	Giáp ranh phường An Lộc (Từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 60)	Đài Liệt sỹ (Hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141)	Xã Tân Quan	2200	1500	1300
28866		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Giáp ranh phường An Lộc (Từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 60) đến Đài Liệt sỹ (Hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	1012	708	607

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Giáp ranh phường An Lộc (Từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 60) đến Đài Liệt sỹ (Hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	810	567	486
28868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Giáp ranh phường An Lộc (Từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 60) đến Đài Liệt sỹ (Hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	648	454	389
28869		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Giáp ranh phường An Lộc (Từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 60) đến Đài Liệt sỹ (Hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	911	638	547
28870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Giáp ranh phường An Lộc (Từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 60) đến Đài Liệt sỹ (Hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	729	510	437
28871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Giáp ranh phường An Lộc (Từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 60) đến Đài Liệt sỹ (Hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	583	408	350
28872	2	Đường ĐT 758	Đài Liệt sỹ (hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141)	Ngã ba Thác Số 4	Xã Tân Quan	1200	820	700
28873		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Đài Liệt sỹ (hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) đến Ngã ba Thác Số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	540	378	324
28874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Đài Liệt sỹ (hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) đến Ngã ba Thác Số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	432	302	259

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Đài Liệt sỹ (hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) đến Ngã ba Thác Số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	346	242	208
28876		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Đài Liệt sỹ (hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) đến Ngã ba Thác Số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	486	340	292
28877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Đài Liệt sỹ (hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) đến Ngã ba Thác Số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	389	272	233
28878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Đài Liệt sỹ (hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) đến Ngã ba Thác Số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	311	218	187
28879	3	Đường ĐT 758	Ngã ba Thác số 4	Ngã ba đi Thanh An (đến thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)	Xã Tân Quan	810	570	490
28880		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Thác số 4 đến Ngã ba đi Thanh An (đến thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	389	272	233
28881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Thác số 4 đến Ngã ba đi Thanh An (đến thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	311	218	187
28882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Thác số 4 đến Ngã ba đi Thanh An (đến thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	249	174	149

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28883		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Thác số 4 đến Ngã ba đi Thanh An (đến thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	350	245	210
28884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Thác số 4 đến Ngã ba đi Thanh An (đến thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	280	196	168
28885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Thác số 4 đến Ngã ba đi Thanh An (đến thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	224	157	134
28886	4	Đường ĐT 756	Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)	Cầu Suối Cát (Hết thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77)	Xã Tân Quan	680	470	410
28887		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Cầu Suối Cát (Hết thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	333	233	200
28888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Cầu Suối Cát (Hết thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	266	186	160
28889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Cầu Suối Cát (Hết thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	213	149	128

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28890		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Cầu Suối Cát (Hết thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Tân Quan	300	210	180
28891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Cầu Suối Cát (Hết thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Tân Quan	239	167	143
28892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Cầu Suối Cát (Hết thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Tân Quan	192	134	115
28893	5	Đường ĐT 756	Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)	Ngã 5 Tân Hưng (Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 61)	Xã Tân Quan	720	500	430
28894		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Ngã 5 Tân Hưng (Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Tân Quan	346	242	208
28895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Ngã 5 Tân Hưng (Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Tân Quan	277	194	166
28896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Ngã 5 Tân Hưng (Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Tân Quan	222	155	133
28897		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Ngã 5 Tân Hưng (Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Tân Quan	311	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Ngã 5 Tân Hưng (Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	249	174	149
28899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Ngã 5 Tân Hưng (Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	200	140	120
28900	6	Đường ĐT 756C	Cầu bà Hô giáp ranh phường Tân Khai (từ thửa đất số 104, tờ bản đồ số 101)	Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101	Xã Tân Quan	1600	1100	970
28901		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Cầu bà Hô giáp ranh phường Tân Khai (từ thửa đất số 104, tờ bản đồ số 101) đến Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	736	515	442
28902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Cầu bà Hô giáp ranh phường Tân Khai (từ thửa đất số 104, tờ bản đồ số 101) đến Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	589	412	353
28903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Cầu bà Hô giáp ranh phường Tân Khai (từ thửa đất số 104, tờ bản đồ số 101) đến Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	471	330	283
28904		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Cầu bà Hô giáp ranh phường Tân Khai (từ thửa đất số 104, tờ bản đồ số 101) đến Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	662	463	397

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Cầu bà Hô giáp ranh phường Tân Khai (từ thửa đất số 104, tờ bản đồ số 101) đến Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	530	371	318
28906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Cầu bà Hô giáp ranh phường Tân Khai (từ thửa đất số 104, tờ bản đồ số 101) đến Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	424	297	254
28907	7	Đường ĐT 756C	Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101	Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92	Xã Tân Quan	1200	820	700
28908		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101 đến Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	552	386	331
28909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101 đến Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	442	309	265
28910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101 đến Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	354	248	212
28911		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101 đến Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	497	348	298
28912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101 đến Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	398	279	239
28913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101 đến Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	319	223	191

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28914	8	Đường ĐT 756C	Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92)	Hết thửa đất số 366, tờ bản đồ số 93	Xã Tân Quan	1600	1100	970
28915		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92) đến Hết thửa đất số 366, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	736	515	442
28916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92) đến Hết thửa đất số 366, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	589	412	353
28917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92) đến Hết thửa đất số 366, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	471	330	283
28918		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92) đến Hết thửa đất số 366, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	662	463	397
28919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92) đến Hết thửa đất số 366, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	530	371	318
28920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92) đến Hết thửa đất số 366, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	424	297	254
28921	9	Đường ĐT 756B	Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 191, tờ bản đồ số 63)	Đến Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (Hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106)	Xã Tân Quan	1400	1000	860
28922		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 191, tờ bản đồ số 63) đến Đến Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (Hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	644	451	386

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 191, tờ bản đồ số 63) đến Đến Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (Hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	515	361	309
28924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 191, tờ bản đồ số 63) đến Đến Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (Hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	412	288	247
28925		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 191, tờ bản đồ số 63) đến Đến Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (Hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	580	406	348
28926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 191, tờ bản đồ số 63) đến Đến Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (Hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	464	325	278
28927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 191, tờ bản đồ số 63) đến Đến Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (Hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	371	260	223
28928	10	Đường ĐT 756B	Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (từ hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106)	Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 107)	Xã Tân Quan	1100	760	650
28929		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (từ hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	506	354	304
28930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (từ hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	405	284	243

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (từ hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	324	227	194
28932		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (từ hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	455	319	273
28933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (từ hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	365	256	219
28934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (từ hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	292	204	175
28935	11	Đường ĐT 756C	Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115	Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70	Xã Tân Quan	810	570	490
28936		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	389	272	233
28937		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	311	218	187
28938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	249	174	149
28939		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	350	245	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28940		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	280	196	168
28941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	224	157	134
28942	12	Đường ĐT 756C	Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70	Hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70	Xã Tân Quan	990	690	590
28943		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 đến Hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	455	319	273
28944		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 đến Hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	364	255	218
28945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 đến Hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	291	204	175
28946		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 đến Hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	410	287	246
28947		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 đến Hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	328	230	197
28948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 đến Hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	262	183	157

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28949	13	Đường ĐT 756C	Ngã ba đường đất (từ hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70)	Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 462, tờ bản đồ số 71)	Xã Tân Quan	810	570	490
28950		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba đường đất (từ hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 462, tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	389	272	233
28951		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba đường đất (từ hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 462, tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	311	218	187
28952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba đường đất (từ hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 462, tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	249	174	149
28953		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba đường đất (từ hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 462, tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	350	245	210
28954		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba đường đất (từ hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 462, tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	280	196	168
28955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba đường đất (từ hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 462, tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	224	157	134
28956	14	Đường ĐH 09	Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 114	Hết ranh thửa đất số 23 tờ bản đồ số 110	Xã Tân Quan	450	320	270
28957		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 09 đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 114 đến Hết ranh thửa đất số 23 tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	288	202	173

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28958		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 09 đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 114 đến Hết ranh thửa đất số 23 tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	230	161	138
28959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 09 đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 114 đến Hết ranh thửa đất số 23 tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	184	129	110
28960		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 09 đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 114 đến Hết ranh thửa đất số 23 tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	259	181	155
28961		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 09 đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 114 đến Hết ranh thửa đất số 23 tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	207	145	124
28962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 09 đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 114 đến Hết ranh thửa đất số 23 tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	166	116	100
28963	15	Đường liên xã Tân Quan – Nha Bích (Đường ĐH 09)	Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115	Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 118	Xã Tân Quan	630	440	380
28964		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tân Quan – Nha Bích (Đường ĐH 09) đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	334	234	200
28965		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tân Quan – Nha Bích (Đường ĐH 09) đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	267	187	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tân Quan – Nha Bích (Đường ĐH 09) đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	214	150	128
28967		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tân Quan – Nha Bích (Đường ĐH 09) đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	301	211	181
28968		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tân Quan – Nha Bích (Đường ĐH 09) đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	240	168	144
28969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tân Quan – Nha Bích (Đường ĐH 09) đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	193	135	116
28970	16	Đường liên xã	Cầu Xa Trạch 1 (từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 29)	Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16)	Xã Tân Quan	810	570	490
28971		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Xa Trạch 1 (từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 29) đến Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	389	272	233
28972		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Xa Trạch 1 (từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 29) đến Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	311	218	187
28973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Xa Trạch 1 (từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 29) đến Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	249	174	149

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28974		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Xa Trạch 1 (từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 29) đến Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	350	245	210
28975		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Xa Trạch 1 (từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 29) đến Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	280	196	168
28976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Xa Trạch 1 (từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 29) đến Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	224	157	134
28977	17	Đường liên xã	Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (từ hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16)	Ngã 3 Sở Líp (Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10)	Xã Tân Quan	990	690	590
28978		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (từ hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) đến Ngã 3 Sở Líp (Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	455	319	273
28979		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (từ hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) đến Ngã 3 Sở Líp (Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	364	255	218
28980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (từ hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) đến Ngã 3 Sở Líp (Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	291	204	175
28981		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (từ hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) đến Ngã 3 Sở Líp (Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	410	287	246

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28982		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (từ hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) đến Ngã 3 Sở Líp (Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	328	230	197
28983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (từ hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) đến Ngã 3 Sở Líp (Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	262	183	157
28984	18	Đường liên xã	Ngã 3 Sở Líp (Từ hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10)	Ấp Sóc Lết (Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2)	Xã Tân Quan	540	380	320
28985		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (Từ hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) đến Ấp Sóc Lết (Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	313	219	188
28986		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (Từ hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) đến Ấp Sóc Lết (Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	250	175	150
28987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (Từ hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) đến Ấp Sóc Lết (Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	200	140	120
28988		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (Từ hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) đến Ấp Sóc Lết (Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	282	197	169
28989		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (Từ hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) đến Ấp Sóc Lết (Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	225	158	135

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (Từ hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) đến Ấp Sóc Lết (Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	180	126	108
28991	19	Đường Liên xã	Ngã 3 Sở Líp (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57)	ấp Xạc Lây (Hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35)	Xã Tân Quan	500	350	300
28992		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57) đến ấp Xạc Lây (Hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	290	203	174
28993		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57) đến ấp Xạc Lây (Hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	232	162	139
28994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57) đến ấp Xạc Lây (Hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	186	130	112
28995		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57) đến ấp Xạc Lây (Hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	261	183	157
28996		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57) đến ấp Xạc Lây (Hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	209	146	125
28997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57) đến ấp Xạc Lây (Hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	167	117	100
28998	20	Đường nhựa từ Cổng Chào Văn Hiên 1 đi ấp Sóc Lớn	Thửa đất số 252, tờ bản đồ số 10	Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 17	Xã Tân Quan	410	280	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
28999		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ Cổng Chào Văn Hiên 1 đi ấp Sóc Lớn đoạn từ Thửa đất số 252, tờ bản đồ số 10 đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	279	195	167
29000		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ Cổng Chào Văn Hiên 1 đi ấp Sóc Lớn đoạn từ Thửa đất số 252, tờ bản đồ số 10 đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	223	156	134
29001		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ Cổng Chào Văn Hiên 1 đi ấp Sóc Lớn đoạn từ Thửa đất số 252, tờ bản đồ số 10 đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	178	125	107
29002		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ Cổng Chào Văn Hiên 1 đi ấp Sóc Lớn đoạn từ Thửa đất số 252, tờ bản đồ số 10 đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	251	176	151
29003		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ Cổng Chào Văn Hiên 1 đi ấp Sóc Lớn đoạn từ Thửa đất số 252, tờ bản đồ số 10 đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	201	141	121
29004		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ Cổng Chào Văn Hiên 1 đi ấp Sóc Lớn đoạn từ Thửa đất số 252, tờ bản đồ số 10 đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	160	112	96
29005	21	Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng	Ngã 3 thác số 4 (Giáp đường ĐT 758)	Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 126)	Xã Tân Quan	630	440	380
29006		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 thác số 4 (Giáp đường ĐT 758) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 126) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	334	234	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29007		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 thác số 4 (Giáp đường ĐT 758) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 126) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	267	187	160
29008		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 thác số 4 (Giáp đường ĐT 758) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 126) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	214	150	128
29009		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 thác số 4 (Giáp đường ĐT 758) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 126) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	301	211	181
29010		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 thác số 4 (Giáp đường ĐT 758) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 126) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	240	168	144
29011		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 thác số 4 (Giáp đường ĐT 758) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 126) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	193	135	116
29012	22	Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng	Ngã 3 giáp đường ĐT 758 (từ thửa đất số 19, tờ bản đồ số 161)	Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124)	Xã Tân Quan	630	440	380
29013		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 giáp đường ĐT 758 (từ thửa đất số 19, tờ bản đồ số 161) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	334	234	200
29014		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 giáp đường ĐT 758 (từ thửa đất số 19, tờ bản đồ số 161) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	267	187	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29015		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 giáp đường ĐT 758 (từ thửa đất số 19, tờ bản đồ số 161) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	214	150	128
29016		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 giáp đường ĐT 758 (từ thửa đất số 19, tờ bản đồ số 161) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	301	211	181
29017		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 giáp đường ĐT 758 (từ thửa đất số 19, tờ bản đồ số 161) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	240	168	144
29018		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 giáp đường ĐT 758 (từ thửa đất số 19, tờ bản đồ số 161) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	193	135	116
29019	23	Đường nhựa Liên xã	Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 61	Hết thửa đất số 411, tờ bản đồ số 146	Xã Tân Quan	540	380	320
29020		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Liên xã đoạn từ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 61 đến Hết thửa đất số 411, tờ bản đồ số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	313	219	188
29021		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Liên xã đoạn từ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 61 đến Hết thửa đất số 411, tờ bản đồ số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	250	175	150
29022		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Liên xã đoạn từ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 61 đến Hết thửa đất số 411, tờ bản đồ số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29023		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Liên xã đoạn từ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 61 đến Hết thửa đất số 411, tờ bản đồ số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	282	197	169
29024		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Liên xã đoạn từ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 61 đến Hết thửa đất số 411, tờ bản đồ số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	225	158	135
29025		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Liên xã đoạn từ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 61 đến Hết thửa đất số 411, tờ bản đồ số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	180	126	108
29026	24	Đường liên xã	Ngã ba Sóc Ruộng 1 (từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 100)	Ngã ba Xa Lách (Hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 106)	Xã Tân Quan	720	500	430
29027		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba Sóc Ruộng 1 (từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 100) đến Ngã ba Xa Lách (Hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	382	267	229
29028		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba Sóc Ruộng 1 (từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 100) đến Ngã ba Xa Lách (Hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	306	214	184
29029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba Sóc Ruộng 1 (từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 100) đến Ngã ba Xa Lách (Hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	245	172	147
29030		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba Sóc Ruộng 1 (từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 100) đến Ngã ba Xa Lách (Hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	344	241	206

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29031		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba Sóc Ruộng 1 (từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 100) đến Ngã ba Xa Lách (Hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	275	193	165
29032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba Sóc Ruộng 1 (từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 100) đến Ngã ba Xa Lách (Hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	221	155	133
29033	26	Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng	Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 105	Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 65	Xã Tân Quan	630	440	380
29034		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng đoạn từ Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 105 đến Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	334	234	200
29035		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng đoạn từ Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 105 đến Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	267	187	160
29036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng đoạn từ Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 105 đến Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	214	150	128
29037		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng đoạn từ Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 105 đến Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	301	211	181
29038		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng đoạn từ Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 105 đến Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	240	168	144

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng đoạn từ Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 105 đến Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	193	135	116
29040	27	Đường nhựa từ ấp Long Bình đi ấp Văn Hiên 2	Đường ĐT 756C (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 95)	Hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 87	Xã Tân Quan	540	380	320
29041		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp Long Bình đi ấp Văn Hiên 2 đoạn từ Đường ĐT 756C (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 95) đến Hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	313	219	188
29042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp Long Bình đi ấp Văn Hiên 2 đoạn từ Đường ĐT 756C (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 95) đến Hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	250	175	150
29043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp Long Bình đi ấp Văn Hiên 2 đoạn từ Đường ĐT 756C (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 95) đến Hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	200	140	120
29044		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp Long Bình đi ấp Văn Hiên 2 đoạn từ Đường ĐT 756C (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 95) đến Hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	282	197	169
29045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp Long Bình đi ấp Văn Hiên 2 đoạn từ Đường ĐT 756C (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 95) đến Hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	225	158	135
29046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp Long Bình đi ấp Văn Hiên 2 đoạn từ Đường ĐT 756C (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 95) đến Hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	180	126	108
29047	28	Đường nhựa từ ấp Xạc Lây đi ấp Sóc Tranh	Đường ĐT 756C (đường đối diện trường mầm non Tân Quan)	Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 89	Xã Tân Quan	540	380	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29048		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp Xạc Lây đi ấp Sóc Tranh đoạn từ Đường ĐT 756C (đường đối diện trường mầm non Tân Quan) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	313	219	188
29049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp Xạc Lây đi ấp Sóc Tranh đoạn từ Đường ĐT 756C (đường đối diện trường mầm non Tân Quan) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	250	175	150
29050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp Xạc Lây đi ấp Sóc Tranh đoạn từ Đường ĐT 756C (đường đối diện trường mầm non Tân Quan) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	200	140	120
29051		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp Xạc Lây đi ấp Sóc Tranh đoạn từ Đường ĐT 756C (đường đối diện trường mầm non Tân Quan) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	282	197	169
29052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp Xạc Lây đi ấp Sóc Tranh đoạn từ Đường ĐT 756C (đường đối diện trường mầm non Tân Quan) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	225	158	135
29053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp Xạc Lây đi ấp Sóc Tranh đoạn từ Đường ĐT 756C (đường đối diện trường mầm non Tân Quan) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	180	126	108
29054	29	Đường ĐH 11	Ngã 3 Quang Minh (từ thửa đất số 4, tờ bản đồ số 157)	Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157	Xã Tân Quan	990	690	590
29055		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 11 đoạn từ Ngã 3 Quang Minh (từ thửa đất số 4, tờ bản đồ số 157) đến Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	455	319	273

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29056		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 11 đoạn từ Ngã 3 Quang Minh (từ thửa đất số 4, tờ bản đồ số 157) đến Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	364	255	218
29057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 11 đoạn từ Ngã 3 Quang Minh (từ thửa đất số 4, tờ bản đồ số 157) đến Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	291	204	175
29058		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 11 đoạn từ Ngã 3 Quang Minh (từ thửa đất số 4, tờ bản đồ số 157) đến Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	410	287	246
29059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 11 đoạn từ Ngã 3 Quang Minh (từ thửa đất số 4, tờ bản đồ số 157) đến Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	328	230	197
29060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 11 đoạn từ Ngã 3 Quang Minh (từ thửa đất số 4, tờ bản đồ số 157) đến Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	262	183	157
29061	30	Đường ĐH 11	Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157	Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 110	Xã Tân Quan	720	500	430
29062		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 11 đoạn từ Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	382	267	229
29063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 11 đoạn từ Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	306	214	184
29064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 11 đoạn từ Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	245	172	147

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29065		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 11 đoạn từ Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	344	241	206
29066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 11 đoạn từ Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	275	193	165
29067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 11 đoạn từ Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	221	155	133
29068	31	Đường liên xã ấp Chà Hòa đi Nha Bích	Thửa đất số 339, tờ bản đồ số 71	Hết Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 123	Xã Tân Quan	590	410	350
29069		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã ấp Chà Hòa đi Nha Bích đoạn từ Thửa đất số 339, tờ bản đồ số 71 đến Hết Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 123 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	342	239	205
29070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã ấp Chà Hòa đi Nha Bích đoạn từ Thửa đất số 339, tờ bản đồ số 71 đến Hết Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 123 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	274	192	164
29071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã ấp Chà Hòa đi Nha Bích đoạn từ Thửa đất số 339, tờ bản đồ số 71 đến Hết Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 123 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	219	153	131
29072		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã ấp Chà Hòa đi Nha Bích đoạn từ Thửa đất số 339, tờ bản đồ số 71 đến Hết Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 123 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	308	216	185
29073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã ấp Chà Hòa đi Nha Bích đoạn từ Thửa đất số 339, tờ bản đồ số 71 đến Hết Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 123 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	247	173	148

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã ấp Chà Hòa đi Nha Bích đoạn từ Thửa đất số 339, tờ bản đồ số 71 đến Hết Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 123 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	197	138	118
29075	32	Đường nhựa số 06	Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 70	Hết Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 67	Xã Tân Quan	500	350	300
29076		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa số 06 đoạn từ Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 70 đến Hết Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	300	210	180
29077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa số 06 đoạn từ Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 70 đến Hết Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	240	168	144
29078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa số 06 đoạn từ Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 70 đến Hết Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	192	134	115
29079		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa số 06 đoạn từ Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 70 đến Hết Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	270	189	162
29080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa số 06 đoạn từ Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 70 đến Hết Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	216	151	130
29081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa số 06 đoạn từ Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 70 đến Hết Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	173	121	104
29082	33	Đường nhựa từ cầu Xe Be đến giáp ranh ấp Trường An	Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 51	Hết thửa đất số 87, tờ bản đồ số 46	Xã Tân Quan	450	320	270
29083		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ cầu Xe Be đến giáp ranh ấp Trường An đoạn từ Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 87, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	288	202	173

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ cầu Xe Be đến giáp ranh ấp Trường An đoạn từ Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 87, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	230	161	138
29085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ cầu Xe Be đến giáp ranh ấp Trường An đoạn từ Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 87, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	184	129	110
29086		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ cầu Xe Be đến giáp ranh ấp Trường An đoạn từ Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 87, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	259	181	155
29087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ cầu Xe Be đến giáp ranh ấp Trường An đoạn từ Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 87, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	207	145	124
29088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ cầu Xe Be đến giáp ranh ấp Trường An đoạn từ Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 87, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	166	116	100
29089	34	Đường nhựa Ấp Trường Thịnh đi Ấp Trường An	Thửa đất số 643, tờ bản đồ số 16	Hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 32	Xã Tân Quan	410	280	240
29090		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Ấp Trường Thịnh đi Ấp Trường An đoạn từ Thửa đất số 643, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	267	187	160
29091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Ấp Trường Thịnh đi Ấp Trường An đoạn từ Thửa đất số 643, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	214	150	128
29092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Ấp Trường Thịnh đi Ấp Trường An đoạn từ Thửa đất số 643, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	171	120	103

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29093		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Ấp Trường Thịnh đi Ấp Trường An đoạn từ Thửa đất số 643, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	240	168	144
29094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Ấp Trường Thịnh đi Ấp Trường An đoạn từ Thửa đất số 643, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	193	135	116
29095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Ấp Trường Thịnh đi Ấp Trường An đoạn từ Thửa đất số 643, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	154	108	92
29096	35	Đường nhựa ấp Núi Gió - Phú Thịnh	Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 60	Hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 149	Xã Tân Quan	540	380	320
29097		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Núi Gió - Phú Thịnh đoạn từ Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 60 đến Hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 149 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	313	219	188
29098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Núi Gió - Phú Thịnh đoạn từ Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 60 đến Hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 149 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	250	175	150
29099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Núi Gió - Phú Thịnh đoạn từ Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 60 đến Hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 149 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	200	140	120
29100		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Núi Gió - Phú Thịnh đoạn từ Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 60 đến Hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 149 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	282	197	169

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Núi Gió - Phú Thịnh đoạn từ Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 60 đến Hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 149 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	225	158	135
29102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Núi Gió - Phú Thịnh đoạn từ Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 60 đến Hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 149 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	180	126	108
29103	36	Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan	Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 93	Hết thửa đất số 50, tờ bản đồ số 64	Xã Tân Quan	540	380	320
29104		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan đoạn từ Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 50, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	313	219	188
29105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan đoạn từ Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 50, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	250	175	150
29106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan đoạn từ Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 50, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	200	140	120
29107		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan đoạn từ Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 50, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	282	197	169
29108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan đoạn từ Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 50, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	225	158	135

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan đoạn từ Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 50, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	180	126	108
29110	37	Đường nhựa ngã 4 chợ Tân Quan	Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 93	Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 93	Xã Tân Quan	900	630	540
29111		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã 4 chợ Tân Quan đoạn từ Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	414	271	232
29112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã 4 chợ Tân Quan đoạn từ Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	331	217	186
29113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã 4 chợ Tân Quan đoạn từ Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	265	174	149
29114		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã 4 chợ Tân Quan đoạn từ Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	373	244	209
29115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã 4 chợ Tân Quan đoạn từ Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	298	195	167
29116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã 4 chợ Tân Quan đoạn từ Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	239	157	134
29117	38	Khu dân cư Phước An (Công ty TNHH Địa ốc Hoa Đào)	Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Phước An		Xã Tân Quan	990	690	590
29118		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Phước An (Công ty TNHH Địa ốc Hoa Đào) đoạn từ Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Phước An đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	455	297	254

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Phước An (Công ty TNHH Địa ốc Hoa Đào) đoạn từ Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Phước An đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	364	238	203
29120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Phước An (Công ty TNHH Địa ốc Hoa Đào) đoạn từ Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Phước An đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	291	190	162
29121		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Phước An (Công ty TNHH Địa ốc Hoa Đào) đoạn từ Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Phước An đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	410	267	229
29122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Phước An (Công ty TNHH Địa ốc Hoa Đào) đoạn từ Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Phước An đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	328	214	183
29123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Phước An (Công ty TNHH Địa ốc Hoa Đào) đoạn từ Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Phước An đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	262	171	146
29124	39	Đường N1 (phía Tây Chợ Tân Quan)	Thửa đất số 251, tờ bản đồ số 93	Hết thửa đất số 290, tờ bản đồ số 93	Xã Tân Quan	540	380	320
29125		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (phía Tây Chợ Tân Quan) đoạn từ Thửa đất số 251, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 290, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	313	219	188
29126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (phía Tây Chợ Tân Quan) đoạn từ Thửa đất số 251, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 290, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	250	175	150
29127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (phía Tây Chợ Tân Quan) đoạn từ Thửa đất số 251, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 290, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29128		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (phía Tây Chợ Tân Quan) đoạn từ Thửa đất số 251, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 290, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	282	197	169
29129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (phía Tây Chợ Tân Quan) đoạn từ Thửa đất số 251, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 290, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	225	158	135
29130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (phía Tây Chợ Tân Quan) đoạn từ Thửa đất số 251, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 290, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	180	126	108
29131	40	Đường N2 (phía Đông Chợ Tân Quan)	Từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 93	Hết thửa đất số 414, tờ bản đồ số 93	Xã Tân Quan	540	380	320
29132		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 (phía Đông Chợ Tân Quan) đoạn từ Từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 414, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	313	219	188
29133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 (phía Đông Chợ Tân Quan) đoạn từ Từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 414, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	250	175	150
29134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 (phía Đông Chợ Tân Quan) đoạn từ Từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 414, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	200	140	120
29135		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 (phía Đông Chợ Tân Quan) đoạn từ Từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 414, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	282	197	169

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 (phía Đông Chợ Tân Quan) đoạn từ Từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 414, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	225	158	135
29137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 (phía Đông Chợ Tân Quan) đoạn từ Từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 414, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	180	126	108
29138	41	Đường D1 (phía Nam Chợ Tân Quan)	Thửa đất số 297, tờ bản đồ số 93	Hết thửa đất số 321, tờ bản đồ số 93	Xã Tân Quan	540	380	320
29139		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 (phía Nam Chợ Tân Quan) đoạn từ Thửa đất số 297, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 321, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	313	219	188
29140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 (phía Nam Chợ Tân Quan) đoạn từ Thửa đất số 297, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 321, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	250	175	150
29141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 (phía Nam Chợ Tân Quan) đoạn từ Thửa đất số 297, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 321, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	200	140	120
29142		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 (phía Nam Chợ Tân Quan) đoạn từ Thửa đất số 297, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 321, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	282	197	169
29143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 (phía Nam Chợ Tân Quan) đoạn từ Thửa đất số 297, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 321, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	225	158	135

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 (phía Nam Chợ Tân Quan) đoạn từ Thửa đất số 297, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 321, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	180	126	108
29145	BS	Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng	Ngã 3 (thửa đất số 45 và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 59	Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124)	Xã Tân Quan	630	440	380
29146		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 (thửa đất số 45 và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 59 đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	334	234	200
29147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 (thửa đất số 45 và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 59 đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	267	187	160
29148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 (thửa đất số 45 và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 59 đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	214	150	128
29149		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 (thửa đất số 45 và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 59 đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	301	211	181
29150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 (thửa đất số 45 và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 59 đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	240	168	144
29151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 (thửa đất số 45 và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 59 đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	193	135	116
29152	BS	Đường ĐT 756	Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)	Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 61	Xã Tân Quan	720	500	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29153		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	346	242	208
29154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	277	194	166
29155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	222	155	133
29156		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	311	218	187
29157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	249	174	149
29158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	200	140	120
29159	1	Đường ĐH 246	Ngã ba T&T (thửa đất số 324, tờ bản đồ số 66)	Suối (Hết thửa đất số 191 và thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 66)	Xã Minh Đức	1600	1100	970
29160		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã ba T&T (thửa đất số 324, tờ bản đồ số 66) đến Suối (Hết thửa đất số 191 và thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	768	538	461

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã ba T&T (thửa đất số 324, tờ bản đồ số 66) đến Suối (Hết thửa đất số 191 và thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	614	430	368
29162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã ba T&T (thửa đất số 324, tờ bản đồ số 66) đến Suối (Hết thửa đất số 191 và thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	491	344	295
29163		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã ba T&T (thửa đất số 324, tờ bản đồ số 66) đến Suối (Hết thửa đất số 191 và thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	691	484	415
29164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã ba T&T (thửa đất số 324, tờ bản đồ số 66) đến Suối (Hết thửa đất số 191 và thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	553	387	332
29165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã ba T&T (thửa đất số 324, tờ bản đồ số 66) đến Suối (Hết thửa đất số 191 và thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	442	309	265
29166	2	Đường ĐH 246	Suối (Đầu thửa đất số 38 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 65)	Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65	Xã Minh Đức	1200	820	700
29167		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Suối (Đầu thửa đất số 38 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 65) đến Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	576	403	346

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Suối (Đầu thửa đất số 38 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 65) đến Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	461	323	277
29169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Suối (Đầu thửa đất số 38 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 65) đến Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	369	258	221
29170		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Suối (Đầu thửa đất số 38 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 65) đến Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	518	363	311
29171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Suối (Đầu thửa đất số 38 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 65) đến Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	415	291	249
29172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Suối (Đầu thửa đất số 38 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 65) đến Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	332	232	199
29173	3	Đường ĐH 246	Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65	Hết ranh thửa đất số 17, tờ bản đồ số 53	Xã Minh Đức	810	570	490
29174		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	389	272	233
29175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	311	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	249	174	149
29177		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	350	245	210
29178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	280	196	168
29179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	224	157	134
29180	4	Đường ĐH 246	Ngã 3 giao đường ĐT 752 tới đường ĐH 246	Phía Đông: Đường bê tông hết ranh trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 211,tờ bản đồ số 11	Xã Minh Đức	1600	1100	970
29181		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã 3 giao đường ĐT 752 tới đường ĐH 246 đến Phía Đông: Đường bê tông hết ranh trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 211,tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	768	538	461
29182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã 3 giao đường ĐT 752 tới đường ĐH 246 đến Phía Đông: Đường bê tông hết ranh trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 211,tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	614	430	368

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã 3 giao đường ĐT 752 tới đường ĐH 246 đến Phía Đông: Đường bê tông hết ranh trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 211,tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	491	344	295
29184		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã 3 giao đường ĐT 752 tới đường ĐH 246 đến Phía Đông: Đường bê tông hết ranh trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 211,tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	691	484	415
29185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã 3 giao đường ĐT 752 tới đường ĐH 246 đến Phía Đông: Đường bê tông hết ranh trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 211,tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	553	387	332
29186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã 3 giao đường ĐT 752 tới đường ĐH 246 đến Phía Đông: Đường bê tông hết ranh trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 211,tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	442	309	265
29187	5	Đường ĐH 246	Phía Đông: Đường bê tông hết ranh Trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11	Hết thửa đất số 331 và thửa đất số 365 thuộc tờ bản đồ số 11	Xã Minh Đức	1400	950	810
29188		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Phía Đông: Đường bê tông hết ranh Trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 331 và thửa đất số 365 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	672	470	403

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Phía Đông: Đường bê tông hết ranh Trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 331 và thửa đất số 365 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	538	377	323
29190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Phía Đông: Đường bê tông hết ranh Trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 331 và thửa đất số 365 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	430	301	258
29191		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Phía Đông: Đường bê tông hết ranh Trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 331 và thửa đất số 365 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	605	424	363
29192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Phía Đông: Đường bê tông hết ranh Trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 331 và thửa đất số 365 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	484	339	290
29193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Phía Đông: Đường bê tông hết ranh Trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 331 và thửa đất số 365 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	387	271	232
29194	6	Đường ĐH 246	Đầu thửa đất số 363 và thửa đất số 386 thuộc tờ bản đồ số 11	Giáp ranh xã Minh Đức cũ	Xã Minh Đức	810	570	490
29195		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Đầu thửa đất số 363 và thửa đất số 386 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Giáp ranh xã Minh Đức cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	389	272	233

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Đầu thửa đất số 363 và thửa đất số 386 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Giáp ranh xã Minh Đức cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	311	218	187
29197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Đầu thửa đất số 363 và thửa đất số 386 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Giáp ranh xã Minh Đức cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	249	174	149
29198		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Đầu thửa đất số 363 và thửa đất số 386 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Giáp ranh xã Minh Đức cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	350	245	210
29199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Đầu thửa đất số 363 và thửa đất số 386 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Giáp ranh xã Minh Đức cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	280	196	168
29200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Đầu thửa đất số 363 và thửa đất số 386 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Giáp ranh xã Minh Đức cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	224	157	134
29201	7	Đường bê tông trường THCS ấp 1A	Trường THCS Minh Đức	Ngã ba Tuấn Thêu (thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66)	Xã Minh Đức	540	380	320
29202		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Trường THCS Minh Đức đến Ngã ba Tuấn Thêu (thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	270	189	162
29203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Trường THCS Minh Đức đến Ngã ba Tuấn Thêu (thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	216	151	130
29204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Trường THCS Minh Đức đến Ngã ba Tuấn Thêu (thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	173	121	104

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29205		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Trường THCS Minh Đức đến Ngã ba Tuấn Thêu (thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	243	170	146
29206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Trường THCS Minh Đức đến Ngã ba Tuấn Thêu (thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	194	136	116
29207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Trường THCS Minh Đức đến Ngã ba Tuấn Thêu (thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	156	109	94
29208	8	Đường bê tông trường THCS ấp 1A	Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66	Hết ranh đất ông Tăng (thửa đất số 401, tờ bản đồ số 66)	Xã Minh Đức	540	380	320
29209		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Tăng (thửa đất số 401, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	270	189	162
29210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Tăng (thửa đất số 401, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	216	151	130
29211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Tăng (thửa đất số 401, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	173	121	104
29212		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Tăng (thửa đất số 401, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	243	170	146

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Tăng (thửa đất số 401, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	194	136	116
29214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Tăng (thửa đất số 401, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	156	109	94
29215	9	Đường bê tông trường THCS ấp 1A	Thửa đất số 420, tờ bản đồ số 66	Hết ranh đất ông Thực (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 65)	Xã Minh Đức	540	380	320
29216		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Thửa đất số 420, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Thực (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	270	189	162
29217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Thửa đất số 420, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Thực (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	216	151	130
29218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Thửa đất số 420, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Thực (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	173	121	104
29219		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Thửa đất số 420, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Thực (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	243	170	146
29220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Thửa đất số 420, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Thực (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	194	136	116

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Thửa đất số 420, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Thực (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	156	109	94
29222	10	Đường liên xã (xã Minh Đức cũ)	UBND xã Minh Đức và từ thửa đất số 342, tờ bản đồ số 66	Suối (Đến hết thửa đất số 39 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 73)	Xã Minh Đức	1400	1000	860
29223		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ UBND xã Minh Đức và từ thửa đất số 342, tờ bản đồ số 66 đến Suối (Đến hết thửa đất số 39 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	672	470	403
29224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ UBND xã Minh Đức và từ thửa đất số 342, tờ bản đồ số 66 đến Suối (Đến hết thửa đất số 39 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	538	377	323
29225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ UBND xã Minh Đức và từ thửa đất số 342, tờ bản đồ số 66 đến Suối (Đến hết thửa đất số 39 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	430	301	258
29226		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ UBND xã Minh Đức và từ thửa đất số 342, tờ bản đồ số 66 đến Suối (Đến hết thửa đất số 39 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	605	424	363
29227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ UBND xã Minh Đức và từ thửa đất số 342, tờ bản đồ số 66 đến Suối (Đến hết thửa đất số 39 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	484	339	290
29228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ UBND xã Minh Đức và từ thửa đất số 342, tờ bản đồ số 66 đến Suối (Đến hết thửa đất số 39 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	387	271	232

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29229	11	Đường liên xã (xã Minh Đức cũ)	Suối (Từ đầu thửa đất số 40 và thửa đất số 50 thuộc tờ bản đồ số 73)	Hết ranh thửa đất số 23 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 64	Xã Minh Đức	900	630	540
29230		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 40 và thửa đất số 50 thuộc tờ bản đồ số 73) đến Hết ranh thửa đất số 23 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	432	302	259
29231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 40 và thửa đất số 50 thuộc tờ bản đồ số 73) đến Hết ranh thửa đất số 23 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	346	242	208
29232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 40 và thửa đất số 50 thuộc tờ bản đồ số 73) đến Hết ranh thửa đất số 23 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	277	194	166
29233		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 40 và thửa đất số 50 thuộc tờ bản đồ số 73) đến Hết ranh thửa đất số 23 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	389	272	233
29234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 40 và thửa đất số 50 thuộc tờ bản đồ số 73) đến Hết ranh thửa đất số 23 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	311	218	187
29235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 40 và thửa đất số 50 thuộc tờ bản đồ số 73) đến Hết ranh thửa đất số 23 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	249	174	149
29236	12	Đường liên xã (xã Minh Đức cũ)	Thửa đất số 9 và thửa đất số 41 thuộc tờ bản đồ số 64	Hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39	Xã Minh Đức	450	320	270
29237		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Thửa đất số 9 và thửa đất số 41 thuộc tờ bản đồ số 64 đến Hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	248	174	149

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Thửa đất số 9 và thửa đất số 41 thuộc tờ bản đồ số 64 đến Hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	198	139	119
29239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Thửa đất số 9 và thửa đất số 41 thuộc tờ bản đồ số 64 đến Hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	158	111	95
29240		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Thửa đất số 9 và thửa đất số 41 thuộc tờ bản đồ số 64 đến Hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	223	156	134
29241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Thửa đất số 9 và thửa đất số 41 thuộc tờ bản đồ số 64 đến Hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	178	125	107
29242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Thửa đất số 9 và thửa đất số 41 thuộc tờ bản đồ số 64 đến Hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	142	99	85
29243	13	Đường Lộ đal ấp 3	Đầu ranh đất thuộc thửa đất số 61, thửa số 62, tờ bản đồ số 73)	Hết ranh đất thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 73)	Xã Minh Đức	540	380	320
29244		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ đal ấp 3 đoạn từ Đầu ranh đất thuộc thửa đất số 61, thửa số 62, tờ bản đồ số 73) đến Hết ranh đất thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	270	189	162
29245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ đal ấp 3 đoạn từ Đầu ranh đất thuộc thửa đất số 61, thửa số 62, tờ bản đồ số 73) đến Hết ranh đất thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	216	151	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ đal ấp 3 đoạn từ Đầu ranh đất thuộc thửa đất số 61, thửa số 62, tờ bản đồ số 73) đến Hết ranh đất thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	173	121	104
29247		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ đal ấp 3 đoạn từ Đầu ranh đất thuộc thửa đất số 61, thửa số 62, tờ bản đồ số 73) đến Hết ranh đất thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	243	170	146
29248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ đal ấp 3 đoạn từ Đầu ranh đất thuộc thửa đất số 61, thửa số 62, tờ bản đồ số 73) đến Hết ranh đất thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	194	136	116
29249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ đal ấp 3 đoạn từ Đầu ranh đất thuộc thửa đất số 61, thửa số 62, tờ bản đồ số 73) đến Hết ranh đất thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	156	109	94
29250	14	Đường nhựa ấp 1A đi ấp Sóc Ruộng	Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 73	Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 74	Xã Minh Đức	540	380	320
29251		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1A đi ấp Sóc Ruộng đoạn từ Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 73 đến Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	270	189	162
29252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1A đi ấp Sóc Ruộng đoạn từ Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 73 đến Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	216	151	130
29253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1A đi ấp Sóc Ruộng đoạn từ Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 73 đến Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	173	121	104
29254		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1A đi ấp Sóc Ruộng đoạn từ Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 73 đến Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	243	170	146

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1A đi ấp Sóc Ruộng đoạn từ Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 73 đến Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	194	136	116
29256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1A đi ấp Sóc Ruộng đoạn từ Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 73 đến Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	156	109	94
29257	15	Đường nhựa ấp 1A	Ngã ba nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 118, tờ bản đồ số 66)	Ngã 3 trường THCS Minh Đức (hết ranh thửa đất số 372, tờ bản đồ số 66)	Xã Minh Đức	1200	820	700
29258		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1A đoạn từ Ngã ba nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 118, tờ bản đồ số 66) đến Ngã 3 trường THCS Minh Đức (hết ranh thửa đất số 372, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	576	403	346
29259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1A đoạn từ Ngã ba nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 118, tờ bản đồ số 66) đến Ngã 3 trường THCS Minh Đức (hết ranh thửa đất số 372, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	461	323	277
29260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1A đoạn từ Ngã ba nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 118, tờ bản đồ số 66) đến Ngã 3 trường THCS Minh Đức (hết ranh thửa đất số 372, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	369	258	221
29261		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1A đoạn từ Ngã ba nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 118, tờ bản đồ số 66) đến Ngã 3 trường THCS Minh Đức (hết ranh thửa đất số 372, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1A đoạn từ Ngã ba nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 118, tờ bản đồ số 66) đến Ngã 3 trường THCS Minh Đức (hết ranh thửa đất số 372, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	415	291	249
29263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1A đoạn từ Ngã ba nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 118, tờ bản đồ số 66) đến Ngã 3 trường THCS Minh Đức (hết ranh thửa đất số 372, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	332	232	199
29264	16	Đường nhựa ấp 1B	Ngã ba bên hông nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 73, tờ bản đồ số 66)	Giáp đất nông trường Bình Minh (Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 59)	Xã Minh Đức	900	630	540
29265		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1B đoạn từ Ngã ba bên hông nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 73, tờ bản đồ số 66) đến Giáp đất nông trường Bình Minh (Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	432	302	259
29266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1B đoạn từ Ngã ba bên hông nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 73, tờ bản đồ số 66) đến Giáp đất nông trường Bình Minh (Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	346	242	208
29267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1B đoạn từ Ngã ba bên hông nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 73, tờ bản đồ số 66) đến Giáp đất nông trường Bình Minh (Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	277	194	166
29268		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1B đoạn từ Ngã ba bên hông nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 73, tờ bản đồ số 66) đến Giáp đất nông trường Bình Minh (Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	389	272	233

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1B đoạn từ Ngã ba bên hông nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 73, tờ bản đồ số 66) đến Giáp đất nông trường Bình Minh (Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	311	218	187
29270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1B đoạn từ Ngã ba bên hông nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 73, tờ bản đồ số 66) đến Giáp đất nông trường Bình Minh (Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	249	174	149
29271	17	Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon	Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ)	Suối (Đến hết thửa đất số 133 và thửa đất số 124 thuộc tờ bản đồ số 73)	Xã Minh Đức	900	630	540
29272		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Suối (Đến hết thửa đất số 133 và thửa đất số 124 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	432	302	259
29273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Suối (Đến hết thửa đất số 133 và thửa đất số 124 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	346	242	208
29274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Suối (Đến hết thửa đất số 133 và thửa đất số 124 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	277	194	166
29275		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Suối (Đến hết thửa đất số 133 và thửa đất số 124 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	389	272	233
29276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Suối (Đến hết thửa đất số 133 và thửa đất số 124 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	311	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Suối (Đến hết thửa đất số 133 và thửa đất số 124 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	249	174	149
29278	18	Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon	Suối (Từ đầu thửa đất số 67, tờ bản đồ số 72 và đầu thửa đất số 163, tờ bản đồ số 73)	Đến hết thửa đất số 29 và thửa đất số 38 thuộc tờ bản đồ số 43	Xã Minh Đức	450	320	270
29279		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 67, tờ bản đồ số 72 và đầu thửa đất số 163, tờ bản đồ số 73) đến Đến hết thửa đất số 29 và thửa đất số 38 thuộc tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	248	174	149
29280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 67, tờ bản đồ số 72 và đầu thửa đất số 163, tờ bản đồ số 73) đến Đến hết thửa đất số 29 và thửa đất số 38 thuộc tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	198	139	119
29281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 67, tờ bản đồ số 72 và đầu thửa đất số 163, tờ bản đồ số 73) đến Đến hết thửa đất số 29 và thửa đất số 38 thuộc tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	158	111	95
29282		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 67, tờ bản đồ số 72 và đầu thửa đất số 163, tờ bản đồ số 73) đến Đến hết thửa đất số 29 và thửa đất số 38 thuộc tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	223	156	134
29283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 67, tờ bản đồ số 72 và đầu thửa đất số 163, tờ bản đồ số 73) đến Đến hết thửa đất số 29 và thửa đất số 38 thuộc tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	178	125	107

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 67, tờ bản đồ số 72 và đầu thửa đất số 163, tờ bản đồ số 73) đến Đến hết thửa đất số 29 và thửa đất số 38 thuộc tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	142	99	85
29285	19	Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai	Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ)	Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74	Xã Minh Đức	450	320	270
29286		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	248	174	149
29287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	198	139	119
29288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	158	111	95
29289		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	223	156	134
29290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	178	125	107
29291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	142	99	85

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29292	20	Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai	Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74	Hết thửa đất số 27 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 44	Xã Minh Đức	410	280	240
29293		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 đến Hết thửa đất số 27 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Minh Đức	242	169	145
29294		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 đến Hết thửa đất số 27 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Minh Đức	194	136	116
29295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 đến Hết thửa đất số 27 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Minh Đức	155	109	93
29296		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 đến Hết thửa đất số 27 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Minh Đức	218	153	131
29297		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 đến Hết thửa đất số 27 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Minh Đức	175	123	105
29298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 đến Hết thửa đất số 27 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Minh Đức	140	98	84
29299	21	Đường ĐT 752	Giáp ranh phường Bình Long	Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02	Xã Minh Đức	1400	950	810
29300		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Minh Đức	672	470	403

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29301		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	538	377	323
29302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	430	301	258
29303		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	605	424	363
29304		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	484	339	290
29305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	387	271	232
29306	22	Đường ĐT 752	Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02	Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11	Xã Minh Đức	1600	1100	970
29307		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	768	538	461
29308		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	614	430	368

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	491	344	295
29310		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	691	484	415
29311		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	553	387	332
29312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	442	309	265
29313	23	Đường ĐT 752	Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11	Giáp sông Sài Gòn (giáp tỉnh Tây Ninh)	Xã Minh Đức	900	630	540
29314		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 đến Giáp sông Sài Gòn (giáp tỉnh Tây Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	432	302	259
29315		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 đến Giáp sông Sài Gòn (giáp tỉnh Tây Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	346	242	208

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 đến Giáp sông Sài Gòn (giáp tỉnh Tây Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	277	194	166
29317		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 đến Giáp sông Sài Gòn (giáp tỉnh Tây Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	389	272	233
29318		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 đến Giáp sông Sài Gòn (giáp tỉnh Tây Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	311	218	187
29319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 đến Giáp sông Sài Gòn (giáp tỉnh Tây Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	249	174	149
29320	24	Đường Nhựa vào Nhà máy xi măng	Đường ĐT 752 (Ngã ba Hòa Đào)	Ngã tư nhà máy xi măng (Hết ranh thửa 374 và 151 tờ bản đồ số 9)	Xã Minh Đức	630	440	380
29321		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhựa vào Nhà máy xi măng đoạn từ Đường ĐT 752 (Ngã ba Hòa Đào) đến Ngã tư nhà máy xi măng (Hết ranh thửa 374 và 151 tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	309	216	185
29322		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhựa vào Nhà máy xi măng đoạn từ Đường ĐT 752 (Ngã ba Hòa Đào) đến Ngã tư nhà máy xi măng (Hết ranh thửa 374 và 151 tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	247	173	148
29323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhựa vào Nhà máy xi măng đoạn từ Đường ĐT 752 (Ngã ba Hòa Đào) đến Ngã tư nhà máy xi măng (Hết ranh thửa 374 và 151 tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	198	139	119

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29324		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhựa vào Nhà máy xi măng đoạn từ Đường ĐT 752 (Ngã ba Hòa Đào) đến Ngã tư nhà máy xi măng (Hết ranh thửa 374 và 151 tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	278	195	167
29325		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhựa vào Nhà máy xi măng đoạn từ Đường ĐT 752 (Ngã ba Hòa Đào) đến Ngã tư nhà máy xi măng (Hết ranh thửa 374 và 151 tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	222	155	133
29326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhựa vào Nhà máy xi măng đoạn từ Đường ĐT 752 (Ngã ba Hòa Đào) đến Ngã tư nhà máy xi măng (Hết ranh thửa 374 và 151 tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	178	125	107
29327	25	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Giáp ranh phường Tân Khai	Giáp ranh Suối	Xã Minh Đức	450	320	270
29328		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giáp ranh phường Tân Khai đến Giáp ranh Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	198	139	119
29329		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giáp ranh phường Tân Khai đến Giáp ranh Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	158	111	95
29330		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giáp ranh phường Tân Khai đến Giáp ranh Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	223	156	134
29331		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giáp ranh phường Tân Khai đến Giáp ranh Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	178	125	107

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29332		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giáp ranh phường Tân Khai đến Giáp ranh Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	142	99	85
29333	27	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Giao ngã tư đường Nhựa ĐT752 (xã Minh Tâm cũ)	Ngã tư nhà máy xi măng	Xã Minh Đức	450	320	270
29334		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giao ngã tư đường Nhựa ĐT752 (xã Minh Tâm cũ) đến Ngã tư nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	248	174	149
29335		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giao ngã tư đường Nhựa ĐT752 (xã Minh Tâm cũ) đến Ngã tư nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	198	139	119
29336		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giao ngã tư đường Nhựa ĐT752 (xã Minh Tâm cũ) đến Ngã tư nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	158	111	95
29337		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giao ngã tư đường Nhựa ĐT752 (xã Minh Tâm cũ) đến Ngã tư nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	223	156	134
29338		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giao ngã tư đường Nhựa ĐT752 (xã Minh Tâm cũ) đến Ngã tư nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	178	125	107
29339		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giao ngã tư đường Nhựa ĐT752 (xã Minh Tâm cũ) đến Ngã tư nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	142	99	85

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29340	28	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Ngã tư nhà máy xi măng	Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ	Xã Minh Đức	630	440	380
29341		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	309	216	185
29342		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	247	173	148
29343		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	198	139	119
29344		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	278	195	167
29345		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	222	155	133
29346		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	178	125	107
29347	29	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ	Đến hết ranh suối; giáp xã Lộc Thành	Xã Minh Đức	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29348		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ đến Đến hết ranh suối; giáp xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	248	174	149
29349		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ đến Đến hết ranh suối; giáp xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	198	139	119
29350		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ đến Đến hết ranh suối; giáp xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	158	111	95
29351		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ đến Đến hết ranh suối; giáp xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	223	156	134
29352		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ đến Đến hết ranh suối; giáp xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	178	125	107
29353		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ đến Đến hết ranh suối; giáp xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	142	99	85
29354	30	Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ	Cầu Ba Nông	Cầu cần Lê 1	Xã Minh Đức	410	280	240
29355		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông đến Cầu cần Lê 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	242	169	145

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29356		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông đến Cầu cần Lê 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	194	136	116
29357		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông đến Cầu cần Lê 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	155	109	93
29358		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông đến Cầu cần Lê 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	218	153	131
29359		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông đến Cầu cần Lê 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	175	123	105
29360		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông đến Cầu cần Lê 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	140	98	84
29361	31	Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ	Cầu Ba Nông (từ thửa đất số 223 tờ bản đồ số 84	Ngã ba đường nhựa liên xã (Lô 3/92, Nông trường Xa Cam)	Xã Minh Đức	450	320	270
29362		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông (từ thửa đất số 223 tờ bản đồ số 84 đến Ngã ba đường nhựa liên xã (Lô 3/92, Nông trường Xa Cam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	248	174	149
29363		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông (từ thửa đất số 223 tờ bản đồ số 84 đến Ngã ba đường nhựa liên xã (Lô 3/92, Nông trường Xa Cam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	198	139	119
29364		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông (từ thửa đất số 223 tờ bản đồ số 84 đến Ngã ba đường nhựa liên xã (Lô 3/92, Nông trường Xa Cam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	158	111	95

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29365		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông (từ thửa đất số 223 tờ bản đồ số 84 đến Ngã ba đường nhựa liên xã (Lô 3/92, Nông trường Xa Cam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	223	156	134
29366		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông (từ thửa đất số 223 tờ bản đồ số 84 đến Ngã ba đường nhựa liên xã (Lô 3/92, Nông trường Xa Cam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	178	125	107
29367		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông (từ thửa đất số 223 tờ bản đồ số 84 đến Ngã ba đường nhựa liên xã (Lô 3/92, Nông trường Xa Cam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	142	99	85
29368	32	Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ)	Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7	Hết tuyến	Xã Minh Đức	900	630	540
29369		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	432	302	259
29370		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	346	242	208
29371		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	277	194	166
29372		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	389	272	233
29373		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	311	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29374		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	249	174	149
29375	33	Đường nhựa liên ấp 1 đến ấp 3	Đầu thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11	Hết thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22	Xã Minh Đức	540	380	320
29376		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp 1 đến ấp 3 đoạn từ Đầu thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	286	200	172
29377		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp 1 đến ấp 3 đoạn từ Đầu thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	229	160	137
29378		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp 1 đến ấp 3 đoạn từ Đầu thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	183	128	110
29379		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp 1 đến ấp 3 đoạn từ Đầu thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	257	180	154
29380		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp 1 đến ấp 3 đoạn từ Đầu thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	206	144	124
29381		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp 1 đến ấp 3 đoạn từ Đầu thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	165	116	99
29382	34	Đường nhựa ấp 3 xã Minh Tâm cũ đi phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long	Đầu thửa đất số 444, tờ bản đồ số 22	Hết thửa đất số 249, tờ bản đồ số 7	Xã Minh Đức	540	380	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29383		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 xã Minh Tâm cũ đi phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long đoạn từ Đầu thửa đất số 444, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 249, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	286	200	172
29384		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 xã Minh Tâm cũ đi phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long đoạn từ Đầu thửa đất số 444, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 249, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	229	160	137
29385		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 xã Minh Tâm cũ đi phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long đoạn từ Đầu thửa đất số 444, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 249, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	183	128	110
29386		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 xã Minh Tâm cũ đi phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long đoạn từ Đầu thửa đất số 444, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 249, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	257	180	154
29387		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 xã Minh Tâm cũ đi phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long đoạn từ Đầu thửa đất số 444, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 249, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	206	144	124
29388		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 xã Minh Tâm cũ đi phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long đoạn từ Đầu thửa đất số 444, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 249, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	165	116	99
29389	35	Đường nhựa ấp 2 - Sóc Vàng, xã Minh Tâm đi Sóc Rul, xã An Phú	Đầu thửa đất số 316, tờ bản đồ số 6	Hết thửa đất số 247, tờ bản đồ số 6	Xã Minh Đức	540	380	320
29390		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 - Sóc Vàng, xã Minh Tâm đi Sóc Rul, xã An Phú đoạn từ Đầu thửa đất số 316, tờ bản đồ số 6 đến Hết thửa đất số 247, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	286	200	172

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29391		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 - Sóc Vàng, xã Minh Tâm đi Sóc Rul, xã An Phú đoạn từ Đầu thửa đất số 316, tờ bản đồ số 6 đến Hết thửa đất số 247, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	229	160	137
29392		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 - Sóc Vàng, xã Minh Tâm đi Sóc Rul, xã An Phú đoạn từ Đầu thửa đất số 316, tờ bản đồ số 6 đến Hết thửa đất số 247, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	183	128	110
29393		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 - Sóc Vàng, xã Minh Tâm đi Sóc Rul, xã An Phú đoạn từ Đầu thửa đất số 316, tờ bản đồ số 6 đến Hết thửa đất số 247, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	257	180	154
29394		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 - Sóc Vàng, xã Minh Tâm đi Sóc Rul, xã An Phú đoạn từ Đầu thửa đất số 316, tờ bản đồ số 6 đến Hết thửa đất số 247, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	206	144	124
29395		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 - Sóc Vàng, xã Minh Tâm đi Sóc Rul, xã An Phú đoạn từ Đầu thửa đất số 316, tờ bản đồ số 6 đến Hết thửa đất số 247, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	165	116	99
29396	36	Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 1)	Đầu thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20	Hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17	Xã Minh Đức	540	380	320
29397		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 1) đoạn từ Đầu thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	286	200	172

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29398		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 1) đoạn từ Đầu thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	229	160	137
29399		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 1) đoạn từ Đầu thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	183	128	110
29400		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 1) đoạn từ Đầu thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	257	180	154
29401		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 1) đoạn từ Đầu thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	206	144	124
29402		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 1) đoạn từ Đầu thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	165	116	99
29403	37	Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 2)	Đầu thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17	Đến hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 5	Xã Minh Đức	540	380	320
29404		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 2) đoạn từ Đầu thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 đến Đến hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	286	200	172

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29405		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 2) đoạn từ Đầu thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 đến Đến hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	229	160	137
29406		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 2) đoạn từ Đầu thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 đến Đến hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	183	128	110
29407		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 2) đoạn từ Đầu thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 đến Đến hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	257	180	154
29408		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 2) đoạn từ Đầu thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 đến Đến hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	206	144	124
29409		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 2) đoạn từ Đầu thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 đến Đến hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	165	116	99
29410	38	Đường nhựa vô nhà máy xi măng Minh Tâm	Ngã tư nhà máy xi măng	Hết tuyến	Xã Minh Đức	540	380	320
29411		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vô nhà máy xi măng Minh Tâm đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	286	200	172
29412		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vô nhà máy xi măng Minh Tâm đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	229	160	137

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29413		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vô nhà máy xi măng Minh Tâm đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	183	128	110
29414		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vô nhà máy xi măng Minh Tâm đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	257	180	154
29415		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vô nhà máy xi măng Minh Tâm đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	206	144	124
29416		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vô nhà máy xi măng Minh Tâm đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	165	116	99
29417	39	Đường nhựa liên xã An Phú cũ	Toàn tuyến		Xã Minh Đức	1100	760	650
29418		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã An Phú cũ đoạn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	528	370	317
29419		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã An Phú cũ đoạn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	422	295	253
29420		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã An Phú cũ đoạn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	338	237	203
29421		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã An Phú cũ đoạn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	475	333	285

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29422		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã An Phú cũ đoạn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	380	266	228
29423		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã An Phú cũ đoạn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	304	213	182
29424	40	Đường từ Ngã tư Tằng Hách đến Ngã tư Phúc Sơn	Thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 51	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Xã Minh Đức	540	380	320
29425		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã tư Tằng Hách đến Ngã tư Phúc Sơn đoạn từ Thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 51 đến Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	286	200	172
29426		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã tư Tằng Hách đến Ngã tư Phúc Sơn đoạn từ Thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 51 đến Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	229	160	137
29427		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã tư Tằng Hách đến Ngã tư Phúc Sơn đoạn từ Thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 51 đến Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	183	128	110
29428		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã tư Tằng Hách đến Ngã tư Phúc Sơn đoạn từ Thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 51 đến Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	257	180	154
29429		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã tư Tằng Hách đến Ngã tư Phúc Sơn đoạn từ Thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 51 đến Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	206	144	124

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29430		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã tư Tằng Hách đến Ngã tư Phúc Sơn đoạn từ Thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 51 đến Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	165	116	99
29431	41	Đường từ Ngã ba nghĩa địa Tằng Hách đi Phường An Lộc (đường số 1)	Thửa đất số 283, tờ bản đồ số 51	Giáp ranh phường An Lộc	Xã Minh Đức	450	320	270
29432		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba nghĩa địa Tằng Hách đi Phường An Lộc (đường số 1) đoạn từ Thửa đất số 283, tờ bản đồ số 51 đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	248	174	149
29433		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba nghĩa địa Tằng Hách đi Phường An Lộc (đường số 1) đoạn từ Thửa đất số 283, tờ bản đồ số 51 đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	198	139	119
29434		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba nghĩa địa Tằng Hách đi Phường An Lộc (đường số 1) đoạn từ Thửa đất số 283, tờ bản đồ số 51 đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	158	111	95
29435		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba nghĩa địa Tằng Hách đi Phường An Lộc (đường số 1) đoạn từ Thửa đất số 283, tờ bản đồ số 51 đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	223	156	134
29436		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba nghĩa địa Tằng Hách đi Phường An Lộc (đường số 1) đoạn từ Thửa đất số 283, tờ bản đồ số 51 đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	178	125	107
29437		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba nghĩa địa Tằng Hách đi Phường An Lộc (đường số 1) đoạn từ Thửa đất số 283, tờ bản đồ số 51 đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	142	99	85

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29438	42	Đường Nhựa ấp sóc 5 (ĐT 752B-QH QL14C cũ)	Ngã tư đường ĐT752	Giáp đất trại giam Tống Chân (K4)	Xã Minh Đức	450	320	270
29439		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhựa ấp sóc 5 (ĐT 752B-QH QL14C cũ) đoạn từ Ngã tư đường ĐT752 đến Giáp đất trại giam Tống Chân (K4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	248	174	149
29440		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhựa ấp sóc 5 (ĐT 752B-QH QL14C cũ) đoạn từ Ngã tư đường ĐT752 đến Giáp đất trại giam Tống Chân (K4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	198	139	119
29441		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhựa ấp sóc 5 (ĐT 752B-QH QL14C cũ) đoạn từ Ngã tư đường ĐT752 đến Giáp đất trại giam Tống Chân (K4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	158	111	95
29442		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhựa ấp sóc 5 (ĐT 752B-QH QL14C cũ) đoạn từ Ngã tư đường ĐT752 đến Giáp đất trại giam Tống Chân (K4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	223	156	134
29443		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhựa ấp sóc 5 (ĐT 752B-QH QL14C cũ) đoạn từ Ngã tư đường ĐT752 đến Giáp đất trại giam Tống Chân (K4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	178	125	107
29444		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhựa ấp sóc 5 (ĐT 752B-QH QL14C cũ) đoạn từ Ngã tư đường ĐT752 đến Giáp đất trại giam Tống Chân (K4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	142	99	85
29445	44	Đường từ Ngã ba Phố Lồ đến cổng chào An Tân	Thửa đất số 64 tờ bản đồ số 86	Hết thửa đất số 295 tờ bản đồ số 83	Xã Minh Đức	450	320	270
29446		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba Phố Lồ đến cổng chào An Tân đoạn từ Thửa đất số 64 tờ bản đồ số 86 đến Hết thửa đất số 295 tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	248	174	149
29447		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba Phố Lồ đến cổng chào An Tân đoạn từ Thửa đất số 64 tờ bản đồ số 86 đến Hết thửa đất số 295 tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	198	139	119

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29448		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba Phố Lố đến cổng chào An Tân đoạn từ Thửa đất số 64 tờ bản đồ số 86 đến Hết thửa đất số 295 tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	158	111	95
29449		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba Phố Lố đến cổng chào An Tân đoạn từ Thửa đất số 64 tờ bản đồ số 86 đến Hết thửa đất số 295 tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	223	156	134
29450		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba Phố Lố đến cổng chào An Tân đoạn từ Thửa đất số 64 tờ bản đồ số 86 đến Hết thửa đất số 295 tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	178	125	107
29451		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba Phố Lố đến cổng chào An Tân đoạn từ Thửa đất số 64 tờ bản đồ số 86 đến Hết thửa đất số 295 tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	142	99	85
29452	45	Đường Nhựa Bình Phú - Sóc Rul	Giáp ranh phường Bình Long (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 93)	Hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94	Xã Minh Đức	540	380	320
29453		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhựa Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	286	200	172
29454		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhựa Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	229	160	137
29455		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhựa Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	183	128	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29456		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhựa Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	257	180	154
29457		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhựa Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	206	144	124
29458		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhựa Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	165	116	99
29459	46	Đường Bình Phú - Sóc Rul	Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 94	Giáp ranh xã Minh Tâm cũ	Xã Minh Đức	450	320	270
29460		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Minh Tâm cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	248	174	149
29461		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Minh Tâm cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	198	139	119
29462		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Minh Tâm cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	158	111	95
29463		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Minh Tâm cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	223	156	134
29464		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Minh Tâm cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	178	125	107

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29465		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Minh Tâm cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	142	99	85
29466	47	Đường nhựa đi phường An Lộc (xã Thanh Lương cũ)	Ngã ba giao đường liên xã An Phú (cũ) (Từ thửa đất số 40, tờ bản đồ số 86)	Hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 86	Xã Minh Đức	540	380	320
29467		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi phường An Lộc (xã Thanh Lương cũ) đoạn từ Ngã ba giao đường liên xã An Phú (cũ) (Từ thửa đất số 40, tờ bản đồ số 86) đến Hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	286	200	172
29468		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi phường An Lộc (xã Thanh Lương cũ) đoạn từ Ngã ba giao đường liên xã An Phú (cũ) (Từ thửa đất số 40, tờ bản đồ số 86) đến Hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	229	160	137
29469		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi phường An Lộc (xã Thanh Lương cũ) đoạn từ Ngã ba giao đường liên xã An Phú (cũ) (Từ thửa đất số 40, tờ bản đồ số 86) đến Hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	183	128	110
29470		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi phường An Lộc (xã Thanh Lương cũ) đoạn từ Ngã ba giao đường liên xã An Phú (cũ) (Từ thửa đất số 40, tờ bản đồ số 86) đến Hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	257	180	154
29471		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi phường An Lộc (xã Thanh Lương cũ) đoạn từ Ngã ba giao đường liên xã An Phú (cũ) (Từ thửa đất số 40, tờ bản đồ số 86) đến Hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	206	144	124
29472		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi phường An Lộc (xã Thanh Lương cũ) đoạn từ Ngã ba giao đường liên xã An Phú (cũ) (Từ thửa đất số 40, tờ bản đồ số 86) đến Hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	165	116	99
29473	BS	Đượng nhựa	Từ thửa đất số 445, tờ bản đồ số 22	Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 24	Xã Minh Đức	540	380	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29474		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đượng nhựa đoạn từ Từ thửa đất số 445, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	286	200	172
29475		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đượng nhựa đoạn từ Từ thửa đất số 445, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	229	160	137
29476		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đượng nhựa đoạn từ Từ thửa đất số 445, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	183	128	110
29477		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đượng nhựa đoạn từ Từ thửa đất số 445, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	257	180	154
29478		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đượng nhựa đoạn từ Từ thửa đất số 445, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	206	144	124
29479		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đượng nhựa đoạn từ Từ thửa đất số 445, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	165	116	99
29480	BS	Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ)	Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7	Hết thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7	Xã Minh Đức	900	630	540
29481		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	432	302	259
29482		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	346	242	208

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29483		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	277	194	166
29484		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	389	272	233
29485		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	311	218	187
29486		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	249	174	149
29487	1	Đường ĐT 755	Ranh giới xã Thống Nhất - Phước Sơn (cũ)	Hết ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc	Xã Phước Sơn	720	500	430
29488		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ranh giới xã Thống Nhất - Phước Sơn (cũ) đến Hết ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	396	277	238
29489		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ranh giới xã Thống Nhất - Phước Sơn (cũ) đến Hết ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	317	222	190
29490		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ranh giới xã Thống Nhất - Phước Sơn (cũ) đến Hết ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	254	178	152
29491		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ranh giới xã Thống Nhất - Phước Sơn (cũ) đến Hết ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	356	249	214

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29492		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ranh giới xã Thống Nhất - Phước Sơn (cũ) đến Hết ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	285	200	171
29493		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ranh giới xã Thống Nhất - Phước Sơn (cũ) đến Hết ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	229	160	137
29494	2	Đường ĐT 755	Giáp ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc	Nhà văn hóa thôn Phước Lộc	Xã Phước Sơn	900	630	540
29495		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc đến Nhà văn hóa thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	495	347	297
29496		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc đến Nhà văn hóa thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	396	277	238
29497		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc đến Nhà văn hóa thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	317	222	190
29498		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc đến Nhà văn hóa thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	446	312	268
29499		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc đến Nhà văn hóa thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	356	249	214
29500		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc đến Nhà văn hóa thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	285	200	171
29501	3	Đường ĐT 755	Nhà văn hóa thôn Phước Lộc	Đường thôn Phước Lộc đi bàu Cá Rô	Xã Phước Sơn	830	580	500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29502		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Nhà văn hóa thôn Phước Lộc đến Đường thôn Phước Lộc đi bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	457	320	274
29503		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Nhà văn hóa thôn Phước Lộc đến Đường thôn Phước Lộc đi bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	366	256	220
29504		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Nhà văn hóa thôn Phước Lộc đến Đường thôn Phước Lộc đi bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	293	205	176
29505		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Nhà văn hóa thôn Phước Lộc đến Đường thôn Phước Lộc đi bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	411	288	247
29506		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Nhà văn hóa thôn Phước Lộc đến Đường thôn Phước Lộc đi bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	329	230	197
29507		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Nhà văn hóa thôn Phước Lộc đến Đường thôn Phước Lộc đi bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	264	185	158
29508	4	Đường ĐT 755	Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô	Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản	Xã Phước Sơn	990	690	590
29509		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đến Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	545	382	327
29510		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đến Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	436	305	262

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29511		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đến Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	349	244	209
29512		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đến Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	491	344	295
29513		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đến Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	392	274	235
29514		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đến Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	314	220	188
29515	5	Đường ĐT 755	Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản	Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh	Xã Phước Sơn	810	570	490
29516		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản đến Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	446	312	268
29517		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản đến Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	357	250	214
29518		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản đến Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	286	200	172
29519		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản đến Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	401	281	241

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29520		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản đến Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	321	225	193
29521		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản đến Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	257	180	154
29522	6	Đường ĐT 755	Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh	Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ)	Xã Phước Sơn	830	580	500
29523		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh đến Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	457	320	274
29524		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh đến Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	366	256	220
29525		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh đến Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	293	205	176
29526		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh đến Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	411	288	247
29527		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh đến Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	329	230	197

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29528		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh đến Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	264	185	158
29529	7	Đường ĐT 755	Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ)	Giáp ranh xã Bù Đăng	Xã Phước Sơn	680	470	410
29530		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	374	262	224
29531		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	299	209	179
29532		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	239	167	143
29533		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	337	236	202
29534		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	269	188	161
29535		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	215	151	129
29536	8	Đường ĐT 755	Ngã tư trung tâm cụm xã Thống Nhất (cũ)	Hết ranh xưởng điều Trường Thủy	Xã Phước Sơn	2000	1400	1200
29537		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư trung tâm cụm xã Thống Nhất (cũ) đến Hết ranh xưởng điều Trường Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	800	560	480

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29538		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư trung tâm cụm xã Thống Nhất (cũ) đến Hết ranh xưởng điều Trường Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	640	448	384
29539		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư trung tâm cụm xã Thống Nhất (cũ) đến Hết ranh xưởng điều Trường Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	512	358	307
29540		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư trung tâm cụm xã Thống Nhất (cũ) đến Hết ranh xưởng điều Trường Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	720	504	432
29541		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư trung tâm cụm xã Thống Nhất (cũ) đến Hết ranh xưởng điều Trường Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	576	403	346
29542		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư trung tâm cụm xã Thống Nhất (cũ) đến Hết ranh xưởng điều Trường Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	461	323	277
29543	9	Đường ĐT 755	Hết ranh xưởng điều Trường Thủy	Ngã ba xã cũ	Xã Phước Sơn	1300	880	760
29544		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Hết ranh xưởng điều Trường Thủy đến Ngã ba xã cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	585	410	351
29545		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Hết ranh xưởng điều Trường Thủy đến Ngã ba xã cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	468	328	281
29546		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Hết ranh xưởng điều Trường Thủy đến Ngã ba xã cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	374	262	224
29547		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Hết ranh xưởng điều Trường Thủy đến Ngã ba xã cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	527	369	316

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29548		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Hết ranh xưởng điều Trường Thủy đến Ngã ba xã cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	421	295	253
29549		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Hết ranh xưởng điều Trường Thủy đến Ngã ba xã cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	337	236	202
29550	10	Đường ĐT 755	Ngã ba xã cũ	Ranh xã Phước Sơn (cũ)	Xã Phước Sơn	900	630	540
29551		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba xã cũ đến Ranh xã Phước Sơn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	495	347	297
29552		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba xã cũ đến Ranh xã Phước Sơn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	396	277	238
29553		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba xã cũ đến Ranh xã Phước Sơn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	317	222	190
29554		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba xã cũ đến Ranh xã Phước Sơn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	446	312	268
29555		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba xã cũ đến Ranh xã Phước Sơn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	356	249	214
29556		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba xã cũ đến Ranh xã Phước Sơn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	285	200	171
29557	11	Đường ĐT 755	Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn	Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m	Xã Phước Sơn	2000	1400	1200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29558		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn đến Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	800	560	480
29559		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn đến Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	640	448	384
29560		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn đến Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	512	358	307
29561		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn đến Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	720	504	432
29562		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn đến Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	576	403	346
29563		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn đến Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	461	323	277
29564	12	Đường ĐT 755	Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m	Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện)	Xã Phước Sơn	900	630	540
29565		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m đến Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	495	347	297
29566		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m đến Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	396	277	238

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29567		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m đến Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	317	222	190
29568		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m đến Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	446	312	268
29569		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m đến Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	356	249	214
29570		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m đến Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	285	200	171
29571	13	Đường ĐT 755	Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện)	Giáp ranh xã Nghĩa Trung	Xã Phước Sơn	680	470	410
29572		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	374	262	224
29573		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	299	209	179
29574		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	239	167	143
29575		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	337	236	202

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29576		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	269	188	161
29577		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	215	151	129
29578	14	Đường Ngã ba bà Hải đi xã Đồng Nai (cũ) (đường liên xã)	Đường ĐT 755	Giáp ranh xã Bù Đăng	Xã Phước Sơn	590	410	350
29579		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba bà Hải đi xã Đồng Nai (cũ) (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	325	228	195
29580		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba bà Hải đi xã Đồng Nai (cũ) (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	260	182	156
29581		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba bà Hải đi xã Đồng Nai (cũ) (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	208	146	125
29582		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba bà Hải đi xã Đồng Nai (cũ) (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	293	205	176
29583		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba bà Hải đi xã Đồng Nai (cũ) (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	234	164	140
29584		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba bà Hải đi xã Đồng Nai (cũ) (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	187	131	112

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29585	15	Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi thôn Phước Tiến	Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà)	Ngã ba nhà ông Triệu Tiến Tài	Xã Phước Sơn	450	320	270
29586		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Ngã ba nhà ông Triệu Tiến Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	248	174	149
29587		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Ngã ba nhà ông Triệu Tiến Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	198	139	119
29588		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Ngã ba nhà ông Triệu Tiến Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	158	111	95
29589		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Ngã ba nhà ông Triệu Tiến Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	223	156	134
29590		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Ngã ba nhà ông Triệu Tiến Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	178	125	107
29591		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Ngã ba nhà ông Triệu Tiến Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	142	99	85
29592	16	Đường từ Ngã ba xã cũ đi Bàu Cá Rô	Đường ĐT 755	Giáp đất lâm phần	Xã Phước Sơn	450	320	270
29593		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba xã cũ đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	248	174	149

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29594		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba xã cũ đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	198	139	119
29595		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba xã cũ đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	158	111	95
29596		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba xã cũ đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	223	156	134
29597		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba xã cũ đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	178	125	107
29598		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba xã cũ đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	142	99	85
29599	17	Đường vào Sóc ông La	Ngã ba Tám Láo	Ngã ba NVH thôn Phước Hòa	Xã Phước Sơn	450	320	270
29600		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Sóc ông La đoạn từ Ngã ba Tám Láo đến Ngã ba NVH thôn Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	248	174	149
29601		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Sóc ông La đoạn từ Ngã ba Tám Láo đến Ngã ba NVH thôn Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	198	139	119
29602		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Sóc ông La đoạn từ Ngã ba Tám Láo đến Ngã ba NVH thôn Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	158	111	95

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29603		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Sóc ông La đoạn từ Ngã ba Tám Láo đến Ngã ba NVH thôn Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	223	156	134
29604		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Sóc ông La đoạn từ Ngã ba Tám Láo đến Ngã ba NVH thôn Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	178	125	107
29605		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Sóc ông La đoạn từ Ngã ba Tám Láo đến Ngã ba NVH thôn Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	142	99	85
29606	18	Đường từ Ngã ba Cây Phượng đi Ngã ba ông Sính	Đường ĐT 755	Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà)	Xã Phước Sơn	450	320	270
29607		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba Cây Phượng đi Ngã ba ông Sính đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	248	174	149
29608		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba Cây Phượng đi Ngã ba ông Sính đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	198	139	119
29609		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba Cây Phượng đi Ngã ba ông Sính đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	158	111	95
29610		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba Cây Phượng đi Ngã ba ông Sính đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	223	156	134
29611		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba Cây Phượng đi Ngã ba ông Sính đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	178	125	107

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29612		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba Cây Phượng đi Ngã ba ông Sính đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	142	99	85
29613	19	Tuyến đường thôn Phước Thiện	Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm	Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện	Xã Phước Sơn	500	350	300
29614		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm đến Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	275	193	165
29615		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm đến Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	220	154	132
29616		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm đến Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	176	123	106
29617		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm đến Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	248	174	149
29618		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm đến Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	198	139	119
29619		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm đến Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	158	111	95
29620	21	Tuyến đường thôn Phước Tâm	Đường ĐT 755	Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46	Xã Phước Sơn	500	350	300
29621		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	275	193	165

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29622		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	220	154	132
29623		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	176	123	106
29624		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	248	174	149
29625		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	198	139	119
29626		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	158	111	95
29627	22	Tuyến đường Ngã ba thôn Phước Tâm	Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46	Hết Tuyến	Xã Phước Sơn	450	320	270
29628		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Ngã ba thôn Phước Tâm đoạn từ Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 đến Hết Tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	248	174	149
29629		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Ngã ba thôn Phước Tâm đoạn từ Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 đến Hết Tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	198	139	119
29630		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Ngã ba thôn Phước Tâm đoạn từ Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 đến Hết Tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	158	111	95

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29631		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Ngã ba thôn Phước Tâm đoạn từ Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 đến Hết Tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	223	156	134
29632		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Ngã ba thôn Phước Tâm đoạn từ Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 đến Hết Tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	178	125	107
29633		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Ngã ba thôn Phước Tâm đoạn từ Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 đến Hết Tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	142	99	85
29634	25	Ngã ba Xe Vàng đi Lòng Hồ	Ngã ba Xe Vàng	Hết ranh đất ông Bùi Văn Biển	Xã Phước Sơn	450	320	270
29635		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba Xe Vàng đi Lòng Hồ đoạn từ Ngã ba Xe Vàng đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Biển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	248	174	149
29636		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba Xe Vàng đi Lòng Hồ đoạn từ Ngã ba Xe Vàng đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Biển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	198	139	119
29637		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba Xe Vàng đi Lòng Hồ đoạn từ Ngã ba Xe Vàng đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Biển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	158	111	95
29638		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba Xe Vàng đi Lòng Hồ đoạn từ Ngã ba Xe Vàng đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Biển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	223	156	134
29639		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba Xe Vàng đi Lòng Hồ đoạn từ Ngã ba Xe Vàng đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Biển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	178	125	107

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29640		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba Xe Vàng đi Lòng Hồ đoạn từ Ngã ba Xe Vàng đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Biển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	142	99	85
29641	26	Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ	Hết ranh ông Bùi Văn Biển	Giáp Suối	Xã Phước Sơn	410	280	240
29642		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Hết ranh ông Bùi Văn Biển đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	226	158	136
29643		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Hết ranh ông Bùi Văn Biển đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	181	127	109
29644		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Hết ranh ông Bùi Văn Biển đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	145	102	87
29645		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Hết ranh ông Bùi Văn Biển đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	203	142	122
29646		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Hết ranh ông Bùi Văn Biển đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	163	114	98
29647		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Hết ranh ông Bùi Văn Biển đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	131	92	79
29648	27	Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ	Giáp Suối	Ngã ba đường vào NVH thôn Phước Lộc	Xã Phước Sơn	360	250	220
29649		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba đường vào NVH thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	198	139	119

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29650		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba đường vào NVH thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	158	111	95
29651		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba đường vào NVH thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	126	88	76
29652		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba đường vào NVH thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	178	125	107
29653		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba đường vào NVH thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	142	99	85
29654		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba đường vào NVH thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	113	79	68
29655	28	Đường số 1 chợ Thống Nhất	Đường ĐT 755	Hết tuyến	Xã Phước Sơn	1500	1100	920
29656		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	645	452	387
29657		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	516	361	310
29658		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	413	289	248
29659		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	581	407	349

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29660		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	464	325	278
29661		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	372	260	223
29662	29	Đường số 2 chợ Thống Nhất	Đường ĐT 755	Hết tuyến	Xã Phước Sơn	1500	1100	920
29663		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	645	452	387
29664		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	516	361	310
29665		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	413	289	248
29666		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	581	407	349
29667		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	464	325	278
29668		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	372	260	223
29669	30	Đường ĐT 755B	Ranh xã Thống Nhất cũ	Cầu số 3	Xã Phước Sơn	720	500	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29670		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ranh xã Thống Nhất cũ đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	396	277	238
29671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ranh xã Thống Nhất cũ đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	317	222	190
29672		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ranh xã Thống Nhất cũ đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	254	178	152
29673		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ranh xã Thống Nhất cũ đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	356	249	214
29674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ranh xã Thống Nhất cũ đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	285	200	171
29675		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ranh xã Thống Nhất cũ đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	229	160	137
29676	31	Đường ĐT 755B	Cầu số 3	Hết ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường	Xã Phước Sơn	970	680	580
29677		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Cầu số 3 đến Hết ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	485	340	291
29678		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Cầu số 3 đến Hết ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	388	272	233
29679		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Cầu số 3 đến Hết ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	310	217	186

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29680		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Cầu số 3 đến Hết ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	437	306	262
29681		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Cầu số 3 đến Hết ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	349	244	209
29682		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Cầu số 3 đến Hết ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	279	195	167
29683	32	Đường ĐT 755B	Giáp ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường	Ngã ba nhà ông Thoại	Xã Phước Sơn	720	500	430
29684		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường đến Ngã ba nhà ông Thoại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	396	277	238
29685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường đến Ngã ba nhà ông Thoại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	317	222	190
29686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường đến Ngã ba nhà ông Thoại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	254	178	152
29687		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường đến Ngã ba nhà ông Thoại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	356	249	214
29688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường đến Ngã ba nhà ông Thoại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	285	200	171

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường đến Ngã ba nhà ông Thoại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	229	160	137
29690	33	Đường ĐT 755B	Ngã ba nhà ông Thoại	Cầu Đăng Hà (Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng)	Xã Phước Sơn	970	680	580
29691		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà ông Thoại đến Cầu Đăng Hà (Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	485	340	291
29692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà ông Thoại đến Cầu Đăng Hà (Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	388	272	233
29693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà ông Thoại đến Cầu Đăng Hà (Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	310	217	186
29694		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà ông Thoại đến Cầu Đăng Hà (Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	437	306	262
29695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà ông Thoại đến Cầu Đăng Hà (Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	349	244	209
29696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà ông Thoại đến Cầu Đăng Hà (Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	279	195	167
29697	34	Đường ĐT 755B	Giáp ranh xã Nghĩa Trung	Hết ranh trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến)	Xã Phước Sơn	900	630	540
29698		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh xã Nghĩa Trung đến Hết ranh trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	450	315	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh xã Nghĩa Trung đến Hết ranh trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	360	252	216
29700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh xã Nghĩa Trung đến Hết ranh trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	288	202	173
29701		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh xã Nghĩa Trung đến Hết ranh trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	405	284	243
29702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh xã Nghĩa Trung đến Hết ranh trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	324	227	194
29703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh xã Nghĩa Trung đến Hết ranh trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	259	181	155
29704	35	Đường ĐT 755B	Giáp ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến)	Ngã ba Xưởng điều ông Tân	Xã Phước Sơn	1400	950	810
29705		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) đến Ngã ba Xưởng điều ông Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	602	421	361
29706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) đến Ngã ba Xưởng điều ông Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	482	337	289

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) đến Ngã ba Xưởng điều ông Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	386	270	232
29708		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) đến Ngã ba Xưởng điều ông Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	542	379	325
29709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) đến Ngã ba Xưởng điều ông Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	434	304	260
29710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) đến Ngã ba Xưởng điều ông Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	347	243	208
29711	36	Đường ĐT 755B	Ngã ba Xưởng điều ông Tân	Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi	Xã Phước Sơn	2000	1400	1200
29712		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Xưởng điều ông Tân đến Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	860	602	516
29713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Xưởng điều ông Tân đến Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	688	482	413
29714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Xưởng điều ông Tân đến Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	550	385	330
29715		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Xưởng điều ông Tân đến Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	774	542	464

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Xưởng điều ông Tân đến Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	619	433	371
29717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Xưởng điều ông Tân đến Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	495	347	297
29718	37	Đường ĐT 755B	Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi	Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa)	Xã Phước Sơn	1200	860	730
29719		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi đến Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	516	361	310
29720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi đến Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	413	289	248
29721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi đến Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	330	231	198
29722		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi đến Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	464	325	278
29723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi đến Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	372	260	223
29724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi đến Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	297	208	178
29725	38	Đường ĐT 755B	Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa)	Ranh xã Đăng Hà (cũ)	Xã Phước Sơn	720	500	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29726		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) đến Ranh xã Đăng Hà (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	353	247	212
29727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) đến Ranh xã Đăng Hà (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	282	197	169
29728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) đến Ranh xã Đăng Hà (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	226	158	136
29729		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) đến Ranh xã Đăng Hà (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	318	223	191
29730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) đến Ranh xã Đăng Hà (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	254	178	152
29731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) đến Ranh xã Đăng Hà (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	203	142	122
29732	39	Khu dân cư Thống Nhất (Công ty TNHH Bất động sản Green Land)	Tuyến đường trong khu dân cư		Xã Phước Sơn	1400	950	810
29733		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thống Nhất (Công ty TNHH Bất động sản Green Land) đoạn từ Tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	602	421	361
29734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thống Nhất (Công ty TNHH Bất động sản Green Land) đoạn từ Tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	482	337	289

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thống Nhất (Công ty TNHH Bất động sản Green Land) đoạn từ Tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	386	270	232
29736		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thống Nhất (Công ty TNHH Bất động sản Green Land) đoạn từ Tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	542	379	325
29737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thống Nhất (Công ty TNHH Bất động sản Green Land) đoạn từ Tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	434	304	260
29738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thống Nhất (Công ty TNHH Bất động sản Green Land) đoạn từ Tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	347	243	208
29739	40	Đường đi Bàu Tre (DHA.05)	Đường ĐT 755B	Lò gạch ông Sử	Xã Phước Sơn	500	350	300
29740		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Lò gạch ông Sử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	245	172	147
29741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Lò gạch ông Sử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	196	137	118
29742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Lò gạch ông Sử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	157	110	94
29743		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Lò gạch ông Sử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	221	155	133
29744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Lò gạch ông Sử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	176	123	106

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Lò gạch ông Sử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	141	99	85
29746	41	Đường đi Bàu Tre (DHA.05)	Lò gạch ông Sử	Giáp suối	Xã Phước Sơn	500	350	300
29747		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Lò gạch ông Sử đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	245	172	147
29748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Lò gạch ông Sử đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	196	137	118
29749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Lò gạch ông Sử đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	157	110	94
29750		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Lò gạch ông Sử đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	221	155	133
29751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Lò gạch ông Sử đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	176	123	106
29752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Lò gạch ông Sử đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	141	99	85
29753	42	Đường Ngã ba ông Thoại đi xã Đắk Lua (DHA.11)	Đường ĐT 755B	Giáp ranh xã Đắk Lua	Xã Phước Sơn	320	220	190
29754		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba ông Thoại đi xã Đắk Lua (DHA.11) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	166	116	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba ông Thoại đi xã Đắk Lua (DHA.11) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	133	93	80
29756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba ông Thoại đi xã Đắk Lua (DHA.11) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	106	74	64
29757		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba ông Thoại đi xã Đắk Lua (DHA.11) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	149	104	89
29758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba ông Thoại đi xã Đắk Lua (DHA.11) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	120	84	72
29759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba ông Thoại đi xã Đắk Lua (DHA.11) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	95	67	57
29760	43	Đường thôn Phước An (DHA.13)	Ngã ba Bằng Lăng	Nhà ông Tô Duy Vần	Xã Phước Sơn	320	220	190
29761		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Ngã ba Bằng Lăng đến Nhà ông Tô Duy Vần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	166	116	100
29762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Ngã ba Bằng Lăng đến Nhà ông Tô Duy Vần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	133	93	80
29763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Ngã ba Bằng Lăng đến Nhà ông Tô Duy Vần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	106	74	64

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29764		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Ngã ba Bằng Lăng đến Nhà ông Tô Duy Vần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	149	104	89
29765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Ngã ba Bằng Lăng đến Nhà ông Tô Duy Vần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	120	84	72
29766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Ngã ba Bằng Lăng đến Nhà ông Tô Duy Vần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	95	67	57
29767	44	Đường thôn Phước An (DHA.13)	Nhà ông Tô Duy Vần	Dốc khỉ	Xã Phước Sơn	320	220	190
29768		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Nhà ông Tô Duy Vần đến Dốc khỉ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	166	116	100
29769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Nhà ông Tô Duy Vần đến Dốc khỉ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	133	93	80
29770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Nhà ông Tô Duy Vần đến Dốc khỉ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	106	74	64
29771		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Nhà ông Tô Duy Vần đến Dốc khỉ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	149	104	89
29772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Nhà ông Tô Duy Vần đến Dốc khỉ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	120	84	72

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Nhà ông Tô Duy Vần đến Dốc khỉ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	95	67	57
29774	45	Đường thôn Phước An (DHA.12)	Ngã ba ông Xuyến	Giáp ranh xã Đắk Lua	Xã Phước Sơn	320	220	190
29775		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An (DHA.12) đoạn từ Ngã ba ông Xuyến đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	166	116	100
29776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An (DHA.12) đoạn từ Ngã ba ông Xuyến đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	133	93	80
29777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An (DHA.12) đoạn từ Ngã ba ông Xuyến đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	106	74	64
29778		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.12) đoạn từ Ngã ba ông Xuyến đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	149	104	89
29779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.12) đoạn từ Ngã ba ông Xuyến đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	120	84	72
29780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.12) đoạn từ Ngã ba ông Xuyến đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	95	67	57
29781	46	Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14)	Ngã ba ông Thọ	Cầu ông Hiền	Xã Phước Sơn	450	320	270
29782		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Ngã ba ông Thọ đến Cầu ông Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	234	164	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Ngã ba ông Thọ đến Cầu ông Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	187	131	112
29784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Ngã ba ông Thọ đến Cầu ông Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	150	105	90
29785		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Ngã ba ông Thọ đến Cầu ông Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	211	148	127
29786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Ngã ba ông Thọ đến Cầu ông Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	168	118	101
29787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Ngã ba ông Thọ đến Cầu ông Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	135	95	81
29788	47	Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14)	Cầu ông Hiền	Giáp ranh xã Đắk Lua	Xã Phước Sơn	450	320	270
29789		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Cầu ông Hiền đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	234	164	140
29790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Cầu ông Hiền đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	187	131	112
29791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Cầu ông Hiền đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	150	105	90

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29792		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Cầu ông Hiền đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	211	148	127
29793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Cầu ông Hiền đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	168	118	101
29794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Cầu ông Hiền đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	135	95	81
29795	48	Đường Bù Có	Trường TH Phước Sơn (Điểm trường Bù Xa)	Hết ranh đất ông Trịnh Văn Phiến	Xã Phước Sơn	450	320	270
29796		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Có đoạn từ Trường TH Phước Sơn (Điểm trường Bù Xa) đến Hết ranh đất ông Trịnh Văn Phiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	234	164	140
29797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Có đoạn từ Trường TH Phước Sơn (Điểm trường Bù Xa) đến Hết ranh đất ông Trịnh Văn Phiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	187	131	112
29798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Có đoạn từ Trường TH Phước Sơn (Điểm trường Bù Xa) đến Hết ranh đất ông Trịnh Văn Phiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	150	105	90
29799		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Có đoạn từ Trường TH Phước Sơn (Điểm trường Bù Xa) đến Hết ranh đất ông Trịnh Văn Phiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	211	148	127
29800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Có đoạn từ Trường TH Phước Sơn (Điểm trường Bù Xa) đến Hết ranh đất ông Trịnh Văn Phiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	168	118	101

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Có đoạn từ Trường TH Phước Sơn (Điểm trường Bù Xa) đến Hết ranh đất ông Trịnh Văn Phiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	135	95	81
29802	49	Đường thôn Phước Thịnh	Đường ĐT 755	Giáp Suối	Xã Phước Sơn	450	320	270
29803		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước Thịnh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	234	164	140
29804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước Thịnh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	187	131	112
29805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước Thịnh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	150	105	90
29806		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước Thịnh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	211	148	127
29807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước Thịnh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	168	118	101
29808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước Thịnh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	135	95	81
29809	50	Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc	Giáp Suối	Ngã ba Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc	Xã Phước Sơn	450	320	270
29810		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	234	164	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	187	131	112
29812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	150	105	90
29813		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	211	148	127
29814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	168	118	101
29815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	135	95	81
29816	51	Các tuyến đường thuộc khu QHTTHC xã Phước Sơn (cũ)	Đường ĐT 755 Đường Ngã ba Xe Vàng	Cuối đường	Xã Phước Sơn	720	500	430
29817		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu QHTTHC xã Phước Sơn (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 Đường Ngã ba Xe Vàng đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	374	262	224
29818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu QHTTHC xã Phước Sơn (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 Đường Ngã ba Xe Vàng đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	299	209	179

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu QHTTHC xã Phước Sơn (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 Đường Ngã ba Xe Vàng đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	239	167	143
29820		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu QHTTHC xã Phước Sơn (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 Đường Ngã ba Xe Vàng đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	337	236	202
29821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu QHTTHC xã Phước Sơn (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 Đường Ngã ba Xe Vàng đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	269	188	161
29822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu QHTTHC xã Phước Sơn (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 Đường Ngã ba Xe Vàng đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	215	151	129
29823	52	Đường đi chùa Thanh Phước	Đường ĐT 755	Ngã tư Bù N'hai	Xã Phước Sơn	410	280	240
29824		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã tư Bù N'hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	213	149	128
29825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã tư Bù N'hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	170	119	102
29826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã tư Bù N'hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	136	95	82
29827		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã tư Bù N'hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	192	134	115

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã tư Bù N'hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	153	107	92
29829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã tư Bù N'hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	122	85	73
29830	53	Đường đi chùa Thanh Phước	Ngã tư Bù N'hai	Ngã ba ông Dương	Xã Phước Sơn	410	280	240
29831		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Ngã tư Bù N'hai đến Ngã ba ông Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	213	149	128
29832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Ngã tư Bù N'hai đến Ngã ba ông Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	170	119	102
29833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Ngã tư Bù N'hai đến Ngã ba ông Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	136	95	82
29834		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Ngã tư Bù N'hai đến Ngã ba ông Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	192	134	115
29835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Ngã tư Bù N'hai đến Ngã ba ông Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	153	107	92
29836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Ngã tư Bù N'hai đến Ngã ba ông Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	122	85	73
29837	54	Đường đi Bàu Đĩa	Đường ĐT 755	Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng)	Xã Phước Sơn	410	280	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29838		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	213	149	128
29839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	170	119	102
29840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	136	95	82
29841		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	192	134	115
29842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	153	107	92
29843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	122	85	73
29844	55	Đường đi Bàu Đĩa	Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng)	Ngã ba Láng Dầu	Xã Phước Sơn	410	280	240
29845		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) đến Ngã ba Láng Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	213	149	128
29846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) đến Ngã ba Láng Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	170	119	102

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) đến Ngã ba Láng Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	136	95	82
29848		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) đến Ngã ba Láng Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	192	134	115
29849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) đến Ngã ba Láng Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	153	107	92
29850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) đến Ngã ba Láng Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	122	85	73
29851	56	Đường Bằng Lăng	Đường ĐT 755	Giáp đất ông Hoàng Văn Cài	Xã Phước Sơn	410	280	240
29852		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bằng Lăng đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất ông Hoàng Văn Cài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	213	149	128
29853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bằng Lăng đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất ông Hoàng Văn Cài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	170	119	102
29854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bằng Lăng đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất ông Hoàng Văn Cài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	136	95	82
29855		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bằng Lăng đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất ông Hoàng Văn Cài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	192	134	115

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bằng Lăng đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất ông Hoàng Văn Cài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	153	107	92
29857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bằng Lăng đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất ông Hoàng Văn Cài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	122	85	73
29858	57	Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô	Đường ĐT 755	Đất Lâm Phần	Xã Phước Sơn	410	280	240
29859		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đất Lâm Phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	213	149	128
29860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đất Lâm Phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	170	119	102
29861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đất Lâm Phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	136	95	82
29862		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đất Lâm Phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	192	134	115
29863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đất Lâm Phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	153	107	92
29864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đất Lâm Phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	122	85	73

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29865	58	Đường từ Ngã ba Tàu đi đường Bàu Cá Rô thôn Phước Tâm	Đường ĐT 755	Ngã ba Bàu Cá Rô	Xã Phước Sơn	410	280	240
29866		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba Tàu đi đường Bàu Cá Rô thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba Bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	213	149	128
29867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba Tàu đi đường Bàu Cá Rô thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba Bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	170	119	102
29868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba Tàu đi đường Bàu Cá Rô thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba Bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	136	95	82
29869		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba Tàu đi đường Bàu Cá Rô thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba Bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	192	134	115
29870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba Tàu đi đường Bàu Cá Rô thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba Bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	153	107	92
29871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba Tàu đi đường Bàu Cá Rô thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba Bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	122	85	73
29872	59	Đường cạnh cây xăng Hoàng Phát	Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà)	Giáp đất ông Lê Đình Bé	Xã Phước Sơn	410	280	240
29873		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh cây xăng Hoàng Phát đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp đất ông Lê Đình Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	213	149	128

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh cây xăng Hoàng Phát đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp đất ông Lê Đình Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	170	119	102
29875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh cây xăng Hoàng Phát đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp đất ông Lê Đình Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	136	95	82
29876		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh cây xăng Hoàng Phát đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp đất ông Lê Đình Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	192	134	115
29877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh cây xăng Hoàng Phát đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp đất ông Lê Đình Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	153	107	92
29878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh cây xăng Hoàng Phát đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp đất ông Lê Đình Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	122	85	73
29879	60	Đường cạnh NVH thôn Phước Tiến	Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà)	Giáp suối	Xã Phước Sơn	410	280	240
29880		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh NVH thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	213	149	128
29881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh NVH thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	170	119	102
29882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh NVH thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	136	95	82

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29883		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh NVH thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	192	134	115
29884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh NVH thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	153	107	92
29885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh NVH thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	122	85	73
29886	62	Đường từ nhà ông Linh Văn Hoàng đi Ngã ba ông Phạm Quang Minh	Đường ĐT 755	Ngã ba ông Phạm Quang Minh	Xã Phước Sơn	410	280	240
29887		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ nhà ông Linh Văn Hoàng đi Ngã ba ông Phạm Quang Minh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba ông Phạm Quang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	213	149	128
29888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ nhà ông Linh Văn Hoàng đi Ngã ba ông Phạm Quang Minh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba ông Phạm Quang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	170	119	102
29889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ nhà ông Linh Văn Hoàng đi Ngã ba ông Phạm Quang Minh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba ông Phạm Quang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	136	95	82
29890		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ nhà ông Linh Văn Hoàng đi Ngã ba ông Phạm Quang Minh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba ông Phạm Quang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	192	134	115

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ nhà ông Linh Văn Hoàng đi Ngã ba ông Phạm Quang Minh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba ông Phạm Quang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	153	107	92
29892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ nhà ông Linh Văn Hoàng đi Ngã ba ông Phạm Quang Minh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba ông Phạm Quang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	122	85	73
29893	63	Đường NVH thôn Phước Tâm	Đường ĐT 755	Đường ĐT-755B (Sao Bọng - Đăng Hà)	Xã Phước Sơn	410	280	240
29894		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NVH thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT-755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	213	149	128
29895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NVH thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT-755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	170	119	102
29896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NVH thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT-755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	136	95	82
29897		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NVH thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT-755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	192	134	115
29898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NVH thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT-755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	153	107	92
29899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NVH thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT-755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	122	85	73

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29900	64	Đường Ngã ba Cây xăng Thiên Bảo	Đường ĐT 755	Đường ĐT 755	Xã Phước Sơn	410	280	240
29901		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba Cây xăng Thiên Bảo đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	213	149	128
29902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba Cây xăng Thiên Bảo đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	170	119	102
29903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba Cây xăng Thiên Bảo đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	136	95	82
29904		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba Cây xăng Thiên Bảo đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	192	134	115
29905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba Cây xăng Thiên Bảo đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	153	107	92
29906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba Cây xăng Thiên Bảo đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	122	85	73
29907	65	Đường cạnh trường Nguyễn Văn Trỗi (cũ)	Đường ĐT 755	Giáp đất lâm phần	Xã Phước Sơn	720	500	430
29908		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh trường Nguyễn Văn Trỗi (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	374	262	224
29909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh trường Nguyễn Văn Trỗi (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	299	209	179

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh trường Nguyễn Văn Trỗi (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	239	167	143
29911		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh trường Nguyễn Văn Trỗi (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	337	236	202
29912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh trường Nguyễn Văn Trỗi (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	269	188	161
29913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh trường Nguyễn Văn Trỗi (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	215	151	129
29914	66	Tuyến đường thôn Phước Thiện	Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện	Ngã ba ông Hoàng Văn Bản	Xã Phước Sơn	410	280	240
29915		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện đến Ngã ba ông Hoàng Văn Bản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	213	149	128
29916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện đến Ngã ba ông Hoàng Văn Bản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	170	119	102
29917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện đến Ngã ba ông Hoàng Văn Bản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	136	95	82
29918		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện đến Ngã ba ông Hoàng Văn Bản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	192	134	115

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện đến Ngã ba ông Hoàng Văn Bản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	153	107	92
29920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện đến Ngã ba ông Hoàng Văn Bản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	122	85	73
29921	67	Đường vào nông trường cao su Thống Nhất	Đường ĐT 755	Giáp suối	Xã Phước Sơn	410	280	240
29922		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nông trường cao su Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	213	149	128
29923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nông trường cao su Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	170	119	102
29924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nông trường cao su Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	136	95	82
29925		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nông trường cao su Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	192	134	115
29926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nông trường cao su Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	153	107	92
29927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nông trường cao su Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	122	85	73
29928	68	Đường vào trạm Kiểm Lâm Đăng Hà	Đường ĐT 755	Giáp đất lâm phần	Xã Phước Sơn	410	280	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29929		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trạm Kiểm Lâm Đăng Hà đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	213	149	128
29930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trạm Kiểm Lâm Đăng Hà đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	170	119	102
29931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trạm Kiểm Lâm Đăng Hà đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	136	95	82
29932		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trạm Kiểm Lâm Đăng Hà đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	192	134	115
29933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trạm Kiểm Lâm Đăng Hà đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	153	107	92
29934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trạm Kiểm Lâm Đăng Hà đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	122	85	73
29935	69	Đường cạnh điểm trường tiểu học thôn Phước Hòa	Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà)	Hết tuyến	Xã Phước Sơn	410	280	240
29936		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh điểm trường tiểu học thôn Phước Hòa đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	213	149	128
29937		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh điểm trường tiểu học thôn Phước Hòa đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	170	119	102

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh điểm trường tiểu học thôn Phước Hòa đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	136	95	82
29939		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh điểm trường tiểu học thôn Phước Hòa đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	192	134	115
29940		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh điểm trường tiểu học thôn Phước Hòa đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	153	107	92
29941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh điểm trường tiểu học thôn Phước Hòa đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	122	85	73
29942	70	Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (đối diện UBND xã)	Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân	Đường cổng sau chợ Thống Nhất	Xã Phước Sơn	1400	950	810
29943		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (đối diện UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân đến Đường cổng sau chợ Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	602	421	361
29944		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (đối diện UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân đến Đường cổng sau chợ Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	482	337	289
29945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (đối diện UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân đến Đường cổng sau chợ Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	386	270	232

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29946		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (đối diện UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân đến Đường cổng sau chợ Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	542	379	325
29947		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (đối diện UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân đến Đường cổng sau chợ Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	434	304	260
29948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (đối diện UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân đến Đường cổng sau chợ Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	347	243	208
29949	71	Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (sau UBND xã)	Đường ĐT 755 (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà bà Ban đến khu vực Ngã tư	Đường trường THCS Thống Nhất	Xã Phước Sơn	1400	950	810
29950		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (sau UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755 (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà bà Ban đến khu vực Ngã tư đến Đường trường THCS Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	602	421	361
29951		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (sau UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755 (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà bà Ban đến khu vực Ngã tư đến Đường trường THCS Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	482	337	289
29952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (sau UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755 (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà bà Ban đến khu vực Ngã tư đến Đường trường THCS Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	386	270	232

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29953		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (sau UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755 (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà bà Ban đến khu vực Ngã tư đến Đường trường THCS Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	542	379	325
29954		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (sau UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755 (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà bà Ban đến khu vực Ngã tư đến Đường trường THCS Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	434	304	260
29955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (sau UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755 (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà bà Ban đến khu vực Ngã tư đến Đường trường THCS Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	347	243	208
29956	1	Đường Quốc lộ 14	Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (từ thửa số 6005 tờ 51)	Cầu Pan Toong	Xã Nghĩa Trung	1400	950	810
29957		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (từ thửa số 6005 tờ 51) đến Cầu Pan Toong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	672	470	403
29958		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (từ thửa số 6005 tờ 51) đến Cầu Pan Toong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	538	377	323
29959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (từ thửa số 6005 tờ 51) đến Cầu Pan Toong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	430	301	258
29960		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (từ thửa số 6005 tờ 51) đến Cầu Pan Toong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	605	424	363

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29961		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (từ thửa số 6005 tờ 51) đến Cầu Pan Toong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	484	339	290
29962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (từ thửa số 6005 tờ 51) đến Cầu Pan Toong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	387	271	232
29963	2	Đường Quốc lộ 14	Cầu Pan Toong	Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ)	Xã Nghĩa Trung	2100	1400	1200
29964		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Pan Toong đến Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	1008	706	605
29965		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Pan Toong đến Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	806	564	484
29966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Pan Toong đến Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	645	452	387
29967		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Pan Toong đến Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	907	635	544
29968		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Pan Toong đến Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	725	508	435
29969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Pan Toong đến Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	581	407	349

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29970	3	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ)	Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát (hết ranh thửa đất số 377 tờ bản đồ số 48)	Xã Nghĩa Trung	3200	2300	1900
29971		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) đến Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát (hết ranh thửa đất số 377 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Nghĩa Trung	1536	1075	922
29972		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) đến Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát (hết ranh thửa đất số 377 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Nghĩa Trung	1229	860	737
29973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) đến Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát (hết ranh thửa đất số 377 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Nghĩa Trung	983	688	590
29974		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) đến Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát (hết ranh thửa đất số 377 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Nghĩa Trung	1382	967	829
29975		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) đến Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát (hết ranh thửa đất số 377 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Nghĩa Trung	1106	774	664
29976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) đến Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát (hết ranh thửa đất số 377 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Nghĩa Trung	885	620	531
29977	4	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát	Ngã ba đường 36 (hết ranh thửa đất số 140 tờ bản đồ số 12)	Xã Nghĩa Trung	1800	1300	1100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29978		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát đến Ngã ba đường 36 (hết ranh thửa đất số 140 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	864	605	518
29979		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát đến Ngã ba đường 36 (hết ranh thửa đất số 140 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	691	484	415
29980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát đến Ngã ba đường 36 (hết ranh thửa đất số 140 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	553	387	332
29981		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát đến Ngã ba đường 36 (hết ranh thửa đất số 140 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	778	545	467
29982		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát đến Ngã ba đường 36 (hết ranh thửa đất số 140 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	622	435	373
29983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát đến Ngã ba đường 36 (hết ranh thửa đất số 140 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	498	349	299
29984	5	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba đường 36	Cầu 38	Xã Nghĩa Trung	1400	950	810
29985		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba đường 36 đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	672	470	403
29986		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba đường 36 đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	538	377	323

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba đường 36 đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	430	301	258
29988		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba đường 36 đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	605	424	363
29989		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba đường 36 đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	484	339	290
29990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba đường 36 đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	387	271	232
29991	6	Đường Quốc lộ 14	Từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104	Hết trụ sở nông trường cao su	Xã Nghĩa Trung	1800	1300	1100
29992		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104 đến Hết trụ sở nông trường cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	864	605	518
29993		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104 đến Hết trụ sở nông trường cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	691	484	415
29994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104 đến Hết trụ sở nông trường cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	553	387	332
29995		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104 đến Hết trụ sở nông trường cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	778	545	467
29996		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104 đến Hết trụ sở nông trường cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	622	435	373

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
29997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104 đến Hết trụ sở nông trường cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	498	349	299
29998	7	Đường Quốc lộ 14	Hết trụ sở nông trường cao su	Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (đến thửa số 6005 tờ 51)	Xã Nghĩa Trung	1400	950	810
29999		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết trụ sở nông trường cao su đến Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (đến thửa số 6005 tờ 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	672	470	403
30000		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết trụ sở nông trường cao su đến Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (đến thửa số 6005 tờ 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	538	377	323
30001		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết trụ sở nông trường cao su đến Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (đến thửa số 6005 tờ 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	430	301	258
30002		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết trụ sở nông trường cao su đến Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (đến thửa số 6005 tờ 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	605	424	363
30003		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết trụ sở nông trường cao su đến Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (đến thửa số 6005 tờ 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	484	339	290
30004		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết trụ sở nông trường cao su đến Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (đến thửa số 6005 tờ 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	387	271	232
30005	8	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh với xã Đồng Tâm	Hết thửa đất số 151 tờ bản đồ số 120	Xã Nghĩa Trung	2100	1400	1200
30006		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh với xã Đồng Tâm đến Hết thửa đất số 151 tờ bản đồ số 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	1008	706	605

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30007		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh với xã Đồng Tâm đến Hết thửa đất số 151 tờ bản đồ số 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	806	564	484
30008		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh với xã Đồng Tâm đến Hết thửa đất số 151 tờ bản đồ số 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	645	452	387
30009		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh với xã Đồng Tâm đến Hết thửa đất số 151 tờ bản đồ số 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	907	635	544
30010		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh với xã Đồng Tâm đến Hết thửa đất số 151 tờ bản đồ số 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	725	508	435
30011		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh với xã Đồng Tâm đến Hết thửa đất số 151 tờ bản đồ số 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	581	407	349
30012	9	Đường Quốc lộ 14	Cầu 23 (gần chợ Bù Na)	Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116	Xã Nghĩa Trung	2700	1900	1600
30013		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu 23 (gần chợ Bù Na) đến Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	1296	907	778
30014		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu 23 (gần chợ Bù Na) đến Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	1037	726	622
30015		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu 23 (gần chợ Bù Na) đến Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	830	581	498

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30016		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu 23 (gần chợ Bù Na) đến Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	1166	816	700
30017		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu 23 (gần chợ Bù Na) đến Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	933	653	560
30018		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu 23 (gần chợ Bù Na) đến Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	747	523	448
30019	10	Đường Quốc lộ 14	Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116	Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung (Đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104)	Xã Nghĩa Trung	1600	1100	970
30020		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 đến Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung (Đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	768	538	461
30021		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 đến Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung (Đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	614	430	368
30022		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 đến Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung (Đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	491	344	295
30023		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 đến Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung (Đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	691	484	415

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30024		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 đến Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung (Đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	553	387	332
30025		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 đến Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung (Đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	442	309	265
30026	11	Đường Quốc lộ 14 cũ	Ngã ba 32 (từ thửa 131 tờ 52 đến hết thửa 45 tờ 42)	Ngã ba 33	Xã Nghĩa Trung	1300	880	760
30027		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 32 (từ thửa 131 tờ 52 đến hết thửa 45 tờ 42) đến Ngã ba 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	624	437	374
30028		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 32 (từ thửa 131 tờ 52 đến hết thửa 45 tờ 42) đến Ngã ba 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	499	349	299
30029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 32 (từ thửa 131 tờ 52 đến hết thửa 45 tờ 42) đến Ngã ba 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	399	279	239
30030		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 32 (từ thửa 131 tờ 52 đến hết thửa 45 tờ 42) đến Ngã ba 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	562	393	337
30031		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 32 (từ thửa 131 tờ 52 đến hết thửa 45 tờ 42) đến Ngã ba 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	449	314	269
30032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 32 (từ thửa 131 tờ 52 đến hết thửa 45 tờ 42) đến Ngã ba 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	359	251	215

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30033	12	Đường Quốc lộ 14 cũ	Ngã ba 33 (Từ thửa đất số 185 tờ bản đồ số 42)	Ngã ba Đức Liễu (hết ranh thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27)	Xã Nghĩa Trung	1600	1100	970
30034		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 33 (Từ thửa đất số 185 tờ bản đồ số 42) đến Ngã ba Đức Liễu (hết ranh thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	768	538	461
30035		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 33 (Từ thửa đất số 185 tờ bản đồ số 42) đến Ngã ba Đức Liễu (hết ranh thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	614	430	368
30036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 33 (Từ thửa đất số 185 tờ bản đồ số 42) đến Ngã ba Đức Liễu (hết ranh thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	491	344	295
30037		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 33 (Từ thửa đất số 185 tờ bản đồ số 42) đến Ngã ba Đức Liễu (hết ranh thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	691	484	415
30038		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 33 (Từ thửa đất số 185 tờ bản đồ số 42) đến Ngã ba Đức Liễu (hết ranh thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	553	387	332
30039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 33 (Từ thửa đất số 185 tờ bản đồ số 42) đến Ngã ba Đức Liễu (hết ranh thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	442	309	265
30040	13	Đường Quốc lộ 14 cũ	Ngã ba Đức Liễu (từ thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27)	Cầu 38 cũ	Xã Nghĩa Trung	1200	820	700
30041		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Đức Liễu (từ thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) đến Cầu 38 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	576	403	346

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Đức Liễu (từ thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) đến Cầu 38 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	461	323	277
30043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Đức Liễu (từ thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) đến Cầu 38 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	369	258	221
30044		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Đức Liễu (từ thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) đến Cầu 38 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	518	363	311
30045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Đức Liễu (từ thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) đến Cầu 38 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	415	291	249
30046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Đức Liễu (từ thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) đến Cầu 38 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	332	232	199
30047	14	Đường Sao Bọng - Đăng Hà	Ngã ba Sao Bọng	Hết ranh thửa đất số 369 tờ bản đồ số 48	Xã Nghĩa Trung	1600	1100	960
30048		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Ngã ba Sao Bọng đến Hết ranh thửa đất số 369 tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	768	538	461
30049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Ngã ba Sao Bọng đến Hết ranh thửa đất số 369 tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	614	430	368
30050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Ngã ba Sao Bọng đến Hết ranh thửa đất số 369 tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	491	344	295

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30051		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Ngã ba Sao Bọng đến Hết ranh thửa đất số 369 tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	691	484	415
30052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Ngã ba Sao Bọng đến Hết ranh thửa đất số 369 tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	553	387	332
30053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Ngã ba Sao Bọng đến Hết ranh thửa đất số 369 tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	442	309	265
30054	15	Đường Sao Bọng - Đăng Hà	Từ thửa đất số 356 tờ bản đồ số 48	Hết tuyến (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 60)	Xã Nghĩa Trung	800	560	480
30055		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Từ thửa đất số 356 tờ bản đồ số 48 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	384	269	230
30056		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Từ thửa đất số 356 tờ bản đồ số 48 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	307	215	184
30057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Từ thửa đất số 356 tờ bản đồ số 48 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	246	172	148
30058		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Từ thửa đất số 356 tờ bản đồ số 48 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	346	242	208
30059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Từ thửa đất số 356 tờ bản đồ số 48 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	276	193	166

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Từ thửa đất số 356 tờ bản đồ số 48 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	221	155	133
30061	16	Đường bên hông chợ Đức Liễu cũ (2 bên)	Toàn tuyến	<Null>	Xã Nghĩa Trung	3200	2300	1900
30062		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông chợ Đức Liễu cũ (2 bên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	1536	1075	922
30063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông chợ Đức Liễu cũ (2 bên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	1229	860	737
30064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông chợ Đức Liễu cũ (2 bên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	983	688	590
30065		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông chợ Đức Liễu cũ (2 bên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	1382	967	829
30066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông chợ Đức Liễu cũ (2 bên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	1106	774	664
30067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông chợ Đức Liễu cũ (2 bên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	885	620	531
30068	17	Đường tổ 3B	Bên hông điện lực (Từ thửa đất số 218 tờ bản đồ số 47)	Giáp Nhà máy tinh bột VeDan (Thửa đất số 21 tờ bản đồ số 55)	Xã Nghĩa Trung	630	440	380
30069		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3B đoạn từ Bên hông điện lực (Từ thửa đất số 218 tờ bản đồ số 47) đến Giáp Nhà máy tinh bột VeDan (Thửa đất số 21 tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	302	211	181

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3B đoạn từ Bên hông điện lực (Từ thửa đất số 218 tờ bản đồ số 47) đến Giáp Nhà máy tinh bột VeDan (Thửa đất số 21 tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	242	169	145
30071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3B đoạn từ Bên hông điện lực (Từ thửa đất số 218 tờ bản đồ số 47) đến Giáp Nhà máy tinh bột VeDan (Thửa đất số 21 tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	194	136	116
30072		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3B đoạn từ Bên hông điện lực (Từ thửa đất số 218 tờ bản đồ số 47) đến Giáp Nhà máy tinh bột VeDan (Thửa đất số 21 tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	272	190	163
30073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3B đoạn từ Bên hông điện lực (Từ thửa đất số 218 tờ bản đồ số 47) đến Giáp Nhà máy tinh bột VeDan (Thửa đất số 21 tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	218	153	131
30074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3B đoạn từ Bên hông điện lực (Từ thửa đất số 218 tờ bản đồ số 47) đến Giáp Nhà máy tinh bột VeDan (Thửa đất số 21 tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	175	123	105
30075	18	Đường tổ 1	Từ thửa đất số 288 tờ bản đồ số 47	Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47	Xã Nghĩa Trung	810	570	490
30076		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 đoạn từ Từ thửa đất số 288 tờ bản đồ số 47 đến Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	389	272	233
30077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 đoạn từ Từ thửa đất số 288 tờ bản đồ số 47 đến Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	311	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 đoạn từ Từ thửa đất số 288 tờ bản đồ số 47 đến Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	249	174	149
30079		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 đoạn từ Từ thửa đất số 288 tờ bản đồ số 47 đến Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	350	245	210
30080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 đoạn từ Từ thửa đất số 288 tờ bản đồ số 47 đến Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	280	196	168
30081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 đoạn từ Từ thửa đất số 288 tờ bản đồ số 47 đến Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	224	157	134
30082	19	Đường tổ 1	Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47	Hết ranh phía sau trường THPT Lê Quý Đôn	Xã Nghĩa Trung	720	500	430
30083		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 đoạn từ Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh phía sau trường THPT Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	346	242	208
30084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 đoạn từ Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh phía sau trường THPT Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	277	194	166
30085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 đoạn từ Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh phía sau trường THPT Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	222	155	133
30086		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 đoạn từ Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh phía sau trường THPT Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	311	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 đoạn từ Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh phía sau trường THPT Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	249	174	149
30088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 đoạn từ Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh phía sau trường THPT Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	200	140	120
30089	21	Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung	Đường Quốc lộ 14 (từ thửa đất số 28 tờ bản đồ số 111)	Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77)	Xã Nghĩa Trung	1400	950	810
30090		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (từ thửa đất số 28 tờ bản đồ số 111) đến Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	672	470	403
30091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (từ thửa đất số 28 tờ bản đồ số 111) đến Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	538	377	323
30092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (từ thửa đất số 28 tờ bản đồ số 111) đến Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	430	301	258
30093		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (từ thửa đất số 28 tờ bản đồ số 111) đến Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	605	424	363
30094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (từ thửa đất số 28 tờ bản đồ số 111) đến Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	484	339	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (từ thửa đất số 28 tờ bản đồ số 111) đến Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	387	271	232
30096	22	Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung	Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77)	Giáp ranh xã Nghĩa Trung (cũ) (hết ranh thửa đất số 270 tờ bản đồ số 77)	Xã Nghĩa Trung	1200	820	700
30097		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung (cũ) (hết ranh thửa đất số 270 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	576	403	346
30098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung (cũ) (hết ranh thửa đất số 270 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	461	323	277
30099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung (cũ) (hết ranh thửa đất số 270 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	369	258	221
30100		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung (cũ) (hết ranh thửa đất số 270 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	518	363	311
30101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung (cũ) (hết ranh thửa đất số 270 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	415	291	249

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung (cũ) (hết ranh thửa đất số 270 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	332	232	199
30103	23	Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ)	Đường tổ 3B	Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81)	Xã Nghĩa Trung	900	630	540
30104		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Đường tổ 3B đến Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	432	302	259
30105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Đường tổ 3B đến Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	346	242	208
30106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Đường tổ 3B đến Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	277	194	166
30107		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Đường tổ 3B đến Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	389	272	233
30108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Đường tổ 3B đến Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	311	218	187
30109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Đường tổ 3B đến Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	249	174	149

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30110	24	Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ)	Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81)	Giáp ranh xã Phước Sơn	Xã Nghĩa Trung	770	540	460
30111		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) đến Giáp ranh xã Phước Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	370	259	222
30112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) đến Giáp ranh xã Phước Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	296	207	178
30113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) đến Giáp ranh xã Phước Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	237	166	142
30114		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) đến Giáp ranh xã Phước Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	333	233	200
30115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) đến Giáp ranh xã Phước Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	266	186	160
30116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) đến Giáp ranh xã Phước Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	213	149	128
30117	25	Đường Sóc 28	Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 116 tờ bản đồ số 1043)	Hết tuyến (tiếp giáp thửa đất số 126 tờ bản đồ số 71)	Xã Nghĩa Trung	630	440	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30118		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 116 tờ bản đồ số 1043) đến Hết tuyến (tiếp giáp thửa đất số 126 tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	302	211	181
30119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 116 tờ bản đồ số 1043) đến Hết tuyến (tiếp giáp thửa đất số 126 tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	242	169	145
30120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 116 tờ bản đồ số 1043) đến Hết tuyến (tiếp giáp thửa đất số 126 tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	194	136	116
30121		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 116 tờ bản đồ số 1043) đến Hết tuyến (tiếp giáp thửa đất số 126 tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	272	190	163
30122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 116 tờ bản đồ số 1043) đến Hết tuyến (tiếp giáp thửa đất số 126 tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	218	153	131
30123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 116 tờ bản đồ số 1043) đến Hết tuyến (tiếp giáp thửa đất số 126 tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	175	123	105
30124	26	Đường Sóc 29	Quốc lộ 14	Giáp ranh xã Đức Liễu (cũ) (tiếp giáp thửa đất số 11 tờ bản đồ số 72)	Xã Nghĩa Trung	650	450	390
30125		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc 29 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Giáp ranh xã Đức Liễu (cũ) (tiếp giáp thửa đất số 11 tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	312	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc 29 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Giáp ranh xã Đức Liễu (cũ) (tiếp giáp thửa đất số 11 tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	250	175	150
30127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc 29 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Giáp ranh xã Đức Liễu (cũ) (tiếp giáp thửa đất số 11 tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	200	140	120
30128		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc 29 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Giáp ranh xã Đức Liễu (cũ) (tiếp giáp thửa đất số 11 tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	281	197	169
30129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc 29 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Giáp ranh xã Đức Liễu (cũ) (tiếp giáp thửa đất số 11 tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	225	158	135
30130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc 29 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Giáp ranh xã Đức Liễu (cũ) (tiếp giáp thửa đất số 11 tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	180	126	108
30131	27	Đường vào nhà văn hóa thôn Bình Thọ	Quốc lộ 14	Hết ranh thửa 98 tờ 72	Xã Nghĩa Trung	600	420	360
30132		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà văn hóa thôn Bình Thọ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa 98 tờ 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	288	202	173
30133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà văn hóa thôn Bình Thọ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa 98 tờ 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	230	161	138
30134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà văn hóa thôn Bình Thọ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa 98 tờ 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	184	129	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30135		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà văn hóa thôn Bình Thọ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa 98 tờ 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	259	181	155
30136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà văn hóa thôn Bình Thọ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa 98 tờ 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	207	145	124
30137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà văn hóa thôn Bình Thọ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa 98 tờ 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	166	116	100
30138	28	Đường vào nông trường cao su Nghĩa Trung	Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 186 tờ bản đồ số 120)	Vườn cao su Nghĩa trang Nghĩa Trung	Xã Nghĩa Trung	630	440	380
30139		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nông trường cao su Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 186 tờ bản đồ số 120) đến Vườn cao su Nghĩa trang Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	302	211	181
30140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nông trường cao su Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 186 tờ bản đồ số 120) đến Vườn cao su Nghĩa trang Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	242	169	145
30141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nông trường cao su Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 186 tờ bản đồ số 120) đến Vườn cao su Nghĩa trang Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	194	136	116
30142		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nông trường cao su Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 186 tờ bản đồ số 120) đến Vườn cao su Nghĩa trang Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	272	190	163

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nông trường cao su Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 186 tờ bản đồ số 120) đến Vườn cao su Nghĩa trang Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	218	153	131
30144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nông trường cao su Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 186 tờ bản đồ số 120) đến Vườn cao su Nghĩa trang Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	175	123	105
30145	29	Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến	Ngã ba sân bay (thửa đất số 85 tờ 122)	Hết ranh thửa 644 và thửa đất số 328 tờ bản đồ số 80	Xã Nghĩa Trung	560	390	330
30146		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Ngã ba sân bay (thửa đất số 85 tờ 122) đến Hết ranh thửa 644 và thửa đất số 328 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	269	188	161
30147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Ngã ba sân bay (thửa đất số 85 tờ 122) đến Hết ranh thửa 644 và thửa đất số 328 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	215	151	129
30148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Ngã ba sân bay (thửa đất số 85 tờ 122) đến Hết ranh thửa 644 và thửa đất số 328 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	172	120	103
30149		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Ngã ba sân bay (thửa đất số 85 tờ 122) đến Hết ranh thửa 644 và thửa đất số 328 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	242	169	145
30150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Ngã ba sân bay (thửa đất số 85 tờ 122) đến Hết ranh thửa 644 và thửa đất số 328 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	194	136	116

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Ngã ba sân bay (thửa đất số 85 tờ 122) đến Hết ranh thửa 644 và thửa đất số 328 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	155	109	93
30152	30	Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến	Từ thửa đất số 233 tờ bản đồ số 105	Đến thửa đất số 310 tờ bản đồ số 73	Xã Nghĩa Trung	570	400	340
30153		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Từ thửa đất số 233 tờ bản đồ số 105 đến Đến thửa đất số 310 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	274	192	164
30154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Từ thửa đất số 233 tờ bản đồ số 105 đến Đến thửa đất số 310 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	219	153	131
30155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Từ thửa đất số 233 tờ bản đồ số 105 đến Đến thửa đất số 310 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	175	123	105
30156		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Từ thửa đất số 233 tờ bản đồ số 105 đến Đến thửa đất số 310 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	247	173	148
30157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Từ thửa đất số 233 tờ bản đồ số 105 đến Đến thửa đất số 310 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	197	138	118
30158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Từ thửa đất số 233 tờ bản đồ số 105 đến Đến thửa đất số 310 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	158	111	95
30159	31	Đường hai bên chợ Nghĩa Trung	Hành lang nhà lồng chợ chính (Từ thửa đất số 165 tờ bản đồ số 120)	Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m (Hết ranh thửa đất số 754 tờ bản đồ số 120)	Xã Nghĩa Trung	4800	3400	2900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30160		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Nghĩa Trung đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính (Từ thửa đất số 165 tờ bản đồ số 120) đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m (Hết ranh thửa đất số 754 tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	2304	1613	1382
30161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Nghĩa Trung đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính (Từ thửa đất số 165 tờ bản đồ số 120) đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m (Hết ranh thửa đất số 754 tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	1843	1290	1106
30162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Nghĩa Trung đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính (Từ thửa đất số 165 tờ bản đồ số 120) đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m (Hết ranh thửa đất số 754 tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	1474	1032	884
30163		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Nghĩa Trung đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính (Từ thửa đất số 165 tờ bản đồ số 120) đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m (Hết ranh thửa đất số 754 tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	2074	1452	1244
30164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Nghĩa Trung đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính (Từ thửa đất số 165 tờ bản đồ số 120) đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m (Hết ranh thửa đất số 754 tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	1659	1161	995
30165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Nghĩa Trung đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính (Từ thửa đất số 165 tờ bản đồ số 120) đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m (Hết ranh thửa đất số 754 tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	1327	929	796
30166	32	Đường ĐT 759	Ngã ba đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 110)	Giáp ranh xã Phú Trung	Xã Nghĩa Trung	1600	1100	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30167		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 110) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	768	538	461
30168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 110) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	614	430	368
30169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 110) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	491	344	295
30170		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 110) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	691	484	415
30171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 110) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	553	387	332
30172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 110) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	442	309	265
30173	33	Đường ĐT 753B	Ngã ba 21 đi qua Lam Sơn (Từ thửa đất số 156 tờ bản đồ số 128)	Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 131	Xã Nghĩa Trung	1100	760	650
30174		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Ngã ba 21 đi qua Lam Sơn (Từ thửa đất số 156 tờ bản đồ số 128) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 131 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	528	370	317

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Ngã ba 21 đi qua Lam Sơn (Từ thửa đất số 156 tờ bản đồ số 128) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 131 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	422	295	253
30176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Ngã ba 21 đi qua Lam Sơn (Từ thửa đất số 156 tờ bản đồ số 128) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 131 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	338	237	203
30177		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Ngã ba 21 đi qua Lam Sơn (Từ thửa đất số 156 tờ bản đồ số 128) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 131 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	475	333	285
30178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Ngã ba 21 đi qua Lam Sơn (Từ thửa đất số 156 tờ bản đồ số 128) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 131 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	380	266	228
30179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Ngã ba 21 đi qua Lam Sơn (Từ thửa đất số 156 tờ bản đồ số 128) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 131 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	304	213	182
30180	34	Đường ĐT 753B	Từ thửa đất số 11, tờ bản đồ 131	Hết tuyến (Hết thửa đất số 24 tờ bản đồ số 100)	Xã Nghĩa Trung	900	630	540
30181		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Từ thửa đất số 11, tờ bản đồ 131 đến Hết tuyến (Hết thửa đất số 24 tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	432	302	259
30182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Từ thửa đất số 11, tờ bản đồ 131 đến Hết tuyến (Hết thửa đất số 24 tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	346	242	208
30183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Từ thửa đất số 11, tờ bản đồ 131 đến Hết tuyến (Hết thửa đất số 24 tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	277	194	166

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30184		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Từ thửa đất số 11, tờ bản đồ 131 đến Hết tuyến (Hết thửa đất số 24 tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	389	272	233
30185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Từ thửa đất số 11, tờ bản đồ 131 đến Hết tuyến (Hết thửa đất số 24 tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	311	218	187
30186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Từ thửa đất số 11, tờ bản đồ 131 đến Hết tuyến (Hết thửa đất số 24 tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	249	174	149
30187	35	Trục đường chính Thôn 3 đi Thôn 2	Đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 121 tờ bản đồ số 130)	Đường ĐT 753B (Hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 88)	Xã Nghĩa Trung	900	630	540
30188		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trục đường chính Thôn 3 đi Thôn 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 121 tờ bản đồ số 130) đến Đường ĐT 753B (Hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	432	302	259
30189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trục đường chính Thôn 3 đi Thôn 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 121 tờ bản đồ số 130) đến Đường ĐT 753B (Hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	346	242	208
30190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trục đường chính Thôn 3 đi Thôn 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 121 tờ bản đồ số 130) đến Đường ĐT 753B (Hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	277	194	166
30191		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trục đường chính Thôn 3 đi Thôn 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 121 tờ bản đồ số 130) đến Đường ĐT 753B (Hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	389	272	233

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trục đường chính Thôn 3 đi Thôn 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 121 tờ bản đồ số 130) đến Đường ĐT 753B (Hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	311	218	187
30193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trục đường chính Thôn 3 đi Thôn 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 121 tờ bản đồ số 130) đến Đường ĐT 753B (Hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	249	174	149
30194	36	Đường đi thôn 2	Từ thửa đất số 95 tờ bản đồ số 130	Giáp ranh xã Nghĩa Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 127)	Xã Nghĩa Trung	900	630	540
30195		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi thôn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 95 tờ bản đồ số 130 đến Giáp ranh xã Nghĩa Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	432	302	259
30196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi thôn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 95 tờ bản đồ số 130 đến Giáp ranh xã Nghĩa Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	346	242	208
30197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi thôn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 95 tờ bản đồ số 130 đến Giáp ranh xã Nghĩa Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	277	194	166
30198		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi thôn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 95 tờ bản đồ số 130 đến Giáp ranh xã Nghĩa Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	389	272	233
30199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi thôn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 95 tờ bản đồ số 130 đến Giáp ranh xã Nghĩa Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	311	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi thôn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 95 tờ bản đồ số 130 đến Giáp ranh xã Nghĩa Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	249	174	149
30201	37	Đường nội ô khu Trung tâm hành chính	Toàn tuyến		Xã Nghĩa Trung	1400	1000	860
30202		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô khu Trung tâm hành chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	672	470	403
30203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô khu Trung tâm hành chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	538	377	323
30204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô khu Trung tâm hành chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	430	301	258
30205		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô khu Trung tâm hành chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	605	424	363
30206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô khu Trung tâm hành chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	484	339	290
30207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô khu Trung tâm hành chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	387	271	232
30208	39	Đường 33	Quốc lộ 14	Quốc lộ 14 cũ	Xã Nghĩa Trung	650	450	390
30209		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 33 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	312	218	187
30210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 33 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	250	175	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 33 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	200	140	120
30212		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 33 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	281	197	169
30213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 33 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	225	158	135
30214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 33 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	180	126	108
30215	40	Đường 34	Quốc lộ 14 - Chợ 34	Ngã Ba đường 33	Xã Nghĩa Trung	650	450	390
30216		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 34 đoạn từ Quốc lộ 14 - Chợ 34 đến Ngã Ba đường 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	312	218	187
30217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 34 đoạn từ Quốc lộ 14 - Chợ 34 đến Ngã Ba đường 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	250	175	150
30218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 34 đoạn từ Quốc lộ 14 - Chợ 34 đến Ngã Ba đường 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	200	140	120
30219		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 34 đoạn từ Quốc lộ 14 - Chợ 34 đến Ngã Ba đường 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	281	197	169
30220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 34 đoạn từ Quốc lộ 14 - Chợ 34 đến Ngã Ba đường 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	225	158	135

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 34 đoạn từ Quốc lộ 14 - Chợ 34 đến Ngã Ba đường 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	180	126	108
30222	41	Đường đi thác 34	Quốc lộ 14 cũ	Thác 34	Xã Nghĩa Trung	650	450	390
30223		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi thác 34 đoạn từ Quốc lộ 14 cũ đến Thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	312	218	187
30224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi thác 34 đoạn từ Quốc lộ 14 cũ đến Thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	250	175	150
30225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi thác 34 đoạn từ Quốc lộ 14 cũ đến Thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	200	140	120
30226		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi thác 34 đoạn từ Quốc lộ 14 cũ đến Thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	281	197	169
30227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi thác 34 đoạn từ Quốc lộ 14 cũ đến Thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	225	158	135
30228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi thác 34 đoạn từ Quốc lộ 14 cũ đến Thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	180	126	108
30229	42	Đường 36	Quốc lộ 14 - thôn 5	Hồ thủy điện Thác Mơ thôn 7	Xã Nghĩa Trung	650	450	390
30230		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 36 đoạn từ Quốc lộ 14 - thôn 5 đến Hồ thủy điện Thác Mơ thôn 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	312	218	187
30231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 36 đoạn từ Quốc lộ 14 - thôn 5 đến Hồ thủy điện Thác Mơ thôn 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	250	175	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 36 đoạn từ Quốc lộ 14 - thôn 5 đến Hồ thủy điện Thác Mơ thôn 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	200	140	120
30233		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 36 đoạn từ Quốc lộ 14 - thôn 5 đến Hồ thủy điện Thác Mơ thôn 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	281	197	169
30234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 36 đoạn từ Quốc lộ 14 - thôn 5 đến Hồ thủy điện Thác Mơ thôn 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	225	158	135
30235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 36 đoạn từ Quốc lộ 14 - thôn 5 đến Hồ thủy điện Thác Mơ thôn 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	180	126	108
30236	43	Đường liên thôn Đức Bổn (ngã thôn 1 đi thôn 3 cũ)	Ngã ba thôn 1	Trung tâm thôn 3	Xã Nghĩa Trung	650	450	390
30237		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Đức Bổn (ngã thôn 1 đi thôn 3 cũ) đoạn từ Ngã ba thôn 1 đến Trung tâm thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	312	218	187
30238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Đức Bổn (ngã thôn 1 đi thôn 3 cũ) đoạn từ Ngã ba thôn 1 đến Trung tâm thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	250	175	150
30239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Đức Bổn (ngã thôn 1 đi thôn 3 cũ) đoạn từ Ngã ba thôn 1 đến Trung tâm thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	200	140	120
30240		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Đức Bổn (ngã thôn 1 đi thôn 3 cũ) đoạn từ Ngã ba thôn 1 đến Trung tâm thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	281	197	169

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Đức Bồn (ngã thôn 1 đi thôn 3 cũ) đoạn từ Ngã ba thôn 1 đến Trung tâm thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	225	158	135
30242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Đức Bồn (ngã thôn 1 đi thôn 3 cũ) đoạn từ Ngã ba thôn 1 đến Trung tâm thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	180	126	108
30243	44	Đường thôn 2 đi thôn 5	Đường ĐT755B	Ngã ba đường đi bãi rác thôn 2	Xã Nghĩa Trung	650	450	390
30244		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 2 đi thôn 5 đoạn từ Đường ĐT755B đến Ngã ba đường đi bãi rác thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	312	218	187
30245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 2 đi thôn 5 đoạn từ Đường ĐT755B đến Ngã ba đường đi bãi rác thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	250	175	150
30246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 2 đi thôn 5 đoạn từ Đường ĐT755B đến Ngã ba đường đi bãi rác thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	200	140	120
30247		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 2 đi thôn 5 đoạn từ Đường ĐT755B đến Ngã ba đường đi bãi rác thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	281	197	169
30248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 2 đi thôn 5 đoạn từ Đường ĐT755B đến Ngã ba đường đi bãi rác thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	225	158	135
30249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 2 đi thôn 5 đoạn từ Đường ĐT755B đến Ngã ba đường đi bãi rác thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	180	126	108
30250	46	Đường vào nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung	Đường Quốc lộ 14	Nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung	Xã Nghĩa Trung	650	450	390

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30251		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	312	218	187
30252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	250	175	150
30253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	200	140	120
30254		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	281	197	169
30255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	225	158	135
30256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	180	126	108
30257	48	Đường ngã ba Trạm Cân	Đường Quốc lộ 14	Đất lâm trường	Xã Nghĩa Trung	650	450	390
30258		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Trạm Cân đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	312	218	187
30259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Trạm Cân đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	250	175	150
30260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Trạm Cân đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30261		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Trạm Cân đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	281	197	169
30262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Trạm Cân đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	225	158	135
30263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Trạm Cân đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	180	126	108
30264	51	Đường ngã ba Trạm y tế cũ	Quốc lộ 14	Đất lâm trường	Xã Nghĩa Trung	650	450	390
30265		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Trạm y tế cũ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	312	218	187
30266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Trạm y tế cũ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	250	175	150
30267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Trạm y tế cũ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	200	140	120
30268		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Trạm y tế cũ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	281	197	169
30269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Trạm y tế cũ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	225	158	135
30270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Trạm y tế cũ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	180	126	108

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30271	52	Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 6 thôn 8 cũ)	Quốc lộ 14	Tiếp giáp thửa đất số 18 tờ bản đồ số 44	Xã Nghĩa Trung	650	450	390
30272		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 6 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 18 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	312	218	187
30273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 6 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 18 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	250	175	150
30274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 6 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 18 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	200	140	120
30275		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 6 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 18 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	281	197	169
30276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 6 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 18 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	225	158	135
30277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 6 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 18 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	180	126	108
30278	53	Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 2 thôn 8 cũ)	Quốc lộ 14	Quốc lộ 14	Xã Nghĩa Trung	650	450	390
30279		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 2 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	312	218	187
30280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 2 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	250	175	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 2 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	200	140	120
30282		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 2 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	281	197	169
30283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 2 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	225	158	135
30284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 2 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	180	126	108
30285	54	Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 4 thôn 8 cũ)	Quốc lộ 14	Tiếp giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 40 tờ bản đồ số 38	Xã Nghĩa Trung	650	450	390
30286		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 4 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 40 tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	312	218	187
30287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 4 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 40 tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	250	175	150
30288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 4 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 40 tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	200	140	120
30289		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 4 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 40 tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	281	197	169

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 4 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 40 tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	225	158	135
30291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 4 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 40 tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	180	126	108
30292	55	Đường thôn Sao Bọng (tổ 1C thôn 2 cũ)	Quốc lộ 14	Tiếp giáp thửa đất số 40 tờ bản đồ số 39	Xã Nghĩa Trung	650	450	390
30293		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Sao Bọng (tổ 1C thôn 2 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 40 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	312	218	187
30294		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Sao Bọng (tổ 1C thôn 2 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 40 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	250	175	150
30295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Sao Bọng (tổ 1C thôn 2 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 40 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	200	140	120
30296		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Sao Bọng (tổ 1C thôn 2 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 40 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	281	197	169
30297		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Sao Bọng (tổ 1C thôn 2 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 40 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	225	158	135
30298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Sao Bọng (tổ 1C thôn 2 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 40 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	180	126	108

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30299	56	Đường Đảo Ốc	Quốc lộ 14	Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ)	Xã Nghĩa Trung	650	450	390
30300		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đảo Ốc đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	312	218	187
30301		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đảo Ốc đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	250	175	150
30302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đảo Ốc đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	200	140	120
30303		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đảo Ốc đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	281	197	169
30304		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đảo Ốc đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	225	158	135
30305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đảo Ốc đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	180	126	108
30306	60	Đường thôn 4	Đường thôn Đức Bổn (đường thôn 4 cũ)	Đường đi thác 34	Xã Nghĩa Trung	650	450	390
30307		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 4 đoạn từ Đường thôn Đức Bổn (đường thôn 4 cũ) đến Đường đi thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	312	218	187
30308		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 4 đoạn từ Đường thôn Đức Bổn (đường thôn 4 cũ) đến Đường đi thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	250	175	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 4 đoạn từ Đường thôn Đức Bổn (đường thôn 4 cũ) đến Đường đi thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	200	140	120
30310		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 4 đoạn từ Đường thôn Đức Bổn (đường thôn 4 cũ) đến Đường đi thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	281	197	169
30311		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 4 đoạn từ Đường thôn Đức Bổn (đường thôn 4 cũ) đến Đường đi thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	225	158	135
30312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 4 đoạn từ Đường thôn Đức Bổn (đường thôn 4 cũ) đến Đường đi thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	180	126	108
30313	61	Đường thôn 1	Từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 34	Hồ thủy điện Thác Mơ	Xã Nghĩa Trung	650	450	390
30314		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 1 đoạn từ Từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 34 đến Hồ thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	312	218	187
30315		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 1 đoạn từ Từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 34 đến Hồ thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	250	175	150
30316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 1 đoạn từ Từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 34 đến Hồ thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	200	140	120
30317		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 1 đoạn từ Từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 34 đến Hồ thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	281	197	169

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30318		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 1 đoạn từ Từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 34 đến Hồ thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	225	158	135
30319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 1 đoạn từ Từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 34 đến Hồ thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	180	126	108
30320	1	Đường Quốc lộ 14	Ranh xã Thọ Sơn	Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai	Xã Bù Đăng	1400	950	810
30321		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Thọ Sơn đến Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	672	470	403
30322		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Thọ Sơn đến Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	538	377	323
30323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Thọ Sơn đến Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	430	301	258
30324		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Thọ Sơn đến Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	605	424	363
30325		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Thọ Sơn đến Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	484	339	290
30326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Thọ Sơn đến Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	387	271	232
30327	2	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai	Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ	Xã Bù Đăng	1500	1100	920

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30328		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai đến Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	720	504	432
30329		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai đến Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	576	403	346
30330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai đến Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	461	323	277
30331		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai đến Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	648	454	389
30332		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai đến Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	518	363	311
30333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai đến Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	415	291	249
30334	3	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ	Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ)	Xã Bù Đăng	1800	1300	1100
30335		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ đến Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	864	605	518
30336		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ đến Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	691	484	415

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ đến Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	553	387	332
30338		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ đến Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	778	545	467
30339		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ đến Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	622	435	373
30340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ đến Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	498	349	299
30341	4	Đường Quốc lộ 14	Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ)	Phía Bắc: Hết thửa đất số 90, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3	Xã Bù Đăng	1900	1300	1100
30342		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 90, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	912	638	547
30343		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 90, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	730	511	438
30344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 90, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	584	409	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30345		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 90, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	821	575	493
30346		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 90, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	657	460	394
30347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 90, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	526	368	316
30348	5	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Từ thửa đất số 91, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Từ thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9	Phía Bắc: Ngã ba nhà ông Năng (Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 9) Phía Nam: Hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 9	Xã Bù Đăng	2600	1800	1600
30349		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ thửa đất số 91, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Từ thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Ngã ba nhà ông Năng (Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 9) Phía Nam: Hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1248	874	749
30350		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ thửa đất số 91, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Từ thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Ngã ba nhà ông Năng (Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 9) Phía Nam: Hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	998	699	599
30351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ thửa đất số 91, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Từ thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Ngã ba nhà ông Năng (Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 9) Phía Nam: Hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	798	559	479

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30352		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ thửa đất số 91, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Từ thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Ngã ba nhà ông Năng (Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 9) Phía Nam: Hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1123	786	674
30353		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ thửa đất số 91, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Từ thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Ngã ba nhà ông Năng (Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 9) Phía Nam: Hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	898	629	539
30354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ thửa đất số 91, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Từ thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Ngã ba nhà ông Năng (Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 9) Phía Nam: Hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	718	503	431
30355	6	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Từ Ngã ba nhà ông Năng (từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 37) Phía Nam: Từ thửa đất số 66, tờ bản đồ số 9	Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điểu Ong (hết thửa đất số 49, tờ bản đồ số 43)	Xã Bù Đăng	3800	2600	2300
30356		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ Ngã ba nhà ông Năng (từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 37) Phía Nam: Từ thửa đất số 66, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điểu Ong (hết thửa đất số 49, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1824	1277	1094
30357		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ Ngã ba nhà ông Năng (từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 37) Phía Nam: Từ thửa đất số 66, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điểu Ong (hết thửa đất số 49, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1459	1021	875

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ Ngã ba nhà ông Năng (từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 37) Phía Nam: Từ thửa đất số 66, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điểu Ong (hết thửa đất số 49, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1167	817	700
30359		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ Ngã ba nhà ông Năng (từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 37) Phía Nam: Từ thửa đất số 66, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điểu Ong (hết thửa đất số 49, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1642	1149	985
30360		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ Ngã ba nhà ông Năng (từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 37) Phía Nam: Từ thửa đất số 66, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điểu Ong (hết thửa đất số 49, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1313	919	788
30361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ Ngã ba nhà ông Năng (từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 37) Phía Nam: Từ thửa đất số 66, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điểu Ong (hết thửa đất số 49, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1050	735	630
30362	7	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (từ thửa đất số 12, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điểu Ong (từ thửa đất số 52, tờ bản đồ số 43)	Cầu Bù Đăng	Xã Bù Đăng	5000	3500	3000
30363		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (từ thửa đất số 12, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điểu Ong (từ thửa đất số 52, tờ bản đồ số 43) đến Cầu Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2400	1680	1440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30364		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (từ thửa đất số 12, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điểu Ong (từ thửa đất số 52, tờ bản đồ số 43) đến Cầu Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1920	1344	1152
30365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (từ thửa đất số 12, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điểu Ong (từ thửa đất số 52, tờ bản đồ số 43) đến Cầu Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1536	1075	922
30366		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (từ thửa đất số 12, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điểu Ong (từ thửa đất số 52, tờ bản đồ số 43) đến Cầu Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2160	1512	1296
30367		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (từ thửa đất số 12, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điểu Ong (từ thửa đất số 52, tờ bản đồ số 43) đến Cầu Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1728	1210	1037
30368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (từ thửa đất số 12, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điểu Ong (từ thửa đất số 52, tờ bản đồ số 43) đến Cầu Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1382	967	829
30369	8	Đường Quốc lộ 14	Cầu Bù Đăng	Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8)	Xã Bù Đăng	6100	4300	3700
30370		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Bù Đăng đến Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2928	2050	1757

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30371		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Bù Đăng đến Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2342	1639	1405
30372		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Bù Đăng đến Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1874	1312	1124
30373		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Bù Đăng đến Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2635	1845	1581
30374		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Bù Đăng đến Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2108	1476	1265
30375		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Bù Đăng đến Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1687	1181	1012
30376	9	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (từ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 8)	Đường 14 tháng 12	Xã Bù Đăng	8100	5700	4900
30377		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (từ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 8) đến Đường 14 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	3888	2722	2333
30378		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (từ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 8) đến Đường 14 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	3110	2177	1866

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30379		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (từ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 8) đến Đường 14 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	2488	1742	1493
30380		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (từ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 8) đến Đường 14 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	3499	2449	2099
30381		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (từ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 8) đến Đường 14 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2799	1959	1679
30382		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (từ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 8) đến Đường 14 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	2239	1567	1343
30383	10	Đường Quốc lộ 14	Đường 14 tháng 12	Ngã tư Đường Lê Quý Đôn	Xã Bù Đăng	6300	4400	3800
30384		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường 14 tháng 12 đến Ngã tư Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	3024	2117	1814
30385		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường 14 tháng 12 đến Ngã tư Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2419	1693	1451
30386		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường 14 tháng 12 đến Ngã tư Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1935	1355	1161
30387		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường 14 tháng 12 đến Ngã tư Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2722	1905	1633

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30388		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường 14 tháng 12 đến Ngã tư Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2177	1524	1306
30389		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường 14 tháng 12 đến Ngã tư Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1742	1219	1045
30390	11	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Đường Lê Quý Đôn	Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong	Xã Bù Đăng	5400	3800	3200
30391		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đường Lê Quý Đôn đến Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2592	1814	1555
30392		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đường Lê Quý Đôn đến Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2074	1452	1244
30393		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đường Lê Quý Đôn đến Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1659	1161	995
30394		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đường Lê Quý Đôn đến Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2333	1633	1400
30395		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đường Lê Quý Đôn đến Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1867	1307	1120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30396		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đường Lê Quý Đôn đến Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1493	1045	896
30397	12	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong	Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 51)	Xã Bù Đăng	5000	3500	3000
30398		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong đến Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2400	1680	1440
30399		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong đến Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1920	1344	1152
30400		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong đến Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1536	1075	922
30401		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong đến Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2160	1512	1296

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30402		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong đến Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1728	1210	1037
30403		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong đến Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1382	967	829
30404	13	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 51)	Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung)	Xã Bù Đăng	4100	2800	2400
30405		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 51) đến Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1968	1378	1181
30406		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 51) đến Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1574	1102	944
30407		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 51) đến Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1259	881	755
30408		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 51) đến Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1771	1240	1063

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30409		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 51) đến Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1417	992	850
30410		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 51) đến Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1133	793	680
30411	14	Đường Quốc lộ 14	Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung)	Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10	Xã Bù Đăng	3200	2200	1900
30412		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) đến Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1536	1075	922
30413		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) đến Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1229	860	737
30414		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) đến Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	983	688	590
30415		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) đến Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1382	967	829

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30416		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) đến Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1106	774	664
30417		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) đến Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	885	620	531
30418	15	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Từ thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10	Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ)	Xã Bù Đăng	2400	1700	1500
30419		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Từ thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10 đến Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1152	806	691
30420		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Từ thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10 đến Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	922	645	553
30421		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Từ thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10 đến Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	738	517	443
30422		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Từ thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10 đến Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1037	726	622

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30423		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Từ thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10 đến Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	830	581	498
30424		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Từ thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10 đến Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	664	465	398
30425	16	Đường Quốc lộ 14	Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ)	Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng	Xã Bù Đăng	2400	1700	1500
30426		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) đến Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	1152	806	691
30427		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) đến Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	922	645	553
30428		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) đến Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	738	517	443
30429		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) đến Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	1037	726	622
30430		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) đến Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	830	581	498

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30431		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) đến Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	664	465	398
30432	17	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng	Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179	Xã Bù Đăng	4500	3200	2700
30433		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng đến Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	2160	1512	1296
30434		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng đến Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1728	1210	1037
30435		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng đến Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1382	967	829
30436		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng đến Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	1944	1361	1166
30437		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng đến Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1555	1089	933
30438		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng đến Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1244	871	746
30439	18	Đường Quốc lộ 14	Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179	Ngã ba Minh Hưng	Xã Bù Đăng	7200	5000	4300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30440		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 đến Ngã ba Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	3456	2419	2074
30441		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 đến Ngã ba Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2765	1936	1659
30442		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 đến Ngã ba Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	2212	1548	1327
30443		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 đến Ngã ba Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	3110	2177	1866
30444		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 đến Ngã ba Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2489	1742	1493
30445		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 đến Ngã ba Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1991	1394	1195
30446	19	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Minh Hưng	Hết ranh ranh thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177	Xã Bù Đăng	5400	3800	3200
30447		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh ranh thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	2592	1814	1555
30448		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh ranh thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2074	1452	1244

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30449		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh ranh thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1659	1161	995
30450		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh ranh thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	2333	1633	1400
30451		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh ranh thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1867	1307	1120
30452		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh ranh thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1493	1045	896
30453	20	Đường Quốc lộ 14	Từ thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177	Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Minh Hưng	Xã Bù Đăng	4100	2800	2400
30454		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 đến Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	1968	1378	1181
30455		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 đến Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1574	1102	944
30456		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 đến Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1259	881	755
30457		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 đến Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	1771	1240	1063

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30458		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 đến Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1417	992	850
30459		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 đến Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1133	793	680
30460	21	Đường Quốc lộ 14	Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Hưng Thịnh	Ngã ba Nông trường Minh Hưng	Xã Bù Đăng	2700	1900	1600
30461		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Hưng Thịnh đến Ngã ba Nông trường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	1296	907	778
30462		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Hưng Thịnh đến Ngã ba Nông trường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1037	726	622
30463		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Hưng Thịnh đến Ngã ba Nông trường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	830	581	498
30464		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Hưng Thịnh đến Ngã ba Nông trường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	1166	816	700
30465		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Hưng Thịnh đến Ngã ba Nông trường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	933	653	560

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30466		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Hưng Thịnh đến Ngã ba Nông trường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	747	523	448
30467	22	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Nông trường Minh Hưng	Hết ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m)	Xã Bù Đăng	1800	1300	1100
30468		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	864	605	518
30469		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	691	484	415
30470		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	553	387	332
30471		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	778	545	467
30472		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	622	435	373
30473		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	498	349	299
30474	23	Đường Quốc lộ 14	Từ ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m)	Cầu 38	Xã Bù Đăng	1400	1000	860

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30475		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	672	470	403
30476		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	538	377	323
30477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	430	301	258
30478		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	605	424	363
30479		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	484	339	290
30480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	387	271	232
30481	24	Đường Quốc lộ 14 cũ	Ngã ba Nông trường Minh Hưng	Hết ranh đất nông trường bộ Minh Hưng	Xã Bù Đăng	2300	1600	1400
30482		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh đất nông trường bộ Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	1104	773	662
30483		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh đất nông trường bộ Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	883	618	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh đất nông trường bộ Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	706	494	424
30485		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh đất nông trường bộ Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	994	696	596
30486		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh đất nông trường bộ Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	795	557	477
30487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh đất nông trường bộ Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	635	445	381
30488	25	Đường 14/12	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	6300	4400	3800
30489		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 14/12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	3024	2117	1814
30490		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 14/12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2419	1693	1451
30491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 14/12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1935	1355	1161
30492		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 14/12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2722	1905	1633
30493		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 14/12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2177	1524	1306
30494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 14/12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1742	1219	1045

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30495	26	Đường Hùng Vương	Ngã ba đường Quốc lộ 14	Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49	Xã Bù Đăng	6300	4400	3800
30496		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	3024	2117	1814
30497		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2419	1693	1451
30498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1935	1355	1161
30499		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2722	1905	1633
30500		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2177	1524	1306
30501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1742	1219	1045
30502	27	Đường Hùng Vương	Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Từ thửa đất số 15, tờ bản đồ số 49	Ngã tư đường Hai Bà Trưng	Xã Bù Đăng	5400	3800	3200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30503		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Từ thửa đất số 15, tờ bản đồ số 49 đến Ngã tư đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2592	1814	1555
30504		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Từ thửa đất số 15, tờ bản đồ số 49 đến Ngã tư đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2074	1452	1244
30505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Từ thửa đất số 15, tờ bản đồ số 49 đến Ngã tư đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1659	1161	995
30506		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Từ thửa đất số 15, tờ bản đồ số 49 đến Ngã tư đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2333	1633	1400
30507		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Từ thửa đất số 15, tờ bản đồ số 49 đến Ngã tư đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1867	1307	1120
30508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Từ thửa đất số 15, tờ bản đồ số 49 đến Ngã tư đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1493	1045	896
30509	28	Đường Hùng Vương	Ngã tư đường Hai Bà Trưng	Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Hết thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13	Xã Bù Đăng	4300	3000	2600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30510		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hai Bà Trưng đến Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Hết thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2064	1445	1238
30511		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hai Bà Trưng đến Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Hết thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1651	1156	991
30512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hai Bà Trưng đến Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Hết thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1321	925	793
30513		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hai Bà Trưng đến Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Hết thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1858	1301	1115
30514		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hai Bà Trưng đến Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Hết thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1486	1040	892
30515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hai Bà Trưng đến Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Hết thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1189	832	713
30516	29	Đường Hùng Vương	Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Từ thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13	Cầu Vĩnh Thiện	Xã Bù Đăng	2700	1900	1600
30517		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Từ thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13 đến Cầu Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1296	907	778

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30518		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Từ thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13 đến Cầu Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1037	726	622
30519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Từ thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13 đến Cầu Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	830	581	498
30520		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Từ thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13 đến Cầu Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1166	816	700
30521		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Từ thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13 đến Cầu Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	933	653	560
30522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Từ thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13 đến Cầu Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	747	523	448
30523	30	Đường số 1	Phía bên trái chợ chính		Xã Bù Đăng	5000	3500	3000
30524		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 (Phía bên trái chợ chính) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2400	1680	1440
30525		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 (Phía bên trái chợ chính) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1920	1344	1152
30526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 (Phía bên trái chợ chính) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1536	1075	922

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30527		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 (Phía bên trái chợ chính) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2160	1512	1296
30528		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 (Phía bên trái chợ chính) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1728	1210	1037
30529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 (Phía bên trái chợ chính) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1382	967	829
30530	31	Đường số 2	Phía bên phải chợ chính		Xã Bù Đăng	5000	3500	3000
30531		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 (Phía bên phải chợ chính) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2400	1680	1440
30532		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 (Phía bên phải chợ chính) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1920	1344	1152
30533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 (Phía bên phải chợ chính) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1536	1075	922
30534		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 (Phía bên phải chợ chính) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2160	1512	1296
30535		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 (Phía bên phải chợ chính) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1728	1210	1037
30536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 (Phía bên phải chợ chính) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1382	967	829
30537	32	Đường số 3	Phía trái chợ phụ		Xã Bù Đăng	5000	3500	3000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30538		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 (Phía trái chợ phụ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2400	1680	1440
30539		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 (Phía trái chợ phụ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1920	1344	1152
30540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 (Phía trái chợ phụ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1536	1075	922
30541		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 (Phía trái chợ phụ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2160	1512	1296
30542		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 (Phía trái chợ phụ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1728	1210	1037
30543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 (Phía trái chợ phụ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1382	967	829
30544	33	Đường số 4	Phía phải chợ phụ		Xã Bù Đăng	5000	3500	3000
30545		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 (Phía phải chợ phụ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2400	1680	1440
30546		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 (Phía phải chợ phụ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1920	1344	1152
30547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 (Phía phải chợ phụ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1536	1075	922
30548		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 (Phía phải chợ phụ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2160	1512	1296

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30549		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 (Phía phải chợ phụ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1728	1210	1037
30550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 (Phía phải chợ phụ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1382	967	829
30551	34	Đường Lê Lợi	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	5900	4100	3500
30552		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2832	1982	1699
30553		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2266	1586	1360
30554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1813	1269	1088
30555		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2549	1784	1529
30556		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2039	1427	1223
30557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1632	1142	979
30558	35	Đường Lê Quý Đôn	Ngã tư đường Quốc lộ 14	Ngã ba đường Hai Bà Trưng	Xã Bù Đăng	5400	3800	3200
30559		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2592	1814	1555

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30560		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2074	1452	1244
30561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1659	1161	995
30562		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2333	1633	1400
30563		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1867	1307	1120
30564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1493	1045	896
30565	36	Đường Lê Quý Đôn	Ngã ba đường Hai Bà Trưng	Ngã tư giáp đường D1	Xã Bù Đăng	4300	3000	2600
30566		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Hai Bà Trưng đến Ngã tư giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2064	1445	1238
30567		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Hai Bà Trưng đến Ngã tư giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1651	1156	991
30568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Hai Bà Trưng đến Ngã tư giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1321	925	793

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30569		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Hai Bà Trưng đến Ngã tư giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1858	1301	1115
30570		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Hai Bà Trưng đến Ngã tư giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1486	1040	892
30571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Hai Bà Trưng đến Ngã tư giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1189	832	713
30572	37	Đường Lê Quý Đôn	Ngã tư giáp đường D1	Ngã ba đường Trần Phú	Xã Bù Đăng	3400	2400	2100
30573		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư giáp đường D1 đến Ngã ba đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1632	1142	979
30574		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư giáp đường D1 đến Ngã ba đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1306	914	784
30575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư giáp đường D1 đến Ngã ba đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1045	732	627
30576		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư giáp đường D1 đến Ngã ba đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1469	1028	881
30577		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư giáp đường D1 đến Ngã ba đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1175	823	705
30578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư giáp đường D1 đến Ngã ba đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	941	659	565

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30579	38	Đường Lê Quý Đôn	Ngã ba đường Trần Phú	Ngã ba đường Hùng Vương	Xã Bù Đăng	3200	2200	1900
30580		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú đến Ngã ba đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1536	1075	922
30581		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú đến Ngã ba đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1229	860	737
30582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú đến Ngã ba đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	983	688	590
30583		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú đến Ngã ba đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1382	967	829
30584		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú đến Ngã ba đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1106	774	664
30585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú đến Ngã ba đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	885	620	531
30586	39	Đường Lê Quý Đôn	Ngã tư đường Quốc lộ 14	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo	Xã Bù Đăng	5000	3500	3000
30587		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2400	1680	1440
30588		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1920	1344	1152

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1536	1075	922
30590		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2160	1512	1296
30591		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1728	1210	1037
30592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1382	967	829
30593	40	Đường Đoàn Đức Thái	Ngã ba đường Quốc lộ 14	Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 8	Xã Bù Đăng	2700	1900	1600
30594		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1296	907	778
30595		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1037	726	622
30596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	830	581	498

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30597		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1166	816	700
30598		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	933	653	560
30599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	747	523	448
30600	41	Đường Đoàn Đức Thái	Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Từ thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36	Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 36	Xã Bù Đăng	2300	1600	1400
30601		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Từ thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36 đến Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1104	773	662
30602		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Từ thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36 đến Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	883	618	530
30603		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Từ thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36 đến Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	706	494	424

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30604		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Từ thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36 đến Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	994	696	596
30605		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Từ thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36 đến Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	795	557	477
30606		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Từ thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36 đến Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	635	445	381
30607	42	Đường Đoàn Đức Thái	Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Từ thửa đất số 5, tờ bản đồ số 36	Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2)	Xã Bù Đăng	2000	1400	1200
30608		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Từ thửa đất số 5, tờ bản đồ số 36 đến Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	960	672	576
30609		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Từ thửa đất số 5, tờ bản đồ số 36 đến Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	768	538	461
30610		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Từ thửa đất số 5, tờ bản đồ số 36 đến Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	614	430	368

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30611		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Từ thửa đất số 5, tờ bản đồ số 36 đến Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	864	605	518
30612		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Từ thửa đất số 5, tờ bản đồ số 36 đến Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	691	484	415
30613		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Từ thửa đất số 5, tờ bản đồ số 36 đến Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	553	387	332
30614	43	Đường Đoàn Đức Thái	Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2)	Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2, Phía Đông: Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2)	Xã Bù Đăng	1400	950	810
30615		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2, Phía Đông: Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	672	470	403
30616		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2, Phía Đông: Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	538	377	323
30617		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2, Phía Đông: Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	430	301	258

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30618		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2, Phía Đông: Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	605	424	363
30619		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2, Phía Đông: Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	484	339	290
30620		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2, Phía Đông: Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	387	271	232
30621	44	Đường Đoàn Đức Thái	Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 2)	Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Bù Đăng	1100	760	650
30622		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 2) đến Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	528	370	317
30623		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 2) đến Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	422	295	253
30624		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 2) đến Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	338	237	203

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30625		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 2) đến Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	475	333	285
30626		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 2) đến Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	380	266	228
30627		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 2) đến Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	304	213	182
30628	45	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba giao đường Quốc lộ 14	Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo	Xã Bù Đăng	1100	760	650
30629		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	528	370	317
30630		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	422	295	253
30631		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	338	237	203
30632		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	475	333	285
30633		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	380	266	228

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30634		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	304	213	182
30635	46	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo	Cuối tuyến	Xã Bù Đăng	2700	1600	1400
30636		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1296	907	778
30637		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1037	726	622
30638		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	830	581	498
30639		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1166	816	700
30640		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	933	653	560
30641		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	747	523	448
30642	47	Đường Ngô Gia Tự	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	2300	3800	3200
30643		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1104	773	662

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30644		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	883	618	530
30645		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	706	494	424
30646		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	994	696	596
30647		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	795	557	477
30648		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	635	445	381
30649	48	Đường Trần Phú	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	5400	2500	2200
30650		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2592	1814	1555
30651		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2074	1452	1244
30652		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1659	1161	995
30653		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2333	1633	1400
30654		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1867	1307	1120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30655		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1493	1045	896
30656	49	Đường Võ Thị Sáu	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	3600	3800	3200
30657		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1728	1210	1037
30658		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1382	967	829
30659		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1106	774	664
30660		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1555	1089	933
30661		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1244	871	746
30662		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	995	697	597
30663	50	Đường Hai Bà Trưng	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	5400	2900	2500
30664		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2592	1814	1555
30665		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2074	1452	1244

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1659	1161	995
30667		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2333	1633	1400
30668		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1867	1307	1120
30669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1493	1045	896
30670	51	Đường Trần Hưng Đạo	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	4100	1900	1600
30671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1968	1378	1181
30672		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1574	1102	944
30673		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1259	881	755
30674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1771	1240	1063
30675		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1417	992	850
30676		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1133	793	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30677	52	Đường Điểu Ong	Ngã ba giao đường Quốc lộ 14	Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng	Xã Bù Đăng	2700	1900	1600
30678		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1296	907	778
30679		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1037	726	622
30680		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	830	581	498
30681		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1166	816	700
30682		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	933	653	560
30683		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	747	523	448
30684	53	Đường Điểu Ong	Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng	Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60)	Xã Bù Đăng	2700	1600	1400
30685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng đến Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1296	907	778
30686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng đến Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1037	726	622

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30687		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng đến Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	830	581	498
30688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng đến Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1166	816	700
30689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng đến Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	933	653	560
30690		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng đến Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	747	523	448
30691	54	Đường Điểu Ong	Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60)	Cuối tuyến (Đập thủy lợi Bù Môn)	Xã Bù Đăng	2300	1100	1000
30692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến (Đập thủy lợi Bù Môn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1104	773	662
30693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến (Đập thủy lợi Bù Môn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	883	618	530
30694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến (Đập thủy lợi Bù Môn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	706	494	424
30695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến (Đập thủy lợi Bù Môn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	994	696	596

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến (Đập thủy lợi Bù Môn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	795	557	477
30697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến (Đập thủy lợi Bù Môn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	635	445	381
30698	55	Đường nhựa vào Sóc Bù Môn	Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60)	Cuối tuyến	Xã Bù Đăng	1600	800	700
30699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Sóc Bù Môn đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	768	538	461
30700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Sóc Bù Môn đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	614	430	368
30701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Sóc Bù Môn đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	491	344	295
30702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Sóc Bù Môn đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	691	484	415
30703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Sóc Bù Môn đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	553	387	332
30704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Sóc Bù Môn đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	442	309	265
30705	56	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	1100	1800	1500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	528	370	317
30707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	422	295	253
30708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	338	237	203
30709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	475	333	285
30710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	380	266	228
30711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	304	213	182
30712	57	Đường Lê Hồng Phong	Ngã tư đường Quốc lộ 14	Ngã tư đường D1	Xã Bù Đăng	2500	2200	1900
30713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1200	840	720
30714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	960	672	576
30715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	768	538	461

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1080	756	648
30717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	864	605	518
30718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	691	484	415
30719	58	Đường Lê Hồng Phong	Ngã tư đường D1	Giáp đường Lý Thường Kiệt	Xã Bù Đăng	3200	1900	1600
30720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường D1 đến Giáp đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1536	1075	922
30721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường D1 đến Giáp đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1229	860	737
30722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường D1 đến Giáp đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	983	688	590
30723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường D1 đến Giáp đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1382	967	829
30724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường D1 đến Giáp đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1106	774	664
30725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường D1 đến Giáp đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	885	620	531

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30726	59	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Lê Hồng Phong	Xã Bù Đăng	3500	3500	3000
30727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1680	1176	1008
30728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1344	941	806
30729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1075	753	645
30730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1512	1058	907
30731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1210	847	726
30732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	968	678	581
30733	60	Đường Lý Thường Kiệt	Ngã ba Lê Hồng Phong	ĐT 755	Xã Bù Đăng	2400	2500	2100
30734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba Lê Hồng Phong đến ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	1152	806	691
30735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba Lê Hồng Phong đến ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	922	645	553
30736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba Lê Hồng Phong đến ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	738	517	443

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba Lê Hồng Phong đến ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	1037	726	622
30738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba Lê Hồng Phong đến ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	830	581	498
30739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba Lê Hồng Phong đến ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	664	465	398
30740	61	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba vào hồ Bra măng	Xã Bù Đăng	1800	1300	1100
30741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba vào hồ Bra măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	864	605	518
30742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba vào hồ Bra măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	691	484	415
30743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba vào hồ Bra măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	553	387	332
30744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba vào hồ Bra măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	778	545	467
30745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba vào hồ Bra măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	622	435	373

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba vào hồ Bra măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	498	349	299
30747	62	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đoạn còn lại		Xã Bù Đăng	1400	950	810
30748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	672	470	403
30749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	538	377	323
30750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	430	301	258
30751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	605	424	363
30752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	484	339	290
30753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	387	271	232
30754	63	Đường Nơ Trang Long	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	2000	1400	1200
30755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	960	672	576
30756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	768	538	461

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	614	430	368
30758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	864	605	518
30759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	691	484	415
30760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	553	387	332
30761	64	Đường Nguyễn Văn Cừ	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	1400	950	810
30762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	672	470	403
30763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	538	377	323
30764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	430	301	258
30765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	605	424	363
30766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	484	339	290
30767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	387	271	232

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30768	65	Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư nhà ông Bọt (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 15)	Xã Bù Đăng	1500	1100	920
30769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư nhà ông Bọt (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	720	504	432
30770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư nhà ông Bọt (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	576	403	346
30771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư nhà ông Bọt (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	461	323	277
30772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư nhà ông Bọt (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	648	454	389
30773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư nhà ông Bọt (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	518	363	311
30774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư nhà ông Bọt (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	415	291	249
30775	66	Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng	Đoạn còn lại		Xã Bù Đăng	1400	950	810
30776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	672	470	403

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	538	377	323
30778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	430	301	258
30779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	605	424	363
30780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	484	339	290
30781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	387	271	232
30782	67	Đường D1	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	5000	3500	3000
30783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2400	1680	1440
30784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1920	1344	1152
30785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1536	1075	922
30786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2160	1512	1296
30787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1728	1210	1037

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1382	967	829
30789	68	Đường bên hông nhà thuốc Hà Loan	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba đường Lê Lợi	Xã Bù Đăng	3600	2500	2200
30790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông nhà thuốc Hà Loan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1728	1210	1037
30791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông nhà thuốc Hà Loan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1382	967	829
30792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông nhà thuốc Hà Loan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1106	774	664
30793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông nhà thuốc Hà Loan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1555	1089	933
30794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông nhà thuốc Hà Loan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1244	871	746
30795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông nhà thuốc Hà Loan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	995	697	597
30796	69	Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam)	Đường Hùng Vương	Cầu sắt Đức Hòa	Xã Bù Đăng	1400	950	810
30797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cầu sắt Đức Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	672	470	403

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cầu sắt Đức Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	538	377	323
30799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cầu sắt Đức Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	430	301	258
30800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cầu sắt Đức Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	605	424	363
30801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cầu sắt Đức Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	484	339	290
30802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cầu sắt Đức Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	387	271	232
30803	70	Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam)	Cầu sắt Đức Hòa	Ngã ba vị trí đập lấy nước thủy lợi Bù Môn, thôn Vĩnh Thiện	Xã Bù Đăng	720	500	430
30804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Cầu sắt Đức Hòa đến Ngã ba vị trí đập lấy nước thủy lợi Bù Môn, thôn Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	346	242	208
30805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Cầu sắt Đức Hòa đến Ngã ba vị trí đập lấy nước thủy lợi Bù Môn, thôn Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	277	194	166

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Cầu sắt Đức Hòa đến Ngã ba vị trí đập lấy nước thủy lợi Bù Môn, thôn Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	222	155	133
30807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Cầu sắt Đức Hòa đến Ngã ba vị trí đập lấy nước thủy lợi Bù Môn, thôn Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	311	218	187
30808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Cầu sắt Đức Hòa đến Ngã ba vị trí đập lấy nước thủy lợi Bù Môn, thôn Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	249	174	149
30809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Cầu sắt Đức Hòa đến Ngã ba vị trí đập lấy nước thủy lợi Bù Môn, thôn Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	200	140	120
30810	71	Đường quanh hồ 7 mẫu	Đường Quốc lộ 14	Nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Hết thửa đất số 150, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Hết thửa đất số 230, tờ bản đồ số 9)	Xã Bù Đăng	1800	1300	1100
30811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Hết thửa đất số 150, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Hết thửa đất số 230, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	864	605	518
30812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Hết thửa đất số 150, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Hết thửa đất số 230, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	691	484	415
30813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Hết thửa đất số 150, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Hết thửa đất số 230, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	553	387	332

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Hết thửa đất số 150, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Hết thửa đất số 230, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	778	545	467
30815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Hết thửa đất số 150, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Hết thửa đất số 230, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	622	435	373
30816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Hết thửa đất số 150, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Hết thửa đất số 230, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	498	349	299
30817	72	Đường quanh hồ 7 mẫu	Hết ranh nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Từ thửa đất số 160, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 229, tờ bản đồ số 9)	Nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Tây: Hết thửa đất số 192, tờ bản đồ số 9, Phía Đông: Hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 9)	Xã Bù Đăng	1400	950	810
30818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Từ thửa đất số 160, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 229, tờ bản đồ số 9) đến Nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Tây: Hết thửa đất số 192, tờ bản đồ số 9, Phía Đông: Hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	672	470	403
30819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Từ thửa đất số 160, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 229, tờ bản đồ số 9) đến Nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Tây: Hết thửa đất số 192, tờ bản đồ số 9, Phía Đông: Hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	538	377	323
30820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Từ thửa đất số 160, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 229, tờ bản đồ số 9) đến Nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Tây: Hết thửa đất số 192, tờ bản đồ số 9, Phía Đông: Hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	430	301	258

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Từ thửa đất số 160, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 229, tờ bản đồ số 9) đến Nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Tây: Hết thửa đất số 192, tờ bản đồ số 9, Phía Đông: Hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Xã Bù Đăng	605	424	363
30822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Từ thửa đất số 160, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 229, tờ bản đồ số 9) đến Nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Tây: Hết thửa đất số 192, tờ bản đồ số 9, Phía Đông: Hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Bù Đăng	484	339	290
30823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Từ thửa đất số 160, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 229, tờ bản đồ số 9) đến Nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Tây: Hết thửa đất số 192, tờ bản đồ số 9, Phía Đông: Hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Bù Đăng	387	271	232
30824	73	Đường quanh hồ 7 mẫu	Hết ranh nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Bắc: Từ thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14)	Ngã ba giao đường Điểu Ong	Xã Bù Đăng	1800	1300	1100
30825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Bắc: Từ thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14) đến Ngã ba giao đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Xã Bù Đăng	864	605	518
30826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Bắc: Từ thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14) đến Ngã ba giao đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Bù Đăng	691	484	415
30827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Bắc: Từ thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14) đến Ngã ba giao đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Bù Đăng	553	387	332

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Bắc: Từ thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14) đến Ngã ba giao đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	778	545	467
30829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Bắc: Từ thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14) đến Ngã ba giao đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	622	435	373
30830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Bắc: Từ thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14) đến Ngã ba giao đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	498	349	299
30831	74	Đường bên hông huyện đội	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	5000	3500	3000
30832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông huyện đội đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2400	1680	1440
30833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông huyện đội đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1920	1344	1152
30834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông huyện đội đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1536	1075	922
30835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông huyện đội đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2160	1512	1296
30836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông huyện đội đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1728	1210	1037

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông huyện đội đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1382	967	829
30838	75	Đường Ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	1400	950	810
30839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	672	470	403
30840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	538	377	323
30841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	430	301	258
30842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	605	424	363
30843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	484	339	290
30844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Toàn tuyến đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	387	271	232
30845	76	Đường vào sóc Bù Ra Mang	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba cuối tuyến (Hết ranh nhà ông Điểu MRắc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 5)	Xã Bù Đăng	720	500	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào sóc Bù Ra Mang đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba cuối tuyến (Hết ranh nhà ông Điểu MRắc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	346	242	208
30847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào sóc Bù Ra Mang đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba cuối tuyến (Hết ranh nhà ông Điểu MRắc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	277	194	166
30848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào sóc Bù Ra Mang đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba cuối tuyến (Hết ranh nhà ông Điểu MRắc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	222	155	133
30849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào sóc Bù Ra Mang đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba cuối tuyến (Hết ranh nhà ông Điểu MRắc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	311	218	187
30850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào sóc Bù Ra Mang đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba cuối tuyến (Hết ranh nhà ông Điểu MRắc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	249	174	149
30851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào sóc Bù Ra Mang đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba cuối tuyến (Hết ranh nhà ông Điểu MRắc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	200	140	120
30852	77	Đường ĐT 755	Cầu Đăk Chậm (ranh xã Phước Sơn)	Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6)	Xã Bù Đăng	720	500	430
30853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Đăk Chậm (ranh xã Phước Sơn) đến Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	346	242	208

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Đăk Chậm (ranh xã Phước Sơn) đến Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	277	194	166
30855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Đăk Chậm (ranh xã Phước Sơn) đến Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	222	155	133
30856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Đăk Chậm (ranh xã Phước Sơn) đến Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	311	218	187
30857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Đăk Chậm (ranh xã Phước Sơn) đến Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	249	174	149
30858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Đăk Chậm (ranh xã Phước Sơn) đến Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	200	140	120
30859	78	Đường ĐT 755	Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6)	Cầu Tân Minh	Xã Bù Đăng	900	630	540
30860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) đến Cầu Tân Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	432	302	259
30861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) đến Cầu Tân Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	346	242	208
30862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) đến Cầu Tân Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	277	194	166

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) đến Cầu Tân Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	389	272	233
30864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) đến Cầu Tân Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	311	218	187
30865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) đến Cầu Tân Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	249	174	149
30866	79	Đường ĐT 755	Cầu Tân Minh	Giáp ranh thị trấn Đức Phong cũ	Xã Bù Đăng	1900	1300	1100
30867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Tân Minh đến Giáp ranh thị trấn Đức Phong cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	912	638	547
30868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Tân Minh đến Giáp ranh thị trấn Đức Phong cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	730	511	438
30869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Tân Minh đến Giáp ranh thị trấn Đức Phong cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	584	409	350
30870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Tân Minh đến Giáp ranh thị trấn Đức Phong cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	821	575	493
30871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Tân Minh đến Giáp ranh thị trấn Đức Phong cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	657	460	394
30872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Tân Minh đến Giáp ranh thị trấn Đức Phong cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	526	368	316

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30873	80	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba Vườn chuối	Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75).	Xã Bù Đăng	900	630	540
30874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đến Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	432	302	259
30875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đến Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	346	242	208
30876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đến Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	277	194	166
30877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đến Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	389	272	233
30878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đến Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	311	218	187
30879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đến Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	249	174	149
30880	81	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75)	Giáp ranh xã Thọ Sơn	Xã Bù Đăng	810	570	490
30881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75) đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	389	272	233

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75) đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	311	218	187
30883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75) đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	249	174	149
30884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75) đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	350	245	210
30885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75) đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	280	196	168
30886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75) đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	224	157	134
30887	82	Đường Thác Đứng	Giáp đường ĐT 755	Ngã tư danh lam Thác Đứng	Xã Bù Đăng	600	420	360
30888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Đứng đoạn từ Giáp đường ĐT 755 đến Ngã tư danh lam Thác Đứng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	288	202	173
30889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Đứng đoạn từ Giáp đường ĐT 755 đến Ngã tư danh lam Thác Đứng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	230	161	138
30890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Đứng đoạn từ Giáp đường ĐT 755 đến Ngã tư danh lam Thác Đứng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	184	129	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Đứng đoạn từ Giáp đường ĐT 755 đến Ngã tư danh lam Thác Đứng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	259	181	155
30892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Đứng đoạn từ Giáp đường ĐT 755 đến Ngã tư danh lam Thác Đứng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	207	145	124
30893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Đứng đoạn từ Giáp đường ĐT 755 đến Ngã tư danh lam Thác Đứng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	166	116	100
30894	83	Đường sân bay cũ (Tránh lũ)	Ngã ba tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt	Đường ĐT 755	Xã Bù Đăng	1200	840	720
30895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sân bay cũ (Tránh lũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	576	403	346
30896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sân bay cũ (Tránh lũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	461	323	277
30897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sân bay cũ (Tránh lũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	369	258	221
30898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sân bay cũ (Tránh lũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	518	363	311
30899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sân bay cũ (Tránh lũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	415	291	249

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sân bay cũ (Tránh lũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	332	232	199
30901	84	Đường liên thôn	Đường Lý Thường Kiệt (Quán cà phê 92)	Ngã ba Đường vào chùa Thanh Đức	Xã Bù Đăng	900	630	540
30902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt (Quán cà phê 92) đến Ngã ba Đường vào chùa Thanh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	432	302	259
30903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt (Quán cà phê 92) đến Ngã ba Đường vào chùa Thanh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	346	242	208
30904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt (Quán cà phê 92) đến Ngã ba Đường vào chùa Thanh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	277	194	166
30905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt (Quán cà phê 92) đến Ngã ba Đường vào chùa Thanh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	389	272	233
30906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt (Quán cà phê 92) đến Ngã ba Đường vào chùa Thanh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	311	218	187
30907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt (Quán cà phê 92) đến Ngã ba Đường vào chùa Thanh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	249	174	149
30908	85	Đường liên thôn	Đường ĐT 755 (Ngã ba Tân Minh)	Dốc bà Thơm (bà Tham)	Xã Bù Đăng	540	380	320
30909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Đường ĐT 755 (Ngã ba Tân Minh) đến Dốc bà Thơm (bà Tham) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	259	181	155

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Đường ĐT 755 (Ngã ba Tân Minh) đến Dốc bà Thơm (bà Tham) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	207	145	124
30911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Đường ĐT 755 (Ngã ba Tân Minh) đến Dốc bà Thơm (bà Tham) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	166	116	100
30912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Đường ĐT 755 (Ngã ba Tân Minh) đến Dốc bà Thơm (bà Tham) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	233	163	140
30913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Đường ĐT 755 (Ngã ba Tân Minh) đến Dốc bà Thơm (bà Tham) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	186	130	112
30914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Đường ĐT 755 (Ngã ba Tân Minh) đến Dốc bà Thơm (bà Tham) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	149	104	89
30915	86	Đường liên thôn	Ngã ba nhà ông Tư Nghĩa	Đi thôn Vĩnh Thiện (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755)	Xã Bù Đăng	600	420	360
30916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba nhà ông Tư Nghĩa đến Đi thôn Vĩnh Thiện (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	288	202	173
30917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba nhà ông Tư Nghĩa đến Đi thôn Vĩnh Thiện (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	230	161	138
30918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba nhà ông Tư Nghĩa đến Đi thôn Vĩnh Thiện (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	184	129	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba nhà ông Tư Nghĩa đến Đi thôn Vĩnh Thiện (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	259	181	155
30920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba nhà ông Tư Nghĩa đến Đi thôn Vĩnh Thiện (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	207	145	124
30921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba nhà ông Tư Nghĩa đến Đi thôn Vĩnh Thiện (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	166	116	100
30922	87	Đường ĐT 760	Ngã ba Minh Hưng	Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189)	Xã Bù Đăng	5900	4100	3500
30923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	2832	1982	1699
30924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2266	1586	1360
30925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1813	1269	1088
30926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	2549	1784	1529
30927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2039	1427	1223

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1632	1142	979
30929	88	Đường ĐT 760	Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189)	Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng	Xã Bù Đăng	3200	2200	1900
30930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) đến Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	1536	1075	922
30931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) đến Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1229	860	737
30932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) đến Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	983	688	590
30933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) đến Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	1382	967	829
30934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) đến Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1106	774	664
30935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) đến Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	885	620	531
30936	89	Đường ĐT 760	Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng)	Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2	Xã Bù Đăng	2300	1600	1400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30937		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng) đến Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	1104	773	662
30938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng) đến Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	883	618	530
30939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng) đến Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	706	494	424
30940		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng) đến Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	994	696	596
30941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng) đến Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	795	557	477
30942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng) đến Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	635	445	381
30943	90	Đường ĐT 760	Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2	Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116)	Xã Bù Đăng	1500	1100	920
30944		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 đến Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	720	504	432

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 đến Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	576	403	346
30946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 đến Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	461	323	277
30947		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 đến Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	648	454	389
30948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 đến Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	518	363	311
30949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 đến Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	415	291	249
30950	91	Đường ĐT 760	Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116)	Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã BomBo)	Xã Bù Đăng	1100	760	650
30951		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) đến Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã BomBo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	528	370	317
30952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) đến Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã BomBo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	422	295	253

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) đến Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã BomBo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	338	237	203
30954		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) đến Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã BomBo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	475	333	285
30955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) đến Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã BomBo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	380	266	228
30956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) đến Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã BomBo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	304	213	182
30957	92	Đường hai bên chợ Minh Hưng	Hành lang nhà lồng chợ chính	Hành lang bên hông nhà lồng chợ chính	Xã Bù Đăng	5400	3800	3200
30958		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Minh Hưng đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang bên hông nhà lồng chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	2592	1814	1555
30959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Minh Hưng đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang bên hông nhà lồng chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	2074	1452	1244
30960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Minh Hưng đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang bên hông nhà lồng chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1659	1161	995
30961		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Minh Hưng đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang bên hông nhà lồng chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	2333	1633	1400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Minh Hưng đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang bên hông nhà lồng chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1867	1307	1120
30963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Minh Hưng đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang bên hông nhà lồng chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1493	1045	896
30964	93	Đường xâm nhập nhựa	Đường Quốc lộ 14	Khu bảo tồn Thác Đứng Bù Đăng	Xã Bù Đăng	900	630	540
30965		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Khu bảo tồn Thác Đứng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	432	302	259
30966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Khu bảo tồn Thác Đứng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	346	242	208
30967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Khu bảo tồn Thác Đứng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	277	194	166
30968		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Khu bảo tồn Thác Đứng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	389	272	233
30969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Khu bảo tồn Thác Đứng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	311	218	187
30970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Khu bảo tồn Thác Đứng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	249	174	149
30971	94	Đường xâm nhập vào thôn Minh Hưng	Hết ranh Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ)	Nhà ông Bùi Văn Tuy (thửa 89 tờ bản đồ 124)	Xã Bù Đăng	560	390	340

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30972		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập vào thôn Minh Hưng đoạn từ Hết ranh Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đến Nhà ông Bùi Văn Tuy (thửa 89 tờ bản đồ 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	269	188	161
30973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập vào thôn Minh Hưng đoạn từ Hết ranh Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đến Nhà ông Bùi Văn Tuy (thửa 89 tờ bản đồ 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	215	151	129
30974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập vào thôn Minh Hưng đoạn từ Hết ranh Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đến Nhà ông Bùi Văn Tuy (thửa 89 tờ bản đồ 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	172	120	103
30975		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập vào thôn Minh Hưng đoạn từ Hết ranh Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đến Nhà ông Bùi Văn Tuy (thửa 89 tờ bản đồ 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	242	169	145
30976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập vào thôn Minh Hưng đoạn từ Hết ranh Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đến Nhà ông Bùi Văn Tuy (thửa 89 tờ bản đồ 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	194	136	116
30977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập vào thôn Minh Hưng đoạn từ Hết ranh Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đến Nhà ông Bùi Văn Tuy (thửa 89 tờ bản đồ 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	155	109	93
30978	95	Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ)	Đường ĐT 760	Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ)	Xã Bù Đăng	560	390	340
30979		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	269	188	161

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	215	151	129
30981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	172	120	103
30982		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	242	169	145
30983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	194	136	116
30984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	155	109	93
30985	96	Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ)	Đường Quốc lộ 14	Toàn tuyến	Xã Bù Đăng	560	390	340
30986		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	269	188	161

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	215	151	129
30988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	172	120	103
30989		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	242	169	145
30990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	194	136	116
30991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	155	109	93
30992	97	Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Mình Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú	Đường Quốc lộ 14	Đập Thủy lợi Hưng Phú	Xã Bù Đăng	560	390	340
30993		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Mình Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đập Thủy lợi Hưng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	269	188	161

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
30994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Mình Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đập Thủy lợi Hưng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	215	151	129
30995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Mình Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đập Thủy lợi Hưng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	172	120	103
30996		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Mình Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đập Thủy lợi Hưng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	242	169	145
30997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Mình Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đập Thủy lợi Hưng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	194	136	116
30998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Mình Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đập Thủy lợi Hưng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	155	109	93
30999	98	Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành)	Đường Quốc lộ 14	Hết thửa 170 tờ bản đồ 128	Xã Bù Đăng	560	390	340
31000		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa 170 tờ bản đồ 128 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	269	188	161

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31001		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa 170 tờ bản đồ 128 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	215	151	129
31002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa 170 tờ bản đồ 128 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	172	120	103
31003		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa 170 tờ bản đồ 128 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	242	169	145
31004		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa 170 tờ bản đồ 128 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	194	136	116
31005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa 170 tờ bản đồ 128 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	155	109	93
31006	99	Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ)	Đường Quốc lộ 14	Nhà văn hóa cộng đồng thôn (thửa đất số 112 tờ bản đồ số 65)	Xã Bù Đăng	540	380	320
31007		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà văn hóa cộng đồng thôn (thửa đất số 112 tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	259	181	155

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31008		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà văn hóa cộng đồng thôn (thửa đất số 112 tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	207	145	124
31009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà văn hóa cộng đồng thôn (thửa đất số 112 tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	166	116	100
31010		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà văn hóa cộng đồng thôn (thửa đất số 112 tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	233	163	140
31011		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà văn hóa cộng đồng thôn (thửa đất số 112 tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	186	130	112
31012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà văn hóa cộng đồng thôn (thửa đất số 112 tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	149	104	89
31013	100	Đường Bê tông thôn Hưng Phú tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Mẫu giáo Minh Hưng)	Đường Quốc lộ 14	Cuối đường	Xã Bù Đăng	600	420	360
31014		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Mẫu giáo Minh Hưng) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	288	202	173

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31015		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Mẫu giáo Minh Hưng) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	230	161	138
31016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Mẫu giáo Minh Hưng) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	184	129	110
31017		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Mẫu giáo Minh Hưng) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	259	181	155
31018		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Mẫu giáo Minh Hưng) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	207	145	124
31019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Mẫu giáo Minh Hưng) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	166	116	100
31020	101	Ngã ba đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành)	Ngã 3 thửa đất số thửa đất số 283 tờ bản đồ số 128 (ngã ba hành)	Ngã ba thửa đất số 163 tờ bản đồ số 155	Xã Bù Đăng	540	380	320
31021		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Ngã 3 thửa đất số thửa đất số 283 tờ bản đồ số 128 (ngã ba hành) đến Ngã ba thửa đất số 163 tờ bản đồ số 155 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	259	181	155

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31022		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Ngã 3 thửa đất số thửa đất số 283 tở bản đồ số 128 (ngã ba hành) đến Ngã ba thửa đất số 163 tờ bản đồ số 155 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	207	145	124
31023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Ngã 3 thửa đất số thửa đất số 283 tở bản đồ số 128 (ngã ba hành) đến Ngã ba thửa đất số 163 tờ bản đồ số 155 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	166	116	100
31024		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Ngã 3 thửa đất số thửa đất số 283 tở bản đồ số 128 (ngã ba hành) đến Ngã ba thửa đất số 163 tờ bản đồ số 155 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	233	163	140
31025		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Ngã 3 thửa đất số thửa đất số 283 tở bản đồ số 128 (ngã ba hành) đến Ngã ba thửa đất số 163 tờ bản đồ số 155 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	186	130	112
31026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Ngã 3 thửa đất số thửa đất số 283 tở bản đồ số 128 (ngã ba hành) đến Ngã ba thửa đất số 163 tờ bản đồ số 155 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	149	104	89
31027	102	Đường thôn Vĩnh Thiện (vào quán Hồn Việt)	Giáp đường Lê Hồng Phong (nhà ông Nguyễn Thượng Dũng)	Giáp đường Lý Thường Kiệt (nhà yến Bốn Xê)	Xã Bù Đăng	1800	1300	1100
31028		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Vĩnh Thiện (vào quán Hồn Việt) đoạn từ Giáp đường Lê Hồng Phong (nhà ông Nguyễn Thượng Dũng) đến Giáp đường Lý Thường Kiệt (nhà yến Bốn Xê) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	864	605	518

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Vĩnh Thiện (vào quán Hồn Việt) đoạn từ Giáp đường Lê Hồng Phong (nhà ông Nguyễn Thượng Dũng) đến Giáp đường Lý Thường Kiệt (nhà yến Bốn Xê) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	691	484	415
31030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Vĩnh Thiện (vào quán Hồn Việt) đoạn từ Giáp đường Lê Hồng Phong (nhà ông Nguyễn Thượng Dũng) đến Giáp đường Lý Thường Kiệt (nhà yến Bốn Xê) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	553	387	332
31031		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Vĩnh Thiện (vào quán Hồn Việt) đoạn từ Giáp đường Lê Hồng Phong (nhà ông Nguyễn Thượng Dũng) đến Giáp đường Lý Thường Kiệt (nhà yến Bốn Xê) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	778	545	467
31032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Vĩnh Thiện (vào quán Hồn Việt) đoạn từ Giáp đường Lê Hồng Phong (nhà ông Nguyễn Thượng Dũng) đến Giáp đường Lý Thường Kiệt (nhà yến Bốn Xê) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	622	435	373
31033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Vĩnh Thiện (vào quán Hồn Việt) đoạn từ Giáp đường Lê Hồng Phong (nhà ông Nguyễn Thượng Dũng) đến Giáp đường Lý Thường Kiệt (nhà yến Bốn Xê) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	498	349	299
31034	103	Đường hai bên trái, phải khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	5000	3500	3000
31035		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên trái, phải khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2400	1680	1440
31036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên trái, phải khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1920	1344	1152

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên trái, phải khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1536	1075	922
31038		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên trái, phải khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	2160	1512	1296
31039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên trái, phải khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1728	1210	1037
31040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên trái, phải khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1382	967	829
31041	104	Đường nội bộ khu dân cư Phan Bội Châu	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	2700	1900	1600
31042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ khu dân cư Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1296	907	778
31043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ khu dân cư Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1037	726	622
31044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ khu dân cư Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	830	581	498
31045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ khu dân cư Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1166	816	700
31046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ khu dân cư Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	933	653	560

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ khu dân cư Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	747	523	448
31048	105	Đường phía sau khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	3600	2500	2200
31049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường phía sau khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1728	1210	1037
31050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường phía sau khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1382	967	829
31051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường phía sau khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	1106	774	664
31052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường phía sau khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1555	1089	933
31053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường phía sau khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1244	871	746
31054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường phía sau khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	995	697	597
31055	106	Các đường nội bộ khu dân cư Đức Lập	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	2700	1900	1600
31056		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường nội bộ khu dân cư Đức Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1296	907	778

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường nội bộ khu dân cư Đức Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1037	726	622
31058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường nội bộ khu dân cư Đức Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	830	581	498
31059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường nội bộ khu dân cư Đức Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1166	816	700
31060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường nội bộ khu dân cư Đức Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	933	653	560
31061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường nội bộ khu dân cư Đức Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	747	523	448
31062	107	Đường N2 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác)	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	2900	2000	1700
31063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1392	974	835
31064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1114	780	668
31065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	891	624	535

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1253	877	752
31067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1003	702	602
31068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	802	561	481
31069	108	Đường N3 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác)	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	2900	2000	1700
31070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1392	974	835
31071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1114	780	668
31072		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	891	624	535
31073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1253	877	752
31074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1003	702	602

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31075		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	802	561	481
31076	109	Đường D2 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác)	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	2900	2000	1700
31077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1392	974	835
31078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1114	780	668
31079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	891	624	535
31080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1253	877	752
31081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1003	702	602
31082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	802	561	481
31083	110	Đường D2 (Khu Văn hóa giáo dục thôn Đức Phong	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	2700	1900	1600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 (Khu Văn hóa giáo dục thôn Đức Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1296	907	778
31085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 (Khu Văn hóa giáo dục thôn Đức Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1037	726	622
31086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 (Khu Văn hóa giáo dục thôn Đức Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	830	581	498
31087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 (Khu Văn hóa giáo dục thôn Đức Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1166	816	700
31088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 (Khu Văn hóa giáo dục thôn Đức Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	933	653	560
31089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 (Khu Văn hóa giáo dục thôn Đức Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	747	523	448
31090	111	Đường D3 (Khu Văn hóa giáo dục thôn Đức Hòa)	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	2700	1900	1600
31091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 (Khu Văn hóa giáo dục thôn Đức Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1296	907	778
31092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 (Khu Văn hóa giáo dục thôn Đức Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1037	726	622
31093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 (Khu Văn hóa giáo dục thôn Đức Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	830	581	498

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 (Khu Văn hóa giáo dục thôn Đức Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1166	816	700
31095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 (Khu Văn hóa giáo dục thôn Đức Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	933	653	560
31096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 (Khu Văn hóa giáo dục thôn Đức Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	747	523	448
31097	112	Đường nội bộ trong Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn Hưng Thịnh cũ)	Các tuyến đường trong Khu dân cư		Xã Bù Đăng	2200	1500	1300
31098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ trong Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn Hưng Thịnh cũ) (Các tuyến đường trong Khu dân cư) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	1056	739	634
31099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ trong Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn Hưng Thịnh cũ) (Các tuyến đường trong Khu dân cư) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	845	592	507
31100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ trong Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn Hưng Thịnh cũ) (Các tuyến đường trong Khu dân cư) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	676	473	406
31101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ trong Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn Hưng Thịnh cũ) (Các tuyến đường trong Khu dân cư) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	950	665	570
31102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ trong Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn Hưng Thịnh cũ) (Các tuyến đường trong Khu dân cư) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	761	533	457

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ trong Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn Hưng Thịnh cũ) (Các tuyến đường trong Khu dân cư) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	608	426	365
31104	113	Đường N1 - Khu dân cư Lê Quý Đôn	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	2700	1900	1600
31105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 - Khu dân cư Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1296	907	778
31106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 - Khu dân cư Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1037	726	622
31107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 - Khu dân cư Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	830	581	498
31108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 - Khu dân cư Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1166	816	700
31109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 - Khu dân cư Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	933	653	560
31110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 - Khu dân cư Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	747	523	448
31111	114	Đường N2 - Khu dân cư Lê Quý Đôn	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	2700	1900	1600
31112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 - Khu dân cư Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1296	907	778
31113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 - Khu dân cư Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	1037	726	622

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 - Khu dân cư Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	830	581	498
31115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 - Khu dân cư Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1166	816	700
31116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 - Khu dân cư Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	933	653	560
31117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 - Khu dân cư Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	747	523	448
31118	115	Đường D4 - Khu dân cư Lê Quý Đôn	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	2200	1500	1300
31119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 - Khu dân cư Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	1056	739	634
31120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 - Khu dân cư Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	845	592	507
31121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 - Khu dân cư Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	676	473	406
31122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 - Khu dân cư Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	950	665	570
31123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 - Khu dân cư Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	761	533	457

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 - Khu dân cư Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	608	426	365
31125	116	Đường Bê tông thôn Hưng Phú (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa)	Quốc lộ 14	Cuối đường	Xã Bù Đăng	720	500	430
31126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	346	242	208
31127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	277	194	166
31128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	222	155	133
31129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	311	218	187
31130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	249	174	149
31131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31132	117	Đường Phước Sơn - Đồng Nai (địa phận xã Bù Đăng)	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	630	440	380
31133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai (địa phận xã Bù Đăng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	302	211	181
31134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai (địa phận xã Bù Đăng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	242	169	145
31135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai (địa phận xã Bù Đăng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	194	136	116
31136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai (địa phận xã Bù Đăng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	272	190	163
31137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai (địa phận xã Bù Đăng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	218	153	131
31138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai (địa phận xã Bù Đăng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	175	123	105
31139	118	Đường liên thôn (nối dài từ Nguyễn Thị Minh Khai đến hết tờ bản đồ số 103)	Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai	Hết tờ bản đồ số 103	Xã Bù Đăng	630	440	380
31140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn (nối dài từ Nguyễn Thị Minh Khai đến hết tờ bản đồ số 103) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Hết tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	302	211	181
31141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn (nối dài từ Nguyễn Thị Minh Khai đến hết tờ bản đồ số 103) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Hết tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	242	169	145

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn (nối dài từ Nguyễn Thị Minh Khai đến hết tờ bản đồ số 103) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Hết tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	194	136	116
31143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn (nối dài từ Nguyễn Thị Minh Khai đến hết tờ bản đồ số 103) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Hết tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	272	190	163
31144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn (nối dài từ Nguyễn Thị Minh Khai đến hết tờ bản đồ số 103) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Hết tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	218	153	131
31145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn (nối dài từ Nguyễn Thị Minh Khai đến hết tờ bản đồ số 103) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Hết tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	175	123	105
31146	1	Đường Quốc lộ 14	Ranh giới xã Phú Sơn cũ	Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ	Xã Thọ Sơn	1500	1100	920
31147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới xã Phú Sơn cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	720	504	432
31148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới xã Phú Sơn cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	576	403	346
31149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới xã Phú Sơn cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	461	323	277
31150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới xã Phú Sơn cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	648	454	389

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới xã Phú Sơn cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	518	363	311
31152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới xã Phú Sơn cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	415	291	249
31153	2	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ	Hết ranh đất nhà bà Lương (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 95)	Xã Thọ Sơn	1300	880	760
31154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ đến Hết ranh đất nhà bà Lương (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	624	437	374
31155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ đến Hết ranh đất nhà bà Lương (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	499	349	299
31156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ đến Hết ranh đất nhà bà Lương (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	399	279	239
31157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ đến Hết ranh đất nhà bà Lương (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	562	393	337
31158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ đến Hết ranh đất nhà bà Lương (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	449	314	269
31159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ đến Hết ranh đất nhà bà Lương (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	359	251	215

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31160	3	Đường Quốc lộ 14	Ranh đất nhà ông Nhâm (thửa đất số 172, tờ bản đồ số 95)	Ngã ba Đường vào đập thủy lợi	Xã Thọ Sơn	1800	1300	1100
31161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh đất nhà ông Nhâm (thửa đất số 172, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Đường vào đập thủy lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	864	605	518
31162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh đất nhà ông Nhâm (thửa đất số 172, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Đường vào đập thủy lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	691	484	415
31163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh đất nhà ông Nhâm (thửa đất số 172, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Đường vào đập thủy lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	553	387	332
31164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh đất nhà ông Nhâm (thửa đất số 172, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Đường vào đập thủy lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	778	545	467
31165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh đất nhà ông Nhâm (thửa đất số 172, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Đường vào đập thủy lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	622	435	373
31166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh đất nhà ông Nhâm (thửa đất số 172, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Đường vào đập thủy lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	498	349	299
31167	4	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Đường vào đập thủy lợi	Ngã ba Đường vào cổng Nông trường	Xã Thọ Sơn	2300	1600	1400
31168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào đập thủy lợi đến Ngã ba Đường vào cổng Nông trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	1104	773	662

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào đập thủy lợi đến Ngã ba Đường vào cổng Nông trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	883	618	530
31170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào đập thủy lợi đến Ngã ba Đường vào cổng Nông trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	706	494	424
31171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào đập thủy lợi đến Ngã ba Đường vào cổng Nông trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	994	696	596
31172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào đập thủy lợi đến Ngã ba Đường vào cổng Nông trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	795	557	477
31173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào đập thủy lợi đến Ngã ba Đường vào cổng Nông trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	635	445	381
31174	5	Đường Quốc lộ 14	Nga ba Đường vào cổng Nông trường	Ranh giới tỉnh Lâm Đồng	Xã Thọ Sơn	1800	1300	1100
31175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Nga ba Đường vào cổng Nông trường đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	864	605	518
31176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Nga ba Đường vào cổng Nông trường đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	691	484	415
31177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Nga ba Đường vào cổng Nông trường đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	553	387	332

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Nga ba Đường vào cổng Nông trường đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	778	545	467
31179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Nga ba Đường vào cổng Nông trường đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	622	435	373
31180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Nga ba Đường vào cổng Nông trường đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	498	349	299
31181	6	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh xã Phú Sơn cũ (Km 896 + 400)	Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600)	Xã Thọ Sơn	1600	1100	970
31182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Sơn cũ (Km 896 + 400) đến Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	768	538	461
31183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Sơn cũ (Km 896 + 400) đến Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	614	430	368
31184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Sơn cũ (Km 896 + 400) đến Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	491	344	295
31185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Sơn cũ (Km 896 + 400) đến Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	691	484	415
31186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Sơn cũ (Km 896 + 400) đến Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	553	387	332

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Sơn cũ (Km 896 + 400) đến Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	442	309	265
31188	7	Đường Quốc lộ 14	Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600)	Ngã ba Sơn Hiệp (Km 899 + 800)	Xã Thọ Sơn	2300	1600	1400
31189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) đến Ngã ba Sơn Hiệp (Km 899 + 800) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	1104	773	662
31190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) đến Ngã ba Sơn Hiệp (Km 899 + 800) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	883	618	530
31191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) đến Ngã ba Sơn Hiệp (Km 899 + 800) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	706	494	424
31192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) đến Ngã ba Sơn Hiệp (Km 899 + 800) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	994	696	596
31193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) đến Ngã ba Sơn Hiệp (Km 899 + 800) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	795	557	477
31194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) đến Ngã ba Sơn Hiệp (Km 899 + 800) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	635	445	381
31195	8	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Sơn Hiệp (Km 899 + 800)	Giáp ranh xã Bù Đăng (Km 903 + 400)	Xã Thọ Sơn	1600	1100	970
31196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Sơn Hiệp (Km 899 + 800) đến Giáp ranh xã Bù Đăng (Km 903 + 400) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	768	538	461

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Sơn Hiệp (Km 899 + 800) đến Giáp ranh xã Bù Đăng (Km 903 + 400) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	614	430	368
31198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Sơn Hiệp (Km 899 + 800) đến Giáp ranh xã Bù Đăng (Km 903 + 400) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	491	344	295
31199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Sơn Hiệp (Km 899 + 800) đến Giáp ranh xã Bù Đăng (Km 903 + 400) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	691	484	415
31200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Sơn Hiệp (Km 899 + 800) đến Giáp ranh xã Bù Đăng (Km 903 + 400) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	553	387	332
31201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Sơn Hiệp (Km 899 + 800) đến Giáp ranh xã Bù Đăng (Km 903 + 400) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	442	309	265
31202	9	Đường Quốc lộ 14 cũ	Ngã ba đường tránh đường Quốc lộ 14 cũ	Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ	Xã Thọ Sơn	900	630	540
31203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba đường tránh đường Quốc lộ 14 cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	432	302	259
31204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba đường tránh đường Quốc lộ 14 cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	346	242	208
31205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba đường tránh đường Quốc lộ 14 cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	277	194	166

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba đường tránh đường Quốc lộ 14 cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	389	272	233
31207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba đường tránh đường Quốc lộ 14 cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	311	218	187
31208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba đường tránh đường Quốc lộ 14 cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	249	174	149
31209	10	Đường hai bên chợ Phú Sơn cũ	Toàn tuyến		Xã Thọ Sơn	2300	1600	1400
31210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Phú Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	1104	773	662
31211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Phú Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	883	618	530
31212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Phú Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	706	494	424
31213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Phú Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	994	696	596
31214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Phú Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	795	557	477
31215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Phú Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	635	445	381
31216	11	Đường hai bên chợ Thọ Sơn	Hành lang nhà lồng chợ chính	Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m	Xã Thọ Sơn	2300	1600	1400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Thọ Sơn đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	1104	773	662
31218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Thọ Sơn đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	883	618	530
31219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Thọ Sơn đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	706	494	424
31220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Thọ Sơn đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	994	696	596
31221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Thọ Sơn đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	795	557	477
31222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Thọ Sơn đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	635	445	381
31223	12	Đường liên thôn	Nga ba Đường vào đập thủy lợi Nông trường	Hết ranh đất nhà ông Anh (thửa đất số 447, tờ bản đồ số 90)	Xã Thọ Sơn	490	340	290
31224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Nga ba Đường vào đập thủy lợi Nông trường đến Hết ranh đất nhà ông Anh (thửa đất số 447, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	235	165	141
31225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Nga ba Đường vào đập thủy lợi Nông trường đến Hết ranh đất nhà ông Anh (thửa đất số 447, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	188	132	113

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Nga ba Đường vào đập thủy lợi Nông trường đến Hết ranh đất nhà ông Anh (thửa đất số 447, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	150	105	90
31227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Nga ba Đường vào đập thủy lợi Nông trường đến Hết ranh đất nhà ông Anh (thửa đất số 447, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	212	148	127
31228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Nga ba Đường vào đập thủy lợi Nông trường đến Hết ranh đất nhà ông Anh (thửa đất số 447, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	169	118	101
31229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Nga ba Đường vào đập thủy lợi Nông trường đến Hết ranh đất nhà ông Anh (thửa đất số 447, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	135	95	81
31230	13	Đường liên thôn	Ngã ba Đường vào cổng Nông trường	Giáp ranh Nông trường cao su (thửa đất số 340, tờ bản đồ số 90)	Xã Thọ Sơn	490	340	290
31231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba Đường vào cổng Nông trường đến Giáp ranh Nông trường cao su (thửa đất số 340, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	235	165	141
31232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba Đường vào cổng Nông trường đến Giáp ranh Nông trường cao su (thửa đất số 340, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	188	132	113
31233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba Đường vào cổng Nông trường đến Giáp ranh Nông trường cao su (thửa đất số 340, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	150	105	90

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba Đường vào cổng Nông trường đến Giáp ranh Nông trường cao su (thửa đất số 340, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	212	148	127
31235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba Đường vào cổng Nông trường đến Giáp ranh Nông trường cao su (thửa đất số 340, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	169	118	101
31236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba Đường vào cổng Nông trường đến Giáp ranh Nông trường cao su (thửa đất số 340, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	135	95	81
31237	14	Các tuyến đường còn lại Khu dân cư Trung tâm hành chính xã Phú Sơn cũ	Toàn tuyến		Xã Thọ Sơn	900	630	540
31238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại Khu dân cư Trung tâm hành chính xã Phú Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	432	302	259
31239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại Khu dân cư Trung tâm hành chính xã Phú Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	346	242	208
31240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại Khu dân cư Trung tâm hành chính xã Phú Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	277	194	166
31241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại Khu dân cư Trung tâm hành chính xã Phú Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	389	272	233
31242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại Khu dân cư Trung tâm hành chính xã Phú Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	311	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại Khu dân cư Trung tâm hành chính xã Phú Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	249	174	149
31244	15	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba Vườn chuối (Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 72)	Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72)	Xã Thọ Sơn	600	420	360
31245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối (Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	288	202	173
31246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối (Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	230	161	138
31247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối (Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	184	129	110
31248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối (Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	259	181	155
31249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối (Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	207	145	124
31250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối (Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	166	116	100
31251	16	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72)	Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106)	Xã Thọ Sơn	790	550	480

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) đến Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	379	265	227
31253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) đến Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	303	212	182
31254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) đến Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	242	169	145
31255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) đến Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	341	239	205
31256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) đến Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	273	191	164
31257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) đến Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	218	153	131
31258	17	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106)	Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111)	Xã Thọ Sơn	690	490	420
31259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) đến Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	331	232	199

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) đến Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	265	186	159
31261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) đến Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	212	148	127
31262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) đến Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	298	209	179
31263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) đến Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	239	167	143
31264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) đến Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	191	134	115
31265	18	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111)	Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112)	Xã Thọ Sơn	1100	760	650
31266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	528	370	317
31267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	422	295	253

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	338	237	203
31269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	475	333	285
31270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	380	266	228
31271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	304	213	182
31272	19	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112)	Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113)	Xã Thọ Sơn	520	370	310
31273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) đến Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	250	175	150
31274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) đến Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	200	140	120
31275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) đến Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	160	112	96

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) đến Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	225	158	135
31277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) đến Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	180	126	108
31278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) đến Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	144	101	86
31279	20	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113)	Hết tuyến	Xã Thọ Sơn	430	300	260
31280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	206	144	124
31281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	165	116	99
31282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	132	92	79
31283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	185	130	111

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	149	104	89
31285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	119	83	71
31286	21	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 111 Điểm cuối Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115)	Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115)	Xã Thọ Sơn	1100	760	650
31287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 111 Điểm cuối Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) đến Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	528	370	317
31288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 111 Điểm cuối Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) đến Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	422	295	253
31289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 111 Điểm cuối Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) đến Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	338	237	203
31290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 111 Điểm cuối Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) đến Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	475	333	285

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 111 Điểm cuối Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) đến Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thọ Sơn	380	266	228
31292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 111 Điểm cuối Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) đến Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thọ Sơn	304	213	182
31293	22	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115)	Ngã ba Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121)	Xã Thọ Sơn	590	410	350
31294		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) đến Ngã ba Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Thọ Sơn	283	198	170
31295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) đến Ngã ba Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thọ Sơn	226	158	136
31296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) đến Ngã ba Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thọ Sơn	181	127	109
31297		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) đến Ngã ba Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Thọ Sơn	255	179	153
31298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) đến Ngã ba Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thọ Sơn	203	142	122

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) đến Ngã ba Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	163	114	98
31300	23	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121)	Cuối tuyến	Xã Thọ Sơn	450	320	270
31301		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	216	151	130
31302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	173	121	104
31303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	138	97	83
31304		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	194	136	116
31305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	156	109	94
31306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	124	87	74
31307	24	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ	Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38)	Xã Thọ Sơn	430	300	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31308		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ đến Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	206	144	124
31309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ đến Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	165	116	99
31310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ đến Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	132	92	79
31311		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ đến Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	185	130	111
31312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ đến Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	149	104	89
31313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ đến Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	119	83	71
31314	25	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38)	Giáp ranh xã Đồng Nai - Thọ Sơn cũ	Xã Thọ Sơn	540	380	320
31315		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) đến Giáp ranh xã Đồng Nai - Thọ Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	259	181	155

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) đến Giáp ranh xã Đồng Nai - Thọ Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	207	145	124
31317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) đến Giáp ranh xã Đồng Nai - Thọ Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	166	116	100
31318		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) đến Giáp ranh xã Đồng Nai - Thọ Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	233	163	140
31319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) đến Giáp ranh xã Đồng Nai - Thọ Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	186	130	112
31320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) đến Giáp ranh xã Đồng Nai - Thọ Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	149	104	89
31321	26	Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ	Nhà ông Trần Trọng Thống thửa đất số 164&238, tờ bản đồ số 48	Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24&3, tờ bản đồ số 43	Xã Thọ Sơn	540	380	320
31322		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Nhà ông Trần Trọng Thống thửa đất số 164&238, tờ bản đồ số 48 đến Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24&3, tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	259	181	155
31323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Nhà ông Trần Trọng Thống thửa đất số 164&238, tờ bản đồ số 48 đến Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24&3, tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	207	145	124

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Nhà ông Trần Trọng Thống thửa đất số 164&238, tờ bản đồ số 48 đến Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24&3, tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	166	116	100
31325		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Nhà ông Trần Trọng Thống thửa đất số 164&238, tờ bản đồ số 48 đến Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24&3, tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	233	163	140
31326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Nhà ông Trần Trọng Thống thửa đất số 164&238, tờ bản đồ số 48 đến Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24&3, tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	186	130	112
31327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Nhà ông Trần Trọng Thống thửa đất số 164&238, tờ bản đồ số 48 đến Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24&3, tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	149	104	89
31328	27	Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ	Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24 &3, tờ bản đồ số 43	Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35	Xã Thọ Sơn	490	340	290
31329		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24 &3, tờ bản đồ số 43 đến Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	235	165	141
31330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24 &3, tờ bản đồ số 43 đến Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	188	132	113
31331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24 &3, tờ bản đồ số 43 đến Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	150	105	90

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31332		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24 &3, tờ bản đồ số 43 đến Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	212	148	127
31333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24 &3, tờ bản đồ số 43 đến Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	169	118	101
31334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24 &3, tờ bản đồ số 43 đến Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	135	95	81
31335	28	Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ	Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35	Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32	Xã Thọ Sơn	450	320	270
31336		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 đến Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	216	151	130
31337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 đến Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	173	121	104
31338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 đến Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	138	97	83
31339		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 đến Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	194	136	116

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 đến Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	156	109	94
31341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 đến Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	124	87	74
31342	29	Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ	Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32	Cầu Sông R lấp nhà ông Đặng Minh Lộc giáp cầu Sông R Lấp tờ bản đồ số 33	Xã Thọ Sơn	360	250	220
31343		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 đến Cầu Sông R lấp nhà ông Đặng Minh Lộc giáp cầu Sông R Lấp tờ bản đồ số 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	173	121	104
31344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 đến Cầu Sông R lấp nhà ông Đặng Minh Lộc giáp cầu Sông R Lấp tờ bản đồ số 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	138	97	83
31345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 đến Cầu Sông R lấp nhà ông Đặng Minh Lộc giáp cầu Sông R Lấp tờ bản đồ số 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	110	77	66
31346		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 đến Cầu Sông R lấp nhà ông Đặng Minh Lộc giáp cầu Sông R Lấp tờ bản đồ số 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	156	109	94

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 đến Cầu Sông R lấp nhà ông Đặng Minh Lộc giáp cầu Sông R Lấp tờ bản đồ số 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	124	87	74
31348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 đến Cầu Sông R lấp nhà ông Đặng Minh Lộc giáp cầu Sông R Lấp tờ bản đồ số 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	99	69	59
31349	30	Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa	Ngã ba Sơn Lợi (giáp đường Quốc lộ 14)	Ngã ba vào trường THCS (Cấp 1,2)	Xã Thọ Sơn	1000	730	620
31350		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã ba Sơn Lợi (giáp đường Quốc lộ 14) đến Ngã ba vào trường THCS (Cấp 1,2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	480	336	288
31351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã ba Sơn Lợi (giáp đường Quốc lộ 14) đến Ngã ba vào trường THCS (Cấp 1,2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	384	269	230
31352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã ba Sơn Lợi (giáp đường Quốc lộ 14) đến Ngã ba vào trường THCS (Cấp 1,2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	307	215	184
31353		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã ba Sơn Lợi (giáp đường Quốc lộ 14) đến Ngã ba vào trường THCS (Cấp 1,2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	432	302	259
31354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã ba Sơn Lợi (giáp đường Quốc lộ 14) đến Ngã ba vào trường THCS (Cấp 1,2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	346	242	208

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã ba Sơn Lợi (giáp đường Quốc lộ 14) đến Ngã ba vào trường THCS (Cấp 1,2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	276	193	166
31356	31	Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa	Ngã ba vào trường THCS (Cấp 1,2)	Suối Sơn Hòa	Xã Thọ Sơn	600	420	360
31357		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã ba vào trường THCS (Cấp 1,2) đến Suối Sơn Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	288	202	173
31358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã ba vào trường THCS (Cấp 1,2) đến Suối Sơn Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	230	161	138
31359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã ba vào trường THCS (Cấp 1,2) đến Suối Sơn Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	184	129	110
31360		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã ba vào trường THCS (Cấp 1,2) đến Suối Sơn Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	259	181	155
31361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã ba vào trường THCS (Cấp 1,2) đến Suối Sơn Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	207	145	124
31362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã ba vào trường THCS (Cấp 1,2) đến Suối Sơn Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	166	116	100
31363	32	Đường vào trường Tiểu học Thọ Sơn	Toàn tuyến		Xã Thọ Sơn	800	560	480
31364		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường Tiểu học Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	384	269	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường Tiểu học Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	307	215	184
31366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường Tiểu học Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	246	172	148
31367		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường Tiểu học Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	346	242	208
31368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường Tiểu học Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	276	193	166
31369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường Tiểu học Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	221	155	133
31370	33	Các tuyến đường bê tông xi măng theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của huyện Bù Đăng	Đường thôn	Rẫy ông Đạo, thôn Sơn Thọ	Xã Thọ Sơn	320	220	190
31371		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường bê tông xi măng theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của huyện Bù Đăng đoạn từ Đường thôn đến Rẫy ông Đạo, thôn Sơn Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	154	108	92
31372		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường bê tông xi măng theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của huyện Bù Đăng đoạn từ Đường thôn đến Rẫy ông Đạo, thôn Sơn Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	123	86	74
31373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường bê tông xi măng theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của huyện Bù Đăng đoạn từ Đường thôn đến Rẫy ông Đạo, thôn Sơn Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	98	69	59

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31374		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường bê tông xi măng theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của huyện Bù Đăng đoạn từ Đường thôn đến Rẫy ông Đạo, thôn Sơn Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	139	97	83
31375		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường bê tông xi măng theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của huyện Bù Đăng đoạn từ Đường thôn đến Rẫy ông Đạo, thôn Sơn Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	111	78	67
31376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường bê tông xi măng theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của huyện Bù Đăng đoạn từ Đường thôn đến Rẫy ông Đạo, thôn Sơn Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	88	62	53
31377	34	Đường bê tông xi măng	Đoạn giáp ranh bên hông nhà văn hóa thôn Sơn Thọ		Xã Thọ Sơn	320	220	190
31378		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông xi măng (Đoạn giáp ranh bên hông nhà văn hóa thôn Sơn Thọ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	154	108	92
31379		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông xi măng (Đoạn giáp ranh bên hông nhà văn hóa thôn Sơn Thọ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	123	86	74
31380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông xi măng (Đoạn giáp ranh bên hông nhà văn hóa thôn Sơn Thọ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	98	69	59
31381		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng (Đoạn giáp ranh bên hông nhà văn hóa thôn Sơn Thọ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	139	97	83
31382		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng (Đoạn giáp ranh bên hông nhà văn hóa thôn Sơn Thọ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	111	78	67

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng (Đoạn giáp ranh bên hông nhà văn hóa thôn Sơn Thọ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	88	62	53
31384	35	Đường bê tông xi măng	Nhà ông Quỳnh	Rẫy ông Phong, thôn Sơn Lập	Xã Thọ Sơn	320	220	190
31385		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Nhà ông Quỳnh đến Rẫy ông Phong, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	154	108	92
31386		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Nhà ông Quỳnh đến Rẫy ông Phong, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	123	86	74
31387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Nhà ông Quỳnh đến Rẫy ông Phong, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	98	69	59
31388		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Nhà ông Quỳnh đến Rẫy ông Phong, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	139	97	83
31389		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Nhà ông Quỳnh đến Rẫy ông Phong, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	111	78	67
31390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Nhà ông Quỳnh đến Rẫy ông Phong, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	88	62	53
31391	36	Đường bê tông xi măng	Nhà ông Năm	Rẫy ông Mạnh, thôn Sơn Lập	Xã Thọ Sơn	320	220	190
31392		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Nhà ông Năm đến Rẫy ông Mạnh, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	154	108	92

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31393		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Nhà ông Năm đến Rẫy ông Mạnh, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	123	86	74
31394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Nhà ông Năm đến Rẫy ông Mạnh, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	98	69	59
31395		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Nhà ông Năm đến Rẫy ông Mạnh, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	139	97	83
31396		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Nhà ông Năm đến Rẫy ông Mạnh, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	111	78	67
31397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Nhà ông Năm đến Rẫy ông Mạnh, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	88	62	53
31398	37	Đường nối tiếp bê tông xi măng	Đoạn nhà ông Toán, thôn Sơn Lập		Xã Thọ Sơn	320	220	190
31399		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp bê tông xi măng (Đoạn nhà ông Toán, thôn Sơn Lập) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	154	108	92
31400		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp bê tông xi măng (Đoạn nhà ông Toán, thôn Sơn Lập) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	123	86	74
31401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp bê tông xi măng (Đoạn nhà ông Toán, thôn Sơn Lập) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	98	69	59
31402		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp bê tông xi măng (Đoạn nhà ông Toán, thôn Sơn Lập) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	139	97	83

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31403		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp bê tông xi măng (Đoạn nhà ông Toán, thôn Sơn Lập) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	111	78	67
31404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp bê tông xi măng (Đoạn nhà ông Toán, thôn Sơn Lập) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	88	62	53
31405	40	Các tuyến đường trong khu quy hoạch 5ha của xã Thọ Sơn	Toàn tuyến		Xã Thọ Sơn	1300	910	780
31406		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong khu quy hoạch 5ha của xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	624	437	374
31407		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong khu quy hoạch 5ha của xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	499	349	299
31408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong khu quy hoạch 5ha của xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	399	279	239
31409		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong khu quy hoạch 5ha của xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	562	393	337
31410		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong khu quy hoạch 5ha của xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	449	314	269
31411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong khu quy hoạch 5ha của xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	359	251	215
31412	41	Đường Phước Sơn - Đồng Nai	Ngã ba Vườn Sao	Giáp ranh xã Bù Đăng	Xã Thọ Sơn	700	490	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31413		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn Sao đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	336	235	202
31414		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn Sao đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	269	188	161
31415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn Sao đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	215	151	129
31416		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn Sao đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	302	211	181
31417		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn Sao đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	242	169	145
31418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn Sao đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	194	136	116
31419	1	Đường ĐT 760	Ngã ba (Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 79)	Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79	Xã Đắk Nhau	720	500	430
31420		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba (Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 79) đến Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	346	242	208
31421		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba (Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 79) đến Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	277	194	166

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba (Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 79) đến Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	222	155	133
31423		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba (Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 79) đến Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	311	218	187
31424		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba (Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 79) đến Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	249	174	149
31425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba (Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 79) đến Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	200	140	120
31426	2	Đường ĐT 760	Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79	Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn	Xã Đắk Nhau	900	630	540
31427		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	432	302	259
31428		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	346	242	208
31429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	277	194	166
31430		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	389	272	233

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31431		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	311	218	187
31432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	249	174	149
31433	3	Đường ĐT 760	Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn	Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung	Xã Đắk Nhau	680	470	410
31434		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn đến Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	326	228	196
31435		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn đến Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	261	183	157
31436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn đến Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	209	146	125
31437		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn đến Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	293	205	176
31438		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn đến Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	235	165	141
31439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn đến Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	188	132	113
31440	4	Đường ĐT 760B	Ngã ba chuồng trâu	Ngã ba Nùng	Xã Đắk Nhau	450	320	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31441		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba chuồng trâu đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	216	151	130
31442		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba chuồng trâu đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	173	121	104
31443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba chuồng trâu đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	138	97	83
31444		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba chuồng trâu đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	194	136	116
31445		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba chuồng trâu đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	156	109	94
31446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba chuồng trâu đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	124	87	74
31447	5	Đường ĐT 760B.Nhựa	Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25	Hết cây xăng Chung Chiều	Xã Đắk Nhau	500	350	300
31448		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25 đến Hết cây xăng Chung Chiều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	240	168	144
31449		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25 đến Hết cây xăng Chung Chiều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	192	134	115
31450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25 đến Hết cây xăng Chung Chiều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	154	108	92

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31451		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25 đến Hết cây xăng Chung Chiều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	216	151	130
31452		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25 đến Hết cây xăng Chung Chiều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	173	121	104
31453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25 đến Hết cây xăng Chung Chiều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	139	97	83
31454	6	Đường ĐT 760B.Nhựa	Hết cây xăng Chung Chiều	Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9	Xã Đắk Nhau	360	250	220
31455		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết cây xăng Chung Chiều đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	173	121	104
31456		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết cây xăng Chung Chiều đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	138	97	83
31457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết cây xăng Chung Chiều đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	110	77	66
31458		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết cây xăng Chung Chiều đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	156	109	94
31459		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết cây xăng Chung Chiều đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	124	87	74

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết cây xăng Chung Chiều đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	99	69	59
31461	7	Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau	Giáp ranh xã Bom Bo	Ngã ba Nùng	Xã Đắk Nhau	560	390	340
31462		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Giáp ranh xã Bom Bo đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	269	188	161
31463		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Giáp ranh xã Bom Bo đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	215	151	129
31464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Giáp ranh xã Bom Bo đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	172	120	103
31465		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Giáp ranh xã Bom Bo đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	242	169	145
31466		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Giáp ranh xã Bom Bo đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	194	136	116
31467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Giáp ranh xã Bom Bo đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	155	109	93
31468	8	Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau	Ngã ba Nùng	Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51	Xã Đắk Nhau	800	560	480
31469		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Ngã ba Nùng đến Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	384	269	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31470		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Ngã ba Nùng đến Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	307	215	184
31471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Ngã ba Nùng đến Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	246	172	148
31472		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Ngã ba Nùng đến Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	346	242	208
31473		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Ngã ba Nùng đến Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	276	193	166
31474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Ngã ba Nùng đến Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	221	155	133
31475	9	Đường ĐT 760B.Nhựa	Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51	Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49	Xã Đắk Nhau	500	350	300
31476		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	240	168	144
31477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	192	134	115
31478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	154	108	92

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31479		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	216	151	130
31480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	173	121	104
31481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	139	97	83
31482	10	Đường ĐT 760B.Nhựa	Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49	Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46	Xã Đắk Nhau	360	250	220
31483		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 đến Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	173	121	104
31484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 đến Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	138	97	83
31485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 đến Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	110	77	66
31486		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 đến Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	156	109	94
31487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 đến Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	124	87	74

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 đến Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	99	69	59
31489	11	Đường ĐT 760B.Nhựa	Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46	Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47	Xã Đắk Nhau	500	350	300
31490		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 đến Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	240	168	144
31491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 đến Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	192	134	115
31492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 đến Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	154	108	92
31493		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 đến Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	216	151	130
31494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 đến Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	173	121	104
31495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 đến Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	139	97	83
31496	12	Đường ĐT 760B.Nhựa	Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47	Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34	Xã Đắk Nhau	410	280	240
31497		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 đến Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	197	138	118

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 đến Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	158	111	95
31499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 đến Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	126	88	76
31500		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 đến Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	177	124	106
31501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 đến Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	142	99	85
31502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 đến Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	113	79	68
31503	13	Đường ĐT 760B	Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34	Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34	Xã Đắk Nhau	360	250	220
31504		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 đến Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	173	121	104
31505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 đến Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	138	97	83
31506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 đến Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	110	77	66

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31507		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 đến Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	156	109	94
31508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 đến Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	124	87	74
31509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 đến Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	99	69	59
31510	14	Đường ĐT 760B	Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34	Giáp ranh xã Thọ Sơn	Xã Đắk Nhau	360	250	220
31511		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	173	121	104
31512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	138	97	83
31513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	110	77	66
31514		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	156	109	94
31515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	124	87	74

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	99	69	59
31517	15	Đường thâm nhập nhựa	Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53	Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 51	Xã Đắk Nhau	360	250	220
31518		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	173	121	104
31519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	138	97	83
31520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	110	77	66
31521		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	156	109	94
31522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	124	87	74
31523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	99	69	59
31524	16	Đường thâm nhập nhựa	Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau (Thửa đất số 120 và 62, tờ bản đồ số 24)	Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 15	Xã Đắk Nhau	270	190	160
31525		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau (Thửa đất số 120 và 62, tờ bản đồ số 24) đến Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	130	91	78

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau (Thửa đất số 120 và 62, tờ bản đồ số 24) đến Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	104	73	62
31527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau (Thửa đất số 120 và 62, tờ bản đồ số 24) đến Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	83	58	50
31528		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau (Thửa đất số 120 và 62, tờ bản đồ số 24) đến Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	117	82	70
31529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau (Thửa đất số 120 và 62, tờ bản đồ số 24) đến Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	94	66	56
31530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau (Thửa đất số 120 và 62, tờ bản đồ số 24) đến Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	75	53	45
31531	17	Đường thâm nhập nhựa	Đường ĐT 760B (Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 49)	Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13	Xã Đắk Nhau	500	350	300
31532		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường ĐT 760B (Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 49) đến Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	240	168	144
31533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường ĐT 760B (Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 49) đến Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	192	134	115

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường ĐT 760B (Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 49) đến Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	154	108	92
31535		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường ĐT 760B (Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 49) đến Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	216	151	130
31536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường ĐT 760B (Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 49) đến Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	173	121	104
31537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường ĐT 760B (Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 49) đến Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	139	97	83
31538	18	Đường thâm nhập nhựa	Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13	Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42	Xã Đắk Nhau	360	250	220
31539		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 đến Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	173	121	104
31540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 đến Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	138	97	83
31541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 đến Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	110	77	66
31542		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 đến Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	156	109	94

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 đến Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	124	87	74
31544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 đến Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	99	69	59
31545	19	Đường thâm nhập nhựa	Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42	Đường ĐT 760B (Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 47)	Xã Đắk Nhau	500	350	300
31546		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 đến Đường ĐT 760B (Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	240	168	144
31547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 đến Đường ĐT 760B (Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	192	134	115
31548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 đến Đường ĐT 760B (Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	154	108	92
31549		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 đến Đường ĐT 760B (Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	216	151	130
31550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 đến Đường ĐT 760B (Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	173	121	104
31551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 đến Đường ĐT 760B (Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	139	97	83

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31552	20	Đường thâm nhập nhựa	Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 49	Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 02	Xã Đắk Nhau	360	250	220
31553		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	173	121	104
31554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	138	97	83
31555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	110	77	66
31556		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	156	109	94
31557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	124	87	74
31558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	99	69	59
31559	21	Đường thâm nhập nhựa	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 02	Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 48	Xã Đắk Nhau	360	250	220
31560		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	173	121	104
31561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	138	97	83

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	110	77	66
31563		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	156	109	94
31564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	124	87	74
31565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	99	69	59
31566	22	Đường thâm nhập nhựa	Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 14	Ngã ba Đường ĐT. 760 (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 14)	Xã Đắk Nhau	410	280	240
31567		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 14 đến Ngã ba Đường ĐT. 760 (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	197	138	118
31568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 14 đến Ngã ba Đường ĐT. 760 (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	158	111	95
31569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 14 đến Ngã ba Đường ĐT. 760 (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	126	88	76
31570		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 14 đến Ngã ba Đường ĐT. 760 (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	177	124	106

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 14 đến Ngã ba Đường ĐT. 760 (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	142	99	85
31572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 14 đến Ngã ba Đường ĐT. 760 (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	113	79	68
31573	23	Đường thâm nhập nhựa	Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 14	Thửa đất số 348, tờ bản đồ số 14	Xã Đắk Nhau	410	280	240
31574		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 14 đến Thửa đất số 348, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	197	138	118
31575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 14 đến Thửa đất số 348, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	158	111	95
31576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 14 đến Thửa đất số 348, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	126	88	76
31577		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 14 đến Thửa đất số 348, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	177	124	106
31578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 14 đến Thửa đất số 348, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	142	99	85
31579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 14 đến Thửa đất số 348, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	113	79	68
31580	24	Đường bê tông nhựa	Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 02	Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 05	Xã Đắk Nhau	320	220	190

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31581		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nhựa đoạn từ Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	154	108	92
31582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nhựa đoạn từ Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	123	86	74
31583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nhựa đoạn từ Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	98	69	59
31584		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nhựa đoạn từ Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	139	97	83
31585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nhựa đoạn từ Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	111	78	67
31586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nhựa đoạn từ Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	88	62	53
31587	27	Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719)	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	270	190	160
31588		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	130	91	78
31589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	104	73	62

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	83	58	50
31591		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	117	82	70
31592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	94	66	56
31593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	75	53	45
31594	28	Đường 10.03 (đường ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4 cũ)	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	270	190	160
31595		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10.03 (đường ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	130	91	78
31596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10.03 (đường ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	104	73	62
31597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10.03 (đường ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	83	58	50
31598		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10.03 (đường ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	117	82	70

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10.03 (đường ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	94	66	56
31600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10.03 (đường ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	75	53	45
31601	29	Ngã ba ông Xây (Bom Bo đến dốc ngầm)	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	270	190	160
31602		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba ông Xây (Bom Bo đến dốc ngầm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	130	91	78
31603		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba ông Xây (Bom Bo đến dốc ngầm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	104	73	62
31604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba ông Xây (Bom Bo đến dốc ngầm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	83	58	50
31605		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba ông Xây (Bom Bo đến dốc ngầm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	117	82	70
31606		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba ông Xây (Bom Bo đến dốc ngầm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	94	66	56
31607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba ông Xây (Bom Bo đến dốc ngầm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	75	53	45
31608	30	Ngã ba Cây xăng Chung Chiều đến ngã ba nhà văn hóa thôn	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	320	220	190

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31609		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba Cây xăng Chung Chiều đến ngã ba nhà văn hóa thôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	154	108	92
31610		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba Cây xăng Chung Chiều đến ngã ba nhà văn hóa thôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	123	86	74
31611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba Cây xăng Chung Chiều đến ngã ba nhà văn hóa thôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	98	69	59
31612		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba Cây xăng Chung Chiều đến ngã ba nhà văn hóa thôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	139	97	83
31613		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba Cây xăng Chung Chiều đến ngã ba nhà văn hóa thôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	111	78	67
31614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba Cây xăng Chung Chiều đến ngã ba nhà văn hóa thôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	88	62	53
31615	31	Đường Đ 10.04 (Ngã ba Bảy Liếm đến ngã ba tổ 4 thôn 2 cũ)	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	270	190	160
31616		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đ 10.04 (Ngã ba Bảy Liếm đến ngã ba tổ 4 thôn 2 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	130	91	78
31617		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đ 10.04 (Ngã ba Bảy Liếm đến ngã ba tổ 4 thôn 2 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	104	73	62
31618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đ 10.04 (Ngã ba Bảy Liếm đến ngã ba tổ 4 thôn 2 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	83	58	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31619		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đ 10.04 (Ngã ba Bảy Liếm đến ngã ba tổ 4 thôn 2 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	117	82	70
31620		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đ 10.04 (Ngã ba Bảy Liếm đến ngã ba tổ 4 thôn 2 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	94	66	56
31621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đ 10.04 (Ngã ba Bảy Liếm đến ngã ba tổ 4 thôn 2 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	75	53	45
31622	32	Đường số 1	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	450	320	270
31623		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	216	151	130
31624		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	173	121	104
31625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	138	97	83
31626		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	194	136	116
31627		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	156	109	94
31628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	124	87	74
31629	33	Đường số 2	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	450	320	270
31630		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	216	151	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31631		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	173	121	104
31632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	138	97	83
31633		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	194	136	116
31634		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	156	109	94
31635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	124	87	74
31636	34	Đường số 3	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	450	320	270
31637		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	216	151	130
31638		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	173	121	104
31639		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	138	97	83
31640		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	194	136	116
31641		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	156	109	94

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31642		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	124	87	74
31643	35	Đường số 4	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	360	250	220
31644		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	173	121	104
31645		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	138	97	83
31646		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	110	77	66
31647		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	156	109	94
31648		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	124	87	74
31649		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	99	69	59
31650	36	Đường số 6	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	320	220	190
31651		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	154	108	92
31652		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	123	86	74
31653		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	98	69	59
31654		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	139	97	83

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31655		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	111	78	67
31656		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	88	62	53
31657	37	Đường 4B - Bê tông xi măng (Nhà ông Phát thợ mộc)	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	270	190	160
31658		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 4B - Bê tông xi măng (Nhà ông Phát thợ mộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	130	91	78
31659		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 4B - Bê tông xi măng (Nhà ông Phát thợ mộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	104	73	62
31660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 4B - Bê tông xi măng (Nhà ông Phát thợ mộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	83	58	50
31661		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 4B - Bê tông xi măng (Nhà ông Phát thợ mộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	117	82	70
31662		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 4B - Bê tông xi măng (Nhà ông Phát thợ mộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	94	66	56
31663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 4B - Bê tông xi măng (Nhà ông Phát thợ mộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	75	53	45
31664	38	Các tuyến đường thuộc khu TTHC xã Đak Nhau	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	450	320	270
31665		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu TTHC xã Đak Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	216	151	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu TTHC xã Đak Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	173	121	104
31667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu TTHC xã Đak Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	138	97	83
31668		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu TTHC xã Đak Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	194	136	116
31669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu TTHC xã Đak Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	156	109	94
31670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu TTHC xã Đak Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	124	87	74
31671	39	Tuyến đường số 7 và 7A thuộc Khu TTHC xã Đường 10 cũ	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	450	320	270
31672		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường số 7 và 7A thuộc Khu TTHC xã Đường 10 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	216	151	130
31673		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường số 7 và 7A thuộc Khu TTHC xã Đường 10 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	173	121	104
31674		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường số 7 và 7A thuộc Khu TTHC xã Đường 10 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	138	97	83
31675		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường số 7 và 7A thuộc Khu TTHC xã Đường 10 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	194	136	116

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31676		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường số 7 và 7A thuộc Khu TTHC xã Đường 10 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	156	109	94
31677		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường số 7 và 7A thuộc Khu TTHC xã Đường 10 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	124	87	74
31678	1	Đường ĐT 760	Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã Minh Hưng)	Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78	Xã Bom Bo	720	500	430
31679		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã Minh Hưng) đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	346	242	208
31680		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã Minh Hưng) đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	277	194	166
31681		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã Minh Hưng) đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	222	155	133
31682		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã Minh Hưng) đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	311	218	187
31683		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã Minh Hưng) đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	249	174	149
31684		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã Minh Hưng) đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	200	140	120
31685	2	Đường ĐT 760	Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78	Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 (Nhà Thắng Bền)	Xã Bom Bo	810	570	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 đến Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 (Nhà Thắng Bền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	389	272	233
31687		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 đến Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 (Nhà Thắng Bền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	311	218	187
31688		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 đến Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 (Nhà Thắng Bền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	249	174	149
31689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 đến Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 (Nhà Thắng Bền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	350	245	210
31690		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 đến Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 (Nhà Thắng Bền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	280	196	168
31691		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 đến Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 (Nhà Thắng Bền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	224	157	134
31692	3	Đường ĐT 760	Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77	Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 (Nhà Thanh Hương)	Xã Bom Bo	1600	1100	970
31693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 đến Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 (Nhà Thanh Hương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	768	538	461
31694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 đến Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 (Nhà Thanh Hương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	614	430	368

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31695		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 đến Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 (Nhà Thanh Hương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	491	344	295
31696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 đến Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 (Nhà Thanh Hương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	691	484	415
31697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 đến Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 (Nhà Thanh Hương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	553	387	332
31698		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 đến Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 (Nhà Thanh Hương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	442	309	265
31699	4	Đường ĐT 760	Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75	Ngã ba Tình Nghĩa	Xã Bom Bo	900	630	540
31700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 đến Ngã ba Tình Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	432	302	259
31701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 đến Ngã ba Tình Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	346	242	208
31702		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 đến Ngã ba Tình Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	277	194	166
31703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 đến Ngã ba Tình Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	389	272	233

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 đến Ngã ba Tình Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	311	218	187
31705		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 đến Ngã ba Tình Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	249	174	149
31706	5	Đường ĐT 760	Ngã ba Tình Nghĩa	Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 (Đường vào nhà thờ)	Xã Bom Bo	1700	1200	1000
31707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tình Nghĩa đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 (Đường vào nhà thờ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	816	571	490
31708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tình Nghĩa đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 (Đường vào nhà thờ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	653	457	392
31709		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tình Nghĩa đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 (Đường vào nhà thờ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	522	365	313
31710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tình Nghĩa đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 (Đường vào nhà thờ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	734	514	440
31711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tình Nghĩa đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 (Đường vào nhà thờ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	588	412	353

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31712		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tình Nghĩa đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 (Đường vào nhà thờ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	470	329	282
31713	6	Đường ĐT 760	Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71	Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cống nhà chú Nam)	Xã Bom Bo	1600	1100	970
31714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 đến Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cống nhà chú Nam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	768	538	461
31715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 đến Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cống nhà chú Nam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	614	430	368
31716		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 đến Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cống nhà chú Nam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	491	344	295
31717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 đến Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cống nhà chú Nam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	691	484	415
31718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 đến Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cống nhà chú Nam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	553	387	332
31719		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 đến Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cống nhà chú Nam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	442	309	265

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31720	7	Đường ĐT 760	Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cống nhà chú Nam)	Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn)	Xã Bom Bo	1700	1200	1000
31721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cống nhà chú Nam) đến Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	816	571	490
31722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cống nhà chú Nam) đến Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	653	457	392
31723		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cống nhà chú Nam) đến Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	522	365	313
31724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cống nhà chú Nam) đến Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	734	514	440
31725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cống nhà chú Nam) đến Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	588	412	353
31726		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cống nhà chú Nam) đến Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	470	329	282
31727	8	Đường ĐT 760	Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn)	Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo)	Xã Bom Bo	1400	950	810
31728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) đến Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	672	470	403

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) đến Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	538	377	323
31730		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) đến Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	430	301	258
31731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) đến Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	605	424	363
31732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) đến Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	484	339	290
31733		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) đến Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	387	271	232
31734	9	Đường ĐT 760	Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo))	Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55	Xã Bom Bo	900	630	540
31735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo)) đến Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	432	302	259
31736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo)) đến Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	346	242	208

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31737		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo)) đến Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	277	194	166
31738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo)) đến Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	389	272	233
31739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo)) đến Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	311	218	187
31740		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo)) đến Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	249	174	149
31741	10	Đường ĐT 760	Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55	Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55	Xã Bom Bo	770	540	460
31742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	370	259	222
31743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	296	207	178
31744		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	237	166	142
31745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	333	233	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	266	186	160
31747		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	213	149	128
31748	11	Đường ĐT 760	Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55	Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55	Xã Bom Bo	680	470	410
31749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	326	228	196
31750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	261	183	157
31751		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	209	146	125
31752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	293	205	176
31753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	235	165	141
31754		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	188	132	113
31755	12	Đường ĐT 760	Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55	Cầu Sập	Xã Bom Bo	630	440	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	302	211	181
31757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	242	169	145
31758		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	194	136	116
31759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	272	190	163
31760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	218	153	131
31761		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	175	123	105
31762	13	Đường ĐT 760	Cầu Sập	Ngã ba đường đi Đăk Liên	Xã Bom Bo	810	570	490
31763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sập đến Ngã ba đường đi Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	389	272	233
31764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sập đến Ngã ba đường đi Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	311	218	187
31765		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sập đến Ngã ba đường đi Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	249	174	149

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sập đến Ngã ba đường đi Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	350	245	210
31767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sập đến Ngã ba đường đi Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	280	196	168
31768		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sập đến Ngã ba đường đi Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	224	157	134
31769	14	Đường ĐT 760	Ngã ba đường đi Đăk Liên	Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29)	Xã Bom Bo	900	630	540
31770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường đi Đăk Liên đến Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	432	302	259
31771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường đi Đăk Liên đến Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	346	242	208
31772		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường đi Đăk Liên đến Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	277	194	166
31773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường đi Đăk Liên đến Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	389	272	233
31774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường đi Đăk Liên đến Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	311	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31775		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường đi Đăk Liên đến Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	249	174	149
31776	15	Đường ĐT 760	Hết ranh Cổng Nhà văn hóa (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) Bom Bo	Bom Bo Điểm cuối Hết ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8,, tờ bản đồ số 36)	Xã Bom Bo	2100	1400	1200
31777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Cổng Nhà văn hóa (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) Bom Bo đến Bom Bo Điểm cuối Hết ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8,, tờ bản đồ số 36) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	1008	706	605
31778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Cổng Nhà văn hóa (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) Bom Bo đến Bom Bo Điểm cuối Hết ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8,, tờ bản đồ số 36) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	806	564	484
31779		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Cổng Nhà văn hóa (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) Bom Bo đến Bom Bo Điểm cuối Hết ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8,, tờ bản đồ số 36) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	645	452	387
31780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Cổng Nhà văn hóa (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) Bom Bo đến Bom Bo Điểm cuối Hết ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8,, tờ bản đồ số 36) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	907	635	544
31781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Cổng Nhà văn hóa (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) Bom Bo đến Bom Bo Điểm cuối Hết ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8,, tờ bản đồ số 36) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	725	508	435
31782		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Cổng Nhà văn hóa (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) Bom Bo đến Bom Bo Điểm cuối Hết ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8,, tờ bản đồ số 36) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	581	407	349

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31783	16	Đường ĐT 760	Giáp ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 36)	Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22)	Xã Bom Bo	1900	1300	1100
31784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	912	638	547
31785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	730	511	438
31786		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	584	409	350
31787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	821	575	493
31788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	657	460	394
31789		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	526	368	316
31790	17	Đường ĐT 760	Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22)	Giáp ranh xã Đắk Nhau	Xã Bom Bo	900	630	540
31791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	432	302	259

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	346	242	208
31793		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	277	194	166
31794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	389	272	233
31795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	311	218	187
31796		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	249	174	149
31797	18	Các tuyến đường trong khu trung tâm hành chính xã	Toàn tuyến		Xã Bom Bo	900	630	540
31798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong khu trung tâm hành chính xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	432	302	259
31799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong khu trung tâm hành chính xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	346	242	208
31800		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong khu trung tâm hành chính xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	277	194	166

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong khu trung tâm hành chính xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	389	272	233
31802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong khu trung tâm hành chính xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	311	218	187
31803		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong khu trung tâm hành chính xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	249	174	149
31804	19	Đường từ nhà bà Sâm Mai và Trần Văn Tửu đến nhà bà Lê Thị Đổi	Thửa đất số 122, 101 tờ bản đồ số 80	Thửa đất số 88, 7 tờ bản đồ số 66	Xã Bom Bo	320	220	190
31805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ nhà bà Sâm Mai và Trần Văn Tửu đến nhà bà Lê Thị Đổi đoạn từ Thửa đất số 122, 101 tờ bản đồ số 80 đến Thửa đất số 88, 7 tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	154	108	92
31806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ nhà bà Sâm Mai và Trần Văn Tửu đến nhà bà Lê Thị Đổi đoạn từ Thửa đất số 122, 101 tờ bản đồ số 80 đến Thửa đất số 88, 7 tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	123	86	74
31807		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ nhà bà Sâm Mai và Trần Văn Tửu đến nhà bà Lê Thị Đổi đoạn từ Thửa đất số 122, 101 tờ bản đồ số 80 đến Thửa đất số 88, 7 tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	98	69	59
31808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ nhà bà Sâm Mai và Trần Văn Tửu đến nhà bà Lê Thị Đổi đoạn từ Thửa đất số 122, 101 tờ bản đồ số 80 đến Thửa đất số 88, 7 tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	139	97	83

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ nhà bà Sâm Mai và Trần Văn Tửu đến nhà bà Lê Thị Đổi đoạn từ Thửa đất số 122, 101 tờ bản đồ số 80 đến Thửa đất số 88, 7 tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	111	78	67
31810		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ nhà bà Sâm Mai và Trần Văn Tửu đến nhà bà Lê Thị Đổi đoạn từ Thửa đất số 122, 101 tờ bản đồ số 80 đến Thửa đất số 88, 7 tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	88	62	53
31811	20	Đường 23 (đường liên xã)	Đường ĐT 760	Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 55	Xã Bom Bo	410	280	240
31812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 23 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	197	138	118
31813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 23 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	158	111	95
31814		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 23 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	126	88	76
31815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 23 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	177	124	106
31816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 23 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	142	99	85
31817		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 23 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	113	79	68
31818	21	Đường 24 (đường liên xã)	Đường ĐT 760	Thửa đất số 10 & 22, tờ bản đồ số 55	Xã Bom Bo	410	280	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 24 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 10 & 22, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	197	138	118
31820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 24 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 10 & 22, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	158	111	95
31821		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 24 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 10 & 22, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	126	88	76
31822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 24 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 10 & 22, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	177	124	106
31823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 24 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 10 & 22, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	142	99	85
31824		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 24 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 10 & 22, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	113	79	68
31825	22	Đường BM.01 (Đường Ba Trà đi thôn 678 cũ)	Đường ĐT 760	Đất ông Dương Văn Hùng (lối vào đường vành đai xã) thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64	Xã Bom Bo	320	220	190
31826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường BM.01 (Đường Ba Trà đi thôn 678 cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đất ông Dương Văn Hùng (lối vào đường vành đai xã) thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	154	108	92
31827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường BM.01 (Đường Ba Trà đi thôn 678 cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đất ông Dương Văn Hùng (lối vào đường vành đai xã) thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	123	86	74

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31828		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường BM.01 (Đường Ba Trà đi thôn 678 cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đất ông Dương Văn Hùng (lối vào đường vành đai xã) thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	98	69	59
31829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường BM.01 (Đường Ba Trà đi thôn 678 cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đất ông Dương Văn Hùng (lối vào đường vành đai xã) thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	139	97	83
31830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường BM.01 (Đường Ba Trà đi thôn 678 cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đất ông Dương Văn Hùng (lối vào đường vành đai xã) thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	111	78	67
31831		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường BM.01 (Đường Ba Trà đi thôn 678 cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đất ông Dương Văn Hùng (lối vào đường vành đai xã) thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	88	62	53
31832	23	Tuyến nghĩa tình đến khu đất nhỏ Nguyễn Thanh Tâm	Đường ĐT 760	Thửa đất số 47 và 54, tờ bản đồ số 52	Xã Bom Bo	410	280	240
31833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến nghĩa tình đến khu đất nhỏ Nguyễn Thanh Tâm đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 47 và 54, tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	197	138	118
31834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến nghĩa tình đến khu đất nhỏ Nguyễn Thanh Tâm đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 47 và 54, tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	158	111	95
31835		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến nghĩa tình đến khu đất nhỏ Nguyễn Thanh Tâm đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 47 và 54, tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	126	88	76

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến nghĩa tình đến khu đất nhỏ Nguyễn Thanh Tâm đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 47 và 54, tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	177	124	106
31837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến nghĩa tình đến khu đất nhỏ Nguyễn Thanh Tâm đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 47 và 54, tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	142	99	85
31838		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến nghĩa tình đến khu đất nhỏ Nguyễn Thanh Tâm đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 47 và 54, tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	113	79	68
31839	24	Tuyến đường vành đai xã	Ranh đất ông Nguyễn Văn Chấp (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 80) - Đất ông Lữ Văn Lâm (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 66)	Hết ranh đất ông Dương Văn Hùng (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64); Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 64	Xã Bom Bo	320	220	190
31840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường vành đai xã đoạn từ Ranh đất ông Nguyễn Văn Chấp (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 80) - Đất ông Lữ Văn Lâm (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 66) đến Hết ranh đất ông Dương Văn Hùng (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64); Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	154	108	92
31841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường vành đai xã đoạn từ Ranh đất ông Nguyễn Văn Chấp (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 80) - Đất ông Lữ Văn Lâm (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 66) đến Hết ranh đất ông Dương Văn Hùng (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64); Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	123	86	74
31842		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường vành đai xã đoạn từ Ranh đất ông Nguyễn Văn Chấp (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 80) - Đất ông Lữ Văn Lâm (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 66) đến Hết ranh đất ông Dương Văn Hùng (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64); Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	98	69	59

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường vành đai xã đoạn từ Ranh đất ông Nguyễn Văn Chấp (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 80) - Đất ông Lữ Văn Lâm (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 66) đến Hết ranh đất ông Dương Văn Hùng (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64); Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	139	97	83
31844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường vành đai xã đoạn từ Ranh đất ông Nguyễn Văn Chấp (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 80) - Đất ông Lữ Văn Lâm (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 66) đến Hết ranh đất ông Dương Văn Hùng (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64); Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	111	78	67
31845		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường vành đai xã đoạn từ Ranh đất ông Nguyễn Văn Chấp (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 80) - Đất ông Lữ Văn Lâm (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 66) đến Hết ranh đất ông Dương Văn Hùng (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64); Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	88	62	53
31846	25	Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau	Ngã tư Bom Bo	Ngã ba đường Sân Bóng	Xã Bom Bo	1200	820	700
31847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã ba đường Sân Bóng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	576	403	346
31848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã ba đường Sân Bóng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	461	323	277
31849		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã ba đường Sân Bóng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	369	258	221
31850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã ba đường Sân Bóng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã ba đường Sân Bóng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	415	291	249
31852		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã ba đường Sân Bóng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	332	232	199
31853	26	Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau	Ngã ba đường Sân Bóng	Hết ranh Trường Lương Thế Vinh	Xã Bom Bo	990	690	590
31854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã ba đường Sân Bóng đến Hết ranh Trường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	475	333	285
31855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã ba đường Sân Bóng đến Hết ranh Trường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	380	266	228
31856		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã ba đường Sân Bóng đến Hết ranh Trường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	304	213	182
31857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã ba đường Sân Bóng đến Hết ranh Trường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	428	300	257
31858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã ba đường Sân Bóng đến Hết ranh Trường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	342	239	205
31859		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã ba đường Sân Bóng đến Hết ranh Trường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	274	192	164
31860	27	Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau	Giáp ranh Trường Lương Thế Vinh	Giáp ranh xã Đắk Nhau	Xã Bom Bo	670	470	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Giáp ranh Trường Lương Thế Vinh đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	322	225	193
31862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Giáp ranh Trường Lương Thế Vinh đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	258	181	155
31863		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Giáp ranh Trường Lương Thế Vinh đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	206	144	124
31864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Giáp ranh Trường Lương Thế Vinh đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	290	203	174
31865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Giáp ranh Trường Lương Thế Vinh đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	232	162	139
31866		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Giáp ranh Trường Lương Thế Vinh đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	185	130	111
31867	28	Đường đi Đăk Liên	Ngã tư Bom Bo	Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40)	Xã Bom Bo	830	580	500
31868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	398	279	239
31869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	318	223	191

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31870		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	254	178	152
31871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	358	251	215
31872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	286	200	172
31873		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	229	160	137
31874	29	Đường đi Đăk Liên	Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40)	Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33)	Xã Bom Bo	670	470	400
31875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	322	225	193
31876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	258	181	155
31877		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	206	144	124

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	290	203	174
31879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	232	162	139
31880		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	185	130	111
31881	30	Đường đi Đăk Liên	Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33)	Ngã ba nhà ông Tuấn Anh (Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 34)	Xã Bom Bo	670	470	400
31882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) đến Ngã ba nhà ông Tuấn Anh (Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	322	225	193
31883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) đến Ngã ba nhà ông Tuấn Anh (Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	258	181	155
31884		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) đến Ngã ba nhà ông Tuấn Anh (Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	206	144	124
31885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) đến Ngã ba nhà ông Tuấn Anh (Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	290	203	174

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) đến Ngã ba nhà ông Tuấn Anh (Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	232	162	139
31887		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) đến Ngã ba nhà ông Tuấn Anh (Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	185	130	111
31888	31	Đường đi Đăk Liên	Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106 tổ bản đồ số 33)	Hết ranh đất lâm phần	Xã Bom Bo	390	270	230
31889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106 tổ bản đồ số 33) đến Hết ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	187	131	112
31890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106 tổ bản đồ số 33) đến Hết ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	150	105	90
31891		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106 tổ bản đồ số 33) đến Hết ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	120	84	72
31892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106 tổ bản đồ số 33) đến Hết ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	168	118	101
31893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106 tổ bản đồ số 33) đến Hết ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	135	95	81
31894		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106 tổ bản đồ số 33) đến Hết ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	108	76	65

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31895	33	Đường Nội Ô	Hết ranh nhà ông Ba Thành	Ngã ba Cây xăng Tân Mỹ Hoa đường đi Đắk Nhau	Xã Bom Bo	980	690	590
31896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Ba Thành đến Ngã ba Cây xăng Tân Mỹ Hoa đường đi Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	470	329	282
31897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Ba Thành đến Ngã ba Cây xăng Tân Mỹ Hoa đường đi Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	376	263	226
31898		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Ba Thành đến Ngã ba Cây xăng Tân Mỹ Hoa đường đi Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	301	211	181
31899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Ba Thành đến Ngã ba Cây xăng Tân Mỹ Hoa đường đi Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	423	296	254
31900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Ba Thành đến Ngã ba Cây xăng Tân Mỹ Hoa đường đi Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	338	237	203
31901		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Ba Thành đến Ngã ba Cây xăng Tân Mỹ Hoa đường đi Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	271	190	163
31902	34	Đường Nội Ô	Hết ranh nhà ông Cao Văn Yên	Ngã ba đường nhà Ông Trúc Lam	Xã Bom Bo	860	600	520
31903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Cao Văn Yên đến Ngã ba đường nhà Ông Trúc Lam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	413	289	248
31904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Cao Văn Yên đến Ngã ba đường nhà Ông Trúc Lam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	330	231	198

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31905		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Cao Văn Yên đến Ngã ba đường nhà Ông Trúc Lam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	264	185	158
31906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Cao Văn Yên đến Ngã ba đường nhà Ông Trúc Lam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	372	260	223
31907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Cao Văn Yên đến Ngã ba đường nhà Ông Trúc Lam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	297	208	178
31908		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Cao Văn Yên đến Ngã ba đường nhà Ông Trúc Lam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	238	167	143
31909	35	Đường hai bên chợ Bom Bo	Hành lang nhà lồng chợ chính	Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m	Xã Bom Bo	960	670	570
31910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Bom Bo đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	461	323	277
31911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Bom Bo đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	369	258	221
31912		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Bom Bo đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	295	207	177
31913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Bom Bo đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	415	291	249

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Bom Bo đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	332	232	199
31915		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Bom Bo đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	266	186	160
31916	36	Đường ô trường Tiểu học	Ngã ba nhà ông Tiền (Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 40)	Ngã ba nhà ông Long Quý (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 40)	Xã Bom Bo	770	540	460
31917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ô trường Tiểu học đoạn từ Ngã ba nhà ông Tiền (Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Long Quý (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	370	259	222
31918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ô trường Tiểu học đoạn từ Ngã ba nhà ông Tiền (Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Long Quý (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	296	207	178
31919		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ô trường Tiểu học đoạn từ Ngã ba nhà ông Tiền (Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Long Quý (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	237	166	142
31920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ô trường Tiểu học đoạn từ Ngã ba nhà ông Tiền (Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Long Quý (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	333	233	200
31921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ô trường Tiểu học đoạn từ Ngã ba nhà ông Tiền (Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Long Quý (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	266	186	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31922		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ô trường Tiểu học đoạn từ Ngã ba nhà ông Tiền (Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Long Quý (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	213	149	128
31923	37	Đường BB.04 (Đường Thôn 7 - Thôn 9 cũ)	Ngã ba vào Trường cấp 1, 2 Trần Văn Ơn	Ngã ba nhà ông Tô Văn Tướng (Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10)	Xã Bom Bo	390	270	230
31924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường BB.04 (Đường Thôn 7 - Thôn 9 cũ) đoạn từ Ngã ba vào Trường cấp 1, 2 Trần Văn Ơn đến Ngã ba nhà ông Tô Văn Tướng (Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	187	131	112
31925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường BB.04 (Đường Thôn 7 - Thôn 9 cũ) đoạn từ Ngã ba vào Trường cấp 1, 2 Trần Văn Ơn đến Ngã ba nhà ông Tô Văn Tướng (Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	150	105	90
31926		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường BB.04 (Đường Thôn 7 - Thôn 9 cũ) đoạn từ Ngã ba vào Trường cấp 1, 2 Trần Văn Ơn đến Ngã ba nhà ông Tô Văn Tướng (Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	120	84	72
31927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường BB.04 (Đường Thôn 7 - Thôn 9 cũ) đoạn từ Ngã ba vào Trường cấp 1, 2 Trần Văn Ơn đến Ngã ba nhà ông Tô Văn Tướng (Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	168	118	101
31928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường BB.04 (Đường Thôn 7 - Thôn 9 cũ) đoạn từ Ngã ba vào Trường cấp 1, 2 Trần Văn Ơn đến Ngã ba nhà ông Tô Văn Tướng (Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	135	95	81
31929		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường BB.04 (Đường Thôn 7 - Thôn 9 cũ) đoạn từ Ngã ba vào Trường cấp 1, 2 Trần Văn Ơn đến Ngã ba nhà ông Tô Văn Tướng (Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	108	76	65
31930	38	Đường bên hông Trung tâm thương mại	Hết ranh nhà ông Đỗ Đình Hà (Thửa đất số 191, tờ bản đồ số 37)	Suối Đăk Liên	Xã Bom Bo	540	380	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Trung tâm thương mại đoạn từ Hết ranh nhà ông Đỗ Đình Hà (Thửa đất số 191, tờ bản đồ số 37) đến Suối Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	259	181	155
31932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Trung tâm thương mại đoạn từ Hết ranh nhà ông Đỗ Đình Hà (Thửa đất số 191, tờ bản đồ số 37) đến Suối Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	207	145	124
31933		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Trung tâm thương mại đoạn từ Hết ranh nhà ông Đỗ Đình Hà (Thửa đất số 191, tờ bản đồ số 37) đến Suối Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	166	116	100
31934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Trung tâm thương mại đoạn từ Hết ranh nhà ông Đỗ Đình Hà (Thửa đất số 191, tờ bản đồ số 37) đến Suối Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	233	163	140
31935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Trung tâm thương mại đoạn từ Hết ranh nhà ông Đỗ Đình Hà (Thửa đất số 191, tờ bản đồ số 37) đến Suối Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	186	130	112
31936		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Trung tâm thương mại đoạn từ Hết ranh nhà ông Đỗ Đình Hà (Thửa đất số 191, tờ bản đồ số 37) đến Suối Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	149	104	89
31937	39	Đường vào Khu dân cư Thái Thành	Ngã ba nhà ông Toàn (Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 37)	Khu dân cư Thái Thành	Xã Bom Bo	610	430	370
31938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu dân cư Thái Thành đoạn từ Ngã ba nhà ông Toàn (Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 37) đến Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	293	205	176

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu dân cư Thái Thành đoạn từ Ngã ba nhà ông Toàn (Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 37) đến Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	234	164	140
31940		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu dân cư Thái Thành đoạn từ Ngã ba nhà ông Toàn (Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 37) đến Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	187	131	112
31941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu dân cư Thái Thành đoạn từ Ngã ba nhà ông Toàn (Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 37) đến Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	264	185	158
31942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu dân cư Thái Thành đoạn từ Ngã ba nhà ông Toàn (Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 37) đến Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	211	148	127
31943		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu dân cư Thái Thành đoạn từ Ngã ba nhà ông Toàn (Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 37) đến Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	168	118	101
31944	40	Đường vành đai Bom Bo giáp với đường 10 cũ	Ngã ba ông Xây (Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 2)	Ngã ba nhà ông Thái (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 6)	Xã Bom Bo	410	280	240
31945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vành đai Bom Bo giáp với đường 10 cũ đoạn từ Ngã ba ông Xây (Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba nhà ông Thái (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	197	138	118
31946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vành đai Bom Bo giáp với đường 10 cũ đoạn từ Ngã ba ông Xây (Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba nhà ông Thái (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	158	111	95

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31947		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vành đai Bom Bo giáp với đường 10 cũ đoạn từ Ngã ba ông Xây (Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba nhà ông Thái (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	126	88	76
31948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vành đai Bom Bo giáp với đường 10 cũ đoạn từ Ngã ba ông Xây (Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba nhà ông Thái (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	177	124	106
31949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vành đai Bom Bo giáp với đường 10 cũ đoạn từ Ngã ba ông Xây (Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba nhà ông Thái (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	142	99	85
31950		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vành đai Bom Bo giáp với đường 10 cũ đoạn từ Ngã ba ông Xây (Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba nhà ông Thái (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	113	79	68
31951	41	Khu dân cư Thái Thành - Bom Bo (Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Bất động sản Thái Thành)	Các tuyến đường trong Khu dân cư (không bao gồm đường ĐT 760)		Xã Bom Bo	1100	760	650
31952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thái Thành - Bom Bo (Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Bất động sản Thái Thành) (Các tuyến đường trong Khu dân cư (không bao gồm đường ĐT 760)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	528	370	317
31953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thái Thành - Bom Bo (Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Bất động sản Thái Thành) (Các tuyến đường trong Khu dân cư (không bao gồm đường ĐT 760)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	422	295	253
31954		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thái Thành - Bom Bo (Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Bất động sản Thái Thành) (Các tuyến đường trong Khu dân cư (không bao gồm đường ĐT 760)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	338	237	203

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thái Thành - Bom Bo (Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Bất động sản Thái Thành) (Các tuyến đường trong Khu dân cư (không bao gồm đường ĐT 760)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	475	333	285
31956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thái Thành - Bom Bo (Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Bất động sản Thái Thành) (Các tuyến đường trong Khu dân cư (không bao gồm đường ĐT 760)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	380	266	228
31957		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thái Thành - Bom Bo (Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Bất động sản Thái Thành) (Các tuyến đường trong Khu dân cư (không bao gồm đường ĐT 760)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	304	213	182
31958	42	Đường bên hông Thái Thành	Đường ĐT 760	UBND xã Bom Bo	Xã Bom Bo	410	280	240
31959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Thái Thành đoạn từ Đường ĐT 760 đến UBND xã Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	197	138	118
31960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Thái Thành đoạn từ Đường ĐT 760 đến UBND xã Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	158	111	95
31961		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Thái Thành đoạn từ Đường ĐT 760 đến UBND xã Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	126	88	76
31962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Thái Thành đoạn từ Đường ĐT 760 đến UBND xã Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	177	124	106
31963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Thái Thành đoạn từ Đường ĐT 760 đến UBND xã Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	142	99	85

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31964		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Thái Thành đoạn từ Đường ĐT 760 đến UBND xã Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	113	79	68
31965	45	Đường vào nghĩa địa xã	Đường ĐT 760	Đến giáp suối (thửa đất số 56 tờ bản đồ số 21)	Xã Bom Bo	500	350	300
31966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nghĩa địa xã đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đến giáp suối (thửa đất số 56 tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	240	168	144
31967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nghĩa địa xã đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đến giáp suối (thửa đất số 56 tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	192	134	115
31968		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nghĩa địa xã đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đến giáp suối (thửa đất số 56 tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	154	108	92
31969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nghĩa địa xã đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đến giáp suối (thửa đất số 56 tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	216	151	130
31970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nghĩa địa xã đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đến giáp suối (thửa đất số 56 tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	173	121	104
31971		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nghĩa địa xã đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đến giáp suối (thửa đất số 56 tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	139	97	83
31972	46	Đường vào xóm Bến Tre	Đường ĐT 760	Ngã ba thửa đất số 63 tờ bản đồ số 20	Xã Bom Bo	450	320	270
31973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào xóm Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 760 đến Ngã ba thửa đất số 63 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	216	151	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào xóm Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 760 đến Ngã ba thửa đất số 63 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	173	121	104
31975		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào xóm Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 760 đến Ngã ba thửa đất số 63 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	138	97	83
31976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào xóm Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 760 đến Ngã ba thửa đất số 63 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	194	136	116
31977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào xóm Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 760 đến Ngã ba thửa đất số 63 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	156	109	94
31978		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào xóm Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 760 đến Ngã ba thửa đất số 63 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	124	87	74
31979	47	Đường vào sân vận động xã	Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau	Đường vào Khu dân cư Thái Thành	Xã Bom Bo	450	320	270
31980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào sân vận động xã đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đến Đường vào Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	216	151	130
31981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào sân vận động xã đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đến Đường vào Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	173	121	104
31982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào sân vận động xã đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đến Đường vào Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	138	97	83

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào sân vận động xã đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đến Đường vào Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	194	136	116
31984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào sân vận động xã đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đến Đường vào Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	156	109	94
31985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào sân vận động xã đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đến Đường vào Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	124	87	74
31986	1	Đường Nguyễn Huệ	Từ thửa đất số 7 tờ bản đồ số 73	Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74)	Xã Thiện Hưng	6700	4700	4000
31987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 7 tờ bản đồ số 73 đến Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	3216	2251	1930
31988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 7 tờ bản đồ số 73 đến Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	2573	1801	1544
31989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 7 tờ bản đồ số 73 đến Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	2058	1441	1235
31990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 7 tờ bản đồ số 73 đến Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	2894	2026	1736
31991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 7 tờ bản đồ số 73 đến Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	2316	1621	1390

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
31992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 7 tờ bản đồ số 73 đến Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1852	1296	1111
31993	2	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74)	Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59	Xã Thiện Hưng	7200	5000	4300
31994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) đến Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	3456	2419	2074
31995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) đến Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	2765	1936	1659
31996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) đến Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	2212	1548	1327
31997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) đến Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	3110	2177	1866
31998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) đến Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	2489	1742	1493
31999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) đến Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1991	1394	1195
32000	3	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59	Hết ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 44	Xã Thiện Hưng	8200	5700	4900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32001		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	3936	2755	2362
32002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	3149	2204	1889
32003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	2519	1763	1511
32004		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	3542	2479	2125
32005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	2834	1984	1700
32006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	2267	1587	1360
32007	4	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44	Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34)	Xã Thiện Hưng	6700	4700	4000
32008		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	3216	2251	1930
32009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	2573	1801	1544

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32010		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	2058	1441	1235
32011		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	2894	2026	1736
32012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	2316	1621	1390
32013		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1852	1296	1111
32014	5	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34)	Ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 333 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 3 tờ bản đồ số 31 về bên trái))	Xã Thiện Hưng	5600	3900	3400
32015		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 333 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 3 tờ bản đồ số 31 về bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	2688	1882	1613
32016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 333 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 3 tờ bản đồ số 31 về bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	2150	1505	1290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32017		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 333 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 3 tờ bản đồ số 31 về bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1720	1204	1032
32018		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 333 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 3 tờ bản đồ số 31 về bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	2419	1693	1451
32019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 333 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 3 tờ bản đồ số 31 về bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1935	1355	1161
32020		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 333 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 3 tờ bản đồ số 31 về bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1548	1084	929
32021	6	Đường Lê Duẩn	Ngã ba Công Chánh	Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51	Xã Thiện Hưng	8200	5700	4900
32022		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Công Chánh đến Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	3936	2755	2362
32023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Công Chánh đến Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	3149	2204	1889
32024		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Công Chánh đến Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	2519	1763	1511

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32025		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Công Chánh đến Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	3542	2479	2125
32026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Công Chánh đến Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	2834	1984	1700
32027		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Công Chánh đến Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	2267	1587	1360
32028	7	Đường Lê Duẩn	Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51	Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46	Xã Thiện Hưng	6700	4700	4000
32029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 đến Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	3216	2251	1930
32030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 đến Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	2573	1801	1544
32031		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 đến Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	2058	1441	1235
32032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 đến Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	2894	2026	1736

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 đến Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	2316	1621	1390
32034		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 đến Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1852	1296	1111
32035	8	Đường Lê Duẩn	Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46	Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10	Xã Thiện Hưng	5300	3700	3200
32036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 đến Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	2544	1781	1526
32037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 đến Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	2035	1425	1221
32038		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 đến Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1628	1140	977
32039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 đến Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	2290	1603	1374
32040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 đến Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1832	1282	1099

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32041		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 đến Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1465	1026	879
32042	9	Đường Lê Duẩn	Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10	Đến ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10)	Xã Thiện Hưng	4600	3200	2800
32043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 đến Đến ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	2208	1546	1325
32044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 đến Đến ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1766	1236	1060
32045		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 đến Đến ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1413	989	848
32046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 đến Đến ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1987	1391	1192
32047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 đến Đến ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1589	1112	953

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32048		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 đến Đến ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1272	890	763
32049	10	Đường Lê Duẩn	Từ ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10)	Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái)	Xã Thiện Hưng	2400	1700	1400
32050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Từ ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) đến Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1152	806	691
32051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Từ ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) đến Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	922	645	553
32052		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Từ ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) đến Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	738	517	443
32053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Từ ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) đến Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1037	726	622

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Từ ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) đến Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	830	581	498
32055		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Từ ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) đến Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	664	465	398
32056	11	Đường Lê Duẩn	Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái)	Hết ranh thửa đất số 94 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20)	Xã Thiện Hưng	1900	1300	1200
32057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) đến Hết ranh thửa đất số 94 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	912	638	547
32058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) đến Hết ranh thửa đất số 94 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	730	511	438
32059		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) đến Hết ranh thửa đất số 94 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	584	409	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) đến Hết ranh thửa đất số 94 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Xã Thiện Hưng	821	575	493
32061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) đến Hết ranh thửa đất số 94 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	657	460	394
32062		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) đến Hết ranh thửa đất số 94 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	526	368	316
32063	13	Đường Hùng Vương	Vòng Xoay (Từ thửa đất số 51 tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 75))	Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch	Xã Thiện Hưng	5000	3500	3000
32064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Vòng Xoay (Từ thửa đất số 51 tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 75)) đến Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Xã Thiện Hưng	2400	1680	1440
32065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Vòng Xoay (Từ thửa đất số 51 tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 75)) đến Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	1920	1344	1152
32066		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Vòng Xoay (Từ thửa đất số 51 tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 75)) đến Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	1536	1075	922
32067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Vòng Xoay (Từ thửa đất số 51 tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 75)) đến Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Xã Thiện Hưng	2160	1512	1296

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Vòng Xoay (Từ thửa đất số 51 tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 75)) đến Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1728	1210	1037
32069		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Vòng Xoay (Từ thửa đất số 51 tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 75)) đến Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1382	967	829
32070	14	Đường Hùng Vương	Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch	Hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 64 (tờ bản đồ cũ số 65)	Xã Thiện Hưng	4500	3100	2700
32071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch đến Hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 64 (tờ bản đồ cũ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	2160	1512	1296
32072		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch đến Hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 64 (tờ bản đồ cũ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1728	1210	1037
32073		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch đến Hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 64 (tờ bản đồ cũ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1382	967	829
32074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch đến Hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 64 (tờ bản đồ cũ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1944	1361	1166
32075		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch đến Hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 64 (tờ bản đồ cũ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1555	1089	933

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32076		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch đến Hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 64 (tờ bản đồ cũ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1244	871	746
32077	15	Đường Lê Hồng Phong	Vòng xoay	Đường Nguyễn Lương Bằng	Xã Thiện Hưng	3600	2500	2200
32078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Vòng xoay đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1728	1210	1037
32079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Vòng xoay đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1382	967	829
32080		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Vòng xoay đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1106	774	664
32081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Vòng xoay đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1555	1089	933
32082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Vòng xoay đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1244	871	746
32083		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Vòng xoay đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	995	697	597
32084	16	Đường trong khu vực chợ (chợ Thanh Hòa cũ)	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp thửa đất số 56 tờ bản đồ số 44	Xã Thiện Hưng	5800	4000	3500
32085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ (chợ Thanh Hòa cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Tiếp giáp thửa đất số 56 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	2784	1949	1670

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ (chợ Thanh Hòa cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Tiếp giáp thửa đất số 56 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	2227	1559	1336
32087		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ (chợ Thanh Hòa cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Tiếp giáp thửa đất số 56 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1782	1247	1069
32088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ (chợ Thanh Hòa cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Tiếp giáp thửa đất số 56 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	2506	1754	1504
32089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ (chợ Thanh Hòa cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Tiếp giáp thửa đất số 56 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	2004	1403	1202
32090		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ (chợ Thanh Hòa cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Tiếp giáp thửa đất số 56 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1604	1123	962
32091	17	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hùng Vương	Hết ranh thửa đất số 34 về bên phải và thửa đất số 33 về bên trái tờ bản đồ số 51	Xã Thiện Hưng	3100	2200	1900
32092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 34 về bên phải và thửa đất số 33 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1488	1042	893
32093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 34 về bên phải và thửa đất số 33 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1190	833	714
32094		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 34 về bên phải và thửa đất số 33 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	952	666	571

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 34 về bên phải và thửa đất số 33 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1339	937	803
32096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 34 về bên phải và thửa đất số 33 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1071	750	643
32097		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 34 về bên phải và thửa đất số 33 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	857	600	514
32098	18	Đường Lê Văn Sỹ	Đường Lê Hồng Phong	Hết ranh thửa đất số 15 về bên phải và thửa đất số 3 về bên trái tờ bản đồ số 69	Xã Thiện Hưng	3100	2200	1900
32099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 15 về bên phải và thửa đất số 3 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1488	1042	893
32100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 15 về bên phải và thửa đất số 3 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1190	833	714
32101		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 15 về bên phải và thửa đất số 3 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	952	666	571
32102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 15 về bên phải và thửa đất số 3 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1339	937	803

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 15 về bên phải và thửa đất số 3 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1071	750	643
32104		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 15 về bên phải và thửa đất số 3 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	857	600	514
32105	19	Đường Trần Huy Liệu	Đường Lê Hồng Phong	Hết ranh thửa đất số 2 về bên phải và thửa đất số 4 về bên trái tờ bản đồ số 70	Xã Thiện Hưng	3100	2200	1900
32106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 2 về bên phải và thửa đất số 4 về bên trái tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1488	1042	893
32107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 2 về bên phải và thửa đất số 4 về bên trái tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1190	833	714
32108		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 2 về bên phải và thửa đất số 4 về bên trái tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	952	666	571
32109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 2 về bên phải và thửa đất số 4 về bên trái tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1339	937	803
32110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 2 về bên phải và thửa đất số 4 về bên trái tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1071	750	643

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32111		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 2 về bên phải và thửa đất số 4 về bên trái tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	857	600	514
32112	20	Đường Nguyễn Lương Bằng	Đường Hùng Vương	Hết ranh thửa đất số 68 về bên phải và thửa đất số 52 về bên trái tờ bản đồ số 52	Xã Thiện Hưng	3400	2400	2000
32113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 68 về bên phải và thửa đất số 52 về bên trái tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1632	1142	979
32114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 68 về bên phải và thửa đất số 52 về bên trái tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1306	914	784
32115		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 68 về bên phải và thửa đất số 52 về bên trái tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1045	732	627
32116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 68 về bên phải và thửa đất số 52 về bên trái tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1469	1028	881
32117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 68 về bên phải và thửa đất số 52 về bên trái tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1175	823	705
32118		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 68 về bên phải và thửa đất số 52 về bên trái tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	941	659	565

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32119	21	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Duẩn (Đường ĐT 759)	Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1)	Xã Thiện Hưng	4400	3100	2600
32120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Duẩn (Đường ĐT 759) đến Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Xã Thiện Hưng	2112	1478	1267
32121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Duẩn (Đường ĐT 759) đến Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	1690	1183	1014
32122		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Duẩn (Đường ĐT 759) đến Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	1352	946	811
32123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Duẩn (Đường ĐT 759) đến Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Xã Thiện Hưng	1901	1331	1141
32124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Duẩn (Đường ĐT 759) đến Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	1521	1065	913
32125		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Duẩn (Đường ĐT 759) đến Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	1217	852	730

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32126	22	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1)	Đến hết ranh thửa đất số 891 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến thửa đất số 535 tờ bản đồ số 117 về phía bên phải	Xã Thiện Hưng	2400	1700	1400
32127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) đến Đến hết ranh thửa đất số 891 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến thửa đất số 535 tờ bản đồ số 117 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Xã Thiện Hưng	1152	806	691
32128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) đến Đến hết ranh thửa đất số 891 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến thửa đất số 535 tờ bản đồ số 117 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	922	645	553
32129		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) đến Đến hết ranh thửa đất số 891 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến thửa đất số 535 tờ bản đồ số 117 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	738	517	443
32130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) đến Đến hết ranh thửa đất số 891 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến thửa đất số 535 tờ bản đồ số 117 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Xã Thiện Hưng	1037	726	622
32131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) đến Đến hết ranh thửa đất số 891 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến thửa đất số 535 tờ bản đồ số 117 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	830	581	498

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32132		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) đến Đến hết ranh thửa đất số 891 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến thửa đất số 535 tờ bản đồ số 117 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	664	465	398
32133	23	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hoàng Văn Thụ (D1)	Xã Thiện Hưng	6200	4400	3700
32134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hoàng Văn Thụ (D1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	2976	2083	1786
32135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hoàng Văn Thụ (D1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	2381	1667	1429
32136		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hoàng Văn Thụ (D1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1905	1334	1143
32137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hoàng Văn Thụ (D1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	2678	1875	1607
32138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hoàng Văn Thụ (D1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	2143	1500	1286
32139		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hoàng Văn Thụ (D1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1715	1201	1029
32140	24	Đường trong Trung tâm thương mại	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	3200	2200	1900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong Trung tâm thương mại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1536	1075	922
32142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong Trung tâm thương mại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1229	860	737
32143		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong Trung tâm thương mại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	983	688	590
32144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong Trung tâm thương mại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1382	967	829
32145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong Trung tâm thương mại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1106	774	664
32146		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong Trung tâm thương mại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	885	620	531
32147	25	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Lương Bằng	Hết ranh thửa đất số 87 về bên phải và thửa đất số 141 về bên trái tờ bản đồ số 51	Xã Thiện Hưng	3200	2200	1900
32148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Hết ranh thửa đất số 87 về bên phải và thửa đất số 141 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1536	1075	922
32149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Hết ranh thửa đất số 87 về bên phải và thửa đất số 141 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1229	860	737

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32150		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Hết ranh thửa đất số 87 về bên phải và thửa đất số 141 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	983	688	590
32151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Hết ranh thửa đất số 87 về bên phải và thửa đất số 141 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1382	967	829
32152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Hết ranh thửa đất số 87 về bên phải và thửa đất số 141 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1106	774	664
32153		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Hết ranh thửa đất số 87 về bên phải và thửa đất số 141 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	885	620	531
32154	26	Đường 7/4	Đường Nguyễn Lương Bằng	Đường Nguyễn Trãi	Xã Thiện Hưng	3200	2200	1900
32155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 7/4 đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1536	1075	922
32156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 7/4 đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1229	860	737
32157		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 7/4 đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	983	688	590
32158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 7/4 đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1382	967	829

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 7/4 đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1106	774	664
32160		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 7/4 đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	885	620	531
32161	27	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 112 về bên phải và thửa đất số 208 về bên trái tờ bản đồ số 9	Xã Thiện Hưng	3200	2200	1900
32162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 112 về bên phải và thửa đất số 208 về bên trái tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1536	1075	922
32163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 112 về bên phải và thửa đất số 208 về bên trái tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1229	860	737
32164		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 112 về bên phải và thửa đất số 208 về bên trái tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	983	688	590
32165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 112 về bên phải và thửa đất số 208 về bên trái tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1382	967	829
32166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 112 về bên phải và thửa đất số 208 về bên trái tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1106	774	664

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32167		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 112 về bên phải và thửa đất số 208 về bên trái tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	885	620	531
32168	28	Đường Lý Tự Trọng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 201 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 390 tờ bản đồ số 9về bên trái	Xã Thiện Hưng	3200	2200	1900
32169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 201 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 390 tờ bản đồ số 9về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1536	1075	922
32170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 201 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 390 tờ bản đồ số 9về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1229	860	737
32171		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 201 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 390 tờ bản đồ số 9về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	983	688	590
32172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 201 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 390 tờ bản đồ số 9về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1382	967	829
32173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 201 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 390 tờ bản đồ số 9về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1106	774	664
32174		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 201 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 390 tờ bản đồ số 9về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	885	620	531

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32175	29	Đường Chu Văn An	Đường Lê Hồng Phong	Hết ranh thửa đất số 64 về bên phải và thửa đất số 174 về bên trái tờ bản đồ số 50	Xã Thiện Hưng	4000	2800	2400
32176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 64 về bên phải và thửa đất số 174 về bên trái tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1920	1344	1152
32177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 64 về bên phải và thửa đất số 174 về bên trái tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1536	1075	922
32178		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 64 về bên phải và thửa đất số 174 về bên trái tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1229	860	737
32179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 64 về bên phải và thửa đất số 174 về bên trái tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1728	1210	1037
32180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 64 về bên phải và thửa đất số 174 về bên trái tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1382	967	829
32181		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 64 về bên phải và thửa đất số 174 về bên trái tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1106	774	664
32182	30	Đường Hoàng Văn Thụ	Vòng xoay	Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải và thửa đất số 216 về bên trái tờ bản đồ số 8	Xã Thiện Hưng	5000	3500	3000
32183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Vòng xoay đến Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải và thửa đất số 216 về bên trái tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	2400	1680	1440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Vòng xoay đến Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải và thửa đất số 216 về bên trái tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1920	1344	1152
32185		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Vòng xoay đến Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải và thửa đất số 216 về bên trái tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1536	1075	922
32186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Vòng xoay đến Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải và thửa đất số 216 về bên trái tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	2160	1512	1296
32187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Vòng xoay đến Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải và thửa đất số 216 về bên trái tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1728	1210	1037
32188		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Vòng xoay đến Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải và thửa đất số 216 về bên trái tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1382	967	829
32189	31	Đường Hoàng Văn Thụ	Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải tờ bản đồ số 8	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Xã Thiện Hưng	4200	3000	2500
32190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải tờ bản đồ số 8 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	2016	1411	1210
32191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải tờ bản đồ số 8 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1613	1129	968
32192		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải tờ bản đồ số 8 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1290	903	774

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải tờ bản đồ số 8 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1814	1270	1088
32194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải tờ bản đồ số 8 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1452	1016	871
32195		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải tờ bản đồ số 8 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1161	813	697
32196	32	Đường Hoàng Văn Thụ (nối dài)	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường ĐT 759B	Xã Thiện Hưng	3100	2200	1900
32197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường ĐT 759B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1488	1042	893
32198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường ĐT 759B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1190	833	714
32199		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường ĐT 759B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	952	666	571
32200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường ĐT 759B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1339	937	803
32201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường ĐT 759B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1071	750	643

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32202		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường ĐT 759B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	857	600	514
32203	33	Đường Tô Hiến Thành	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 309 tờ bản đồ số 9 về bên phải và thửa đất số 6 tờ bản đồ số 42 về bên trái	Xã Thiện Hưng	3800	2700	2300
32204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 309 tờ bản đồ số 9 về bên phải và thửa đất số 6 tờ bản đồ số 42 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1824	1277	1094
32205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 309 tờ bản đồ số 9 về bên phải và thửa đất số 6 tờ bản đồ số 42 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1459	1021	875
32206		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 309 tờ bản đồ số 9 về bên phải và thửa đất số 6 tờ bản đồ số 42 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1167	817	700
32207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 309 tờ bản đồ số 9 về bên phải và thửa đất số 6 tờ bản đồ số 42 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1642	1149	985
32208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 309 tờ bản đồ số 9 về bên phải và thửa đất số 6 tờ bản đồ số 42 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1313	919	788
32209		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 309 tờ bản đồ số 9 về bên phải và thửa đất số 6 tờ bản đồ số 42 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1050	735	630

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32210	34	Đường khu phố Thanh Xuân	Đấu nối đường Hùng Vương (từ thửa đất số 2, tờ bản đồ số 76)	Đấu nối đường Hùng Vương (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 16)	Xã Thiện Hưng	1800	1300	1100
32211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Thanh Xuân đoạn từ Đấu nối đường Hùng Vương (từ thửa đất số 2, tờ bản đồ số 76) đến Đấu nối đường Hùng Vương (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	864	605	518
32212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Thanh Xuân đoạn từ Đấu nối đường Hùng Vương (từ thửa đất số 2, tờ bản đồ số 76) đến Đấu nối đường Hùng Vương (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	691	484	415
32213		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Thanh Xuân đoạn từ Đấu nối đường Hùng Vương (từ thửa đất số 2, tờ bản đồ số 76) đến Đấu nối đường Hùng Vương (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	553	387	332
32214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Thanh Xuân đoạn từ Đấu nối đường Hùng Vương (từ thửa đất số 2, tờ bản đồ số 76) đến Đấu nối đường Hùng Vương (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	778	545	467
32215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Thanh Xuân đoạn từ Đấu nối đường Hùng Vương (từ thửa đất số 2, tờ bản đồ số 76) đến Đấu nối đường Hùng Vương (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	622	435	373
32216		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Thanh Xuân đoạn từ Đấu nối đường Hùng Vương (từ thửa đất số 2, tờ bản đồ số 76) đến Đấu nối đường Hùng Vương (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	498	349	299
32217	35	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Lý Tự Trọng	Xã Thiện Hưng	2900	2000	1700
32218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1392	974	835

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1114	780	668
32220		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	891	624	535
32221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1253	877	752
32222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1003	702	602
32223		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	802	561	481
32224	36	Đường Lương Đình Của	Đường Lê Hồng Phong	Hết ranh thửa đất số 43 về bên phải và thửa đất số 16 về bên trái tờ bản đồ số 69	Xã Thiện Hưng	2900	2000	1700
32225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 43 về bên phải và thửa đất số 16 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1392	974	835
32226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 43 về bên phải và thửa đất số 16 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1114	780	668

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32227		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 43 về bên phải và thửa đất số 16 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	891	624	535
32228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 43 về bên phải và thửa đất số 16 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1253	877	752
32229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 43 về bên phải và thửa đất số 16 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1003	702	602
32230		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 43 về bên phải và thửa đất số 16 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	802	561	481
32231	37	Đường Cống Quỳnh	Đường Nguyễn Huệ	Đến giáp đường Tô Hiến Thành	Xã Thiện Hưng	2900	2000	1700
32232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cống Quỳnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến giáp đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1392	974	835
32233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cống Quỳnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến giáp đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1114	780	668
32234		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cống Quỳnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến giáp đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	891	624	535
32235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cống Quỳnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến giáp đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1253	877	752

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cống Quỳnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến giáp đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1003	702	602
32237		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cống Quỳnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến giáp đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	802	561	481
32238	38	Đường nhựa Cần Đơn	Từ thửa đất số 44 tờ bản đồ số 28 (tờ bản đồ cũ số 29)	Hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29)	Xã Thiện Hưng	1600	1100	960
32239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ thửa đất số 44 tờ bản đồ số 28 (tờ bản đồ cũ số 29) đến Hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	768	538	461
32240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ thửa đất số 44 tờ bản đồ số 28 (tờ bản đồ cũ số 29) đến Hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	614	430	368
32241		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ thửa đất số 44 tờ bản đồ số 28 (tờ bản đồ cũ số 29) đến Hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	491	344	295
32242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ thửa đất số 44 tờ bản đồ số 28 (tờ bản đồ cũ số 29) đến Hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	691	484	415

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ thửa đất số 44 tờ bản đồ số 28 (tờ bản đồ cũ số 29) đến Hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	553	387	332
32244		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ thửa đất số 44 tờ bản đồ số 28 (tờ bản đồ cũ số 29) đến Hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	442	309	265
32245	39	Đường nhựa Cần Đơn	Từ hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29)	Tiếp giáp thửa đất số 1 tờ bản đồ số 7	Xã Thiện Hưng	800	560	480
32246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) đến Tiếp giáp thửa đất số 1 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	384	269	230
32247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) đến Tiếp giáp thửa đất số 1 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	307	215	184
32248		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) đến Tiếp giáp thửa đất số 1 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	246	172	148
32249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) đến Tiếp giáp thửa đất số 1 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	346	242	208

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) đến Tiếp giáp thửa đất số 1 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	276	193	166
32251		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) đến Tiếp giáp thửa đất số 1 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	221	155	133
32252	40	Đường Lê Thị Riêng	Đường cặp hàng rào Công an huyện	Đường Lý Tự Trọng	Xã Thiện Hưng	2200	1500	1300
32253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ Đường cặp hàng rào Công an huyện đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1056	739	634
32254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ Đường cặp hàng rào Công an huyện đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	845	592	507
32255		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ Đường cặp hàng rào Công an huyện đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	676	473	406
32256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ Đường cặp hàng rào Công an huyện đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	950	665	570
32257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ Đường cặp hàng rào Công an huyện đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	761	533	457
32258		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ Đường cặp hàng rào Công an huyện đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	608	426	365

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32259	42	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Nguyễn Lương Bằng	Đường Hùng Vương	Xã Thiện Hưng	1900	1300	1200
32260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	912	638	547
32261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	730	511	438
32262		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	584	409	350
32263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	821	575	493
32264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	657	460	394
32265		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	526	368	316
32266	43	Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ)	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02)	Xã Thiện Hưng	1900	1300	1200
32267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	912	638	547

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	730	511	438
32269		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	584	409	350
32270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	821	575	493
32271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	657	460	394
32272		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	526	368	316
32273	44	Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ)	Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02)	Suối Đá	Xã Thiện Hưng	1400	950	820
32274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	672	470	403
32275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	538	377	323

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32276		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	430	301	258
32277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	605	424	363
32278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	484	339	290
32279		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	387	271	232
32280	45	Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ)	Suối Đá	Đường Lê Duẩn	Xã Thiện Hưng	1900	1300	1200
32281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Suối Đá đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	912	638	547
32282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Suối Đá đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	730	511	438
32283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Suối Đá đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	584	409	350
32284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Suối Đá đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	821	575	493

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Suối Đá đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	657	460	394
32286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Suối Đá đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	526	368	316
32287	46	Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài)	Giáp đường Hoàng Văn Thụ (D1)	Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải	Xã Thiện Hưng	3200	2200	1900
32288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Giáp đường Hoàng Văn Thụ (D1) đến Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1536	1075	922
32289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Giáp đường Hoàng Văn Thụ (D1) đến Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1229	860	737
32290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Giáp đường Hoàng Văn Thụ (D1) đến Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	983	688	590
32291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Giáp đường Hoàng Văn Thụ (D1) đến Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1382	967	829

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Giáp đường Hoàng Văn Thụ (D1) đến Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1106	774	664
32293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Giáp đường Hoàng Văn Thụ (D1) đến Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	885	620	531
32294	47	Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài)	Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải	Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 358 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải	Xã Thiện Hưng	1600	1100	960
32295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải đến Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 358 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	768	538	461
32296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải đến Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 358 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	614	430	368
32297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải đến Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 358 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	491	344	295

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải đến Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 358 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	691	484	415
32299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải đến Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 358 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	553	387	332
32300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải đến Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 358 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	442	309	265
32301	48	Đường ấp Thanh Trung (cũ)	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04)	Xã Thiện Hưng	1400	950	820
32302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	672	470	403
32303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	538	377	323
32304		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	430	301	258
32305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	605	424	363

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	484	339	290
32307		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	387	271	232
32308	49	Đường ranh ấp Thanh Tâm - Thanh Sơn (cũ)	Đường Lê Duẩn	Hết ranh các thửa đất số 465 và 386, tờ bản đồ số 11	Xã Thiện Hưng	1400	1000	860
32309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Thanh Tâm - Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh các thửa đất số 465 và 386, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	672	470	403
32310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Thanh Tâm - Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh các thửa đất số 465 và 386, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	538	377	323
32311		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Thanh Tâm - Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh các thửa đất số 465 và 386, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	430	301	258
32312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Thanh Tâm - Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh các thửa đất số 465 và 386, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	605	424	363
32313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Thanh Tâm - Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh các thửa đất số 465 và 386, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	484	339	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32314		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Thanh Tâm - Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh các thửa đất số 465 và 386, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	387	271	232
32315	50	Đường cặp hàng rào Công an huyện	Đường Hoàng Văn Thụ	Đến ranh đội Quản lý thị trường	Xã Thiện Hưng	1400	1000	860
32316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cặp hàng rào Công an huyện đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đến ranh đội Quản lý thị trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	672	470	403
32317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cặp hàng rào Công an huyện đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đến ranh đội Quản lý thị trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	538	377	323
32318		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cặp hàng rào Công an huyện đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đến ranh đội Quản lý thị trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	430	301	258
32319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cặp hàng rào Công an huyện đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đến ranh đội Quản lý thị trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	605	424	363
32320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cặp hàng rào Công an huyện đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đến ranh đội Quản lý thị trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	484	339	290
32321		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cặp hàng rào Công an huyện đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đến ranh đội Quản lý thị trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	387	271	232
32322	51	Đường giao thông đấu nối từ đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Huệ vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	1400	950	820

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32323	52	Đường nhựa bên hông Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ)	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đến ngã ba Đường Nhựa (hết thửa đất số 374, tờ bản đồ số 17)	Xã Thiện Hưng	1200	840	720
32324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa bên hông Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đến ngã ba Đường Nhựa (hết thửa đất số 374, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	576	403	346
32325		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa bên hông Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đến ngã ba Đường Nhựa (hết thửa đất số 374, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	461	323	277
32326		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa bên hông Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đến ngã ba Đường Nhựa (hết thửa đất số 374, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	369	258	221
32327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa bên hông Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đến ngã ba Đường Nhựa (hết thửa đất số 374, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	518	363	311
32328		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa bên hông Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đến ngã ba Đường Nhựa (hết thửa đất số 374, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	415	291	249
32329		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa bên hông Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đến ngã ba Đường Nhựa (hết thửa đất số 374, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	332	232	199
32330	53	Đường bê tông quanh Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ)	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	880	620	530
32331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông quanh Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	422	295	253

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32332		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông quanh Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	338	237	203
32333		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông quanh Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	270	189	162
32334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông quanh Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	380	266	228
32335		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông quanh Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	304	213	182
32336		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông quanh Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	243	170	146
32337	54	Đường trong khu đấu giá Trung Tâm Y tế cũ (Đường vào hồ bơi Hạnh Ngộ)	Đường Nguyễn Huệ	Tiếp giáp thửa đất số 21 tờ bản đồ số 34	Xã Thiện Hưng	880	620	530
32338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu đấu giá Trung Tâm Y tế cũ (Đường vào hồ bơi Hạnh Ngộ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Tiếp giáp thửa đất số 21 tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	422	295	253
32339		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu đấu giá Trung Tâm Y tế cũ (Đường vào hồ bơi Hạnh Ngộ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Tiếp giáp thửa đất số 21 tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	338	237	203
32340		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu đấu giá Trung Tâm Y tế cũ (Đường vào hồ bơi Hạnh Ngộ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Tiếp giáp thửa đất số 21 tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	270	189	162

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu đấu giá Trung Tâm Y tế cũ (Đường vào hồ bơi Hạnh Ngộ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Tiếp giáp thửa đất số 21 tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	380	266	228
32342		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu đấu giá Trung Tâm Y tế cũ (Đường vào hồ bơi Hạnh Ngộ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Tiếp giáp thửa đất số 21 tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	304	213	182
32343		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu đấu giá Trung Tâm Y tế cũ (Đường vào hồ bơi Hạnh Ngộ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Tiếp giáp thửa đất số 21 tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	243	170	146
32344	55	Đường nhựa đi công ty Chuối	Từ thửa đất số 14 về bên phải và thửa đất số 11 về bên trái tờ bản đồ số 28	Ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5)	Xã Thiện Hưng	740	520	450
32345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi công ty Chuối đoạn từ Từ thửa đất số 14 về bên phải và thửa đất số 11 về bên trái tờ bản đồ số 28 đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	355	249	213
32346		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi công ty Chuối đoạn từ Từ thửa đất số 14 về bên phải và thửa đất số 11 về bên trái tờ bản đồ số 28 đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	284	199	170
32347		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi công ty Chuối đoạn từ Từ thửa đất số 14 về bên phải và thửa đất số 11 về bên trái tờ bản đồ số 28 đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	227	159	136
32348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi công ty Chuối đoạn từ Từ thửa đất số 14 về bên phải và thửa đất số 11 về bên trái tờ bản đồ số 28 đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	320	224	192

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32349		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi công ty Chuối đoạn từ Từ thửa đất số 14 về bên phải và thửa đất số 11 về bên trái tờ bản đồ số 28 đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	256	179	154
32350		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi công ty Chuối đoạn từ Từ thửa đất số 14 về bên phải và thửa đất số 11 về bên trái tờ bản đồ số 28 đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	204	143	122
32351	56	Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ)	Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 20	Ngã ba (Hết thửa số 104, tờ bản đồ số 20)	Xã Thiện Hưng	740	520	450
32352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 20 đến Ngã ba (Hết thửa số 104, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	355	249	213
32353		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 20 đến Ngã ba (Hết thửa số 104, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	284	199	170
32354		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 20 đến Ngã ba (Hết thửa số 104, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	227	159	136
32355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 20 đến Ngã ba (Hết thửa số 104, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	320	224	192
32356		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 20 đến Ngã ba (Hết thửa số 104, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	256	179	154

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32357		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 20 đến Ngã ba (Hết thửa số 104, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	204	143	122
32358	57	Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ)	Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20	Hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 20 (xưởng điều Thu Đoàn)	Xã Thiện Hưng	740	520	450
32359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) đoạn từ Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 20 (xưởng điều Thu Đoàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	355	249	213
32360		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) đoạn từ Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 20 (xưởng điều Thu Đoàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	284	199	170
32361		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) đoạn từ Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 20 (xưởng điều Thu Đoàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	227	159	136
32362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) đoạn từ Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 20 (xưởng điều Thu Đoàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	320	224	192
32363		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) đoạn từ Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 20 (xưởng điều Thu Đoàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	256	179	154
32364		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) đoạn từ Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 20 (xưởng điều Thu Đoàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	204	143	122

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32365	58	Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) (Cổng chào ấp)	Từ hết ranh thửa đất số 91 tờ bản đồ số 13 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 185 tờ bản đồ số 13 về phía bên trái	Hết thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13	Xã Thiện Hưng	600	420	360
32366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) (Cổng chào ấp) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 91 tờ bản đồ số 13 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 185 tờ bản đồ số 13 về phía bên trái đến Hết thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Xã Thiện Hưng	288	202	173
32367		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) (Cổng chào ấp) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 91 tờ bản đồ số 13 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 185 tờ bản đồ số 13 về phía bên trái đến Hết thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	230	161	138
32368		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) (Cổng chào ấp) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 91 tờ bản đồ số 13 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 185 tờ bản đồ số 13 về phía bên trái đến Hết thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	184	129	110
32369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) (Cổng chào ấp) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 91 tờ bản đồ số 13 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 185 tờ bản đồ số 13 về phía bên trái đến Hết thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Xã Thiện Hưng	259	181	155
32370		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) (Cổng chào ấp) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 91 tờ bản đồ số 13 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 185 tờ bản đồ số 13 về phía bên trái đến Hết thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	207	145	124
32371		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) (Cổng chào ấp) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 91 tờ bản đồ số 13 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 185 tờ bản đồ số 13 về phía bên trái đến Hết thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	166	116	100
32372	59	Đường nhựa ấp Thanh Trung đi ấp Thiện Cư (cũ)	Thửa đất số 574, tờ bản đồ số 11	Hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 5	Xã Thiện Hưng	540	380	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Thanh Trung đi ấp Thiện Cư (cũ) đoạn từ Thửa đất số 574, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	259	181	155
32374		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Thanh Trung đi ấp Thiện Cư (cũ) đoạn từ Thửa đất số 574, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	207	145	124
32375		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Thanh Trung đi ấp Thiện Cư (cũ) đoạn từ Thửa đất số 574, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	166	116	100
32376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Thanh Trung đi ấp Thiện Cư (cũ) đoạn từ Thửa đất số 574, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	233	163	140
32377		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Thanh Trung đi ấp Thiện Cư (cũ) đoạn từ Thửa đất số 574, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	186	130	112
32378		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Thanh Trung đi ấp Thiện Cư (cũ) đoạn từ Thửa đất số 574, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	149	104	89
32379	60	Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ)	Từ thửa đất số 406 và thửa đất số 398, tờ bản đồ số 11	Hết ranh thửa đất số 417 tờ bản đồ số 17 và hết ranh thửa đất số 603 tờ bản đồ số 18	Xã Thiện Hưng	960	670	580
32380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 406 và thửa đất số 398, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 417 tờ bản đồ số 17 và hết ranh thửa đất số 603 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32381		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 406 và thửa đất số 398, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 417 tờ bản đồ số 17 và hết ranh thửa đất số 603 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	369	258	221
32382		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 406 và thửa đất số 398, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 417 tờ bản đồ số 17 và hết ranh thửa đất số 603 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	295	207	177
32383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 406 và thửa đất số 398, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 417 tờ bản đồ số 17 và hết ranh thửa đất số 603 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	415	291	249
32384		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 406 và thửa đất số 398, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 417 tờ bản đồ số 17 và hết ranh thửa đất số 603 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	332	232	199
32385		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 406 và thửa đất số 398, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 417 tờ bản đồ số 17 và hết ranh thửa đất số 603 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	266	186	160
32386	61	Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ)	Từ thửa đất số 416 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 464 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái	Đến thửa đất số 632 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 483 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái	Xã Thiện Hưng	960	670	580
32387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 416 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 464 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái đến Đến thửa đất số 632 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 483 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32388		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 416 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 464 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái đến Đến thửa đất số 632 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 483 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	369	258	221
32389		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 416 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 464 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái đến Đến thửa đất số 632 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 483 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	295	207	177
32390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 416 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 464 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái đến Đến thửa đất số 632 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 483 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	415	291	249
32391		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 416 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 464 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái đến Đến thửa đất số 632 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 483 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	332	232	199
32392		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 416 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 464 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái đến Đến thửa đất số 632 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 483 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	266	186	160
32393	62	Các tuyến đường trong Khu quy hoạch song song Chu Văn An, Nguyễn Huệ	Từ thửa đất số 113 về bên phải và thửa đất số 138 về bên trái tờ bản đồ số 59	Đến hết ranh thửa đất số 89 về bên phải và thửa đất số 114 về bên trái tờ bản đồ số 59	Xã Thiện Hưng	1100	780	670

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu quy hoạch song song Chu Văn An, Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 113 về bên phải và thửa đất số 138 về bên trái tờ bản đồ số 59 đến Đến hết ranh thửa đất số 89 về bên phải và thửa đất số 114 về bên trái tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	528	370	317
32395		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu quy hoạch song song Chu Văn An, Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 113 về bên phải và thửa đất số 138 về bên trái tờ bản đồ số 59 đến Đến hết ranh thửa đất số 89 về bên phải và thửa đất số 114 về bên trái tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	422	295	253
32396		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu quy hoạch song song Chu Văn An, Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 113 về bên phải và thửa đất số 138 về bên trái tờ bản đồ số 59 đến Đến hết ranh thửa đất số 89 về bên phải và thửa đất số 114 về bên trái tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	338	237	203
32397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu quy hoạch song song Chu Văn An, Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 113 về bên phải và thửa đất số 138 về bên trái tờ bản đồ số 59 đến Đến hết ranh thửa đất số 89 về bên phải và thửa đất số 114 về bên trái tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	475	333	285
32398		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu quy hoạch song song Chu Văn An, Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 113 về bên phải và thửa đất số 138 về bên trái tờ bản đồ số 59 đến Đến hết ranh thửa đất số 89 về bên phải và thửa đất số 114 về bên trái tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	380	266	228
32399		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu quy hoạch song song Chu Văn An, Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 113 về bên phải và thửa đất số 138 về bên trái tờ bản đồ số 59 đến Đến hết ranh thửa đất số 89 về bên phải và thửa đất số 114 về bên trái tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	304	213	182
32400	63	Đường nhựa (Sao Biển)	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38)	Xã Thiện Hưng	640	450	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa (Sao Biển) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	307	215	184
32402		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa (Sao Biển) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	246	172	148
32403		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa (Sao Biển) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	197	138	118
32404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa (Sao Biển) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	276	193	166
32405		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa (Sao Biển) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	221	155	133
32406		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa (Sao Biển) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	177	124	106
32407	64	Đường bê tông bên hông Trường THCS Thanh Bình	Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36	Đến thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 38 (tờ bản đồ cũ số 39)	Xã Thiện Hưng	640	450	380
32408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông bên hông Trường THCS Thanh Bình đoạn từ Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36 đến Đến thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 38 (tờ bản đồ cũ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	307	215	184

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32409		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông bên hông Trường THCS Thanh Bình đoạn từ Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36 đến Đến thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 38 (tờ bản đồ cũ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	246	172	148
32410		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông bên hông Trường THCS Thanh Bình đoạn từ Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36 đến Đến thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 38 (tờ bản đồ cũ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	197	138	118
32411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông bên hông Trường THCS Thanh Bình đoạn từ Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36 đến Đến thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 38 (tờ bản đồ cũ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	276	193	166
32412		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông bên hông Trường THCS Thanh Bình đoạn từ Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36 đến Đến thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 38 (tờ bản đồ cũ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	221	155	133
32413		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông bên hông Trường THCS Thanh Bình đoạn từ Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36 đến Đến thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 38 (tờ bản đồ cũ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	177	124	106
32414	65	Đường nhựa giáp ranh Trụ Sở khối Mặt trận - Đoàn thể	Từ đường Nguyễn Chí Thanh	Đến đường Nguyễn Lương Bằng	Xã Thiện Hưng	1900	1300	1200
32415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Trụ Sở khối Mặt trận - Đoàn thể đoạn từ Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Đến đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	912	638	547

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32416		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Trụ Sở khối Mặt trận - Đoàn thể đoạn từ Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Đến đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	730	511	438
32417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Trụ Sở khối Mặt trận - Đoàn thể đoạn từ Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Đến đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	584	409	350
32418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Trụ Sở khối Mặt trận - Đoàn thể đoạn từ Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Đến đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	821	575	493
32419		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Trụ Sở khối Mặt trận - Đoàn thể đoạn từ Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Đến đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	657	460	394
32420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Trụ Sở khối Mặt trận - Đoàn thể đoạn từ Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Đến đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	526	368	316
32421	66	Tuyến đường song song giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi	Từ thửa đất số 36 tờ bản đồ số 59	Hết ranh thửa đất số 111 tờ bản đồ số 51 về bên phải và thửa đất số 221 tờ bản đồ số 50 về bên trái	Xã Thiện Hưng	2400	1700	1400
32422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường song song giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Từ thửa đất số 36 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 111 tờ bản đồ số 51 về bên phải và thửa đất số 221 tờ bản đồ số 50 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1152	806	691
32423		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường song song giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Từ thửa đất số 36 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 111 tờ bản đồ số 51 về bên phải và thửa đất số 221 tờ bản đồ số 50 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	922	645	553

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32424		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường song song giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Từ thửa đất số 36 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 111 tờ bản đồ số 51 về bên phải và thửa đất số 221 tờ bản đồ số 50 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	738	517	443
32425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường song song giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Từ thửa đất số 36 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 111 tờ bản đồ số 51 về bên phải và thửa đất số 221 tờ bản đồ số 50 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1037	726	622
32426		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường song song giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Từ thửa đất số 36 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 111 tờ bản đồ số 51 về bên phải và thửa đất số 221 tờ bản đồ số 50 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	830	581	498
32427		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường song song giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Từ thửa đất số 36 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 111 tờ bản đồ số 51 về bên phải và thửa đất số 221 tờ bản đồ số 50 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	664	465	398
32428	67	Các đường đấu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi	Đường Chu Văn An	Đường Nguyễn Trãi	Xã Thiện Hưng	2400	1700	1400
32429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường đấu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1152	806	691
32430		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường đấu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	922	645	553
32431		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường đấu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	738	517	443

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường đấu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	1037	726	622
32433		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường đấu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	830	581	498
32434		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường đấu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	664	465	398
32435	69	Tuyến đường bê tông nối từ đường Hùng Vương đến đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ)	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	960	670	580
32436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường bê tông nối từ đường Hùng Vương đến đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	461	323	277
32437		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường bê tông nối từ đường Hùng Vương đến đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	369	258	221
32438		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường bê tông nối từ đường Hùng Vương đến đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	295	207	177

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường bê tông nối từ đường Hùng Vương đến đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	415	291	249
32440		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường bê tông nối từ đường Hùng Vương đến đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	332	232	199
32441		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường bê tông nối từ đường Hùng Vương đến đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	266	186	160
32442	70	Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh)	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74	Xã Thiện Hưng	640	450	380
32443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	307	215	184
32444		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	246	172	148
32445		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	197	138	118
32446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	276	193	166

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32447		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	221	155	133
32448		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	177	124	106
32449	71	Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh)	Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74	Hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 16	Xã Thiện Hưng	560	390	340
32450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 đến Hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	269	188	161
32451		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 đến Hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	215	151	129
32452		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 đến Hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	172	120	103
32453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 đến Hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	242	169	145
32454		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 đến Hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	194	136	116

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32455		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 đến Hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	155	109	93
32456	72	Đường bê tông Thanh Bình (cũ)	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66	Xã Thiện Hưng	960	670	580
32457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông Thanh Bình (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	461	323	277
32458		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông Thanh Bình (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	369	258	221
32459		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông Thanh Bình (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	295	207	177
32460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông Thanh Bình (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	415	291	249
32461		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông Thanh Bình (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	332	232	199
32462		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông Thanh Bình (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	266	186	160
32463	73	Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ)	Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66	Hết ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 8	Xã Thiện Hưng	800	560	480

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	384	269	230
32465		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	307	215	184
32466		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	246	172	148
32467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	346	242	208
32468		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	276	193	166
32469		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	221	155	133
32470	74	Đường ĐT 759B	Giáp ranh xã Tân Tiến	Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái	Xã Thiện Hưng	2200	1500	1300
32471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến đến Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	1056	739	634

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32472		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến đến Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	845	592	507
32473		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến đến Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	676	473	406
32474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến đến Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	950	665	570
32475		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến đến Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	761	533	457
32476		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến đến Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	608	426	365
32477	75	Đường ĐT 759B	Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái	Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124)	Xã Thiện Hưng	4200	3000	2500
32478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	2016	1411	1210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32479		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1613	1129	968
32480		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1290	903	774
32481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	1814	1270	1088
32482		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1452	1016	871
32483		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1161	813	697
32484	76	Đường ĐT 759B	Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124)	Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 295 và thửa đất số 481, tờ bản đồ số 124)	Xã Thiện Hưng	6000	4200	3600
32485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) đến Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 295 và thửa đất số 481, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	2880	2016	1728

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32486		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) đến Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 295 và thửa đất số 481, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	2304	1613	1382
32487		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) đến Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 295 và thửa đất số 481, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	1843	1290	1106
32488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) đến Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 295 và thửa đất số 481, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Thiện Hưng	2592	1814	1555
32489		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) đến Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 295 và thửa đất số 481, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	2074	1452	1244
32490		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) đến Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 295 và thửa đất số 481, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	1659	1161	995
32491	77	Đường ĐT 759B	Từ thửa đất số 279 tờ bản đồ số 84	Cầu sông Bé mới (Đến hết ranh thửa đất số 47 tờ bản đồ số 84)	Xã Thiện Hưng	1400	950	820
32492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ thửa đất số 279 tờ bản đồ số 84 đến Cầu sông Bé mới (Đến hết ranh thửa đất số 47 tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Xã Thiện Hưng	672	470	403
32493		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ thửa đất số 279 tờ bản đồ số 84 đến Cầu sông Bé mới (Đến hết ranh thửa đất số 47 tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	538	377	323

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32494		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ thửa đất số 279 tờ bản đồ số 84 đến Cầu sông Bé mới (Đến hết ranh thửa đất số 47 tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	430	301	258
32495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ thửa đất số 279 tờ bản đồ số 84 đến Cầu sông Bé mới (Đến hết ranh thửa đất số 47 tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	605	424	363
32496		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ thửa đất số 279 tờ bản đồ số 84 đến Cầu sông Bé mới (Đến hết ranh thửa đất số 47 tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	484	339	290
32497		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ thửa đất số 279 tờ bản đồ số 84 đến Cầu sông Bé mới (Đến hết ranh thửa đất số 47 tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	387	271	232
32498	78	Đường ĐT 759B	Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 2)	Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150)	Xã Thiện Hưng	4800	3400	2900
32499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 2) đến Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	2304	1613	1382
32500		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 2) đến Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1843	1290	1106
32501		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 2) đến Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1474	1032	884

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 2) đến Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	2074	1452	1244
32503		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 2) đến Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1659	1161	995
32504		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 2) đến Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1327	929	796
32505	79	Đường ĐT 759B	Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150)	Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Đến hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144	Xã Thiện Hưng	3900	2700	2400
32506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) đến Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Đến hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	1872	1310	1123
32507		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) đến Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Đến hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1498	1049	899
32508		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) đến Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Đến hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1198	839	719
32509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) đến Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Đến hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	1685	1180	1011

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32510		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) đến Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Đến hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1348	944	809
32511		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) đến Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Đến hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1078	755	647
32512	80	Đường ĐT 759B	Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Từ hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144)	Hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178	Xã Thiện Hưng	5200	3600	3100
32513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Từ hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144) đến Hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	2496	1747	1498
32514		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Từ hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144) đến Hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1997	1398	1198
32515		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Từ hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144) đến Hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1598	1119	959
32516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Từ hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144) đến Hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	2246	1572	1348

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32517		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Từ hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144) đến Hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1797	1258	1078
32518		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Từ hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144) đến Hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1438	1007	863
32519	81	Đường ĐT 759B	Từ hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178	Hết ranh Đài tưởng niệm (Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 161 (Chùa Bảo Quang))	Xã Thiện Hưng	4600	3200	2800
32520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 đến Hết ranh Đài tưởng niệm (Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 161 (Chùa Bảo Quang)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	2208	1546	1325
32521		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 đến Hết ranh Đài tưởng niệm (Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 161 (Chùa Bảo Quang)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1766	1236	1060
32522		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 đến Hết ranh Đài tưởng niệm (Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 161 (Chùa Bảo Quang)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1413	989	848
32523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 đến Hết ranh Đài tưởng niệm (Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 161 (Chùa Bảo Quang)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	1987	1391	1192
32524		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 đến Hết ranh Đài tưởng niệm (Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 161 (Chùa Bảo Quang)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1589	1112	953

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32525		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 đến Hết ranh Đài tưởng niệm (Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 161 (Chùa Bảo Quang)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1272	890	763
32526	82	Đường ĐT 759B	Hết ranh Đài tưởng niệm	Giáp ranh xã Hưng Phước và Phước Thiện (cũ)	Xã Thiện Hưng	2000	1400	1200
32527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Đài tưởng niệm đến Giáp ranh xã Hưng Phước và Phước Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	960	672	576
32528		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Đài tưởng niệm đến Giáp ranh xã Hưng Phước và Phước Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	768	538	461
32529		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Đài tưởng niệm đến Giáp ranh xã Hưng Phước và Phước Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	614	430	368
32530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Đài tưởng niệm đến Giáp ranh xã Hưng Phước và Phước Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	864	605	518
32531		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Đài tưởng niệm đến Giáp ranh xã Hưng Phước và Phước Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	691	484	415
32532		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Đài tưởng niệm đến Giáp ranh xã Hưng Phước và Phước Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	553	387	332
32533	83	Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ)	Từ thửa đất số 355 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải	Đến hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải	Xã Thiện Hưng	2000	1400	1200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 355 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải đến Đến hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Thiện Hưng	960	672	576
32535		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 355 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải đến Đến hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	768	538	461
32536		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 355 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải đến Đến hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	614	430	368
32537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 355 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải đến Đến hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Thiện Hưng	864	605	518
32538		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 355 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải đến Đến hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	691	484	415
32539		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 355 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải đến Đến hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	553	387	332

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32540	84	Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ)	Cổng chào ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 69 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải)	Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 134)	Xã Thiện Hưng	1500	1100	900
32541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Cổng chào ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 69 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải) đến Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 134) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Thiện Hưng	720	504	432
32542		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Cổng chào ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 69 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải) đến Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 134) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	576	403	346
32543		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Cổng chào ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 69 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải) đến Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 134) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	461	323	277
32544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Cổng chào ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 69 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải) đến Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 134) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Thiện Hưng	648	454	389
32545		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Cổng chào ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 69 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải) đến Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 134) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32546		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Cổng chào ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 69 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải) đến Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 134) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	415	291	249
32547	85	Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ)	Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 55 tờ bản đồ số 134)	Chùa Thanh Vân (Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 86 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 191 tờ bản đồ số 86 về phía bên phải)	Xã Thiện Hưng	1000	700	600
32548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 55 tờ bản đồ số 134) đến Chùa Thanh Vân (Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 86 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 191 tờ bản đồ số 86 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	480	336	288
32549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 55 tờ bản đồ số 134) đến Chùa Thanh Vân (Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 86 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 191 tờ bản đồ số 86 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	384	269	230
32550		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 55 tờ bản đồ số 134) đến Chùa Thanh Vân (Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 86 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 191 tờ bản đồ số 86 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	307	215	184
32551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 55 tờ bản đồ số 134) đến Chùa Thanh Vân (Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 86 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 191 tờ bản đồ số 86 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	432	302	259

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 55 tờ bản đồ số 134) đến Chùa Thanh Vân (Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 86 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 191 tờ bản đồ số 86 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	346	242	208
32553		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 55 tờ bản đồ số 134) đến Chùa Thanh Vân (Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 86 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 191 tờ bản đồ số 86 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	276	193	166
32554	86	Đường cổng chào ấp 3 (cũ)	Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 418 tờ bản đồ số 116 về phía bên trái và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải)	Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 379 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 149 về phía bên phải)	Xã Thiện Hưng	880	620	530
32555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chào ấp 3 (cũ) đoạn từ Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 418 tờ bản đồ số 116 về phía bên trái và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải) đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 379 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 149 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	422	295	253
32556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chào ấp 3 (cũ) đoạn từ Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 418 tờ bản đồ số 116 về phía bên trái và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải) đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 379 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 149 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	338	237	203
32557		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chào ấp 3 (cũ) đoạn từ Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 418 tờ bản đồ số 116 về phía bên trái và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải) đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 379 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 149 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	270	189	162

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chào ấp 3 (cũ) đoạn từ Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 418 tờ bản đồ số 116 về phía bên trái và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải) đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 379 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 149 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Thiện Hưng	380	266	228
32559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chào ấp 3 (cũ) đoạn từ Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 418 tờ bản đồ số 116 về phía bên trái và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải) đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 379 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 149 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	304	213	182
32560		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chào ấp 3 (cũ) đoạn từ Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 418 tờ bản đồ số 116 về phía bên trái và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải) đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 379 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 149 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	243	170	146
32561	87	Đường Quy hoạch trung tâm hành chính xã Thanh Hòa (cũ)	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	720	500	430
32562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quy hoạch trung tâm hành chính xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	346	242	208
32563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quy hoạch trung tâm hành chính xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	277	194	166
32564		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quy hoạch trung tâm hành chính xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	222	155	133
32565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quy hoạch trung tâm hành chính xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	311	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quy hoạch trung tâm hành chính xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	249	174	149
32567		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quy hoạch trung tâm hành chính xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	200	140	120
32568	88	Đường nhựa ấp 1 (cũ)	Đường ĐT759B	Hết ranh thửa đất số 431 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải	Xã Thiện Hưng	720	500	430
32569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 431 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	346	242	208
32570		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 431 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	277	194	166
32571		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 431 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	222	155	133
32572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 431 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	311	218	187
32573		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 431 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	249	174	149
32574		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 431 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32575	89	Đường nhựa ấp 2 (cũ)	Đường ĐT759B	Ngã tư ấp 2 và ấp 3 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 187 tờ bản đồ số 114 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 118 về phía bên phải)	Xã Thiện Hưng	720	500	430
32576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư ấp 2 và ấp 3 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 187 tờ bản đồ số 114 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 118 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Thiện Hưng	346	242	208
32577		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư ấp 2 và ấp 3 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 187 tờ bản đồ số 114 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 118 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	277	194	166
32578		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư ấp 2 và ấp 3 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 187 tờ bản đồ số 114 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 118 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	222	155	133
32579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư ấp 2 và ấp 3 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 187 tờ bản đồ số 114 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 118 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Thiện Hưng	311	218	187
32580		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư ấp 2 và ấp 3 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 187 tờ bản đồ số 114 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 118 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	249	174	149
32581		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư ấp 2 và ấp 3 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 187 tờ bản đồ số 114 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 118 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32582	90	Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba cây Sao)	Đường ĐT759B	Ngã tư UBND xã Thanh Hòa (cũ)	Xã Thiện Hưng	480	340	290
32583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba cây Sao) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư UBND xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	230	161	138
32584		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba cây Sao) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư UBND xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	184	129	110
32585		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba cây Sao) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư UBND xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	147	103	88
32586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba cây Sao) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư UBND xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	207	145	124
32587		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba cây Sao) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư UBND xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	166	116	100
32588		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba cây Sao) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư UBND xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	132	92	79
32589	91	Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba quán cây me)	Đường ĐT759B	Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 129	Xã Thiện Hưng	720	500	430
32590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba quán cây me) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	346	242	208
32591		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba quán cây me) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	277	194	166

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32592		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba quán cây me) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	222	155	133
32593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba quán cây me) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	311	218	187
32594		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba quán cây me) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	249	174	149
32595		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba quán cây me) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	200	140	120
32596	92	Đường nhựa ấp 6 (cũ)	Đường ĐT759B	Hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 126	Xã Thiện Hưng	480	340	290
32597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	230	161	138
32598		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	184	129	110
32599		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	147	103	88
32600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	207	145	124

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32601		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	166	116	100
32602		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	132	92	79
32603	93	Đường nhựa ấp 4 (ngã ba nhà ông Hỷ)	Đường ĐT759	Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 91	Xã Thiện Hưng	480	340	290
32604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 4 (ngã ba nhà ông Hỷ) đoạn từ Đường ĐT759 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	230	161	138
32605		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 4 (ngã ba nhà ông Hỷ) đoạn từ Đường ĐT759 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	184	129	110
32606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 4 (ngã ba nhà ông Hỷ) đoạn từ Đường ĐT759 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	147	103	88
32607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 4 (ngã ba nhà ông Hỷ) đoạn từ Đường ĐT759 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	207	145	124
32608		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 4 (ngã ba nhà ông Hỷ) đoạn từ Đường ĐT759 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	166	116	100
32609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 4 (ngã ba nhà ông Hỷ) đoạn từ Đường ĐT759 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	132	92	79
32610	94	Đường nhựa ấp 9 (cũ)	Ngã tư trường tiểu học (ấp 9 cũ)	Hết Nhà văn hóa (ấp 9 cũ)	Xã Thiện Hưng	480	340	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 9 (cũ) đoạn từ Ngã tư trường tiểu học (ấp 9 cũ) đến Hết Nhà văn hóa (ấp 9 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	230	161	138
32612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 9 (cũ) đoạn từ Ngã tư trường tiểu học (ấp 9 cũ) đến Hết Nhà văn hóa (ấp 9 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	184	129	110
32613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 9 (cũ) đoạn từ Ngã tư trường tiểu học (ấp 9 cũ) đến Hết Nhà văn hóa (ấp 9 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	147	103	88
32614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 9 (cũ) đoạn từ Ngã tư trường tiểu học (ấp 9 cũ) đến Hết Nhà văn hóa (ấp 9 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	207	145	124
32615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 9 (cũ) đoạn từ Ngã tư trường tiểu học (ấp 9 cũ) đến Hết Nhà văn hóa (ấp 9 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	166	116	100
32616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 9 (cũ) đoạn từ Ngã tư trường tiểu học (ấp 9 cũ) đến Hết Nhà văn hóa (ấp 9 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	132	92	79
32617	95	Đường nhựa ấp 3 giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (hướng trụ sở Trung đoàn 717)	Từ ranh thửa đất số 133 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 227 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái	Hết ranh thửa đất số 245 tờ bản đồ số 110 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 364 tờ bản đồ số 110 về phía bên trái	Xã Thiện Hưng	560	390	340
32618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (hướng trụ sở Trung đoàn 717) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 133 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 227 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 245 tờ bản đồ số 110 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 364 tờ bản đồ số 110 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	269	188	161

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32619		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (hướng trụ sở Trung đoàn 717) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 133 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 227 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 245 tờ bản đồ số 110 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 364 tờ bản đồ số 110 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	215	151	129
32620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (hướng trụ sở Trung đoàn 717) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 133 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 227 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 245 tờ bản đồ số 110 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 364 tờ bản đồ số 110 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	172	120	103
32621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (hướng trụ sở Trung đoàn 717) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 133 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 227 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 245 tờ bản đồ số 110 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 364 tờ bản đồ số 110 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	242	169	145
32622		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (hướng trụ sở Trung đoàn 717) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 133 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 227 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 245 tờ bản đồ số 110 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 364 tờ bản đồ số 110 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	194	136	116
32623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (hướng trụ sở Trung đoàn 717) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 133 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 227 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 245 tờ bản đồ số 110 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 364 tờ bản đồ số 110 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	155	109	93
32624	96	Đường nhựa ấp 3 giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (hướng từ đường Nguyễn Văn Trỗi)	Từ ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (cũ)	Hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải	Xã Thiện Hưng	480	340	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (hướng từ đường Nguyễn Văn Trỗi) đoạn từ Từ ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Xã Thiện Hưng	230	161	138
32626		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (hướng từ đường Nguyễn Văn Trỗi) đoạn từ Từ ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	184	129	110
32627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (hướng từ đường Nguyễn Văn Trỗi) đoạn từ Từ ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	147	103	88
32628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (hướng từ đường Nguyễn Văn Trỗi) đoạn từ Từ ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Xã Thiện Hưng	207	145	124
32629		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (hướng từ đường Nguyễn Văn Trỗi) đoạn từ Từ ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	166	116	100
32630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (hướng từ đường Nguyễn Văn Trỗi) đoạn từ Từ ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	132	92	79

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32631	97	Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh)	Đường ĐT759B	Hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 74 về phía bên phải	Xã Thiện Hưng	960	670	580
32632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 74 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	461	323	277
32633		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 74 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	369	258	221
32634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 74 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	295	207	177
32635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 74 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	415	291	249
32636		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 74 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	332	232	199
32637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 74 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	266	186	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32638	98	Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ)	Từ hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 75 về phía bên phải	Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 129" thành: "Hết ranh thửa đất số 224 tờ bản đồ số 16	Xã Thiện Hưng	720	500	430
32639		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 75 về phía bên phải đến Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 129" thành: "Hết ranh thửa đất số 224 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	346	242	208
32640		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 75 về phía bên phải đến Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 129" thành: "Hết ranh thửa đất số 224 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	277	194	166
32641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 75 về phía bên phải đến Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 129" thành: "Hết ranh thửa đất số 224 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	222	155	133
32642		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 75 về phía bên phải đến Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 129" thành: "Hết ranh thửa đất số 224 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	311	218	187
32643		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 75 về phía bên phải đến Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 129" thành: "Hết ranh thửa đất số 224 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	249	174	149

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 75 về phía bên phải đến Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 129" thành: "Hết ranh thửa đất số 224 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	200	140	120
32645	99	Đường bê tông vào ấp 6 (cũ)	Đường ĐT759B	Hết ranh thửa đất số 531 tờ bản đồ số 124 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 128 về phía bên phải	Xã Thiện Hưng	480	340	290
32646		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 531 tờ bản đồ số 124 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 128 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	230	161	138
32647		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 531 tờ bản đồ số 124 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 128 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	184	129	110
32648		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 531 tờ bản đồ số 124 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 128 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	147	103	88
32649		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 531 tờ bản đồ số 124 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 128 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	207	145	124
32650		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 531 tờ bản đồ số 124 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 128 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	166	116	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32651		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 531 tờ bản đồ số 124 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 128 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	132	92	79
32652	100	Đường bê tông vào ấp 6 (cũ)	Đường ĐT759B	Hết thửa đất số 254, tờ bản đồ số 124	Xã Thiện Hưng	480	340	290
32653		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa đất số 254, tờ bản đồ số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	230	161	138
32654		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa đất số 254, tờ bản đồ số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	184	129	110
32655		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa đất số 254, tờ bản đồ số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	147	103	88
32656		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa đất số 254, tờ bản đồ số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	207	145	124
32657		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa đất số 254, tờ bản đồ số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	166	116	100
32658		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa đất số 254, tờ bản đồ số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	132	92	79
32659	101	Đường bê tông vào ấp 6	Đường ĐT759B	Hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 127 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 195 tờ bản đồ số 127 về phía bên trái	Xã Thiện Hưng	480	340	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 127 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 195 tờ bản đồ số 127 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	230	161	138
32661		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 127 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 195 tờ bản đồ số 127 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	184	129	110
32662		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 127 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 195 tờ bản đồ số 127 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	147	103	88
32663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 127 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 195 tờ bản đồ số 127 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	207	145	124
32664		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 127 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 195 tờ bản đồ số 127 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	166	116	100
32665		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 127 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 195 tờ bản đồ số 127 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	132	92	79
32666	103	Đường nhựa vào ấp 8	Cổng chào ấp 8 (Từ thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải và thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái)	Ngã ba Đài tưởng niệm	Xã Thiện Hưng	720	500	430
32667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào ấp 8 đoạn từ Cổng chào ấp 8 (Từ thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải và thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái) đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	346	242	208

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32668		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào ấp 8 đoạn từ Cổng chào ấp 8 (Từ thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải và thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái) đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	277	194	166
32669		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào ấp 8 đoạn từ Cổng chào ấp 8 (Từ thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải và thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái) đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	222	155	133
32670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào ấp 8 đoạn từ Cổng chào ấp 8 (Từ thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải và thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái) đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	311	218	187
32671		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào ấp 8 đoạn từ Cổng chào ấp 8 (Từ thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải và thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái) đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	249	174	149
32672		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào ấp 8 đoạn từ Cổng chào ấp 8 (Từ thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải và thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái) đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	200	140	120
32673	104	Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	460	320	280
32674	105	Đường khu dân cư ấp 3 (cũ)	Hết ranh đất ông Huấn (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 118)	Hết ranh thửa đất số 385 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 386 tờ bản đồ số 115 về phía bên phải	Xã Thiện Hưng	480	340	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32675		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư ấp 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh đất ông Huấn (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 118) đến Hết ranh thửa đất số 385 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 386 tờ bản đồ số 115 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	230	161	138
32676		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư ấp 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh đất ông Huấn (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 118) đến Hết ranh thửa đất số 385 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 386 tờ bản đồ số 115 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	184	129	110
32677		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư ấp 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh đất ông Huấn (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 118) đến Hết ranh thửa đất số 385 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 386 tờ bản đồ số 115 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	147	103	88
32678		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư ấp 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh đất ông Huấn (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 118) đến Hết ranh thửa đất số 385 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 386 tờ bản đồ số 115 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	207	145	124
32679		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư ấp 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh đất ông Huấn (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 118) đến Hết ranh thửa đất số 385 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 386 tờ bản đồ số 115 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	166	116	100
32680		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư ấp 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh đất ông Huấn (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 118) đến Hết ranh thửa đất số 385 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 386 tờ bản đồ số 115 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	132	92	79
32681	106	Đường tránh	Từ thửa đất số 535 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái	Hết ranh thửa đất số 757 tờ bản đồ số 124 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 756 tờ bản đồ số 124 về phía bên trá	Xã Thiện Hưng	1800	1200	1100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32682		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tránh đoạn từ Từ thửa đất số 535 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 757 tờ bản đồ số 124 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 756 tờ bản đồ số 124 về phía bên trá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	864	605	518
32683		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tránh đoạn từ Từ thửa đất số 535 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 757 tờ bản đồ số 124 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 756 tờ bản đồ số 124 về phía bên trá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	691	484	415
32684		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tránh đoạn từ Từ thửa đất số 535 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 757 tờ bản đồ số 124 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 756 tờ bản đồ số 124 về phía bên trá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	553	387	332
32685		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tránh đoạn từ Từ thửa đất số 535 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 757 tờ bản đồ số 124 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 756 tờ bản đồ số 124 về phía bên trá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	778	545	467
32686		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tránh đoạn từ Từ thửa đất số 535 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 757 tờ bản đồ số 124 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 756 tờ bản đồ số 124 về phía bên trá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	622	435	373
32687		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tránh đoạn từ Từ thửa đất số 535 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 757 tờ bản đồ số 124 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 756 tờ bản đồ số 124 về phía bên trá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	498	349	299
32688	107	Đường vào Nghĩa địa ấp 4 (cũ)	Nhà ông Vũ Văn Khẩn (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 84)	Đến thửa đất số 70 tờ bản đồ số 91 về phía bên phải và đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái	Xã Thiện Hưng	480	340	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32689		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Nghĩa địa ấp 4 (cũ) đoạn từ Nhà ông Vũ Văn Khẩn (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 84) đến Đến thửa đất số 70 tờ bản đồ số 91 về phía bên phải và đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	230	161	138
32690		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Nghĩa địa ấp 4 (cũ) đoạn từ Nhà ông Vũ Văn Khẩn (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 84) đến Đến thửa đất số 70 tờ bản đồ số 91 về phía bên phải và đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	184	129	110
32691		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Nghĩa địa ấp 4 (cũ) đoạn từ Nhà ông Vũ Văn Khẩn (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 84) đến Đến thửa đất số 70 tờ bản đồ số 91 về phía bên phải và đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	147	103	88
32692		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Nghĩa địa ấp 4 (cũ) đoạn từ Nhà ông Vũ Văn Khẩn (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 84) đến Đến thửa đất số 70 tờ bản đồ số 91 về phía bên phải và đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	207	145	124
32693		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Nghĩa địa ấp 4 (cũ) đoạn từ Nhà ông Vũ Văn Khẩn (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 84) đến Đến thửa đất số 70 tờ bản đồ số 91 về phía bên phải và đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	166	116	100
32694		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Nghĩa địa ấp 4 (cũ) đoạn từ Nhà ông Vũ Văn Khẩn (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 84) đến Đến thửa đất số 70 tờ bản đồ số 91 về phía bên phải và đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	132	92	79
32695	108	Đường nhựa ranh giữa xã Thanh Hòa - thị trấn Thanh Bình (cũ) (vào nhà văn hóa ấp 4)	Từ thửa đất số 119 tờ bản đồ số 20 về phía bên phải và thửa đất số 394 tờ bản đồ số 84 về phía bên trái	Hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 25 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 73 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái	Xã Thiện Hưng	720	500	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32696		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giữa xã Thanh Hòa - thị trấn Thanh Bình (cũ) (vào nhà văn hóa ấp 4) đoạn từ Từ thửa đất số 119 tờ bản đồ số 20 về phía bên phải và thửa đất số 394 tờ bản đồ số 84 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 25 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 73 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Xã Thiện Hưng	346	242	208
32697		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giữa xã Thanh Hòa - thị trấn Thanh Bình (cũ) (vào nhà văn hóa ấp 4) đoạn từ Từ thửa đất số 119 tờ bản đồ số 20 về phía bên phải và thửa đất số 394 tờ bản đồ số 84 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 25 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 73 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	277	194	166
32698		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giữa xã Thanh Hòa - thị trấn Thanh Bình (cũ) (vào nhà văn hóa ấp 4) đoạn từ Từ thửa đất số 119 tờ bản đồ số 20 về phía bên phải và thửa đất số 394 tờ bản đồ số 84 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 25 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 73 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	222	155	133
32699		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giữa xã Thanh Hòa - thị trấn Thanh Bình (cũ) (vào nhà văn hóa ấp 4) đoạn từ Từ thửa đất số 119 tờ bản đồ số 20 về phía bên phải và thửa đất số 394 tờ bản đồ số 84 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 25 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 73 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Xã Thiện Hưng	311	218	187
32700		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giữa xã Thanh Hòa - thị trấn Thanh Bình (cũ) (vào nhà văn hóa ấp 4) đoạn từ Từ thửa đất số 119 tờ bản đồ số 20 về phía bên phải và thửa đất số 394 tờ bản đồ số 84 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 25 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 73 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	249	174	149

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32701		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giữa xã Thanh Hòa - thị trấn Thanh Bình (cũ) (vào nhà văn hóa ấp 4) đoạn từ Từ thửa đất số 119 tờ bản đồ số 20 về phía bên phải và thửa đất số 394 tờ bản đồ số 84 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 25 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 73 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	200	140	120
32702	110	Đường nhựa	Ngã ba đồi chi khu (Từ thửa đất số 53 tờ bản đồ số 181 về phía bên phải và thửa đất số 213 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái)	Ngã ba nhà bà Ti thôn 3 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 41 tờ bản đồ số 145 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 180 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái)	Xã Thiện Hưng	1800	1200	1100
32703		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba đồi chi khu (Từ thửa đất số 53 tờ bản đồ số 181 về phía bên phải và thửa đất số 213 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) đến Ngã ba nhà bà Ti thôn 3 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 41 tờ bản đồ số 145 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 180 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	864	605	518
32704		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba đồi chi khu (Từ thửa đất số 53 tờ bản đồ số 181 về phía bên phải và thửa đất số 213 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) đến Ngã ba nhà bà Ti thôn 3 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 41 tờ bản đồ số 145 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 180 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	691	484	415
32705		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba đồi chi khu (Từ thửa đất số 53 tờ bản đồ số 181 về phía bên phải và thửa đất số 213 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) đến Ngã ba nhà bà Ti thôn 3 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 41 tờ bản đồ số 145 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 180 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	553	387	332
32706		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba đồi chi khu (Từ thửa đất số 53 tờ bản đồ số 181 về phía bên phải và thửa đất số 213 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) đến Ngã ba nhà bà Ti thôn 3 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 41 tờ bản đồ số 145 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 180 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	778	545	467

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32707		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba đồi chi khu (Từ thửa đất số 53 tờ bản đồ số 181 về phía bên phải và thửa đất số 213 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) đến Ngã ba nhà bà Ti thôn 3 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 41 tờ bản đồ số 145 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 180 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	622	435	373
32708		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba đồi chi khu (Từ thửa đất số 53 tờ bản đồ số 181 về phía bên phải và thửa đất số 213 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) đến Ngã ba nhà bà Ti thôn 3 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 41 tờ bản đồ số 145 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 180 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	498	349	299
32709	111	Đường quanh chợ Thiện Hưng	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	3400	2400	2000
32710		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh chợ Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	1632	1142	979
32711		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh chợ Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1306	914	784
32712		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh chợ Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1045	732	627
32713		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh chợ Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	1469	1028	881
32714		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh chợ Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1175	823	705
32715		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh chợ Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	941	659	565

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32716	112	Đường trong khu vực chợ	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	3400	2400	2000
32717		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	1632	1142	979
32718		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1306	914	784
32719		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	1045	732	627
32720		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	1469	1028	881
32721		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	1175	823	705
32722		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	941	659	565
32723	113	Đường nhựa	Từ ngã ba chợ (Từ thửa đất số 16 tờ bản đồ số 180 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 144 về phía bên trái)	Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 217 tờ bản đồ số 144)	Xã Thiện Hưng	1700	1200	1000
32724		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Từ ngã ba chợ (Từ thửa đất số 16 tờ bản đồ số 180 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 144 về phía bên trái) đến Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 217 tờ bản đồ số 144) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	816	571	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32725		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Từ ngã ba chợ (Từ thửa đất số 16 tờ bản đồ số 180 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 144 về phía bên trái) đến Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 217 tờ bản đồ số 144) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	653	457	392
32726		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Từ ngã ba chợ (Từ thửa đất số 16 tờ bản đồ số 180 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 144 về phía bên trái) đến Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 217 tờ bản đồ số 144) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	522	365	313
32727		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Từ ngã ba chợ (Từ thửa đất số 16 tờ bản đồ số 180 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 144 về phía bên trái) đến Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 217 tờ bản đồ số 144) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	734	514	440
32728		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Từ ngã ba chợ (Từ thửa đất số 16 tờ bản đồ số 180 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 144 về phía bên trái) đến Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 217 tờ bản đồ số 144) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	588	412	353
32729		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Từ ngã ba chợ (Từ thửa đất số 16 tờ bản đồ số 180 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 144 về phía bên trái) đến Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 217 tờ bản đồ số 144) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	470	329	282
32730	114	Đường quanh Bến xe mới Thiện Hưng	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	1600	1100	960
32731		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh Bến xe mới Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	768	538	461
32732		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh Bến xe mới Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	614	430	368

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32733		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh Bến xe mới Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	491	344	295
32734		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh Bến xe mới Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	691	484	415
32735		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh Bến xe mới Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	553	387	332
32736		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh Bến xe mới Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	442	309	265
32737	115	Đường Quy hoạch khu 3,4 ha	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	1600	1100	960
32738		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quy hoạch khu 3,4 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	768	538	461
32739		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quy hoạch khu 3,4 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	614	430	368
32740		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quy hoạch khu 3,4 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	491	344	295
32741		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quy hoạch khu 3,4 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	691	484	415
32742		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quy hoạch khu 3,4 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	553	387	332
32743		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quy hoạch khu 3,4 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	442	309	265

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32744	116	Đường nhựa	Đường Nguyễn Huệ	Đến ranh thửa đất của ông Lưu Văn Châu (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 171)	Xã Thiện Hưng	1200	840	720
32745		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến ranh thửa đất của ông Lưu Văn Châu (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 171) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	576	403	346
32746		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến ranh thửa đất của ông Lưu Văn Châu (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 171) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	461	323	277
32747		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến ranh thửa đất của ông Lưu Văn Châu (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 171) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	369	258	221
32748		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến ranh thửa đất của ông Lưu Văn Châu (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 171) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	518	363	311
32749		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến ranh thửa đất của ông Lưu Văn Châu (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 171) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	415	291	249
32750		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến ranh thửa đất của ông Lưu Văn Châu (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 171) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	332	232	199
32751	117	Đường nhựa	Ngã ba bến xe mới vào 30m (Từ thửa đất số 33 tờ bản đồ số 154 về phía bên phải và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 154 về phía bên trái)	Nhà văn hóa cộng đồng (Hết ranh thửa đất số 208 tờ bản đồ số 145)	Xã Thiện Hưng	1200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32752		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba bến xe mới vào 30m (Từ thửa đất số 33 tờ bản đồ số 154 về phía bên phải và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 154 về phía bên trái) đến Nhà văn hóa cộng đồng (Hết ranh thửa đất số 208 tờ bản đồ số 145) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Thiện Hưng	576	403	346
32753		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba bến xe mới vào 30m (Từ thửa đất số 33 tờ bản đồ số 154 về phía bên phải và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 154 về phía bên trái) đến Nhà văn hóa cộng đồng (Hết ranh thửa đất số 208 tờ bản đồ số 145) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	461	323	277
32754		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba bến xe mới vào 30m (Từ thửa đất số 33 tờ bản đồ số 154 về phía bên phải và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 154 về phía bên trái) đến Nhà văn hóa cộng đồng (Hết ranh thửa đất số 208 tờ bản đồ số 145) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	369	258	221
32755		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba bến xe mới vào 30m (Từ thửa đất số 33 tờ bản đồ số 154 về phía bên phải và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 154 về phía bên trái) đến Nhà văn hóa cộng đồng (Hết ranh thửa đất số 208 tờ bản đồ số 145) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Thiện Hưng	518	363	311
32756		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba bến xe mới vào 30m (Từ thửa đất số 33 tờ bản đồ số 154 về phía bên phải và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 154 về phía bên trái) đến Nhà văn hóa cộng đồng (Hết ranh thửa đất số 208 tờ bản đồ số 145) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	415	291	249
32757		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba bến xe mới vào 30m (Từ thửa đất số 33 tờ bản đồ số 154 về phía bên phải và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 154 về phía bên trái) đến Nhà văn hóa cộng đồng (Hết ranh thửa đất số 208 tờ bản đồ số 145) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	332	232	199
32758	118	Đường nhựa	Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ)	Đến ngã ba trụ sở Trung Đoàn (hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 30 và thửa đất số 27, tờ bản đồ số 148)	Xã Thiện Hưng	880	620	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32759		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) đến Đến ngã ba trụ sở Trung Đoàn (hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 30 và thửa đất số 27, tờ bản đồ số 148) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	422	295	253
32760		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) đến Đến ngã ba trụ sở Trung Đoàn (hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 30 và thửa đất số 27, tờ bản đồ số 148) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	338	237	203
32761		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) đến Đến ngã ba trụ sở Trung Đoàn (hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 30 và thửa đất số 27, tờ bản đồ số 148) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	270	189	162
32762		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) đến Đến ngã ba trụ sở Trung Đoàn (hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 30 và thửa đất số 27, tờ bản đồ số 148) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	380	266	228
32763		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) đến Đến ngã ba trụ sở Trung Đoàn (hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 30 và thửa đất số 27, tờ bản đồ số 148) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	304	213	182
32764		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) đến Đến ngã ba trụ sở Trung Đoàn (hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 30 và thửa đất số 27, tờ bản đồ số 148) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	243	170	146
32765	119	Đường nhựa	Hết ranh Trạm xá E717	Hết ranh trụ sở Trung Đoàn 717 (Hết ranh Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 292 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái))	Xã Thiện Hưng	720	500	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32766		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh Trạm xá E717 đến Hết ranh trụ sở Trung Đoàn 717 (Hết ranh Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 292 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Thiện Hưng	346	242	208
32767		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh Trạm xá E717 đến Hết ranh trụ sở Trung Đoàn 717 (Hết ranh Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 292 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	277	194	166
32768		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh Trạm xá E717 đến Hết ranh trụ sở Trung Đoàn 717 (Hết ranh Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 292 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	222	155	133
32769		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh Trạm xá E717 đến Hết ranh trụ sở Trung Đoàn 717 (Hết ranh Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 292 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Thiện Hưng	311	218	187
32770		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh Trạm xá E717 đến Hết ranh trụ sở Trung Đoàn 717 (Hết ranh Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 292 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	249	174	149
32771		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh Trạm xá E717 đến Hết ranh trụ sở Trung Đoàn 717 (Hết ranh Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 292 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	200	140	120
32772	120	Đường nhựa thôn 4 (cũ)	Từ hết ranh thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138	Ngã ba nhà thờ Châu Ninh (hết ranh thửa đất số 25, thửa đất số 32, thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 138)	Xã Thiện Hưng	720	500	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32773		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 4 (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 đến Ngã ba nhà thờ Châu Ninh (hết ranh thửa đất số 25, thửa đất số 32, thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	346	242	208
32774		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 4 (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 đến Ngã ba nhà thờ Châu Ninh (hết ranh thửa đất số 25, thửa đất số 32, thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	277	194	166
32775		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 4 (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 đến Ngã ba nhà thờ Châu Ninh (hết ranh thửa đất số 25, thửa đất số 32, thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	222	155	133
32776		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 4 (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 đến Ngã ba nhà thờ Châu Ninh (hết ranh thửa đất số 25, thửa đất số 32, thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	311	218	187
32777		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 4 (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 đến Ngã ba nhà thờ Châu Ninh (hết ranh thửa đất số 25, thửa đất số 32, thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	249	174	149
32778		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 4 (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 đến Ngã ba nhà thờ Châu Ninh (hết ranh thửa đất số 25, thửa đất số 32, thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	200	140	120
32779	121	Đường nhựa thôn 2 (cũ)	Đường ĐT759B	Đến thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138	Xã Thiện Hưng	960	670	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32780		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Đến thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	461	323	277
32781		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Đến thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	369	258	221
32782		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Đến thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	295	207	177
32783		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Đến thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	415	291	249
32784		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Đến thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	332	232	199
32785		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Đến thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	266	186	160
32786	122	Đường nhựa thôn 2 (cũ)	Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 167 về phía bên phải và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 159 về phía bên trái	Hết ranh thửa đất số 984 về bên phải và thửa đất số 823 về bên trái tờ bản đồ số 138	Xã Thiện Hưng	640	450	380
32787		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 167 về phía bên phải và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 159 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 984 về bên phải và thửa đất số 823 về bên trái tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	307	215	184

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32788		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 167 về phía bên phải và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 159 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 984 về bên phải và thửa đất số 823 về bên trái tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	246	172	148
32789		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 167 về phía bên phải và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 159 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 984 về bên phải và thửa đất số 823 về bên trái tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	197	138	118
32790		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 167 về phía bên phải và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 159 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 984 về bên phải và thửa đất số 823 về bên trái tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	276	193	166
32791		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 167 về phía bên phải và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 159 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 984 về bên phải và thửa đất số 823 về bên trái tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	221	155	133
32792		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 167 về phía bên phải và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 159 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 984 về bên phải và thửa đất số 823 về bên trái tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	177	124	106
32793	123	Đường nhựa thôn 3 (cũ)	Từ thửa đất số 18 và thửa đất số 26, tờ bản đồ số 2	Hết ranh thửa đất số 43 và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 145	Xã Thiện Hưng	1200	840	720
32794		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 18 và thửa đất số 26, tờ bản đồ số 2 đến Hết ranh thửa đất số 43 và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	576	403	346

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32795		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 18 và thửa đất số 26, tờ bản đồ số 2 đến Hết ranh thửa đất số 43 và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	461	323	277
32796		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 18 và thửa đất số 26, tờ bản đồ số 2 đến Hết ranh thửa đất số 43 và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	369	258	221
32797		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 18 và thửa đất số 26, tờ bản đồ số 2 đến Hết ranh thửa đất số 43 và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	518	363	311
32798		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 18 và thửa đất số 26, tờ bản đồ số 2 đến Hết ranh thửa đất số 43 và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	415	291	249
32799		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 18 và thửa đất số 26, tờ bản đồ số 2 đến Hết ranh thửa đất số 43 và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	332	232	199
32800	124	Đường nhựa thôn 3 (cũ)	Hết ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 145	Hết ranh thửa đất số 318 về bên phải và thửa đất số 40 về bên trái tờ bản đồ số 145	Xã Thiện Hưng	720	500	430
32801		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 145 đến Hết ranh thửa đất số 318 về bên phải và thửa đất số 40 về bên trái tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	346	242	208
32802		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 145 đến Hết ranh thửa đất số 318 về bên phải và thửa đất số 40 về bên trái tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	277	194	166

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32803		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 145 đến Hết ranh thửa đất số 318 về bên phải và thửa đất số 40 về bên trái tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	222	155	133
32804		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 145 đến Hết ranh thửa đất số 318 về bên phải và thửa đất số 40 về bên trái tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	311	218	187
32805		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 145 đến Hết ranh thửa đất số 318 về bên phải và thửa đất số 40 về bên trái tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	249	174	149
32806		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 145 đến Hết ranh thửa đất số 318 về bên phải và thửa đất số 40 về bên trái tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	200	140	120
32807	1125	Đường nhựa thôn 5	Đường ĐT 759B vào 30m (ngã ba hạt Kiểm lâm)	Chùa Tâm Pháp	Xã Thiện Hưng	720	500	430
32808		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 5 đoạn từ Đường ĐT 759B vào 30m (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Chùa Tâm Pháp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	346	242	208
32809		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 5 đoạn từ Đường ĐT 759B vào 30m (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Chùa Tâm Pháp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	277	194	166
32810		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 5 đoạn từ Đường ĐT 759B vào 30m (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Chùa Tâm Pháp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	222	155	133
32811		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 5 đoạn từ Đường ĐT 759B vào 30m (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Chùa Tâm Pháp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	311	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32812		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 5 đoạn từ Đường ĐT 759B vào 30m (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Chùa Tâm Pháp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	249	174	149
32813		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 5 đoạn từ Đường ĐT 759B vào 30m (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Chùa Tâm Pháp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	200	140	120
32814	127	Đường nhựa thôn 6	Giáp ranh đất thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu	Ngã tư thôn 6 (Hết ranh thửa đất số 27 tờ bản đồ số 174 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 31 tờ bản đồ số 165 về phía bên trái)	Xã Thiện Hưng	560	390	340
32815		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Giáp ranh đất thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu đến Ngã tư thôn 6 (Hết ranh thửa đất số 27 tờ bản đồ số 174 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 31 tờ bản đồ số 165 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	269	188	161
32816		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Giáp ranh đất thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu đến Ngã tư thôn 6 (Hết ranh thửa đất số 27 tờ bản đồ số 174 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 31 tờ bản đồ số 165 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	215	151	129
32817		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Giáp ranh đất thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu đến Ngã tư thôn 6 (Hết ranh thửa đất số 27 tờ bản đồ số 174 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 31 tờ bản đồ số 165 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	172	120	103
32818		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Giáp ranh đất thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu đến Ngã tư thôn 6 (Hết ranh thửa đất số 27 tờ bản đồ số 174 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 31 tờ bản đồ số 165 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	242	169	145

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32819		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Giáp ranh đất thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu đến Ngã tư thôn 6 (Hết ranh thửa đất số 27 tờ bản đồ số 174 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 31 tờ bản đồ số 165 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	194	136	116
32820		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Giáp ranh đất thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu đến Ngã tư thôn 6 (Hết ranh thửa đất số 27 tờ bản đồ số 174 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 31 tờ bản đồ số 165 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	155	109	93
32821	128	Đường nhựa thôn 6	Ngã tư thôn 6	Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 196, tờ bản đồ số 140)	Xã Thiện Hưng	480	340	290
32822		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Ngã tư thôn 6 đến Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 196, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	230	161	138
32823		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Ngã tư thôn 6 đến Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 196, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	184	129	110
32824		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Ngã tư thôn 6 đến Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 196, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	147	103	88
32825		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Ngã tư thôn 6 đến Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 196, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	207	145	124
32826		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Ngã tư thôn 6 đến Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 196, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	166	116	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32827		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Ngã tư thôn 6 đến Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 196, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	132	92	79
32828	129	Đường nhựa thôn 4	Ngã ba Nhà thờ	Hết ranh thửa đất số 8 tờ bản đồ số 136 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 136 về phía bên trái	Xã Thiện Hưng	560	390	340
32829		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Ngã ba Nhà thờ đến Hết ranh thửa đất số 8 tờ bản đồ số 136 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 136 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	269	188	161
32830		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Ngã ba Nhà thờ đến Hết ranh thửa đất số 8 tờ bản đồ số 136 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 136 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	215	151	129
32831		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Ngã ba Nhà thờ đến Hết ranh thửa đất số 8 tờ bản đồ số 136 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 136 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	172	120	103
32832		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Ngã ba Nhà thờ đến Hết ranh thửa đất số 8 tờ bản đồ số 136 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 136 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	242	169	145
32833		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Ngã ba Nhà thờ đến Hết ranh thửa đất số 8 tờ bản đồ số 136 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 136 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	194	136	116
32834		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Ngã ba Nhà thờ đến Hết ranh thửa đất số 8 tờ bản đồ số 136 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 136 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	155	109	93

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32835	130	Đường nhựa thôn 4	Từ thửa đất số 392 tờ bản đồ số 139 về phía bên phải và thửa đất số 410 tờ bản đồ số 138 về phía bên trái	Ngã ba thôn 1	Xã Thiện Hưng	480	340	290
32836		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Từ thửa đất số 392 tờ bản đồ số 139 về phía bên phải và thửa đất số 410 tờ bản đồ số 138 về phía bên trái đến Ngã ba thôn 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	230	161	138
32837		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Từ thửa đất số 392 tờ bản đồ số 139 về phía bên phải và thửa đất số 410 tờ bản đồ số 138 về phía bên trái đến Ngã ba thôn 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	184	129	110
32838		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Từ thửa đất số 392 tờ bản đồ số 139 về phía bên phải và thửa đất số 410 tờ bản đồ số 138 về phía bên trái đến Ngã ba thôn 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	147	103	88
32839		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Từ thửa đất số 392 tờ bản đồ số 139 về phía bên phải và thửa đất số 410 tờ bản đồ số 138 về phía bên trái đến Ngã ba thôn 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	207	145	124
32840		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Từ thửa đất số 392 tờ bản đồ số 139 về phía bên phải và thửa đất số 410 tờ bản đồ số 138 về phía bên trái đến Ngã ba thôn 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	166	116	100
32841		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Từ thửa đất số 392 tờ bản đồ số 139 về phía bên phải và thửa đất số 410 tờ bản đồ số 138 về phía bên trái đến Ngã ba thôn 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	132	92	79
32842	131	Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	460	320	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32843	132	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	360	250	220
32844	133	Đường giáp ranh giữa ấp Thanh Tâm và ấp Thanh Sơn	từ hết ranh 11-632 về bên phải và 11-483 về bên trái	Hết ranh 19-66 về bên phải và 19-280 về bên trái	Xã Thiện Hưng	480	340	290
32845		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh giữa ấp Thanh Tâm và ấp Thanh Sơn đoạn từ từ hết ranh 11-632 về bên phải và 11-483 về bên trái đến Hết ranh 19-66 về bên phải và 19-280 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	230	161	138
32846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh giữa ấp Thanh Tâm và ấp Thanh Sơn đoạn từ từ hết ranh 11-632 về bên phải và 11-483 về bên trái đến Hết ranh 19-66 về bên phải và 19-280 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	184	129	110
32847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh giữa ấp Thanh Tâm và ấp Thanh Sơn đoạn từ từ hết ranh 11-632 về bên phải và 11-483 về bên trái đến Hết ranh 19-66 về bên phải và 19-280 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	147	103	88
32848		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh giữa ấp Thanh Tâm và ấp Thanh Sơn đoạn từ từ hết ranh 11-632 về bên phải và 11-483 về bên trái đến Hết ranh 19-66 về bên phải và 19-280 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	207	145	124
32849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh giữa ấp Thanh Tâm và ấp Thanh Sơn đoạn từ từ hết ranh 11-632 về bên phải và 11-483 về bên trái đến Hết ranh 19-66 về bên phải và 19-280 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	166	116	100
32850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh giữa ấp Thanh Tâm và ấp Thanh Sơn đoạn từ từ hết ranh 11-632 về bên phải và 11-483 về bên trái đến Hết ranh 19-66 về bên phải và 19-280 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	132	92	79
32851	134	Đường ấp Thanh Sơn	Từ 11-546 về bên trái và 11-513 về bên phải	Hết ranh 20-119 về bên phải và 220-330 về bên trái	Xã Thiện Hưng	480	340	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32852		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Sơn đoạn từ Từ 11-546 về bên trái và 11-513 về bên phải đến Hết ranh 20-119 về bên phải và 220-330 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	230	161	138
32853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Sơn đoạn từ Từ 11-546 về bên trái và 11-513 về bên phải đến Hết ranh 20-119 về bên phải và 220-330 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	184	129	110
32854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Sơn đoạn từ Từ 11-546 về bên trái và 11-513 về bên phải đến Hết ranh 20-119 về bên phải và 220-330 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	147	103	88
32855		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Sơn đoạn từ Từ 11-546 về bên trái và 11-513 về bên phải đến Hết ranh 20-119 về bên phải và 220-330 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	207	145	124
32856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Sơn đoạn từ Từ 11-546 về bên trái và 11-513 về bên phải đến Hết ranh 20-119 về bên phải và 220-330 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	166	116	100
32857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Sơn đoạn từ Từ 11-546 về bên trái và 11-513 về bên phải đến Hết ranh 20-119 về bên phải và 220-330 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	132	92	79
32858	135	Các đường còn lại trong khu trung tâm thương mại			Xã Thiện Hưng	3.920	2.730	2.380
32859	136	Đường ấp Thanh Bình	từ 78 về bên phải và 40 về bên trái tờ 35 (tờ cũ 36)	hết ranh 8-7 về bên phải và hết 120-383 về bên trái	Xã Thiện Hưng	480	340	290
32860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Bình đoạn từ từ 78 về bên phải và 40 về bên trái tờ 35 (tờ cũ 36) đến hết ranh 8-7 về bên phải và hết 120-383 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	230	161	138

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Bình đoạn từ từ 78 về bên phải và 40 về bên trái tờ 35 (tờ cũ 36) đến hết ranh 8-7 về bên phải và hết 120-383 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	184	129	110
32862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Bình đoạn từ từ 78 về bên phải và 40 về bên trái tờ 35 (tờ cũ 36) đến hết ranh 8-7 về bên phải và hết 120-383 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	147	103	88
32863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Bình đoạn từ từ 78 về bên phải và 40 về bên trái tờ 35 (tờ cũ 36) đến hết ranh 8-7 về bên phải và hết 120-383 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	207	145	124
32864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Bình đoạn từ từ 78 về bên phải và 40 về bên trái tờ 35 (tờ cũ 36) đến hết ranh 8-7 về bên phải và hết 120-383 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	166	116	100
32865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Bình đoạn từ từ 78 về bên phải và 40 về bên trái tờ 35 (tờ cũ 36) đến hết ranh 8-7 về bên phải và hết 120-383 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	132	92	79
32866	2	Đường ĐT 759B	Ngã ba đường ĐT 759B (tờ 29 thửa 231)	Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ)	Xã Tân Tiến	1400	1000	860
32867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759B (tờ 29 thửa 231) đến Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	672	470	403
32868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759B (tờ 29 thửa 231) đến Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	538	377	323
32869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759B (tờ 29 thửa 231) đến Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	430	301	258

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759B (tờ 29 thửa 231) đến Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	605	424	363
32871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759B (tờ 29 thửa 231) đến Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	484	339	290
32872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759B (tờ 29 thửa 231) đến Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	387	271	232
32873	3	Đường ĐT 759B	Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ)	Giáo xứ Tân Thành	Xã Tân Tiến	1800	1300	1100
32874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) đến Giáo xứ Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	864	605	518
32875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) đến Giáo xứ Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	691	484	415
32876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) đến Giáo xứ Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	553	387	332
32877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) đến Giáo xứ Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	778	545	467
32878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) đến Giáo xứ Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	622	435	373

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) đến Giáo xứ Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	498	349	299
32880	4	Đường ĐT 759B	Giáo xứ Tân Thành	Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết	Xã Tân Tiến	2400	1700	1400
32881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáo xứ Tân Thành đến Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	1152	806	691
32882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáo xứ Tân Thành đến Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	922	645	553
32883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáo xứ Tân Thành đến Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	738	517	443
32884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáo xứ Tân Thành đến Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	1037	726	622
32885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáo xứ Tân Thành đến Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	830	581	498
32886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáo xứ Tân Thành đến Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	664	465	398
32887	5	Đường ĐT 759B	Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết	Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ)	Xã Tân Tiến	4300	3000	2600
32888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết đến Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	2064	1445	1238

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết đến Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	1651	1156	991
32890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết đến Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	1321	925	793
32891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết đến Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	1858	1301	1115
32892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết đến Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	1486	1040	892
32893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết đến Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	1189	832	713
32894	6	Đường ĐT 759B	Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ)	Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21)	Xã Tân Tiến	2400	1700	1400
32895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	1152	806	691
32896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	922	645	553
32897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	738	517	443

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	1037	726	622
32899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	830	581	498
32900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	664	465	398
32901	7	Đường ĐT 759B	Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21)	Giáp ranh xã Tân Tiến cũ	Xã Tân Tiến	1400	1000	860
32902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	672	470	403
32903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	538	377	323
32904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	430	301	258
32905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	605	424	363
32906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	484	339	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	387	271	232
32908	8	Đường ĐT 759B	Giáp ranh xã Tân Thành (cũ)	Ngã ba đường nhựa K2	Xã Tân Tiến	1400	1000	860
32909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường nhựa K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	672	470	403
32910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường nhựa K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	538	377	323
32911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường nhựa K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	430	301	258
32912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường nhựa K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	605	424	363
32913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường nhựa K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	484	339	290
32914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường nhựa K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	387	271	232
32915	9	Đường ĐT 759B	Ngã ba đường nhựa K2	Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên	Xã Tân Tiến	1800	1200	1100
32916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường nhựa K2 đến Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	864	605	518

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường nhựa K2 đến Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	691	484	415
32918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường nhựa K2 đến Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	553	387	332
32919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường nhựa K2 đến Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	778	545	467
32920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường nhựa K2 đến Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	622	435	373
32921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường nhựa K2 đến Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	498	349	299
32922	10	Đường ĐT 759B	Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên	Cổng chào ấp Tân An	Xã Tân Tiến	2900	2000	1700
32923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên đến Cổng chào ấp Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	1392	974	835
32924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên đến Cổng chào ấp Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	1114	780	668
32925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên đến Cổng chào ấp Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	891	624	535
32926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên đến Cổng chào ấp Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	1253	877	752

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên đến Cổng chào ấp Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	1003	702	602
32928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên đến Cổng chào ấp Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	802	561	481
32929	11	Đường ĐT 759B	Cổng chào ấp Tân An	Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ)	Xã Tân Tiến	1800	1200	1100
32930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cổng chào ấp Tân An đến Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	864	605	518
32931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cổng chào ấp Tân An đến Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	691	484	415
32932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cổng chào ấp Tân An đến Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	553	387	332
32933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cổng chào ấp Tân An đến Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	778	545	467
32934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cổng chào ấp Tân An đến Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	622	435	373
32935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cổng chào ấp Tân An đến Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	498	349	299

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32936	12	Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	480	340	290
32937		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	230	161	138
32938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	184	129	110
32939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	147	103	88
32940		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	207	145	124
32941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	166	116	100
32942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	132	92	79
32943	13	Đường liên doanh	Đường ĐT 759B	Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ	Xã Tân Tiến	3000	2100	1800
32944		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên doanh đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	1440	1008	864

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên doanh đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	1152	806	691
32946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên doanh đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	922	645	553
32947		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên doanh đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	1296	907	778
32948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên doanh đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	1037	726	622
32949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên doanh đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	830	581	498
32950	14	Đường liên doanh	Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ	Đồn cầu trắng	Xã Tân Tiến	1500	1100	910
32951		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên doanh đoạn từ Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ đến Đồn cầu trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	720	504	432
32952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên doanh đoạn từ Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ đến Đồn cầu trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	576	403	346
32953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên doanh đoạn từ Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ đến Đồn cầu trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32954		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên doanh đoạn từ Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ đến Đồn cầu trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	648	454	389
32955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên doanh đoạn từ Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ đến Đồn cầu trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	518	363	311
32956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên doanh đoạn từ Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ đến Đồn cầu trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	415	291	249
32957	15	Đường trong khu vực chợ Tân Thành	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	1800	1300	1100
32958		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	864	605	518
32959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	691	484	415
32960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	553	387	332
32961		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	778	545	467
32962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	622	435	373
32963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	498	349	299

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32964	16	Đường nhựa ấp Tân Lợi	Đường ĐT759B (cổng chào ấp Tân Lợi)	Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 145, tờ bản đồ số 16)	Xã Tân Tiến	720	500	430
32965		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường ĐT759B (cổng chào ấp Tân Lợi) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 145, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	346	242	208
32966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường ĐT759B (cổng chào ấp Tân Lợi) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 145, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	277	194	166
32967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường ĐT759B (cổng chào ấp Tân Lợi) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 145, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
32968		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường ĐT759B (cổng chào ấp Tân Lợi) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 145, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	311	218	187
32969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường ĐT759B (cổng chào ấp Tân Lợi) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 145, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	249	174	149
32970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường ĐT759B (cổng chào ấp Tân Lợi) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 145, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
32971	17	Đường nhựa ấp Tân Lợi	Đường liên doanh (ngã ba nhà bà Năm Lầu)	Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16)	Xã Tân Tiến	720	500	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32972		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba nhà bà Năm Lầu) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	346	242	208
32973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba nhà bà Năm Lầu) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	277	194	166
32974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba nhà bà Năm Lầu) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
32975		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba nhà bà Năm Lầu) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	311	218	187
32976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba nhà bà Năm Lầu) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	249	174	149
32977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba nhà bà Năm Lầu) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
32978	18	Đường nhựa ấp Tân Lợi	Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 16	Hết thửa đất số 427, tờ bản đồ số 9	Xã Tân Tiến	580	400	350
32979		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 427, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	278	195	167

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 427, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
32981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 427, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	178	125	107
32982		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 427, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	250	175	150
32983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 427, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
32984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 427, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	160	112	96
32985	19	Đường nhựa ấp Tân Phú	Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phú)	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 407, tờ bản đồ số 17)	Xã Tân Tiến	720	500	430
32986		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phú) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 407, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	346	242	208
32987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phú) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 407, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	277	194	166
32988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phú) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 407, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32989		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phú) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 407, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	311	218	187
32990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phú) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 407, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	249	174	149
32991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phú) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 407, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
32992	20	Đường nhựa ấp Tân Phong	Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phong)	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 120, tờ bản đồ số 8)	Xã Tân Tiến	580	400	350
32993		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phong) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 120, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	278	195	167
32994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phong) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 120, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
32995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phong) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 120, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	178	125	107
32996		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phong) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 120, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	250	175	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
32997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phong) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 120, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
32998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phong) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 120, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	160	112	96
32999	21	Đường nhựa ấp Tân Phong	Đường liên doanh (ngã ba cây tung)	Hết ranh thửa đất số 202, tờ bản đồ số 7	Xã Tân Tiến	580	400	350
33000		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba cây tung) đến Hết ranh thửa đất số 202, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	278	195	167
33001		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba cây tung) đến Hết ranh thửa đất số 202, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
33002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba cây tung) đến Hết ranh thửa đất số 202, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	178	125	107
33003		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba cây tung) đến Hết ranh thửa đất số 202, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	250	175	150
33004		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba cây tung) đến Hết ranh thửa đất số 202, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba cây tung) đến Hết ranh thửa đất số 202, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	160	112	96

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33006	22	Đường nhựa ấp Tân Hội	Đường liên doanh (cổng chào ấp Tân Hội)	Hết tuyến	Xã Tân Tiến	580	400	350
33007		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào ấp Tân Hội) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	278	195	167
33008		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào ấp Tân Hội) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
33009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào ấp Tân Hội) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	178	125	107
33010		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào ấp Tân Hội) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	250	175	150
33011		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào ấp Tân Hội) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào ấp Tân Hội) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	160	112	96
33013	23	Đường nhựa ấp Tân Hội	Đường liên doanh (cổng chào cũ ấp Tân Hội)	Hết ranh thửa đất số 42, tờ bản đồ số 6	Xã Tân Tiến	580	400	350
33014		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào cũ ấp Tân Hội) đến Hết ranh thửa đất số 42, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	278	195	167
33015		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào cũ ấp Tân Hội) đến Hết ranh thửa đất số 42, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào cũ ấp Tân Hội) đến Hết ranh thửa đất số 42, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	178	125	107
33017		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào cũ ấp Tân Hội) đến Hết ranh thửa đất số 42, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	250	175	150
33018		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào cũ ấp Tân Hội) đến Hết ranh thửa đất số 42, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào cũ ấp Tân Hội) đến Hết ranh thửa đất số 42, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	160	112	96
33020	24	Đường nhựa ấp Tân Lập đi Tân Phú	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 215, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 26	Xã Tân Tiến	720	500	430
33021		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lập đi Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 215, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	346	242	208
33022		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lập đi Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 215, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	277	194	166
33023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lập đi Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 215, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
33024		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lập đi Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 215, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	311	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33025		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lập đi Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 215, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	249	174	149
33026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lập đi Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 215, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33027	25	Đường nhựa giáp ấp Tân Phú	Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng tài chính)	Hết ranh thửa đất số 31 và thửa đất số 324, tờ bản đồ số 25	Xã Tân Tiến	720	500	430
33028		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng tài chính) đến Hết ranh thửa đất số 31 và thửa đất số 324, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	346	242	208
33029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng tài chính) đến Hết ranh thửa đất số 31 và thửa đất số 324, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	277	194	166
33030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng tài chính) đến Hết ranh thửa đất số 31 và thửa đất số 324, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
33031		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng tài chính) đến Hết ranh thửa đất số 31 và thửa đất số 324, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	311	218	187
33032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng tài chính) đến Hết ranh thửa đất số 31 và thửa đất số 324, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	249	174	149

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng tài chính) đến Hết ranh thửa đất số 31 và thửa đất số 324, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33034	26	Đường nhựa ấp Tân Phú	Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng Công an)	Hết ranh thửa đất số 153, tờ bản đồ số 21	Xã Tân Tiến	720	500	430
33035		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng Công an) đến Hết ranh thửa đất số 153, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	346	242	208
33036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng Công an) đến Hết ranh thửa đất số 153, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	277	194	166
33037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng Công an) đến Hết ranh thửa đất số 153, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
33038		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng Công an) đến Hết ranh thửa đất số 153, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	311	218	187
33039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng Công an) đến Hết ranh thửa đất số 153, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	249	174	149
33040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng Công an) đến Hết ranh thửa đất số 153, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33041	27	Đường nhựa ấp Tân Định	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 69 và thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24	Xã Tân Tiến	580	400	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 69 và thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	278	195	167
33043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 69 và thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
33044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 69 và thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	178	125	107
33045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 69 và thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	250	175	150
33046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 69 và thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 69 và thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	160	112	96
33048	28	Đường nhựa ấp Tân Định	Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Định)	Hết ranh từ thửa đất số 331 và thửa đất số 76 đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 24	Xã Tân Tiến	720	500	430
33049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Định) đến Hết ranh từ thửa đất số 331 và thửa đất số 76 đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	346	242	208
33050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Định) đến Hết ranh từ thửa đất số 331 và thửa đất số 76 đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	277	194	166

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Định) đến Hết ranh từ thửa đất số 331 và thửa đất số 76 đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
33052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Định) đến Hết ranh từ thửa đất số 331 và thửa đất số 76 đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	311	218	187
33053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Định) đến Hết ranh từ thửa đất số 331 và thửa đất số 76 đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	249	174	149
33054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Định) đến Hết ranh từ thửa đất số 331 và thửa đất số 76 đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33055	29	Đường nhựa vào hồ bơi Ngọc Thủy	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24	Xã Tân Tiến	580	400	350
33056		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào hồ bơi Ngọc Thủy đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	278	195	167
33057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào hồ bơi Ngọc Thủy đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
33058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào hồ bơi Ngọc Thủy đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	178	125	107

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào hồ bơi Ngọc Thủy đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	250	175	150
33060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào hồ bơi Ngọc Thủy đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào hồ bơi Ngọc Thủy đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	160	112	96
33062	30	Đường nhựa ấp Tân Hiệp	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 232, tờ bản đồ số 23	Xã Tân Tiến	580	400	350
33063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	278	195	167
33064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
33065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	178	125	107
33066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	250	175	150
33067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	160	112	96
33069	31	Đường nhựa ấp Tân Hiệp	Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Hiệp)	Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 14	Xã Tân Tiến	580	400	350
33070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Hiệp) đến Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	278	195	167
33071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Hiệp) đến Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
33072		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Hiệp) đến Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	178	125	107
33073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Hiệp) đến Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	250	175	150
33074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Hiệp) đến Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33075		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Hiệp) đến Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	160	112	96
33076	32	Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ	Đường ĐT 759B	Hết tuyến	Xã Tân Tiến	580	400	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	278	195	167
33078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
33079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	178	125	107
33080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	250	175	150
33081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	160	112	96
33083	33	Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14	Xã Tân Tiến	580	400	350
33084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	278	195	167
33085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	178	125	107
33087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	250	175	150
33088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	160	112	96
33090	34	Đường nhựa C3	Ngã ba đường Liên Doanh	Hết ranh thửa đất số 104, tờ bản đồ số 9	Xã Tân Tiến	580	400	350
33091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa C3 đoạn từ Ngã ba đường Liên Doanh đến Hết ranh thửa đất số 104, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	278	195	167
33092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa C3 đoạn từ Ngã ba đường Liên Doanh đến Hết ranh thửa đất số 104, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
33093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa C3 đoạn từ Ngã ba đường Liên Doanh đến Hết ranh thửa đất số 104, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	178	125	107
33094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa C3 đoạn từ Ngã ba đường Liên Doanh đến Hết ranh thửa đất số 104, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	250	175	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa C3 đoạn từ Ngã ba đường Liên Doanh đến Hết ranh thửa đất số 104, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa C3 đoạn từ Ngã ba đường Liên Doanh đến Hết ranh thửa đất số 104, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	160	112	96
33097	35	Đường nhựa ấp Tân Đông	Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Đông)	Đập Bù Đạo	Xã Tân Tiến	720	500	430
33098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Đông) đến Đập Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	346	242	208
33099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Đông) đến Đập Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	277	194	166
33100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Đông) đến Đập Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
33101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Đông) đến Đập Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	311	218	187
33102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Đông) đến Đập Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	249	174	149
33103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Đông) đến Đập Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33104	36	Đường nhựa khu dân cư đội 3 - đội 5 Trung đoàn 717	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	720	500	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu dân cư đội 3 - đội 5 Trung đoàn 717 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	346	242	208
33106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu dân cư đội 3 - đội 5 Trung đoàn 717 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	277	194	166
33107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu dân cư đội 3 - đội 5 Trung đoàn 717 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
33108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu dân cư đội 3 - đội 5 Trung đoàn 717 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	311	218	187
33109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu dân cư đội 3 - đội 5 Trung đoàn 717 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	249	174	149
33110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu dân cư đội 3 - đội 5 Trung đoàn 717 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33111	37	Đường nhựa giáp ranh xã Tân Tiến - Tân Thành cũ	Đường ĐT 759B	Suối Bù Đạo	Xã Tân Tiến	480	340	290
33112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh xã Tân Tiến - Tân Thành cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	230	161	138
33113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh xã Tân Tiến - Tân Thành cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	184	129	110
33114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh xã Tân Tiến - Tân Thành cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	147	103	88

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh xã Tân Tiến - Tân Thành cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	207	145	124
33116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh xã Tân Tiến - Tân Thành cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	166	116	100
33117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh xã Tân Tiến - Tân Thành cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	132	92	79
33118	38	Đường nhựa ấp Tân Đông	Từ đập tràn suối Bù Đạo	Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ	Xã Tân Tiến	720	500	430
33119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ đập tràn suối Bù Đạo đến Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	346	242	208
33120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ đập tràn suối Bù Đạo đến Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	277	194	166
33121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ đập tràn suối Bù Đạo đến Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
33122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ đập tràn suối Bù Đạo đến Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	311	218	187
33123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ đập tràn suối Bù Đạo đến Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	249	174	149

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ đập tràn suối Bù Đạo đến Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33125	39	Đường nhựa ấp Tân Đông	Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ	Cầu sắt ấp Tân Hiệp	Xã Tân Tiến	480	340	290
33126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ đến Cầu sắt ấp Tân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	230	161	138
33127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ đến Cầu sắt ấp Tân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	184	129	110
33128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ đến Cầu sắt ấp Tân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	147	103	88
33129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ đến Cầu sắt ấp Tân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	207	145	124
33130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ đến Cầu sắt ấp Tân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	166	116	100
33131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ đến Cầu sắt ấp Tân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	132	92	79
33132	40	Đường nhựa ấp Tân Phú	Đường liên doanh (Từ Cây xăng Hoàng Anh)	Nhà ông Lê Văn Thiện (ấp Tân Lập)	Xã Tân Tiến	720	500	430
33133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Từ Cây xăng Hoàng Anh) đến Nhà ông Lê Văn Thiện (ấp Tân Lập) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	346	242	208

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Từ Cây xăng Hoàng Anh) đến Nhà ông Lê Văn Thiện (ấp Tân Lập) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	277	194	166
33135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Từ Cây xăng Hoàng Anh) đến Nhà ông Lê Văn Thiện (ấp Tân Lập) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
33136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Từ Cây xăng Hoàng Anh) đến Nhà ông Lê Văn Thiện (ấp Tân Lập) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	311	218	187
33137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Từ Cây xăng Hoàng Anh) đến Nhà ông Lê Văn Thiện (ấp Tân Lập) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	249	174	149
33138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Từ Cây xăng Hoàng Anh) đến Nhà ông Lê Văn Thiện (ấp Tân Lập) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33139	41	Đường bê tông bên cạnh trường mầm non	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	480	340	290
33140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông bên cạnh trường mầm non có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	230	161	138
33141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông bên cạnh trường mầm non có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	184	129	110
33142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông bên cạnh trường mầm non có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	147	103	88

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông bên cạnh trường mầm non có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	207	145	124
33144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông bên cạnh trường mầm non có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	166	116	100
33145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông bên cạnh trường mầm non có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	132	92	79
33146	42	Đường nhựa giáp Tân Hội - Tân Lợi	Đường liên doanh	Công ty Thanh Tòng	Xã Tân Tiến	580	400	350
33147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp Tân Hội - Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh đến Công ty Thanh Tòng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	278	195	167
33148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp Tân Hội - Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh đến Công ty Thanh Tòng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
33149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp Tân Hội - Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh đến Công ty Thanh Tòng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	178	125	107
33150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp Tân Hội - Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh đến Công ty Thanh Tòng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	250	175	150
33151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp Tân Hội - Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh đến Công ty Thanh Tòng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp Tân Hội - Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh đến Công ty Thanh Tòng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	160	112	96

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33153	43	Đường nhựa ấp Tân Định	Từ ngã ba nhà bà Đồng Thị Huỳnh (thửa đất số 354, tờ bản đồ số 24)	Đến ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24	Xã Tân Tiến	490	340	290
33154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Từ ngã ba nhà bà Đồng Thị Huỳnh (thửa đất số 354, tờ bản đồ số 24) đến Đến ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Tân Tiến	235	165	141
33155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Từ ngã ba nhà bà Đồng Thị Huỳnh (thửa đất số 354, tờ bản đồ số 24) đến Đến ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Tân Tiến	188	132	113
33156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Từ ngã ba nhà bà Đồng Thị Huỳnh (thửa đất số 354, tờ bản đồ số 24) đến Đến ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Tân Tiến	150	105	90
33157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Từ ngã ba nhà bà Đồng Thị Huỳnh (thửa đất số 354, tờ bản đồ số 24) đến Đến ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Tân Tiến	212	148	127
33158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Từ ngã ba nhà bà Đồng Thị Huỳnh (thửa đất số 354, tờ bản đồ số 24) đến Đến ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Tân Tiến	169	118	101
33159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Từ ngã ba nhà bà Đồng Thị Huỳnh (thửa đất số 354, tờ bản đồ số 24) đến Đến ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Tân Tiến	135	95	81
33160	44	Đường nhựa ấp Tân Đông	Từ ngã ba (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 41)	Hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 41	Xã Tân Tiến	490	340	290
33161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 41) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Tân Tiến	235	165	141

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 41) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	188	132	113
33163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 41) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	150	105	90
33164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 41) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	212	148	127
33165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 41) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	169	118	101
33166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 41) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	135	95	81
33167	45	Đường nhựa ấp Tân Đông	Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44)	Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43	Xã Tân Tiến	490	340	290
33168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	235	165	141
33169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	188	132	113
33170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	150	105	90

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	212	148	127
33172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	169	118	101
33173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	135	95	81
33174	46	Đường nhựa ấp Tân Đông	Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44)	Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 44	Xã Tân Tiến	490	340	290
33175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	235	165	141
33176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	188	132	113
33177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	150	105	90
33178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	212	148	127

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	169	118	101
33180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	135	95	81
33181	47	Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 3 Trung đoàn 717	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	800	560	480
33182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 3 Trung đoàn 717 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	384	269	230
33183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 3 Trung đoàn 717 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	307	215	184
33184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 3 Trung đoàn 717 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	246	172	148
33185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 3 Trung đoàn 717 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	346	242	208
33186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 3 Trung đoàn 717 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	276	193	166
33187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 3 Trung đoàn 717 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	221	155	133
33188	48	Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 5 Trung đoàn 717	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	800	560	480

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 5 Trung đoàn 717 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	384	269	230
33190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 5 Trung đoàn 717 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	307	215	184
33191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 5 Trung đoàn 717 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	246	172	148
33192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 5 Trung đoàn 717 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	346	242	208
33193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 5 Trung đoàn 717 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	276	193	166
33194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 5 Trung đoàn 717 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	221	155	133
33195	49	Đường Sóc Nê	Ngã ba Sóc Nê	Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học	Xã Tân Tiến	800	560	480
33196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Nê đoạn từ Ngã ba Sóc Nê đến Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	384	269	230
33197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Nê đoạn từ Ngã ba Sóc Nê đến Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	307	215	184
33198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Nê đoạn từ Ngã ba Sóc Nê đến Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	246	172	148

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Nê đoạn từ Ngã ba Sóc Nê đến Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	346	242	208
33200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Nê đoạn từ Ngã ba Sóc Nê đến Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	276	193	166
33201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Nê đoạn từ Ngã ba Sóc Nê đến Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	221	155	133
33202	50	Đường Sóc Nê	Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học	Suối Đá	Xã Tân Tiến	720	500	430
33203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Nê đoạn từ Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	346	242	208
33204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Nê đoạn từ Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	277	194	166
33205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Nê đoạn từ Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
33206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Nê đoạn từ Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	311	218	187
33207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Nê đoạn từ Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	249	174	149

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Nê đoạn từ Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33209	51	Đường Sóc Nê	Suối Đá	Hết ranh đất nhà ông 3 đến (Thửa đất số 631, tờ bản đồ số 88)	Xã Tân Tiến	640	450	380
33210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Nê đoạn từ Suối Đá đến Hết ranh đất nhà ông 3 đến (Thửa đất số 631, tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	307	215	184
33211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Nê đoạn từ Suối Đá đến Hết ranh đất nhà ông 3 đến (Thửa đất số 631, tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	246	172	148
33212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Nê đoạn từ Suối Đá đến Hết ranh đất nhà ông 3 đến (Thửa đất số 631, tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	197	138	118
33213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Nê đoạn từ Suối Đá đến Hết ranh đất nhà ông 3 đến (Thửa đất số 631, tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	276	193	166
33214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Nê đoạn từ Suối Đá đến Hết ranh đất nhà ông 3 đến (Thửa đất số 631, tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	221	155	133
33215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Nê đoạn từ Suối Đá đến Hết ranh đất nhà ông 3 đến (Thửa đất số 631, tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	177	124	106
33216	52	Đường trong khu vực chợ Tân Tiến	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	960	670	580
33217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ Tân Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ Tân Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	369	258	221
33219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ Tân Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	295	207	177
33220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ Tân Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	415	291	249
33221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ Tân Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	332	232	199
33222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ Tân Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	266	186	160
33223	53	Đường nhựa K2	Đường ĐT 759B	Suối K2	Xã Tân Tiến	640	450	380
33224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa K2 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	307	215	184
33225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa K2 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	246	172	148
33226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa K2 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	197	138	118
33227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa K2 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	276	193	166
33228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa K2 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	221	155	133

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa K2 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	177	124	106
33230	54	Đường nhựa K2	Suối K2	Hết tuyến	Xã Tân Tiến	480	340	290
33231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa K2 đoạn từ Suối K2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	230	161	138
33232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa K2 đoạn từ Suối K2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	184	129	110
33233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa K2 đoạn từ Suối K2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	147	103	88
33234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa K2 đoạn từ Suối K2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	207	145	124
33235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa K2 đoạn từ Suối K2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	166	116	100
33236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa K2 đoạn từ Suối K2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	132	92	79
33237	55	Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa	Đường ĐT 759B (đoạn nắn cua)	Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72)	Xã Tân Tiến	580	400	350
33238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Đường ĐT 759B (đoạn nắn cua) đến Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	278	195	167

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Đường ĐT 759B (đoạn nắn cua) đến Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
33240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Đường ĐT 759B (đoạn nắn cua) đến Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	178	125	107
33241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Đường ĐT 759B (đoạn nắn cua) đến Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	250	175	150
33242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Đường ĐT 759B (đoạn nắn cua) đến Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Đường ĐT 759B (đoạn nắn cua) đến Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	160	112	96
33244	56	Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa	Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72)	Ngã ba nhà Trường Yến (Hết ranh thửa đất số 525, tờ bản đồ số 72)	Xã Tân Tiến	400	280	240
33245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba nhà Trường Yến (Hết ranh thửa đất số 525, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	192	134	115

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba nhà Trường Yến (Hết ranh thửa đất số 525, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	154	108	92
33247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba nhà Trường Yến (Hết ranh thửa đất số 525, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	123	86	74
33248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba nhà Trường Yến (Hết ranh thửa đất số 525, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	173	121	104
33249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba nhà Trường Yến (Hết ranh thửa đất số 525, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	139	97	83
33250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba nhà Trường Yến (Hết ranh thửa đất số 525, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	111	78	67
33251	57	Đường nhựa ấp Tân An	Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân An)	Hết ranh đất ông Nông Văn Píu (Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 79)	Xã Tân Tiến	530	370	320
33252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân An) đến Hết ranh đất ông Nông Văn Píu (Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	254	178	152

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân An) đến Hết ranh đất ông Nông Văn Píu (Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	203	142	122
33254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân An) đến Hết ranh đất ông Nông Văn Píu (Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	162	113	97
33255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân An) đến Hết ranh đất ông Nông Văn Píu (Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	229	160	137
33256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân An) đến Hết ranh đất ông Nông Văn Píu (Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	183	128	110
33257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân An) đến Hết ranh đất ông Nông Văn Píu (Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	146	102	88
33258	58	Đường nhựa ấp Tân Thuận	Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Thuận)	Hết ranh đất ông Đinh Hoàng Tuấn (Hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 70)	Xã Tân Tiến	530	370	320
33259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Thuận đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Thuận) đến Hết ranh đất ông Đinh Hoàng Tuấn (Hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	254	178	152
33260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Thuận đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Thuận) đến Hết ranh đất ông Đinh Hoàng Tuấn (Hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	203	142	122

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Thuận đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Thuận) đến Hết ranh đất ông Đinh Hoàng Tuấn (Hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	162	113	97
33262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Thuận đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Thuận) đến Hết ranh đất ông Đinh Hoàng Tuấn (Hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	229	160	137
33263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Thuận đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Thuận) đến Hết ranh đất ông Đinh Hoàng Tuấn (Hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	183	128	110
33264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Thuận đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Thuận) đến Hết ranh đất ông Đinh Hoàng Tuấn (Hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	146	102	88
33265	59	Đường nhựa ấp Tân Nhân	Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Nhân)	Hết ranh đất ông Bùi Văn Quỳ (thửa đất số 201, tờ bản đồ số 77)	Xã Tân Tiến	580	400	350
33266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Nhân đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Nhân) đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Quỳ (thửa đất số 201, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	278	195	167
33267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Nhân đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Nhân) đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Quỳ (thửa đất số 201, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	222	155	133
33268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Nhân đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Nhân) đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Quỳ (thửa đất số 201, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	178	125	107

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Nhân đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Nhân) đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Quỳ (thửa đất số 201, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	250	175	150
33270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Nhân đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Nhân) đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Quỳ (thửa đất số 201, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Nhân đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Nhân) đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Quỳ (thửa đất số 201, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	160	112	96
33272	60	Đường nhựa ấp Tân An	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 380, tờ bản đồ số 73)	Xã Tân Tiến	480	340	290
33273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 380, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	230	161	138
33274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 380, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	184	129	110
33275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 380, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	147	103	88
33276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 380, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	207	145	124
33277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 380, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	166	116	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 380, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	132	92	79
33279	61	Đường nhựa H8	Đường ĐT 759B	Ngã tư máy trà ông Viện (Hết ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 80)	Xã Tân Tiến	480	340	290
33280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa H8 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã tư máy trà ông Viện (Hết ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 80) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	230	161	138
33281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa H8 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã tư máy trà ông Viện (Hết ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 80) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	184	129	110
33282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa H8 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã tư máy trà ông Viện (Hết ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 80) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	147	103	88
33283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa H8 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã tư máy trà ông Viện (Hết ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 80) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	207	145	124
33284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa H8 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã tư máy trà ông Viện (Hết ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 80) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	166	116	100
33285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa H8 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã tư máy trà ông Viện (Hết ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 80) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	132	92	79
33286	62	Đường nhựa giáp ranh Tân Thành - Tân Tiến	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	480	340	290
33287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Tân Thành - Tân Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	230	161	138

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Tân Thành - Tân Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	184	129	110
33289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Tân Thành - Tân Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	147	103	88
33290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Tân Thành - Tân Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	207	145	124
33291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Tân Thành - Tân Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	166	116	100
33292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Tân Thành - Tân Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	132	92	79
33293	63	Đường nhựa ấp Tân An (Đường Đào Tiên)	Đường ĐT 759B	Ngã ba nhà ông Thái Hoàng Déng	Xã Tân Tiến	480	340	290
33294		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân An (Đường Đào Tiên) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Thái Hoàng Déng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	230	161	138
33295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân An (Đường Đào Tiên) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Thái Hoàng Déng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	184	129	110
33296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân An (Đường Đào Tiên) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Thái Hoàng Déng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	147	103	88
33297		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân An (Đường Đào Tiên) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Thái Hoàng Déng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	207	145	124

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân An (Đường Đào Tiên) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Thái Hoàng Déng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	166	116	100
33299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân An (Đường Đào Tiên) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Thái Hoàng Déng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	132	92	79
33300	64	Đường bê tông, nhựa (bên cạnh Cây xăng Thanh Xổ)	Đường ĐT 759B	Hết tuyến	Xã Tân Tiến	480	340	290
33301		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông, nhựa (bên cạnh Cây xăng Thanh Xổ) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	230	161	138
33302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông, nhựa (bên cạnh Cây xăng Thanh Xổ) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	184	129	110
33303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông, nhựa (bên cạnh Cây xăng Thanh Xổ) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	147	103	88
33304		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông, nhựa (bên cạnh Cây xăng Thanh Xổ) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	207	145	124
33305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông, nhựa (bên cạnh Cây xăng Thanh Xổ) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	166	116	100
33306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông, nhựa (bên cạnh Cây xăng Thanh Xổ) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	132	92	79

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33307	65	Đường nhựa ấp Tân Bình (cổng chào Tân Bình)	Đường ĐT 759B	Hết tuyến	Xã Tân Tiến	520	360	310
33308		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Bình (cổng chào Tân Bình) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	250	175	150
33309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Bình (cổng chào Tân Bình) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Bình (cổng chào Tân Bình) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	160	112	96
33311		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Bình (cổng chào Tân Bình) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	225	158	135
33312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Bình (cổng chào Tân Bình) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	180	126	108
33313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Bình (cổng chào Tân Bình) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	144	101	86
33314	66	Đường nhựa ấp Tân Hòa (bên cạnh Cây xăng Hoàng Trọng)	Đường ĐT 759B	Kênh nhánh N12	Xã Tân Tiến	520	360	310
33315		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hòa (bên cạnh Cây xăng Hoàng Trọng) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Kênh nhánh N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	250	175	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hòa (bên cạnh Cây xăng Hoàng Trọng) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Kênh nhánh N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hòa (bên cạnh Cây xăng Hoàng Trọng) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Kênh nhánh N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	160	112	96
33318		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hòa (bên cạnh Cây xăng Hoàng Trọng) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Kênh nhánh N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	225	158	135
33319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hòa (bên cạnh Cây xăng Hoàng Trọng) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Kênh nhánh N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	180	126	108
33320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hòa (bên cạnh Cây xăng Hoàng Trọng) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Kênh nhánh N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	144	101	86
33321	67	Đường nhựa ấp Tân Thuận (trại cá Tư Nghĩa)	Đường ĐT 759B	Ngã ba nhà ông Bế Văn Ba	Xã Tân Tiến	520	360	310
33322		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Thuận (trại cá Tư Nghĩa) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Bế Văn Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	250	175	150
33323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Thuận (trại cá Tư Nghĩa) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Bế Văn Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Thuận (trại cá Tư Nghĩa) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Bế Văn Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	160	112	96

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33325		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Thuận (trại cá Tư Nghĩa) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Bế Văn Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	225	158	135
33326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Thuận (trại cá Tư Nghĩa) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Bế Văn Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	180	126	108
33327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Thuận (trại cá Tư Nghĩa) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Bế Văn Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	144	101	86
33328	68	Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 2 Thanh Hòa)	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	560	390	340
33329		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 2 Thanh Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	269	188	161
33330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 2 Thanh Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	215	151	129
33331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 2 Thanh Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	172	120	103
33332		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 2 Thanh Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	242	169	145
33333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 2 Thanh Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	194	136	116

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 2 Thanh Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	155	109	93
33335	69	Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 6 Thanh Hòa)	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	520	360	310
33336		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 6 Thanh Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	250	175	150
33337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 6 Thanh Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	200	140	120
33338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 6 Thanh Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	160	112	96
33339		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 6 Thanh Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	225	158	135
33340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 6 Thanh Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	180	126	108
33341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 6 Thanh Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	144	101	86
33342	70	Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ	Giáp ranh xã Lộc Thạnh	Giáp ranh xã Lộc Tấn	Xã Tân Tiến	320	220	190
33343		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thạnh đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	154	108	92

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thạnh đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	123	86	74
33345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thạnh đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	98	69	59
33346		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thạnh đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	139	97	83
33347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thạnh đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	111	78	67
33348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thạnh đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	88	62	53
33349	71	Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ	Nông trường II	Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119	Xã Tân Tiến	320	220	190
33350		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Nông trường II đến Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	154	108	92
33351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Nông trường II đến Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	123	86	74
33352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Nông trường II đến Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	98	69	59

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33353		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Nông trường II đến Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	139	97	83
33354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Nông trường II đến Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	111	78	67
33355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Nông trường II đến Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	88	62	53
33356	72	Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ	Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119	Ngã ba Trạm y tế	Xã Tân Tiến	320	220	190
33357		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 đến Ngã ba Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	154	108	92
33358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 đến Ngã ba Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	123	86	74
33359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 đến Ngã ba Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	98	69	59
33360		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 đến Ngã ba Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	139	97	83
33361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 đến Ngã ba Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	111	78	67

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 đến Ngã ba Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	88	62	53
33363	73	Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ	Ngã ba Trạm y tế	Giáp ranh xã Lộc Quang	Xã Tân Tiến	320	220	190
33364		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Ngã ba Trạm y tế đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	154	108	92
33365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Ngã ba Trạm y tế đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	123	86	74
33366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Ngã ba Trạm y tế đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	98	69	59
33367		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Ngã ba Trạm y tế đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	139	97	83
33368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Ngã ba Trạm y tế đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	111	78	67
33369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Ngã ba Trạm y tế đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	88	62	53
33370	74	Các tuyến đường giao thông nông thôn từ 3,5m trở lên			Xã Tân Tiến	280	200	170
33371		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông nông thôn từ 3,5m trở lên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	134	94	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33372		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông nông thôn từ 3,5m trở lên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	107	75	64
33373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông nông thôn từ 3,5m trở lên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	86	60	52
33374		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông nông thôn từ 3,5m trở lên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	121	85	73
33375		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông nông thôn từ 3,5m trở lên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	96	67	58
33376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông nông thôn từ 3,5m trở lên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	77	54	46
33377	1	Đường ĐT 759B	Giáp ranh xã Thiện Hưng	Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25)	Xã Hưng Phước	1500	1100	920
33378		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Thiện Hưng đến Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	720	504	432
33379		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Thiện Hưng đến Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	576	403	346
33380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Thiện Hưng đến Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	461	323	277
33381		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Thiện Hưng đến Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	648	454	389

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33382		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Thiện Hưng đến Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	518	363	311
33383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Thiện Hưng đến Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	415	291	249
33384	2	Đường ĐT 759B	Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25)	Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17)	Xã Hưng Phước	1400	1000	870
33385		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) đến Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	672	470	403
33386		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) đến Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	538	377	323
33387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) đến Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	430	301	258
33388		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) đến Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	605	424	363
33389		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) đến Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	484	339	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) đến Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	387	271	232
33391	3	Đường ĐT 759B	Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17)	Cửa khẩu Hoàng Diệu	Xã Hưng Phước	940	650	560
33392		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) đến Cửa khẩu Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	451	316	271
33393		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) đến Cửa khẩu Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	361	253	217
33394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) đến Cửa khẩu Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	289	202	173
33395		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) đến Cửa khẩu Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	406	284	244
33396		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) đến Cửa khẩu Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	325	228	195
33397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) đến Cửa khẩu Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	260	182	156
33398	4	Đường quy hoạch trung tâm UBND xã Phước Thiện (cũ)	Toàn tuyến		Xã Hưng Phước	850	600	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33399		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch trung tâm UBND xã Phước Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	408	286	245
33400		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch trung tâm UBND xã Phước Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	326	228	196
33401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch trung tâm UBND xã Phước Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	261	183	157
33402		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch trung tâm UBND xã Phước Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	367	257	220
33403		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch trung tâm UBND xã Phước Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	293	205	176
33404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch trung tâm UBND xã Phước Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	235	165	141
33405	6	Đường nhựa ấp Tân Hưng	Đường ĐT759B	Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 25 đến thửa đất số 196, tờ bản đồ số 53)	Xã Hưng Phước	600	420	360
33406		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hưng đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 25 đến thửa đất số 196, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	288	202	173
33407		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hưng đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 25 đến thửa đất số 196, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	230	161	138

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hưng đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 25 đến thửa đất số 196, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	184	129	110
33409		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hưng đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 25 đến thửa đất số 196, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	259	181	155
33410		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hưng đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 25 đến thửa đất số 196, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	207	145	124
33411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hưng đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 25 đến thửa đất số 196, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	166	116	100
33412	7	Đường nhựa vào trạm y tế (đối diện cổng chào ấp 6)	Đường ĐT759B	Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 17)	Xã Hưng Phước	510	360	310
33413		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào trạm y tế (đối diện cổng chào ấp 6) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	245	172	147
33414		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào trạm y tế (đối diện cổng chào ấp 6) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	196	137	118
33415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào trạm y tế (đối diện cổng chào ấp 6) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	157	110	94

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33416		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào trạm y tế (đối diện cổng chào ấp 6) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	221	155	133
33417		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào trạm y tế (đối diện cổng chào ấp 6) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	176	123	106
33418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào trạm y tế (đối diện cổng chào ấp 6) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	141	99	85
33419	8	Đường vào trường học cũ	Đường ĐT759B	Hết ranh thửa 142 và thửa 150 tờ 53	Xã Hưng Phước	510	360	310
33420		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường học cũ đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa 142 và thửa 150 tờ 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	245	172	147
33421		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường học cũ đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa 142 và thửa 150 tờ 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	196	137	118
33422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường học cũ đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa 142 và thửa 150 tờ 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	157	110	94
33423		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường học cũ đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa 142 và thửa 150 tờ 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	221	155	133
33424		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường học cũ đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa 142 và thửa 150 tờ 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	176	123	106

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường học cũ đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa 142 và thửa 150 tờ 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	141	99	85
33426	9	Đường vào nhà văn hóa ấp Tân Trạch	Đường ĐT759B	Hết tờ bản đồ số 67, thửa đất số 1	Xã Hưng Phước	510	360	310
33427		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà văn hóa ấp Tân Trạch đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 67, thửa đất số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	245	172	147
33428		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà văn hóa ấp Tân Trạch đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 67, thửa đất số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	196	137	118
33429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà văn hóa ấp Tân Trạch đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 67, thửa đất số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	157	110	94
33430		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà văn hóa ấp Tân Trạch đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 67, thửa đất số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	221	155	133
33431		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà văn hóa ấp Tân Trạch đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 67, thửa đất số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	176	123	106
33432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà văn hóa ấp Tân Trạch đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 67, thửa đất số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	141	99	85
33433	10	Đường nhựa ấp Điện Ảnh	Đường ĐT759B	Nhà Văn hóa ấp Điện Ảnh (Đập M16) (Hết thửa đất số 327, tờ bản đồ số 49)	Xã Hưng Phước	510	360	310
33434		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Điện Ảnh đoạn từ Đường ĐT759B đến Nhà Văn hóa ấp Điện Ảnh (Đập M16) (Hết thửa đất số 327, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	245	172	147

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33435		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Điện Ảnh đoạn từ Đường ĐT759B đến Nhà Văn hóa ấp Điện Ảnh (Đập M16) (Hết thửa đất số 327, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	196	137	118
33436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Điện Ảnh đoạn từ Đường ĐT759B đến Nhà Văn hóa ấp Điện Ảnh (Đập M16) (Hết thửa đất số 327, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	157	110	94
33437		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Điện Ảnh đoạn từ Đường ĐT759B đến Nhà Văn hóa ấp Điện Ảnh (Đập M16) (Hết thửa đất số 327, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	221	155	133
33438		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Điện Ảnh đoạn từ Đường ĐT759B đến Nhà Văn hóa ấp Điện Ảnh (Đập M16) (Hết thửa đất số 327, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	176	123	106
33439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Điện Ảnh đoạn từ Đường ĐT759B đến Nhà Văn hóa ấp Điện Ảnh (Đập M16) (Hết thửa đất số 327, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	141	99	85
33440	11	Đường DH07 (đường ào ấp Tân Lập)	Đường ĐT759B	Hết tờ bản đồ số 40, thửa đất số 59	Xã Hưng Phước	510	360	310
33441		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường DH07 (đường ào ấp Tân Lập) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 40, thửa đất số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	245	172	147
33442		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường DH07 (đường ào ấp Tân Lập) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 40, thửa đất số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	196	137	118
33443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường DH07 (đường ào ấp Tân Lập) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 40, thửa đất số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	157	110	94

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33444		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường DH07 (đường ào ấp Tân Lập) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 40, thửa đất số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	221	155	133
33445		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường DH07 (đường ào ấp Tân Lập) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 40, thửa đất số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	176	123	106
33446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường DH07 (đường ào ấp Tân Lập) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 40, thửa đất số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	141	99	85
33447	12	Đường vào chùa Phước Thiện (đối diện ấp 4 Hưng Phước)	Đường ĐT759B	Hết Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 61	Xã Hưng Phước	430	300	260
33448		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa Phước Thiện (đối diện ấp 4 Hưng Phước) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	206	144	124
33449		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa Phước Thiện (đối diện ấp 4 Hưng Phước) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	165	116	99
33450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa Phước Thiện (đối diện ấp 4 Hưng Phước) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	132	92	79
33451		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa Phước Thiện (đối diện ấp 4 Hưng Phước) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	185	130	111
33452		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa Phước Thiện (đối diện ấp 4 Hưng Phước) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	149	104	89

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa Phước Thiện (đối diện ấp 4 Hưng Phước) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	119	83	71
33454	14	Đường nhựa	Đường ĐT759B (ngã ba hạt Kiểm lâm)	Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 22	Xã Hưng Phước	770	540	460
33455		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường ĐT759B (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	370	259	222
33456		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường ĐT759B (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	296	207	178
33457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường ĐT759B (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	237	166	142
33458		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường ĐT759B (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	333	233	200
33459		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường ĐT759B (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	266	186	160
33460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường ĐT759B (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	213	149	128
33461	15	Đường nhựa	Hết ranh thửa đất số 36, tờ bản đồ số 22	Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13	Xã Hưng Phước	600	420	360
33462		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 36, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	288	202	173

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33463		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 36, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	230	161	138
33464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 36, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	184	129	110
33465		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 36, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	259	181	155
33466		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 36, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	207	145	124
33467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 36, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	166	116	100
33468	16	Đường nhựa	Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13	Hết ranh thửa 286 và thửa 58 tờ số 8	Xã Hưng Phước	510	360	310
33469		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 đến Hết ranh thửa 286 và thửa 58 tờ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	245	172	147
33470		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 đến Hết ranh thửa 286 và thửa 58 tờ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	196	137	118
33471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 đến Hết ranh thửa 286 và thửa 58 tờ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	157	110	94

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33472		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 đến Hết ranh thửa 286 và thửa 58 tờ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	221	155	133
33473		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 đến Hết ranh thửa 286 và thửa 58 tờ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	176	123	106
33474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 đến Hết ranh thửa 286 và thửa 58 tờ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	141	99	85
33475	17	Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến	Đường ĐT759B	Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28	Xã Hưng Phước	500	350	300
33476		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	240	168	144
33477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	192	134	115
33478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	154	108	92
33479		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	216	151	130
33480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	173	121	104

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	139	97	83
33482	18	Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến	Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28	Hết ranh thửa 157 và 144 tờ 25	Xã Hưng Phước	430	300	260
33483		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 đến Hết ranh thửa 157 và 144 tờ 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	206	144	124
33484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 đến Hết ranh thửa 157 và 144 tờ 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	165	116	99
33485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 đến Hết ranh thửa 157 và 144 tờ 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	132	92	79
33486		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 đến Hết ranh thửa 157 và 144 tờ 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	185	130	111
33487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 đến Hết ranh thửa 157 và 144 tờ 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	149	104	89
33488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 đến Hết ranh thửa 157 và 144 tờ 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	119	83	71
33489	19	Đường nhựa ấp 4 - Bù Tam	Đường ĐT759B	Nghĩa địa ấp Bù Tam	Xã Hưng Phước	430	300	260
33490		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 4 - Bù Tam đoạn từ Đường ĐT759B đến Nghĩa địa ấp Bù Tam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	206	144	124

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 4 - Bù Tam đoạn từ Đường ĐT759B đến Nghĩa địa ấp Bù Tam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	165	116	99
33492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 4 - Bù Tam đoạn từ Đường ĐT759B đến Nghĩa địa ấp Bù Tam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	132	92	79
33493		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 4 - Bù Tam đoạn từ Đường ĐT759B đến Nghĩa địa ấp Bù Tam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	185	130	111
33494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 4 - Bù Tam đoạn từ Đường ĐT759B đến Nghĩa địa ấp Bù Tam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	149	104	89
33495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 4 - Bù Tam đoạn từ Đường ĐT759B đến Nghĩa địa ấp Bù Tam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	119	83	71
33496	20	Đường nhựa ấp 3	Đường ĐT759B	Hết ranh Công ty La Ra (Tờ 5 thửa 200)	Xã Hưng Phước	430	300	260
33497		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh Công ty La Ra (Tờ 5 thửa 200) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	206	144	124
33498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh Công ty La Ra (Tờ 5 thửa 200) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	165	116	99
33499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh Công ty La Ra (Tờ 5 thửa 200) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	132	92	79

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33500		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh Công ty La Ra (Tờ 5 thửa 200) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	185	130	111
33501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh Công ty La Ra (Tờ 5 thửa 200) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	149	104	89
33502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh Công ty La Ra (Tờ 5 thửa 200) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	119	83	71
33503	21	Đường vào ấp 6	Đường ĐT759B	Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 29 ấp 6	Xã Hưng Phước	500	350	300
33504		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 29 ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	240	168	144
33505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 29 ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	192	134	115
33506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 29 ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	154	108	92
33507		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 29 ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	216	151	130
33508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 29 ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	173	121	104

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 29 ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	139	97	83
33510	22	Đường vào ấp 6	Đường ĐT759B (Cổng chào ăn hóa)	Tuyến (thửa 7 tờ 29) và thửa 194, thửa 217 tờ 30	Xã Hưng Phước	430	300	260
33511		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B (Cổng chào ăn hóa) đến Tuyến (thửa 7 tờ 29) và thửa 194, thửa 217 tờ 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	206	144	124
33512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B (Cổng chào ăn hóa) đến Tuyến (thửa 7 tờ 29) và thửa 194, thửa 217 tờ 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	165	116	99
33513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B (Cổng chào ăn hóa) đến Tuyến (thửa 7 tờ 29) và thửa 194, thửa 217 tờ 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	132	92	79
33514		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B (Cổng chào ăn hóa) đến Tuyến (thửa 7 tờ 29) và thửa 194, thửa 217 tờ 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	185	130	111
33515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B (Cổng chào ăn hóa) đến Tuyến (thửa 7 tờ 29) và thửa 194, thửa 217 tờ 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	149	104	89
33516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B (Cổng chào ăn hóa) đến Tuyến (thửa 7 tờ 29) và thửa 194, thửa 217 tờ 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	119	83	71
33517	1	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Phú Nghĩa - xã Đắk Ơ	Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47	Xã Đắk Ơ	990	690	590
33518		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Nghĩa - xã Đắk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	475	333	285

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Nghĩa - xã Đắk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	380	266	228
33520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Nghĩa - xã Đắk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	304	213	182
33521		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Nghĩa - xã Đắk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	428	300	257
33522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Nghĩa - xã Đắk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	342	239	205
33523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Nghĩa - xã Đắk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	274	192	164
33524	2	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47	Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48	Xã Đắk Ơ	1200	820	700
33525		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	576	403	346
33526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	369	258	221
33528		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	518	363	311
33529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	415	291	249
33530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	332	232	199
33531	3	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48	Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62	Xã Đắk Ơ	2400	1700	1400
33532		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 đến Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	1152	806	691
33533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 đến Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	922	645	553
33534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 đến Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	738	517	443

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33535		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 đến Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	1037	726	622
33536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 đến Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	830	581	498
33537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 đến Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	664	465	398
33538	4	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62	Trường TH Đăk Ơ	Xã Đắk Ơ	5800	4000	3500
33539		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 đến Trường TH Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	2784	1949	1670
33540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 đến Trường TH Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	2227	1559	1336
33541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 đến Trường TH Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	1782	1247	1069
33542		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 đến Trường TH Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	2506	1754	1504

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 đến Trường TH Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	2004	1403	1202
33544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 đến Trường TH Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	1604	1123	962
33545	5	Đường ĐT 741	Trường TH Đăk Ơ	Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46	Xã Đắk Ơ	2400	1700	1400
33546		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường TH Đăk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	1152	806	691
33547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường TH Đăk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	922	645	553
33548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường TH Đăk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	738	517	443
33549		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường TH Đăk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	1037	726	622
33550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường TH Đăk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	830	581	498
33551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường TH Đăk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	664	465	398

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33552	6	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46	Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41	Xã Đắk Ơ	1200	820	700
33553		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 đến Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	576	403	346
33554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 đến Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	461	323	277
33555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 đến Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	369	258	221
33556		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 đến Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	518	363	311
33557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 đến Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	415	291	249
33558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 đến Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	332	232	199
33559	7	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41	Giáp ranh xã Bù Gia Mập	Xã Đắk Ơ	810	570	490
33560		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 đến Giáp ranh xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	389	272	233

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 đến Giáp ranh xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	311	218	187
33562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 đến Giáp ranh xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	249	174	149
33563		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 đến Giáp ranh xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	350	245	210
33564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 đến Giáp ranh xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	280	196	168
33565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 đến Giáp ranh xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	224	157	134
33566	8	Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ)	Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49	Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24	Xã Đắk Ơ	1100	760	650
33567		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 đến Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	528	370	317
33568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 đến Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	422	295	253

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 đến Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	338	237	203
33570		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 đến Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	475	333	285
33571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 đến Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	380	266	228
33572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 đến Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	304	213	182
33573	9	Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ)	Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24	Ngã ba Đường vào Mỏ Đá	Xã Đắk Ơ	720	500	430
33574		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 đến Ngã ba Đường vào Mỏ Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	346	242	208
33575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 đến Ngã ba Đường vào Mỏ Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	277	194	166
33576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 đến Ngã ba Đường vào Mỏ Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	222	155	133

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33577		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 đến Ngã ba Đường vào Mỏ Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	311	218	187
33578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 đến Ngã ba Đường vào Mỏ Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	249	174	149
33579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 đến Ngã ba Đường vào Mỏ Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	200	140	120
33580	10	Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ)	Ngã ba Đường vào Mỏ Đá	Ranh giới xã Bù Gia Mập	Xã Đắk Ơ	540	380	320
33581		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Ngã ba Đường vào Mỏ Đá đến Ranh giới xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	259	181	155
33582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Ngã ba Đường vào Mỏ Đá đến Ranh giới xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	207	145	124
33583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Ngã ba Đường vào Mỏ Đá đến Ranh giới xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	166	116	100
33584		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Ngã ba Đường vào Mỏ Đá đến Ranh giới xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	233	163	140
33585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Ngã ba Đường vào Mỏ Đá đến Ranh giới xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	186	130	112

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Ngã ba Đường vào Mỏ Đá đến Ranh giới xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	149	104	89
33587	11	Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù	Hết ranh thửa đất số 3, tờ bản đồ số 59	Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39	Xã Đắk Ơ	720	500	430
33588		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 3, tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	346	242	208
33589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 3, tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	277	194	166
33590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 3, tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	222	155	133
33591		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 3, tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	311	218	187
33592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 3, tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	249	174	149
33593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 3, tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	200	140	120
33594	12	Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù	Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39	Giáp đường tuần tra biên giới	Xã Đắk Ơ	540	380	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33595		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	259	181	155
33596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	207	145	124
33597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	166	116	100
33598		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	233	163	140
33599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	186	130	112
33600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	149	104	89
33601	13	Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3)	Giáp đường ĐT 741	Ngã ba thôn 3	Xã Đắk Ơ	540	380	320
33602		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	259	181	155
33603		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	207	145	124

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	166	116	100
33605		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	233	163	140
33606		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	186	130	112
33607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	149	104	89
33608	14	Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3)	Ngã ba thôn 3	Giáp đường tuần tra biên giới	Xã Đắk Ơ	540	380	320
33609		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Ngã ba thôn 3 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	259	181	155
33610		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Ngã ba thôn 3 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	207	145	124
33611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Ngã ba thôn 3 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	166	116	100
33612		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Ngã ba thôn 3 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	233	163	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33613		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Ngã ba thôn 3 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	186	130	112
33614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Ngã ba thôn 3 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	149	104	89
33615	15	Đường Đắk Ơ 06 (thôn Đăk Lim đi thôn	Giáp đường ĐT 741	Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12	Xã Đắk Ơ	540	380	320
33616		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đắk Ơ 06 (thôn Đăk Lim đi thôn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	259	181	155
33617		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đắk Ơ 06 (thôn Đăk Lim đi thôn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	207	145	124
33618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đắk Ơ 06 (thôn Đăk Lim đi thôn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	166	116	100
33619		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đắk Ơ 06 (thôn Đăk Lim đi thôn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	233	163	140
33620		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đắk Ơ 06 (thôn Đăk Lim đi thôn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	186	130	112
33621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đắk Ơ 06 (thôn Đăk Lim đi thôn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	149	104	89
33622	16	Đường Đắk Ơ 14	Giáp đường ĐT 741	Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12	Xã Đắk Ơ	540	380	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33623		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đắk Ơ 14 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	259	181	155
33624		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đắk Ơ 14 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	207	145	124
33625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đắk Ơ 14 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	166	116	100
33626		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đắk Ơ 14 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	233	163	140
33627		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đắk Ơ 14 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	186	130	112
33628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đắk Ơ 14 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	149	104	89
33629	17	Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ	Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT36, CT43 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ)		Xã Đắk Ơ	3800	2700	2300
33630		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ (Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT36, CT43 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	1824	1277	1094

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33631		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ (Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT36, CT43 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	1459	1021	875
33632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ (Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT36, CT43 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	1167	817	700
33633		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ (Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT36, CT43 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	1642	1149	985
33634		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ (Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT36, CT43 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	1313	919	788
33635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ (Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT36, CT43 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	1050	735	630
33636	18	Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ	Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT08, CT09, CT14, CT15, CT16, CT33, CT34, CT37, CT39 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ)		Xã Đắk Ơ	900	630	540
33637		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ (Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT08, CT09, CT14, CT15, CT16, CT33, CT34, CT37, CT39 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	432	302	259

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33638		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ (Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT08, CT09, CT14, CT15, CT16, CT33, CT34, CT37, CT39 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	346	242	208
33639		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ (Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT08, CT09, CT14, CT15, CT16, CT33, CT34, CT37, CT39 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	277	194	166
33640		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ (Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT08, CT09, CT14, CT15, CT16, CT33, CT34, CT37, CT39 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	389	272	233
33641		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ (Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT08, CT09, CT14, CT15, CT16, CT33, CT34, CT37, CT39 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	311	218	187
33642		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ (Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT08, CT09, CT14, CT15, CT16, CT33, CT34, CT37, CT39 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	249	174	149
33643	19	Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ	Các tuyến đường nội bộ còn lại		Xã Đắk Ơ	540	380	320
33644		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ (Các tuyến đường nội bộ còn lại) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	259	181	155

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33645		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ (Các tuyến đường nội bộ còn lại) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	207	145	124
33646		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ (Các tuyến đường nội bộ còn lại) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	166	116	100
33647		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ (Các tuyến đường nội bộ còn lại) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	233	163	140
33648		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ (Các tuyến đường nội bộ còn lại) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	186	130	112
33649		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ (Các tuyến đường nội bộ còn lại) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	149	104	89
33650	1	Đường ĐT 760	Ngã ba Tỉnh Ủy Tiền Giang	Suối Tiền Giang	Xã Phú Nghĩa	790	550	480
33651		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tỉnh Ủy Tiền Giang đến Suối Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	379	265	227
33652		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tỉnh Ủy Tiền Giang đến Suối Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	303	212	182
33653		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tỉnh Ủy Tiền Giang đến Suối Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	242	169	145
33654		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tỉnh Ủy Tiền Giang đến Suối Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	341	239	205

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33655		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tỉnh Ủy Tiền Giang đến Suối Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	273	191	164
33656		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tỉnh Ủy Tiền Giang đến Suối Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	218	153	131
33657	2	Đường ĐT 760	Suối Tiền Giang	Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108)	Xã Phú Nghĩa	1000	710	610
33658		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Tiền Giang đến Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	480	336	288
33659		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Tiền Giang đến Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	384	269	230
33660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Tiền Giang đến Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	307	215	184
33661		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Tiền Giang đến Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	432	302	259
33662		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Tiền Giang đến Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	346	242	208
33663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Tiền Giang đến Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	276	193	166

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33664	3	Đường ĐT 760	Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108)	Ngã tư Quốc Tế	Xã Phú Nghĩa	1100	760	650
33665		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) đến Ngã tư Quốc Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	528	370	317
33666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) đến Ngã tư Quốc Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	422	295	253
33667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) đến Ngã tư Quốc Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	338	237	203
33668		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) đến Ngã tư Quốc Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	475	333	285
33669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) đến Ngã tư Quốc Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	380	266	228
33670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) đến Ngã tư Quốc Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	304	213	182
33671	4	Đường ĐT 760	Ngã tư Quốc Tế	Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2	Xã Phú Nghĩa	1900	1300	1100
33672		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Quốc Tế đến Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	912	638	547
33673		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Quốc Tế đến Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	730	511	438

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33674		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Quốc Tế đến Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	584	409	350
33675		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Quốc Tế đến Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	821	575	493
33676		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Quốc Tế đến Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	657	460	394
33677		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Quốc Tế đến Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	526	368	316
33678	5	Đường ĐT 760	Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2	Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng	Xã Phú Nghĩa	1700	1200	990
33679		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 đến Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	816	571	490
33680		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 đến Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	653	457	392
33681		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 đến Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	522	365	313
33682		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 đến Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	734	514	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33683		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 đến Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	588	412	353
33684		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 đến Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	470	329	282
33685	6	Đường ĐT 760	Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng	Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262)	Xã Phú Nghĩa	1900	1400	1200
33686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng đến Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	912	638	547
33687		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng đến Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	730	511	438
33688		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng đến Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	584	409	350
33689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng đến Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	821	575	493
33690		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng đến Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	657	460	394

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33691		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng đến Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	526	368	316
33692	7	Đường ĐT 760	Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262)	Ranh đất lâm phần	Xã Phú Nghĩa	1200	860	730
33693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) đến Ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	576	403	346
33694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) đến Ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	461	323	277
33695		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) đến Ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	369	258	221
33696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) đến Ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	518	363	311
33697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) đến Ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	415	291	249
33698		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) đến Ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	332	232	199
33699	8	Đường ĐT 760	Ranh đất lâm phần	Giáp ranh huyện Bù Đăng (cũ)	Xã Phú Nghĩa	940	660	560

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ranh đất lâm phần đến Giáp ranh huyện Bù Đăng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	451	316	271
33701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ranh đất lâm phần đến Giáp ranh huyện Bù Đăng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	361	253	217
33702		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ranh đất lâm phần đến Giáp ranh huyện Bù Đăng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	289	202	173
33703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ranh đất lâm phần đến Giáp ranh huyện Bù Đăng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	406	284	244
33704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ranh đất lâm phần đến Giáp ranh huyện Bù Đăng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	325	228	195
33705		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ranh đất lâm phần đến Giáp ranh huyện Bù Đăng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	260	182	156
33706	11	Đường ĐT 760	Ngã tư Phú Nghĩa	Ngã ba NT Tỉnh uỷ Tiền Giang	Xã Phú Nghĩa	1000	710	600
33707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Ngã ba NT Tỉnh uỷ Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	480	336	288
33708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Ngã ba NT Tỉnh uỷ Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	384	269	230
33709		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Ngã ba NT Tỉnh uỷ Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	307	215	184

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Ngã ba NT Tỉnh uỷ Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	432	302	259
33711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Ngã ba NT Tỉnh uỷ Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	346	242	208
33712		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Ngã ba NT Tỉnh uỷ Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	276	193	166
33713	12	Đường ĐT 760	Ngã tư Phú Nghĩa	Giáp ranh đường vành đai trung tâm	Xã Phú Nghĩa	1400	1000	860
33714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Giáp ranh đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	672	470	403
33715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Giáp ranh đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	538	377	323
33716		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Giáp ranh đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	430	301	258
33717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Giáp ranh đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	605	424	363
33718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Giáp ranh đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	484	339	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33719		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Giáp ranh đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	387	271	232
33720	14	Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ)	Ngã tư nhà văn hóa thôn 1 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 108)	Hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108	Xã Phú Nghĩa	490	340	290
33721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Ngã tư nhà văn hóa thôn 1 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 108) đến Hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	235	165	141
33722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Ngã tư nhà văn hóa thôn 1 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 108) đến Hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	188	132	113
33723		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Ngã tư nhà văn hóa thôn 1 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 108) đến Hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	150	105	90
33724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Ngã tư nhà văn hóa thôn 1 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 108) đến Hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	212	148	127
33725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Ngã tư nhà văn hóa thôn 1 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 108) đến Hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	169	118	101
33726		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Ngã tư nhà văn hóa thôn 1 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 108) đến Hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	135	95	81
33727	15	Đường tổ 15, thôn 3 xã Phú Văn (cũ)	Giáp đường ĐT 760 (Lò rèn ông Nam)	Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 100	Xã Phú Nghĩa	650	450	390

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 15, thôn 3 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Lò rèn ông Nam) đến Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	312	218	187
33729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 15, thôn 3 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Lò rèn ông Nam) đến Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	250	175	150
33730		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 15, thôn 3 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Lò rèn ông Nam) đến Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	200	140	120
33731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 15, thôn 3 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Lò rèn ông Nam) đến Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	281	197	169
33732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 15, thôn 3 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Lò rèn ông Nam) đến Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	225	158	135
33733		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 15, thôn 3 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Lò rèn ông Nam) đến Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	180	126	108
33734	16	Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ)	Giáp đường ĐT 760	Hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 100	Xã Phú Nghĩa	810	570	490
33735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	389	272	233
33736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	311	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33737		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	249	174	149
33738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	350	245	210
33739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	280	196	168
33740		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	224	157	134
33741	17	Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ)	Giáp đường ĐT 760	Hết thửa đất số 305, tờ bản đồ số 99	Xã Phú Nghĩa	810	570	490
33742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 305, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	389	272	233
33743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 305, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	311	218	187
33744		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 305, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	249	174	149
33745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 305, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	350	245	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 305, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	280	196	168
33747		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 305, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	224	157	134
33748	18	Đường dưới lòng hồ (thôn 1)	Giáp đường trên lòng hồ (thửa đất số 383, tờ bản đồ số 103)	Giáp đường trên lòng hồ (Hết tờ 84 thửa đất số 59)	Xã Phú Nghĩa	410	280	240
33749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dưới lòng hồ (thôn 1) đoạn từ Giáp đường trên lòng hồ (thửa đất số 383, tờ bản đồ số 103) đến Giáp đường trên lòng hồ (Hết tờ 84 thửa đất số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	197	138	118
33750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dưới lòng hồ (thôn 1) đoạn từ Giáp đường trên lòng hồ (thửa đất số 383, tờ bản đồ số 103) đến Giáp đường trên lòng hồ (Hết tờ 84 thửa đất số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	158	111	95
33751		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dưới lòng hồ (thôn 1) đoạn từ Giáp đường trên lòng hồ (thửa đất số 383, tờ bản đồ số 103) đến Giáp đường trên lòng hồ (Hết tờ 84 thửa đất số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	126	88	76
33752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dưới lòng hồ (thôn 1) đoạn từ Giáp đường trên lòng hồ (thửa đất số 383, tờ bản đồ số 103) đến Giáp đường trên lòng hồ (Hết tờ 84 thửa đất số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	177	124	106
33753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dưới lòng hồ (thôn 1) đoạn từ Giáp đường trên lòng hồ (thửa đất số 383, tờ bản đồ số 103) đến Giáp đường trên lòng hồ (Hết tờ 84 thửa đất số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	142	99	85

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33754		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dưới lòng hồ (thôn 1) đoạn từ Giáp đường trên lòng hồ (thửa đất số 383, tờ bản đồ số 103) đến Giáp đường trên lòng hồ (Hết tờ 84 thửa đất số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	79	68
33755	19	Đường trên lòng hồ	Giáp đường ĐT 760 (Quán cà phê Cát Bụi)	Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) (đối diện quán nhà ông Hồng)	Xã Phú Nghĩa	490	340	290
33756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trên lòng hồ đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Quán cà phê Cát Bụi) đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) (đối diện quán nhà ông Hồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	235	165	141
33757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trên lòng hồ đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Quán cà phê Cát Bụi) đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) (đối diện quán nhà ông Hồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	188	132	113
33758		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trên lòng hồ đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Quán cà phê Cát Bụi) đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) (đối diện quán nhà ông Hồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	150	105	90
33759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trên lòng hồ đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Quán cà phê Cát Bụi) đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) (đối diện quán nhà ông Hồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	212	148	127
33760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trên lòng hồ đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Quán cà phê Cát Bụi) đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) (đối diện quán nhà ông Hồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	169	118	101
33761		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trên lòng hồ đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Quán cà phê Cát Bụi) đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) (đối diện quán nhà ông Hồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	135	95	81
33762	20	Các tuyến đường khu đấu giá thôn 1	Giáp đường ĐT 760	Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tuyền (thửa đất số 493, tờ bản đồ số 103)	Xã Phú Nghĩa	990	690	590

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường khu đấu giá thôn 1 đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tuyền (thửa đất số 493, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	475	333	285
33764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường khu đấu giá thôn 1 đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tuyền (thửa đất số 493, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	380	266	228
33765		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường khu đấu giá thôn 1 đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tuyền (thửa đất số 493, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	304	213	182
33766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường khu đấu giá thôn 1 đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tuyền (thửa đất số 493, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	428	300	257
33767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường khu đấu giá thôn 1 đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tuyền (thửa đất số 493, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	342	239	205
33768		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường khu đấu giá thôn 1 đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tuyền (thửa đất số 493, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	274	192	164
33769	21	Đường ĐT 741	Ngã ba chốt số 6	Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ)	Xã Phú Nghĩa	580	400	350
33770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba chốt số 6 đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	278	195	167
33771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba chốt số 6 đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	222	155	133

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33772		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba chốt số 6 đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	178	125	107
33773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba chốt số 6 đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	250	175	150
33774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba chốt số 6 đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	200	140	120
33775		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba chốt số 6 đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	160	112	96
33776	22	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ)	Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28)	Xã Phú Nghĩa	580	400	350
33777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) đến Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	278	195	167
33778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) đến Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	222	155	133
33779		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) đến Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	178	125	107
33780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) đến Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	250	175	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) đến Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	200	140	120
33782		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) đến Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	160	112	96
33783	23	Đường ĐT 741	Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28)	Ngã 3 Đường vào chùa Hưng Thạnh (Hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63)	Xã Phú Nghĩa	1300	910	780
33784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) đến Ngã 3 Đường vào chùa Hưng Thạnh (Hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	624	437	374
33785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) đến Ngã 3 Đường vào chùa Hưng Thạnh (Hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	499	349	299
33786		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) đến Ngã 3 Đường vào chùa Hưng Thạnh (Hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	399	279	239
33787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) đến Ngã 3 Đường vào chùa Hưng Thạnh (Hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	562	393	337
33788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) đến Ngã 3 Đường vào chùa Hưng Thạnh (Hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	449	314	269

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33789		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) đến Ngã 3 Đường vào chùa Hưng Thạnh (Hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	359	251	215
33790	24	Đường ĐT 741	Ngã 3 đường vào chùa Hưng Thạnh (hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63)	Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60)	Xã Phú Nghĩa	1600	1100	950
33791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã 3 đường vào chùa Hưng Thạnh (hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) đến Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	768	538	461
33792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã 3 đường vào chùa Hưng Thạnh (hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) đến Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	614	430	368
33793		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã 3 đường vào chùa Hưng Thạnh (hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) đến Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	491	344	295
33794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã 3 đường vào chùa Hưng Thạnh (hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) đến Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
33795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã 3 đường vào chùa Hưng Thạnh (hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) đến Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332
33796		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã 3 đường vào chùa Hưng Thạnh (hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) đến Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	442	309	265

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33797	25	Đường ĐT 741	Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60)	Ngã tư tiếp giáp đường 19/5	Xã Phú Nghĩa	2400	1700	1500
33798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) đến Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1152	806	691
33799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) đến Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	922	645	553
33800		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) đến Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	738	517	443
33801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) đến Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1037	726	622
33802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) đến Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	830	581	498
33803		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) đến Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	664	465	398
33804	26	Đường ĐT 741	Ngã tư tiếp giáp đường 19/5	Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện	Xã Phú Nghĩa	4300	3000	2600
33805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 đến Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	2064	1445	1238
33806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 đến Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	1651	1156	991

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33807		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 đến Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	1321	925	793
33808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 đến Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1858	1301	1115
33809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 đến Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	1486	1040	892
33810		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 đến Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	1189	832	713
33811	27	Đường ĐT 741	Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện	Cầu Phú Nghĩa	Xã Phú Nghĩa	3600	2500	2200
33812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện đến Cầu Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1728	1210	1037
33813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện đến Cầu Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	1382	967	829
33814		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện đến Cầu Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	1106	774	664
33815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện đến Cầu Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1555	1089	933

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện đến Cầu Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	1244	871	746
33817		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện đến Cầu Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	995	697	597
33818	28	Đường ĐT 741	Cầu Phú Nghĩa	Đầu ngã ba gốc gõ	Xã Phú Nghĩa	1200	830	710
33819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu Phú Nghĩa đến Đầu ngã ba gốc gõ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	576	403	346
33820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu Phú Nghĩa đến Đầu ngã ba gốc gõ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	461	323	277
33821		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu Phú Nghĩa đến Đầu ngã ba gốc gõ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	369	258	221
33822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu Phú Nghĩa đến Đầu ngã ba gốc gõ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	518	363	311
33823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu Phú Nghĩa đến Đầu ngã ba gốc gõ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	415	291	249
33824		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu Phú Nghĩa đến Đầu ngã ba gốc gõ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	332	232	199
33825	29	Đường ĐT 741	Đầu ngã ba gốc gõ	Ngã ba Đức Lập	Xã Phú Nghĩa	1100	760	650
33826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba gốc gõ đến Ngã ba Đức Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	528	370	317

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba gốc gõ đến Ngã ba Đức Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	422	295	253
33828		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba gốc gõ đến Ngã ba Đức Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	338	237	203
33829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba gốc gõ đến Ngã ba Đức Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	475	333	285
33830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba gốc gõ đến Ngã ba Đức Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	380	266	228
33831		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba gốc gõ đến Ngã ba Đức Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	304	213	182
33832	30	Đường ĐT 741	Ngã ba Đức Lập	Ngã ba Toàn Hữu	Xã Phú Nghĩa	970	680	580
33833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đức Lập đến Ngã ba Toàn Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	466	326	280
33834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đức Lập đến Ngã ba Toàn Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	373	261	224
33835		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đức Lập đến Ngã ba Toàn Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	298	209	179
33836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đức Lập đến Ngã ba Toàn Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	419	293	251

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đức Lập đến Ngã ba Toàn Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	336	235	202
33838		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đức Lập đến Ngã ba Toàn Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	268	188	161
33839	31	Đường ĐT 741	Ngã ba Toàn Hữu	Ngã ba Sóc Cùi	Xã Phú Nghĩa	720	500	430
33840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Toàn Hữu đến Ngã ba Sóc Cùi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	346	242	208
33841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Toàn Hữu đến Ngã ba Sóc Cùi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	277	194	166
33842		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Toàn Hữu đến Ngã ba Sóc Cùi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	222	155	133
33843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Toàn Hữu đến Ngã ba Sóc Cùi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	311	218	187
33844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Toàn Hữu đến Ngã ba Sóc Cùi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	249	174	149
33845		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Toàn Hữu đến Ngã ba Sóc Cùi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	200	140	120
33846	32	Đường ĐT 741	Ngã ba Sóc Cùi	Ngã ba cây xăng Thanh Thương	Xã Phú Nghĩa	650	450	390
33847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Sóc Cùi đến Ngã ba cây xăng Thanh Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	312	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Sóc Cùi đến Ngã ba cây xăng Thanh Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	250	175	150
33849		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Sóc Cùi đến Ngã ba cây xăng Thanh Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	200	140	120
33850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Sóc Cùi đến Ngã ba cây xăng Thanh Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	281	197	169
33851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Sóc Cùi đến Ngã ba cây xăng Thanh Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	225	158	135
33852		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Sóc Cùi đến Ngã ba cây xăng Thanh Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	180	126	108
33853	33	Đường ĐT 741	Ngã ba cây xăng Thanh Thương	Giáp ranh xã Đăk Ơ	Xã Phú Nghĩa	790	550	480
33854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba cây xăng Thanh Thương đến Giáp ranh xã Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	379	265	227
33855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba cây xăng Thanh Thương đến Giáp ranh xã Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	303	212	182
33856		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba cây xăng Thanh Thương đến Giáp ranh xã Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	242	169	145

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba cây xăng Thanh Thương đến Giáp ranh xã Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	341	239	205
33858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba cây xăng Thanh Thương đến Giáp ranh xã Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	273	191	164
33859		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba cây xăng Thanh Thương đến Giáp ranh xã Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	218	153	131
33860	34	Trung tâm Đức Hạnh	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129 đến thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119	Xã Phú Nghĩa	1100	800	680
33861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129 đến thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	528	370	317
33862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129 đến thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	422	295	253
33863		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129 đến thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	338	237	203
33864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129 đến thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	475	333	285

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129 đến thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	380	266	228
33866		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129 đến thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	304	213	182
33867	35	Trung tâm Đức Hạnh	Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129, thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119	Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106	Xã Phú Nghĩa	970	680	580
33868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129, thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 đến Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	466	326	280
33869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129, thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 đến Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	373	261	224
33870		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129, thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 đến Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	298	209	179
33871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129, thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 đến Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	419	293	251
33872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129, thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 đến Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	336	235	202

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33873		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129, thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 đến Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	268	188	161
33874	36	Trung tâm Đức Hạnh	Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106	Ngã tư Quốc tế	Xã Phú Nghĩa	1400	980	840
33875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 đến Ngã tư Quốc tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	672	470	403
33876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 đến Ngã tư Quốc tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	538	377	323
33877		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 đến Ngã tư Quốc tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	430	301	258
33878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 đến Ngã tư Quốc tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	605	424	363
33879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 đến Ngã tư Quốc tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	484	339	290
33880		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 đến Ngã tư Quốc tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	387	271	232
33881	37	Đường thôn 19/5	Ngã ba thôn Phước Sơn (giáp đường trung tâm xã)	Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118	Xã Phú Nghĩa	890	620	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Ngã ba thôn Phước Sơn (giáp đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	427	299	256
33883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Ngã ba thôn Phước Sơn (giáp đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	342	239	205
33884		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Ngã ba thôn Phước Sơn (giáp đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	274	192	164
33885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Ngã ba thôn Phước Sơn (giáp đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	384	269	230
33886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Ngã ba thôn Phước Sơn (giáp đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	308	216	185
33887		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Ngã ba thôn Phước Sơn (giáp đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	247	173	148
33888	38	Đường thôn 19/5	Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118	Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 82 thửa đất số 85)	Xã Phú Nghĩa	810	570	490
33889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 đến Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 82 thửa đất số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	389	272	233
33890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 đến Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 82 thửa đất số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	311	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33891		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 đến Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 82 thửa đất số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	249	174	149
33892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 đến Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 82 thửa đất số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	350	245	210
33893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 đến Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 82 thửa đất số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	280	196	168
33894		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 đến Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 82 thửa đất số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	224	157	134
33895	39	Đường thôn 19/5	Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 25 thửa đất số 10)	Ngã ba đường ĐT 741	Xã Phú Nghĩa	860	600	510
33896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 25 thửa đất số 10) đến Ngã ba đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	413	289	248
33897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 25 thửa đất số 10) đến Ngã ba đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	330	231	198
33898		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 25 thửa đất số 10) đến Ngã ba đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	264	185	158
33899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 25 thửa đất số 10) đến Ngã ba đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	372	260	223

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 25 thửa đất số 10) đến Ngã ba đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	297	208	178
33901		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 25 thửa đất số 10) đến Ngã ba đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	238	167	143
33902	40	Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai	Giáp đường thôn 19/5	Cầu 19/5	Xã Phú Nghĩa	650	450	390
33903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Giáp đường thôn 19/5 đến Cầu 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	312	218	187
33904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Giáp đường thôn 19/5 đến Cầu 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	250	175	150
33905		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Giáp đường thôn 19/5 đến Cầu 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	200	140	120
33906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Giáp đường thôn 19/5 đến Cầu 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	281	197	169
33907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Giáp đường thôn 19/5 đến Cầu 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	225	158	135
33908		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Giáp đường thôn 19/5 đến Cầu 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	180	126	108
33909	41	Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai	Cầu 19/5	Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114	Xã Phú Nghĩa	600	420	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Cầu 19/5 đến Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	288	202	173
33911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Cầu 19/5 đến Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	230	161	138
33912		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Cầu 19/5 đến Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	184	129	110
33913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Cầu 19/5 đến Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	259	181	155
33914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Cầu 19/5 đến Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	207	145	124
33915		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Cầu 19/5 đến Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	166	116	100
33916	42	Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai (ĐH.06)	Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114	Ngã ba giáp đường ĐT 760	Xã Phú Nghĩa	570	400	340
33917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai (ĐH.06) đoạn từ Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 đến Ngã ba giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	274	192	164
33918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai (ĐH.06) đoạn từ Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 đến Ngã ba giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	219	153	131

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33919		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai (ĐH.06) đoạn từ Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 đến Ngã ba giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	175	123	105
33920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai (ĐH.06) đoạn từ Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 đến Ngã ba giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	247	173	148
33921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai (ĐH.06) đoạn từ Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 đến Ngã ba giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	197	138	118
33922		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai (ĐH.06) đoạn từ Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 đến Ngã ba giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	158	111	95
33923	43	Đường Đội 3 - Bình Đức 2	Ngã ba Hội trường Bình Đức 2 (Tờ bản đồ số 127 thửa đất số 97)	Giáp đường trung tâm xã (Hết tờ bản đồ số 133 thửa đất số 1)	Xã Phú Nghĩa	500	350	300
33924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 3 - Bình Đức 2 đoạn từ Ngã ba Hội trường Bình Đức 2 (Tờ bản đồ số 127 thửa đất số 97) đến Giáp đường trung tâm xã (Hết tờ bản đồ số 133 thửa đất số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	240	168	144
33925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 3 - Bình Đức 2 đoạn từ Ngã ba Hội trường Bình Đức 2 (Tờ bản đồ số 127 thửa đất số 97) đến Giáp đường trung tâm xã (Hết tờ bản đồ số 133 thửa đất số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	192	134	115
33926		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 3 - Bình Đức 2 đoạn từ Ngã ba Hội trường Bình Đức 2 (Tờ bản đồ số 127 thửa đất số 97) đến Giáp đường trung tâm xã (Hết tờ bản đồ số 133 thửa đất số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	154	108	92

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 3 - Bình Đức 2 đoạn từ Ngã ba Hội trường Bình Đức 2 (Tờ bản đồ số 127 thửa đất số 97) đến Giáp đường trung tâm xã (Hết tờ bản đồ số 133 thửa đất số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	216	151	130
33928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 3 - Bình Đức 2 đoạn từ Ngã ba Hội trường Bình Đức 2 (Tờ bản đồ số 127 thửa đất số 97) đến Giáp đường trung tâm xã (Hết tờ bản đồ số 133 thửa đất số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	173	121	104
33929		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 3 - Bình Đức 2 đoạn từ Ngã ba Hội trường Bình Đức 2 (Tờ bản đồ số 127 thửa đất số 97) đến Giáp đường trung tâm xã (Hết tờ bản đồ số 133 thửa đất số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	139	97	83
33930	44	Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.14)	Ngã ba hội trường Thôn Sơn Trung (đường trung tâm xã)	Hết ranh thửa đất số 287, tờ bản đồ số 107 (giáp xã Phú Văn (cũ))	Xã Phú Nghĩa	410	280	240
33931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.14) đoạn từ Ngã ba hội trường Thôn Sơn Trung (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 287, tờ bản đồ số 107 (giáp xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	197	138	118
33932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.14) đoạn từ Ngã ba hội trường Thôn Sơn Trung (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 287, tờ bản đồ số 107 (giáp xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	158	111	95
33933		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.14) đoạn từ Ngã ba hội trường Thôn Sơn Trung (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 287, tờ bản đồ số 107 (giáp xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	126	88	76
33934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.14) đoạn từ Ngã ba hội trường Thôn Sơn Trung (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 287, tờ bản đồ số 107 (giáp xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	177	124	106

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.14) đoạn từ Ngã ba hội trường Thôn Sơn Trung (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 287, tờ bản đồ số 107 (giáp xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	142	99	85
33936		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.14) đoạn từ Ngã ba hội trường Thôn Sơn Trung (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 287, tờ bản đồ số 107 (giáp xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	79	68
33937	45	Đường Liên xã 01 (ĐHA.28)	Ngã tư Quốc Tế (đường trung tâm xã)	Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107	Xã Phú Nghĩa	860	600	520
33938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Ngã tư Quốc Tế (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	413	289	248
33939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Ngã tư Quốc Tế (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	330	231	198
33940		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Ngã tư Quốc Tế (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	264	185	158
33941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Ngã tư Quốc Tế (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	372	260	223
33942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Ngã tư Quốc Tế (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	297	208	178

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33943		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Ngã tư Quốc Tế (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	238	167	143
33944	46	Đường Liên xã 01 (ĐHA.28)	Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107	Bến đò	Xã Phú Nghĩa	360	250	220
33945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 đến Bến đò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	173	121	104
33946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 đến Bến đò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	138	97	83
33947		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 đến Bến đò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	110	77	66
33948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 đến Bến đò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	156	109	94
33949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 đến Bến đò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	124	87	74
33950		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 đến Bến đò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	99	69	59
33951	47	Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.03)	Hết ranh thửa đất số 9, thửa đất số 154 thuộc tờ bản đồ số 85	Nhà ông Hữu Chạy (đến thửa đất số 85, tờ bản đồ số 85)	Xã Phú Nghĩa	360	250	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.03) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 9, thửa đất số 154 thuộc tờ bản đồ số 85 đến Nhà ông Hữu Chạy (đến thửa đất số 85, tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	173	121	104
33953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.03) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 9, thửa đất số 154 thuộc tờ bản đồ số 85 đến Nhà ông Hữu Chạy (đến thửa đất số 85, tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	138	97	83
33954		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.03) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 9, thửa đất số 154 thuộc tờ bản đồ số 85 đến Nhà ông Hữu Chạy (đến thửa đất số 85, tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	110	77	66
33955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.03) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 9, thửa đất số 154 thuộc tờ bản đồ số 85 đến Nhà ông Hữu Chạy (đến thửa đất số 85, tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	156	109	94
33956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.03) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 9, thửa đất số 154 thuộc tờ bản đồ số 85 đến Nhà ông Hữu Chạy (đến thửa đất số 85, tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	124	87	74
33957		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.03) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 9, thửa đất số 154 thuộc tờ bản đồ số 85 đến Nhà ông Hữu Chạy (đến thửa đất số 85, tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	99	69	59
33958	48	Đường Phước Sơn - Đường 19/5	Giáp đường trung tâm xã Đức Hạnh (cũ)	Suối (đất bà Thủy Nhì)	Xã Phú Nghĩa	580	400	350
33959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Giáp đường trung tâm xã Đức Hạnh (cũ) đến Suối (đất bà Thủy Nhì) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	278	195	167

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Giáp đường trung tâm xã Đức Hạnh (cũ) đến Suối (đất bà Thủy Nhì) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	222	155	133
33961		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Giáp đường trung tâm xã Đức Hạnh (cũ) đến Suối (đất bà Thủy Nhì) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	178	125	107
33962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Giáp đường trung tâm xã Đức Hạnh (cũ) đến Suối (đất bà Thủy Nhì) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	250	175	150
33963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Giáp đường trung tâm xã Đức Hạnh (cũ) đến Suối (đất bà Thủy Nhì) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	200	140	120
33964		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Giáp đường trung tâm xã Đức Hạnh (cũ) đến Suối (đất bà Thủy Nhì) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	160	112	96
33965	49	Đường Phước Sơn - Đường 19/5	Suối (đất bà Thủy Nhì) (hết thửa đất số 22, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 125)	Giáp đường 19/5 đi Bù K'Roai	Xã Phú Nghĩa	410	280	240
33966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Suối (đất bà Thủy Nhì) (hết thửa đất số 22, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 125) đến Giáp đường 19/5 đi Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	197	138	118
33967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Suối (đất bà Thủy Nhì) (hết thửa đất số 22, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 125) đến Giáp đường 19/5 đi Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	158	111	95

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33968		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Suối (đất bà Thủy Nhì) (hết thửa đất số 22, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 125) đến Giáp đường 19/5 đi Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	126	88	76
33969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Suối (đất bà Thủy Nhì) (hết thửa đất số 22, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 125) đến Giáp đường 19/5 đi Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	177	124	106
33970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Suối (đất bà Thủy Nhì) (hết thửa đất số 22, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 125) đến Giáp đường 19/5 đi Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	142	99	85
33971		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Suối (đất bà Thủy Nhì) (hết thửa đất số 22, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 125) đến Giáp đường 19/5 đi Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	79	68
33972	50	Đường đi Xóm Mới	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	580	400	350
33973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Xóm Mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	278	195	167
33974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Xóm Mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	222	155	133
33975		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Xóm Mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	178	125	107
33976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Xóm Mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	250	175	150
33977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Xóm Mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33978		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Xóm Mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	160	112	96
33979	51	Đường đi Xóm Chài	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	430	300	260
33980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Xóm Chài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	206	144	124
33981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Xóm Chài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	165	116	99
33982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Xóm Chài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	132	92	79
33983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Xóm Chài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	185	130	111
33984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Xóm Chài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	149	104	89
33985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Xóm Chài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	119	83	71
33986	52	Đường Xóm Mới nối 19/5	Giáp Đường Xóm Mới	Giáp đường 19/5	Xã Phú Nghĩa	650	450	390
33987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Mới nối 19/5 đoạn từ Giáp Đường Xóm Mới đến Giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	312	218	187
33988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Mới nối 19/5 đoạn từ Giáp Đường Xóm Mới đến Giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	250	175	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Mới nối 19/5 đoạn từ Giáp Đường Xóm Mới đến Giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	200	140	120
33990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Mới nối 19/5 đoạn từ Giáp Đường Xóm Mới đến Giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	281	197	169
33991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Mới nối 19/5 đoạn từ Giáp Đường Xóm Mới đến Giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	225	158	135
33992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Mới nối 19/5 đoạn từ Giáp Đường Xóm Mới đến Giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	180	126	108
33993	53	Đường sau khu tái định cư	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	580	400	350
33994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sau khu tái định cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	278	195	167
33995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sau khu tái định cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	222	155	133
33996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sau khu tái định cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	178	125	107
33997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sau khu tái định cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	250	175	150
33998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sau khu tái định cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	200	140	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
33999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sau khu tái định cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	160	112	96
34000	54	Đường Đội 2 (Bình Đức 1 cũ)	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	410	280	240
34001		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 2 (Bình Đức 1 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	197	138	118
34002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 2 (Bình Đức 1 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	158	111	95
34003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 2 (Bình Đức 1 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	126	88	76
34004		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 2 (Bình Đức 1 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	177	124	106
34005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 2 (Bình Đức 1 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	142	99	85
34006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 2 (Bình Đức 1 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	79	68
34007	55	Đường Đội 2 Bình Đức 1 (mới)	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	410	280	240
34008		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 2 Bình Đức 1 (mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	197	138	118
34009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 2 Bình Đức 1 (mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	158	111	95

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34010		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 2 Bình Đức 1 (mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	126	88	76
34011		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 2 Bình Đức 1 (mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	177	124	106
34012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 2 Bình Đức 1 (mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	142	99	85
34013		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 2 Bình Đức 1 (mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	79	68
34014	56	Đường vào trung tâm Bình Đức 1	Ngã ba nhà bà Thái Thị Hướng (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 130)	Giáp trung tâm Bình Đức 1	Xã Phú Nghĩa	430	300	260
34015		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trung tâm Bình Đức 1 đoạn từ Ngã ba nhà bà Thái Thị Hướng (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 130) đến Giáp trung tâm Bình Đức 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	206	144	124
34016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trung tâm Bình Đức 1 đoạn từ Ngã ba nhà bà Thái Thị Hướng (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 130) đến Giáp trung tâm Bình Đức 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	165	116	99
34017		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trung tâm Bình Đức 1 đoạn từ Ngã ba nhà bà Thái Thị Hướng (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 130) đến Giáp trung tâm Bình Đức 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	132	92	79
34018		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trung tâm Bình Đức 1 đoạn từ Ngã ba nhà bà Thái Thị Hướng (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 130) đến Giáp trung tâm Bình Đức 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	185	130	111

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trung tâm Bình Đức 1 đoạn từ Ngã ba nhà bà Thái Thị Hướng (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 130) đến Giáp trung tâm Bình Đức 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	149	104	89
34020		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trung tâm Bình Đức 1 đoạn từ Ngã ba nhà bà Thái Thị Hướng (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 130) đến Giáp trung tâm Bình Đức 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	119	83	71
34021	57	Đường thôn Sơn Trung đi thôn Bù K'Roai	Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111)	Giáp đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai	Xã Phú Nghĩa	360	250	220
34022		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Sơn Trung đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Giáp đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	173	121	104
34023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Sơn Trung đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Giáp đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	138	97	83
34024		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Sơn Trung đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Giáp đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	110	77	66
34025		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Sơn Trung đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Giáp đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	156	109	94
34026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Sơn Trung đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Giáp đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	124	87	74

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34027		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Sơn Trung đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Giáp đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	99	69	59
34028	58	Đường vào chùa	Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 281, tờ bản đồ số 128)	Hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 86	Xã Phú Nghĩa	500	350	300
34029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 281, tờ bản đồ số 128) đến Hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	240	168	144
34030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 281, tờ bản đồ số 128) đến Hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	192	134	115
34031		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 281, tờ bản đồ số 128) đến Hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	154	108	92
34032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 281, tờ bản đồ số 128) đến Hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	216	151	130
34033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 281, tờ bản đồ số 128) đến Hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	173	121	104
34034		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 281, tờ bản đồ số 128) đến Hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	139	97	83
34035	59	Đường N18 (Khu dân cư phía Tây)	Ngã tư đường ĐT 741	Tiếp giáp đường vành đai trung tâm	Xã Phú Nghĩa	2200	1500	1300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N18 (Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã tư đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1056	739	634
34037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N18 (Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã tư đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	845	592	507
34038		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N18 (Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã tư đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	676	473	406
34039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N18 (Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã tư đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	950	665	570
34040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N18 (Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã tư đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	761	533	457
34041		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N18 (Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã tư đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	608	426	365
34042	60	Đường N19 (Đường A2- Khu dân cư Phía Tây)	Ngã ba đường D17	Ngã ba đường D17a (đường B1)	Xã Phú Nghĩa	1400	1000	860
34043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N19 (Đường A2- Khu dân cư Phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường D17 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	672	470	403
34044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N19 (Đường A2- Khu dân cư Phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường D17 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	538	377	323

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34045		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N19 (Đường A2- Khu dân cư Phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường D17 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	430	301	258
34046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N19 (Đường A2- Khu dân cư Phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường D17 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	605	424	363
34047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N19 (Đường A2- Khu dân cư Phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường D17 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	484	339	290
34048		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N19 (Đường A2- Khu dân cư Phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường D17 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	387	271	232
34049	61	Đường D17a (Đường B1- Khu dân cư phía Tây)	Ngã ba đường ĐT 760	Ngã ba đường D17a (đường B1)	Xã Phú Nghĩa	1400	1000	860
34050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D17a (Đường B1- Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	672	470	403
34051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D17a (Đường B1- Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	538	377	323
34052		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D17a (Đường B1- Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	430	301	258
34053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D17a (Đường B1- Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	605	424	363

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D17a (Đường B1- Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	484	339	290
34055		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D17a (Đường B1- Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	387	271	232
34056	62	Đường D17 (Khu dân cư phía tây)	Ngã ba đường N18	Ngã ba đường N19 (đường A2)	Xã Phú Nghĩa	1400	950	810
34057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D17 (Khu dân cư phía tây) đoạn từ Ngã ba đường N18 đến Ngã ba đường N19 (đường A2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	672	470	403
34058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D17 (Khu dân cư phía tây) đoạn từ Ngã ba đường N18 đến Ngã ba đường N19 (đường A2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	538	377	323
34059		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D17 (Khu dân cư phía tây) đoạn từ Ngã ba đường N18 đến Ngã ba đường N19 (đường A2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	430	301	258
34060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D17 (Khu dân cư phía tây) đoạn từ Ngã ba đường N18 đến Ngã ba đường N19 (đường A2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	605	424	363
34061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D17 (Khu dân cư phía tây) đoạn từ Ngã ba đường N18 đến Ngã ba đường N19 (đường A2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	484	339	290
34062		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D17 (Khu dân cư phía tây) đoạn từ Ngã ba đường N18 đến Ngã ba đường N19 (đường A2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	387	271	232
34063	63	Đường N4 (khu dân cư khu 2)	Ngã ba đường D3	Ngã ba đường D2	Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường D3 đến Ngã ba đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường D3 đến Ngã ba đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34066		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường D3 đến Ngã ba đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332
34067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường D3 đến Ngã ba đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467
34068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường D3 đến Ngã ba đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373
34069		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường D3 đến Ngã ba đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34070	64	Đường D2 (khu dân cư khu 2)	Ngã ba đường ĐT 760	Ngã ba đường N4	Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100
34071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34072		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34073		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467
34075		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373
34076		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34077	65	Đường D3 (khu dân cư khu 2)	Ngã ba đường ĐT 760	Ngã ba đường N4	Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100
34078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34080		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332
34081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467
34082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34083		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34084	66	Đường N4a (Đường NB1 - khu dân cư khu 2)	Ngã ba đường D3	Ngã ba đường D2	Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100
34085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4a (Đường NB1 - khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường D3 đến Ngã ba đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4a (Đường NB1 - khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường D3 đến Ngã ba đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34087		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4a (Đường NB1 - khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường D3 đến Ngã ba đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332
34088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4a (Đường NB1 - khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường D3 đến Ngã ba đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467
34089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4a (Đường NB1 - khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường D3 đến Ngã ba đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373
34090		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4a (Đường NB1 - khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường D3 đến Ngã ba đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34091	67	Đường N8 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) (Hướng Đông)	Ngã ba đường ĐT 741	Ngã ba đường vành đai trung tâm	Xã Phú Nghĩa	3300	2300	2000
34092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N8 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) (Hướng Đông) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1584	1109	950

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N8 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) (Hướng Đông) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	1267	887	760
34094		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N8 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) (Hướng Đông) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	1014	710	608
34095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N8 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) (Hướng Đông) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1426	998	856
34096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N8 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) (Hướng Đông) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	1140	798	684
34097		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N8 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) (Hướng Đông) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	913	639	548
34098	68	Đường N9 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường ĐT 741	Ngã ba đường vành đai trung tâm	Xã Phú Nghĩa	2100	1400	1200
34099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N9 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1008	706	605
34100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N9 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	806	564	484
34101		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N9 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	645	452	387

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N9 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	907	635	544
34103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N9 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	725	508	435
34104		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N9 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	581	407	349
34105	69	Đường N10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường D15	Ngã ba đường D11	Xã Phú Nghĩa	1600	1100	970
34106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường D15 đến Ngã ba đường D11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	768	538	461
34107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường D15 đến Ngã ba đường D11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	614	430	368
34108		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường D15 đến Ngã ba đường D11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	491	344	295
34109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường D15 đến Ngã ba đường D11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường D15 đến Ngã ba đường D11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34111		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường D15 đến Ngã ba đường D11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	442	309	265
34112	70	Đường N11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường ĐT 741	Ngã ba đường vành đai trung tâm	Xã Phú Nghĩa	1900	1300	1100
34113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	912	638	547
34114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	730	511	438
34115		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	584	409	350
34116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	821	575	493
34117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	657	460	394
34118		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	526	368	316
34119	71	Đường D15 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường N9	Tiếp giáp đường vành đai trung tâm	Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34122		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332
34123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467
34124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373
34125		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34126	72	Đường D14 (Khu Trung tâm hành chính huyện)	Ngã ba đường N10	Ngã ba đường N11	Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100
34127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D14 (Khu Trung tâm hành chính huyện) đoạn từ Ngã ba đường N10 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D14 (Khu Trung tâm hành chính huyện) đoạn từ Ngã ba đường N10 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34129		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D14 (Khu Trung tâm hành chính huyện) đoạn từ Ngã ba đường N10 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332
34130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D14 (Khu Trung tâm hành chính huyện) đoạn từ Ngã ba đường N10 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467
34131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D14 (Khu Trung tâm hành chính huyện) đoạn từ Ngã ba đường N10 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373
34132		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D14 (Khu Trung tâm hành chính huyện) đoạn từ Ngã ba đường N10 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34133	73	Đường D12 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường N9	Ngã ba đường N12	Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100
34134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D12 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D12 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34136		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D12 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332
34137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D12 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D12 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373
34139		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D12 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34140	74	Đường D11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường N9	Ngã ba đường N11	Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100
34141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34143		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332
34144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467
34145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373
34146		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34147	75	Đường D10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường N8	Ngã tư đường N11	Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N8 đến Ngã tư đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N8 đến Ngã tư đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34150		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N8 đến Ngã tư đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332
34151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N8 đến Ngã tư đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467
34152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N8 đến Ngã tư đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373
34153		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N8 đến Ngã tư đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34154	76	Đường D8 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa)	Ngã ba đường Vành đai	Ngã ba đường N7	Xã Phú Nghĩa	2500	1800	1500
34155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D8 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1200	840	720
34156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D8 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	960	672	576

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34157		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D8 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	768	538	461
34158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D8 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1080	756	648
34159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D8 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34160		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D8 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34161	77	Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa)	Ngã ba đường Vành đai	Ngã ba đường N7	Xã Phú Nghĩa	2500	1800	1500
34162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1200	840	720
34163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	960	672	576
34164		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	768	538	461
34165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1080	756	648

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34167		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34168	78	Đường N7 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường ĐT 741	Tiếp giáp đường vành đai trung tâm	Xã Phú Nghĩa	3100	2100	1800
34169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1488	1042	893
34170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	1190	833	714
34171		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	952	666	571
34172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1339	937	803
34173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	1071	750	643
34174		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	857	600	514

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34175	79	Đường thôn Đăk Son	Ngã tư đường ĐT 741	Hết ranh quy hoạch chợ huyện (Tờ bản đồ số 58 thửa đất số 631)	Xã Phú Nghĩa	1300	910	780
34176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã tư đường ĐT 741 đến Hết ranh quy hoạch chợ huyện (Tờ bản đồ số 58 thửa đất số 631) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	624	437	374
34177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã tư đường ĐT 741 đến Hết ranh quy hoạch chợ huyện (Tờ bản đồ số 58 thửa đất số 631) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	499	349	299
34178		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã tư đường ĐT 741 đến Hết ranh quy hoạch chợ huyện (Tờ bản đồ số 58 thửa đất số 631) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	399	279	239
34179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã tư đường ĐT 741 đến Hết ranh quy hoạch chợ huyện (Tờ bản đồ số 58 thửa đất số 631) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	562	393	337
34180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã tư đường ĐT 741 đến Hết ranh quy hoạch chợ huyện (Tờ bản đồ số 58 thửa đất số 631) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	449	314	269
34181		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã tư đường ĐT 741 đến Hết ranh quy hoạch chợ huyện (Tờ bản đồ số 58 thửa đất số 631) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	359	251	215
34182	80	Đường thôn Đăk Son	Giáp ranh quy hoạch chợ huyện	Ngã ba xưởng mộc ông Hùng	Xã Phú Nghĩa	650	450	390
34183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Giáp ranh quy hoạch chợ huyện đến Ngã ba xưởng mộc ông Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	312	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Giáp ranh quy hoạch chợ huyện đến Ngã ba xưởng mộc ông Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	250	175	150
34185		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Giáp ranh quy hoạch chợ huyện đến Ngã ba xưởng mộc ông Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	200	140	120
34186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Giáp ranh quy hoạch chợ huyện đến Ngã ba xưởng mộc ông Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	281	197	169
34187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Giáp ranh quy hoạch chợ huyện đến Ngã ba xưởng mộc ông Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	225	158	135
34188		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Giáp ranh quy hoạch chợ huyện đến Ngã ba xưởng mộc ông Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	180	126	108
34189	81	Đường thôn Đăk Son	Ngã ba xưởng mộc ông Hùng	Ngã ba Hoa Thuận	Xã Phú Nghĩa	410	280	240
34190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã ba xưởng mộc ông Hùng đến Ngã ba Hoa Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	197	138	118
34191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã ba xưởng mộc ông Hùng đến Ngã ba Hoa Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	158	111	95
34192		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã ba xưởng mộc ông Hùng đến Ngã ba Hoa Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	126	88	76

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã ba xưởng mộc ông Hùng đến Ngã ba Hoa Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	177	124	106
34194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã ba xưởng mộc ông Hùng đến Ngã ba Hoa Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	142	99	85
34195		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã ba xưởng mộc ông Hùng đến Ngã ba Hoa Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	79	68
34196	82	Đường thôn Bù Gia Phúc 1	Ranh đất cao su 778 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16)	Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39	Xã Phú Nghĩa	490	340	290
34197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Ranh đất cao su 778 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	235	165	141
34198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Ranh đất cao su 778 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	188	132	113
34199		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Ranh đất cao su 778 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	150	105	90
34200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Ranh đất cao su 778 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	212	148	127
34201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Ranh đất cao su 778 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	169	118	101

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34202		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Ranh đất cao su 778 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	135	95	81
34203	83	Đường thôn Bù Gia Phúc 1	Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39	Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37	Xã Phú Nghĩa	430	300	260
34204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 đến Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	206	144	124
34205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 đến Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	165	116	99
34206		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 đến Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	132	92	79
34207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 đến Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	185	130	111
34208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 đến Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	149	104	89
34209		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 đến Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	119	83	71
34210	84	Đường thôn Bù Gia Phúc 1	Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37	Cổng thôn Bù Gia Phúc 1 (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 8)	Xã Phú Nghĩa	410	280	240
34211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 đến Cổng thôn Bù Gia Phúc 1 (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	197	138	118

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 đến Cổng thôn Bù Gia Phúc 1 (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	158	111	95
34213		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 đến Cổng thôn Bù Gia Phúc 1 (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	126	88	76
34214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 đến Cổng thôn Bù Gia Phúc 1 (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	177	124	106
34215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 đến Cổng thôn Bù Gia Phúc 1 (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	142	99	85
34216		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 đến Cổng thôn Bù Gia Phúc 1 (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	79	68
34217	85	Đường thôn đi Bù Cà Mau	Giáp đường ĐT 741	Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59)	Xã Phú Nghĩa	490	340	290
34218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	235	165	141
34219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	188	132	113

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34220		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	150	105	90
34221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	212	148	127
34222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	169	118	101
34223		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	135	95	81
34224	86	Đường thôn đi Bù Cà Mau	Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59)	Suối Tà Niên	Xã Phú Nghĩa	410	280	240
34225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) đến Suối Tà Niên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	197	138	118
34226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) đến Suối Tà Niên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	158	111	95
34227		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) đến Suối Tà Niên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	126	88	76
34228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) đến Suối Tà Niên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	177	124	106

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) đến Suối Tà Niên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	142	99	85
34230		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) đến Suối Tà Niên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	79	68
34231	87	Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760	Giáp đường ĐT 741	Ngã ba Sơn Hà	Xã Phú Nghĩa	650	450	390
34232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	312	218	187
34233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	250	175	150
34234		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	200	140	120
34235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	281	197	169
34236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	225	158	135
34237		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	180	126	108
34238	88	Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760	Ngã ba Sơn Hà	Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến)	Xã Phú Nghĩa	600	420	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	288	202	173
34240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	230	161	138
34241		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	184	129	110
34242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	259	181	155
34243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	207	145	124
34244		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	166	116	100
34245	89	Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760	Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến)	Đường An Lương (Hết tờ bản đồ số 26 thửa đất số 191)	Xã Phú Nghĩa	570	400	340
34246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) đến Đường An Lương (Hết tờ bản đồ số 26 thửa đất số 191) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	274	192	164

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) đến Đường An Lương (Hết tờ bản đồ số 26 thửa đất số 191) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	219	153	131
34248		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) đến Đường An Lương (Hết tờ bản đồ số 26 thửa đất số 191) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	175	123	105
34249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) đến Đường An Lương (Hết tờ bản đồ số 26 thửa đất số 191) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	247	173	148
34250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) đến Đường An Lương (Hết tờ bản đồ số 26 thửa đất số 191) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	197	138	118
34251		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) đến Đường An Lương (Hết tờ bản đồ số 26 thửa đất số 191) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	158	111	95
34252	90	Đường thôn Hai Căn	Giáp đường ĐT 741	Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43)	Xã Phú Nghĩa	570	400	340
34253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	274	192	164
34254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	219	153	131

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34255		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	175	123	105
34256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	247	173	148
34257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	197	138	118
34258		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	158	111	95
34259	91	Đường thôn Hai Căn	Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43)	Hết tuyến	Xã Phú Nghĩa	410	280	240
34260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	197	138	118
34261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	158	111	95
34262		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	126	88	76
34263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	177	124	106

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	142	99	85
34265		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	79	68
34266	92	Đường liên thôn Bù Gia Phúc 2	Giáp đường ĐT 741 (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 36)	Ngã ba Hải Yến (Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 39)	Xã Phú Nghĩa	410	280	240
34267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Bù Gia Phúc 2 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba Hải Yến (Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	197	138	118
34268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Bù Gia Phúc 2 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba Hải Yến (Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	158	111	95
34269		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Bù Gia Phúc 2 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba Hải Yến (Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	126	88	76
34270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Bù Gia Phúc 2 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba Hải Yến (Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	177	124	106
34271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Bù Gia Phúc 2 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba Hải Yến (Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	142	99	85

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34272		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Bù Gia Phúc 2 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba Hải Yến (Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	79	68
34273	93	Đường đi vào thôn Khắc Khoan	Giáp đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 519, tờ bản đồ số 63	Xã Phú Nghĩa	490	340	290
34274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 519, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	235	165	141
34275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 519, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	188	132	113
34276		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 519, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	150	105	90
34277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 519, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	212	148	127
34278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 519, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	169	118	101
34279		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 519, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	135	95	81
34280	94	Đường đi vào thôn Khắc Khoan	Hết ranh thửa đất số 519, tờ bản đồ số 63	Hết ranh khu niệm phật đường Tiên Sơn	Xã Phú Nghĩa	410	280	240
34281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Hết ranh thửa đất số 519, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh khu niệm phật đường Tiên Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	197	138	118

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Hết ranh thửa đất số 519, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh khu niệm phật đường Tiên Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	158	111	95
34283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Hết ranh thửa đất số 519, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh khu niệm phật đường Tiên Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	126	88	76
34284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Hết ranh thửa đất số 519, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh khu niệm phật đường Tiên Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	177	124	106
34285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Hết ranh thửa đất số 519, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh khu niệm phật đường Tiên Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	142	99	85
34286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Hết ranh thửa đất số 519, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh khu niệm phật đường Tiên Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	79	68
34287	95	Đường N1 (Khu dân cư B11, B12)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Ngã ba tiếp giáp đường D1	Xã Phú Nghĩa	2900	2000	1700
34288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1392	974	835
34289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	1114	780	668
34290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	891	624	535

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1253	877	752
34292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	1003	702	602
34293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	802	561	481
34294	96	Đường N2 (Khu dân cư B11, B12)	Ngã ba tiếp giáp đường D1	Ngã ba tiếp giáp đường D21	Xã Phú Nghĩa	2200	1500	1300
34295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường D1 đến Ngã ba tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1056	739	634
34296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường D1 đến Ngã ba tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	845	592	507
34297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường D1 đến Ngã ba tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	676	473	406
34298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường D1 đến Ngã ba tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	950	665	570
34299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường D1 đến Ngã ba tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	761	533	457

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường D1 đến Ngã ba tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	608	426	365
34301	97	Đường N25 (Khu dân cư B11, B12)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Ngã tư tiếp giáp đường D21	Xã Phú Nghĩa	2200	1500	1300
34302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N25 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã tư tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1056	739	634
34303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N25 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã tư tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	845	592	507
34304		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N25 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã tư tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	676	473	406
34305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N25 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã tư tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	950	665	570
34306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N25 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã tư tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	761	533	457
34307		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N25 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã tư tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	608	426	365
34308	98	Đường N3 (Khu dân cư B11, B12)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Ngã tư tiếp giáp đường D21	Xã Phú Nghĩa	2200	1500	1300
34309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã tư tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1056	739	634

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã tư tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	845	592	507
34311		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã tư tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	676	473	406
34312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã tư tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	950	665	570
34313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã tư tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	761	533	457
34314		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã tư tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	608	426	365
34315	99	Đường N26 (Khu dân cư B11, B12)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Ngã tư tiếp giáp đường D21	Xã Phú Nghĩa	2200	1500	1300
34316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N26 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã tư tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1056	739	634
34317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N26 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã tư tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	845	592	507
34318		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N26 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã tư tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	676	473	406

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N26 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã tư tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	950	665	570
34320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N26 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã tư tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	761	533	457
34321		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N26 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã tư tiếp giáp đường D21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	608	426	365
34322	100	Đường D1 (Khu dân cư B11, B12)	Tiếp giáp đường vành đai trung tâm	Ngã ba tiếp giáp đường N26	Xã Phú Nghĩa	2200	1500	1300
34323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường N26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1056	739	634
34324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường N26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	845	592	507
34325		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường N26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	676	473	406
34326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường N26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	950	665	570
34327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường N26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	761	533	457

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34328		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường N26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	608	426	365
34329	101	Đường D2 (Khu dân cư B11, B12)	Ngã ba mũi tàu tiếp giáp đường D1	Ngã ba tiếp giáp đường N26	Xã Phú Nghĩa	2200	1500	1300
34330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba mũi tàu tiếp giáp đường D1 đến Ngã ba tiếp giáp đường N26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1056	739	634
34331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba mũi tàu tiếp giáp đường D1 đến Ngã ba tiếp giáp đường N26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	845	592	507
34332		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba mũi tàu tiếp giáp đường D1 đến Ngã ba tiếp giáp đường N26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	676	473	406
34333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba mũi tàu tiếp giáp đường D1 đến Ngã ba tiếp giáp đường N26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	950	665	570
34334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba mũi tàu tiếp giáp đường D1 đến Ngã ba tiếp giáp đường N26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	761	533	457
34335		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Ngã ba mũi tàu tiếp giáp đường D1 đến Ngã ba tiếp giáp đường N26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	608	426	365
34336	102	Đường D21 (Khu dân cư B11, B12)	Tiếp giáp đường vành đai trung tâm	Ngã ba tiếp giáp đường N26	Xã Phú Nghĩa	2200	1500	1300
34337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D21 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường N26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1056	739	634

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D21 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường N26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	845	592	507
34339		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D21 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường N26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	676	473	406
34340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D21 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường N26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	950	665	570
34341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D21 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường N26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	761	533	457
34342		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D21 (Khu dân cư B11, B12) đoạn từ Tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường N26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	608	426	365
34343	103	Đường N4b (Khu dân cư E20)	Ngã tư tiếp giáp đường D2	Ngã ba tiếp giáp đường D1	Xã Phú Nghĩa	1900	1300	1100
34344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4b (Khu dân cư E20) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường D2 đến Ngã ba tiếp giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	912	638	547
34345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4b (Khu dân cư E20) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường D2 đến Ngã ba tiếp giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	730	511	438
34346		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4b (Khu dân cư E20) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường D2 đến Ngã ba tiếp giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	584	409	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4b (Khu dân cư E20) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường D2 đến Ngã ba tiếp giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	821	575	493
34348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4b (Khu dân cư E20) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường D2 đến Ngã ba tiếp giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	657	460	394
34349		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4b (Khu dân cư E20) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường D2 đến Ngã ba tiếp giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	526	368	316
34350	104	Đường D1 (Khu dân cư E20)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 760	Ngã ba tiếp giáp đường N3	Xã Phú Nghĩa	1900	1300	1100
34351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 (Khu dân cư E20) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 760 đến Ngã ba tiếp giáp đường N3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	912	638	547
34352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 (Khu dân cư E20) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 760 đến Ngã ba tiếp giáp đường N3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	730	511	438
34353		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 (Khu dân cư E20) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 760 đến Ngã ba tiếp giáp đường N3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	584	409	350
34354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 (Khu dân cư E20) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 760 đến Ngã ba tiếp giáp đường N3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	821	575	493
34355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 (Khu dân cư E20) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 760 đến Ngã ba tiếp giáp đường N3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	657	460	394

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34356		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 (Khu dân cư E20) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 760 đến Ngã ba tiếp giáp đường N3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	526	368	316
34357	105	Đường Vành đai trung tâm (phía Đông)	Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 741	Ngã ba tiếp giáp ĐT760	Xã Phú Nghĩa	1300	880	760
34358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai trung tâm (phía Đông) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp ĐT760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	624	437	374
34359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai trung tâm (phía Đông) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp ĐT760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	499	349	299
34360		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai trung tâm (phía Đông) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp ĐT760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	399	279	239
34361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai trung tâm (phía Đông) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp ĐT760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	562	393	337
34362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai trung tâm (phía Đông) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp ĐT760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	449	314	269
34363		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai trung tâm (phía Đông) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp ĐT760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	359	251	215
34364	106	Đường vành đai trung tâm hành chính huyện (cũ)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 (Cây xăng Trọng Tưởng)	Ngã ba đường D8	Xã Phú Nghĩa	1600	1100	970
34365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vành đai trung tâm hành chính huyện (cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 (Cây xăng Trọng Tưởng) đến Ngã ba đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	768	538	461

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vành đai trung tâm hành chính huyện (cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 (Cây xăng Trọng Tưởng) đến Ngã ba đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	614	430	368
34367		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vành đai trung tâm hành chính huyện (cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 (Cây xăng Trọng Tưởng) đến Ngã ba đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	491	344	295
34368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vành đai trung tâm hành chính huyện (cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 (Cây xăng Trọng Tưởng) đến Ngã ba đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vành đai trung tâm hành chính huyện (cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 (Cây xăng Trọng Tưởng) đến Ngã ba đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332
34370		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vành đai trung tâm hành chính huyện (cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 (Cây xăng Trọng Tưởng) đến Ngã ba đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	442	309	265
34371	107	Đường D19 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	1300	880	760
34372		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D19 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	624	437	374
34373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D19 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	499	349	299
34374		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D19 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	399	279	239

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34375		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D19 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	562	393	337
34376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D19 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	449	314	269
34377		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D19 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	359	251	215
34378	108	Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa)	Ngã tư tiếp giáp đường N7	Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 760	Xã Phú Nghĩa	1500	1100	920
34379		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường N7 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	720	504	432
34380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường N7 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	576	403	346
34381		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường N7 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	461	323	277
34382		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường N7 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	648	454	389
34383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường N7 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	518	363	311

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34384		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường N7 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	415	291	249
34385	109	Đường N15 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Ngã ba tiếp giáp đường D16	Xã Phú Nghĩa	2500	1800	1500
34386		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N15 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1200	840	720
34387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N15 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	960	672	576
34388		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N15 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	768	538	461
34389		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N15 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1080	756	648
34390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N15 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34391		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N15 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34392	110	Đường D16 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa)	Ngã ba tiếp giáp đường vành đai trung tâm	Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài	Xã Phú Nghĩa	2500	1800	1500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34393		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D16 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1200	840	720
34394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D16 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	960	672	576
34395		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D16 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	768	538	461
34396		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D16 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1080	756	648
34397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D16 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34398		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D16 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34399	111	Đường NB1 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa)	Ngã ba tiếp giáp đường N15	Ngã ba tiếp giáp đường NB3	Xã Phú Nghĩa	2500	1800	1500
34400		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NB1 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường NB3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1200	840	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NB1 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường NB3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	960	672	576
34402		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NB1 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường NB3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	768	538	461
34403		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NB1 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường NB3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1080	756	648
34404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NB1 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường NB3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34405		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NB1 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường NB3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34406	112	Đường D13 nối dài	Ngã ba tiếp giáp đường N15	Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài	Xã Phú Nghĩa	2500	1800	1500
34407		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D13 nối dài đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1200	840	720
34408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D13 nối dài đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	960	672	576
34409		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D13 nối dài đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	768	538	461

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34410		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D13 nối dài đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1080	756	648
34411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D13 nối dài đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34412		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D13 nối dài đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34413	113	Đường NB3 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Ngã ba tiếp giáp đường D16	Xã Phú Nghĩa	2500	1800	1500
34414		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NB3 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1200	840	720
34415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NB3 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	960	672	576
34416		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NB3 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	768	538	461
34417		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NB3 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1080	756	648
34418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NB3 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34419		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NB3 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34420	114	Đường N17 (đường sau lưng bộ đội)	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100
34421		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N17 (đường sau lưng bộ đội) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N17 (đường sau lưng bộ đội) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34423		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N17 (đường sau lưng bộ đội) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332
34424		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N17 (đường sau lưng bộ đội) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467
34425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N17 (đường sau lưng bộ đội) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373
34426		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N17 (đường sau lưng bộ đội) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34427	115	Đường nội bộ N1	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	2900	2000	1700
34428		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1392	974	835
34429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	1114	780	668

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34430		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	891	624	535
34431		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	1253	877	752
34432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	1003	702	602
34433		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	802	561	481
34434	116	Đường nhựa vào cao su Phú Thịnh (cạnh cây xăng Thanh Lương)	Đường ĐT 741	Cầu Bù Ka	Xã Phú Nghĩa	410	280	240
34435		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào cao su Phú Thịnh (cạnh cây xăng Thanh Lương) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cầu Bù Ka có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	197	138	118
34436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào cao su Phú Thịnh (cạnh cây xăng Thanh Lương) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cầu Bù Ka có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	158	111	95
34437		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào cao su Phú Thịnh (cạnh cây xăng Thanh Lương) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cầu Bù Ka có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	126	88	76
34438		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào cao su Phú Thịnh (cạnh cây xăng Thanh Lương) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cầu Bù Ka có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	177	124	106
34439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào cao su Phú Thịnh (cạnh cây xăng Thanh Lương) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cầu Bù Ka có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	142	99	85

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34440		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào cao su Phú Thịnh (cạnh cây xăng Thanh Lương) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cầu Bù Ka có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	79	68
34441	117	Đường nhựa vào dốc 3 tầng	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11	Xã Phú Nghĩa	410	280	240
34442		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	197	138	118
34443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	158	111	95
34444		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	126	88	76
34445		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	177	124	106
34446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	142	99	85
34447		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	79	68
34448	118	Đường nhựa vào dốc 3 tầng	Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11	Dốc 3 tầng	Xã Phú Nghĩa	360	250	220
34449		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Dốc 3 tầng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	173	121	104

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Dốc 3 tầng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	138	97	83
34451		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Dốc 3 tầng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	110	77	66
34452		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Dốc 3 tầng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	156	109	94
34453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Dốc 3 tầng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	124	87	74
34454		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Dốc 3 tầng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	99	69	59
34455	119	Đường vào đội 3 thôn Khắc Khoan	Đường ĐT 741	Hết tuyến	Xã Phú Nghĩa	490	340	290
34456		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đội 3 thôn Khắc Khoan đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	235	165	141
34457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đội 3 thôn Khắc Khoan đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	188	132	113
34458		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đội 3 thôn Khắc Khoan đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	150	105	90
34459		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đội 3 thôn Khắc Khoan đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	212	148	127

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đội 3 thôn Khắc Khoan đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	169	118	101
34461		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đội 3 thôn Khắc Khoan đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	135	95	81
34462	120	Đường nhựa thôn Phú Nghĩa	Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 16	Hết tuyến (ranh xã Phú Văn (cũ))	Xã Phú Nghĩa	410	280	240
34463		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Phú Nghĩa đoạn từ Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (ranh xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	197	138	118
34464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Phú Nghĩa đoạn từ Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (ranh xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	158	111	95
34465		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Phú Nghĩa đoạn từ Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (ranh xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	126	88	76
34466		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Phú Nghĩa đoạn từ Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (ranh xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	177	124	106
34467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Phú Nghĩa đoạn từ Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (ranh xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	142	99	85
34468		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Phú Nghĩa đoạn từ Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (ranh xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	79	68
34469	121	Các tuyến đường nội bộ khu A23, A24	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34470		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội bộ khu A23, A24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội bộ khu A23, A24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34472		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội bộ khu A23, A24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332
34473		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội bộ khu A23, A24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467
34474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội bộ khu A23, A24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373
34475		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội bộ khu A23, A24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34476	122	Đường D15a (Sau lưng Điện lực)	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100
34477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15a (Sau lưng Điện lực) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15a (Sau lưng Điện lực) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34479		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15a (Sau lưng Điện lực) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332
34480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15a (Sau lưng Điện lực) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15a (Sau lưng Điện lực) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373
34482		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15a (Sau lưng Điện lực) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34483	123	Đường N13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Đường ĐT 741	Tiếp giáp đường vành đai trung tâm	Xã Phú Nghĩa	1900	1300	1100
34484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	912	638	547
34485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	730	511	438
34486		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	584	409	350
34487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	821	575	493
34488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	657	460	394
34489		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	526	368	316
34490	124	Đường D15c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34493		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332
34494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467
34495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373
34496		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34497	125	Đường N13a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100
34498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34500		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467
34502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373
34503		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34504	126	Đường D15b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100
34505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34507		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332
34508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467
34509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373
34510		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34511	127	Đường N13b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34514		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332
34515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467
34516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373
34517		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34518	128	Đường N13c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100
34519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34521		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467
34523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373
34524		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34525	129	Đường N14a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100
34526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N14a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N14a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34528		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N14a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332
34529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N14a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467
34530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N14a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373
34531		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N14a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34532	130	Đường D13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34535		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332
34536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467
34537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373
34538		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34539	131	Đường D10a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100
34540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34542		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467
34544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373
34545		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34546	132	Đường D10b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	1800	1300	1100
34547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	864	605	518
34548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	691	484	415
34549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	553	387	332
34550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	778	545	467
34551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	622	435	373
34552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	498	349	299
34553	1	Đường ĐT 759	Đầu thửa đất số 44 tờ bản đồ số 119 (phía xã Đa Kia)	Hết ranh nghĩa địa Bình Tân	Xã Đa Kia	1600	1100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu thửa đất số 44 tờ bản đồ số 119 (phía xã Đa Kia) đến Hết ranh nghĩa địa Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	768	538	461
34555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu thửa đất số 44 tờ bản đồ số 119 (phía xã Đa Kia) đến Hết ranh nghĩa địa Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	614	430	368
34556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu thửa đất số 44 tờ bản đồ số 119 (phía xã Đa Kia) đến Hết ranh nghĩa địa Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	491	344	295
34557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu thửa đất số 44 tờ bản đồ số 119 (phía xã Đa Kia) đến Hết ranh nghĩa địa Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	691	484	415
34558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu thửa đất số 44 tờ bản đồ số 119 (phía xã Đa Kia) đến Hết ranh nghĩa địa Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	553	387	332
34559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu thửa đất số 44 tờ bản đồ số 119 (phía xã Đa Kia) đến Hết ranh nghĩa địa Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	442	309	265
34560	2	Đường ĐT 759	Hết ranh nghĩa địa Bình Tân	Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106	Xã Đa Kia	1200	840	720
34561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh nghĩa địa Bình Tân đến Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	576	403	346
34562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh nghĩa địa Bình Tân đến Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh nghĩa địa Bình Tân đến Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	369	258	221
34564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh nghĩa địa Bình Tân đến Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	518	363	311
34565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh nghĩa địa Bình Tân đến Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	415	291	249
34566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh nghĩa địa Bình Tân đến Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	332	232	199
34567	3	Đường ĐT 759	Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106	Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia)	Xã Đa Kia	1300	910	780
34568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 đến Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	624	437	374
34569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 đến Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	499	349	299
34570		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 đến Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	399	279	239

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 đến Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	562	393	337
34572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 đến Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	449	314	269
34573		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 đến Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	359	251	215
34574	4	Đường ĐT 759	Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia)	Ranh giới xã Thiện Hưng	Xã Đa Kia	1400	980	840
34575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) đến Ranh giới xã Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	672	470	403
34576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) đến Ranh giới xã Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	538	377	323
34577		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) đến Ranh giới xã Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	430	301	258

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) đến Ranh giới xã Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	605	424	363
34579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) đến Ranh giới xã Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	484	339	290
34580		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) đến Ranh giới xã Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	387	271	232
34581	5	Đường ĐT 759	Từ hết ranh thửa số 44 tờ 119 hướng đi Phước Bình	Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12	Xã Đa Kia	2000	1400	1200
34582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ hết ranh thửa số 44 tờ 119 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	960	672	576
34583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ hết ranh thửa số 44 tờ 119 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	768	538	461
34584		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ hết ranh thửa số 44 tờ 119 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	614	430	368
34585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ hết ranh thửa số 44 tờ 119 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	864	605	518

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ hết ranh thửa số 44 tờ 119 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	691	484	415
34587		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ hết ranh thửa số 44 tờ 119 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	553	387	332
34588	6	Đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 hướng đi Phước Bình	Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29	Xã Đa Kia	1600	1100	960
34589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	768	538	461
34590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	614	430	368
34591		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	491	344	295
34592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	691	484	415

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	553	387	332
34594		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	442	309	265
34595	7	Đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 hướng đi Phước Bình	Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45	Xã Đa Kia	2500	1800	1500
34596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	1200	840	720
34597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	960	672	576
34598		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	768	538	461
34599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	1080	756	648

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	864	605	518
34601		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	691	484	415
34602	8	Đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 hướng đi Phước Bình	Hết ranh thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46	Xã Đa Kia	1600	1100	960
34603		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	768	538	461
34604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	614	430	368
34605		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	491	344	295
34606		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	691	484	415

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	553	387	332
34608		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	442	309	265
34609	9	Đường ĐT 759	Từ ranh thửa số 10 tờ số 53 hướng đi Phước Bình	Đến hết ranh thửa đất số 52, tờ số 53	Xã Đa Kia	1400	980	840
34610		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ ranh thửa số 10 tờ số 53 hướng đi Phước Bình đến Đến hết ranh thửa đất số 52, tờ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	672	470	403
34611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ ranh thửa số 10 tờ số 53 hướng đi Phước Bình đến Đến hết ranh thửa đất số 52, tờ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	538	377	323
34612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ ranh thửa số 10 tờ số 53 hướng đi Phước Bình đến Đến hết ranh thửa đất số 52, tờ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	430	301	258
34613		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ ranh thửa số 10 tờ số 53 hướng đi Phước Bình đến Đến hết ranh thửa đất số 52, tờ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	605	424	363
34614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ ranh thửa số 10 tờ số 53 hướng đi Phước Bình đến Đến hết ranh thửa đất số 52, tờ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	484	339	290
34615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ ranh thửa số 10 tờ số 53 hướng đi Phước Bình đến Đến hết ranh thửa đất số 52, tờ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	387	271	232

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34616	10	Đường ĐT 760	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759	Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa đất số 473, tờ bản đồ số 31)	Xã Đa Kia	350	250	210
34617		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa đất số 473, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	168	118	101
34618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa đất số 473, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	134	94	80
34619		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa đất số 473, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	107	75	64
34620		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa đất số 473, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	151	106	91
34621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa đất số 473, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	121	85	73
34622		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa đất số 473, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	96	67	58
34623	11	Đường ĐT 760	Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa 473 tờ 31)	Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22)	Xã Đa Kia	400	280	240
34624		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa 473 tờ 31) đến Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	192	134	115

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa 473 tờ 31) đến Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	154	108	92
34626		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa 473 tờ 31) đến Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	123	86	74
34627		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa 473 tờ 31) đến Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	173	121	104
34628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa 473 tờ 31) đến Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	139	97	83
34629		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa 473 tờ 31) đến Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	111	78	67
34630	12	Đường ĐT 760	Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22)	Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15)	Xã Đa Kia	450	320	270
34631		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) đến Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	216	151	130
34632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) đến Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	173	121	104

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34633		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) đến Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	138	97	83
34634		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) đến Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	194	136	116
34635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) đến Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	156	109	94
34636		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) đến Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	124	87	74
34637	13	Đường ĐT 760	Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15)	Cầu Sông Bé (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 03)	Xã Đa Kia	300	210	180
34638		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) đến Cầu Sông Bé (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 03) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	144	101	86
34639		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) đến Cầu Sông Bé (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 03) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	115	81	69
34640		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) đến Cầu Sông Bé (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 03) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	92	64	55
34641		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) đến Cầu Sông Bé (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 03) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	130	91	78

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34642		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) đến Cầu Sông Bé (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 03) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	104	73	62
34643		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) đến Cầu Sông Bé (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 03) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	83	58	50
34644	14	Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu)	Giáp đường ĐT 759	Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) hướng ra đường ĐT 759	Xã Đa Kia	320	220	190
34645		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) hướng ra đường ĐT 759 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	154	108	92
34646		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) hướng ra đường ĐT 759 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	123	86	74
34647		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) hướng ra đường ĐT 759 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	98	69	59
34648		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) hướng ra đường ĐT 759 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	139	97	83

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34649		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) hướng ra đường ĐT 759 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	111	78	67
34650		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) hướng ra đường ĐT 759 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	88	62	53
34651	15	Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu)	Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) Hướng ra đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 86 (ông Nguyễn Văn Thắng), tờ bản đồ số 102 (Đường mặt khu Trung tâm hành chính xã)	Xã Đa Kia	350	250	210
34652		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) Hướng ra đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86 (ông Nguyễn Văn Thắng), tờ bản đồ số 102 (Đường mặt khu Trung tâm hành chính xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	168	118	101
34653		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) Hướng ra đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86 (ông Nguyễn Văn Thắng), tờ bản đồ số 102 (Đường mặt khu Trung tâm hành chính xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	134	94	80
34654		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) Hướng ra đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86 (ông Nguyễn Văn Thắng), tờ bản đồ số 102 (Đường mặt khu Trung tâm hành chính xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	107	75	64

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34655		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) Hướng ra đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86 (ông Nguyễn Văn Thắng), tờ bản đồ số 102 (Đường mặt khu Trung tâm hành chính xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	151	106	91
34656		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) Hướng ra đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86 (ông Nguyễn Văn Thắng), tờ bản đồ số 102 (Đường mặt khu Trung tâm hành chính xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	121	85	73
34657		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) Hướng ra đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86 (ông Nguyễn Văn Thắng), tờ bản đồ số 102 (Đường mặt khu Trung tâm hành chính xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	96	67	58
34658	16	Đường quy hoạch vào trung tâm hành chính xã cũ	Giáp đường ĐT 759	Khu trung tâm hành chính xã Phước Minh cũ	Xã Đa Kia	370	260	220
34659		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch vào trung tâm hành chính xã cũ đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Khu trung tâm hành chính xã Phước Minh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	178	125	107
34660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch vào trung tâm hành chính xã cũ đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Khu trung tâm hành chính xã Phước Minh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	142	99	85
34661		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch vào trung tâm hành chính xã cũ đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Khu trung tâm hành chính xã Phước Minh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	114	80	68
34662		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch vào trung tâm hành chính xã cũ đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Khu trung tâm hành chính xã Phước Minh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	160	112	96

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch vào trung tâm hành chính xã cũ đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Khu trung tâm hành chính xã Phước Minh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	128	90	77
34664		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch vào trung tâm hành chính xã cũ đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Khu trung tâm hành chính xã Phước Minh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	103	72	62
34665	17	Đường thôn Bình Tân	Giáp đường ĐT 759	Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106)	Xã Đa Kia	360	250	220
34666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	173	121	104
34667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	138	97	83
34668		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	110	77	66
34669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	156	109	94
34670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	124	87	74

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34671		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	99	69	59
34672	18	Đường thôn Bình Tân	Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106)	Trung tâm hành chính xã (đầu ranh đất thửa đất số 86, tờ bản đồ số 102)	Xã Đa Kia	320	220	190
34673		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) đến Trung tâm hành chính xã (đầu ranh đất thửa đất số 86, tờ bản đồ số 102) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	154	108	92
34674		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) đến Trung tâm hành chính xã (đầu ranh đất thửa đất số 86, tờ bản đồ số 102) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	123	86	74
34675		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) đến Trung tâm hành chính xã (đầu ranh đất thửa đất số 86, tờ bản đồ số 102) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	98	69	59
34676		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) đến Trung tâm hành chính xã (đầu ranh đất thửa đất số 86, tờ bản đồ số 102) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	139	97	83
34677		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) đến Trung tâm hành chính xã (đầu ranh đất thửa đất số 86, tờ bản đồ số 102) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	111	78	67

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34678		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) đến Trung tâm hành chính xã (đầu ranh đất thửa đất số 86, tờ bản đồ số 102) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	88	62	53
34679	19	Đường thôn Bình Tân	Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ số 106 của bà Phạm Thị Thúy Hà)	Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95)	Xã Đa Kia	320	220	190
34680		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ số 106 của bà Phạm Thị Thúy Hà) đến Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	154	108	92
34681		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ số 106 của bà Phạm Thị Thúy Hà) đến Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	123	86	74
34682		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ số 106 của bà Phạm Thị Thúy Hà) đến Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	98	69	59
34683		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ số 106 của bà Phạm Thị Thúy Hà) đến Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	139	97	83
34684		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ số 106 của bà Phạm Thị Thúy Hà) đến Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	111	78	67

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34685		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ số 106 của bà Phạm Thị Thúy Hà) đến Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	88	62	53
34686	20	Đường thôn Bình Tân + Bù Tam	Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95)	Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92	Xã Đa Kia	470	330	280
34687		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân + Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	226	158	136
34688		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân + Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	181	127	109
34689		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân + Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	145	102	87
34690		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân + Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	203	142	122
34691		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân + Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	163	114	98

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34692		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân + Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	131	92	79
34693	21	Đường thôn Bù Tam	Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92	Trụ sở UBND xã Phước Minh (cũ)	Xã Đa Kia	600	420	360
34694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 đến Trụ sở UBND xã Phước Minh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	288	202	173
34695		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 đến Trụ sở UBND xã Phước Minh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	230	161	138
34696		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 đến Trụ sở UBND xã Phước Minh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	184	129	110
34697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 đến Trụ sở UBND xã Phước Minh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	259	181	155
34698		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 đến Trụ sở UBND xã Phước Minh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	207	145	124
34699		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 đến Trụ sở UBND xã Phước Minh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	166	116	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34700	22	Đường nhựa ranh giới giữa xã Phước Minh - xã Đa Kia (cũ)	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 15 tờ bản đồ số 129	Xã Đa Kia	600	420	360
34701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giới giữa xã Phước Minh - xã Đa Kia (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 15 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	288	202	173
34702		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giới giữa xã Phước Minh - xã Đa Kia (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 15 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	230	161	138
34703		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giới giữa xã Phước Minh - xã Đa Kia (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 15 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	184	129	110
34704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giới giữa xã Phước Minh - xã Đa Kia (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 15 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	259	181	155
34705		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giới giữa xã Phước Minh - xã Đa Kia (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 15 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	207	145	124
34706		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giới giữa xã Phước Minh - xã Đa Kia (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 15 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	166	116	100
34707	23	Đường liên xã	Ngã tư đường N7	Ngã ba (Bách hóa xanh), ranh đất ông Nguyễn Tấn Ba, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 170	Xã Đa Kia	1400	980	840
34708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Ngã ba (Bách hóa xanh), ranh đất ông Nguyễn Tấn Ba, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 170 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	672	470	403

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34709		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Ngã ba (Bách hóa xanh), ranh đất ông Nguyễn Tấn Ba, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 170 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	538	377	323
34710		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Ngã ba (Bách hóa xanh), ranh đất ông Nguyễn Tấn Ba, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 170 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	430	301	258
34711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Ngã ba (Bách hóa xanh), ranh đất ông Nguyễn Tấn Ba, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 170 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	605	424	363
34712		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Ngã ba (Bách hóa xanh), ranh đất ông Nguyễn Tấn Ba, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 170 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	484	339	290
34713		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Ngã ba (Bách hóa xanh), ranh đất ông Nguyễn Tấn Ba, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 170 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	387	271	232
34714	24	Đường liên xã	Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149)	Cổng chào thôn 3	Xã Đa Kia	1300	910	780
34715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Cổng chào thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	624	437	374
34716		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Cổng chào thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	499	349	299

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34717		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Cổng chào thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	399	279	239
34718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Cổng chào thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	562	393	337
34719		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Cổng chào thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	449	314	269
34720		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Cổng chào thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	359	251	215
34721	25	Đường liên xã	Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149)	Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B)	Xã Đa Kia	900	630	540
34722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	432	302	259
34723		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	346	242	208
34724		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	277	194	166

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	389	272	233
34726		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	311	218	187
34727		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	249	174	149
34728	26	Đường liên xã	Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B)	Giáp ranh xã Long Bình cũ	Xã Đa Kia	800	560	480
34729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Giáp ranh xã Long Bình cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	384	269	230
34730		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Giáp ranh xã Long Bình cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	307	215	184
34731		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Giáp ranh xã Long Bình cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	246	172	148
34732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Giáp ranh xã Long Bình cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	346	242	208
34733		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Giáp ranh xã Long Bình cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	276	193	166

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34734		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Giáp ranh xã Long Bình cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	221	155	133
34735	27	Đường trục xã	Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B)	Ngã tư Dốc Võng	Xã Đa Kia	600	420	360
34736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Ngã tư Dốc Võng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	288	202	173
34737		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Ngã tư Dốc Võng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	230	161	138
34738		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Ngã tư Dốc Võng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	184	129	110
34739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Ngã tư Dốc Võng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	259	181	155
34740		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Ngã tư Dốc Võng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	207	145	124
34741		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Ngã tư Dốc Võng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	166	116	100
34742	28	Đường trung tâm xã	Ngã tư đường N7	Giáp nghĩa địa thôn 5	Xã Đa Kia	800	560	480
34743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Giáp nghĩa địa thôn 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	384	269	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34744		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Giáp nghĩa địa thôn 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	307	215	184
34745		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Giáp nghĩa địa thôn 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	246	172	148
34746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Giáp nghĩa địa thôn 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	346	242	208
34747		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Giáp nghĩa địa thôn 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	276	193	166
34748		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Giáp nghĩa địa thôn 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	221	155	133
34749	29	Đường trung tâm xã N3	Đường D1 (Trạm y tế xã)	Đường D8	Xã Đa Kia	700	490	420
34750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã N3 đoạn từ Đường D1 (Trạm y tế xã) đến Đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	336	235	202
34751		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã N3 đoạn từ Đường D1 (Trạm y tế xã) đến Đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	269	188	161
34752		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã N3 đoạn từ Đường D1 (Trạm y tế xã) đến Đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	215	151	129
34753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã N3 đoạn từ Đường D1 (Trạm y tế xã) đến Đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	302	211	181

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34754		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã N3 đoạn từ Đường D1 (Trạm y tế xã) đến Đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	242	169	145
34755		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã N3 đoạn từ Đường D1 (Trạm y tế xã) đến Đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	194	136	116
34756	30	Đường trung tâm xã D4	Đường N3 (Quán Sen hồ)	Ngã ba đường D7	Xã Đa Kia	800	560	480
34757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã D4 đoạn từ Đường N3 (Quán Sen hồ) đến Ngã ba đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	384	269	230
34758		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã D4 đoạn từ Đường N3 (Quán Sen hồ) đến Ngã ba đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	307	215	184
34759		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã D4 đoạn từ Đường N3 (Quán Sen hồ) đến Ngã ba đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	246	172	148
34760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã D4 đoạn từ Đường N3 (Quán Sen hồ) đến Ngã ba đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	346	242	208
34761		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã D4 đoạn từ Đường N3 (Quán Sen hồ) đến Ngã ba đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	276	193	166
34762		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã D4 đoạn từ Đường N3 (Quán Sen hồ) đến Ngã ba đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	221	155	133
34763	31	Đường đi xã Bình Thắng cũ	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38	Xã Đa Kia	1600	1100	960

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	768	538	461
34765		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	614	430	368
34766		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	491	344	295
34767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	691	484	415
34768		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	553	387	332
34769		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	442	309	265
34770	32	Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn 2	Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38	Giáp ranh xã Bình Thắng (cũ)	Xã Đa Kia	1400	980	840
34771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn 2 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 đến Giáp ranh xã Bình Thắng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	672	470	403

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34772		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn 2 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 đến Giáp ranh xã Bình Thắng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	538	377	323
34773		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn 2 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 đến Giáp ranh xã Bình Thắng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	430	301	258
34774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn 2 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 đến Giáp ranh xã Bình Thắng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	605	424	363
34775		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn 2 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 đến Giáp ranh xã Bình Thắng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	484	339	290
34776		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn 2 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 đến Giáp ranh xã Bình Thắng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	387	271	232
34777	34	Đường nhựa vào trường TH Đa Kia A	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 650, tờ bản đồ số 12	Xã Đa Kia	400	280	240
34778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia A đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 650, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	192	134	115
34779		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia A đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 650, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	154	108	92

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34780		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia A đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 650, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	123	86	74
34781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia A đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 650, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	173	121	104
34782		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia A đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 650, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	139	97	83
34783		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia A đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 650, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	111	78	67
34784	35	Đường nhựa thôn 2	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 142, tờ bản đồ số 10 và hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12	Xã Đa Kia	600	420	360
34785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 142, tờ bản đồ số 10 và hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	288	202	173
34786		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 142, tờ bản đồ số 10 và hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	230	161	138
34787		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 142, tờ bản đồ số 10 và hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	184	129	110
34788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 142, tờ bản đồ số 10 và hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	259	181	155

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34789		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 142, tờ bản đồ số 10 và hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	207	145	124
34790		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 142, tờ bản đồ số 10 và hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	166	116	100
34791	36	Đường vào nhà thờ An Bình	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 128 và 427, tờ bản đồ số 12	Xã Đa Kia	550	390	330
34792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà thờ An Bình đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 128 và 427, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	264	185	158
34793		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà thờ An Bình đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 128 và 427, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	211	148	127
34794		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà thờ An Bình đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 128 và 427, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	169	118	101
34795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà thờ An Bình đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 128 và 427, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	238	167	143
34796		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà thờ An Bình đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 128 và 427, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	190	133	114
34797		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà thờ An Bình đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 128 và 427, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	152	106	91
34798	37	Đường nhựa thôn 3	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 65 và 73, tờ bản đồ số 19	Xã Đa Kia	400	280	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 65 và 73, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	192	134	115
34800		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 65 và 73, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	154	108	92
34801		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 65 và 73, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	123	86	74
34802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 65 và 73, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	173	121	104
34803		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 65 và 73, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	139	97	83
34804		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 65 và 73, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	111	78	67
34805	38	Đường nhựa thôn 3	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 47 và 231, tờ bản đồ số 28	Xã Đa Kia	500	350	300
34806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 231, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	240	168	144
34807		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 231, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	192	134	115

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34808		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 231, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	154	108	92
34809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 231, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	216	151	130
34810		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 231, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	173	121	104
34811		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 231, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	139	97	83
34812	39	Đường nhựa thôn Bình Thủy	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 173 và 215, tờ bản đồ số 20	Xã Đa Kia	500	350	300
34813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 173 và 215, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	240	168	144
34814		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 173 và 215, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	192	134	115
34815		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 173 và 215, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	154	108	92
34816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 173 và 215, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	216	151	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34817		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 173 và 215, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	173	121	104
34818		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 173 và 215, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	139	97	83
34819	40	Đường nhựa thôn Bình Thủy	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 149 và 367, tờ bản đồ số 30	Xã Đa Kia	600	420	360
34820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 149 và 367, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	288	202	173
34821		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 149 và 367, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	230	161	138
34822		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 149 và 367, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	184	129	110
34823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 149 và 367, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	259	181	155
34824		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 149 và 367, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	207	145	124
34825		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 149 và 367, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	166	116	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34826	41	Các tuyến đường nhựa nội đô thuộc khu Quy hoạch 1/500 thôn 4 (Trung tâm hành chính xã)	Toàn tuyến		Xã Đa Kia	800	560	480
34827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa nội đô thuộc khu Quy hoạch 1/500 thôn 4 (Trung tâm hành chính xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	384	269	230
34828		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa nội đô thuộc khu Quy hoạch 1/500 thôn 4 (Trung tâm hành chính xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	307	215	184
34829		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa nội đô thuộc khu Quy hoạch 1/500 thôn 4 (Trung tâm hành chính xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	246	172	148
34830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa nội đô thuộc khu Quy hoạch 1/500 thôn 4 (Trung tâm hành chính xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	346	242	208
34831		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa nội đô thuộc khu Quy hoạch 1/500 thôn 4 (Trung tâm hành chính xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	276	193	166
34832		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa nội đô thuộc khu Quy hoạch 1/500 thôn 4 (Trung tâm hành chính xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	221	155	133
34833	42	Đường nhựa thôn 6	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 71 và 114, tờ bản đồ số 51	Xã Đa Kia	360	250	220
34834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 71 và 114, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	173	121	104

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34835		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 71 và 114, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	138	97	83
34836		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 71 và 114, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	110	77	66
34837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 71 và 114, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	156	109	94
34838		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 71 và 114, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	124	87	74
34839		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 71 và 114, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	99	69	59
34840	43	Đường nhựa thôn 6	Đường ĐT 759 (cổng chào thôn 6)	Hết thửa đất số 131, tờ bản đồ số 46	Xã Đa Kia	400	280	240
34841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 (cổng chào thôn 6) đến Hết thửa đất số 131, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	192	134	115
34842		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 (cổng chào thôn 6) đến Hết thửa đất số 131, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	154	108	92
34843		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 (cổng chào thôn 6) đến Hết thửa đất số 131, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	123	86	74

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 (cổng chào thôn 6) đến Hết thửa đất số 131, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	173	121	104
34845		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 (cổng chào thôn 6) đến Hết thửa đất số 131, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	139	97	83
34846		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 (cổng chào thôn 6) đến Hết thửa đất số 131, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	111	78	67
34847	45	Đường nhựa ngã ba nhà máy nước	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 47 và 81, tờ bản đồ số 50	Xã Đa Kia	450	320	270
34848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã ba nhà máy nước đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 81, tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	216	151	130
34849		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã ba nhà máy nước đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 81, tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	173	121	104
34850		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã ba nhà máy nước đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 81, tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	138	97	83
34851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã ba nhà máy nước đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 81, tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	194	136	116
34852		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã ba nhà máy nước đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 81, tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	156	109	94

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34853		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã ba nhà máy nước đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 81, tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	124	87	74
34854	46	Đường nhựa vào trường TH Đa Kia C	Đường ĐT 760	Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 33 và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32	Xã Đa Kia	400	280	240
34855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia C đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 33 và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	192	134	115
34856		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia C đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 33 và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	154	108	92
34857		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia C đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 33 và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	123	86	74
34858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia C đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 33 và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	173	121	104
34859		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia C đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 33 và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	139	97	83
34860		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia C đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 33 và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	111	78	67
34861	47	Đường nhựa thôn Bình Hà 1	Đường ĐT 760	Hết thửa đất số 142 và 143, tờ bản đồ số 40	Xã Đa Kia	350	250	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 142 và 143, tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	168	118	101
34863		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 142 và 143, tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	134	94	80
34864		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 142 và 143, tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	107	75	64
34865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 142 và 143, tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	151	106	91
34866		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 142 và 143, tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	121	85	73
34867		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 142 và 143, tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	96	67	58
34868	48	Đường nhựa thôn Bình Hà 1	Đường ĐT 760	Hết thửa đất số 64 và 68, tờ bản đồ số 21	Xã Đa Kia	300	210	180
34869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 64 và 68, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	144	101	86
34870		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 64 và 68, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	115	81	69

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34871		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 64 và 68, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	92	64	55
34872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 64 và 68, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	130	91	78
34873		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 64 và 68, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	104	73	62
34874		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 64 và 68, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	83	58	50
34875		Khu dân cư Đa Kia			Xã Đa Kia			
34876	49	Đường N1	Toàn tuyến		Xã Đa Kia	4000	2800	2400
34877		Các tuyến đường còn lại trong Khu dân cư Đa Kia	Toàn tuyến		Xã Đa Kia	2000	1400	1200
34878	50	Khu dân cư thôn Bình Lợi			Xã Đa Kia			
34879	51	Đường D1 (đường gom ĐT 759)	Toàn tuyến		Xã Đa Kia	2500	1800	1500
34880	52	Các tuyến đường nội bộ còn lại trong Khu dân cư thôn Bình Lợi	Toàn tuyến		Xã Đa Kia	1800	1300	1100
34881		Khu Quy hoạch 1/500 Trung tâm hành chính xã			Xã Đa Kia			
34882	53	Đường N4	Toàn tuyến		Xã Đa Kia	700	490	420
34883	54	Các tuyến đường nội bộ còn lại của Khu quy hoạch	Toàn tuyến		Xã Đa Kia	500	350	300
34884	55	Các tuyến đường nhựa, bê tông còn lại	Toàn tuyến		Xã Đa Kia	320	220	190
34885	56	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		Xã Đa Kia	280	200	170
34886		Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46	Đến thửa đất số 10, tờ bản đồ số 53	Xã Đa Kia	1500	1050	900
34887		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 đến Đến thửa đất số 10, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	720	504	432

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 đến Đến thửa đất số 10, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	576	403	346
34889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 đến Đến thửa đất số 10, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	461	323	277
34890		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 đến Đến thửa đất số 10, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	648	454	389
34891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 đến Đến thửa đất số 10, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	518	363	311
34892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 đến Đến thửa đất số 10, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	415	291	249
34893		Đường thôn Bình Lợi (bên hông Khu dân cư thôn Bình Lợi _ Tiếp giáp đường ĐT 759)	Đường ĐT 759	Hết thửa số 22 tờ bản đồ số 118	Xã Đa Kia	1800	1300	1100
34894		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Lợi (bên hông Khu dân cư thôn Bình Lợi _ Tiếp giáp đường ĐT 759) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa số 22 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	864	605	518
34895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Lợi (bên hông Khu dân cư thôn Bình Lợi _ Tiếp giáp đường ĐT 759) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa số 22 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	691	484	415

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Lợi (bên hông Khu dân cư thôn Bình Lợi _ Tiếp giáp đường ĐT 759) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa số 22 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	553	387	332
34897		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Lợi (bên hông Khu dân cư thôn Bình Lợi _ Tiếp giáp đường ĐT 759) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa số 22 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	778	545	467
34898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Lợi (bên hông Khu dân cư thôn Bình Lợi _ Tiếp giáp đường ĐT 759) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa số 22 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	622	435	373
34899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Lợi (bên hông Khu dân cư thôn Bình Lợi _ Tiếp giáp đường ĐT 759) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa số 22 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	498	349	299
34900	1	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Đắk Ơ	Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng	Xã Bù Gia Mập	800	560	480
34901		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đắk Ơ đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	384	269	230
34902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đắk Ơ đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	307	215	184
34903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đắk Ơ đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	246	172	148
34904		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đắk Ơ đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	346	242	208

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đắk Ơ đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	276	193	166
34906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đắk Ơ đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	221	155	133
34907	2	Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập	Các tuyến đường nội bộ Trung tâm xã Bù Gia Mập		Xã Bù Gia Mập	740	520	440
34908		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập đoạn từ Các tuyến đường nội bộ Trung tâm xã Bù Gia Mập đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	355	249	213
34909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập đoạn từ Các tuyến đường nội bộ Trung tâm xã Bù Gia Mập đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	284	199	170
34910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập đoạn từ Các tuyến đường nội bộ Trung tâm xã Bù Gia Mập đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	227	159	136
34911		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập đoạn từ Các tuyến đường nội bộ Trung tâm xã Bù Gia Mập đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	320	224	192
34912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập đoạn từ Các tuyến đường nội bộ Trung tâm xã Bù Gia Mập đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	256	179	154
34913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập đoạn từ Các tuyến đường nội bộ Trung tâm xã Bù Gia Mập đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	204	143	122

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34914	3	Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập	Hết ranh nhà ông Chu Văn Dũng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 45)	Ngã ba nhà bà Đặng Thị Hon (thửa đất số 208, tờ bản đồ số 28)	Xã Bù Gia Mập	600	420	360
34915		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập đoạn từ Hết ranh nhà ông Chu Văn Dũng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 45) đến Ngã ba nhà bà Đặng Thị Hon (thửa đất số 208, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	288	202	173
34916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập đoạn từ Hết ranh nhà ông Chu Văn Dũng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 45) đến Ngã ba nhà bà Đặng Thị Hon (thửa đất số 208, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	230	161	138
34917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập đoạn từ Hết ranh nhà ông Chu Văn Dũng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 45) đến Ngã ba nhà bà Đặng Thị Hon (thửa đất số 208, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	184	129	110
34918		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập đoạn từ Hết ranh nhà ông Chu Văn Dũng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 45) đến Ngã ba nhà bà Đặng Thị Hon (thửa đất số 208, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	259	181	155
34919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập đoạn từ Hết ranh nhà ông Chu Văn Dũng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 45) đến Ngã ba nhà bà Đặng Thị Hon (thửa đất số 208, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	207	145	124
34920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập đoạn từ Hết ranh nhà ông Chu Văn Dũng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 45) đến Ngã ba nhà bà Đặng Thị Hon (thửa đất số 208, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	166	116	100
34921	4	Đường ĐT 760B	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28)	Xã Bù Gia Mập	600	420	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34922		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	288	202	173
34923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	230	161	138
34924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	184	129	110
34925		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	259	181	155
34926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	207	145	124
34927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	166	116	100
34928	5	Đường ĐT 760B	Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28)	Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập	Xã Bù Gia Mập	800	560	480
34929		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) đến Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	384	269	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) đến Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	307	215	184
34931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) đến Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	246	172	148
34932		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) đến Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	346	242	208
34933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) đến Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	276	193	166
34934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) đến Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	221	155	133
34935	6	Đường ĐT 760B	Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập	Hết ranh đất nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28)	Xã Bù Gia Mập	650	460	390
34936		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập đến Hết ranh đất nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	312	218	187
34937		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập đến Hết ranh đất nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	250	175	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập đến Hết ranh đất nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	200	140	120
34939		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập đến Hết ranh đất nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	281	197	169
34940		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập đến Hết ranh đất nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	225	158	135
34941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập đến Hết ranh đất nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	180	126	108
34942	7	Đường ĐT 760B	Hết ranh nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28)	Đến nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35)	Xã Bù Gia Mập	500	350	300
34943		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) đến Đến nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	260	182	156
34944		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) đến Đến nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	208	146	125
34945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) đến Đến nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	166	116	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34946		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) đến Đến nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	234	164	140
34947		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) đến Đến nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	187	131	112
34948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) đến Đến nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	149	104	89
34949	8	Đường ĐT 760B	Nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35)	Hết ranh đất nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39)	Xã Bù Gia Mập	470	330	280
34950		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) đến Hết ranh đất nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	259	181	155
34951		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) đến Hết ranh đất nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	207	145	124
34952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) đến Hết ranh đất nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	166	116	100
34953		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) đến Hết ranh đất nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	233	163	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34954		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Nhà ông Điều Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) đến Hết ranh đất nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	186	130	112
34955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Nhà ông Điều Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) đến Hết ranh đất nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	149	104	89
34956	9	Đường ĐT 760B	Hết ranh nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39)	Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Công Mùi (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 44)	Xã Bù Gia Mập	470	330	280
34957		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Công Mùi (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	259	181	155
34958		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Công Mùi (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	207	145	124
34959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Công Mùi (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	166	116	100
34960		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Công Mùi (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	233	163	140
34961		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Công Mùi (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	186	130	112

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Công Mùi (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	149	104	89
34963	10	Đường nhựa nối Đăk Côn, Bù Rên	Đường ĐT 741	Suối Đăk Côn	Xã Bù Gia Mập	340	230	200
34964		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa nối Đăk Côn, Bù Rên đoạn từ Đường ĐT 741 đến Suối Đăk Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	255	179	153
34965		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa nối Đăk Côn, Bù Rên đoạn từ Đường ĐT 741 đến Suối Đăk Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	204	143	122
34966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa nối Đăk Côn, Bù Rên đoạn từ Đường ĐT 741 đến Suối Đăk Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	163	114	98
34967		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa nối Đăk Côn, Bù Rên đoạn từ Đường ĐT 741 đến Suối Đăk Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	230	161	138
34968		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa nối Đăk Côn, Bù Rên đoạn từ Đường ĐT 741 đến Suối Đăk Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	184	129	110
34969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa nối Đăk Côn, Bù Rên đoạn từ Đường ĐT 741 đến Suối Đăk Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	147	103	88
34970	11	Đường nhựa thôn Đăk Côn	Đường ĐT 741	Nhà Lương Văn Tuyến (Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 19)	Xã Bù Gia Mập	420	290	250
34971		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đăk Côn đoạn từ Đường ĐT 741 đến Nhà Lương Văn Tuyến (Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	252	176	151

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34972		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đăk Côn đoạn từ Đường ĐT 741 đến Nhà Lương Văn Tuyến (Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	202	141	121
34973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đăk Côn đoạn từ Đường ĐT 741 đến Nhà Lương Văn Tuyến (Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	162	113	97
34974		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đăk Côn đoạn từ Đường ĐT 741 đến Nhà Lương Văn Tuyến (Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	227	159	136
34975		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đăk Côn đoạn từ Đường ĐT 741 đến Nhà Lương Văn Tuyến (Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	182	127	109
34976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đăk Côn đoạn từ Đường ĐT 741 đến Nhà Lương Văn Tuyến (Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	146	102	88
34977	13	Đường nhựa đi thôn Đăk Mai	Từ ngã ba cây xăng Hoàng Duyên (hết ranh thửa đất số 440, tờ bản đồ số 39)	Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 42	Xã Bù Gia Mập	510	360	310
34978		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi thôn Đăk Mai đoạn từ Từ ngã ba cây xăng Hoàng Duyên (hết ranh thửa đất số 440, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	260	182	156
34979		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi thôn Đăk Mai đoạn từ Từ ngã ba cây xăng Hoàng Duyên (hết ranh thửa đất số 440, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	208	146	125

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi thôn Đăk Mai đoạn từ Từ ngã ba cây xăng Hoàng Duyên (hết ranh thửa đất số 440, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	166	116	100
34981		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi thôn Đăk Mai đoạn từ Từ ngã ba cây xăng Hoàng Duyên (hết ranh thửa đất số 440, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	234	164	140
34982		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi thôn Đăk Mai đoạn từ Từ ngã ba cây xăng Hoàng Duyên (hết ranh thửa đất số 440, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	187	131	112
34983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi thôn Đăk Mai đoạn từ Từ ngã ba cây xăng Hoàng Duyên (hết ranh thửa đất số 440, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	149	104	89
34984		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội bộ trong Khu dân cư định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số tại thôn Đăk Mai đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	255	179	153
34985		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội bộ trong Khu dân cư định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số tại thôn Đăk Mai đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	204	143	122
34986		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội bộ trong Khu dân cư định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số tại thôn Đăk Mai đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	163	114	98
34987		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội bộ trong Khu dân cư định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số tại thôn Đăk Mai đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	230	161	138

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34988		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội bộ trong Khu dân cư định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số tại thôn Đăk Mai đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	184	129	110
34989		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội bộ trong Khu dân cư định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số tại thôn Đăk Mai đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	147	103	88
34990	1	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Thuận Lợi	Đường vào chùa Pháp Tịnh	Xã Phú Riềng	2100	1500	1300
34991		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Thuận Lợi đến Đường vào chùa Pháp Tịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1008	706	605
34992		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Thuận Lợi đến Đường vào chùa Pháp Tịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	806	564	484
34993		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Thuận Lợi đến Đường vào chùa Pháp Tịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	645	452	387
34994		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Thuận Lợi đến Đường vào chùa Pháp Tịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	907	635	544
34995		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Thuận Lợi đến Đường vào chùa Pháp Tịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	725	508	435
34996		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Thuận Lợi đến Đường vào chùa Pháp Tịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	581	407	349
34997	2	Đường ĐT 741	Đường vào chùa Pháp Tịnh	Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân	Xã Phú Riềng	2600	1800	1500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
34998		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào chùa Pháp Tịnh đến Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1248	874	749
34999		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào chùa Pháp Tịnh đến Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	998	699	599
35000		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào chùa Pháp Tịnh đến Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	798	559	479
35001		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào chùa Pháp Tịnh đến Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1123	786	674
35002		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào chùa Pháp Tịnh đến Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	898	629	539
35003		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào chùa Pháp Tịnh đến Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	718	503	431
35004	3	Đường ĐT 741	Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân	Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su	Xã Phú Riềng	2400	1700	1400
35005		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân đến Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1152	806	691
35006		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân đến Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	922	645	553

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35007		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân đến Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	738	517	443
35008		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân đến Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1037	726	622
35009		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân đến Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	830	581	498
35010		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân đến Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	664	465	398
35011	4	Đường ĐT 741	Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su	Cầu suối Rạt	Xã Phú Riềng	1400	1000	870
35012		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su đến Cầu suối Rạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	672	470	403
35013		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su đến Cầu suối Rạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	538	377	323
35014		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su đến Cầu suối Rạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	430	301	258
35015		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su đến Cầu suối Rạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	605	424	363

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35016		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su đến Cầu suối Rạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	484	339	290
35017		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su đến Cầu suối Rạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	387	271	232
35018	5	Đường ĐT 741	Cầu suối Rạt	Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ	Xã Phú Riềng	1700	1200	1000
35019		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu suối Rạt đến Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	816	571	490
35020		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu suối Rạt đến Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	653	457	392
35021		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu suối Rạt đến Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	522	365	313
35022		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu suối Rạt đến Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	734	514	440
35023		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu suối Rạt đến Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	588	412	353
35024		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu suối Rạt đến Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	470	329	282
35025	6	Đường ĐT 741	Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ	Hết khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ	Xã Phú Riềng	4300	3000	2600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35026		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Hết khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2064	1445	1238
35027		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Hết khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1651	1156	991
35028		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Hết khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1321	925	793
35029		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Hết khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1858	1301	1115
35030		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Hết khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1486	1040	892
35031		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Hết khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1189	832	713
35032	7	Đường ĐT 741	Hết Khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ	Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93)	Xã Phú Riềng	1700	1200	1000
35033		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết Khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	816	571	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35034		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết Khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	653	457	392
35035		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết Khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	522	365	313
35036		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết Khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	734	514	440
35037		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết Khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	588	412	353
35038		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết Khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	470	329	282
35039	8	Đường ĐT 741	Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93	Hết ranh đất trạm thu phí	Xã Phú Riềng	1500	1100	920
35040		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93 đến Hết ranh đất trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	720	504	432
35041		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93 đến Hết ranh đất trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	576	403	346

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93 đến Hết ranh đất trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	461	323	277
35043		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93 đến Hết ranh đất trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	648	454	389
35044		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93 đến Hết ranh đất trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	518	363	311
35045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93 đến Hết ranh đất trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	415	291	249
35046	9	Đường ĐT 741	Giáp đất trạm thu phí	Ngã ba đi Long Tân cũ	Xã Phú Riềng	2600	1800	1500
35047		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp đất trạm thu phí đến Ngã ba đi Long Tân cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1248	874	749
35048		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp đất trạm thu phí đến Ngã ba đi Long Tân cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	998	699	599
35049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp đất trạm thu phí đến Ngã ba đi Long Tân cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	798	559	479
35050		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp đất trạm thu phí đến Ngã ba đi Long Tân cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1123	786	674
35051		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp đất trạm thu phí đến Ngã ba đi Long Tân cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	898	629	539

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp đất trạm thu phí đến Ngã ba đi Long Tân cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	718	503	431
35053	10	Đường ĐT 741	Ngã ba đi Long Tân cũ	Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình	Xã Phú Riềng	4300	3000	2600
35054		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba đi Long Tân cũ đến Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2064	1445	1238
35055		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba đi Long Tân cũ đến Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1651	1156	991
35056		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba đi Long Tân cũ đến Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1321	925	793
35057		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba đi Long Tân cũ đến Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1858	1301	1115
35058		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba đi Long Tân cũ đến Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1486	1040	892
35059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba đi Long Tân cũ đến Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1189	832	713
35060	11	Đường ĐT 741	Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình	Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình	Xã Phú Riềng	2600	1800	1500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35061		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình đến Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1248	874	749
35062		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình đến Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	998	699	599
35063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình đến Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	798	559	479
35064		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình đến Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1123	786	674
35065		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình đến Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	898	629	539
35066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình đến Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	718	503	431
35067	12	Đường ĐT 741	Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình	Giáp ranh xã Bình Tân	Xã Phú Riềng	1700	1200	1000
35068		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	816	571	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35069		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	653	457	392
35070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	522	365	313
35071		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	734	514	440
35072		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	588	412	353
35073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	470	329	282
35074	13	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã tư giáp Đường ĐT 741	Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng	Xã Phú Riềng	2600	1800	1500
35075		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư giáp Đường ĐT 741 đến Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1248	874	749
35076		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư giáp Đường ĐT 741 đến Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	998	699	599
35077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư giáp Đường ĐT 741 đến Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	798	559	479

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35078		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư giáp Đường ĐT 741 đến Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1123	786	674
35079		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư giáp Đường ĐT 741 đến Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	898	629	539
35080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư giáp Đường ĐT 741 đến Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	718	503	431
35081	14	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng	Ngã tư Cầu đường	Xã Phú Riềng	2100	1500	1300
35082		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng đến Ngã tư Cầu đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1008	706	605
35083		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng đến Ngã tư Cầu đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	806	564	484
35084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng đến Ngã tư Cầu đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	645	452	387
35085		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng đến Ngã tư Cầu đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	907	635	544
35086		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng đến Ngã tư Cầu đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	725	508	435

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng đến Ngã tư Cầu đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	581	407	349
35088	15	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã tư Cầu đường	Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung	Xã Phú Riềng	1400	950	820
35089		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường đến Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	672	470	403
35090		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường đến Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	538	377	323
35091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường đến Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	430	301	258
35092		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường đến Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	605	424	363
35093		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường đến Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	484	339	290
35094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường đến Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	387	271	232
35095	16	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung	Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa	Xã Phú Riềng	1000	710	610
35096		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung đến Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	480	336	288

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35097		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung đến Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	384	269	230
35098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung đến Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	307	215	184
35099		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung đến Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	432	302	259
35100		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung đến Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	346	242	208
35101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung đến Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	276	193	166
35102	17	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa	Đường 312 cũ (thôn Phú Bình)	Xã Phú Riềng	850	600	510
35103		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa đến Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	408	286	245
35104		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa đến Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	326	228	196
35105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa đến Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	261	183	157

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35106		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa đến Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	367	257	220
35107		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa đến Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	293	205	176
35108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa đến Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	235	165	141
35109	18	Đường ĐT 757	Ngã ba Bù Nho	Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà	Xã Phú Riềng	2700	1900	1600
35110		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba Bù Nho đến Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1296	907	778
35111		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba Bù Nho đến Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1037	726	622
35112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba Bù Nho đến Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	830	581	498
35113		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba Bù Nho đến Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1166	816	700
35114		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba Bù Nho đến Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	933	653	560

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba Bù Nho đến Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	747	523	448
35116	19	Đường ĐT 757	Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà	Giáp ranh xã Long Hà	Xã Phú Riềng	1500	1100	920
35117		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà đến Giáp ranh xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	720	504	432
35118		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà đến Giáp ranh xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	576	403	346
35119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà đến Giáp ranh xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	461	323	277
35120		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà đến Giáp ranh xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	648	454	389
35121		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà đến Giáp ranh xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	518	363	311
35122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà đến Giáp ranh xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	415	291	249
35123	20	Đường Số 2 TTTM Bù Nho	Lô đất LA2-1	Lô đất LC1-9	Xã Phú Riềng	5100	3600	3100
35124		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Số 2 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LA2-1 đến Lô đất LC1-9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2448	1714	1469

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35125		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Số 2 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LA2-1 đến Lô đất LC1-9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1958	1371	1175
35126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Số 2 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LA2-1 đến Lô đất LC1-9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1566	1096	940
35127		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Số 2 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LA2-1 đến Lô đất LC1-9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2203	1542	1322
35128		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Số 2 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LA2-1 đến Lô đất LC1-9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1762	1233	1057
35129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Số 2 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LA2-1 đến Lô đất LC1-9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1409	986	845
35130	21	Đường Số 4 TTTM Bù Nho	Lô đất LE1-1	Lô đất LC2-6	Xã Phú Riềng	5100	3600	3100
35131		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Số 4 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LE1-1 đến Lô đất LC2-6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2448	1714	1469
35132		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Số 4 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LE1-1 đến Lô đất LC2-6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1958	1371	1175
35133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Số 4 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LE1-1 đến Lô đất LC2-6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1566	1096	940
35134		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Số 4 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LE1-1 đến Lô đất LC2-6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2203	1542	1322

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35135		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Số 4 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LE1-1 đến Lô đất LC2-6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1762	1233	1057
35136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Số 4 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LE1-1 đến Lô đất LC2-6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1409	986	845
35137	22	Đường Số 6 TTTM Bù Nho	Lô đất LF1-2	Lô đất LC2-15	Xã Phú Riềng	5100	3600	3100
35138		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Số 6 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LF1-2 đến Lô đất LC2-15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2448	1714	1469
35139		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Số 6 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LF1-2 đến Lô đất LC2-15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1958	1371	1175
35140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Số 6 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LF1-2 đến Lô đất LC2-15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1566	1096	940
35141		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Số 6 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LF1-2 đến Lô đất LC2-15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2203	1542	1322
35142		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Số 6 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LF1-2 đến Lô đất LC2-15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1762	1233	1057
35143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Số 6 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LF1-2 đến Lô đất LC2-15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1409	986	845
35144	23	Khu đô thị Phú Cường	Các tuyến đường trong khu dân cư		Xã Phú Riềng	2600	1800	1500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35145		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu đô thị Phú Cường (Các tuyến đường trong khu dân cư) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1248	874	749
35146		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu đô thị Phú Cường (Các tuyến đường trong khu dân cư) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	998	699	599
35147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu đô thị Phú Cường (Các tuyến đường trong khu dân cư) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	798	559	479
35148		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu đô thị Phú Cường (Các tuyến đường trong khu dân cư) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1123	786	674
35149		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu đô thị Phú Cường (Các tuyến đường trong khu dân cư) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	898	629	539
35150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu đô thị Phú Cường (Các tuyến đường trong khu dân cư) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	718	503	431
35151	24	Đường số 1 TTTM Phú Riềng	Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Tiếp giáp đường số 3 TTTM	Xã Phú Riềng	5100	3600	3100
35152		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2448	1714	1469
35153		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1958	1371	1175
35154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1566	1096	940

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35155		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2203	1542	1322
35156		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1762	1233	1057
35157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1409	986	845
35158	25	Đường số 2 TTTM Phú Riềng	Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Tiếp giáp đường số 3 TTTM	Xã Phú Riềng	5100	3600	3100
35159		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2448	1714	1469
35160		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1958	1371	1175
35161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1566	1096	940
35162		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2203	1542	1322
35163		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1762	1233	1057

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1409	986	845
35165	26	Đường số 3 TTTM Phú Riềng	Lô phố chợ LG 24	Hết ranh đất chợ cũ	Xã Phú Riềng	4300	3000	2600
35166		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 TTTM Phú Riềng đoạn từ Lô phố chợ LG 24 đến Hết ranh đất chợ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2064	1445	1238
35167		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 TTTM Phú Riềng đoạn từ Lô phố chợ LG 24 đến Hết ranh đất chợ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1651	1156	991
35168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 TTTM Phú Riềng đoạn từ Lô phố chợ LG 24 đến Hết ranh đất chợ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1321	925	793
35169		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 TTTM Phú Riềng đoạn từ Lô phố chợ LG 24 đến Hết ranh đất chợ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1858	1301	1115
35170		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 TTTM Phú Riềng đoạn từ Lô phố chợ LG 24 đến Hết ranh đất chợ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1486	1040	892
35171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 TTTM Phú Riềng đoạn từ Lô phố chợ LG 24 đến Hết ranh đất chợ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1189	832	713
35172	27	Đường liên xã Bù Nho đi Long Tân (cũ)	Ngã ba Đường ĐT 741 Đường vào Long Tân cũ	Giáp ranh xã Long Tân (cũ)	Xã Phú Riềng	1000	710	610
35173		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bù Nho đi Long Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường ĐT 741 Đường vào Long Tân cũ đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	480	336	288

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35174		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bù Nho đi Long Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường ĐT 741 Đường vào Long Tân cũ đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	384	269	230
35175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bù Nho đi Long Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường ĐT 741 Đường vào Long Tân cũ đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	307	215	184
35176		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bù Nho đi Long Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường ĐT 741 Đường vào Long Tân cũ đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	432	302	259
35177		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bù Nho đi Long Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường ĐT 741 Đường vào Long Tân cũ đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	346	242	208
35178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bù Nho đi Long Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường ĐT 741 Đường vào Long Tân cũ đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	276	193	166
35179	28	Đường Tân Phước - Tân Hiệp 2	Đường liên xã Bù Nho - Long Tân (cũ)	Đường ĐT 757	Xã Phú Riềng	510	360	310
35180		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phước - Tân Hiệp 2 đoạn từ Đường liên xã Bù Nho - Long Tân (cũ) đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	245	172	147
35181		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phước - Tân Hiệp 2 đoạn từ Đường liên xã Bù Nho - Long Tân (cũ) đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	196	137	118
35182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phước - Tân Hiệp 2 đoạn từ Đường liên xã Bù Nho - Long Tân (cũ) đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	157	110	94

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35183		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phước - Tân Hiệp 2 đoạn từ Đường liên xã Bù Nho - Long Tân (cũ) đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	221	155	133
35184		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phước - Tân Hiệp 2 đoạn từ Đường liên xã Bù Nho - Long Tân (cũ) đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	176	123	106
35185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phước - Tân Hiệp 2 đoạn từ Đường liên xã Bù Nho - Long Tân (cũ) đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	141	99	85
35186	29	Đường D1	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	4300	3000	2600
35187		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2064	1445	1238
35188		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1651	1156	991
35189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1321	925	793
35190		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1858	1301	1115
35191		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1486	1040	892
35192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1189	832	713
35193	30	Đường D2	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	4300	3000	2600
35194		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2064	1445	1238

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35195		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1651	1156	991
35196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1321	925	793
35197		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1858	1301	1115
35198		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1486	1040	892
35199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1189	832	713
35200	31	Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ)	Đường ĐT 741	Đường ĐT 741 + 500m về hường xã Phước Tân (cũ)	Xã Phú Riềng	1700	1200	1000
35201		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường ĐT 741 + 500m về hường xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	816	571	490
35202		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường ĐT 741 + 500m về hường xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	653	457	392
35203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường ĐT 741 + 500m về hường xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	522	365	313
35204		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường ĐT 741 + 500m về hường xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	734	514	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35205		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	588	412	353
35206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	470	329	282
35207	32	Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ)	Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ)	Ranh xã Phước Tân (cũ)	Xã Phú Riềng	510	360	310
35208		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ) đến Ranh xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	245	172	147
35209		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ) đến Ranh xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	196	137	118
35210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ) đến Ranh xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	157	110	94
35211		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ) đến Ranh xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	221	155	133
35212		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ) đến Ranh xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	176	123	106

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ) đến Ranh xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	141	99	85
35214	33	Đường ĐH. Bù Nho - Long Tân - Tân Hưng, Hớn Quản (cũ)	Đường N3a	Giáp ranh xã Long Tân (cũ)	Xã Phú Riềng	510	360	310
35215		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH. Bù Nho - Long Tân - Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) đoạn từ Đường N3a đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	245	172	147
35216		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH. Bù Nho - Long Tân - Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) đoạn từ Đường N3a đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	196	137	118
35217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH. Bù Nho - Long Tân - Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) đoạn từ Đường N3a đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	157	110	94
35218		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH. Bù Nho - Long Tân - Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) đoạn từ Đường N3a đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	221	155	133
35219		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH. Bù Nho - Long Tân - Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) đoạn từ Đường N3a đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	176	123	106
35220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH. Bù Nho - Long Tân - Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) đoạn từ Đường N3a đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	141	99	85
35221	34	Đường N9 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35222		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N9 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35223		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N9 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N9 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35225		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N9 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35226		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N9 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N9 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35228	35	Đường D6 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35229		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35230		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35232		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35233		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35235	36	Đường D6A (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35236		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35237		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35239		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35240		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35242	37	Đường D6B (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35243		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6B (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35244		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6B (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6B (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35246		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6B (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35247		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6B (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6B (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35249	38	Đường D6C (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35250		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6C (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35251		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6C (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6C (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35253		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6C (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35254		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6C (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6C (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35256	39	Đường D6D (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35257		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6D (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35258		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6D (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6D (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35260		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6D (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35261		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6D (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6D (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35263	40	Đường D6E (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35264		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6E (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35265		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6E (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6E (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35267		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6E (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35268		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6E (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6E (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35270	41	Đường D7 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35271		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D7 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35272		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D7 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D7 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35274		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D7 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35275		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D7 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D7 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35277	42	Đường N2a (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35278		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2a (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35279		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2a (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2a (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35281		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2a (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35282		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2a (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2a (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35284	43	Đường D9 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35285		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35286		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35288		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35289		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35291	44	Đường N3 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35292		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35293		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35294		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35295		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35296		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35297		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35298	45	Đường N3a (TTHC huyện)	Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ))	Đường ĐT 741	Xã Phú Riềng	1700	1200	1000
35299		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đến Đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	816	571	490
35300		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đến Đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	653	457	392
35301		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đến Đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	522	365	313
35302		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đến Đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	734	514	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35303		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đến Đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	588	412	353
35304		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đến Đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	470	329	282
35305	46	Đường N3a (TTHC huyện)	Đường ĐT 741	Đường D7	Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35306		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35307		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35308		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35309		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35310		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35311		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35312	47	Đường N4 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35313		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35314		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35315		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35316		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35317		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35318		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35319	48	Đường N4A (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35320		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35321		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35322		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35323		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35324		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35325		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35326	49	Đường N4B (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35327		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4B (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35328		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4B (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35329		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4B (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35330		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4B (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35331		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4B (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35332		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4B (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35333	50	Đường N4d (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35334		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4d (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35335		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4d (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35336		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4d (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35337		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4d (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35338		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4d (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35339		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4d (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35340	51	Đường N7 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35341		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35342		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35343		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35344		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35345		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35346		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35347	52	Đường N7a (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3800	2700	2300
35348		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7a (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1824	1277	1094
35349		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7a (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1459	1021	875
35350		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7a (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1167	817	700
35351		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7a (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1642	1149	985
35352		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7a (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1313	919	788
35353		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7a (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1050	735	630
35354	53	Đường N7b (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3800	2700	2300
35355		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7b (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1824	1277	1094

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35356		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7b (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1459	1021	875
35357		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7b (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1167	817	700
35358		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7b (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1642	1149	985
35359		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7b (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1313	919	788
35360		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7b (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1050	735	630
35361	54	Đường nội bộ khu TMDV (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35362		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ khu TMDV (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35363		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ khu TMDV (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35364		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ khu TMDV (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35365		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ khu TMDV (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35366		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ khu TMDV (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35367		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ khu TMDV (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35368	55	Đường D3 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35369		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35370		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35371		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35372		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35373		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35374		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35375	56	Đường D3A (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35376		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35377		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35378		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35379		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35380		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35381		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35382	57	Đường D3B (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35383		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3B (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35384		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3B (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35385		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3B (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35386		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3B (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35387		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3B (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35388		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3B (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35389	58	Đường D3C (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35390		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3C (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35391		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3C (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35392		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3C (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35393		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3C (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35394		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3C (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35395		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3C (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35396	59	Đường D3D (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35397		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3D (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35398		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3D (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35399		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3D (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35400		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3D (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35401		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3D (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35402		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3D (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35403	60	Đường D3E (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35404		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3E (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35405		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3E (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35406		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3E (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35407		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3E (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35408		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3E (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35409		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3E (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35410	61	Đường D4 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35411		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35412		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35413		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35414		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35415		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35416		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35417	62	Đường N4C (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35418		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4C (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35419		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4C (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35420		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4C (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35421		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4C (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35422		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4C (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35423		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4C (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35424	63	Đường D5 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35425		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D5 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35426		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D5 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35427		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D5 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35428		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D5 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35429		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D5 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35430		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D5 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35431	64	Đường D5A (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35432		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D5A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35433		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D5A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35434		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D5A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35435		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D5A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35436		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D5A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35437		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D5A (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35438	65	Đường N5 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35439		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N5 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35440		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N5 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35441		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N5 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35442		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N5 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35443		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N5 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35444		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N5 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35445	66	Đường N6 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35446		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N6 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35447		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N6 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35448		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N6 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35449		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N6 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35450		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N6 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35451		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N6 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35452	67	Đường Tân Phú 1 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35453		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phú 1 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979
35454		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phú 1 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35455		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phú 1 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35456		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phú 1 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35457		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phú 1 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35458		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phú 1 (TTHC huyện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35459	68	Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số:1,2,4,8,10	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	3800	2700	2300
35460		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số:1,2,4,8,10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1824	1277	1094

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35461		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số:1,2,4,8,10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1459	1021	875
35462		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số:1,2,4,8,10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1167	817	700
35463		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số:1,2,4,8,10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1642	1149	985
35464		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số:1,2,4,8,10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1313	919	788
35465		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số:1,2,4,8,10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1050	735	630
35466	69	Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số: 5,11	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	4100	2900	2400
35467		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số: 5,11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1968	1378	1181
35468		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số: 5,11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1574	1102	944
35469		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số: 5,11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1259	881	755
35470		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số: 5,11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1771	1240	1063

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35471		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số: 5,11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1417	992	850
35472		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số: 5,11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1133	793	680
35473	70	Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số: 3, 6, 7, 9 (ĐT 741)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	4300	3000	2600
35474		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số: 3, 6, 7, 9 (ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2064	1445	1238
35475		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số: 3, 6, 7, 9 (ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1651	1156	991
35476		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số: 3, 6, 7, 9 (ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1321	925	793
35477		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số: 3, 6, 7, 9 (ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1858	1301	1115
35478		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số: 3, 6, 7, 9 (ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1486	1040	892
35479		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô Khu dân cư Phú Riềng 13,9 ha: Đường số: 3, 6, 7, 9 (ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1189	832	713
35480	71	Đường N8	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	4300	3000	2600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35481		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2064	1445	1238
35482		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1651	1156	991
35483		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1321	925	793
35484		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1858	1301	1115
35485		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1486	1040	892
35486		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1189	832	713
35487	72	Đường số 1 TTTM Bù Nho	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	5100	3600	3100
35488		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 TTTM Bù Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2448	1714	1469
35489		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 TTTM Bù Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1958	1371	1175
35490		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 TTTM Bù Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1566	1096	940
35491		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 TTTM Bù Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2203	1542	1322

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35492		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 TTTM Bù Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1762	1233	1057
35493		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 TTTM Bù Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1409	986	845
35494	73	Đường số 3 TTTM Bù Nho	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	5100	3600	3100
35495		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 TTTM Bù Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2448	1714	1469
35496		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 TTTM Bù Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1958	1371	1175
35497		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 TTTM Bù Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1566	1096	940
35498		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 TTTM Bù Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2203	1542	1322
35499		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 TTTM Bù Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1762	1233	1057
35500		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 TTTM Bù Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1409	986	845
35501	74	Đường số 5 TTTM Bù Nho	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	5100	3600	3100
35502		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 TTTM Bù Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2448	1714	1469

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35503		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 TTTM Bù Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1958	1371	1175
35504		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 TTTM Bù Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1566	1096	940
35505		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 TTTM Bù Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2203	1542	1322
35506		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 TTTM Bù Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1762	1233	1057
35507		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 TTTM Bù Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1409	986	845
35508	75	Đường vòng nối đường ĐT 741 với đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã ba tiếp giáp Đường ĐT 741	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Xã Phú Riềng	940	650	560
35509		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vòng nối đường ĐT 741 với đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	451	316	271
35510		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vòng nối đường ĐT 741 với đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	361	253	217
35511		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vòng nối đường ĐT 741 với đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	289	202	173

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35512		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vòng nối đường ĐT 741 với đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	406	284	244
35513		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vòng nối đường ĐT 741 với đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	325	228	195
35514		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vòng nối đường ĐT 741 với đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	260	182	156
35515	76	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và ĐT 757 phạm vi 200m	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	510	360	310
35516		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và ĐT 757 phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	245	172	147
35517		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và ĐT 757 phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	196	137	118
35518		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và ĐT 757 phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	157	110	94
35519		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và ĐT 757 phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	221	155	133
35520		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và ĐT 757 phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	176	123	106

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35521		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và ĐT 757 phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	141	99	85
35522	77	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	510	360	310
35523		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	245	172	147
35524		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	196	137	118
35525		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	157	110	94
35526		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	221	155	133
35527		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	176	123	106
35528		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	141	99	85
35529	78	Đường vào nông trường 10 cũ	Ngã tư Phú Riềng	Giáp lô cao su nông trường 10	Xã Phú Riềng	1300	890	770

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35530		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nông trường 10 cũ đoạn từ Ngã tư Phú Riềng đến Giáp lô cao su nông trường 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	624	437	374
35531		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nông trường 10 cũ đoạn từ Ngã tư Phú Riềng đến Giáp lô cao su nông trường 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	499	349	299
35532		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nông trường 10 cũ đoạn từ Ngã tư Phú Riềng đến Giáp lô cao su nông trường 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	399	279	239
35533		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nông trường 10 cũ đoạn từ Ngã tư Phú Riềng đến Giáp lô cao su nông trường 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	562	393	337
35534		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nông trường 10 cũ đoạn từ Ngã tư Phú Riềng đến Giáp lô cao su nông trường 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	449	314	269
35535		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nông trường 10 cũ đoạn từ Ngã tư Phú Riềng đến Giáp lô cao su nông trường 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	359	251	215
35536	79	Đường Khu dân cư Xuân Anh	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Giáp đất bà Trần Thị Lanh (Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 41)	Xã Phú Riềng	1300	890	770
35537		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu dân cư Xuân Anh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp đất bà Trần Thị Lanh (Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	624	437	374
35538		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu dân cư Xuân Anh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp đất bà Trần Thị Lanh (Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	499	349	299

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35539		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu dân cư Xuân Anh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp đất bà Trần Thị Lanh (Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	399	279	239
35540		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu dân cư Xuân Anh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp đất bà Trần Thị Lanh (Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	562	393	337
35541		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu dân cư Xuân Anh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp đất bà Trần Thị Lanh (Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	449	314	269
35542		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu dân cư Xuân Anh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp đất bà Trần Thị Lanh (Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	359	251	215
35543	80	Đường Phú Tân - Phú Lợi	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy	Xã Phú Riềng	680	480	410
35544		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	326	228	196
35545		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	261	183	157
35546		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	209	146	125
35547		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	293	205	176

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35548		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	235	165	141
35549		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	188	132	113
35550	81	Đường Phú Tân - Phú Lợi	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy	Ngã ba nhà ông Vy	Xã Phú Riềng	510	360	310
35551		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy đến Ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	245	172	147
35552		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy đến Ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	196	137	118
35553		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy đến Ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	157	110	94
35554		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy đến Ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	221	155	133
35555		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy đến Ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	176	123	106

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35556		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy đến Ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	141	99	85
35557	82	Đường Phú Riềng - Phú Trung (ĐT 795 đi ĐT 741)	Đường 312 cũ (thôn Phú Bình)	Giáp ranh xã Phú Trung	Xã Phú Riềng	410	290	240
35558		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng - Phú Trung (ĐT 795 đi ĐT 741) đoạn từ Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	197	138	118
35559		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng - Phú Trung (ĐT 795 đi ĐT 741) đoạn từ Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	158	111	95
35560		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng - Phú Trung (ĐT 795 đi ĐT 741) đoạn từ Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	88	76
35561		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng - Phú Trung (ĐT 795 đi ĐT 741) đoạn từ Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	177	124	106
35562		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng - Phú Trung (ĐT 795 đi ĐT 741) đoạn từ Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	142	99	85
35563		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng - Phú Trung (ĐT 795 đi ĐT 741) đoạn từ Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	113	79	68
35564	83	Đường thôn Phú Vinh	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã tư (hết thửa đất số 1 tờ bản đồ số 43)	Xã Phú Riềng	510	360	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35565		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phú Vinh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Ngã tư (hết thửa đất số 1 tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	245	172	147
35566		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phú Vinh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Ngã tư (hết thửa đất số 1 tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	196	137	118
35567		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phú Vinh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Ngã tư (hết thửa đất số 1 tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	157	110	94
35568		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phú Vinh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Ngã tư (hết thửa đất số 1 tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	221	155	133
35569		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phú Vinh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Ngã tư (hết thửa đất số 1 tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	176	123	106
35570		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phú Vinh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Ngã tư (hết thửa đất số 1 tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	141	99	85
35571	84	Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ))	Đường N9	Đường Tân Phú 1	Xã Phú Riềng	4300	3000	2600
35572		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường N9 đến Đường Tân Phú 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	2064	1445	1238

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35573		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường N9 đến Đường Tân Phú 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1651	1156	991
35574		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường N9 đến Đường Tân Phú 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1321	925	793
35575		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường N9 đến Đường Tân Phú 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1858	1301	1115
35576		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường N9 đến Đường Tân Phú 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1486	1040	892
35577		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường N9 đến Đường Tân Phú 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1189	832	713
35578	85	Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ))	Đường Tân Phú 1	Đường N3a	Xã Phú Riềng	3400	2400	2000
35579		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường Tân Phú 1 đến Đường N3a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1632	1142	979

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35580		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường Tân Phú 1 đến Đường N3a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1306	914	784
35581		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường Tân Phú 1 đến Đường N3a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	1045	732	627
35582		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường Tân Phú 1 đến Đường N3a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	1469	1028	881
35583		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường Tân Phú 1 đến Đường N3a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	1175	823	705
35584		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường Tân Phú 1 đến Đường N3a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	941	659	565
35585	1	Đường ĐT 759	Giáp ranh phường Phước Long	Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến	Xã Phú Trung	1400	950	820
35586		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	672	470	403
35587		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	538	377	323

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35588		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	430	301	258
35589		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	605	424	363
35590		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	484	339	290
35591		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	387	271	232
35592	2	Đường ĐT 759	Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến	Nga ba đường N7	Xã Phú Trung	1700	1200	1000
35593		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến đến Nga ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	816	571	490
35594		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến đến Nga ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	653	457	392
35595		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến đến Nga ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	522	365	313
35596		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến đến Nga ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	734	514	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35597		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến đến Nga ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	588	412	353
35598		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến đến Nga ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	470	329	282
35599	3	Đường ĐT 759	Nga ba đường N7	Giáp ranh xã Nghĩa Trung	Xã Phú Trung	1200	830	710
35600		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Nga ba đường N7 đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	576	403	346
35601		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Nga ba đường N7 đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	461	323	277
35602		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Nga ba đường N7 đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	369	258	221
35603		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Nga ba đường N7 đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	518	363	311
35604		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Nga ba đường N7 đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	415	291	249
35605		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Nga ba đường N7 đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	332	232	199
35606	4	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã ba Quốc lộ 14 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14	Xã Phú Trung	850	600	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35607		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba Quốc lộ 14 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	408	286	245
35608		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba Quốc lộ 14 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	326	228	196
35609		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba Quốc lộ 14 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	261	183	157
35610		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba Quốc lộ 14 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	367	257	220
35611		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba Quốc lộ 14 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	293	205	176
35612		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba Quốc lộ 14 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	235	165	141
35613	5	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14	UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng	Xã Phú Trung	1300	890	770
35614		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 đến UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	624	437	374
35615		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 đến UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	499	349	299

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35616		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 đến UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	399	279	239
35617		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 đến UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	562	393	337
35618		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 đến UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	449	314	269
35619		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 đến UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	359	251	215
35620	6	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng	Giáp ranh giới xã Phú Riềng	Xã Phú Trung, Xã Phú Riềng	850	600	510
35621		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung, Xã Phú Riềng	408	286	245
35622		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung, Xã Phú Riềng	326	228	196
35623		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung, Xã Phú Riềng	261	183	157
35624		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung, Xã Phú Riềng	367	257	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35625		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung, Xã Phú Riềng	293	205	176
35626		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung, Xã Phú Riềng	235	165	141
35627	7	Đường Quốc lộ 14	Ranh xã Đồng Tâm	Ranh xã Nghĩa Trung	Xã Phú Trung	1700	1200	1000
35628		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Đồng Tâm đến Ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	816	571	490
35629		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Đồng Tâm đến Ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	653	457	392
35630		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Đồng Tâm đến Ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	522	365	313
35631		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Đồng Tâm đến Ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	734	514	440
35632		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Đồng Tâm đến Ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	588	412	353
35633		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Đồng Tâm đến Ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	470	329	282
35634	8	Đường Thác Ba	Giáp đường ĐT 759	Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba	Xã Phú Trung	680	480	410

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35635		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	326	228	196
35636		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	261	183	157
35637		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	209	146	125
35638		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	293	205	176
35639		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	235	165	141
35640		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	188	132	113
35641	9	Đường Thác Ba	Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Quỳnh Như (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 101)	Xã Phú Trung	510	360	310
35642		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba đến Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Quỳnh Như (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 101) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	245	172	147
35643		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba đến Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Quỳnh Như (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 101) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	196	137	118

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35644		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba đến Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Quỳnh Như (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 101) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	157	110	94
35645		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba đến Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Quỳnh Như (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 101) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	221	155	133
35646		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba đến Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Quỳnh Như (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 101) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	176	123	106
35647		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba đến Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Quỳnh Như (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 101) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	141	99	85
35648	10	Đường Thác Ba	Từ đầu thửa đất ông Nguyễn Như Vàng (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 102)	Đến Cầu Thác Ba	Xã Phú Trung	380	270	230
35649		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ đầu thửa đất ông Nguyễn Như Vàng (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 102) đến Đến Cầu Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	182	127	109
35650		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ đầu thửa đất ông Nguyễn Như Vàng (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 102) đến Đến Cầu Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	146	102	88
35651		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ đầu thửa đất ông Nguyễn Như Vàng (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 102) đến Đến Cầu Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	117	82	70

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35652		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ đầu thửa đất ông Nguyễn Như Vàng (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 102) đến Đến Cầu Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	164	115	98
35653		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ đầu thửa đất ông Nguyễn Như Vàng (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 102) đến Đến Cầu Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	131	92	79
35654		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ đầu thửa đất ông Nguyễn Như Vàng (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 102) đến Đến Cầu Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	105	74	63
35655	11	Đường Thác Ba	Từ cầu Thác Ba	Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung	Xã Phú Trung	380	270	230
35656		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ cầu Thác Ba đến Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	182	127	109
35657		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ cầu Thác Ba đến Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	146	102	88
35658		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ cầu Thác Ba đến Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	117	82	70
35659		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ cầu Thác Ba đến Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	164	115	98
35660		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ cầu Thác Ba đến Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	131	92	79

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35661		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ cầu Thác Ba đến Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	105	74	63
35662	12	Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung	Giáp thôn Bù Tố	Đến giáp ranh xã Nghĩa Trung	Xã Phú Trung	380	270	230
35663		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung đoạn từ Giáp thôn Bù Tố đến Đến giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	182	127	109
35664		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung đoạn từ Giáp thôn Bù Tố đến Đến giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	146	102	88
35665		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung đoạn từ Giáp thôn Bù Tố đến Đến giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	117	82	70
35666		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung đoạn từ Giáp thôn Bù Tố đến Đến giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	164	115	98
35667		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung đoạn từ Giáp thôn Bù Tố đến Đến giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	131	92	79
35668		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung đoạn từ Giáp thôn Bù Tố đến Đến giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	105	74	63
35669	13	Đường Bến Tre	Đường ĐT 759	Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ)	Xã Phú Trung	380	270	230
35670		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	182	127	109

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	146	102	88
35672		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	117	82	70
35673		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	164	115	98
35674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	131	92	79
35675		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	105	74	63
35676	14	Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ)	Đường ĐT 759	Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng	Xã Phú Trung	770	540	460
35677		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	370	259	222
35678		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	296	207	178
35679		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	237	166	142

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35680		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	333	233	200
35681		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	266	186	160
35682		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	213	149	128
35683	15	Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ)	Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng	Ngã ba đường đi Phước Tân - Phú Trung (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Xã Phú Trung	510	360	310
35684		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng đến Ngã ba đường đi Phước Tân - Phú Trung (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	245	172	147
35685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng đến Ngã ba đường đi Phước Tân - Phú Trung (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	196	137	118
35686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng đến Ngã ba đường đi Phước Tân - Phú Trung (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	157	110	94
35687		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng đến Ngã ba đường đi Phước Tân - Phú Trung (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	221	155	133

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng đến Ngã ba đường đi Phước Tân - Phú Trung (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	176	123	106
35689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng đến Ngã ba đường đi Phước Tân - Phú Trung (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	141	99	85
35690	16	Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ)	Ngã ba đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Giáp ranh xã Phú Riềng	Xã Phú Trung	360	250	210
35691		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	173	121	104
35692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	138	97	83
35693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	110	77	66
35694		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	156	109	94
35695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	124	87	74

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	99	69	59
35697	17	Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ)	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24)	Xã Phú Trung	510	360	310
35698		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	245	172	147
35699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	196	137	118
35700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	157	110	94
35701		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	221	155	133
35702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	176	123	106
35703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	141	99	85
35704	18	Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ)	Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24)	Hết thửa đất 251 tờ 115 của ông Phạm Văn Thông	Xã Phú Trung	460	320	280

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35705		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) đến Hết thửa đất 251 tờ 115 của ông Phạm Văn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	221	155	133
35706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) đến Hết thửa đất 251 tờ 115 của ông Phạm Văn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	177	124	106
35707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) đến Hết thửa đất 251 tờ 115 của ông Phạm Văn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	142	99	85
35708		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) đến Hết thửa đất 251 tờ 115 của ông Phạm Văn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	199	139	119
35709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) đến Hết thửa đất 251 tờ 115 của ông Phạm Văn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	159	111	95
35710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) đến Hết thửa đất 251 tờ 115 của ông Phạm Văn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	128	90	77
35711	19	Đường Phú Trung - Phước Tân (cũ) kết nối ĐH312 cũ với ĐT 759	Đường ĐH312	Giáp đường Phước Tân - Bù Nho (cũ)	Xã Phú Trung	460	320	280
35712		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Trung - Phước Tân (cũ) kết nối ĐH312 cũ với ĐT 759 đoạn từ Đường ĐH312 đến Giáp đường Phước Tân - Bù Nho (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	221	155	133

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Trung - Phước Tân (cũ) kết nối ĐH312 cũ với ĐT 759 đoạn từ Đường ĐH312 đến Giáp đường Phước Tân - Bù Nho (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	177	124	106
35714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Trung - Phước Tân (cũ) kết nối ĐH312 cũ với ĐT 759 đoạn từ Đường ĐH312 đến Giáp đường Phước Tân - Bù Nho (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	142	99	85
35715		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Trung - Phước Tân (cũ) kết nối ĐH312 cũ với ĐT 759 đoạn từ Đường ĐH312 đến Giáp đường Phước Tân - Bù Nho (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	199	139	119
35716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Trung - Phước Tân (cũ) kết nối ĐH312 cũ với ĐT 759 đoạn từ Đường ĐH312 đến Giáp đường Phước Tân - Bù Nho (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	159	111	95
35717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Trung - Phước Tân (cũ) kết nối ĐH312 cũ với ĐT 759 đoạn từ Đường ĐH312 đến Giáp đường Phước Tân - Bù Nho (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	128	90	77
35718	20	Đường N4	Toàn tuyến		Xã Phú Trung	1400	950	820
35719		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	672	470	403
35720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	538	377	323
35721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	430	301	258
35722		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	605	424	363

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	484	339	290
35724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	387	271	232
35725	21	Đường N5	Toàn tuyến		Xã Phú Trung	1400	950	820
35726		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	672	470	403
35727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	538	377	323
35728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	430	301	258
35729		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	605	424	363
35730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	484	339	290
35731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	387	271	232
35732	22	Đường N7	Toàn tuyến		Xã Phú Trung	1400	950	820
35733		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	672	470	403
35734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	538	377	323

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	430	301	258
35736		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	605	424	363
35737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	484	339	290
35738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	387	271	232
35739	23	Đường D1	Toàn tuyến		Xã Phú Trung	1200	860	730
35740		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	576	403	346
35741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	461	323	277
35742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	369	258	221
35743		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	518	363	311
35744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	415	291	249
35745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	332	232	199

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35746	24	Đường giao thông đấu nối trục đường Quốc lộ 14 và ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m	Toàn tuyến		Xã Phú Trung	460	320	280
35747		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường Quốc lộ 14 và ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	221	155	133
35748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường Quốc lộ 14 và ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	177	124	106
35749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường Quốc lộ 14 và ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	142	99	85
35750		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường Quốc lộ 14 và ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	199	139	119
35751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường Quốc lộ 14 và ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	159	111	95
35752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường Quốc lộ 14 và ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	128	90	77
35753	25	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m	Toàn tuyến		Xã Phú Trung	430	300	260
35754		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	206	144	124

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	165	116	99
35756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	132	92	79
35757		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	185	130	111
35758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	149	104	89
35759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	119	83	71
35760	26	Đường Đồng Tâm - Bù Tố	Đường Thác Ba	Giáp ranh phường Phước Long	Xã Phú Trung	380	270	230
35761		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tâm - Bù Tố đoạn từ Đường Thác Ba đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	182	127	109
35762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tâm - Bù Tố đoạn từ Đường Thác Ba đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	146	102	88
35763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tâm - Bù Tố đoạn từ Đường Thác Ba đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	117	82	70

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35764		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tâm - Bù Tố đoạn từ Đường Thác Ba đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	164	115	98
35765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tâm - Bù Tố đoạn từ Đường Thác Ba đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	131	92	79
35766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tâm - Bù Tố đoạn từ Đường Thác Ba đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	105	74	63
35767	27	Đường D2	Toàn tuyến		Xã Phú Trung	1000	710	610
35768		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	480	336	288
35769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	384	269	230
35770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	307	215	184
35771		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	432	302	259
35772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	346	242	208
35773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	276	193	166
35774	28	Đường Thôn Đồng Tiến	Đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 18 tờ bản đồ số 76	Xã Phú Trung	380	270	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35775		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thôn Đồng Tiến đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 18 tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	182	127	109
35776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thôn Đồng Tiến đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 18 tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	146	102	88
35777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thôn Đồng Tiến đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 18 tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	117	82	70
35778		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thôn Đồng Tiến đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 18 tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	164	115	98
35779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thôn Đồng Tiến đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 18 tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	131	92	79
35780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thôn Đồng Tiến đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 18 tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	105	74	63
35781	29	Đường Bình Trung đi Bình Tân	Ngã ba Bình Trung (Tiếp giáp đường ĐT 759)	Giáp ranh xã Bình Tân	Xã Phú Trung	380	270	230
35782		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Trung đi Bình Tân đoạn từ Ngã ba Bình Trung (Tiếp giáp đường ĐT 759) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	182	127	109
35783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Trung đi Bình Tân đoạn từ Ngã ba Bình Trung (Tiếp giáp đường ĐT 759) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	146	102	88

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Trung đi Bình Tân đoạn từ Ngã ba Bình Trung (Tiếp giáp đường ĐT 759) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	117	82	70
35785		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Trung đi Bình Tân đoạn từ Ngã ba Bình Trung (Tiếp giáp đường ĐT 759) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	164	115	98
35786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Trung đi Bình Tân đoạn từ Ngã ba Bình Trung (Tiếp giáp đường ĐT 759) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	131	92	79
35787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Trung đi Bình Tân đoạn từ Ngã ba Bình Trung (Tiếp giáp đường ĐT 759) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	105	74	63
35788	30	Đường Bình Trung đi Phường Phước Bình	Đường Bình Trung đi Bình Tân	Giáp ranh phường Phước Bình	Xã Phú Trung	380	270	230
35789		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Trung đi Phường Phước Bình đoạn từ Đường Bình Trung đi Bình Tân đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	182	127	109
35790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Trung đi Phường Phước Bình đoạn từ Đường Bình Trung đi Bình Tân đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	146	102	88
35791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Trung đi Phường Phước Bình đoạn từ Đường Bình Trung đi Bình Tân đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	117	82	70
35792		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Trung đi Phường Phước Bình đoạn từ Đường Bình Trung đi Bình Tân đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	164	115	98

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Trung đi Phường Phước Bình đoạn từ Đường Bình Trung đi Bình Tân đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	131	92	79
35794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Trung đi Phường Phước Bình đoạn từ Đường Bình Trung đi Bình Tân đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	105	74	63
35795	31	Đường Đồng Tháp đi xã Phú Trung	Ngã ba tiếp giáp ĐT 759 (từ đầu thửa đất 69 tờ bản đồ số 115)	Ngã ba tiếp giáp Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) (Đến hết thửa đất số 500 tờ bản đồ số 115)	Xã Phú Trung	380	270	230
35796		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tháp đi xã Phú Trung đoạn từ Ngã ba tiếp giáp ĐT 759 (từ đầu thửa đất 69 tờ bản đồ số 115) đến Ngã ba tiếp giáp Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) (Đến hết thửa đất số 500 tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	182	127	109
35797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tháp đi xã Phú Trung đoạn từ Ngã ba tiếp giáp ĐT 759 (từ đầu thửa đất 69 tờ bản đồ số 115) đến Ngã ba tiếp giáp Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) (Đến hết thửa đất số 500 tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	146	102	88
35798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tháp đi xã Phú Trung đoạn từ Ngã ba tiếp giáp ĐT 759 (từ đầu thửa đất 69 tờ bản đồ số 115) đến Ngã ba tiếp giáp Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) (Đến hết thửa đất số 500 tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	117	82	70
35799		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tháp đi xã Phú Trung đoạn từ Ngã ba tiếp giáp ĐT 759 (từ đầu thửa đất 69 tờ bản đồ số 115) đến Ngã ba tiếp giáp Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) (Đến hết thửa đất số 500 tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	164	115	98

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tháp đi xã Phú Trung đoạn từ Ngã ba tiếp giáp ĐT 759 (từ đầu thửa đất 69 tờ bản đồ số 115) đến Ngã ba tiếp giáp Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) (Đến hết thửa đất số 500 tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Phú Trung	131	92	79
35801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tháp đi xã Phú Trung đoạn từ Ngã ba tiếp giáp ĐT 759 (từ đầu thửa đất 69 tờ bản đồ số 115) đến Ngã ba tiếp giáp Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) (Đến hết thửa đất số 500 tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Phú Trung	105	74	63
35802	32	Các tuyến đường trung tâm xã	Toàn tuyến thuộc các tờ bản đồ: 23, 24, 31, 46		Xã Phú Trung	380	270	230
35803		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trung tâm xã (Toàn tuyến thuộc các tờ bản đồ: 23, 24, 31, 46) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	182	127	109
35804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trung tâm xã (Toàn tuyến thuộc các tờ bản đồ: 23, 24, 31, 46) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	146	102	88
35805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trung tâm xã (Toàn tuyến thuộc các tờ bản đồ: 23, 24, 31, 46) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	117	82	70
35806		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trung tâm xã (Toàn tuyến thuộc các tờ bản đồ: 23, 24, 31, 46) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	164	115	98
35807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trung tâm xã (Toàn tuyến thuộc các tờ bản đồ: 23, 24, 31, 46) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	131	92	79
35808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trung tâm xã (Toàn tuyến thuộc các tờ bản đồ: 23, 24, 31, 46) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	105	74	63

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35809	33	Đường thôn Phú An	Đường ĐT 753B (Ngã ba hội trường thôn Phú An)	Đến lô cao Su NT (hết ranh thửa đất 245 tờ 15)	Xã Phú Trung	380	270	230
35810		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phú An đoạn từ Đường ĐT 753B (Ngã ba hội trường thôn Phú An) đến Đến lô cao Su NT (hết ranh thửa đất 245 tờ 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	182	127	109
35811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phú An đoạn từ Đường ĐT 753B (Ngã ba hội trường thôn Phú An) đến Đến lô cao Su NT (hết ranh thửa đất 245 tờ 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	146	102	88
35812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phú An đoạn từ Đường ĐT 753B (Ngã ba hội trường thôn Phú An) đến Đến lô cao Su NT (hết ranh thửa đất 245 tờ 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	117	82	70
35813		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phú An đoạn từ Đường ĐT 753B (Ngã ba hội trường thôn Phú An) đến Đến lô cao Su NT (hết ranh thửa đất 245 tờ 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	164	115	98
35814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phú An đoạn từ Đường ĐT 753B (Ngã ba hội trường thôn Phú An) đến Đến lô cao Su NT (hết ranh thửa đất 245 tờ 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	131	92	79
35815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phú An đoạn từ Đường ĐT 753B (Ngã ba hội trường thôn Phú An) đến Đến lô cao Su NT (hết ranh thửa đất 245 tờ 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	105	74	63
35816	34	Đường giao thông liên xã	Toàn tuyến		Xã Phú Trung	360	250	210
35817		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	173	121	104
35818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	138	97	83

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	110	77	66
35820		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	156	109	94
35821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	124	87	74
35822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	99	69	59
35823	35	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã	Toàn tuyến		Xã Phú Trung	260	180	150
35824	1	Đường ĐT 757	Giáp ranh xã Phú Riềng	Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B	Xã Long Hà	1200	830	710
35825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	564	395	338
35826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	451	316	271
35827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	361	253	217
35828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	508	356	305

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	406	284	244
35830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	325	228	195
35831	2	Đường ĐT 757	Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B	Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng (Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 99)	Xã Long Hà	850	600	510
35832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B đến Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng (Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 99) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	417	292	250
35833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B đến Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng (Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 99) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	334	234	200
35834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B đến Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng (Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 99) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	267	187	160
35835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B đến Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng (Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 99) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	375	263	225
35836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B đến Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng (Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 99) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	301	211	181

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B đến Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng (Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 99) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	240	168	144
35838	3	Đường ĐT 757	Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng (Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 99)	Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà	Xã Long Hà	1500	1100	920
35839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng (Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 99) đến Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	705	494	423
35840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng (Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 99) đến Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	564	395	338
35841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng (Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 99) đến Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	451	316	271
35842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng (Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 99) đến Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	635	445	381
35843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng (Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 99) đến Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	508	356	305
35844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng (Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 99) đến Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	406	284	244

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35845	4	Đường ĐT 757	Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà	Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ)	Xã Long Hà	1900	1300	1100
35846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà đến Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	893	625	536
35847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà đến Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	714	500	428
35848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà đến Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	571	400	343
35849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà đến Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	804	563	482
35850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà đến Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	643	450	386
35851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà đến Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	514	360	308
35852	5	Đường ĐT 757	Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ)	Cầu Trà Thanh (đến hết ranh giới xã Long Hà)	Xã Long Hà	750	520	450
35853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) đến Cầu Trà Thanh (đến hết ranh giới xã Long Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	390	273	234
35854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) đến Cầu Trà Thanh (đến hết ranh giới xã Long Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	312	218	187

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) đến Cầu Trà Thanh (đến hết ranh giới xã Long Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	250	175	150
35856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) đến Cầu Trà Thanh (đến hết ranh giới xã Long Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	351	246	211
35857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) đến Cầu Trà Thanh (đến hết ranh giới xã Long Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	281	197	169
35858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) đến Cầu Trà Thanh (đến hết ranh giới xã Long Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	225	158	135
35859	6	Đường ĐT 757B	Từ ngã ba đường ĐT 757 đi xã Long Bình (cũ)	Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long (Đầu ranh thửa đất số 133 tờ 36 bên phải xã Long Hà)	Xã Long Hà	1400	950	820
35860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Từ ngã ba đường ĐT 757 đi xã Long Bình (cũ) đến Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long (Đầu ranh thửa đất số 133 tờ 36 bên phải xã Long Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	658	461	395
35861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Từ ngã ba đường ĐT 757 đi xã Long Bình (cũ) đến Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long (Đầu ranh thửa đất số 133 tờ 36 bên phải xã Long Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	526	368	316
35862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Từ ngã ba đường ĐT 757 đi xã Long Bình (cũ) đến Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long (Đầu ranh thửa đất số 133 tờ 36 bên phải xã Long Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	421	295	253

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Từ ngã ba đường ĐT 757 đi xã Long Bình (cũ) đến Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long (Đầu ranh thửa đất số 133 tờ 36 bên phải xã Long Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	592	414	355
35864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Từ ngã ba đường ĐT 757 đi xã Long Bình (cũ) đến Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long (Đầu ranh thửa đất số 133 tờ 36 bên phải xã Long Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	473	331	284
35865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Từ ngã ba đường ĐT 757 đi xã Long Bình (cũ) đến Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long (Đầu ranh thửa đất số 133 tờ 36 bên phải xã Long Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	379	265	227
35866	7	Đường ĐT 757B	Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long (Đầu ranh thửa đất số 133 tờ 36 bên phải xã Long Hà)	Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà (đầu ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 28 xã Long Hà)	Xã Long Hà	1000	710	610
35867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long (Đầu ranh thửa đất số 133 tờ 36 bên phải xã Long Hà) đến Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà (đầu ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 28 xã Long Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	470	329	282
35868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long (Đầu ranh thửa đất số 133 tờ 36 bên phải xã Long Hà) đến Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà (đầu ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 28 xã Long Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	376	263	226
35869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long (Đầu ranh thửa đất số 133 tờ 36 bên phải xã Long Hà) đến Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà (đầu ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 28 xã Long Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	301	211	181

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long (Đầu ranh thửa đất số 133 tờ 36 bên phải xã Long Hà) đến Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà (đầu ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 28 xã Long Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	423	296	254
35871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long (Đầu ranh thửa đất số 133 tờ 36 bên phải xã Long Hà) đến Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà (đầu ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 28 xã Long Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	338	237	203
35872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long (Đầu ranh thửa đất số 133 tờ 36 bên phải xã Long Hà) đến Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà (đầu ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 28 xã Long Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	271	190	163
35873	8	Đường ĐT 757B	Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà (đầu ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 28 xã Long Hà)	Giáp ranh xã Bình Tân	Xã Long Hà	640	450	380
35874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà (đầu ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 28 xã Long Hà) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	358	251	215
35875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà (đầu ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 28 xã Long Hà) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	286	200	172
35876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà (đầu ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 28 xã Long Hà) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	229	160	137
35877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà (đầu ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 28 xã Long Hà) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	322	225	193

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà (đầu ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 28 xã Long Hà) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	257	180	154
35879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà (đầu ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 28 xã Long Hà) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	206	144	124
35880	9	Đường đấu nối trục đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ)	Giáp ranh xã Phú Riềng	Thửa 411 tờ 111	Xã Long Hà	850	600	510
35881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đấu nối trục đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Thửa 411 tờ 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	417	292	250
35882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đấu nối trục đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Thửa 411 tờ 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	334	234	200
35883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đấu nối trục đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Thửa 411 tờ 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	267	187	160
35884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đấu nối trục đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Thửa 411 tờ 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	375	263	225
35885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đấu nối trục đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Thửa 411 tờ 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	301	211	181
35886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đấu nối trục đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Thửa 411 tờ 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	240	168	144

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35887	10	Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn Long Tân 1, thôn Long Tân 2)	Thửa 411 tờ 111	Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc)	Xã Long Hà	1400	1000	870
35888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn Long Tân 1, thôn Long Tân 2) đoạn từ Thửa 411 tờ 111 đến Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	658	461	395
35889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn Long Tân 1, thôn Long Tân 2) đoạn từ Thửa 411 tờ 111 đến Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	526	368	316
35890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn Long Tân 1, thôn Long Tân 2) đoạn từ Thửa 411 tờ 111 đến Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	421	295	253
35891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn Long Tân 1, thôn Long Tân 2) đoạn từ Thửa 411 tờ 111 đến Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	592	414	355
35892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn Long Tân 1, thôn Long Tân 2) đoạn từ Thửa 411 tờ 111 đến Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	473	331	284
35893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn Long Tân 1, thôn Long Tân 2) đoạn từ Thửa 411 tờ 111 đến Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	379	265	227
35894	11	Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM)	Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam)	Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM)	Xã Long Hà	1400	1000	870

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM) đoạn từ Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam) đến Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	658	461	395
35896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM) đoạn từ Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam) đến Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	526	368	316
35897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM) đoạn từ Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam) đến Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	421	295	253
35898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM) đoạn từ Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam) đến Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	592	414	355
35899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM) đoạn từ Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam) đến Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	473	331	284
35900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM) đoạn từ Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam) đến Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	379	265	227
35901	12	Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn 4, thôn 5)	Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM)	Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118)	Xã Long Hà	850	600	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn 4, thôn 5) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) đến Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	417	292	250
35903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn 4, thôn 5) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) đến Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	334	234	200
35904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn 4, thôn 5) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) đến Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	267	187	160
35905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn 4, thôn 5) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) đến Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	375	263	225
35906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn 4, thôn 5) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) đến Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	301	211	181
35907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn 4, thôn 5) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) đến Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	240	168	144
35908	13	Trung tâm xã Long Tân (cũ) (kéo dài)	Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118)	Ngã ba khu đất Hậu Cần Quân Sự (hết ranh thửa đất số 530 tờ bản đồ số 119 về bên trái, hết ranh thửa đất số 247 tờ bản đồ số 116 về bên phải)	Xã Long Hà	850	600	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm xã Long Tân (cũ) (kéo dài) đoạn từ Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba khu đất Hậu Cần Quân Sự (hết ranh thửa đất số 530 tờ bản đồ số 119 về bên trái, hết ranh thửa đất số 247 tờ bản đồ số 116 về bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Long Hà	417	292	250
35910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm xã Long Tân (cũ) (kéo dài) đoạn từ Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba khu đất Hậu Cần Quân Sự (hết ranh thửa đất số 530 tờ bản đồ số 119 về bên trái, hết ranh thửa đất số 247 tờ bản đồ số 116 về bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Long Hà	334	234	200
35911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm xã Long Tân (cũ) (kéo dài) đoạn từ Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba khu đất Hậu Cần Quân Sự (hết ranh thửa đất số 530 tờ bản đồ số 119 về bên trái, hết ranh thửa đất số 247 tờ bản đồ số 116 về bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Long Hà	267	187	160
35912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm xã Long Tân (cũ) (kéo dài) đoạn từ Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba khu đất Hậu Cần Quân Sự (hết ranh thửa đất số 530 tờ bản đồ số 119 về bên trái, hết ranh thửa đất số 247 tờ bản đồ số 116 về bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Long Hà	375	263	225
35913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm xã Long Tân (cũ) (kéo dài) đoạn từ Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba khu đất Hậu Cần Quân Sự (hết ranh thửa đất số 530 tờ bản đồ số 119 về bên trái, hết ranh thửa đất số 247 tờ bản đồ số 116 về bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Long Hà	301	211	181
35914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm xã Long Tân (cũ) (kéo dài) đoạn từ Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba khu đất Hậu Cần Quân Sự (hết ranh thửa đất số 530 tờ bản đồ số 119 về bên trái, hết ranh thửa đất số 247 tờ bản đồ số 116 về bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Long Hà	240	168	144

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35915	14	Đường quy hoạch số 2 (trung tâm thương mại Long Tân cũ)	Tiếp giáp đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 118)	Ngã ba Đường vào trường THCS Long Tân (hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 118)	Xã Long Hà	1300	890	770
35916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 2 (trung tâm thương mại Long Tân cũ) đoạn từ Tiếp giáp đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba Đường vào trường THCS Long Tân (hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Long Hà	611	428	367
35917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 2 (trung tâm thương mại Long Tân cũ) đoạn từ Tiếp giáp đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba Đường vào trường THCS Long Tân (hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Long Hà	489	342	293
35918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 2 (trung tâm thương mại Long Tân cũ) đoạn từ Tiếp giáp đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba Đường vào trường THCS Long Tân (hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Long Hà	391	274	235
35919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 2 (trung tâm thương mại Long Tân cũ) đoạn từ Tiếp giáp đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba Đường vào trường THCS Long Tân (hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Long Hà	550	385	330
35920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 2 (trung tâm thương mại Long Tân cũ) đoạn từ Tiếp giáp đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba Đường vào trường THCS Long Tân (hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Long Hà	440	308	264
35921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 2 (trung tâm thương mại Long Tân cũ) đoạn từ Tiếp giáp đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba Đường vào trường THCS Long Tân (hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Long Hà	352	246	211

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35922	15	Đường QH số 3, 4 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ)	Toàn tuyến		Xã Long Hà	1300	890	770
35923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH số 3, 4 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	611	428	367
35924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH số 3, 4 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	489	342	293
35925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH số 3, 4 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	391	274	235
35926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH số 3, 4 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	550	385	330
35927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH số 3, 4 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	440	308	264
35928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH số 3, 4 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	352	246	211
35929	16	Đường QH số 5, 6, 7 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ)	Toàn tuyến		Xã Long Hà	1400	950	820
35930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH số 5, 6, 7 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	658	461	395

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH số 5, 6, 7 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	526	368	316
35932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH số 5, 6, 7 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	421	295	253
35933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH số 5, 6, 7 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	592	414	355
35934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH số 5, 6, 7 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	473	331	284
35935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH số 5, 6, 7 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	379	265	227
35936	17	Khu dân cư Hoàng Việt (Công ty TNHH MTV TM ĐT BĐS Hoàng Việt)	Các tuyến đường trong Khu dân cư		Xã Long Hà	1300	890	770
35937	18	Khu dân cư An Phú (Công ty TNHH MTV ĐT TM BĐS An Phú)	Các tuyến đường trong Khu dân cư		Xã Long Hà	1300	890	770
35938	19	Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ) (Trừ đường số 4 và đường số 8 khu TTHC xã Long Tân (cũ))	Toàn tuyến		Xã Long Hà	1900	1300	1100
35939	20	Đường số 4 (Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ))	ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc)	ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam)	Xã Long Hà	2400	1700	1400
35940		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 (Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ)) đoạn từ ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc) đến ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	1128	790	677

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35941		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 (Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ)) đoạn từ ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc) đến ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	902	631	541
35942		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 (Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ)) đoạn từ ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc) đến ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	722	505	433
35943		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 (Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ)) đoạn từ ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc) đến ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	1015	711	609
35944		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 (Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ)) đoạn từ ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc) đến ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	812	568	487
35945		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 (Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ)) đoạn từ ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc) đến ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	650	455	390
35946	21	Đường số 8 (Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ))	Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM)	đường số 7 thuộc Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ)	Xã Long Hà	2200	1500	1300
35947		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 (Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ)) đoạn từ Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM) đến đường số 7 thuộc Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	1034	724	620

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35948		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 (Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ)) đoạn từ Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM) đến đường số 7 thuộc Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	827	579	496
35949		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 (Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ)) đoạn từ Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM) đến đường số 7 thuộc Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	662	463	397
35950		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 (Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ)) đoạn từ Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM) đến đường số 7 thuộc Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	931	652	559
35951		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 (Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ)) đoạn từ Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM) đến đường số 7 thuộc Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	744	521	446
35952		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 (Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ)) đoạn từ Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM) đến đường số 7 thuộc Khu quy hoạch đấu giá TTHC xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	596	417	358
35953	22	Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ))	Ngã ba tiếp giáp đường 327	Cầu Long Tân (Giáp ranh xã Phú Riềng)	Xã Long Hà	360	250	210
35954		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường 327 đến Cầu Long Tân (Giáp ranh xã Phú Riềng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	252	176	151

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35955		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường 327 đến Cầu Long Tân (Giáp ranh xã Phú Riềng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	202	141	121
35956		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường 327 đến Cầu Long Tân (Giáp ranh xã Phú Riềng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	162	113	97
35957		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường 327 đến Cầu Long Tân (Giáp ranh xã Phú Riềng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	227	159	136
35958		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường 327 đến Cầu Long Tân (Giáp ranh xã Phú Riềng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	182	127	109
35959		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường 327 đến Cầu Long Tân (Giáp ranh xã Phú Riềng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	146	102	88
35960	23	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757 và ĐT 757B phạm vi 200m	Toàn tuyến		Xã Long Hà	430	300	260
35961		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757 và ĐT 757B phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	301	211	181
35962		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757 và ĐT 757B phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	241	169	145

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35963		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757 và ĐT 757B phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	193	135	116
35964		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757 và ĐT 757B phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	271	190	163
35965		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757 và ĐT 757B phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	217	152	130
35966		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757 và ĐT 757B phạm vi 200m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	174	122	104
35967	24	Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2	Từ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14	Hết ranh Cao su thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng tiếp giáp thửa 61, tờ 63	Xã Long Hà	360	250	210
35968		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14 đến Hết ranh Cao su thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng tiếp giáp thửa 61, tờ 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	252	176	151
35969		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14 đến Hết ranh Cao su thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng tiếp giáp thửa 61, tờ 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	202	141	121
35970		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14 đến Hết ranh Cao su thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng tiếp giáp thửa 61, tờ 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	162	113	97

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35971		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14 đến Hết ranh Cao su thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng tiếp giáp thửa 61, tờ 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	227	159	136
35972		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14 đến Hết ranh Cao su thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng tiếp giáp thửa 61, tờ 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	182	127	109
35973		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14 đến Hết ranh Cao su thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng tiếp giáp thửa 61, tờ 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	146	102	88
35974	25	Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2	Từ thửa đất số 61, tờ bản đồ số 63	Hết ranh thửa 24, tờ 51 tiếp giáp đường ĐT 757	Xã Long Hà	430	300	260
35975		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 61, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh thửa 24, tờ 51 tiếp giáp đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	301	211	181
35976		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 61, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh thửa 24, tờ 51 tiếp giáp đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	241	169	145
35977		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 61, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh thửa 24, tờ 51 tiếp giáp đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	193	135	116
35978		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 61, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh thửa 24, tờ 51 tiếp giáp đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	271	190	163

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35979		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 61, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh thửa 24, tờ 51 tiếp giáp đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	217	152	130
35980		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 61, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh thửa 24, tờ 51 tiếp giáp đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	174	122	104
35981	26	Đường dọc Sông Bé giai đoạn 3	Đường ĐT 757	Giáp ranh xã Bình Tân	Xã Long Hà	360	250	210
35982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 3 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	252	176	151
35983		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 3 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	202	141	121
35984		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 3 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	162	113	97
35985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 3 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	227	159	136
35986		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 3 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	182	127	109
35987		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 3 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	146	102	88

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35988	27	Đường thôn Phu Mang 1 kết nối đường dọc Sông Bé	Đường dọc Sông Bé từ ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ 07	Đường ĐT 757B (hướng đi xã Bình Tân)	Xã Long Hà	360	250	210
35989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phu Mang 1 kết nối đường dọc Sông Bé đoạn từ Đường dọc Sông Bé từ ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ 07 đến Đường ĐT 757B (hướng đi xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	252	176	151
35990		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phu Mang 1 kết nối đường dọc Sông Bé đoạn từ Đường dọc Sông Bé từ ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ 07 đến Đường ĐT 757B (hướng đi xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	202	141	121
35991		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phu Mang 1 kết nối đường dọc Sông Bé đoạn từ Đường dọc Sông Bé từ ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ 07 đến Đường ĐT 757B (hướng đi xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	162	113	97
35992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phu Mang 1 kết nối đường dọc Sông Bé đoạn từ Đường dọc Sông Bé từ ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ 07 đến Đường ĐT 757B (hướng đi xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	227	159	136
35993		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phu Mang 1 kết nối đường dọc Sông Bé đoạn từ Đường dọc Sông Bé từ ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ 07 đến Đường ĐT 757B (hướng đi xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	182	127	109
35994		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phu Mang 1 kết nối đường dọc Sông Bé đoạn từ Đường dọc Sông Bé từ ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ 07 đến Đường ĐT 757B (hướng đi xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	146	102	88
35995	28	Đường dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) đến kết nối 2 KCN Long Tân – Long Hà	Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 137 (đến hết ranh giới xã Long Hà)	Từ thửa đất số 203, tờ bản đồ số 130	Xã Long Hà	360	250	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
35996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) đến kết nối 2 KCN Long Tân – Long Hà đoạn từ Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 137 (đến hết ranh giới xã Long Hà) đến Từ thửa đất số 203, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Long Hà	252	176	151
35997		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) đến kết nối 2 KCN Long Tân – Long Hà đoạn từ Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 137 (đến hết ranh giới xã Long Hà) đến Từ thửa đất số 203, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Long Hà	202	141	121
35998		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) đến kết nối 2 KCN Long Tân – Long Hà đoạn từ Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 137 (đến hết ranh giới xã Long Hà) đến Từ thửa đất số 203, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Long Hà	162	113	97
35999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) đến kết nối 2 KCN Long Tân – Long Hà đoạn từ Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 137 (đến hết ranh giới xã Long Hà) đến Từ thửa đất số 203, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Long Hà	227	159	136
36000		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) đến kết nối 2 KCN Long Tân – Long Hà đoạn từ Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 137 (đến hết ranh giới xã Long Hà) đến Từ thửa đất số 203, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Long Hà	182	127	109
36001		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) đến kết nối 2 KCN Long Tân – Long Hà đoạn từ Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 137 (đến hết ranh giới xã Long Hà) đến Từ thửa đất số 203, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Long Hà	146	102	88
36002	29	Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ)	Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130	Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115	Xã Long Hà	360	250	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) đoạn từ Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130 đến Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	252	176	151
36004		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) đoạn từ Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130 đến Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	202	141	121
36005		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) đoạn từ Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130 đến Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	162	113	97
36006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) đoạn từ Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130 đến Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	227	159	136
36007		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) đoạn từ Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130 đến Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	182	127	109
36008		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) đoạn từ Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130 đến Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	146	102	88
36009	30	Đường giao thông liên xã	Toàn tuyến		Xã Long Hà	360	250	210
36010		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	252	176	151
36011		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	202	141	121

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36012		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	162	113	97
36013		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	227	159	136
36014		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	182	127	109
36015		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	146	102	88
36016	32	Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ))	Ngã ba tiếp giáp đường 327	Hết ranh xã Long Hà - Giáp ranh Tân Hưng	Xã Long Hà	360	250	210
36017		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) đoạn từ Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130 đến Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	252	176	151
36018		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) đoạn từ Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130 đến Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	202	141	121
36019		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) đoạn từ Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130 đến Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	162	113	97
36020		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) đoạn từ Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130 đến Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	227	159	136

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36021		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) đoạn từ Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130 đến Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	182	127	109
36022		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) đoạn từ Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130 đến Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	146	102	88
36023	1	Đường ĐT 741	Giáp ranh phường Phước Bình	Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài	Xã Bình Tân	3800	2700	2300
36024		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh phường Phước Bình đến Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	1824	1277	1094
36025		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh phường Phước Bình đến Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	1459	1021	875
36026		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh phường Phước Bình đến Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	1167	817	700
36027		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh phường Phước Bình đến Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	1642	1149	985
36028		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh phường Phước Bình đến Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	1313	919	788
36029		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh phường Phước Bình đến Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	1050	735	630

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36030	2	Đường ĐT 741	Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài	Giáp ranh xã Long Hưng cũ	Xã Bình Tân	1500	1100	920
36031		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài đến Giáp ranh xã Long Hưng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	720	504	432
36032		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài đến Giáp ranh xã Long Hưng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	576	403	346
36033		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài đến Giáp ranh xã Long Hưng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	461	323	277
36034		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài đến Giáp ranh xã Long Hưng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	648	454	389
36035		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài đến Giáp ranh xã Long Hưng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	518	363	311
36036		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài đến Giáp ranh xã Long Hưng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	415	291	249
36037	3	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Long Hưng cũ	Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình	Xã Bình Tân	1500	1100	920
36038		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Long Hưng cũ đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	720	504	432

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36039		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Long Hưng cũ đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	576	403	346
36040		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Long Hưng cũ đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	461	323	277
36041		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Long Hưng cũ đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	648	454	389
36042		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Long Hưng cũ đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	518	363	311
36043		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Long Hưng cũ đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	415	291	249
36044	4	Đường ĐT 741	Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình	Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng	Xã Bình Tân	2000	1400	1200
36045		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	960	672	576
36046		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	768	538	461

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36047		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	614	430	368
36048		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	864	605	518
36049		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	691	484	415
36050		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	553	387	332
36051	5	Đường ĐT 741	Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng	Giáp ranh giới xã Phú Riềng	Xã Bình Tân	1700	1200	1000
36052		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	816	571	490
36053		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	653	457	392
36054		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	522	365	313

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36055		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	734	514	440
36056		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	588	412	353
36057		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	470	329	282
36058	11	Đường ĐT 757B	Giáp ranh với xã Long Hà (tính dọc 2 bên đường)	Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà	Xã Bình Tân	430	300	260
36059		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Giáp ranh với xã Long Hà (tính dọc 2 bên đường) đến Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	206	144	124
36060		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Giáp ranh với xã Long Hà (tính dọc 2 bên đường) đến Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	165	116	99
36061		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Giáp ranh với xã Long Hà (tính dọc 2 bên đường) đến Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	132	92	79
36062		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Giáp ranh với xã Long Hà (tính dọc 2 bên đường) đến Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	185	130	111

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36063		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Giáp ranh với xã Long Hà (tính dọc 2 bên đường) đến Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	149	104	89
36064		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Giáp ranh với xã Long Hà (tính dọc 2 bên đường) đến Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	119	83	71
36065	6	Đường ĐT 757B	Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà	Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4)	Xã Bình Tân	1900	1300	1100
36066		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	912	638	547
36067		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	730	511	438
36068		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	584	409	350
36069		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	821	575	493
36070		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	657	460	394
36071		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	526	368	316

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36072	7	Đường ĐT 757B	Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4)	Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang	Xã Bình Tân	1400	950	820
36073		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	672	470	403
36074		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	538	377	323
36075		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	430	301	258
36076		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	605	424	363
36077		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	484	339	290
36078		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	387	271	232
36079	8	Đường ĐT 757B	Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang (cũ)	Đầu Lô 53 - NT3, đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa số 98, tờ bản đồ số 66)	Xã Bình Tân	1200	830	710
36080		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang (cũ) đến Đầu Lô 53 - NT3, đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa số 98, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	576	403	346

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36081		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang (cũ) đến Đầu Lô 53 - NT3, đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa số 98, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	461	323	277
36082		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang (cũ) đến Đầu Lô 53 - NT3, đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa số 98, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	369	258	221
36083		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang (cũ) đến Đầu Lô 53 - NT3, đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa số 98, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	518	363	311
36084		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang (cũ) đến Đầu Lô 53 - NT3, đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa số 98, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	415	291	249
36085		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang (cũ) đến Đầu Lô 53 - NT3, đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa số 98, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	332	232	199
36086	10	Đường ĐT 757B	Đầu lô 53 - NT3 đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 66)	Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66)	Xã Bình Tân	380	270	230
36087		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu lô 53 - NT3 đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 66) đến Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	182	127	109

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36088		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu lô 53 - NT3 đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 66) đến Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	146	102	88
36089		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu lô 53 - NT3 đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 66) đến Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	117	82	70
36090		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu lô 53 - NT3 đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 66) đến Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	164	115	98
36091		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu lô 53 - NT3 đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 66) đến Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	131	92	79
36092		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu lô 53 - NT3 đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 66) đến Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	105	74	63
36093	9	Đường ĐT 757B	Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66)	Cầu Lộc Quang (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 58)	Xã Bình Tân	380	270	230
36094		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) đến Cầu Lộc Quang (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	182	127	109
36095		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) đến Cầu Lộc Quang (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	146	102	88

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36096		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) đến Cầu Lộc Quang (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	117	82	70
36097		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) đến Cầu Lộc Quang (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	164	115	98
36098		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) đến Cầu Lộc Quang (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	131	92	79
36099		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) đến Cầu Lộc Quang (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	105	74	63
36100	12	Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ)	Đường ĐT 741	Cách trường Mẫu giáo Long Hưng (cũ) đi về phía Long Bình (cũ) 1000m	Xã Bình Tân	1500	1100	920
36101		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cách trường Mẫu giáo Long Hưng (cũ) đi về phía Long Bình (cũ) 1000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	720	504	432
36102		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cách trường Mẫu giáo Long Hưng (cũ) đi về phía Long Bình (cũ) 1000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	576	403	346
36103		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cách trường Mẫu giáo Long Hưng (cũ) đi về phía Long Bình (cũ) 1000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	461	323	277

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36104		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cách trường Mẫu giáo Long Hưng (cũ) đi về phía Long Bình (cũ) 1000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	648	454	389
36105		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cách trường Mẫu giáo Long Hưng (cũ) đi về phía Long Bình (cũ) 1000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	518	363	311
36106		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cách trường Mẫu giáo Long Hưng (cũ) đi về phía Long Bình (cũ) 1000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	415	291	249
36107	13	Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ)	Đầu lô 81 - Nông trường Long Hưng	Hết ranh đất ông Thiều Đình Kỳ tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7	Xã Bình Tân	850	600	510
36108		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đầu lô 81 - Nông trường Long Hưng đến Hết ranh đất ông Thiều Đình Kỳ tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	408	286	245
36109		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đầu lô 81 - Nông trường Long Hưng đến Hết ranh đất ông Thiều Đình Kỳ tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	326	228	196
36110		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đầu lô 81 - Nông trường Long Hưng đến Hết ranh đất ông Thiều Đình Kỳ tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	261	183	157
36111		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đầu lô 81 - Nông trường Long Hưng đến Hết ranh đất ông Thiều Đình Kỳ tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	367	257	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36112		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đầu lô 81 - Nông trường Long Hưng đến Hết ranh đất ông Thiều Đình Kỳ tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	293	205	176
36113		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đầu lô 81 - Nông trường Long Hưng đến Hết ranh đất ông Thiều Đình Kỳ tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	235	165	141
36114	14	Đường Liên xã Long Hưng (cũ) - Bình Sơn (cũ)	Trường Tiểu học Long Hưng (Điểm thôn 7)	Hết ranh đất ông Lê Đình Bốn tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 13	Xã Bình Tân	510	360	310
36115		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Long Hưng (cũ) - Bình Sơn (cũ) đoạn từ Trường Tiểu học Long Hưng (Điểm thôn 7) đến Hết ranh đất ông Lê Đình Bốn tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	245	172	147
36116		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Long Hưng (cũ) - Bình Sơn (cũ) đoạn từ Trường Tiểu học Long Hưng (Điểm thôn 7) đến Hết ranh đất ông Lê Đình Bốn tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	196	137	118
36117		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Long Hưng (cũ) - Bình Sơn (cũ) đoạn từ Trường Tiểu học Long Hưng (Điểm thôn 7) đến Hết ranh đất ông Lê Đình Bốn tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	157	110	94
36118		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Long Hưng (cũ) - Bình Sơn (cũ) đoạn từ Trường Tiểu học Long Hưng (Điểm thôn 7) đến Hết ranh đất ông Lê Đình Bốn tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	221	155	133
36119		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Long Hưng (cũ) - Bình Sơn (cũ) đoạn từ Trường Tiểu học Long Hưng (Điểm thôn 7) đến Hết ranh đất ông Lê Đình Bốn tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	176	123	106

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36120		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Long Hưng (cũ) - Bình Sơn (cũ) đoạn từ Trường Tiểu học Long Hưng (Điểm thôn 7) đến Hết ranh đất ông Lê Đình Bốn tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	141	99	85
36121	15	Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình	Ngã ba nhà ông Phù Vĩnh Pẩu (thửa đất số 89, tờ bản đồ số 62)	Đất tiếp giáp ranh Phường Phước Bình (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 64)	Xã Bình Tân	410	290	240
36122		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba nhà ông Phù Vĩnh Pẩu (thửa đất số 89, tờ bản đồ số 62) đến Đất tiếp giáp ranh Phường Phước Bình (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 64) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	197	138	118
36123		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba nhà ông Phù Vĩnh Pẩu (thửa đất số 89, tờ bản đồ số 62) đến Đất tiếp giáp ranh Phường Phước Bình (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 64) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	158	111	95
36124		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba nhà ông Phù Vĩnh Pẩu (thửa đất số 89, tờ bản đồ số 62) đến Đất tiếp giáp ranh Phường Phước Bình (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 64) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	126	88	76
36125		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba nhà ông Phù Vĩnh Pẩu (thửa đất số 89, tờ bản đồ số 62) đến Đất tiếp giáp ranh Phường Phước Bình (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 64) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	177	124	106
36126		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba nhà ông Phù Vĩnh Pẩu (thửa đất số 89, tờ bản đồ số 62) đến Đất tiếp giáp ranh Phường Phước Bình (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 64) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	142	99	85

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36127		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba nhà ông Phù Vĩnh Pầu (thửa đất số 89, tờ bản đồ số 62) đến Đất tiếp giáp ranh Phường Phước Bình (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 64) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	113	79	68
36128	16	Đường liên xã Bình Tân đi xã Phước Tân (cũ)	Ngã ba Bình Hiếu - Giáp Đường ĐT 741	Nhà ông Bùi Mót + 200m hướng về NT8	Xã Bình Tân	680	480	410
36129		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Bình Hiếu - Giáp Đường ĐT 741 đến Nhà ông Bùi Mót + 200m hướng về NT8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	326	228	196
36130		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Bình Hiếu - Giáp Đường ĐT 741 đến Nhà ông Bùi Mót + 200m hướng về NT8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	261	183	157
36131		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Bình Hiếu - Giáp Đường ĐT 741 đến Nhà ông Bùi Mót + 200m hướng về NT8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	209	146	125
36132		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Bình Hiếu - Giáp Đường ĐT 741 đến Nhà ông Bùi Mót + 200m hướng về NT8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	293	205	176
36133		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Bình Hiếu - Giáp Đường ĐT 741 đến Nhà ông Bùi Mót + 200m hướng về NT8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	235	165	141
36134		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Bình Hiếu - Giáp Đường ĐT 741 đến Nhà ông Bùi Mót + 200m hướng về NT8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	188	132	113

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36135	17	Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình	Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu	Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu + 200m hướng về phường Phước Bình	Xã Bình Tân	600	420	360
36136		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu đến Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu + 200m hướng về phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	288	202	173
36137		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu đến Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu + 200m hướng về phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	230	161	138
36138		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu đến Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu + 200m hướng về phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	184	129	110
36139		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu đến Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu + 200m hướng về phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	259	181	155
36140		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu đến Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu + 200m hướng về phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	207	145	124
36141		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu đến Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu + 200m hướng về phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	166	116	100
36142	18	Đường liên xã Bình Tân đi xã Bình Sơn (cũ)	Giáp ranh Phường Phước Long	Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Viết Khương (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 138)	Xã Bình Tân	600	420	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36143		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Bình Sơn (cũ) đoạn từ Giáp ranh Phường Phước Long đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Viết Khương (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	288	202	173
36144		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Bình Sơn (cũ) đoạn từ Giáp ranh Phường Phước Long đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Viết Khương (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	230	161	138
36145		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Bình Sơn (cũ) đoạn từ Giáp ranh Phường Phước Long đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Viết Khương (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	184	129	110
36146		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Bình Sơn (cũ) đoạn từ Giáp ranh Phường Phước Long đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Viết Khương (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	259	181	155
36147		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Bình Sơn (cũ) đoạn từ Giáp ranh Phường Phước Long đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Viết Khương (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	207	145	124
36148		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Bình Sơn (cũ) đoạn từ Giáp ranh Phường Phước Long đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Viết Khương (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	166	116	100
36149	19	Đường Liên xã	Ngã ba cây xăng ông Trình	Cầu Cửu Long	Xã Bình Tân	1000	710	610
36150		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cầu Cửu Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	480	336	288
36151		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cầu Cửu Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	384	269	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36152		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cầu Cửu Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	307	215	184
36153		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cầu Cửu Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	432	302	259
36154		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cầu Cửu Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	346	242	208
36155		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cầu Cửu Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	276	193	166
36156	20	Đường liên xã	Cầu Cửu Long (tính 2 bên đường)	Hết ranh bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) tiếp giáp đường ĐT 757B	Xã Bình Tân	390	270	230
36157		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Cửu Long (tính 2 bên đường) đến Hết ranh bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) tiếp giáp đường ĐT 757B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	187	131	112
36158		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Cửu Long (tính 2 bên đường) đến Hết ranh bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) tiếp giáp đường ĐT 757B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	150	105	90
36159		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Cửu Long (tính 2 bên đường) đến Hết ranh bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) tiếp giáp đường ĐT 757B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	120	84	72
36160		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Cửu Long (tính 2 bên đường) đến Hết ranh bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) tiếp giáp đường ĐT 757B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	168	118	101

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36161		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Cửu Long (tính 2 bên đường) đến Hết ranh bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) tiếp giáp đường ĐT 757B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	135	95	81
36162		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Cửu Long (tính 2 bên đường) đến Hết ranh bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) tiếp giáp đường ĐT 757B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	108	76	65
36163	21	Đường QH 12m	Đường ĐH	Cuối tuyến đường QH 12m, đến ranh đất nhà ông Nhị	Xã Bình Tân	2000	1400	1200
36164		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH 12m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 12m, đến ranh đất nhà ông Nhị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	960	672	576
36165		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH 12m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 12m, đến ranh đất nhà ông Nhị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	768	538	461
36166		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH 12m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 12m, đến ranh đất nhà ông Nhị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	614	430	368
36167		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH 12m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 12m, đến ranh đất nhà ông Nhị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	864	605	518
36168		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH 12m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 12m, đến ranh đất nhà ông Nhị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	691	484	415
36169		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH 12m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 12m, đến ranh đất nhà ông Nhị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	553	387	332

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36170	22	Đường QH 17m	Đường ĐH	Cuối tuyến đường QH 17m, đến ranh đất nhà ông Tều	Xã Bình Tân	2700	1900	1600
36171		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH 17m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 17m, đến ranh đất nhà ông Tều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	1296	907	778
36172		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH 17m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 17m, đến ranh đất nhà ông Tều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	1037	726	622
36173		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH 17m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 17m, đến ranh đất nhà ông Tều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	830	581	498
36174		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH 17m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 17m, đến ranh đất nhà ông Tều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	1166	816	700
36175		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH 17m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 17m, đến ranh đất nhà ông Tều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	933	653	560
36176		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH 17m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 17m, đến ranh đất nhà ông Tều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	747	523	448
36177	23	Đường QH 15m	Đường QH 12m	Đường QH 17m	Xã Bình Tân	2000	1400	1200
36178		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH 15m đoạn từ Đường QH 12m đến Đường QH 17m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	960	672	576
36179		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH 15m đoạn từ Đường QH 12m đến Đường QH 17m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	768	538	461

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36180		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH 15m đoạn từ Đường QH 12m đến Đường QH 17m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	614	430	368
36181		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH 15m đoạn từ Đường QH 12m đến Đường QH 17m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	864	605	518
36182		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH 15m đoạn từ Đường QH 12m đến Đường QH 17m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	691	484	415
36183		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH 15m đoạn từ Đường QH 12m đến Đường QH 17m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	553	387	332
36184	24	Đường giao thông đấu nối đường trung tâm xã	Ranh thửa đất của ông Nguyễn Văn Thập tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 125)	Hết ranh đất ông Nguyễn Như Hưng tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 107)	Xã Bình Tân	380	270	230
36185		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối đường trung tâm xã đoạn từ Ranh thửa đất của ông Nguyễn Văn Thập tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 125) đến Hết ranh đất ông Nguyễn Như Hưng tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	182	127	109
36186		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối đường trung tâm xã đoạn từ Ranh thửa đất của ông Nguyễn Văn Thập tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 125) đến Hết ranh đất ông Nguyễn Như Hưng tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	146	102	88
36187		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối đường trung tâm xã đoạn từ Ranh thửa đất của ông Nguyễn Văn Thập tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 125) đến Hết ranh đất ông Nguyễn Như Hưng tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	117	82	70

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36188		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối đường trung tâm xã đoạn từ Ranh thửa đất của ông Nguyễn Văn Thập tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 125) đến Hết ranh đất ông Nguyễn Như Hưng tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Bình Tân	164	115	98
36189		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối đường trung tâm xã đoạn từ Ranh thửa đất của ông Nguyễn Văn Thập tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 125) đến Hết ranh đất ông Nguyễn Như Hưng tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Bình Tân	131	92	79
36190		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối đường trung tâm xã đoạn từ Ranh thửa đất của ông Nguyễn Văn Thập tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 125) đến Hết ranh đất ông Nguyễn Như Hưng tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Bình Tân	105	74	63
36191	25	Đường quanh chợ	Ngã ba cây xăng ông Trình	Cuối tuyến đường quanh chợ, hết ranh đất nhà ông Nguyễn Đức Thọ	Xã Bình Tân	1000	710	610
36192		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh chợ đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cuối tuyến đường quanh chợ, hết ranh đất nhà ông Nguyễn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Bình Tân	480	336	288
36193		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh chợ đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cuối tuyến đường quanh chợ, hết ranh đất nhà ông Nguyễn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Bình Tân	384	269	230
36194		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh chợ đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cuối tuyến đường quanh chợ, hết ranh đất nhà ông Nguyễn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Bình Tân	307	215	184
36195		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh chợ đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cuối tuyến đường quanh chợ, hết ranh đất nhà ông Nguyễn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Bình Tân	432	302	259

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36196		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh chợ đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cuối tuyến đường quanh chợ, hết ranh đất nhà ông Nguyễn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	346	242	208
36197		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh chợ đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cuối tuyến đường quanh chợ, hết ranh đất nhà ông Nguyễn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	276	193	166
36198	26	Đường quanh chợ	Đầu ranh đất Cây xăng Thành Long	Ngã ba vào Nhà văn hóa Thôn Bình Tân 2	Xã Bình Tân	1100	770	660
36199		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh chợ đoạn từ Đầu ranh đất Cây xăng Thành Long đến Ngã ba vào Nhà văn hóa Thôn Bình Tân 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	528	370	317
36200		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh chợ đoạn từ Đầu ranh đất Cây xăng Thành Long đến Ngã ba vào Nhà văn hóa Thôn Bình Tân 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	422	295	253
36201		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh chợ đoạn từ Đầu ranh đất Cây xăng Thành Long đến Ngã ba vào Nhà văn hóa Thôn Bình Tân 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	338	237	203
36202		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh chợ đoạn từ Đầu ranh đất Cây xăng Thành Long đến Ngã ba vào Nhà văn hóa Thôn Bình Tân 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	475	333	285
36203		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh chợ đoạn từ Đầu ranh đất Cây xăng Thành Long đến Ngã ba vào Nhà văn hóa Thôn Bình Tân 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	380	266	228
36204		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh chợ đoạn từ Đầu ranh đất Cây xăng Thành Long đến Ngã ba vào Nhà văn hóa Thôn Bình Tân 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	304	213	182
36205	27	Trung tâm Long Bình (cũ)	Ngã ba nhà ông Trần Đức Long	Hết ranh ông Nguyễn Ngọc Mai	Xã Bình Tân	1000	710	610

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36206		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Long Bình (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Đức Long đến Hết ranh ông Nguyễn Ngọc Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	480	336	288
36207		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Long Bình (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Đức Long đến Hết ranh ông Nguyễn Ngọc Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	384	269	230
36208		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Long Bình (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Đức Long đến Hết ranh ông Nguyễn Ngọc Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	307	215	184
36209		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Long Bình (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Đức Long đến Hết ranh ông Nguyễn Ngọc Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	432	302	259
36210		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Long Bình (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Đức Long đến Hết ranh ông Nguyễn Ngọc Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	346	242	208
36211		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Long Bình (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Đức Long đến Hết ranh ông Nguyễn Ngọc Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	276	193	166
36212	28	Tuyến đường số 1 Khu dân cư Bình Tân	Đường ĐT 741	Giáp ranh cao su Nông trường Phước Bình	Xã Bình Tân	4100	2900	2400
36213		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường số 1 Khu dân cư Bình Tân đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh cao su Nông trường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	1968	1378	1181
36214		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường số 1 Khu dân cư Bình Tân đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh cao su Nông trường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	1574	1102	944

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36215		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường số 1 Khu dân cư Bình Tân đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh cao su Nông trường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	1259	881	755
36216		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường số 1 Khu dân cư Bình Tân đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh cao su Nông trường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	1771	1240	1063
36217		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường số 1 Khu dân cư Bình Tân đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh cao su Nông trường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	1417	992	850
36218		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường số 1 Khu dân cư Bình Tân đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh cao su Nông trường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	1133	793	680
36219	29	Đường từ Trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân	Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ)	Giáp ranh xã Phú Trung	Xã Bình Tân	430	300	260
36220		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	206	144	124
36221		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	165	116	99
36222		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	132	92	79

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36223		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	185	130	111
36224		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	149	104	89
36225		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	119	83	71
36226	30	Đường từ đường ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ)	Giáp ranh phường Phước Bình	Xã Bình Tân	460	320	280
36227		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	221	155	133
36228		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	177	124	106
36229		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	142	99	85
36230		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	199	139	119

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36231		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	159	111	95
36232		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	128	90	77
36233	31	Đường từ đường ĐT 741 (gần Công ty Cao su Phước Long, xã Bình Tân) đến đường ĐT 759	Đường ĐT 741	Giáp ranh phường Phước Bình	Xã Bình Tân	460	320	280
36234		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường ĐT 741 (gần Công ty Cao su Phước Long, xã Bình Tân) đến đường ĐT 759 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	221	155	133
36235		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường ĐT 741 (gần Công ty Cao su Phước Long, xã Bình Tân) đến đường ĐT 759 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	177	124	106
36236		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường ĐT 741 (gần Công ty Cao su Phước Long, xã Bình Tân) đến đường ĐT 759 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	142	99	85
36237		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường ĐT 741 (gần Công ty Cao su Phước Long, xã Bình Tân) đến đường ĐT 759 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	199	139	119
36238		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường ĐT 741 (gần Công ty Cao su Phước Long, xã Bình Tân) đến đường ĐT 759 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	159	111	95

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36239		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường ĐT 741 (gần Công ty Cao su Phước Long, xã Bình Tân) đến đường ĐT 759 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	128	90	77
36240	32	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200m	Toàn tuyến		Xã Bình Tân	680	480	410
36241		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	326	228	196
36242		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	261	183	157
36243		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	209	146	125
36244		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	293	205	176
36245		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	235	165	141
36246		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	188	132	113
36247	33	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757B phạm vi 200m	Toàn tuyến		Xã Bình Tân	380	270	230
36248		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757B phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	182	127	109

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36249		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757B phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	146	102	88
36250		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757B phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	117	82	70
36251		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757B phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	164	115	98
36252		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757B phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	131	92	79
36253		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757B phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	105	74	63
36254	34	Đường dọc sông bé	Giáp ranh xã Long Hà	Hết ranh thửa 10 tờ 141	Xã Bình Tân	360	250	210
36255		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc sông bé đoạn từ Giáp ranh xã Long Hà đến Hết ranh thửa 10 tờ 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	173	121	104
36256		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc sông bé đoạn từ Giáp ranh xã Long Hà đến Hết ranh thửa 10 tờ 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	138	97	83
36257		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc sông bé đoạn từ Giáp ranh xã Long Hà đến Hết ranh thửa 10 tờ 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	110	77	66

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36258		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc sông bé đoạn từ Giáp ranh xã Long Hà đến Hết ranh thửa 10 tờ 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	156	109	94
36259		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc sông bé đoạn từ Giáp ranh xã Long Hà đến Hết ranh thửa 10 tờ 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	124	87	74
36260		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc sông bé đoạn từ Giáp ranh xã Long Hà đến Hết ranh thửa 10 tờ 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	99	69	59
36261	35	Đường Long Bình – Bình Thắng	Thửa đất số 410 tờ bản đồ số 67	Hết thửa đất số 6 tờ bản đồ số 63	Xã Bình Tân	380	270	230
36262		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Bình – Bình Thắng đoạn từ Thửa đất số 410 tờ bản đồ số 67 đến Hết thửa đất số 6 tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	182	127	109
36263		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Bình – Bình Thắng đoạn từ Thửa đất số 410 tờ bản đồ số 67 đến Hết thửa đất số 6 tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	146	102	88
36264		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Bình – Bình Thắng đoạn từ Thửa đất số 410 tờ bản đồ số 67 đến Hết thửa đất số 6 tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	117	82	70
36265		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Bình – Bình Thắng đoạn từ Thửa đất số 410 tờ bản đồ số 67 đến Hết thửa đất số 6 tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	164	115	98
36266		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Bình – Bình Thắng đoạn từ Thửa đất số 410 tờ bản đồ số 67 đến Hết thửa đất số 6 tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	131	92	79

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên Phường, xã	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt đông khoáng sản
			Điểm đầu	Điểm cuối				
36267		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Bình – Bình Thắng đoạn từ Thửa đất số 410 tờ bản đồ số 67 đến Hết thửa đất số 6 tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	105	74	63
36268	36	Đường ĐT.757C (tuyến cũ)	Đường ĐT. 757B	Giáp sông Bé (hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 70 xã Bình Tân)	Xã Bình Tân	360	250	210
36269		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT.757C (tuyến cũ) đoạn từ Đường ĐT. 757B đến Giáp sông Bé (hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 70 xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	173	121	104
36270		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT.757C (tuyến cũ) đoạn từ Đường ĐT. 757B đến Giáp sông Bé (hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 70 xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	138	97	83
36271		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT.757C (tuyến cũ) đoạn từ Đường ĐT. 757B đến Giáp sông Bé (hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 70 xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	110	77	66
36272		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT.757C (tuyến cũ) đoạn từ Đường ĐT. 757B đến Giáp sông Bé (hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 70 xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	156	109	94
36273		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT.757C (tuyến cũ) đoạn từ Đường ĐT. 757B đến Giáp sông Bé (hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 70 xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	124	87	74
36274		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT.757C (tuyến cũ) đoạn từ Đường ĐT. 757B đến Giáp sông Bé (hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 70 xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	99	69	59